

CÁC BÀI GIẢNG LÝ *CỦA ĐỨC CỐ* *GIÁO HOÀNG* PHANXICÔ



Vũ Văn An
Thu thập và Chuyển ngữ

Giới thiệu

Chúng tôi bắt đầu thu thập các bài giáo lý hàng tuần của Đức Cố Giáo Hoàng Phanxicô từ biến cố Covid-19, lúc ngài đơn độc trên quảng trường Thánh Phêrô tha thiết cầu xin Chúa cho một nhân loại hoang loạn trước một tương lai đen tối mù mịt. Chính trong viễn ảnh mù mịt tối tăm đó, các bài giáo lý đầy hy vọng của ngài đã vang lên và tiếp tục vang lên mỗi tuần sau đó.

Ngài đề cập đến nhiều chủ đề với một cách trình bày sâu sắc và không thiếu dí dỏm, bám sát các thực tại thường ngày của con người thời đại. Các chủ đề đó được chúng tôi chia thành mười tiết mục:

1. Chữa lành thế giới (9 chương)
2. Cầu nguyện (42 chương)
3. Thư gửi tín hữu Ga-lát (18 chương)
4. Thánh Giuse (13 chương)
5. Tuổi già (21 chương)
6. Biện phân (17 chương)
7. Niềm đam mê rao giảng Tin Mừng (37 chương)
8. Thói hư và Nhân đức (21 chương)
9. Chúa Thánh Thần và Hiền thể (20 chương)
10. Năm Thánh (16 chương)

Xem như trên, ta thấy Đức Cố Giáo Hoàng đặt nặng hai loại chủ đề Cầu nguyện và Niềm đam mê rao giảng Tin Mừng với dụ ngôn kết thúc là đường trở lại Nhà Cha (Người con thứ hoang đàng) đầy lòng xót thương vốn là chủ đề xuyên suốt triều đại giáo hoàng của ngài. Đó cũng là bài giáo lý cuối cùng, được ngài truyền dạy vào ngày 16 tháng Tư năm 2025, chỉ 5 ngày trước khi ngài trở về Nhà Cha. Xin cầu cho ngài như lời ngài vẫn thường nài xin chúng ta.

Tiết Mộ: Chữa Lành Thế Giới

Chương Mộ: Dẫn nhập (ngày 5 tháng 8 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Đại dịch tiếp tục gây ra những vết thương sâu xa, phơi bày sự yếu đuối của chúng ta. Trên mọi châu lục, có rất nhiều người đã chết, nhiều người đang bị bệnh. Nhiều người và nhiều gia đình đang sống trong thời kỳ bất ổn vì các vấn đề kinh tế xã hội, đặc biệt ảnh hưởng đến những người nghèo nhất.

Vì vậy, chúng ta phải luôn hướng mắt về Chúa Giêsu (xem Dt 12:2): giữa đại dịch này, chúng ta hãy hướng mắt về Chúa Giêsu; và với đức tin này, hãy ôm lấy niềm hy vọng về Vương quốc Thiên Chúa mà chính Chúa Giêsu mang đến cho chúng ta (xem Mc 1:5; Mt 4:17; SGLCGHCG 2816). Một Vương quốc chữa lành và cứu độ đã hiện diện giữa chúng ta (xem Lc 10:11). Một Vương quốc công lý và hòa bình được biểu lộ qua các công việc bác ái, đến lượt chúng lại gia tăng hy vọng và củng cố đức tin (xem 1 Cr 13:13). Trong truyền thống Kitô giáo, đức tin, đức cậy và đức mến không chỉ là cảm xúc hay thái độ. Chúng là những nhân đức được truyền vào chúng ta thông qua ân sủng của Chúa Thánh Thần (xem SGLCGHCG, 1812, 1813): những hồng phúc chữa lành chúng ta và biến chúng ta thành người chữa lành, những hồng phúc mở ra cho chúng ta những chân trời mới, ngay cả khi chúng ta đang lều lái trong vùng nước khó khăn của thời đại mình.

Việc tiếp xúc đổi mới với Tin mừng đức tin, đức cậy và đức mến mời gọi chúng ta đảm nhận một tinh thần sáng tạo và đổi mới. Theo cách này, chúng ta sẽ có thể biến đổi gốc rễ của những tật nguyên về thể chất, tinh thần và xã hội của mình và những tập tục phá hoại khiến chúng ta xa cách nhau, đe dọa gia đình nhân loại và hành tinh của chúng ta.

Sứ vụ của Chúa Giêsu đưa ra nhiều ví dụ về sự chữa lành: khi Người chữa lành những người bị sót (xem Mc 1:29-34), bị bệnh phong (xem Mc 1:40-45), bị bại liệt (xem Mc 2:1-12); khi Người phục hồi thị lực (xem Mc 8:22-26; Ga 9:1-7), lời nói hoặc thính giác (xem Mc 7:31-37). Trên thực tế, Người không chỉ chữa lành bệnh tật về thể xác – đúng là bệnh tật về thể xác – mà Người còn chữa lành toàn bộ con người. Theo cách đó, Người cũng phục hồi con người trở lại cộng đồng, được chữa lành; Người giải thoát con người khỏi sự cô lập vì Người đã chữa lành cho họ.

Chúng ta hãy nghĩ đến câu chuyện đẹp về việc chữa lành người bại liệt ở Capernaum (xem Mc 2:1-12) mà chúng ta đã nghe ở đầu buổi tiếp kiến. Trong khi Chúa Giêsu đang rao giảng ở lối vào nhà, bốn người đàn ông khiêng người bạn bại liệt của họ đến với Chúa Giêsu. Không thể vào nhà vì có quá nhiều người ở đó, họ đã khoét một lỗ trên mái nhà và thả cáng xuống trước mặt Người. Chúa Giêsu đang rao giảng thì nhìn thấy cáng này đang hạ xuống trước mặt Người. “Khi Đức Giêsu thấy đức tin của họ, Người nói với người bại liệt: ‘Này con, tội con đã được tha rồi!’” (câu 5). Và rồi, như một dấu hiệu hữu hình, Người nói thêm: “Hãy đứng dậy, vác chõng của con và đi về nhà” (câu 11).

Thật là một ví dụ tuyệt vời về sự chữa lành! Hành động của Chúa Kitô là phản ứng trực tiếp với đức tin của những người đó, với niềm hy vọng mà họ đặt vào Người, với tình yêu mà họ dành cho nhau. Và vì vậy, Chúa Giêsu chữa lành, nhưng Người không chỉ chữa lành chứng bại liệt. Chúa Giêsu chữa lành mọi người, Người tha thứ tội lỗi, Người đổi mới cuộc sống của người bại liệt và người bạn của anh ta. Người khiến anh ta được tái sinh, chúng ta hãy nói theo cách đó. Đó là sự chữa lành về thể chất và tinh thần, tất cả cùng nhau, là kết quả của sự tiếp xúc bản thân và xã hội. Chúng ta hãy tưởng tượng tình bạn này và đức tin của tất cả những người có mặt trong ngôi nhà đó sẽ phát triển như thế nào nhờ hành động của Chúa Giêsu, cuộc gặp gỡ chữa lành đó với Chúa Giêsu!

Và vì vậy, chúng ta có thể tự hỏi: ngày nay, chúng ta có thể giúp chữa lành thế giới của mình ách nào? Là môn đệ của Chúa Giêsu, Đấng là bác sĩ của linh hồn và thể xác chúng ta, chúng ta được kêu gọi

tiếp tục “công việc của Người, công việc chữa lành và cứu rỗi” (SGLCGHCG, 1421) theo nghĩa thể chất, xã hội và tinh thần.

Mặc dù Giáo hội ban ơn chữa lành của Chúa Kitô qua các Bí tích, và mặc dù Giáo hội cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở những nơi xa xôi nhất trên hành tinh, nhưng Giáo hội không phải là chuyên gia trong việc phòng ngừa hoặc chữa trị đại dịch. Giáo hội giúp đỡ người bệnh, nhưng Giáo hội không phải là chuyên gia. Giáo hội cũng không đưa ra những chỉ dẫn cụ thể về mặt xã hội - chính trị (xem Thánh Phaolô VI, Tông thư Octogesima adveniens, ngày 14 tháng 5 năm 1971, số 4). Đây là công việc của các nhà lãnh đạo chính trị và xã hội. Tuy nhiên, qua nhiều thế kỷ và dưới ánh sáng của Tin mừng, Giáo hội đã khai triển một số nguyên tắc xã hội vốn có tính nền tảng (xem Bản tóm tắt Học thuyết xã hội của Giáo hội, 160-208), những nguyên tắc có thể giúp chúng ta tiến lên trong việc chuẩn bị cho tương lai mà chúng ta cần. Tôi xin trích dẫn những nguyên tắc chính có liên quan chặt chẽ với nhau: nguyên tắc về phẩm giá con người, nguyên tắc về công ích, nguyên tắc về ưu tiên chọn người nghèo, nguyên tắc về đích phân phối phổ quát của cải, nguyên tắc liên đới, nguyên tắc phụ đới, nguyên tắc về sự chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Những nguyên tắc này giúp các nhà lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm về xã hội, thúc đẩy sự tăng trưởng và cũng như trong trường hợp đại dịch, chữa lành cấu trúc bản thân và xã hội. Tất cả những nguyên tắc này phát biểu các nhân đức tin, đức cậy và đức mến theo những cách khác nhau.

Trong vài tuần tới, tôi mời anh chị em cùng nhau giải quyết những câu hỏi cấp bách mà đại dịch đã đưa ra, trên hết là các tệ nạn xã hội. Và chúng ta sẽ làm điều đó dưới ánh sáng của Tin mừng, của các nhân đức đối thần và các nguyên tắc của học thuyết xã hội của Giáo hội. Chúng ta sẽ cùng nhau khám phá cách truyền thống xã hội Công giáo của chúng ta có thể giúp gia đình nhân loại chữa lành thế giới đang phải chịu đựng những căn bệnh nghiêm trọng này. Tôi mong muốn mọi người cùng nhau suy gẫm và làm việc, với tư cách là những người theo Chúa Giêsu, Đấng chữa lành, để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, tràn đầy hy vọng cho các thế hệ tương lai (xem Tông huấn Evangelii gaudium, ngày 24 tháng 11 năm 2013, số 183). Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai: Đức tin và phẩm giá con người (ngày 12 tháng 8 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Đại dịch đã làm nổi bật sự dễ bị tổn thương và sự kết nối của mọi người. Nếu chúng ta không chăm sóc lẫn nhau, bắt đầu từ những người thấp kém nhất, với những người bị ảnh hưởng nhiều nhất, bao gồm cả tạo vật, chúng ta không thể chữa lành thế giới.

Thật đáng khen ngợi nỗ lực của rất nhiều người đã đưa ra bằng chứng về tình yêu thương của con người và của Kitô giáo đối với người lân cận, cống hiến bản thân cho người bệnh ngay cả khi phải mạo hiểm với sức khỏe của chính họ. Họ là những anh hùng! Tuy nhiên, vi-rút corona không phải là căn bệnh duy nhất cần chống lại, mà đúng hơn, đại dịch đã làm sáng tỏ những tệ nạn xã hội rộng lớn hơn. Một trong số đó là quan điểm sai lệch về con người, một quan điểm phớt lờ phẩm giá và bản chất quan hệ của con người. Đôi khi chúng ta coi người khác như những đồ vật, để sử dụng và vứt bỏ. Trên thực tế, kiểu quan điểm này làm mù quáng và nuôi dưỡng một nền văn hóa vứt bỏ mang tính cá nhân và hung hăng, biến con người thành một món hàng tiêu dùng (xem Tông huấn Evangelii Gaudium, 53; Thông điệp Laudato Si', [LS], 22).

Thay vào đó, dưới ánh sáng của đức tin, chúng ta biết rằng Thiên Chúa nhìn một người đàn ông và một người đàn bà cách khác. Người tạo ra chúng ta không phải như những đồ vật mà là những con người được yêu thương và có khả năng yêu thương; Người đã tạo ra chúng ta theo hình ảnh và họa ảnh Người (xem St 1:27). Theo cách này, Người đã ban cho chúng ta

một phẩm giá độc nhất, kêu gọi chúng ta sống trong sự hiệp thông với Người, trong sự hiệp thông với các chị em và anh em của chúng ta, với sự tôn trọng đối với mọi tạo vật. Trong sự hiệp thông, trong sự hòa hợp, chúng ta có thể nói như vậy. Sáng thế là sự hòa hợp mà chúng ta được kêu gọi để sống trong đó. Và trong sự hiệp thông này, trong sự hòa hợp này vốn là sự hiệp thông, Thiên Chúa ban cho chúng ta khả năng sinh sản và bảo vệ sự sống (xem St 1:28-29), để canh tác và giữ gìn đất đai (xem St 2:15; LS, 67). Rõ ràng là người ta không thể sinh sản và bảo vệ sự sống nếu không có sự hòa hợp; nó sẽ bị hủy diệt.

Chúng ta có một ví dụ về quan điểm cá nhân chủ nghĩa đó, điều không phải là sự hòa hợp, trong các sách Tin mừng, trong lời yêu cầu mà mẹ của các môn đệ Giacôbê và Gioan đã ngỏ cùng Chúa Giêsu (x. Mt 20:20-38). Bà muốn các con trai của mình ngồi bên phải và bên trái của vị vua mới. Nhưng Chúa Giêsu đề xuất một loại tầm nhìn khác: đó là tầm nhìn phục vụ và hy sinh mạng sống mình cho người khác, và Người xác nhận điều đó bằng cách ngay lập tức phục hồi thị lực cho hai người mù và biến họ thành môn đệ của Người (xem Mt 20:29-34). Tìm cách leo lên trong cuộc sống, để vượt trội hơn người khác, phá hủy sự hòa hợp. Đó là luận lý học của sự thống trị, của việc thống trị người khác. Sự hòa hợp là một điều gì khác: nó là sự phục vụ.

Vì vậy, chúng ta hãy cầu xin Chúa ban cho chúng ta đôi mắt chú ý đến anh chị em mình, đặc biệt là những người đang đau khổ. Là môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta không muốn thờ ơ hoặc cá nhân chủ nghĩa. Đây là hai thái độ khó chịu trái ngược với sự hòa hợp. Thờ ơ: Tôi nhìn theo hướng khác. Cá nhân chủ nghĩa: chỉ tìm kiếm lợi ích của riêng mình. Sự hòa hợp do Thiên Chúa tạo ra yêu cầu chúng ta phải nhìn vào người khác, nhu cầu của người khác, vấn đề của người khác, trong sự hiệp thông. Chúng ta muốn nhìn nhận phẩm giá con người trong mỗi con người, bất kể chủng tộc, ngôn ngữ hoặc điều kiện của họ có thể là gì. Sự hòa hợp dẫn bạn đến việc nhìn nhận phẩm giá con người, sự hòa hợp do Chúa tạo ra, với nhân tính ở trung tâm.

Công đồng Vatican II nhấn mạnh rằng phẩm giá này là bất khả xâm phạm, vì nó “được tạo dựng ‘theo hình ảnh của Thiên Chúa’” (Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 12). Nó nằm ở nền tảng của mọi đời sống xã hội và xác định các nguyên tắc hoạt động của nó. Trong nền văn hóa hiện đại, tham chiếu gần nhất với nguyên tắc phẩm giá bất khả xâm phạm của con người là Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được Thánh Gioan Phaolô II định nghĩa là “một cột mốc trên con đường dài và khó khăn của loài người”, [1] và là “một trong những biểu thức cao nhất của lương tâm con người”. [2] Các quyền không chỉ mang tính cá nhân mà còn mang tính xã hội; chúng thuộc về các dân tộc, các quốc gia. [3] Con người, thực sự, trong phẩm giá cá nhân của mình, là một hữu thể xã hội, được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, Một và Ba Ngôi. Chúng ta là những hữu thể xã hội; chúng ta cần sống trong sự hòa hợp xã hội này, nhưng khi có sự ích kỷ, quan điểm của chúng ta không hướng đến người khác, cộng đồng, mà chỉ tập trung vào bản thân mình, và điều này khiến chúng ta trở nên xấu xí, khó chịu và ích kỷ, phá hủy sự hòa hợp.

Ý thức mới này về phẩm giá của mỗi con người có những hàm ý nghiêm trọng về mặt xã hội, kinh tế và chính trị. Việc nhìn vào anh chị em của chúng ta và toàn bộ tạo vật như một hồng ân nhận được từ tình yêu của Chúa Cha sẽ truyền cảm hứng cho hành vi chu đáo, sự quan tâm và sự ngạc nhiên. Theo cách này, người tin, khi chiêm ngưỡng người lân cận của mình như anh chị em, chứ không phải là người xa lạ, sẽ nhìn họ một cách cảm thương và tương cảm, không khinh thường hay thù địch. Khi chiêm ngưỡng thế giới dưới ánh sáng của đức tin, với sự trợ giúp của ân sủng, chúng ta cố gắng phát triển sự sáng tạo và nhiệt huyết của mình để giải quyết những thử thách trong quá khứ. Chúng ta hiểu và phát triển khả năng của mình như

những trách nhiệm phát sinh từ đức tin này,[4] như những hồng ân từ Thiên Chúa để phục vụ nhân loại và tạo vật.

Trong khi tất cả chúng ta đều nỗ lực để chữa khỏi một loại vi-rút tấn công mọi người mà không phân biệt đối xử, đức tin khuyên chúng ta hãy cam kết nghiêm túc và tích cực đấu tranh chống lại sự thờ ơ trước những vi phạm nhân phẩm. Nền văn hóa thờ ơ này đi kèm với nền văn hóa vứt bỏ: những thứ không ảnh hưởng đến tôi, thì tôi không quan tâm. Đức tin luôn đòi hỏi chúng ta phải để bản thân được chữa lành và hoán cải khỏi chủ nghĩa cá nhân, dù là cá nhân hay tập thể; ví dụ như chủ nghĩa cá nhân đảng phái.

Xin Chúa “phục hồi thị lực cho chúng ta” để chúng ta có thể khám phá lại ý nghĩa của việc trở thành thành viên của gia đình nhân loại. Và xin cho thị lực này được chuyển thành những hành động cụ thể của lòng cảm thương và sự tôn trọng đối với mọi người, cũng như sự chăm sóc và bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta.

[1] Diễn văn trước Đại hội đồng Liên hợp quốc (ngày 2 tháng 10 năm 1979).

[2] Diễn văn trước Đại hội đồng Liên hợp quốc (ngày 5 tháng 10 năm 1995).

[3] So sánh với Compendium of the Social Doctrine of the Church, 157.

[4] Ibid.

Chương Ba: Ưu tiên chọn người nghèo và đức bác ái (ngày 19 tháng 8 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một ngày tốt lành!

Đại dịch đã phơi bày hoàn cảnh khốn khổ của người nghèo và sự bất bình đẳng to lớn đang ngự trị trên thế giới. Và virus, mặc dù không phân biệt giữa mọi người, đã tìm thấy, trên con đường tàn phá của nó, sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử to lớn. Và nó đã làm trầm trọng thêm những điều đó!

Do đó, phản ứng đối với đại dịch là phản ứng kép. Một mặt, điều cần thiết là phải tìm ra cách chữa trị loại virus nhỏ nhưng khủng khiếp này, loại virus đã khiến cả thế giới phải khuất phục. Mặt khác, chúng ta cũng phải chữa trị một loại virus lớn hơn, đó là bất công xã hội, bất bình đẳng về cơ hội, sự thiệt thòi và việc thiếu sự bảo vệ cho những người yếu thế nhất. Trong phản ứng chữa lành kép này, có một sự lựa chọn mà theo Tin mừng, không thể thiếu: ưu tiên chọn người nghèo (xem Tông huấn *Evangelii gaudium* [EG], 195). Và đây không phải là một lựa chọn chính trị; cũng không phải là một lựa chọn ý thức hệ, một lựa chọn đảng phái... không. Ưu tiên chọn người nghèo nằm ở trung tâm của Tin mừng. Và người đầu tiên làm điều này là Chúa Giêsu; chúng ta đã nghe điều này trong bài đọc từ Thư gửi tín hữu Cô-rin-tô được đọc ở phần đầu. Vì Người giàu có, Người đã trở nên nghèo khó để làm cho chúng ta nên giàu có. Người đã trở nên một trong số chúng ta và vì lý do này, ở trung tâm của Tin mừng, có sự lựa chọn này, ở trung tâm lời công bố của Chúa Giêsu.

Chính Chúa Kitô, là Thiên Chúa, đã tự tước đoạt chính mình, trở nên giống loài người; và Người đã không chọn một cuộc sống đặc quyền, nhưng Người đã chọn thân phận của một người tôi tớ (x. Phil 2:6-7). Người đã tự hủy diệt mình bằng cách trở thành một người tôi tớ. Người sinh ra trong một gia đình khiêm nhường và làm nghề thủ công. Vào đầu lời rao giảng của mình, Người đã công bố rằng trong Vương quốc của Thiên Chúa, những người nghèo được ban phúc (x. Mt 5:3; Lc 6:20; EG, 197). Người đứng giữa những người bệnh tật,

những người nghèo, những người bị loại trừ, cho họ thấy tình yêu thương xót của Thiên Chúa (x. Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2444). Và nhiều lần Người bị xét đoán là một người ô uế vì Người đã đến với những người bệnh tật, những người phong hủi... và điều này khiến mọi người trở nên ô uế, theo luật của thời đại. Và Người đã mạo hiểm để gần gũi với người nghèo.

Do đó, những người theo Chúa Giêsu nhận ra chính mình qua sự gần gũi của họ với người nghèo, những người bé nhỏ, người bệnh và người bị giam cầm, người bị loại trừ và bị lãng quên, những người không có thức ăn và quần áo (x. Mt 25:31-36; SGLCGHCG, 2443). Chúng ta có thể đọc giao thức nổi tiếng qua đó tất cả chúng ta sẽ bị phán xét, tất cả chúng ta sẽ bị phán xét. Đó là Tin mừng Mát-thêu, chương 25. Đây là tiêu chuẩn chủ yếu của tính chân chính Kitô giáo (x. Gl 2:10; EG, 195). Một số người lầm tưởng rằng tình yêu ưu tiên dành cho người nghèo này là nhiệm vụ của một số ít người, nhưng thực tế đó là sứ mệnh của toàn thể Giáo hội, như Thánh Gioan Phaolô II đã nói. (x. Thánh Gioan Phaolô II, *Sollicitudo rei socialis*, 42). “Mỗi Kitô hữu và mỗi cộng đồng được kêu gọi trở thành khí cụ của Thiên Chúa để giải phóng và thăng tiến xã hội nghèo” (EG, 187).

Đức tin, đức cậy và đức mến nhất thiết thúc đẩy chúng ta hướng tới sự ưu tiên này đối với những người đang cần nhất, [1] điều này vượt xa sự hỗ trợ cần thiết (xem EG, 198). Thật vậy, điều này bao hàm việc cùng nhau bước đi, để cho mình được họ truyền giảng tin mừng, những người biết đau khổ của Chúa Kitô, để cho chúng ta được “lấy nhiễm” bởi kinh nghiệm cứu rỗi của họ, bởi sự khôn ngoan và sự sáng tạo của họ (xem ibid). Chia sẻ với người nghèo có nghĩa là làm giàu cho nhau. Và, nếu có những cấu trúc xã hội không lành mạnh ngăn cản họ mơ về tương lai, chúng ta phải cùng nhau chữa lành chúng, để thay đổi chúng (xem ibid, 195). Và chúng ta được dẫn đến điều này bởi tình yêu của Chúa Kitô, Đấng đã yêu chúng ta đến cùng (xem Ga 13: 1), và đạt đến ranh giới, biên giới, biên giới hiện sinh. Đưa vùng ngoại vi vào trung tâm có nghĩa là tập trung cuộc sống của chúng ta vào Chúa Kitô, Đấng “đã trở nên nghèo khó” vì chúng ta, để làm giàu cho chúng ta “bằng sự nghèo khó của Người” (2 Cr 8: 9),[2] như chúng ta đã nghe.

Tất cả chúng ta đều lo lắng về hậu quả xã hội của đại dịch. Tất cả chúng ta. Nhiều người muốn trở lại bình thường và tiếp tục các hoạt động kinh tế. Chắc chắn rồi, nhưng “bình thường” này không được bao gồm bất công xã hội và sự xuống cấp của môi trường. Đại dịch là một cuộc khủng hoảng, và chúng ta không thoát khỏi cuộc khủng hoảng giống như trước: hoặc chúng ta thoát khỏi nó tốt hơn, hoặc chúng ta thoát khỏi nó tệ hơn. Chúng ta phải thoát khỏi nó tốt hơn, để chống lại bất công xã hội và thiệt hại về môi trường. Ngày nay, chúng ta có cơ hội để xây dựng một điều gì đó khác biệt. Ví dụ, chúng ta có thể nuôi dưỡng một nền kinh tế phát triển toàn diện cho người nghèo, chứ không chỉ cung cấp hỗ trợ. Qua đây, tôi không muốn lên án sự viện trợ: viện trợ là quan trọng. Tôi đang nghĩ đến khu vực tự nguyện, một trong những cơ cấu tốt nhất của Giáo hội Ý. Đúng, viện trợ làm được điều này, nhưng chúng ta phải vượt ra ngoài điều này, để giải quyết các vấn đề khiến chúng ta phải cung cấp viện trợ. Một nền kinh tế không dùng đến các biện pháp khắc phục mà trên thực tế lại đầu độc xã hội, chẳng hạn như lợi nhuận không liên quan đến việc tạo ra các công việc có phẩm giá (xem EG, 204). Loại lợi nhuận này tách biệt khỏi nền kinh tế thực, nền kinh tế lẽ ra phải mang lại lợi ích cho người dân thường (xem Thông điệp *Laudato si'* [LS], 109), và ngoài ra đôi khi còn thờ ơ với thiệt hại gây ra cho ngôi nhà chung của chúng ta. Ưu tiên chọn người nghèo, nhu cầu đạo đức-xã hội này xuất phát từ tình yêu của Thiên Chúa (x. LS, 158), truyền cảm hứng cho chúng ta hình thành và thiết kế một nền kinh tế mà con người, đặc biệt là những người nghèo nhất, là trung tâm. Và nó cũng khuyến khích chúng ta lập kế hoạch điều trị vi-rút bằng cách ưu tiên những người cần nhất. Thật đáng buồn nếu đối với vắc-xin phòng

ngừa Covid-19, ưu tiên được dành cho những người giàu nhất! Thật đáng buồn nếu loại vắc-xin này trở thành tài sản của quốc gia này hay quốc gia khác, thay vì phổ biến và dành cho tất cả mọi người. Và thật là một tai tiếng nếu tất cả các khoản hỗ trợ kinh tế mà chúng ta đang quan sát - phần lớn là bằng tiền công quỹ - lại tập trung vào việc giải cứu những ngành công nghiệp không đóng góp vào việc hòa nhập những người bị loại trừ, không thúc đẩy những người thấp kém nhất, không vì lợi ích chung hoặc không chăm sóc tạo vật (ibid.). Có những tiêu chuẩn để lựa chọn những ngành công nghiệp nào cần được giúp đỡ: những ngành đóng góp vào việc hòa nhập những người bị loại trừ, cổ vũ những người thấp kém nhất, vì lợi ích chung và chăm sóc tạo vật. Bốn tiêu chuẩn.

Nếu virus lại bùng phát trong một thế giới bất công với người nghèo và người dễ bị tổn thương, thì chúng ta phải thay đổi thế giới này. Theo gương Chúa Giêsu, vị bác sĩ của tình yêu thiêng liêng toàn diện, tức là của sự chữa lành về thể xác, xã hội và tinh thần (x. Ga 5:6-9) - giống như sự chữa lành mà Chúa Giêsu đã thực hiện - chúng ta phải hành động ngay bây giờ, để chữa lành các dịch bệnh do những loại virus nhỏ, vô hình gây ra và chữa lành những dịch bệnh do những bất công xã hội lớn và hữu hình gây ra. Tôi đề xuất rằng điều này phải được thực hiện bằng cách bắt đầu từ tình yêu của Chúa, đặt vùng ngoại vi vào trung tâm và đặt những người cuối cùng lên hàng đầu. Đừng quên giao thức mà căn cứ vào đó chúng ta sẽ bị phán xét, Mát-thêu, chương 25. Chúng ta hãy đưa nó vào thực hành trong quá trình phục hồi sau đại dịch này. Và bắt đầu từ tình yêu hữu hình này - như Tin mừng đã nói, ở đó - được neo giữ trong hy vọng và đặt nền tảng trên đức tin, một thế giới lành mạnh hơn sẽ có thể xảy ra. Nếu không, chúng ta sẽ ra khỏi cuộc khủng hoảng này thành người tội tệ hơn. Xin Chúa giúp chúng ta và ban cho chúng ta sức mạnh để thoát ra khỏi nó tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của thế giới ngày nay. Cảm ơn anh chị em.

[1] Xem Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị về một số khía cạnh của “Thần học Giải phóng”, (1984), chương V.

[2] Đức Bênêđictô XVI, Diển văn tại Phiên họp Khai mạc Hội nghị Tổng quát lần thứ năm của các Giám mục Châu Mỹ Latinh và Caribe (ngày 13 tháng 5 năm 2007).

Chương Bốn: Mục đích phổ quát của hàng hóa và nhân đức hy vọng (ngày 26 tháng 8 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trước đại dịch và những hậu quả xã hội của nó, nhiều người có nguy cơ mất hy vọng. Trong thời điểm bất ổn và đau khổ này, tôi mời mọi người hãy chào đón hồng ân hy vọng đến từ Chúa Kitô. Chính Người giúp chúng ta vượt qua vùng nước dũ dội của bệnh tật, cái chết và bất công, những thứ không có tiếng nói cuối cùng về đích đến cuối cùng của chúng ta.

Đại dịch đã phơi bày và làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội, trên hết là bất bình đẳng. Một số người có thể làm việc tại nhà, trong khi nhiều người khác không thể làm như vậy. Một số trẻ em, bất chấp những khó khăn liên quan, có thể tiếp tục được học hành, trong khi điều này đã bị gián đoạn đột ngột đối với nhiều, rất nhiều trẻ em khác. Một số quốc gia hùng mạnh có thể phát hành tiền để giải quyết khủng hoảng, trong khi điều này có nghĩa là thế chấp tương lai đối với các nước khác.

Những triệu chứng bất bình đẳng này cho thấy một căn bệnh xã hội; đó là một loại vi-rút xuất phát từ một nền kinh tế ốm yếu. Và chúng ta phải nói một cách đơn giản: nền kinh tế đang

ôm yếu. Nó đã trở nên ô nhiễm. Đó là kết quả của sự tăng trưởng kinh tế không đồng đều — đây là căn bệnh: kết quả của sự tăng trưởng kinh tế không đồng đều — đã bỏ qua các giá trị cơ bản của con người. Trong thế giới ngày nay, một số ít người giàu có sở hữu nhiều hơn tất cả những người còn lại trong nhân loại. Tôi sẽ nhắc lại điều này để chúng ta suy nghĩ: một số ít người giàu có, một nhóm nhỏ, sở hữu nhiều hơn tất cả những người còn lại trong nhân loại. Đây chỉ là số liệu thống kê thuần túy. Đây là một sự bất công kêu trời! Đồng thời, mô hình kinh tế này thờ ơ với thiệt hại gây ra cho ngôi nhà chung của chúng ta. Người ta không quan tâm đến ngôi nhà chung của chúng ta. Chúng ta đang tiến gần đến việc vượt qua nhiều giới hạn của hành tinh tuyệt vời của chúng ta, với những hậu quả nghiêm trọng và không thể đảo ngược: từ mất đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu đến mực nước biển dâng cao và phá hủy các khu rừng nhiệt đới. Bất bình đẳng xã hội và suy thoái môi trường đi đôi với nhau và có cùng một gốc rễ (xem Thông điệp *Laudato Si'*, 101): tội muốn chiếm hữu và muốn thống trị anh chị em mình, muốn chiếm hữu và thống trị thiên nhiên và chính Thiên Chúa. Nhưng đây không phải là thiết kế cho sự sáng tạo.

“Lúc khởi đầu, Thiên Chúa đã giao phó trái đất và các nguồn tài nguyên của nó cho quyền quản lý chung của nhân loại để chăm sóc chúng” (Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2402). Thiên Chúa đã kêu gọi chúng ta thống trị trái đất nhân danh Người (xem St 1:28), canh tác và giữ gìn nó như một khu vườn, khu vườn của mọi người (xem St 2:15). “‘Canh tác’ ám chỉ việc canh tác, cày xới hoặc làm việc, trong khi ‘giữ gìn’ có nghĩa là chăm sóc, bảo vệ, giám sát và bảo tồn” (LS, 67). Nhưng hãy cẩn thận đừng hiểu đây là một tấm thẻ trắng để làm bất cứ điều gì bạn muốn với trái đất. Không. Có một “mối quan hệ trách nhiệm chung” (ibid.) giữa chúng ta và thiên nhiên. Một mối quan hệ trách nhiệm chung giữa chúng ta và thiên nhiên. Chúng ta nhận được từ tạo thế và chúng ta trả lại. “Mỗi cộng đồng có thể lấy từ sự hào phóng của trái đất bất cứ thứ gì họ cần để tồn hữu, nhưng họ cũng có nhiệm vụ bảo vệ trái đất” (ibid.). Điều này đi theo cả hai hướng.

Trên thực tế, trái đất “đã ở đây trước chúng ta và đã được ban cho chúng ta” (ibid.), nó đã được Thiên Chúa ban tặng “cho toàn thể nhân loại” (Sách Giáo lý, 2402). Và do đó, chúng ta có nhiệm vụ đảm bảo rằng hoa trái của nó đến được với tất cả mọi người, chứ không chỉ một số ít người. Và đây là một yếu tố quan trọng trong mối quan hệ của chúng ta với của cải trần gian. Như các Nghị phụ Công đồng Vatican II đã nhắc lại, họ đã nói: “Con người phải coi những của cải bên ngoài mà mình sở hữu hợp pháp không chỉ là của riêng mình mà còn là của chung theo nghĩa là chúng có thể sinh lợi không chỉ cho mình mà còn cho người khác” (Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 69). Trên thực tế, “quyền sở hữu bất cứ tài sản nào khiến người sở hữu trở thành người quản lý của Chúa Quan phòng, với nhiệm vụ làm cho nó sinh hoa lợi và thông truyền lợi ích của nó cho người khác” (SGLCGHCG, 2404). Chúng ta là người quản lý của cải, không phải là chủ nhân. Người quản lý. “Vàng, nhưng của cải là của tôi”: đúng vậy, nó là của bạn, nhưng để quản lý nó, không phải để sở hữu nó một cách ích kỷ cho riêng mình.

Để đảm bảo rằng những gì chúng ta sở hữu mang lại giá trị cho cộng đồng, “chính quyền chính trị có quyền và nghĩa vụ điều chỉnh việc thực hiện hợp pháp quyền sở hữu vì lợi ích chung” (ibid., 2406).[1] “Sự phục tùng của tài sản tư nhân đối với mục đích chung của hàng hóa, [...] là quy tắc vàng của hành vi xã hội và là nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự đạo đức và xã hội” (LS, 93).[2]

Tài sản và tiền bạc là những công cụ có thể phục vụ cho sứ mệnh. Tuy nhiên, chúng ta dễ dàng biến chúng thành mục đích, dù là mục đích cá nhân hay tập thể. Và khi điều này xảy ra, các giá trị cốt lõi của con người bị ảnh hưởng. *Homo sapiens* bị biến dạng và trở thành một

loài homo oeconomicus — theo nghĩa có hại — một loài người cá nhân chủ nghĩa, tính toán và thống trị. Chúng ta quên rằng, được tạo ra theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa, chúng ta là những hữu thể xã hội, sáng tạo và liên đới với khả năng yêu thương vô hạn. Chúng ta thường quên điều này. Trên thực tế, trong số tất cả các loài, chúng ta là những hữu thể hợp tác nhất và chúng ta phát triển mạnh mẽ trong cộng đồng, như được thấy rõ trong kinh nghiệm của các vị thánh. Có một câu nói bằng tiếng Tây Ban Nha đã truyền cảm hứng cho tôi viết cụm từ này. Nó nói rằng: “Floreceamos en racimo, como los santos”: chúng ta phát triển mạnh mẽ trong cộng đồng, như được thấy rõ trong kinh nghiệm của các vị thánh.[3]

Khi nỗi ám ảnh sở hữu và thống trị loại trừ hàng triệu người khỏi việc có được những của cải cơ bản; khi bất bình đẳng về kinh tế và công nghệ đến mức cấu trúc xã hội bị xé nát; và khi sự phụ thuộc vào tiến bộ vật chất không giới hạn đe dọa ngôi nhà chung của chúng ta, thì chúng ta không thể đứng bàng quan. Không, điều này thật đáng buồn. Chúng ta không thể đứng bàng quan! Với ánh mắt hướng về Chúa Giêsu (x. Dt 12:2) và với niềm tin chắc rằng tình yêu của Người hoạt động thông qua cộng đồng các môn đệ của Người, chúng ta phải cùng nhau hành động, với hy vọng tạo ra điều gì đó khác biệt và tốt đẹp hơn. Niềm hy vọng của người Kitô hữu, bắt nguồn từ Thiên Chúa, là mỏ neo của chúng ta. Niềm hy vọng này thúc đẩy ý chí chia sẻ, củng cố sứ mệnh của chúng ta với tư cách là môn đệ của Chúa Kitô, Đấng đã chia sẻ mọi thứ với chúng ta.

Các cộng đồng Kitô hữu đầu tiên đã hiểu điều này. Họ đã trải qua những thời kỳ khó khăn, giống như chúng ta. Nhận thức rằng họ đã hình thành một trái tim và một tâm hồn, họ đặt tất cả tài sản của mình làm của chung, làm chứng cho ân sủng dồi dào của Chúa Kitô trong họ (x. Cv 4:32-35). Chúng ta đang trải qua một cuộc khủng hoảng. Đại dịch đã đặt tất cả chúng ta vào khủng hoảng. Nhưng chúng ta hãy nhớ rằng sau một cuộc khủng hoảng, người ta không còn như trước nữa. Chúng ta sẽ thoát khỏi nó tốt hơn, hoặc chúng ta sẽ thoát khỏi nó tệ hơn. Đây là lựa chọn của chúng ta. Sau cuộc khủng hoảng, chúng ta có tiếp tục với hệ thống kinh tế bất công xã hội và coi thường việc chăm sóc môi trường, tạo vật, ngôi nhà chung của chúng ta không? Chúng ta hãy cùng suy nghĩ về điều này. Mong rằng các cộng đồng Kitô giáo của thế kỷ 21 sẽ phục hồi thực tại này — chăm sóc tạo vật và công lý xã hội: chúng đi đôi với nhau —, qua đó làm chứng cho Sự Phục sinh của Chúa. Nếu chúng ta chăm sóc những của cải mà Đấng Tạo hóa đã ban cho chúng ta, nếu chúng ta để chung những gì chúng ta sở hữu theo cách không ai bị thiếu thốn, thì chúng ta thực sự sẽ truyền cảm hứng hy vọng để tái tạo một thế giới lành mạnh và bình đẳng hơn.

Và để kết luận, chúng ta hãy nghĩ về trẻ em. Hãy đọc các số liệu thống kê: ngày nay có bao nhiêu trẻ em đang chết đói vì sự phân phối của cải không tốt, vì hệ thống kinh tế như tôi đã nói ở trên; và ngày nay có bao nhiêu trẻ em không có quyền được giáo dục vì lý do tương tự. Mong rằng hình ảnh những đứa trẻ túng thiếu vì đói và thiếu giáo dục này giúp chúng ta hiểu rằng sau cuộc khủng hoảng này, chúng ta phải thoát khỏi nó tốt hơn. Cảm ơn anh chị em.

[1] So sánh GS, 71; Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis, 42; Thông điệp Centesimus Annus, 40,48).

[2] So sánh Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Laborem exercens, 19.

[3] “Floreceamos en racimo, como los santos” (Chúng ta nở rộ thành từng cụm, giống như các thánh): một thành ngữ phổ biến trong tiếng Tây Ban Nha.

Chương Năm: Liên đới và đức tin (ngày 2 tháng 9 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau nhiều tháng, chúng ta lại gặp nhau trực tiếp, không phải qua màn hình. Trực tiếp. Thật tốt! Đại dịch hiện nay đã làm nổi bật sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng ta: tất cả chúng ta đều kết nối với nhau, dù tốt hay xấu. Do đó, để thoát khỏi cuộc khủng hoảng này tốt hơn trước, chúng ta phải cùng nhau làm như vậy; cùng nhau, không phải đơn độc. Cùng nhau. Không đơn độc, vì điều đó không thể thực hiện được. Hoặc là cùng nhau thực hiện, hoặc là không thực hiện. Chúng ta phải cùng nhau thực hiện, tất cả chúng ta, trong tình *liên đới*. Tôi muốn nhấn mạnh từ này hôm nay: *Liên đới*.

Là một gia đình nhân loại, chúng ta có chung nguồn gốc từ Thiên Chúa; chúng ta sống trong một ngôi nhà chung, hành tinh vườn, trái đất nơi Thiên Chúa đặt chúng ta; và chúng ta có chung đích đến là Chúa Kitô. Nhưng khi chúng ta quên tất cả những điều này, sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng ta trở thành sự phụ thuộc của một số người vào những người khác — chúng ta mất đi sự hài hòa của sự phụ thuộc lẫn nhau và tình liên đới — làm gia tăng bất bình đẳng và sự thiệt thòi; cấu trúc xã hội bị suy yếu và môi trường xuống cấp. Cùng một cách hành động.

Do đó, *nguyên tắc liên đới* hiện cần thiết hơn bao giờ hết, như Thánh Gioan Phaolô II đã dạy (xem *Sollicitudo rei socialis*, 38-40). Trong một thế giới kết nối, chúng ta trải nghiệm ý nghĩa của việc sống trong cùng một “ngôi làng hoàn cầu”; cách diễn đạt này thật đẹp. Thế giới rộng lớn không gì khác chính là một ngôi làng hoàn cầu, bởi vì mọi thứ đều được kết nối với nhau, nhưng chúng ta không phải lúc nào cũng biến sự phụ thuộc lẫn nhau này thành tình liên đới. Có một hành trình dài giữa sự phụ thuộc lẫn nhau và tình liên đới. Sự ích kỷ — của các cá nhân, quốc gia và các nhóm có quyền lực — và sự cứng nhắc về mặt ý thức hệ thay vào đó duy trì “các cấu trúc tội lỗi” (*ibid.*, 36).

“Chữ ‘liên đới’ có phần cũ kỹ và đôi khi không được hiểu rõ, nhưng nó ám chỉ đến một điều gì đó nhiều hơn là một vài hành động hào phóng lẻ tẻ”. Nhiều hơn thế nữa! “Nó giả định việc tạo ra một tư duy mới, tư duy theo hướng cộng đồng và ưu tiên sự sống của tất cả mọi người hơn là việc chiếm đoạt của cải của một số ít người” (Tông huấn *Evangelii gaudium*, 188). Đây chính là ý nghĩa của “liên đới”. Nó không chỉ đơn thuần là vấn đề giúp đỡ người khác — làm như vậy là tốt, nhưng còn hơn thế nữa — đó là vấn đề công lý (xem Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 1938-1949). Sự phụ thuộc lẫn nhau, để liên đới và sinh hoa trái, cần có gốc rễ vững chắc trong nhân tính và trong thiên nhiên do Thiên Chúa tạo ra; nó cần sự tôn trọng đối với các khuôn mặt và đất đai.

Kinh thánh, ngay từ đầu, đã cảnh báo chúng ta [về điều này]. Chúng ta hãy nghĩ về câu chuyện Tháp Babel (so sánh Sáng thế 11:1-9), mô tả những gì xảy ra khi chúng ta cố gắng đạt đến thiên đàng — đích đến của chúng ta — phớt lờ mối liên hệ của chúng ta với nhân loại, với tạo thế và với Đấng Tạo Hóa. Đây là một cách nói ẩn dụ. Điều này xảy ra mỗi khi ai đó muốn leo lên cao hơn nữa, mà không quan tâm đến người khác. Chỉ riêng tôi. Chúng ta hãy nghĩ về tòa tháp. Chúng ta xây dựng các tòa tháp và nhà chọc trời, nhưng chúng ta phá hủy cộng đồng. Chúng ta thống nhất các tòa nhà và ngôn ngữ, nhưng chúng ta làm suy yếu sự giàu có về văn hóa. Chúng ta muốn làm chủ Trái đất, nhưng chúng ta phá hủy sự đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái. Trong một buổi tiếp kiến khác, tôi đã kể cho anh chị em nghe về những người đánh cá từ San Benedetto del Tronto, những người đã đến đây năm nay và

nói rằng: "Chúng tôi đã lấy 24 tấn rác thải ra khỏi biển, một nửa trong số đó là nhựa". Hãy nghĩ xem! Những người này có tinh thần đánh bắt cá, vâng, nhưng cũng có cả rác thải, và lấy chúng ra khỏi nước để làm sạch biển. Nhưng [ô nhiễm] này đang hủy hoại trái đất — không liên đới với trái đất, vốn là một hồng ân — và sự cân bằng sinh thái.

Tôi nhớ một câu chuyện thời trung cổ mô tả về "hội chứng Babel" này, xảy ra khi không có sự liên đới. Câu chuyện thời trung cổ này kể rằng, trong quá trình xây dựng tòa tháp, khi một người đàn ông ngã xuống - họ là nô lệ - và chết, không ai nói gì cả, hoặc tốt nhất là "Thật tội nghiệp, anh ta đã phạm sai lầm và anh ta đã ngã xuống". Thay vào đó, nếu một viên gạch rơi xuống, mọi người đều phàn nàn. Và nếu ai đó phải chịu trách nhiệm, người đó sẽ bị trừng phạt. Tại sao? Bởi vì một viên gạch rất tốn kém để làm, để chuẩn bị, để nung.... Phải mất thời gian và công sức để sản xuất ra một viên gạch. Một viên gạch có giá trị hơn cả mạng sống của một con người. Mỗi chúng ta hãy cùng suy nghĩ về những gì xảy ra ngày nay. Thật không may, một điều gì đó như thế này cũng có thể xảy ra ngày nay. Khi cỗ phiêu giám trên thị trường tài chính - chúng ta đã thấy điều đó trên các tờ báo trong những ngày này - tất cả các cơ quan đều đưa tin. Hàng ngàn người ngã xuống vì đói nghèo và không ai nói về điều đó.

Lễ Ngũ Tuần hoàn toàn trái ngược với Babel (xem Công vụ 2:1-3), như chúng ta đã nghe ở phần đầu của buổi tiếp kiến. Chúa Thánh Thần, từ trên cao giáng xuống như gió và lửa, quét qua cộng đồng khép kín trong Nhà Tiệc Ly, truyền cho họ sức mạnh của Thiên Chúa và thúc đẩy họ ra ngoài và loan báo Chúa Giêsu cho mọi người. Chúa Thánh Thần tạo ra sự hiệp nhất trong đa dạng; Người tạo ra sự hòa hợp. Trong câu chuyện về Tháp Babel, không có sự hòa hợp; chỉ có sự tiến về phía trước để kiếm tiền. Ở đó, con người chỉ đơn giản là công cụ, chỉ là "sức người", nhưng ở đây, trong Lễ Hiện Xuống, mỗi người chúng ta là một công cụ, nhưng là công cụ cộng đồng tham gia đầy đủ vào việc xây dựng cộng đồng. Thánh Phanxicô thành Assisi biết rõ điều này, và được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, Người đã dành cho tất cả mọi người, hay đúng hơn là mọi loài thụ tạo, danh xưng là anh chị em (x. LS, 11; x. Thánh Bonaventura, *Legenda maior*, VIII, 6: ff 1145). Ngay cả anh sói, hãy nhớ nhé.

Với Lễ Hiện Xuống, Thiên Chúa hiện diện và thúc đẩy đức tin của cộng đồng hiệp nhất trong đa dạng và liên đới. Sự đa dạng và liên đới hiệp nhất trong hòa hợp, đây chính là con đường. Sự đa dạng trong tình liên đới sở hữu những "kháng thể" đảm bảo rằng tính duy nhất của mỗi người — vốn là một hồng ân, độc nhất và không thể lặp lại — không bị bệnh vì chủ nghĩa cá nhân, vì sự ích kỷ. Sự đa dạng trong tình liên đới cũng sở hữu những kháng thể chữa lành các cấu trúc và quy trình xã hội đã thoái hóa thành các hệ thống bất công, các hệ thống áp bức (xem *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, 192). Do đó, tình liên đới ngày nay là con đường hướng tới thế giới hậu đại dịch, hướng tới việc chữa lành những tệ nạn xã hội và giữa các cá nhân của chúng ta. Không có cách nào khác. Hoặc là chúng ta tiến lên trên con đường liên đới, hoặc mọi thứ sẽ tồi tệ hơn. Tôi muốn nhắc lại điều này: người ta không thoát khỏi khủng hoảng giống như trước. Đại dịch là một cuộc khủng hoảng. Chúng ta thoát khỏi khủng hoảng hoặc là tốt hơn hoặc tệ hơn trước. Tùy thuộc vào chúng ta lựa chọn. Và tình liên đới thực sự là một cách thoát khỏi khủng hoảng tốt hơn, không phải bằng những thay đổi hời hợt, một lớp sơn mới để mọi thứ trông ổn. Không. Tốt hơn!

Giữa những cuộc khủng hoảng, sự liên đới được hướng dẫn bởi đức tin giúp chúng ta chuyển tải tình yêu của Chúa trong nền văn hóa hoàn cầu hóa của chúng ta, không phải bằng cách xây dựng những tòa tháp hay bức tường — và có bao nhiêu bức tường đang được xây dựng ngày nay! — chia rẽ, nhưng sau đó sụp đổ, mà bằng cách đan xen các cộng đồng và duy trì các quá trình tăng trưởng thực sự mang tính nhân văn và vững chắc. Và để làm được điều

này, sự liên đới sẽ giúp ích. Tôi muốn đặt ra một câu hỏi: tôi có nghĩ đến nhu cầu của người khác không? Mọi người, hãy trả lời trong lòng mình.

Giữa những cuộc khủng hoảng và bão tố, Chúa gọi chúng ta và mời chúng ta đánh thức và kích hoạt sự liên đới này có khả năng mang lại sự vững chắc, hỗ trợ và ý nghĩa cho những giờ phút mà mọi thứ dường như bị phá hủy. Mong rằng tính sáng tạo của Chúa Thánh Thần khuyến khích chúng ta tạo ra những hình thức mới của lòng hiếu khách quen thuộc, tình huynh đệ hữu hiệu và tình liên đới hoàn cầu. Cảm ơn anh chị em.

Chương Sáu: Tình yêu và lợi ích chung (ngày 9 tháng 9 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng,

Cuộc khủng hoảng mà chúng ta đang trải qua do đại dịch đang ảnh hưởng đến tất cả mọi người; chúng ta sẽ thoát khỏi nó theo hướng tốt hơn nếu tất cả chúng ta cùng nhau tìm kiếm lợi ích chung; nếu không, chúng ta sẽ thoát ra theo hướng tồi tệ hơn. Thật không may, chúng ta thấy lợi ích đảng phái đang nổi lên. Ví dụ, một số người muốn chiếm đoạt các giải pháp khả thi cho chính họ, như trong trường hợp vắc-xin, rồi bán chúng cho người khác. Một số người đang lợi dụng tình hình để kích động chia rẽ: bằng cách tìm kiếm lợi thế kinh tế hoặc chính trị, tạo ra hoặc làm trầm trọng thêm xung đột. Những người khác chỉ đơn giản là không quan tâm đến nỗi đau khổ của người khác; họ đi ngang qua và đi theo con đường riêng của họ (x. Lc 10:30-32). Họ là những người sùng bái Pontius Pilate, rửa tay khỏi nỗi đau khổ của người khác.

Phản ứng của Kitô giáo đối với đại dịch và cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội tiếp theo dựa trên tình yêu, trên hết là tình yêu của Thiên Chúa, Đấng luôn đi trước chúng ta (x. 1 Ga 4:19). Người yêu chúng ta trước. Người luôn đi trước chúng ta trong tình yêu và trong các giải pháp. Người yêu thương chúng ta vô điều kiện và khi chúng ta chào đón tình yêu thần thiêng này, chúng ta có thể đáp lại tương tự. Tôi không chỉ yêu những người yêu thương tôi — gia đình tôi, bạn bè tôi, nhóm của tôi — mà còn yêu những người không yêu tôi, tôi cũng yêu những người không biết tôi và tôi cũng yêu những người xa lạ, và thậm chí cả những người làm tôi đau khổ hoặc những người mà tôi coi là kẻ thù (x. Mt 5:44).

Đây là sự khôn ngoan của Kitô giáo, đây là thái độ của Chúa Giêsu. Và đỉnh cao của sự thánh thiện, hãy nói theo cách đó, là yêu kẻ thù của mình, điều này không dễ dàng. Chắc chắn, yêu thương mọi người, kể cả kẻ thù, là điều khó khăn. Tôi muốn nói rằng đó là một nghệ thuật! Nhưng một nghệ thuật có thể học được và cải thiện. Tình yêu đích thực khiến chúng ta đơm hoa kết trái và tự do luôn rộng mở và bao dung. Tình yêu này quan tâm, chữa lành và làm điều tốt. Thường thì, một sự vượt ve làm điều tốt hơn nhiều cuộc tranh luận, một sự vượt ve tha thứ thay vì nhiều cuộc tranh luận để tự vệ. Đó là tình yêu bao dung chữa lành.

Vì vậy, tình yêu không chỉ giới hạn trong mối quan hệ giữa hai hoặc ba người, hoặc giữa bạn bè hoặc gia đình, mà còn vượt ra ngoài. Nó bao gồm các mối quan hệ dân sự và chính trị (xem Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo [SGLCGHCG], 1907-1912), bao gồm cả mối quan hệ với thiên nhiên (xem Thông điệp Laudato Si' [LS], 231). Vì chúng ta là những thực thể xã hội và chính trị, nên một trong những biểu thức cao nhất của tình yêu chính là xã hội và chính trị, điều này có tính quyết định đối với sự phát triển của con người và để đối diện với bất cứ loại khủng hoảng nào (ibid., 231).

Chúng ta biết rằng tình yêu làm cho gia đình và tình bạn phát triển; nhưng điều tốt là hãy nhớ rằng nó cũng làm cho các mối quan hệ xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị phát triển, cho phép chúng ta xây dựng một "nền văn minh của tình yêu", như Thánh Phaolô VI thích nói[1] và đền lượt Người, Thánh Gioan Phaolô II cũng vậy. Nếu không có nguồn cảm hứng này, nền văn hóa ích kỷ, thờ ơ, vứt bỏ sẽ chiếm ưu thế — nghĩa là, loại bỏ bất cứ ai tôi không thích, những người tôi không thể yêu hoặc những người đối với tôi dường như không hữu ích cho xã hội.

Hôm nay, tại lối vào, một cặp vợ chồng đã nói với tôi: “Xin hãy cầu nguyện cho chúng con vì chúng con có một đứa con trai khuyết tật”. Tôi hỏi: “Cháu bao nhiêu tuổi rồi?” — “Cháu khá lớn tuổi rồi” — “Còn anh chị làm gì?” — “Chúng con đi cùng cháu, chúng con giúp cháu”. Cả cuộc đời họ là cha mẹ của đứa con trai khuyết tật đó. Đây chính là tình yêu. Và những kẻ thù, những đối thủ chính trị, theo quan điểm của chúng ta, có vẻ như họ là những người khuyết tật về mặt chính trị và xã hội, nhưng họ có vẻ như vậy. Chỉ có Chúa mới biết họ thực sự như vậy hay không.

Nhưng chúng ta phải yêu thương họ, chúng ta phải đối thoại, chúng ta phải xây dựng nền văn minh tình yêu này, nền văn minh chính trị và xã hội này về sự thống nhất của toàn thể nhân loại. Tất cả những điều này trái ngược với chiến tranh, chia rẽ, đổ kỵ, thậm chí là chiến tranh trong gia đình: tình yêu bao trùm là xã hội, là gia đình, là chính trị... tình yêu thấm nhuần mọi sự!

Virus corona đang cho chúng ta thấy rằng lợi ích thực sự của mỗi người là lợi ích chung, không chỉ là lợi ích cá nhân, và ngược lại, lợi ích chung là lợi ích thực sự cho con người. (x. SGLCGHCG, 1905-1906). Nếu một người chỉ tìm kiếm lợi ích của riêng mình, thì người đó ích kỷ. Thay vào đó, một người sẽ trở thành một con người hơn khi lợi ích của riêng mình được mở ra cho mọi người, khi nó được chia sẻ. Sức khỏe, ngoài việc là một lợi ích cá nhân, còn là một lợi ích công cộng. Một xã hội khỏe mạnh là xã hội chăm sóc sức khỏe của mọi người.

Một loại vi-rút không nhận ra rào cản, biên giới hoặc sự khác biệt về văn hóa hoặc chính trị phải được đối diện với một tình yêu không có rào cản, biên giới hoặc sự khác biệt. Tình yêu này có thể tạo ra các cấu trúc xã hội khuyến khích chúng ta chia sẻ thay vì cạnh tranh, cho phép chúng ta bao gồm những người dễ bị tổn thương nhất và không gạt họ sang một bên, và giúp chúng ta thể hiện những điều tốt nhất trong bản chất con người của mình chứ không phải những điều tồi tệ nhất. Tình yêu đích thực không biết đến văn hóa vứt bỏ, nó không biết văn hóa vứt bỏ là gì. Trên thực tế, khi chúng ta yêu thương và tạo ra sự sáng tạo, khi chúng ta tạo ra lòng tin và sự liên đới, thì đó là lúc các sáng kiến cụ thể vì lợi ích chung xuất hiện.[2] Và điều này đúng ở cả bình diện cộng đồng nhỏ nhất và lớn nhất, cũng như ở bình diện quốc tế. Những việc được thực hiện trong gia đình, những việc được thực hiện trong khu phố, những việc được thực hiện trong làng, những việc được thực hiện trong các thành phố lớn và trên bình diện quốc tế cũng vậy; đó là cùng một hạt giống nảy mầm và đơm hoa kết trái. Nếu anh chị em, trong gia đình, trong khu phố của mình, bắt đầu bằng sự đổ kỵ, bằng những cuộc đấu đá, thì cuối cùng sẽ có “chiến tranh”. Thay vào đó, nếu anh chị em bắt đầu bằng tình yêu, chia sẻ tình yêu, sự tha thứ, thì sẽ có tình yêu và sự tha thứ cho mọi người.

Ngược lại, nếu các giải pháp cho đại dịch mang dấu ấn của chủ nghĩa vị kỷ, dù là của cá nhân, doanh nghiệp hay quốc gia, thì có lẽ chúng ta có thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng do vi-rút corona gây ra, nhưng chắc chắn không thoát khỏi cuộc khủng hoảng xã hội và con người mà vi-rút đã phơi bày và làm trầm trọng thêm. Do đó, hãy cẩn thận, đừng xây dựng

trên cát (x. Mt 7:21-27)! Để xây dựng một xã hội lành mạnh, toàn diện, công bằng và hòa bình, chúng ta phải xây dựng trên nền tảng của lợi ích chung.[3] Lợi ích chung là một nền tảng. Và đây là nhiệm vụ của mọi người, không chỉ của một số ít chuyên gia. Thánh Tôma Aquinô từng nói rằng việc thúc đẩy lợi ích chung là nghĩa vụ công lý của mỗi công dân. Mỗi công dân đều có trách nhiệm vì lợi ích chung. Và đối với các Ki-tô hữu, đó cũng là một sứ mệnh. Như Thánh Inhaxiô thành Loyola đã dạy, hướng những nỗ lực hằng ngày của chúng ta vào lợi ích chung là một cách để đón nhận và truyền bá vinh quang của Thiên Chúa.

Thật không may, chính trị thường không có tiếng tốt, và chúng ta biết lý do tại sao. Điều này không có nghĩa là tất cả các chính trị gia đều xấu, không, tôi không muốn nói như vậy. Tôi chỉ muốn nói rằng thật không may, chính trị thường không có tiếng tốt. Nhưng chúng ta không nên cam chịu với viễn cảnh tiêu cực này, mà thay vào đó hãy phản ứng với nó bằng cách biểu lộ bằng hành động rằng chính trị tốt là điều khả hữu, thậm chí là điều phải có [4], một chính trị đặt con người và lợi ích chung vào trung tâm. Nếu anh chị em đọc lịch sử nhân loại, anh chị em sẽ thấy nhiều chính trị gia thánh thiện đã đi trên con đường này. Điều đó có thể thực hiện được miễn là mọi công dân, và đặc biệt là những người đảm nhận các cam kết và chức vụ xã hội và chính trị, bắt nguồn hành động của họ từ các nguyên tắc đạo đức và nuôi dưỡng nó bằng tình yêu xã hội và chính trị. Các Ki-tô hữu, đặc biệt là các tín hữu giáo dân, được kêu gọi nêu gương tốt về điều này và có thể làm như vậy nhờ vào nhân đức bác ái, vun đắp chiều kích xã hội nội tại của nó.

Do đó, đã đến lúc cải thiện tình yêu xã hội của chúng ta – tôi muốn nhấn mạnh điều này: tình yêu xã hội của chúng ta – với sự đóng góp của mọi người, bắt đầu từ sự nhỏ bé của chúng ta. Lợi ích chung đòi hỏi sự tham gia của mọi người. Nếu mọi người đóng góp phần của mình, và nếu không ai bị bỏ lại phía sau, chúng ta có thể tái tạo các mối quan hệ tốt đẹp trên bình diện cộng đồng, quốc gia và quốc tế và thậm chí là hài hòa với môi trường (x. LS, 236). Vì vậy, thông qua các cử chỉ của chúng ta, ngay cả những cử chỉ khiêm nhường nhất, một phần hình ảnh của Thiên Chúa mà chúng ta mang trong mình sẽ được hiển hiện rõ ràng, bởi vì Thiên Chúa là Ba Ngôi, Thiên Chúa là tình yêu. Đây là định nghĩa đẹp nhất về Thiên Chúa trong Kinh thánh. Thánh Tông đồ Gioan, người rất yêu Chúa Giêsu, đã ban cho chúng ta định nghĩa đó. Với sự giúp đỡ của Người, chúng ta có thể chữa lành thế giới bằng cách cùng nhau làm việc vì lợi ích chung, không chỉ vì lợi ích của riêng chúng ta mà còn vì lợi ích chung của tất cả mọi người.

[1] Sứ điệp cho Ngày Hòa bình Thế giới lần thứ 10, ngày 1 tháng 1 năm 1977: AAS 68 (1976), 709.

[2] X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo rei socialis, 38.

[3] Ibid., 10.

[4] X. Sứ điệp Ngày Thế giới Hòa bình, 1 tháng 1 năm 2019 (8 tháng 12 năm 2018).

Chương Bấy: Chăm sóc ngôi nhà chung và chiều kích chiêm niệm (ngày 16 tháng 9 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Để thoát khỏi đại dịch, chúng ta cần chăm sóc và quan tâm lẫn nhau. Và chúng ta phải hỗ trợ những người chăm sóc những người yếu đuối nhất, người bệnh và người già. Có xu hướng gạt người già sang một bên, bỏ rơi họ: điều này là xấu. Những người này — được định nghĩa rõ ràng bằng thuật ngữ tiếng Tây Ban Nha *cuidadores* (người chăm sóc), những người chăm sóc người bệnh — đóng một vai trò thiết yếu trong xã hội ngày nay, ngay cả khi họ thường

không nhận được sự công nhận và đền đáp xứng đáng. Chăm sóc là một quy tắc vàng của bản chất con người chúng ta, và mang lại sức khỏe và hy vọng (x. Thông điệp Laudato Si' [LS], 70). Chăm sóc những người đau yếu, những người túng thiếu, những người bị bỏ rơi: đây là sự giàu có của con người và cũng là của Kitô giáo.

Chúng ta cũng phải mở rộng sự chăm sóc này đến ngôi nhà chung của chúng ta: đến trái đất và mọi loài thụ tạo. Mọi hình thức sống đều có mối liên hệ với nhau (x. *ibid.*, 137-138), và sức khỏe của chúng ta phụ thuộc vào sức khỏe của các hệ sinh thái mà Thiên Chúa đã tạo ra và giao phó cho chúng ta chăm sóc (x. St 2:15). Mặt khác, lạm dụng chúng là một tội trọng gây tổn hại, gây hại và làm bệnh tật (x. LS, 8; 66). Thuốc giải độc tốt nhất chống lại việc lạm dụng ngôi nhà chung này của chúng ta là chiêm niệm (x. *ibid.*, 85, 214). Nhưng tại sao? Không có vắc-xin cho việc này sao, cho việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, để không gạt nó sang một bên sao? Thuốc giải độc cho căn bệnh không chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta là gì? Đó là sự chiêm niệm. “Nếu ai đó chưa học cách dừng lại và chiêm ngưỡng một điều gì đó đẹp đẽ, chúng ta không nên ngạc nhiên nếu người đó coi mọi thứ như một vật thể để sử dụng và lạm dụng mà không có sự đắn đo” (*ibid.*, 215). Cũng theo nghĩa là các vật thể “dùng một lần”. Tuy nhiên, ngôi nhà chung của chúng ta, tạo vật, không chỉ là một “nguồn tài nguyên”. Các tạo vật có giá trị riêng và mỗi tạo vật “Phả ảnh theo cách riêng của nó một tia sáng của sự khôn ngoan và lòng nhân từ vô hạn của Thiên Chúa” (Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 339). Giá trị này và tia sáng thần thánh này phải được khám phá và để khám phá ra nó, chúng ta cần phải im lặng; chúng ta cần phải lắng nghe; chúng ta cần phải chiêm niệm. Chiêm niệm cũng chữa lành tâm hồn.

Nếu không chiêm niệm, chúng ta dễ dàng trở thành nạn nhân của chủ nghĩa nhân chủng học mất cân bằng và kiêu ngạo, cái “tôi” ở trung tâm của mọi thứ, điều này thổi phồng quá mức vai trò của chúng ta là con người, định vị chúng ta là những người cai trị tuyệt đối của tất cả các tạo vật khác. Một cách giải thích sai lệch các văn bản Kinh thánh về sự sáng tạo đã góp phần vào sự hiểu lầm này, dẫn đến việc khai thác trái đất đến mức bóp nghẹt nó. Khai thác sáng thế: đây là tội lỗi. Chúng ta tin rằng chúng ta ở trung tâm, đòi chiếm giữ vị trí của Thiên Chúa và vì vậy chúng ta phá hỏng sự hài hòa của tạo thế, sự hài hòa trong kế hoạch của Thiên Chúa. Chúng ta trở thành những kẻ săn mồi, quên mất ơn gọi của mình là người bảo vệ sự sống. Tất nhiên, chúng ta có thể và phải làm việc trên trái đất để sống và phát triển. Nhưng công việc không đồng nghĩa với bóc lột, và nó luôn đi kèm với sự chăm sóc: cày xới và bảo vệ, làm việc và chăm sóc... Đây là sứ mệnh của chúng ta (x. St 2:15). Chúng ta không thể mong đợi tiếp tục phát triển về mặt vật chất, nếu không chăm sóc ngôi nhà chung đang chào đón chúng ta. Những người anh chị em nghèo nhất của chúng ta và mẹ trái đất của chúng ta than thở về thiệt hại và bất công mà chúng ta đã gây ra, và yêu cầu chúng ta phải thực hiện một hướng đi khác. Họ yêu cầu chúng ta phải hoán cải, thay đổi con đường; chăm sóc cả trái đất, cả tạo thế.

Do đó, điều quan trọng là phải khôi phục lại chiều kích chiêm niệm, nghĩa là nhìn vào trái đất, tạo thế, như một món quà, chứ không phải là thứ để khai thác vì lợi nhuận. Khi chúng ta chiêm niệm, chúng ta khám phá ra ở người khác và trong thiên nhiên điều gì đó lớn lao hơn nhiều so với tính hữu ích của chúng. Đây chính là cốt lõi của vấn đề: chiêm niệm là vượt ra ngoài tính hữu ích của một thứ gì đó. Chiêm niệm cái đẹp không có nghĩa là khai thác nó: chiêm niệm là tự do. Chúng ta khám phá ra giá trị nội tại của những thứ mà Chúa ban tặng cho chúng. Như nhiều bậc thầy tâm linh đã dạy, bầu trời, trái đất, biển cả và mọi tạo vật đều sở hữu khả năng mang tính biểu tượng này, khả năng huyền bí này để đưa chúng ta trở về với Đấng Tạo Hóa và hiệp thông với tạo thế. Ví dụ, Thánh Inhaxiô thành Loyola, vào cuối Bài tập Linh thao của mình, mời gọi chúng ta thực hiện “Chiêm niệm để đạt được tình yêu”,

nghĩa là xem xét cách Thiên Chúa nhìn các tạo vật của Người và vui mừng với chúng; khám phá sự hiện diện của Thiên Chúa trong các tạo vật của Người và, với sự tự do và ân sủng, yêu thương và chăm sóc chúng.

Chiêm niệm, điều dẫn chúng ta đến thái độ chăm sóc, không phải là vấn đề nhìn thiên nhiên từ bên ngoài, như thể chúng ta không đắm chìm trong đó. Nhưng chúng ta ở bên trong thiên nhiên, chúng ta là một phần của thiên nhiên. Thay vào đó, nó được thực hiện từ bên trong, nhận ra bản thân chúng ta là một phần của tạo thế, biến chúng ta thành người chủ đạo chứ không chỉ là khán giả của một thực tế vô định hình chỉ để khai thác. Những người chiêm niệm theo cách này không chỉ cảm thấy ngạc nhiên trước những gì họ nhìn thấy mà còn vì họ cảm thấy mình là một phần không thể thiếu của vẻ đẹp này; và họ cũng cảm thấy được kêu gọi bảo vệ và gìn giữ nó. Và có một điều chúng ta không được quên: những người không thể chiêm niệm thiên nhiên và tạo thế thì không thể chiêm niệm con người trong sự giàu có thực sự của họ. Và những người sống để khai thác thiên nhiên cuối cùng sẽ bóc lột con người và đối xử với họ như nô lệ. Đây là một quy luật phổ quát. Nếu anh chị em không thể chiêm niệm thiên nhiên, anh chị em sẽ rất khó để chiêm niệm con người, vẻ đẹp của con người, anh chị em của anh chị em.

Những người biết cách chiêm niệm sẽ dễ dàng bắt tay vào thay đổi những gì tạo ra sự suy thoái và tổn hại đến sức khỏe. Họ sẽ nỗ lực giáo dục và thúc đẩy các thói quen sản xuất và tiêu dùng mới, đóng góp vào một mô hình tăng trưởng kinh tế mới đảm bảo tôn trọng ngôi nhà chung của chúng ta và tôn trọng con người. Người chiêm niệm trong hành động có xu hướng trở thành người bảo vệ môi trường: điều này thật tốt! Mỗi người chúng ta nên là người bảo vệ môi trường, bảo vệ sự trong sạch của môi trường, tìm cách kết hợp kiến thức tổ tiên của các nền văn hóa hàng ngàn năm với kiến thức kỹ thuật mới, để lối sống của chúng ta luôn bền vững.

Cuối cùng, *chiêm niệm và chăm sóc*: đây là hai thái độ chỉ ra cách để sửa chữa và cân bằng lại mối quan hệ của chúng ta với tư cách là con người với tạo thế. Thông thường, mối quan hệ của chúng ta với tạo thế có vẻ như là mối quan hệ giữa những kẻ thù: phá hủy tạo thế vì lợi ích của chúng ta. Khai thác tạo thế vì lợi nhuận của chúng ta. Chúng ta đừng quên rằng điều này phải trả giá đắt; chúng ta đừng quên câu nói của người Tây Ban Nha: "Chúa luôn tha thứ; chúng ta đôi khi tha thứ; thiên nhiên không bao giờ tha thứ". Hôm nay tôi đọc trên báo về hai sông băng lớn ở Nam Cực, gần Biển Amundsen: chúng sắp sụp đổ. Sẽ rất khủng khiếp, bởi vì mặt nước biển sẽ tăng lên và điều này sẽ mang lại rất nhiều khó khăn và rất nhiều tác hại. Và tại sao? Bởi vì sự nóng lên hoàn cầu, không quan tâm đến môi trường, không quan tâm đến ngôi nhà chung của chúng ta. Mặt khác, khi chúng ta có mối quan hệ — hãy để tôi nói chữ này — ‘huynh đệ’ theo nghĩa bóng với tạo thế, chúng ta sẽ trở thành người bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta, người bảo vệ sự sống và người bảo vệ hy vọng; chúng ta sẽ bảo vệ di sản mà Thiên Chúa đã giao phó cho chúng ta để các thế hệ tương lai có thể tận hưởng nó. Và một số người có thể nói: “Nhưng, tôi có thể xoay xở như thế này”. Nhưng vấn đề không phải là bạn sẽ quản lý như thế nào ngày hôm nay — điều này đã được một nhà thần học người Đức, một người Tin lành, một người đàn ông tốt: Bonhoeffer nói — vấn đề không phải là bạn quản lý như thế nào ngày hôm nay; vấn đề là: di sản, cuộc sống cho các thế hệ tương lai sẽ là gì? Chúng ta hãy nghĩ đến con cái, cháu chắt của chúng ta: chúng ta sẽ để lại cho chúng ta điều gì nếu chúng ta khai thác tạo thế? Chúng ta hãy bảo vệ con đường này để chúng ta có thể trở thành “người bảo vệ” ngôi nhà chung của chúng ta, người bảo vệ sự sống và hy vọng. Chúng ta hãy bảo vệ di sản mà Thiên Chúa đã trao phó cho chúng ta để các thế hệ tương lai có thể tận hưởng. Tôi đặc biệt nghĩ đến những người dân bản địa, những người mà tất cả chúng ta đều mang ơn, cũng như sự sám hối, để sửa chữa những tổn hại mà chúng

ta đã gây ra cho họ. Nhưng tôi cũng nghĩ đến những phong trào, hiệp hội, nhóm quần chúng, những người cam kết bảo vệ lãnh thổ của họ bằng các giá trị tự nhiên và văn hóa của nó. Những thực tế xã hội này không phải lúc nào cũng được đánh giá cao; và đôi khi chúng thậm chí còn bị cản trở, vì chúng không kiếm được tiền. Nhưng trên thực tế, chúng góp phần vào một cuộc cách mạng hòa bình: chúng ta có thể gọi đó là "cuộc cách mạng của sự chăm sóc". Suy gẫm để chăm sóc, suy gẫm để bảo vệ, bảo vệ chính chúng ta, tạo vật, con cái, cháu chắt của chúng ta và bảo vệ tương lai. Suy gẫm để chăm sóc và bảo vệ, và để lại di sản cho thế hệ tương lai.

Tuy nhiên, điều này không được giao phó cho người khác: đây là nhiệm vụ của mỗi con người. Mỗi người chúng ta có thể và phải là "người bảo vệ ngôi nhà chung", có khả năng ca ngợi Thiên Chúa vì các tạo vật của Người, và suy gẫm về các tạo vật, và bảo vệ chúng. Cảm ơn anh chị em.

Chương Tám: Phụ đới và đức hy vọng (ngày 23 tháng 9 năm 2020)

Anh chị em thân mến, có vẻ như thời tiết không được tốt lắm, nhưng tôi vẫn chúc anh chị em một buổi sáng tốt lành!

Để thoát khỏi một cuộc khủng hoảng như cuộc khủng hoảng hiện tại, đó là một cuộc khủng hoảng sức khỏe, đồng thời là một cuộc khủng hoảng xã hội, chính trị và kinh tế, mỗi người chúng ta được kêu gọi đảm nhận trách nhiệm về phần mình, nghĩa là chia sẻ trách nhiệm. Chúng ta phải phản ứng không chỉ với tư cách là cá nhân, mà còn bắt đầu từ nhóm mà chúng ta thuộc về, từ vai trò của chúng ta trong xã hội, từ các nguyên tắc của chúng ta và, nếu chúng ta là những người có đức tin, từ đức tin của chúng ta vào Thiên Chúa. Tuy nhiên, nhiều người thường không thể tham gia vào việc tái thiết lợi ích chung vì họ bị gạt ra ngoài lề, họ bị loại trừ hoặc bị bỏ qua; một số nhóm xã hội không thể đóng góp vì họ bị bóp nghẹt về mặt kinh tế hoặc xã hội. Ở một số xã hội, nhiều người không được tự do bày tỏ đức tin và các giá trị, ý tưởng của riêng mình: nếu họ bày tỏ, họ sẽ bị bỏ tù. Ở những nơi khác, đặc biệt là ở thế giới phương Tây, nhiều người kìm nén niềm tin đạo đức hoặc tôn giáo của mình. Tuy nhiên, chúng ta không thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng theo cách này, hoặc ít nhất là thoát khỏi nó tốt hơn. Chúng ta sẽ thoát khỏi nó tệ hơn.

Để chúng ta có thể tham gia vào quá trình chữa lành và tái sinh của người dân, điều đúng đắn là mọi người đều phải có đủ nguồn lực để làm như vậy (xem *Compendium of the Social Doctrine of the Church* [CSDC], 186). Sau cuộc đại suy thoái kinh tế năm 1929, Đức Giáo hoàng Piô XI đã giải thích nguyên tắc phụ đới [subsidiarity] quan trọng như thế nào (xem *Encyclical Quadragesimo anno*, 79-80). Nguyên tắc này có chuyển động kép: từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Có lẽ chúng ta không hiểu điều này có nghĩa là gì, nhưng đó là một nguyên tắc xã hội khiến chúng ta liên đới hơn. Tôi sẽ cố gắng giải thích điều đó.

Một mặt, và trên hết là trong những thời điểm thay đổi, khi các cá nhân, gia đình, hiệp hội nhỏ và cộng đồng địa phương không có khả năng đạt được các mục tiêu chính, thì đúng là các bình diện cao nhất của xã hội, chẳng hạn như Nhà nước, nên can thiệp để cung cấp các nguồn lực cần thiết để tiến bộ. Ví dụ, do lệnh phong tỏa do vi-rút corona, nhiều người, gia đình và các thực thể kinh tế đã thấy mình và vẫn thấy mình đang gặp khó khăn nghiêm trọng. Do đó, các tổ chức công đang cố gắng giúp đỡ thông qua các biện pháp can thiệp xã hội, kinh tế, y tế phù hợp: đây là chức năng của họ, những gì họ cần làm.

Mặt khác, tuy nhiên, các nhà lãnh đạo xã hội phải tôn trọng và thúc đẩy các bình diện trung gian hoặc thấp hơn. Trên thực tế, sự đóng góp của các cá nhân, gia đình, hiệp hội, doanh nghiệp, mọi cơ quan trung gian và thậm chí của Giáo hội đều mang tính quyết định. Với các nguồn lực văn hóa, tôn giáo, kinh tế hoặc tham gia dân sự của riêng họ, họ hồi sinh và củng cố xã hội (xem CSCD, 185). Nghĩa là, có sự hợp tác từ trên xuống dưới, từ Nhà nước trung ương đến người dân, và từ dưới lên trên: từ các định chế của người dân lên trên. Và đây chính là cách nguyên tắc phụ đới được thực thi.

Mọi người cần có khả năng đảm nhận trách nhiệm của riêng mình trong các quá trình chữa lành của xã hội mà họ là một phần. Khi một dự án được triển khai trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến một số nhóm xã hội nhất định, thì những nhóm này không thể bị loại khỏi sự tham gia — ví dụ: “Bạn làm gì?” — “Tôi đi làm việc với người nghèo,” — “Đẹp. Còn bạn làm gì?” — “Tôi dạy người nghèo, tôi bảo người nghèo những gì họ phải làm”. Không, điều này không hữu hiệu. Bước đầu tiên là để người nghèo nói cho bạn biết họ sống như thế nào, họ cần gì: Hãy để mọi người lên tiếng! Và đây là cách nguyên tắc phụ đới hoạt động. Chúng ta không thể để người dân không được tham gia; sự khôn ngoan của họ, sự khôn ngoan của những nhóm người khiêm nhường hơn không thể bị gạt sang một bên (xem Tông huấn *Querida Amazonia* [QA], 32; Thông điệp *Laudato Si'*, 63). Thật không may, sự bất công này thường xảy ra ở những nơi tập trung nhiều lợi ích kinh tế và địa chính trị, chẳng hạn như một số hoạt động khai thác ở một số khu vực trên hành tinh (xem QA, 9.14). Tiếng nói của người dân bản địa, văn hóa và thể giới quan của họ không được xem xét.

Ngày nay, sự thiếu tôn trọng nguyên tắc phụ đới này đã lan rộng như một loại vi-rút. Chúng ta hãy nghĩ đến các biện pháp hỗ trợ tài chính lớn do các quốc gia ban hành. Các công ty tài chính lớn nhất được lắng nghe nhiều hơn người dân hoặc những người thực sự thúc đẩy nền kinh tế. Các công ty đa quốc gia được lắng nghe nhiều hơn các phong trào xã hội. Nói theo ngôn ngữ hàng ngày, những người có quyền lực được lắng nghe nhiều hơn những người yếu thế, và đây không phải là cách, đây không phải là cách của con người, đây không phải là cách mà Chúa Giêsu đã dạy chúng ta, đây không phải là việc thực hiện nguyên tắc phụ đới. Theo cách này, chúng ta không cho phép mọi người trở thành “tác nhân tự cứu chuộc mình” (Thông điệp cho Ngày Thế giới Người di cư và Người tị nạn lần thứ 106 năm 2020, ngày 13 tháng 5 năm 2020). Có một phương châm trong vô thức tập thể của một số chính trị gia hoặc một số công đoàn viên: mọi thứ vì người dân, không có gì với người dân. Từ trên xuống dưới, nhưng không lắng nghe sự khôn ngoan của người dân, không kích hoạt sự khôn ngoan này trong việc giải quyết các vấn đề, trong trường hợp này là thoát khỏi khủng hoảng. Hoặc chúng ta cũng hãy nghĩ về cách chữa khỏi vi-rút: các công ty dược phẩm lớn được lắng nghe nhiều hơn những nhân viên y tế làm việc ở tuyến đầu trong bệnh viện hoặc trong các trại tị nạn. Đây không phải là một con đường tốt. Mọi người đều phải được lắng nghe, những người ở trên cùng và những người ở dưới cùng, tất cả mọi người.

Để thoát khỏi khủng hoảng tốt hơn, nguyên tắc phụ đới phải được thực thi, tôn trọng quyền tự chủ và khả năng chủ động của mọi người, đặc biệt là những người yếu thế nhất. Mọi bộ phận của một cơ thể đều cần thiết, như Thánh Phaolô đã nói, những bộ phận có vẻ yếu đuối và kém quan trọng nhất, thực ra lại là những bộ phận cần thiết nhất (x. 1 Cr 12:22). Dựa trên hình ảnh này, chúng ta có thể nói rằng nguyên tắc phụ đới cho phép mọi người đảm nhận vai trò của mình trong việc chữa lành và vận mệnh của xã hội. Việc thực hiện nguyên tắc này, việc thực hiện nguyên tắc phụ đới mang lại hy vọng, mang lại hy vọng về một tương lai lành mạnh và công bằng hơn; và chúng ta cùng nhau xây dựng tương lai này, hướng tới những điều lớn lao hơn, mở rộng tầm nhìn của chúng ta. (x. Diễn văn cho sinh viên tại Trung tâm văn hóa Fr. Félix Varela, Havana – Cuba, ngày 20 tháng 9 năm 2015). Hoặc chúng ta cùng nhau thực

hiện, hoặc sẽ không hữu hiệu. Hoặc chúng ta cùng nhau nỗ lực để thoát khỏi cuộc khủng hoảng, ở mọi bình diện của xã hội, hoặc chúng ta sẽ không bao giờ thoát khỏi nó. Thoát khỏi cuộc khủng hoảng không có nghĩa là tô vẽ lên các tình huống hiện tại để chúng có vẻ công bằng hơn. Không. Thoát khỏi cuộc khủng hoảng có nghĩa là thay đổi, và sự thay đổi thực sự được thực thi bởi tất cả mọi người, tất cả những con người tạo nên một dân tộc. Tất cả các ngành nghề, tất cả các ngành nghề. Và tất cả mọi thứ cùng nhau, mọi người trong cộng đồng. Nếu mọi người không đóng góp, kết quả sẽ là tiêu cực.

Trong một bài giáo lý trước, chúng ta đã thấy sự liên đới là con đường thoát khỏi khủng hoảng: nó liên đới chúng ta và cho phép chúng ta tìm ra những đề xuất vững chắc cho một thế giới lành mạnh hơn. Nhưng con đường liên đới này cần có sự phụ đới. Có người có thể nói với tôi: "Nhưng, thưa Cha, hôm nay Cha đang sử dụng những hạ từ khó hiểu!". Đây là lý do tại sao tôi đang cố gắng giải thích ý nghĩa của nó. Thể hiện sự liên đới vì chúng ta đang đi theo con đường phụ đới. Trên thực tế, không có sự liên đới thực sự nếu không có sự tham gia xã hội, nếu không có sự đóng góp của các tổ chức trung gian: gia đình, hiệp hội, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và các biểu thức khác của xã hội. Mọi người đều cần đóng góp, tất cả mọi người. Kiểu tham gia này giúp ngăn ngừa và sửa chữa một số khía cạnh tiêu cực của hoàn cảnh và hành động của chính phủ, cũng như trong việc chăm sóc những người bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Những đóng góp "từ dưới lên" này nên được khuyến khích. Thật đẹp biết bao khi thấy công việc của những người tình nguyện trong suốt cuộc khủng hoảng. Những người tình nguyện từ mọi thành phần của xã hội, những người tình nguyện đến từ những gia đình giàu có và những người đến từ những gia đình nghèo hơn. Nhưng tất cả mọi người, tất cả mọi người cùng nhau vươn lên. Đây là sự liên đới và đây là nguyên tắc phụ đới.

Trong thời gian phong tỏa, cử chỉ vỗ tay khen ngợi các bác sĩ và y tá như một dấu hiệu khích lệ và hy vọng đã nảy sinh một cách tự phát. Nhiều người đã liều mạng sống của mình và nhiều người đã hy sinh mạng sống của mình. Chúng ta hãy dành lời khen ngợi này cho mọi thành viên của xã hội, cho từng người và tất cả mọi người, vì những đóng góp quý báu của họ, dù nhỏ bé đến đâu. "Nhưng người kia có thể làm gì?" — "Hãy lắng nghe người đó! Hãy cho người đó không gian để làm việc, hãy tham khảo ý kiến của họ". Chúng ta hãy vỗ tay khen ngợi những người "bị ruồng bỏ", những người mà văn hóa định nghĩa là "bị ruồng bỏ", nền văn hóa vứt bỏ này — nghĩa là, chúng ta hãy vỗ tay khen ngợi người già, trẻ em, người khuyết tật; chúng ta hãy vỗ tay khen ngợi những người lao động, tất cả những người cống hiến hết mình cho công tác phục vụ; tất cả mọi người cùng chung tay để vượt qua cuộc khủng hoảng. Nhưng chúng ta đừng chỉ dừng lại ở những lời khen ngợi. Hy vọng là táo bạo, và vì vậy, chúng ta hãy khuyến khích nhau mơ ước lớn. Thưa anh chị em, chúng ta hãy học cách mơ ước lớn! Chúng ta đừng sợ mơ ước lớn, tìm kiếm lý tưởng công lý và tình yêu xã hội nảy sinh từ hy vọng. Chúng ta đừng cố gắng xây dựng lại quá khứ — quá khứ là quá khứ. Những điều mới mẻ đang chờ đợi chúng ta. Chúa đã hứa: "Ta sẽ làm mới mọi sự". Chúng ta hãy khuyến khích bản thân mơ ước lớn, tìm kiếm những lý tưởng này, chúng ta đừng cố gắng xây dựng lại quá khứ, đặc biệt là quá khứ bất công và đã tệt hại mà tôi đã đề cập đến là bất công.... Chúng ta hãy xây dựng một tương lai nơi các chiều kích địa phương và hoàn cảnh cùng nhau làm giàu cho nhau — mọi người đều có thể đóng góp, mọi người đều phải đóng góp phần của mình, văn hóa của họ, triết lý của họ, cách suy nghĩ của họ — nơi về đẹp và sự giàu có của các nhóm nhỏ hơn, ngay cả những nhóm bị loại bỏ, có thể phát triển — bởi vì về đẹp cũng ở đó — và nơi những người có nhiều hơn sẽ cống hiến hết mình để phục vụ và trao tặng nhiều hơn cho những người có ít hơn.

Chương Chín: Chuẩn bị tương lai cùng với Chúa Giêsu, Đấng cứu độ và chữa lành (ngày 30 tháng 9 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong những tuần gần đây, chúng ta đã cùng nhau suy gẫm, dưới ánh sáng Tin Mừng, về cách chữa lành thế giới đang phải chịu đựng một căn bệnh đã được làm nổi bật và nhấn mạnh hơn bởi đại dịch. Căn bệnh đã ở đó: đại dịch làm nổi bật nó hơn, nó làm nó nổi bật hơn. Chúng ta đã bước đi trên con đường của phẩm giá, tình liên đới và sự phụ đới, những con đường thiết yếu để thúc đẩy phẩm giá con người và lợi ích chung. Và với tư cách là môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta đã đề xuất đi theo bước chân của Người, lựa chọn người nghèo, suy nghĩ lại về việc sử dụng của cải vật chất và chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Giữa đại dịch đang hành hạ chúng ta, chúng ta đã neo mình vào các nguyên tắc của học thuyết xã hội của Giáo hội, cho phép bản thân được hướng dẫn bởi đức tin, đức cậy và đức ái. Ở đây chúng ta tìm thấy sự giúp đỡ vững chắc để trở thành những người biến đổi ước mơ lớn, những người không dừng lại bởi sự hèn hạ chia rẽ và tổn thương, nhưng khuyến khích tạo ra một thế giới mới và tốt đẹp hơn.

Tôi muốn hành trình này không kết thúc bằng những bài giáo lý của tôi, mà đúng hơn là chúng ta có thể tiếp tục bước đi cùng nhau, để “luôn hướng mắt về Chúa Giêsu” (x. Hr 12:2), như chúng ta đã nghe lúc đầu; hướng mắt chúng ta hướng về Chúa Giêsu, Đấng cứu độ và chữa lành thế giới. Như Tin Mừng cho chúng ta thấy, Chúa Giêsu đã chữa lành mọi loại bệnh tật (x. Mt 9:35), Người đã ban thị giác cho người mù, lời nói cho người câm, thính giác cho người điếc. Và khi Người chữa lành bệnh tật và tật nguyền về thể xác, Người cũng chữa lành tinh thần bằng cách tha thứ tội lỗi, vì Chúa Giêsu luôn tha thứ, cũng như “nỗi đau khổ xã hội” bằng cách bao gồm những người bị gạt ra ngoài lề (x. Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 1421). Chúa Giêsu, Đấng đổi mới và hòa giải mọi loài thụ tạo (x. 2 Cr 5:17; Cl 1:19-20), ban cho chúng ta những ân sủng cần thiết để yêu thương và chữa lành như Người đã biết cách làm (x. Lc 10:1-9; Ga 15:9-17), để chăm sóc tất cả mọi người mà không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ hay quốc gia.

Để điều này thực sự xảy ra, chúng ta cần chiêm ngưỡng và trân trọng vẻ đẹp của mọi con người và mọi loài thụ tạo. Chúng ta được thụ thai trong trái tim Thiên Chúa (x. Ep 1:3-5). “Mỗi người chúng ta là kết quả của một ý nghĩ của Thiên Chúa. Mỗi người chúng ta đều được mong muốn, mỗi người chúng ta đều được yêu thương, mỗi người chúng ta đều cần thiết” (Benedict XVI, Bài giảng khai mạc sứ vụ Phêrô, ngày 24 tháng 4 năm 2005; Thông điệp *Laudato Si'*, 65). Hơn nữa, mỗi loài thụ tạo đều có điều gì đó muốn nói với chúng ta về Thiên Chúa là Đấng sáng tạo (x. Thông điệp *Laudato si'*, 69, 239). Việc nhìn nhận chân lý này và tạ ơn vì những mối liên hệ mật thiết trong sự hiệp thông phổ quát của chúng ta với mọi người và mọi loài thụ tạo sẽ kích hoạt “sự chăm sóc quảng đại, đầy dịu dàng” (ibid., 220). Và nó cũng giúp chúng ta nhận ra Chúa Kitô hiện diện trong những anh chị em nghèo khổ và đau khổ của chúng ta, gặp gỡ họ và lắng nghe tiếng kêu của họ và tiếng kêu của trái đất vọng lại (x. ibid., 49).

Được thúc đẩy bên trong bởi những tiếng kêu đòi hỏi chúng ta phải thay đổi (x. ibid., 53), đòi hỏi sự thay đổi, chúng ta sẽ có thể đóng góp vào việc khôi phục mối quan hệ với các ân tứ và khả năng của mình (x. ibid., 19). Chúng ta sẽ có thể tái tạo xã hội và không quay trở lại cái gọi là “bình thường”, đó là một bình thường đang ốm yếu, thực sự đã ốm yếu trước đại dịch: đại dịch đã làm nổi bật điều đó! “Bây giờ chúng ta trở lại bình thường”: không, điều này sẽ không ổn, bởi vì bình thường này đã bị bệnh bất công, bất bình đẳng và suy thoái môi trường.

Bình thường mà chúng ta được kêu gọi là bình thường của Vương quốc Thiên Chúa, nơi “người mù được sáng mắt, người què được đi, người phong được sạch, người điếc được nghe, người chết được sống lại và người nghèo được nghe Tin Mừng” (Mt 11:5). Và không ai giả vờ câm lặng bằng cách nhìn theo hướng khác. Đây là điều chúng ta phải làm để thay đổi. Trong sự bình thường của Vương quốc Thiên Chúa, có bánh cho tất cả mọi người và còn nhiều hơn thế nữa, tổ chức xã hội dựa trên sự đóng góp, chia sẻ và phân phối, không phải trên sự sở hữu, loại trừ và tích lũy (x. Mt 14:13-21).

Cử chỉ cho phép tiến bộ trong một xã hội, một gia đình, một khu phố hoặc một thành phố, tất cả mọi người, là hiến thân, cho đi, không phải là bố thí, mà là sự cho đi bản thân xuất phát từ trái tim. Một cử chỉ giúp chúng ta tránh xa sự ích kỷ và nỗi lo chiếm hữu. Nhưng cách làm của người Kitô hữu không phải là một cách máy móc: đó là một cách của con người. Chúng ta sẽ không bao giờ có thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng do đại dịch làm nổi bật, một cách máy móc, với các công cụ mới — rất quan trọng, chúng cho phép chúng ta tiến về phía trước và chúng ta không được sợ chúng — nhưng hãy biết rằng ngay cả những phương tiện tinh vi nhất, có khả năng làm nhiều việc, cũng không có khả năng làm một việc: sự dịu dàng. Và sự dịu dàng chính là dấu chỉ sự hiện diện của Chúa Giêsu. Tiếp cận người khác để cùng nhau bước đi, để chữa lành, để giúp đỡ, để hy sinh bản thân vì người khác.

Vì vậy, tính bình thường của Vương quốc Thiên Chúa là điều quan trọng: rằng bánh mì có thể đến với mọi người, rằng tổ chức xã hội dựa trên sự đóng góp, chia sẻ và phân phối, với sự dịu dàng; không phải trên sự sở hữu, loại trừ và tích lũy. Bởi vì khi kết thúc cuộc sống, chúng ta sẽ không mang theo bất cứ thứ gì vào cuộc sống khác!

Một loại vi-rút nhỏ tiếp tục gây ra những vết thương sâu xa và phơi bày những điểm yếu về thể chất, xã hội và tinh thần của chúng ta. Nó đã phơi bày sự bất bình đẳng lớn đang ngự trị trên thế giới: bất bình đẳng về cơ hội, về hàng hóa, về khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, về công nghệ, giáo dục: hàng triệu trẻ em không thể đến trường, và danh sách cứ thế tiếp tục. Những bất công này không phải là tự nhiên hay tất yếu. Chúng là công trình của con người, chúng xuất phát từ mô hình tăng trưởng tách biệt khỏi những giá trị sâu sắc nhất. Sự lãng phí thức ăn thừa: với sự lãng phí đó, người ta có thể nuôi sống mọi người. Và điều này đã khiến nhiều người mất hy vọng và làm gia tăng sự bất ổn và đau khổ. Đây là lý do tại sao, để thoát khỏi đại dịch, chúng ta phải tìm ra phương pháp chữa trị không chỉ cho vi-rút corona — điều này rất quan trọng! — mà còn cho các loại vi-rút lớn về con người và kinh tế xã hội. Chúng không được che giấu bằng cách tẩy trắng chúng để không ai nhìn thấy. Và chắc chắn chúng ta không thể mong đợi mô hình kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển không công bằng và không bền vững giải quyết được các vấn đề của chúng ta. Nó đã không và sẽ không làm như vậy, bởi vì nó không thể làm như vậy, mặc dù một số tiên tri giả vẫn tiếp tục hứa hẹn về “hiệu ứng nhỏ giọt” không bao giờ xảy ra (“Hiệu ứng nhỏ giọt” trong tiếng Anh, “derrame” trong tiếng Tây Ban Nha (xem Tông huấn Evangelii Gaudium, 54). Chính anh chị em đã nghe về lý thuyết về chiếc ly: điều quan trọng là chiếc ly phải đầy rồi tràn ra cho người nghèo và những người khác, và họ sẽ nhận được sự giàu có. Nhưng có một hiện tượng: chiếc ly bắt đầu đầy lên và khi gần đầy, nó sẽ lớn lên, lớn lên và lớn lên, và sự nhỏ giọt không bao giờ xảy ra. Chúng ta phải cẩn thận.

Chúng ta cần bắt tay vào hành động khẩn cấp để tạo ra các chính sách tốt, để thiết kế các hệ thống tổ chức xã hội khen thưởng sự tham gia, sự quan tâm và lòng hào phóng, thay vì sự thờ ơ, bóc lột và lợi ích riêng. Chúng ta phải tiến lên với sự dịu dàng. Một xã hội công bằng và bình đẳng là một xã hội lành mạnh hơn. Một xã hội có sự tham gia — nơi những người “cuối

cùng” được coi trọng giống như những người “đầu tiên” — sẽ củng cố sự hiệp thông. Một xã hội tôn trọng sự đa dạng sẽ có khả năng chống lại mọi loại vi-rút tốt hơn nhiều.

Chúng ta hãy đặt hành trình chữa lành này dưới sự bảo vệ của Đức Trinh Nữ Maria, Đức Mẹ Sức Khỏe. Xin Mẹ, người đã mang Chúa Giêsu trong lòng, giúp chúng ta tin tưởng. Được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, chúng ta có thể cùng nhau làm việc cho Vương quốc Thiên Chúa mà Chúa Kitô đã khai mở trên thế giới này bằng cách đến giữa chúng ta. Đó là Vương quốc của ánh sáng giữa bóng tối, của công lý giữa rất nhiều sự phân biệt, của niềm vui giữa rất nhiều nỗi đau, của sự chữa lành và cứu rỗi giữa bệnh tật và cái chết, của sự dịu dàng giữa hận thù. Xin Chúa ban cho chúng ta khả năng “lan truyền” tình yêu và “hoàn cầu hóa” hy vọng trong thế giới của đức tin

Tiết Hai: Cầu Nguyện

Chương Một: Mẫu nhiệm cầu nguyện (ngày 6 tháng 5 năm 2020)

Anh chị em thân mến, Chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta bắt đầu một loạt bài giáo lý mới về chủ đề cầu nguyện. Cầu nguyện là hơi thở của đức tin; đó là cách diễn đạt đúng đắn nhất của đức tin. Giống như tiếng kêu phát ra từ trái tim của những người tin tưởng và phó thác cho Chúa. Chúng ta hãy nghĩ về câu chuyện Bartimaeus, một nhân vật trong Tin mừng (x. Mc 10:46-52), và tôi thú nhận rằng đối với tôi, anh là người dễ mến nhất. Anh bị mù và ngồi ăn xin bên vệ đường ở ngoại vi thành phố Jericho của mình. Anh không phải là một nhân vật vô danh. Anh có một khuôn mặt và một cái tên: Bartimaeus, nghĩa là "con trai của Timaeus". Một ngày nọ, anh nghe nói rằng Chúa Giêsu sẽ đi qua đó.

Trên thực tế, Jericho là một ngã tư đường của con người, liên tục bị những người hành hương và thương nhân băng qua. Như vậy, Bartimaeus đã tự định vị mình: anh sẽ làm mọi điều có thể để gặp Chúa Giêsu. Rất nhiều người đã làm như vậy.

Chúng ta hãy nhớ lại Zacchaeus đã trèo lên cây. Nhiều người muốn nhìn thấy Chúa Giêsu; ông cũng vậy. Theo cách này, người đàn ông bước vào Tin mừng như một tiếng kêu lớn. Ông không thể nhìn thấy. Ông không biết Chúa Giêsu ở gần hay xa nhưng ông nghe thấy Người. Ông hiểu điều này từ đám đông, đến một thời điểm nhất định, đám đông ngày càng đông và đến gần hơn.... Nhưng ông hoàn toàn đơn độc và không ai quan tâm đến ông. Và Bartimaeus làm gì? Ông kêu lên. Và ông kêu lên và tiếp tục kêu lên. Ông sử dụng vũ khí duy nhất mà ông có: giọng nói của ông. Ông bắt đầu kêu lên: "Lạy Chúa Giêsu, Con vua Đavít, xin thương xót tôi!" (câu 47). Và ông tiếp tục kêu lên theo cách này. Những tiếng kêu lặp đi lặp lại của ông là một sự phiền toái. Chúng có vẻ không lịch sự và nhiều người mắng ông, bảo ông im lặng: "Nhưng hãy lịch sự; đừng làm điều này". Tuy nhiên, Bartimaeus không im lặng mà còn kêu lớn hơn nữa: "Lạy Chúa Giêsu, Con vua Đavít, xin thương xót tôi!" (câu 47): Sự bướng bỉnh tuyệt đẹp của những người tìm kiếm ân sủng và gõ cửa trái tim Chúa. Ông kêu lên; ông gõ cửa.

Câu nói đó: "Con vua Đavít", rất quan trọng. Nó có nghĩa là "Đấng Mê-xi-a" — ông tuyên xưng Đấng Mê-xi-a. Đó là lời tuyên xưng đức tin phát ra từ miệng của người đàn ông bị mọi người khinh miệt. Và Chúa Giêsu lắng nghe tiếng kêu của ông. Lời cầu nguyện của Bartimaeus chạm đến trái tim Chúa, trái tim Chúa, và cánh cửa cứu rỗi mở ra cho ông.

Chúa Giêsu gọi ông. Ông nhảy dựng lên và những người đầu tiên bảo ông im lặng, giờ đây dẫn ông đến với Chúa. Chúa Giêsu nói với ông. Người yêu cầu ông bày tỏ mong muốn của mình — điều này rất quan trọng — và sau đó tiếng kêu trở thành một lời cầu xin: "Lạy Chúa, xin cho tôi được thấy lại!" (xem câu 51).

Chúa Giêsu nói với ông: "Anh hãy đi, đức tin của anh đã cứu anh" (câu 52). Người nhận ra nơi người đàn ông nghèo khổ, bất lực và bị khinh miệt đó, tất cả sức mạnh của đức tin của ông, thu hút lòng thương xót và quyền năng của Thiên Chúa.

Đức tin là giơ hai tay lên, một giọng nói kêu lên để cầu xin ơn cứu độ. Giáo lý Công giáo nói rằng “sự khiêm nhường là nền tảng của lời cầu nguyện” (Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2559). Lời cầu nguyện được sinh ra từ đất, từ mùn mà từ đó “khiêm nhường”, “sự khiêm nhường” đã bắt nguồn. Nó xuất phát từ trạng thái bấp bênh của chúng ta, từ cơn khát liên tục của chúng ta đối với Thiên Chúa (x. ibid., 2560-2561).

Đức tin, như chúng ta đã thấy với Bartimaeus, là một tiếng kêu. Thiếu đức tin là sự kìm nén tiếng kêu đó. Thái độ mà mọi người có, khi bắt ông im lặng: họ không phải là những người có đức tin, trong khi ông thì có. Việc kìm nén tiếng kêu đó là một loại *omertà* (quy tắc im lặng). Đức tin là sự phản kháng chống lại một tình trạng đáng thương mà chúng ta không hiểu nguyên nhân. Thiếu đức tin là giới hạn bản thân để chịu đựng một hoàn cảnh mà chúng ta đã quen. Đức tin là hy vọng được cứu rỗi. Thiếu đức tin là trở nên quen với cái ác đang áp bức chúng ta và tiếp tục như vậy.

Anh chị em thân mến, chúng ta bắt đầu loạt bài giáo lý này bằng tiếng kêu của Bartimaeus vì có lẽ mọi thứ đã được viết sẵn trong một người như ông. Bartimaeus là một người kiên trì. Ông được bao quanh bởi những người giải thích rằng việc cầu xin là vô ích, rằng đó là tiếng kêu la không nhận được phản hồi, đó là tiếng ồn chỉ gây khó chịu, và do đó xin hãy ngừng kêu la. Nhưng ông đã không im lặng. Và cuối cùng ông đã đạt được điều mình muốn.

Lớn hơn bất cứ cuộc thảo luận nào ngược lại, có một giọng nói trong trái tim nhân loại đang khẩn nài. Tất cả chúng ta đều có giọng nói này bên trong. Một giọng nói tự phát phát ra mà không cần ai ra lệnh, một giọng nói tự hỏi về ý nghĩa của cuộc hành trình của chúng ta trên trái đất, đặc biệt là khi chúng ta thấy mình trong bóng tối: "Lạy Chúa Giêsu, xin thương xót con! Lạy Chúa Giêsu, xin thương xót con!". Đây là một lời cầu nguyện tuyệt đẹp.

Nhưng những lời này có lẽ không được khắc họa trong toàn bộ tạo vật sao? Mọi thứ đều cầu khẩn và khẩn cầu để mâu nhiệm của lòng thương xót có thể được hoàn thành một cách dứt khoát. Không chỉ các Ki-tô hữu cầu nguyện; họ chia sẻ tiếng kêu cầu nguyện của mình với tất cả mọi người nam và nữ. Nhưng chân trời có thể được mở rộng hơn nữa: Thánh Phaolô tuyên bố rằng toàn bộ tạo vật "đã cùng nhau rên rỉ trong cơn đau đớn cho đến bây giờ" (Rô-ma 8:22). Các nghệ sĩ thường là người diễn giải tiếng kêu thầm lặng của tạo vật được tìm thấy trong mọi loài thụ tạo và xuất hiện trên hết trong trái tim của con người, bởi vì họ là “những kẻ ăn xin trước mặt Thiên Chúa” (GLHTCG, 2559). Đây là một định nghĩa tuyệt đẹp về nhân loại: “những kẻ ăn xin trước mặt Thiên Chúa”. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai: Lời cầu nguyện của Kitô hữu (ngày 13 tháng 5 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng,

Hôm nay chúng ta bước vào bước thứ hai trong hành trình giáo lý về cầu nguyện mà chúng ta đã bắt đầu vào tuần trước.

Cầu nguyện thuộc về tất cả mọi người: nam nữ thuộc mọi tôn giáo, và có lẽ cả những người không tuyên xưng tôn giáo nào. Cầu nguyện nảy sinh trong sâu thẳm con người chúng ta, trong nơi nội tâm mà các tác giả tâm linh gọi là “trái tim” (x. Sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo, 2562-2563). Do đó, không phải thứ gì đó ngoại vi cầu nguyện trong chúng ta, không phải là một khả năng thứ cấp và bên lề mà chúng ta có, mà đúng hơn, đó là mâu nhiệm sâu sắc nhất của chúng ta. Chính mâu nhiệm này cầu nguyện. Cảm xúc cầu nguyện, nhưng người ta không thể nói rằng cầu nguyện chỉ là cảm xúc. Trí tuệ cầu nguyện, nhưng cầu nguyện không chỉ đơn thuần là một hành động trí tuệ. Cơ thể cầu nguyện, nhưng người ta có thể nói chuyện với Chúa ngay cả khi bị khuyết tật nghiêm trọng nhất. Do đó, toàn bộ con người cầu nguyện nếu họ cầu nguyện bằng “trái tim” của mình.

Cầu nguyện là một động lực; đó là lời cầu khẩn vượt ra ngoài bản thân chúng ta: một điều gì đó nảy sinh trong sự gần gũi của con người chúng ta và mở rộng ra, bởi vì nó cảm nhận được nỗi nhớ về một cuộc gặp gỡ. Nỗi nhớ đó không chỉ là một nhu cầu, không chỉ là một sự cần thiết: đó là một con đường.

Cầu nguyện là tiếng nói của một “con” đang loay hoay, đang tiến triển một cách không vững chắc để tìm kiếm một “Người”. Cuộc gặp gỡ giữa “con” và “Người” không thể diễn ra thông qua máy tính: đó là một cuộc gặp gỡ nhân bản và chúng ta thường diễn tiến một cách không vững chắc để tìm thấy “Người” mà “phận con” của tôi đang tìm kiếm.

Thay vào đó, lời cầu nguyện của một Kitô hữu phát sinh từ một mặc khải: “Người” không còn ẩn mình trong mâu nhiệm, mà đúng hơn là bước vào mối quan hệ với chúng ta. Kitô giáo là tôn giáo liên tục tôn vinh “sự biểu hiện” của Thiên Chúa, tức là sự hiển linh của Người. Các lễ đầu tiên của năm phụng vụ là lễ kỷ niệm về vị Thiên Chúa này, người không ẩn mình, mà thay vào đó, trao ban tình bạn của mình cho nhân loại. Thiên Chúa mặc khải vinh quang của Người trong cảnh nghèo khó ở Bêlem, trong sự chiêm niệm của các nhà thông thái, trong phép rửa tội ở Sông Jordan, trong phép lạ tiệc cưới tại Cana. Tin mừng Gioan kết thúc bài thánh ca tuyệt vời của Lời mở đầu bằng một lời khẳng định ngắn gọn: “Không ai từng thấy Thiên Chúa; nhưng Con Một, Đấng ở trong cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (1:18). Chính Chúa Giêsu đã mặc khải Thiên Chúa cho chúng ta.

Lời cầu nguyện của một Kitô hữu bước vào mối quan hệ với Thiên Chúa có khuôn mặt dịu dàng nhất, Đấng không muốn gieo rắc bất cứ nỗi sợ hãi nào vào con người. Đây là đặc điểm đầu tiên của lời cầu nguyện của Kitô hữu. Trong khi con người luôn quen với việc đến gần Thiên Chúa với đôi chút e ngại, đôi chút sợ hãi trước sự mâu nhiệm hấp dẫn và đáng sợ này, trong khi họ quen với việc tôn thờ Người với thái độ phục tùng, giống như thái độ của một bầy tôi không muốn bất kính với chúa tể của mình, thì thay vào đó, các Kitô hữu lại dám gọi Người một cách thân mật bằng cái tên “Cha”. Thật vậy, Chúa Giêsu sử dụng hạn từ khác: “Bố”.

Kitô giáo đã loại mọi mối quan hệ “phong kiến” khỏi mối liên kết với Thiên Chúa. Trong di sản đức tin của chúng ta không có những biểu thức như “sự khuất phục”, “nô lệ” hay “sự phục tùng”; mà đúng hơn là những chữ như “giao ước”, “tình bạn”, “lời hứa”, “sự hiệp thông”, “sự gần gũi”. Trong bài diễn văn dài từ biệt với các môn đệ, Chúa Giêsu đã nói như sau: “Thầy không còn gọi các con là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ mình làm; nhưng Thầy gọi các con là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy đã nghe từ Cha Thầy, Thầy đã cho các con biết. Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng Thầy đã chọn các con và lập các con để các con ra đi và sinh hoa trái, và hoa trái của các con tồn tại; hầu cho bất cứ điều gì các con nhân danh Ta xin Cha, thì Người sẽ ban cho các con” (Ga 15:15-16). Nhưng đây là một tấm cheque để trống: “Bất cứ điều gì các con nhân danh Thầy xin Cha, thì Cha sẽ ban cho các con”!

Thiên Chúa là một người bạn, một đồng minh, một người phối ngẫu. Trong lời cầu nguyện, người ta có thể thiết lập mối quan hệ mật thiết với Người, đến nỗi trong “Kinh Lạy Cha”, Chúa Giêsu đã dạy chúng ta phải thưa với Người một loạt câu hỏi. Chúng ta có thể cầu xin Thiên Chúa mọi điều, mọi thứ; giải thích mọi điều, kể lại mọi điều. Không quan trọng nếu chúng ta cảm thấy có khiếm khuyết trong mối quan hệ với Thiên Chúa: chúng ta không phải là những người bạn tốt, chúng ta không phải là những đứa con biết ơn, chúng ta không phải là những người phối ngẫu chung thủy. Người vẫn tiếp tục yêu thương chúng ta. Đó là điều Chúa Giêsu đã thể hiện một cách dứt khoát trong Bữa Tiệc Ly khi Người nói: “Chén này là giao ước mới trong máu Thầy, đổ ra vì anh em” (Lc 22:20).

Với cử chỉ đó trong Phòng Tiệc Ly, Chúa Giêsu báo trước mâu nhiệm Thập giá. Thiên Chúa là một đồng minh trung thành: nếu con người không còn yêu Người nữa, Người vẫn tiếp tục yêu, ngay cả khi tình yêu dẫn Người đến Đồi Canvê. Thiên Chúa luôn ở gần cánh cửa trái tim chúng ta và Người chờ chúng ta mở cửa cho Người. Và đôi khi Người gõ cửa trái tim, nhưng Người không xâm phạm: Người chờ đợi. Sự kiên nhẫn của Thiên Chúa với chúng ta là sự kiên nhẫn của một người cha, của một người yêu thương chúng ta tha thiết. Tôi muốn nói rằng đó là sự kiên nhẫn kết hợp của một người cha và một người mẹ. Luôn gần gũi với trái tim chúng ta, và khi Người gõ cửa, Người làm như vậy với sự dịu dàng và với nhiều tình yêu thương.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng cầu nguyện theo cách này, bằng cách bước vào mâu nhiệm Giao ước. Đặt mình vào vòng tay thương xót của Thiên Chúa qua lời cầu nguyện, cảm thấy được bao bọc bởi mâu nhiệm hạnh phúc là sự sống Ba Ngôi, cảm thấy như những vị khách không xứng đáng được tôn vinh nhiều như vậy. Và lặp lại với Thiên Chúa trong sự kỳ diệu của lời cầu nguyện: làm sao Chúa chỉ biết yêu thương? Người không biết hận thù. Người bị ghét bỏ nhưng Người không biết hận thù. Người chỉ biết yêu thương. Đây là Thiên Chúa mà chúng ta cầu nguyện. Đây là cốt lõi rục rỡ của mọi lời cầu nguyện Kitô giáo. Thiên Chúa của tình yêu, Cha chúng ta, Đấng đang chờ đợi chúng ta và đồng hành với chúng ta.

Chương Ba: Mâu nhiệm Tạo thế (ngày 20 tháng 5 năm 2020)

Anh chị em thân mến, Chào anh chị em buổi sáng,

Chúng ta hãy tiếp tục bài giáo lý về cầu nguyện, bằng cách suy gẫm về mâu nhiệm của Tạo thế. Cuộc sống, sự kiện đơn giản chúng ta hiện hữu, mở trái tim nhân loại ra để cầu nguyện.

Trang đầu tiên của Kinh thánh giống như một bài thánh ca tạ ơn tuyệt vời. Câu chuyện về Sáng thế có nhịp điệu với điệp khúc, trong đó sự tốt lành và vẻ đẹp của mọi sinh vật liên tục được nhấn mạnh. Bằng lời của mình, Chúa gọi sự sống, và mọi thứ đều hiện hữu. Bằng lời của mình, Người tách sự sống khỏi bóng tối, xen kẽ ngày và đêm, hoán đổi các mùa, mở ra một bảng màu với sự đa dạng của thực vật và động vật. Trong khu rừng tràn ngập này nhanh chóng đánh bại sự hỗn loạn, người cuối cùng xuất hiện là con người. Và sự xuất hiện này truyền cảm hứng cho một niềm hân hoan tột độ khuếch đại sự hài lòng và niềm vui của Người: “Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra, và kìa, chúng rất tốt lành (St 1:31). Rất tốt lành, nhưng cũng đẹp đẽ: vẻ đẹp của toàn thể tạo vật có thể được nhìn thấy!

Vẻ đẹp và sự mâu nhiệm của Sáng thế tạo ra trong trái tim con người động lực đầu tiên gọi lên lời cầu nguyện (xem Sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo, 2566). Thánh vịnh thứ tám mà chúng ta đã nghe trước đó có đoạn: “Khi tôi ngắm nhìn bầu trời, công trình của ngón tay Người, mặt trăng và các vì sao mà Người đã tạo ra; Con người là gì mà Chúa nhớ đến, loài người là gì mà Chúa thăm viếng?” (câu 3-4). Người cầu nguyện chiêm ngưỡng mâu nhiệm của cuộc sống xung quanh mình; họ nhìn thấy bầu trời đầy sao lấp lánh phía trên mình — và vật lý thiên văn cho chúng ta thấy ngày nay trong tất cả sự bao la của nó — và tự hỏi phải có kế hoạch yêu thương nào đó đằng sau công việc nặng nề như vậy! ... Và, trong không gian vô biên này, con người là gì? Một Thánh vịnh khác nói rằng con người ‘Gần như không có gì’ (x. 89:48): một sinh vật được sinh ra, một sinh vật chết đi, một sinh vật cực kỳ mong manh. Tuy nhiên, trong toàn bộ vũ trụ, con người là sinh vật duy nhất nhận thức được sự phong phú tuyệt vời của vẻ đẹp. Một sinh vật nhỏ bé được sinh ra, chết đi; họ ở đây hôm nay và biến mất ngày mai. Họ là người duy nhất nhận thức được vẻ đẹp này. Chúng ta nhận thức được vẻ đẹp này!

Lời cầu nguyện của nhân loại gắn liền chặt chẽ với cảm giác ngạc nhiên. Sự vĩ đại của con người là vô cùng nhỏ bé khi so sánh với kích thước của vũ trụ. Những chiến thắng vĩ đại nhất của họ có vẻ khá nhỏ bé ... Tuy nhiên, con người không phải là hư vô. Trong lời cầu nguyện, một cảm giác thương xót được xác nhận một cách mạnh mẽ. Không có gì tồn tại một cách ngẫu nhiên: Bí mật của vũ trụ nằm trong ánh mắt nhân từ mà ai đó nhìn thấy trong mắt chúng ta. Thánh Vịnh nói rằng chúng ta được tạo ra chẳng kém gì Thiên Chúa; chúng ta được đội vương miện vinh quang và danh dự (x. 8:6). Mối quan hệ với Thiên Chúa là sự vĩ đại của con người, là sự lên ngôi của họ. Theo bản chất, chúng ta gần như không là gì, nhỏ bé, nhưng theo ơn gọi, theo tiếng gọi, chúng ta là con cái của Vua vĩ đại!

Đây là một trải nghiệm mà nhiều người trong chúng ta đã có. Nếu những sự kiện của cuộc sống, với tất cả sự cay đắng của chúng, đôi khi có nguy cơ bóp nghẹt hồng ân cầu nguyện trong chúng ta, thì chỉ cần chiêm ngưỡng bầu trời đầy sao, hoàng hôn, một bông hoa..., để thấp lại tia lửa biết ơn. Trải nghiệm này có lẽ là cơ sở của trang đầu tiên của Kinh thánh.

Người dân Israel không trải qua những ngày hạnh phúc khi câu chuyện vĩ đại về Sáng thế trong Kinh thánh được viết ra. Một thế lực thù địch đã chiếm đóng đất đai của họ; nhiều người đã bị trục xuất, và giờ đây họ thấy mình là nô lệ ở Lưỡng Hà. Không còn quê hương, đền thờ, đời sống xã hội và tôn giáo, không còn gì nữa.

Tuy nhiên, chính khi bắt đầu từ câu chuyện vĩ đại về Sáng thế, một ai đó đã bắt đầu tìm ra lý do để tạ ơn, để ngợi khen Thiên Chúa vì sự tồn tại của mình. Cầu nguyện là sức mạnh đầu tiên của hy vọng. Anh chị em cầu nguyện và hy vọng lớn lên, nó tiến về phía trước. Tôi muốn nói rằng cầu nguyện mở ra cánh cửa hy vọng. Có hy vọng nhưng tôi mở cánh cửa bằng lời cầu nguyện của mình. Bởi vì những người cầu nguyện bảo vệ những chân lý cơ bản; họ là

những người lặp lại, trước hết và quan trọng nhất là với chính mình và sau đó là với tất cả những người khác, rằng cuộc sống này, bất chấp mọi gian khổ và thử thách, bất chấp những ngày khó khăn, vẫn tràn đầy ân sủng khiến người ta phải kinh ngạc. Và vì vậy, nó phải luôn được bảo vệ và che chở.

Những người đàn ông và đàn bà cầu nguyện biết rằng hy vọng mạnh mẽ hơn sự nản lòng. Họ tin rằng tình yêu mạnh mẽ hơn cái chết, và chắc chắn một ngày nào đó nó sẽ chiến thắng, ngay cả khi theo những cách và thời điểm mà chúng ta không hiểu. Những người đàn ông và đàn bà cầu nguyện mang những ánh sáng lấp lánh trên khuôn mặt của họ: bởi vì, mặt trời không ngừng soi sáng họ, ngay cả trong những ngày đen tối nhất. Lời cầu nguyện soi sáng anh chị em: nó soi sáng tâm hồn, soi sáng trái tim và soi sáng khuôn mặt. Ngay cả trong những thời điểm đen tối nhất, ngay cả trong những thời điểm đau khổ nhất.

Tất cả chúng ta đều là người mang niềm vui. Anh chị em đã nghĩ đến điều này chưa? Rằng anh chị em là người mang niềm vui? Hay anh chị em thích mang đến tin xấu, những điều buồn bã? Chúng ta có khả năng mang niềm vui. Cuộc sống này là món quà mà Chúa đã ban cho chúng ta: và nó quá ngắn ngủi để tiêu thụ nó trong nỗi buồn, trong cay đắng. Chúng ta hãy ngợi khen Thiên Chúa, vui mừng vì chỉ đơn giản là hiện hữu. Chúng ta hãy nhìn vào vũ trụ, hãy nhìn vào vẻ đẹp và chúng ta cũng hãy nhìn vào những cây thánh giá của mình và nói: 'Chúa hiện hữu, Chúa đã tạo ra chúng con như thế này, vì Chúa'. Cần phải cảm thấy sự bất an của trái tim dẫn đến việc cảm tạ và ngợi khen Chúa. Chúng ta là con cái của Vua vĩ đại, của Đấng Tạo Hóa, có khả năng đọc được chữ ký của Người trong toàn bộ Tạo vật. Chúng ta không bảo vệ tạo vật đó ngày hôm nay, nhưng tạo vật đó nắm giữ chữ ký của Thiên Chúa, Đấng đã tạo ra nó vì tình yêu. Xin Chúa giúp chúng ta hiểu điều này sâu sắc hơn bao giờ hết và hướng dẫn chúng ta nói “cảm ơn”; và “cảm ơn” là một lời cầu nguyện tuyệt đẹp.

Chương Bốn: Lời cầu nguyện của người công chính (ngày 27 tháng 5 năm 2020)

Anh chị em thân mến, Chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta dành bài giáo lý hôm nay cho lời cầu nguyện của người công chính.

Kế hoạch của Thiên Chúa dành cho nhân loại là tốt lành, nhưng trong các công việc hằng ngày, chúng ta trải nghiệm sự hiện diện của cái ác. Đó là một trải nghiệm hằng ngày. Các chương đầu tiên của Sách Sáng thế mô tả sự bành trướng dần dần của tội lỗi trong các công việc của con người. Adam và Eva (x. St 3:1-7) nghi ngờ ý định tốt lành của Thiên Chúa; họ nghĩ rằng họ đang đối phó với một vị Thiên Chúa đố kỵ, người cản trở hạnh phúc của họ. Đây chính là nguồn gốc của sự phản loạn của họ: họ không còn tin vào một Đấng Tạo Hóa rộng lượng, Đấng mong muốn họ được hạnh phúc. Đầu hàng trước cám dỗ của sự dữ, lòng họ bị chế ngự bởi con mê sảng về sự toàn năng: 'nếu chúng ta ăn trái cây từ cây, chúng ta sẽ trở nên giống như Thiên Chúa' (x. c. 5). Và đây là sự cám dỗ: đây là tham vọng xâm nhập vào lòng họ. Nhưng kinh nghiệm của họ lại đi theo hướng ngược lại: mắt họ mở ra và họ phát hiện ra mình trần truồng (x. c. 7), không có gì cả. Đừng quên điều này: kẻ cám dỗ là kẻ trả tiền xấu xa, hẳn không trả nhiều.

Sự dữ trở nên phá hoại hơn nữa với thể hệ loài người thứ hai, nó mạnh hơn: đó là câu chuyện về Cain và Abel (x. St 4: 1-16). Cain ghen tị với em trai mình; có hạt giống của sự ghen tị; mặc dù anh ta là con đầu lòng, anh ta coi Abel là đối thủ, người làm suy yếu quyền tối cao

của mình. Sự dữ xuất hiện trong lòng anh ta và Cain không thể kiểm soát được nó. Sự dữ bắt đầu xâm nhập vào lòng anh ta: suy nghĩ của anh ta luôn hướng đến việc nhìn người khác một cách tẻ nhạt, với sự nghi ngờ. Và điều này cũng xảy ra với suy nghĩ của anh ta: "Tên này là kẻ xấu, hẳn sẽ làm hại ta". Và ý nghĩ này đi vào trái tim anh ta Và thế là câu chuyện về tình anh em đầu tiên kết thúc bằng vụ giết người. Tôi nghĩ về tình anh em của con người ngày nay... chiến tranh ở khắp mọi nơi.

Trong số những hậu duệ của Cain, nghệ thuật và thủ công phát triển, nhưng bạo lực cũng phát triển, được thể hiện bằng bài thánh ca nham hiểm của Lamech, nghe giống như một bài thánh ca trả thù: "Tôi đã giết một người đàn ông vì đã làm tôi bị thương, một thanh niên vì đã đánh tôi, nếu Cain được báo thù bảy lần, Lamech thực sự bảy mươi bảy lần" (4:23-24). Báo thù: "Bạn đã làm điều này, bạn sẽ phải trả giá". Nhưng thẩm phán không nói điều này, tôi nói. Và tôi tự biến mình thành thẩm phán của tình huống. Và theo cách này, cái ác lan rộng như cháy rừng, cho đến khi nó chiếm trọn toàn bộ bức tranh: "Chúa thấy rằng sự gian ác của con người trên mặt đất rất lớn, và mọi ý tưởng trong lòng họ chỉ toàn là xấu xa" (6:5). Những bức bích họa lớn về trận hồng thủy hoàn cầu (chương 6-7) và về tháp Babel (chương 11) cho thấy cần có một khởi đầu mới, giống như một sự sáng tạo mới, sẽ được hoàn thành trong Chúa Giêsu Kitô.

Tuy nhiên, trong những trang đầu tiên của Kinh thánh, một câu chuyện khác, ít nổi bật hơn, khiêm nhường và ngoan đạo hơn nhiều cũng được viết, đại diện cho sự giải thoát hy vọng. Trong khi hầu hết mọi người đều cư xử theo cách gian ác, biến lòng căm thù và sự chinh phục thành động cơ lớn của các vấn đề của con người, thì vẫn có những người có khả năng cầu nguyện với Thiên Chúa một cách chân thành, có khả năng viết nên số phận của nhân loại theo một cách khác. Abel dâng lên Chúa lễ vật đầu lòng. Sau khi ông qua đời, Adam và Eva có một người con trai thứ ba, Seth, người sinh ra Enosh (có nghĩa là 'phàm nhân'), và được ghi lại: "Vào thời điểm đó, người ta bắt đầu kêu cầu danh Chúa". (4:26). Sau đó, Enoch xuất hiện, một người "đồng hành với Chúa" và được đưa lên thiên đàng (so sánh 5:22, 24). Và cuối cùng là câu chuyện về Nô-ê, một người công chính đã "đồng hành với Thiên Chúa" (6:9), trước mặt ông, Thiên Chúa đã giữ lại ý định xóa sổ nhân loại (so sánh 6:7-8).

Khi đọc những câu chuyện này, người ta có ấn tượng rằng lời cầu nguyện là một thành lũy; đó là nơi ẩn náu của con người trước làn sóng tội ác đang gia tăng trên thế giới. Khi xem xét kỹ hơn, chúng ta cũng cầu nguyện để được cứu khỏi chính mình. Điều quan trọng là phải cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin hãy cứu con khỏi chính con, khỏi những tham vọng của con, khỏi những đam mê của con". Những người cầu nguyện ở những trang đầu của Kinh thánh đều là những người làm công tác hòa bình: thực vậy, khi lời cầu nguyện chân thành, nó giải thoát người ta khỏi bản năng bạo lực và là ánh mắt hướng về Thiên Chúa, để Người có thể trở lại chăm sóc trái tim nhân loại. Chúng ta đọc trong Sách Giáo lý: "Nhiều người công chính trong mọi tôn giáo đều sống lời cầu nguyện này" (SGLCGHCG, 2569). Lời cầu nguyện vun trồng những luồng hoa tái sinh ở những nơi mà lòng hận thù của con người chỉ có thể mở rộng sa mạc. Và lời cầu nguyện có sức mạnh vì nó thu hút sức mạnh của Thiên Chúa và sức mạnh của Thiên Chúa luôn mang lại sự sống: luôn luôn. Người là Thiên Chúa của sự sống và Người gây ra sự tái sinh.

Đây là lý do tại sao quyền chúa tể của Thiên Chúa đi qua chuỗi những người đàn ông và đàn bà này, thường bị hiểu lầm hoặc bị gạt ra ngoài lề trong thế giới. Nhưng thế giới sống và phát triển nhờ sức mạnh của Thiên Chúa mà những người đây đó này thu hút bằng lời cầu nguyện của họ. Đây hoàn toàn không phải là một chuỗi ồn ào và hiếm khi được đưa tin, nhưng lại rất quan trọng để khôi phục lòng tin thối nát cho thế giới!

Tôi nhớ câu chuyện của một người đàn ông: một nhà lãnh đạo chính phủ quan trọng không phải của thời đại này, mà của quá khứ. Một người vô thần không có cảm xúc tôn giáo trong lòng, nhưng khi còn nhỏ, ông đã nghe bà mình cầu nguyện, và điều này vẫn ở trong tim ông. Và vào một thời điểm rất khó khăn trong cuộc đời, ký ức đó đã trở về trong tim ông và ông nói: "Nhưng bà tôi đã từng cầu nguyện ...". Vì vậy, ông bắt đầu cầu nguyện theo công thức của bà mình, và trong đó, ông đã tìm thấy Chúa Giêsu. Cầu nguyện luôn là một chuỗi sự sống: nhiều người đàn ông và đàn bà cầu nguyện gieo mầm sự sống.

Cầu nguyện gieo mầm sự sống, những lời cầu nguyện nhỏ: đây là lý do tại sao việc dạy trẻ em cầu nguyện lại quan trọng đến vậy. Tôi đau khổ khi gặp những đứa trẻ không biết cách làm dấu Thánh Giá. Chúng phải được dạy cách làm dấu Thánh Giá đúng cách, vì đó là lời cầu nguyện đầu tiên. Sau đó, có lẽ chúng có thể quên, đi theo một con đường khác, nhưng những lời cầu nguyện đầu tiên được học khi còn nhỏ vẫn ở trong tim, vì chúng là hạt giống của sự sống, hạt giống của cuộc đời thoải mái với Thiên Chúa.

Hành trình của Thiên Chúa trong lịch sử của Thiên Chúa được truyền tải qua họ: nó đã đi qua một "phần còn lại" của nhân loại không tuân theo luật của kẻ mạnh nhất, nhưng đã cầu xin Thiên Chúa thực hiện các phép lạ của Người, và trên hết là biến đổi trái tim chai đá của chúng ta thành trái tim bằng thịt (x. Ed 36:26). Và điều này giúp ích cho lời cầu nguyện: bởi vì lời cầu nguyện mở ra cánh cửa đến với Thiên Chúa, biến trái tim thường chai đá của chúng ta thành trái tim con người. Và điều này đòi hỏi rất nhiều tính nhân văn, và với tính nhân văn, người ta có thể cầu nguyện tốt.

Chương Năm: Lời cầu nguyện của Áp-ra-ham (ngày 3 tháng 6 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng,

Có một giọng nói đột nhiên vang lên trong cuộc đời của Áp-ra-ham. Một giọng nói mời gọi ông thực hiện một hành trình mà ông biết là vô lý: một giọng nói thúc đẩy ông nhổ rễ mình khỏi quê hương, khỏi cội nguồn gia đình, để hướng tới một tương lai mới, khác biệt. Và tất cả đều dựa trên một lời hứa, mà ông chỉ cần có lòng tin vào đó. Và để tin vào một lời hứa thì không dễ. Cần phải có lòng can đảm. Và Áp-ra-ham đã tin.

Kinh thánh không đề cập đến các bước đi của vị tổ phụ đầu tiên. Luận lý học của sự việc khiến chúng ta cho rằng ông đã tôn thờ các vị thần khác; có lẽ ông là một người đàn ông khôn ngoan, quen quan sát bầu trời và các vì sao. Trên thực tế, Thiên Chúa đã hứa với ông rằng con cháu của ông sẽ đông đúc như những vì sao lấp lánh trên bầu trời.

Và Áp-ra-ham lên đường. Ông lắng nghe tiếng Chúa và tin vào lời Người. Điều này rất quan trọng: ông tin vào Lời Thiên Chúa. Và với sự ra đi này của ông, một cách hiểu mới về mối quan hệ với Thiên Chúa đã nảy sinh. Chính vì lý do này mà tổ phụ Áp-ra-ham hiện diện trong các truyền thống tâm linh lớn của Do Thái giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo với tư cách là con người hoàn hảo của Thiên Chúa, có khả năng phục tùng Người, ngay cả khi ý muốn của Người tỏ ra khó khăn, nếu không muốn nói là hoàn toàn không thể hiểu được.

Do đó, Áp-ra-ham là người của Lời. Khi Chúa phán, con người trở thành người tiếp nhận Lời đó và cuộc sống của họ là nơi mà Lời tìm cách trở thành xác thịt. Đây là một sự mới lạ lớn

trong hành trình tôn giáo của con người: cuộc sống của một tín hữu bắt đầu được hiểu như một ơn gọi, do đó là một tiếng gọi, như nơi trong đó một lời hứa được ứng nghiệm; và anh ta đi chuyên trên thế giới không phải dưới sức nặng của một câu đố, mà là với sức mạnh của lời hứa đó, một ngày nào đó sẽ được thực hiện. Và Áp-ra-ham đã tin vào lời hứa của Thiên Chúa. Ông đã tin và ông lên đường mà không biết mình sẽ đi đâu — Thư gửi tín hữu Do Thái đã nói như vậy (x. 11:8). Nhưng ông đã tin tưởng.

Khi đọc Sách Sáng thế, chúng ta khám phá ra rằng Áp-ra-ham đã trải nghiệm lời cầu nguyện trong sự trung thành liên tục với Lời đó, Lời xuất hiện định kỳ trên con đường của ông. Tóm lại, chúng ta có thể nói rằng trong cuộc đời của Áp-ra-ham, đức tin trở thành lịch sử. Đức tin trở thành lịch sử. Thật vậy, Áp-ra-ham, bằng cuộc sống của mình, bằng tấm gương của mình, đã dạy chúng ta con đường này, con đường mà đức tin trở thành lịch sử. Thiên Chúa không còn chỉ được nhìn thấy trong các hiện tượng vũ trụ, như một Thiên Chúa xa xôi, người có thể gieo rắc nỗi sợ hãi. Thiên Chúa của Áp-ra-ham trở thành “Thiên Chúa của tôi”, Thiên Chúa của lịch sử bản thân tôi, người hướng dẫn các bước chân của tôi, người không bỏ rơi tôi; Thiên Chúa của đời tôi, bạn đồng hành trong những cuộc phiêu lưu của tôi; Chúa Quan Phòng. Tôi tự hỏi mình và tôi hỏi anh chị em: chúng ta có trải nghiệm này với Thiên Chúa không? “Chúa của tôi”, Chúa đồng hành với tôi, Chúa của lịch sử bản thân tôi, Chúa dẫn dắt các bước chân tôi, Chúa không bỏ rơi tôi, Chúa của đời tôi? Chúng ta có trải nghiệm này không? Chúng ta hãy suy nghĩ về điều này một chút.

Trải nghiệm của Áp-ra-ham cũng được chứng thực trong một trong những văn bản độc đáo nhất của lịch sử linh đạo: Tưởng niệm của Blaise Pascal. Nó bắt đầu như thế này: “Chúa của Áp-ra-ham, Chúa của I-sa-ác, Chúa của Gia-cóp, không phải của các triết gia và học giả. Sự chắc chắn, sự chắc chắn; cảm thức, niềm vui, sự bình an. Chúa của Chúa Giêsu Kitô”. Tưởng niệm này, được viết trên một tấm giấy da nhỏ và được tìm thấy sau khi ông qua đời, được khâu bên trong trang phục của triết gia, không phát biểu sự suy tư trí thức mà một người thông thái như ông có thể hình dung về Thiên Chúa, mà là cảm thức sống động, được trải nghiệm về sự hiện diện của Người. Pascal thậm chí còn ghi nhận khoảnh khắc chính xác mà ông cảm nhận được thực tại đó, sau khi cuối cùng đã gặp được nó: buổi tối ngày 23 tháng 11 năm 1654.

Đó không phải là Thiên Chúa trừu tượng hay Thiên Chúa vũ trụ, không. Người là Thiên Chúa của một con người, của một tiếng gọi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, của I-sa-ác, của Gia-cóp, Thiên Chúa là sự chắc chắn, là cảm thức, là niềm vui.

“Lời cầu nguyện của Áp-ra-ham trước tiên được phát biểu bằng hành động: một người đàn ông im lặng, ông dựng nên một bàn thờ cho Thiên Chúa ở mỗi giai đoạn của cuộc hành trình” (Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2570). Áp-ra-ham không xây dựng một ngôi đền, nhưng rải những viên đá trên đường đi gợi nhớ đến sự đi qua của Thiên Chúa. Một Thiên Chúa đáng ngạc nhiên, như khi Người đến thăm dưới hình dạng ba vị khách, những người mà Áp-ra-ham và Sara chào đón nồng nhiệt, và cả ba thông báo về sự ra đời của con trai họ là I-sa-ác (x. St 18: 1-15). Áp-ra-ham đã 100 tuổi và vợ ông khoảng 90 tuổi. Và họ đã tin, họ tin cậy Thiên Chúa. Và Sara, vợ ông, đã thụ thai. Ở độ tuổi đó! Đây là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đồng hành với chúng ta.

Vì vậy, Áp-ra-ham trở nên quen thuộc với Thiên Chúa, thậm chí có thể tranh luận với Người, nhưng luôn trung thành. Ông nói chuyện với Thiên Chúa và tranh luận. Cho đến thử thách tối cao, khi Thiên Chúa yêu cầu ông hy sinh chính đứa con trai của mình là I-sa-ác, đứa con của những năm tháng tuổi già, người thừa kế duy nhất của ông. Ở đây, Áp-ra-ham sống đức tin

như một bi kịch, như một cuộc đi bộ mò mẫm trong đêm, dưới bầu trời, lần này, không có sao. Và nhiều lần điều này cũng xảy ra với chúng ta, bước đi trong bóng tối nhưng với đức tin. Chính Thiên Chúa sẽ ngăn bàn tay của Áp-ra-ham, đã sẵn sàng để đánh, vì Người thấy sự sẵn lòng của ông thực sự trọn vẹn (x. St 22:1-19).

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy học hỏi từ Áp-ra-ham; chúng ta hãy học cách cầu nguyện với đức tin: lắng nghe Thiên Chúa, bước đi, đối thoại, cho đến tranh luận. Chúng ta đừng sợ tranh luận với Thiên Chúa! Tôi thậm chí sẽ nói điều gì đó có vẻ giống như tà giáo. Nhiều lần tôi nghe mọi người nói với tôi: “Bạn biết không, điều này đã xảy ra với tôi và tôi đã rất tức giận với Thiên Chúa” — “Bạn có can đảm để tức giận với Thiên Chúa ư?” — “Vâng, tôi đã tức giận” — “Nhưng đây là một hình thức cầu nguyện”. Bởi vì chỉ có con trai hoặc con gái mới có khả năng tức giận với bố mình và sau đó gặp lại ông ấy. Chúng ta hãy học từ Áp-ra-ham cách cầu nguyện với đức tin, đối thoại và tranh luận, nhưng luôn sẵn sàng chấp nhận Lời Chúa và đưa nó vào thực hành. Với Thiên Chúa, chúng ta hãy học cách nói chuyện như một đứa trẻ với cha mình: lắng nghe ông, trả lời, tranh luận. Nhưng mình bạch như một đứa trẻ với cha mình. Đây là cách Áp-ra-ham dạy chúng ta cầu nguyện. Cảm ơn anh chị em.

Chương Sáu: Lời cầu nguyện của Gia-cóp (ngày 10 tháng 6 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục bài giáo lý của chúng ta về chủ đề cầu nguyện. Qua những sự kiện của những người đàn ông và đàn bà từ thời xa xưa, Sách Sáng thế kể cho chúng ta những câu chuyện để chúng ta có thể Phả ảnh cuộc sống của mình. Trong thời kỳ Tở phụ, chúng ta cũng tìm thấy câu chuyện về một người đàn ông đã biến sự khôn ngoan thành tài năng tốt nhất của mình: Gia-cóp. Câu chuyện trong Kinh thánh kể cho chúng ta về mối quan hệ khó khăn mà Gia-cóp có với anh trai mình là Esau. Ngay từ khi còn nhỏ, đã có một sự ganh đua giữa họ, điều này không bao giờ được khắc phục sau này. Gia-cóp là con trai thứ hai — họ là cặp song sinh — nhưng thông qua sự lừa dối, anh đã xoay sở để có được phước lành và quyền trưởng nam của cha mình là I-sa-ác (so sánh Sáng thế 25: 19-34). Đây chỉ là lần đầu tiên trong một loạt các thủ đoạn mà người đàn ông vô đạo đức này có thể thực hiện. Ngay cả cái tên "Gia-cóp" cũng có nghĩa là một người xảo quyệt trong các hành động của mình.

Bị buộc phải chạy trốn xa anh trai mình, anh dường như thành công trong mọi công việc trong cuộc sống của mình. Anh rất giỏi kinh doanh: anh làm giàu cho bản thân rất nhiều, trở thành chủ sở hữu của một đàn gia súc khổng lồ. Với sự kiên trì và nhẫn nại, anh đã cưới được cô con gái xinh đẹp nhất của Laban, người mà anh thực sự yêu. Gia-cóp — như chúng ta thường nói theo cách nói hiện đại — là một người đàn ông “tự thân lập nghiệp”; với sự khéo léo, xảo quyệt của mình, anh đã có được mọi thứ mình muốn. Nhưng anh thiếu một điều gì đó. Anh thiếu một mối quan hệ sống động với chính cội nguồn của mình.

Và một ngày nọ, anh nghe thấy tiếng gọi của quê hương, của quê hương xưa, nơi anh trai Esau của anh, người mà anh luôn có mối quan hệ tồi tệ, vẫn đang sống. Gia-cóp lên đường, thực hiện một cuộc hành trình dài với một đoàn người và động vật, cho đến khi đến chặng cuối cùng, suối Jabbok. Ở đây, Sách Sáng thế cung cấp cho chúng ta một trang đáng nhớ (so sánh 32:23-33). Sách kể lại rằng sau khi đưa toàn bộ dân sự và toàn bộ gia súc của mình — vốn rất đông — băng qua suối, vị tở phụ vẫn ở lại một mình trên bờ sông xa lạ. Và ông tự hỏi: Điều gì đang chờ đợi ông vào ngày hôm sau? Người anh trai Esau của ông, người mà ông đã đánh cắp quyền trưởng nam, sẽ có thái độ như thế nào? Tâm trí của Gia-cóp là một

con lóc suy nghĩ Và, khi trời đang tối dần, một người lạ đột nhiên túm lấy ông và bắt đầu vật lộn với ông. Sách Giáo lý giải thích: “Từ câu chuyện này, truyền thống linh đạo của Giáo hội đã giữ lại biểu tượng của lời cầu nguyện như một trận chiến của đức tin và là chiến thắng của sự kiên trì” (SGLCGHCG, 2573).

Gia-cóp vật lộn suốt đêm, không bao giờ buông tay đối thủ của mình. Cuối cùng, ông bị đánh bại, dây thần kinh tọa của ông bị đối thủ đâm vào, và sau đó ông sẽ đi khắp khiêng trong suốt quãng đời còn lại. Nhà đô vật bí ẩn đó hỏi tên tổ phụ và nói với ông: “Tên ngươi sẽ không còn được gọi là Gia-cóp nữa, nhưng là Israel, vì ngươi đã đấu tranh với Thiên Chúa và với con người, và đã thắng” (Sáng thế 32:28). Như thế muốn nói: ngươi sẽ không bao giờ là người bước đi theo con đường này, nhưng thắng hẳn. Ông đổi tên, ông thay đổi cuộc sống, ông thay đổi thái độ. Ngươi sẽ được gọi là Israel. Sau đó, Gia-cóp cũng hỏi người kia: “Xin hãy cho tôi biết tên của Người”. Người kia không tiết lộ tên của mình, nhưng thay vào đó, chúc phúc cho ông. Sau đó, Gia-cóp hiểu rằng ông đã gặp Thiên Chúa “mặt đối mặt” (các câu 29-30).

Đấu vật với Thiên Chúa: một ẩn dụ chỉ việc cầu nguyện. Vào những lúc khác, Gia-cóp đã tiết lộ rằng mình có khả năng đối thoại với Thiên Chúa, cảm nhận Người như một sự hiện diện thân thiện và gần gũi. Nhưng đêm đó, qua một cuộc đấu tranh kéo dài gần như khiến ông khuất phục, tổ phụ đã xuất hiện và thay đổi. Một sự thay đổi về tên, một sự thay đổi trong cách sống và một sự thay đổi về tính cách: ông xuất hiện và thay đổi. Lần này, ông không còn làm chủ được tình hình nữa — sự xảo quyệt của ông không còn hữu ích với ông nữa — ông không còn là một người đàn ông chiến lược và tính toán nữa. Chúa đưa ông trở về với chân lý của mình như một người phạm đang run rẩy và sợ hãi, bởi vì trong cuộc đấu tranh, Gia-cóp đã sợ hãi. Lần này, Gia-cóp không còn gì ngoài sự yếu đuối và bất lực của mình, cũng như tội lỗi của mình, để trình lên Chúa. Và chính Gia-cóp này đã nhận được phước lành của Chúa, nhờ đó ông khắp khiêng bước vào vùng đất hứa: để bị tổn thương và bị thương, nhưng với một trái tim mới. Có lần tôi nghe một ông già — một người đàn ông tốt, Ki-tô hữu tốt, nhưng là một tội nhân có lòng tin lớn lao vào Thiên Chúa — nói rằng: “Chúa sẽ giúp tôi; Người sẽ không để tôi đơn độc. Tôi sẽ vào Thiên đàng; khắp khiêng, nhưng tôi sẽ vào”. Lúc đầu, Gia-cóp là một người đàn ông tự tin; ông tin vào sự khôn ngoan của chính mình. Ông là một người đàn ông không thăm nhuần ân sủng, chống lại lòng thương xót; ông không biết lòng thương xót là gì. “Tôi đây, tôi đang chi huy!”. Ông không nghĩ rằng mình cần lòng thương xót. Nhưng Thiên Chúa đã cứu những gì đã mất. Người khiến ông hiểu rằng ông bị giới hạn, rằng ông là một tội nhân cần lòng thương xót, và Người đã cứu ông.

Tất cả chúng ta đều có một cuộc hẹn với Thiên Chúa vào ban đêm, vào ban đêm của cuộc đời mình, trong nhiều đêm của cuộc đời mình: những khoảnh khắc đen tối, những khoảnh khắc tội lỗi, những khoảnh khắc mất phương hướng. Luôn luôn có một cuộc hẹn với Thiên Chúa ở đó. Người sẽ làm chúng ta ngạc nhiên vào lúc chúng ta không mong đợi Người, khi chúng ta thấy mình thực sự cô đơn. Cũng vào đêm đó, khi đấu tranh với điều chưa biết, chúng ta sẽ nhận ra rằng chúng ta chỉ là những người đàn ông và đàn bà nghèo khổ — “những thứ đáng thương”, tôi dám nói — nhưng ngay lúc đó, trong khoảnh khắc mà chúng ta cảm thấy mình là “những thứ đáng thương”, chúng ta không cần phải sợ hãi: vì Thiên Chúa sẽ ban cho chúng ta một cái tên mới, chứa đựng ý nghĩa của toàn bộ cuộc sống chúng ta; Người sẽ thay đổi trái tim chúng ta và sẽ ban cho chúng ta phước lành dành riêng cho những ai để Người thay đổi bản thân. Đây là một lời mời tuyệt đẹp để chúng ta để Chúa thay đổi bản thân mình. Người biết cách làm như vậy, vì Người biết mỗi người chúng ta. Mỗi người chúng ta có thể nói, “Lạy Chúa, Chúa biết con”. “Lạy Chúa, Chúa biết con. Xin Chúa thay đổi con”.

Chương Bảy: Lời cầu nguyện của Môsê (ngày 17 tháng 6 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình của chúng ta về chủ đề cầu nguyện, chúng ta nhận ra rằng Thiên Chúa không bao giờ thích đối xử với những người cầu nguyện theo cách ‘dễ dàng’. Và Môsê cũng không phải là người chủ trương đàm luận ‘yếu đuối’, ngay từ ngày đầu tiên ơn gọi của ông.

Khi Thiên Chúa gọi ông, Môsê, theo cách nói của con người, là ‘một kẻ thất bại’. Sách Xuất hành mô tả ông ở vùng đất Midian như một kẻ chạy trốn. Khi còn trẻ, ông đã cảm thấy thương xót cho dân tộc mình và đã liên kết để bảo vệ những người bị áp bức. Nhưng ông sớm phát hiện ra rằng, mặc dù có ý định tốt, nhưng không phải công lý mà là bạo lực tuôn ra từ tay ông. Vì vậy, giấc mơ vinh quang của ông đã tan vỡ: Môsê không còn là một viên chức đầy triển vọng, được định sẵn sẽ thăng tiến nhanh chóng trong sự nghiệp, mà là một người đánh cuộc mất cơ may và giờ đây chần thả một đàn gia súc thậm chí không phải của riêng mình. Và chính trong sự im lặng của sa mạc Midian, Thiên Chúa đã mời gọi Môsê đến chỗ mặc khải bụi cây cháy: “Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-sa-ác và Thiên Chúa của Gia-cóp”. Và Môsê che mặt, vì ông sợ nhìn thấy Thiên Chúa” (Xh 3:6).

Môsê chống lại Thiên Chúa, Đấng đang phán, Đấng mời gọi ông chăm sóc dân Israel một lần nữa, bằng nỗi sợ hãi và sự phản đối của mình: ông không xứng đáng với sứ mệnh đó, ông không biết danh Thiên Chúa, ông sẽ không được dân Israel tin, ông có cái lưỡi lấp bắp... rất nhiều sự phản đối. Từ ngữ thường xuyên phát ra từ môi của Môsê, trong mọi lời cầu nguyện mà ông dâng lên Thiên Chúa, là câu hỏi: ‘Tại sao?’ Tại sao Người lại sai con? Tại sao Người muốn giải thoát dân này? Tại sao? Trong Ngũ Kinh, thậm chí còn có một đoạn văn đầy kịch tính mà Thiên Chúa khiển trách Môsê vì ông thiếu lòng tin, một sự thiếu sót sẽ ngăn cản ông vào miền đất hứa (x. Dân số 20:12).

Với những nỗi sợ hãi này, với trái tim thường dao động này, làm sao Môsê có thể cầu nguyện? Thật vậy, Môsê có vẻ là con người giống như chúng ta. Và điều này cũng xảy ra với chúng ta: khi chúng ta nghi ngờ, làm sao chúng ta có thể cầu nguyện? Chúng ta không muốn cầu nguyện. Và chính vì điều này, sự yếu đuối, cũng như sức mạnh của Ông, khiến chúng ta có ấn tượng. Được Thiên Chúa giao phó để truyền đạt Luật cho dân Người, người sáng lập ra sự thờ phượng thần linh, người trung gian của những màu nhiệm cao cả nhất, ông sẽ không vì lý do này mà ngừng duy trì mối liên hệ chặt chẽ với dân ông, đặc biệt là trong giờ phút cảm động và tội lỗi. Ông luôn gắn bó với dân ông. Môsê không bao giờ quên dân ông. Và đây là một đặc điểm tuyệt vời của các mục tử: không quên dân mình, không quên cội nguồn của mình. Đó là điều mà Thánh Phaolô nói với vị Giám mục trẻ yêu dấu của mình là Ti-mô-tê: “Hãy nhớ đến mẹ và bà của con, cội nguồn của con, dân tộc của con”. Môsê rất thân thiện với Thiên Chúa đến nỗi ông có thể nói chuyện trực tiếp với Người (x. Xh 33:11); và ông sẽ vẫn thân thiện với dân ông đến nỗi ông cảm thấy thương xót cho tội lỗi của họ, cho những cảm động của họ, cho nỗi nhớ bất chợt mà những người lưu đày cảm thấy về quá khứ, nhớ lại thời họ ở Ai Cập.

Môsê không từ chối Thiên Chúa, nhưng ông cũng không từ chối dân ông. Ông trung thành với máu thịt của mình, ông trung thành với tiếng nói của Thiên Chúa. Do đó, Môsê không phải là một nhà lãnh đạo độc đoán và chuyên quyền; Sách Dân số định nghĩa ông là người “rất hiền lành, hơn mọi người trên mặt đất” (Dân số 12:3). Mặc dù có địa vị đặc quyền, Môsê

không bao giờ ngừng thuộc về hàng ngũ những người nghèo trong tinh thần, những người sống bằng cách tin tưởng vào Thiên Chúa như là của ăn đàng cho cuộc hành trình của họ. Ông là người của dân tộc mình.

Do đó, cách cầu nguyện phù hợp nhất với Môsê là thông qua sự chuyên cầu (xem Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2574). Đức tin của ông vào Thiên Chúa hoàn toàn đồng nhất với cảm thức làm cha mà ông dành cho dân tộc mình. Kinh thánh thường mô tả ông với đôi tay dang rộng về phía Thiên Chúa, như thể để tạo thành một cây cầu nối giữa trời và đất bằng chính con người của ông. Ngay cả trong những khoảnh khắc khó khăn nhất, ngay cả vào ngày mà dân tộc từ chối Thiên Chúa và chính Môsê như người lãnh đạo và tự làm cho mình một con bê vàng, Môsê không cảm thấy muốn gạt bỏ dân tộc mình sang một bên. Họ là dân của con. Họ là dân của Người. Họ là dân của con. Ông không từ chối Thiên Chúa cũng như dân tộc của mình. Và ông nói với Chúa: “Dân này đã phạm một tội lớn; chúng đã làm cho mình các thần bằng vàng. Nhưng bây giờ, xin Chúa tha thứ tội lỗi của chúng — còn nếu không, xin xóa tên con khỏi cuốn sách mà Chúa đã viết” (Xh 32:31-32). Môsê không chối dân mình. Ông là cầu nối; ông là người cầu bầu. Cả hai, dân và Thiên Chúa, và ông ở giữa. Ông không bán rẻ dân mình để thăng tiến sự nghiệp. Ông không leo thang; ông là người cầu bầu: cho dân mình, cho máu thịt mình, cho lịch sử mình, cho dân mình và cho Thiên Chúa, Đấng đã gọi ông. Ông là cầu nối. Thật là một tấm gương tuyệt vời cho tất cả các mục tử, những người phải là ‘những cây cầu’. Đây là lý do tại sao họ được gọi là pontifex, những cây cầu. Các mục tử là những cây cầu nối giữa dân mà họ thuộc về và Thiên Chúa, Đấng mà họ thuộc về theo ơn gọi. Đây chính là Môsê: “Lạy Chúa, xin tha tội cho họ, và nếu Chúa không tha thứ, xin xóa tên con khỏi cuốn sách Chúa đã viết. Con không muốn tiến lên bằng cái giá phải trả là dân tộc con”.

Và đây chính là lời cầu nguyện mà những tín hữu chân chính vun đắp trong đời sống tâm linh của họ. Ngay cả khi họ trải nghiệm những thiếu sót của mọi người và khoảng cách của họ với Thiên Chúa, những người cầu nguyện này không lên án họ, không từ chối họ. Thái độ cầu bầu là thái độ phù hợp với các thánh, những người noi gương Chúa Giêsu, là ‘cầu nối’ giữa Thiên Chúa và dân Người. Theo nghĩa này, Môsê là vị tiên tri vĩ đại đầu tiên của Chúa Giêsu, là người biện hộ và cầu bầu cho chúng ta (xem Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo, 2577). Và ngày nay, Chúa Giêsu cũng là pontifex; Người là cầu nối giữa chúng ta và Chúa Cha. Và Chúa Giêsu cầu bầu cho chúng ta; Người cho Chúa Cha thấy những vết thương là giá cứu rỗi của chúng ta, và Người cầu bầu. Và Môsê chính là hình ảnh của Chúa Giêsu, người ngày nay cầu nguyện cho chúng ta, cầu bầu cho chúng ta.

Môsê thúc giục chúng ta cầu nguyện với cùng một lòng nhiệt thành của Chúa Giêsu, để cầu bầu cho thế giới, để nhớ rằng mặc dù có tất cả những yêu đuối của nó, nó vẫn thuộc về Thiên Chúa. Mọi người đều thuộc về Thiên Chúa. Những tội nhân tội tệ nhất, những người gian ác nhất, những nhà lãnh đạo đồi bại nhất, đều là con cái của Thiên Chúa, và Chúa Giêsu cảm nhận điều này và cầu bầu cho mọi người. Và thế giới sống và phát triển nhờ phước lành của người công chính, nhờ lời cầu nguyện xin lòng thương xót, lời cầu nguyện xin lòng thương xót mà thánh nhân, người công chính, người cầu bầu, linh mục, giám mục, Giáo hoàng, giáo dân, bất cứ người nào đã chịu phép rửa tội không ngừng dâng lên cho nhân loại, ở mọi nơi và mọi thời đại trong lịch sử. Chúng ta hãy nghĩ đến Môsê, người cầu bầu. Và khi chúng ta muốn lên án ai đó và chúng ta tức giận bên trong — tức giận có thể có ích, nhưng lên án thì không có ích gì — hãy cầu bầu cho người đó; điều này sẽ giúp chúng ta rất nhiều.

Hôm nay là "Ngày Lương tâm", lấy cảm hứng từ lời chứng của nhà ngoại giao Bồ Đào Nha Aristides de Sousa Mendes, người đã quyết định đi theo tiếng nói của lương tâm cách đây

khoảng 80 năm và đã cứu mạng hàng ngàn người Do Thái và những người bị đàn áp khác. Xin cho tự do lương tâm luôn được tôn trọng ở mọi nơi; và xin cho mọi Kitô hữu nêu gương về sự nhất quán với lương tâm ngay thẳng được soi sáng bởi Lời Chúa.

Chương Tám: Lời cầu nguyện của vua Đa-vít (ngày 24 tháng 6 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình giáo lý về cầu nguyện, hôm nay chúng ta gặp Vua Đa-vít. Được Thiên Chúa ưu ái ngay từ khi còn trẻ, ông được chọn cho một sứ mệnh độc đáo đóng vai trò trung tâm trong lịch sử Dân Chúa và đức tin của chúng ta. Trong các sách Tin mừng, Chúa Giêsu được gọi là "con vua Đa-vít" nhiều lần; trên thực tế, giống như ông, Người đã sinh ra tại Bêlem. Theo lời hứa, Đấng Mê-xi-a sẽ xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít: một vị Vua hoàn toàn theo lòng Chúa, hoàn toàn vâng phục Chúa Cha, người hành động trung thành thực hiện kế hoạch cứu độ của Người (x. Sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo, 2579).

Câu chuyện của Đa-vít bắt đầu trên những ngọn đồi xung quanh Bê-lem, nơi ông chăn đàn cừu của cha mình, Jesse. Ông vẫn còn là một cậu bé, là người con út trong số nhiều người anh em. Đến nỗi khi tiên tri Samuel, theo lệnh của Chúa, đi tìm vị vua mới, thì có vẻ như cha ông đã quên mất đứa con trai út của mình (x. 1 Sam 16:1-13). Ông làm việc ngoài trời: chúng ta có thể nghĩ về ông như một người bạn của gió, của âm thanh của thiên nhiên, của những tia nắng mặt trời. Ông chỉ có một người bạn đồng hành để an ủi tâm hồn mình: cây đàn hạc; và trong những ngày dài cô đơn, ông thích chơi đàn và hát cho Thiên Chúa của mình. Ông cũng chơi với chiếc ná cao su.

Do đó, trước hết và quan trọng nhất, Đa-vít là một người chăn cừu: một người đàn ông chăm sóc các loài động vật, người bảo vệ chúng khỏi nguy hiểm sắp xảy ra, người cung cấp thức ăn cho chúng. Khi, theo ý muốn của Chúa, Đa-vít phải chăm sóc dân tộc mình, những hành động ông sẽ thực hiện sẽ không khác nhiều so với những hành động này. Đây là lý do tại sao hình ảnh người chăn chiên thường xuất hiện trong Kinh thánh. Ngay cả Chúa Giêsu cũng tự định nghĩa mình là "người chăn chiên tốt lành", người có hành vi khác với người làm thuê; Người hiến dâng mạng sống mình vì đàn chiên; Người hướng dẫn họ; Người biết tên từng người trong số họ (x. Ga 10:11-18).

Đavít đã học được rất nhiều từ công việc trước đây của mình. Vì vậy, khi tiên tri Nathan khiển trách ông vì tội lỗi rất nghiêm trọng của ông (x. 2 Sam 12:1-15), Đavít hiểu ngay rằng ông đã là một người chăn chiên xấu, rằng ông đã cướp mất con chiên duy nhất mà ông yêu quý của một người khác, rằng ông không còn là một người đầy tớ khiêm nhường nữa, mà là một người điên cuồng vì quyền lực, một kẻ săn trộm chuyên cướp bóc và săn mỗi người khác.

Một đặc điểm đặc trưng thứ hai hiện diện trong ơn gọi của Đavít là tâm hồn thi sĩ của ông. Từ quan sát nhỏ này, chúng ta có thể suy ra rằng Đavít không phải là một người thô tục, như thường thấy ở những cá nhân bị buộc phải sống tách biệt khỏi xã hội trong thời gian dài. Thay vào đó, ông là một người nhạy cảm, yêu âm nhạc và ca hát. Đàn hạc của ông luôn đồng hành cùng ông: đôi khi để cất lên bài thánh ca vui mừng dâng lên Thiên Chúa (x. 2 Sm 6:16), đôi khi để bày tỏ lời than thở, hoặc để thú nhận tội lỗi của chính mình (x. Tv 51:3).

Thế giới hiện ra trước mắt ông không phải là một cảnh tượng im lặng: khi mọi thứ mở ra trước mắt ông, ông đã quan sát thấy một mầu nhiệm lớn hơn. Đó chính là nơi lời cầu nguyện nảy sinh: từ niềm tin rằng cuộc sống không phải là điều gì đó khiến chúng ta bất ngờ, mà là một mầu nhiệm đáng kinh ngạc truyền cảm hứng cho thi ca, âm nhạc, lòng biết ơn, lời ca ngợi, thậm chí là than thở và cầu xin trong chúng ta. Khi một người thiếu chiều kích thi ca đó, hãy nói rằng, khi họ thiếu thi ca, tâm hồn của anh ta hoặc cô ta sẽ khập khiễng. Do đó, truyền thống coi Đa-vít là nghệ sĩ vĩ đại đằng sau việc sáng tác các Thánh vịnh. Nhiều trong số chúng, lúc đầu, thường có một tham chiếu rõ ràng đến vua Israel và một số sự kiện ít nhiều cao quý trong cuộc đời của ông.

Do đó, Đa-vít có một giấc mơ: đó là trở thành một người chăn chiên tốt. Đôi khi ông sẽ sống đúng với nhiệm vụ này, có những lúc lại không; Tuy nhiên, điều quan trọng, trong bối cảnh lịch sử cứu độ, là ông là lời tiên tri về một vị Vua khác, người mà ông chỉ loan báo và báo trước.

Chúng ta hãy nhìn vào Đa-vít; chúng ta hãy nghĩ về Đa-vít. Thánh thiện và tội lỗi, bị ngược đãi và là kẻ ngược đãi, nạn nhân và kẻ giết người, đó là một sự mâu thuẫn. Đa-vít là tất cả những điều này, cùng với nhau. Và chúng ta cũng đã ghi lại những sự kiện trong cuộc sống của mình, những sự kiện thường trái ngược nhau; trong vở kịch của cuộc sống, tất cả mọi người thường phạm tội do sự không nhất quán. Có một sợi chỉ vàng duy nhất chạy qua cuộc đời của Đa-vít, mang lại sự thống nhất cho mọi thứ xảy ra: lời cầu nguyện của ông. Đó là tiếng nói không bao giờ tắt. Đa-vít thánh thiện cầu nguyện; Đa-vít tội nhân cầu nguyện; Đa-vít bị ngược đãi cầu nguyện; Đa-vít kẻ ngược đãi cầu nguyện. Ngay cả Đa-vít sát nhân cũng cầu nguyện. Đây là sợi chỉ vàng chạy suốt cuộc đời ông. Một người cầu nguyện. Đó là tiếng nói không bao giờ im lặng: dù nó mang âm hưởng hân hoan hay than thở, thì đó luôn là cùng một lời cầu nguyện; chỉ có giai điệu thay đổi. Khi làm như vậy, Đa-vít dạy chúng ta hãy để mọi thứ bước vào cuộc đối thoại với Chúa: niềm vui cũng như tội lỗi, tình yêu cũng như đau khổ, tình bạn cũng như bệnh tật. Mọi thứ đều có thể trở thành một lời nói với "Người" luôn lắng nghe chúng ta.

Đa-vít, người biết đến sự cô đơn, thực ra không bao giờ cô đơn! Cuối cùng, đây là sức mạnh của lời cầu nguyện trong tất cả những ai dành chỗ cho lời cầu nguyện trong cuộc sống của họ. Lời cầu nguyện mang lại cho bạn sự cao quý, và Đa-vít cao quý vì ông cầu nguyện. Nhưng ông là một kẻ giết người cầu nguyện; ông ăn năn và sự cao quý của ông trở lại nhờ lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện mang lại cho chúng ta sự cao quý. Nó có khả năng bảo đảm mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa, Đấng là Người bạn đồng hành thực sự trên hành trình của mọi người nam và nữ, giữa hàng ngàn nghịch cảnh của cuộc sống, tốt hay xấu: nhưng hãy luôn cầu nguyện. Cảm ơn Chúa. Lạy Chúa. Con sợ, Chúa ơi. Xin giúp con, Chúa ơi. Xin tha thứ cho con, Chúa ơi. Niềm tin của Đa-vít lớn đến nỗi, khi ông bị ngược đãi và phải chạy trốn, ông đã không để bất cứ ai bảo vệ mình: "Nếu Chúa của tôi làm nhục tôi như vậy, Người biết Người đang làm gì", bởi vì sự cao quý của lời cầu nguyện để chúng ta trong tay Chúa. Đôi bàn tay bị thương bởi tình yêu: đôi bàn tay chắc chắn duy nhất mà chúng ta có.

Chương Chín: Lời cầu nguyện của Ê-li-a (ngày 7 tháng 10 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, chúng ta tiếp tục bài giáo lý về lời cầu nguyện, mà chúng ta đã tạm dừng để chuyển sang bài giáo lý về việc chăm sóc tạo vật, và bây giờ sẽ tiếp tục; và chúng ta gặp một

trong những nhân vật hấp dẫn nhất trong toàn bộ Kinh thánh: tiên tri Ê-li-a. Ông vượt ra ngoài ranh giới thời đại của mình, và chúng ta cũng có thể thấy sự hiện diện của ông trong một số đoạn trong Tin mừng. Ông hiện ra bên cạnh Chúa Giêsu, cùng với Môsê, tại thời điểm Biến hình (x. Mt 17:3). Chính Chúa Giêsu đã nhắc đến ông để ghi nhận lời chứng của Gioan Tẩy giả (x. Mt 17:10-13).

Trong Kinh thánh, Ê-li-a xuất hiện đột ngột, một cách màu nhiệm, đến từ một ngôi làng nhỏ hoàn toàn xa xôi (x. 1 Các Vua 17:1); và cuối cùng, ông rời khỏi hiện trường, dưới con mắt của môn đồ Elisha, trên cỗ xe lửa đưa ông lên thiên đàng (so sánh 2 Các Vua 2:11-12). Do đó, ông là một người không có nguồn gốc chính xác, và trên hết là không có hồi kết, được đưa lên thiên đàng. Vì lý do này, sự trở lại của ông được mong đợi trước khi Đấng Mê-xi-a đến, như một người đi trước. Sự trở lại của Ê-li-a do đó được mong đợi.

Kinh thánh mô tả Ê-li-a là một người có đức tin trong sáng: chính tên của ông, có thể có nghĩa là "Gia-vê là Thiên Chúa", chứa đựng bí mật về sứ mệnh của ông. Ông sẽ như vậy trong suốt quãng đời còn lại: một người chính trực, không có khả năng thỏa hiệp nhỏ nhất. Biểu tượng của ông là lửa, hình ảnh về quyền năng thanh tẩy của Thiên Chúa. Ông sẽ là người đầu tiên bị thử thách, và ông sẽ vẫn trung thành. Ông là tấm gương của tất cả những người có đức tin, những người biết đến sự căm dỗ và đau khổ, nhưng không ngừng sống theo lý tưởng mà vì thế họ được sinh ra.

Cầu nguyện là mạch máu liên tục nuôi dưỡng sự tồn tại của ông. Đây là lý do tại sao ông là một trong những người được truyền thống đan viện yêu quý nhất, đến nỗi một số người đã bầu ông làm cha tinh thần của một cuộc sống tận hiến cho Thiên Chúa. Ê-li-a là người của Thiên Chúa, người đứng ra bảo vệ quyền tối thượng của Đấng Tối Cao. Tuy nhiên, ông cũng buộc phải đối mặt với những yêu đuối của chính mình. Thật khó để nói những trải nghiệm nào hữu ích nhất đối với ông: sự thất bại của các tiên tri giả trên Núi Carmel (x. 1 Các Vua 18:20-40), hay sự bối rối khi ông thấy mình "không hơn gì tổ tiên mình" (x. 1 Các Vua 19:4). Trong tâm hồn của những người cầu nguyện, cảm giác về sự yếu đuối của chính họ quý giá hơn những khoảnh khắc thăng hoa, khi dường như cuộc sống là một chuỗi những chiến thắng và thành công. Điều này luôn xảy ra trong lời cầu nguyện: những khoảnh khắc cầu nguyện mà chúng ta cảm thấy nâng đỡ chúng ta, thậm chí là nhiệt tình, và những khoảnh khắc cầu nguyện đau đớn, khô khan, thử thách. Đây chính là lời cầu nguyện: để Chúa nâng đỡ chúng ta, và cũng để chúng ta bị tấn công bởi những tình huống khó chịu và thậm chí là những cám dỗ. Đây là một thực tại được tìm thấy trong nhiều ơn gọi khác trong Kinh thánh, thậm chí trong Tân Ước; hãy nghĩ đến, ví dụ, Thánh Phêrô và Thánh Phaolô. Cuộc sống của họ cũng giống như thế này: những khoảnh khắc hân hoan và những khoảnh khắc buồn chán, đau khổ.

Ê-li-a là người của cuộc sống chiêm niệm và đồng thời, của cuộc sống năng động, bận tâm với các sự kiện của thời đại mình, có khả năng xung đột với vua và hoàng hậu sau khi họ giết Nabot để chiếm lấy vườn nho của ông (so sánh 1 Các Vua 21:1-24). Chúng ta cần biết bao những người tin Thiên Chúa, những Ki-tô hữu nhiệt thành hành động khi đối đầu với những người có trách nhiệm quản lý, với lòng can đảm của Ê-li-a, để nói rằng: "Điều này không được làm! Đây là giết người!". Chúng ta cần tinh thần của Ê-li-a. Ông cho chúng ta thấy rằng không nên có sự phân đôi trong cuộc sống của những người cầu nguyện: một người đứng trước Thiên Chúa và hướng về những anh chị em mà Người sai chúng ta đến với họ. Cầu nguyện không phải là nhốt mình với Thiên Chúa để "trang điểm" cho tâm hồn mình: không, đây không phải là cầu nguyện, đây là lời cầu nguyện giả tạo. Cầu nguyện là sự thách thức với Thiên Chúa và để mình được sai đến để phục vụ anh chị em mình. Đá thử vàng của cầu nguyện là tình yêu thương cụ thể đối với người lân cận. Và ngược lại, các tín hữu hành động

trong thế gian sau khi đã im lặng và cầu nguyện trước; nếu không, hành động của họ là bốc đồng, thiếu sự biện phân, vội vã mà không có đích đến. Các tín hữu hành động theo cách này, họ gây ra nhiều bất công vì họ không cầu nguyện với Chúa trước, để biện phân những gì họ phải làm.

Các trang Kinh thánh cho thấy đức tin của Ê-li-a cũng tiến triển: ông cũng lớn lên trong lời cầu nguyện, ông tinh chỉnh nó từng chút một. Khuôn mặt của Thiên Chúa hiện rõ trước mắt ông khi ông bước đi. Ông đạt đến đỉnh cao trong trải nghiệm phi thường đó, khi Chúa hiện ra với Ê-li-a trên núi (so sánh 1 Các Vua 19:9-13). Người hiện ra không phải trong cơn bão dữ dội, không phải trong trận động đất hay ngọn lửa thiêu đốt, mà là trong “một tiếng nói nhỏ nhẹ” (câu 12). Hay đúng hơn, một bản dịch phản ánh tốt trải nghiệm đó: trong một sợi chỉ im lặng vang dội. Đây là cách Thiên Chúa hiện ra với Ê-li-a. Chính bằng dấu hiệu khiêm nhường này mà Thiên Chúa thông đạt với Ê-li-a, người vào thời điểm đó là một nhà tiên tri chạy trốn đã mất đi sự bình an. Chúa tiến lên để gặp một người đàn ông mệt mỏi, một người đàn ông nghĩ rằng mình đã thất bại trên mọi mặt trận, và với làn gió nhẹ nhàng đó, với sợi chỉ im lặng vang dội đó, Người mang lại sự bình tĩnh và bình yên trở lại trong trái tim ông.

Đây là câu chuyện về Ê-li-a, nhưng có vẻ như nó được viết cho tất cả chúng ta. Một số buổi tối, chúng ta có thể cảm thấy vô dụng và cô đơn. Khi đó, lời cầu nguyện sẽ đến và gõ cửa trái tim chúng ta. Tất cả chúng ta đều có thể gom một góc áo choàng của Ê-li-a, giống như môn đệ Elisha của ông đã gom một nửa áo choàng của ông. Và ngay cả khi chúng ta đã làm điều gì đó sai trái, hoặc nếu chúng ta cảm thấy bị đe dọa và sợ hãi, khi chúng ta trở về trước Thiên Chúa với lời cầu nguyện, sự thanh thản và bình an sẽ trở lại như thể bằng phép lạ. Đây là điều mà tâm gương của Ê-li-a dạy chúng ta.

Chương Mười: Lời cầu nguyện của các Thánh vịnh (ngày 14/10/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Khi đọc Kinh thánh, chúng ta liên tục bắt gặp những lời cầu nguyện thuộc nhiều loại khác nhau. Nhưng chúng ta cũng tìm thấy một cuốn sách chỉ gồm những lời cầu nguyện, một cuốn sách đã trở thành quê hương, phòng tập thể dục và là tổ ấm của vô vàn người đàn ông và người đàn bà cầu nguyện. Đó là Sách Thánh Vịnh. Có 150 Thánh Vịnh đề cầu nguyện.

Nó tạo thành một phần của các sách khôn ngoan vì nó truyền đạt “cách thức cầu nguyện” qua kinh nghiệm đối thoại với Thiên Chúa. Trong Thánh Vịnh, chúng ta tìm thấy mọi tình cảm của con người: niềm vui, nỗi buồn, hoài nghi, hy vọng, cay đắng vốn lên màu sắc cho cuộc sống của chúng ta. Sách Giáo lý khẳng định rằng mọi Thánh Vịnh “đều sở hữu sự đơn giản trực tiếp đến mức người mọi thời đại và mọi điều kiện có thể cầu nguyện trong sự thật” (SGLCGHCG, 2588). Khi đọc đi đọc lại các Thánh vịnh, chúng ta học được ngôn ngữ cầu nguyện. Quả thật, bằng Thần Khí của Người, Thiên Chúa là Cha đã linh hứng chúng trong lòng Vua Đavít và những người cầu nguyện khác, để dạy mọi người nam nữ cách ngợi khen Người, cách cảm tạ và khẩn cầu Người; làm thế nào để cầu khẩn Người trong vui sướng và trong đau khổ, và làm thế nào để kể lại những điều kỳ diệu trong công trình và Lễ Luật của Người. Tóm lại, Thánh Vịnh là lời của Thiên Chúa mà người phạm chúng ta dùng để nói với Người.

Trong cuốn sách này, chúng ta không gặp những con người mây gió, những con người trừu tượng, những con người nhảm lẫn cầu nguyện với một kinh nghiệm thẩm mỹ hoặc tha hóa.

Thánh Vịnh không phải là những bản văn được tạo ra trên giấy; chúng là những lời khẩn cầu, thường là cảm kích, nảy sinh từ một hiện sinh sống động. Đề cầu nguyện với chúng, chỉ cần chúng ta là chính chúng ta. Chúng ta đừng quên rằng đề cầu nguyện tốt, chúng ta phải cầu nguyện bằng con người thực của chúng ta, không cần tô điểm. Người ta không được tô điểm tâm hồn để cầu nguyện. “Lạy Chúa, con là như thế này”, và hãy đi trước mặt Chúa bằng con người thật của chúng ta, với những điều tốt và cả những điều xấu mà không ai biết, nhưng chúng ta biết trong lòng. Trong các Thánh vịnh, chúng ta nghe thấy tiếng nói của những người nam và người nữ cầu nguyện bằng xương bằng thịt, với cuộc sống, giống như tất cả chúng ta, đầy rẫy những khó khăn, gian khổ và bất trắc. Tác giả Thánh Vịnh không triệt để thách thức sự đau khổ này: ông biết rằng nó là một phần của cuộc sống. Tuy nhiên, trong Thánh Vịnh, đau khổ biến thành *một câu hỏi*. Từ đau khổ đến nghi vấn.

Và trong số rất nhiều câu hỏi, có một câu vẫn lơ lửng ở đó, giống như một tiếng kêu không ngừng xuyên suốt cuốn sách từ đầu đến cuối. Một câu hỏi mà chúng ta lặp đi lặp lại nhiều lần: “Cho đến bao giờ, lạy Chúa? Cho đến khi nào?” Mọi đau khổ đều kêu gọi sự giải thoát, mọi nước mắt đều kêu gọi sự an ủi, mọi vết thương đều đang đợi được chữa lành, mọi vu khống đang đợi một phán xử ân giải. “Cho đến bao giờ, lạy Chúa, con phải chịu đựng điều này? Lạy Chúa, xin lắng nghe con!” Biết bao lần chúng ta đã cầu nguyện như thế, với câu “Cho đến khi nào?”, Giờ đây đã đủ rồi, lạy Chúa!

Bằng cách liên tục đặt những câu hỏi như vậy, các Thánh Vịnh dạy chúng ta không nên quen với nỗi đau, và nhắc nhở chúng ta rằng sự sống không được cứu trừ khi nó được chữa lành. Sự hiện hữu của mỗi con người chỉ là một hơi thở, câu chuyện đời họ chỉ là một thoáng qua, nhưng người cầu nguyện biết rằng họ quý giá trong con mắt Thiên Chúa, và vì vậy *thật có lý khi cất tiếng kêu lên*. Và điều này là điều quan trọng. Khi cầu nguyện, chúng ta làm như vậy vì chúng ta biết mình là quý giá trong con mắt Thiên Chúa. Chính ơn Chúa Thánh Thần, từ bên trong, khơi dậy trong chúng ta ý thức này: trở nên quý giá trong con mắt Thiên Chúa. Và đây là lý do tại sao chúng ta được khuyến khích cầu nguyện.

Lời cầu nguyện của Thánh Vịnh là bằng chứng của tiếng kêu này: một tiếng kêu đa dạng, bởi vì trong cuộc sống, nỗi đau có muôn hình muôn dạng, và nó mang đủ thứ tên: bệnh tật, hận thù, chiến tranh, bách hại, ngờ vực... Cho đến “tai tiếng” tối hậu, tức cái chết. Cái chết xuất hiện trong sách Thánh Vịnh như kẻ thù phi lý nhất của con người: tội ác nào đáng bị trừng phạt tàn nhẫn như vậy, bao gồm tận diệt và kết liễu? Lời cầu nguyện của các Thánh Vịnh xin Thiên Chúa can thiệp nơi mọi cố gắng của con người đều vô ích. Đó là lý do tại sao cầu nguyện, trong và tự nó, là con đường cứu rỗi và là khởi đầu của ơn cứu rỗi.

Mọi người đều đau khổ trong thế giới này: dù họ tin vào Thiên Chúa hay từ chối Người. Nhưng trong sách Thánh Vịnh, nỗi đau trở thành một *mối liên hệ*, một tương quan: một tiếng kêu cứu chờ bắt được một đôi tai biết lắng nghe. Nó không thể mãi vô nghĩa, không có mục đích. Ngay cả những nỗi đau chúng ta gánh chịu cũng không thể chỉ là những trường hợp chuyên biệt của một quy luật phổ quát: chúng luôn là những giọt nước mắt của “tôi”. Anh chị em hãy nghĩ tới điều này: nước mắt không phổ quát, chúng là nước mắt “của tôi”. Mọi người đều có nước mắt của riêng mình. Nước mắt “của tôi” và nỗi đau “của tôi” thúc đẩy tôi tiến lên trong cầu nguyện. Chúng là những giọt nước mắt của “tôi”, mà chưa ai từng để rơi trước tôi. Đúng, họ đã khóc, đã khóc rất nhiều. Nhưng nước mắt “của tôi” là của tôi, nỗi đau “của tôi” là của riêng tôi, đau khổ của “của tôi” là của riêng tôi.

Trước khi bước vào Đại sảnh này, tôi đã gặp cha mẹ của một linh mục thuộc giáo phận Como, người đã bị giết: Người bị giết chính trong lúc phục vụ người khác. Nước mắt của

những bậc cha mẹ đó là nước mắt của riêng họ, và mỗi người trong số họ biết rằng họ đã đau khổ như thế nào khi nhìn thấy người con trai này đã hy sinh cuộc đời mình để phục vụ người nghèo. Khi chúng ta muốn an ủi ai đó, chúng ta không thể tìm ra lời. Tại sao? Vì chúng ta không thể chạm đến nỗi đau của họ, vì nỗi buồn của họ là của riêng họ, nước mắt của họ là của riêng họ. Điều này cũng đúng đối với chúng ta: những giọt nước mắt, nỗi buồn, những giọt nước mắt ấy là của tôi, và với những giọt nước mắt ấy, với nỗi buồn ấy, tôi hướng về Chúa.

Mọi nỗi đau của con người đối với Thiên Chúa đều thánh thiêng. Vì vậy, anh chị em hãy cầu nguyện lời cầu nguyện của Thánh Vịnh 56: “Bước đường con lặn đận, chính Người đã đếm rồi. Xin lấy vò mà đựng nước mắt con. Nào Người đã chẳng ghi tất cả vào sổ sách?” (câu 9). Trước mặt Thiên Chúa, chúng ta không phải là những người xa lạ hay những con số. Chúng ta là những khuôn mặt, những cõi lòng, được biết từng người một, từng tên một.

Trong các Thánh Vịnh, tín hữu tìm được câu trả lời. Họ biết rằng ngay cả khi mọi cánh cửa của con người bị cấm cản, thì cửa của Thiên Chúa luôn luôn mở. Ngay cả khi toàn thế giới đã ra phán quyết kết án, thì vẫn có sự cứu rỗi nơi Thiên Chúa.

“Chúa lắng nghe”: trong cầu nguyện, đôi khi, biết thế cũng đủ rồi. Các vấn đề không phải lúc nào cũng được giải quyết. Những người cầu nguyện không có ảo tưởng: họ biết rằng nhiều câu hỏi của cuộc sống dưới thế này vẫn chưa được giải đáp, không có lối thoát; đau khổ sẽ đồng hành với chúng ta và, sau một trận chiến, những đau khổ khác sẽ chờ đợi chúng ta. Nhưng nếu chúng ta được lắng nghe, mọi sự trở nên dễ chịu hơn.

Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là phải chịu đựng sự bỏ rơi, không được nhớ đến. Lời cầu nguyện cứu chúng ta khỏi điều này. Vì điều có thể xảy ra, và thậm chí thường xuyên xảy ra là chúng ta không hiểu các kế hoạch của Thiên Chúa. Nhưng tiếng kêu của chúng ta không bị kẹt ở dưới thế này: chúng dâng cao tới Người, Đấng có trái tim của một người Cha, và chính Người khóc cho mọi con trai và con gái đang đau khổ và chết chóc. Tôi xin nói với anh chị em một điều: trong những thời khắc khó khăn, thật tốt cho tôi khi nghĩ rằng Chúa Giêsu đang khóc; Người khóc lúc nhìn Giêrusalem, Người khóc trước mộ của Ladarô. Thiên Chúa đã khóc cho tôi, Thiên Chúa đang khóc, Người khóc vì nỗi buồn của chúng ta. Vì, như một nhà văn linh đạo hay nói, Thiên Chúa muốn làm cho chính Người trở thành con người, để có thể khóc. Nghĩ rằng Chúa Giêsu khóc với tôi trong những lúc buồn sâu là một niềm an ủi: nó giúp chúng ta tiếp tục tiến bước. Nếu chúng ta duy trì mối liên hệ của chúng ta với Người, cuộc sống không buông tha đau khổ cho chúng ta, nhưng chúng ta mở lòng ra chào đón một chân trời tốt lành rộng lớn và cố gắng vươn tới sự thành toàn của nó. Anh chị em hãy can đảm lên, kiên trì cầu nguyện. Chúa Giêsu luôn ở bên cạnh chúng ta.

Chương Mười Một: Lời cầu nguyện của Các Thánh Vịnh (ngày 21.10.2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay, chúng ta cần thay đổi một chút cách cuộc yết kiến được tiến hành vì coronavirus. Anh chị em bị tách biệt, để được bảo vệ bằng mặt nạ, và tôi ở đây, hơi cách xa một chút và tôi không thể làm những gì tôi luôn luôn làm, là đến gần anh chị em, vì mỗi khi tôi làm như vậy, tất cả anh chị em tụ lại gần nhau và không duy trì được khoảng cách, và do đó, có nguy cơ lây nhiễm cho anh chị em. Tôi xin lỗi vì điều này, nhưng đó là vì sự an toàn của anh chị em. Thay vì đến gần anh chị em và bắt tay chào anh chị em, chúng ta phải chào nhau từ xa, nhưng anh chị em biết cho rằng tôi ở gần anh chị em bằng tấm lòng của tôi. Tôi hy vọng anh chị em hiểu tại sao tôi làm điều này.

Ngoài ra, trong khi các người đọc đang đọc đoạn Kinh thánh, tôi thấy một bé trai hay một bé gái ở đằng kia khóc, và bà mẹ thì ôm ấp và cho em bé bú và tôi nói: đây là những gì Chúa làm với chúng ta, giống như bà mẹ đó. Với sự dịu dàng xiết bao bà đã ráng an ủi và cho bé thơ bú. Đó là những hình ảnh đẹp đẽ. Và khi điều đó xảy ra tại một nhà thờ, khi một bé thơ khóc, người ta biết ở đó, có sự dịu dàng của một bà mẹ, giống như hôm nay, có sự dịu dàng của một bà mẹ vốn là biểu tượng cho sự dịu dàng của Thiên Chúa đối với chúng ta. Đừng bao giờ làm một bé thơ đang khóc trong Nhà thờ phải im lặng, không bao giờ, vì đó là tiếng nói lời kéo sự dịu dàng của Thiên Chúa. Xin cảm ơn sự chứng kiến của anh chị em.

Hôm nay chúng ta sẽ hoàn thành loạt bài giáo lý về lời cầu nguyện trong các Thánh vịnh. Trước hết, chúng ta thấy thường xuất hiện ra sao một nhân vật tiêu cực trong Thánh vịnh, được gọi là người “xấu”, tức người sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu. Đây là người không có bất cứ tham chiếu siêu việt nào, tính cao ngạo của họ không có giới hạn, họ không sợ phán xét nào về những gì họ nghĩ hoặc làm.

Vì lý do này, Thánh Vịnh trình bày lời cầu nguyện như một thực tại căn bản của đời sống. Việc nhắc đến thể tuyệt đối và thể siêu việt - mà các bậc thầy linh đạo gọi là “sự kính sợ thánh thiện đối với Thiên Chúa” - và là điều khiến chúng ta trở nên hoàn toàn nhân bản, là ranh giới cứu chúng ta khỏi chính chúng ta, ngăn chúng ta phiêu lưu vào cuộc sống một cách như săn mồi và phạm ă. Cầu nguyện là sự cứu rỗi của con người.

Chắc chắn cũng có lời cầu nguyện sai lầm, lời cầu nguyện được nói lên chỉ để lôi kéo sự ngưỡng mộ của người khác. Người đó hoặc những người đi dự Thánh lễ chỉ để cho mọi người thấy họ là người Công Giáo hoặc để khoe những một thời trang mới nhất mà họ mới mua được hoặc để tạo ấn tượng tốt trong xã hội. Họ đang hướng tới lời cầu nguyện sai lầm. Chúa Giêsu đã hết sức khuyên răn chống lời cầu nguyện như vậy (x. Mt 6: 5-6; Lc 9:14). Nhưng khi tinh thần cầu nguyện đích thực được tiếp nhận một cách chân thành và đi vào trái tim, thì nó giúp chúng ta chiêm ngưỡng thực tại bằng chính con mắt của Thiên Chúa.

Khi người ta cầu nguyện, mọi sự đều có được “chiều sâu”. Điều này đáng lưu ý trong cầu nguyện, có lẽ một điều gì đó tinh tế đã bắt đầu nhưng trong lời cầu nguyện có chiều sâu, nó trở nên có chất lượng, như thể Chúa nắm lấy nó trong tay và biến đổi nó. Việc phục vụ tội tệ nhất mà một người có thể dành cho Thiên Chúa, và cho các người khác nữa, là cầu nguyện một cách mệt mỏi, thuộc lòng. Cầu nguyện như những con vẹt. Không, ta phải cầu nguyện bằng trái tim. Cầu nguyện là trung tâm của cuộc sống. Nếu có cầu nguyện, thì ngay một người anh em, một người chị em, thậm chí một kẻ thù cũng trở nên quan trọng. Một câu nói

xưa của các đan sĩ Kitô giáo tiên khởi viết: “Phước cho đan sĩ nào coi mọi người như Thiên Chúa, sau Thiên Chúa” (Evagrius Ponticus, *Trattato sulla preghiera*, n. 122). Những ai tôn thờ Chúa, thì yêu mến con cái Người. Những người kính tôn Thiên Chúa, thì tôn trọng con người.

Và vì vậy, cầu nguyện không phải là liều thuốc an thần để xoa dịu những lo lắng trong cuộc sống; hoặc, dù sao, kiểu cầu nguyện này chắc chắn không phải là của Kitô hữu. Đúng hơn, cầu nguyện làm cho mỗi chúng ta có tinh thần trách nhiệm. Chúng ta thấy rõ điều này trong “Kinh Lạy Cha” mà Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ của Người.

Để học cách cầu nguyện theo lối này, Sách Thánh vịnh là trường học tuyệt vời. Chúng ta đã thấy các Thánh vịnh không phải lúc nào cũng sử dụng ngôn ngữ tinh tế và nhẹ nhàng, và chúng thường đề cập tới các vết sẹo của cuộc hiện sinh. Tuy nhiên, tất cả những lời cầu nguyện này trước nhất được sử dụng trong Đền thờ Giêrusalem và sau đó trong các hội đường; thậm chí những hội đường thân thiết và có tính bản thân nhất. Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo diễn đạt điều đó như thế này: “Nhiều hình thức cầu nguyện của Sách Thánh Vịnh được thành hình cả trong phụng vụ Đền thờ lẫn trong tâm hồn con người” (số 2588). Và do đó, lời cầu nguyện bản thân rút tía từ và được nuôi dưỡng trước hết bằng lời cầu nguyện của dân Israel, sau đó là lời cầu nguyện của Giáo hội.

Ngay cả những bài Thánh vịnh ở ngôi thứ nhất số ít, những thánh vịnh bày tỏ các suy nghĩ và vấn đề thân thiết nhất của một cá nhân, cũng là di sản tập thể, đến mức được cầu nguyện bởi mọi người và cho mọi người. Lời cầu nguyện của Kitô hữu có “hơi thở” này, có “sự căng thẳng” tâm linh này giữ cho đền thờ và thế giới hiện hữu với nhau. Cầu nguyện có thể bắt đầu trong vùng nửa tối nửa sáng của gian giữa nhà thờ, nhưng sẽ kết thúc ngoài đường phố thị thành. Và ngược lại, nó có thể nở rộ trong các hoạt động trong ngày và đạt đến sự viên mãn trong phụng vụ. Cửa nhà thờ không phải là rào cản, mà là “tấm màng” thấm qua được, sẵn lòng cho phép lời rên rỉ của mọi người lọt qua.

Thế giới luôn hiện diện trong lời cầu nguyện tìm thấy trong Sách Thánh vịnh. Thí dụ, các bài Thánh vịnh nói về lời hứa cứu rỗi những người yếu đuối nhất của Thiên Chúa:.. “Trước cảnh người nghèo bị áp bức, kẻ khốn cùng rên siết thở than, giờ đây Ta đứng dậy”, Chúa phán, ‘Ta ban ơn giải thoát cho kẻ mong chờ’” (12: 6). Hoặc một lần nữa, chúng cảnh báo về sự nguy hiểm của sự giàu có của cải thế gian vì... “Dù sống trong danh vọng, con người cũng không hiểu biết gì; thật nó chẳng khác chi con vật một ngày kia phải chết” (49:21). Hoặc điều này nữa, chúng mở chân trời cho quan điểm của Thiên Chúa về lịch sử: “Chúa đảo lộn chương trình muôn nước, Người phá tan ý định chư dân. Chương trình Chúa ngàn năm bền vững, ý định của lòng Người vạn kiếp trường tồn” (33: 10-11).

Tóm lại, ở đâu có Thiên Chúa, thì con người cũng phải ở đó. Sách Thánh rất dứt khoát: “Chúng ta yêu thương, vì Người đã yêu thương chúng ta trước”. Người luôn đi trước chúng ta. Người luôn chờ đợi chúng ta vì Người yêu chúng ta trước, Người nhìn chúng ta trước, Người hiểu chúng ta trước. Người luôn chờ đợi chúng ta. “Nếu ai nói : ‘Tôi yêu mến Thiên Chúa’ mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối; vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy”. Nếu anh chị em lần nhiều chuỗi Mân Côi mỗi ngày nhưng sau đó lại tán gẫu về người khác, và nuôi dưỡng mối hận trong lòng, nếu anh chị em ghét người khác, thì việc cầu nguyện ấy thật sự là giả tạo, nó không đúng sự thật. “Đây là điều răn mà chúng ta đã nhận được từ Người: ai yêu mến Thiên Chúa, thì cũng yêu thương anh em mình” (1 Ga 4: 19-21). Kinh thánh thừa nhận trường hợp của người, mặc dù thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, nhưng không bao giờ gặp

được Người; nhưng Kinh thánh cũng khẳng định rằng người ta không bao giờ có thể bác bỏ nước mắt của người nghèo nếu không sẽ không gặp được Thiên Chúa. Thiên Chúa không ủng hộ chủ nghĩa “vô thần” của những người phủ nhận hình ảnh của Thiên Chúa đã in sâu vào mỗi hữu thể nhân bản. Chủ nghĩa vô thần thường ngày là thế đó: tôi tin vào Thiên Chúa nhưng tôi giữ khoảng cách với người khác và tự cho phép mình ghét bỏ người khác. Đó là thuyết vô thần thực tế. Không nhìn nhận con người như hình ảnh của Thiên Chúa là một sự phạm thánh, một sự ghê tởm, một xúc phạm nặng nề nhất có thể có đối với đền thờ và bàn thờ.

Anh chị em thân mến, ước chi các lời cầu nguyện trong Thánh vịnh giúp chúng ta không rơi vào con cám dỗ của “kẻ xấu”, nghĩa là sống, và có lẽ cả cầu nguyện nữa, như thể Thiên Chúa không hiện hữu, và như thể người nghèo không hiện hữu.

Chương Mười Hai: Chúa Giêsu, người cầu nguyện (ngày 28 tháng 10 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, trong buổi tiếp kiến này, như chúng ta đã làm trong các buổi tiếp kiến trước, tôi sẽ ở lại đây. Tôi rất muốn xuống chào từng người anh chị em, nhưng chúng ta phải giữ khoảng cách, vì nếu tôi xuống, thì ngay lập tức một đám đông sẽ tụ tập để chào tôi, và điều này trái ngược với các biện pháp và các phòng ngừa mà chúng ta phải thực hiện để đối diện với "người phụ nữ" được gọi là Covid và gây hại cho chúng ta rất nhiều. Do đó, xin hãy tha thứ cho tôi nếu tôi không xuống chào anh chị em: Tôi sẽ chào anh chị em từ đây nhưng tôi giữ tất cả anh chị em trong trái tim mình. Và anh chị em, xin hãy giữ tôi trong trái tim anh chị em, và cầu nguyện cho tôi. Từ xa, chúng ta có thể cầu nguyện cho nhau; cảm ơn anh chị em đã hiểu.

Trong hành trình giáo lý về cầu nguyện của chúng ta, sau khi đi qua Cựu Ước, giờ đây chúng ta đến với Chúa Giêsu. Và Chúa Giêsu đã cầu nguyện. Sự khởi đầu của sứ vụ công khai của Người diễn ra với phép rửa của Người tại Sông Jordan. Các Thánh sử đồng ý rằng sự kiện này có tầm quan trọng nền tảng. Họ kể lại cách mọi người tụ họp lại cầu nguyện và chỉ rõ rằng cuộc tụ họp này có bản chất sám hối rõ ràng (x. Mc 1:5; Mt 3:8). Mọi người đến với Gioan để chịu phép rửa, để được tha tội: đó là một hành động sám hối, hoán cải.

Do đó, hành động công khai đầu tiên của Chúa Giêsu là tham gia vào một lời cầu nguyện chung của mọi người, một lời cầu nguyện của những người đã đến để chịu phép rửa, một lời cầu nguyện sám hối, trong đó mọi người đều nhận ra mình là một tội nhân. Đây là lý do tại sao Gioan Tẩy Giả muốn phản đối và nói: "Tôi cần được Người làm phép rửa, thế mà Người lại đến với tôi?" (Mt 3:14). Gioan Tẩy Giả hiểu Chúa Giêsu là ai. Nhưng Chúa Giêsu nhấn mạnh: Hành động của Người là hành động vâng phục ý muốn của Chúa Cha (câu 15), một hành động liên đới với tình trạng con người của chúng ta. Người cầu nguyện với những tội nhân của Dân Chúa.

Chúng ta hãy ghi nhớ rõ điều này: Chúa Giêsu là Đấng Công Chính; Người không phải là tội nhân. Nhưng Người muốn xuống với chúng ta, những tội nhân, và Người cầu nguyện với chúng ta, và khi chúng ta cầu nguyện, Người ở cùng chúng ta, cầu nguyện; Người ở cùng chúng ta vì Người ở trên thiên đàng, cầu nguyện cho chúng ta. Chúa Giêsu luôn cầu nguyện với dân Người, Người luôn cầu nguyện với chúng ta: luôn luôn. Chúng ta không bao giờ cầu nguyện một mình; chúng ta luôn cầu nguyện với Chúa Giêsu. Người không ở lại bờ bên kia

của dòng sông — “Ta là Đấng công chính, các ngươi là tội nhân” — để đánh dấu sự khác biệt và khoảng cách của Người với những người không vâng lời, mà đúng hơn, Người nhúng chân mình vào cùng một dòng nước thanh tẩy. Người hành động như thể Người là một tội nhân. Và đây chính là sự vĩ đại của Thiên Chúa, Đấng đã sai Con Người đến và tự hủy diệt mình, và xuất hiện như một tội nhân.

Chúa Giêsu không phải là một Thiên Chúa xa xôi, và Người không thể như vậy. Sự nhập thể đã mặc khải Người theo một cách hoàn toàn và không thể tưởng tượng được đối với con người. Vì vậy, khi bắt đầu sứ mệnh của mình, Chúa Giêsu đã đặt mình ở vị trí hàng đầu trong số những người ăn năn, như thể Người đang giao phó cho mình nhiệm vụ mở ra một lỗ hồng mà tất cả chúng ta, sau Người, phải có can đảm vượt qua. Tuy nhiên, con đường, cuộc hành trình, rất khó khăn; nhưng Người vẫn tiến lên, mở đường. Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo giải thích rằng đây là sự mới mẻ của thời đại viên mãn. Sách nói rằng: “lời cầu nguyện con thảo của Người, mà Chúa Cha mong đợi từ con cái của Người, cuối cùng sẽ được Người Con duy nhất sống trong nhân tính của Người, với và cho con người” (số 2599). Chúa Giêsu cầu nguyện với chúng ta. Chúng ta hãy ghi nhớ điều này trong tâm trí và trong trái tim mình: Chúa Giêsu cầu nguyện với chúng ta.

Vào ngày đó, bên bờ Sông Jordan, do đó có toàn thể nhân loại, với nỗi khao khát cầu nguyện không thể diễn tả được. Trên hết, có dân số tội nhân: những người nghĩ rằng họ không thể được Thiên Chúa yêu thương, những người không dám bước qua ngưỡng cửa đền thờ, những người không cầu nguyện vì họ không coi mình xứng đáng. Chúa Giêsu đã đến vì mọi người, ngay cả vì họ, và Người bắt đầu chính bằng cách kết hợp với họ. Ở vị trí hàng đầu, Tin mừng Luca, nói riêng, làm nổi bật bầu không khí cầu nguyện trong đó phép rửa của Chúa Giêsu diễn ra: “Khi toàn dân đã chịu phép rửa, và khi Chúa Giêsu cũng đã chịu phép rửa và đang cầu nguyện, thì trời mở ra” (3:21). Bằng cách cầu nguyện, Chúa Giêsu mở cánh cửa thiên đàng, và Chúa Thánh Thần ngự xuống từ lỗ hồng đó. Và từ trên cao, một giọng nói tuyên bố chân lý tuyệt vời: “Con là Con yêu dấu của Ta; Ta hài lòng về Con” (câu 22). Cụm từ đơn giản này chứa đựng một kho tàng vô cùng lớn lao; nó cho phép chúng ta trực giác được một điều gì đó về thừa tác vụ của Chúa Giêsu và về tâm lòng của Người, luôn hướng về Chúa Cha. Trong con lóc của cuộc sống và thế giới sẽ đến để lên án Người, ngay cả trong những trải nghiệm khó khăn và đau buồn nhất mà Người phải chịu đựng, ngay cả khi Người cảm thấy rằng Người không có nơi nào để gói đầu (x. Mt 8:20), ngay cả khi lòng thù hận và sự ngược đãi được giải tỏa xung quanh Người, Chúa Giêsu không bao giờ không có nơi ẩn náu trú ngụ: Người trú ngụ đời đời trong Chúa Cha.

Đây là sự vĩ đại độc nhất vô nhị trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu: Chúa Thánh Thần chiếm hữu ngôi vị của Người và tiếng nói của Chúa Cha chứng thực rằng Người là người được yêu thương, là Người Con trong đó Người Phả ảnh trọn vẹn chính mình. Lời cầu nguyện này của Chúa Giêsu, trên bờ sông Jordan hoàn toàn mang tính bản vị— và sẽ như vậy trong suốt cuộc đời trần thế của Người — trong Lễ Hiện Xuống trở thành ân sủng cầu nguyện cho tất cả những người đã chịu phép rửa trong Chúa Kitô. Chính Người đã ban tặng hồng phúc này cho chúng ta, và Người mời gọi chúng ta cầu nguyện như Người đã cầu nguyện.

Vì vậy, nếu trong một buổi cầu nguyện buổi tối, chúng ta cảm thấy uể oải và trống rỗng, nếu chúng ta cảm thấy cuộc sống hoàn toàn vô ích, thì lúc đó chúng ta phải cầu xin để lời cầu nguyện của Chúa Giêsu cũng trở thành lời cầu nguyện của chính chúng ta. “Hôm nay con không thể cầu nguyện, con không biết phải làm gì: Con không muốn cầu nguyện, con không xứng đáng”. Vào lúc đó, chúng ta cần phó thác bản thân mình cho Người để Người có thể cầu nguyện cho chúng ta. Vào lúc này, Người đang ở trước mặt Chúa Cha, cầu nguyện cho chúng

ta; Người là Đấng chuyển cầu; Người cho Chúa Cha thấy những vết thương, vì chúng ta. Chúng ta hãy tin tưởng vào điều này! Nếu chúng ta tin tưởng, chúng ta sẽ nghe thấy tiếng nói từ trời, lớn hơn tiếng nói từ sâu thẳm bên trong chúng ta, và chúng ta sẽ nghe thấy tiếng nói này thì thâm những lời dịu dàng: "Con là người được Thiên Chúa yêu thương, con là con, con là niềm vui của Chúa Cha trên trời". Chính là với chúng ta, với mỗi người chúng ta, lời của Chúa Cha vang vọng: ngay cả khi chúng ta bị tất cả mọi người từ chối, những tội nhân tồi tệ nhất. Chúa Giêsu không xuống nước sông Giođan vì chính Người, nhưng vì tất cả chúng ta. Chính toàn thể Dân Chúa đã đến sông Giođan để cầu nguyện, để xin ơn tha thứ, để nhận phép rửa sám hối. Và như nhà thần học đó đã nói, họ đến gần sông Giođan với "tâm hồn trần trụi và đôi chân trần". Đây là sự khiêm nhường. Cần phải khiêm nhường để cầu nguyện. Người đã mở các tầng trời, như Môsê đã mở nước Biển Đỏ, để tất cả chúng ta có thể đi qua sau Người. Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta lời cầu nguyện của riêng Người, đó là cuộc đối thoại yêu thương của Người với Chúa Cha. Người đã ban cho chúng ta như một hạt giống của Chúa Ba Ngôi, mà Người muốn bén rễ trong trái tim chúng ta. Chúng ta hãy chào đón Người! Chúng ta hãy chào đón hồng phúc này, hồng phúc cầu nguyện. Luôn ở bên Người. Và chúng ta sẽ không sai lầm. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Ba: Chúa Giêsu, Thầy dạy cầu nguyện (ngày 04/11/2020)

Theo tin Zenit, do con số lây nhiễm và tử vong vì Covid-19 lên cao mỗi ngày, khắp thế giới và riêng tại Ý, nơi hàng ngày số người lây nhiễm lên tới 30,000 và 300 người chết, hôm nay, 4 tháng 11, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã trở lại hình thức yết kiến trực tuyến, để phát đi bài giáo lý hàng tuần của ngài từ thư viện.

Khởi đầu buổi yết kiến trực tuyến, Đức Giáo Hoàng nói rằng quả là bất hạnh khi không còn được trực tiếp gặp gỡ tín hữu, mà phải hành động có trách nhiệm theo khuyến cáo của các nhà cầm quyền dân sự.

Buổi sáng nay, Đức Giáo Hoàng tiếp tục loạt bài giáo lý của ngài về cầu nguyện và đề cao Chúa Giêsu làm Tôn sư dạy ta cầu nguyện. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài dựa theo bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Thật không may, chúng ta đã phải quay lại với việc tổ chức buổi yết kiến này trong thư viện, để tự bảo vệ trước sự lây nhiễm của Covid. Điều này cũng dạy chúng ta điều này: chúng ta phải hết sức chú ý đến các quy định của các nhà cầm quyền, cả thẩm quyền chính trị lẫn thẩm quyền y tế, để bảo vệ mình chống lại đại dịch này. Chúng ta hãy dâng lên Chúa khoảng cách này giữa chúng ta, vì lợi ích của tất cả mọi người, và chúng ta hãy nghĩ, chúng ta hãy nghĩ nhiều về những người bệnh, về những người đã bị gạt ra bên lề khi họ phải vào bệnh viện, chúng ta hãy nghĩ đến các bác sĩ, các y tá, các thiện nguyện viên, nhiều người đang làm việc với người bệnh vào thời điểm này: họ liều mạng sống nhưng họ làm vậy vì tình yêu đối với người lân cận, như một ơn gọi. Chúng ta hãy cầu nguyện cho họ.

Trong suốt cuộc đời công khai của Người, Chúa Giêsu không ngừng tận dụng sức mạnh của lời cầu nguyện. Các sách Tin Mừng cho chúng ta thấy điều này khi Người lui về những nơi vắng vẻ để cầu nguyện. Đây là những nhận xét đúng mực và thận trọng, giúp chúng ta chỉ hình dung những cuộc đối thoại cầu nguyện đó. Tuy nhiên, rõ ràng chúng chứng tỏ rằng ngay cả những lúc tận tụy hơn trong việc chăm lo cho người nghèo và người bệnh, Chúa Giêsu vẫn

không bao giờ bỏ quên cuộc đối thoại thân mật của Người với Chúa Cha. Càng đắm mình phục vụ nhu cầu của người ta, Người càng thấy cần phải dựa vào sự Hiệp thông Ba Ngôi, trở về với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

Do đó, có một bí quyết trong cuộc đời của Chúa Giêsu, được che giấu đối với đôi mắt phàm nhân, một bí quyết vốn làm điểm tựa cho mọi điều khác. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu là một thực tại mầu nhiệm, mà chúng ta rất ít trực giác được, nhưng là điều giúp chúng ta giải thích toàn bộ sứ mệnh của Người theo quan điểm đúng đắn. Trong những giờ phút tĩnh mịch ấy - trước bình minh hoặc vào ban đêm - Chúa Giêsu đã đắm mình trong tình thân mật với Chúa Cha, nghĩa là trong Tình Yêu mà mọi linh hồn đều khao khát. Đây là điều xuất hiện ngay từ những ngày đầu trong sứ vụ công khai của Người.

Thí dụ, vào một ngày Sabát, thị trấn Caphácnaum đã biến thành một “bệnh viện dã chiến”: sau khi mặt trời lặn, họ mang tất cả những người bệnh đến với Chúa Giêsu, và Người chữa lành họ. Tuy nhiên, trước bình minh, Chúa Giêsu biến dạng: Người rút lui vào một nơi thanh vắng và cầu nguyện. Simon và những người khác đi tìm Người và khi thấy Người, họ nói: “Mọi người đang tìm kiếm Thầy!” Chúa Giêsu trả lời thế nào? “Chúng ta hãy đi đến các thị trấn kế bên để thầy cũng có thể giảng dạy ở đó; vì thầy ra đi cốt để làm việc đó” (xem Mc 1: 35-38). Chúa Giêsu luôn đi xa hơn một chút, xa hơn để cầu nguyện với Chúa Cha, và xa hơn nữa, đến những làng mạc khác, những chân trời khác, đi và rao giảng cho các dân tộc khác.

Cầu nguyện là bánh lái dẫn đường cho Chúa Giêsu. Không phải thành công, không phải sự đồng thuận, không phải cụm từ quyến rũ “mọi người đang tìm kiếm thầy”, đã chỉ định các giai đoạn trong sứ mệnh của Người. Con đường mà Chúa Giêsu vẽ ra là con đường ít thoải mái nhất, nhưng đó là con đường qua đó Người vâng theo sự linh hứng của Chúa Cha, sự linh hứng mà Chúa Giêsu đã vâng nghe và nghinh đón trong lời cầu nguyện thanh tĩnh của Người.

Sách Giáo lý nói rằng “Khi Chúa Giêsu cầu nguyện, Người đã dạy chúng ta cách cầu nguyện rồi” (số 2607). Do đó, từ gương sáng của Chúa Giêsu, chúng ta có thể rút ra một số đặc điểm của lời cầu nguyện Kitô giáo.

Đầu tiên và quan trọng nhất, nó có địa vị hàng đầu: đó là ước nguyện đầu tiên trong ngày, một điều được thực hiện vào lúc bình minh, trước khi thế giới thức giấc. Nó phục hồi linh hồn trở lại điều mà nếu không có nó sẽ không có hơi sống. Một ngày sống mà không có lời cầu nguyện có nguy cơ bị biến thành một trải nghiệm khó chịu hoặc tê nhạt: tất cả những gì xảy ra với chúng ta có thể trở thành một số phận tồi tệ và mù quáng. Thay vào đó, Chúa Giêsu dạy phải tuân theo thực tại và do đó, phải lắng nghe. Cầu nguyện trước hết là lắng nghe và gặp gỡ Chúa. Nhờ thế, những vấn đề của cuộc sống hàng ngày không trở thành các trở ngại, nhưng là các lời kêu gọi của chính Thiên Chúa biết lắng nghe và gặp gỡ những người đang ở trước mặt chúng ta. Vì vậy, những thử thách trong cuộc sống biến thành cơ hội để trưởng thành trong đức tin và đức ái. Cuộc hành trình hàng ngày, bao gồm các gian khổ, nhận được viễn ảnh “ơn gọi”. Cầu nguyện có sức mạnh biến đổi thành tốt đẹp điều, trong cuộc sống, có thể bị lên án; lời cầu nguyện có sức mở rộng tâm trí đón chào một chân trời rộng lớn.

Thứ hai, cầu nguyện là một nghệ thuật cần được thực hành một cách kiên trì. Chính Chúa Giêsu nói với chúng ta: hãy gõ, hãy gõ, hãy gõ mãi. Chính Chúa Giêsu nói với chúng ta: hãy gõ, hãy gõ, hãy gõ mãi. Tất cả chúng ta đều có khả năng cầu nguyện đầy đó, xuất phát từ cảm xúc nhất thời; nhưng Chúa Giêsu dạy chúng ta một kiểu cầu nguyện khác: kiểu cầu nguyện có kỷ luật, một thao tác, được thực hiện trong quy tắc sống. Lời cầu nguyện kiên định tạo ra

sự biến đổi tiệm tiến, làm chúng ta trở nên mạnh mẽ trong lúc khổ sầu, mang lại cho chúng ta ơn thánh để được nâng đỡ bởi Đấng yêu thương chúng ta và luôn bảo vệ chúng ta.

Một đặc điểm khác trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu là sự tĩnh mịch. Những người cầu nguyện không trốn khỏi thế gian, nhưng thích những nơi vắng vẻ hơn. Ở đó, trong im lặng, nhiều tiếng nói có thể vang lên từng bị chúng ta che giấu trong sâu thẳm nội tâm của mình: những khao khát bị đè nén nhất, những sự thật mà chúng ta cố gắng bóp nghẹt, v.v. Và, trên hết, Thiên Chúa nói trong im lặng. Mọi người cần có một khoảng không gian riêng để có thể vun xới đời sống nội tâm, trong đó các hành động tìm được ý nghĩa. Không có đời sống nội tâm, chúng ta trở nên hời hợt, giao động và lo lắng - lo lắng làm hại chúng ta xiết bao! Đây là lý do tại sao chúng ta phải đi cầu nguyện; không có đời sống nội tâm, chúng ta chạy trốn thực tại, và chúng ta cũng trốn chạy chính mình, chúng ta là những người đàn ông và đàn bà luôn chạy hồi hải.

Cuối cùng, lời cầu nguyện của Chúa Giêsu là nơi chúng ta tri nhận được rằng mọi điều đều phát xuất từ Thiên Chúa và trở về với Người. Đôi khi con người chúng ta tin rằng mình làm chủ mọi sự, hoặc ngược lại, chúng ta mất hết lòng tự trọng, chúng ta đi từ phía này sang phía khác. Cầu nguyện giúp chúng ta tìm được chiều kích đúng đắn trong mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa, Cha của chúng ta và với mọi tạo vật. Và lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, cuối cùng, có nghĩa là phó mình trong tay Cha, giống như Chúa Giêsu trong vườn cây dầu, trong cuộc thống khổ đó: “Lạy Cha, nếu có thể... xin cho ý Cha được thực hiện”. Phó mình trong tay Chúa Cha. Điều tốt là khi chúng ta bị giao động, có chút lo lắng, và được Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta từ bên trong và dẫn chúng ta tới việc phó thác trong tay Chúa Cha: “Lạy Cha, xin cho ý Cha được thực hiện”.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy khám phá lại Chúa Giêsu Kitô như Thầy dạy cầu nguyện trong Tin mừng và gia nhập trường dạy của Người. Tôi bảo đảm bảo với anh chị em rằng chúng ta sẽ tìm thấy niềm vui và bình an.

Chương Mười Bốn: Lời cầu nguyện kiên trì (ngày 11 tháng 11 năm 2020)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tiếp tục bài giáo lý về cầu nguyện. Có người nói với tôi: “Cha nói quá nhiều về cầu nguyện. Không cần thiết đâu”. Có, cầu nguyện là cần thiết. Bởi vì nếu chúng ta không cầu nguyện, chúng ta sẽ không có sức mạnh để tiến về phía trước trong cuộc sống. Cầu nguyện giống như oxy của cuộc sống. Cầu nguyện thu hút sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, Đấng luôn dẫn dắt chúng ta tiến về phía trước. Vì lý do này, tôi nói nhiều về cầu nguyện.

Chúa Giêsu đã nêu gương về việc cầu nguyện liên tục, được thực hành với sự kiên trì. Đối thoại liên tục với Chúa Cha, trong thinh lặng và trong sự tĩnh tâm, là trọng tâm của toàn bộ sứ mệnh của Người. Các sách Tin Mừng cũng thuật lại lời khuyên của Người với các môn đệ rằng họ phải cầu nguyện liên li, không mệt mỏi. Sách Giáo lý nhắc lại ba dụ ngôn có trong Tin mừng Luca nhấn mạnh đặc điểm này trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu (x. SGLCGHCG, 2613).

Trước hết, lời cầu nguyện phải bền bỉ: giống như nhân vật trong dụ ngôn, phải chào đón một vị khách đến bất ngờ vào giữa đêm, đã đến gõ cửa nhà một người bạn và xin anh ta một ít

bánh mì. Người bạn trả lời, "Không!", vì anh ta đã lên giường rồi — nhưng người khách này cứ nài nỉ mãi cho đến khi họ buộc được bạn mình phải dậy và đưa cho anh ta một ít bánh mì (x. Lc 11:5-8). Một lời cầu xin bèn bỉ. Nhưng Thiên Chúa kiên nhẫn hơn chúng ta, và những ai gõ cửa trái tim Người bằng đức tin và sự kiên trì sẽ không phải thất vọng. Thiên Chúa luôn đáp lại. Luôn luôn. Cha chúng ta biết rõ chúng ta cần gì; sự nài nỉ là cần thiết không phải để thông báo cho Người hay thuyết phục Người, mà đúng hơn là cần thiết để nuôi dưỡng ước muốn và sự mong đợi trong chúng ta.

Dụ ngôn thứ hai là về bà góa đến gặp quan tòa để ông có thể giúp bà đòi lại công lý. Vị quan tòa này là kẻ tham nhũng; ông là một người không có chút do dự, nhưng cuối cùng, bực tức vì sự nài nỉ của bà góa, ông quyết định làm bà vui lòng (x. Lc 18:1-8)... Ông nghĩ: “Nhưng, tốt hơn là giải quyết vấn đề này và đuổi bà ta ra khỏi lưng mình thay vì bà ta liên tục đến trước mặt mình để phàn nàn”. Dụ ngôn này khiến chúng ta hiểu rằng đức tin không phải là một bước nhảy vọt nhất thời, mà là một thái độ can đảm để kêu cầu Chúa, thậm chí là “tranh luận” với Người, mà không cam chịu sự dữ và bất công.

Dụ ngôn thứ ba kể về một người Pharisêu và một người thu thuế đến Đền thờ để cầu nguyện. Người đầu tiên hướng về Chúa khoe khoang về công trạng của mình; người kia cảm thấy không xứng đáng ngay cả khi vào cung thánh. Tuy nhiên, Chúa không lắng nghe lời cầu nguyện của người đầu tiên, tức là của những kẻ kiêu ngạo, trong khi Người lại chấp nhận lời cầu nguyện của những người khiêm nhường (x. Lc 18:9-14). Không có lời cầu nguyện đích thực nào nếu không có tinh thần khiêm nhường. Chính sự khiêm nhường dẫn chúng ta đến việc cầu xin trong lời cầu nguyện.

Giáo huấn của Tin mừng rất rõ ràng: chúng ta cần phải luôn cầu nguyện, ngay cả khi mọi thứ dường như vô ích, khi Chúa dường như điếc và câm và dường như chúng ta đang lãng phí thời gian. Ngay cả khi thiên đàng bị che khuất, người Kitô hữu vẫn không ngừng cầu nguyện. Lời cầu nguyện của người Kitô hữu luôn song hành với đức tin của mình. Và trong nhiều ngày của cuộc đời, đức tin dường như là một ảo tưởng, một cuộc đấu tranh vô ích. Có những khoảnh khắc đen tối trong cuộc sống của chúng ta, và trong những khoảnh khắc đó, đức tin dường như là một ảo tưởng. Nhưng việc thực hành cầu nguyện cũng có nghĩa là chấp nhận cuộc đấu tranh này. “Thưa cha, con cầu nguyện và không cảm thấy gì cả... Con cảm thấy như trái tim con khô cằn, rằng trái tim con khô cằn”. Nhưng chúng ta phải tiếp tục, với cuộc đấu tranh này trong những khoảnh khắc khó khăn, những khoảnh khắc mà chúng ta không cảm thấy gì cả. Nhiều vị thánh đã trải qua đêm đen đức tin và sự im lặng của Thiên Chúa — khi chúng ta gõ cửa và Thiên Chúa không đáp lại — và những vị thánh này đã kiên trì.

Trong những đêm đen đức tin này, những người cầu nguyện không bao giờ cô đơn. Thật vậy, Chúa Giêsu không chỉ là một chứng nhân và người dạy cầu nguyện; Người còn hơn thế nữa. Người chào đón chúng ta trong lời cầu nguyện của Người để chúng ta có thể cầu nguyện trong Người và qua Người. Và đây là công việc của Chúa Thánh Thần. Đây là lý do tại sao Tin Mừng mời gọi chúng ta cầu nguyện với Chúa Cha nhân danh Chúa Giêsu. Thánh Gioan cung cấp những lời này của Chúa: “Bất cứ điều gì anh em nhân danh Thầy mà xin, Thầy sẽ làm, để Chúa Cha được tôn vinh nơi Chúa Con” (14:13). Và Sách Giáo lý giải thích rằng “niềm tin chắc chắn rằng những lời cầu xin của chúng ta sẽ được lắng nghe dựa trên lời cầu nguyện của Chúa Giêsu” (số 2614). Nó trao cho đôi cánh mà lời cầu nguyện của nhân loại luôn mong muốn có được.

Làm sao chúng ta có thể không nhớ lại ở đây những lời của Thánh vịnh 91, chất chứa niềm tin, phát xuất từ một trái tim hy vọng vào mọi sự từ Thiên Chúa: “Người sẽ che chở bạn bằng

đôi cánh của Người, và dưới cánh Người, bạn sẽ được ẩn náu; lòng thành tín của Người là khiên che và thuẫn đỡ. Bạn sẽ không sợ nổi kinh hoàng ban đêm, hay mũi tên bay ban ngày, hay ôn dịch rình rập trong bóng tối, hay sự tàn phá tàn khốc giữa trưa” (các câu 4-6). Chính trong Chúa Kitô mà lời cầu nguyện phi thường này được ứng nghiệm, chính trong Người mà lời cầu nguyện tìm thấy chân lý trọn vẹn của nó. Nếu không có Chúa Giêsu, lời cầu nguyện của chúng ta có nguy cơ bị giản lược thành nỗ lực của con người, hầu hết thời gian đều dẫn đến thất bại. Nhưng Người đã tự mình gánh lấy mọi tiếng kêu, mọi tiếng rên rỉ, mọi niềm hân hoan, y lời cầu xin ... mọi lời cầu nguyện của con người. Và chúng ta đừng quên Chúa Thánh Thần cầu nguyện trong chúng ta; chính Người dẫn chúng ta cầu nguyện, Người dẫn chúng ta đến với Chúa Giêsu. Người là món quà mà Chúa Cha và Chúa Con đã ban cho chúng ta để nuôi dưỡng cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa. Và Chúa Thánh Thần, khi chúng ta cầu nguyện, là Chúa Thánh Thần cầu nguyện trong lòng chúng ta.

Chúa Kitô là tất cả đối với chúng ta, ngay cả trong đời sống cầu nguyện của chúng ta. Thánh Augustinô thường nói điều này với một cách diễn đạt sáng tỏ mà chúng ta cũng tìm thấy trong Sách Giáo lý: Chúa Giêsu “cầu nguyện cho chúng ta như một linh mục của chúng ta, cầu nguyện trong chúng ta như là Đầu của chúng ta, và được chúng ta cầu nguyện với tư cách là Thiên Chúa của chúng ta. Vì vậy, chúng ta hãy thừa nhận tiếng nói của chúng ta trong Người và tiếng nói của Người trong chúng ta” (số 2616). Đây là lý do tại sao người Kitô hữu cầu nguyện không sợ gì cả, anh ấy hoặc cô ấy tin tưởng vào Chúa Thánh Thần, Đấng đã được ban cho chúng ta như một món quà và người cầu nguyện trong chúng ta, khơi dậy lời cầu nguyện. Xin chính Chúa Thánh Thần, Thầy dạy cầu nguyện, dạy chúng ta con đường cầu nguyện.

Chương Mười Lăm: Đức Mẹ, mẫu gương cầu nguyện (ngày 18/11/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong quá trình dạy giáo lý về cầu nguyện, hôm nay chúng ta gặp gỡ Đức Trinh Nữ Maria như người phụ nữ cầu nguyện. Đức Mẹ đã cầu nguyện. Khi thế giới vẫn chưa biết gì về Người, khi Người còn là một cô gái đơn sơ đính hôn với một người đàn ông thuộc nhà Đavít, Đức Maria đã cầu nguyện. Chúng ta có thể tưởng tượng cô gái trẻ Nazareth được bao bọc trong im lặng, liên tục đối thoại với Thiên Chúa, Đấng sẽ sớm giao phó cho Người một sứ mệnh. Người đã tràn đầy ân sủng và vô nhiễm ngay từ khi được thụ thai; nhưng Người chưa biết gì về ơn gọi bất ngờ và phi thường của mình cũng như vùng biển bão tố mà Người sẽ phải vượt qua. Điều chắc chắn là: Đức Maria thuộc về đoàn rất nhiều người có tâm lòng khiêm tốn mà các sử gia chính thức không bao giờ đưa vào sách của họ, nhưng là người mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho Con của Người xuống thế.

Đức Maria đã không tự ý tiến hành cuộc sống của mình: Người chờ đợi Thiên Chúa cầm cương con đường của Người và hướng dẫn Người đến nơi Người muốn. Người ngoan ngoãn, và sẵn sàng chuẩn bị cho những biến cố lớn trong đó Thiên Chúa dự phần vào thế giới. *Sách Giáo lý* nhắc đến sự hiện diện thường xuyên và đầy quan tâm của Người trong thiết kế đầy nhân từ của Chúa Cha trong suốt cuộc đời của Chúa Giêsu (xin xem *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2617-2618).

Đức Maria đang cầu nguyện thì Tổng lãnh thiên thần Gabriel mang sứ điệp của Thiên Chúa đến cho Người ở Nazareth. Suốt trong lịch sử cứu độ, câu thưa “Tôi đây” nhỏ bé nhưng bao

la của Người, một câu nói làm cho mọi tạo vật nhảy mừng hân hoan vào lúc đó, đã theo sau nhiều câu “Tôi đây” khác, của nhiều người tin cậy vâng lời, của nhiều người sẵn sàng mở lòng ra đón nhận thánh ý Thiên Chúa. Không có cách nào tốt để cầu nguyện hơn là đặt mình vào một thái độ cởi mở, một tấm lòng rộng mở đối với Thiên Chúa: “Lạy Chúa, Chúa muốn gì, Chúa muốn khi nào và Chúa muốn ra sao”. Tấm lòng rộng mở đón nhận thánh ý Thiên Chúa là thế đó. Và Chúa luôn đáp trả. Có biết bao tín hữu đã sống việc cầu nguyện của họ như thế! Những ai có tấm lòng khiêm tốn nhất đều cầu nguyện như thế này: với lòng khiêm nhường từ trong yếu tính, có thể nói như thế; với lòng khiêm nhường đơn sơ: “Lạy Chúa, Chúa muốn gì, Chúa muốn khi nào và Chúa muốn ra sao”. Họ cầu nguyện như vậy và không buồn khi các vấn đề tràn ngập ngày sống của họ, nhưng họ tiếp tục đối mặt với thực tại và biết rằng trong tình yêu khiêm nhường, trong tình yêu dâng hiến theo mỗi hoàn cảnh, chúng ta trở thành công cụ cho ơn thánh của Thiên Chúa. “Lạy Chúa, Chúa muốn gì, Chúa muốn khi nào và Chúa muốn ra sao”. Một lời cầu nguyện đơn giản nhưng là lời cầu nguyện trong đó chúng ta đặt mình trong tay Chúa để Người hướng dẫn chúng ta. Tất cả chúng ta có thể cầu nguyện như thế, hầu như không cần lời nói.

Cầu nguyện biết cách làm dịu những bồn chồn. Chúng ta bồn chồn, luôn muốn có những sự vật trước khi yêu cầu được chúng, và chúng ta muốn có ngay. Sự bồn chồn này làm hại chúng ta. Và việc cầu nguyện biết cách làm dịu sự bồn chồn, biết cách biến nó thành sự sẵn sàng. Khi chúng ta bồn chồn, tôi cầu nguyện và lời cầu nguyện mở trái tim tôi ra và khiến tôi cởi mở đón nhận thánh ý Thiên Chúa. Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi của Biển cỏ Truyền Tin, Đức Trinh Nữ Maria biết cách bác bỏ sự sợ hãi, ngay cả khi cảm thấy lời “xin vâng” của mình sẽ mang đến cho mình những thử thách vô cùng khó khăn. Nếu trong việc cầu nguyện, chúng ta hiểu rằng mỗi ngày Thiên Chúa ban là một lời mời gọi, thì trái tim chúng ta sẽ mở rộng ra và chúng ta sẽ chấp nhận mọi sự. Chúng ta sẽ học cách nói: “Chúa muốn gì, lạy Chúa. Chỉ cần Chúa hứa với con rằng Chúa sẽ có mặt trên mỗi bước đường con đi”. Điều này rất quan trọng: cầu xin Chúa hiện diện trên mọi bước đường ta đi: để Người không bỏ rơi chúng ta một mình, để Người không bỏ rơi chúng ta trong cơn cám dỗ, để Người không bỏ rơi chúng ta trong những giờ phút tội tệ. Kinh Lạy Cha kết thúc thế này: Ôn thánh mà chính Chúa Giêsu đã dạy chúng ta là cầu xin Chúa.

Đức Maria đã đồng hành suốt cuộc đời của Chúa Giêsu bằng lời cầu nguyện, cho đến khi Người chết và phục sinh; và cuối cùng, Người tiếp tục và đã đồng hành với những bước đi đầu tiên của Giáo Hội sơ khai (xem Cv 1:14). Đức Maria cầu nguyện với các môn đệ, những người đã chứng kiến tai tiếng thập giá. Người đã cầu nguyện cùng với Thánh Phêrô, người đã sa ngã vì sợ và khóc lóc hối hận. Đức Maria ở đó, với các môn đệ, giữa những người nam và người nữ mà Con của Người đã kêu gọi thành lập nên Cộng đồng của Người. Đức Maria không hành động như một linh mục giữa họ, không! Người là Mẹ của Chúa Giêsu, người đã cầu nguyện với họ, trong cộng đồng, như một thành viên của cộng đồng. Người cầu nguyện với họ và cầu nguyện cho họ. Và, một lần nữa, lời cầu nguyện của Người đi trước vào một tương lai sắp được ứng nghiệm: nhờ công trình của Chúa Thánh Thần, Người trở thành Mẹ Thiên Chúa, và nhờ công trình của Chúa Thánh thần, Người trở thành Mẹ Giáo Hội. Cầu nguyện với Giáo hội sơ khai, Người trở thành Mẹ của Giáo hội, đồng hành với các môn đệ trên những bước đầu tiên của Giáo hội bằng lời cầu nguyện, trông đợi Chúa Thánh Thần. Trong im lặng, luôn luôn âm thầm. Lời cầu nguyện của Đức Maria là lời cầu nguyện im lặng. Các sách Tin Mừng chỉ kể lại một trong những lời cầu nguyện của Đức Maria tại Cana, khi Người cầu xin Con của Người cho những người nghèo sắp gây ra ấn tượng kinh khủng trong bữa tiệc. Nào, chúng ta hãy tưởng tượng xem: có một tiệc cưới và tiệc cưới này sẽ kết thúc bằng sữa vì không còn rượu! Thật là một ấn tượng! Và Người đã cầu nguyện và yêu cầu Con trai của Người giải quyết vấn đề đó. Trong và từ bản chất, sự hiện diện của Đức Maria là lời

cầu nguyện, và sự hiện diện của Người giữa các môn đệ trong Nhà Tiệc Ly, đang trông đợi Chúa Thánh Thần, cũng là lời cầu nguyện. Như thế, Đức Maria sinh ra Giáo hội, Người là Mẹ của Giáo hội. Sách Giáo lý giải thích: “Trong đức tin của nữ tì khiêm nhường của Người, Hồng phúc của Thiên Chúa”, tức là Chúa Thánh Thần, “đã tìm thấy sự chấp nhận mà Người hằng mong đợi từ thuở khởi nguyên thời gian” (*Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2617).

Nơi Đức Trinh Nữ Maria, trực giác nữ tính tự nhiên được đề cao bởi sự kết hợp độc đáo nhất của Người với Thiên Chúa trong lời cầu nguyện. Đây là lý do tại sao, khi đọc Tin Mừng, chúng ta lưu ý điều này đôi khi dường như Người biến mất, chỉ đề xuất hiện trở lại trong những thời điểm chủ chốt: Đức Maria đã mở lòng đón nhận tiếng nói của Thiên Chúa vốn hướng dẫn tâm hồn Người, hướng dẫn Người từng bước khi sự hiện diện của Người được cần đến. Sự hiện diện âm thầm của Người như một người mẹ và một người môn đệ. Đức Maria hiện diện vì Người là Mẹ, nhưng Người cũng hiện diện vì Người là môn đệ đầu tiên, môn đệ đã học được nhiều nhất đường lối của Chúa Giêsu. Đức Maria không bao giờ nói: "Hãy đến đây, tôi sẽ lo liệu mọi chuyện". Thay vào đó, Người nói: "Hãy làm bất cứ điều gì Người sẽ nói với anh em", luôn chỉ tay về phía Chúa Giêsu. Tác phong này là điển hình của người môn đệ, và Người là môn đệ đầu tiên: Người cầu nguyện như Mẹ và Người cầu nguyện như một môn đệ.

“Đức Maria hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng” (Lc 2:19). Thánh sử Luca đã mô tả Mẹ của Chúa trong trình thuật tuổi thơ trong Tin Mừng của Người như thế. Mọi sự diễn ra xung quanh Người đều kết cục được suy đi nghĩ lại trong sâu thẳm trái tim Người: những ngày tràn ngập niềm vui, cũng như những khoảnh khắc đen tối nhất khi ngay cả Người cũng phải vật lộn mới hiểu được ơn cứu chuộc phải đi qua những nẻo đường nào. Mọi sự kết thúc trong trái tim Người để có thể được sàng sảy trong lời cầu nguyện và được biến đổi bởi đó: bất kể là những món quà của các đạo sĩ Phương đông, hay chuyến chạy trốn qua Ai Cập, cho đến ngày thứ Sáu khổ nạn khủng khiếp đó. Người Mẹ luôn lưu giữ mọi sự và mang nó vào cuộc đối thoại của Người với Thiên Chúa. Một ai đó đã so sánh trái tim của Đức Maria với viên ngọc trai sáng láng không gì sánh kịp, được hình thành và làm mịn bằng việc kiên nhẫn chấp nhận thánh ý Thiên Chúa qua các mâu nhiệm của Chúa Giêsu được suy gẫm trong lúc cầu nguyện. Đẹp để biết bao nếu chúng ta cũng giống như Mẹ của chúng ta một chút! Với tâm lòng rộng mở đón nhận Lời Thiên Chúa, với tâm lòng trầm lắng, tâm lòng vâng phục, tâm lòng biết cách tiếp nhận Lời Chúa và để nó lớn lên cùng với hạt giống điều tốt cho Giáo Hội.

Chương Mười Sáu: Lối cầu nguyện của Giáo hội Sơ khai (ngày 25/11/2020)

Anh chị em thân mến, Chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Những bước đi đầu tiên của Giáo hội trong thế giới được xen kẽ với lời cầu nguyện. Các trước tác tông đồ và tường thuật tuyệt vời của Tông đồ Công vụ cho chúng ta hình ảnh một Giáo hội hoạt động, một Giáo hội đang di chuyển, nhưng là một Giáo Hội, nhờ tụ họp trong cầu nguyện, đã tìm thấy nền tảng và động lực cho hoạt động truyền giáo. Hình ảnh của Cộng đồng Giêrusalem thuở ban đầu là điểm qui chiếu của mọi kinh nghiệm khác của Kitô hữu. Thánh Luca viết trong Sách Công vụ: “Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng” (2:42). Quả là một cộng đồng kiên trì trong cầu nguyện.

Ở đây, chúng ta tìm thấy bốn đặc điểm chủ yếu của đời sống giáo hội: trước hết là lắng nghe sự dạy dỗ của các tông đồ; thứ hai, bảo vệ sự hiệp thông lẫn nhau; thứ ba, bẻ bánh; và thứ tư, cầu nguyện. Chúng nhắc nhở chúng ta rằng sự hiện hữu của Giáo hội có ý nghĩa nếu biết kết hợp vững chắc với Chúa Kitô, nghĩa là kết hợp trong cộng đồng, trong Lời của Người, trong Bí tích Thánh Thể và trong việc cầu nguyện - cách chúng ta hiệp nhất với Chúa Kitô. Việc rao giảng và dạy giáo lý làm chứng cho những lời nói và hành động của Thầy Chí Thánh; nỗ lực không ngừng tìm kiếm sự hiệp thông huynh đệ che chở chúng ta khỏi tính ích kỷ và chủ nghĩa cá biệt; việc bẻ bánh làm nên trọn bí tích Chúa Giêsu hiện diện giữa chúng ta. Người sẽ không bao giờ vắng mặt - đặc biệt trong Bí tích Thánh Thể, Người ở đó. Người sống và sánh bước với chúng ta. Và cuối cùng, cầu nguyện, vốn là nơi đối thoại với Chúa Cha, qua Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần.

Mọi điều trong Giáo Hội phát triển bên ngoài các “tọa độ” này đều thiếu nền tảng. Để biện phân một tình huống, chúng ta cần tự hỏi mình về bốn tọa độ này: trong tình huống này, bốn tọa độ này hiện diện như thế nào - rao giảng, liên tục tìm kiếm tình hiệp thông huynh đệ, bác ái, bẻ bánh (nghĩa là sinh hoạt Thánh Thể), và cầu nguyện. Bất cứ tình huống nào cũng cần được đánh giá dưới ánh sáng của bốn tọa độ này. Bất cứ điều gì không thuộc các tọa độ này đều thiếu tính giáo hội, nó không phải là giáo hội. Chính Thiên Chúa đã tạo ra Giáo hội, chứ không phải sự ồn ào của các công trình. Giáo hội không phải là một cái chợ; Giáo hội không phải là một nhóm doanh nhân tiến hành một công việc kinh doanh mới. Hội Thánh chính là công trình của Chúa Thánh Thần, Đấng mà Chúa Giêsu đã phái đến để quy tụ chúng ta lại với nhau. Giáo Hội chính là công trình của Chúa Thánh Thần trong cộng đồng Kitô hữu, trong đời sống cộng đồng, trong Bí tích Thánh Thể, trong việc cầu nguyện... luôn luôn. Và mọi điều phát triển ngoài những tọa độ này đều thiếu nền tảng, giống ngôi nhà xây trên cát (x. Mt 7: 24-27). Chính Thiên Chúa đã tạo ra Giáo hội, chứ không phải sự ồn ào của các công trình. Chính lời của Chúa Giê-su đã làm các nỗ lực của chúng ta đầy ý nghĩa. Chính trong đức khiêm nhường, chúng ta xây dựng tương lai của thế giới. Đôi khi, tôi cảm thấy buồn vô cùng khi thấy một cộng đồng có thiện chí nhưng lại đi sai đường vì cho rằng Giáo hội được xây dựng trong các cuộc hội họp, như thể đó là một đảng phái chính trị. “Nhưng, đa số, thiểu số, họ nghĩ gì về điều này, điều nọ, điều kia... Và đây giống như một Thượng hội đồng, con đường đồng nghị mà chúng ta phải đi...” Tôi tự hỏi: “Nhưng Chúa Thánh Thần ở đâu trong đó? Cầu nguyện ở đâu? Tình yêu cộng đồng ở đâu? Thánh Thể ở đâu?” Nếu không có bốn tọa độ này, Giáo hội sẽ trở thành một xã hội con người, một đảng chính trị - đa số, thiểu số - các thay đổi được thực hiện như thể đây là một công ty, theo đa số hay thiểu số... Nhưng Chúa Thánh Thần không ở đó. Và sự hiện diện của Chúa Thánh Thần được bảo đảm chính bởi bốn tọa độ này. Để đánh giá xem một hoàn cảnh có phải thuộc giáo hội hay không thuộc giáo hội, chúng ta hãy tự hỏi mình về bốn tọa độ này: sống trong cộng đồng, cầu nguyện, Thánh Thể... cuộc sống phát triển như thế nào dọc theo bốn tọa độ này. Nếu thiếu cái này, thì thiếu Chúa Thánh Thần, và nếu thiếu Chúa Thánh Thần, chúng ta là một tổ chức cao đẹp, nhân đạo, làm nhiều điều tốt, tốt, tốt... thậm chí một đảng Giáo hội, tạm nói như vậy. Nhưng nó không phải là Giáo hội. Chính vì lý do này mà Giáo hội không phát triển với những điều này: Giáo hội không phát triển nhờ chủ nghĩa cải đạo, như bất cứ công ty nào khác, nó phát triển bởi sự thu hút. Và ai là người khơi gợi sự thu hút? Chúa Thánh Thần. Chúng ta đừng bao giờ quên lời của Đức Bênêđictô XVI: “Giáo hội không phát triển nhờ việc cải đạo, giáo hội phát triển nhờ sự thu hút”. Nếu thiếu Chúa Thánh Thần, Đấng thu hút [người ta] đến với Chúa Giêsu, thì Giáo hội không ở đó. Có thể có một câu lạc bộ hữu nghị tốt đẹp, tốt, với các ý hướng tốt, nhưng không phải là Giáo hội, không phải là đồng nghị.

Khi đọc Tông Đồ Công Vụ, chúng ta khám phá ra các buổi họp nhau cầu nguyện có thể là

động lực mạnh mẽ xiết bao cho việc truyền bá Tin mừng , trong đó, những người tham gia thực sự cảm nghiệm được sự hiện diện của Chúa Giêsu và được Thánh thần đánh động. Các thành viên của cộng đồng tiên khởi - mặc dù điều này luôn áp dụng, ngay cả đối với chúng ta ngày nay - cảm thấy rằng câu chuyện về cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu không dừng lại ở giây phút Thăng Thiên, nhưng vẫn tiếp tục trong cuộc sống của họ. Khi kể lại những gì Chúa đã nói và đã làm - lắng nghe Lời - khi cầu nguyện để hiệp thông với Người, mọi sự trở nên sống động. Cầu nguyện truyền ánh sáng và sự ấm áp: ơn Chúa Thánh Thần thông ban chúng một cách nhiệt thành.

Vì lý do ấy, Sách Giáo lý có chứa một lời diễn đạt rất quan trọng. Nó nói thế này: “Chúa Thánh Thần... giữ cho ký ức về Chúa Kitô sống động trong Giáo hội của Người lúc cầu nguyện, cũng dẫn Giáo hội đến sự viên mãn của sự thật, đến toàn bộ sự thật, và linh hứng các công thức mới để bày tỏ mầu nhiệm khôn lường về việc Chúa Kitô đang hoạt động trong đời sống Giáo hội của Người, trong các bí tích, và việc truyền giáo”(n. 2625). Công trình của Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh là: làm chúng ta nhớ đến Chúa Giêsu. Và chính Chúa Giêsu đã nói điều đó: Người sẽ dạy anh chị em và nhắc nhở anh chị em. Sứ vụ của ta là tưởng nhớ Chúa Giêsu, nhưng không phải là một thực hành giúp trí nhớ. Các Kitô hữu, khi đang trên đường truyền giáo, nhớ đến Chúa Giêsu trong khi họ làm cho Người hiện diện một lần nữa; và từ Người, từ Thần Khí của Người, họ nhận được “sự thúc đẩy” để ra đi, công bố, phục vụ. Trong cầu nguyện, người Kitô hữu đắm chìm trong mầu nhiệm Thiên Chúa, mầu nhiệm Đáng yêu thương mỗi người, Đáng Thiên Chúa luôn mong cho Tin Mừng được rao giảng cho mọi người. Thiên Chúa là Thiên Chúa cho mọi người, và nơi Chúa Giêsu mọi bức tường ngăn cách đã đứt khoát bị đập đổ: như Thánh Phaolô đã nói: Người là bình an của chúng ta, nghĩa là “Người đã làm cho chúng ta nên một” (Ep 2:14). Chúa Giêsu tạo ra sự hợp nhất, vâng, sự hợp nhất.

Nhờ cách đó, đời sống của Giáo hội sơ khai có nhịp điệu của một chuỗi liên tiếp các cử hành, các cuộc triệu tập, các thời gian cầu nguyện cả cộng đồng lẫn bản thân. Và chính Chúa Thánh Thần đã ban sức mạnh cho những vị thuyết giảng lên đường, và những người, vì tình yêu Chúa Giêsu, đã ra khơi, đối đầu với nguy hiểm, chịu sỉ nhục.

Thiên Chúa ban tình yêu, Thiên Chúa đòi hỏi tình yêu. Đây là gốc rễ huyền nhiệm trong toàn bộ cuộc đời của tín hữu. Trong cầu nguyện, các Kitô hữu đầu tiên - và cả chúng ta, những người đến sau nhiều thế kỷ - tất cả chúng ta đều sống cùng một kinh nghiệm. Chúa Thánh Thần linh hứng mọi điều. Và tất cả những Kitô hữu nào không sợ dành thì giờ để cầu nguyện có thể lấy làm của mình lời lẽ của Thánh Tông đồ Phaolô, người đã nói thế này: “Đời sống tôi hiện đang sống trong xác thịt, tôi sống bởi đức tin nơi Con Thiên Chúa, Đáng đã yêu thương tôi và đã hiến mình vì tôi”(Gl 2:20). Cầu nguyện làm cho anh chị em ý thức được điều ấy. Chỉ trong sự im lặng thờ lạy, chúng ta mới cảm nghiệm được toàn bộ sự thật của những lời này. Và chúng ta phải lấy lại cảm thức thờ lạy này. Thờ lạy, thờ lạy Thiên Chúa, thờ lạy Chúa Giêsu, thờ lạy Chúa Thánh Thần. Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần: tôn thờ. Trong im lặng. Cầu nguyện thờ lạy là lối cầu nguyện làm chúng ta nhận biết Thiên Chúa như là khởi đầu và tận cùng của toàn bộ Lịch sử. Và lối cầu nguyện này là ngọn lửa sống động của Chúa Thánh Thần ban sức mạnh để chúng ta làm chứng và truyền giáo. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Bảy: Chiều kích chủ yếu của cầu nguyện là chúc lành (ngày 02/12/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay chúng ta sẽ suy gẫm về một chiều kích thiết yếu của việc cầu nguyện: chúc lành. Chúng ta sẽ tiếp tục các suy tư về cầu nguyện. Trong các trình thuật tạo dựng (xem St 1-2), Thiên Chúa liên tục chúc lành cho sự sống, luôn luôn. Người chúc lành cho các loài động vật (1:22), Người chúc lành cho người nam và người nữ (1:28), cuối cùng, Người chúc lành cho ngày Sa-bát, ngày nghỉ ngơi và vui hưởng mọi tạo vật (2: 3). Chính Thiên Chúa chúc lành. Ngay những trang đầu tiên của Kinh thánh, đã có việc liên tục lặp lại các việc chúc lành.

Thiên Chúa chúc lành, nhưng con người cũng chúc lành, và chẳng bao lâu họ phát hiện ra rằng chúc lành sở hữu một sức mạnh đặc biệt đi kèm người nhận được nó suốt cuộc đời họ, và điều hướng trái tim người đó để Thiên Chúa có thể thay đổi nó (xem Công đồng Vatican II Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, 61).

Do đó, vào buổi khởi đầu của thế giới, đã có một Thiên Chúa “nói tốt” [1], Đấng chúc lành. Người thấy mọi công việc bởi tay Người đều tốt và đẹp, và khi tạo dựng con người, và việc tạo dựng hoàn tất, Người công nhận con người “rất tốt” (St 1:31). Ngay sau đó, về đẹp mà Thiên Chúa đã ghi dấu trong công việc của Người đã bị thay đổi, và con người đã trở thành một tạo vật thoái hóa, có khả năng gieo rắc điều ác và sự chết trên thế giới; nhưng không điều gì có thể làm mất đi dấu ấn nguyên thủy của Thiên Chúa về sự tốt lành mà Thiên Chúa đã đặt trên thế giới, trong bản tính con người, trong tất cả chúng ta: khả năng chúc lành và được chúc lành. Thiên Chúa đã không phạm sai lầm với việc tạo dựng cũng như với việc tạo ra con người. Niềm hy vọng của thế giới hoàn toàn nằm trong việc chúc lành của Thiên Chúa: Người tiếp tục mong muốn điều tốt đẹp cho chúng ta [2], như nhà thơ Péguy đã nói[3], Người là người đầu tiên tiếp tục hy vọng điều tốt đẹp của chúng ta.

Phúc lành lớn nhất của Thiên Chúa là Chúa Giêsu Kitô; Con của Người là phúc lành vĩ đại nhất của Thiên Chúa. Người là phúc lành cho toàn thể nhân loại, Người là phúc lành cứu rỗi tất cả chúng ta. Người là Ngôi Lời vĩnh cửu mà với Lời này, Chúa Cha đã chúc lành cho chúng ta “khi chúng ta còn là tội nhân” (Rm 5: 8), Thánh Phaolô nói: Ngôi Lời đã hóa thành xác phàm và hiến mình cho chúng ta trên thập giá.

Thánh Phaolô công bố kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa một cách cảm động. Và Người nói như thế này: “Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Trong Đức Kitô, từ cõi trời, Người đã thi ân giáng phúc cho ta hưởng muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần. Trong Đức Kitô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Người, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Người. Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người, Người đã tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô, để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời, ân sủng Người ban tặng cho ta trong Thánh Tử yêu dấu” (Ep 1: 3-6). Không có tội lỗi nào có thể xóa bỏ hoàn toàn hình ảnh Chúa Kitô đang hiện diện trong mỗi người chúng ta. Không tội lỗi nào có thể xóa bỏ hình ảnh mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta - hình ảnh Chúa Kitô. Tội lỗi có thể làm biến dạng nó, nhưng không thể loại nó khỏi lòng thương xót của Thiên Chúa. Tội nhân có thể phạm lỗi trong một thời gian dài, nhưng Thiên Chúa kiên nhẫn đến cùng, hy vọng rằng trái tim của tội nhân cuối cùng sẽ mở ra và thay đổi. Thiên Chúa giống như một người cha tốt, Người là một người Cha, và giống như

một người mẹ tốt, Người cũng là một người mẹ tốt: không bao giờ ngừng yêu thương con cái mình, cho dù chúng có làm điều gì sai đi chăng nữa. Điều tôi nghĩ đến là đã bao lần tôi thấy người ta xếp hàng dài để đi vào nhà tù, bao nhiêu bà mẹ xếp hàng để nhìn đứa con bị giam cầm. Các bà không ngừng yêu thương đứa con của mình và họ biết rằng những người đi qua trên xe buýt có thể nghĩ: “À, đó là mẹ của một tù nhân...”. Họ không xấu hổ về điều này. Đúng, họ có xấu hổ nhưng họ vẫn tiếp tục. Cũng như đứa con của họ quan trọng hơn sự xấu hổ của họ thế nào, thì chúng ta cũng quan trọng đối với Thiên Chúa hơn tất cả những tội lỗi mà chúng ta có thể phạm phải như thế. Vì Người là Cha, Người là Mẹ, Người là tình yêu tinh trong, Người đã chúc lành cho chúng ta mãi mãi. Và Người sẽ không bao giờ ngưng chúc lành cho chúng ta.

Thật là một trải nghiệm gây ấn tượng khi đọc những bản văn Kinh thánh về việc chúc lành trong nhà tù, hoặc trong một nhóm phục hồi. Để những người này nghe biết rằng họ vẫn được chúc lành, bất chấp những lỗi lầm nghiêm trọng của họ, rằng Cha trên trời tiếp tục mong muốn điều tốt lành của họ và hy vọng rằng cuối cùng họ sẽ mở lòng để đón nhận điều tốt đẹp. Cho dù những người thân nhất của họ đã bỏ rơi họ - nhiều người bỏ rơi họ, họ không giống như những người mẹ chờ đợi suốt đời để được nhìn thấy họ, họ không quan trọng, người ta bỏ rơi họ - người ta bỏ rơi họ vì kể từ bây giờ người ta đánh giá họ là không thể cứu vãn, nhưng họ luôn là con cái đối với Thiên Chúa. Thiên Chúa không thể xóa bỏ trong chúng ta hình ảnh những người con trai và những người con gái, mỗi chúng ta đều là con trai của Người, là con gái của Người. Đôi khi chúng ta thấy phép lạ xảy ra: những người nam và người nữ được tái sinh vì họ tìm thấy phúc lành này, phúc lành đã tán phong họ thành con cái. Vì ơn thánh của Thiên Chúa thay đổi các đời sống: chúng ta có thể nào, Người nhận chúng ta như vậy, nhưng Người không bao giờ bỏ rơi chúng ta trong con người hiện thực của chúng ta.

Chẳng hạn, chúng ta hãy nghĩ tới điều Chúa Giêsu đã làm với ông Dakêu (xem Lc 19: 1-10). Mọi người đều nhìn thấy sự xấu xa nơi ông; thay vào đó, Chúa Giêsu nhận rõ một tia sáng tốt lành, và từ sự tốt lành này - từ sự tò mò muốn nhìn thấy Chúa Giêsu này - Người đã để lòng thương xót cứu rỗi tuôn qua. Vì vậy, đầu tiên trái tim của Dakêu thay đổi, và sau đó là cuộc đời của ông. Chúa Giêsu nhìn thấy phúc lành không thể xóa nhòa của Chúa Cha trong những người bị bác bỏ và xua đuổi. Ông là một tội nhân công khai, Ông đã làm rất nhiều điều khủng khiếp, nhưng Chúa Giêsu đã nhìn thấy dấu hiệu không thể xóa nhòa đó là phúc lành của Chúa Cha và vì điều đó, Người có lòng cảm thương. Cụm từ được lặp đi lặp lại thường xuyên trong Tin Mừng, “Người động lòng thương”, và lòng thương này dẫn Người đến việc giúp đỡ và thay đổi tâm lòng của ông. Hơn nữa, Chúa Giêsu còn tiến đến chỗ đồng hóa chính Người với mọi người đang gặp khó khăn (xem Mt 25: 31-46). Trong đoạn nói về qui thức cuối cùng mà tất cả chúng ta sẽ bị phán xét, Mátthêu 25, Chúa Giêsu nói: “Ta ở đó, Ta đói, Ta trần truồng, Ta ở trong tù, Ta ở bệnh viện, Ta ở đó”.

Đối với Thiên Chúa, Đấng chúc lành cho chúng ta, chúng ta hãy đáp trả bằng lời chúc tụng - Thiên Chúa đã dạy chúng ta cách chúc tụng thì chúng ta phải chúc tụng - qua lời cầu nguyện ngợi khen, thờ lạy, cảm tạ. Sách Giáo lý viết: “Lời cầu nguyện chúc tụng là sự đáp trả của con người đối với các phúc lành của Thiên Chúa: vì Thiên Chúa chúc lành, nên trái tim con người có thể chúc tụng Đấng là nguồn mọi phúc lành” (n. 2626). Cầu nguyện là niềm vui và tạ ơn. Thiên Chúa không đợi chúng ta hoán cải trước khi bắt đầu yêu thương chúng ta, nhưng Người đã yêu chúng ta từ rất lâu trước đó, khi chúng ta vẫn còn sống trong tội lỗi.

Chúng ta không thể không chúc tụng Đấng Thiên Chúa này, Đấng vốn chúc lành cho chúng ta; chúng ta phải chúc lành cho mọi người trong Người, hết mọi người, chúc tụng Thiên Chúa

và chúc lành cho anh chị em của chúng ta, chúc lành cho thế giới - và đây là gốc rễ của tính hiền lành Kitô giáo, khả năng cảm thấy được chúc lành và khả năng chúc lành.

Nếu tất cả chúng ta đều làm điều này, chiến tranh chắc chắn sẽ không hiện hữu. Thế giới này cần chúc lành, và chúng ta có thể ban chúc lành và nhận chúc lành.

Chúa Cha yêu thương chúng ta. Điều duy nhất còn lại đối với chúng ta là niềm vui được chúc tụng Người, và niềm vui được cảm ơn Người, và học từ Người không phải nguyên rủa, nhưng chúc lành.

Đức Giáo Hoàng đưa ra một số lời khuyên cho những người hay nguyên rủa, lưu ý rằng chúng ta nên thừa nhận xem chúng ta có phạm phải điều này không, và nếu có, hãy xin Chúa ban ơn để thay đổi thói quen này bởi vì chúng ta có một trái tim đã được chúc lành và những lời nguyên rủa không thể xuất phát từ một trái tim đã được chúc lành. Xin Chúa dạy chúng ta đừng bao giờ nguyên rủa, nhưng hãy chúc lành.

[1] Ghi chú của người dịch: chữ tiếng Ý chỉ chúc lành là *benedire*: *Bene* (tốt), *dire* (nói), thành thử xin tam dịch là "nói tốt".

[2] Ghi chú của người dịch: dịch theo nghĩa đen của từ tiếng Ý *volere bene*: *volere* (muốn), *bene* (tốt); kiểu nói này thường được sử dụng trong tiếng Ý để nói "Tôi yêu bạn".

[3] *The Portico of Mystery of Second Virtue*; ấn bản đầu tiên, *Le porche du mystère de la deuxième vertu*, xuất bản năm 1911.

Chương Mười Tám: Cầu nguyện xin ơn (ngày 09/12/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Chúng ta hãy tiếp tục suy tư về việc cầu nguyện. Việc cầu nguyện của Kitô giáo hoàn toàn có tính nhân bản - chúng ta cầu nguyện với tư cách là những con người, những con người hiện thực – việc này bao gồm lời ngợi khen và khẩn cầu. Thật vậy, khi Chúa Giêsu dạy các môn đệ của Người cầu nguyện, Người đã làm như vậy với “Kinh Lạy Cha chúng con”, để chúng ta có thể đặt mình vào mối liên hệ tin cậy con thảo với Thiên Chúa và hỏi Người mọi câu hỏi của chúng ta. Chúng ta khẩn cầu Thiên Chúa ban cho những ơn phúc cao nhất: việc tôn thánh danh Người giữa loài người, việc xuất hiện quyền chúa thượng của Người, việc thực hiện thánh ý Người nhằm đạt điều tốt đẹp cho thế giới. Sách Giáo lý nhắc lại rằng: “Có một thứ bậc trong những lời thỉnh cầu này: trước hết chúng ta cầu nguyện cho Nước Trời, sau đó cho những gì cần thiết để chào đón Nước ấy và hợp tác với Nước ấy trị đến” (số 2632). Nhưng trong kinh “Lạy Cha chúng con”, chúng ta cũng cầu nguyện cho những ơn phúc đơn giản nhất, cho phần lớn các ơn phúc hàng ngày, chẳng hạn như “bánh hàng ngày” – một điều cũng có nghĩa là sức khỏe, nhà cửa, việc làm, những thứ hàng ngày; và cũng có nghĩa là Bí tích Thánh Thể, cần thiết cho đời sống trong Chúa Kitô; và chúng ta cũng cầu nguyện để được tha thứ tội lỗi - đây là một vấn đề hàng ngày; chúng ta luôn cần sự tha thứ - và do đó, sự bình an trong các mối liên hệ của chúng ta; và cuối cùng, để Người có thể giúp chúng ta đối đầu với cơn cám dỗ và giải thoát chúng ta khỏi điều ác.

Cầu xin, cầu khẩn. Đây là điều rất hợp nhân bản. Chúng ta hãy nghe lại Sách Giáo lý: “Trong kinh nguyện khẩn cầu, chúng ta bộc lộ ý thức về tương quan giữa mình với Thiên Chúa: Chúng ta là thụ tạo, không phải tự mình mà có, không làm chủ được những nghịch cảnh trong đời, không phải là cùng đích đời mình; chẳng những vậy, là người Kitô hữu, chúng ta biết mình tội lỗi, đã phản nghịch lại Thiên Chúa là Cha chúng ta. Khi khẩn cầu, con người đã quay về với Thiên Chúa” (số 2629).

Khi ai đó cảm thấy xấu xa vì họ đã làm những điều xấu xa- họ là một người tội lỗi - khi đọc "Kinh Lạy Cha chúng con", họ đã đến gần Chúa. Đôi khi chúng ta dám tin rằng chúng ta không cần bất cứ điều gì, chúng ta đã đủ cho chính chúng ta và chúng ta sống hoàn toàn tự túc. Điều này đôi khi xảy ra! Nhưng sớm muộn gì ảo tưởng này cũng sẽ tan biến. Con người luôn là một lời cầu khẩn, đôi khi trở thành một tiếng kêu, thường bị kìm hãm. Linh hồn giống như một vùng đất khô cằn, nứt nẻ, như Thánh vịnh từng nói (xin xem Tv 63: 2). Vào lúc này hay lúc khác trong cuộc sống của mình, tất cả chúng ta đều trải nghiệm thời gian u sầu, cô độc. Kinh thánh không xấu hổ khi cho thấy thân phận con người của chúng ta, đầy những bệnh tật, bất công, phản bội bạn bè hoặc đe dọa của kẻ thù. Có lúc tưởng chừng như mọi điều đều sụp đổ, cuộc đời sống từ trước đến nay thật vô ích. Và trong những tình huống như thế, khi mọi điều dường như sắp sụp đổ, chỉ có một lối thoát duy nhất: tiếng kêu, lời cầu nguyện “Lạy Chúa, xin cứu giúp con!”. Cầu nguyện có thể mở ra một tia sáng trong bóng tối dày đặc nhất. "Lạy Chúa, xin cứu giúp con!". Điều này mở ra: nó mở ra con đường, nó mở ra nẻo đường.

Con người chúng ta chia sẻ lời kêu cầu giúp đỡ này với mọi tạo vật khác. Chúng ta không phải là những người duy nhất “cầu nguyện” trong vũ trụ vô biên này: mọi mảnh của tạo thế đều khát khao Thiên Chúa. Và chính Thánh Phaolô đã phát biểu điều đó theo cách sau đây. Người nói: “chúng ta biết rằng: cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở. Không phải muôn loài mà thôi, cả chúng ta cũng rên siết trong lòng” (Rm 8, 22-24). Điều này tốt. Trong chúng ta đang vang lên tiếng kêu đa dạng của các tạo vật: của cây, của đá, của động vật. Mọi loài đều khao khát được nên trọn. Tertullianô từng viết: “Mọi tạo vật đều cầu nguyện; gia súc và thú rừng cầu nguyện và bái quỳ; và khi chúng đi ra từ các tầng và hang ổ, chúng nhìn lên trời miệng cất tiếng, làm cho hơi thở của chúng vang động theo cách riêng của chúng. Hơn thế, chim chóc cũng vậy, bay ra khỏi tổ, nâng mình lên trời, và thay vì dùng tay, mở rộng đôi cánh của chúng, và phân nào đó dường như như cầu nguyện” (De oratione, XXIX). Đây là một cách diễn đạt thơ mộng lời bình luận về những gì Thánh Phaolô nói: “toàn thể tạo vật đang rên rĩ”. Nhưng chúng ta là những người duy nhất cầu nguyện một cách có ý thức, biết rằng chúng ta đang nói chuyện với Chúa Cha, và đối thoại với Chúa Cha.

Vì vậy, chúng ta không nên ngỡ ngàng nếu cảm thấy cần phải cầu nguyện, chúng ta không nên xấu hổ. Và cầu xin, đặc biệt khi chúng ta cần. Nói về một người không trung thực, người phải giải quyết các tài khoản với chủ nhân của mình, Chúa Giêsu nói thế này: “xin, tôi xấu hổ”. Và nhiều người trong chúng ta có cảm giác này: chúng ta xấu hổ khi phải cầu xin, xin sự giúp đỡ, xin điều gì đó ở người có thể giúp chúng ta, đạt được mục đích của chúng ta, và chúng ta cũng xấu hổ khi cầu xin Thiên Chúa. "Không, điều này không thể làm được". Đừng xấu hổ khi cầu nguyện. “Lạy Chúa, con cần điều này”, “Lạy Chúa, con đang gặp khó khăn”, “Xin cứu giúp con!": Tiếng kêu, tiếng kêu từ trái tim kêu lên Thiên Chúa là Cha. Và cũng phải làm như vậy trong những khoảnh khắc hạnh phúc, không chỉ trong những lúc tồi tệ, nhưng cũng trong những lúc hạnh phúc nữa, để cảm ơn Chúa vì tất cả những gì Người đã ban cho chúng ta, và không coi bất cứ điều gì là hiển nhiên hoặc như thể người ta nợ chúng ta:

mọi sự đều là ân sủng. Chúng ta phải học điều này. Chúa luôn ban cho chúng ta, luôn luôn, và mọi sự đều là ân sủng, mọi sự. Ân sủng của Thiên Chúa. Tuy nhiên, chúng ta không được bóp nghẹt lời khẩn cầu dâng lên trong mình một cách tự phát. Lời cầu nguyện xin ơn cùng đi với việc chấp nhận giới hạn của chúng ta và bản chất của chúng ta như các tạo vật. Người ta thậm chí có thể không tiến tới chỗ tin tưởng vào Thiên Chúa, nhưng khó mà không tin vào lời cầu nguyện: nó đơn giản có đó, nó hiện diện với chúng ta như một tiếng kêu; và tất cả chúng ta đều biết tiếng nói bên trong này có thể im lặng trong một thời gian dài, nhưng một ngày nào đó nó sẽ thức giấc và lớn tiếng kêu lên.

Và, thưa anh chị em, chúng ta biết rằng Thiên Chúa sẽ đáp lời. Trong Sách Thánh Vịnh, không lời cầu nguyện nào nói lên một lời than thở mà lại không được nhận lời. Thiên Chúa luôn trả lời: có thể hôm nay, ngày mai, nhưng Người luôn trả lời, bằng cách này hay cách khác. Người luôn trả lời. Kinh thánh lặp lại điều đó không biết bao nhiêu lần: Thiên Chúa lắng nghe tiếng kêu của những ai cầu khẩn Người. Ngay cả những câu hỏi miễn cưỡng của chúng ta, những câu hỏi vẫn còn ở trong vùng sâu thẳm của tâm hồn, mà chúng ta xấu hổ không dám bày tỏ: Chúa Cha lắng nghe chúng và mong muốn ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần, Đấng linh hứng mọi lời cầu nguyện và biến đổi mọi sự. Thưa anh chị em, trong cầu nguyện, luôn luôn có một vấn đề kiên nhẫn, luôn luôn, hỗ trợ sự chờ đợi. Nay, chúng ta đang ở trong thời gian của Mùa Vọng, một thời gian đặc trưng mong đợi; mong đợi Lễ Giáng sinh. Chúng ta đang chờ đợi. Điều này thấy rất rõ. Nhưng trọn cuộc sống của chúng ta cũng đang chờ đợi. Và cầu nguyện luôn mong đợi, vì chúng ta biết rằng Chúa sẽ nhận lời. Ngay cả cái chết cũng run sợ khi một Kitô hữu cầu nguyện, bởi vì nó biết rằng tất cả những ai cầu nguyện đều có một đồng minh mạnh mẽ hơn nó: Chúa Phục sinh. Sự chết đã bị đánh bại trong Chúa Kitô, và ngày sẽ đến khi mọi sự sẽ tận cùng, và nó sẽ không còn khinh thường sự sống và hạnh phúc của chúng ta nữa.

Chúng ta hãy học cách ở thế chờ đợi; chờ đợi Chúa. Chúa đến thăm chúng ta, không chỉ trong những ngày lễ trọng đại này - lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh - mà đúng hơn Chúa đến thăm chúng ta mỗi ngày, trong tình thân thiết của tâm hồn chúng ta nếu chúng ta biết chờ đợi. Và rất thường xuyên chúng ta không nhận ra rằng Chúa đang ở gần, Người đang gõ cửa nhà chúng ta, và chúng ta để Người đi mất. Thánh Augustinô từng nói: "Tôi sợ Thiên Chúa khi Người đi qua. "Tôi sợ rằng Người đi qua mà tôi không nhận ra". Và Chúa đi qua, Chúa đến, Chúa gõ cửa. Nhưng nếu tai bạn đầy những tiếng ồn ào khác, bạn sẽ không nghe thấy tiếng Chúa gọi.

Thưa anh chị em, ở trong tư thế chờ đợi: đó là cầu nguyện. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Chín: Cầu Nguyện Chuyển Cầu (ngày 16/12/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Những người cầu nguyện không bao giờ quay lưng lại với thế giới. Nếu không thu thập các niềm vui và nỗi buồn, hy vọng và lo lắng của con người, lời cầu nguyện trở thành một hoạt động "trang trí", một cách hành xử hời hợt, đóng kịch, đơn độc. Tất cả chúng ta đều cần có nội tâm tĩnh: rút lui vào một không gian và một thời gian dành riêng cho mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Nhưng điều này không có nghĩa chúng ta trốn tránh thực tại. Trong lời cầu nguyện, Thiên Chúa "tiếp nhận chúng ta, ban phước cho chúng ta, rồi bẻ bánh và ban cho chúng ta", để thỏa mãn cơn đói của mọi người. Mọi Kitô hữu đều được kêu gọi trở nên

bánh ăn, được bẻ ra và chia sẻ trong bàn tay Thiên Chúa. Đó là, đó là lời cầu nguyện cụ thể, đó không phải là một việc trốn tránh.

Vì vậy, những người nam nữ cầu nguyện tìm kiếm sự thanh vắng và im lặng, không phải để khỏi bị quấy rầy, nhưng để lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa cách tốt hơn. Đôi khi họ rút lui hoàn toàn khỏi thế giới, trong cảnh bí mật của căn phòng riêng của họ, như Chúa Giêsu vốn khuyến cáo (x. Mt 6:6). Nhưng dù ở đâu, họ vẫn luôn giữ cho cánh cửa tâm hồn họ rộng mở: cánh cửa rộng mở cho những ai cầu nguyện mà không biết phải cầu nguyện ra sao; cho những người không cầu nguyện gì cả nhưng mang trong mình một tiếng kêu ngọt ngào, một lời khẩn cầu tiềm ẩn; cho những người lầm đường lạc lối... Bất cứ ai gõ cửa người cầu nguyện đều thấy một tấm lòng nhân ái không loại trừ một ai. Lời cầu nguyện xuất phát từ trái tim và tiếng nói của chúng ta và mang trái tim và tiếng nói lại cho rất nhiều người không biết cách cầu nguyện hoặc không muốn cầu nguyện hoặc không thể cầu nguyện: chúng ta là trái tim và tiếng nói của những người này, vươn lên tới Chúa Giêsu, vươn lên tới Chúa Cha như những người chuyển cầu. Trong cảnh yên tĩnh của những người cầu nguyện, cho dù sự yên tĩnh này kéo dài một thời gian lâu hay chỉ nửa giờ, để cầu nguyện, những người cầu nguyện tách mình ra khỏi mọi sự và khỏi mọi người để tìm thấy mọi sự và mọi người trong Thiên Chúa. Những người này cầu nguyện cho cả thế giới, gánh trên vai những nỗi buồn và tội lỗi của họ. Họ cầu nguyện cho mỗi người và mọi người: họ giống như những chiếc “ăng-ten” của Thiên Chúa trong thế giới này. Người cầu nguyện nhìn thấy khuôn mặt của Chúa Kitô nơi mọi người nghèo đến gõ cửa, nơi mọi người đã đánh mất ý nghĩa của sự vật. Trong *Sách Giáo Lý* chúng ta đọc: “việc chuyển cầu, tức cầu xin cho người khác (...) là đặc điểm của một tấm lòng cùng rung nhịp với lòng thương xót của Thiên Chúa”. Điều này thật đẹp đẽ. Khi cầu nguyện, chúng ta cùng rung nhịp với lòng thương xót của Thiên Chúa; có lòng thương xót đối với tội lỗi của chúng ta, thương xót với chính chúng ta, nhưng cũng thương xót với tất cả những người đã yêu cầu được cầu nguyện, những người mà chúng ta muốn cầu nguyện cho cùng nhịp với trái tim của Thiên Chúa. Đây là lời cầu nguyện đích thực: cùng nhịp với lòng thương xót của Thiên Chúa, với trái tim thương xót của Người. “Trong thời đại của Giáo hội, sự chuyển cầu của Kitô hữu tham dự vào sự chuyển cầu của Chúa Kitô, như một biểu thức của sự hiệp thông các thánh” (n. 2635). Tham dự vào sự chuyển cầu của Chúa Kitô nghĩa là gì? Khi tôi chuyển cầu cho ai đó hoặc cầu nguyện cho ai đó: thì Chúa Kitô ở trước mặt Chúa Cha, Người là Đấng chuyển cầu, Người cầu nguyện cho chúng ta, Người cầu nguyện, cho Chúa Cha thấy những vết thương trên tay của Người, thì Chúa Giêsu hiện diện trước mặt Chúa Cha với nhiệm thể của Người. Và Chúa Giêsu là người chuyển cầu của chúng ta và cầu nguyện là giống như Chúa Giêsu một chút: chuyển cầu trong Chúa Giêsu cùng Chúa Cha, cho những người khác. Điều này rất đẹp đẽ.

Trái tim con người hướng về việc cầu nguyện. Điều này hoàn toàn nhân bản. Ai không yêu thương anh chị em mình thì không cầu nguyện nghiêm túc. Ai đó có thể nói: người ta không thể cầu nguyện khi chìm đắm trong hận thù; người ta không thể cầu nguyện khi chìm đắm trong sự dửng dưng. Lời cầu nguyện chỉ được dâng lên trong tình thân yêu thương. Những người không yêu chỉ giả vờ cầu nguyện, họ tin họ đang cầu nguyện, nhưng họ không cầu nguyện vì họ thiếu tinh thần thích hợp, đó là tình yêu. Trong Giáo hội, những người quen với nỗi buồn và niềm vui của người khác đào sâu hơn những người điều tra “hệ thống chủ yếu” của thế giới. Vì thế, kinh nghiệm của con người hiện diện trong mọi lời cầu nguyện, vì bất kể người ta có thể đã phạm phải những lỗi lầm nào, họ không bao giờ bị bác bỏ hoặc bị gạt sang một bên.

Khi các tín hữu, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, cầu nguyện cho những người tội lỗi, họ không được lựa chọn, không được phán xét hay lên án ai: họ cầu nguyện cho tất cả mọi

người. Và họ cầu nguyện cho chính họ. Lúc đó, họ biết rằng họ không khác những người được họ cầu nguyện cho. Họ nhận ra mình là những kẻ tội lỗi giữa những kẻ tội lỗi và họ cầu nguyện cho mọi người. Bài học của dụ ngôn người Pharisiêu và người thu thuế luôn sống động và có liên quan (xem *Lc 18: 9-14*): chúng ta không tốt hơn ai hết, tất cả chúng ta đều là anh chị em, những người mang thân phận mong manh, đau khổ và tội lỗi chung.

Vì vậy, một lời cầu nguyện chúng ta có thể thưa với Chúa là: “Lạy Chúa, không ai công chính trong tầm mắt Chúa” (xem *Tv 143: 2*), đây là lời một trong các Thánh vịnh nói: “Lạy Chúa, không ai đang sống mà công chính, trong tầm mắt của Chúa, không ai trong chúng con: tất cả chúng con đều là những kẻ có tội - tất cả chúng con đều mắc nợ, mỗi người đều có món nợ phải trả; không ai không có tội trong mắt Người. Lạy Chúa, xin thương xót chúng con!” Và với tinh thần này, lời cầu nguyện sinh hoa trái vì chúng ta khiêm nhường trước mặt Thiên Chúa và cầu nguyện cho mọi người. Thay vào đó, người Pharisiêu cầu nguyện cách tự đắc: “Lạy Chúa, con cảm tạ Chúa, vì con không giống như những người khác, các kẻ tội lỗi: Con công chính, luôn luôn làm...”. Đây không phải là cầu nguyện: đây là nhìn chính mình trong gương, không phải là nhìn vào thực tại của chính mình, không. Nó giống như việc anh chị tự trang điểm mình trong gương vì sự kiêu ngạo của anh chị em.

Thế giới tiếp tục tiến bước nhờ vào chuỗi những người cầu nguyện này, những người chuyên cầu, và là những người phần lớn không được biết đến ... nhưng không phải Thiên Chúa không biết đến! Có nhiều Kitô hữu vô danh, trong thời gian bị bách hại, đã lặp lại lời của Chúa chúng ta: “Lạy Cha, xin tha thứ cho họ; vì họ không biết việc họ đang làm” (*Lc 23:34*).

Vị Mục Tử Nhân Lành vẫn trung thành ngay khi biết tội lỗi của dân Người: Vị Mục Tử Nhân Lành tiếp tục làm Cha ngay cả khi con cái của Người tách ra xa và bỏ rơi Người. Người kiên trì trong việc phục vụ như chủ chăn ngay cả với những người đã vấy máu tay Người; Người không đóng cửa trái tim của Người với những người thậm chí đã làm cho Người phải đau khổ.

Trong tất cả các chi thể của mình, Giáo Hội có sứ mạng thực hành lối cầu nguyện chuyên cầu: chuyên cầu cho người khác. Điều này đặc biệt đúng đối với những người thực thi các vai trò trách nhiệm: cha mẹ, giáo viên, thừa tác viên thụ phong, cấp trên của các cộng đồng... Giống như Ápraham và Môsê, đôi khi họ phải “bệnh vực” dân đã được giao phó cho họ trước mặt Thiên Chúa. Trên thực tế, chúng ta đang nói về việc bảo vệ họ bằng đôi mắt và trái tim của Thiên Chúa, bằng lòng từ bi và sự dịu dàng bách chiến bách thắng của Người. Cầu nguyện cho người khác một cách âu yếm.

Thưa anh chị em, chúng ta đều là những chiếc lá trên cùng một thân cây: mỗi chiếc rơi xuống nhắc nhở chúng ta về lòng đạo đức cao cả cần được nuôi dưỡng trong lời cầu nguyện, cho nhau. Vì vậy, chúng ta hãy cầu nguyện cho nhau. Nó sẽ mang lại điều tốt cho chúng ta và cho mọi người. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi: Giáng Sinh là Ngày Lễ Tình Yêu Nhập Thể (ngày 23/12/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Vì chúng ta tiến gần đến Lễ Giáng Sinh, trong bài giáo lý này, tôi muốn đưa ra một số điều để suy nghĩ chuẩn bị cho việc cử hành Lễ Giáng Sinh. Trong phụng vụ Thánh Lễ lúc nửa

đêm, lời Thiên thần công bố với các Mục đồng: “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa”(Lc 2: 10-12).

Bất chước những người chần chừ, chúng ta cũng hãy tiến về Bết-lê-hem cách thiêng liêng, nơi Đức Maria đã hạ sinh Hài nhi trong chuồng ngựa, “vì không có chỗ cho họ ở quán trọ” (2: 7). Giáng sinh đã trở thành một ngày lễ phổ biến, và ngay cả những người không tin cũng cảm nhận được sức hấp dẫn của dịp này. Tuy nhiên, các Kitô hữu biết rằng Lễ Giáng sinh là một biến cố có tính quyết định, một ngọn lửa vĩnh cửu mà Thiên Chúa đã nhóm lên trên thế giới, và không được nhầm lẫn với những thứ phù du. Điều quan trọng là nó không nên bị giản lược trở thành một lễ hội chỉ có tính xúc cảm hoặc duy tiêu thụ. Chúa nhật tuần trước, tôi đã lưu ý đến vấn đề này, nhấn mạnh rằng chủ nghĩa tiêu thụ đã chiếm đoạt Lễ Giáng sinh. Không: Lễ Giáng Sinh không được giản lược thành một lễ chỉ có tính xúc cảm hay duy tiêu thụ, đây những quà tặng và những lời chúc tốt đẹp nhưng lại nghèo đức tin Kitô giáo, và cũng nghèo nàn về tình người. Vì vậy, cần phải kiểm chế nào trạng trần tục đó, một nào trạng không có khả năng nắm bắt được cốt lõi chói sáng của đức tin chúng ta; cốt lõi ấy là: “Và Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật” (Ga 1:14). Và đó là phần cốt lõi của Lễ Giáng sinh; đúng hơn, đó là sự thật của Lễ Giáng sinh, không có sự thật nào khác.

Một mặt, Lễ Giáng sinh mời gọi chúng ta suy gẫm về bi kịch của lịch sử, trong đó những người đàn ông và đàn bà, bị tổn thương bởi tội lỗi, không ngừng tìm kiếm sự thật, tìm kiếm lòng thương xót và tìm kiếm sự cứu chuộc; và mặt khác, suy gẫm về sự nhân từ của Thiên Chúa, Đấng đã đến với chúng ta để truyền đạt cho chúng ta Sự Thật cứu rỗi và làm chúng ta trở thành những người chia sẻ tình bạn và sự sống của Người. Và hồng phúc sự sống này: đây là ơn thánh thuần túy, không phải do bất cứ công lao nào của chúng ta. Có một Đức Thánh Cha đã nói: “Nhưng hãy nhìn ở đằng kia, ở đằng kia, ở đằng kia nữa: hãy tìm kiếm công lao của bạn và bạn sẽ không thấy gì khác hơn là ơn thánh”. Mọi thứ đều là ơn thánh, một hồng phúc của ơn thánh. Và hồng phúc ơn thánh này, chúng ta nhận được nhờ sự đơn giản và tình người của Lễ Giáng sinh, và nó có thể đánh tan khỏi tâm trí chúng ta nỗi yếm thế hiện đang lan tràn hơn bao giờ hết do hậu quả của đại dịch. Chúng ta có thể vượt qua cảm thức hoang mang chán nản đó, không để mình bị tràn ngập bởi thua cuộc và thất bại, khi tái nhận thức được rằng Con Trẻ khiêm nhường và nghèo nàn, ăn mình và bất lực này, là chính Thiên Chúa, trở thành người vì chúng ta. Công đồng Vatican II, trong một đoạn văn nổi tiếng của Hiến chế về Giáo hội trong Thế giới Ngày nay, nói với chúng ta rằng biến cố này liên quan đến mỗi người chúng ta: “Vì nhờ việc nhập thể của Người, Con Thiên Chúa đã kết hợp chính Người cách nào đó với mọi người. Người làm việc bằng đôi tay con người, Người suy nghĩ bằng trái tim con người, hành động bằng sự lựa chọn của con người và yêu bằng trái tim con người. Được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria, Người đã thực sự trở nên một trong chúng ta, giống như chúng ta trong mọi sự trừ tội lỗi”(Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 22). Nhưng Chúa Giêsu đã sinh ra từ hai ngàn năm trước, điều này có liên quan gì đến tôi? Nó ảnh hưởng đến anh chị em và đến tôi, mỗi người chúng ta. Chúa Giêsu là một người giữa chúng ta: Thiên Chúa, trong Chúa Giêsu, là một người trong chúng ta.

Thực tại này mang lại cho chúng ta nhiều niềm vui và can đảm. Thiên Chúa đã không coi thường chúng ta, từ xa, Người không đi ngang qua chúng ta, Người không bị sự khốn khổ của chúng ta đẩy lui, Người không mặc cho chính Người một thân thể cách hời hợt, nhưng hoàn toàn mặc lấy bản tính và thân phận con người của chúng ta. Người không bỏ qua điều gì ngoại trừ tội lỗi: điều duy nhất Người không có. Trọn nhân tính ở trong Người. Chúng ta có

thế nào, Người mang lấy tất cả những gì chúng ta có thể ấy. Đây là điều chủ yếu để hiểu đức tin Kitô giáo. Khi suy tư về hành trình hoán cải của mình, Thánh Augustinô viết trong cuốn Tự Thú của Người: “Con chưa có đủ sự khiêm nhường để chiếm hữu Thiên Chúa của con, Chúa Giêsu khiêm nhường, và con chưa biết các giáo huấn về sự yêu đuối của Người sẽ dẫn chúng con tới đâu” (*Tự Thú* VII, 8). Và “sự yếu đuối” của Chúa Giêsu này là gì? Sự “yếu đuối” của Chúa Giêsu là một “giáo huấn”! Bởi vì nó mạc khải cho chúng ta tình yêu của Thiên Chúa.

Lễ Giáng sinh là lễ của Tình yêu nhập thể, của tình yêu được sinh ra cho chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô. Chúa Giêsu Kitô là ánh sáng của nhân loại chiếu sáng trong bóng tối, mang lại ý nghĩa cho nhân sinh và cho toàn bộ lịch sử.

Anh chị em thân mến, ước mong các suy tư ngắn gọn này có thể giúp chúng ta cử hành Lễ Giáng sinh với một ý thức sâu sắc hơn. Nhưng có một cách khác để chuẩn bị, mà tôi muốn nhắc nhở anh chị em và tôi, và cách này nằm trong tầm tay của mọi người: suy gẫm một chút, trong im lặng, trước máng cỏ. Cảnh Hang Đá Giáng Sinh vốn là một bài giáo lý về thực tại này, về những gì đã diễn ra năm đó, ngày đó, mà chúng ta đã nghe trong Sách Tin Mừng. Vì vậy, năm ngoái tôi đã viết một lá thư, mà chúng ta nên đọc lại. Nó có tựa là "Admirabile signum", "Hình ảnh Kỳ diệu". Trong trường học của Thánh Phanxicô Assisi, chúng ta có thể trở nên giống như những em nhỏ bằng cách ngừng lại để chiêm ngưỡng cảnh Chúa giáng sinh, và để cho điều kỳ diệu trong cách “kỳ diệu” trong đó Thiên Chúa muốn tái sinh trong chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin được ơn biết ngạc nhiên: trước mẫu nhiệm này, một thực tại thật dịu dàng, thật đẹp đẽ, thật gần gũi với trái tim chúng ta, để Chúa ban cho chúng ta ơn biết ngạc nhiên, gặp gỡ Người, đến gần Người hơn, gần với tất cả chúng ta hơn. Điều này sẽ làm sống lại sự dịu dàng trong chúng ta. Hôm trước, trong khi nói chuyện với một số nhà khoa học, chúng tôi đã nói về trí tuệ nhân tạo và rô bốt... có những rô bốt được lập trình cho mọi người và mọi thứ, và điều này tiếp tục phát triển. Và tôi nói với họ, "Nhưng các rô bốt sẽ không bao giờ có thể làm được những gì?" Họ suy nghĩ về điều đó, họ đưa ra các gợi ý, nhưng cuối cùng họ đều đồng ý về một điều: sự dịu dàng. Rô bốt sẽ không bao giờ có khả năng này. Và đây là điều mà Thiên Chúa mang đến cho chúng ta, hôm nay: một cách tuyệt vời trong đó Thiên Chúa muốn bước vào trần gian, và điều này làm sống lại sự dịu dàng trong chúng ta, sự dịu dàng của con người gần gũi với sự dịu dàng của Thiên Chúa. Và ngày nay chúng ta đang rất cần sự dịu dàng, chúng ta đang rất cần sự tiếp xúc của con người, trước quá nhiều khốn khổ! Nếu đại dịch buộc chúng ta phải xa cách nhau hơn, thì trong máng cỏ, Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta cách dịu dàng để gần nhau, để làm người. Chúng ta hãy đi theo con đường này. Chúc anh chị em một Lễ Giáng sinh vui vẻ!

Chương Hai Mươi Một: Cầu nguyện tạ ơn (ngày 30/12/2020)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay, tôi xin tập trung vào lời cầu nguyện tạ ơn. Và tôi lấy gợi ý từ một tình tiết được Thánh sử Luca kể lại. Khi Chúa Giêsu đang trên đường đi, mười người phong cùi đến gần Người và cầu xin Người: “Lạy Đức Giêsu, xin thương xót chúng tôi!” (17:13). Chúng ta biết rằng những người mắc bệnh phong cùi không những phải chịu đựng về thể xác mà còn bị gạt ra ngoài xã hội và tôn giáo. Họ bị gạt ra ngoài lề xã hội. Chúa Giêsu không lùi bước để gặp họ. Đôi khi, Người vượt qua các giới hạn luật pháp vốn áp đặt và chạm vào, ôm ấp và chữa

lành người bệnh – một điều đáng lẽ không nên làm. Trong trường hợp này, không có việc đụng chạm. Từ xa, Chúa Giêsu mời họ đi trình diện với các tư tế (câu 14), những người vốn được luật chỉ định để chứng nhận việc chữa lành đã xảy ra. Chúa Giêsu không nói gì khác. Người nghe lời cầu nguyện của họ, Người nghe tiếng họ kêu xin thương xót, và Người sai họ đến ngay các tư tế.

Mười người phong cùi tin cậy đó, họ không ở đó cho đến khi khỏi bệnh, không: họ tin tưởng và họ đi ngay lập tức, và trong khi họ đang trên đường, họ đã được chữa khỏi, cả mười người đều được chữa khỏi. Do đó, các tư tế có thể xác minh sự chữa lành của họ và cho họ trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng đây là lúc điểm quan trọng xuất hiện: chỉ một người trong nhóm, trước khi đến gặp các tư tế, đã trở lại để tạ ơn Chúa Giêsu và ngợi khen Thiên Chúa về ơn thánh đã nhận được. Chỉ một người duy nhất, chín người còn lại tiếp tục lên đường. Và Chúa Giêsu nhấn mạnh rằng người đó là một người Samaritanô, một loại “dị giáo” đối với người Do Thái thời đó. Chúa Giêsu nhận định: “Không có ai trở lại và ngợi khen Thiên Chúa ngoại trừ người ngoại quốc này sao?” (17:18). Câu chuyện này thật cảm động.

Có thể nói, câu chuyện này chia thế giới ra làm hai: kẻ không tạ ơn và kẻ tạ ơn; những người tiếp nhận mọi sự như thể chúng mắc nợ họ, và những người tiếp nhận mọi sự như một hồng phúc, như một ơn thánh. Sách Giáo lý nói: “mọi biến cố và nhu cầu đều có thể trở thành của lễ tạ ơn” (số 2638). Lời cầu nguyện tạ ơn luôn bắt đầu từ đây: nhận biết ơn thánh đi trước chúng ta đó. Chúng ta đã được nghĩ đến trước khi chúng ta học cách suy nghĩ; chúng ta đã được yêu thương trước khi chúng ta học cách yêu thương; chúng ta đã được khao khát trước khi trái tim của chúng ta hình thành một khát khao. Nếu chúng ta nhìn cuộc sống như thế, thì câu "cảm ơn" sẽ trở thành động lực trong ngày của chúng ta. Và biết bao lần chúng ta thậm chí quên nói "cảm ơn".

Đối với các Kitô hữu chúng ta, tạ ơn là tên được đặt cho Bí tích thiết yếu nhất hiện có: Bí tích Thánh Thể. Thực vậy, chữ Hy Lạp này có nghĩa chính xác là: *tạ ơn, eucharist: tạ ơn*. Các Kitô hữu cũng như tất cả những người tin, chúc tụng Thiên Chúa về hồng phúc sự sống. Sống, trước hết, là đã nhận được. Sống, trước hết, là đã nhận được: đã nhận được sự sống! Tất cả chúng ta được sinh ra bởi vì ai đó muốn chúng ta có sự sống. Và đây chỉ là khoản nợ đầu tiên trong một chuỗi dài các khoản nợ mà chúng ta phải mắc trong lúc sống. Các món nợ tạ ơn. Trong suốt cuộc sống của chúng ta, hơn một người đã nhìn chúng ta bằng ánh mắt trong sáng, một cách nhưng không. Thông thường, những người này là các nhà giáo dục, các giáo lý viên, những người đã thực thi các vai trò của họ vượt quá và vượt ra ngoài những gì được yêu cầu nơi họ. Và họ đã khích lệ chúng ta biết ơn. Ngay cả tình bạn cũng là một hồng phúc mà chúng ta nên luôn biết ơn.

Lời “Cảm ơn” mà chúng ta phải nói liên tục này, lời cảm ơn này mà các Kitô hữu chia sẻ với mọi người, phát triển khi gặp gỡ Chúa Giêsu. Các sách Tin Mừng chứng thực rằng khi Chúa Giêsu đi ngang qua, Người thường khơi dậy niềm vui và sự ngợi khen Thiên Chúa nơi những ai Người gặp. Các tường thuật Tin Mừng đầy những người cầu nguyện, những người rất cảm kích trước sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế. Và chúng ta cũng được kêu gọi tham dự vào niềm hân hoan bao la này. Tình tiết về mười người phong cùi được chữa lành cũng gợi ý điều đó. Đương nhiên, tất cả bọn họ đều vui mừng vì đã được hồi phục sức khỏe, cho phép họ kết thúc cuộc cách ly cưỡng bức không hồi kết thúc từng loại trừ họ khỏi cộng đồng. Nhưng trong số họ, có một người được trải nghiệm thêm một niềm vui nữa: ngoài việc được chữa lành, anh ta còn vui mừng được gặp Chúa Giêsu. Anh ta không những được giải thoát khỏi sự ác mà giờ đây anh ta còn có được sự chắc chắn này là được yêu thương. Đây là điểm mấu chốt: khi bạn cảm ơn ai đó, cảm ơn, bạn nói lên sự chắc chắn này: bạn được yêu thương. Đó là một bước

tiền lớn: biết chắc chắn bạn được yêu thương. Đó là việc khám phá ra tình yêu như sức mạnh điều khiển thế giới - như Dante đã từng viết: Tình yêu “đi xuyên mặt trời và các vì sao khác” (*Paradise*, XXXIII, 145). Chúng ta không còn là những người lêu lổng, đi lang thang đó đây, không mục đích, không: chúng ta có một ngôi nhà, chúng ta ngụ cư trong Chúa Kitô, và từ “nơi ở” đó, chúng ta chiêm ngưỡng mọi phần khác của thế giới dường như đẹp đẽ hơn vô cùng đối với chúng ta. Chúng ta là con cái của tình yêu, chúng ta là anh chị em của tình yêu. Chúng ta là những người đàn ông và đàn bà biết tạ ơn.

Vì vậy, thưa anh chị em, chúng ta hãy tìm cách luôn ở trong niềm vui được gặp gỡ Chúa Giêsu. Chúng ta hãy trau dồi niềm vui. Thay vào đó, ma quỷ sau khi đã lừa dối chúng ta - bằng bất cứ con cái nào - luôn khiến chúng ta buồn bã và cô đơn. Nếu chúng ta ở trong Chúa Kitô, không có tội lỗi và mối đe dọa nào có thể ngăn cản chúng ta tiếp tục vui tươi trên đường đi của mình, cùng với nhiều bạn đồng hành khác cùng đi.

Trước hết, chúng ta đừng quên tạ ơn: nếu chúng ta là những người mang lòng biết ơn, thì chính thế giới sẽ trở nên tốt đẹp hơn, dù chỉ một chút tạ ơn thôi, cũng đủ để truyền tải một chút hy vọng. Thế giới cần hy vọng. Và với lòng biết ơn, với thói quen nói lời cảm ơn này, chúng ta sẽ truyền đi một chút hy vọng. Mọi sự đều hợp nhất và mọi sự đều có liên kết với nhau, và mọi người cần làm phần việc của mình dù chúng ta ở bất cứ nơi đâu. Con đường dẫn đến hạnh phúc là con đường mà Thánh Phaolô đã mô tả ở cuối một trong những bức thư của Người: “Hãy cầu nguyện không ngừng, hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh; vì đây là ý muốn của Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô dành cho bạn. Chớ dập tắt Chúa Thánh Thần”(1 Tx 5: 17-19). Đừng dập tắt Chúa Thánh Thần, thật là một dự án đẹp đẽ cho cuộc đời! Đừng dập tắt Chúa Thánh Thần mà chúng ta có bên trong, Đấng dẫn chúng ta đến lòng biết ơn. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi Hai: Cầu nguyện Ngợi khen (ngày 13/01/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Chúng ta hãy tiếp tục loạt bài giáo lý của chúng ta về việc cầu nguyện, và hôm nay chúng ta sẽ dành chỗ cho chiều kích ngợi khen.

Chúng ta sẽ lấy một đoạn quan trọng trong cuộc đời của Chúa Giêsu làm điểm xuất phát của chúng ta. Sau những phép lạ đầu tiên và việc các môn đồ tham dự vào việc rao truyền Nước Thiên Chúa, sứ mệnh của Đấng Mêxia trải qua một giai đoạn khủng hoảng. Thánh Gioan Tẩy Giả nghi ngờ và đặt cho Người câu hỏi này - Gioan lúc ấy đang ngồi tù: "Người có phải là người sẽ đến, hay chúng tôi phải tìm Đấng khác?" (Mt 11: 3), vì Người cảm thấy lo âu, không biết mình có nhầm lẫn khi rao truyền hay không. Luôn luôn có những khoảnh khắc đen tối, những khoảnh khắc của đêm đen thiêng liêng, và Thánh Gioan đang trải qua khoảnh khắc này. Lại còn sự thù địch trong các làng ven hồ nữa, nơi Chúa Giêsu từng thực hiện nhiều dấu lạ phi thường (x. Mt 11: 20-24). Giờ đây, chính trong khoảnh khắc đáng thất vọng ấy, Mátthêu kể lại một sự kiện thực sự đáng ngạc nhiên: Chúa Giêsu không cất tiếng than thở với Chúa Cha, nhưng đúng hơn, Người cất lên một bài thánh ca hân hoan: Chúa Giêsu thưa “Con cảm tạ Cha, lạy Cha, Chúa tể trời đất, vì Cha đã giấu kín những điều này đối với người khôn ngoan, thông thái và đã mạc khải chúng cho các trẻ thơ” (Mt 11:25) Như thế, giữa cơn khủng hoảng, giữa bóng tối tâm hồn của biết bao người, chẳng hạn như Gioan Tẩy giả, Chúa Giêsu

chúc tụng Chúa Cha, Chúa Giêsu ngợi khen Chúa Cha. Tại sao?

Trước hết và trên hết, Người ngợi khen Chúa Cha vì *bản chất đích thực của Chúa Cha*: “Lạy Cha là Chúa tể trời đất”. Chúa Giêsu vui mừng trong tinh thần của Người vì Người biết và Người cảm thấy rằng Cha của Người là Thiên Chúa của Vũ trụ, và ngược lại, Chúa tể của tất cả những gì hiện hữu là Chúa Cha, là “Cha tôi”. Ngợi khen nảy sinh từ cảm nghiệm cảm thấy rằng Người là “Con của Đấng Tối Cao”. Chúa Giêsu cảm thấy mình là Con Đấng Tối Cao.

Và rồi Chúa Giêsu ca ngợi Chúa Cha vì *đã ưu đãi những người bé mọn*. Đó chính là điều Người từng cảm nghiệm, khi rao giảng trong các làng mạc: những người “thông thái” và “khôn ngoan” luôn nghi ngờ và khép kín, họ là những người tính toán; trong khi “những người bé mọn” tự mở lòng họ ra và đón nhận sứ điệp của Người. Đây chỉ có thể là ý muốn của Chúa Cha, và Chúa Giêsu vui mừng về điều này. Chúng ta cũng phải vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa vì những người khiêm nhường và đơn sơ biết đón nhận Tin Mừng. Khi tôi thấy những người đơn sơ này, những người khiêm tốn đi hành hương, đi cầu nguyện, ca hát, ngợi khen, những người có lẽ thiếu thôn nhiều thứ nhưng lòng khiêm nhường khiến họ ngợi khen Thiên Chúa... Trong tương lai của thế giới và trong niềm hy vọng của Giáo hội có những "người bé mọn": những người không coi mình tốt hơn người khác, những người ý thức được những giới hạn của bản thân và tội lỗi của họ, những người không muốn thống trị trên người khác, những người, trong Thiên Chúa Cha, công nhận rằng tất cả chúng ta đều là anh chị em.

Vì vậy, trong khoảnh khắc thất bại rõ ràng, nơi mọi sự đều tối tăm, Chúa Giêsu đã cầu nguyện, bằng cách ngợi khen Chúa Cha. Và lời cầu nguyện của Người cũng dẫn chúng ta, những người đọc Tin Mừng, đến việc đánh giá sự thất bại của bản thân ta một cách khác, phê phán một cách khác các tình huống trong đó chúng ta không thấy rõ ràng sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa, khi xem ra sự dữ đang thắng thế không có cách nào để ngăn chặn nó. Trong những khoảnh khắc đó, Chúa Giêsu, Đấng vốn hết sức khuyến cáo ta cầu nguyện bằng cách đặt câu hỏi, nhưng vào chính thời điểm lúc đáng lẽ Người có lý do để xin Chúa Cha giải thích, thay vào đó, Người lại bắt đầu ca ngợi Chúa Cha. Tưởng chừng như là một mâu thuẫn, nhưng sự việc là thế đó, sự thật là thế đó.

Ngợi khen có ích cho ai? Cho chúng ta hay cho Thiên Chúa? Một bản văn của phụng vụ Thánh Thể mời gọi chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa theo cách này; bản văn này viết như sau: “Tuy Chúa không cần chúng con ca tụng, nhưng việc chúng con cảm tạ Chúa lại là một hồng ân Chúa ban, vì những lời chúng con ca tụng chẳng thêm gì cho Chúa, nhưng đem lại cho chúng con ơn cứu độ” (Sách Lễ Rôma, *Kinh Tiền Tụng chung IV*). Bằng cách khen ngợi, chúng ta được cứu rỗi.

Lời cầu nguyện ngợi khen phục vụ chúng ta. *Sách Giáo lý* định nghĩa nó như sau - lời cầu nguyện ngợi khen “thông phần hạnh phúc của những tâm hồn trong sạch, những kẻ yêu mến Người trong đức tin trước khi được thấy Người trong Vinh Quang” (số 2639).

Nghịch lý là nó phải được thực hành không những chỉ khi cuộc sống chúng ta đầy rẫy hạnh phúc, mà trên hết ngay trong những thời điểm khó khăn, trong những khoảnh khắc tăm tối khi đường đi trở thành một con đường leo dốc. Đó cũng là lúc để ngợi khen. Giống như Chúa Giêsu [Đấng] trong giờ phút đen tối, đã ngợi khen Chúa Cha. Vì chúng ta học được rằng, qua con đường đi lên ấy, con đường khó khăn ấy, con đường mệt mỏi ấy, những đoạn đường đòi hỏi nhiều khó khăn ấy, chúng ta mới có thể nhìn thấy một bức tranh toàn cảnh mới, một chân trời rộng lớn hơn. Dâng lời ngợi khen cũng giống như hít thở oxy tinh khiết: nó thanh lọc linh

hồn, giúp bạn nhìn xa hơn về phía trước để không bị giam hãm trong khoảnh khắc khó khăn, trong bóng tối khó khăn.

Có một giáo huấn tuyệt vời trong lời cầu nguyện ấy mà trong tám thế kỷ chưa bao giờ mất sức hấp dẫn, giáo huấn mà Thánh Phanxicô đã sáng tác vào cuối đời mình: “Ca khúc Anh Mặt Trời” hay “Ca khúc Tạo vật”.

Vị Thánh Nghèo không sáng tác nó trong lúc hân hoan, trong lúc vui sống, mà trái lại, trong lúc khó khăn. Lúc đó, Thánh Phanxicô gần như bị mù, và cảm thấy trong linh hồn mình sự nặng nề của cô đơn chưa từng trải qua: thế giới đã không thay đổi kể từ khi Người bắt đầu rao giảng, vẫn còn những người để bản thân mình bị xé nát bởi những cuộc cãi vã, và thêm vào đó Người nhận thức rõ: cái chết đang đến gần hơn bao giờ hết. Đáng lẽ đó là khoảnh khắc vỡ mộng, vỡ mộng tội độ và tri nhận sự thất bại của mình. Nhưng ngay lúc buồn bã, ngay lúc tăm tối đó, Thánh Phanxicô đã cầu nguyện: “Lạy Chúa của con, xin hết lời ngợi khen Chúa”. Người cầu nguyện bằng cách ngợi khen. Thánh Phanxicô ngợi khen Thiên Chúa vì mọi sự, mọi hồng phúc sáng thế, và ngay cả vì sự chết, điều mà Người can đảm gọi là “chị”.

Những tấm gương này của các thánh, của các Kitô hữu, và của cả Chúa Giêsu, về việc ngợi khen Thiên Chúa trong những thời khắc khó khăn, đã mở ra cho chúng ta những cánh cổng dẫn vào một con đường tuyệt vời hướng tới Chúa, và chúng luôn thanh tẩy chúng ta. Ngợi khen luôn luôn thanh tẩy.

Các Thánh cho chúng ta thấy: chúng ta luôn có thể dâng lời ngợi khen, trong những thời điểm tốt đẹp cũng như trong những lúc xấu xa, bởi vì Thiên Chúa là người bạn trung thành. Đây là nền tảng của sự ngợi khen: Thiên Chúa là người bạn trung thành, và tình yêu của Người không bao giờ suy giảm. Người luôn ở bên cạnh chúng ta, Người luôn chờ đợi chúng ta. Có lời đã chép, " Người là lính canh luôn gần gũi bạn và giúp bạn luôn tiến tới trong tự tin". Trong những thời khắc khó khăn và tăm tối, chúng ta hãy can đảm nói: “Lạy Chúa, xin chúc tụng Chúa”. Ngợi khen Chúa. Điều này sẽ giúp ích chúng ta rất nhiều. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi Ba: Cầu nguyện cho sự hợp nhất Kitô Giáo (ngày 20/01/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong bài giáo lý này, chúng ta sẽ suy gẫm về lời cầu nguyện cho sự hợp nhất Kitô giáo. Thực tế, tuần lễ từ ngày 18 đến ngày 25 tháng Giêng được dành riêng cho việc này: cầu xin Thiên Chúa ban cho hồng phúc hợp nhất để vượt qua tai tiếng chia rẽ giữa các tín hữu của Chúa Giêsu. Sau Bữa Tiệc Ly, Người đã cầu nguyện cho các tín hữu của Người, “để tất cả chúng nên một” (Ga 17:21). Đây là lời cầu nguyện của Người trước cuộc Khổ nạn, chúng ta có thể gọi đó là chúc thư tinh thần của Người. Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý điều này: Chúa không ra lệnh các môn đồ của Người phải hợp nhất. Không, *Người đã cầu nguyện*. Người cầu nguyện với Chúa Cha cho chúng ta, để chúng ta nên một. Điều này có nghĩa là chúng ta không thể đạt được sự hợp nhất bằng chính sức mình. Trên hết, sự hợp nhất là một hồng phúc, nó là một ơn thánh cần được cầu xin qua lời cầu nguyện.

Mỗi người trong chúng ta đều cần nó. Thực tế, chúng ta biết chúng ta không có khả năng duy trì sự hợp nhất ngay trong chính chúng ta. Ngay cả Thánh tông đồ Phaolô cũng cảm thấy mâu thuẫn đau đớn trong bản thân: muốn điều thiện nhưng lại nghiêng về điều ác (xem Rm 7:19). Nhờ thế, Người đã nắm được gốc rễ của rất nhiều chia rẽ bao quanh chúng ta - giữa người ta, trong gia đình, trong xã hội, giữa các quốc gia và thậm chí giữa các tín hữu - và bên trong chúng ta. Công đồng Vaticanô II đã tuyên bố, “sự mất cân bằng mà thế giới đang lao khổ được liên kết với sự mất cân bằng căn bản hơn vốn bắt nguồn từ trái tim con người. Vì nơi con người, nhiều yếu tố đang vật lộn với nhau. [...] Do đó, họ phải chịu đựng nhiều chia rẽ nội bộ, và từ những chia rẽ này phát sinh ra nhiều bất hòa lớn lao trong xã hội” (*Gaudium et spes*, 10).

Vì vậy, giải pháp cho các chia rẽ này là không nên chống lại một ai, bởi vì sự bất hòa sẽ phát sinh ra nhiều bất hòa hơn. Phương thuốc thực sự bắt đầu bằng cách cầu xin Thiên Chúa ban hòa bình, hòa giải, hợp nhất.

Và điều này có giá trị, trước hết, đối với các Kitô hữu. Sự hợp nhất chỉ có thể đạt được như một kết quả của việc cầu nguyện. Các nỗ lực ngoại giao và đối thoại học thuật là những điều không đủ. Những điều này đã được thực hiện, nhưng chúng vẫn chưa đủ. Chúa Giêsu biết điều này và đã mở đường cho chúng ta bằng cách cầu nguyện. Như vậy, lời cầu nguyện cho hợp nhất của chúng ta là tham dự khiêm tốn nhưng đầy tin tưởng vào lời cầu nguyện của Chúa, Đấng đã hứa rằng bất cứ lời cầu nguyện nào nhân danh Người sẽ được Chúa Cha lắng nghe (xem Ga 15: 7). Tại thời điểm này, chúng ta có thể tự hỏi: "Tôi có cầu nguyện cho sự hợp nhất không?" Đó là ý muốn của Chúa Giêsu, nhưng nếu chúng ta kiểm tra các ý định được chúng ta cầu nguyện cho, có lẽ chúng ta sẽ nhận ra rằng chúng ta đã cầu nguyện rất ít, có lẽ không bao giờ, cho sự hợp nhất Kitô giáo. Ấy thế nhưng, đức tin của thế giới phụ thuộc vào nó; thật vậy, Chúa đã cầu xin cho chúng ta nên một “để thế gian tin” (Ga 17:21). Thế giới sẽ không tin vì chúng ta thuyết phục được họ bằng những lý lẽ xác đáng, nhưng nếu chúng ta làm chứng cho tình yêu vốn hợp nhất chúng ta, vốn kéo chúng ta lại gần nhau, thì đúng: thế giới sẽ tin.

Trong thời gian khó khăn nghiêm trọng hiện nay, lời cầu nguyện này càng cần thiết hơn để sự hợp nhất thắng thế các cuộc xung đột. Điều cấp thiết là chúng ta phải để qua một bên các sở thích để cố vũ ích chung, và vì vậy gương tốt của chúng ta là điều căn bản: điều chủ yếu là

các Kitô hữu theo đuổi con đường hướng tới sự hợp nhất hữu hình hoàn toàn. Trong những thập niên qua, nhờ ơn Thiên Chúa, đã có nhiều bước tiến tới nhưng chúng ta vẫn cần phải kiên trì trong yêu thương và cầu nguyện, không thiếu tin tưởng hay mệt mỏi. Đó là con đường mà Chúa Thánh Thần đã làm phát sinh trong Giáo hội, trong các Kitô hữu và trong chúng ta, không quay đầu khỏi con đường này. Mỗi ngày tiếp tục tiến bước.

Cầu nguyện có nghĩa là đấu tranh cho sự hợp nhất. Vâng, hãy chiến đấu, vì kẻ thù của chúng ta, là ma quỷ, là kẻ gây chia rẽ, như chính từ ngữ đã nói. Chúa Giêsu xin Chúa Thánh Thần ban ơn hợp nhất, tạo nên sự hợp nhất. Ma quỷ luôn chia rẽ. Nó luôn luôn chia rẽ vì chia rẽ rất thuận tiện đối với nó. Nó cố vũ cho sự chia rẽ ở mọi nơi và bằng mọi cách, trong khi Chúa Thánh Thần luôn kết hợp trong hợp nhất. Nói chung, ma quỷ không cảm dỗ chúng ta bằng thần học cao siêu, nhưng bằng sự yếu đuối của anh chị em chúng ta. Nó rất tinh ranh: nó phóng đại các sai lầm và khuyết điểm của người khác, gieo rắc mối bất hòa, kích động chỉ trích và tạo bè phái. Thiên Chúa hành động cách khác: chúng ta có thể nào, Người đón nhận chúng ta như thế, Người yêu chúng ta rất nhiều, nhưng chúng ta như thế nào, Người yêu chúng ta như vậy, và chúng ta ra sao, Người đón nhận chúng ta như thế; Người đón nhận những người khác nhau trong chúng ta, Người đón nhận người tội lỗi, và Người luôn thúc đẩy chúng ta tiến tới sự hợp nhất. Chúng ta có thể tự đánh giá bản thân và tự hỏi mình xem tại những nơi chúng ta đang sống, chúng ta nuôi dưỡng xung đột hay đấu tranh cho việc gia tăng sự hợp nhất bằng các công cụ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta: cầu nguyện và tình yêu. Thay vào đó, điều thúc đẩy xung đột là những câu chuyện ngồi lê đôi mách, luôn nói sau lưng mọi người. Ngồi lê đôi mách là vũ khí tiện dụng nhất mà ma quỷ có để chia rẽ cộng đồng Kitô giáo, chia rẽ các gia đình, chia rẽ bạn bè, chia rẽ luôn luôn. Chúa Thánh Thần luôn linh hứng sự hợp nhất.

Chủ đề của Tuần Cầu Nguyện này đặc biệt nói về tình yêu: “Hãy ở trong tình yêu của Thầy và anh em sẽ sinh nhiều hoa trái” (x. Ga 15: 5-9). Gốc rễ của hiệp thông và yêu thương là Chúa Kitô, Đấng làm cho chúng ta vượt qua các định kiến của mình để luôn nhìn ra nơi người khác một người anh chị em để luôn được yêu thương. Sau đó, chúng ta sẽ khám phá ra rằng các Kitô hữu của các tuyên tín khác - với các truyền thống, và lịch sử của họ - là hồng phúc của Thiên Chúa, họ là hồng phúc hiện diện trong lãnh thổ các cộng đồng giáo phận và giáo xứ của chúng ta. Chúng ta hãy bắt đầu cầu nguyện cho họ và khi có thể, với họ. Nhờ đó, chúng ta sẽ học được cách yêu thương và đánh giá cao họ. Công đồng nhắc nhở chúng ta rằng cầu nguyện là linh hồn của mọi phong trào đại kết (xem *Unitatis redintegratio*, 8). Vì vậy, xin cho việc cầu nguyện trở thành khởi điểm giúp Chúa Giêsu biến ước mơ của Người thành sự thực: để tất cả chúng ta nên một. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi Bốn: Cầu nguyện bằng Sách Thánh (ngày 27/01/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay tôi muốn tập chú vào lời cầu nguyện mà chúng ta có thể bắt đầu bằng một đoạn Kinh Thánh. Những lời trong Sách Thánh không được viết ra để mãi bị giam cầm trên giấy cỏi, giấy da hay giấy thường, nhưng để được người cầu nguyện tiếp nhận, làm chúng đơm hoa trong lòng mình.

Lời Thiên Chúa đi vào cõi lòng ta.

Sách Giáo lý khẳng định rằng: “cầu nguyện nên đi kèm với việc đọc Sách Thánh” - không nên đọc Kinh thánh như một cuốn tiểu thuyết, mà phải kèm theo lời cầu nguyện - “để cuộc đối thoại diễn ra giữa Thiên Chúa và con người” (số 2653). Đây là nơi việc cầu nguyện dẫn anh chị em tới, vì nó là một cuộc đối thoại với Thiên Chúa. Câu Kinh Thánh đó cũng được viết cho tôi, cách đây nhiều thế kỷ, để mang lời Chúa đến với tôi. Nó được viết cho mỗi người chúng ta. Kinh nghiệm này xảy ra cho mọi tín hữu: một đoạn Kinh thánh, đã nghe nhiều lần rồi, bất ngờ, một ngày nào đó, nói với tôi, và soi sáng một hoàn cảnh sống của tôi. Nhưng điều cần thiết là tôi, ngày hôm đó, phải có mặt trong cuộc hẹn với Lời Chúa đó. Tôi phải ở đó, lắng nghe Lời Chúa. Mỗi ngày Thiên Chúa đi qua và gieo một hạt giống vào thửa đất cuộc đời chúng ta. Chúng ta không biết hôm nay liệu Người sẽ tìm thấy đất khô, đất cằn, hay đất tốt làm cho hạt giống đó mọc lên (xem Mc 4: 3-9). Việc chúng trở thành Lời hằng sống của Thiên Chúa cho chúng ta tùy thuộc vào chúng ta, vào lời cầu nguyện của chúng ta, vào tấm lòng rộng mở mà chúng ta dùng tiếp cận Kinh thánh. Đức Chúa Trời đi qua, liên tục và thông qua Kinh thánh. Và ở đây tôi xin trở lại với những gì tôi đã nói tuần trước, với những gì Thánh Augustinô đã nói: “Tôi sợ Thiên Chúa khi Người đi qua”. Tại sao Người sợ? Sợ rằng Người không lắng nghe Người. Sợ rằng tôi không nhận ra rằng Người là Chúa.

Qua lời cầu nguyện, một sự nhập thể mới diễn ra. Và chúng ta là “nhà tạm” nơi lời của Thiên Chúa muốn được chào đón và lưu giữ, để chúng có thể đến thăm thế giới. Đây là lý do tại sao chúng ta phải tiếp cận Kinh Thánh mà không có động cơ thăm kín, không khai thác nó. Tín hữu không biến Kinh Thánh thành điểm tựa cho quan điểm triết học và luân lý của riêng họ, nhưng vì họ hy vọng một cuộc gặp gỡ; người tín hữu biết rằng những lời đó được viết ra trong Chúa Thánh Thần, và do đó cũng trong cùng một Chúa Thánh Thần này, chúng phải được đón nhận và hiểu biết, để cuộc gặp gỡ có thể diễn ra.

Tôi hơi khó chịu khi nghe các Kitô hữu đọc những câu Kinh thánh như những con vẹt. “Ồ, vâng... Ồ, Chúa nói... Người muốn điều này...”. Nhưng anh chị em có gặp được Chúa, với câu đó hay không? Đó không phải là vấn đề chỉ thuộc về trí nhớ: đó là vấn đề thuộc ký ức của trái tim, nhằm mở cửa để anh chị em bước vào cuộc gặp gỡ với Chúa. Và lời đó, câu đó, dẫn anh chị em đến cuộc gặp gỡ với Chúa.

Do đó, chúng ta đọc Kinh thánh vì chúng “đọc chúng ta”. Và đó là một ơn thánh để có thể nhận ra chính mình trong đoạn văn ấy hoặc trong nhân vật ấy, trong tình huống này hoặc tình huống nọ.

Kinh thánh không được viết cho nhân loại cách chung, nhưng cho chúng ta, cho tôi, cho anh chị em, cho những người đàn ông và đàn bà bằng xương bằng thịt, những người đàn ông và đàn bà có tên riêng và tên họ, như tôi, như anh chị em. Và Lời Thiên Chúa, lời đầy Chúa Thánh Thần, khi được đón nhận với tấm lòng rộng mở, không để các sự vật y hệt như trước đây: không bao giờ. Một điều gì đó đang thay đổi. Và đó là ơn thánh và sức mạnh của Lời Thiên Chúa.

Truyền thống Kitô giáo rất phong phú về kinh nghiệm và suy tư về việc cầu nguyện bằng Sách Thánh. Đặc biệt, phương pháp “*Lectio divina*” đã được thành lập; nó bắt nguồn từ các giới đan sĩ, nhưng hiện nay nó cũng đã được thực hành bởi các Kitô hữu thường xuyên đi lại với các giáo xứ của họ. Trước hết, nó là vấn đề đọc một đoạn Kinh thánh một cách chăm chú: đây là *Lectio divina*, trước hết và quan trọng nhất là đọc đoạn Kinh thánh một cách chăm chú, hoặc hơn thế nữa: Tôi muốn nói với “một vâng phục” bản văn, để hiểu ý nghĩa trong và của chính nó. Sau đó, người ta bắt đầu đối thoại với Kinh thánh, để những lời đó trở thành một nguyên nhân cho việc suy gẫm và cầu nguyện: trong khi trung thành với bản văn, tôi bắt đầu

tự hỏi nó “nói gì với tôi”. Đây là một bước tế nhị: chúng ta không được sa vào những giải thích chủ quan, nhưng chúng ta phải là một phần của lối sống Truyền thống, vốn liên kết mỗi chúng ta với Sách Thánh. Bước cuối cùng của *Lectio divina* là chiêm niệm. Ở chỗ này, các lời lẽ và suy nghĩ phải nhường chỗ cho tình yêu, như giữa những người yêu nhau đôi khi nhìn nhau trong im lặng. Bản Văn Kinh thánh vẫn còn đó, nhưng giống như một tấm gương, giống như một ảnh tượng để được chiêm niệm. Và nhờ cách này, có sự đối thoại.

Qua lời cầu nguyện, Lời Thiên Chúa đến ở trong chúng ta và chúng ta ở trong nó. Lời Chúa gợi hứng cho các ý định tốt và nâng đỡ hành động; nó đem lại cho chúng ta sức mạnh và sự thanh thản, và ngay cả lúc thách thức chúng ta, nó mang lại cho chúng ta sự bình yên. Vào những ngày "kỳ lạ" và khó hiểu, nó bảo đảm cho trái tim một cốt lõi tin tưởng và yêu thương bảo vệ nó khỏi các cuộc tấn công của kẻ ác.

Nhờ cách đó, Lời của Thiên Chúa trở thành xác thịt – tôi xin dùng kiểu nói này - nó trở thành xác thịt nơi những người tiếp nhận nó trong cầu nguyện. Trong một số bản văn cổ đại, có trực giác cho rằng các Kitô hữu đồng nhất hoàn toàn với Lời Chúa đến nỗi, ngay cả khi mọi Sách thánh bị thiêu rụi, "khuôn" của chúng vẫn được lưu giữ vì dấu ấn mà nó đã để lại trong cuộc đời các vị thánh. Quả là một phát biểu đẹp đẽ.

Đời sống Kitô hữu vừa là công trình vâng phục vừa là công trình sáng tạo. Một Kitô hữu tốt phải biết vâng phục, nhưng họ phải sáng tạo. Vâng phục, vì lắng nghe Lời Thiên Chúa; sáng tạo, bởi vì họ có Chúa Thánh Thần bên trong, Đấng thúc đẩy họ trở thành như vậy, dẫn dắt họ đi lên. Ở cuối một trong những dụ ngôn của Người, Chúa Giêsu đưa ra sự so sánh sau đây - Người nói, “bất cứ kinh sư nào đã được học hỏi về Nước Trời, thì cũng giống như chủ nhà kia lấy ra từ trong kho tàng của mình – cõi lòng mình - cả cái mới lẫn cái cũ” (Mt 13:52). Sách Thánh là một kho tàng vô tận. Xin Chúa ban cho tất cả chúng ta ơn biết rút ra nhiều điều hơn nữa từ đó, qua việc cầu nguyện.

Chương Hai Mươi Lăm: Cầu nguyện trong Phụng vụ

Vũ Văn An 03/02/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong lịch sử Giáo Hội, thường có cơn cám dỗ muốn thực hành một Kitô giáo thân mật tư riêng (intimist Christianity), vốn không thừa nhận tầm quan trọng thiêng liêng của các nghi thức phụng vụ công cộng. Thông thường, khuynh hướng này chủ trương đặc tính họ cho là thuần khiết hơn của một lòng đạo không phụ thuộc vào các nghi lễ bên ngoài, vốn bị coi là gánh nặng vô ích hoặc có hại. Trọng tâm của sự chỉ trích này không phải là một hình thức nghi lễ đặc thù, hay một cách thức cử hành đặc thù nào, mà là chính phụng vụ, hình thức phụng vụ của cầu nguyện.

Thật vậy, trong Giáo Hội, người ta có thể tìm thấy một số hình thức linh đạo đã không hòa nhập được thời điểm phụng vụ một cách thỏa đáng. Nhiều tín hữu, mặc dù siêng năng tham dự phụng vụ, nhất là Thánh Lễ Chúa Nhật, nhưng thay vào đó, họ đã rút tía nguồn nuôi dưỡng đức tin và đời sống thiêng liêng của họ từ các nguồn khác, thuộc loại sùng kính.

Trong những thập niên gần đây, chúng ta đã thực hiện được nhiều điều. Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* của Công đồng Vatican II đã trình bày một điểm mấu chốt trong cuộc hành trình lâu dài này. Nó tái xác nhận một cách toàn diện và hữu cơ tầm quan trọng của phụng vụ thánh đối với đời sống của các Kitô hữu, những người nhận thấy ở đó sự trung gian khách quan phải có do sự kiện Chúa Giêsu Kitô không phải là một ý niệm hay một tình cảm, mà là một Ngôi vị sống động, và Mầu nhiệm của Người là một sự kiện lịch sử. Lời cầu nguyện của Kitô hữu phải nhờ các trung gian hữu hình: Sách Thánh, các Bí tích, các nghi thức phụng vụ, cộng đoàn.

Trong đời sống Kitô hữu, lãnh vực thể xác và vật chất không thể được miễn chức, vì trong Chúa Giêsu Kitô, nó đã trở thành con đường cứu rỗi. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta cũng phải cầu nguyện bằng thân thể mình: thân thể chúng ta đi vào việc cầu nguyện.

Do đó, không có linh đạo Kitô giáo nào không bén rễ vào việc cử hành các mầu nhiệm thánh. Sách Giáo lý viết: “Sứ mạng của Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần là công bố, hiện thực và thông truyền mầu nhiệm cứu độ trong Phụng vụ của Hội Thánh; sứ vụ ấy được tiếp nối nơi tâm hồn người cầu nguyện (2655). Phụng vụ, tự nó, không chỉ là lời cầu nguyện tự phát, mà là một điều gì đó ngày càng độc đáo hơn: nó là một hoạt động làm nền tảng cho toàn bộ kinh nghiệm Kitô giáo và do đó, cả việc cầu nguyện nữa. Nó là biên cố, nó đang xảy ra, nó là sự hiện diện, nó là cuộc gặp gỡ. Nó là một cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô. Chúa Kitô tự làm Người hiện diện trong Chúa Thánh Thần qua các dấu chỉ bí tích: do đó, các Kitô hữu chúng ta cần phải tham dự vào các mầu nhiệm Thiên Chúa. Tôi dám khẳng định rằng một Kitô giáo nếu không có phụng vụ là một Kitô giáo không có Chúa Kitô. Không có Chúa Kitô cách trọn vẹn. Ngay trong một nghi thức sơ sài nhất, chẳng hạn như nghi thức mà một số Kitô hữu đã cử hành và tiếp tục cử hành ở những nơi bị giam giữ, hoặc khi phải trú ẩn trong một căn nhà thời bách hại, Chúa Kitô thực sự hiện diện và ban chính Người cho các tín hữu của Người.

Phụng vụ, chính vì chiều kích khách quan của nó, đòi phải được cử hành cách sốt sắng, để ơn thánh được tuôn đổ trong nghi thức không bị phân tán nhưng thay vào đó vươn tới cảm nghiệm của mọi người. Sách Giáo lý giải thích điều đó rất hay; nó viết: “Cầu nguyện nội tâm hóa và đồng hóa với phụng vụ trong khi và sau khi được cử hành” (*sđđ*). Nhiều lời cầu

nguyện của Kitô giáo không bắt nguồn từ phụng vụ, nhưng tất cả những lời cầu nguyện đó, nếu muốn là Kitô giáo, đều giả định phụng vụ, nghĩa là qua trung gian bí tích của Chúa Giêsu Kitô. Mỗi khi chúng ta cử hành Phép Rửa, hoặc truyền phép bánh và rượu trong Phép Thánh Thể, hoặc xúc dầu thánh cho thân thể của một người bệnh, thì Chúa Kitô ở đấy! Chính Người hành động và hiện diện giống như khi Người chữa lành chân tay yếu ớt của một người bệnh, hoặc khi, trong Bữa Tiệc Ly, Người đã ban giao ước của Người là sẽ cứu rỗi thế giới.

Lời cầu nguyện của Kitô hữu biến sự hiện diện bí tích của Chúa Giêsu thành của riêng họ. Điều ở bên ngoài chúng ta trở thành một phần của chúng ta: phụng vụ phát biểu điều này cả bằng cử chỉ ăn uống rất tự nhiên. Thánh lễ không thể chỉ là việc “lắng nghe”: cũng không chính xác khi nói, “Tôi đi nghe Thánh lễ”. Thánh lễ không thể chỉ được lắng nghe, như thể chúng ta chỉ là khán giả của một điều gì đó trôi tuột đi mà không có sự tham gia của chúng ta. Thánh lễ luôn được cử hành, và không những bởi linh mục chủ tế mà thôi, mà còn bởi tất cả các Kitô hữu đang trải nghiệm nó. Và trung tâm là Chúa Kitô! Tất cả chúng ta, trong sự đa dạng của các ơn phúc và thừa tác vụ, tham dự vào hành động của Người, bởi vì Người, Chúa Kitô, vốn là Nhân vật chủ đạo của phụng vụ.

Khi các Kitô hữu đầu tiên bắt đầu thờ phượng, họ đã làm như vậy bằng cách hiện thực hóa các việc làm và lời nói của Chúa Giêsu, với ánh sáng và quyền năng của Chúa Thánh Thần, để cuộc sống của họ, đạt được nhờ ơn thánh đó, sẽ trở thành của lễ thiêng liêng dâng lên Thiên Chúa. Cách tiếp cận này là một “cuộc cách mạng” thực sự. Thánh Phaolô viết trong Thư gửi tín hữu Rôma: “Thưa anh em, vì Thiên Chúa thương xót chúng ta, tôi khuyên nhủ anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người” (12: 1). Cuộc sống được mời gọi trở thành việc thờ phượng Thiên Chúa, nhưng điều này không thể xảy ra nếu không có việc cầu nguyện, nhất là việc cầu nguyện của phụng vụ. Ước gì suy nghĩ này giúp ích tất cả chúng ta khi tham dự Thánh lễ: Tôi đi cầu nguyện trong cộng đoàn, tôi đi cầu nguyện với Chúa Kitô đang hiện diện. Chẳng hạn, khi chúng ta đi cử hành Phép Rửa, thì chính Chúa Kitô, Đấng hiện diện ở đó, làm Phép Rửa. “Nhưng thưa Cha, đây là một ý tưởng, một kiểu nói ví von”: không, đây không phải là kiểu nói ví von. Chúa Kitô hiện diện, và trong phụng vụ, anh chị em cầu nguyện với Chúa Kitô, Đấng ở bên cạnh anh chị em.

Chương Hai Mươi Sáu: Cầu nguyện trong cuộc sống hàng ngày (ngày 10/02/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong bài giáo lý trước, chúng ta đã thấy việc cầu nguyện của Kitô hữu được “thả neo” trong Phụng vụ ra sao. Hôm nay, chúng ta sẽ làm sáng tỏ cách Phụng vụ luôn đi vào đời sống hàng ngày như thế nào: trên đường phố, trong văn phòng, trên các phương tiện giao thông công cộng... Và ở những nơi đó, nó tiếp tục cuộc đối thoại với Thiên Chúa: người cầu nguyện giống như người đang yêu, luôn mang người họ yêu trong trái tim họ bất cứ họ đi đâu.

Trong yếu tính, mọi thứ đều trở thành một phần của cuộc đối thoại này với Thiên Chúa: mọi niềm vui đều trở thành lý do để ngợi khen, mọi thử thách là cơ hội để xin sự giúp đỡ. Cầu nguyện luôn sống động trong cuộc sống của chúng ta, như than hồng, dù miệng không nói nhưng trái tim nói. Mọi ý nghĩ, ngay cả những suy nghĩ có vẻ “phàm trần”, đều được lời cầu nguyện thấm nhiễm. Thậm chí còn có một khía cạnh cầu nguyện trong trí hiểu của con người;

thực thể, nó là chiếc cửa sổ nhìn vào màu nhiệm: nó soi sáng một số bước ở phía trước chúng ta và sau đó mở ra toàn bộ thực tại, một thực tại vốn đi trước nó và vượt qua nó. Màu nhiệm này không có vẻ mất thất vọng hay lo lắng. Không, sự hiểu biết về Chúa Kitô khiến chúng ta tin tưởng rằng bất cứ điều gì mất thường và mất tâm trí của chúng ta không thể thấy, thay vì không có gì ở đó, một ai đó vẫn đang chờ đợi chúng ta, một ơn thánh vô hạn vẫn đang ở đó. Và do đó, lời cầu nguyện của Kitô hữu gieo vào trái tim con người một niềm hy vọng bất diệt: bất cứ trải nghiệm nào chúng ta gặp trong cuộc hành trình của mình, tình yêu của Thiên Chúa đều có thể biến nó thành điều tốt đẹp.

Về điều này, Sách Giáo lý viết: “Chúng ta học biết cầu nguyện vào một số thời gian nhất định, bằng cách lắng nghe Lời Chúa và tham dự màu nhiệm Vượt Qua của Người; Người còn ban Thánh Thần để giúp chúng ta cầu nguyện trong mọi lúc, trong mọi biến cố của cuộc sống hằng ngày... Thời gian là của Cha; chúng ta gặp được Người trong hiện tại, không phải hôm qua hay ngày mai, nhưng chính hôm nay” (số 2659). Hôm nay tôi gặp Thiên Chúa, hôm nay luôn là ngày gặp gỡ.

Không có ngày nào tuyệt vời hơn ngày mà chúng ta đang sống. Những người sống luôn nghĩ về tương lai, tương lai: “Nhưng nó sẽ tốt hơn...”, nhưng không chấp nhận mỗi ngày như nó diễn ra: đó là những người sống trong mộng tưởng, họ không biết phải đối phó ra sao với thực tại cụ thể. Và hôm nay là có thật, hôm nay là cụ thể. Và lời cầu nguyện phải được thực hiện ngày hôm nay. Chúa Giêsu đến gặp chúng ta hôm nay, ngày chúng ta đang sống. Và chính lời cầu nguyện biến ngày này thành ơn thánh, hay tốt hơn, nó biến đổi chúng ta: xoa dịu cơn giận, nâng đỡ tình yêu, nhân thừa niềm vui, truyền sức mạnh để tha thứ. Đôi khi dường như không còn là chúng ta đang sống nữa, nhưng ơn thánh đó sống và hoạt động trong chúng ta qua việc cầu nguyện. Đó là ơn thánh đang chờ đợi, nhưng luôn luôn là điều này, đừng quên: hãy đón nhận ngày hôm nay như nó xảy đến. Và hãy nghĩ đến khi một ý nghĩ tức giận đến với anh chị em, về sự bất hạnh khiến anh chị em phải chịu đựng sự cay đắng, anh chị em hãy dừng lại. Và hãy thưa với Chúa: "Chúa đang ở đâu vậy? Và con sẽ đi đâu đây?" Và Chúa ở đó, Chúa sẽ cho anh chị em lời đúng đắn, lời khuyên để anh chị em đi tiếp mà không phải ném mùi cay đắng, tiêu cực đó. Vì, nói theo ngôn ngữ phạm trần, việc cầu nguyện luôn luôn tích cực. Luôn luôn. Nó sẽ đưa anh chị tiến lên phía trước. Mỗi ngày bắt đầu sẽ được đi kèm với lòng can đảm nếu nó được chào đón trong lời cầu nguyện. Như vậy, các vấn đề chúng ta gặp phải dường như không còn là trở ngại cho hạnh phúc của chúng ta nữa, mà là những lời kêu gọi từ Thiên Chúa, những cơ hội để gặp gỡ Người. Và khi ai đó được Chúa đồng hành, họ sẽ cảm thấy can đảm hơn, tự do hơn và thậm chí hạnh phúc hơn.

Vì vậy, chúng ta hãy luôn cầu nguyện cho mọi người, cho cả kẻ thù của chúng ta nữa. Chúa Giêsu khuyên chúng ta làm điều này: "Hãy cầu nguyện cho kẻ thù của các con". Chúng ta hãy cầu nguyện cho những người thân yêu của chúng ta, cả cho những người chúng ta không quen biết. Chúng ta hãy cầu nguyện cho cả các kẻ thù của chúng ta, như tôi đã nói, như Kinh Thánh thường mời gọi chúng ta thực hiện. Lời cầu nguyện hướng chúng ta đến một tình yêu cực kỳ phong phú. Trên hết, chúng ta hãy cầu nguyện cho những người đang buồn rầu, cho những người đang khóc trong cô đơn và tuyệt vọng để vẫn có thể có một người yêu thương họ. Cầu nguyện làm phép lạ; và lúc đó, những người nghèo sẽ hiểu ra rằng, nhờ ơn thánh của Thiên Chúa, ngay trong hoàn cảnh bấp bênh của họ, lời cầu nguyện của một Kitô hữu làm cho lòng cảm thương của Chúa Kitô hiện diện. Thật vậy, Người hết sức âu yếm nhìn ngắm đồng một mối và lạc lõng như bầy chiên không người chăn dắt (xem *Mc 6:34*). Chúng ta đừng quên Chúa là Chúa của lòng cảm thương, của sự gần gũi, của sự âu yếm dịu dàng: ba hạn từ không bao giờ được quên liên quan đến Chúa. Vì đó là phong cách của Chúa: cảm thương, gần gũi, âu yếm dịu dàng.

Cầu nguyện giúp chúng ta yêu thương người khác, bắt chước lỗi lầm và tội lỗi của họ. Con người luôn quan trọng hơn các hành động của họ, và Chúa Giêsu đã không phán xét thế gian, nhưng Người cứu vớt nó. Cuộc đời kinh khủng xiết bao là cuộc đời của một người luôn phán xét người khác, luôn kết án, phán xét... Đó là một cuộc đời kinh khủng, bất hạnh, khi Chúa Giêsu đến để cứu rỗi chúng ta. Anh chị em hãy mở lòng ra, tha thứ, dành cho người khác phần đúng khi nghi ngờ, hiểu biết, gần gũi với người khác, cảm thương, âu yếm dịu dàng, giống như Chúa Giêsu. Chúng ta cần phải yêu thương từng người và mọi người, ghi nhớ trong lời cầu nguyện rằng tất cả chúng ta đều là những kẻ tội lỗi và đồng thời được Thiên Chúa yêu thương từng người một. Yêu thế giới cách này, yêu nó bằng sự âu yếm dịu dàng, chúng ta sẽ khám phá ra rằng mỗi ngày và mọi sự đều mang trong nó một mảnh của mẫu nhiệm Thiên Chúa.

Một lần nữa, Sách Giáo Lý viết: “Cầu nguyện trong mọi biến cố của cuộc sống hằng ngày, là một trong những điều bí ẩn của Nước Trời được mặc khải cho những kẻ bé mọn, những người tôi tớ của Đức Kitô, những người nghèo theo các Mối Phúc. Cầu nguyện cho Nước công lý và bình an tác động vào diễn tiến của lịch sử, là việc chính đáng và tốt đẹp; nhưng phải đem những hoàn cảnh bình thường của cuộc sống hằng ngày vào kinh nguyện. Mọi hình thức cầu nguyện đều có thể là thứ men cần thiết được Chúa nói đến trong dụ ngôn về Nước Trời” (số 2660).

Con người - nam và nữ, tất cả chúng ta, - con người giống như hơi thở, như ngọn cỏ (xem Tv 144: 4; 103: 15). Nhà triết học Pascal đã từng viết: “Không cần cả vũ trụ phải cảm vũ khí để nghiền nát anh ta: một hơi nước, một giọt nước cũng đủ giết chết anh ta” [1]. Chúng ta là những sinh vật mong manh, nhưng chúng ta biết cách cầu nguyện: đó là phẩm giá lớn nhất của chúng ta và cũng là sức mạnh của chúng ta. Anh chị em hãy can đảm. Anh chị em hãy cầu nguyện trong mọi thời điểm, trong mọi hoàn cảnh để Chúa ở gần chúng ta. Và khi một lời cầu nguyện được ngỏ theo lòng Chúa Giêsu, thì điều đó sẽ nhận được các phép lạ.

[1] Pensées, 186

Chương Hai Mươi Bảy: Cầu nguyện và Chúa Ba Ngôi Vũ Văn An 03/03/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong hành trình giáo lý về cầu nguyện của chúng ta, hôm nay và tuần sau, nhờ Chúa Giêsu Kitô, chúng ta sẽ thấy lời cầu nguyện mở cửa cho chúng ta đến với Chúa Ba Ngôi - Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần - đến đại dương bao la của Thiên Chúa, Đấng vốn là Tình Yêu. Chính Chúa Giêsu đã mở rộng cửa Thiên đàng cho chúng ta và phóng chiếu chúng ta vào mối liên hệ với Thiên Chúa. Chính Người đã làm điều này: Người đã mở ra cho chúng ta mối liên hệ này với Thiên Chúa Ba Ngôi, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Đây là điều mà Thánh Tông đồ Gioan đã khẳng định ở phần kết lời mở đầu Tin Mừng của Người: “Chưa ai từng thấy Thiên Chúa bao giờ: Con Một, ngự trong lòng Chúa Cha, đã làm cho Người được biết đến” (Ga 1:18). Chúa Giêsu đã mặc khải danh tính này cho chúng ta, tức danh tính Thiên Chúa, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Chúng ta thực sự không biết phải cầu nguyện như thế nào: lời nào, cảm xúc nào và ngôn ngữ nào thích hợp với Thiên Chúa. Trong lời thỉnh cầu đó được các môn đệ thưa với Thầy, điều mà chúng ta vẫn thường nhắc lại trong các bài giáo lý này, có mọi dọ dẫm, cố gắng lặp đi lặp lại của nhân loại, thường không thành công, trong việc ngỏ lời với Đấng Tạo Hóa: “Lạy Chúa, xin dạy chúng con cầu

nguyện” (Lc 11: 1).

Không phải mọi lời cầu nguyện đều ngang nhau, và không phải mọi lời cầu nguyện đều thuận lợi: chính Kinh thánh cũng chứng thực kết quả tiêu cực của nhiều lời cầu nguyện bị bác bỏ. Có lẽ đôi khi, Thiên Chúa không bằng lòng với những lời cầu nguyện của chúng ta và chúng ta thậm chí không nhận thức được điều đó. Thiên Chúa nhìn vào bàn tay của những người cầu nguyện: để làm cho chúng nên sạch sẽ, không cần phải rửa chúng; họa chăng, đó là việc người ta phải kiềm chế các hành vi xấu xa. Thánh Phanxicô đã cầu nguyện như sau: «Nulli homo ène dignu te mentovare», nghĩa là, “không người nào xứng đáng để kêu danh Người” (Ca khúc Mặt trời).

Nhưng có lẽ sự thừa nhận cảm động nhất về sự nghèo nàn trong lời cầu nguyện của chúng ta xuất phát từ môi miệng của viên bách quản Rôma, người một hôm kia van xin Chúa Giêsu chữa lành cho người đầy tớ bị bệnh của ông (x. Mt 8: 5-13). Ông cảm thấy hoàn toàn bất cập: ông không phải là một người Do Thái, ông là một sĩ quan trong đội quân chiếm đóng đáng ghét. Nhưng mỗi quan tâm của ông đối với đầy tớ của mình càng khiến ông trở nên bạo dạn, và ông thưa: “Lạy Người, tôi không xứng đáng để Người đến dưới mái nhà của tôi; nhưng chỉ xin Người nói một lời, tôi tớ tôi sẽ được chữa lành” (c. 8). Đó là câu chúng ta cũng thường lặp lại trong mọi phụng vụ Thánh Thể. Đối thoại với Thiên Chúa là một ơn thánh: chúng ta không xứng đáng với nó, chúng ta không có quyền đòi hỏi, chúng ta “khập khiễng” với mọi lời nói và mọi ý nghĩ... Nhưng Chúa Giêsu là cánh cửa mở ra cho chúng ta cuộc đối thoại này với Thiên Chúa.

Tại sao loài người phải được Chúa yêu thương? Không có lý do hiển nhiên nào, không có tỷ lệ nào cả... Đến nỗi hầu hết các thần thoại không nghĩ đến khả thể có một vị thần biết quan tâm đến các vụ việc của con người; ngược lại, chúng bị coi là phiền phức và nhàm chán, hoàn toàn không đáng kể. Hãy nhớ lại câu Thiên Chúa nói với dân Người, được lặp lại trong Đệ nhị luật: “Vì dân tộc vĩ đại nào có được một vị thần gần gũi với họ như Chúa, là Thiên Chúa của chúng ta, đối với chúng ta?” Sự gần gũi này của Thiên Chúa chính là sự mạc khải! Một số triết gia nói rằng Thiên Chúa chỉ có thể nghĩ đến chính mình. Họa chăng, chính con người chúng ta đang cố gắng thuyết phục thần mình và làm hài lòng Người. Từ đó, có bốn phận “tôn giáo”, với việc tiến hành các hy lễ và lòng sùng kính được dâng tới dâng lui để chúng ta được lòng một vị Thiên Chúa cảm, một vị Thiên Chúa dửng dưng. Không hề có đối thoại. Chỉ có Chúa Giêsu, chỉ có sự mạc khải của Thiên Chúa với Môsê trước Chúa Giêsu, khi Thiên Chúa tự tỏ mình ra; chỉ có Kinh thánh mới mở ra cho chúng ta cuộc đối thoại với Thiên Chúa. Hãy nhớ: “Có quốc gia vĩ đại nào mà lại có một vị thần rất gần gũi với nó như Thiên Chúa của chúng ta?”. Chính sự gần gũi của Thiên Chúa này giúp chúng ta mở ra cuộc đối thoại với Người.

Một Thiên Chúa yêu thương nhân loại: chúng ta sẽ không bao giờ có đủ can đảm để tin vào Người, nếu chúng ta không biết Chúa Giêsu. Sự hiểu biết về Chúa Giêsu đã làm cho chúng ta hiểu điều này, nó để điều này được mạc khải cho chúng ta. Quả là một tai tiếng - đó quả là một tai tiếng! - điều mà chúng ta thấy được ghi khắc trong dụ ngôn về người cha nhân hậu, hay về người mục tử đi tìm con chiên lạc (x. Lc 15). Chúng ta sẽ không thể quan niệm hoặc thậm chí hiểu được những câu chuyện như vậy nếu chúng ta không gặp Chúa Giêsu. Loại Thiên Chúa nào đã sẵn sàng chịu chết cho con người? Loại nào? Loại Thiên Chúa nào luôn luôn và kiên nhẫn yêu thương, không đòi hỏi được yêu thương đáp trả? Loại Thiên Chúa nào chấp nhận việc thiếu lòng biết ơn quá tẻ của đứa con trai đòi trước quyền thừa kế và bỏ nhà ra đi, phung phí mọi thứ? (x. Lc 15:12-13).

Chính Chúa Giêsu, Đấng đã mạc khải tấm lòng của Thiên Chúa. Do đó, bằng cuộc đời của Người, Chúa Giêsu cho chúng ta biết Thiên Chúa là Cha đến mức nào. *Tam Pater nemo*: Không ai là Cha như Người cả. Tình cha là sự gần gũi, lòng cảm thương và sự dịu dàng. Đừng quên ba hạn từ đó, đó là phong cách của Thiên Chúa: gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Đó là cách Người phát biểu tương quan cha con của Người đối với chúng ta. Từ xa, chúng ta khó có thể hình dung được tình yêu đầy tràn Thiên Chúa Ba Ngôi, và chiều sâu của lòng nhân từ hỗ tương hiện hữu giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Các ảnh tượng phương Đông cung cấp cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về màu nhiệm này, vốn là nguồn gốc và niềm vui của toàn thể vũ trụ.

Trên hết, chúng ta khó mà tin rằng tình yêu thần thiêng này sẽ mở rộng, đổ bộ lên cả bờ bên con người của chúng ta: chúng ta là những người tiếp nhận một tình yêu không có tương đương trên trái đất. Sách Giáo lý giải thích: “Vì thế, nhân tính thánh thiêng của Chúa Giêsu là phương thế Chúa Thánh Thần dùng dạy chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa là Cha chúng ta” (số 2664). Và đó là ơn đức tin của chúng ta. Chúng ta thực sự không thể hy vọng một ơn gọi nào cao cả hơn: nhân tính của Chúa Giêsu - Thiên Chúa đến gần chúng ta trong Chúa Giêsu - đã dọn sẵn cho chúng ta chính sự sống của Thiên Chúa Ba Ngôi, và mở rộng cánh cửa màu nhiệm tình yêu của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Chương Hai Mươi Tám: Chuyến Tông Du Iraq

Ngày 10/03/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong mấy ngày qua, Chúa đã cho phép tôi đến thăm Iraq, thực hiện một dự án của Thánh Gioan Phaolô II. Trước đây, chưa bao giờ một vị Giáo hoàng nào đã có mặt tại lãnh thổ của Ápraham. Chúa Quan Phòng muốn rằng điều đó xảy ra vào lúc này, như một dấu hiệu của hy vọng, sau nhiều năm chiến tranh và khủng bố, và trong một trận đại dịch nghiêm trọng.

Sau chuyến thăm này, linh hồn tôi tràn ngập lòng biết ơn - lòng biết ơn đối với Thiên Chúa và tất cả những người đã làm chuyến viếng thăm khả hữu: với Tổng thống nước Cộng hòa và Chính phủ Iraq; tới các Thượng phụ và Giám mục của đất nước, cùng với tất cả các bộ trưởng và thành viên tín hữu của các Giáo hội liên hệ; với các thẩm quyền tôn giáo, bắt đầu với Đại Giáo Trưởng Al-Sistani, người mà tôi đã có một cuộc gặp gỡ khó quên tại dinh thự của Người ở Najaf.

Tôi cảm thấy mạnh mẽ một cảm thức thống hối liên quan đến cuộc hành hương này: Tôi không thể đến gần dân tộc bị tra tấn đó, đến Giáo Hội từ đạo đó, mà không nhân danh Giáo Hội Công Giáo, vác lấy cây thánh giá mà họ đã vác trong nhiều năm nay; một cây thánh giá khổng lồ, giống cây thánh giá được đặt ở lối vào Qaraqosh. Tôi cảm thấy nó cách đặc biệt khi nhìn thấy những vết thương vẫn còn rỉ máu từ sự tàn phá, và còn hơn thế nữa khi gặp gỡ và nghe chứng từ của những người sống sót con bạo lực, bách hại, lưu đày... Và đồng thời, tôi thấy xung quanh tôi niềm hân hoan được chào đón sứ giả của Chúa Kitô; Tôi nhìn thấy niềm hy vọng được mở ra hướng tới chân trời hòa bình và huynh đệ, được tóm gọn trong lời lẽ của Chúa Giêsu vốn dùng làm phương châm cho Cuộc viếng thăm: “Anh em đều là anh em” (Mt 23: 8). Tôi đã tìm thấy niềm hy vọng này trong bài diễn văn của Tổng thống Cộng hòa. Tôi đã khám phá ra điều đó một lần nữa trong nhiều lời chào kính và chứng từ, trong các bài thánh ca và cử chỉ của người dân. Tôi đọc được điều đó trên khuôn mặt rạng ngời của những người trẻ và trong đôi mắt đầy sức sống của những người cao niên. Người ta đứng chờ Đức Giáo Hoàng cả 5 tiếng đồng hồ, thậm chí cả các phụ nữ ôm con trên tay nữa. Họ chờ đợi và niềm hy vọng rạng rỡ trong đôi mắt họ.

Nhân dân Iraq có quyền sống trong hòa bình; họ có quyền tìm lại phẩm giá vốn thuộc về họ. Nguồn gốc tôn giáo và văn hóa của họ có từ hàng nghìn năm trước: Lưỡng Hà là cái nôi của văn minh. Về mặt lịch sử, Baghdad là một thành phố có tầm quan trọng hàng đầu. Trong nhiều thế kỷ, nó là nơi chứa thư viện phong phú nhất trên thế giới. Và điều gì đã phá hủy nó? Chiến tranh. Chiến tranh luôn là con quái vật tự biến đổi mình cùng với sự thay đổi thời đại và tiếp tục nuốt trửng nhân loại. Nhưng phản ứng đối với chiến tranh không phải là một cuộc chiến khác; phản ứng với vũ khí không phải là vũ khí khác. Và tôi tự hỏi: ai đã bán vũ khí cho bọn khủng bố? Ngày nay ai đã bán vũ khí cho những kẻ khủng bố - những kẻ đang gây ra các vụ thảm sát ở các khu vực khác, chẳng hạn, hãy nghĩ đến Châu Phi? Đó là một câu hỏi mà tôi muốn ai đó trả lời. Đáp ứng không phải là chiến tranh, mà đáp ứng là tình huynh đệ. Đây là thách thức không chỉ đối với Iraq. Đó là thách thức đối với nhiều khu vực đang xung đột và cuối cùng, thách thức đối với toàn thế giới là tình huynh đệ. Liệu chúng ta có khả năng tạo ra tình huynh đệ giữa chúng ta không? Có khả năng xây dựng một nền văn hóa huynh đệ không? Hay chúng ta sẽ tiếp tục thứ luận lý mà Cain đã bắt đầu: chiến tranh. Các anh chị em thân mến. Tình huynh đệ.

Vì lý do này, chúng ta đã gặp gỡ và cầu nguyện với các Kitô hữu và người Hồi giáo, với đại

diện của các tôn giáo khác, ở Ur, nơi Ápraham đã nhận được tiếng gọi của Thiên Chúa khoảng bốn nghìn năm trước đây. Ápraham là tổ phụ của chúng ta trong đức tin vì ông đã lắng nghe tiếng Thiên Chúa hứa ban cho ông một dòng dõi. Ông bỏ lại mọi thứ và lên đường khởi hành. Thiên Chúa trung thành với những lời hứa của Người và cho đến tận ngày nay, vẫn hướng dẫn các bước đi của chúng ta hướng đến hòa bình. Người hướng dẫn các bước đi của những người đang lữ hành trên Trái đất với ánh mắt luôn hướng về Thiên đường. Và tại Ur - chúng tôi, dòng dõi của ông, cùng nhau đứng dưới những bầu trời sáng lạn đó, chính những bầu trời mà tổ phụ Ápraham của chúng ta đã thấy, câu *anh em đều là anh chị em* dường như lại vang lên một lần nữa.

Một sứ điệp của tình huynh đệ đã phát xuất từ cuộc gặp gỡ giáo hội tại Nhà thờ Công Giáo Syriac ở Baghdad, nơi 48 người, trong số đó có hai linh mục, đã bị giết trong Thánh lễ năm 2010. Giáo Hội tại Iraq là một Giáo Hội từ đạo. Và tại nhà thờ có dòng chữ khắc trên đá tưởng nhớ các vị tử đạo đó, niềm vui đã vang lên trong cuộc gặp gỡ đó. Sự ngạc nhiên của tôi khi được ở giữa họ chan hòa với niềm vui của họ khi có Giáo hoàng ở giữa họ.

Chúng tôi đã phát động sứ điệp huynh đệ từ Mosul và từ Qaraqosh, dọc theo sông Tigris, gần các phế tích của Ninivê cổ đại. Cuộc chiếm đóng của ISIS đã khiến hàng ngàn hàng vạn cư dân phải chạy trốn, trong số đó có nhiều Kitô hữu thuộc nhiều tuyên tín đa dạng và các nhóm thiểu số bị bách hại khác, nhất là người Yazidi. Bản sắc cổ xưa của những thành phố này đã bị hủy hoại. Bây giờ họ đang cố gắng rất nhiều để xây dựng lại. Người Hồi giáo đang mời gọi các Kitô hữu hồi hương và họ cùng nhau khôi phục lại các nhà thờ và đền Hồi giáo. Tình huynh đệ ở đó. Và, làm ơn, chúng ta hãy tiếp tục cầu nguyện cho họ, những anh chị em đã bị thử thách đầy đau đớn của chúng ta, để họ có thể có sức mạnh bắt đầu lại. Và khi nghĩ đến nhiều người Iraq đã di cư, tôi muốn nói với họ rằng: các bạn đã bỏ tất cả, giống như Ápraham; như Người, các bạn hãy giữ vững niềm tin và hy vọng. Các bạn hãy là những người dệt nên tình bạn và tình huynh đệ mọi lúc mọi nơi. Và nếu có thể, các bạn hãy hồi hương.

Một sứ điệp huynh đệ đã phát xuất từ hai Cử hành Thánh Thể: một tại Baghdad, trong Nghi lễ Candê, và một ở Erbil, thành phố tại đó tôi đã được tiếp đón bởi Tổng thống của khu vực và Thủ tướng của họ, các nhà chức trách – những người tôi xin cảm ơn rất nhiều vì đã đến nghinh đón tôi - và tôi cũng được người dân nghinh đón. Niềm hy vọng của Ápraham và niềm hy vọng của dòng dõi ông được ứng nghiệm trong mẫu nhiệm mà chúng ta cử hành, nơi Chúa Giêsu, Người Con mà Thiên Chúa Cha đã không tha, nhưng đã ban để cứu rỗi mọi người: qua cái chết và sự phục sinh của Người, Người đã mở đường đến đất hứa, đến sự sống mới, nơi nước mắt được lau khô, vết thương được chữa lành, anh chị em được hòa giải.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy ca ngợi Thiên Chúa vì chuyến thăm lịch sử này và chúng ta hãy tiếp tục cầu nguyện cho vùng đất đó và cho Trung Đông. Ở Iraq, bắt chấp tiếng gầm thét của tàn phá và vũ khí, cây cọ, biểu tượng và niềm hy vọng của đất nước, vẫn tiếp tục phát triển và đơm hoa kết trái. Tình huynh đệ cũng như vậy: như trái cọ không gầy òn ào, nhưng cây cọ thì kết trái và sinh sôi. Cầu xin Thiên Chúa, Đấng vốn là hòa bình, ban tương lai huynh đệ cho Iraq, cho Trung Đông và cho toàn thế giới!

Chương Hai Mươi Chín: Cầu nguyện và Chúa Thánh Thần

Vũ Văn An 17/03/2021

“Hãy không ngừng khẩn nài Chúa Thánh Thần để Người hiện diện trong đời sống ta”, đó là lời khuyên của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong buổi yết kiến ảo diễn ra tại Thư Viện Tông Toà ngày 17 tháng 3, 2021. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài:

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay chúng ta sẽ hoàn tất loạt bài giáo lý về việc cầu nguyện trong tương quan với Chúa Ba Ngôi, nhất là với Chúa Thánh Thần.

Hồng phúc đầu tiên của mọi cuộc sống Kitô hữu là Chúa Thánh Thần. Đó không phải là một trong nhiều hồng phúc, mà là hồng phúc căn bản. Chúa Thánh Thần là hồng phúc mà Chúa Giêsu đã hứa gửi tới cho chúng ta. Không có Chúa Thánh Thần thì không có mối liên hệ nào với Chúa Kitô và với Chúa Cha, vì Chúa Thánh Thần mở lòng chúng ta để đón nhận sự hiện diện của Thiên Chúa và cuốn hút nó vào “vòng xoáy” của tình yêu là chính trái tim Thiên Chúa. Chúng ta không chỉ đơn thuần là những người khách và những người hành hương trong cuộc hành trình trên trái đất này; chúng ta cũng là khách và những người hành hương của Chúa Ba Ngôi. Chúng ta giống như Ápraham, một ngày nọ, khi đón tiếp ba người khách lạ trong lều của mình, đã gặp Thiên Chúa. Nếu chúng ta thực sự có thể cầu khẩn Thiên Chúa, gọi Người là “Abba - Cha ơi”, thì chính là vì Chúa Thánh Thần ngự trong chúng ta; Người là Đấng biến đổi chúng ta từ thẳm sâu nội tâm và làm chúng ta cảm nghiệm được niềm vui xúc động được Thiên Chúa yêu thương như những đứa con đích thực của Người. Tất cả công việc thiêng liêng bên trong chúng ta đối với Thiên Chúa đều được thực hiện bởi Chúa Thánh Thần, hồng phúc này. Người làm việc trong chúng ta để đem đời sống Kitô hữu hướng tới Chúa Cha, cùng với Chúa Giêsu.

Về phương diện này, *Sách Giáo Lý* nói: “Mỗi lần chúng ta muốn cầu nguyện với Chúa Giêsu, chính Chúa Thánh Thần dùng ơn tiền sủng đưa chúng ta vào kinh nguyện. Chúa Thánh Thần dạy chúng ta biết cầu nguyện bằng cách nhắc ta nhớ đến Chúa Kitô, Vậy tại sao ta không cầu xin chính Chúa Thánh Thần? Vì thế, Hội Thánh kêu gọi chúng ta cầu xin Chúa Thánh Thần mỗi ngày, nhất là khi khởi sự và kết thúc mỗi việc quan trọng” (số 2670). Đây là việc làm của Chúa Thánh Thần trong chúng ta. Người “nhắc nhở” chúng ta nghĩ tới Chúa Giêsu và làm cho Người hiện diện với chúng ta - chúng ta có thể nói rằng Chúa Thánh Thần là ký ức Ba Ngôi của chúng ta, Người là ký ức về Thiên Chúa trong chúng ta - và Người làm cho nó hiện diện với Chúa Giêsu, để Chúa Giêsu không bị giản lược thành một nhân vật quá khứ: nghĩa là, Chúa Thánh Thần đưa Chúa Giêsu vào hiện tại tâm thức của chúng ta. Nếu Chúa Giêsu chỉ ở xa trong thời gian, chúng ta sẽ cô đơn và lạc lõng giữa thế giới. Vâng, chúng ta sẽ nhớ đến Chúa Giêsu, ở đó, rất xa nhưng chính Chúa Thánh Thần đã mang Người đến hôm nay, bây giờ, lúc này, trong trái tim chúng ta. Nhưng trong Chúa Thánh Thần, mọi sự đều có sinh khí: khả thể gặp gỡ Chúa Kitô được mở ra cho các Kitô hữu mọi nơi mọi lúc. Khả thể gặp gỡ Chúa Kitô, không những với tư cách một nhân vật lịch sử, đang mở ra. Không: Người thu hút Chúa Kitô vào lòng chúng ta, chính Chúa Thánh Thần làm cho chúng ta gặp gỡ Chúa Giêsu. Người không ở đâu xa, Chúa Thánh Thần ở với chúng ta: Chúa Giêsu vẫn dạy các môn đệ của Người bằng cách biến đổi tâm hồn họ, như Người đã làm với Phêrô, với Phaolô, với Maria Magdalêna, với mọi tông đồ. Nhưng tại sao Chúa Giêsu lại hiện diện? Vì chính Chúa Thánh Thần là Đấng mang Người đến với chúng ta.

Đây là kinh nghiệm của rất nhiều người cầu nguyện: những người nam và người nữ mà Chúa Thánh Thần đã đào tạo theo “thước đo” của Chúa Kitô, trong lòng thương xót, trong phục vụ, trong cầu nguyện, trong giáo lý... Thật là một ân sủng khi có thể gặp gỡ những người như thế: anh chị em nhận ra rằng một cuộc sống khác đang đập nhịp trong họ, cách họ nhìn “quá bên kia”. Chúng ta không những có thể nghĩ đến các đan sĩ và ân sĩ; họ cũng được tìm thấy giữa những người bình thường, những người đã dệt nên một lịch sử đối thoại lâu dài với Thiên Chúa, đôi khi là đấu tranh nội tâm, để thanh luyện đức tin của họ. Những nhân chứng khiêm tốn này đã tìm kiếm Thiên Chúa trong Tin Mừng, trong Bí tích Thánh Thể được lãnh nhận và tôn thờ, khi đối diện với các anh chị em đang gặp khó khăn, và họ bảo vệ sự hiện diện của Người như ngọn lửa bí mật.

Nhiệm vụ đầu tiên của người Kitô hữu chính là giữ cho ngọn lửa mà Chúa Giêsu đã mang xuống trần gian này (xem *Lc 12:49*), và ngọn lửa này là gì? Là tình yêu, Tình yêu Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần. Nếu không có ngọn lửa Chúa Thánh Thần, những lời tiên tri của Người sẽ bị dập tắt, buồn sầu sẽ thay thế niềm vui, lễ thói hàng ngày thay thế tình yêu và việc phục vụ biến thành nô dịch. Hình ảnh ngọn đèn cháy bên cạnh Nhà Tạm, nơi đặt Bí tích Thánh Thể, xuất hiện trong tâm trí. Ngay cả khi nhà thờ trống rỗng và màn đêm buông xuống, ngay cả khi nhà thờ đóng cửa, ngọn đèn đó vẫn leo lét, và tiếp tục cháy; không ai thấy nó, nhưng nó vẫn cháy trước mặt Chúa. Đây là cách Chúa Thánh Thần ở trong lòng chúng ta, luôn luôn hiện diện như ngọn đèn đó.

Một lần nữa chúng ta đọc trong *Sách Giáo Lý*: “Khi chúng ta được Thiên Chúa xúc dầu bằng Thánh Thần, Chúa Thánh Thần thấm nhập toàn thể con người ta, trở thành người Thầy nội tâm dạy cho ta biết cầu nguyện. Người là tác giả truyền thống kinh nguyện sống động của Hội Thánh. Có bao nhiêu người cầu nguyện thì cũng có bấy nhiêu cách cầu nguyện, nhưng chỉ có một Thánh Thần, Đấng tác động trong mọi người và cùng với mọi người. Được hiệp thông nhờ Chúa Thánh Thần, khi Kitô hữu cầu nguyện, họ cầu nguyện trong Hội Thánh” (số 2672). Rất thường xảy ra trường hợp chúng ta không cầu nguyện, không cảm thấy thích cầu nguyện, hoặc nhiều lần chúng ta cầu nguyện như vẹt, bằng miệng, nhưng trái tim chúng ta không ở trong đó. Đây là thời điểm để nói với Chúa Thánh Thần: “Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến, xin sưởi ấm trái tim con. Xin hãy đến dạy con cầu nguyện, dạy con nhìn Chúa Cha, nhìn Chúa Con. Xin dạy con con đường đức tin. Xin dạy con cách yêu thương và hơn hết xin dạy con có thái độ hy vọng”. Điều này có nghĩa là kêu cầu Chúa Thánh Thần liên tục, để Người hiện diện trong cuộc sống của chúng ta.

Do đó, chính Thánh Thần viết nên lịch sử của Giáo Hội và của thế giới. Chúng ta là những cuốn sách mở, sẵn sàng đón nhận các nét chữ của Người. Và trong mỗi chúng ta, Chúa Thánh Thần sáng tác các công trình độc đáo, bởi vì không bao giờ có một Kitô hữu nào hoàn toàn giống Kitô hữu khác. Trong lãnh vực thánh thiện vô hạn, Thiên Chúa duy nhất, Ba Ngôi Tình Yêu, cho phép nhiều loại nhân chứng phát triển: tất cả đều bình đẳng về phẩm giá, nhưng cũng độc đáo về vẻ đẹp mà Chúa Thánh Thần vui lòng tự đổ vào mỗi người mà lòng thương xót của Thiên Chúa muốn biến thành con cái của Người. Chúng ta đừng quên, Chúa Thánh Thần hiện diện, Người hiện diện trong chúng ta. Chúng ta hãy lắng nghe Chúa Thánh Thần, chúng ta hãy kêu cầu Chúa Thánh Thần - Người là hồng phúc, là quà phúc mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta - và hãy thưa với Người: “Lạy Chúa Thánh Thần, con không biết mặt Chúa - chúng con không biết mặt Chúa- nhưng con biết Chúa là sức mạnh, Chúa là ánh sáng, Chúa có thể làm con tiến bước và dạy con cách cầu nguyện. Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến”. Đó là lời cầu nguyện tuyệt đẹp: “Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến”.

Chương Ba Mười: Cầu nguyện trong sự hiệp thông với Đức Maria

Ngày 24/03/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Bài giáo lý hôm nay được dành riêng cho việc cầu nguyện trong sự hiệp thông với Mẹ Maria. Nó diễn ra đúng vào ngày vọng Lễ Truyền tin. Chúng ta biết rằng con đường chính của việc cầu nguyện Kitô giáo là nhân tính của Chúa Giêsu. Thực thể, sự tin tưởng rất đặc trưng của lời cầu nguyện Kitô giáo sẽ vô nghĩa nếu Ngôi Lời không nhập thể, ban cho chúng ta, trong Chúa Thánh Thần, mối liên hệ hiệu thảo của Người với Chúa Cha. Chúng ta đã nghe trong Kinh thánh về cuộc tụ họp của các môn đệ, các phụ nữ ngoan đạo và Đức Maria, để cầu nguyện sau khi Chúa Giêsu lên trời. Cộng đồng Kitô hữu đầu tiên đang chờ đợi hồng phúc của Chúa Giêsu, lời hứa của Chúa Giêsu.

Chúa Kitô là Đấng Trung gian, Chúa Kitô là nhịp cầu mà chúng ta vượt qua để đến với Chúa Cha (xem *Sách Giáo lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2674). Người là Đấng Cứu Chuộc duy nhất: không có ai đồng cứu chuộc với Chúa Kitô. Người là Đấng *duy nhất*. Người là người hòa giải tuyệt vời. Người là Đấng Trung gian. Mỗi lời cầu nguyện mà chúng ta dâng lên Thiên Chúa đều *qua Chúa Kitô, với Chúa Kitô và trong Chúa Kitô* và lời cầu nguyện được ứng nghiệm nhờ sự chuyển cầu của Người. Chúa Thánh Thần kéo dài sự trung gian của Chúa Kitô ra mọi thời đại và mọi nơi chốn: không có danh nào khác nhờ đó chúng ta được cứu rỗi: mà chỉ có Chúa Giêsu Kitô, Đấng Trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại (xin xem *Công vụ* 4:12).

Nhờ sự trung gian duy nhất của Chúa Kitô, các qui chiếu khác mà các Kitô hữu tìm kiếm để cầu nguyện và sùng kính có ý nghĩa, trong số này, trước hết, là Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ của Chúa Giêsu.

Mẹ chiếm một vị trí đặc biệt trong đời sống của các Kitô hữu, và do đó, trong lời cầu nguyện của họ, bởi vì Mẹ là Mẹ của Chúa Giêsu. Các Giáo hội Đông phương thường mô tả Người là *Odigitria*, người “chỉ đường”; và đường đây là Con của Mẹ, Chúa Giêsu Kitô. Bức tranh cổ kính tuyệt đẹp *Odigitria* trong Nhà thờ Chính tòa Bari hiện lên trong tâm trí tôi. Nó đơn giản. Madonna chỉ cho thấy một Chúa Giêsu ở trường; sau đó, người ta mặc áo cho Người để hết cỡ trường, nhưng sự thật là Chúa Giêsu ở trường, chính Người, làm người, sinh bởi Đức Maria, là Đấng Trung gian. Và Đức Mẹ chỉ cho ta Đấng Trung gian: Người quả là *Odigitria*. Sự hiện diện của Mẹ ở khắp mọi nơi trong nghệ thuật ảnh tượng Kitô giáo, đôi khi rất nổi bật, nhưng luôn trong liên quan với Con của Mẹ và trong liên kết với Người. Đôi tay, đôi mắt, hành vi của Người là một “bài giáo lý” sống động, luôn chỉ cho thấy bản lẻ, luôn chỉ cho thấy trung tâm: là Chúa Giêsu. Mẹ Maria hoàn toàn qui hướng về Người (xem *Sách Giáo lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2674) đến độ chúng ta có thể nói Mẹ là môn đệ hơn là Mẹ. Những hướng dẫn Người đưa ra trong đám cưới ở Cana: "Hãy làm bất cứ điều gì Người sẽ nói với các anh". Người luôn qui chiếu vào Chúa Kitô. Người là môn đệ đầu tiên.

Đó là vai trò mà Mẹ Maria đã hoàn thành trong suốt cuộc đời trần thế của Mẹ và là vai trò mà Mẹ vẫn giữ mãi mãi: trở thành người tớ gái khiêm nhường của Chúa, không gì hơn. Tại một thời điểm nào đó trong các sách Tin Mừng, Người gần như biến mất; nhưng rồi Mẹ lại xuất hiện vào những thời khắc quan trọng hơn, chẳng hạn như tại Cana, khi Con Mẹ, nhờ sự can thiệp đầy quan tâm của Mẹ, thực hiện “dấu lạ” đầu tiên của Người (xem *Ga* 2: 1-12), và sau đó trên Golgotha dưới chân Thánh giá.

Chúa Giêsu đã mở rộng vai trò làm mẹ của Đức Maria ra toàn thể Giáo hội khi Người giao phó Mẹ cho môn đệ yêu dấu của Người không lâu trước khi chết trên thánh giá. Kể từ đó, tất cả chúng ta đã được tập hợp dưới tà áo của Mẹ, như được mô tả trong một số bích họa hoặc bức tranh thời Trung cổ. Ngay cả bản điệp xướng tiếng Latinh đầu tiên - *sub tuum praesidium confugimus, sancta Dei Genitrix* (chúng con trông cậy rất thánh Đức Mẹ Chúa Trời): Madonna, người 'bao bọc', giống như một người Mẹ, người mà Chúa Giêsu đã giao phó chúng ta cho Người, tất cả chúng ta; nhưng với tư cách là Mẹ, không phải như một nữ thần, không phải như người đồng công cứu chuộc: như là Mẹ. Đúng là lòng đạo đức Kitô giáo luôn dành cho Mẹ những danh hiệu đẹp đẽ, như một đứa trẻ dành cho mẹ của em: biết bao điều đẹp đẽ mà con cái nói về người mẹ của các em, người mà chúng vô cùng yêu quý! Biết bao điều đẹp đẽ. Nhưng chúng ta cần phải cẩn thận: những điều Giáo hội, các Thánh nói về Mẹ, những điều đẹp đẽ, về Mẹ Maria, không lấy mất điều gì khỏi việc Cứu chuộc duy nhất của Chúa Kitô. Người là Đấng Cứu Chuộc duy nhất. Chúng là những biểu thức yêu thương như một đứa trẻ dành cho mẹ của em - một số còn phóng đại nữa. Nhưng, như chúng ta biết, tình yêu luôn khiến chúng ta phóng đại mọi sự, nhưng chỉ do tình yêu.

Và vì vậy, chúng ta bắt đầu cầu nguyện với Mẹ bằng cách sử dụng một số diễn đạt có sẵn trong các sách Tin Mừng nói về Người: "đây ơn phúc", "bà có phúc lạ hơn mọi người nữ" (xin xem *Sách Giáo lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2676f.). Được công nhận bởi Công Đồng Êphêsô, tước hiệu "Theotokos", "Mẹ Thiên Chúa", đã sớm được thêm vào Kinh Kính Mừng. Và, tương tự như với Kinh Lạy Cha, sau lời ngợi khen, chúng ta thêm lời khẩn cầu: chúng ta cầu xin Mẹ Maria cầu nguyện cho chúng ta là những kẻ tội lỗi, để Mẹ cầu bầu với sự dịu dàng của Mẹ, "bây giờ và trong giờ lâm tử". Bây giờ, trong những tình huống cụ thể của cuộc sống, và trong giây phút cuối cùng, để Mẹ có thể đồng hành với chúng ta - như là Mẹ, như là người môn đệ đầu tiên - trong hành trình của chúng ta tiến đến sự sống vĩnh cửu.

Mẹ Maria luôn hiện diện bên giường bệnh của con cái Người khi chúng rời khỏi thế giới này. Nếu ai đó cô đơn và bị bỏ rơi, thì Mẹ là Mẹ, Mẹ ở đó, ở gần, như Mẹ đã ở bên cạnh Con Mẹ khi mọi người khác bỏ rơi Người.

Đức Maria đã và đang hiện diện trong những ngày đại dịch này, gần với những người, thật không may, đã kết thúc cuộc hành trình trần thế của họ một mình, không có sự an ủi hoặc gần gũi của những người thân yêu của họ. Mẹ Maria luôn ở đó bên cạnh chúng ta, với sự dịu dàng mẫu thân của mẹ.

Những lời cầu nguyện với Đức Mẹ không phải là vô ích. Người phụ nữ từng nói "xin vâng", người đã nhanh chóng đón nhận lời mời của Thiên thần, cũng đáp lại những lời khẩn cầu của chúng ta, Đức Mẹ nghe thấy tiếng nói của chúng ta, ngay cả những tiếng nói của chúng ta bị khóa kín trong trái tim chúng ta không đủ sức để thoát ra nhưng Thiên Chúa biết rõ hơn chính chúng ta. Đức Mẹ lắng nghe với tư cách là Mẹ. Cũng giống như mọi người mẹ tốt, và còn hơn thế nữa, Đức Maria bảo vệ chúng ta khỏi nguy hiểm, Mẹ quan tâm đến chúng ta ngay cả khi chúng ta tập trung vào những việc riêng và mất ý thức về đường đi, và khi chúng ta không chỉ đặt sức khỏe của mình vào tình trạng nguy hiểm, mà còn là sự cứu rỗi của chúng ta. Mẹ Maria ở đó, cầu nguyện cho chúng ta, cầu nguyện cho những người không cầu nguyện. Cầu nguyện với chúng ta. Tại sao? Vì Mẹ là Mẹ của chúng ta.

Chương Ba Mười Một: Tam Nhật Phục Sinh

(ngày 01/04/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hòa mình vào bầu không khí thiêng liêng của Tuần Thánh, chúng ta đang ở vào ngày vọng Tam Nhật Phục Sinh. Từ ngày mai cho đến Chúa nhật, chúng ta sẽ sống những ngày trọng tâm của Năm Phụng vụ, mừng mầu nhiệm Thương khó, Tử nạn và Phục sinh của Chúa. Và chúng ta sống mầu nhiệm này mỗi khi cử hành Bí tích Thánh Thể. Khi tham dự Thánh lễ, chúng ta không chỉ đi để cầu nguyện, không: chúng ta đi để đổi mới, để làm cho mầu nhiệm này, mầu nhiệm Vượt qua diễn ra một lần nữa. Điều quan trọng là không được quên điều này. Như thể chúng ta đi đến đồi Canvariô – y hệt như vậy - để canh tân, làm cho mầu nhiệm Vượt qua diễn ra một lần nữa.

Vào tối Thứ Năm Tuần Thánh, khi bước vào Tam Nhật Phục Sinh, chúng ta sẽ sống trở lại Thánh lễ vốn được gọi là *Coena Domini* [bữa tối của Chúa], tức là Thánh lễ trong đó chúng ta tưởng niệm Bữa Tiệc Ly, tại đó, trong khoảnh khắc đó. Đây là buổi tối khi Chúa Kitô để lại cho các môn đệ chúc thư tình yêu của Người trong Bí tích Thánh Thể, không phải như một kỷ niệm, nhưng như một sự tưởng niệm, như sự hiện diện vĩnh cửu của Người. Như tôi đã nói ở phần đầu, mỗi khi cử hành Bí tích Thánh Thể, chúng ta làm mới lại mầu nhiệm cứu chuộc này. Trong Bí tích này, Chúa Giêsu đã thay thế lễ vật hiến tế - con chiên Vượt Qua - bằng chính Người: Mình và Máu Người ban ơn cứu độ cho chúng ta thoát ách nô lệ của tội lỗi và sự chết. Ôn cứu độ khỏi mọi hình thức nô lệ là ở đó. Đó là buổi tối trong đó, Người yêu cầu chúng ta yêu thương nhau bằng cách trở thành tội tớ của nhau, như Người đã làm khi rửa chân cho các môn đệ, một cử chỉ báo trước sự hiến tế đẫm máu của Người trên thập giá. Và quả thật, Thầy và Chúa sẽ chết vào ngày hôm sau để thanh tẩy không phải bàn chân, mà là tâm hồn và toàn bộ cuộc sống của các môn đệ. Đó là một hiến lễ phục vụ mọi người chúng ta, bởi vì với sự phục vụ hy sinh của Người, Chúa Giêsu đã cứu chuộc mọi người chúng ta.

Thứ Sáu Tuần Thánh là ngày sám hối, ăn chay và cầu nguyện. Qua các bản văn của Sách Thánh và các lời cầu nguyện phụng vụ, chúng ta sẽ tụ họp lại như thể chúng ta đang ở trên đồi Canvariô để tưởng niệm cuộc Khổ nạn và Cái chết cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô. Trong sự thâm hậu của nghi thức, qua Hành động Phụng vụ, Tượng Chịu Nạn sẽ được trưng bày để chúng ta tôn thờ. Tôn thờ Thánh Giá, chúng ta sẽ sống lại cuộc hành trình của Chiên Con vô tội đã hy sinh vì ơn cứu rỗi của chúng ta. Chúng ta sẽ mang trong tâm và trí chúng ta các đau khổ của những người bệnh tật, những người nghèo khổ, những người bị rầy bỏ của thế giới này; chúng ta sẽ tưởng nhớ "những con chiên bị hy sinh", những nạn nhân vô tội của chiến tranh, độc tài, bạo lực hàng ngày, phá thai... Trước hình ảnh của Thiên Chúa bị đóng đinh, chúng ta sẽ mang tới, bằng lời cầu nguyện, rất nhiều người, vâng rất nhiều người cũng bị đóng đinh trong thời đại chúng ta, những người chỉ từ Người mới có thể nhận được sự an ủi và ý nghĩa trong đau khổ của họ. Và ngày nay có rất nhiều: đừng quên những người bị đóng đinh trong thời đại chúng ta, những người vốn là hình ảnh của Chúa Giêsu bị đóng đinh, và Chúa Giêsu ở trong họ.

Kể từ đó, Chúa Giêsu mang trên mình những vết thương của nhân loại và chính sự chết, tình yêu của Đức Chúa Trời đã tưới tắm các sa mạc này của chúng ta, Người đã soi sáng bóng tối của chúng ta. Vì thế giới đang chìm trong bóng tối. Chúng ta hãy lập danh sách mọi cuộc chiến đang diễn ra trong thời điểm này; mọi trẻ em đang chết vì đói; mọi trẻ em không được học hành; toàn bộ dân số bị chiến tranh, bị khủng bố hủy diệt. Trong số rất nhiều, rất nhiều người, chỉ để cảm thấy tốt hơn một chút, đã cần đến ma túy, ngành kỹ nghệ ma túy giết

người... Đó là một thảm họa, đó là một sa mạc! Có những “hòn đảo” nhỏ người của Thiên Chúa, cả Kitô hữu lẫn thuộc mọi tín ngưỡng khác, luôn giữ trong lòng họ ước muốn được tốt hơn. Nhưng chúng ta hãy nói sự thật: trên đồi Canvariô chết chóc này, chính Chúa Giêsu đã chịu đau khổ trong các môn đệ của Người. Trong thừa tác vụ của Người, Con Thiên Chúa đã rộng tay ban phát sự sống bằng cách chữa lành, tha thứ, hồi sinh... Giờ đây, trong giờ hy sinh cao cả của Người trên thập giá, Người hoàn thành nhiệm vụ đã được Chúa Cha giao phó cho Người: Người bước vào vực thẳm của đau khổ, Người bước vào các thảm họa của thế giới này, để cứu chuộc và biến đổi. Và cũng để giải thoát mọi người chúng ta khỏi quyền lực của bóng tối, kiêu ngạo, phản kháng việc được Thiên Chúa yêu thương. Và điều này, chỉ có tình yêu của Thiên Chúa mới có thể làm được. Tông đồ Phêrô nói rằng nhờ các vết thương của Người mà chúng ta được chữa lành (xem 1 Pr 2: 24), nhờ cái chết của Người mà chúng ta đã được tái sinh, tất cả chúng ta. Và nhờ Người, bị bỏ rơi trên thập giá, không ai sẽ bị cô đơn bao giờ nữa trong bóng tối của sự chết. Không bao giờ, Người luôn ở bên cạnh chúng ta: chúng ta chỉ cần mở rộng trái tim của chúng ta và để bản thân chúng ta được Người trông nom.

Thứ Bảy Tuần Thánh là ngày im lặng, được các môn đệ đầu tiên sống trong tang tóc và hoang mang, bàng hoàng trước cái chết ô nhục của Chúa Giêsu. Trong khi Lời im lặng, trong khi Sự Sống ở trong mồ, những người đặt hy vọng vào Người đã bị thử thách khó khăn, họ cảm thấy mình như những đứa trẻ mồ côi, thậm chí có thể còn mồ côi cả Thiên Chúa nữa. Thứ Bảy này cũng là ngày của Đức Maria: Mẹ cũng đã sống trong nước mắt, nhưng trái tim của Mẹ tràn đầy đức tin, đức cậy, tràn đầy đức mến. Mẹ của Chúa Giêsu đã theo Con của Mẹ trên con đường đau khổ và ở lại dưới chân thập giá, với linh hồn của Mẹ bị đâm thấu. Nhưng khi tất cả dường như đã kết thúc, Mẹ vẫn tỉnh thức, canh chừng, trông đợi, giữ vững hy vọng vào lời hứa của Thiên Chúa sẽ cho kẻ chết sống lại. Vì vậy, trong giờ đen tối nhất của thế giới, Mẹ đã trở thành Mẹ của các tín hữu, Mẹ của Giáo hội và là dấu chỉ hy vọng. Chứng tá của Mẹ và sự cầu bầu của Mẹ nâng đỡ chúng ta khi sức nặng của thập giá trở nên quá nặng đối với mỗi người chúng ta.

Trong bóng tối của Thứ Bảy Tuần Thánh, niềm vui và ánh sáng sẽ bùng phát với các nghi thức của Đêm Vọng Phục Sinh và vào nửa đêm, tiếng hát Alleluia mừng rỡ lễ hội. Đó sẽ là cuộc gặp gỡ trong đức tin với Chúa Kitô Phục Sinh, và niềm vui của Lễ Phục Sinh sẽ tiếp diễn trong suốt năm mươi ngày sau đó, cho đến lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống. Đáng bị đóng đinh đã sống lại! Mọi thắc mắc và không chắc chắn, do dự và sợ hãi đều được xua tan bởi sự mạc khải này. Đáng Phục sinh cho chúng ta điều chắc chắn này: sự thiện luôn chiến thắng sự ác, sự sống luôn chiến thắng sự chết, và cùng đích của chúng ta không phải là ngày càng xuống thấp hơn, từ nỗi buồn này đến nỗi buồn nọ, mà là vươn lên trên cao. Đáng Phục sinh là sự xác nhận rằng Chúa Giêsu luôn đứng trong mọi sự: trong hứa hẹn ban cho chúng ta sự sống vượt lên trên sự chết và sự tha thứ vượt quá tội lỗi. Các môn đệ từng nghi ngờ, không tin. Người đầu tiên tin và thấy là Maria Mađalêna; bà là tông đồ của sự phục sinh, người đã đi loan báo rằng bà đã nhìn thấy Chúa Giêsu, Đấng đã gọi bà bằng tên. Và rồi, mọi môn đệ đã nhìn thấy Người. Nhưng, tôi muốn dừng lại ở điểm này: những người lính canh, những binh lính, tức những người ở trong ngôi mộ để ngăn các môn đệ đến và lấy xác Người, họ đã nhìn thấy Người; họ đã thấy Người sống và chỗi dậy. Các kẻ thù của Người đã nhìn thấy Người, và sau đó họ giả vờ như không thấy Người. Tại sao? Bởi vì họ đã được trả tiền. Đây là màu nhiệm thực sự của điều Chúa Giêsu đã từng nói: “Có hai chủ trên thế giới, hai, không hơn: hai. Thiên Chúa và tiền bạc. Ai phục vụ tiền bạc là chống lại Thiên Chúa”. Và ở đây chính tiền bạc đã thay đổi thực tại. Họ đã thấy điều kỳ diệu của phục sinh, nhưng họ được trả tiền để giữ im lặng. Anh chị em hãy nghĩ đến nhiều lần trong đó những người đàn ông và đàn bà Kitô hữu đã được trả tiền để không thừa nhận sự sống lại của Chúa trong thực tế, và không

làm những gì Chúa Kitô yêu cầu chúng ta làm, như các Kitô hữu.

Anh chị em thân mến, một lần nữa, năm nay chúng ta sẽ sống lễ Phục sinh trong bối cảnh đại dịch. Trong nhiều tình huống đau khổ, đặc biệt là khi những đau khổ này được gánh chịu bởi những người, những gia đình và dân số từng chịu thử thách bởi đói nghèo, thảm họa hoặc xung đột, Thập giá Chúa Kitô giống như một ngọn hải đăng chỉ bên cảng cho những con tàu vẫn đang lênh đênh trên đại dương bão tố. Thập giá Chúa Kitô là một dấu chỉ hy vọng, không làm thất vọng; và nó cho chúng ta biết rằng không một giọt nước mắt, một tiếng thở dài nào bị uổng phí trong kế hoạch của Thiên Chúa. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ban cho chúng ta ơn thánh để phục vụ và nhìn nhận Người, và đừng để mình bị mua chuộc để quên mất Người.

Chương Ba Mươi Hai: Cầu Nguyện trong Hiệp Thông Các Thánh

(ngày 07/04/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay, tôi muốn suy gẫm về mối liên hệ giữa cầu nguyện và hiệp thông các thánh. Thật vậy, khi cầu nguyện, chúng ta không bao giờ làm như vậy một mình: ngay cả khi chúng ta không nghĩ về điều đó, chúng ta vẫn đang đắm mình trong một dòng sông hùng vĩ của những lời khấn cầu đi trước chúng ta và diễn tiến sau chúng ta. Quả là một dòng sông hùng vĩ.

Chứa đựng trong những lời cầu nguyện chúng ta tìm thấy trong Kinh thánh, thường vọng lại trong phụng vụ, là các dấu vết của những câu chuyện cổ xưa, của những cuộc giải phóng phi thường, của sự trục xuất và những cuộc lưu đày đau buồn, của những cuộc hồi hương đầy xúc động, của những lời chúc tụng vang lên trước những kỳ quan của sáng thế... Và do đó, những tiếng nói này được truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác, trong một sự đan xen liên tục giữa kinh nghiệm của bản thân, kinh nghiệm của dân tộc và kinh nghiệm của nhân loại mà chúng ta vốn thuộc về. Không ai có thể tách mình ra khỏi lịch sử của chính mình, lịch sử của dân tộc mình. Chúng ta luôn mang trong các thái độ của mình di sản này, ngay trong cách chúng ta cầu nguyện. Trong lời cầu nguyện ngợi khen, đặc biệt là lời cầu nguyện phát khởi từ tâm hồn các người nhỏ bé và khiêm nhường, vang vọng nhiều phần của kinh *Magnificat* mà Đức Maria đã dâng lên Thiên Chúa trước mặt người bà con là Elizabeth; hay bài ca cảm thán của ông già Simeon, người, khi ôm Hài Nhi Giêsu trên tay, đã nói như thế này: “Muôn lạy Chúa, giờ đây theo lời Người đã hứa, xin để tôi tớ này được an bình ra đi” (Lc 2:29).

Những lời cầu nguyện tốt đều có tính "mở rộng", giống như bất cứ điều gì tốt; chúng liên tục tự truyền bá, được hoặc không được đăng trên mạng xã hội: từ các khu phòng bệnh viện, từ những khoảnh khắc tụ họp lễ hội đến những khoảnh khắc chúng ta âm thầm chịu đựng... Nỗi đau của một người là nỗi đau của mọi người, và niềm hạnh phúc của một người được truyền sang linh hồn người khác. Nỗi đau và niềm hạnh phúc, tất cả là một câu chuyện, những câu chuyện tạo nên câu chuyện đời mỗi người, câu chuyện này được hồi sinh qua lời kể của chính họ, nhưng trải nghiệm vẫn y như nhau.

Cầu nguyện luôn được tái sinh: mỗi lần chúng ta nắm tay nhau và mở rộng tâm hồn với Thiên Chúa, chúng ta thấy mình được đồng hành với các vị thánh vô danh và các vị thánh được công nhận, những vị đang cầu nguyện với chúng ta và đang cầu bầu cho chúng ta như những anh chị em đã đi trước chúng ta trong cùng cuộc phiêu lưu của con người. Không có đau buồn nào trong Giáo Hội phát sinh trong cô đơn, không có nước mắt nào rơi trong quên lãng, vì mọi người cùng thở và tham dự vào một ơn thánh chung. Không phải ngẫu nhiên mà trong Giáo Hội cổ thời, người ta được chôn cất trong những khu vườn xung quanh một tòa nhà

thánh thiêng, như để nói rằng, một cách nào đó, đoàn ngũ những người đi trước chúng ta đang tham dự vào mọi Bí tích Thánh Thể. Cha mẹ và ông bà của chúng ta ở đó, các cha mẹ đỡ đầu của chúng ta ở đó, các giáo lý viên và các thầy cô khác của chúng ta ở đó... Đức tin được truyền lại, được truyền tải, mà chúng ta đã nhận được. Cùng với đức tin, cách cầu nguyện và việc cầu nguyện đã được truyền lại.

Các thánh vẫn còn ở đây không xa chúng ta; và việc trung bày các Người trong các nhà thờ gọi lên “đám mây nhân chứng” luôn vây quanh chúng ta (xem *Dt* 12: 1). Lúc bắt đầu, chúng ta đã nghe đoạn trích từ Thư gửi tín hữu Do Thái. Họ là các nhân chứng mà chúng ta không tôn thờ - nghĩa là chúng ta không tôn thờ các vị thánh này - nhưng là những vị được chúng ta tôn kính và là những vị, trong muôn ngàn cách khác nhau, đã đưa chúng ta đến với Chúa Giêsu Kitô, Chúa và Đấng Trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại. Một “vị thánh” không đưa anh chị em đến với Chúa Giêsu thì không phải là một vị thánh, thậm chí không phải là một Kitô hữu. Một vị thánh phải làm cho anh chị em nhớ đến Chúa Giêsu Kitô vị Người từng bước trên con đường sống như một Kitô hữu. Các thánh nhắc nhở chúng ta rằng ngay trong cuộc sống của chúng ta, dù yếu đuối và đầy tội lỗi, sự thánh thiện vẫn có thể khai mở. Dù vào thời điểm sau cùng. Thực tế, chúng ta đọc trong Tin Mừng rằng vị thánh đầu tiên được chính Chúa Giêsu phong thánh là một tên trộm, không phải là một Giáo hoàng. Sự thánh thiện là một hành trình của cuộc đời, một cuộc gặp gỡ dài hay ngắn hoặc tức thời với Chúa Giêsu. Nhưng họ luôn luôn là một nhân chứng, một vị thánh là một nhân chứng, một người nam hay người nữ đã gặp Chúa Giêsu và đi theo Chúa Giêsu. Không bao giờ là quá muộn để quay về với Chúa, Đấng tốt lành và cao cả trong tình yêu thương (xem *Thánh vịnh* 103: 8).

Sách Giáo lý giải thích rằng các thánh chiêm ngưỡng Thiên Chúa, ngợi khen Người và không ngừng quan tâm đến những người mà các Người đã bỏ lại trên trần thế. [...] Sự cầu bầu của các Người là việc phụng sự cao cả nhất của họ đối với kế hoạch Thiên Chúa. Chúng ta có thể và nên xin các Người chuyển cầu cho chúng ta và cho toàn thế giới” (*Sách Giáo lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2683). Có một sự liên đới đầy mâu nhiệm trong Chúa Kitô giữa những người đã bước sang đời sống khác và chúng ta đang lữ thứ trong cuộc sống hiện nay: từ Thiên đàng, những người quá cố yêu dấu của chúng ta tiếp tục chăm sóc chúng ta. Các Người cầu nguyện cho chúng ta, và chúng ta cầu nguyện cho các Người và chúng ta cầu nguyện với các Người.

Sự liên kết trong lời cầu nguyện giữa chúng ta và những người đã đến trước chúng ta- chúng ta đã trải nghiệm mối liên hệ này trong lời cầu nguyện ở đây trong cuộc sống trần thế này. Chúng ta cầu nguyện cho nhau, chúng ta cầu xin và dâng những lời cầu nguyện... Cách đầu tiên để cầu nguyện cho ai đó là nói với Thiên Chúa về người đó. Nếu chúng ta làm điều này thường xuyên, mỗi ngày, trái tim của chúng ta không khép lại mà mở ra cho anh chị em của chúng ta. Cầu nguyện cho người khác là cách đầu tiên để yêu thương họ và nó thúc đẩy chúng ta tiến đến gần hơn một cách cụ thể. Ngay cả trong những khoảnh khắc xung đột tranh chấp, cách để làm tan xung đột, làm dịu nó, là cầu nguyện cho người mà tôi đang xung đột. Và một điều gì đó đang thay đổi với lời cầu nguyện. Điều đầu tiên thay đổi là trái tim và thái độ của tôi. Chúa thay đổi nó để nó có thể biến thành một cuộc gặp gỡ, một cuộc gặp gỡ mới mẻ để cuộc xung đột không trở thành một cuộc chiến không có hồi kết thúc.

Cách đầu tiên để đương đầu với thời điểm lo âu xao xuyến là xin các anh chị em của chúng ta, trên hết là các thánh, cầu nguyện cho chúng ta. Tên được đặt cho chúng ta lúc Rửa tội không phải là một nhãn hiệu hay một vật trang trí! Đó thường là tên của Đức Trinh Nữ, hoặc một vị Thánh, những vị không mong điều gì khác hơn là “giúp chúng ta một tay” ở trong đời, giúp chúng ta một tay để có được ơn thánh của Thiên Chúa mà chúng ta rất cần. Nếu những

thử thách của cuộc sống vẫn chưa đến mức cùng cực, nếu chúng ta vẫn còn khả năng kiên trì, nếu bất chấp mọi sự chúng ta vẫn tiến bước một cách phó thác, hơn là do công lao của chúng ta, có lẽ chúng ta mang ơn tất cả những điều này vì lời chuyển cầu của tất cả các thánh, trong đó, một số vị đang ở trên Thiên đàng, một số khác đang lữ hành như chúng ta trên thế gian, những người đang bảo vệ và đồng hành với chúng ta, bởi vì tất cả chúng ta đều biết có những vị thánh ở đây trên trái đất này, những người nam nữ thánh thiện sống trong sự thánh thiện. Họ không biết điều đó; chúng ta cũng không biết điều đó. Nhưng có những vị thánh, những vị thánh thường ngày, những vị thánh ẩn dật, hay như tôi thích nói, “những vị thánh sống ở nhà bên cạnh”, những người chia sẻ cuộc sống của họ với chúng ta, những người làm việc với chúng ta và sống một cuộc sống thánh thiện.

Vì vậy, ngợi khen Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Rỗi duy nhất của thế giới, cùng với vườn hoa bao la những người đàn ông và đàn bà thánh thiện cư ngụ trên trái đất và những người vốn ca ngợi Thiên Chúa qua cuộc sống của chính họ. Vì - như Thánh Basil đã xác nhận - “Chúa Thánh Thần thực sự là nơi cư ngụ của các thánh vì các Người tự hiến mình làm nơi cư ngụ cho Thiên Chúa và được gọi là đền thờ của Người” (*Về Chúa Thánh Thần*, 26, 62: PG 32, 184A; xem *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, số 2684).

Chương Ba Mười Ba: Giáo Hội, thầy dạy cầu nguyện (ngày 14/04/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh em một buổi sáng tốt đẹp!

Giáo Hội là trường vĩ đại dạy ta cầu nguyện. Nhiều người trong chúng ta đã học cách thì thầm những lời cầu nguyện đầu tiên trong lòng cha mẹ hoặc ông bà. Có lẽ chúng ta trân trọng ký ức về mẹ về cha chúng ta, những người đã dạy chúng ta cầu nguyện trước khi đi ngủ. Những khoảnh khắc hồi tưởng này thường là những khoảnh khắc trong đó cha mẹ lắng nghe một bí quyết thân thiết nào đó và có thể cho chúng ta lời khuyên được Tin Mừng truyền cảm hứng. Sau đó, khi lớn thêm, người ta có những cuộc gặp gỡ khác, với những nhân chứng và những thầy dạy cầu nguyện khác (xem *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 2686-2687). Nhớ lại những điều đó quả là việc tốt lành.

Cuộc sống của một giáo xứ và mỗi cộng đồng Kitô hữu được đánh dấu bằng những khoảnh khắc phụng vụ và cầu nguyện cộng đồng. Chúng ta đã ý thức được rằng ơn phúc chúng ta nhận được một cách đơn sơ khi còn thơ ấu là một di sản tuyệt vời, một cơ nghiệp phong phú và kinh nghiệm cầu nguyện ngày càng đáng được thâm hậu hóa nhiều hơn (xem *sđd*, 2688). Tâm áo đức tin không cứng ngắc, nhưng phát triển cùng với chúng ta; nó không cứng ngắc, nó phát triển, thậm chí nhờ những khoảnh khắc khủng hoảng và hồi sinh. Trên thực tế, không có sự trưởng thành nào mà không có những khoảnh khắc khủng hoảng vì khủng hoảng khiến anh chị em trưởng thành. Trải qua khủng hoảng là điều cần thiết để trưởng thành. Và hơi thở của đức tin là việc cầu nguyện: chúng ta lớn lên trong đức tin bao lâu chúng ta học cách cầu nguyện. Sau những bước quá độ nào đó trong cuộc sống, chúng ta ý thức được rằng nếu không có đức tin, chúng ta rất có thể không thoát được và sức mạnh của chúng ta là việc cầu nguyện - không chỉ là việc cầu nguyện của bản thân, mà còn là việc cầu nguyện của anh chị em chúng ta, của cộng đồng đã đồng hành và hỗ trợ chúng ta, của những người biết chúng ta, những người chúng ta xin cầu nguyện cho chúng ta nữa.

Cũng vì lý do đó, các cộng đồng và nhóm chuyên chăm việc cầu nguyện đang phát triển mạnh mẽ trong Giáo hội. Một số Kitô hữu thậm chí còn cảm thấy lời mời gọi biến việc cầu nguyện thành hành động chính trong ngày của họ. Có những đan viện, tu viện, ẩn thất trong

Giáo Hội, nơi người ta thánh hiến đời sống cho Thiên Chúa. Những nơi đó thường trở thành các trung tâm của ánh sáng tâm linh. Chúng là những trung tâm cầu nguyện cộng đồng rỗng sáng nền linh đạo. Chúng là những ốc đảo nhỏ trong đó việc cầu nguyện cao độ được chia sẻ và sự hiệp thông huynh đệ được xây dựng từng ngày. Chúng là những tế bào quan trọng không những đối với cấu trúc Giáo Hội, mà còn đối với chính cấu trúc xã hội nữa. Thí dụ, chúng ta hãy nghĩ về vai trò của phong trào đơn tu đối với sự ra đời và phát triển của nền văn minh châu Âu, cũng như các nền văn hóa khác. Cầu nguyện và làm việc trong cộng đồng giúp thế giới tiếp tục phát triển. Nó là một động cơ!

Mọi sự trong Giáo hội đều bắt nguồn từ việc cầu nguyện và mọi sự phát triển nhờ việc cầu nguyện. Khi Kẻ thù, Kẻ ác, muốn chống phá Giáo Hội, trước tiên hẳn làm như vậy bằng cách cố gắng hút cạn nguồn suối của Giáo Hội, ngăn cản người ta cầu nguyện. Chẳng hạn, chúng ta thấy điều đó trong một số nhóm đồng ý thúc đẩy việc cải cách Giáo hội tiến tới, thay đổi đời sống của Giáo hội và mọi tổ chức, các phương tiện truyền thông sẵn sàng thông tri cho mọi người cùng biết... Nhưng cầu nguyện không hiển nhiên, không thấy việc cầu nguyện đâu. Chúng ta cần thay đổi điều đó; chúng ta cần phải đưa ra quyết định hơi khó khăn này... Nhưng đề xuất này đáng chú ý. Nó rất đáng chú ý! Chỉ những thảo luận, chỉ những nhờ các phương tiện truyền thông. Nhưng cầu nguyện ở đâu? Và cầu nguyện là điều mở cửa cho Chúa Thánh Thần, Đấng linh hứng sự tiến bộ. Các thay đổi trong Giáo hội mà không có cầu nguyện không phải là những thay đổi do Giáo hội thực hiện. Chúng là những thay đổi được thực hiện bởi các nhóm. Và khi Kẻ thù - như tôi đã nói - muốn chống phá Giáo hội, trước hết hẳn sẽ làm điều đó bằng cách hút cạn nguồn nước của Giáo Hội, ngăn cản việc cầu nguyện và đưa ra những đề xuất khác. Nếu việc cầu nguyện ngừng lại, trong một thời gian ngắn có vẻ như mọi sự vẫn tiếp tục như mọi khi - theo quán tính, phải không? - nhưng sau một thời gian ngắn, Giáo hội sẽ nhận ra rằng mình đã trở nên giống như một cái vỏ rỗng, mất hết phương vị, không còn một chút nguồn âm áp và tình yêu nào của mình nữa.

Những người đàn bà và đàn ông thánh thiện không có cuộc sống dễ dàng như những người khác nữa. Thậm chí họ thực sự có những vấn đề riêng cần giải quyết, và hơn thế nữa, họ thường là đối tượng bị chống đối. Nhưng sức mạnh của họ là việc cầu nguyện. Họ luôn múc từ "cái giếng" vô tận của Mẹ Giáo Hội. Nhờ cầu nguyện, họ nuôi dưỡng ngọn lửa đức tin của họ, như dầu thường làm cho đèn. Và do đó, họ tiến bước trong đức tin và đức cậy. Các thánh, những vị thường ít được coi trọng trong con mắt thế gian, trên thực tế là những người nâng đỡ thế gian, không phải bằng vũ khí tiền bạc và quyền lực, của các phương tiện truyền thông - v.v. - nhưng bằng vũ khí cầu nguyện.

Trong Tin Mừng Luca, Chúa Giêsu đã đặt ra một câu hỏi cảm kích luôn khiến chúng ta phải suy gẫm: "Khi Con Người đến, Người có tìm thấy đức tin trên trái đất nữa không?" (Lc 18: 8), hay Người sẽ chỉ tìm thấy các tổ chức, như các nhóm doanh nhân có đức tin, mọi sự được tổ chức tốt, thực hiện các việc bác ái, nhiều việc lắm, hay Người sẽ tìm thấy đức tin? "Khi Con người đến, liệu Người có tìm thấy đức tin trên trái đất nữa không?" Câu hỏi này xuất hiện ở phần cuối của một dụ ngôn muốn cho thấy sự cần thiết phải cầu nguyện một cách kiên trì, không mệt mỏi (xem các câu 1-8). Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng ngọn đèn đức tin sẽ luôn được thấp sáng trên trái đất chừng nào còn dầu cầu nguyện. Chính điều này dẫn đức tin tiến tới và dẫn cuộc sống của chúng ta - những người yếu đuối, tội lỗi - tiến tới, nhưng cầu nguyện sẽ dẫn nó tiến tới một cách an toàn. Câu hỏi mà các Kitô hữu chúng ta cần tự hỏi là: Tôi có cầu nguyện không? Chúng ta có cầu nguyện không? Tôi phải cầu nguyện như thế nào? Như những con vẹt hay tôi cầu nguyện với trái tim mình? Tôi phải cầu nguyện như thế nào? Tôi có cầu nguyện, chắc chắn rằng tôi đang ở trong Giáo hội và tôi cầu nguyện với Giáo hội không? Hay tôi cầu nguyện chút chút theo các ý nghĩ của mình và sau đó làm cho ý nghĩ

của mình thành lời cầu nguyện? Đó là một lời cầu nguyện của người ngoại giáo, không phải của Kitô hữu. Tôi nhắc lại: Chúng ta có thể kết luận rằng ngọn đèn đức tin sẽ luôn được thấp sáng trên trái đất chừng nào còn có dầu cầu nguyện.

Và đây là nhiệm vụ thiết yếu của Giáo hội: cầu nguyện và dạy cách cầu nguyện. Truyền ngọn đèn đức tin và dầu cầu nguyện từ thế hệ này sang thế hệ nọ. Ngọn đèn đức tin soi sáng sẽ sửa chữa mọi sự như chúng thực sự vốn là, nhưng nó chỉ có thể tiến tới bằng dầu đức tin. Nếu không, nó sẽ tắt ngúm. Nếu không có ánh sáng của ngọn đèn này, chúng ta sẽ không thể nhìn thấy con đường truyền giảng Tin Mừng, hay đúng hơn, chúng ta sẽ không thể nhìn thấy đường để tin cho tốt; chúng ta sẽ không thể nhìn thấy khuôn mặt của anh chị em chúng ta để đến gần và phục vụ; chúng ta sẽ không thể chiếu sáng căn phòng nơi chúng ta gặp gỡ trong cộng đồng. Không có niềm tin mọi sự đều sụp đổ; và nếu không có lời cầu nguyện, đức tin sẽ bị dập tắt. Đức tin và lời cầu nguyện đi đôi với nhau. Không có lựa chọn nào khác. Vì lý do này, Giáo hội, như căn nhà và trường học dạy hiệp thông, là căn nhà và trường học dạy đức tin và cầu nguyện.

Chương Ba Mươi Bốn: Cầu nguyện thành tiếng (ngày 21/04/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Cầu nguyện là đối thoại với Thiên Chúa; và mọi tạo vật, theo một nghĩa nào đó, đều “đối thoại” với Thiên Chúa. Trong hữu thể nhân bản, lời cầu nguyện trở thành lời nói, lời khẩn cầu, thánh ca, thi thơ... Lời thần linh trở thành xác thịt, và trong xác thịt của mỗi con người, lời trở về với Thiên Chúa trong cầu nguyện.

Chúng ta tạo ra các lời, nhưng các lời cũng là mẹ của chúng ta, và ở một phạm vi nào đó, chúng lên khuôn chúng ta. Các lời của cầu nguyện đưa chúng ta an toàn băng qua thung lũng tối tăm, hướng chúng ta đến những đồng cỏ xanh tươi đầy nước, và giúp chúng ta có thể ăn mừng trước mặt kẻ thù, như Thánh Vịnh đã dạy chúng ta (x. Tv 23). Các lời được phát sinh từ tâm tư tình cảm, nhưng cũng có con đường ngược lại, qua đó các lời lên khuôn tình cảm. Kinh thánh dạy con người biết chắc chắn rằng mọi sự đều bước vào ánh sáng nhờ lời nói, không có gì là nhân bản mà bị loại trừ, kiểm duyệt. Trên hết, nỗi đau rất nguy hiểm nếu nó cứ bị dấu kín, bị khép kín bên trong chúng ta... Nỗi đau khép kín bên trong chúng ta, không thể phát biểu hoặc thoát hơi, có thể đầu độc linh hồn. Nó gây tử vong.

Đó là lý do tại sao Sách Thánh dạy chúng ta cầu nguyện, đôi khi bằng những từ ngữ táo bạo. Các tác giả thánh không muốn lừa dối chúng ta về con người nhân bản: họ biết rằng trái tim chúng ta cũng chứa chấp những tình cảm không xây dựng, thậm chí ghét bỏ. Không ai trong chúng ta sinh ra đã thánh thiện, và khi các cảm xúc tiêu cực này đến gõ cửa trái tim chúng ta, chúng ta phải có khả năng làm dịu chúng bằng cầu nguyện và lời Chúa. Chúng ta cũng tìm thấy những phát biểu rất khắc nghiệt chống lại kẻ thù trong các thánh vịnh - những phát biểu mà các bậc thầy linh đạo dạy chúng ta phải hiểu là nhắm vào ma quỷ và tội lỗi của chúng ta - nhưng chúng cũng là những lời nói về thực tại con người và kết cục cũng xuôi vào dòng sông Sách Thánh. Chúng ở đó để làm chúng cho chúng ta rằng, đứng trước bạo lực, nếu không có từ ngữ nào làm cho cảm xúc tiêu cực trở nên vô hại, truyền tải chúng theo cách mà chúng không gây tai hại, thì thế giới sẽ bị áp đảo.

Lời cầu nguyện đầu tiên của con người luôn là lời tụng thành tiếng. Môi luôn chuyển động

trước tiên. Mặc dù tất cả chúng ta đều ý thức rằng cầu nguyện không có nghĩa là lặp lại các lời nói, tuy nhiên, cầu nguyện thành tiếng vẫn là điều chắc chắn nhất và luôn có thể thực hành được. Mặt khác, tình cảm, dù cao thượng đến đâu, cũng không luôn chắc chắn: chúng đến rồi đi, chúng rời bỏ chúng ta rồi quay trở lại. Không những thế, các ơn thánh của cầu nguyện cũng không thể đoán trước được: có lúc được an ủi rất nhiều, nhưng vào những ngày đen tối nhất, chúng dường như biến mất hoàn toàn. Lời cầu nguyện của trái tim là điều mâu thuẫn, và vào một số thời điểm nào đó, nó như không có. Thay vào đó, lời cầu nguyện trên môi được đọc thì thầm hoặc đọc thuộc lòng luôn luôn có thể tiếp cận được, và cũng cần thiết như lao động chân tay. Sách Giáo lý dạy chúng ta về điều này, và quả quyết rằng: “cầu nguyện thành tiếng là một yếu tố thiết yếu của đời sống Kitô hữu. Với các môn đệ, được lời cầu nguyện thầm lặng của Thầy mình lôi cuốn, Chúa Giêsu dạy một kinh cầu thành tiếng, đó là Kinh Lạy Cha” (số 2701). “Hãy dạy chúng con cách cầu nguyện”, các môn đệ xin Chúa Giêsu, và Chúa Giêsu dạy họ một kinh cầu thành tiếng: Kinh Lạy Cha. Và mọi sự đều ở đó, trong kinh cầu đó...

Tất cả chúng ta nên có sự khiêm tốn của một số người cao niên, những vị, trong nhà thờ, có lẽ vì thánh giá của họ không còn nhạy bén, nên đã đọc thầm những lời cầu nguyện mà họ đã học khi còn nhỏ, lấp đầy lòng nhà thờ bằng những lời thì thầm. Lời cầu nguyện đó không làm xáo trộn sự im lặng, nhưng làm chứng cho sự trung thành của họ đối với bốn phần cầu nguyện, được thực hành suốt đời các vị không hề sai chạy. Những người thực hành kiểu cầu nguyện khiêm nhường này thường là những người cầu bầu tuyệt vời trong các giáo xứ: họ là những cây sồi từ năm này qua năm khác vươn cành tỏa bóng mát cho số lượng người đông đảo nhất. Chỉ có Thiên Chúa mới biết khi nào và mức nào trái tim của họ đã được kết hợp với những lời cầu nguyện được họ đọc thành tiếng: chắc chắn các vị này cũng đã phải đối diện với những đêm đen và những khoảnh khắc trống rỗng. Nhưng các vị luôn có thể trung thành với lời cầu nguyện thành tiếng của mình. Nó giống như chiếc mỏ neo: người ta có thể giữ chặt sợi dây và mãi trung thành, bất chấp điều gì xảy ra.

Tất cả chúng ta đều có điều gì đó để học hỏi từ sự kiên trì của người hành hương Nga, được đề cập trong một tác phẩm nổi tiếng về linh đạo, người đã học được nghệ thuật cầu nguyện bằng cách lặp đi lặp lại cùng một lời khẩn cầu: “Lạy Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, xin thương xót chúng con, những kẻ tội lỗi!” (xem *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2616; 2667). Ông chỉ lặp lại điều này: “Lạy Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, xin thương xót chúng con, những kẻ tội lỗi!”. Nếu ơn thánh đến trong cuộc đời chúng ta, nếu một ngày nào đó lời cầu nguyện trở nên nồng nhiệt đến nỗi chúng ta tri nhận được sự hiện diện của Nước Trời ở đây giữa chúng ta, nếu tâm nhìn đó có thể được biến đổi cho đến khi nó trở thành giống như tâm nhìn của một đứa trẻ, thì đó là vì chúng ta đã kiên trì đọc thuộc lòng một câu cảm thán Kitô giáo đơn giản. Cuối cùng, nó trở thành một phần trong nhịp thở của chúng ta. Câu chuyện về người hành hương Nga thật đẹp: nó là một cuốn sách để đọc đối với mọi người. Tôi khuyên anh chị em nên đọc nó; nó sẽ giúp anh chị em hiểu thế nào là cầu nguyện thành tiếng.

Vì vậy, chúng ta không được coi thường việc cầu nguyện thành tiếng. Người ta dám nói rằng “À, kiểu này chỉ dành cho trẻ em, dành cho những người ngu dốt; Tôi tìm cách cầu nguyện trong tâm trí, suy niệm, khoảng trống bên trong để Thiên Chúa có thể đến với tôi...” Xin làm ơn! Đừng sa vào thứ kiểu ngạo mà la rầy lối cầu nguyện thành tiếng. Đó là lời cầu nguyện của người đơn sơ, lời cầu nguyện mà Chúa Giêsu đã dạy: Lạy Cha chúng con, là Đấng ngự trên trời... Các lời chúng ta đọc nắm lấy tay chúng ta; đôi khi chúng khô phục được hương vị, chúng đánh thức ngay cả những trái tim mê ngủ nhất; chúng đánh thức dậy những tâm tình mà chúng ta đã lãng quên xưa nay. Và chúng cầm tay dẫn chúng ta hướng tới việc cảm

nghiệm Thiên Chúa, những lời này... Và trên hết, chúng là những lời duy nhất, một cách chắc chắn, đạo đạt lên Thiên Chúa những câu hỏi mà Người muốn nghe. Chúa Giêsu đã không để chúng ta trong một màn sương mù. Người nói với chúng ta: "Hãy cầu nguyện như thế này". Và Người dạy *Kinh Lạy Cha* (x. Mt 6, 9).

Chương Ba Mươi Lăm: Cầu nguyện qua suy niệm (ngày 28/04/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay chúng ta sẽ nói về hình thức cầu nguyện gọi là suy niệm. Đối với một Kitô hữu, “suy niệm” là tìm kiếm ý nghĩa: nó ngụ ý đặt mình trước trang sách Mạc Khải mệnh mông để cố gắng biến nó thành của riêng chúng ta, mặc lấy nó một cách trọn vẹn. Và người Kitô hữu, sau khi đã đón nhận Lời Chúa, không giữ kín Lời Chúa ở trong mình, bởi vì Lời ấy phải được “một cuốn sách khác” gặp gỡ, điều mà Sách Giáo lý gọi là “sách sự sống” (x. *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 2706). Đây là điều chúng ta cố gắng làm mỗi khi suy niệm Lời Chúa.

Việc thực hành suy niệm đã được rất nhiều người quan tâm trong những năm gần đây. Không những chỉ có các Kitô hữu mới nói về nó: việc thực hành suy niệm có mặt trong hầu hết các tôn giáo trên thế giới. Nhưng nó cũng là một hoạt động phổ biến nơi những người không có quan điểm tôn giáo về cuộc sống. Tất cả chúng ta cần suy niệm, suy tư, khám phá bản thân, đó là một động năng của con người. Nhất là trong thế giới phương Tây hết sức háo hức, người ta tìm đến suy niệm vì nó đại diện cho một rào cản khá cao chống lại sự căng thẳng và sự trống rỗng hàng ngày ở khắp nơi. Ở đây, ta thấy hình ảnh của những người trẻ và người lớn đang ngồi suy niệm, trong im lặng, nhắm mắt... Nhưng những người này làm gì, chúng ta dám hỏi thế? Họ suy niệm. Đó là một hiện tượng cần được nhìn một cách thiện cảm: thực tế, chúng ta không được tạo dựng để lúc nào cũng chạy nhảy, chúng ta có một đời sống nội tâm không thể luôn luôn bị làm ngơ. Suy niệm vì vậy là nhu cầu của tất cả mọi người. Có thể nói, suy niệm cũng giống như dừng lại và hít thở trong cuộc sống. Dừng lại và tĩnh lặng.

Nhưng chúng ta nhận ra rằng hạn từ này, khi được tiếp nhận vào bối cảnh Kitô giáo, có một tính độc đáo không thể bị xóa bỏ. Suy niệm là một chiều kích cần thiết của con người, nhưng trong bối cảnh Kitô giáo - chúng ta là những người theo Kitô giáo - suy niệm còn đi xa hơn: nó là một chiều kích không thể bị xóa bỏ. Cánh cửa lớn qua đó lời cầu nguyện của một người đã được rửa tội là Chúa Giêsu Kitô, chúng ta phải tự nhắc nhở điều đó một lần nữa. Đối với Kitô hữu, suy niệm là đi vào qua cánh cửa Chúa Giêsu Kitô. Việc thực hành suy niệm cũng đi theo con đường này. Và, khi cầu nguyện, Kitô hữu không khát mong đạt tới việc hoàn toàn biết rõ về chính mình, không tìm tới tâm điểm sâu thẳm nhất của bản ngã. Điều này chính đáng, nhưng Kitô hữu tìm kiếm một điều khác. Lời cầu nguyện của người Kitô hữu trước hết là cuộc gặp gỡ với Người khác, với chữ “N” viết hoa: cuộc gặp gỡ siêu việt với Thiên Chúa. Nếu kinh nghiệm cầu nguyện mang lại cho chúng ta sự bình an nội tâm, hoặc khả năng làm chủ bản thân, hoặc sự rõ ràng về con đường phải đi, thì người ta có thể nói, những kết quả này là hậu quả ơn thánh của lời cầu nguyện Kitô giáo, vốn là cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Nghĩa là, việc suy niệm đồng nghĩa với việc đi vào cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu trong chúng ta, như cụm từ trong Kinh thánh từng nói.

Trong suốt lịch sử, thuật ngữ “suy niệm” có nhiều ý nghĩa khác nhau. Ngay trong Kitô giáo,

nó có ý nói đến những trải nghiệm tâm linh khác nhau. Tuy nhiên, ta có thể tìm thấy một số đường hướng chung, và về điều này, chúng ta lại được sự giúp đỡ một lần nữa của Sách Giáo lý, vì Sách Giáo lý nói: “Có bao nhiêu bậc thầy linh đạo thì có bấy nhiêu phương pháp suy niệm... Nhưng phương pháp chỉ là người hướng dẫn, điều quan trọng là chúng ta phải để Chúa Thánh Thần hướng dẫn mà tiến bước, theo Đức Kitô trên con đường cầu nguyện” (số 2707). Và ở đây nó chỉ cho chúng ta một người bạn đồng hành, một người hướng dẫn: Chúa Thánh Thần. Việc suy niệm của Kitô hữu không thể thực hiện được nếu không có Chúa Thánh Thần. Chính Người hướng dẫn chúng ta đến cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Chúa Giêsu nói với chúng ta: “Ta sẽ ban Thánh Thần cho các con. Người sẽ dạy dỗ các con và sẽ giải thích cho các con. Người dạy dỗ các con và sẽ giải thích cho các con”. Và cả trong suy niệm nữa, Người là Đấng hướng dẫn để chúng ta tiến lên trong cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô.

Vì vậy, có nhiều phương pháp suy niệm của Kitô giáo: một số thì rất đơn giản, một số thì chi tiết hơn; một số làm nổi bật chiều kích tri thức của người ta, những phương pháp khác nhấn mạnh chiều kích cảm giới và cảm xúc. Chúng là các phương pháp. Tất cả chúng đều quan trọng và tất cả chúng đều đáng được thực hành, nếu chúng có thể giúp ích. Chúng giúp gì? Kinh nghiệm đức tin để trở thành một hành động toàn diện của con người: người ta không chỉ cầu nguyện bằng trí khôn mà thôi; toàn bộ con người cầu nguyện, cũng như người ta không chỉ cầu nguyện bằng cảm xúc mà thôi. Không, bằng mọi sự. Người xưa thường nói phần cơ thể cầu nguyện chính là trái tim, và do đó họ giải thích rằng, bắt đầu từ trung tâm - trái tim - toàn bộ con người đi vào mối liên hệ với Thiên Chúa, chứ không phải chỉ một vài quan năng. Đó là cách người xưa giải thích. Đó là lý do tại sao phải luôn nhớ rằng phương pháp là một con đường, chứ không phải là một mục tiêu: bất cứ phương pháp cầu nguyện nào, nếu muốn là của Kitô giáo, đều là một phần của *Sequela Christi*, nghĩa là theo chân Chúa Kitô, vốn là yếu tính của đức tin chúng ta. Các phương pháp suy niệm là những con đường đi để đến nơi gặp gỡ Chúa Giêsu, nhưng nếu anh chị em dừng lại giữa đường, và chỉ nhìn vào con đường, anh chị em sẽ không bao giờ tìm thấy Chúa Giêsu. Anh chị em sẽ làm cho con đường trở thành một "vị thần". Không có vị "Thần" nào chờ đợi anh chị em ở đó, chỉ có Chúa Giêsu đang chờ anh chị em thôi. Và con đường ở đó để đưa anh chị em đến với Chúa Giêsu. Sách Giáo lý chỉ rõ: "Muốn suy gẫm chúng ta phải vận dụng khả năng suy tư, trí tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn, để đào sâu xác tín, khơi dậy lòng hoán cải và củng cố quyết tâm theo Chúa Kitô. Nên ưu tiên suy gẫm về 'các mầu nhiệm của Chúa Kitô'" (số 2708).

Vậy, ở đây, ơn thánh của lời cầu nguyện Kitô giáo là: Chúa Kitô không ở đâu xa, nhưng luôn ở trong mối liên hệ với chúng ta. Không có khía cạnh nào về con người nhân thân của Người mà không thể trở thành nơi cứu rỗi và hạnh phúc cho chúng ta. Mọi khoảnh khắc trong cuộc đời trần thế của Chúa Giêsu, nhờ ơn thánh của lời cầu nguyện, có thể trở nên cận kề đối với chúng ta, nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng hướng dẫn. Nhưng anh chị em biết đấy, người ta không thể cầu nguyện nếu không có sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Chính Người là Đấng hướng dẫn chúng ta! Và nhờ Chúa Thánh Thần, chúng ta cũng có mặt tại sông Giođan khi Chúa Giêsu đim mình xuống để lãnh nhận phép rửa. Chúng ta cũng là khách dự tiệc cưới Cana, khi Chúa Giêsu ban rượu ngon nhất cho hạnh phúc lứa đôi, nghĩa là chính Chúa Thánh Thần nói kết chúng ta với những mầu nhiệm này của cuộc đời Chúa Kitô vì khi chiêm ngắm Chúa Giêsu, chúng ta cảm nghiệm được lời cầu nguyện, kết hợp chúng ta mật thiết hơn với Người. Chúng ta cũng là những người kinh ngạc chứng kiến hàng ngàn vụ chữa bệnh được Thầy Chí Thánh thực hiện. Chúng ta dùng Tin Mừng, và suy niệm về những mầu nhiệm đó trong Tin Mừng, và Chúa Thánh Thần hướng dẫn chúng ta hiện diện ở đó. Và trong lời cầu nguyện - khi chúng ta cầu nguyện - tất cả chúng ta đều giống như người phong cùi đã được tẩy sạch, người mù Bartimêô đã lấy lại được thị lực, Ladarô, người ra khỏi mồ... Chúng ta cũng được chữa lành nhờ lời cầu nguyện giống như người mù Bartimêô, và người kia, người

phong cù. ... Chúng ta cũng sống lại, như Ladarô sống lại, bởi vì lời cầu nguyện suy niệm do Chúa Thánh Thần soi sáng dẫn chúng ta làm sống lại những mâu nhiệm này trong cuộc đời của Chúa Kitô và gặp gỡ Chúa Kitô, và cùng với người mù nói rằng: “Lạy Chúa, xin thương xót con! Xin thương xót con!” - “Và anh muốn gì?” - “muốn xem, muốn tham gia vào cuộc đối thoại đó”. Và việc suy niệm Kitô giáo, được Chúa Thánh Thần dẫn dắt, dẫn chúng ta vào cuộc đối thoại này với Chúa Giêsu. Không có trang nào trong Tin Mừng mà không có chỗ cho chúng ta. Đối với Kitô hữu chúng ta, suy niệm là một cách để tiếp xúc với Chúa Giêsu. Và bằng cách này, chỉ bằng cách này, chúng ta mới khám phá ra chính mình. Và đây không phải là một sự rút lui vào chính chúng ta, không, không: nó có nghĩa là đi gặp Chúa Giêsu, và từ Chúa Giêsu, khám phá ra bản thân mình, được chữa lành, sống lại, mạnh mẽ bởi ơn thánh của Chúa Giêsu. Và gặp gỡ Chúa Giêsu, Đấng Cứu Rỗi của tất cả mọi người, bao gồm cả tôi. Và điều này, nhờ sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Cảm ơn anh chị em.

Chương Ba Mươi Sáu: Cầu Nguyện Chiêm Niệm (ngày 05/05/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Chúng ta tiếp tục bài giáo lý về cầu nguyện và trong bài giáo lý này, tôi muốn suy gẫm về lối cầu nguyện chiêm niệm.

Chiều kích chiêm ngưỡng của con người - chưa phải là lối cầu nguyện chiêm niệm - hơi giống như “muối” của cuộc sống: nó mang lại hương vị, thêm gia vị cho ngày sống của chúng ta. Chúng ta có thể chiêm ngưỡng bằng cách ngắm nhìn mặt trời mọc vào buổi sớm mai, hoặc nhìn những hàng cây trái dài trong màu xanh mùa xuân; chúng ta có thể chiêm ngưỡng bằng cách nghe nhạc hoặc nghe tiếng chim hót, đọc sách, ngắm nhìn một tác phẩm nghệ thuật hoặc nhìn vào kiệt tác đó là khuôn mặt con người... Carlo Maria Martini, khi Người được cử làm Giám mục Milan, đặt tên Thư Mục vụ đầu tiên của Người là Chiều kích chiêm niệm của cuộc sống: sự thật là những người sống trong một thành phố rộng lớn, nơi mà mọi sự - chúng ta có thể nói – đều giả tạo và là nơi mọi sự đều vận hành, có nguy cơ mất khả năng chiêm niệm. Chiêm niệm chủ yếu không phải là một cách làm, mà là một cách *hiện hữu*. Làm người chiêm niệm.

Và làm người chiêm niệm không phụ thuộc vào đôi mắt, mà phụ thuộc vào trái tim. Và ở đây, lời cầu nguyện hành động như một hành vi đức tin và đức mến, như “hơi thở” của mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Cầu nguyện thanh lọc trái tim và, với nó, cũng làm sắc bén cái nhìn của chúng ta, cho phép nó nắm bắt thực tại theo một quan điểm khác. Sách Giáo lý mô tả sự biến đổi này của trái tim mà việc cầu nguyện đã tác động, trích dẫn một chứng từ nổi tiếng của Thánh Cha xứ Ars, người đã nói điều này: “Chiêm niệm là một cái nhìn của đức tin, chăm chú vào Chúa Giêsu. ‘Tôi nhìn Người và Người nhìn tôi’: đây là điều mà một người nông dân xứ Ars kia thường nói với cha xứ thánh thiện trong khi cầu nguyện trước nhà tạm. [...] Ánh sáng của khuôn mặt Chúa Giêsu soi sáng con mắt trái tim chúng ta và dạy chúng ta nhìn mọi sự dưới ánh sáng sự thật và lòng cảm thương của Người đối với mọi người” (*Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 2715). Mọi sự bắt nguồn từ điều này: từ một trái tim cảm thấy mình được nhìn một cách yêu thương. Khi đó thực tại được chiêm ngưỡng bằng con mắt khác.

"Tôi nhìn Người và Người nhìn tôi!" Nó như thế này: chiêm niệm yêu thương, đặc trưng của

lời cầu nguyện thân mật nhất, không cần nhiều lời. Một cái nhìn đã đủ. Tin chắc đời sống chúng ta được bảo bọc bằng một tình yêu bao la và thủy chung mà không gì có thể tách chúng ta ra khỏi nó được quả là đã đủ.

Chúa Giêsu là một bậc thầy về cái nhìn này. Đời sống của Người không bao giờ thiếu thời gian, không gian, sự tĩnh lặng, sự hiệp thông yêu thương giúp đời sống người ta không bị tàn phá bởi những thử thách không thể tránh khỏi, nhưng duy trì được vẻ đẹp nguyên vẹn. Bí quyết của Người là mối liên hệ của Người với Cha Người ở trên trời.

Chẳng hạn, chúng ta hãy nghĩ về Sự biến hình. Các sách Tin Mừng đặt tình tiết này vào thời điểm quan yếu trong sứ mệnh của Chúa Giêsu khi sự chống đối và bác bỏ đang gia tăng xung quanh Người. Ngay cả trong số các môn đệ của Người, nhiều người cũng không hiểu Người và bỏ Người; một trong Nhóm Mười Hai nuôi dưỡng ý nghĩ phản bội. Chúa Giêsu bắt đầu công khai nói về sự đau khổ và cái chết đang chờ đợi Người ở Giêrusalem. Chính trong bối cảnh đó, Chúa Giêsu leo lên một ngọn núi cao cùng với Phêrô, Giacôbê và Gioan. Tin Mừng Máccô kể lại: “Người đã biến hình trước mặt họ, và áo của Người trở nên lấp lánh, trắng xóa, như không có thợ nhuộm nào trên trái đất có thể tẩy trắng được” (9: 2-3). Chính ngay tại thời điểm người ta không hiểu Chúa Giêsu - họ bỏ Người mà đi, họ bỏ mặc Người một mình vì họ không hiểu - chính trong thời điểm Người bị hiểu lầm, ngay khi mọi sự xem ra trở nên mờ mịt trong con lóc hiểu lầm, chính là lúc ánh sáng thần linh chiếu rọi. Đó là ánh sáng của tình yêu thương của Chúa Cha tràn ngập trái tim Chúa Con và biến đổi toàn thể Con người của Người.

Một số bậc thầy tâm linh trong quá khứ hiểu việc chiêm niệm như trái ngược với hành động, và đề cao những ơn gọi trốn khỏi thế gian và các vấn đề của nó để hiến mình hoàn toàn cho việc cầu nguyện. Trên thực tế, nơi Chúa Giêsu Kitô, nơi con người của Người và Tin Mừng, không có sự đối lập nào giữa chiêm niệm và hành động. Không. Trong Tin Mừng và trong Chúa Giêsu không có gì mâu thuẫn. Điều này có thể phát xuất từ ảnh hưởng của một số triết học Tân Platông vốn tạo ra sự đối lập này, nhưng nó chắc chắn chứa một thuyết nhị nguyên không phải là một thành phần của sứ điệp Kitô giáo.

Chỉ có một lời kêu gọi vĩ đại, một lời kêu gọi vĩ đại trong Tin Mừng, và đó là lời kêu gọi bước chân theo Chúa Giêsu trên con đường tình yêu. Đây là đỉnh và là trung tâm của mọi sự. Theo nghĩa này, đức ái và chiêm niệm đồng nghĩa với nhau, cùng nói một điều. Thánh Gioan Thánh Giá tin rằng một hành vi yêu thương nhỏ nhưng tinh tuyền sẽ hữu ích cho Giáo hội hơn tất cả những việc làm khác cộng lại. Điều gì phát sinh từ việc cầu nguyện chứ không phải từ sự cao ngạo của bản ngã chúng ta, điều gì được thanh tẩy bởi đức khiêm nhường, dù đó là một hành vi yêu thương giấu kín và thầm lặng, đều là phép lạ lớn nhất mà một Kitô hữu có thể thực hiện. Và đó là con đường cầu nguyện chiêm niệm: Tôi nhìn Người và Người nhìn tôi. Chính hành vi yêu thương trong cuộc đối thoại thầm lặng với Chúa Giêsu đã giúp ích rất nhiều cho Giáo Hội. Cảm ơn anh chị em.

Chương Ba Mươi Bảy: Chiến Đấu Trong Cầu Nguyện

(ngày 12/05/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Tôi rất vui được nói lại cuộc gặp mặt trực tiếp này, vì tôi nói thật với anh chị em điều này: không hay ho gì khi nói chuyện trước máy quay hình. Nó chẳng hay chút nào. Và bây giờ, sau nhiều tháng, nhờ sự dũng cảm của Đức Ông Sapienza, người đã nói, "Không, chúng ta sẽ

làm ở đó", thế là chúng ta tập trung lại ở đây. Đức Ông Sapienza quả tốt lành! Và thấy được người ta, thấy được anh chị em ở đây, mỗi người trong số anh chị em với câu chuyện của riêng anh chị em, những người đến từ khắp nơi, từ Ý, từ Hoa Kỳ, từ Colombia... Đội bóng nhỏ gồm bốn anh em người Thụy Sĩ, tôi nghĩ... họ đang ở kia... bốn. Thiều cô em nhỏ, tôi hy vọng em sẽ đến... Và thấy từng người trong anh chị em làm tôi rất vui vì tất cả chúng ta đều là anh chị em trong Chúa, và nhìn nhau giúp chúng ta cầu nguyện cho nhau. Cả những người ở xa nhưng luôn làm họ gần gũi với chúng ta. Di Geneviève lúc nào cũng hiện diện, đến từ Lunapark, những người làm việc... Rất nhiều. Tất cả đều ở đây. Cảm ơn anh chị em về sự hiện diện và viếng thăm của anh chị em. Anh chị em hãy mang thông điệp của Đức Giáo Hoàng đến cho mọi người. Thông điệp của Đức Giáo Hoàng là: tôi cầu nguyện cho tất cả mọi người, và tôi yêu cầu anh chị em cầu nguyện cho tôi, hiệp nhất trong lời cầu nguyện.

Và nói về cầu nguyện, cầu nguyện Kitô giáo, giống như tất cả đời sống Kitô giáo, không phải là “đi dạo trong công viên”. Không ai trong số những người cầu nguyện vĩ đại mà chúng ta gặp trong Kinh thánh và trong lịch sử Giáo hội thấy việc cầu nguyện “thoải mái”. Có, người ta có thể cầu nguyện như một con vẹt - blah, blah, blah, blah, blah - nhưng đó không phải là cầu nguyện. Cầu nguyện chắc chắn mang lại sự bình an lớn lao, nhưng qua cuộc chiến đấu bên trong, đôi khi có khó khăn, khó khăn này có thể theo ta suốt cả một thời gian dài trong cuộc sống. Cầu nguyện không phải là một điều dễ dàng, và đây là lý do tại sao chúng ta trốn tránh nó. Mỗi khi chúng ta muốn cầu nguyện, ngay lập tức chúng ta được nhắc nhở nhiều hoạt động khác, những hoạt động ngay lúc đó dường như quan trọng hơn và cấp bách hơn. Điều này cũng xảy ra với tôi nữa! Nó xảy ra với tôi. Tôi đi cầu nguyện một chút... nhưng không, tôi phải làm điều này điều nọ... Chúng ta chạy trốn khỏi cầu nguyện, tôi không biết tại sao, nhưng nó là như thế. Hầu như luôn luôn, sau khi ngừng cầu nguyện, chúng ta nhận ra những điều đó không chủ yếu chút nào, và chúng ta có thể đã lãng phí thời gian. Đó là cách Kẻ Thù lừa phỉnh chúng ta.

Mọi người nam nữ tin Chúa tưởng trình không những niềm vui của cầu nguyện, mà cả sự tế nhị và mệt mỏi mà nó có thể mang lại: đôi khi quả phải chiến đấu khó khăn mới duy trì được thời gian và cách thức cầu nguyện. Một số vị thánh, liên tiếp trong nhiều năm, tìm bắt cứ sự hài lòng nào trong cầu nguyện, nhưng không tri nhận được tính hữu ích của nó. Im lặng, cầu nguyện và tập trung là những thao tác khó khăn, và đôi khi bản chất con người nổi loạn. Thà chúng ta ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới, chứ không phải ở đó, trong hàng ghế nhà thờ, cầu nguyện. Những ai muốn cầu nguyện phải nhớ rằng đức tin không dễ dàng, và đôi khi nó tiến bước trong bóng tối gần như hoàn toàn, không có điểm quy chiếu nào. Có những khoảnh khắc trong đời sống đức tin tối tăm, và do đó một số thánh nhân gọi đây là “đêm tối”, bởi vì chúng ta không nghe thấy gì. Nhưng tôi tiếp tục cầu nguyện.

Sách Giáo lý liệt kê một loạt dài những kẻ thù của việc cầu nguyện, những kẻ thù gây khó khăn cho việc cầu nguyện, khiến chúng ta gặp khó khăn (xem số 2726-2728). Một số người nghi ngờ rằng cầu nguyện có thể thực sự vươn tới Đấng Toàn năng: tại sao Thiên Chúa vẫn im lặng? Nếu Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng, hẳn Người có thể nói một vài lời và vấn đề nhờ thế kết thúc. Đối diện với việc khó nắm bắt thể thần linh, những người khác nghi ngờ rằng cầu nguyện chỉ là một hoạt động tâm lý học đơn thuần; một điều gì đó có thể hữu ích, nhưng không đúng và không cần thiết: và thậm chí người ta có thể là một người thực hành đạo mà không phải là một tín hữu. Và vì vậy nó tiếp diễn, với nhiều giải thích.

Tuy nhiên, các kẻ thù tồi tệ nhất của việc cầu nguyện tìm thấy trong chính chúng ta. *Sách Giáo lý* mô tả chúng như sau: “chán nản vì khô khan, buồn phiền vì mình không tiến dâng tất cả cho Chúa, (vì chúng ta có nhiều của cải), thất vọng vì Chúa không theo ý mình, kiêu ngạo

nên chai lý trong tình trạng bất xứng của tội nhân, dị ứng với việc cầu nguyện vì cho rằng cầu nguyện là xin xỏ và việc cho không của Chúa” (2728). Đây rõ ràng là một bản tóm tắt có thể mở rộng được.

Nên làm gì trong thời điểm bị cám dỗ, khi mọi thứ dường như lung lay? Nếu chúng ta nhìn vào lịch sử linh đạo, có thể thấy ngay rằng các bậc thầy của linh hồn đã rất rõ ràng về tình huống mà chúng ta đã mô tả. Để vượt qua nó, mỗi người trong số họ đã đưa ra một số hình thức đóng góp nào đó: một lời khôn ngoan hoặc một gợi ý để đối phó với những khoảnh khắc đầy khó khăn. Đây không phải là vấn đề lý thuyết phức tạp, lý thuyết định sẵn, không, mà là những lời khuyên phát sinh từ kinh nghiệm, cho thấy tầm quan trọng của việc chống lại cám dỗ và kiên trì trong cầu nguyện.

Điều đáng lưu ý là xem lại ít nhất một số lời khuyên này, vì mỗi lời khuyên đều xứng đáng được thăm dò thêm. Thí dụ: Các Bài *Linh Thao* của Thánh Inhaxiô thành Loyola là một cuốn sách ngắn về sự khôn ngoan tuyệt vời dạy cách sắp xếp trật tự cuộc sống của người ta. Nó giúp chúng ta hiểu rằng ơn gọi Kitô hữu có tính chiến đấu, nó là quyết định đứng dưới cờ hiệu của Chúa Giêsu Kitô chứ không phải dưới cờ hiệu của ma quỷ, cố gắng làm điều tốt ngay cả khi điều đó trở nên khó khăn.

Trong thời gian thử thách, chúng ta nên nhớ rằng chúng ta không đơn độc, có đáng nào đó đang trông coi chúng ta và bảo vệ chúng ta. Thánh Antôn Tu Viện trưởng, người sáng lập ra phong trào đơn tu Kitô giáo, cũng phải đối đầu với thời kỳ khủng hoảng ở Ai Cập, khi việc cầu nguyện trở thành một cuộc đấu tranh khó khăn. Người viết tiểu sử của Người, Thánh Atanasiô, Giám mục Alexandria, kể lại một trong những giai đoạn tồi tệ nhất trong cuộc đời của vị thánh ẩn tu khi Người khoảng ba mươi lăm tuổi, một thời kỳ trung niên mà đối với nhiều người thường có khủng hoảng. Thánh Antôn đã bị xáo trộn bởi thử thách, nhưng đã chống lại. Cuối cùng khi đã thanh thản trở lại, Người hướng sang Chúa của mình với giọng điệu gần như trách móc: “Nhưng lạy Chúa, lúc ấy Chúa ở đâu? Tại sao Chúa không đến ngay để chấm dứt sự đau khổ của con?” Và Chúa Giêsu trả lời: “Antôn, Ta ở đó. Nhưng Ta đợi xem con chiến đấu” (*Hạnh thánh Antôn*, 10). Chiến đấu trong cầu nguyện. Và rất thường xuyên, cầu nguyện là một cuộc chiến đấu. Tôi nhớ tôi đã trải qua một điều gần như thế, khi tôi còn ở giáo phận khác. Có một cặp vợ chồng với một đứa con gái chín tuổi, mắc một căn bệnh mà các bác sĩ không thể chẩn đoán được. Và cuối cùng, trong bệnh viện, bác sĩ nói với bà mẹ, “Thưa bà, bà gọi cho chồng bà đi”. Còn người chồng thì đang đi làm; họ là những người lao động, họ làm việc hàng ngày. Và bác sĩ nói với người cha, “Đứa trẻ sẽ không sống sót qua đêm. Chúng tôi không thể làm gì để ngăn chặn sự lây nhiễm này”. Có lẽ người đàn ông đó không tham dự thánh lễ vào mỗi Chúa nhật, nhưng ông ta có một đức tin tuyệt vời. Ông ấy bỏ đi, vừa đi vừa khóc; để vợ ở đó cùng đứa con trong bệnh viện, ông lấy xe lửa và đi bảy mươi cây số về phía Vương cung thánh đường Đức Mẹ Luján, Đấng Bảo trợ của Á Căn Đình. Và ở đó - Vương cung thánh đường đã đóng cửa, lúc đó đã gần mười giờ đêm, chiều tối - ông bám vào các ô cửa sắt của Vương cung thánh đường và ở đó cả đêm để cầu nguyện với Đức Mẹ, chiến đấu cho sức khỏe của con gái mình. Đây không phải là một điều tưởng tượng: Tôi đã thấy ông ta! Chính tôi đã nhìn thấy ông ta. Người đàn ông đó, đang chiến đấu. Cuối cùng, sáu giờ sáng, Nhà thờ mở cửa, ông bước vào để chào Đức Mẹ rồi trở về nhà. Và ông ấy nghĩ: “Đức Mẹ đã bỏ chúng ta. Không, Đức Mẹ không thể làm điều này với mình”. Sau đó, ông đến gặp [vợ mình], và bà ấy đã mỉm cười, nói: “em không biết chuyện gì đã xảy ra. Các bác sĩ nói rằng một điều gì đó đã thay đổi, và bây giờ con nhỏ đã khỏi bệnh”. Người đàn ông đó, chiến đấu bằng lời cầu nguyện, đã nhận được ơn phúc của Đức Mẹ. Đức Mẹ đã lắng nghe lời ông ta. Và tôi đã thấy điều này: lời cầu nguyện đã làm nhiều phép lạ, vì lời cầu nguyện đi thẳng vào trái tim của sự dịu dàng Thiên Chúa, Đấng chăm sóc chúng ta như một

người cha. Và khi không ban cho chúng ta ơn phúc này, Người sẽ ban cho chúng ta ơn phúc khác mà trong một thời gian chúng ta mới thấy. Nhưng luôn luôn, anh chị em hãy chiến đấu trong cầu nguyện để xin ơn phúc. Đúng vậy, đôi khi chúng ta cầu xin ơn phúc mà chúng ta không cần, nhưng chúng ta cầu xin mà không thực sự mong muốn, không đấu tranh ... Chúng ta không cầu xin những điều nghiêm túc theo cách này. Cầu nguyện là chiến đấu, và Chúa luôn ở với chúng ta.

Nếu trong giây phút mù mịt, chúng ta không thể nhìn thấy sự hiện diện của Người, thì trong tương lai chúng ta sẽ nhìn thấy. Cuối cùng chúng ta cũng sẽ lặp lại cùng một câu mà tổ phụ Gia-cóp đã nói vào một ngày nọ: “Quả thật, Chúa đang ở nơi này; mà tôi đã không biết điều đó” (St 28:16). Vào cuối cuộc đời của chúng ta, khi nhìn lại, chúng ta cũng sẽ có thể nói: “Tôi từng nghĩ tôi ở một mình, nhưng không, tôi đã không ở một mình: Chúa Giêsu ở với tôi”. Tất cả chúng ta sẽ có thể nói điều ấy. Cảm ơn anh chị em.

Chương Ba Mươi Tám: chia trí, khô khan, uể oải trong lúc cầu nguyện (ngày 19/05/2021)

Theo VaticanNews, trong buổi yết kiến chung ngày 19 tháng 5 tại Sân San Damaso, Đức Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý của Người về cầu nguyện, hôm nay Người nhấn mạnh đến các trở ngại của việc cầu nguyện: chia trí, cảm thấy khô khan, uể oải.

Sau đây là trọn bài giáo lý của Người dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Tiếp tục đường hướng sách Giáo lý, trong bài giáo lý này chúng ta đề cập đến kinh nghiệm sống của việc cầu nguyện, cố gắng chỉ ra một số khó khăn rất phổ biến, cần được nhận diện và vượt qua. Cầu nguyện không dễ dàng: nhiều khó khăn tự xuất hiện trong cầu nguyện. Cần phải biết chúng, nhận ra chúng và vượt qua chúng.

Vấn đề đầu tiên xuất hiện đối với những người cầu nguyện là *sự chia trí* (xem *Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo*, 2729). Anh chị em bắt đầu cầu nguyện nhưng rồi tâm trí anh chị em ra thờ thần, nó thờ thần khắp nơi; lòng anh chị em ở đây, trí anh chị em ở đó... chia trí khỏi việc cầu nguyện. Cầu nguyện thường cùng tồn tại với chia trí. Thật vậy, tâm trí con người khó có thể tập trung lâu vào một ý nghĩ. Tất cả chúng ta hằng trải qua cơn lốc hình ảnh và ảo ảnh trong một chuyển động miên viễn, đi kèm với chúng ta ngay cả trong khi ngủ. Và tất cả chúng ta đều biết làm theo khuynh hướng rối loạn này là điều không tốt chút nào.

Cuộc chiến để đạt được và duy trì được sự tập trung không chỉ liên quan đến việc cầu nguyện mà thôi. Nếu một ai đó không đạt được một mức độ tập trung đầy đủ, thì không thể học tập thuận lợi, cũng như không thể làm việc tốt được. Các vận động viên nhận thức được rằng các cuộc thi đấu sẽ không thắng chỉ nhờ rèn luyện thể chất mà còn nhờ vào kỷ luật tinh thần: trên hết là khả năng tập trung và luôn tập chú.

Chia trí không có tội, nhưng ta phải chiến đấu với nó. Trong di sản đức tin của chúng ta, có một nhân đức thường bị lãng quên, nhưng hiện diện rất nhiều trong Tin Mừng. Nó được gọi là "tinh thức". Và Chúa Giêsu dạy, “Hãy tỉnh thức. Hãy cầu nguyện”. Sách Giáo lý đề cập đến điều đó một cách minh nhiên trong lời dạy của nó về việc cầu nguyện (xem số 2730). Chúa Giêsu thường kêu gọi các môn đệ lưu ý tới bốn phạm phải có một cuộc sống tỉnh táo,

được hướng dẫn bởi ý nghĩ này là sớm muộn gì Người cũng sẽ trở lại, giống như chàng rể từ đám cưới hoặc một người chủ từ một cuộc hành trình trở về. Nhưng vì chúng ta không biết ngày và giờ Người trở lại, nên mọi phút giây đời chúng ta đều quý giá và không nên lãng phí vào những những con chia trí. Vào một khoảnh khắc chúng ta không biết, tiếng nói của Chúa chúng ta sẽ vang lên: vào ngày đó, phúc thay những tôi tớ Người thấy siêng năng, luôn tập chú vào điều thực sự quan trọng. Họ không đi tha thần đuổi theo mọi lời cuốn đến trước tâm trí họ, mà cố gắng đi theo con đường đúng, làm điều tốt và thực thi nhiệm vụ của mình. Chia trí là thế này: trí tưởng tượng đi tha thần, đi tha thần và tiếp tục đi tha thần... Thánh Têrêsa quen gọi trí tưởng tượng đi tha thần trong lúc cầu nguyện này là “bà điên trong nhà”; nó giống như một bà điên dẫn anh chị em đi đây đi đó... Chúng ta phải ngăn chặn nó và lỏng nó lại, một cách chăm chú.

Những lúc *khô khan* cũng cần được bàn luận. Sách Giáo lý mô tả nó như sau: “Trái tim xa cách Thiên Chúa, không còn hứng thú với những ý nghĩ, hoài niệm và tâm tình, kể cả các tâm tình thiêng liêng. Đây là lúc chúng ta chỉ còn lấy đức tin mà gắn bó với Chúa Giêsu trong con hấp hối và trong mồ của Người” (số 2731). Sự khô khan khiến chúng ta nghĩ đến Thứ Sáu Tuần Thánh, vào ban đêm, và Thứ Bảy Tuần Thánh, cả ngày: Chúa Giêsu không ở đó, Người ở trong mồ; Chúa Giêsu đã chết, chúng ta ở một mình. Và đó là ý nghĩ làm nảy sinh sự khô khan. Thường thì chúng ta không biết đâu là lý do của sự khô khan: điều đó có thể phụ thuộc vào chính chúng ta, nhưng cũng phụ thuộc vào Thiên Chúa, Đấng cho phép một số tình huống trong đời sống bên ngoài hoặc bên trong. Hoặc, đôi khi, có thể là một cơn đau đầu hoặc một vấn đề của gan khiến chúng ta không thể bước vào việc cầu nguyện. Thường thì chúng ta không thực sự biết lý do. Các bậc thầy linh đạo mô tả kinh nghiệm đức tin như một sự luân phiên liên tục giữa những lúc được an ủi và những lúc phiền muộn; có những lúc mọi sự đều dễ dàng, trong khi những lúc khác lại được đánh dấu bằng sự nặng nề. Rất thường, khi gặp một người bạn, chúng ta nói, "Bạn có khỏe không?" - "Hôm nay tôi xuống tinh thần". Chúng ta rất thường "xuống tinh thần", hay nói đúng hơn chúng ta không có cảm xúc chi, không có sự an ủi, chúng ta không thể làm gì. Đó là những ngày xám xịt... và còn rất nhiều những ngày như thế trong cuộc sống! Nhưng điều nguy hiểm là có một trái tim xám xịt: khi “cảm giác xuống tinh thần” này chạm đến trái tim và làm nó sinh bệnh... và có những người sống với một trái tim xám xịt. Điều này thật khủng khiếp: người ta không thể cầu nguyện, người ta không thể cảm thấy được an ủi với một trái tim xám xịt! Hoặc, người ta không thể thoát ra khỏi sự khô khan thiêng liêng với một trái tim xám xịt. Trái tim phải cởi mở và sáng sủa, để ánh sáng của Chúa có thể chiếu vào. Và nếu ánh sáng Chúa không chiếu vào, hãy đợi nó, một cách hy vọng. Nhưng đừng đóng sập nó lại bằng màu xám xịt.

Rồi, một điều khác nữa là sự lười biếng uể oải, một khuyết điểm khác, một thói hư khác, vốn là một cám dỗ thực sự chống lại việc cầu nguyện và nói chung, chống lại đời sống Kitô hữu, lại là một vấn đề khác. Lười biếng uể oải là “một hình thức suy nhược do thiếu khổ chế, chênh mảng canh thức, lơ là đời sống nội tâm” (2733). Đó là một trong bảy “tội trọng” bởi vì, được thúc đẩy bởi sự tự phụ, nó có thể dẫn đến cái chết của linh hồn.

Vậy chúng ta có thể làm gì trong cái chuỗi thay nhau mà đến của hứng thú và chán nản này? Người ta phải học cách luôn tiến về phía trước. Sự tiến bộ thực sự trong đời sống thiêng liêng không hệ ở việc nhân thừa các lúc ngắt trí nhưng có thể kiên trì trong những lúc khó khăn: anh chị em hãy bước đi, bước đi, và tiếp tục bước đi... và nếu anh chị em mệt thì dừng lại một chút rồi bắt đầu bước đi lại. Nhưng với sự kiên trì. Chúng ta hãy nhớ dụ ngôn của Thánh Phanxicô về niềm vui hoàn hảo: khả năng của một tu sĩ không được đo lường bằng những may mắn bất tận từ Thiên đàng trút xuống, mà bằng những bước đi đều đặn, ngay cả khi người ta không được nhìn nhận, ngay cả khi người ta bị ngược đãi, thậm chí, khi mọi sự đã

mất đi hương vị ban đầu. Mọi vị thánh đều đã trải qua “thung lũng tối tăm” này, và chúng ta đừng coi là tai tiếng nếu đọc nhật ký của họ, chúng ta thấy các tường thuật về những buổi tối cầu nguyện không hồn, thiếu nhiệt tình. Chúng ta phải học để biết nói: “Lạy Thiên Chúa của con, dù xem ra như Chúa đang làm mọi điều để khiến con không còn tin Chúa nữa, con vẫn tiếp tục cầu nguyện với Chúa”. Các tín hữu không bao giờ ngừng cầu nguyện! Đôi khi có thể giống với kiểu cầu nguyện của Gióp, người không chấp nhận việc Thiên Chúa đối xử bất công với mình, đã phản đối và đòi phán sét Người. Nhưng, rất thường xuyên, ngay việc phản đối trước mặt Thiên Chúa cũng là một cách cầu nguyện hoặc như bà già nhỏ bé kia từng nói, “giận Thiên Chúa cũng là một cách cầu nguyện”, vì nhiều lần đứa con giận người cha: đó là một cách liên hệ với người cha; vì nó nhận ông là “cha”, nên nó mới tức giận...

Và cả chúng ta nữa, những người kém thánh thiện và kiên nhẫn hơn Gióp, cũng biết rằng cuối cùng, cuối thời kỳ phiền muộn này, trong đó chúng ta đã cất những tiếng khóc thầm lên Trời và nhiều lần hỏi “tại sao?” Thiên Chúa sẽ trả lời chúng ta. Đừng quên kiểu cầu nguyện bằng cách hỏi “tại sao?”. Đó là kiểu cầu nguyện của những đứa trẻ khi chúng bắt đầu không hiểu sự việc, điều mà các nhà tâm lý học gọi là “giai đoạn tại sao”, vì đứa trẻ cứ hỏi bố, “Bố ơi, tại sao? Bố ơi, tại sao? Bố ơi, tại sao?” Nhưng hãy cẩn thận: nó không chịu nghe câu trả lời của cha nó. Người cha bắt đầu trả lời, nhưng nó cắt ngang bằng câu “Tại sao?”. Nó chỉ muốn cha nó chú ý đến nó; và khi chúng ta giận Thiên Chúa một chút và bắt đầu hỏi tại sao, chúng ta đang lôi kéo trái tim của Cha chúng ta hướng tới các khốn cùng của chúng ta, hướng tới những khó khăn của chúng ta, hướng tới cuộc sống của chúng ta. Nhưng đúng, anh chị em hãy can đảm nói với Thiên Chúa: “Nhưng tại sao?”. Vì đôi khi, tức giận đôi chút tốt cho bạn, vì nó đánh thức lại mối liên hệ cha với con trai, cha với con gái mà chúng ta phải có với Thiên Chúa. Và Người sẽ chấp nhận ngay cả những phát biểu cộc cằn và cay đắng nhất của chúng ta bằng tình yêu của một người cha, và sẽ coi chúng như một hành vi đức tin, như một lời cầu nguyện. Cảm ơn anh chị em.

Chương Ba Mươi Chín: Lời cầu nguyện của ta chắc chắn được khứng nghe (ngày 26/05/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Có một phản chứng triệt để đối với việc cầu nguyện, phát xuất từ một nhận xét mà tất cả chúng ta đều có: chúng ta cầu nguyện, chúng ta cầu xin, nhưng đôi khi lời cầu nguyện của chúng ta dường như không được khứng nghe: những gì chúng ta đã cầu xin - cho chính mình hoặc cho người khác - không được ứng nghiệm. Chúng ta có kinh nghiệm này, rất thường xuyên... Nếu lý do cầu nguyện của chúng ta cao thượng (chẳng hạn như cầu cho sức khỏe của một người bệnh, hay như để kết thúc chiến tranh), thì việc không ứng nghiệm này có vẻ gây tai tiếng. Thí dụ, đối với các cuộc chiến tranh: chúng ta cầu xin cho các cuộc chiến tranh kết thúc, những cuộc chiến này có ở rất nhiều nơi trên thế giới. Hãy nghĩ đến Yemen, hãy nghĩ đến Syria, những quốc gia đã trải qua nhiều năm chiến tranh, bị tàn phá bởi chiến tranh, và chúng ta cầu nguyện, nhưng các cuộc chiến tranh này không hề kết thúc. Nhưng làm thế nào có thể có chuyện này? “Một số người thậm chí ngừng cầu nguyện vì họ nghĩ rằng lời thỉnh cầu của họ không được lắng nghe” (*Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 2734). Nhưng nếu Thiên Chúa là Cha, tại sao Người không lắng nghe chúng ta? Người đã bảo đảm với chúng ta rằng Người ban những điều tốt lành cho những đứa con đến cầu xin Người những điều ấy (x. Mt 7:10), tại sao Người không đáp ứng lời cầu xin của chúng ta? Tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm về điều này: chúng ta đã cầu nguyện, đã cầu nguyện nhiều, cho bệnh tật của một người bạn, một người cha, một người mẹ, vân vân. Nhưng Thiên Chúa đã không ban theo yêu cầu của chúng ta! Đó là một kinh nghiệm mà tất cả chúng ta đều đã có.

Sách Giáo lý cung cấp cho chúng ta một bản tóm tắt rất tốt về vấn đề này. Nó giúp chúng ta đề phòng nguy cơ không sống một trải nghiệm đức tin chân chính, mà là biến đổi mối liên hệ với Thiên Chúa thành một điều gì đó có tính ma thuật. Cầu nguyện không phải là cây đũa thần: nó là một cuộc đối thoại với Chúa. Thật vậy, khi cầu nguyện, chúng ta có thể mắc nguy cơ không phải là người phục vụ Thiên Chúa, nhưng mong đợi Người phục vụ chúng ta (xem 2735). Như thế, đây là một lời cầu nguyện luôn đòi hỏi, muốn hướng các sự kiện theo kế sách riêng của chúng ta, vốn không thừa nhận bất cứ kế hoạch nào khác ngoài các mong muốn của chính chúng ta. Mặt khác, Chúa Giêsu hết sức khôn ngoan khi dạy chúng ta *Kinh Lạy Cha*. Như chúng ta biết, đó là lời cầu nguyện chỉ gồm các câu hỏi, nhưng các câu hỏi đầu tiên chúng ta thốt ra đều hướng về phía Thiên Chúa. Chúng ta cầu xin sự ứng nghiệm không phải kế hoạch của chúng ta, mà là ý muốn của Người đối với thế giới. Tốt hơn nên phó mặc cho Người: “Nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện” (Mt 6:9-10).

Và Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta thậm chí không biết mình nên cầu xin điều gì cho thích hợp (xem *Rm* 8: 26). Chúng ta cầu xin những thứ cần thiết, các nhu cầu của chúng ta, những thứ chúng ta thiếu: "Nhưng điều này có thích đáng hơn hay không?" Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng, chúng ta thậm chí không biết nên xin điều gì cho đúng. Khi cầu nguyện, chúng ta cần khiêm tốn: đây là thái độ đầu tiên khi đi cầu nguyện. Cũng giống như thái độ ở nhiều nơi khi đi cầu nguyện trong nhà thờ: phụ nữ đội khăn che mặt hoặc lấy nước thánh để bắt đầu cầu nguyện, theo cách này, chúng ta phải tự nhủ trước khi cầu nguyện rằng đó là cách đúng đắn; Thiên Chúa sẽ ban cho tôi những gì đúng đắn để ban cho. Người biết. Khi cầu nguyện, chúng ta phải khiêm tốn, để lời nói của chúng ta thực sự là lời cầu nguyện chứ không phải chỉ là lời nói suông vốn bị Thiên Chúa bác bỏ. Chúng ta cũng có thể cầu nguyện vì những lý do sai lầm: chẳng hạn như để đánh bại kẻ thù trong chiến tranh, mà không tự hỏi xem Thiên Chúa nghĩ gì về một cuộc chiến như thế. Thật dễ dàng viết “Chúa ở cùng chúng ta” trên một biểu ngữ; nhiều người rất muốn biết chắc Thiên Chúa ở với họ, nhưng ít người bận tâm đến việc kiểm tra xem họ có thực sự ở với Thiên Chúa hay không. Trong cầu nguyện, chính Thiên Chúa là Đấng phải hoán cải chúng ta, chứ không phải chúng ta là người phải hoán cải Thiên Chúa. Đó là sự khiêm tốn. Con đi cầu nguyện nhưng lạy Chúa, xin hãy hoán cải trái tim con để nó cầu xin điều gì là thích đáng, điều gì tốt nhất cho sức khỏe thiêng liêng của con.

Tuy nhiên, tai tiếng vẫn còn đó: khi người ta cầu nguyện với tấm lòng chân thành, khi họ cầu xin những điều tương ứng với Nước Thiên Chúa, khi một người mẹ cầu nguyện cho đứa con bị bệnh của mình, tại sao đôi khi Thiên Chúa dường như không nghe họ? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần thanh tẩy suy gẫm các sách Tin Mừng. Các trình thuật về cuộc đời của Chúa Giêsu đầy những lời cầu nguyện: nhiều người bị thương tích về thể xác và tinh thần xin Người chữa lành; có những người cầu nguyện cho một người bạn không còn đi được nữa; có những người cha, người mẹ nuôi dưỡng những đứa con trai, con gái đau ốm... Tất cả đều là những lời cầu nguyện thấm đẫm đau khổ. Đó là một dàn hợp xướng bao la khản nài: "Xin thương xót chúng con!"

Chúng ta thấy rằng đôi khi đáp ứng của Chúa Giêsu đến ngay lập tức, trong khi trong một số trường hợp khác, đáp ứng của Người bị trì hoãn: dường như Thiên Chúa không trả lời. Hãy nghĩ đến người đàn bà Canaan van xin Chúa Giêsu cho con gái bà: người phụ nữ này phải nài nỉ rất lâu mới được nghe lời (x. *Mt* 15:21-28). Bà ấy thậm chí còn phải khiêm tốn khi nghe một lời của Chúa Giêsu có vẻ hơi khó chịu đối với bà: *chúng ta không được ném bánh mì cho chó, cho những con chó độn thuần*. Nhưng sự sỉ nhục này không đáng kể chi đối với người phụ nữ: sức khỏe của con gái bà mới là điều đáng kể. Và bà ấy tiếp tục: “Đúng vậy, nhưng

ngay cả những con chó cũng ăn những mảnh vụn rơi ra từ bàn của chủ chúng”, và Chúa Giêsu thích điều này. Dừng cảm trong lời cầu nguyện. Hoặc nghĩ đến người bại liệt do bốn người bạn của họ mang đến: Đức Giêsu ban đầu tha tội cho ông ta và chỉ sau đó mới chữa lành thân xác ông ta (x. Mc 2: 1-12). Do đó, trong một số trường hợp, việc giải quyết vấn đề không có ngay lập tức. Trong cuộc sống của chúng ta cũng vậy, mỗi người trong chúng ta ai cũng có những trải nghiệm này. Chúng ta hãy nhìn lại một chút: biết bao lần chúng ta đã cầu xin một ơn thánh, một phép lạ, tỷ dụ như thế, và chẳng có gì xảy ra cả. Rồi, với thời gian, sự việc ổn thỏa nhưng theo cách của Thiên Chúa, cách thần thiêng, không theo những gì chúng ta muốn ở thời điểm đó. Thời gian của Chúa không phải là thời gian của chúng ta.

Theo quan điểm này, việc chữa lành cho con gái của ông Gia-ia đáng được đặc biệt chú ý (xem Mc 5: 21-33). Có một người cha đang rất vội vàng: con gái ông bị ốm và vì lý do này ông đến cầu cứu Chúa Giêsu. Thầy Chí Thánh ngay lập tức chấp nhận, nhưng trên đường họ về nhà, một cuộc chữa lành khác xảy ra, và rồi có tin bé gái đã chết. Tưởng chừng như đã kết thúc, nhưng thay vào đó, Chúa Giêsu nói với người cha: “Đừng sợ, chỉ cần tin thôi” (Mc 5:36).

“Tiếp tục có đức tin”: vì đức tin nâng đỡ việc cầu nguyện. Và quả thật, Chúa Giêsu sẽ đánh thức đứa trẻ đó khỏi giấc ngủ của thần chết. Nhưng trong một thời gian, Ông Gia-ia đã phải bước đi trong bóng tối, với ánh lửa của đức tin. Lạy Chúa, xin ban cho con đức tin! Xin cho đức tin của con lớn mạnh! Anh chị em hãy xin ơn này, có đức tin. Trong Tin Mừng, Chúa Giê-su nói rằng đức tin rời được núi non. Nhưng, phải là đức tin thực sự. Chúa Giêsu, trước đức tin của người nghèo, của dân Người, đã được thuyết phục; trước niềm tin đó, Người cảm thấy một sự dịu dàng đặc biệt. Và Người khứng nghe.

Lời cầu nguyện mà Chúa Giêsu nói với Chúa Cha tại vườn Dietsimani dường như cũng không được lắng nghe. “Lạy Cha, nếu có thể, xin hãy cất chén này khỏi con”. Dường như Chúa Cha không lắng nghe Người. Chúa Con phải uống cạn chén thống khổ. Nhưng Thứ Bảy Tuần Thánh không phải là chương cuối cùng, vì đến ngày thứ ba, tức Chúa Nhật, là ngày Phục sinh. Ma quỷ là chúa tể của ngày áp chót: hãy nhớ kỹ điều đó. Ma quỷ không bao giờ là chúa tể của ngày cuối cùng, không: áp chót, thời điểm mà đêm tối đen nhất, ngay trước bình minh. Rồi nữa, vào ngày áp chót, có sự cám dỗ, khi ma quỷ khiến chúng ta nghĩ rằng nó đã chiến thắng: “Thấy chưa? Tôi đã thắng!”. Ma quỷ là chúa tể của ngày áp chót: cuối cùng là ngày Phục sinh. Nhưng ma quỷ không bao giờ là chúa tể của ngày sau hết: Thiên Chúa là Chúa của ngày sau hết. Vì ngày đó chỉ thuộc về một mình Thiên Chúa, và đó là ngày mà mọi khao khát cứu rỗi của con người sẽ được ứng nghiệm. Chúng ta hãy học cho được tính kiên nhẫn khiêm tốn này, biết chờ đợi ơn thánh của Chúa, chờ đợi ngày cuối cùng. Thường thì điều áp chót rất vất vả, vì các đau khổ của con người bao giờ cũng vất vả. Nhưng Thiên Chúa ở đó. Và vào ngày cuối cùng, Người sẽ giải quyết mọi việc. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn Mươi: Chúa Giêsu, mô hình và linh hồn của cầu nguyện (ngày 02/06/2021)

Theo VaticanNews, buổi yết kiến chung trực tiếp tuần này của Đức Thánh Cha vẫn diễn ra tại Sân San Damaso vào lúc 9 giờ 30 sáng Thứ 4, ngày 2 tháng 6 năm 2021. Trong buổi yết kiến này, Đức Thánh Cha đã dạy bài giáo lý thứ 36 của Người về cầu nguyện, nhấn mạnh tới khía cạnh Chúa Giêsu là mô hình và linh hồn của cầu nguyện.

Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của Người, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Các sách Tin Mừng cho chúng ta thấy sự *cầu nguyện* là nền tảng ra sao trong mối liên hệ giữa Chúa Giêsu và các môn đệ của Người. Điều này thấy rõ trong việc lựa chọn người sẽ trở thành Tông đồ. Thánh Luca đặt việc lựa chọn các Người chính trong bối cảnh *cầu nguyện*, và Người viết: “Trong những ngày này, Người lên núi *cầu nguyện*; và suốt đêm Người tiếp tục *cầu nguyện cùng Thiên Chúa*. Và khi đến sáng, Người gọi các môn đệ của Người, và chọn trong số họ mười hai người, những người mà Người đặt làm tông đồ” (6: 12-13). Chúa Giêsu chọn các tông đồ sau một đêm *cầu nguyện*. Dường như không có tiêu chuẩn nào trong sự lựa chọn này ngoài lời *cầu nguyện*, cuộc đối thoại của Chúa Giêsu với Chúa Cha. Dựa vào cách cư xử của những người đó, dường như sự lựa chọn này không phải là sự lựa chọn tốt nhất, vì tất cả bọn họ đều chạy trốn, bỏ mặc Người trước cuộc Khô nạn; nhưng chính điều này, đặc biệt là sự hiện diện của Giuđa, kẻ phản bội trong tương lai, chứng tỏ rằng những cái tên đó đã được ghi sẵn trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Lời *cầu nguyện* cho bạn hữu của Người liên tục tái xuất hiện trong cuộc đời Chúa Giêsu. Các Tông đồ đôi khi trở thành lý do khiến Người lo lắng, nhưng Chúa Giêsu, vì Người tiếp nhận họ từ Chúa Cha, sau khi *cầu nguyện*, nên Người mang họ trong lòng, ngay cả khi họ sai lầm, ngay cả khi họ sa ngã. Trong tất cả những điều này, chúng ta khám phá được việc Chúa Giêsu vừa là thầy vừa là bạn ra sao, luôn sẵn lòng kiên nhẫn chờ đợi sự hoán cải của môn đệ. Điểm cao nhất của sự chờ đợi kiên nhẫn này là “mạng lưới” tình yêu mà Chúa Giêsu dệt quanh Thánh Phêrô. Trong Bữa Tiệc Ly, Người nói với Người những lời chúng ta đã nghe ở đầu buổi tiếp kiến: “Simon, Simon, kia Satan đòi lấy anh, để nó sàng anh như sàng lúa mì, nhưng Thầy đã *cầu nguyện cho anh* để đức tin của anh không sai phạm, và khi trở lại, anh hãy củng cố anh em mình” (Lc 22:31-32). Quả là ấn tượng khi biết rằng vào lúc đó, lúc yếu đuối, tình yêu của Chúa Giêsu không ngừng nghỉ. “Nhưng thưa cha, nếu con phạm tội trọng, Chúa Giêsu có yêu con không?” - “Có” - “Và Chúa Giêsu có tiếp tục *cầu nguyện* cho con không?” - “Có” - “Nhưng nếu con đã làm những điều tội tệ nhất, và hơn thế nữa, phạm quá nhiều tội lỗi... Chúa Giêsu có tiếp tục [*cầu nguyện*] cho con không?” - “Có”. Tình yêu của Chúa Giêsu, lời *cầu nguyện* của Chúa Giêsu cho mỗi người chúng ta không bao giờ ngừng, nó không bao giờ ngừng, mà còn trở nên mãnh liệt hơn, và chúng ta nằm ở trung tâm lời *cầu nguyện* của Người! Chúng ta phải luôn ghi nhớ điều này: Chúa Giêsu *cầu nguyện cho tôi*, Người đang *cầu nguyện* trước mặt Chúa Cha và làm Chúa Cha nhìn thấy các thương tích mà Người mang bên mình, để Chúa Cha thấy cái giá của ơn cứu rỗi chúng ta, đó là tình yêu Người dành cho chúng ta. Nhưng trong giờ phút này, mỗi người chúng ta hãy suy nghĩ xem: trong giờ phút này, Chúa Giêsu có *cầu nguyện* cho tôi hay không? Có. Đây là sự chắc chắn tuyệt vời mà chúng ta phải có.

Việc *cầu nguyện* của Chúa Giêsu trở lại rất đúng lúc ở một thời điểm quan trọng trong cuộc hành trình của Người, đó là sự xác minh đức tin của các môn đệ Người. Chúng ta hãy nghe lại thánh sử Luca: “Khi [Chúa Giêsu] *cầu nguyện* một mình, các môn đệ ở với Người; và Người hỏi họ, 'Người ta nói Thầy là ai?' Và họ trả lời, 'Gioan Tẩy Giả; nhưng có những người khác nói, Êlia và những người khác nữa nói rằng Thầy là một trong những tiên tri xưa sống lại'. Và Người hỏi họ, 'Nhưng các con nói thầy là ai?' Và Phêrô thay mặt họ trả lời, là 'Đấng Kitô của Thiên Chúa'. Nhưng Người buộc và truyền cho họ không được nói điều này cho ai” (9: 18-21). Nghĩa là, những bước ngoặt lớn lao trong sứ mệnh của Chúa Giêsu luôn được đi trước bằng việc *cầu nguyện*, nhưng không chỉ qua loa, mà bằng lời *cầu nguyện* mãnh liệt và

kéo dài. Luôn luôn có việc *cầu nguyện* trong những khoảnh khắc đó. Sự thử thách đức tin này dường như là một mục tiêu, nhưng thực ra, nó là một khởi điểm mới cho các môn đệ, bởi vì từ đó trở đi, dường như Chúa Giêsu sở đắc một sắc thái mới trong sứ mệnh của Người, nói một cách công khai với họ về cuộc khổ nạn, cái chết và sự sống lại của Người.

Với viễn cảnh trên, một viễn cảnh, theo bản năng, phát sinh sợ hãi kinh khiếp cả nơi các môn đệ lẫn nơi chúng ta, những người đọc Tin Mừng, *cầu nguyện* là nguồn ánh sáng và sức mạnh duy nhất. Cần phải *cầu nguyện* một cách mãnh liệt hơn, mỗi khi con đường gặp những khúc quanh lên dốc.

Và quả thật, sau khi loan báo cho các môn đệ biết điều gì đang chờ đợi Người ở Giêrusalem, thì biến cố Hiên Dung diễn ra. Chúa Giêsu “đem theo các ông Phêrô, Gioan và Giacôbê và lên núi để *cầu nguyện*. Đang lúc Người *cầu nguyện*, dung mạo Người bỗng đổi khác, y phục Người trở nên trắng tinh chói loà. Và kìa, có hai nhân vật đàm đạo với Người, đó là ông Môsê và ông Êlia. Hai vị hiện ra, rạng ngời vinh hiển, và nói về cuộc xuất hành Người sắp hoàn thành tại Giêrusalem” (9: 28-31), nghĩa là Cuộc Khổ Nạn. Do đó, sự biểu lộ vinh quang được mong đợi này của Chúa Giêsu đã diễn ra trong khi *cầu nguyện*, trong khi Chúa Con đang trầm mình trong sự hiệp thông với Chúa Cha và hoàn toàn thuận theo ý muốn đầy yêu thương của Người, thuận theo chương trình cứu rỗi của Người. Và từ việc *cầu nguyện* đó, có lời rõ ràng nói với ba môn đệ có mặt: “Đây là Con Ta, Người được Ta tuyển chọn; hãy lắng nghe Người” (Lc 9:35). Từ việc *cầu nguyện*, phát xuất lời mời gọi lắng nghe Chúa Giêsu, luôn luôn phát xuất từ việc *cầu nguyện*.

Từ việc duyệt qua Sách Tin Mừng nhanh chóng này, chúng ta biết rằng Chúa Giêsu không chỉ muốn chúng ta *cầu nguyện* như Người *cầu nguyện*, mà còn bảo đảm với chúng ta rằng, ngay cả khi các nỗ lực *cầu nguyện* của chúng ta hoàn toàn vô dụng và vô hiệu, chúng ta luôn có thể trông cậy vào lời *cầu nguyện* của Người. Chúng ta phải ý thức điều này: Chúa Giêsu *cầu nguyện* cho tôi. Có hồi, một vị giám mục tốt bụng nói với tôi rằng vào một thời điểm rất tồi tệ trong cuộc đời Người, một thử thách rất, rất, rất lớn, trong đó mọi sự chìm trong bóng tối, Người nhìn lên Vương cung thánh đường và thấy câu này được viết rõ ràng: “Tôi, Phêrô, sẽ *cầu nguyện* cho bạn”. Và điều này đã tiếp thêm sức mạnh và an ủi cho Người. Và điều an ủi này xảy ra bất cứ khi nào mỗi người chúng ta biết rằng Chúa Giêsu đang *cầu nguyện* cho mình. Chúa Giêsu *cầu nguyện* cho chúng ta. Ngay thời điểm này, ngay chính khoảnh khắc này. Anh chị em hãy làm thao tác trí nhớ này, lặp đi lặp lại điều này. Khi gặp khó khăn, khi anh chị em cảm thấy sức hút quỷ đạo kéo vào xao lãng, hãy nhớ: Chúa Giêsu đang *cầu nguyện* cho tôi. Nhưng thưa cha, điều này có đúng không? Đúng như thế! Chính Người đã nói điều đó. Chúng ta đừng quên rằng điều nâng đỡ mỗi chúng ta trong cuộc sống là lời *cầu nguyện* của Chúa Giêsu cho mỗi người chúng ta, với tên và họ của chúng ta, trước mặt Chúa Cha, chỉ cho Người các thương tích vốn là giá mua ơn cứu rỗi cho chúng ta.

Ngay cả khi những lời *cầu nguyện* của chúng ta chỉ là lời lấp bấp, nếu chúng ta bị lung lay bởi một đức tin dao động, chúng ta đừng bao giờ ngừng tin thác nơi Người: Tôi không biết *cầu nguyện* như thế nào nhưng Người *cầu nguyện* cho tôi. Được nâng đỡ bởi lời *cầu nguyện* của Chúa Giêsu, những lời *cầu nguyện* rụt rè của chúng ta dựa trên đôi cánh đại bàng và bay lên Thiên đường. Anh chị em đừng quên: Chúa Giêsu đang *cầu nguyện* cho tôi. Ngay lúc này? Đúng, ngay lúc này. Trong giây phút thử thách, trong giây phút phạm tội, ngay cả trong tội lỗi đó, Chúa Giêsu đang *cầu nguyện* cho tôi với rất nhiều yêu thương. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn Mươi Một: Kiên Trì trong Cầu Nguyện

(ngày 09/06/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong bài giáo lý áp chót này về cầu nguyện, chúng ta sẽ nói về sự kiên trì trong việc cầu nguyện. Đó là một lời mời, đúng hơn là một mệnh lệnh Sách Thánh ngỏ với chúng ta. Cuộc hành trình tâm linh của người hành hương Nga bắt đầu khi ông đọc được câu viết của Thánh Phaolô trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Têsalônica: “Hãy cầu nguyện liên li, luôn luôn và hãy tạ ơn vì mọi sự” (5: 17-18). Lời lẽ của Thánh Tông đồ đã khiến người đàn ông này xúc động và ông tự hỏi làm thế nào có thể cầu nguyện mà không bị gián đoạn, vì cuộc sống của chúng ta bị phân mảnh thành rất nhiều khoảnh khắc khác nhau, vốn không luôn làm ta tập trung. Từ câu hỏi này, ông bắt đầu cuộc tìm hiểu của mình, một điều sẽ dẫn ông khám phá ra việc gọi là cầu nguyện bằng trái tim. Nó bao gồm việc lặp đi lặp lại bằng đức tin câu: “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con, một kẻ tội lỗi!”. “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con, một kẻ tội lỗi!” Một lời cầu nguyện đơn giản, nhưng rất đẹp đẽ. Một lời cầu nguyện, dần dần, tự thích ứng với nhịp thở và kéo dài suốt cả ngày. Nó ra sao vậy? “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con, một kẻ tội lỗi!”. Tôi không nghe được anh chị em. Nói lớn hơn chút đi! “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con, một kẻ tội lỗi!”. Và anh chị em hãy lặp đi lặp lại câu đó, lặp đi lặp lại, nhé! Điều này rất quan trọng. Thật vậy, hơi thở không bao giờ ngừng, ngay cả khi chúng ta ngủ; và cầu nguyện là hơi thở của cuộc sống.

Vậy làm thế nào để luôn có thể duy trì được trạng thái cầu nguyện? Sách Giáo lý đưa ra những trích dẫn thật đẹp đẽ từ lịch sử linh đạo, nhấn mạnh đến nhu cầu cầu nguyện liên tục, vì nó là điểm tựa cho sự hiện hữu của Kitô hữu. Tôi sẽ xem xét một số trong các trích dẫn này.

Đan sĩ Evagrius Ponticus quả quyết như sau: “Chúng ta không được lệnh phải làm việc, phải tinh thức và ăn chay liên tục” - không, điều này không được yêu cầu - “nhưng có nguyên tắc đặt ra là chúng ta phải cầu nguyện không ngừng” (2742). Trái tim cầu nguyện. Vì thế, có một nhiệt tình trong đời sống Kitô hữu, không bao giờ được sai chạy. Nó giống như ngọn lửa thiêng được lưu giữ trong các ngôi đền cổ xưa, cháy liên tục và các tư tế có nhiệm vụ duy trì cho nó luôn cháy sáng. Vì vậy, trong chúng ta cũng phải có một ngọn lửa thiêng, cháy liên tục và không gì có thể dập tắt được. Và nó không phải là việc dễ dàng. Nhưng đó là cách nó phải như vậy.

Thánh Gioan Kim Khẩu, một mục tử khác biết chú ý đến cuộc sống đời thực, đã giảng: “Ngay cả khi đi dạo nơi công cộng hoặc đi dạo một mình, hoặc ngồi trong cửa hàng của bạn, trong khi mua bán, hoặc ngay cả khi đang nấu ăn” (2743). Những lời cầu nguyện ngắn: “Lạy Chúa, xin thương xót chúng con”, “Lạy Chúa, xin phù giúp con”. Như thế, cầu nguyện là một loại khuông nhạc, trong đó, chúng ta khắc ghi giai điệu cuộc đời mình. Nó không trái ngược với việc làm hàng ngày, nó không mâu thuẫn với nhiều nghĩa vụ và trách nhiệm nho nhỏ; có thể nói, đó là nơi mọi hành động tìm thấy ý nghĩa, lý do và sự bình yên của nó. Trong cầu nguyện.

Chắc chắn, việc đưa những nguyên tắc này vào thực hành không hề dễ dàng. Một người cha và một người mẹ, bị cuốn hút vào hàng nghìn trách vụ, có thể cảm thấy nhớ tiếc thời điểm trong đời họ khi họ dễ dàng tìm được thời gian và không gian thường xuyên để cầu nguyện. Rồi xuất hiện con cái, công việc, cuộc sống gia đình, cha mẹ già yếu... Người ta có ấn tượng

rằng sẽ không bao giờ có thể vượt qua được tất cả những điều này. Và vì vậy quả là điều tốt khi chúng ta nghĩ đến việc Thiên Chúa, Cha của chúng ta, Đáng phải chăm sóc tất cả vũ trụ, nhưng luôn nhớ đến mỗi người chúng ta. Vì vậy, chúng ta cũng phải luôn nhớ đến Người!

Chúng ta cũng có thể nhớ rằng trong phong trào đơn tu Kitô giáo, việc làm luôn được coi trọng, không những vì bốn phận luân lý phải chu cấp cho bản thân và người khác, mà còn vì một loại cân bằng, sự cân bằng bên trong - công việc, phải không? Thật nguy hiểm cho con người khi nuôi dưỡng một sở thích quá trừu tượng đến mức mất tiếp xúc với thực tại. Công việc giúp chúng ta tiếp xúc với thực tại. Bàn tay của đan sĩ chấp lại để cầu nguyện mang đủ vết chai của những người cầm xẻng và cuốc. Khi, trong Tin Mừng Luca (xem 10: 38-42), Chúa Giêsu nói với Thánh Martha rằng điều duy nhất thực sự cần thiết là lắng nghe Thiên Chúa, Người không hề có ý chê bai nhiều việc phục vụ được bà thực hiện một cách hết sức nỗ lực.

Mọi sự trong con người đều có tính “nhị phân”: cơ thể chúng ta cân đối, chúng ta có hai cánh tay, hai con mắt, hai bàn tay... Vì vậy, công việc và cầu nguyện cũng bổ sung cho nhau. Cầu nguyện – vốn là “hơi thở” của mọi sự - vẫn là tâm phong sống động của công việc, ngay cả trong những thời điểm mà điều này không minh nhiên. Thật vô nhân đạo khi anh chị em bị cuốn hút vào công việc đến mức không còn tìm được thì giờ để cầu nguyện.

Đồng thời, lời cầu nguyện xa lạ với cuộc sống là lời cầu nguyện không lành mạnh. Lời cầu nguyện nào tự làm mình ra xa lạ với tính cụ thể của cuộc sống sẽ trở thành chủ nghĩa vụ tâm linh, hay tệ hơn, chủ nghĩa vụ nghi lễ. Chúng ta hãy nhớ rằng Chúa Giêsu, sau khi cho các môn đệ thấy vinh quang của Người trên Núi Tabor, không muốn kéo dài giây phút ngây ngất đó, nhưng thay vào đó, cùng họ xuống núi và tiếp tục cuộc hành trình hàng ngày. Vì trải nghiệm đó phải lưu lại trong trái tim họ như ánh sáng và sức mạnh của đức tin nơi họ; cũng là ánh sáng và sức mạnh cho những ngày sắp đến: những ngày Khổ Nạn. Bằng cách này, thời gian dành riêng để ở với Thiên Chúa làm sống lại đức tin, một điều giúp chúng ta trong các thực tế sống, và ngược lại, đức tin nuôi dưỡng việc cầu nguyện, không gián đoạn. Trong tính tuần hoàn giữa đức tin, đời sống và cầu nguyện này, người ta giữ ngọn lửa đời sống Kitô hữu luôn cháy sáng, điều mà Thiên Chúa luôn mong đợi nơi chúng ta.

Và chúng ta hãy lặp đi lặp lại lời cầu nguyện đơn giản, lời cầu nguyện thật rất tốt đẹp để lặp đi lặp lại trong ngày. Chúng ta hãy xem xem anh chị em còn nhớ hay không. Tất cả hãy cùng đọc: “Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con, một kẻ tội lỗi!”. Liên tục đọc lời cầu nguyện này sẽ giúp anh chị em kết hợp với Chúa Giêsu. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn Mười Hai: Trên Thập Giá, Chúa Giêsu Cầu Nguyện Cho Chúng Ta (ngày 16/06/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Trong loạt bài giáo lý này, chúng ta đã nhắc lại nhiều lần rằng cầu nguyện là một trong những nét đặc trưng rõ ràng nhất trong cuộc đời của Chúa Giêsu: Chúa Giêsu đã cầu nguyện, và Người đã cầu nguyện rất nhiều. Trong diễn trình thi hành sứ mệnh của Người, Chúa Giêsu đã đắm mình trong đó, bởi vì cuộc đối thoại với Chúa Cha là cốt lõi rực sáng trọn sự hiện hữu của Người.

Các sách Tin Mừng làm chứng rằng lời cầu nguyện của Chúa Giêsu càng trở nên mãnh liệt và cô đọng hơn xiết bao vào giờ khổ nạn và cái chết của Người. Những biến cố tột đỉnh trong cuộc đời của Người tạo nên cốt lõi trung tâm của việc rao giảng Kitô giáo: những giờ phút cuối cùng Chúa Giêsu sống tại Giêrusalem là trung tâm của Tin Mừng không những vì các Thánh sử dành nhiều chỗ rộng rãi hơn cho câu chuyện này, mà còn vì biến cố Người chết và phục sinh – giống như một tia chớp - làm sáng tỏ phần đời còn lại của Chúa Giêsu. Người không phải là một nhà từ thiện săn sóc các đau khổ và bệnh tật của con người: Người đã và còn hơn thế nữa. Trong Người, không những có sự tốt lành: mà còn có một điều gì đó hơn thế nữa, có ơn cứu rỗi, và không phải là ơn cứu rỗi từng hồi - kiểu có thể cứu tôi khỏi bệnh tật hoặc một khoảnh khắc tuyệt vọng - mà là ơn cứu rỗi toàn diện, ơn cứu rỗi của đáng được xúc dầu, mang lại hy vọng trong chiến thắng dứt khoát của sự sống đối với sự chết.

Do đó, trong những ngày Lễ Vượt Qua cuối cùng của Người, chúng ta thấy Chúa Giêsu hoàn toàn đắm mình trong cầu nguyện.

Như chúng ta đã nghe, Người cầu nguyện rất nhiều trong vườn Diếtsimani, bị xao xuyến đến chết được. Tuy nhiên, chính trong giây phút đó, Chúa Giêsu đã gọi Thiên Chúa là “Abba”, là Cha (x. Mc 14:36). Chữ này, trong tiếng Aram, là tiếng nói của Chúa Giêsu, nói lên sự thân mật, nói lên sự tin thác. Chính trong lúc Người cảm thấy bóng tối bao quanh Người, Chúa Giêsu phá vỡ nó bằng chữ ngắn ngủi đó: *Abba, lạy Cha*.

Chúa Giêsu cũng cầu nguyện trên thập giá, bị che phủ tối tăm trong sự im lặng của Thiên Chúa. Thế nhưng, một lần nữa chữ “Lạy Cha” lại xuất hiện từ đôi môi của Người. Đó là lời cầu nguyện sốt sắng nhất, vì trên thập giá, Chúa Giêsu là Đấng chuyển cầu tuyệt đối: Người cầu nguyện cho người khác, Người cầu nguyện cho mọi người, ngay cả những người đã lên án Người, mặc dù không một ai, trừ một phạm nhân tội nghiệp đứng về phía Người. Tất cả mọi người đều chống lại Người hoặc thờ ơ với Người, chỉ có phạm nhân đó nhận ra quyền năng của Người. “Lạy Cha, xin tha thứ cho họ; vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23:34). Giữa bi kịch, trong nỗi đau đớn tột cùng cả linh hồn lẫn thể xác, Chúa Giêsu đã cầu nguyện bằng những lời thánh vịnh; với những người nghèo khổ trên thế giới, đặc biệt những người bị mọi người lãng quên, Người đọc những lời bi thiết của Thánh vịnh 22: “Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con, tại sao Chúa bỏ rơi con?” (câu 2). Người cảm nhận việc bị bỏ rơi, và Người đã cầu nguyện. Thập giá là sự hoàn thành hồng phúc của Chúa Cha, Đấng ban phát tình yêu, nghĩa là ơn cứu rỗi của chúng ta được hoàn thành. Và cũng có lần, Người gọi Chúa Cha là “Thiên Chúa của con”, “Lạy Cha, con xin phó linh hồn con trong tay Cha”: nghĩa là mọi sự, mọi sự đều là lời cầu nguyện, trong ba tiếng đồng hồ trên Thập giá.

Do đó, Chúa Giêsu cầu nguyện trong những giờ phút quyết định của cuộc khổ nạn và cái chết của Người. Và với sự sống lại, Chúa Cha sẽ khứng nhận lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu rất mãnh liệt, lời cầu nguyện của Chúa Giêsu rất độc đáo, và cũng trở thành kiểu mẫu cho lời cầu nguyện của chúng ta. Chúa Giêsu cầu nguyện cho mọi người: Người cầu nguyện cho cả tôi, cho từng người trong anh chị em. Mỗi người trong anh chị em có thể nói: "Chúa Giêsu, trên thập giá, đã cầu nguyện cho tôi". Người đã cầu nguyện. Chúa Giêsu có thể nói với mỗi người chúng ta: “Thầy đã cầu nguyện cho anh chị em trong Bữa Tiệc Ly, và trên Thập Giá”. Ngay trong những lúc đau đớn nhất của các nỗi khổ của chúng ta, chúng ta cũng không bao giờ cô đơn cả. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu ở với chúng ta. “Và bây giờ, thưa cha, ở đây, chúng con, những người đang lắng nghe điều này, Chúa Giêsu có cầu nguyện cho chúng con không?” Có, Người tiếp tục cầu nguyện để lời của Người có thể giúp chúng ta tiếp tục tiến lên. Nhưng anh chị em hãy cầu nguyện, và nhớ rằng Người cầu nguyện cho chúng ta.

Và đối với tôi, dường như đó là điều đẹp đẽ nhất đáng ghi nhớ. Đây là bài giáo lý cuối cùng của chu kỳ về cầu nguyện này: anh chị em hãy nhớ ân sủng mà chúng ta không những cầu xin, nhưng, có thể nói, chúng ta được “cầu nguyện cho”, chúng ta đã được đón nhận vào cuộc đối thoại của Chúa Giêsu với Chúa Cha, trong hiệp thông với Chúa Thánh Thần. Chúa Giêsu cầu nguyện cho tôi: mỗi người chúng ta hãy ghi nhớ điều này làm lòng. Chúng ta đừng nên quên. Ngay cả trong những khoảnh khắc tồi tệ nhất. Chúng ta đã được nghinh đón vào cuộc đối thoại của Chúa Giêsu với Chúa Cha trong sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần. Chúng ta đã được Chúa Giêsu Kitô mong muốn, và ngay trong giờ thống khổ, giờ chết và giờ phục sinh của Người, mọi sự đã được hiến tặng cho chúng ta. Và như thế, với lời cầu nguyện và với cuộc sống, chỉ còn phải can đảm và hy vọng, và với sự can đảm và hy vọng này, cảm nhận được lời cầu nguyện của Chúa Giêsu một cách mạnh mẽ và tiếp tục bước đi: để cuộc sống của chúng ta có thể là một cuộc sống tán tụng vinh quang Thiên Chúa vì biết rằng Người cầu nguyện cho tôi với Chúa Cha, rằng Chúa Giêsu cầu nguyện cho tôi.

Tiết ba: Thư Gửi Tín Hữu Galát

Chương Một: Dẫn nhập vào Thư gửi tín hữu Galát

(ngày 23/06/2021)

Theo tin Tòa Thánh, trong buổi yết kiến chung ngày 23 tháng 6 tại Sân San Damaso, Đức Phanxicô đã khởi đầu loạt bài giáo lý mới của ngài, sau chu kỳ giáo lý về cầu nguyện. Hôm nay, ngài bắt đầu dẫn đưa người nghe vào thư Galát của Thánh Phaolô. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Sau cuộc hành trình dài dành cho việc cầu nguyện, hôm nay chúng ta bắt đầu một chu kỳ giáo lý mới. Tôi hy vọng rằng với hành trình cầu nguyện này, chúng ta đã thành công trong việc cầu nguyện tốt hơn một chút, cầu nguyện nhiều hơn một chút. Hôm nay, tôi muốn suy gẫm về một số chủ đề do Thánh tông đồ Phaolô đề ra trong Thư gửi tín hữu Galát. Đó là một Thư rất quan trọng, thậm chí tôi dám nói, mang tính quyết định, không chỉ để hiểu rõ hơn về vị Tông đồ, mà trên hết là để xem xét một số chủ đề được Người đề cập một cách sâu sắc, cho thấy vẻ đẹp của Tin Mừng. Trong Thư này, thánh Phaolô đưa ra nhiều tham chiếu về tiểu sử cho phép chúng ta hiểu việc trở lại của Người và quyết định đặt cuộc đời Người để phụng sự Chúa Giêsu Kitô. Người cũng bàn đến một số chủ đề rất quan trọng đối với đức tin, như tự do, ân sủng và lối sống Kitô hữu, những chủ đề này rất có tính thời sự vì chúng đề cập đến nhiều khía cạnh của đời sống Giáo hội ngày nay. Bức thư này rất thời sự. Dường như nó được viết cho thời đại của chúng ta.

Đặc điểm đầu tiên xuất hiện từ Thư này là công việc truyền giảng tin mừng vĩ đại được Thánh Tông đồ thực hiện; Người đã đến thăm các cộng đồng ở Galát ít nhất hai lần trong các cuộc hành trình truyền giáo của Người. Thánh Phaolô ngỏ lời với các Kitô hữu của lãnh thổ đó. Chúng ta không biết chính xác Người đề cập đến khu vực địa lý nào, cũng như không thể nói chắc chắn về ngày Người viết Thư này. Chúng ta biết rằng người Galát là một dân tộc Celt cổ đại, sau nhiều thăng trầm, họ đã định cư ở khu vực rộng lớn Anatolia, nơi có thủ đô là thành phố Ancyra, ngày nay là Ankara, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ. Thánh Phaolô chỉ kể lại rằng, vì bệnh tật, Người buộc phải ở lại vùng đó (x. Gl 4:13). Thánh Luca, trong Tông đồ Công vụ, thay vào đó, tìm thấy một động lực thiêng liêng hơn. Người nói rằng “Các ông đi qua miền Phyghia và Galát, vì Thánh Thần ngăn cản không cho các ông rao giảng lời Chúa ở Axia” (16: 6).

Hai sự kiện không mâu thuẫn với nhau: đúng hơn, chúng cho thấy con đường rao giảng Tin Mừng không phải lúc nào cũng tùy thuộc vào ý muốn và kế hoạch của chúng ta, nhưng đòi hỏi sự sẵn lòng để cho mình được định hình và đi theo những con đường khác không lường trước được. Trong số anh chị em, có gia đình đã chào hỏi tôi: họ nói rằng họ phải học tiếng Latvia, và tôi không biết ngôn ngữ ấy là gì, vì họ sẽ đi truyền giáo ở vùng đất đó. Ngày nay, Chúa Thánh Thần tiếp tục đưa nhiều nhà truyền giáo rời quê hương và đến một đất nước khác để thực hiện sứ mệnh của họ. Tuy nhiên, điều chúng ta thấy là trong công việc truyền giảng Tin Mừng không mệt mỏi của mình, Thánh Tông đồ đã thành công trong việc thành lập một số cộng đồng nhỏ rải rác khắp vùng Galát. Thánh Phaolô, khi đến một thành phố, một vùng nào đó, đã không xây dựng một nhà thờ lớn ngay lập tức, không. Người tạo ra các cộng đồng nhỏ vốn là chất men của nền văn hóa Kitô giáo ngày nay của chúng ta. Người bắt đầu bằng cách tạo ra các cộng đồng nhỏ. Và những cộng đồng nhỏ này lớn lên, chúng lớn mạnh và tiến

triển. Ngày nay, phương pháp mục vụ này cũng được sử dụng trong mọi vùng truyền giáo. Tôi nhận được một lá thư vào tuần trước, từ một nhà truyền giáo ở Papua New Guinea; Người nói với tôi rằng Người đang rao giảng Tin Mừng trong rừng, cho những người thậm chí không biết Chúa Giêsu Kitô là ai. Quả là đẹp đẽ! Người ta bắt đầu bằng cách hình thành các cộng đồng nhỏ. Ngay cả ngày nay, phương pháp rao truyền tin mừng này vẫn là phương pháp rao truyền tin mừng đầu tiên.

Điều chúng ta cần lưu ý là mối quan tâm mục vụ của Thánh Phaolô, tất cả đều bùng lửa. Sau khi thành lập các Giáo hội này, Người nhận thức được mối nguy lớn đối với sự phát triển đức tin của họ - mục tử giống như một người cha hay một người mẹ ngay lập tức nhận thức được những nguy hiểm đối với con cái họ. Chúng phát triển, và những nguy hiểm tự xuất hiện. Như ai đó đã nói, "Những con kền kền đến gây tàn phá trong cộng đồng". Thật vậy, một số Kitô hữu xuất thân từ đạo Do Thái đã xâm nhập vào các Giáo Hội này, và bắt đầu gieo rắc những lý thuyết trái ngược với lời dạy của Thánh Tông đồ, thậm chí còn bôi nhọ Người. Họ bắt đầu với giáo lý - "Không với điều này, có với điều kia", và sau đó họ phi báng Thánh Tông đồ. Đó là phương pháp thông thường: phá hoại thẩm quyền của Thánh Tông đồ. Như chúng ta có thể thấy, đôi khi tự cho mình là người sở hữu duy nhất sự thật, sự trong sáng và nhằm mục đích coi thường công việc của người khác, ngay cả với những lời vu khống là một thói quen cổ xưa. Những người chống đối Thánh Phaolô cho rằng ngay cả dân ngoại cũng phải chịu phép cắt bì và sống theo các quy định của Luật Môsê. Họ quay trở lại với những tuân giữ trước đây, những tuân giữ đã được Tin Mừng thay thế. Do đó, người Galát phải từ bỏ bản sắc văn hóa của mình để qui phục các chuẩn mực, quy định và phong tục đặc trưng của người Do Thái. Không những thế, những người chống đối còn lập luận rằng Thánh Phaolô không phải là tông đồ thực sự và do đó không có thẩm quyền để rao giảng Tin Mừng. Chúng ta hãy nghĩ xem cách họ hành động tại một số cộng đồng hoặc giáo phận Kitô giáo, trước tiên, họ bắt đầu bằng những câu chuyện, và sau đó họ kết thúc bằng cách làm mất uy tín của linh mục hoặc giám mục. Đó chính là con đường của kẻ ác, của những kẻ chia rẽ, không biết xây dựng. Và trong Thư gửi tín hữu Galát, chúng ta thấy rõ diễn trình này.

Người Galát thấy mình đang ở trong một tình huống khủng hoảng. Họ đã phải làm gì? Lắng nghe và làm theo những gì Thánh Phaolô đã rao giảng cho họ, hay lắng nghe những người mới rao giảng đã buộc tội Người? Ta dễ dàng hình dung được trạng thái bất an đang tràn ngập trong lòng họ. Đối với họ, được biết Chúa Giêsu và tin vào công cuộc cứu rỗi được thực hiện bởi cái chết và sự phục sinh của Người, thực sự là khởi đầu của một cuộc sống mới, một cuộc sống tự do. Họ đã dấn thân vào một con đường cho phép họ được tự do, bất chấp sự kiện là lịch sử của họ đan xen với nhiều hình thức nô lệ bạo lực, đặc biệt là đã từng khiến họ phải phục tùng hoàng đế Rôma. Do đó, đối diện với những lời chỉ trích từ những người rao giảng mới, họ cảm thấy lạc lõng và không biết phải cư xử ra sao: "Nhưng ai đúng? Ông Phaolô này, hay những người này bây giờ đến dạy những điều khác? Tôi nên lắng nghe ai đây?" Nói tóm lại, có rất nhiều điều đang bị đe dọa!

Tình trạng trên không xa lạ gì với kinh nghiệm của nhiều Kitô hữu ngày nay. Thật vậy, ngày nay cũng không thiếu những người rao giảng, đặc biệt là thông qua các phương tiện truyền thông mới, có thể làm xáo trộn các cộng đồng. Họ tự trình bày họ chủ yếu không như những người đến để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa, Đấng yêu thương con người nơi Chúa Giêsu, chịu Đóng đinh và Phục sinh, nhưng để khẳng định, với tư cách là "những người duy trì chân lý" đích thực - họ tự gọi họ như thế - cách tốt nhất để trở thành Kitô hữu. Và họ khẳng định mạnh mẽ rằng Kitô giáo đích thực là đạo được họ theo, thường được đồng nhất với một số hình thức nào đó của quá khứ, và giải pháp cho những khủng hoảng ngày nay là quay trở lại để không đánh mất tính chân chính của đức tin. Ngày nay, cũng như lúc ấy, luôn

có con cảm dỗ muốn khép mình vào một số điều chắc chắn có được từ truyền thống quá khứ. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể nhận ra những người này? Thí dụ, một trong những dấu vết của lối tiến hành này là tính thiếu linh hoạt. Đối diện với việc rao giảng Tin Mừng giúp chúng ta được tự do, giúp chúng ta vui vẻ, những người này cứng nhắc. Luôn cứng nhắc: bạn phải làm thế này, bạn phải làm thế kia... Tính không linh hoạt là đặc trưng của những người này. Làm theo lời dạy của Thánh tông đồ Phaolô trong Thư gửi tín hữu Galát sẽ giúp chúng ta hiểu được con đường phải đi. Con đường được Thánh Tông đồ chỉ ra là con đường giải phóng và luôn luôn mới của Chúa Giêsu, chịu Đóng đinh và Phục sinh; đó là con đường công bố, đạt được nhờ sự khiêm nhường và tình huynh đệ - những người rao giảng mới không biết khiêm nhường là gì, tình huynh đệ là gì. Đó là con đường của sự tin cậy nhu mì và vâng lời - những người rao giảng mới không biết nhu mì hay vâng lời. Và cách thức nhu mì và vâng lời này dẫn đến sự tin chắc rằng Chúa Thánh Thần hoạt động trong Giáo hội mọi thời đại. Cuối cùng, đức tin vào Chúa Thánh Thần hiện diện trong Giáo hội đem chúng ta lên phía trước và sẽ cứu chúng ta.

Chương Hai: Thánh Phaolô, vị tông đồ đích thực (ngày 30/06/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp

Chúng ta hãy đi vào Thư gửi tín hữu Galát mỗi lần một ít. Chúng ta thấy các Kitô hữu này rơi vào thế kinh chống nhau về cách sống đức tin. Thánh Tông đồ Phaolô bắt đầu viết Thư nhắc nhở họ nhớ đến môi liên hệ trong quá khứ của họ, cảm giác khó chịu khi phải xa họ và tình yêu không thay đổi Người vốn dành cho mỗi người trong số họ. Tuy nhiên, Người không thể không nêu lên mối quan tâm của Người rằng tín hữu Galát nên đi theo con đường đúng đắn: đây là mối quan tâm của một người cha, người đã tạo ra các cộng đoàn trong đức tin. Ý định của Người rất rõ ràng: cần phải nhắc lại tính mới mẻ của Tin Mừng, mà tín hữu Galát đã nhận được qua lời rao giảng của Người, để xây dựng căn tính đích thực làm cơ sở cho sự hiện hữu của họ. Và đây là nguyên tắc: tái khẳng định tính mới mẻ của Tin Mừng, mà tín hữu Galát đã nhận được từ Người.

Ngay lập tức, chúng ta thấy Thánh Phaolô có một kiến thức sâu sắc về mầu nhiệm Chúa Kitô. Ngay từ đầu Thư của Người, Người đã không tuân theo những lập luận thấp kém được những người gièm pha Người sử dụng. Thánh Tông đồ “bay cao” và cũng cho chúng ta thấy cách cư xử khi xung đột nảy sinh trong cộng đồng. Thực tế, chỉ đến cuối Thư, chúng ta mới thấy rõ rằng trọng tâm của bài giảng là vấn đề cốt lõi, trước nay vẫn là truyền thống chính của người Do Thái. Thánh Phaolô quyết định đi sâu hơn, vì điều đang gặp nguy cơ là sự thật của Tin Mừng và quyền tự do của các Kitô hữu, vốn là một phần không thể thiếu của Tin Mừng. Người không dừng lại ở bề mặt của các vấn đề, của các xung đột, như chúng ta thường bị cảm dỗ muốn làm để tìm giải pháp tức thời khiến chúng ta lâm lẩn suy nghĩ rằng chúng ta hết thảy đều có thể đồng ý với một thỏa hiệp. Thánh Phaolô yêu Chúa Giêsu và biết rằng Chúa Giêsu không phải là một người, một Thiên Chúa của sự thỏa hiệp. Đó không phải là cách thức hoạt động của Tin Mừng, nên Thánh Tông đồ đã chọn con đường nhiều thử thách hơn. Người viết: "Giờ đây, tôi tìm sự chấp thuận của con người, hay sự chấp thuận của Thiên Chúa?" Người không cố gắng làm hòa với mọi người. Và Người viết tiếp: "Hay tôi đang cố gắng làm hài lòng mọi người? Nếu tôi còn làm đẹp lòng người ta, thì tôi đã không làm tôi tớ Đức Kitô"(Gl 1:10).

Thứ nhất, Thánh Phaolô cảm thấy mình có nhiệm vụ nhắc nhở tín hữu Galát rằng Người là tông đồ chân chính không phải bởi công trạng của mình, mà bởi ơn kêu gọi của Thiên Chúa. Người kể lại câu chuyện về ơn gọi và việc trở lại của Người, trùng hợp với sự kiện Chúa Kitô Phục Sinh hiện ra trong cuộc hành trình của Người đến Đamát (x. Cv 9,1-9). Thật đáng lưu ý khi thấy các điều được Người khẳng định về cuộc đời của Người trước sự kiện đó. Và đây là những gì Người nói về cuộc sống “trước đây” của Người: “Tôi đã bách hại dữ dội Giáo Hội của Thiên Chúa và cố gắng phá hủy nó. Tôi tiến thân trong đạo Do Thái hơn nhiều người cùng lứa tuổi với tôi, vì tôi sốt sắng hơn nhiều đối với các truyền thống của tổ tiên tôi” (Gl 1:13-14). Thánh Phaolô đã dám khẳng định rằng trong đạo Do Thái, Người trở vượt hơn mọi người khác, Người là một người pharisêu thực sự nhiệt thành, “về sự công chính dựa trên lề luật, không có lỗi lầm” (Pl 3: 6). Hai lần Người nhấn mạnh rằng Người là người bảo vệ “truyền thống của cha ông” và là người “trung thành tuân thủ lề luật”. Đó là câu chuyện về Thánh Phaolô.

Một mặt, Người nhấn mạnh rằng Người đã bách hại dữ dội Giáo hội và là một “kẻ phạm thượng, một kẻ bách hại và một kẻ đầy bạo lực” (1 Tm 1:13). Người không từ một tittle từ nào: chính Người tự mô tả Người cách đó. Mặt khác, Người nhấn mạnh lòng thương xót của Thiên Chúa đối với Người, điều này dẫn Người đến chỗ trải nghiệm một sự biến đổi triệt để, tất cả chúng ta đều biết việc đó. Người viết: “Tôi vẫn chưa được các Giáo Hội ở Giuđêa vốn thuộc về Chúa Kitô biết đến; họ chỉ nghe nói: ‘Kẻ trước kia bách hại chúng ta, nay đang công bố đức tin mà ông ta từng cố gắng tiêu diệt’” (Gl 1:22-23). Người đã trở lại, Người đã thay đổi, đã thay lòng đổi dạ. Do đó, Thánh Phaolô nêu bật chân lý về ơn gọi của Người qua sự tương phản nổi bật đã được tạo ra trong cuộc đời Người: từ việc là người bách hại các Kitô hữu vì không tuân theo các truyền thống và lề luật, Người được kêu gọi trở thành một tông đồ để loan báo Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Nhưng chúng ta thấy Thánh Phaolô được tự do: Người được tự do loan báo Tin Mừng và Người cũng được tự do thú nhận tội lỗi của mình. “Tôi đã như vậy”: chính sự thật mang lại tự do cho trái tim, và đó là tự do của Thiên Chúa.

Nghĩ lại câu chuyện này, Thánh Phaolô đầy ngạc nhiên và biết ơn. Như thể Người muốn nói với tín hữu Galát rằng Người có thể là bất cứ điều gì, trừ là một tông đồ. Người đã được nuôi dưỡng từ khi còn là một cậu bé để trở thành một người tuân theo lề luật Môsê một cách không chê trách được, và các hoàn cảnh đã khiến Người phải đánh phá các môn đệ của Chúa Kitô. Tuy nhiên, một điều bất ngờ đã xảy ra: Thiên Chúa, bằng ân sủng của Người, đã mặc khải cho thánh nhân Con của Người, Đấng đã chết và đã sống lại, để thánh nhân trở thành sứ giả giữa các dân ngoại (x. Gl 1:15-6).

Đường lối của Chúa thật khôn dò xiết bao! Chúng ta trải nghiệm điều này mỗi ngày, nhưng đặc biệt khi chúng ta nghĩ lại những lần Chúa kêu gọi chúng ta. Chúng ta đừng bao giờ quên thời gian và cách thức Thiên Chúa bước vào cuộc đời chúng ta: chúng ta hãy luôn ghi tạc trong tâm hồn và tâm trí chúng ta cuộc gặp gỡ ân sủng ấy, lúc Thiên Chúa thay đổi cuộc sống của chúng ta. Khi đối diện với những công trình vĩ đại của Thiên Chúa, câu hỏi sau đây rất thường được nêu ra: nhưng làm thế nào Thiên Chúa lại có thể sử dụng một tội nhân, một người mảnh khảnh yếu đuối, để thực hiện thánh ý Người? Tuy nhiên, không có điều gì trong số những điều này xảy ra một cách tình cờ, vì mọi sự đều được chuẩn bị trong kế hoạch của Thiên Chúa. Người dệt nên lịch sử của chúng ta, câu chuyện của mỗi người chúng ta: Người dệt nên lịch sử của chúng ta và nếu chúng ta đáp ứng một cách tín thác đối với kế hoạch cứu rỗi của Người, chúng ta sẽ hiểu ra điều đó. Lời kêu gọi luôn bao hàm một sứ mệnh mà chúng ta đã được chỉ định; đó là lý do tại sao chúng ta được yêu cầu chuẩn bị bản thân một cách nghiêm túc, biết rằng chính Thiên Chúa là Đấng sai chúng ta đi, chính Thiên Chúa là Đấng hỗ trợ chúng ta bằng ân sủng của Người. Thừa anh chị em, chúng ta hãy để cho mình được

dẫn dắt bởi nhận thức này: tính ưu việt của ân sủng biến đổi sự hiện hữu và làm cho nó xứng đáng được xấp đặt để phục vụ Tin Mừng. Tính ưu việt của ân sủng bao phủ mọi tội lỗi, thay đổi các cõi lòng, thay đổi các cuộc sống và khiến chúng ta nhìn thấy những con đường mới mẻ. Chúng ta đừng quên điều này. Cảm ơn anh chị em.

Chương Ba: Chỉ có một Tin Mừng (ngày 04/08/2021)

Theo VaticanNews, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý hàng tuần của Người về thư gửi tín hữu Ga-lát tại buổi yết kiến chung ngày thứ Tư, 4 tháng 8, sau kỳ nghỉ mùa hè. Trong bài giáo lý hôm nay diễn ra tại Đại sảnh Phaolô VI, Đức Thánh Cha nhấn mạnh đến việc chỉ có một Tin mừng. Sau đây là trọn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp.

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Khi nói đến Tin Mừng và sứ mệnh truyền giáo, thánh Phaolô rất hăng hái, Người như ra khỏi Người. Người dường như không thấy gì khác ngoài sứ mệnh này mà Chúa đã giao phó cho Người. Mọi điều trong Người đều được dành riêng cho việc công bố này, và Người không có hứng thú nào khác ngoài Tin Mừng. Đó là tình yêu của Thánh Phaolô, sự quan tâm của Thánh Phaolô, nghề nghiệp của Thánh Phaolô: rao giảng. Người thậm chí còn đi xa đến mức nói rằng: 'Đức Kitô không sai tôi đi làm phép rửa, nhưng để rao giảng Tin Mừng' (1Cr 1:17). Thánh Phaolô giải thích toàn bộ đời Người như một lời kêu gọi rao giảng Tin Mừng, làm cho sứ điệp của Đức Kitô được biết đến, làm cho Tin Mừng được biết đến: "Khôn cho tôi", Người nói, "nếu tôi không rao giảng Tin Mừng" (1Cr 9:16). Và khi viết cho các Kitô hữu ở Rôma, Người tự trình bày đơn giản như sau: "Phaolô, tôi tớ Chúa Giêsu Kitô, một tông đồ do ơn gọi, được chọn để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa" (Rm 1: 1). Đây là thiên chức của Người. Nói tóm lại, Người ý thức rằng Người đã được "đặt riêng ra" để mang Tin Mừng đến cho mọi người, và Người không thể không cống hiến hết mình cho sứ mệnh này.

Do đó, người ta có thể hiểu được nỗi buồn, nỗi thất vọng và thậm chí sự oái oăm cay đắng của Thánh Tông đồ đối với người Ga-lát, những người dưới mắt Người có thể đang đi sai đường, đường sẽ dẫn họ đến một điểm không thể quay trở lại: họ có thể đã đi sai đường. Điểm mấu chốt mà mọi sự xoay quanh là Tin Mừng. Thánh Phaolô không nghĩ đến "bốn sách Tin Mừng", như một lẽ tự nhiên đối với chúng ta, Thật vậy, khi Người gửi Thư này, chưa có cuốn nào trong bốn sách Tin Mừng được viết ra cả. Đối với Người, Tin Mừng là những gì Người rao giảng, điều được gọi là *kerygma*, tức là việc công bố. Và công bố điều gì? Công bố cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu như là nguồn ơn cứu rỗi. Một Tin Mừng được diễn tả bằng bốn động từ: "Chúa Kitô đã chết vì tội lỗi của chúng ta đúng như lời sách thánh, Người đã được chôn cất, và Người đã sống lại vào ngày thứ ba đúng như lời Sách thánh, và Người đã hiện ra với Cephas, sau đó với nhóm mười hai" (1Cr 15: 3-5). Đó là lời công bố của Thánh Phaolô, lời công bố ban sự sống cho mọi người. Tin Mừng này là sự nên trọn của các lời hứa và sự cứu rỗi được ban cho mọi người. Ai chấp nhận điều đó thì được giao hòa với Thiên Chúa, được đón nhận như một người con thật sự, và nhận được cơ nghiệp là sự sống đời đời.

Đối diện với hồng ân tuyệt vời dành cho người Ga-lát, Thánh Tông đồ không thể giải thích tại sao họ nên nghĩ đến việc chấp nhận một "Tin Mừng" khác, có lẽ tinh vi hơn, trí thức hơn, tôi không biết... nhưng là một "Tin Mừng" khác. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng những Kitô hữu

này vẫn chưa từ bỏ Tin Mừng do Thánh Phao-lô loan báo. Thánh Tông đồ biết rằng họ vẫn còn thì giờ chưa đi một bước sai lầm, nhưng Người cảnh báo họ một cách mạnh mẽ, rất mạnh mẽ. Lập luận đầu tiên của Người chỉ thẳng vào sự kiện này là việc rao giảng được thực hiện bởi các nhà truyền giáo mới - những người mang đến sự mới lạ, những người rao giảng - không thể là Tin Mừng. Ngược lại, đó là một lời công bố bóp méo Tin Mừng đích thực vì nó ngăn cản họ đạt được tự do có được khi đạt đến đức tin - đây là chữ chủ yếu, phải không? - nó ngăn cản họ đạt được tự do có được bằng cách đến với đức tin. Những người Ga-lát vẫn còn là những “người mới bắt đầu” và việc họ mất phương hướng là điều dễ hiểu. Họ chưa biết sự phức tạp của Lễ luật Mô-sê và lòng nhiệt thành tiếp nhận đức tin vào Chúa Kitô khiến họ lắng nghe những người mới rao giảng này, tự đánh lừa rằng sứ điệp của họ bổ sung cho sứ điệp của Thánh Phao-lô. Nhưng không phải thế.

Tuy nhiên, Thánh Tông đồ, không thể mạo hiểm thỏa hiệp trên cơ sở có tính quyết định như thế. Tin Mừng chỉ là một và đó là điều Người đã loan báo; không thể có Tin Mừng nào khác. Hãy coi chừng! Thánh Phao-lô không nói rằng Tin Mừng đích thực là tin mừng của Người vì chính Người là người đã loan báo nó, không! Người không nói như thế. Điều đó sẽ là cao ngạo, sẽ là khoác lác. Đúng hơn, Người khẳng định rằng Tin Mừng "của Người", cũng là một Tin Mừng do các Tông đồ khác đã rao truyền ở nơi khác, là Tin Mừng chân chính duy nhất, bởi vì đó là Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy, Người viết: “Hỡi anh em, tôi muốn anh em biết rằng Tin Mừng do tôi rao giảng không phải là Tin Mừng của loài người, nhưng nó phát xuất qua sự mặc khải của Chúa Giêsu Kitô” (Gl 1:11). Chúng ta có thể hiểu tại sao Thánh Phao-lô sử dụng các thuật ngữ rất khắc nghiệt. Hai lần Người sử dụng cụm từ “anathema” (tuyệt thông), nhằm cho thấy sự cần thiết phải xa lánh khỏi cộng đồng bất cứ điều gì đang đe dọa nền tảng của nó. Và “Tin Mừng” mới này đe dọa nền tảng của cộng đồng. Nói tóm lại, về điểm này, Thánh Tông đồ không dành chỗ nào cho thương lượng: người ta không thể thương lượng. Với chân lý của Tin Mừng, người ta không thể thương lượng được. Một là anh chị em tiếp nhận Tin Mừng như nó vốn là, như nó đã được loan báo, hai là anh chị em tiếp nhận bất cứ tin mừng nào khác. Nhưng anh chị em không thể thương lượng với Tin Mừng. Người ta không thể thỏa hiệp. Đức tin nơi Chúa Giêsu không phải là một con bài mặc cả: đó là sự cứu rỗi, là sự gặp gỡ, là sự cứu chuộc. Nó không thể bị bán rẻ.

Tình huống trên, được mô tả ở phần đầu của Bức thư, có vẻ như nghịch lý, vì tất cả những người có liên quan dường như đều được thúc đẩy bởi những tình cảm tốt đẹp. Những người Ga-lát nghe những người truyền giáo mới nghĩ rằng nhờ phép cắt bì, họ sẽ càng tận tâm với thánh ý Thiên Chúa hơn và do đó, họ càng làm vui lòng Thánh Phao-lô hơn. Các kẻ thù của Thánh Phao-lô dường như được truyền cảm hứng bởi việc trung thành với truyền thống của tổ tiên và tin rằng đức tin chân chính bao gồm việc tuân giữ Lễ luật. Trước lòng trung thành tốt độ này, họ thậm chí còn biện minh cho những lời bóng gió và nghi ngờ của mình đối với Thánh Phao-lô, người được coi là không chính thống đối với truyền thống. Bản thân Thánh Tông đồ cũng nhận thức rõ rằng sứ mệnh của mình mang tính chất thần thiêng - nó được chính Chúa Kitô mặc khải cho Người - và do đó Người được động viên bởi lòng nhiệt thành hoàn toàn đối với tính mới mẻ của Tin Mừng, vốn là sự mới mẻ triệt để, không phải là sự mới lạ thoáng qua: không có các tin mừng “thời thượng”, Tin Mừng luôn luôn mới mẻ, nó chính là sự mới mẻ. Sự lo lắng về mục vụ khiến Người trở nên nghiêm khắc, bởi vì Người nhận thấy nguy cơ lớn lao mà các Kitô hữu trẻ phải đối đầu.

Tóm lại, trong mê hồn trận các ý hướng tốt đẹp này, cần phải làm cho mình thoát ra ngoài để nắm bắt được chân lý tối cao phù hợp nhất với Con người và lời rao giảng của Chúa Giêsu và sự mặc khải của Người về tình yêu của Chúa Cha. Điều này rất quan trọng: biết phải biện phân ra sao. Rất thường xuyên chúng ta đã thấy trong suốt lịch sử, và thậm chí chúng ta còn

thấy điều này ngay ngày hôm nay nữa, một số phong trào rao giảng Tin Mừng theo cách riêng của họ, đôi khi với những đặc sủng thực sự và chân chính; nhưng sau đó họ đã đưa nó đi quá xa và giản lược trọn bộ Tin Mừng thành một “phong trào”. Nhưng đó không phải là Tin Mừng của Chúa Kitô: mà là Tin Mừng của người sáng lập và vâng, nó có thể hữu ích lúc đầu, nhưng cuối cùng nó không sinh hoa kết trái với nguồn gốc sâu xa. Vì lý do này, lời nói rõ ràng và dứt khoát của Thánh Phao-lô gây ơn ích cho người Ga-lát và cũng gây ơn ích cho cả chúng ta nữa. Tin Mừng là hồng ân của Chúa Kitô cho chúng ta, chính Người đã mạc khải điều đó cho chúng ta. Chính nó mang lại cho chúng ta sự sống. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn: Thư gửi tín hữu Galát, Lê luật Môsê (ngày 11/08/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh em chị em một buổi sáng tốt đẹp!

"Tại sao có lệ luật?" (Gl 3:19). Đây là câu hỏi mà chúng ta muốn đào sâu hôm nay, tiếp tục với Thánh Phao-lô, để nhận ra sự mới mẻ của đời sống Kitô hữu được Chúa Thánh Thần làm sinh động. Nhưng nếu Chúa Thánh Thần hiện hữu, nếu Chúa Giêsu Đấng cứu chuộc chúng ta hiện hữu, tại sao còn có lệ luật? Và đây là điều hôm nay chúng ta cần phải suy gẫm về. Thánh Tông đồ viết: “Nếu anh em được Thần Khí dẫn dắt, thì anh em không ở dưới lệ luật” (Gl 5:18). Thay vào đó, những người gièm pha Thánh Phao-lô cho rằng dân Galát phải tuân theo Lê luật để được cứu rỗi. Họ đã đi thụt lùi. Họ hoài nhớ thời đã qua, thời trước Chúa Giêsu Kitô. Thánh Tông Đồ không đồng ý chút nào. Đây không phải là những điều khoản mà Người đã đồng ý với các Tông đồ khác ở Giê-ru-sa-lem. Người nhớ rất rõ những lời của Thánh Phêrô khi vị này nói: “Tại sao ông lại thử thách Thiên Chúa bằng cách đeo một cái ách vào cổ các môn đệ mà cả cha ông chúng ta và chúng ta đều không thể chịu được?” (Cv 15:10). Các sắp xếp xuất hiện trong ‘công đồng đầu tiên’ đó - công đồng chung đầu tiên là công đồng diễn ra tại Giê-ru-sa-lem - và các sắp xếp phát xuất rất rõ ràng. Chúng nói: “Thánh Thần và chúng tôi [các tông đồ] đã quyết định không đặt lên vai anh em một gánh nặng nào khác ngoài những điều cần thiết này: là kiêng ăn đồ đã cúng cho ngẫu thần [tức, thờ ngẫu thần], kiêng ăn tiết, ăn thịt loài vật không cắt tiết, và tránh gian dâm” (Cv 15: 28-29). Một số điều liên quan đến việc thờ phượng Thiên Chúa, và việc thờ ngẫu thần, và một số điều liên quan đến cách hiểu cuộc sống vào thời đó.

Khi Thánh Phao-lô nói về Lê luật, Người thường có ý nói đến Luật Môsê, luật được trao cho Môsê, tức Mười Giới Răn. Nó liên quan đến, nó đang trên đường, nó là một sự chuẩn bị, nó liên quan đến Giao ước mà Thiên Chúa đã thiết lập với dân của Người. Theo nhiều bản văn Cựu ước khác nhau, Torah - nghĩa là, thuật ngữ tiếng Do Thái dùng để chỉ Lê luật - là sưu tập mọi quy định và chuẩn mực mà dân Israel phải tuân theo căn cứ vào Giao ước với Thiên Chúa. Có thể tìm thấy một bản tổng hợp hữu hiệu về kinh Torah trong bản văn sau đây của Đệ nhị luật, có nội dung như sau: “Đức Chúa sẽ lấy làm vui vì hạnh phúc của anh (em), cũng như Người đã lấy làm vui vì hạnh phúc của cha ông anh (em), miễn là anh (em) nghe tiếng Đức Chúa, Thiên Chúa của anh (em), mà giữ những mệnh lệnh và thánh chỉ Người, ghi trong sách Luật này, miễn là anh (em) trở về với Đức Chúa, Thiên Chúa của anh (em), hết lòng hết dạ” (30: 9-10). Vì vậy, việc tuân giữ Lê luật bảo đảm cho dân chúng những lợi ích của Giao ước và bảo đảm một mối liên kết đặc thù với Thiên Chúa. Dân tộc này, dân số này, người này, họ được liên kết với Thiên Chúa và họ làm cho nó, tức sự kết hợp này với Thiên Chúa được nhìn thấy trong việc chu toàn, trong việc tuân giữ Lê luật. Khi lập Giao ước với Israel, Thiên Chúa đã ban cho họ Kinh Torah, tức Lê luật, để họ hiểu được ý muốn của Người và sống trong công lý. Chúng ta phải nghĩ rằng vào thời đó, một Lê luật như thế là điều cần thiết, đó là một hồng ân vô cùng to lớn mà Thiên Chúa đã ban tặng cho dân của Người. Tại

sao? Vì thời đó ngoại giáo tràn ngập khắp nơi, ở đâu cũng có thờ ngẫu thần và tác phong của con người là kết quả của việc thờ ngẫu thần. Vì thế, hồng ân tuyệt vời mà Thiên Chúa ban tặng cho dân của Người là Lê luật, để họ có thể kiên trì. Nhiều lần, nhất là trong các sách tiên tri, người ta lưu ý rằng việc không tuân theo các giới răn của Lê luật đã cấu thành một sự phản bội thực sự đối với Giao ước, do đó gây ra con thịnh nộ của Thiên Chúa. Mỗi liên kết giữa Giao ước và Lê luật chặt chẽ đến nỗi hai thực tại không thể tách rời nhau. Lê luật là cách một người, một dân tộc phát biểu rằng họ đang sống trong giao ước với Thiên Chúa.

Vì vậy, dựa trên tất cả những điều này, người ta dễ hiểu những người truyền giáo từng xâm nhập vào nơi người Galát đã tìm ra trò chơi hay như thế nào khi chủ trương rằng việc tuân thủ Giao ước cũng bao gồm việc tuân theo Lê luật Môsê như nó vốn được thi hành vào thời đó. Tuy nhiên, liên quan đến chính điểm này, chúng ta có thể khám phá trí thông minh thiêng liêng của Thánh Phao-lô và những hiểu biết sâu sắc mà Người đã bày tỏ, được nâng đỡ nhờ ân sủng Người nhận được cho sứ mệnh truyền bá tin mừng của Người.

Thánh Tông đồ giải thích cho người Galát rằng, trên thực tế, Giao ước và Lê luật không được liên kết một cách không thể tách rời - Giao ước với Thiên Chúa và Luật Môsê. Yếu tố đầu tiên mà Người dựa vào là Giao ước do Thiên Chúa thiết lập với Áp-ra-ham dựa trên đức tin vào việc nên trọn lời hứa chứ không phải dựa trên việc tuân thủ Lê luật chưa hiện hữu. Áp-ra-ham bắt đầu cuộc hành trình của mình nhiều thế kỷ trước Lê luật. Thánh Tông đồ viết: “Ý tôi là thế này: lê luật, ra đời bốn trăm ba mươi năm sau [với Môsê], không hủy bỏ giao ước đã được Thiên Chúa phê chuẩn trước đó [với Áp-ra-ham khi Người gọi ông], để làm cho lời hứa ra vô hiệu”. Lời lẽ này rất quan trọng. Kitô hữu chúng ta, Dân của Thiên Chúa, chúng ta hành trình qua suốt cuộc đời để hướng tới một lời hứa, lời hứa là điều lôi cuốn chúng ta, nó lôi cuốn chúng ta tiến tới cuộc gặp gỡ với Chúa. “Vì nếu cơ nghiệp là bởi lê luật, thì nó không còn bởi lời hứa [đã đến trước Lê luật, lời hứa với Áp-ra-ham]; nhưng Thiên Chúa đã ban điều đó cho Áp-ra-ham bởi một lời hứa” (Gl 3, 17-18), rồi Lê luật ra đời sau bốn trăm ba mươi năm. Với lối lý luận này, Thánh Phao-lô đạt được mục tiêu đầu tiên của Người: Lê luật không phải là nền tảng của Giao ước vì nó ra đời sau, nó cần thiết và công chính, nhưng trước đó đã có lời hứa, tức Giao ước.

Lập luận như vậy loại bỏ tất cả những người chủ trương rằng Luật Môsê là một phần cấu thành Giao ước. Không, Giao ước có trước, và lời kêu gọi đã đến với Áp-ra-ham. Trên thực tế, Kinh Torah, Lê luật, không có trong lời hứa với Áp-ra-ham. Tuy nhiên, nói điều này rồi, người ta không nên nghĩ rằng Thánh Phao-lô chống lại Luật Môsê. Không, Người vốn tuân giữ nó. Một vài lần trong các Thư của Người, Người bảo vệ nguồn gốc thần thiêng của nó và nói rằng nó có một vai trò được xác định rõ ràng trong lịch sử cứu độ. Tuy nhiên, Lê luật không ban sự sống, không cung hiến việc nên trọn của lời hứa bởi vì nó không có khả năng làm nó nên trọn. Lê luật là một cuộc hành trình, một cuộc hành trình dẫn đến một cuộc gặp gỡ. Thánh Phao-lô dùng một chữ, tôi không biết nó có trong bản văn hay không, một chữ rất quan trọng: lê luật là “nhà sư phạm” dẫn tới Chúa Kitô, nhà sư phạm dẫn tới đức tin vào Chúa Kitô, tức là một người thầy dắt tay anh chị em hướng tới cuộc gặp gỡ (x. Gl 3:24). Những ai tìm kiếm sự sống cần phải nhìn vào lời hứa và sự nên trọn của lời hứa trong Chúa Kitô.

Anh chị em thân mến, bài trình bày đầu tiên này của Thánh Tông đồ với người Galát cho ta thấy sự mới mẻ triệt để của đời sống Kitô hữu: tất cả những ai có đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô đều được kêu gọi sống trong Chúa Thánh Thần, Đấng giải thoát khỏi Lê luật và đồng thời, đưa Lê luật đến sự nên trọn theo giới răn yêu thương. Điều này rất quan trọng. Lê luật dẫn chúng ta đến với Chúa Giêsu. Nhưng một người trong anh chị em có thể nói với tôi:

"Nhưng, thưa Cha, con chỉ xin hỏi một điều: điều này có phải có nghĩa nếu con đọc Kinh Tin Kính, thì con không cần phải tuân giữ các giới răn?" Không, các giới răn có giá trị theo nghĩa chúng là "nhà sư phạm" [thầy cô giáo] dẫn anh chị em đến cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô. Nhưng nếu anh chị em bỏ qua cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu và muốn quay lại với việc coi trọng các điều răn hơn, thì đây chính là vấn đề của những nhà truyền giáo cực đoan từng xâm nhập vào nơi người Galát để làm họ bối rối.

Xin Chúa giúp chúng ta đi trên con đường các giới răn nhưng luôn hướng về tình yêu của Chúa Kitô, về cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, vì biết rằng cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu quan trọng hơn mọi giới răn.

Chương Năm: Thư gửi tín hữu Galát, giá trị sư phạm của Lễ luật (ngày 18/08/2021)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Thánh Phaolô, người yêu mến Chúa Giêsu và hiểu rõ ơn cứu độ là gì, đã dạy chúng ta rằng "con cái của lời hứa" (Gl 4:28) - tức là tất cả chúng ta, được Chúa Giêsu Kitô công chính hóa - không còn bị ràng buộc bởi Lễ luật, nhưng được mời gọi theo lối sống nhiều đòi hỏi tự do của Tin Mừng. Tuy nhiên, Lễ luật vẫn còn đó. Nhưng còn đó một cách khác: cùng một Lễ luật, cùng Mười Điều Răn, nhưng theo lối khác, vì nó không còn tự biện minh được nữa một khi Chúa đã đến. Và do đó, trong bài giáo lý hôm nay, tôi muốn giải thích điều này. Và chúng ta đặt câu hỏi: theo Thư gửi tín hữu Galát, vai trò của Lễ luật là gì? Trong đoạn chúng ta đã nghe, thánh Phaolô nói rằng Lễ luật giống như một nhà sư phạm. Đó là một hình ảnh đẹp, hình ảnh nhà sư phạm mà chúng ta đã nói đến trong buổi yết kiến lần trước, một hình ảnh đáng được hiểu theo đúng ý nghĩa của nó.

Thánh Tông đồ dường như muốn gợi ý rằng Kitô hữu chia lịch sử cứu rỗi thành hai phần, và cả câu chuyện bản thân của họ cũng có hai giai đoạn: trước khi trở thành tín hữu trong Chúa Giêsu Kitô và sau khi lãnh nhận đức tin. Ở tâm điểm là biến cố Chúa Giêsu chết và sống lại, mà Thánh Phaolô đã rao giảng để khơi dậy đức tin nơi Con Thiên Chúa, nguồn sự cứu rỗi, và chúng ta được công chính hóa trong Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy, khởi đi từ đức tin vào Chúa Kitô, có một "lúc trước" và một "lúc sau" đối với chính Lễ luật, bởi vì Lễ luật còn đó, các Điều răn còn đó, nhưng có một thái độ trước khi Chúa Giêsu đến, và một thái độ khác sau đó. Lịch sử trước đó được xác định bằng cách "sống dưới Lễ luật". Và ai theo con đường của Lễ luật thì được cứu rỗi, được công chính hóa; lịch sử sau đó, sau khi Chúa Giêsu đến, được sống bằng cách đi theo Chúa Thánh Thần (x. Gl 5:25). Đây là lần đầu tiên Thánh Phaolô sử dụng kiểu nói: "sống dưới Lễ luật". Ý nghĩa nền tảng hàm ngụ ý niệm nô dịch tiêu cực, đặc trưng của nô lệ: sống "dưới". Thánh Tông đồ minh giải điều đó bằng cách nói rằng khi một người sống "dưới Lễ luật" thì giống như thể họ bị "theo dõi" và "bị nhốt", một kiểu giam giữ có tính chất phòng ngừa. Thánh Phaolô nói rằng giai đoạn này kéo dài trong một thời gian dài - từ thời Môsê, cho đến khi Chúa Giêsu đến - và kéo dài mãi mãi chừng nào người ta còn sống trong tội lỗi.

Mối liên hệ giữa Lễ luật và tội lỗi sẽ được Thánh Tông đồ giải thích một cách có hệ thống hơn trong Thư gửi tín hữu Rôma, được viết vài năm sau thư gửi tín hữu Galát. Tóm lại, Lễ luật dẫn đến việc định nghĩa về sự vi phạm và làm cho người ta ý thức được tội lỗi của chính họ: "anh chị em làm điều này, và Lễ luật - Mười Điều Răn - nói như vậy: anh chị em đang phạm tội". Hay đúng hơn, như kinh nghiệm thông thường đã dạy, giới luật, xét cho cùng, sẽ

kích thích sự vi phạm. Trong Thư gửi tín hữu Rôma, Người viết: “Vì trước đây, khi chúng ta còn bị tính xác thịt chi phối, thì các đam mê tội lỗi dùng Lễ luật mà hoạt động nơi các chi thể chúng ta, để chúng ta sinh hoa kết quả đưa tới cái chết. Nhưng nay, chúng ta không còn bị Lễ luật ràng buộc nữa, vì chúng ta đã chết đối với cái vắn giam hãm chúng ta. Như vậy, chúng ta phục vụ Thiên Chúa theo tinh thần mới, chứ không theo bản văn cũ của Lễ Luật” (Rm 7:5-6). Tại sao? Vì sự công chính hóa của Chúa Giêsu Kitô đã đến. Thánh Phaolô diễn tả một cách cô đọng viễn kiến của Người về Lễ luật: “Cái nọc độc của sự chết là tội lỗi, và quyền lực của tội lỗi là Lễ luật” (1 Cr 15:56). Một cuộc đối thoại: anh chị em sống dưới Lễ luật, và anh chị em ở đó với cánh cửa mở ra cho tội lỗi.

Trong bối cảnh trên, việc nói đến vai trò sự phạm của Lễ luật có ý nghĩa đầy đủ. Nhưng Lễ luật là nhà sự phạm dẫn anh chị em đến đâu? Đến với Chúa Giêsu. Trong hệ thống kinh viện ngày xưa, nhà sự phạm không có chức năng mà ngày nay chúng ta gán cho họ, đó là chức năng hỗ trợ việc giáo dục con trai hay con gái. Thời đó, đúng hơn, họ là một nô lệ có nhiệm vụ tháp tùng con trai của chủ nhân đến gặp thầy giáo và sau đó lại đưa người con này về nhà. Bằng cách này, họ phải bảo vệ đứa trẻ mình có nhiệm vụ đưa đón khỏi nguy hiểm và trông chừng để đảm bảo cậu ta hay cô ta không cư xử xấu xa. Chức năng của họ khá có tính kỷ luật. Khi cậu bé hay cô bé trở thành người lớn, nhà sự phạm ngừng nhiệm vụ của mình. Nhà sự phạm mà Thánh Phaolô đề cập đến không phải là giáo viên, mà là người tháp tùng người được giao cho mình trông coi đến trường, người trông chừng cậu bé hay cô bé và đưa họ trở về nhà.

Đề cập đến Lễ luật theo những thuật ngữ này giúp Thánh Phaolô làm sáng tỏ vai trò của Lễ luật trong lịch sử của Israel. Kinh Torah, tức là Lễ luật, là một hành động nghĩa hiệp của Thiên Chúa đối với dân của Người. Sau việc chọn Ápraham, hành động lớn lao khác là Lễ luật: đặt ra con đường phải theo. Nó chắc chắn có những chức năng hạn chế, nhưng đồng thời nó bảo vệ người dân, nó giáo dục họ, kỷ luật họ và hỗ trợ họ trong sự yếu đuối của họ, đặc biệt là bằng cách bảo vệ họ khỏi chủ nghĩa ngoại giáo; có nhiều thái độ ngoại giáo vào thời đó. Kinh Torah nói: "Chỉ có một Thiên Chúa và Người đã đặt chúng ta trên đường". Một hành động do lòng tốt của Chúa. Và chắc chắn, như tôi đã nói, nó có các chức năng hạn chế, nhưng đồng thời nó bảo vệ người ta, nó giáo dục họ, nó kỷ luật họ và nó hỗ trợ họ trong sự yếu đuối của họ. Và đây là lý do tại sao Thánh Tông đồ tiếp tục mô tả giai đoạn vị thành niên. Và Người viết: “bao lâu người thừa kế còn là thiếu niên thì không khác gì một nô lệ, mặc dù là chủ mọi tài sản. Nó phải ở dưới quyền những người giám hộ và quản lý, cho đến khi mãn hạn người cha đã định. Chúng ta cũng vậy, khi còn là thiếu niên, chúng ta phải làm nô lệ những yếu tố của vũ trụ” (Gl 4: 1-3). Tóm lại, xác tín của Thánh Tông đồ là Lễ luật chắc chắn có một chức năng tích cực - giống như một nhà sự phạm khi đồng hành với đứa trẻ được ủy cho họ chăm sóc - nhưng đó là một chức năng bị giới hạn về thời gian. Nó không thể nói rộng thời hạn của nó quá xa, vì nó có liên quan đến sự trưởng thành của các cá nhân và sự lựa chọn tự do của họ. Một khi người ta đã đạt tới đức tin, Lễ luật sẽ cạn kiệt giá trị sự phạm của nó và phải nhường chỗ cho một thẩm quyền khác. Điều này có nghĩa gì? Có phải có nghĩa sau Lễ luật, chúng ta có thể nói, "Chúng tôi tin vào Chúa Giêsu Kitô và làm những gì chúng tôi muốn?" Không! Các Điều Răn còn đó, nhưng chúng không công chính hóa chúng ta. Điều khiến chúng ta trở nên công chính là Chúa Giêsu Kitô. Các Điều Răn phải được tuân thủ, nhưng chúng không ban cho chúng ta sự công chính; có ơn nhưng không của Chúa Giêsu Kitô, cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô đã tự do công chính hóa chúng ta. Công đức của đức tin là tiếp nhận Chúa Giêsu. Công lao duy nhất: mở lòng chúng ta ra. Và chúng ta làm gì với các Điều Răn? Chúng ta phải tuân giữ chúng, nhưng như một trợ cụ giúp chúng ta gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô.

Lời dạy về giá trị của Lễ luật này rất quan trọng, và đáng được xem xét cẩn thận, để chúng ta không nhường bước cho sự hiểu lầm và thực hiện các bước lầm lỡ. Điều tốt cho chúng ta là tự hỏi liệu mình có còn sống trong thời kỳ trong đó chúng ta vẫn cần đến Lễ Luật, hay thay vào đó chúng ta hoàn toàn ý thức được mình đã nhận được ân sủng trở thành con cái Thiên Chúa để được sống trong tình yêu thương. Tôi phải sống như thế nào? Trong niềm lo sợ rằng nếu tôi không làm điều này, tôi sẽ xuống địa ngục? Hay tôi cũng đang sống với niềm hy vọng đó, với niềm vui sướng đó trước ơn nhưng không được cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô? Đó là một câu hỏi hay. Và câu hỏi thứ hai nữa: tôi có coi thường các Điều Răn không? Không. Tôi tuân giữ chúng, nhưng không như những điều tuyệt đối, vì tôi biết rằng chính Chúa Giêsu Kitô mới làm cho tôi ra công chính.

Chương Sáu: Thư gửi tín hữu Galát, Sự nguy hiểm của Lễ luật ngày 25/08/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Thư gửi tín hữu Galát tường trình một sự kiện khá ngạc nhiên. Như chúng ta đã nghe, Thánh Phaolô nói rằng Người đã trách mắng Thánh Cephas, hay Thánh Phêrô, trước mặt cộng đồng tại Antiôkia, vì hành vi của Người không tốt cho lắm. Điều gì xảy ra nghiêm trọng đến mức Thánh Phaolô cảm thấy phải đối xử với Thánh Phêrô bằng những lời lẽ gay gắt như vậy? Có lẽ Thánh Phaolô đang cường điệu hóa, để cho tính khí của mình ngáng đường đến không biết kiểm soát bản thân chẳng? Chúng ta sẽ thấy rằng không phải như vậy, nhưng một lần nữa, điều bị đe dọa là mối liên hệ giữa Lễ luật và tự do. Và chúng ta phải trở về với điều này thường xuyên.

Khi viết thư cho tín hữu Galát, Thánh Phaolô có ý nhắc đến tình tiết đã xảy ra vào năm trước tại Antiôkia. Người muốn nhắc nhở các Kitô hữu của cộng đồng đó rằng họ tuyệt đối không được lắng nghe những người đang rao giảng rằng cần phải cắt bì, và do đó phải “tuân theo Lễ luật” với tất cả các quy định của nó. Chúng ta nhớ rằng những người thuyết giảng cực đoan này đã đến đó và đang gây ra hoang mang, và thậm chí đã cướp đi sự bình an của cộng đồng đó. Đối tượng bị chỉ trích liên quan đến Thánh Phêrô là hành vi của Người khi ngồi vào bàn ăn. Đối với người Do Thái, Lễ luật cấm ăn uống với những người không phải là người Do Thái. Nhưng chính Thánh Phêrô, trong một hoàn cảnh khác, đã đến nhà của Corneliô, viên bách quản ở Xêdarê, dù biết rằng mình đang vi phạm Lễ luật. Do đó, Người khẳng định: “Thiên Chúa đã cho tôi thấy tôi không nên gọi bất cứ người nào là tầm thường hay ô uế” (Cv 10:28). Khi Người trở về Giê-ru-sa-lem, các Kitô hữu chịu cắt bì, những người trung thành với Luật Môsê, đã khiển trách Thánh Phêrô về hành vi của Người. Tuy nhiên, Người biện minh cho mình rằng: “Tôi sực nhớ lại lời Chúa nói rằng : ‘Ông Gio-an thì làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì sẽ được rửa trong Thánh Thần’. Vậy, nếu Thiên Chúa đã ban cho họ cùng một ân huệ như Người đã ban cho chúng ta, vì chúng ta tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, thì tôi là ai mà dám ngăn cản Thiên Chúa?” (Cv 11: 16-17). Chúng ta nhớ rằng lúc đó Chúa Thánh Thần đã ngự xuống nhà của Corneliô lúc Thánh Phêrô ở đó.

Một điều tương tự cũng đã xảy ra tại Antiôkia với sự hiện diện của Thánh Phaolô. Đầu tiên, Thánh Phêrô đã dùng bữa với các Kitô hữu có nguồn gốc ngoại giáo mà không gặp khó khăn gì; tuy nhiên, khi một số Ki-tô hữu cắt bì từ Giê-ru-sa-lem đến thành phố - những người vốn là người Do Thái - thì Người lại không làm như vậy, vì Người không muốn bị họ chỉ trích. Và điều này nữa – anh chị em hãy cẩn thận – sai lầm của Người là chú ý đến những lời chỉ trích nhiều hơn, để tạo ấn tượng tốt. Điều này thật nghiêm trọng dưới mắt Thánh Phaolô, vì

các môn đệ khác sẽ bắt chước Thánh Phêrô, đặc biệt là Ba-na-ba, người thậm chí đã truyền giáo cho người Galát (xem *Gl* 2:13). Dù không hề muốn, nhưng làm như vậy, Thánh Phêrô, người ở đây một chút, ở kia một chút, không rõ ràng, không minh bạch, trên thực tế, đã tạo ra sự chia rẽ bất chính trong cộng đồng: “Tôi trong sạch... Tôi theo đường hướng này... Tôi phải làm điều này... điều này không thể làm được...”

Trong lời trách móc của mình - và đây là trọng tâm của vấn đề - Thánh Phaolô sử dụng một hạn từ cho phép chúng ta thấy điểm đáng khen trong phản ứng của Người: *giả hình* (x. *Gl* 2:13). Đây là một hạn từ được lặp đi lặp lại một vài lần: *giả hình*. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều hiểu ý nghĩa của nó.... Việc tuân thủ Lê luật của các Kitô hữu đã dẫn đến hành vi giả hình mà Thánh Tông đồ muốn phản bác một cách mạnh mẽ và đầy thuyết phục. Thánh Phaolô là người thẳng thắn, Người có những khiếm khuyết của Người - nhiều lắm... tính khí của Người rất tệ - nhưng Người là người ngay thẳng. Giả hình là gì? Khi chúng ta nói, "Hãy cẩn thận, người đó là một kẻ giả hình", chúng ta muốn nói gì? Giả hình là gì? Nó có thể được gọi là *nổi sợ sự thật*. Kẻ giả hình sợ sự thật. Nên giả vờ hơn là là chính mình. Nó giống như trang điểm cho linh hồn, trang điểm cho hành vi của anh chị em, trang điểm cho cách tiên hành: đây không phải là sự thật. “Không, tôi sợ phải tiên hành như tôi đang là...”, tôi sẽ làm cho mình trông tốt hơn nhờ hành vi này. Giả vờ bóp nghẹt lòng can đảm để công khai nói sự thật; và do đó, nghĩa vụ nói sự thật mọi lúc, mọi nơi và bất chấp ta có thể dễ dàng tránh né được bất cứ điều gì. Giả vờ dẫn đến điều này: *sự thật nửa vơi*. Và các sự thật nửa vơi là không có thật vì sự thật là sự thật hoặc không phải là sự thật. Sự thật nửa vơi là một cách hành động không đúng sự thật. Như tôi đã nói, chúng ta thích giả vờ hơn là là chính mình, và sự giả vờ này bóp nghẹt lòng can đảm để công khai nói sự thật. Và do đó, chúng ta trốn tránh bôn phận – đúng ra là một điều răn: luôn luôn nói sự thật; trung thực: nói sự thật ở mọi nơi và bất chấp bất cứ điều gì. Và trong một môi trường nơi các mối liên hệ liên ngã được sống dưới ngọn cờ của duy hình thức, thì con vi-rút giả hình rất dễ lây lan. Nụ cười trông giống như thế, không hề xuất phát từ trái tim. Trông thì có vẻ như có tương quan tốt với tất cả mọi người, nhưng thực tế thì không tốt với ai cả.

Trong Kinh thánh, có một số thí dụ về giả hình đã được chứng thực. Một bằng chứng đẹp để chống lại thói giả hình là Êlêada đã có tuổi, người được yêu cầu giả vờ ăn thịt đã dâng cho các thần ngoại giáo để cứu mạng sống của chính mình: giả vờ ăn thịt khi không ăn nó. Hoặc giả như ăn thịt heo nhưng bạn bè của ông dọn cho ông một món khác. Nhưng người đàn ông kính sợ Thiên Chúa đó – người không phải là kẻ chưa đầy hai mươi tuổi - trả lời: "Sự giả vờ như vậy không xứng đáng với thời gian sống của chúng ta, e rằng nhiều người trẻ tuổi sẽ cho rằng Êlêada ở tuổi chín mươi đã cải đạo qua một tôn giáo ngoại lai, và vì sự giả vờ của tôi [vì sự giả hình của tôi], để được sống khoảng khắc ngắn ngủi lâu hơn, họ sẽ vì tôi mà bị dẫn đến chỗ lạc đường, trong khi tôi làm ô uế và ô nhục tuổi già của mình” (*2 Mcb* 6: 24-25). Một người chính trực: Ông không chọn con đường giả hình! Thật là một tình tiết đẹp để suy gẫm cách tránh xa thói giả hình! Các sách Tin Mừng cũng kể lại một số tình huống trong đó Chúa Giêsu mạnh mẽ trách móc những người xem ra công chính ở bề ngoài, nhưng bên trong chứa đầy sự giả dối và gian ác (x. *Mt* 23:13-29). Nếu hôm nay anh chị em có chút thời gian, anh chị em hãy mở chương 23 Tin Mừng Mátthêu và xem xem bao nhiêu lần Chúa Giê-su nói: “Kẻ giả hình, kẻ giả hình, kẻ giả hình”, đây là cách tính giả hình tự biểu lộ nó.

Những kẻ giả hình là những người giả vờ, xu nịnh và lừa dối vì họ sống với một chiếc mặt nạ che mặt và không có đủ can đảm để đối mặt với sự thật. Vì lý do này, họ không có khả năng yêu thương thực sự: kẻ giả hình không biết cách yêu thương. Họ tự giới hạn mình vào việc sống theo chủ nghĩa vị kỷ và không có đủ sức mạnh để biểu lộ trái tim họ cách minh bạch. Có rất nhiều tình huống trong đó, tính giả hình đang hoạt động. Nó thường giấu mặt ở nơi làm

việc, nơi người ta tỏ ra bầu bạn với đồng nghiệp, trong khi đâm sau lưng họ do óc tranh giành. Trong chính trị, điều thông thường là thấy những kẻ giả hình sống theo một cách ở nơi công cộng và sống theo một cách khác hẳn ở nơi riêng tư. Giả hình trong Giáo hội là điều đặc biệt đáng ghê tởm; và thật không may, giả hình hiện hữu trong Giáo hội và có nhiều Kitô hữu và thừa tác viên giả hình. Chúng ta đừng bao giờ quên lời của Chúa: “Nhưng hễ ‘có’ thì phải nói ‘có’, ‘không’ thì phải nói ‘không’. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ” (Mt 5:37). Thưa anh chị em, hôm nay, chúng ta hãy suy nghĩ về thói giả hình mà Thánh Phaolô lên án, và Chúa Giêsu lên án: giả hình. Và chúng ta đừng sợ sống chân thật, nói sự thật, nghe sự thật, làm cho mình tuân theo lẽ thật, để chúng ta có thể yêu thương. Kẻ giả hình không biết yêu thương. Hành động khác với sự thật có nghĩa là gây nguy hiểm cho sự hiệp nhất của Giáo hội, sự hiệp nhất mà chính Chúa đã cầu nguyện. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bảy: Bài giáo lý của Đức Phanxicô về Lễ luật bị một giáo sĩ Do Thái yêu cầu minh xác (ngày 27/08/2021)

Như bạn đọc đã thấy, trong bài giáo lý hàng tuần, thứ Tư, ngày 11 tháng 8, 2021, về thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát và luật Môsê, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng “tuy nhiên, Lễ luật không cho ta sự sống, nó không cung ứng sự ứng nghiệm của lời hứa vì nó không có khả năng ứng nghiệm nó... Những ai mưu cầu sự sống cần nhìn vào chính lời hứa và việc ứng nghiệm của nó nơi Chúa Kitô”.



Giáo sĩ Do Thái, Rasson Arousi, chủ tịch Ủy Ban Đối Thoại với Tòa Thánh của Tòa Giáo sĩ Trưởng Do Thái, nhận định rằng “Đức Giáo Hoàng trình bày đức tin Kitô giáo như không thay thế Kinh Torah; nhưng lại quả quyết rằng Kinh Torah không còn đem lại sự sống nữa, hàm ý cho rằng thực hành tôn giáo của Do Thái thời nay đã lỗi thời. Quả thực đây là chủ chốt của 'giáo huấn khinh miệt' đối với người Do Thái và Do Thái Giáo mà trước đây chúng ta vẫn nghĩ đã bị Giáo Hội hoàn toàn bác bỏ”. Vị giáo sĩ này muốn được Đức Giáo Hoàng minh xác về điểm này.

Thực vậy, theo Philip Püllella của Reuters, các nhà chức trách tôn giáo Do Thái hàng đầu của Israel đã nói với Tòa Thánh rằng họ lo ngại về những bình luận được Đức Giáo Hoàng Phanxicô đưa ra về sách luật thánh thiêng của họ và đã yêu cầu làm sáng tỏ.

Trong một bức thư được Reuters đọc, Giáo sĩ Rasson Arousi, chủ tịch Ủy ban Đối thoại của Giáo sĩ trưởng Do Thái với Tòa thánh, cho biết những bình luận dường như gợi ý rằng luật Do Thái đã lỗi thời.

Các giới chức Tòa Thánh cho biết họ đang nghiên cứu bức thư và đang xem xét phúc đáp.

Giáo sĩ Arousi viết lá thư một ngày sau khi Đức Giáo Hoàng nói về kinh Torah, tức năm cuốn sách đầu tiên của Kinh thánh Do Thái, trong một buổi yết kiến chung vào ngày 11 tháng 8.

Kinh Torah chứa đựng hàng trăm điều răn, hay còn gọi là *mitzvot*, để người Do Thái tuân theo trong cuộc sống hàng ngày của họ. Thước đo việc tuân thủ thay đổi rất nhiều giữa người Do Thái Chính thống và người Do Thái Cải cách.

Tại buổi yết kiến, Đức Giáo Hoàng, khi suy gẫm những gì Thánh Phaolô nói về kinh Torah trong Tân Ước, đã nói rằng: “tuy nhiên, Lễ luật [Torah] không cho ta sự sống, nó không cung ứng sự ứng nghiệm của lời hứa vì nó không có khả năng ứng nghiệm nó... Những ai mưu cầu sự sống cần nhìn vào chính lời hứa và việc ứng nghiệm của nó nơi Chúa Kitô”.

Giáo sĩ Arousi đã thay mặt cho Giáo sĩ trưởng - người có thẩm quyền giáo sĩ tối cao của Do Thái giáo ở Israel – gửi lá thư tới Đức Hồng Y Kurt Koch, người đứng đầu một bộ của Tòa Thánh, trong đó, có một ủy ban về các mối liên hệ tôn giáo với người Do Thái.

Giáo sĩ Arousi viết trong lá thư, "Trong bài giảng lễ của mình, Đức Giáo Hoàng trình bày đức tin Kitô giáo như không thay thế Kinh Torah; nhưng lại quả quyết rằng Kinh Torah không còn đem lại sự sống nữa, hàm ý cho rằng thực hành tôn giáo của Do Thái thời nay đã lỗi thời”.

Giáo sĩ viết thêm, “Quả thực đây là chủ chốt của ‘giáo huấn khinh miệt’ đối với người Do Thái và Do Thái Giáo mà trước đây chúng ta vẫn nghĩ đã bị Giáo Hội hoàn toàn bác bỏ”

Các liên hệ đã được cải thiện

Các liên hệ giữa người Công Giáo và người Do Thái đã được cách mạng hóa vào năm 1965, khi Công đồng Vatican II bác bỏ khái niệm tội lỗi tập thể của người Do Thái về cái chết của Chúa Giêsu và bắt đầu nhiều thập niên đối thoại liên tôn. Đức Phanxicô và hai vị tiền nhiệm đã đến thăm các giáo đường Do Thái.

Hai học giả Công Giáo hàng đầu về các mối liên hệ tôn giáo với người Do Thái đồng ý rằng nhận xét của Đức Giáo Hoàng có thể được coi như một bước lùi gây rắc rối và cần được làm sáng tỏ.

Cha John Pawlikowski, cựu giám đốc Chương trình Nghiên cứu Công Giáo-Do Thái tại Liên đoàn Thần học Công Giáo ở Chicago cho biết: “nói rằng tín lý nền tảng này của Do Thái Giáo không đem lại sự sống là bôi lọ quan điểm tôn giáo nền tảng của người Do Thái và của Do Thái Giáo. Đáng lẽ nó chỉ nên được viết trước thời Công đồng”.

Giáo sư Philip Cunningham, giám đốc Viện Các Liên hệ Do Thái-Công Giáo tại Đại học St. Joseph ở Philadelphia nói, “Tôi nghĩ đó là một vấn đề đối với đôi tai của người Do Thái, nhất là vì nhận xét của Đức Giáo Hoàng được ngó với khán giả Công Giáo. Nó có thể được hiểu như làm giảm giá trị việc tuân theo kinh Torah của người Do Thái ngày nay”.

Arousi và Pawlikowski nói rằng có thể ít nhất một phần trong bài giảng của Đức Giáo Hoàng, được gọi là bài giáo lý, được viết bởi các phụ tá và cụm từ này đã không được hiệu đính thích đáng.

Văn phòng của Đức Hồng Y Koch, hôm thứ Tư, cho biết ngài đã nhận được bức thư, đang "xem xét nó một cách nghiêm túc và suy nghĩ về một phúc đáp".

Đức Phanxicô đã có một mối liên hệ rất tốt với người Do Thái. Khi còn là tổng giám mục ở nơi sinh quán Buenos Aires, ngài từng cùng viết sách với một trong những giáo sĩ Do Thái của thành phố, Apraham Skorka, và đã duy trì một tình bạn lâu dài với vị này.

Trong lá thư gửi cho Đức Hồng Y Koch, Arousi yêu cầu ngài "chuyển nỗi cùng khổ của chúng tôi đến Đức Giáo Hoàng Phanxicô" và yêu cầu Đức Giáo Hoàng làm sáng tỏ để "bảo đảm rằng bất cứ kết luận xúc phạm nào rút ra từ bài giảng này đều được bác bỏ cách rõ ràng".

Tòa Thánh gián tiếp trả lời thư của giáo sĩ Arousi thắc mắc về việc Đức Phanxicô cho rằng Luật Môsê không đem lại sự sống (ngày 31/Aug/2021)

Như chúng tôi đã loan tin (<http://www.vietcatholic.net/News/Html/270664.htm>), trong buổi tiếp kiến chung ngày 11 tháng 8 của Người về Thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát và luật Môsê, Đức Thánh Cha Phanxicô đã nói: "Tuy nhiên, Lễ luật không mang lại sự sống, nó không cung cấp việc nên trọn của lời hứa bởi vì nó không có khả năng thực hiện việc đó.... Những ai đang tìm kiếm sự sống cần phải nhìn vào lời hứa và sự nên trọn của nó trong Chúa Kitô".

Để đáp ứng, Giáo sĩ Rason Arousi, chủ tịch Ủy ban Đối thoại của Giáo sĩ trưởng của Israel với Tòa thánh, đã thay mặt Giáo sĩ trưởng phát biểu rằng: "Đức Giáo Hoàng không những chỉ trình bày đức tin Kitô giáo như đã thay thế kinh Torah; nhưng còn khẳng định rằng kinh Torah không còn mang lại sự sống, ngụ ý rằng thực hành tôn giáo của người Do Thái trong thời đại hiện nay đã trở nên lỗi thời. Trên thực tế, điều này là một phần và cốt lõi của 'giáo huấn khinh miệt' đối với người Do Thái và đạo Do Thái mà chúng tôi nghĩ đã được Giáo hội bác bỏ hoàn toàn".

Ông mong Đức Giáo Hoàng minh xác.

Nay, theo nhận định của *Catholic World News*, đáp ứng gián tiếp mối quan tâm của Giáo sĩ trưởng, Vatican đã cho đăng tải bài "Luật pháp và ân sủng đối với người Do Thái và Kitô giáo", một bài báo ngắn gọn của Đức Tổng Giám Mục Argentina Víctor Manuel Fernández, một cộng tác viên thân cận của Đức Giáo Hoàng. Đức Tổng Giám Mục Fernández viết rằng "Truyền thống Do Thái cũng thừa nhận rằng việc tuân thủ Lễ luật một cách trọn vẹn đòi hỏi một sự biến đổi bắt đầu từ trong lòng". Sau đây là nguyên văn bài báo của Đức Tổng Giám Mục Víctor Manuel Fernández của La Plata, Argentina:

Khi Thánh Phaolô nói về sự công chính hóa nhờ đức tin, ngài thực sự đang khám phá niềm xác tín sâu sắc của một số truyền thống Do Thái. Vì nếu người ta phải khẳng định rằng sự công chính hóa của người ta có được là nhờ vào việc chu toàn Lễ luật bằng sức riêng của mình, mà không có sự giúp đỡ của Thiên Chúa, thì quả họ đã rơi vào tình trạng tội tệt nhất của việc thờ ngẫu thần, là việc bao gồm cả việc tôn thờ chính mình, sức mạnh của chính mình và việc làm của chính mình, thay vì thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất.

Cần phải nhớ rằng một số bản văn Cựu ước và nhiều bản văn Do Thái ngoài Kinh thánh đã cho thấy tính tôn giáo của lòng tín thác vào tình yêu Thiên Chúa và mời gọi người ta chu toàn Lễ luật từ thẳm sâu trái tim qua hành động của Thiên Chúa (x. *Grm* 31: 3, 33-34; *Edk* 11: 19-

20; 36: 25-27; Hs 11: 1-9, v.v.) [1].

"Emunah", một thái độ tín thác sâu xa vào Giêhôva, là điều hiện thực hóa Lễ luật một cách đích thực, "là chính tâm điểm yêu cầu của toàn bộ Kinh Torah" [2].

Có thể tìm thấy một dư âm gần đây về niềm xác tín của người Do Thái cổ đại từ bỏ thái độ tự mãn trước mặt Thiên Chúa, trong câu sau đây của Giáo sĩ Do Thái Baal Shem Tov (đầu thế kỷ 19): "Tôi sợ những việc làm tốt của tôi mang lại niềm vui nhiều hơn là những việc làm xấu của tôi vốn tạo ra sự kinh dị"[3].

Truyền thống Do Thái cũng thừa nhận rằng việc chu toàn Lễ luật một cách trọn vẹn đòi hỏi một sự biến đổi khởi đầu từ trái tim. Các Kitô hữu và người Do Thái không nói rằng việc chu toàn bề ngoài một số phong tục là vấn đề quan trọng, không cần có sự thúc đẩy bên trong của Thiên Chúa. Trên thực tế, thần học Do Thái trùng hợp với giáo lý Kitô giáo về điểm này, đặc biệt nếu chúng ta bắt đầu từ các bản văn Giêrêmia và Êdêkien, nơi xuất hiện nhu cầu thanh tẩy và biến đổi trái tim. Làm sao chúng ta không xem thư Rôma 2: 28-29 là sự tiếp nối và đào sâu của Giêrêmia 4: 4 và 9: 24-25? Người Do Thái và Kitô hữu đều công nhận rằng chỉ riêng Lễ luật bên ngoài mà thôi không thể thay đổi chúng ta nếu không có công trình thanh tẩy và biến đổi của Thiên Chúa (*Edk* 36: 25-27), Đấng đã bắt đầu hiện diện với chúng ta trong Đấng Mêxia của Người (*Gl* 2: 20-21).

Mặt khác, chúng ta nhớ lại rằng, theo cách giải thích rất sâu sắc của Thánh Augustinô và Thánh Tôma đối với nền thần học của Thánh Phaolô về luật mới, sự vô hiệu của luật bên ngoài mà không có sự trợ giúp của Thiên Chúa không chỉ là một đặc điểm của Luật Do Thái, mà còn là giới luật mà chính Chúa Giêsu đã để lại cho chúng ta: "chữ nghĩa, ngay trong Tin Mừng, cũng giết chết trừ khi có sự hiện diện bên trong của ân sủng chữa lành của đức tin" [4].

Ghi chú:

[1] Đoạn văn của Khabacúc 2: 4, nói lên thái độ nền tảng này, trên thực tế được Thánh Phaolô trích dẫn khi Người nói về sự công chính hóa nhờ đức tin trong thư Galát 3:11 và trong thư Rôma 1:17.

[2] Xem C. Kessler, *Le plus grand commandement de la Loi* [Giới răn Lớn nhất của Lễ luật] 97 (đã dẫn). Ở đây cần phải nói rằng lời khẳng định của thánh Phaolô về tính "thoáng qua" của Lễ luật nên được đặt trong bối cảnh của "học lý kỹ nguyên của các giáo sĩ Do Thái" theo đó, đến ngày tận thế, bản năng xấu xa sẽ bị xóa bỏ khỏi trái tim con người và luật pháp bên ngoài sẽ không còn cần thiết nữa. Trên thực tế, Thánh Phaolô tin rằng Người đang sống trong thời kỳ cuối cùng và chờ đợi sự trở lại sắp xảy ra của Đấng Mêxia: "Thánh Phaolô là một người Pharisêu tin chắc rằng Người đang sống trong thời kỳ thiên sai": H.J. Schoeps, *Paul. The theology of the Apostle in the light of Jewish religious history* [Thánh Phaolô. Thần học của Thánh Tông đồ dưới ánh sáng lịch sử tôn giáo Do Thái], Philadelphia, 1961, tr. 113. Vì lý do này, trong thư thứ nhất gửi Timôthê, khi sự mong đợi việc tái lâm sắp xảy ra đã giảm đi khá nhiều, thì Lễ luật lại trở nên quan trọng hơn (xem 8-9).

[3] Trích dẫn bởi E. Wiesel, *Celebración jasídica*, Salamanca, 2003, tr. 58; *Celebrazione hassidica*, Milano, năm 1987.

[4] Thánh Thomas Aquinas, *Summa Theologiae*, I-II, q. 106, art. 2

**Chương Tám:Tòa Thánh, qua Đức Hồng Y Koch, chính thức trả lời các
Giáo Sĩ Do Thái thắc mắc về việc Đức Phanxicô dạy rằng Luật Môsê không
đem lại sự sống
(ngày 10/09/2021)**

Tòa Thánh, qua Đức Hồng Y Koch, chính thức trả lời các Giáo Sĩ Do Thái thắc mắc về việc Đức Phanxicô dạy rằng Luật Môsê không đem lại sự sống

Theo hãng tin CNA, ngày 10 tháng 9 hôm qua, Đức Hồng Y Koch đã viết thư cho các nhà lãnh đạo Do Thái Giáo để quả quyết rằng các nhận định gần đây của Đức Phanxicô không nhằm hạ giá Kinh Torah.

Hội đồng Giáo hoàng về Cổ vũ Hợp nhất Kitô giáo, cơ quan giám sát Ủy ban Liên hệ Tôn giáo của Vatican với người Do Thái, đã công bố hai bức thư vào ngày 10 tháng 9, được Đức Hồng Y Kurt Koch, chủ tịch của cả hội đồng và ủy ban, viết.

Các bức thư, đề ngày 3 tháng 9, lần lượt được gửi tới Giáo sĩ Rasson Arousi, chủ tịch Ủy ban Đối thoại với Tòa thánh tại Giêrusalem, và Giáo sĩ Đa-vít Sandmel, chủ tịch Ủy ban Tham vấn liên tôn của người Do Thái quốc tế ở New York.

Hội đồng Giáo hoàng cho biết Giáo sĩ Arousi đã viết thư cho Đức Hồng Y Koch vào ngày 12 tháng 8, liên quan đến bài diễn văn ở buổi yết kiến chung của Đức Giáo Hoàng Phanxicô vào ngày 11 tháng 8, dành riêng nói về Luật Môsê.

Hội Đồng nói thêm rằng Sandmel đã viết "một bức thư tương tự" cho vị Hồng Y người Thụy Sĩ vào ngày 24 tháng 8.

Bài phát biểu của Đức Giáo Hoàng là bài thứ tư trong chu kỳ dạy giáo lý của ngài về Thư gửi tín hữu Galát, trong đó Thánh Phaolô đề cập đến một tranh cãi trong cộng đồng Kitô giáo sơ khai về việc các Kitô hữu phải tuân giữ luật Do Thái chặt chẽ đến đâu.

Đức Giáo Hoàng nói: "Thực ra, Kinh Torah, tức Lê luật, không bao gồm trong lời hứa với Ápraham".

“Tuy nhiên, nói thế rồi, người ta không nên nghĩ rằng Thánh Phaolô đã chống lại Luật Môsê. Không, Người đã tuân giữ nó. Nhiều lần trong các Thư của Người, Người bảo vệ nguồn gốc thần linh của nó và nói rằng nó có một vai trò được xác định rõ trong lịch sử cứu độ”.

“Tuy nhiên, Lê luật không ban sự sống, nó không cung ứng việc nên trọn lời hứa vì nó không có khả năng thực hiện điều đó”.

Hạn từ Torah chỉ năm cuốn sách đầu tiên của Kinh thánh tiếng Do Thái, nhưng có thể được sử dụng rộng rãi hơn để chỉ toàn bộ luật Do Thái.

Hãng tin Reuters vào ngày 25 tháng 8 đưa tin rằng Giáo sĩ Arousi bày tỏ lo ngại rằng các bình luận của Đức Giáo Hoàng ngụ ý rằng luật Do Thái đã lỗi thời.

Trong những bức thư có lời lẽ giống hệt nhau, Đức Hồng Y Koch nói rằng ngài đã tham khảo ý kiến của Đức Giáo Hoàng Phanxicô và hiện trả lời vị giáo sĩ Do Thái theo chỉ thị của Đức Giáo Hoàng.

Ngài viết, “trong diển văn của Đức Giáo Hoàng, Kinh Torah không bị hạ giá, khi ngài minh nhiên quả quyết rằng Thánh Phaolô không chống đối Luật Môsê: thực ra, ngài tuân giữ Luật ấy, nhấn mạnh nguồn gốc thần linh của nó, và gán cho nó một vai trò trong lịch sử cứu độ”.

Câu “Lề luật không ban sự sống, không cung ứng việc nên trọn lời hứa” không nên bị ngoại suy khỏi ngữ cảnh của nó, nhưng phải được xem xét trong khuôn khổ tổng thể của thần học Phaolô”.

“Xác tín Kitô giáo lâu đời vẫn tin chắc rằng Chúa Giêsu Kitô là con đường cứu rỗi mới. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Kinh Torah bị giảm thiểu hoặc không còn được công nhận là 'đường cứu rỗi cho người Do Thái'”.

Đức Hồng Y Koch đã trích dẫn một bài diễn văn năm 2015 được Đức Giáo Hoàng trình bày trước Hội đồng Quốc tế các Kitô hữu và người Do Thái.

Vào dịp đó, Đức Giáo Hoàng nói: “Các hệ phái Kitô giáo tìm thấy sự hợp nhất của họ trong Chúa Kitô; Do Thái giáo tìm thấy sự hợp nhất của họ trong kinh Torah. Kitô hữu tin rằng Chúa Giêsu Kitô là Lời của Thiên Chúa đã trở nên xác thịt trong thế gian; đối với người Do Thái, Lời Chúa hiện diện trước hết trong kinh Torah. Cả hai truyền thống đức tin đều tìm thấy nền tảng của chúng nơi một Thiên Chúa duy nhất, Thiên Chúa của Giao ước, Đấng tự mặc khải Người ra qua Lời của Người”.

Đức Hồng Y Koch nhấn mạnh rằng trong bài phát biểu tại buổi yết kiến chung của ngài, Đức Giáo Hoàng suy tư “về nền thần học Phaolô trong bối cảnh lịch sử của một thời đại nhất định” và không bình luận về Do Thái giáo đương thời.

Ngài viết: “Sự kiện Kinh Torah rất quan trọng đối với Do Thái giáo hiện đại không hề bị nghi vấn bất cứ cách nào”.

Ngài viết tiếp, “Ghi nhớ các khẳng định tích cực liên tục được Đức Giáo Hoàng Phanxicô đưa ra về đạo Do Thái, không thể nào người ta có thể cho rằng ngài đang quay trở lại với điều gọi là ‘lý thuyết khinh miệt’” được.

“Đức Giáo Hoàng Phanxicô hoàn toàn tôn trọng các nền tảng của Do Thái giáo và luôn tìm cách làm sâu sắc thêm mối liên hệ hữu nghị giữa hai truyền thống đức tin”.

Đức Hồng Y Koch nhấn mạnh rằng Đức Giáo Hoàng đồng ý với việc mô tả mối liên hệ giữa Do Thái giáo và Kitô giáo trong tài liệu “Giữa Jerusalem và Rome” năm 2017, đánh dấu kỷ niệm 50 năm Tuyên bố chính thức của Công đồng Vatican II về Mối liên hệ của Giáo hội với

các tôn giáo không phải là Kitô giáo, tức tuyên ngôn *Nostra aetate*.

Bản văn trên do Hội đồng các Giáo sĩ Do Thái giáo châu Âu, Hội đồng các Giáo sĩ Hoa Kỳ, và Ủy ban Giáo sĩ trưởng của Israel ban hành, nói rằng: “Các khác biệt về tín lý là điều chủ yếu và không thể tranh luận hoặc thương lượng; ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng thuộc các nghị bàn quốc tế của các cộng đồng đức tin liên hệ... Tuy nhiên, các khác biệt tín lý không và không được cản trở việc cộng tác hòa bình của chúng ta để cải thiện thế giới chung của chúng ta và cuộc sống của con cái Nô-ê”.

Tài liệu đã được trình cho Đức Giáo Hoàng Phanxicô tại Vatican vào ngày 31 tháng 8 năm 2017.

Trong một bài diễn văn, ngài nói: “Tuyên bố ‘Giữa Giêrusalem và Rôma’ không che giấu... những khác biệt thần học hiện hữu giữa các truyền thống đức tin của chúng ta. Tuy thế, nó vẫn nói lên quyết tâm hợp tác chặt chẽ hơn, hiện nay và trong tương lai”.

Kết luận bức thư của ngài, Đức Hồng Y Koch viết: “Tôi tin tưởng rằng phúc đáp này làm sáng tỏ nền tảng thần học trong lời lẽ của Đức Thánh Cha”.

Chương Chín: Thư Thánh Phaolô Gửi Tín hữu Galát, 'Những người Galát ngu ngốc'

Ngày 01/09/2021

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tiếp tục loạt bài giáo lý trong buổi yết kiến chung vào thứ Tư hàng tuần, về Thư của Thánh Phao-lô gửi tín hữu Galát, Đức Thánh Cha Phanxicô đã nói về việc Thánh Phaolô mô tả người Galát là ngu ngốc.

Điều đáng lưu ý là trong bài giáo lý tuần này, không những Đức Phanxicô không rút lại bất cứ điều gì ngài dạy trong bài giáo lý ngày 11 tháng 8 về việc Luật Môsê không đem lại sự sống ơn thánh, trái lại, ngài gián tiếp trả lời giáo sĩ Arousi của Tòa Giáo trưởng Israel rằng lời ngài dạy không phải của con người mà là của Thiên Chúa, vì quả chỉ có Thiên Chúa mới làm chúng ta nên công chính, không phải việc giữ luật, tuy việc này cần thiết.

Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Chúng ta sẽ tiếp tục giải thích Thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát. Đây, lời giải thích này, không phải là điều gì mới mẻ, nó là giải thích của tôi: điều chúng ta đang nghiên cứu là điều Thánh Phaolô nói trong một cuộc xung đột rất nghiêm trọng với người Galát. Và nó cũng là Lời Chúa, vì nó đã đi vào Kinh thánh. Chúng không phải là điều mà ai đó đã tạo ra: không. Nó là một điều gì đó đã xảy ra thời đó và có thể tự lặp lại. Đây chỉ là một bài giáo lý về Lời Chúa được phát biểu trong Thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát; không có gì khác. Điều này phải luôn được ghi nhớ. Và trong bài giáo lý trước, chúng ta đã thấy Thánh Tông đồ Phaolô cho các Kitô hữu đầu tiên của Galát thấy nguy hiểm như thế nào khi rời khỏi con đường mà họ đã bắt đầu đi bằng cách nghênh đón in Mừng. Thật vậy, nguy cơ là nhượng bộ chủ nghĩa duy hình thức, một trong những cám dỗ dẫn đến giả hình, điều mà chúng ta đã nói ở lần trước. Từ bỏ chủ nghĩa duy hình thức, và phủ nhận phẩm giá mới mà họ đã nhận được: phẩm

giá của những người được Chúa Kitô cứu chuộc. Đoạn văn chúng ta vừa nghe là đoạn mở đầu phần thứ hai của Lá thư. Cho đến nay, Thánh Phaolô đã nói về cuộc đời và ơn gọi của Người: về việc ân sủng của Thiên Chúa đã biến đổi đời Người ra sao, đặt nó hoàn toàn vào việc phục vụ công cuộc truyền bá Tin Mừng. Tại thời điểm này, Người trực tiếp thách thức người Galát: Người đặt trước mặt họ những lựa chọn mà họ đã chọn và tình trạng hiện tại của họ, vốn có thể vô hiệu hóa kinh nghiệm ân sủng mà họ đã sống.

Và những từ ngữ mà Thánh Tông đồ dùng để nói với người Galát chắc chắn không nhã nhặn: chúng ta đã nghe rồi. Trong các Thư khác, ta có thể dễ dàng tìm thấy các cụm từ như “Anh em” hoặc “các bạn thân mến”; ở đây không, bởi vì Người đang tức giận. Người nói chung “Những người Galát” và ít nhất 2 lần gọi họ là “ngu ngốc”, đây không phải là một thuật ngữ lịch sự. Ngu xuẩn, vô tri, có thể có nhiều ý nghĩa... Người làm vậy không phải vì họ không thông minh, nhưng vì, hầu như không biết ra điều đó, họ có nguy cơ đánh mất đức tin nơi Chúa Kitô mà họ đã nhiệt thành đón nhận. Họ ngu xuẩn vì họ không ý thức được rằng điều nguy hiểm là đánh mất kho tàng quý giá, vẻ đẹp, sự mới mẻ của Chúa Kitô. Sự ngạc nhiên và nỗi buồn của Thánh Tông đồ rất rõ ràng. Một cách cay đắng, Người kích thích các Kitô hữu đó nhớ lại lời công bố đầu tiên của Người, với lời này, Người cho họ khả thể đạt được một sự tự do mới mẻ, cho đến nay vẫn chưa được ai hy vọng.

Thánh Tông đồ đặt câu hỏi cho tín hữu Galát, với ý định lay chuyển lương tâm của họ: đây là lý do tại sao nó mạnh mẽ như thế. Đó là những câu hỏi khoa trương, bởi vì người Galát biết rất rõ rằng việc họ đến với đức tin vào Chúa Kitô là hoa trái của ân sủng nhận được qua việc rao giảng Tin Mừng. Người đưa họ trở lại điểm xuất phát của ơn gọi Kitô hữu. Lời họ đã nghe từ thánh Phaolô tập chú vào tình yêu Thiên Chúa, được bày tỏ trọn vẹn qua sự chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Thánh Phaolô không thể nào tìm được cách diễn đạt thuyết phục hơn về điều mà có lẽ Người đã lặp lại với họ nhiều lần trong lời rao giảng của Người: “Không còn phải là tôi sống nữa, nhưng là Chúa Kitô sống trong tôi. Và cuộc sống hiện tại tôi đang sống trong xác thịt tôi là sống bởi đức tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu tôi và hiến chính Người vì tôi” (Gl 2: 20). Thánh Phaolô không muốn biết ai ngoài Chúa Kitô bị đóng đinh (xem 1 Cr 2: 2). Người Galát phải nhìn vào biến cố này, không để mình bị phân tâm bởi những lời công bố khác. Nói tóm lại - ý định của Thánh Phaolô là buộc các Kitô hữu nhận ra điều đang bị đe dọa, để họ không để mình bị mê hoặc bởi giọng nói của nữ nhân ngư muốn dẫn họ đến một tôn giáo chỉ dựa trên việc tuân thủ các giới luật một cách lo lắng. Bởi vì những người truyền giảng mới đến Galát đã thuyết phục họ rằng họ nên quay trở lại và quay trở lại với những giới luật mà họ đã tuân giữ và hoàn thiện trước việc Chúa Kitô đến, một việc vốn là tính nhưng không của ơn cứu rỗi.

Ngoài ra, người Galát hiểu rất rõ những gì Thánh Tông đồ đang đề cập đến. Chắc chắn họ đã có kinh nghiệm về tác động của Chúa Thánh Thần trong các cộng đồng của họ: cũng như trong các Giáo hội khác, lòng bác ái và các đặc sủng khác nhau cũng đã được biểu lộ ở giữa họ. Khi bị thử thách, họ phải trả lời rằng những gì họ đã trải qua là kết quả của sự mới mẻ của Chúa Thánh Thần. Do đó, lúc khởi đầu của việc họ đến với đức tin là sáng kiến của Thiên Chúa, không phải của loài người. Chúa Thánh Thần đã là tác nhân kinh nghiệm của họ; nay đặt Người vào hậu cảnh để dành ưu thế cho việc làm của chính họ - tức là, việc thực hiện các giới răn của Lễ luật - sẽ là một điều ngu xuẩn. Sự thánh thiện phát xuất từ Chúa Thánh Thần và từ tính nhưng không của ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu: điều này làm chúng ta ra công chính.

Bằng cách này, Thánh Phaolô cũng mời gọi chúng ta suy tư: chúng ta phải sống đức tin của mình như thế nào? Liệu tình yêu của Chúa Kitô, bị đóng đinh và sống lại, có còn là trung tâm

của cuộc sống hàng ngày của chúng ta như nguồn mạch của sự cứu rỗi, hay chúng ta bằng lòng với một vài nghi thức tôn giáo để cứu lương tâm của chúng ta? Chúng ta phải sống đức tin của chúng ta ra sao? Chúng ta có gắn bó với kho tàng quý giá, với vẻ đẹp của sự mới mẻ của Chúa Kitô, hay chúng ta thích điều gì đó thu hút chúng ta nhất thời nhưng sau đó lại khiến chúng ta trống rỗng bên trong hơn? Điều phù du thường gõ cửa trong những ngày sống của chúng ta, nhưng nó là một ảo ảnh đáng buồn, khiến chúng ta nhượng bộ sự hời hợt và ngăn cản chúng ta nhận ra điều gì mới thực sự đáng sống. Thưa anh chị em, chúng ta hãy giữ vững xác tín rằng, ngay cả khi chúng ta bị cám dỗ muốn quay đi, Thiên Chúa vẫn tiếp tục ban tặng các ơn phúc của Người. Trong suốt lịch sử, ngay cả ngày nay, sự việc xảy ra giống như những gì đã xảy ra với người Galát. Cả ngày nay nữa, người ta đến và kêu gọi chúng ta, họ nói rằng, "Không, sự thánh thiện nằm ở các giới luật này, trong những điều này, bạn phải làm điều này điều nọ", và đề nghị một lòng đạo không linh hoạt, sự không linh hoạt khiến chúng ta mất tự do trong Thánh Thần mà ơn cứu chuộc của Chúa Kitô đã ban cho chúng ta. Anh chị em hãy coi chừng sự cứng nhắc mà họ đề nghị với anh chị em: hãy cẩn thận. Bởi vì đằng sau mỗi sự thiếu linh hoạt đều có điều gì đó xấu xa, đó không phải là Thánh Thần của Thiên Chúa. Và vì lý do này, Lá Thư này sẽ giúp chúng ta không nghe theo những đề nghị cực đoan đó khiến chúng ta đi lui trong đời sống thiêng liêng của chúng ta, và sẽ giúp chúng ta tiến tới trong ơn gọi vượt qua của Chúa Giêsu. Đây là điều mà Thánh Tông đồ nhắc lại với người Galát khi Người nhắc họ nhớ rằng Chúa Cha "ban Chúa Thánh Thần cho anh em và làm các phép lạ nơi anh em" (3: 5). Người nói ở thì hiện tại, chứ Người không nói "Chúa Cha đã ban Chúa Thánh Thần cho anh em", chương 3, câu 5, không: Người nói – Chúa Cha "ban cho"; Người không nói, "đã làm", nhưng Người nói "làm". Bởi vì, bất chấp mọi khó khăn mà chúng ta có thể gây ra cho hành động của Người, Thiên Chúa không bỏ rơi chúng ta mà đứng hơn ở với chúng ta bằng một tình yêu đầy thương xót của Người. Người giống như người cha ấy, ngày nào cũng lên sân thượng để xem con trai mình có trở về hay không: tình yêu thương của Chúa Cha không bao giờ làm cho chúng ta mệt mỏi. Chúng ta hãy cầu xin sự khôn ngoan để luôn ý thức được thực tại này, và quay lưng lại với những người cực đoan, chuyên đề nghị cho chúng ta một cuộc sống khổ hạnh giả tạo, xa rời sự phục sinh của Chúa Kitô. Chủ nghĩa khổ hạnh là cần thiết, nhưng chủ nghĩa khổ hạnh khôn ngoan, chứ không giả tạo.

Chương Mười: Thư gửi tín hữu Galát, Chúng ta là con cái của Thiên Chúa.

Ngày 08/09/2021

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Chúng ta hãy tiếp tục hành trình đào sâu đức tin - đức tin của chúng ta - dưới ánh sáng Thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát. Thánh Tông đồ khẳng định với những Kitô hữu đó để họ không quên sự mới mẻ trong mặc khải của Thiên Chúa đã được công bố cho họ. Hoàn toàn nhất trí với thánh sử Gioan (x. 1 Ga 3: 1-2), thánh Phaolô nhấn mạnh rằng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô đã cho phép chúng ta thực sự trở thành con cái Thiên Chúa và cũng là người thừa kế của Người. Kitô hữu chúng ta thường coi thực tại làm con cái Thiên Chúa này là chuyện đương nhiên. Thay vào đó, điều tốt là ghi nhớ với lòng biết ơn khoảnh khắc trong đó, chúng ta đã trở nên như vậy, lúc chúng ta chịu Phép Rửa, để sống một cách có ý thức hơn ơn phúc lớn lao chúng ta đã lãnh nhận được. Nếu hôm nay tôi hỏi anh chị em, "ai trong số anh chị em biết chính xác ngày lãnh nhận phép rửa của mình?" Tôi không nghĩ sẽ có quá nhiều người giơ tay.... Tuy nhiên, đó là ngày mà chúng ta được cứu rỗi, đó là ngày chúng ta trở thành con cái của Thiên Chúa. Bây giờ, những người không biết điều đó nên hỏi cha mẹ đỡ đầu, cha, mẹ, chú, dì của họ: "con được rửa tội khi nào"? Và ngày đó nên được tưởng niệm mỗi năm: đó là ngày chúng ta trở thành con cái của Thiên Chúa. Anh chị em có đồng ý không? Tất cả anh chị em có làm điều này

không? [đám đông đáp lời]. Trời, đó là một câu "có" vậy vậy thôi. [Cười]. Chúng ta hãy tiếp tục.

Thực thế, một khi “đức tin đã đến” nơi Chúa Giêsu Kitô (câu 25), một điều kiện hoàn toàn mới đã được tạo ra dẫn đến tư cách làm con của Thiên Chúa. Tư cách làm con được Thánh Phaolô nói đến không còn là mối liên hệ chung chung liên quan đến mọi người đàn ông và đàn bà bao lâu họ là con trai và con gái của cùng một Đấng Tạo Dựng. Không, trong đoạn văn chúng ta đã nghe, Người khẳng định rằng đức tin cho phép chúng ta làm con cái của Thiên Chúa “trong Chúa Kitô” (câu 26). Đây là những gì mới mẻ. Kiểu nói “trong Chúa Kitô” là điều tạo nên sự khác biệt. Không chỉ là con cái của Thiên Chúa, giống như mọi người: mọi người đàn ông và đàn bà đều là con cái của Thiên Chúa, tất cả họ, không phân biệt tôn giáo mà chúng ta theo đuổi. Nhưng “trong Chúa Kitô”, đây là điều tạo nên sự khác biệt cho các Kitô hữu, và điều này chỉ xảy ra khi tham gia vào ơn cứu chuộc của Chúa Kitô, và nơi chúng ta trong bí tích rửa tội: đây là cách nó bắt đầu. Chúa Giêsu đã trở thành anh của chúng ta, và bằng cái chết và sự phục sinh của Người, Người đã hòa giải chúng ta với Chúa Cha.

Bất cứ ai tiếp nhận Chúa Kitô đều “mặc lấy” Chúa Kitô và phẩm giá con thảo của Người qua phép rửa (xem câu 27). Đây là những gì lá thư nói trong câu 27.

Trong các Thư của mình, Thánh Phaolô đề cập đến phép rửa không phải chỉ có một lần. Đối với Người, chịu phép rửa cũng giống như tham gia một cách hữu hiệu và thực sự vào mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Chẳng hạn, trong Thư gửi tín hữu Rôma, Người thậm chí còn đi xa đến mức nói rằng trong phép rửa, chúng ta đã chết với Chúa Kitô và được chôn cất với Người để được sống với Người (xem 6: 3-14). Chết với Chúa Kitô, chôn cất với Người để được sống với Người. Đây là ân sủng của phép rửa: tham dự vào cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Do đó, phép rửa không chỉ đơn thuần là một nghi thức bên ngoài. Những ai lãnh nhận nó được biến đổi sâu xa từ bên trong, trong hũu thể thẳm sâu nhất của họ, và sở hữu sự sống mới, đó chính là điều cho phép họ hướng về Chúa và kêu cầu Người với tên “Abba”, tức là “bố ơi”. “Cha”? Không: “bố ơi” (x. *Gl* 4: 6).

Thánh Tông đồ mạnh dạn xác nhận rằng căn tính nhận được khi chịu phép rửa là hoàn toàn mới đến nỗi nó vượt thắng các khác biệt hiện hữu trên bình diện sắc tộc-tôn giáo. Nghĩa là, Người giải thích như thế này: “Không có người Do Thái hay người Hy Lạp”, ngay cả trên bình diện xã hội, “không có nô lệ cũng không có tự do, không có nam cũng không nữ” (*Gl* 3,28). Chúng ta thường đọc những cách diễn đạt này quá nhanh mà không nắm được giá trị cách mạng mà chúng sở hữu. Đối với Thánh Phaolô, viết cho người Galát rằng trong Chúa Kitô “không có người Do Thái hay người Hy Lạp” tương đương với một cuộc lật đổ đích thực trong lãnh vực sắc tộc - tôn giáo. Do sự kiện thuộc về một dân tộc được tuyển chọn, người Do Thái có đặc quyền hơn người ngoại giáo (x. *Rm* 2, 17-20). - như Thư gửi người Rôma, chương 2, câu 17 đến câu 20 vốn nói; Chính thánh Phaolô đã khẳng định điều này (x. *Rm* 9: 4-5). Do đó, không ngạc nhiên khi giáo huấn mới này của Thánh Tông đồ nghe có vẻ dị giáo. “Cái gì, mọi người đều bình đẳng? Chúng ta khác nhau!” Nghe có vẻ hơi dị giáo, phải không? Ngay cả cặp bất bình đẳng thứ hai, giữa những người “tự do” và những người “nô lệ”, đã đưa ra một viễn cảnh gây ngỡ ngàng. Sự phân biệt giữa nô lệ và công dân tự do là yếu tố sống còn trong xã hội cổ xưa. Theo luật, các công dân tự do được hưởng mọi quyền lợi, trong khi nhân phẩm của nô lệ thậm chí không được công nhận. Điều này xảy ra ngay cả ngày hôm nay. Có rất nhiều người trên thế giới, rất nhiều, hàng triệu người không có quyền ăn, không có quyền được giáo dục, không có quyền làm việc. Họ là những nô lệ mới. Họ là những người sống bên lề, bị mọi người lợi dụng. Chế độ nô lệ vẫn tồn tại cho đến ngày nay - chúng ta hãy suy nghĩ một chút về điều này. Nhân phẩm bị phủ nhận đối với những người này. Họ là nô lệ. Vì vậy, cuối cùng, sự bình đẳng trong

Chúa Kitô đã vượt qua những khác biệt xã hội giữa hai giới tính, thiết lập một sự bình đẳng giữa người đàn ông và người đàn bà, một điều có tính cách mạng vào thời điểm đó và ngày nay, nó cần được khẳng định lại. Điều này cần được tái khẳng định ngay cả ngày hôm nay. Đã bao lần chúng ta nghe thấy những câu nói hạ phẩm giá phụ nữ! Chúng ta thường nghe: “Nhưng không, đừng làm gì cả, đó là những mối quan tâm của đàn bà”. Nhưng, này, đàn ông và đàn bà đều có cùng nhân phẩm như nhau. Và đã xảy ra trong lịch sử, thậm chí cả ngày nay, một kiểu chế độ nô lệ của phụ nữ: phụ nữ không có cùng những cơ hội như nam giới. Chúng ta phải đọc những gì Thánh Phaolô nói: chúng ta bình đẳng trong Chúa Giêsu Kitô.

Như chúng ta thấy, Thánh Phaolô xác nhận sự hợp nhất sâu xa giữa tất cả những người đã chịu phép rửa, trong bất cứ điều kiện bị ràng buộc nào, dù là nam hay nữ - đều bình đẳng vì mỗi người trong số họ đều là tạo vật mới trong Chúa Kitô. Mọi sự phân biệt đều trở thành thứ yếu đối với phẩm giá làm con cái của Thiên Chúa, Đấng, nhờ tình yêu thương của Người, đã tạo ra một sự bình đẳng đích thực và có thực chất. Tất cả mọi người, nhờ ơn cứu chuộc của Chúa Kitô và phép rửa mà chúng ta đã lãnh nhận, tất cả chúng ta đều bình đẳng: là con cái của Thiên Chúa. Bình đẳng.

Vì vậy, thưa anh chị em, chúng ta được kêu gọi một cách tích cực hơn để sống một đời sống mới bắt nguồn từ biểu thức nền tảng của nó được làm con cái của Thiên Chúa. Bình đẳng vì chúng ta là con Thiên Chúa; và con cái của Thiên Chúa nhờ Chúa Kitô đã cứu chuộc chúng ta và chúng ta đạt được phẩm giá này qua phép rửa. Ngay cả đối với mọi người chúng ta ngày nay, điều quyết định là phải khám phá lại vẻ đẹp của việc làm con Thiên Chúa, trở thành anh chị em với nhau, bởi vì chúng ta đã được hợp nhất trong Chúa Kitô, Đấng đã cứu chuộc chúng ta. Các khác biệt và tương phản mà việc tách biệt tạo ra không nên tồn tại giữa các người tin vào Chúa Kitô. Và một trong các Tông đồ, trong Thư Thánh Giacôbê, đã nói điều này: “Hãy coi chừng các khác biệt, vì điều không đúng là khi ai đó bước vào buổi họp (tức là Thánh lễ) đeo nhẫn vàng và ăn mặc đẹp đẽ, 'À, lên đây, lên đây!', và bạn nhường cho anh ta một trong những chiếc ghế ở hàng đầu. Rồi, nếu một người khác bước vào, rõ ràng là nghèo, người chỉ có thể đủ che thân và bạn thấy anh ta nghèo, nghèo, tội nghiệp, 'à, à, bạn nên lùi lại phía sau'". Chúng ta tạo nên những khác biệt này, nhiều lần một cách vô ý thức như vậy. Không, chúng ta bình đẳng! Đúng hơn, ơn gọi của chúng ta là thực hiện cụ thể và rõ ràng lời kêu gọi hợp nhất toàn thể nhân loại (xem Công đồng Vat. II, Hiến chế *Lumen gentium*, 1). Mọi điều làm trầm trọng thêm các khác biệt giữa người ta, thường gây ra sự kỳ thị - tất cả những điều này, trước mặt Thiên Chúa, không còn cơ sở nào nữa, nhờ ơn cứu rỗi đã được thực hiện trong Chúa Kitô. Điều quan trọng là đức tin ấy, đức tin vốn vận hành theo con đường hợp nhất do Chúa Thánh Thần chỉ dẫn. Và trách nhiệm của chúng ta là trách nhiệm hành trình dứt khoát trên con đường bình đẳng này, nhưng là một sự bình đẳng được nâng đỡ, được tạo ra bởi ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu. Và đừng quên khi anh chị em về nhà: "Tôi đã chịu phép rửa khi nào?" Anh chị em hãy tìm hiểu cho rõ để luôn ghi nhớ ngày tháng. Và khi đến ngày đó, thì có thể cử hành nó. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Một: Cuộc Tông du tại Budapest và Slovakia

(Ngày 22/09/2021)

Theo tin Tòa Thánh, Đức Phanxicô đã tiếp tục gặp gỡ các tín hữu trong buổi yết kiến chung hàng tuần vào thứ Tư, ngày 22 tháng 9 (Thứ tư 15 tháng Chín, ngài ở Slovakia), và trong buổi yết kiến này, ngài đã xúc động nói đến cuộc tông du ngài vừa kết thúc tuần trước tại

Hungary và Slovakia. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:



Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Hôm nay tôi muốn nói với anh chị em về cuộc Tông du của tôi ở Budapest và Slovakia, một cuộc tông du đã kết thúc cách đây đúng một tuần, vào thứ Tư tuần trước. Tôi xin tóm tắt nó như sau: đó là một cuộc hành hương *cầu nguyện*, một cuộc hành hương *về nguồn*, một cuộc hành hương *hy vọng*. Cầu nguyện, cội nguồn và hy vọng.

1. Điểm dừng chân đầu tiên là ở Budapest, để chủ tọa Thánh lễ bế mạc Đại hội Thánh Thể Quốc tế, bị hoãn đúng một năm do đại dịch. Đã có sự tham gia sống động vào cuộc cử hành này. Dân thánh của Thiên Chúa, vào Ngày của Chúa, đã quy tụ trước màu nhiệm Thánh Thể, nhờ đó họ liên tục được sinh ra và tái sinh. Họ được Thánh giá phía trên bàn thờ bao quát, chỉ cho họ cùng một hướng với hướng chỉ của Bí tích Thánh Thể, đó là con đường của tình yêu khiêm nhường và vị tha, của tình yêu quảng đại và tôn trọng đối với mọi người, con đường của đức tin thanh tẩy khỏi tính thế gian vốn phá hủy mọi người chúng ta: nó là con mọt gặm nhấm chúng ta từ bên trong.

Và cuộc hành hương cầu nguyện đã kết thúc tại Slovakia vào Lễ Đức Mẹ Sầu Bi. Cũng ở đó, ở Šaštín, tại Đền thờ Đức Mẹ Đồng trinh Bảy Sầu Bi, Lễ của Mẹ, cũng là ngày lễ tôn giáo quốc gia, đã có rất nhiều con cái của Mẹ tham dự. Như thế, cuộc hành hương của tôi là một cuộc hành hương cầu nguyện ở trung tâm Châu Âu, bắt đầu bằng sự *tôn thờ* và kết thúc bằng *lòng sùng kính bình dân*. Cầu nguyện, vì đó là điều mà dân Chúa được kêu gọi, trên hết: thờ phượng, cầu nguyện, hành trình, làm người hành hương, sám hối, và nhờ đó mà cảm nhận được sự bình an và niềm vui mà Chúa ban cho chúng ta. Cuộc sống của chúng ta nên như thế này: thờ phượng, cầu nguyện, hành trình, làm người hành hương, sám hối. Và điều này có tầm quan trọng đặc biệt ở lục địa Châu Âu, nơi mà sự hiện diện của Thiên Chúa bị loãng dần - chúng ta thấy điều này hàng ngày - sự hiện diện của Thiên Chúa bị loãng dần bởi chủ nghĩa tiêu thụ và bởi “hoi hướm” của một cách suy nghĩ độc dạng - một điều kỳ lạ nhưng có thật. - đó là thành quả của sự pha trộn giữa các ý thức hệ cũ và mới. Và điều này dẫn chúng ta xa khỏi sự quen thuộc với Thiên Chúa, khỏi sự quen thuộc với Thiên Chúa. Cũng trong bối cảnh này, giải đáp chữa lành phát xuất từ việc cầu nguyện, chúng ta và tình yêu khiêm nhường. Tình yêu khiêm nhường vốn phục vụ. Chúng ta hãy nhắc lại ý tưởng này: Kitô hữu là để phục vụ.

Đó là những gì tôi thấy trong cuộc gặp gỡ với dân thánh của Thiên Chúa. Tôi đã thấy gì? Một dân tộc trung thành, đã bị chủ nghĩa vô thần bách hại. Tôi cũng nhìn thấy điều đó trên khuôn mặt của những anh chị em người Do Thái của chúng ta, những người mà với họ, chúng ta đã tưởng niệm biến cố Diệt Chủng. Bởi vì không có lời cầu nguyện nào mà không có ký ức. Không có lời cầu nguyện nào mà không có ký ức. Điều đó có nghĩa gì? Có nghĩa, khi cầu nguyện, chúng ta phải nhớ đến cuộc sống của mình, cuộc sống của dân tộc chúng ta, cuộc

sống của bao người đồng hành với chúng ta trong thành phố, lưu ý đến những câu chuyện của họ. Khi Người chào đón tôi, một trong các giám mục Slovakia, đã lớn tuổi, nói với tôi, “Con từng làm người bán vé trên xe điện, để trốn tránh những người cộng sản”. Người tốt lành, vị giám mục đó: trong thời kỳ độc tài, bách hại, Người đã bán vé trên xe điện, rồi Người thi hành “nghề” giám mục của mình một cách lén lút, và không ai biết. Sự việc phải như thế, thời bị bách hại. Không có lời cầu nguyện nào mà không có ký ức. Lời cầu nguyện, ký ức đời mình, đời một dân tộc, lịch sử của họ: cam kết với ký ức và nhắc lại. Điều này tốt cho chúng ta, và giúp chúng ta cầu nguyện.

2. Khía cạnh thứ hai: cuộc hành trình này là một cuộc hành hương *về nguồn*. Khi gặp gỡ các giám mục anh em của tôi, cả ở Budapest lẫn ở Bratislava, tôi đã có thể cảm nghiệm trực tiếp sự tưởng nhớ đầy biết ơn về những cội nguồn của đức tin và đời sống Kitô giáo, sống động trong gương sáng của những nhân chứng đức tin như Đức Hồng Y Mindszenty và Đức Hồng Y Korec, và Chân phúc Giám mục Pavel Peter Gojdič. Những gốc rễ vưon xa từ thế kỷ thứ chín, trở lại với công việc truyền bá Tin Mừng của hai anh em thánh Cyril và Methodius, những vị đã đồng hành cùng cuộc hành trình này bằng sự hiện diện thường xuyên của các Người. Tôi nhận thấy sức mạnh của những cội nguồn này trong việc cử hành Phụng vụ Thánh theo nghi thức Byzantine, ở Prešov, vào ngày lễ Thánh giá. Trong các bài thánh ca, tôi cảm nhận được nhịp rung động của trái tim dân thánh Thiên Chúa, được trui rèn bởi nhiều đau khổ vì đức tin của họ.

Trong một vài trường hợp, tôi nhấn mạnh vào sự kiện này là những cội nguồn này luôn sống động, chứa đầy nhựa huyết quan trọng là Chúa Thánh Thần, và vì thế chúng phải được bảo tồn: không giống như các đồ triển lãm trong viện bảo tàng, không bị biến thành ý thức hệ và khai thác vì uy tín và quyền lực, để củng cố một danh tính khép kín. Không. Điều này có nghĩa là phản bội chúng và khiến chúng trở nên cần cỗi! Đối với chúng ta, các thánh Cyril và Methodius không phải là những người để tưởng nhớ, nhưng đúng hơn, là những mô hình để noi gương, những bậc thầy mà từ đó chúng ta luôn có thể học hỏi tinh thần và phương pháp truyền bá Tin Mừng, cũng như dân thân dân sự - trong cuộc hành trình đến trung tâm Châu Âu này, tôi vẫn thường nghĩ đến các cha đẻ của Liên minh Châu Âu, về việc họ đã mơ thấy nó không phải như một cơ quan truyền bá các hình thức thực dân hóa ý thức hệ thời thượng, không, như họ mơ ước. Được hiểu và sống theo cách này, cội nguồn là một đảm bảo cho tương lai: từ chúng, những nhánh hy vọng phát triển mạnh có thể mọc lên. Chúng ta cũng có những cội nguồn: mỗi người trong chúng ta đều có cội nguồn của riêng mình. Chúng ta có nhớ cội nguồn của chúng ta không? Các cội nguồn của cha mẹ chúng ta, của ông bà chúng ta? Và chúng ta có nối kết với ông bà của chúng ta, những người vốn là một kho châu báu không? “Nhưng các Người đã già...”. Không, không: họ cung cấp cho anh chị huyết mạch, anh chị em phải đến với các Người để phát triển và tiến lên. Chúng ta không nói, “Hãy đi, và trốn khỏi cội nguồn của anh chị em”: không, không. “Hãy đi về cội nguồn của anh chị em, lấy nhựa huyết của anh chị em từ các Người và tiến lên phía trước. Hãy đi và lấy chỗ của anh chị em ở đó”. Đừng quên điều này. Và tôi xin nhắc lại với anh chị em, điều mà tôi đã nói nhiều lần, câu thơ thật hay: “Mọi thứ nở trên cây đều bắt nguồn từ những gì ở dưới lòng đất”. Anh chị em chỉ có thể phát triển bao lâu anh chị em hợp nhất với cội nguồn của mình: sức mạnh của anh chị em phát xuất từ đó. Nếu anh chị em tự cắt đứt khỏi gốc rễ, để đi theo điều mới lạ, các ý thức hệ mới lạ, điều này sẽ không đưa anh chị em đến đâu đâu, nó sẽ không cho phép anh chị em phát triển đâu: anh chị em sẽ kết thúc một cách tồi tệ.

3. Khía cạnh thứ ba của cuộc hành trình này: đây là một cuộc hành hương *hy vọng*. Cầu nguyện, cội nguồn và hy vọng, ba đặc điểm. Tôi đã nhìn thấy niềm hy vọng lớn lao trong đôi mắt của những người trẻ, trong cuộc gặp gỡ khó quên tại sân vận động ở Košice. Điều cũng

cho tôi hy vọng là được thấy rất nhiều cặp vợ chồng trẻ và rất nhiều trẻ em. Và tôi nghĩ về mùa đông nhân khẩu học mà chúng ta đang trải qua, nhưng những quốc gia đó đang nở rộ với những cặp vợ chồng trẻ và trẻ em: một dấu hiệu của hy vọng. Đặc biệt trong thời điểm đại dịch, khoảnh khắc đáng ăn mừng này là một tín hiệu mạnh mẽ và đầy khích lệ, cũng nhờ sự hiện diện của nhiều cặp vợ chồng trẻ cùng con cái họ. Không kém phần mạnh mẽ và có tính tiên tri là chứng tá của Chân phước Anna Kolesárová, một thiếu nữ người Slovakia đã phải trả giá bằng mạng sống để bảo vệ phẩm giá của mình trước bạo lực: một chứng từ rất phù hợp hơn bao giờ hết, khi bạo lực đối với phụ nữ vẫn còn là một vết thương mở ở khắp mọi nơi.

Tôi đã thấy hy vọng nơi nhiều người, những người âm thầm chăm sóc và quan tâm tới người lân cận của mình. Tôi nghĩ đến các Nữ tu Thừa sai Bác ái tại Trung tâm Bê-lem ở Bratislava, những nữ tu tốt lành, biết đón nhận những người bị xã hội từ bỏ: họ cầu nguyện và phục vụ, cầu nguyện và giúp đỡ. Và họ cầu nguyện rất nhiều, và giúp đỡ rất nhiều, không hề giả vờ. Họ là những anh hùng của nền văn minh này. Tôi muốn tất cả chúng ta bày tỏ lòng biết ơn Mẹ Teresa và các nữ tu này: tất cả cùng nhau, chúng ta hãy hoan nghênh các nữ tu tốt lành này! Những nữ tu này cho người vô gia cư trú ẩn. Tôi nghĩ đến cộng đồng Roma và tất cả những người làm việc với họ với tình huynh đệ và sự hòa nhập. Thật xúc động khi được tham dự ngày lễ của cộng đồng Roma: một ngày lễ đơn giản với hương thơm của Tin Mừng. Người Roma là anh chị em của chúng ta: chúng ta phải chào đón họ, chúng ta phải gần gũi họ như các Cha Dòng Salêdiêng ở Bratislava, những vị rất gần gũi với người Roma.

Anh chị em thân mến, niềm hy vọng này, niềm hy vọng của Tin Mừng mà tôi đã có thể nhìn thấy trong cuộc hành trình, chỉ có thể được hiện thực hóa và trở nên cụ thể nếu nó được diễn tả bằng một hạn từ khác: *cùng nhau*. Hy vọng không bao giờ thất vọng, hy vọng không đi một mình, mà cùng nhau. Ở Budapest và Slovakia, chúng ta đã *cùng* hiện diện với các nghi lễ khác nhau của Giáo Hội Công Giáo, *cùng* với các anh chị em của các giáo phái Kitô giáo khác, *cùng* với các anh chị em Do Thái của chúng ta, *cùng* với các tín đồ của các tôn giáo khác, *cùng* với những người yếu nhất. Đó là nẻo đường của chúng ta, vì tương lai sẽ là tương lai của hy vọng nếu chúng ta sống *cùng* với nhau, không đơn độc: điều này rất quan trọng.

Và sau cuộc hành trình này, tôi có một lời “cảm ơn” rất lớn trong trái tim tôi. Cảm ơn các giám mục, cảm ơn các cơ quan dân sự, cảm ơn Tổng thống Hungary và Tổng thống Slovakia, cảm ơn tất cả những người đã hợp tác trong việc tổ chức [cuộc hành trình]; cảm ơn rất nhiều thiện nguyện viên; cảm ơn đến từng người đã cầu nguyện. Xin anh chị em thêm một lời cầu nguyện nữa để những hạt giống được gieo trong cuộc Hành trình này có thể sinh hoa kết trái tốt. Chúng ta hãy cầu nguyện cho điều này.

Chương Mười Hai: Thư Galát: Công chính hóa

Ngày 29/09/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình của chúng ta để hiểu rõ hơn về giáo huấn của Thánh Phaolô, hôm nay chúng ta sẽ gặp một chủ đề khó hiểu nhưng quan trọng: sự công chính hóa. Công chính hóa là gì? Chúng ta, những người từng là những kẻ có tội, nay đã trở nên công chính. Ai đã làm chúng ta ra công chính? Diễn trình thay đổi này là sự công chính hóa. Chúng ta, trước mặt Chúa, được công chính. Đó là sự thật, bản thân chúng ta là người có tội. Nhưng trong căn bản, chúng ta công chính. Đó là sự công chính hóa. Đã có rất nhiều cuộc thảo luận về chủ đề này, để tìm ra cách giải thích phù hợp nhất với tư tưởng của Thánh Tông đồ và, như thường xảy ra, những cuộc thảo luận này thậm chí đã kết thúc ở những lập trường mâu thuẫn nhau. Trong

Thư gửi tín hữu Galát, cũng như trong *Thư gửi tín hữu Rôma*, Thánh Phaolô nhấn mạnh vào sự kiện này là sự công chính hóa đến nhờ đức tin vào Chúa Kitô. “Nhưng, thưa Cha, con công chính vì con tuân giữ mọi điều răn!” Đúng, nhưng sự công chính hóa không đến từ điều đó. Nó đến trước đó. Ai đó đã công chính hóa anh chị em, ai đó đã làm anh chị em nên công chính trước mặt Chúa. “Đúng, nhưng con là một người có tội!” Đúng, anh chị em công chính, dù là một người có tội. Nhưng trong căn bản, anh chị em công chính. Ai công chính hóa anh chị em? Chúa Giêsu Kitô. Đó là sự công chính hóa.

Điều gì ẩn phía sau chữ “công chính hóa” mà lại có ý nghĩa quyết định đối với đức tin như thế? Không dễ đi đến một định nghĩa thấu đáo, nhưng xét tổng thể tư tưởng của Thánh Phaolô, có thể đơn giản nói rằng sự công chính hóa là hệ quả của “sáng kiến nhân từ của Thiên Chúa ban sự tha thứ” (*Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1990). Và chính Thiên Chúa của chúng ta, rất tốt lành, nhân từ, nhẫn nại, đầy lòng thương xót, đã liên tục ban sự tha thứ, liên tục. Người tha thứ, và sự công chính hóa là Thiên Chúa tha thứ cho mọi người trước hết trong Chúa Kitô. Lòng thương xót của Thiên Chúa ban sự tha thứ. Thực thể, Thiên Chúa, qua cái chết của Chúa Giêsu - và chúng ta cần nhấn mạnh điều này: qua cái chết của Chúa Giêsu - đã tiêu diệt tội lỗi và dứt khoát ban cho chúng ta sự ân xá và sự cứu rỗi của Người. Được công chính hóa như vậy, tội nhân được Thiên Chúa tiếp đón và hòa giải với Người. Như thế mối liên hệ ban đầu giữa Đấng Tạo Hóa và tạo vật trước khi tội bất tuân can thiệp vào đã được khôi phục. Do đó, sự công chính hóa do Thiên Chúa tạo ra cho phép chúng ta phục hồi sự trong trắng đã mất do tội lỗi. Sự công chính hóa xảy ra cách nào? Trả lời câu hỏi này có nghĩa là khám phá ra một điểm mới lạ khác trong giáo huấn của Thánh Phaolô: đó là sự công chính hóa đến nhờ ân sủng. Chỉ nhờ ân sủng: chúng ta được công chính hóa nhờ ân sủng hoàn toàn. “Nhưng há con, há bất cứ ai lại không thể đến gặp một thẩm phán và trả tiền để ông ta công chính hóa con hay sao?” Không. Anh chị em không thể trả tiền mà có được điều này. Ai đó đã trả tiền cho tất cả chúng ta: Chúa Kitô. Và từ Chúa Kitô, Đấng đã chết vì chúng ta, mà có ân sủng do Chúa Cha ban cho mọi người: Sự công chính hóa phát xuất bởi ân sủng.

Thánh Tông đồ luôn tâm niệm về trải nghiệm đã thay đổi cuộc đời Người: cuộc gặp gỡ của Người với Chúa Giêsu Phục sinh trên đường đến Đamát. Thánh Phaolô là một người kiêu hãnh, sùng đạo và nhiệt thành, tin chắc rằng sự công chính hóa bao gồm việc tuân thủ cẩn thận các giới răn của Lê luật. Tuy nhiên, giờ đây, Người đã được Chúa Kitô chinh phục, và đức tin vào Người đã hoàn toàn biến đổi Người, cho phép Người khám phá ra một sự thật đã bị che giấu xưa nay: chúng ta không trở nên công chính nhờ nỗ lực của chính mình, không, không phải chúng ta, mà là Chúa Kitô, bằng ân sủng của Người, đã làm cho chúng ta trở nên công chính. Vì vậy, Thánh Phaolô sẵn sàng từ bỏ tất cả những gì trước đây đã làm cho Người trở nên giàu có, để ý thức đầy đủ về mầu nhiệm Chúa Giêsu (xem *Pl 3:7*), vì Người đã khám phá ra rằng chỉ có ân sủng của Thiên Chúa mới cứu được Người. Chúng ta đã được công chính hóa, chúng ta đã được cứu rỗi, nhờ ân sủng hoàn toàn, không phải vì công trạng của chúng ta. Và điều này mang lại cho chúng ta sự tin tưởng lớn lao. Chúng ta là người có tội, đúng; nhưng chúng ta sống cuộc đời mình bằng ân sủng này của Thiên Chúa, ân sủng công chính hóa chúng ta mỗi khi chúng ta cầu xin sự tha thứ. Nhưng không phải trong lúc đó chúng ta được công chính hóa: chúng ta đã được công chính hóa, nhưng Người đến để tha thứ cho chúng ta một lần nữa.

Đối với Thánh Tông đồ, đức tin có một giá trị toàn diện. Nó chạm đến mọi khoảnh khắc và mọi khía cạnh trong cuộc sống của một tín hữu: từ phép rửa cho đến khi chúng ta rời khỏi thế giới này, mọi sự đều được hướng dẫn bởi đức tin vào cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu, Đấng ban ơn cứu rỗi. Sự công chính hóa nhờ đức tin nhấn mạnh tính ưu tiên của ân

sủng mà Thiên Chúa ban tặng không phân biệt cho những ai tin vào Con của Người.

Tuy nhiên, chúng ta không được kết luận rằng Luật Môsê, đối với Thánh Phaolô, đã mất giá trị; đúng hơn, nó vẫn là một hồng phúc không thể thu hồi của Thiên Chúa. Chính Thánh Tông Đồ viết, nó là “*thánh*” (Rm 7:12). Ngay cả đối với đời sống thiêng liêng của chúng ta, việc tuân giữ các điều răn là điều cần thiết. Nhưng cả ở đây, chúng ta cũng không thể trông chờ vào nỗ lực của mình: ân sủng của Thiên Chúa mà chúng ta nhận được trong Chúa Kitô là nền tảng. Ân sủng đó đến từ sự công chính hóa do Chúa Kitô ban cho chúng ta, Đấng đã trả giá cho chúng ta. Từ Người, chúng ta nhận được tình yêu nhưng không đó cho phép chúng ta, đến lượt chúng ta, yêu thương theo những cách cụ thể.

Trong bối cảnh này, điều tốt đẹp là nhớ lại lời dạy của Thánh Tông đồ Giacôbê, người đã viết: “Anh em thấy rằng một người được công chính hóa là nhờ việc làm chứ không phải chỉ nhờ một mình đức tin”. Câu này dường như là một trương phản, nhưng nó không trương phản. “Vì thể xác mà không có linh hồn thì là thể xác chết thể nào, thì đức tin mà không có việc làm cũng là một đức tin chết như thế” (Gcb 2:24, 26). Sự công chính hóa, nếu nó không mang lại kết quả do các công việc của chúng ta, thì chỉ có thể, bị chôn vùi, chết đi. Nó ở đó, nhưng chúng ta phải kích hoạt nó bằng các công việc của chúng ta. Đây là cách lời lẽ của Thánh Giacôbê bổ sung cho giáo huấn của Thánh Phaolô. Vì vậy, đối với cả hai, sự đáp ứng của đức tin đòi hỏi chúng ta phải tích cực trong tình yêu của chúng ta đối với Thiên Chúa và trong tình yêu của chúng ta đối với người lân cận. Tại sao lại “tích cực trong tình yêu đó?” Vì tình yêu đó đã cứu tất cả chúng ta, nó tự do công chính hóa chúng ta, nhưng không!

Sự công chính hóa đưa chúng ta vào lịch sử cứu độ lâu dài, một lịch sử chứng tỏ đức công chính của Thiên Chúa: trước những sa ngã và thiếu sót liên tục của chúng ta, Người đã không bỏ cuộc, nhưng Người muốn làm cho chúng ta trở nên công chính và Người đã làm như vậy bằng ân sủng, qua hồng phúc Chúa Giêsu Kitô, cái chết và sự sống lại của Người. Đôi khi tôi hay nói về cách Thiên Chúa hành động, đâu là phong cách của Thiên Chúa. Và tôi đã dùng ba chữ: Phong cách của Thiên Chúa là gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Người luôn đến gần chúng ta, cảm thương và dịu dàng. Và việc công chính hóa chính là sự gần gũi lớn nhất của Thiên Chúa đối với chúng ta, cả đàn ông lẫn đàn bà, lòng cảm thương lớn nhất của Thiên Chúa đối với đàn ông và đàn bà chúng ta, sự dịu dàng lớn nhất của Chúa Cha. Sự công chính hóa là hồng phúc Chúa Kitô này, hồng phúc cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô từng giải phóng chúng ta. “Nhưng, thưa Cha, con là một người có tội ... Con đã cướp....” Đúng, đúng. Nhưng trong căn bản, anh chị em công chính. Hãy để Chúa Kitô thực hiện sự công chính hóa đó. Trong căn bản, chúng ta không *bị kết án* không, chúng ta công chính. Cho phép tôi nói, chúng ta là những *vị thánh*. Nhưng rồi, bằng hành động của mình, chúng ta trở thành những người có tội. Nhưng, trong căn bản, chúng ta là thánh: chúng ta hãy để cho ân sủng của Chúa Kitô đến và sự công chính này, sự công chính hóa này sẽ đem lại sức mạnh để chúng ta tiến bộ. như thế, ánh sáng đức tin cho phép chúng ta nhận ra lòng nhân từ của Thiên Chúa là vô hạn xiết bao, ân sủng của Người có ích cho chúng ta xiết bao. Nhưng cũng chính ánh sáng đó làm cho chúng ta thấy được trách nhiệm đã được trao phó cho chúng ta là cộng tác với Thiên Chúa trong công cuộc cứu độ của Người. Quyền năng của ân sủng cần được kết hợp với các công việc của lòng thương xót mà chúng ta được kêu gọi thực hiện ngõ hầu làm chứng cho việc tình yêu của Thiên Chúa vĩ đại đến nhường nào. Chúng ta hãy tiến lên với sự tin tưởng này: tất cả chúng ta đã được công chính hóa, chúng ta công chính trong Chúa Kitô. Chúng ta phải thực hiện đức công chính đó bằng các công việc mình làm. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Ba: Thư gửi tín hữu Galát: Chúa Giêsu Kitô đã giải phóng chúng ta Ngày 06/10/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, chúng ta lại suy gẫm về Thư gửi tín hữu Galát, trong đó Thánh Phaolô đã viết những lời bất hủ về quyền tự do của Kitô hữu. Quyền tự do của Kitô hữu là gì? Hôm nay, chúng ta sẽ suy gẫm về chủ đề này: Tự do của Kitô hữu.

Tự do là một kho báu chỉ thực sự được đánh giá cao khi nó bị mất đi. Đối với nhiều người trong chúng ta, những người đã quen với việc được tự do, dường như nó thường là một quyền thủ đắc được hơn là một hồng phúc và một di sản cần được bảo tồn. Biết bao hiểu lầm đã diễn ra xung quanh chủ đề tự do, và biết bao quan điểm khác nhau đã xung đột nhau trong nhiều thế kỷ!

Trong trường hợp người Galát, Thánh Tông đồ không thể chịu đựng được việc các Kitô hữu đó, sau khi đã biết và chấp nhận chân lý của Chúa Kitô, đã để mình bị lôi cuốn vào những đề nghị lừa dối, chuyển từ tự do sang nô lệ: từ sự hiện diện giải thoát của Chúa Giêsu sang nô lệ tội lỗi, chủ nghĩa vụ luật, v.v. Ngay cả ngày nay, chủ nghĩa vụ luật là một trong những vấn đề của chúng ta đối với rất nhiều Kitô hữu đang nương náu vào chủ nghĩa vụ luật, nguy hiểm. Do đó, thánh Phaolô mời gọi các Kitô hữu hãy vững vàng trong sự tự do mà họ đã lãnh nhận khi chịu phép rửa, không để mình bị rơi trở lại “ách nô lệ” (Gl 5:1). Đúng là Người sót sáng đối với sự tự do này. Người ý thức rằng một số “giả làm anh em” - đây là điều Người gọi họ - đã len lỏi vào cộng đồng, Người nói thế, để “do thám sự tự do của chúng ta mà chúng ta có được trong Chúa Giêsu Kitô, để họ có thể đưa chúng ta vào vòng nô lệ” (Gl 24) - để quay lưng lại. Và Thánh Phaolô không thể chịu đựng được điều này. Lời công bố nào ngăn cản sự tự do trong Chúa Kitô sẽ không bao giờ là Tin Mừng cả. Tôi có thể là người Pêlagiô hoặc Giảngsênô hoặc đại loại như thế, nhưng không phải là người của Tin Mừng. Anh chị em không bao giờ có thể ép buộc nhân danh Chúa Giêsu; anh chị em không thể làm bất cứ ai trở thành nô lệ nhân danh Chúa Giêsu, Đấng đã làm cho chúng ta được tự do. Tự do là một hồng phúc đã được ban cho chúng ta trong phép rửa.

Nhưng trên hết, lời dạy của Thánh Phaolô về tự do có tính cách tích cực. Thánh Tông đồ đề xuất lời dạy của Chúa Giêsu, lời dạy chúng ta cũng tìm thấy trong Tin Mừng Thánh Gioan: “Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi; các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông” (8: 31-32). Vì vậy, lời kêu gọi trên hết là ở lại trong Chúa Giêsu, nguồn chân lý, Đấng làm cho chúng ta được tự do. Do đó, tự do của Kitô giáo được đặt trên hai trụ cột căn bản: thứ nhất, *ân sủng của Chúa Giêsu*; thứ hai, *sự thật mà Chúa Kitô mạc khải cho chúng ta* và đó là chính Người.

Trước hết, đó là một *hồng phúc* của Chúa. Sự tự do mà người Galát đã nhận được - và chúng ta cũng nhận được như họ trong phép rửa của chúng ta - là hoa trái của cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Thánh Tông đồ tập trung toàn bộ lời công bố của Người vào Chúa Kitô, Đấng đã giải thoát Người khỏi những ràng buộc của đời sống cũ: chỉ từ Người, hoa trái của sự sống mới mới phát xuất theo Chúa Thánh Thần. Thực thể, sự tự do đích thực nhất, thoát khỏi ách nô lệ tội lỗi, phát xuất từ Thập giá Chúa Kitô. Chúng ta được giải thoát khỏi nô lệ tội lỗi nhờ Thập giá của Chúa Kitô. Chính tại đó, nơi Chúa Giêsu tự để mình bị đóng đinh, tự làm mình thành nô lệ, Thiên Chúa đã đặt nguồn giải phóng cho con người. Điều này không bao giờ ngưng làm chúng ta ngạc nhiên: nơi mà chúng ta bị tước bỏ mọi tự do, tức là cái chết,

có thể trở thành nguồn suối của tự do. Nhưng đó là mầu nhiệm của tình yêu Thiên Chúa! Nó không dễ hiểu, nhưng nó đã được sống. Chính Chúa Giêsu đã công bố điều đó khi Người nói: “Sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, là vì tôi hy sinh mạng sống mình để rồi lấy lại. Mạng sống của tôi, không ai lấy đi được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình. Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy” (Ga 10:17-18). Chúa Giêsu đạt được tự do hoàn toàn bằng cách từ bỏ chính mình cho đến chết; Người biết rằng chỉ bằng cách này Người mới có thể giành được sự sống cho mọi người.

Chúng ta biết, Thánh Phaolô đã trực tiếp trải nghiệm mầu nhiệm tình yêu này. Vì lý do này, Người nói với người Galát, sử dụng kiểu nói cực kỳ táo bạo: “Tôi đã bị đóng đinh với Chúa Kitô” (Gl 2:19). Trong hành vi kết hợp tối cao đó với Chúa, Người biết Người đã nhận được hồng phúc lớn nhất của đời mình: tự do. Thật vậy, Người đã đóng đinh “tính xác thịt mình vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê” (5:24). Chúng ta hiểu Thánh Tông đồ được tràn ngập biết bao đức tin, sự thân mật của Người với Chúa Giêsu thâm hậu xiết bao. Và mặc dù, một mặt, chúng ta biết đây là điều chúng ta đang thiếu, mặt khác, lời chúng của Thánh Tông đồ khuyến khích chúng ta tiến bộ trong cuộc sống tự do này. Kitô hữu được tự do, nên được tự do, và được kêu gọi đừng trở lại làm nô lệ của giới luật và những điều kỳ lạ.

Trụ cột thứ hai của tự do là *sự thật*. Trong trường hợp này cũng vậy, cần phải nhớ rằng chân lý đức tin không phải là một lý thuyết trừu tượng, nhưng là thực tại của Chúa Kitô hằng sống, Đáng chạnh đến ý nghĩa hàng ngày và tổng thể của đời sống bản thân. Biết bao người chưa bao giờ được học hành, thậm chí không biết đọc biết viết, nhưng đã hiểu rõ thông điệp của Chúa Kitô, họ có thứ tự do này làm họ được tự do. Chính sự khôn ngoan của Chúa Kitô đã truyền vào họ qua Chúa Thánh Thần trong phép rửa. Biết bao người mà chúng ta thấy đã sống cuộc sống của Chúa Kitô tốt hơn những nhà thần học vĩ đại; họ cung hiến cho ta một chứng tá tuyệt vời về sự tự do của Tin Mừng. Tự do tạo ra sự tự do đến mức nó biến đổi cuộc sống của người ta và hướng nó về điều tốt đẹp. Vì vậy, để được tự do thực sự, chúng ta không những cần biết mình ở bình diện tâm lý, mà trên hết là thực hành chân lý nơi bản thân ở mức độ sâu sắc hơn - và ở đó, trong tâm hồn chúng ta, hãy mở lòng đón nhận ân sủng của Chúa Kitô. Sự thật phải làm chúng ta không yên - chúng ta hãy trở lại với từ ngữ cực kỳ có tính Kitô giáo này: bồn chồn. Chúng ta biết rằng có những Kitô hữu không bao giờ bồn chồn: cuộc sống của họ luôn luôn y như thế, không có chuyển vận gì trong lòng, họ thiếu sự bồn chồn. Tại sao? Vì bồn chồn là một dấu hiệu cho thấy Chúa Thánh Thần đang hoạt động bên trong chúng ta và tự do là một tự do hoạt động, phát xuất từ ân sủng của Chúa Thánh Thần. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng tự do phải làm chúng ta không yên, nó phải liên tục chất vấn chúng ta, để chúng ta có thể luôn vào sâu hơn những gì chúng ta thực sự là. Bằng cách này, chúng ta sẽ khám phá ra rằng hành trình của sự thật và tự do là một hành trình gian khổ kéo dài suốt đời. Mãi mãi tự do là điều gian khổ, là đấu tranh; nhưng nó không bất khả hữu. Can đảm lên, chúng ta hãy thực hiện tiến bộ về vấn đề này, điều đó sẽ tốt cho chúng ta. Và đó là cuộc hành trình trong đó Tình yêu phát xuất từ Thập giá sẽ hướng dẫn và nâng đỡ chúng ta: Tình yêu mạc khải sự thật cho chúng ta và ban cho chúng ta tự do. Đó là con đường dẫn đến hạnh phúc. Tự do làm chúng ta tự do, làm chúng ta hân hoan, làm chúng ta hạnh phúc.

**Chương Mười Bốn: Thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Galát:
Tự do của Kitô hữu, men giải phóng phổ quát**
Ngày 13/10/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình giáo lý của chúng ta về Thư gửi tín hữu Galát, chúng ta có thể tập trung vào điều đối với Thánh Phaolô vốn là cốt lõi của tự do: sự kiện là, với cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu Kitô, chúng ta đã được giải thoát khỏi ách nô lệ của tội lỗi và sự chết. Nói cách khác, chúng ta được tự do bởi vì chúng ta đã được giải thoát, được giải thoát bởi ân sủng - không phải bằng tiền bạc, được giải thoát bởi tình yêu, điều đã trở thành quy luật tối cao và mới mẻ của đời sống Kitô hữu. Tình yêu: chúng ta tự do vì chúng ta được giải phóng tự do. Thực tế, đây quả là điểm mấu chốt.

Hôm nay tôi muốn nhấn mạnh tới việc sự mới lạ của cuộc sống này đã mở lòng chúng ta để chào đón mọi người và mọi nền văn hóa, đồng thời mở lòng mọi người và mọi nền văn hóa hướng tới một sự tự do lớn hơn ra sao. Thực tế, Thánh Phaolô nói rằng đối với những người theo Chúa Giêsu Kitô, là người Do Thái hay người ngoại giáo không còn quan trọng nữa. Điều duy nhất đáng kể là “đức tin hoạt động nhờ tình yêu” (Gl 5:6). Tin rằng chúng ta đã được giải thoát, và tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã giải thoát chúng ta: đó là đức tin hoạt động nhờ tình yêu. Những kẻ gièm pha Thánh Phaolô - những người theo trào lưu cực đoan đến đó - đã tấn công Người vì tính mới mẻ này, họ tuyên bố rằng Người đã đưa quan điểm này ra khỏi cơ hội mục vụ, hay đúng hơn để “làm hài lòng mọi người”, rút gọn tối đa các yêu cầu từng nhận được từ truyền thống tôn giáo chặt chẽ hơn của Người. Lý lẽ này y hệt như lý lẽ của những người cực đoan ngày nay: lịch sử luôn lặp lại chính nó. Như chúng ta đã thấy, việc chỉ trích mọi điều mới mẻ của Tin Mừng không chỉ thời đại của chúng ta mới có, nhưng nó có một lịch sử lâu dài đằng sau nó. Tuy nhiên, Thánh Phaolô không giữ im lặng. Người đáp lại một cách *parrhesia* [mạnh dạn] - đó là một hạn từ tiếng Hy Lạp nói lên lòng can đảm, sức mạnh - và Người nói, “Giờ đây, tôi tìm kiếm sự ưu ái của loài người hay của Thiên Chúa? Hay tôi đang cố làm hài lòng người ta? Nếu tôi còn làm đẹp lòng người ta, thì tôi không nên làm tôi tớ Đức Kitô” (Gl 1:10). Ngay trong Thư thứ nhất gửi cho tín hữu Texalônica, Người đã bày tỏ tâm tư bằng những từ ngữ tương tự; Người nói rằng trong lời rao giảng của mình, Người chưa bao giờ sử dụng “lời tâng bốc... hoặc che chở cho lòng tham; ... Chúng tôi cũng không tìm kiếm vinh quang từ loài người” (ITx 2: 5-6), đó là những nẻo đường “tạo giả mạo”; một đức tin không phải là đức tin, nó là tinh thần thế gian.

Suy nghĩ của Thánh Phaolô một lần nữa cho thấy một sự sâu sắc đầy linh hứng. Đối với Người, nghinh đón đức tin bao gồm việc từ bỏ không phải tâm điểm của các nền văn hóa và truyền thống, mà là những gì có thể cản trở tính mới mẻ và tinh ròng của Tin Mừng. Bởi vì tự do nhận được nhờ cái chết và sự phục sinh của Chúa không tham dự vào cuộc xung đột với các nền văn hóa hay với các truyền thống mà chúng ta đã nhận được, nhưng đúng hơn đưa vào trong chúng ta một tự do mới, một điều mới lạ có tính giải phóng, đó là Tin Mừng. Thật vậy, sự giải phóng có được nhờ phép rửa giúp chúng ta có được phẩm giá đầy đủ của con cái Thiên Chúa, để, trong khi luôn bám vào cội nguồn văn hóa của mình, chúng ta đồng thời mở lòng đón nhận tính phổ quát của đức tin, một đức tin đi vào mọi nền văn hóa, thừa nhận các hạt nhân của sự thật hiện diện ở đó, và phát triển chúng, mang những điều tốt đẹp chứa đựng trong chúng tới chỗ viên mãn. Chấp nhận rằng chúng ta đã được giải thoát bởi Đức Kitô – bởi cuộc khổ nạn, cái chết, sự phục sinh của Người - là chấp nhận và mang sự viên mãn đến cho cả các truyền thống khác nhau của mỗi dân tộc. Sự viên mãn đích thực.

Trong lời kêu gọi tiến tới tự do, chúng ta khám phá ra ý nghĩa đích thực của việc hội nhập văn hóa của Tin Mừng. Ý nghĩa đích thực này là gì? Là có thể loan báo Tin Mừng của Chúa Kitô, Đấng Cứu Rỗi luôn tôn trọng những điều tốt đẹp và sự thật hiện hữu trong các nền văn hóa. Chuyện này không dễ dàng! Có rất nhiều cơn cám dỗ muốn tìm cách áp đặt mô hình sống của riêng mình như thể nó là mô hình tiến hóa nhất và hấp dẫn nhất. Biết bao sai lầm trong lịch sử rao giảng Tin Mừng do đã tìm cách áp đặt một mô hình văn hóa duy nhất! Sự

độc dạng như một quy luật sống không phải là Kitô giáo! Hợp nhất thì được, độc dạng thì không! Thậm chí, đôi khi, người ta không chừa cả bạo lực để làm cho một quan điểm duy nhất chiếm ưu thế. Anh chị em hãy nghĩ tới những cuộc chiến tranh. Vì cách này, Giáo hội đã bị tước mất tính phong phú của nhiều phát biểu địa phương mà truyền thống văn hóa của cả một dân tộc vốn mang theo. Nhưng điều này hoàn toàn trái ngược với tự do của Kitô giáo! Thí dụ, tôi nhớ tới phương thức hoạt động tông đồ được thiết lập ở Trung Quốc với Cha Ricci, hoặc ở Ấn Độ với Cha De Nobili... [Một số người nói] “Không, đây không phải là Kitô giáo!” Phải, đó là Kitô giáo, nó nằm trong nền văn hóa của người dân.

Nói tóm lại, viễn kiến của Thánh Phaolô về tự do hoàn toàn được soi sáng và làm cho sinh hoa kết trái bởi mầu nhiệm Chúa Kitô, Đấng trong việc nhập thể của Người - như Công đồng Vatican II nhắc lại - đã tự kết hợp một cách nào đó với mọi người (x. Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, 22). Và điều này có nghĩa là không có sự độc dạng, thay vào đó là sự đa dạng, nhưng sự đa dạng hợp nhất. Do đó, nghĩa vụ phải tôn trọng nguồn gốc văn hóa của mọi người, đặt họ trong một không gian tự do không bị hạn chế bởi bất cứ sự áp đặt nào do một nền văn hóa chủ đạo duy nhất áp đặt. Đây là ý nghĩa của việc chúng ta gọi mình là người Công Giáo, của việc nói về Giáo Hội Công Giáo. Nó không phải là một danh xưng xã hội học để phân biệt chúng ta với các Kitô hữu khác; Công Giáo là một tính từ có nghĩa là phổ quát: tính Công Giáo, tính phổ quát. Phổ quát, nghĩa là Công Giáo, Giáo hội, có nghĩa là Giáo hội chứa đựng trong mình, trong chính bản chất của mình, một sự cởi mở đối với mọi dân tộc và mọi nền văn hóa thuộc mọi thời đại, bởi vì Chúa Kitô đã sinh ra, đã chết và đã sống lại cho mọi người.

Bên cạnh đó, văn hóa tự bản chất là sự biến đổi liên tục. Nếu ai đó nghĩ về việc chúng ta được kêu gọi như thế nào để loan báo Tin Mừng trong thời điểm lịch sử có nhiều thay đổi văn hóa vĩ đại này, nơi mà một kỹ thuật ngày một tiên tiến hơn dường như đang chiếm ưu thế. Nếu chúng ta nói về đức tin như chúng ta đã làm trong những thế kỷ trước, chúng ta sẽ có nguy cơ không còn được các thế hệ mới hiểu nữa. Sự tự do của đức tin Kitô giáo - tự do Kitô giáo - không nói đến một viễn kiến tĩnh tụ về đời sống và văn hóa, mà là một viễn kiến năng động, và là một viễn kiến năng động ngay trong truyền thống. Truyền thống phát triển, nhưng luôn luôn với cùng một bản chất. Do đó, chúng ta đừng cho là mình sở hữu tự do. Chúng ta đã nhận được một hồng ân để chăm sóc. Đúng hơn, chính sự tự do yêu cầu mỗi người chúng ta phải thường xuyên di chuyển, hướng tới sự viên mãn của nó. Đó là thân phận của những người hành hương; đó là trạng thái của những người đi đường, liên tục xuất hành: được giải phóng khỏi chế độ nô lệ để tiến tới tự do viên mãn. Và đây là hồng ân tuyệt vời mà Chúa Giêsu Kitô đã ban cho chúng ta. Chúa đã giải phóng chúng ta khỏi nô lệ một cách tự do, và đã đặt chúng ta lên đường để bước đi trong tự do hoàn toàn.

Chương Mười Lăm: Thư gửi tín hữu Galát: Tự do thể hiện trong tình yêu

Ngày 20/10/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong những ngày này, chúng ta đang nói về tự do của đức tin, khi lắng nghe Thư gửi tín hữu Galát. Nhưng tôi nhớ lại điều Chúa Giêsu nói về tính tự phát và tự do của trẻ em, khi em bé này được tự do lên đây và chạy nhảy như thể em đang ở nhà... Và Chúa Giêsu nói với chúng ta: “anh chị em cũng vậy, nếu anh chị em không xử sự như trẻ em, anh chị em sẽ không được vào Nước Trời”. Sự can đảm đến gần Chúa, cởi mở với Chúa, không sợ hãi Chúa: Tôi cảm ơn em bé này về bài học mà em đã cho tất cả chúng ta. Và cầu xin Chúa giúp em trong sự hạn chế của em, trong việc lớn lên của em vì em đã cho chúng ta lời chứng phát xuất từ trái tim

của em. Trẻ em vốn không cần một phiên dịch viên tự động từ trái tim ra cuộc sống: trái tim dẫn đầu. Cảm ơn con.

Thánh Tông Đồ Phaolô, với thư gửi tín hữu Galát, dần dần dẫn chúng ta vào sự mới mẻ tuyệt vời của đức tin. Từ từ, từng bước... đó là tính mới mẻ của đức tin. Nó thực sự là một điều mới mẻ tuyệt vời, vì nó không chỉ đổi mới một vài khía cạnh của cuộc sống, mà đúng hơn dẫn chúng ta vào “cuộc sống mới” mà chúng ta đã lãnh nhận với Bí tích Rửa tội. Ở đó, hồng ân lớn nhất, đó là được trở thành con cái của Thiên Chúa, đã được tuôn đổ xuống chúng ta. Được tái sinh trong Chúa Kitô, chúng ta đã từ một tôn giáo được tạo thành từ các giới luật - chúng ta đã từ một lòng đạo được tạo thành từ các giới luật - bước sang một đức tin sống động, mà tâm điểm là sự hiệp thông với Thiên Chúa và với anh chị em của chúng ta, nghĩa là, tình yêu. Chúng ta đã từ ách nô lệ sợ hãi và tội lỗi bước vào tự do của con cái Thiên Chúa. Ở đây, một lần nữa, là chữ tự do...

Hôm nay chúng ta sẽ cố gắng hiểu rõ hơn, đối với Thánh Tông đồ, đâu là tâm điểm của tự do này, đâu là cốt lõi của nó. Thánh Phaolô khẳng định rằng nó không hề là “cơ hội cho xác thịt” (Gl 5:13): do đó, tự do không phải là một lối sống phóng túng, theo xác thịt hay theo bản năng, ham muốn cá nhân hay những thôi thúc ích kỷ của người ta; không, trái lại, Thánh Tông Đồ viết, sự tự do của Chúa Giêsu dẫn chúng ta trở thành “tôi tớ của nhau” (đđ). Nhưng đây có phải là nô lệ chẳng? Đúng vậy, tự do trong Chúa Kitô có một yếu tố nô lệ, một chiều kích dẫn chúng ta đến việc phục vụ, đến chỗ sống cho người khác. Nói cách khác, tự do đích thực được thể hiện trọn vẹn trong tình yêu. Tuy nhiên, một lần nữa, chúng ta thấy mình phải đối diện với nghịch lý của Tin Mừng: chúng ta được giải phóng bằng cách phục vụ, chứ không phải làm bất cứ điều gì chúng ta muốn. Chúng ta tự do trong việc phục vụ, và tự do phát xuất từ đó; chúng ta tìm thấy mình trọn vẹn ở mức độ chúng ta tự cho mình đi. Chúng ta tìm thấy mình trọn vẹn ở mức độ chúng ta tự cho mình đi, ở mức độ chúng ta có đủ can đảm để cho chính mình đi; chúng ta có sự sống nếu chúng ta mất nó đi (x. Mc 8:35). Đây là Tin Mừng tình yêu.

Nhưng phải giải thích ra sao nghịch lý này? Vì nó là một nghịch lý! Câu trả lời của Thánh Tông đồ vừa đơn giản vừa rất đòi hỏi: “bằng tình yêu thương” (Gl 5:13). Không có tự do nếu không có tình yêu. Tự do ích kỷ làm những gì mình muốn không phải là tự do, vì nó hướng vào chính mình, nó không sinh hoa kết trái. Nhờ tình yêu: chính tình yêu của Chúa Kitô đã giải phóng chúng ta và chính tình yêu cũng giải phóng chúng ta khỏi chế độ nô lệ tội tệ nhất, đó là sự nô lệ bản thân; do đó, tự do gia tăng cùng với tình yêu. Nhưng hãy cẩn thận: không phải bằng tình yêu vị kỷ, bằng tình yêu của một vợ kịch ướm át, không phải bằng niềm đam mê chỉ tìm kiếm những gì chúng ta muốn và thích: không phải bằng điều đó, nhưng bằng tình yêu chúng ta thấy nơi Chúa Kitô, đức bác ái - đây là tình yêu thực sự tự do và giải thoát. Đó là tình yêu tỏa sáng trong việc phục vụ nhưng không, mô phỏng theo tình yêu của Chúa Giêsu, Đấng đã rửa chân cho các môn đệ và nói: “Thầy đã nêu gương cho các con, các con cũng hãy làm như Thầy đã làm cho các con” (Ga 13 : 15). Phục vụ lẫn nhau.

Vì vậy, đối với Thánh Phaolô, tự do không phải là “làm những gì anh chị em muốn và những gì anh chị em thích”: không. Loại tự do này, không có mục tiêu và không có điểm qui chiếu, sẽ là một thứ tự do trống rỗng, một thứ tự do của rạp xiếc: nó không tốt. Và quả thực, nó để lại sự trống rỗng bên trong: biết bao lần, sau khi chỉ làm theo bản năng, chúng ta đã nhận ra rằng chúng ta chỉ còn lại một sự trống rỗng lớn bên trong và chúng ta đã sử dụng một cách tội tệ kho tàng tự do của mình, vẻ đẹp của việc có thể chọn điều tốt thực sự cho chính chúng ta và cho những người khác. Tự do đích thực luôn giải phóng chúng ta, trong khi nếu chúng ta thực hành quyền tự do đó đối với những gì chúng ta thích và không thích, cuối cùng chúng

ta vẫn trống rỗng. Chỉ có sự tự do này là hoàn toàn, chân chính và đưa chúng ta vào cuộc sống hàng ngày thực sự.

Trong một bức thư khác, thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, Thánh Tông Đồ trả lời những người ủng hộ ý niệm không đúng về tự do. "Tất cả mọi thứ đều hợp pháp!" À, tất cả mọi thứ đều hợp pháp, có thể thực hiện chúng. Không: đó là một ý niệm sai lầm. Câu trả lời sẽ là "Đúng, nhưng không phải tất cả mọi thứ đều hữu ích". Thánh Phaolô trả lời "Tất cả mọi thứ đều hợp pháp nhưng không phải tất cả mọi thứ đều hữu ích!". Thánh Tông Đồ phản bác, "Tất cả mọi thứ đều đúng luật, đúng, nhưng không phải tất cả mọi thứ đều xây dựng". Sau đó, Người nói thêm: "Đừng ai tìm kiếm lợi ích của mình, nhưng tìm kiếm lợi ích của người lân cận"(1 Cr 10: 23-24). Đó là quy luật để vạch mặt bất cứ kiểu tự do ích kỷ nào. Ngoài ra, đối với những người bị cám dỗ muốn giảm lược tự do vào sở thích của riêng họ, Thánh Phaolô đặt trước họ nhu cầu tình yêu. Tự do được hướng dẫn bởi tình yêu là thứ tự do duy nhất giúp cho người khác và chính chúng ta được tự do, biết lắng nghe mà không áp đặt, biết yêu thương mà không ép buộc, biết xây dựng và không phá hủy, không bóc lột người khác vì sự thuận tiện của mình và làm điều tốt, mà không tìm kiếm lợi ích của riêng mình. Nói tóm lại, nếu tự do không phục vụ - đây là thước đo - nếu tự do không phục vụ điều tốt, nó có nguy cơ bị cản trở và không sinh hoa kết quả. Nếu tự do không phục vụ điều thiện, nó không sinh hoa kết quả. Mặt khác, tự do được tình yêu linh hứng sẽ dẫn đến người nghèo, nhận ra khuôn mặt của Chúa Kitô trên khuôn mặt của họ. Do đó, việc phục vụ lẫn nhau này cho phép Thánh Phaolô, khi viết cho tín hữu Galát, nhấn mạnh một điều không hề có nghĩa thứ yếu: theo cách này, khi nói về sự tự do mà các Tông Đồ khác đã trao cho Người để rao giảng Tin Mừng, Người nhấn mạnh rằng họ chỉ khuyên nghị một điều: nhớ đến người nghèo (x. Gl 2:10). Thật là đáng lưu ý, những gì các Tông Đồ nói sau cuộc chiến ý thức hệ giữa Thánh Phaolô và các Tông Đồ, các Người đồng ý: "Hãy lên đường, hãy lên đường và đừng quên những người nghèo khó", nghĩa là, mong sự tự do của bạn với tư cách một nhà rao giảng là một tự do trong việc phục vụ người khác, không phải phục vụ chính mình, làm theo ý mình.

Tuy nhiên, chúng ta biết rằng một trong những quan niệm hiện đại phổ biến nhất về tự do là: "tự do của tôi kết thúc nơi tự do của bạn bắt đầu". Nhưng ở đây thiếu mối tương quan! Đó là một tầm nhìn theo chủ nghĩa cá nhân. Mặt khác, những người đã nhận được hồng ân tự do của Chúa Giêsu mang đến không thể nghĩ rằng tự do hệ ở việc tránh xa những người khác, như thể họ là một mối phiền toái; con người không thể bị coi như bị giam hãm trong chính mình, nhưng luôn luôn là một phần của cộng đồng. Chiều kích xã hội là nền tảng đối với Kitô hữu, và nó giúp họ hướng đến lợi ích chung chứ không quan tâm đến lợi ích riêng.

Đặc biệt trong thời điểm lịch sử này, chúng ta cần khám phá lại chiều kích tự do cộng đồng, chứ không phải chiều kích cá nhân chủ nghĩa: đại dịch đã dạy chúng ta rằng chúng ta cần có nhau, nhưng biết điều này mà thôi không đủ; chúng ta cần phải lựa chọn nó một cách hữu hình, để quyết định bước đi trên con đường đó, mỗi ngày. Chúng ta hãy nói và tin rằng những người khác không phải là một trở ngại cho tự do của tôi, mà đúng hơn họ là khả thể hoàn toàn thể hiện được nó. Vì tự do của chúng ta phát sinh từ tình yêu Thiên Chúa và lớn lên trong đức bác ái. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Sáu: Thư gửi tín hữu Galát: Hoa trái Chúa Thánh Thần

Ngày 27/10/2021

Anh chị em thân mến!

Lời rao giảng của Thánh Phaolô hoàn toàn tập trung vào Chúa Giêsu và Mầu nhiệm Vượt qua của Người. Trên thực tế, Thánh Tông đồ tự giới thiệu mình như một nhân chứng của Chúa Kitô, và là Chúa Kitô bị đóng đinh (xem *1 Cr 2: 2*). Với các tín hữu Galát, bị cám dỗ muốn đặt căn bản lòng đạo của họ trên việc tuân thủ các giới luật và truyền thống, Người nhắc nhở rằng trung tâm của ơn cứu rỗi và đức tin là cái chết và sự phục sinh của Chúa. Người làm như vậy bằng cách đặt trước mặt họ thực tại thập giá của Chúa Giêsu. Do đó, Người viết: "Ai đã mê hoặc anh em là những người đã được thấy hình ảnh Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh vào thập giá phơi bày ra trước mắt?" (*Gl 3: 1*). Ai đã mê hoặc anh chị em để anh chị em rời xa Chúa Kitô bị đóng đinh? Đó là một khoảnh khắc khủng khiếp đối với người Galát....

Ngày nay, có nhiều người vẫn tìm kiếm sự an toàn tôn giáo hơn là tìm kiếm Thiên Chúa hằng sống và chân thật, tập chú vào các nghi lễ và giới luật thay vì đón nhận tình yêu của Thiên Chúa bằng toàn thể con người của họ. Và đây là cơn cám dỗ của những người theo trào lưu cực đoan mới, không phải sao? Trong số những người dường như sợ phải tiến bộ, và những người thụt lùi vì họ cảm thấy an toàn hơn: họ tìm kiếm sự an toàn của Thiên Chúa chứ không phải Thiên Chúa của sự an toàn Đây là lý do tại sao Thánh Phaolô yêu cầu người Galát trở lại với điều chủ yếu - trở về với Thiên Chúa, với điều chủ yếu, không phải các điều an toàn của Thiên Chúa: điều chủ yếu - với Thiên Chúa, Đấng ban sự sống cho chúng ta trong Chúa Kitô bị đóng đinh. Người đích thân làm chứng cho điều này: "Tôi đã bị đóng đinh với Chúa Kitô; không còn phải là tôi sống nữa, mà là Đức Kitô sống trong tôi" (*Gl 2:20*). Và ở phần cuối của bức Thư, Người quả quyết: "Ước chi tôi chẳng hãnh diện về điều gì, ngoài thập giá Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta!" (*6:14*).

Nếu chúng ta đánh mất sợi chỉ xuyên suốt đời sống thiêng liêng, nếu hàng ngàn vấn đề và suy nghĩ tấn công chúng ta, chúng ta hãy lưu ý lời khuyên của Thánh Phaolô: chúng ta hãy đặt mình trước Chúa Kitô bị đóng đinh, chúng ta hãy bắt đầu lại từ Người. Chúng ta hãy cầm lấy Tượng Chịu Nạn trong tay, ôm chặt nó vào lòng. Hoặc thậm chí chúng ta có thể dành chút thời gian để cầu Thánh Thể, nơi Chúa Giêsu là Bánh được bẻ ra cho chúng ta, Bị đóng đinh, Phục sinh, là quyền năng của Thiên Chúa, Đấng tuân theo tình yêu của Người vào lòng chúng ta.

Và bây giờ, vẫn được Thánh Phaolô hướng dẫn, chúng ta hãy tiến thêm một bước nữa. Chúng ta hãy tự hỏi mình: điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta gặp Chúa Giêsu Bị đóng đinh trong lời cầu nguyện? Cùng một điều như đã diễn ra trên thập giá: Chúa Giêsu gục đầu xuống và trao Thần Khí (x. *Ga 19:30*), tức là Người đã hiến mạng sống của mình. Và Thần Khí tuôn ra cuộc Vượt Qua của Chúa Giêsu là nguồn suối của đời sống thiêng liêng. Người thay đổi các cõi lòng: không phải các việc làm của chúng ta. Người là Đấng thay đổi cõi lòng, không phải những điều chúng ta làm, nhưng hành động của Chúa Thánh Thần trong chúng ta thay đổi cõi lòng của chúng ta! Người hướng dẫn Giáo hội và chúng ta được kêu gọi tuân theo hành động của Người, Đấng thổi ở đâu và như thế nào tùy ý Người. Hơn nữa, chính việc ý thức rằng Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên mọi người, và ân sủng của Người đang hoạt động không loại trừ ai, đã thuyết phục ngay cả những Tông đồ miến cưỡng nhất rằng Tin Mừng dành cho mọi người chứ không phải cho một số ít người được đặc ân. Và những người tìm kiếm sự an toàn, một nhóm nhỏ, tìm kiếm những điều rõ ràng như hồi đó, họ sống "như hồi đó", họ xa cách với Chúa Thánh Thần, họ không cho phép Chúa Thánh Thần tự do đi vào trong họ. Như

thể, đời sống cộng đồng được tái sinh trong Chúa Thánh Thần; và luôn luôn nhờ Người mà chúng ta nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu của mình và tiếp tục tham gia vào trận chiến thiêng liêng của chúng ta.

Chính cuộc chiến đấu thiêng liêng là một giáo huấn quan trọng khác trong Thư gửi tín hữu Galát. Thánh Tông đồ trình bày hai trận tuyến đối lập nhau: một bên là “công việc của xác thịt”, và bên kia là “hoa trái của Chúa Thánh Thần”. Công việc của xác thịt là gì? Đó là những tác phong trái với Thần Khí Thiên Chúa. Thánh Tông đồ gọi chúng là những công việc của xác thịt không phải vì có điều gì đó sai trái hoặc xấu xa về cơ thể con người chúng ta. Thay vào đó, chúng ta thấy Người vốn nhân mạnh đến thực tại xác thịt con người mà Chúa Kitô đã mang lên thập giá! Xác thịt là một từ ngữ chỉ chiều kích trần thế của con người, tự nó đóng khung trong cuộc sống hàng ngày, tuân theo bản năng thể gian và đóng cửa đối với Chúa Thánh Thần, Đấng nâng chúng ta lên và mở lòng chúng ta ra với Thiên Chúa và những người khác. Nhưng xác thịt cũng nhắc nhở chúng ta rằng mọi điều sẽ già đi, mọi điều sẽ qua đi, khô héo, trong khi Chúa Thánh Thần ban sự sống. Do đó, Thánh Phaolô liệt kê những việc làm của xác thịt qui chiếu vào việc sử dụng tính dục một cách ích kỷ, đến những thực hành ma thuật liên quan đến việc thờ ngẫu thần và tất cả những gì phá hoại các mối tương quan liên ngã như “thù hận, ghen ghét, bất hòa, chia rẽ, bè phái, đố kỵ...” (x. Gl 5:19-21): tất cả những điều này là sự thật - chúng ta có thể nói như vậy - của xác thịt, của hành vi chỉ là “con người”, là con người *bệnh hoạn*. Vì làm người có giá trị của nó, nhưng đây là con người *bệnh hoạn*.

Trái lại, hoa trái của Chúa Thánh Thần là “bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ” (Gl 5: 22-23), như thánh Phaolô đã viết. Các Kitô hữu, những người trong phép rửa đã “mặc lấy Đức Kitô” (Gl 3:27), được mời gọi sống như vậy. Có thể là một cuộc linh thao tốt, chẳng hạn, như đọc bảng liệt kê của Thánh Phaolô và xét hành vi của chúng ta xem có tương ứng với nó hay không, nếu chúng ta thực sự sống theo Chúa Thánh Thần, nếu chúng ta muốn mang các hoa trái này của Người. Những hoa trái bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ: cuộc đời tôi có mang những hoa trái này không? Có phải Chúa Thánh Thần ban cho tôi hay không? Chẳng hạn, ba hoa trái đầu tiên được liệt kê là bác ái, hoan lạc, bình an: một người mà trong họ Chúa Thánh Thần cư ngụ có thể được nhận ra nhờ những đặc điểm này. Người sống bình an, người sống hoan lạc và người sống bác ái. Chúa Thánh Thần được nhìn thấy nhờ ba đặc điểm này.

Giáo huấn của Thánh Tông đồ cũng đặt ra một thách thức khá lớn cho các cộng đồng của chúng ta. Đôi khi, những người tiếp cận với Giáo hội có ấn tượng rằng họ đang phải đối diện với một khối dày đặc các quy tắc và luật lệ: nhưng không, đây không phải là Giáo hội! Đây có thể là bất cứ hiệp hội nào. Nhưng, trên thực tế, vẻ đẹp của đức tin vào Chúa Giêsu Kitô không thể được nắm bắt dựa trên quá nhiều điều răn hay một nhân quan luân lý được phát triển trong nhiều lớp lang có thể làm chúng ta quên mất tính đơm hoa kết trái nguyên thủy của tình yêu được nuôi dưỡng bằng lời cầu nguyện, từ đó chúng ta bình an và hoan lạc phát sinh. Cũng vậy, sự sống của Chúa Thánh Thần, được phát biểu trong các Bí tích, không thể bị bóp nghẹt bởi một hệ thống quan liêu luôn ngăn cản ta lãnh nhận ân sủng của Chúa Thánh Thần, Đấng khơi mào cho việc hoán cải cõi lòng. Và biết bao lần chính chúng ta, các linh mục hay giám mục, tuân theo quá nhiều thủ tục bần giấy trong việc ban bí tích, tiếp đón người ta, đến nỗi họ nói: “Không, tôi không thích điều đó”, và họ không đến, và nhiều lần họ không thấy nơi chúng ta quyền năng của Chúa Thánh Thần, Đấng tái sinh, Đấng làm cho mọi người trở nên mới mẻ. Do đó, chúng ta có trách nhiệm to lớn phải loan báo Chúa Kitô chịu đóng đinh và sống lại, được hơi thở của Thần khí yêu thương làm cho sinh động. Vì chính

một mình Tình yêu này mới có sức mạnh thu hút và thay đổi cõi lòng con người. Cảm ơn anh chị em

Chương Mười Bảy: Thư gửi tín hữu Galát: Bước đi theo Thần Khí

Ngày 03/11/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong đoạn Thư gửi tín hữu Galát mà chúng ta vừa nghe, Thánh Phaolô khuyên các Kitô hữu hãy bước đi theo Thần Khí (x. 5:16, 25), đó là một phong cách: bước đi theo Thần Khí. Thật vậy, tin vào Chúa Giêsu có nghĩa là đi theo Người, đi sau Người trên con đường của Người, giống như các môn đệ đầu tiên đã làm. Và đồng thời, nó có nghĩa là tránh theo cách ngược lại, cách của chủ nghĩa vị kỷ, tìm kiếm lợi ích của chính mình, mà Thánh Tông đồ gọi là “ham muốn của xác thịt” (câu 16). Chúa Thánh Thần là người hướng dẫn cho cuộc hành trình này theo con đường của Chúa Kitô, một cuộc hành trình kỳ diệu nhưng đầy khó khăn bắt đầu trong Bí tích Rửa tội và kéo dài suốt cuộc đời của chúng ta. Chúng ta có thể nghĩ về nó như một chuyến du ngoạn dài ngày trên những đỉnh núi cao: ngoạn mục, đích đến hấp dẫn, nhưng đòi hỏi rất nhiều nỗ lực và sự ngoan cường.

Hình ảnh trên có thể hữu ích để hiểu giá trị của các lời lẽ của Thánh Tông đồ “bước đi theo Thần Khí”, “để mình được Người hướng dẫn”. Chúng là những biểu thức chỉ một hành động, một chuyên động, một sự năng động ngăn cản chúng ta dừng lại ở những khó khăn đầu tiên, nhưng khơi gợi niềm tin vào “sức mạnh phát xuất từ trên cao” (*Shepherd of Hermas*, 43, 21). Bước đi theo con đường này, Kitô hữu có được một tầm nhìn tích cực về cuộc sống. Điều này không có nghĩa là cái ác hiện diện trên thế giới biến đi, hay những xung lực tiêu cực của chủ nghĩa vị kỷ và lòng kiêu hãnh của chúng ta giảm đi. Đúng hơn, nó có nghĩa là niềm tin vào Thiên Chúa luôn mạnh hơn sự phản kháng của chúng ta và lớn hơn tội lỗi của chúng ta. Và điều này rất quan trọng: luôn luôn tin rằng Thiên Chúa vĩ đại hơn. Vĩ đại hơn sự kháng cự của chúng ta, vĩ đại hơn tội lỗi của chúng ta.

Khi khuyến khích người Galát đi theo con đường này, Thánh Tông đồ đặt mình ngang hàng với họ. Người bỏ động từ mệnh lệnh - “hãy bước đi” (câu 16) - và dùng chữ “chúng ta” theo lối xác định: “chúng ta hãy bước đi theo Chúa Thánh Thần” (câu 25). Điều đó có nghĩa là: chúng ta hãy bước theo cùng một con đường và chúng ta hãy để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn chúng ta. Đó là một lời hô hào, một cách hô hào. Thánh Phaolô cảm thấy lời hô hào này cũng cần thiết cho chính Người nữa. Dù biết rằng Chúa Kitô đang sống trong Người (xem 2:20), nhưng Người cũng tin chắc rằng Người vẫn chưa đạt được mục tiêu là đỉnh núi (xem *Pl* 3:12). Thánh Tông đồ không đặt Người lên trên cộng đồng của Người. Người không nói: “Tôi là người lãnh đạo; anh chị em là những người khác; tôi đã từ trên núi cao xuống còn anh chị em thì đang trên đường đi tới đó”. Người không nói điều này, nhưng đặt mình vào giữa cuộc hành trình mà mọi người đang đi để làm gương cụ thể về mức độ cần thiết phải vâng lời Thiên Chúa, tương ứng ngày càng tốt hơn với sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Và quả thật đẹp biết bao khi chúng ta tìm thấy những mục tử chịu hành trình với giáo dân của họ, những người không biết mệt mỏi - “Không, tôi quan trọng hơn, tôi là một mục tử. Anh chị em là...” ; “Tôi là một linh mục” ; “Tôi là một giám mục” ; với những cái mũi hên lên không khí. Không: các mục tử hành trình với dân chúng. Điều này rất đẹp. Nó làm cho linh hồn nên tốt lành.

Việc “bước đi theo Thần Khí” này không chỉ là một nhiệm vụ cá nhân: nó cũng liên quan đến cộng đồng nói chung. Thực tế, việc xây dựng cộng đồng theo cách được Thánh Tông đồ chỉ

ra quả là một điều thú vị, nhưng cũng đòi hỏi nhiều sự cố gắng. Chúng ta có thể nói “những ham muốn của xác thịt”, “những cám dỗ” mà tất cả chúng ta đều có - nghĩa là, những ghen tị, thành kiến, đạo đức giả và sự thù ghét của chúng ta cứ tiếp tục làm cho chúng được cảm thấy - và phải nhờ đến một bộ giới luật cứng nhắc, tất cả đều có thể là một cám dỗ dễ dàng. Nhưng làm điều này có nghĩa là đi lạc khỏi con đường tự do, và thay vì leo lên đỉnh cao, nó có nghĩa là quay trở lại phía dưới. Trước hết, hành trình theo con đường của Thần Khí đòi hỏi phải dành chỗ cho ân sủng và đức ái. Là dành chỗ cho ân sủng của Thiên Chúa. Đừng sợ. Sau khi đã làm cho tiếng nói của Người được lắng nghe một cách nghiêm khắc, Thánh Phaolô mời tín hữu Galát chịu đựng khó khăn của nhau, và nếu ai đó phạm sai lầm, hãy sử dụng sự dịu dàng (xem 5:22) mà đối xử với họ. Chúng ta hãy lắng nghe các lời lẽ của Người: “Thưa anh em, nếu có ai vướng mắc tội nào, thì anh em, những người được Thần Khí thúc đẩy, hãy lấy tinh thần hiền hoà mà sửa dạy người ấy, như vậy là anh em chu toàn luật Chúa Kitô; phải tự đề phòng kẻo chính mình cũng bị cám dỗ. Anh em hãy mang gánh nặng cho nhau, và như thế chu toàn lề luật của Chúa Kitô” (6: 1-2). Khá khác so với lời tán dóc, ngồi lê đôi mách, như khi chúng ta thấy điều gì đó và chúng ta nói sau lưng mọi người về nó, đúng không? Bàn tán về người hàng xóm của chúng ta. Không, đây không phải là theo Thần Khí. Theo Thần Khí là phải dịu dàng với anh chị em khi chính sửa họ và giữ gìn bản thân để đừng rơi vào những tội lỗi đó, nghĩa là phải khiêm nhường.

Trên thực tế, khi bị cám dỗ muốn đánh giá không tốt về người khác, như vẫn diễn ra, chúng ta phải suy nghĩ lại về điểm yếu của chính mình. Chỉ trích người khác dễ dàng xiết bao! Nhưng có những người dường như thích nói những câu chuyện bàn tán. Ngày nào họ cũng chỉ trích người khác. Hãy nhìn lại chính mình! Thật tốt khi tự hỏi điều gì thúc đẩy chúng ta chỉnh sửa anh / chị / em, và há chúng ta không phải là người cùng chịu trách nhiệm về các lỗi lầm của họ đó sao. Ngoài việc ban cho chúng ta ơn dịu dàng, Chúa Thánh Thần còn mời gọi chúng ta liên đới với nhau, mang gánh nặng của người khác. Đòi người có bao nhiêu gánh nặng: bệnh tật, thiếu việc làm, cô đơn, đau đớn...! Và biết bao thử thách khác đòi hỏi sự gần gũi và yêu thương của anh chị em chúng ta! Những lời của Thánh Augustinô khi bình luận về đoạn văn này cũng có thể hữu ích cho chúng ta: “Vì vậy, thưa anh chị em, bất cứ khi nào ai đó mắc phải một lỗi nào đó, [...] hãy chỉnh sửa người ấy theo cách này, dịu dàng, dịu dàng. Và nếu anh chị em la mắng, hãy có tình yêu thương bên trong đó. Nếu anh chị em khích lệ, nếu anh chị em tỏ mình như một người cha, nếu anh chị em khiển trách, nếu anh chị em nghiêm khắc, hãy yêu thương” (*Diễn Văn* 163 / B 3). Hãy luôn luôn yêu thương. Quy tắc tối cao liên quan đến việc chỉnh sửa bằng tình huynh đệ là tình yêu thương: muốn điều tốt lành cho anh chị em của chúng ta. Cũng cần nhiều thời gian để bao dung những vấn đề của người khác, những thiếu sót của người khác trong im lặng cầu nguyện, để tìm ra cách thích hợp giúp họ sửa chữa bản thân. Và điều này không hề dễ dàng. Con đường dễ dàng nhất là bàn tán hành tởi. Nói sau lưng người khác như thể tôi là người hoàn hảo. Và điều đó ta không nên làm. Phải dịu dàng. Kiên nhẫn. Cầu nguyện. Gần gũi.

Chúng ta hãy bước đi với niềm vui và sự kiên nhẫn trên con đường này, để chúng ta được Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Tám: Thư gửi tín hữu Galát:
Chúng ta đừng để mình bị khuất phục trước sự mệt mỏi
Ngày 10/11/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đi đến phần kết luận của các bài giáo lý về Thư gửi tín hữu Galát. Người ta có thể suy gẫm không biết bao nhiêu nội dung khác, hiện diện trong trước tác này của Thánh Phaolô! Lời Thiên Chúa là một nguồn vô tận. Và Thánh Tông đồ trong Thư này đã nói chuyện với chúng ta như một người rao giảng Tin Mừng, như một nhà thần học và một mục tử.

Thánh Giám mục Inhaxiô thành Antiokia đã có một cách diễn đạt rất đẹp khi Người viết: “Có một Vị Thầy duy nhất đã nói và những gì Người nói đều đã được thực hiện; nhưng những việc Người đã làm trong im lặng thì xứng đáng với Chúa Cha. Bất cứ ai sở hữu lời của Chúa Giêsu cũng có thể nghe thấy sự im lặng của Người” (*Ad Ephesios*, 15,1-2). Chúng ta có thể nói rằng Thánh Tông đồ Phaolô đã có thể nói lên sự im lặng này của Thiên Chúa. Các trực giác độc đáo nhất của Người giúp chúng ta khám phá được sự mới lạ gây ngạc nhiên chứa đựng trong mạc khải của Chúa Giêsu Kitô. Người quả là một nhà thần học đích thực, người đã chiêm ngưỡng mầu nhiệm của Chúa Giêsu Kitô và truyền tải nó bằng trí thông minh sáng tạo của mình. Và Người cũng có khả năng thi hành sứ mệnh mục vụ của mình đối với một cộng đồng lạc lõng và hoang mang. Người đã làm được điều đó bằng những phương pháp khác nhau: Người sử dụng nghịch lý, sự chính xác, sự nhu mì tùy lúc... Người nại tới thẩm quyền của mình như một Tông đồ, nhưng đồng thời Người cũng không che giấu các điểm yếu trong tính cách của mình. Sức mạnh của Chúa Thánh Thần thực sự lặn sâu trong trái tim Người: cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô Phục sinh đã chinh phục và biến đổi toàn bộ cuộc đời Người, và Người đã dành trọn cuộc đời đó cho việc phục vụ Tin Mừng.

Thánh Phaolô không bao giờ nghĩ về một Kitô giáo với những đặc điểm hòa hoãn, thiếu châm biếm và nghị lực. Người bảo vệ sự tự do được Chúa Kitô mang lại với một niềm đam mê mà cho đến nay vẫn không ngừng gây xúc động, đặc biệt nếu chúng ta nghĩ đến sự đau khổ và cô đơn mà Người đã phải chịu đựng. Người tin chắc rằng Người đã nhận được một ơn gọi mà chỉ Người mới có thể đáp ứng; và Người muốn giải thích cho người Galát rằng họ cũng được kêu gọi đạt tới sự tự do đó, thứ tự do đã giải phóng họ khỏi mọi hình thức nô lệ, vì nó giúp họ trở thành những người thừa kế lời hứa xưa và, trong Chúa Kitô, trở thành con cái của Thiên Chúa. Người ý thức rõ các rủi ro mà tự do của Chúa Kitô mang lại, nhưng Người không giảm thiểu các hậu quả. Người nhắc lại một cách *bao dạn*, nghĩa là, can đảm, với các tín hữu rằng tự do không hề tương đương với buông thả, cũng không dẫn đến những hình thức tự mãn tự phụ. Ngược lại, Thánh Phaolô đặt tự do dưới bóng tình yêu và thiết lập việc thực thi nó nhất quán trong việc phục vụ bác ái. Tất cả viễn kiến này đã được đặt trên đường chân trời sự sống theo Chúa Thánh Thần, Đấng làm trọn Lề Luật được Thiên Chúa ban cho dân Israel và ngăn họ trở lại làm nô lệ cho tội lỗi. Con căm dỗ luôn luôn muốn quay trở lại. Một định nghĩa về Kitô hữu, có trong Kinh thánh, nói rằng Kitô hữu chúng ta không phải là những người quay trở lại, những người quay trở lại. Quả là một định nghĩa đẹp. Và con căm dỗ là quay trở lại để được an toàn hơn; chỉ quay trở lại với Lề Luật, bỏ qua sự sống mới của Thần Khí. Đây là điều Thánh Phaolô dạy chúng ta: Lề Luật đích thực có sự viên mãn của nó trong sự sống này của Thần Khí mà Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta. Và sự sống của Thần Khí này chỉ có thể được sống trong tự do, tự do của Chúa Kitô. Và đây là một trong những điều đẹp đẽ nhất.

Ở phần cuối của hành trình giáo lý này, đối với tôi, dường như một thái độ kếp có thể được phát sinh nơi chúng ta. Một mặt, giáo huấn của Thánh Tông đồ khơi dậy lòng nhiệt thành trong chúng ta; chúng ta cảm thấy buộc phải đi theo con đường tự do ngay lập tức, "bước theo Thần Khí". Luôn luôn bước theo Thần Khí: nó làm cho chúng ta tự do. Mặt khác, chúng ta ý thức được các giới hạn của mình, bởi vì hàng ngày chúng ta trực tiếp cảm nhận được việc

vâng theo Thần Khí, hỗ trợ hành động gây ích lợi của Người, là điều khó khăn xiết bao. Rồi, sự mệt mỏi có thể xảy tới kìm hãm nhiệt tình của chúng ta. Chúng ta cảm thấy nản lòng, yếu đuối, đôi khi như bị gạt ra ngoài lề, muốn sống lối sống theo tính thế gian. Thánh Augustinô gợi ý cho chúng ta cách phản ứng trong tình huống này, khi đề cập đến đoạn Tin Mừng về cơn bão trên hồ. Người nói: «Đức tin Chúa Kitô trong lòng anh chị em cũng giống như Chúa Kitô ở trên thuyền. Anh chị em nghe những lời lăng mạ, anh chị em mệt mỏi, anh chị em khó chịu, còn Chúa Giêsu thì cứ ngủ. Anh chị em hãy đánh thức Chúa Kitô, hãy lay chuyển đức tin của anh chị em! Ngay trong tình trạng hỗn loạn, anh chị em vẫn có thể làm được một điều gì đó. Anh chị em hãy lay chuyển niềm tin của anh chị em. Chúa Kitô thức dậy và nói với anh chị em... Do đó, anh chị em hãy đánh thức Chúa Kitô... Anh chị em hãy tin những gì đã được nói, thì anh chị em sẽ có một sự bình tĩnh lớn trong lòng anh chị em" (*Diễn văn* 163 / B 6). Trong những khoảnh khắc khó khăn, chúng ta, như thánh Augustinô nói ở đây, chúng ta giống như đang ở trên thuyền trong lúc giông bão. Và các Tông đồ đã làm gì? Các Người đánh thức Chúa Kitô đang ngủ trong lúc có gió bão; nhưng Người cũng đang hiện diện. Điều duy nhất chúng ta có thể làm trong thời điểm tồi tệ ấy là "đánh thức" Chúa Kitô dậy, Người đang ở trong chúng ta, chỉ "ngủ" trong thuyền thôi. Vậy đó. Chúng ta phải đánh thức Chúa Kitô trong tâm hồn chúng ta và chỉ khi đó chúng ta mới có thể chiêm ngưỡng mọi sự bằng cái nhìn của Người, vì Người nhìn quá bên kia bão tố. Qua cái nhìn thanh thản đó của Người, chúng ta có thể nhìn thấy một bức tranh toàn cảnh, bức tranh mà để một mình chúng ta, đến việc tưởng tượng nhìn thấy cũng không thể có.

Trên hành trình đầy đòi hỏi nhưng hấp dẫn này, Thánh Tông đồ nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không thể mệt mỏi khi làm điều thiện. Anh chị em đừng mệt mỏi khi làm điều tốt. Chúng ta phải tin tưởng rằng Chúa Thánh Thần luôn đến giúp đỡ sự yếu đuối của chúng ta và cho chúng ta sự hỗ trợ mà chúng ta cần. Vì vậy, chúng ta hãy học cách cầu khẩn Chúa Thánh Thần thường xuyên hơn nữa! Ai đó có thể nói: “nhưng phải cầu khẩn Chúa Thánh Thần như thế nào? Vì con biết cầu nguyện với Đức Chúa Cha, với Kinh Lạy Cha chúng con; con biết cầu nguyện với Đức Mẹ bằng kinh Kính mừng Maria; con biết cầu nguyện với Chúa Giêsu bằng Kinh Năm Dấu, nhưng Chúa Thánh Thần? Kinh Chúa Thánh Thần là chi?”. Kinh Chúa Thánh Thần là kinh rất tự phát: nó phải xuất phát từ trái tim anh chị em. Anh chị em phải thốt lên trong những lúc khó khăn: "Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến". Chữ quan trọng là: "hãy đến". Nhưng anh chị em phải nói điều đó bằng ngôn ngữ của anh chị em, bằng lời nói của anh chị em. Xin Chúa hãy đến, vì con đang gặp khó khăn, hãy đến vì con đang ở trong bóng tối, trong bóng tối; xin Chúa đến vì con không biết phải làm gì; Xin Chúa đến vì con sắp ngã. Xin Chúa đến. Xin Chúa đến. Đó là lời của Chúa Thánh Thần ngõ cùng Chúa Thánh Thần. Chúng ta hãy học cách cầu khẩn Chúa Thánh Thần thường xuyên hơn nữa. Chúng ta có thể làm điều đó bằng những chữ đơn giản, vào các thời điểm khác nhau trong ngày. Và chúng ta có thể mang theo mình, có lẽ trong cuốn Tin Mừng bỏ túi của chúng ta, lời cầu nguyện tuyệt đẹp mà Giáo Hội đọc trong Lễ Hiện Xuống: « Lạy Chúa Thánh Thần, xin Người ngự đến, và tự trời toả ánh quang minh của Người ra! Lạy Cha kẻ cơ bản, xin Người ngự đến; Đấng ban ân huệ, Đấng soi sáng tâm hồn, xin ngự đến! Lạy Đấng an ủi tuyệt vời, là khách trọ hiền lương của tâm hồn, là Đấng uỷ lạo dịu dàng...”. Xin Chúa ngự đến. Và vân vân, đó là một lời cầu nguyện tuyệt đẹp. Cốt lõi của lời cầu nguyện này là "hãy đến", Đức Mẹ và các Tông đồ đã cầu nguyện như thế sau khi Chúa Giêsu về Thiên đàng; các Người ở một mình trong Phòng Tiệc Ly và cầu khẩn Chúa Thánh Thần. Sẽ tốt cho chúng ta nếu chúng ta thường xuyên cầu nguyện: Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến. Và với sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, chúng ta bảo vệ được tự do. Chúng ta sẽ tự do, không còn dính bén vào quá khứ theo nghĩa tiêu cực của chữ này, không bị xiềng xích vào các thực hành, nhưng được tự do bằng sự tự do Kitô giáo, sự tự do giúp chúng ta trưởng thành. Lời cầu nguyện này sẽ giúp chúng ta

bước đi trong Thần Khí, trong tự do và vui vẻ, bởi vì khi Chúa Thánh Thần đến, niềm vui cũng sẽ đến, niềm vui đích thực cũng sẽ đến, Xin Chúa chúc lành cho anh chị em.

Tiết Bốn: Thánh Giuse

Chương Một: Thánh Giuse và môi trường nơi Người sống

(Ngày 17/11/2021)

Theo tin Tòa Thánh, trong buổi yết kiến chung ngày 17 tháng 10 tại Đại sảnh Phaolô VI, Đức Thánh Cha Phanxicô đã khởi đầu loạt bài giáo lý mới về Thánh Giuse. Sau đây là bài đầu tiên của ngài, dựa theo bản tiếng Ý của Tòa Thánh:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Ngày 8 tháng 12 năm 1870, Chân phước Piô IX tuyên phong Thánh Giuse là bổn mạng của Giáo hội hoàn vũ. 150 năm sau biến cố đó, chúng ta đang trải nghiệm một năm đặc biệt dành riêng cho Thánh Giuse, và trong Tông thư *Patris corde*, tôi đã thu thập một số suy gẫm về con người của ngài. Chưa bao giờ như ngày hôm nay, trong thời điểm được đánh dấu bằng một cuộc khủng hoảng hoàn cầu với nhiều thành tố đa dạng, ngài có thể là chỗ dựa, niềm an ủi và người hướng dẫn. Đó là lý do tại sao tôi quyết định dành một chu kỳ giáo lý cho ngài, điều mà tôi hy vọng sẽ giúp chúng ta hơn nữa để chúng ta được soi sáng bởi gương sáng và lời chứng của ngài. Trong một vài tuần, chúng ta sẽ nói về Thánh Giuse.

Có hơn mười nhân vật trong Kinh thánh mang tên Giuse. Người quan trọng nhất trong số này là con trai của Giacóp và Raken, người, trải qua nhiều thăng trầm, từ một nô lệ trở thành người quan trọng thứ hai ở Ai Cập sau pharaô (x. *St* 37-50). Tên Giuse trong tiếng Do Thái có nghĩa là "Chúa làm gia tăng, Chúa làm cho nó lớn lên". Đó là một ước muốn, một phước lành được xây dựng trên sự tin tưởng vào ơn quan phòng và đặc biệt nói đến sự sinh thành và lớn lên của trẻ em. Thật vậy, chính cái tên này đã tiết lộ cho chúng ta một khía cạnh thiết yếu trong nhân cách của Thánh Giuse thành Nadarét. Ngài là một người đầy đức tin, tin vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Mọi hành động của ngài được Tin Mừng thuật lại đều được thi hành với niềm tin chắc chắn rằng Thiên Chúa sẽ "làm cho nó lớn lên", Thiên Chúa sẽ "gia tăng" nó, Thiên Chúa sẽ "thêm vào", nghĩa là Thiên Chúa sẽ chu cấp để thực hiện chương trình cứu rỗi của Người. Và, trong điều này, Thánh Giuse thành Nadarét rất giống ông Giuse nước Ai Cập.

Ngay cả những tài liệu tham khảo địa lý chính có nhắc đến Thánh Giuse: Bêlem và Nadarét, cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu con người ngài.

Trong Cựu Ước, thành phố Bêlem (Bê-lem) được gọi bằng tên Beth Lechem, tức là "Nhà của bánh mì", hay còn gọi là Épratha, theo tên bộ tộc định cư trên lãnh thổ đó. Tuy nhiên, trong tiếng Ả Rập, tên này có nghĩa là "Nhà của thịt", có lẽ là do số lượng lớn các đàn cừu và dê trong khu vực. Thực vậy, không phải ngẫu nhiên mà khi Chúa Giêsu sinh ra, các mục đồng là những nhân chứng đầu tiên của biến cố (x. *Lc* 2: 8-20). Dưới ánh sáng câu chuyện về Chúa Giêsu, những ám chỉ về bánh và thịt ám chỉ mầu nhiệm Thánh Thể: Chúa Giêsu là bánh hằng sống từ trời xuống (x. *Ga* 6:51). Chính Người sẽ tự nói về mình: "Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sự sống đời đời" (*Ga* 6:54).

Bêlem được nhắc đến nhiều lần trong Kinh thánh, bắt đầu từ Sách Sáng thế. Câu chuyện về bà Rút và bà Naômi, được thuật lại trong Sách Rút, một sách nhỏ nhưng tuyệt vời, cũng liên quan đến Bêlem. Bà Rút sinh một người con trai tên là Ôvét, từ ông này, sinh ra Giétse, cha của Vua Đavít. Và chính từ dòng dõi của Đavít mà có Thánh Giuse, cha hợp pháp của Chúa Giêsu. Do đó, về Bêlem, tiên tri Mikha đã báo trước những điều lớn lao: "Phần người, hỡi

Bêlem Épratha, người nhỏ bé nhất trong các thị tộc Giuđa, từ nơi người, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mạng thống lãnh Ítraen” (Mk 5: 1). Thánh sử Mátthêu sẽ tiếp nhận lời tiên tri này, Người sẽ nối kết nó với câu chuyện về Chúa Giêsu cũng như sự ứng nghiệm hiển nhiên của nó.

Quả thật, Con Thiên Chúa không chọn Giêrusalem làm nơi nhập thể, mà là Bêlem và Nadarét, hai làng ngoại vi, cách xa tiếng ồn ào của tin tức và quyền lực thời bấy giờ. Thế mà Giêrusalem là thành phố được Chúa yêu thương (x. *Is* 62:1-12), là “thành thánh” (*Đn* 3:28), được Chúa chọn làm nơi cư ngụ (x. *Dcr* 3:2; *Tv* 132:13). Và quả thực, đây là nơi cư ngụ của các tiên sĩ Luật, kinh sư và người Pharisiêu, các thượng tế và các kỳ lão trong dân (xem *Lc* 2:46; *Mt* 15:1; *Mc* 3:22; *Ga* 1:19; *Mt* 26:3).

Đây là lý do tại sao sự lựa chọn Bêlem và Nadarét cho chúng ta biết rằng vùng ngoại vi và bên lề đều được Thiên Chúa ưu ái. Chúa Giêsu không sinh ra ở Giêrusalem với toàn thể triều đình... không: Người sinh ra ở vùng ngoại ô và sống cả đời mình, tới 30 năm, ở vùng ngoại vi đó, làm thợ mộc, như thánh Giuse. Đối với Chúa Giêsu, những vùng ngoại vi và những người bị gạt ra ngoài lề đều được quý mến hơn. Không coi trọng thực tại này cũng tương tự như không coi trọng Tin Mừng và công trình của Thiên Chúa, những điều tiếp tục tự biểu lộ ở các vùng ngoại vi địa lý và hiện sinh. Chúa luôn luôn hành động bí mật ở ngoại vi, cả trong linh hồn chúng ta, ở ngoại vi của linh hồn, của các cảm xúc, có lẽ cả những cảm xúc khiến chúng ta xấu hổ; nhưng Chúa ở đó để giúp chúng ta tiến về phía trước. Chúa tiếp tục tự tỏ mình ra ở các vùng ngoại vi, cả những vùng ngoại vi địa lý lẫn hiện sinh. Đặc biệt, Chúa Giêsu đi tìm những người tội lỗi, vào nhà họ, nói chuyện với họ, kêu gọi họ hoán cải. Và Người từng bị khiển trách về điều này. Thực vậy, các luật sĩ có lần nói: "Hãy xem kia, vị Thầy này, hãy nhìn vị Thầy này: Ông ngồi ăn với những kẻ có tội, lấy bữa thiu, đi tìm những người tuy không làm điều ác nhưng phải chịu đựng hậu quả của nó: người bệnh, người đói, người nghèo, người cùng hết. Chúa Giêsu luôn luôn đi đến các vùng ngoại vi. Và chắc chắn Người phải cho chúng ta rất nhiều tin tưởng về điều đó, vì Chúa biết vùng ngoại vi của trái tim chúng ta, vùng ngoại vi của linh hồn chúng ta, vùng ngoại vi của xã hội chúng ta, thành phố của chúng ta, gia đình của chúng ta, tức là cái phần hơi mù mờ mà chúng ta hay dấu diếm, có lẽ vì xấu hổ.

Về mặt này, xã hội lúc bấy giờ không khác xã hội của chúng ta bao nhiêu. Ngay cả ngày nay vẫn có một trung tâm và một vùng ngoại vi. Và Giáo Hội biết rằng mình được kêu gọi để loan báo tin mừng từ các vùng ngoại vi. Vốn là một thợ mộc xuất thân từ Nadarét và là người tin tưởng vào kế hoạch của Thiên Chúa dành cho vị hôn thê của ngài và cho chính ngài, Thánh Giuse nhắc nhở Giáo hội chú ý đến những gì mà thế giới cố tình phớt lờ. Hôm nay thánh Giuse dạy chúng ta điều này: “Đừng quá nhìn vào những điều thế gian ca tụng, hãy nhìn vào những góc khuất, những bóng tối, hãy nhìn những vùng ngoại vi, những gì thế gian không mong muốn”. ngài nhắc nhở mỗi người chúng ta phải quý trọng những gì người khác vứt bỏ. Theo nghĩa này, ngài thực sự là một bậc thầy dạy những điều cốt yếu: ngài nhắc nhở chúng ta rằng những gì thực sự có giá trị không thu hút sự chú ý của chúng ta, mà đòi hỏi sự biện phân kiên nhẫn để được khám phá và trân quý. Anh chị em hãy tìm hiểu giá trị của nó. Chúng ta xin ngài cầu bầu để toàn thể Giáo hội có thể phục hồi cái nhìn này, khả năng biện phân này, khả năng đánh giá điều cốt yếu này. Chúng ta ra đi từ Bêlem, chúng ta ra đi từ Nadarét.

Hôm nay, tôi muốn gửi một thông điệp đến tất cả những người đàn ông và đàn bà đang sống ở những vùng ngoại vi địa lý bị lãng quên nhất trên thế giới hoặc những người đang sống trong hoàn cảnh bị gạt ra ngoài lề hiện sinh. Mong các bạn tìm thấy nơi Thánh Giuse một

nhân chứng và một người bảo vệ để tìm đến. Chúng ta hãy hướng về ngài với lời cầu nguyện sau đây, một lời cầu nguyện "tự chế" xuất phát từ trái tim:

*Lạy thánh Giuse,
Ngài luôn tin cậy nơi Chúa,
và ngài đã lựa chọn
được hướng dẫn bởi sự quan phòng của Người,
xin dạy chúng con đừng phụ thuộc quá nhiều vào các dự án của mình,
nhưng vào kế hoạch tình yêu của Người.*

*Ngài xuất phát từ vùng ngoại ô,
xin giúp chúng con hoán cải cái nhìn của chúng con
và thích những gì thế gian vứt bỏ và gạt sang bên lề.
Xin an ủi những người cảm thấy cô đơn
và hỗ trợ những người đang âm thầm dần thân
để bảo vệ sự sống và phẩm giá con người. Amen.*

Chương Hai: Thánh Cả Giuse trong lịch sử cứu độ

Ngày 24/11/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Thứ Tư tuần trước, chúng ta đã bắt đầu một chu kỳ giáo lý về Thánh Giuse - năm dành riêng kính ngài sắp kết thúc. Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình này, tập chú vào vai trò của ngài trong lịch sử cứu độ.

Chúa Giêsu trong các Tin Mừng được gọi là “con ông Giuse” (*Lc 3:23; 4: 22; Ga 1:45; 6:42*) và “con bác thợ mộc” (*Mt 13:55; Mc 6: 3*). Thuật lại thời thơ ấu của Chúa Giêsu, các Thánh sử Máthêu và Luca dành chỗ nói về vai trò của Thánh Giuse. Cả hai thánh sử đều thu thập một “gia phả” nhằm làm nổi bật tính lịch sử của Chúa Giêsu. Ngõ lờ trước hết với những người theo Kitô giáo gốc Do Thái, Thánh Máthêu bắt đầu từ Ápraham và kết thúc ở Thánh Giuse, được xác định là “chồng của bà Maria, là người mà từ ngài Chúa Giêsu đã sinh ra, Đáng được gọi là Kitô” (1:16). Thánh Luca, mặt khác, đã ngược trở lại tới tận Adam, bắt đầu trực tiếp với Chúa Giêsu, Đáng “là con trai của Giuse”, nhưng nói rõ hơn: “thiên hạ vốn coi” như thế (3:23). Do đó, cả hai Thánh sử đều trình bày Thánh Giuse không như cha đẻ, nhưng dù sao, hoàn toàn là cha của Chúa Giêsu. Qua thánh nhân, Chúa Giêsu hoàn thành lịch sử giao ước và cứu rỗi giữa Thiên Chúa và loài người. Đối với Thánh Máthêu, lịch sử này bắt đầu với Ápraham; đối với thánh Luca, lịch sử này bắt đầu với nguồn gốc loài người, nghĩa là, với Adam.

Thánh sử Máthêu giúp chúng ta hiểu rằng con người của Thánh Giuse, tuy bề ngoài có vẻ ở ngoài lề, kín đáo và ở hậu trường, nhưng thật ra là một yếu tố trung tâm trong lịch sử cứu độ. Thánh Giuse sống vai trò của mình mà không bao giờ tìm cách chiếm lĩnh khung cảnh. Nếu chúng ta suy nghĩ thì hẳn thấy, “Cuộc sống của chúng ta được dệt nên và duy trì bởi những người bình thường, những người thường bị bỏ qua. Những người không xuất hiện trên hàng tít lớn của báo chí và tập san. ... Có biết bao nhiêu người cha, người mẹ, ông bà và thầy cô đang chỉ cho con cái chúng ta, bằng những cách nhỏ nhặt và hàng ngày, biết cách chấp nhận và xử lý cuộc khủng hoảng bằng cách điều chỉnh các thông lệ, nhìn về phía trước và khuyến khích việc thực hành cầu nguyện. Biết bao người đang cầu nguyện, hy sinh và cầu bầu cho thiện ích của mọi người” (Tông thư *Patris corde*, 1). Như thế, ai cũng có thể tìm thấy nơi

Thánh Cả Giuse, con người không ai lưu ý, con người hiện diện hằng ngày, hiện diện kín đáo và giấu ẩn, một vị cầu thay nguyện giúp, một vị nâng đỡ và hướng dẫn trong những lúc khó khăn. Ngài nhắc nhở chúng ta rằng tất cả những người xem ra bị che giấu hoặc ở “hàng ghế thứ hai” đều là những nhân vật chủ đạo vô song trong lịch sử cứu độ. Thế giới cần những người đàn ông và đàn bà này: những người đàn ông và đàn bà ở hàng ghế thứ hai, nhưng là những người hỗ trợ sự phát triển cuộc sống của chúng ta, của mọi người trong chúng ta, và là những người, bằng việc cầu nguyện và bằng gương sáng của họ, bằng sự dạy dỗ của họ, đang nâng đỡ chúng ta trên nẻo đường cuộc sống.

Trong Tin Mừng thánh Luca, thánh Giuse xuất hiện như là *người bảo vệ Chúa Giêsu và Đức Maria*. Và vì lý do này, ngài cũng là “Người bảo vệ Giáo Hội”: nhưng, nếu ngài là người bảo vệ Chúa Giêsu và Đức Maria, ngài vẫn làm việc, dù nay ngài đang ở trên trời, và vẫn tiếp tục là người bảo vệ, trong trường hợp này là bảo vệ Giáo hội, vì Giáo hội là sự nối dài của Nhiệm thể Chúa Kitô trong lịch sử, ngay cả tình mẫu tử của Đức Maria cũng được phản ánh trong tình mẫu tử của Giáo hội. Trong việc tiếp tục bảo vệ Giáo hội, xin anh chị em đừng quên điều này: ngày nay, Thánh Giuse vẫn đang bảo vệ Giáo hội, và bằng cách tiếp tục bảo vệ Giáo hội, ngài tiếp tục bảo vệ cả *con lẫn mẹ của con*” (sđd, 5). Khía cạnh này trong vai trò bảo vệ của Thánh Giuse là câu trả lời tuyệt vời cho câu chuyện của sách Sáng thế. Khi Thiên Chúa yêu cầu Cain giải trình về mạng sống của Abel, anh ta trả lời: " Con là người giữ em con hay sao?" (4: 9). Với cuộc đời của mình, dường như thánh Giuse muốn nói với chúng ta rằng chúng ta luôn được mời gọi cảm nhận rằng chúng ta là người canh giữ anh chị em của chúng ta, những người bảo vệ những người thân cận với chúng ta, những người mà Chúa đã trao phó cho chúng ta trong nhiều hoàn cảnh của đời sống.

Một xã hội như xã hội của chúng ta, vốn được định nghĩa là “lòng”, dường như nó không có tính nhất quán... Tôi xin điều chỉnh nhà triết học đã đưa ra câu định nghĩa này bằng cách nói rằng: hơn cả lòng, nó là khí, một xã hội khí đúng nghĩa. Cái xã hội lòng và khí này tìm thấy nơi câu chuyện của Thánh Giuse một dấu chỉ rất rõ ràng về tầm quan trọng của mối liên hệ giữa con người với nhau. Thật vậy, Tin Mừng cho chúng ta biết gia phả của Chúa Giêsu, không những chỉ vì lý do thần học, mà còn để nhắc nhở mỗi người chúng ta rằng cuộc sống của chúng ta được tạo nên bởi những mối dây liên kết đến trước và đồng hành với chúng ta. Con Thiên Chúa đã chọn đến thế gian bằng con đường của những ràng buộc như vậy, con đường của lịch sử: Người không xuống thế gian bằng ma thuật, không. Người đã đi theo con đường lịch sử mà tất cả chúng ta đều đi.

Anh chị em thân mến, tôi nghĩ đến rất nhiều người khó tìm thấy mối dây liên kết có ý nghĩa trong cuộc sống của họ, và vì điều này mà họ lao đao, cảm thấy đơn độc, thiếu sức mạnh và dừng khí để tiếp tục bước đi. Tôi muốn kết thúc bằng một lời cầu nguyện để giúp họ, và tất cả chúng ta, tìm thấy nơi Thánh Giuse một đồng minh, một người bạn và một chỗ dựa.

Lạy Thánh Giuse,

*Ngài là người đã bảo vệ mối liên hệ với Đức Maria và Chúa Giêsu,
xin giúp chúng con biết quan tâm đến các mối liên hệ trong cuộc sống của chúng con.*

Xin cho không một ai phải trải nghiệm cảm giác bị bỏ rơi vì cô đơn.

*Xin cho mỗi người chúng con được hòa giải với lịch sử của chính chúng con,
với những người đã đi trước,
và nhận ra cả trong các sai lầm đã mắc phải
một con đường qua đó Chúa Quan phòng đã mở ra,*

và cái ác không có lời quyết định cuối cùng.

*Xin Ngài tỏ mình là bạn của những người đang lao đao nhất,
và như Ngài từng nâng đỡ Đức Maria và Chúa Giêsu trong những lúc khó khăn,
Xin nâng đỡ chúng con trong cuộc lữ hành của chúng con. Amen.*

Chương Ba: Thánh Giuse: người công chính và là chồng của Đức Maria

Ngày 01/12/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục cuộc hành trình suy tư của chúng ta về con người của Thánh Cả Giuse. Hôm nay, tôi muốn đào sâu thêm về việc ngài là “người công chính” và là “người phối ngẫu đã hứa hôn của Đức Maria”, và do đó cung cấp một thông điệp cho mọi cặp đính hôn và cả những cặp mới cưới nhau. Nhiều biến cố liên quan đến Thánh Giuse đã trám đầy các câu chuyện ngụ thư, tức các sách Tin Mừng không có trong qui điển, nhưng vẫn đã gây ảnh hưởng đến nghệ thuật và những nơi thờ phượng khác nhau. Những trước tác không có trong Kinh thánh này là những câu chuyện do lòng đạo đức Kitô giáo cung cấp vào thời điểm đó và là lời đáp lại mong muốn lấp đầy chỗ trống trong các bản văn Tin mừng qui điển, những bản văn có trong Kinh thánh, cung cấp cho anh chị mọi điều chủ yếu về đức tin và đời sống Kitô giáo.

Thánh sử Mátthêu - đây là điều quan trọng. Tin Mừng nói gì về thánh Giuse? Không phải những gì các sách Tin Mừng ngụ thư này nói đều là điều gì đó xấu xí hay xấu xa, không! Chúng đẹp lắm, nhưng chúng không phải là Lời Chúa. Thay vào đó, các sách Tin Mừng trong Kinh thánh là Lời của Thiên Chúa. Trong số này, thánh sử Mátthêu định nghĩa thánh Giuse là một người “công chính”. Chúng ta hãy lắng nghe lời tường thuật của ngài: “Sau đây là gốc tích Đức Giêsu Kitô : bà Maria, mẹ Người, đã thành hôn với ông Giuse. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo” (1: 18-19). Vì những người đã đính hôn, khi vị hôn thê không chung thủy, hoặc có thai, họ có thể buộc tội cô ấy! Họ phải làm thế. Và người phụ nữ sau đó bị ném đá. Nhưng Thánh Giuse là người công chính. Ngài nói: “Không, tôi sẽ không làm điều này. Tôi sẽ ra đi lặng lẽ”.

Để hiểu cách cư xử của Thánh Giuse đối với Đức Maria, điều hữu ích là nhớ các phong tục hôn nhân của dân Israel xưa. Hôn nhân bao gồm hai giai đoạn được xác định rõ ràng. Giai đoạn đầu tiên giống như cuộc đính hôn chính thức đã ngụ ý một tình huống mới. Đặc biệt, trong khi tiếp tục sống ở nhà cha mẹ thêm một năm nữa, người phụ nữ trên thực tế đã được coi là “vợ” của người bạn đời đã hứa hôn của mình rồi. Họ chưa sống với nhau, nhưng giống như cô ấy đã là vợ của một ai đó rồi. Giai đoạn thứ hai là chuyển cô dâu từ nhà cha mẹ sang nhà của người phối ngẫu. Điều này diễn ra với một đám rước lễ hội kết thúc đám cưới. Và những người bạn của cô dâu đã tháp tùng cô đến đó. Trên cơ sở các phong tục này, sự kiện “trước khi họ về chung sống với nhau, người ta đã phát hiện ra Đức Maria có thai” khiến Đức Trinh nữ bị buộc tội ngoại tình. Và, theo Luật cổ xưa, tội của bà phải chịu hình phạt bằng cách bị ném đá (x. Đnl 22: 20-21). Tuy nhiên, một cách giải thích ôn hòa hơn đã được áp dụng sau điều này trong thực hành của người Do Thái sau này vốn chỉ áp đặt hành vi rầy bỏ với các hậu quả dân sự và hình sự đối với người phụ nữ, chứ không bị ném đá nữa.

Tin Mừng nói rằng Thánh Giuse là người “công chính” vì ngài phải tuân theo luật pháp như

bất cứ người Israel ngoan đạo nào khác. Nhưng bên trong ngài, tình yêu của ngài dành cho Đức Maria và sự tin tưởng của ngài đặt nơi Đức Maria đã đề ra một cách ngài vừa có thể tuân thủ lề luật vừa cứu được danh dự của cô dâu mình. Ngài quyết định bỏ ngài một cách bí mật, không gây ồn ào, không khiến ngài phải chịu sự sỉ nhục trước công chúng. Ngài đã chọn con đường bảo mật, không đưa ra tòa xét xử hay trả đũa. Thánh Giuse thánh thiện biết bao! Còn chúng ta, ngay khi chúng ta có một chút chuyện tâm phào, một điều gì đó tai tiếng về người khác, chúng ta sẽ bàn tán về nó ngay lập tức! Thánh Giuse thì im lặng. Ngài im lặng.

Nhưng thánh sử Máthêu nói thêm ngay lập tức: “Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: ‘Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cứu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ’”(1: 20.21). Tiếng nói của Thiên Chúa can thiệp vào sự biện phân của Thánh Giuse. Trong một giấc mơ, Người mạc khải một ý nghĩa lớn hơn sự công chính của thánh nhân. Quan trọng xiết bao đối với mỗi người trong chúng ta là vun đắp một cuộc sống công chính, đồng thời, luôn cảm thấy cần sự giúp đỡ của Thiên Chúa để mở rộng tầm nhìn của chúng ta và suy xét các hoàn cảnh của cuộc sống từ một quan điểm luôn khác, rộng lớn hơn. Nhiều lần, chúng ta cảm thấy bị giam cầm bởi những gì đã xảy ra với mình: "Nhưng hãy nhìn xem điều gì đã xảy ra với tôi!" - và chúng ta mãi bị giam cầm trong điều tồi tệ đã xảy ra với chúng ta. Nhưng một cách đặc biệt, trước một số hoàn cảnh trong cuộc sống ban đầu có vẻ bi thảm, nhưng một ơn Quan phòng giấu ẩn sẽ thành hình theo thời gian và soi sáng ý nghĩa cho cả nỗi đau của chúng ta. Con cảm dỗ là khép mình vào nỗi đau đó, cứ nghĩ rằng những điều tốt đẹp không bao giờ xảy ra với chúng ta. Và điều này không tốt cho chúng ta. Điều này dẫn anh chị em đến buồn bã và cay đắng. Trái tim cay đắng thật là xấu xí.

Tôi muốn chúng ta dừng lại để suy gẫm về một chi tiết của câu chuyện này được kể lại trong Tin Mừng mà thường chúng ta hay bỏ qua. Đức Maria và Thánh Giuse đã đính hôn với nhau. Có lẽ các ngài đã nuôi dưỡng những ước mơ và kỳ vọng về cuộc sống và tương lai của các ngài. Thật bất ngờ, Thiên Chúa dường như đã tự chen mình vào cuộc sống của các ngài và, dường như thoát đầu các ngài khó mở lòng mình ra đón nhận thực tại đang đặt ra trước mặt các ngài.

Anh chị em thân mến, cuộc sống của chúng ta thường không như những gì chúng ta tưởng tượng. Nhất là trong các liên hệ yêu đương, khó có thể chuyển từ luận lý si tình sang luận lý tình yêu trưởng thành. Chúng ta cần chuyển từ mê đắm sang tình yêu trưởng thành. Anh chị em mới cưới nhau, anh chị em hãy nghĩ tới điều đó. Giai đoạn đầu tiên luôn được đánh dấu bằng một sự mê hoặc nào đó khiến chúng ta sống chìm đắm trong tưởng tượng thường không dựa trên thực tại và sự kiện, đây là giai đoạn si tình. Nhưng chính lúc si tình với những hoài mong dường như kết liễu, đó là lúc tình yêu đích thực bắt đầu hoặc tình yêu đích thực bước vào đó. Thực vậy, yêu không phải là kỳ vọng rằng người kia, hay cuộc sống kia, phải tương ứng với trí tưởng tượng của chúng ta. Đúng hơn, nó có nghĩa là hoàn toàn tự do lựa chọn để lãnh trách nhiệm cho cuộc sống mình khi nó xảy ra. Đó là lý do tại sao Thánh Giuse cho chúng ta một bài học quan trọng. Ngài chọn Đức Maria với “đôi mắt mở rộng của ngài”. Chúng ta có thể nói "với mọi rủi ro". Anh chị em hãy suy nghĩ về điều này: trong Tin Mừng Thánh Gioan, một lời khiển trách mà các tiến sĩ luật ngó với Chúa Giêsu là: “chúng tôi đâu phải là con cái từ đó”, ám chỉ mãi dâm. Họ biết Đức Maria mang thai như thế nào và họ muốn bôi bẩn lên mẹ của Chúa Giêsu. Đối với tôi, đây là đoạn tôi tệ nhất, ma quỷ nhất, trong Tin Mừng. Và rủi ro của Thánh Giuse cho chúng ta bài học này: hãy đón nhận cuộc sống như nó xảy đến. Chúa có can thiệp vào đó không? Tôi chấp nhận điều đó. Và Thánh Giuse thực hiện những gì sứ thần của Chúa đã ra lệnh: “ông đón vợ về nhà. Nhưng không ăn ở với bà”,

bà đang mang thai con trai khi chưa chung sống với nhau, “cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu” (Mt 1: 24-25). Các cặp đính hôn Kitô hữu được kêu gọi làm chứng cho một tình yêu như thế, phải có can đảm chuyển từ luận lý si tình sang luận lý của tình yêu trưởng thành. Đây là một sự lựa chọn đầy đòi hỏi, nhưng thay vì giam cầm cuộc sống, nó có thể củng cố tình yêu để tình yêu bền vững khi đối đầu với các thử thách của thời gian. Tình yêu lứa đôi tiến triển trong cuộc sống và trưởng thành hàng ngày. Tình yêu trong thời gian đính hôn có một chút - cho phép tôi sử dụng chữ này - một chút lãng mạn. Anh chị em đều đã trải qua điều này, nhưng rồi tình yêu trưởng thành bắt đầu, tình yêu sống mỗi ngày, từ việc làm, từ những đứa con sẽ đến... Và đôi khi tính lãng mạn đó biến mất một chút, phải không? Nhưng há đó không phải là tình yêu sao? Có, nhưng là tình yêu trưởng thành. “Nhưng Cha biết không, thưa Cha, đôi khi chúng con đánh nhau...” Điều này đã xảy ra từ thời ông Ađam và bà Evà cho đến ngày nay, đúng không! Vợ chồng đánh nhau là chuyện cơm bữa của chúng ta, đúng không! "Nhưng há chúng con không nên đánh nhau sao?" Có, có, anh chị em phải. Nó xảy ra. Tôi không nói anh chị em nên đánh nhau, nhưng nó sẽ xảy ra. “Và, thưa Cha, đôi khi chúng con lớn tiếng...” Điều đó cũng xảy ra. “Và thậm chí có những lúc đĩa bay”. Nó sẽ xảy ra. Nhưng có thể làm gì để điều này không làm tổn hại đến đời sống hôn nhân? Hãy nghe tôi nói: đừng bao giờ kết thúc một ngày mà không làm hòa với nhau. "Chúng mình đã đánh nhau. Chúa ơi, anh đã nói những lời tồi tệ. Anh đã nói những điều khủng khiếp. Nhưng bây giờ, để kết thúc một ngày, anh phải làm hòa". Anh chị em biết tại sao không? Vì chiến tranh lạnh vào ngày hôm sau rất nguy hiểm. Đừng để chiến tranh bắt đầu vào ngày hôm sau. Vì vậy, hãy làm hòa trước khi đi ngủ. “Nhưng, thưa Cha, Cha biết đấy, con không biết phải nói năng ra sao để làm hòa sau một tình huống khủng khiếp mà chúng con đã trải qua”. Rất dễ. Làm điều này (Đức Giáo Hoàng vuốt ve má của mình) thì hòa bình sẽ được lập lại. Hãy luôn nhớ điều này. Hãy luôn nhớ rằng: không bao giờ kết thúc một ngày mà không làm hòa với nhau. Và điều này sẽ giúp ích cho anh chị em trong cuộc sống hôn nhân. Cho họ và cho tất cả các cặp vợ chồng đang ở đây. Sự chuyển dịch từ si tình qua tình yêu trưởng thành này là một sự lựa chọn đầy đòi hỏi, nhưng chúng ta phải chọn con đường đó.

Lần này cũng vậy, chúng ta hãy kết thúc bằng lời cầu nguyện với Thánh Giuse.

Lạy Thánh Giuse,

Ngài đã tự do yêu thương Đức Maria,

và chọn từ bỏ những tưởng tượng của mình để nhường chỗ cho thực tại,

xin Ngài giúp mỗi người chúng con biết ngạc nhiên trước Thiên Chúa

và chấp nhận cuộc sống không phải như một điều không lường trước được để tự bảo vệ mình, nhưng như một màu nhiệm che giấu bí quyết của niềm vui đích thực.

Xin Ngài cầu bầu cùng Chúa ban niềm vui và tính triết để cho mọi Kitô hữu đính hôn,

trong khi luôn ý thức

rằng chỉ có lòng thương xót và sự tha thứ mới làm cho tình yêu trở nên khả hữu. Amen.

Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn: Thánh Giuse, người của thầm lặng

Ngày 15/12/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục cuộc hành trình suy niệm của chúng ta về Thánh Giuse. Sau khi minh họa môi trường nơi ngài sinh sống, vai trò của ngài trong lịch sử cứu độ và sự công chính của ngài và là người phối ngẫu của Đức Maria, hôm nay tôi muốn xem xét một khía cạnh bản thân quan trọng khác: sự im lặng. Ngày nay chúng ta thường rất cần sự im lặng. Sự im lặng là điều quan trọng. Tôi có ấn tượng mạnh trước một câu trong Sách Khôn Ngoan được đọc với lễ Giáng sinh trong tâm trí, câu đó như sau: “Trong khi sự im lặng nhẹ nhàng bao trùm vạn vật, thì lời toàn năng của Người đã từ trên trời phán xuống”. Thiên Chúa đã tự mạc khải vào khoảnh khắc im lặng nhất. Trong thời đại này, điều quan trọng là suy nghĩ về sự im lặng trong đó nó dường như không có mấy giá trị.

Các sách Tin Mừng không chứa một lời nào được Thánh Giuse thành Nadarét thốt ra: không lời nào, ngài chưa bao giờ lên tiếng. Điều này không có nghĩa là ngài câm lặng, không: có một lý do sâu xa hơn khiến các sách Tin Mừng không nói một lời nào về việc này. Với sự im lặng của ngài, thánh Giuse xác nhận điều Thánh Augustinô viết: “Ngôi Lời - tức là Ngôi Lời làm người – càng lớn lên trong chúng ta, thì lời nói càng giảm đi” [1]. Chúa Giêsu, sự sống thiêng liêng, càng tăng trưởng, thì lời nói càng giảm đi. Điều mà chúng ta có thể mô tả là "nói vẹt", nói như vẹt, nói liên tục, giảm đi một chút. Chính Thánh Gioan Tẩy Giả, người vốn là “tiếng nói của một người kêu trong hoang địa: ‘Hãy dọn đường cho Chúa’”(Mt 3:3) đã nói trong tương quan với Ngôi Lời rằng: “Người phải tăng lên, nhưng tôi phải giảm đi” (Ga 3:30). Điều này có nghĩa là Người phải nói và tôi phải im lặng, và qua sự im lặng của ngài, Thánh Giuse mời gọi chúng ta dành chỗ cho sự hiện diện của Ngôi Lời đã hóa thành xác phàm, cho Chúa Giêsu.

Sự im lặng của Thánh Giuse không phải là tật câm (mutism), ngài không câm lặng; đây là một sự im lặng đầy *lắng nghe*, một sự im lặng *cần cù*, một sự im lặng bộc lộ nội tâm tính cao cả của ngài. “Chúa Cha đã nói một lời, và đó là Con của Người”, Thánh Gioan Thánh giá nhận xét như thế, Chúa Cha đã nói một lời và đó là Con của Người - “và lời này luôn luôn nói trong im lặng vĩnh cửu, và trong im lặng nó phải được nghe bởi linh hồn”[2].

Chúa Giêsu đã được dưỡng dục trong “trường học” này, trong ngôi nhà ở Nadarét, với gương sáng hàng ngày của Đức Maria và Thánh Giuse. Và không có gì ngạc nhiên khi chính Người đã tìm kiếm những khoảng im lặng trong những ngày sống của Người (x. Mt 14:23) và mời gọi các môn đệ của Người có kinh nghiệm như thế bằng gương sáng: “Anh em hãy đến một nơi vắng vẻ, nghỉ ngơi một lát” (Mc 6:31).

Thật tốt biết bao nếu mỗi người chúng ta, theo gương Thánh Cả Giuse, có thể phục hồi *chiều kích chiêm niệm của cuộc sống, khai diễn trong thinh lặng*. Nhưng chúng ta đều biết từ kinh nghiệm rằng điều đó không hề dễ dàng: sự im lặng làm chúng ta sợ hãi một chút, bởi vì nó yêu cầu chúng ta đào sâu chính bản thân và đối diện với phần trung thực nhất của chúng ta. Và nhiều người sợ im lặng, họ phải nói, cứ thế mà nói, và nghe truyền thanh hoặc truyền hình... nhưng họ không thể chấp nhận im lặng vì họ sợ. Nhà triết học Pascal nhận xét rằng “tất cả những điều bất hạnh của con người đều xuất phát từ một sự kiện duy nhất, đó là họ không thể yên lặng trong buồng riêng của mình” [3].

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy học nơi Thánh Cả Giuse cách vun trồng những không gian dành cho thinh lặng, trong đó một Lời khác có thể xuất hiện, đó là Chúa Giêsu, Ngôi Lời: lời của Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong chúng ta, mà Chúa Giêsu đã mang đến cho chúng ta. Không dễ dàng nhận ra Tiếng nói đó, vốn rất hay bị lẫn lộn với muôn ngàn tiếng nói lo lắng, cảm dỗ, ham muốn và hy vọng vốn đang cư ngụ trong chúng ta; nhưng nếu không có sự huấn luyện này, sự huấn luyện phát xuất từ chính việc thực hành im lặng, thì *lời của*

chúng ta cũng có thể bị ốm. Nếu không thực hành im lặng, lưỡi của chúng ta cũng có thể bị ốm. Thay vì làm cho sự thật tỏa sáng, nó có thể trở thành một vũ khí nguy hiểm. Thật vậy, lời nói của chúng ta có thể trở thành xu nịnh, khoác lác, dối trá, nói sau lưng và vu khống. Có một sự kiện đã được khẳng định rằng, như Sách Huấn Ca đã nhắc nhở chúng ta, “Có nhiều kẻ gục ngã vì lưỡi kiếm, nhưng làm sao sánh được với những kẻ gục ngã vì lưỡi người?” (28:18), lưỡi giết người nhiều hơn thanh kiếm. Chúa Giêsu đã nói rõ ràng: ai nói xấu anh chị em mình, ai nói xấu người thân cận, là kẻ giết người (x. Mt 5:21-22). Giết người bằng lưỡi. Chúng ta không tin điều này, nhưng đó là sự thật. Chúng ta hãy nghĩ một chút về những lần chúng ta đã giết người bằng lưỡi: chúng ta sẽ rất xấu hổ! Nhưng điều này tốt cho chúng ta, rất tốt cho chúng ta.

Sự khôn ngoan trong Kinh thánh khẳng định rằng “Sống hay chết đều do cái lưỡi, ai yêu chuộng nó, sẽ lãnh nhận hậu quả” (*Châm ngôn* 18:21). Và Thánh Tông đồ Giacôbê, trong Bức thư mà chúng ta đã đọc ở phần đầu, khai triển chủ đề cổ xưa này về sức mạnh, cả tích cực lẫn tiêu cực, của lời với những thí dụ nổi bật, và Người nói: “Ai không vấp ngã về lời nói, ấy là người hoàn hảo, có khả năng kiểm chế toàn thân... Cái lưỡi cũng vậy: nó là một bộ phận nhỏ bé của thân thể, mà lại huênh hoang làm được những chuyện to lớn... Ta dùng lưỡi mà chúc tụng Chúa là Cha chúng ta, ta cũng dùng lưỡi mà nguyền rủa những con người đã được làm ra theo hình ảnh Thiên Chúa. Từ cùng một cái miệng, phát xuất lời chúc tụng và lời nguyền rủa” (3: 2- 10).

Đây là lý do tại sao chúng ta phải học nơi Thánh Giuse để trau dồi sự im lặng: không gian nội tâm trong thời đại của chúng ta, trong đó chúng ta dành cho Chúa Thánh Thần cơ hội để tái sinh chúng ta, để an ủi chúng ta và sửa chữa chúng ta. Tôi không nói là phải rơi vào tình trạng câm lặng, không. Im lặng. Nhưng chuyện rất thường xảy ra là, khi chúng ta đang làm việc gì đó, mỗi người chúng ta đều nhìn vào bên trong, nhưng khi chúng ta đã hoàn thành, thì ngay lập tức chúng ta tìm điện thoại của mình để gọi một cú gọi khác... chúng ta luôn hành động như thế. Và điều này không giúp ích được gì, điều này khiến chúng ta rơi vào tình trạng hời hợt. Sự sâu sắc của tâm hồn lớn lên cùng với sự im lặng, sự im lặng không phải là tịt câm như tôi đã nói, mà là khoảng trống dành cho sự khôn ngoan, suy tư và Chúa Thánh Thần. Chúng ta sợ những khoảnh khắc im lặng. Chúng ta đừng sợ! Nó sẽ giúp ích cho chúng ta. Và lợi ích cho tâm hồn chúng ta cũng sẽ chữa lành lưỡi của chúng ta, lời nói của chúng ta và trên hết các lựa chọn của chúng ta. Thực tế, Thánh Giuse đã kết hợp im lặng với hành động. Ngài không nói, nhưng ngài hành động, và do đó chứng tỏ điều Chúa Giêsu đã từng nói với các môn đệ: “Không phải ai nói với tôi rằng: ‘Lạy Chúa, lạy Chúa’ sẽ được vào thiên đàng, nhưng ai làm theo ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự ở trên trời” (Mt 7:21). Im lặng. Những lời sinh hoa trái khi chúng ta nói, và chúng ta nhớ bài hát đó: “Parole, parole, parole...”, lời, lời, lời, và không có gì nặng chát. Im lặng, nói đúng cách và giữ lưỡi đôi chút, đôi khi tốt hơn là nói những điều ngớ ngẩn.

Chúng ta hãy kết thúc bằng một lời cầu nguyện:

*Lạy Thánh Giuse, người của im lặng,
Ngài là người không thốt ra một lời nào trong Tin Mừng,*

*Xin Ngài dạy chúng con kiêng những lời lẽ vô ích,
để tái khám phá giá trị của những lời nói xây dựng, khuyến khích, an ủi và hỗ trợ.*

*Xin Ngài gần gũi với những người đang đau khổ vì những lời nói làm tổn thương,
như vu khống và nói sau lưng,*

và xin giúp chúng con luôn kết hợp lời nói với việc làm. Amen.

Cảm ơn anh chị em.

[1] *Diễn từ* 288, 5: PL 38, 1307.

[2] *Dichos de luz y amor* [Những câu nói về ánh sáng và tình yêu], BAC, Madrid, 417, n. 99.

[3] *Pensées*, 139.

Chương Năm: Sự ra đời của Chúa Giêsu.

Ngày 22/12/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, chỉ vài ngày trước lễ Giáng sinh, tôi muốn cùng anh chị em nhớ lại sự kiện lịch sử không thể không kể đến: sự ra đời của Chúa Giêsu.

Để tuân hành sắc lệnh của Hoàng đế Cesar Augustus ra lệnh cho các ngài phải về nơi xuất xứ của mình để đăng ký, Thánh Giuse và Đức Maria đã từ Nadarét xuống Bêlem. Ngay khi đến nơi, các ngài lập tức tìm chỗ ở vì thời điểm Đức Maria sinh con sắp diễn ra. Thật không may, họ đã không tìm thấy bất cứ điều gì. Vì vậy, Đức Maria buộc phải sinh con trong một chuồng bò (xem *Lc. 2: 1-7*).

Anh chị em hãy nghĩ xem: Đấng tạo ra vũ trụ... Người không được ban cho một nơi để sinh ra! Có lẽ đây là một dự ứng về những gì thánh sử Gioan sẽ nói: “Người đã đến nhà riêng của mình, nhưng dân riêng của Người không đón nhận Người” (1:11); và những gì chính Chúa Giêsu sẽ nói: “Cáo có hang, chim trời có tổ; nhưng Con người không có nơi để đặt đầu” (*Lc 9:58*).

Chính một thiên thần đã thông báo về sự ra đời của Chúa Giêsu, và Người đã làm như vậy với một số người chần chừ thấp hèn. Và chính một ngôi sao đã chỉ đường cho các đạo sĩ đến Bêlem (x. *Mt 2:1, 9,10*). Thiên thần là sứ giả của Thiên Chúa. Ngôi sao nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa đã tạo ra ánh sáng (*St 1: 3*) và Hải nhi là “ánh sáng thế gian”, như chính Người đã định nghĩa (x. *Ga 8:12, 46*), là “ánh sáng đích thực soi sáng cho mọi người” (*Ga 1: 9*), “soi sáng trong bóng tối, và bóng tối không khuất phục được” (c. 5).

Các người chần chừ nhân cách hóa những người nghèo của Israel, những người thấp hèn sống mà ý thức rõ các thiếu thốn của chính mình. Chính vì lý do này, họ tít thác vào Thiên Chúa hơn những người khác. Họ là những người đầu tiên được thấy Con Thiên Chúa làm người, và cuộc gặp gỡ này đã thay đổi họ sâu xa. Tin Mừng ghi nhận rằng họ trở về “tôn vinh và ngợi khen Thiên Chúa về tất cả những gì họ đã nghe và đã thấy” (*Lc 2:20*).

Các đạo sĩ cũng ở bên cạnh Chúa Giêsu mới sinh (x. *Mt 2:1-12*). Các sách Tin Mừng không cho chúng ta biết những vị vua này là ai, cũng không cho biết có bao nhiêu vị, cũng như tên của các vị là gì. Điều duy nhất chúng ta biết chắc chắn là các vị đến từ một quốc gia xa xôi ở

phương Đông (có lẽ từ Babylonia, hoặc Ả Rập, hoặc Ba Tư thời đó), các vị bắt đầu cuộc hành trình tìm kiếm Vua của người Do Thái, người mà các vị đồng nhất hóa với Thiên Chúa trong lòng các vị bởi vì các vị nói các vị muốn tôn thờ Người. Các đạo sĩ đại diện cho các dân tộc ngoại giáo, đặc biệt là tất cả những người đã tìm kiếm Thiên Chúa qua các thời đại, và những người bắt đầu cuộc hành trình tìm kiếm Người. Họ cũng đại diện cho những người giàu có và quyền thế, nhưng chỉ những người không làm nô lệ cho của cải, những người không bị "sở hữu" bởi những thứ họ tin rằng họ sở hữu.

Thông điệp của các sách Tin Mừng rất rõ ràng: sự ra đời của Chúa Giêsu là một sự kiện phổ quát liên quan đến toàn thể nhân loại.

Anh chị em thân mến, khiêm nhường là con đường duy nhất dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa. Đồng thời, nhất là vì nó dẫn chúng ta đến với Người, nên sự khiêm nhường cũng dẫn chúng ta đến những điều cốt yếu của cuộc sống, đến ý nghĩa chân thật nhất của nó, đến lý do đáng tin cậy nhất để giải thích tại sao cuộc sống thực sự đáng sống.

Chỉ có sự khiêm tốn mới mở ra cho chúng ta kinh nghiệm sự thật, niềm vui đích thực, biết điều gì quan trọng. Nếu không có sự khiêm nhường, chúng ta bị “cắt đứt”, chúng ta bị cắt đứt khỏi sự hiểu biết về Thiên Chúa và sự hiểu biết về chính mình. Khiêm tốn là cần thiết để hiểu bản thân mình, và càng như thế để hiểu rõ Thiên Chúa. Các đạo sĩ thậm chí có thể vĩ đại theo luận lý của thế giới, nhưng họ tự cho mình là thấp hèn, khiêm tốn và chính vì điều này mà họ đã thành công trong việc tìm thấy Chúa Giêsu và nhận ra Người. Họ chấp nhận sự khiêm tốn của việc tìm kiếm, bắt đầu một cuộc hành trình, lên tiếng hỏi, chấp nhận rủi ro, phạm sai lầm.

Mỗi người, trong sâu thẳm trái tim mình, được mời gọi tìm kiếm Thiên Chúa: tất cả chúng ta đều có sự bồn chồn đó. Công việc của chúng ta không phải để loại bỏ sự bồn chồn đó, nhưng để cho nó phát triển bởi vì chính sự bồn chồn đó tìm kiếm Thiên Chúa; và, với ân sủng của chính Người, có thể tìm thấy Người. Chúng ta có thể biến lời cầu nguyện này của Thánh Anselm (1033-1109) thành của riêng chúng ta: “Lạy Chúa, xin dạy con tìm kiếm Chúa và tỏ Chúa ra cho con khi con tìm kiếm, bởi vì con không thể tìm kiếm Chúa nếu Chúa không dạy con cách thức và cũng không tìm thấy Chúa trừ khi Chúa tự mạc khải Chúa ra. Xin Chúa cho con tìm kiếm Chúa trong sự khao khát Chúa; xin cho con khao khát Chúa trong việc tìm kiếm Chúa; xin cho con tìm thấy Chúa trong tình yêu Chúa; xin cho con yêu Chúa trong việc tìm thấy Chúa” (*Proslogion*, 1).

Anh chị em thân mến, tôi muốn mời mọi người nam nữ đến chuồng bò Bêlem để tôn thờ Con Thiên Chúa làm người. Xin cho mỗi người chúng ta đến gần máng cỏ trong nhà của chúng ta hoặc trong nhà thờ hoặc ở một nơi khác, và cố gắng thực hiện một hành động tôn thờ, bên trong: “Con tin Chúa là Thiên Chúa, em bé này là Thiên Chúa. Xin ban cho con ơn khiêm tốn để hiểu biết”.

Khi đến gần và cầu nguyện bên máng cỏ, tôi muốn đặt *người nghèo* ở hàng ghế đầu, những người mà - như Thánh Phaolô VI đã từng khuyến khích - “chúng ta phải yêu mến vì một cách nào đó, họ là bí tích của Chúa Kitô; trong họ - trong người đói, người khát, người lưu đày, người trần truồng, người bệnh, tù nhân - Người muốn được đồng nhất hóa một cách huyền bí. Chúng ta phải giúp đỡ họ, cùng đau khổ với họ, và cũng theo chân họ vì nghèo khó là con đường an toàn nhất để chiếm hữu Nước Thiên Chúa một cách sung mãn” (*Bài giảng*, ngày 1 tháng 5 năm 1969). Vì lý do này, chúng ta phải cầu xin ơn khiêm nhường: “Lạy Chúa, để con đừng kiêu căng, con đừng lấy mình làm đủ, con đừng tin rằng con là trung tâm của vũ trụ. Xin Chúa làm cho con khiêm tốn. Xin Chúa ban ơn khiêm nhường cho con. Và với sự khiêm

nhường này, xin cho con tìm thấy Chúa”. Đó là cách duy nhất; không có sự khiêm nhường chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy Thiên Chúa: chúng ta sẽ chỉ tìm thấy chính mình. Lý do là người không khiêm tốn không có chân trời phía trước họ. Họ chỉ có một tấm gương để soi mình. Chúng ta hãy cầu xin Chúa đập vỡ tấm gương này để chúng ta có thể nhìn xa hơn, tới chân trời, nơi Người đang ngự. Nhưng Người cần phải làm điều này: ban cho chúng ta ân sủng và niềm vui của đức khiêm nhường để đi con đường này.

Vậy thì, thưa anh chị em, giống như ngôi sao đã làm với các đạo sĩ, tôi muốn đồng hành đến Bêlem với tất cả những ai không có lòng bòn chồn tôn giáo, những người không đặt câu hỏi về Thiên Chúa, hoặc những người thậm chí có thể chống lại tôn giáo, tất cả những ai bị nhận diện không thích đáng là *những người vô thần*. Tôi muốn nhắc lại với họ thông điệp của Công đồng Vatican II: “Giáo hội chủ trương rằng việc nhìn nhận Thiên Chúa không hề thù địch với phẩm giá của con người, vì phẩm giá này được bắt nguồn và hoàn thiện trong Thiên Chúa. [...] Trên hết, Giáo hội biết rằng sứ điệp của mình hòa hợp với những khao khát thầm kín nhất của trái tim con người” (*Gaudium et Spes*, 21).

Chúng ta hãy trở về nhà với bài hát của thiên thần: “Hòa bình trên trái đất cho những ai Người hài lòng!” Chúng ta hãy luôn nhớ rằng: “tình yêu hệ ở điều này, không phải vì chúng ta yêu Thiên Chúa nên Người yêu chúng ta [...] Người yêu chúng ta trước” (*1 Ga* 4:10, 19), Người đã tìm kiếm chúng ta. Chúng ta đừng quên điều này.

Đây là lý do để chúng ta vui mừng: chúng ta được yêu thương, chúng ta được tìm kiếm, Chúa tìm kiếm chúng ta để thấy chúng ta, để yêu chúng ta nhiều hơn. Đây là lý do của niềm vui: biết rằng chúng ta được yêu thương mà không cần bất cứ công trạng gì, chúng ta luôn được Thiên Chúa yêu thương trước hết, với một tình yêu cụ thể đến nỗi Người đã mặc lấy xác phàm và đến sống giữa chúng ta, trong Hải nhi mà chúng ta thấy trong đó trong máng cỏ. Tình yêu này có một cái tên và một khuôn mặt: Chúa Giêsu là tên và khuôn mặt của tình yêu - đây là nền tảng của niềm vui của chúng ta.

Anh chị em thân mến, tôi xin kính chúc anh chị em một mùa Giáng sinh hân hoan, hạnh phúc và thánh thiện. Và tôi muốn rằng - vâng, có những lời chúc tốt lành, những cuộc đoàn tụ gia đình, điều này luôn rất tươi đẹp - nhưng ước mong cũng nên ý thức rằng Chúa đến “vì tôi”. Mọi người hãy nói điều này: Chúa đến vì tôi. Cần ý thức rằng muốn tìm kiếm Thiên Chúa, muốn gặp Thiên Chúa, muốn chấp nhận Thiên Chúa, thì cần phải khiêm nhường: khiêm nhường tìm kiếm ơn đập gãy tấm gương phù phiếm, kiêu căng, ngắm nhìn mình. Ngắm nhìn Chúa Giêsu, nhìn về phía chân trời, nhìn Thiên Chúa, Đấng đến với chúng ta và Đấng chạm đến trái tim chúng ta với sự bòn chồn mang hy vọng đến cho chúng ta. Chúc anh em chị em một lễ Giáng sinh vui vẻ và thánh thiện!

Chương Sáu: Thánh Giuse, Di dân bị Bách hại và Can đảm

Ngày 29/12/2021

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, tôi muốn trình bày với anh chị em Thánh Giuse như một di dân bị bách hại và can đảm. Thánh sử Matthêu mô tả về ngài như thế. Biến cố đặc thù trong cuộc đời của Chúa Giêsu cũng liên quan đến Thánh Giuse và Mẹ Maria, theo truyền thống, được gọi là “cuộc chạy trốn sang Ai Cập” (x. Mt 2:13-23). Gia đình Nadarét đã phải chịu nỗi nhục nhã ấy và trực tiếp trải qua sự bấp bênh, sợ hãi và đau đớn khi phải rời bỏ quê hương. Ngày nay, rất nhiều anh chị em của chúng ta vẫn đang bị buộc phải trải qua cùng những bất công và đau

khổ như vậy. Nguyên nhân thì hầu như luôn luôn là sự cao ngạo và bạo lực của kẻ quyền thế. Đây cũng là trường hợp của Chúa Giêsu.

Vua Hêrôđê biết được từ các đạo sĩ về sự ra đời của “Vua dân Do Thái”, và tin này làm ông chấn động. Ông cảm thấy bất an, ông cảm thấy quyền lực của mình đang bị đe dọa. Vì vậy, ông ta tập hợp tất cả những người lãnh đạo của Giêrusalem lại để tìm ra nơi Chúa Giêsu sinh ra, và yêu cầu các đạo sĩ thông báo cho ông ta những chi tiết chính xác, để - ông ta nói một cách giả dối - ông ta cũng sẽ đến và thờ lạy Người. Nhưng khi nhận ra các đạo sĩ đã trở về theo hướng khác, ông ta đã lên một kế hoạch độc ác: giết tất cả những đứa trẻ dưới hai tuổi ở Bêlem, đó là khoảng thời gian, theo tính toán của các Đạo sĩ, trong đó Chúa Giêsu đã sinh ra.

Trong lúc đó, một thiên sứ ra lệnh cho Thánh Giuse: “Hãy trốn dậy, đem con trẻ và mẹ em chạy sang Ai Cập, và ở đó cho đến khi ta nói cho ông hay; vì Hêrôđê sắp tìm con trẻ để tiêu diệt em” (Mt 2:13). Ngày nay, anh chị em hãy nghĩ đến nhiều người cũng cảm thấy bị thôi thúc ở trong lòng: “Hãy chạy trốn, hãy chạy trốn, bởi vì có nguy hiểm ở đây”. Kế hoạch của Hêrôđê gợi ta nhớ đến kế hoạch của Pharaô đã ném tất cả trẻ trai của dân Do Thái xuống sông Nile (x. Xh 1:22). Việc lánh nạn sang Ai Cập gợi nhớ toàn bộ lịch sử của Dân Do Thái bắt đầu với Ápraham, người cũng đã trú ngụ ở đó (xem St 12:10); với Giuse, con Giacóp, bị anh em mình bán (xem St 37:36) trước khi trở thành “người cai trị lãnh thổ” (xem St 41: 37-57); và với Môsê, người đã giải phóng dân tộc mình khỏi ách nô lệ của người Ai Cập (x. Xh 1:18).

Chuyến lánh nạn của Thánh Gia sang Ai Cập đã cứu Chúa Giêsu, nhưng tiếc là nó không ngăn cản được Hêrôđê thực hiện vụ thảm sát của ông ta. Do đó, chúng ta phải đối đầu với hai nhân cách đối lập nhau: một mặt là Vua Hêrôđê với sự hung dữ, mặt khác là Thánh Giuse với sự quan tâm và lòng can đảm. Vua Hêrôđê muốn bảo vệ quyền lực của mình, chính làn da của mình, bằng sự tàn nhẫn không nương tay, như được chứng thực bằng việc hành quyết một trong những người vợ, một số con cái của ông ta và hàng trăm đối thủ. Ông ta là một người tàn nhẫn: để giải quyết vấn đề, ông ta chỉ có một giải pháp: giết. Ông ta là biểu tượng của nhiều bạo chúa trong quá khứ và ngày nay. Và đối với chúng, đối với những bạo chúa này, người dân không đáng kể; quyền lực mới đáng kể, và nếu họ cần có chỗ cho quyền lực, họ sẽ tiêu diệt người dân. Và điều này cũng đang xảy ra *hôm nay*: chúng ta không cần nhìn vào lịch sử cổ thời, nó đang xảy ra *hôm nay*. Ông ta là người đã trở thành "sói" cho những người khác. Lịch sử đầy rẫy những nhân vật như thế, những người sống với nhiều nỗi sợ hãi của họ, cố gắng chinh phục chúng bằng cách thực thi quyền lực một cách chuyên quyền và thực hiện các hành động bạo lực vô nhân đạo. Nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng chúng ta chỉ sống theo quan điểm của Hêrôđê khi chúng ta trở thành bạo chúa, không; thật vậy, đó là một thái độ mà tất cả chúng ta đều có thể sa vào, mỗi khi chúng ta cố gắng xua tan nỗi sợ hãi bằng sự cao ngạo, dù chỉ bằng lời nói, hoặc tạo ra các hành vi lạm dụng nhỏ nhằm hành hạ những người thân cận của chúng ta. Chúng ta cũng có trong lòng khả thể trở thành những Hêrôđê nhỏ.

Thánh Giuse đối lập với Hêrôđê: trước hết, ngài là “người công chính” (Mt 1:19), còn Hêrôđê là một người độc tài. Hơn nữa, ngài chứng tỏ ngài can đảm làm theo mệnh lệnh của Thiên thần. Người ta có thể hình dung ra những thăng trầm ngài phải đối diện trong cuộc hành trình lâu dài và nguy hiểm và những khó khăn liên quan đến việc ở lại một đất nước xa lạ, với một ngôn ngữ khác: rất nhiều khó khăn. Lòng can đảm của ngài cũng bộc lộ trong lúc ngài hồi hương, khi được Thiên Thần trấn an, ngài vượt qua nỗi sợ hãi có thể hiểu được của mình và cùng với Đức Maria và Chúa Giêsu định cư ở Nadarét (x. Mt 2:19-23). Hêrôđê và thánh Giuse là hai nhân vật đối lập nhau, phản ánh hai bộ mặt muôn thuở của nhân loại. Một quan

niệm sai lầm phổ biến là coi lòng can đảm là đức tính riêng của người anh hùng. Trong thực tế, cuộc sống hàng ngày của mỗi người đều đòi hỏi lòng can đảm. Cách sống của chúng ta - của anh chị em, của tôi, của mọi người: người ta không thể sống mà không có lòng can đảm, lòng can đảm để đối đầu với các khó khăn hàng ngày. Trong mọi thời đại và mọi nền văn hóa, chúng ta đều thấy những người đàn ông và đàn bà can đảm, những người, để nhất quán với các niềm tin của họ, đã vượt qua mọi khó khăn, và chịu đựng bất công, kết án và thậm chí cả cái chết nữa. Lòng can đảm đồng nghĩa với lòng dũng cảm, một đức tính cùng với sự công bằng, khôn ngoan và tiết độ là một phần của nhóm các nhân đức nhân bản vốn được gọi là “các nhân đức chính”.

Bài học mà Thánh Giuse để lại cho chúng ta hôm nay là: cuộc sống luôn có sẵn cho chúng ta những nghịch cảnh, điều này đúng, khi đứng trước chúng, chúng ta cũng có thể cảm thấy bị đe dọa và sợ hãi. Nhưng không phải bằng cách biểu lộ điều tội tệ nhất của bản thân, như Hêrôđê, chúng ta có thể vượt qua những khoảnh khắc nhất định, nhưng bằng cách hành động giống như Thánh Giuse, vị thánh đã phản ứng chống nỗi sợ hãi bằng lòng can đảm tin cậy vào sự Quan phòng của Thiên Chúa. Hôm nay tôi nghĩ chúng ta cần một lời cầu nguyện cho tất cả những người di cư; những người di cư và tất cả những người bị bách hại, và tất cả những ai là nạn nhân của những nghịch cảnh bất lợi: chúng có thể là hoàn cảnh chính trị, lịch sử hoặc bản thân. Nhưng, chúng ta hãy nghĩ đến rất nhiều người là nạn nhân của các cuộc chiến tranh, những người muốn chạy trốn khỏi quê hương của họ nhưng không thể chạy trốn; chúng ta hãy nghĩ đến những người di cư đã lên đường để được tự do, rất nhiều người trong số họ đã kết thúc trên đường phố hoặc trên biển cả; Chúng ta hãy nghĩ đến Chúa Giêsu trong vòng tay của Thánh Giuse và Mẹ Maria, đang chạy trốn, và chúng ta hãy nhìn thấy nơi Người từng người trong số những người di cư của ngày hôm nay. Di cư ngày nay là một thực tại mà chúng ta không thể nhắm mắt. Đó là một tai tiếng xã hội của nhân loại.

Lạy Thánh Giuse,

Ngài là người đã trải qua sự đau khổ của những người phải chạy trốn

Ngài là người đã bị buộc phải chạy trốn

để cứu mạng của những người thân yêu nhất của Ngài,

xin bảo vệ tất cả những người đang chạy trốn vì chiến tranh,

hận thù, đói khát.

Xin trợ giúp họ trong các khó khăn của họ,

Xin cùng xố họ trong hy vọng, và để họ tìm được sự chào đón và liên đới.

Xin hướng dẫn các bước đi của họ và mở rộng trái tim của những người có thể giúp họ.

Amen.

Chương Bảy: Thánh Giuse, cha nuôi của Chúa Giêsu

Ngày 05/01/2022

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ suy gẫm về Thánh Giuse, cha của Chúa Giêsu. Các thánh sử Mátthêu và Luca trình bày ngài như cha nuôi của Chúa Giêsu, chứ không phải là cha ruột của Người. Thánh Mátthêu chỉ rõ điều này, tránh dùng công thức “cha của”, được dùng trong gia phả cho tất cả tổ tiên của Chúa Giêsu; thay vào đó, ngài định nghĩa Thánh Giuse là “chồng của bà Maria, người đã sinh ra Chúa Giêsu, Đấng được gọi là Chúa Kitô” (1:16). Mặt khác, Thánh Luca khẳng định điều này bằng cách nói rằng ngài là cha “được cho là” của Chúa Giêsu (3:23), tức là xem ra ngài là cha của Người.

Để hiểu được mối liên hệ cha con được cho là hay hợp pháp của Thánh Giuse, cần phải nhớ rằng vào thời cổ xưa ở phương Đông, định chế nhận con nuôi rất phổ biến, hơn ngày nay. Người ta nghĩ đến trường hợp thông thường ở Do Thái về “luật Lêvi”, như được trình bày trong Đệ nhị luật: “Nếu anh em sống với nhau, mà một trong số họ chết mà không có con trai, thì vợ của người chết sẽ không được kết hôn ngoài gia đình với một người lạ; em trai của chồng sẽ đến với cô ấy, và lấy cô ấy làm vợ, và thực hiện nghĩa vụ của một người em chồng đối với cô ấy. Và con trai đầu lòng mà cô ấy cuu mang sẽ nối nghiệp tên người anh đã chết, hầu cho tên của người đó không bị xóa khỏi Israel”(25: 5-6). Nói cách khác, cha của đứa trẻ này là em rể, nhưng người cha hợp pháp vẫn là người đã chết, người cho đứa trẻ mới sinh tất cả các quyền di sản. Mục đích của luật này gồm hai mặt: đảm bảo dòng dõi của những người đã qua đời và bảo tồn di sản. Với tư cách là cha chính thức của Chúa Giêsu, Thánh Giuse thực hiện quyền đặt tên cho con trai mình, thừa nhận cậu về mặt pháp lý. Về mặt pháp lý, ngài là cha, nhưng không phải về mặt sinh sản; ngài đã không sinh ra Người.

Thời xưa, tên là bản tóm tắt căn tính của một người. Thay đổi tên của mình có nghĩa là thay đổi chính mình, như trong trường hợp của Ápraham, tên mà Thiên Chúa đã đổi thành "Ápraham", có nghĩa là "cha của nhiều người", "vì", Sách Sáng thế nói, ông sẽ là "cha của nhiều dân tộc”(17: 5). Điều tương tự cũng đã xảy ra với Giacóp, người sẽ được gọi là “Israel”, nghĩa là “người đấu tranh với Thiên Chúa”, vì ông đã đánh nhau với Thiên Chúa để buộc Người ban phúc cho mình (xem *St* 32:29; 35:10).

Nhưng trên hết, đặt tên cho ai hoặc một điều gì đó có nghĩa là khẳng định quyền hạn của mình đối với những người hoặc vật được đặt tên, như Adam đã làm khi đặt tên cho tất cả các loài vật (xem *St* 2: 19-20).

Thánh Giuse biết rằng, đối với con trai của bà Maria, một cái tên đã được Thiên Chúa chuẩn bị sẵn - tên Giêsu được đặt cho Người bởi người cha thật của Người, là Thiên Chúa - “Giêsu”, có nghĩa là “Chúa cứu vớt”; như Thiên Thần giải thích, “Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (*Mt* 1:21). Khía cạnh đặc biệt này của Thánh Giuse giờ đây cho phép chúng ta suy gẫm về tình phụ tử và tình mẫu tử. Và tôi tin điều này rất quan trọng: nghĩ về việc làm cha ngày nay. Bởi vì chúng ta đang sống trong một thời đại có tiếng là mồ côi, phải không? Thật là lạ: nền văn minh của chúng ta là một điều gì đó của trẻ mồ côi, và người ta cảm nhận được tình trạng mồ côi này. Xin Thánh Cả Giuse, người thay thế cho người cha thật là Thiên Chúa, giúp chúng ta hiểu cách giải quyết cảm thức mồ côi đang gây hại cho chúng ta ngày nay.

Đem một đứa trẻ vào đời không đủ để trở thành cha hoặc mẹ của đứa trẻ. “Những người cha không được sinh ra, mà được tạo ra. Một người đàn ông không trở thành một người cha chỉ đơn giản bằng cách đem một đứa trẻ vào đời, mà bằng cách nhận trách nhiệm chăm sóc đứa trẻ đó. Bất cứ khi nào một người đàn ông chịu nhận trách nhiệm về cuộc sống của người khác, thì cách nào đó, họ trở thành cha đối với người đó”(Tông thư *Patris corde*). Tôi đặc biệt nghĩ đến tất cả những ai đang mở lòng đón nhận cuộc sống bằng cách nhận con nuôi, đây là một thái độ tốt đẹp và rộng lượng. Thánh Giuse cho chúng ta thấy rằng dây nối kết này không phải là thứ yếu; nó không phải là một hậu ý, không phải. Loại lựa chọn này là một trong những hình thức cao nhất của tình yêu, tình phụ tử và tình mẫu tử. Có bao nhiêu trẻ em trên thế giới đang đợi ai đó chăm sóc chúng! Và biết bao nhiêu cặp vợ chồng muốn làm cha, làm mẹ nhưng không thể thực hiện được vì lý do sinh học; hoặc, mặc dù đã có con nhưng họ muốn chia sẻ tình âu yếm gia đình với những người chưa có tình cảm này. Chúng ta không nên sợ chọn con đường nhận con nuôi, chấp nhận “rủi ro” khi chào đón trẻ em. Và ngày nay,

với tình trạng mồ côi, có một sự ích kỷ nào đó. Có lần, tôi đã nói về mùa đông nhân khẩu hiện có ngày nay, trong đó chúng ta thấy rằng người ta không muốn có con, hoặc chỉ có một con và không muốn thêm nữa. Và rất nhiều cặp vợ chồng không có con vì họ không muốn, hoặc họ chỉ có một con - nhưng lại có đến hai con chó, hai con mèo... Đúng vậy, chó và mèo thay thế cho những đứa trẻ. Vâng, tôi hiểu điều đó thật buồn cười, nhưng đó là thực tại. Và sự bác bỏ tình phụ tử này làm chúng ta giảm thiểu, nó lấy đi nhân tính của chúng ta. Và theo cách này, nên văn minh trở nên già cỗi và không có tình người, vì nó làm mất đi sự phong phú của tình phụ tử và mẫu tử. Và quê hương của chúng ta chịu thiệt thòi, vì nó không có trẻ em, và, như người ta đã nói một cách hài hước, "và bây giờ ai sẽ trả tiền thuế để trả lương hưu cho tôi, nếu không có con cái?": một cách hài hước, nhưng đó là sự thật. Ai sẽ chăm sóc tôi? Tôi xin Thánh Giuse ân sủng để đánh thức các lương tâm suy nghĩ về điều này: về việc có con. Tình phụ tử và tình mẫu tử là lẽ viên mãn của đời người. Anh chị em hãy nghĩ về điều này. Đúng là, có tình phụ tử thiêng liêng của những người dâng mình cho Thiên Chúa, và tình mẫu tử thiêng liêng; nhưng những ai sống trên đời và lập gia đình, hãy nghĩ đến việc có con, trao ban sự sống mà chúng sẽ lãnh nhận từ anh chị em cho tương lai. Và ngoài ra, nếu anh chị em không thể có con, hãy nghĩ đến việc nhận con nuôi. Đó là một rủi ro, đúng thế: có con, một cách tự nhiên hay do nhận nuôi, luôn luôn là một rủi ro. Nhưng sẽ rủi ro hơn nếu không có chúng. Sẽ rủi ro hơn nếu bác bỏ tình phụ tử, hoặc bác bỏ tình mẫu tử, dù là thực chất hay thiêng liêng. Nhưng bác bỏ, một người đàn ông hay một người đàn bà không khai triển cảm thức làm cha, làm mẹ, họ đang thiếu một điều gì đó, một điều căn bản, một điều gì đó quan trọng. Anh chị em hãy suy nghĩ về điều này, xin làm ơn.

Tôi mong rằng các định chế sẽ luôn sẵn sàng giúp đỡ việc nhận con nuôi, bằng cách giám sát nghiêm túc nhưng cũng đơn giản hóa các thủ tục cần thiết để giấc mơ của biết bao đứa trẻ cần một gia đình, và của biết bao cặp vợ chồng mong muốn hiến thân trong tình yêu, có thể trở thành sự thật. Cách đây ít lâu, tôi có nghe chứng từ của một người, một bác sĩ – một nghề quan trọng - không có con, và ông và vợ ông quyết định nhận một đứa trẻ làm con nuôi. Và khi đến lúc, họ được đề nghị một em, và họ được cho biết: "Nhưng chúng tôi không biết sức khỏe của đứa trẻ này như thế nào. Có lẽ em có bệnh". Và ông ta nói - Tôi đã nhìn thấy em rồi - ông nói, "Nếu cô hỏi tôi điều này trước khi đến đây, có lẽ tôi đã nói không. Nhưng tôi đã nhìn thấy đứa trẻ: Tôi sẽ đưa em đi với tôi". Đây là niềm khao khát được làm cha nuôi, được làm mẹ nuôi. Anh chị em đừng sợ điều này.

Tôi cầu nguyện để không ai cảm thấy thiếu mối dây ràng buộc tình cảm cha con. Và những người chịu ảnh hưởng của cảnh mồ côi, mong họ tiến bước mà không còn cảm giác khó chịu này. Xin Thánh Giuse che chở, và giúp đỡ cho trẻ mồ côi; và xin ngài cầu bầu cho những cặp vợ chồng muốn có con. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện để được điều này:

*Lạy Thánh Giuse,
Ngài là người đã yêu thương Chúa Giêsu bằng tình yêu thương của người cha,
xin Ngài gần gũi rất nhiều trẻ em chưa có gia đình
và hằng khao khát có bố có mẹ.*

*Xin Ngài hỗ trợ các cặp vợ chồng không thể sinh con,
giúp họ khám phá ra, qua đau khổ này, một kế hoạch lớn hơn.*

*Xin Ngài bảo đảm để không một ai thiếu một mái ấm, một mối dây nối kết,
một người để chăm sóc họ;
và xin Ngài chữa lành lòng ích kỷ của những người khép mình đối với sự sống, xin cho họ
biết mở lòng ra đối với tình yêu.*

Cảm ơn anh chị em.

Chương Tám: Thánh Giuse Thợ mộc

Ngày 12/01/2022

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Các thánh sử Mátthêu và Máccô gọi Thánh Giuse là “bác thợ mộc”. Trước đó, chúng ta đã nghe thấy người dân ở Nadarét, khi nghe Chúa Giêsu nói, đã tự hỏi: “Đây không phải là con của bác thợ mộc hay sao?” (13:55; xem *Mc* 6: 3). Chúa Giêsu đã thực hành nghề của cha mình.

Thuật ngữ *tekton* trong tiếng Hy Lạp, được sử dụng để chỉ công việc của Thánh Giuse, đã được dịch theo nhiều cách khác nhau. Các Giáo phụ Latinh dịch là “thợ mộc”. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng vào thời Palestine của Chúa Giêsu, gỗ không chỉ được sử dụng để làm máy cày và các đồ nội thất khác nhau, mà còn dùng để xây nhà, vốn có khung bằng gỗ và mái nhà có nóc dùng làm sân làm bằng những chiếc đá nối với cành cây và đất.

Do đó, “thợ mộc” là một chữ chung chung, chỉ cả thợ mộc lẫn thợ thủ công tham gia vào các hoạt động liên quan đến xây dựng. Đó là một việc làm khá vất vả, phải làm việc với các vật liệu nặng như gỗ, đá và sắt. Xét về quan điểm kinh tế, nó không bảo đảm thu nhập lớn, như có thể suy ra từ việc Đức Maria và thánh Giuse, khi dâng Chúa Giêsu trong Đền thờ, chỉ dâng đôi chim gáy hoặc chim bồ câu (x. *Lc* 2:24), như Luật đã quy định cho người nghèo (x. *Lv* 12: 8).

Như thế, cậu bé Giêsu đã học nghề này từ cha mình. Vì vậy, khi trưởng thành, Người bắt đầu rao giảng, những người hàng xóm ngạc nhiên hỏi: “Nhưng người này do đâu mà có sự khôn ngoan và những công việc vĩ đại này?” (*Mt* 13:54), và họ đã vấp phạm vì Người (x. câu 57), vì Người là con bác thợ mộc, nhưng Người ăn nói như một luật sĩ, và họ vấp phạm vì điều này.

Sự kiện tiêu sử về Thánh Giuse và Chúa Giêsu này khiến tôi liên tưởng đến tất cả những người lao động trên thế giới, đặc biệt là những người làm công việc mệt nhọc trong các hầm mỏ và một số nhà máy nào đó; những người bị bóc lột qua công việc không có giấy tờ; các nạn nhân của lao động: chúng ta đã thấy rất nhiều cảnh này ở Ý mấy lúc gần đây; những đứa trẻ buộc phải làm việc và những em lục lọi thùng rác để tìm kiếm thứ gì đó có thể bán được...

Tôi xin nhắc lại những gì tôi đã nói: những công nhân giấu mặt, những công nhân lao động nặng nhọc trong các hầm mỏ và trong một số nhà máy nào đó: chúng ta hãy nghĩ đến họ. Chúng ta hãy nghĩ về họ. Chúng ta hãy nghĩ về những người bị bóc lột với công việc không được khai báo, những người được trả lương lậu, một cách ranh mãnh, không có lương hưu, không có bất cứ điều gì cả. Và nếu anh chị em không làm việc, anh chị em sẽ không có an sinh xã hội. Công việc không có giấy tờ. Và ngày nay có rất nhiều công việc không có giấy tờ.

[Chúng ta hãy nghĩ đến] những nạn nhân của việc làm, những người bị tai nạn lao động. Đối với những đứa trẻ bị buộc phải làm việc: điều này thật khủng khiếp! Một đứa trẻ đang tuổi ăn

tuổi chơi, đáng lẽ được chơi, bị bắt phải lao động như một người lớn! Trẻ em bị buộc phải làm việc. Và trong số đó - những em đáng thương! - những em lục lọi các bãi rác để tìm kiếm thứ gì đó có thể bán được; các em đến các bãi rác... Tất cả những người này là anh chị em của chúng ta, những người kiếm sống bằng cách này: người ta không dành cho họ một nhân phẩm! Chúng ta hãy nghĩ về điều đó. Và điều đó đang xảy ra ngày nay, trên thế giới, điều đó đang xảy ra ngày nay.

Nhưng tôi cũng nghĩ đến những người không có việc làm. Có bao nhiêu người đi gõ cửa các nhà máy, xí nghiệp [hỏi] "Có việc gì để làm không?" - "Không, không có gì, không có gì cả". [Tôi nghĩ] đến những người cảm thấy nhân phẩm của họ bị tổn thương vì họ không thể tìm ra việc làm này. Họ trở về nhà: "Và? anh đã tìm được việc gì chưa?" - "Không, không có gì... Anh đến Caritas và anh mang bánh mì về". Điều mang lại phẩm giá không phải là mang bánh mì về nhà. Anh chị em có thể nhận nó từ Caritas - không, điều này không mang lại cho anh chị em phẩm giá. Điều mang lại cho anh chị em phẩm giá là kiếm được cơm bánh - và nếu chúng ta không đem lại cho người dân, đàn ông và đàn bà của chúng ta, khả năng kiếm được cơm bánh, thì đó là một sự bất công xã hội ở nơi đó, ở quốc gia đó, ở lục địa đó. Các nhà lãnh đạo phải đem lại cho mọi người khả năng kiếm được cơm bánh, vì khả năng kiếm ăn này mang lại cho họ phẩm giá. Đó là một việc xúc dầu thánh cho phẩm giá, cho việc làm. Và điều này rất quan trọng.

Nhiều người trẻ, nhiều ông bố, bà mẹ trải qua thử thách khi không có một việc làm giúp họ sống thanh thản. Họ sống ngày qua ngày. Và việc tìm việc làm rất thường trở thành tuyệt vọng đến mức khiến họ mất hết hy vọng và khát vọng sống. Trong thời kỳ đại dịch này, nhiều người đã mất việc làm - chúng ta biết điều này - và một số, bị gánh nặng đè bẹp không thể chịu đựng nổi, đến mức phải tự kết liễu mạng sống mình. Tôi muốn tưởng nhớ từng người trong số họ và gia đình của họ ngày hôm nay. Chúng ta hãy dành một chút thời gian im lặng, tưởng nhớ những người đàn ông, những người đàn bà này, những người đang tuyệt vọng vì không thể tìm được việc làm.

Người ta chưa xem xét đủ sự kiện này là việc làm là một thành tố thiết yếu của đời sống con người, và thậm chí còn là con đường nên thánh nữa. Việc làm không chỉ là phương tiện kiếm sống mà thôi: nó còn là nơi chúng ta tự phát biểu, cảm thấy mình hữu dụng và học được bài học lớn về tính cụ thể, giúp giữ cho đời sống tinh thần không trở thành chủ nghĩa duy linh.

Tuy nhiên, thật không may, lao động thường là con tin cho cảnh bất công xã hội và thay vì là một phương tiện của con người, nó trở thành một ngoại vi hiện sinh. Tôi thường tự hỏi: Chúng ta làm công việc hàng ngày với tinh thần nào? Làm thế nào để chúng ta đối phó với sự mệt mỏi? Chúng ta có thấy hoạt động của mình chỉ liên quan đến vận mệnh của mình hay cũng liên quan đến vận mệnh của nhiều người khác nữa? Thực tế, việc làm là một cách phát biểu nhân cách của chúng ta, vốn tự bản chất có tính tương quan. Và, việc làm cũng là một cách để phát biểu óc sáng tạo của chúng ta: mỗi người chúng ta làm việc theo cách riêng của mình, với phong cách riêng của mình: cùng một việc làm nhưng với những phong cách khác nhau.

Thật tốt khi nghĩ tới sự kiện chính Chúa Giêsu đã làm việc và học nghề thủ công này từ Thánh Giuse. Hôm nay, chúng ta nên tự hỏi chúng ta có thể làm gì để phục hồi giá trị của việc làm; và chúng ta có thể đóng góp gì, như một Giáo hội, để việc làm có thể được cứu chuộc khỏi luận lý học lợi nhuận thuần túy và có thể được trải nghiệm như một quyền và nghĩa vụ căn bản của con người, một điều vốn phát biểu và làm tăng phẩm giá của họ.

Anh chị em thân mến, vì tất cả những điều trên, hôm nay tôi muốn cùng anh chị em đọc lại lời cầu nguyện mà Thánh Phaolô VI đã dâng lên Thánh Giuse vào ngày 1 tháng 5 năm 1969:

*Lạy Thánh Cả Giuse,
Đáng bảo trợ Giáo Hội!
Đáng sát cánh với Ngôi Lời thành xác phàm,
Ngài từng làm việc mỗi ngày để kiếm cơm bánh, bằng cách
rút tía sức mạnh từ Ngài để sống và lao công;*

*Ngài từng trải nghiệm tâm tình lo lắng cho ngày mai,
tâm tình cay đắng của nghèo đói, sự bấp bênh của việc làm:
Ngài là người hôm nay nêu gương sáng,
khiêm tốn dưới mắt người đời
nhưng được tôn vinh hơn hết dưới mắt Thiên Chúa:*

*Xin Ngài che chở người lao động trong cuộc sống khó nhọc hàng ngày của họ,
bảo vệ họ khỏi nản lòng,
khỏi nổi loạn tiêu cực,
và khỏi những cám dỗ yêu thích khoái lạc;
và xin gìn giữ hòa bình trên thế giới,
nền hòa bình một mình nó mới có thể bảo đảm sự phát triển của các dân tộc.
Amen.*

Chương Chín: Thánh Giuse, người cha dịu dàng (Ngày 19/01/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, tôi muốn tìm hiểu hình ảnh của Thánh Giuse như một người cha dịu dàng.

Trong Tông thư *Patris corde*, (ngày 8 tháng 12 năm 2020), tôi đã có cơ hội suy gẫm về khía cạnh dịu dàng này, một khía cạnh trong nhân cách của Thánh Giuse. Trên thực tế, mặc dù các sách Tin Mừng không cho chúng ta biết bất cứ chi tiết nào về cách ngài thực thi tư cách làm cha của mình, nhưng chúng ta biết chắc rằng việc ngài là một người “công chính” cũng đã được chuyển dịch thành nền giáo dục ngài dành cho Chúa Giêsu. “Thánh Giuse đã thấy Chúa Giêsu lớn lên từng ngày ‘về khôn ngoan, tuổi tác và ân sủng trước mặt Thiên Chúa và người ta’” (Lc 2:52): Tin Mừng cho biết như vậy. Chúa đã làm với Israel thế nào, Thánh Giuse cũng đã làm như thế với Chúa Giêsu: “Ngài dạy Người bước đi, cầm tay Người; Ngài đối với Người như một người cha nâng đứa trẻ lên áp vào má, cúi xuống và cho nó ăn (xem Hs 11: 3-4)” (*Patris corde*, 2). Định nghĩa này trong Kinh thánh thật tươi đẹp, cho thấy mối liên hệ của Thiên Chúa với dân Israel. Chúng ta nghĩ đó cũng là mối liên hệ giữa Thánh Giuse và Chúa Giêsu.

Các sách Tin Mừng chứng thực rằng Chúa Giêsu luôn dùng danh xưng "cha" để nói về Thiên Chúa và tình yêu của Người. Nhiều câu chuyện dụ ngôn lấy nhân vật chính của chúng là hình bóng của một người cha nhân từ. Một trong những dụ ngôn nổi tiếng nhất chắc chắn là dụ ngôn Người Cha nhân từ, được Thánh sử Luca kể lại (x. Lc 15:11-32). Dụ ngôn này không những nhấn mạnh kinh nghiệm tội lỗi và tha thứ, mà còn nhấn mạnh đến cách thức trong đó sự tha thứ đến với người đã làm điều sai trái. Bản văn viết: “Trong khi anh ta còn ở đằng xa,

cha anh ta đã nhìn thấy anh ta và tràn ngập lòng thương cảm. Người chạy đến bên con, ôm lấy con và hôn con” (c. 20). Người con trai mong đợi một sự trừng phạt, một công lý mà nhẹ nhất có thể sẽ cho anh ta vị trí của một trong những người đầy tớ, nhưng anh ta thấy mình được bao bọc trong vòng tay của cha mình. Sự dịu dàng là một điều lớn hơn luận lý học của thế giới. Đó là một cách bất ngờ thực thi công lý. Đó là lý do tại sao chúng ta không bao giờ được quên rằng Thiên Chúa không sợ hãi vì tội lỗi của chúng ta: chúng ta hãy ghi khắc điều này một cách rõ ràng trong tâm trí của chúng ta. Thiên Chúa không sợ hãi trước tội lỗi của chúng ta, Người lớn hơn tội lỗi của chúng ta: Người là cha, Người là tình yêu, Người dịu dàng. Người không sợ hãi vì tội lỗi của chúng ta, lỗi lầm của chúng ta, sự trượt ngã của chúng ta, nhưng Người sợ hãi vì sự khép kín trái tim của chúng ta - điều này, vâng, điều này khiến Người đau khổ - Người sợ hãi vì chúng ta thiếu niềm tin vào tình yêu của Người. Có một sự dịu dàng tuyệt vời trong kinh nghiệm về tình yêu của Thiên Chúa. Và thật tuyệt vời khi nghĩ rằng người đầu tiên truyền thực tại này cho Chúa Giêsu chính là Thánh Giuse. Vì những điều thuộc Thiên Chúa luôn đến với chúng ta qua trung gian của kinh nghiệm con người. Cách đây đã lâu - tôi không biết mình đã kể câu chuyện này hay chưa - một nhóm thanh niên đã đóng một vở bi kịch, một nhóm nhạc kịch bình dân, biết nhìn xa, bị xúc động bởi câu chuyện dụ ngôn về người cha nhân từ này nên quyết định sáng tạo một sản phẩm sân khấu nhạc pop về vấn đề này, với câu chuyện này. Và họ đã rất thành công trong xuất phẩm này. Và câu chuyện của họ là, một người bạn nghe biết người con trai bị cha ghét lạnh, muốn trở về nhà nhưng sợ cha đuổi ra ngoài và trừng phạt. Do đó, người bạn nói, "Hãy gửi một tin nhắn nói rằng bạn muốn trở về nhà, và nếu cha bạn sẵn sàng đón bạn, thì cụ hãy đặt một chiếc khăn tay ở cửa sổ, chiếc khăn mà bạn có thể nhìn thấy ngay khi bạn thực hiện phần cuối cùng của con đường trở về nhà". Và điều này đã được thực hiện. Và xuất phẩm, với ca hát và nhảy múa, tiếp tục cho đến khi người con trai rẽ vào đoạn đường cuối cùng và nhìn thấy ngôi nhà. Và khi anh ta nhìn lên, anh ta thấy ngôi nhà đầy những chiếc khăn tay màu trắng: đầy những chiếc khăn như thế. Không phải một, mà là ba hoặc bốn chiếc khăn tay ở mỗi cửa sổ. Đó là lòng thương xót của Thiên Chúa. Người không bị nhụt chí bởi quá khứ của chúng ta, bởi những điều tội tệ mà chúng ta đã làm; giải quyết sổ sách với Chúa là một điều tuyệt vời, bởi vì chúng ta bắt đầu trò chuyện, và Người ôm lấy chúng ta. Quả là dịu dàng!

Vì vậy, chúng ta có thể tự hỏi liệu bản thân chúng ta có trải nghiệm sự dịu dàng này chưa, và liệu chúng ta có trở thành nhân chứng cho nó hay không. Vì sự dịu dàng chủ yếu không phải là một vấn đề xúc cảm hay tình cảm: nó là kinh nghiệm cảm thấy được yêu thương và chào đón chính trong hoàn cảnh nghèo khó và khốn khó của chúng ta, và do đó được tình yêu của Thiên Chúa biến đổi.

Thiên Chúa không những dựa vào tài năng của chúng ta, mà còn dựa vào sự yếu đuối đã được cứu chuộc của chúng ta. Điều này, chẳng hạn, đã khiến Thánh Phaolô nói rằng cũng có một kế hoạch cho sự mỏng dòn của người ta. Thực tế, Người viết cho cộng đồng Côrintô: "Và để tôi khỏi tự cao tự đại vì những mặc khải phi thường tôi đã nhận được, thân xác tôi như đã bị một cái dằm đâm vào, một thủ hạ của Xa-tan được sai đến và mặt tôi... Đã ba lần tôi xin Chúa cho thoát khỏi nỗi khổ này. Nhưng Người quả quyết với tôi: 'Ôn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối'" (2Cr 12: 7-9). Chúa không lấy đi tất cả những yếu đuối của chúng ta, nhưng giúp chúng ta tiếp tục bước đi với những yếu đuối của mình, nắm lấy tay chúng ta. Người nắm lấy điểm yếu của chúng ta trong tay và đặt mình ở bên cạnh chúng ta. Và đó là sự dịu dàng.

Trải nghiệm dịu dàng bao gồm việc nhìn thấy quyền năng của Thiên Chúa truyền qua chính điều khiến chúng ta trở nên mong manh nhất; tuy nhiên, với điều kiện chúng ta rời bỏ cái nhìn của Kẻ Ác, kẻ "khiến chúng ta nhìn thấy và lên án sự yếu đuối của chúng ta", trong khi

Chúa Thánh Thần “đưa nó ra ánh sáng bằng tình yêu dịu dàng” (*Patris corde*, 2). “Sự dịu dàng là cách tốt nhất để chạm vào sự yếu đuối bên trong chúng ta. [...] Anh chị em hãy nhìn cách các y tá chạm vào vết thương của người bệnh: một cách dịu dàng, để không làm tổn thương thêm. Và đây là cách Chúa chạm vào vết thương của chúng ta, với cùng một sự dịu dàng. Đó là lý do tại sao việc gặp gỡ lòng thương xót của Thiên Chúa, nhất là trong Bí tích Hòa giải, trong lời cầu nguyện bản thân với Thiên Chúa là rất quan trọng, nơi chúng ta cảm nghiệm được sự thật và sự dịu dàng của Người. Nghịch lý thay, kẻ ác cũng có thể nói sự thật với chúng ta: hắn là kẻ nói dối, nhưng hắn có thể sắp xếp mọi việc để hắn nói với chúng ta sự thật nhằm lừa dối chúng ta, nhưng hắn làm vậy chỉ để lên án chúng ta. Thay vào đó, Chúa cho chúng ta biết sự thật và đưa tay ra để cứu chúng ta. Chúng ta biết rằng sự thật của Thiên Chúa không lên án, nhưng thay vào đó chào đón, ôm ấp, nâng đỡ và tha thứ cho chúng ta” (*Patris corde*, 2). Chúa luôn tha thứ: anh chị em hãy ghi nhớ điều này rõ ràng trong đầu óc và trái tim anh chị em. Thiên Chúa luôn tha thứ. Chúng ta là những người mệt mỏi khi cầu xin sự tha thứ. Nhưng Người luôn tha thứ, ngay cả những điều tồi tệ nhất.

Như thế, điều tốt cho chúng ta là soi mình chúng ta trong tình phụ tử của Thánh Giuse, một tấm gương phản chiếu tình phụ tử của Thiên Chúa, và tự hỏi liệu chúng ta có cho phép Chúa yêu thương chúng ta bằng sự dịu dàng của Người, biến đổi mỗi người chúng ta thành những người nam và người nữ có khả năng yêu thương theo cách này hay không. Nếu không có "cuộc cách mạng dịu dàng" này - cần phải có một cuộc cách mạng dịu dàng! - chúng ta có nguy cơ bị giam cầm mãi trong một công lý không cho phép chúng ta dễ dàng vươn lên và nó nhằm lẫn ơn cứu chuộc với sự trừng phạt. Vì lý do này, hôm nay tôi muốn đặc biệt tưởng nhớ đến các anh chị em của chúng ta, những người đang ở trong tù. Đúng là những người đã làm sai phải trả giá cho lỗi lầm của họ, nhưng điều cũng đúng là những người đã làm sai phải được chuộc lại lỗi lầm của mình. Không thể có các bản án mà lại không có các cửa sổ hy vọng. Bất cứ bản án nào cũng phải có cửa sổ hy vọng. Chúng ta hãy nghĩ đến anh chị em của chúng ta ở trong tù, nghĩ đến sự dịu dàng của Thiên Chúa dành cho họ, và chúng ta hãy cầu nguyện cho họ, để họ có thể tìm thấy trong cửa sổ hy vọng đó một lối thoát để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Và chúng ta kết thúc bằng lời cầu nguyện sau đây:

*Lạy Thánh Giuse, người cha dịu dàng,
xin dạy chúng con biết chấp nhận rằng chúng con được yêu thương chính ở điểm chúng con yếu nhất.*

Xin cho chúng con đừng đặt trở ngại nào giữa sự nghèo khó của chúng con và sự cao cả của tình yêu Thiên Chúa.

*Xin khơi dậy nơi chúng con niềm khao khát tiếp cận Bí tích Hòa giải,
để chúng con được tha thứ và cũng có khả năng yêu thương dịu dàng anh chị em của chúng con trong hoàn cảnh nghèo khó của họ.*

*Xin gần gũi với những người đã làm sai và đang phải trả giá cho điều đó;
Xin giúp họ tìm thấy không những công lý mà cả sự dịu dàng để họ có thể bắt đầu lại.*

*Và xin dạy họ rằng cách đầu tiên để bắt đầu lại
là chân thành cầu xin sự tha thứ, cảm nhận được sự âu yếm của Chúa Cha.
Amen.*

Chương Mười: Thánh Giuse, Người có những giấc mơ (Ngày 26/01/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi muốn tập trung vào hình ảnh Thánh Giuse như một người có những giấc mơ. Trong Kinh thánh, cũng như trong nền văn hóa của các dân tộc cổ xưa, giấc mơ được coi như một phương tiện để Thiên Chúa tự mạc khải Người ra. Giấc mơ tượng trưng cho đời sống tinh thần của mỗi chúng ta, tượng trưng cho không gian nội tâm mà mỗi chúng ta được mời gọi vun sới và canh giữ, nơi Thiên Chúa tự tỏ mình ra và thường nói với chúng ta. Nhưng chúng ta cũng phải nói rằng bên trong mỗi chúng ta không những có tiếng nói của Thiên Chúa: mà còn nhiều tiếng nói khác nữa. Thí dụ, tiếng nói sợ hãi của chúng ta, tiếng nói của những kinh nghiệm quá khứ, tiếng nói của hy vọng; và cũng có tiếng nói của kẻ ác muốn lừa dối và làm cho chúng ta hoang mang. Do đó, điều quan trọng là nhận ra tiếng nói Thiên Chúa ở giữa những tiếng nói khác. Thánh Giuse chứng tỏ rằng ngài biết cách trau dồi sự im lặng cần thiết và, trên hết, biết cách đưa ra quyết định đúng đắn trước Lời Chúa phán với ngài trong nội tâm. Hôm nay, điều hữu ích cho chúng ta là xem xét bốn giấc mơ trong Tin Mừng có ngài là nhân vật chính, để hiểu cách đặt mình trước sự mạc khải của Thiên Chúa. Tin Mừng kể cho chúng ta bốn giấc mơ của thánh Giuse.

Trong giấc mơ thứ nhất (x. Mt 1:18-25), thiên thần giúp thánh Giuse giải quyết màn kịch đang làm ngài âu lo khi biết tin Đức Maria mang thai: “Đừng sợ lấy Maria làm vợ, vì đáng thụ thai ở trong bà là do Chúa Thánh Thần; bà sẽ sinh một con trai, và ông sẽ gọi tên con trẻ là Giêsu, vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (câu 20-21). Và câu trả lời của Người đến ngay lập tức: “Khi Giuse thức giấc, ông đã làm theo lời sứ thần của Chúa đã truyền cho ông” (câu 24). Cuộc sống thường đặt chúng ta vào những tình huống mà chúng ta không hiểu và dường như không có giải pháp. Cầu nguyện trong những khoảnh khắc này - điều này có nghĩa là để Chúa chỉ cho chúng ta điều đúng đắn phải làm. Thực tế, lời cầu nguyện rất thường đem lại cho chúng ta trực giác để vượt thoát nguy nan. Anh chị em thân mến, Chúa không bao giờ cho phép một vấn đề nảy sinh mà không ban cho chúng ta sự giúp đỡ cần thiết để giải quyết nó. Người không ném chúng ta một mình vào lửa. Người không bỏ chúng ta giữa các thú dữ. Không. Khi Chúa chỉ cho chúng ta thấy một vấn đề, hoặc tiết lộ một vấn đề, Người luôn ban cho chúng ta trực giác, sự giúp đỡ, sự hiện diện của Người, để thoát ra khỏi nó, để giải quyết nó.

Và giấc mơ mạc khải thứ hai của Thánh Giuse xảy ra khi tính mạng của Hài nhi Giêsu gặp nguy hiểm. Thông điệp rất rõ ràng: “Hãy trốn dậy, mang con trẻ và mẹ em trốn sang Ai Cập, và ở đó cho đến khi tôi nói với ông; vì Hêrôđê đang tìm con trẻ để tiêu diệt em” (Mt 2:13). Tin mừng cho biết, Thánh Giuse vâng lời không chút do dự: “Ngài chỗi dậy, dắt con trẻ và mẹ em vào ban đêm, và khởi hành đi Ai Cập, và ở đó cho đến khi Hêrôđê qua đời” (câu 14-15). Trong cuộc sống, chúng ta ai cũng trải qua những nguy hiểm đe dọa sự hiện hữu của mình hay sự hiện hữu của những người mình yêu thương. Trong những tình huống này, cầu nguyện có nghĩa là lắng nghe tiếng nói có thể mang lại cho chúng ta lòng can đảm như Thánh Giuse, đối đầu với các khó khăn mà không khuất phục.

Tại Ai Cập, Thánh Giuse chờ đợi một dấu hiệu từ Thiên Chúa cho ngài hay ngài có thể trở về quê hương, và đây là nội dung của giấc mơ thứ ba. Sứ thần tiết lộ cho ngài biết những kẻ muốn giết Hài Nhi đã chết và ra lệnh cho ngài phải lên đường cùng với Đức Maria và Chúa Giêsu trở về quê hương (x. Mt 2:19-20). Tin Mừng cho biết, Thánh Giuse “trỗi dậy, đem con

trẻ và mẹ em và lên đường trở về Israel” (c. 21). Nhưng trong cuộc hành trình trở về, “khi nghe tin Ác-khê-lao trị vì xứ Giuđê thay cho cha mình là Hêrôđê, ngài sợ không dám đến đó” (câu 22). Đây là điều mặc khải thứ tư: “Được báo trước trong một giấc mơ, ông lui về Galilê, và đến ở tại một thành kia gọi là Nadarét”(câu 22-23). Sợ hãi cũng là một phần của cuộc sống và nó cũng cần chúng ta cầu nguyện. Thiên Chúa không hứa với chúng ta rằng chúng ta sẽ không bao giờ sợ hãi, nhưng rằng, với sự giúp đỡ của Người, đó sẽ không phải là tiêu chuẩn cho các quyết định của chúng ta. Thánh Giuse trải qua nỗi sợ hãi, nhưng Thiên Chúa cũng hướng dẫn ngài vượt qua điều đó. Sức mạnh của lời cầu nguyện mang lại ánh sáng cho những hoàn cảnh tối tăm.

Vào lúc này, tôi nghĩ tới rất nhiều người đang bị đè bẹp bởi gánh nặng của cuộc sống và không còn có thể hy vọng hay cầu nguyện. Xin Thánh Giuse giúp họ mở lòng ra đối thoại với Thiên Chúa để tìm thấy ánh sáng, sức mạnh và bình an.

Và tôi cũng nghĩ đến các bậc cha mẹ trước các vấn đề của con cái họ: những đứa con mắc nhiều chứng bệnh, những đứa con ốm đau, thậm chí mang các chứng bệnh vĩnh viễn. – Biết bao đau đớn trong đó! - những bậc cha mẹ thấy những khuynh hướng tình dục khác nhau ở con cái của họ; phải giải quyết việc này như thế nào và đồng hành ra sao cùng con cái chứ không ẩn mình trong thái độ lên án. Các bậc cha mẹ nhìn thấy con cái của họ ra đi vì một căn bệnh, và thậm chí còn buồn hơn, chúng ta đọc nó hàng ngày trên báo - những đứa trẻ nghịch ngợm và kết cục là một tai nạn xe hơi. Cha mẹ thấy con mình không tiến bộ ở trường và không biết phải làm thế nào... Rất nhiều vấn đề của cha mẹ. Chúng ta hãy nghĩ về nó: làm thế nào để giúp đỡ họ. Và với những bậc cha mẹ này, tôi xin nói: đừng sợ. Vâng, có đau đớn. Đau đớn rất nhiều. Nhưng anh chị em hãy nghĩ đến Chúa, anh chị em hãy nghĩ đến cách Thánh Giuse giải quyết các vấn đề và xin Thánh Giuse giúp anh chị em. Đừng bao giờ lên án một con trẻ.

Nó khiến tôi đầy lòng cảm thương - điều đó đã xảy ra ở Buenos Aires - khi tôi lên xe buýt và xe buýt chạy qua nhà tù. Có một đoàn người xếp hàng dài để vào thăm các tù nhân. Và có những bà mẹ ở đó. Và tôi rất xúc động bởi bà mẹ này, người đối đầu với vấn đề của đứa con trai mắc sai lầm và đang ở trong tù, đã không để con một mình, đã chường mặt ra và đồng hành cùng con. Dũng khí này; lòng dũng cảm của người cha, người mẹ luôn luôn, luôn luôn đồng hành cùng con cái. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ban sự can đảm này cho tất cả những người cha và người mẹ, như Người đã ban cho thánh Giuse. Và cầu nguyện, chứ nhỉ? Anh chị em hãy cầu nguyện xin Chúa giúp chúng ta trong những giây phút này.

Tuy nhiên, cầu nguyện không bao giờ là một cử chỉ trừu tượng hoặc thuần túy bên trong, giống như những phong trào duy linh kia, các phong trào mang tính ngộ đạo hơn là Kitô giáo. Không, không phải thế đâu. Cầu nguyện luôn gắn bó chặt chẽ với lòng bác ái. Chỉ khi chúng ta kết hợp việc cầu nguyện với tình yêu thương, tình yêu đối với trẻ em trong những trường hợp tôi vừa đề cập, hoặc tình yêu đối với người lân cận, thì chúng ta mới có thể hiểu được các sứ điệp của Chúa. Thánh Giuse đã cầu nguyện, làm việc và yêu thương - ba điều tuyệt vời đối với cha mẹ: cầu nguyện, làm việc và yêu thương - và vì điều này mà Người luôn nhận được những gì Người cần để đương đầu với những thử thách trong cuộc sống. Chúng ta hãy phó mình cho Người và sự chuyển cầu của Người.

*Lạy Thánh Giuse, Ngài là người có những giấc mơ,
Xin dạy chúng con phục hồi đời sống thiêng liêng
như nơi nội tâm, nơi Thiên Chúa biểu lộ chính Người và cứu vớt chúng con.*

*Xin loại bỏ khỏi chúng con ý nghĩ cho rằng cầu nguyện là vô ích;
Xin giúp mỗi người chúng con sống tương ứng với những gì Chúa bày tỏ cho chúng con.
Xin cho lý trí của chúng con được soi sáng bởi ánh sáng của Chúa Thánh thần,
cho lòng chúng con được khích lệ bởi sức mạnh của Người
và nỗi sợ hãi của chúng con được cứu vớt bởi lòng thương xót của Người. Amen.*

Chương Mười Một: Thánh Giuse và Hiệp thông Các Thánh (ngày 02/02/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong những tuần gần đây, chúng ta đã có thể thâm hậu hóa cái hiểu của chúng ta về nhân vật Thánh Giuse, được hướng dẫn bởi một số thông tin ít ỏi nhưng quan trọng được cung cấp trong các sách Tin Mừng, và cũng bởi các khía cạnh trong nhân cách của ngài mà Giáo hội qua nhiều thế kỷ đã có thể làm nổi bật qua lời cầu nguyện và lòng sùng kính. Bắt đầu từ *sentire commune* (“cảm thức chung”) của Giáo hội vốn đi kèm với nhân vật Thánh Giuse này, hôm nay tôi muốn tập chú vào một tín điều quan trọng của đức tin có thể làm phong phú đời sống Kitô hữu của chúng ta và cũng định hình mối liên hệ của chúng ta với các thánh, và với những người thân yêu đã khuất của chúng ta theo cách tốt nhất có thể: Tôi muốn nói đến mầu nhiệm hiệp thông các thánh. Trong Kinh Tin Kính, chúng ta thường đọc “Tôi tin sự hiệp thông của các thánh”. Nhưng nếu anh chị em hỏi sự hiệp thông của các thánh là gì, thì tôi nhớ khi còn nhỏ tôi thường trả lời ngay lập tức: “À, các thánh rước lễ”. Đó là một điều mà... chúng ta không hiểu những gì chúng tôi đọc. Sự hiệp thông của các thánh là gì? Không phải các thánh rước lễ, không phải vậy. Đó là một điều gì đó khác hẳn.

Đôi khi, ngay cả Kitô giáo cũng có thể rơi vào những hình thức sùng kính mà dường như Phả ảnh một nào trạng ngoại giáo hơn là Kitô giáo. Sự khác biệt căn bản là lời cầu nguyện và lòng sùng kính của chúng ta đối với những người trung thành, trong những trường hợp này không dựa trên sự tin tưởng vào một hữu thể nhân bản, vào một hình ảnh hoặc một đồ vật, ngay cả khi chúng ta biết chúng linh thiêng. Tiên tri Giêrêmia nhắc nhở chúng ta: “Đấng nguyện rửa là những kẻ tin cậy nơi loài người, [...] phúc thay những ai tin cậy nơi Chúa” (17: 5,7). Ngay cả khi chúng ta hoàn toàn tin cậy vào lời chuyển cầu của một vị thánh, hay thậm chí là lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria, thì sự tin cậy của chúng ta chỉ có giá trị trong mối liên hệ với Chúa Kitô. Như thể con đường hướng về vị thánh này hay về phía Đức Mẹ không kết thúc ở đó, không. Không phải ở đó, nhưng trong mối liên hệ với Chúa Kitô. Người là mối dây liên kết, Chúa Kitô là mối dây liên kết chúng ta với Người và với nhau, và có một tên gọi chuyên biệt: mối dây liên kết tất cả chúng ta, giữa chính chúng ta và giữa chúng ta với Chúa Kitô này, đó là “sự hiệp thông của các thánh”. Không phải các thánh làm phép lạ đâu! Vị thánh này thật là lạ lùng... Không, anh chị em nên dừng lại ở đó. Các thánh không tạo ra phép lạ, mà chỉ có ân sủng của Thiên Chúa tác động qua các Người. Phép lạ được thực hiện bởi Thiên Chúa, bởi ơn thánh của Thiên Chúa hành động qua một người thánh thiện, một người công chính. Điều này phải được làm cho rõ ràng. Có những người nói, “Tôi không tin Thiên Chúa, tôi không biết, nhưng tôi tin vào vị thánh này”. Không, điều này sai. Thánh nhân là một người chuyển cầu, một người cầu nguyện cho chúng ta và chúng ta cầu nguyện với Người, và Người cầu nguyện cho chúng ta và Chúa ban cho chúng ta ân sủng: Chúa, nhờ vị thánh.

Vậy thì “sự hiệp thông của các thánh” là gì? Sách Giáo lý của Hội thánh Công Giáo khẳng định: “Hiệp thông các thánh là Hội thánh” (số 946). Anh chị em hãy xem đây là một định

nghĩa đẹp đẽ xiết bao! "Hiệp thông các thánh là Giáo hội". Điều đó có nghĩa gì? Phải chăng có nghĩa là Giáo hội được dành cho những người hoàn thiện? Không. Nó có nghĩa là cộng đồng của những tội nhân được cứu rỗi [Nó là: *peccatori salvati*, các tội nhân được cứu rỗi]. Giáo hội là cộng đồng của những người tội lỗi được cứu rỗi. Định nghĩa này quả đẹp đẽ. Không ai có thể loại mình ra khỏi Giáo hội, tất cả chúng ta đều là những kẻ có tội được cứu rỗi. Sự thánh thiện của chúng ta là hoa trái của tình yêu thương của Thiên Chúa thể hiện trong Chúa Kitô, Đấng thánh hoá chúng ta bằng cách yêu thương chúng ta trong cảnh khốn cùng của chúng ta và cứu chúng ta khỏi điều đó.

Thánh Phaolô nói rằng luôn nhờ ơn Người, chúng ta tạo thành một thân thể duy nhất, trong đó Chúa Giêsu là đầu và chúng ta là chi thể (x. *1Cr 12:12*). Hình ảnh Nhiệm thể Chúa Kitô và hình ảnh thân thể này ngay lập tức làm chúng ta hiểu ý nghĩa của việc ràng buộc với nhau trong sự hiệp thông: Chúng ta hãy lắng nghe điều Thánh Phaolô nói: “Nếu một chi thể đau khổ”, Thánh Phaolô viết, “tất cả các chi thể cùng đau khổ; và nếu một chi thể được vinh danh, tất cả các chi thể sẽ vui mừng với họ. Giờ đây, anh em là thân thể của Đức Kitô và, mỗi người tùy theo phần của mình mà là chi thể của Người” (*1Cr 12:26-27*). Đây là điều Thánh Phaolô nói: tất cả chúng ta là một thân thể, tất cả được hiệp nhất nhờ đức tin, nhờ phép rửa... Tất cả trong sự hiệp thông: hiệp nhất trong hiệp thông với Chúa Giêsu Kitô. Và đây là sự hiệp thông của các thánh.

Anh chị em thân mến, niềm vui và nỗi buồn chạm vào cuộc sống của tôi ảnh hưởng đến tất cả mọi người, cũng như niềm vui và nỗi buồn chạm vào cuộc sống của anh chị em bên cạnh chúng ta cũng ảnh hưởng đến tôi. Tôi không thể thờ ơ với người khác, bởi vì tất cả chúng ta đều ở trong một thân thể, trong sự hiệp thông. Theo nghĩa này, ngay cả tội lỗi của một cá nhân cũng luôn ảnh hưởng đến mọi người, và tình yêu của mỗi cá nhân ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Nhờ sự hiệp thông của các thánh, sự kết hợp này, mọi chi thể của Giáo hội đều gắn bó với tôi một cách sâu xa. Nhưng tôi không nói “với tôi” bởi vì tôi là Giáo hoàng; [Tôi nói] với mỗi người chúng ta, Người được ràng buộc, chúng ta được ràng buộc, và được ràng buộc một cách sâu sắc và mỗi ràng buộc này mạnh mẽ đến mức không thể bị phá vỡ ngay cả bởi sự chết. Ngay cả bởi sự chết. Thật vậy, sự hiệp thông của các thánh không chỉ liên quan đến những anh chị em đang ở bên cạnh tôi trong thời điểm có tính lịch sử này, hoặc những người sống trong thời điểm lịch sử này, nhưng cũng liên quan tới những người đã kết thúc cuộc hành trình của mình, cuộc hành hương dương thế và vượt qua ngưỡng cửa của cái chết. Họ cũng đang hiệp thông với chúng ta. Anh chị em thân mến, chúng ta hãy xem xét điều này, trong Chúa Kitô, không ai có thể thực sự tách chúng ta ra khỏi những người chúng ta yêu thương bởi vì mỗi dây liên kết là mỗi dây hiện sinh, mỗi dây bền chặt trong chính bản chất của chúng ta; chỉ có cách sống với nhau mới thay đổi, nhưng không gì và không ai có thể phá vỡ mỗi ràng buộc này. “Thưa Cha, chúng ta hãy nghĩ về những người đã chối bỏ đức tin, những người bội giáo, những kẻ bách hại Giáo hội, những người đã bác bỏ phép rửa của họ: Những người này cũng ở trong nhà sao?” Vâng, cả những người này nữa. Mọi người trong số họ. Những người phạm thượng, tất cả những người này. Chúng ta là anh em. Đó là sự hiệp thông của các thánh. Sự hiệp thông của các thánh liên kết cộng đồng các tín hữu dưới đất và trên trời, và dưới đất, tất cả các thánh, những người tội lỗi, tất cả.

Theo nghĩa này, liên hệ bằng hữu mà tôi có thể xây dựng với anh chị em bên cạnh tôi, tôi cũng có thể thiết lập với anh chị em trên trời. Các thánh là những người bạn mà với các ngài, chúng ta thường thiết lập liên hệ bằng hữu. Điều chúng ta gọi là lòng sùng kính một vị thánh - “Tôi rất sùng kính vị thánh này hay vị thánh nọ” – điều mà chúng ta gọi là lòng sùng kính thực ra là một cách phát biểu tình yêu thương từ chính mối dây kết hợp chúng ta này. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, người ta có thể nói: “Nhưng người này có lòng sùng kính cha

mẹ già biết bao”: không, đó là một cách yêu thương, một cách biểu lộ tình yêu thương. Và chúng ta đều biết rằng chúng ta luôn có thể hướng về một người bạn, đặc biệt là khi chúng ta gặp khó khăn và cần sự giúp đỡ. Và chúng ta có những người bạn trên thiên đàng. Tất cả chúng ta đều cần bạn bè; tất cả chúng ta đều cần những mối liên hệ có ý nghĩa để giúp chúng ta vượt qua cuộc sống. Chúa Giêsu cũng có những người bạn của Người, và Người hướng về họ vào những thời điểm quyết định nhất của kinh nghiệm làm người của Người. Trong lịch sử Giáo hội, có một số hằng số đồng hành với cộng đoàn tín hữu: trước hết là tình cảm cao cả và mối dây liên kết rất bền chặt mà Giáo hội luôn cảm thấy đối với Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ chúng ta. Nhưng cũng là niềm vinh dự và tình cảm đặc biệt mà Đức Mẹ đã dành cho Thánh Giuse. Dù sao, Thiên Chúa đã giao phó cho ngài điều quý giá nhất của Người: Con của Người là Chúa Giêsu và Đức Trinh Nữ Maria. Luôn luôn nhờ sự hiệp thông của các thánh mà chúng ta cảm thấy các thánh nam và nữ gần gũi với chúng ta luôn; các ngài vốn là những người bảo trợ chúng ta - chẳng hạn vì tên chúng ta mang, vì Giáo hội mà chúng ta thuộc về, vì nơi chốn chúng ta sống, và v.v..., cũng như vì lòng sùng kính cá nhân -. Và đó là sự tin tưởng luôn phải thúc đẩy chúng ta hướng về các ngài trong những thời điểm quyết định của cuộc đời. Đó không phải là một loại ma thuật, không phải là mê tín dị đoan, đó là sự sùng kính đối với các vị thánh. Chỉ đơn giản là nói chuyện với một người anh em, một người chị em, người đang hiện diện trước mặt Thiên Chúa, người đã sống một cuộc sống công chính, một cuộc sống kiểu mẫu và hiện đang ở trong sự hiện diện của Thiên Chúa. Và tôi nói chuyện với anh này, chị này, và xin họ chuyển cầu cho các nhu cầu của tôi.

Chính vì lý do này, tôi muốn kết thúc bài giáo lý này bằng một lời cầu nguyện với Thánh Giuse mà tôi đặc biệt gắn bó và tôi đã đọc kinh này mỗi ngày trong hơn 40 năm qua. Đó là lời cầu nguyện mà tôi tìm thấy trong một cuốn sách cầu nguyện của các Nữ tu Chúa Giêsu và Mẹ Maria, từ những năm 1700, cuối thế kỷ thứ mười tám. Nó rất đẹp, nhưng hơn cả một lời cầu nguyện, nó còn là một thách thức, đối với người bạn này, đối với người cha này, đối với người giám hộ chúng ta, Thánh Giuse. Sẽ thật là tuyệt vời nếu anh chị có thể học và lặp lại lời cầu nguyện này. Tôi sẽ đọc nó.

“Lạy Thánh Tô phụ Giuse Vinh hiển, đáng có quyền năng biến điều không thể thành có thể, xin đến giúp đỡ con trong những lúc lo âu và khó khăn này. Xin hãy đặt dưới sự bảo vệ của ngài các tình huống nghiêm trọng và khó khăn mà con trao phó cho ngài, để chúng có thể có một kết quả tốt đẹp. Lạy cha yêu dấu của con, trọn lòng tin tưởng của con đều ở nơi cha. Trọn lòng tin tưởng của con đều ở nơi cha. Xin cha đừng để người ta nói rằng con đã cầu xin cha một cách vô ích, và vì cha có thể làm mọi điều với Chúa Giêsu và Mẹ Maria, xin cho con thấy rằng lòng nhân hậu của cha cũng lớn lao như quyền năng của cha. Amen”.

Và nó kết thúc với một thách thức, đây là thách thức đối với Thánh Giuse: “Ngài có thể làm mọi việc với Chúa Giêsu và Mẹ Maria, xin cho con thấy rằng lòng nhân hậu của Ngài cũng lớn lao như quyền năng của Ngài”. Đây là một lời cầu nguyện... Tôi đã phó thác cho Thánh Giuse mỗi ngày với lời cầu nguyện này trong hơn 40 năm qua: đó là một lời cầu nguyện cổ xưa. Amen.

Cách đây vài phút, chúng ta nghe thấy một người la to, la to, người này có vấn đề gì đó, tôi không biết có phải là thể lý, tâm lý, hay thiêng liêng: nhưng đó là một trong những người anh em của chúng ta đang gặp rắc rối. Tôi muốn kết thúc bằng cách cầu nguyện cho anh ấy, người anh em đang đau khổ, tội nghiệp của chúng ta: nếu anh ấy la to thì đó là vì anh ấy đang đau khổ, anh ấy có một số nhu cầu. Chúng ta đừng làm ngơ trước nhu cầu của người anh em này. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện với Đức Mẹ cho anh ấy: *Kính mừng...*

Chúng ta hãy tiến lên phía trước, hãy can đảm, trong sự hiệp thông này của tất cả các thánh chúng ta có trên trời và dưới đất: Chúa không bỏ rơi chúng ta. Cảm ơn anh chị em.

Các lời kêu gọi

Sau bài giáo lý, Đức Thánh Cha đã đưa ra các lời kêu gọi sau đây:

Từ một năm nay, chúng ta đã theo dõi tình trạng bạo lực ở Miến Điện với nỗi đau buồn. Tôi lặp lại lời kêu gọi của các giám mục Miến Điện yêu cầu cộng đồng quốc tế làm việc để hòa giải giữa các bên liên hệ. Chúng ta không thể không nhìn nỗi đau khổ của rất nhiều anh chị em. Chúng ta hãy cầu xin Thiên Chúa trong lời cầu nguyện để Người an ủi dân tộc bị khốn khổ này. Chúng ta giao phó các nỗ lực kiến tạo hòa bình của chúng ta cho Người.

* * *

Ngày một, 4 tháng 2, chúng ta sẽ kỷ niệm Ngày Quốc tế Huynh đệ Nhân bản lần thứ hai. Một lý do để hài lòng là các quốc gia trên toàn thế giới đang tham gia vào lễ kỷ niệm này, nhằm cổ vũ đối thoại liên tôn và liên văn hóa, như đã được kêu gọi trong Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân bản và Hòa bình Thế giới và Chung sống, được ký vào ngày 4 tháng 2 năm 2019 ở Abu Dhabi, bởi Đại giáo trưởng Al-Azhar, Muhammad Ahmad al-Tayyib, và chính tôi. Tình huynh đệ có nghĩa là vươn tay ra với người khác, tôn trọng họ và lắng nghe họ với trái tim rộng mở. Tôi hy vọng rằng những bước đi cụ thể sẽ được thực hiện cùng với các tín đồ của các tôn giáo khác, và với những người có thiện chí, để khẳng định rằng ngày nay là thời kỳ của tình anh em, tránh gây xung đột, chia rẽ và đóng cửa. Chúng ta hãy cầu nguyện và dẫn thân hàng ngày để tất cả chúng ta có thể sống trong hòa bình, như anh chị em.

* * *

Thế vận hội và Vận hội Song hành mùa đông sắp khai mạc tại Bắc Kinh, lần lượt vào ngày 4 tháng 2 và ngày 4 tháng 3. Tôi nhiệt liệt chào mừng tất cả những người tham gia. Xin chúc ban tổ chức thành công và các vận động viên thi đấu tốt nhất. Thể thao, với ngôn ngữ phổ quát của nó, có thể xây dựng những nhịp cầu hữu nghị và liên đới giữa các cá nhân và các dân tộc thuộc mọi nền văn hóa và tôn giáo. Do đó, tôi đánh giá cao sự kiện này là đối với phương châm lịch sử của thế vận hội “Citius, Altius, Fortius” - nghĩa là “nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn” - Ủy ban Thế vận quốc tế đã thêm từ “communiter”, nghĩa là “cùng nhau”: để các môn thi đấu Thế vận hội có thể mang lại một thế giới huynh đệ hơn. Cùng với nhau.

Tôi ủng hộ với một ý nghĩ đặc biệt toàn bộ thế giới Vận hội Song hành (Paralympic): chúng ta sẽ cùng nhau giành được huy chương quan trọng nhất, nếu tấm gương của các vận động viên khuyết tật giúp tất cả mọi người vượt qua định kiến và nỗi sợ hãi và làm cho cộng đồng của chúng ta được chào đón và hòa nhập hơn. Đây là huy chương vàng thực sự. Tôi cũng theo dõi với sự chú ý và xúc động về những câu chuyện cá nhân của các vận động viên tật nạn. Mong các chứng từ của họ giúp khuyến khích các xã hội dân sự cởi mở một cách tin tưởng nhiều hơn với tất cả mọi người, không bỏ sót một ai. Tôi cầu chúc cho đại gia đình Thế vận hội và Vận hội Song hành một trải nghiệm độc đáo về tình huynh đệ và hòa bình nhân bản: phúc thay những người kiến tạo hòa bình!

Lời chào thăm đặc biệt

Cũng nhân dịp này, Đức Thánh Cha đã ngỏ lời chào thăm một số nhóm đặc biệt:

Tôi xin gửi lời chào thân ái đến những người hành hương nói tiếng Ý. Đặc biệt, tôi chào thăm các linh mục tham gia khóa học do Đại học Santa Croce quảng bá; nhóm "Amici di Spello"; và Ca đoàn "Tau" của các Nữ tu Thừa sai Người nghèo Phanxicô.

Cuối cùng, như thường lệ, suy nghĩ của tôi xin gửi tới các người già, người bệnh, người trẻ và các cặp vợ chồng mới cưới. Hôm nay, chúng ta mừng lễ dâng Chúa trong Đền thờ Giêrusalem. Từ mâu nhiệm này xuất hiện một sứ điệp cho tất cả mọi người: Chúa Kitô tự trình bày mình như một tấm gương trong việc dâng hiến cho Chúa Cha, cho thấy lòng quảng đại cần thiết xiết bao để tuân theo thánh ý Thiên Chúa và để phục vụ anh chị em của chúng ta. Và hôm nay cũng là ngày lễ “gặp gỡ”, cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu với dân Người, và đặc biệt là cuộc gặp gỡ của hài nhi Giêsu với các Trưởng lão. Tôi khuyên chúng ta nên tiếp tục phát triển thái độ gặp gỡ này giữa trẻ em và ông bà, người trẻ và người già: đây là kho dự trữ mà chúng ta có của nhân loại. Người già cho chúng ta sức mạnh để tiếp tục, trí nhớ của họ, lịch sử của họ; và người trẻ mang nó tiến lên phía trước. Chúng ta cũng hãy làm việc cho cuộc gặp gỡ này của những đứa cháu với ông bà, của những người trẻ với những người già.

Tôi xin chúc lành cho mọi người!

Chương Mười Hai: Thánh Giuse, quan thầy sự chết lành (ngày 09/02/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong bài giáo lý tuần trước, một lần nữa, được kích thích bởi hình ảnh Thánh Cả Giuse, chúng ta đã suy gẫm về ý nghĩa của việc các thánh cùng thông công hay hiệp thông. Và bắt đầu từ đó, hôm nay tôi xin đào sâu lòng sùng kính đặc biệt mà người dân Kitô giáo luôn dành cho Thánh Cả Giuse như vị thánh quan thầy của sự chết lành. Một lòng sùng kính nảy sinh từ ý nghĩ cho rằng Thánh Giuse đã chết với sự trợ giúp của Đức Trinh Nữ Maria và Chúa Giêsu, trước khi Người rời mái nhà Nadarét. Không có dữ kiện lịch sử nào, nhưng vì Thánh Giuse không còn được nhìn thấy trong đời sống công cộng nữa, nên người ta cho là ngài đã chết ở Nadarét, với sự hiện diện của gia đình. Và bên cạnh ngài khi qua đời là Chúa Giêsu và Mẹ Maria.

Đức Bênêđictô XV, một thế kỷ trước, đã viết rằng "qua Thánh Giuse, chúng ta trực tiếp đến với Mẹ Maria, và qua Mẹ Maria, đến nguồn gốc của mọi sự thánh thiện, đó là Chúa Giêsu". Cả Thánh Giuse và Mẹ Maria đều giúp chúng ta đến với Chúa Giêsu. Và bằng cách khuyến khích các thực hành ngoan đạo để tôn vinh Thánh Giuse, ngài đặc biệt đề nghị một thực hành, và nói như vậy: "Vì ngài xứng đáng được coi là người bảo vệ hữu hiệu nhất cho những người hấp hối, từng qua đời với sự trợ giúp của Chúa Giêsu và Mẹ Maria, nên sẽ là việc chăm sóc của các Mục tử thánh thiện khi cổ vũ và ưu ái [...] các hiệp hội đạo đức đã được thành lập để cầu khẩn Thánh Giuse giúp người hấp hối, chẳng hạn như hiệp hội "Chết lành", hiệp hội "Quá cảnh Thánh Giuse" và "cho Những Người hấp hối" (Tự sắc *Bonum sane*, 25 tháng 7 năm 1920): đó là những hiệp hội vào thời đó.

Anh chị em thân mến, có lẽ ai đó nghĩ rằng ngôn ngữ này và chủ đề này chỉ là di sản của quá khứ, nhưng thực tế mối liên hệ của chúng ta với cái chết không bao giờ là về quá khứ cả, nó luôn luôn hiện diện. Đức Bênêđictô cho biết, cách đây mấy ngày, khi nói về bản thân rằng "Ngài đang đứng trước cánh cửa tối tăm của sự chết". Ta nên cảm ơn Đức Bênêđictô, người, ở tuổi 95, vẫn còn sáng suốt nói với chúng ta rằng: "Tôi đang đối đầu với cánh cửa tối tăm của sự chết, cánh cửa tối tăm của sự chết". Đó không phải là một lời khuyên tuyệt vời ngài đã dành cho chúng ta hay sao! Điều gọi là nền văn hóa "cảm thấy tốt" tìm cách xóa bỏ thực tại chết chóc, nhưng một cách bí mật, đại dịch coronavirus đã mang nó trở lại hàng đầu. Thật là khủng khiếp: cái chết ở khắp mọi nơi, và rất nhiều anh chị em đã mất đi những người thân yêu mà không thể gần gũi với họ, và điều này càng làm cho cái chết trở nên khó chấp nhận và xử lý hơn. Một y tá nói với tôi rằng một người bà bị bệnh covid sắp chết và nói: "Tôi muốn từ biệt gia đình tôi, trước khi tôi đi." Và cô y tá can đảm lấy điện thoại di động của cô và để bà tiếp xúc với họ. Quả là cảnh địn dằng của cuộc từ biệt ấy...

Mặc dù vậy, chúng ta cố gắng bằng mọi cách loại bỏ ý nghĩ về sự hữu hạn của mình, do đó tự đánh lừa bản thân vì nghĩ rằng mình có thể lấy sức mạnh khỏi cái chết và xua đuổi nỗi sợ hãi. Nhưng đức tin Kitô giáo không phải là cách để xua đuổi nỗi sợ hãi cái chết, đúng hơn, nó giúp chúng ta đối đầu với nó. Không sớm thì muộn, tất cả chúng ta sẽ đi đến cánh cửa đó.

Ánh sáng đích thực, một ánh sáng soi sáng màu nhiệm sự chết, phát xuất từ sự phục sinh của Chúa Kitô. Đây là ánh sáng. Và Thánh Phaolô viết: Nhưng nếu chúng tôi rao giảng rằng Đức Kitô đã từ cõi chết trỗi dậy, thì sao trong anh em có người lại nói: không có chuyện kẻ chết sống lại? Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Kitô đã không trỗi dậy. Mà nếu Đức Kitô đã không trỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng" (1Cr 15: 12-14). Có một điều chắc chắn: Đức Kitô đã phục sinh, Đức Kitô đã sống lại, Đức Kitô đang sống giữa chúng ta. Và đây là ánh sáng đang chờ đợi chúng ta đằng sau cánh cửa từ thân tâm tối đó.

Anh chị em thân mến, chỉ nhờ đức tin vào sự sống lại, chúng ta mới có thể phớt lờ vực thăm của sự chết mà không bị sợ hãi lấn át. Không chỉ vậy: chúng ta có thể trả lại một vai trò tích cực cho cái chết. Thật vậy, suy nghĩ về cái chết, được soi sáng bởi màu nhiệm Chúa Kitô, sẽ giúp chúng ta nhìn mọi sự của cuộc sống bằng con mắt mới. Tôi chưa bao giờ thấy một chiếc xe dọn đồ di chuyển đằng sau một chiếc xe tang! Đằng sau một chiếc xe tang: Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó. Chúng ta sẽ đi một mình, không có gì trong túi của tấm vải liệm: không có gì. Vì tấm vải liệm không có túi. Sự cô đơn của cái chết: đó là sự thật, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc xe tang mà đằng sau có một chiếc xe dọn đồ. Tích lũy chẳng ích gì nếu một ngày kia chúng ta sẽ chết. Điều chúng ta phải tích lũy là lòng bác ái, là khả năng chia sẻ, khả năng không thờ ơ với nhu cầu của người khác. Hoặc, tranh luận với anh / chị / em, bạn bè, người thân trong gia đình, hoặc với anh / chị / em trong đức tin có ích gì nếu một ngày nào đó chúng ta sẽ chết? Nổi nóng, nổi nóng với người khác có ích gì? Đối đầu với cái chết, nhiều vấn đề được giản lược. Khi chết mà được hòa giải là điều tốt, không để lại mối hận thù và ân hận nào! Tôi muốn nói một sự thật: tất cả chúng ta đều đang trên đường đến cánh cửa đó, tất cả mọi người.

Tin Mừng cho chúng ta biết cái chết đến như một tên trộm, vì vậy Chúa Giêsu nói: nó đến như một tên trộm, và dù chúng ta cố gắng kiểm soát sự xuất hiện của nó đến mức nào, có lẽ bằng cách lên kế hoạch cho cái chết của chính chúng ta, nó vẫn là một biến cố mà chúng ta phải đối phó và trước nó chúng ta cũng phải lựa chọn.

Vẫn còn hai điều Kitô hữu chúng ta phải xem xét. Đầu tiên: chúng ta không thể tránh khỏi cái chết, và chính vì lý do này, sau khi đã làm mọi cách con người có thể làm được để cứu người bệnh, sẽ là vô luân khi dân thân vào những cách chữa trị vô ích (xem *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 2278). Câu nói đó của những người trung thành với Thiên Chúa, của những người đơn sơ: “Hãy để ngài chết trong bình an”, “giúp ngài chết trong bình an”: khôn ngoan biết bao nhiêu! Xem xét thứ hai liên quan đến phẩm chất của chính sự chết, phẩm chất của nỗi đau, của đau khổ. Thực vậy, chúng ta phải biết ơn tất cả những sự giúp đỡ mà y học đang cố gắng cung cấp, để nhờ điều gọi là “chăm sóc giảm đau”, mọi người đang chuẩn bị sống phần cuối cùng của cuộc đời, có thể làm được điều đó một cách xứng với con người hết sức có thể. Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn thận để không nhầm lẫn sự trợ giúp này với mưu toan không thể chấp nhận được là dẫn đến việc giết người. Chúng ta phải đồng hành với người đang tiến đến sự chết, nhưng không được gây ra cái chết hoặc giúp đỡ bất cứ hình thức tự sát nào. Tôi nhớ rằng quyền được chăm sóc và chữa trị của tất cả mọi người luôn phải được ưu tiên, để những người yếu nhất, đặc biệt là người già và bệnh tật không bao giờ bị vứt bỏ. Sống là một quyền, chứ không phải chết, là điều phải chấp nhận, không được áp đặt. Và nguyên tắc đạo đức này áp dụng cho mọi người, không chỉ các Kitô hữu hay tín hữu.

Nhưng ở đây, tôi muốn chỉ ra một vấn đề xã hội có thật. Việc “Lập kế hoạch” đó - tôi không biết đó có phải là từ ngữ đúng hay không - nhưng nó đẩy nhanh cái chết của những người già. Rất nhiều lần người ta thấy trong một tầng lớp xã hội nào đó người già, vì họ không có phương tiện, được cho ít thuốc hơn mức họ cần, và điều này là vô nhân đạo: điều này không giúp đỡ họ, điều này còn đẩy họ vào cái chết sớm hơn. Và điều này không phải là con người cũng không phải là Kitô hữu. Người cao niên phải được coi như một báu vật của nhân loại: họ là túi khôn của chúng ta. Và nếu họ không còn nói được nữa, và nếu họ không còn làm chúng ta hiểu được nữa, họ vẫn là biểu tượng của túi khôn con người. Họ là những người đã đi trước chúng ta và để lại cho chúng ta biết bao điều đẹp đẽ, bao kỉ niệm, bao khôn ngoan. Làm ơn, xin đừng cô lập người già, đừng tăng tốc cái chết của người già. Vuốt ve một người già cũng có hy vọng giống như vuốt ve một đứa trẻ, bởi vì khởi đầu và kết thúc của cuộc đời luôn là một mâu nhiệm, một mâu nhiệm cần phải được trân trọng, đồng hành, chăm sóc, yêu thương.

Xin Thánh Cả Giuse giúp chúng ta sống mâu nhiệm sự chết một cách tốt nhất. Đối với một Kitô hữu, chết lành là được cảm nghiệm lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng đến gần chúng ta ngay trong giây phút cuối cùng của cuộc đời chúng ta. Ngay trong kinh Kính Mừng, chúng ta cũng cầu xin Đức Mẹ ở gần chúng ta “và trong giờ lâm tử”. Chính vì lý do này, tôi muốn kết thúc bài giáo lý này bằng cách cùng nhau cầu nguyện với Đức Mẹ cho những người đang hấp hối, cho những người đang trải qua giây phút vượt qua cánh cửa tối tăm này, và cho các thân nhân trong gia đình đang trải qua tang tóc. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện:

Kính mừng Maria...

Xin cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Ba: Thánh Giuse, quan thầy Giáo Hội (ngày 16/02/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta kết thúc chu kỳ các bài giáo lý về nhân vật Thánh Giuse. Các bài giáo lý

này bổ sung cho Tông thư *Patris corde*, được viết nhân dịp kỷ niệm 150 năm việc Chân phước Piô IX công bố Thánh Giuse là Quan thầy Giáo Hội Công Giáo. Nhưng tước hiệu này có nghĩa gì? Thánh Giuse là “quan thầy của Giáo hội” có nghĩa gì? Hôm nay, tôi muốn suy gẫm về điều này với anh chị em.

Cả trong trường hợp này, các sách Tin Mừng cũng cung cấp cho chúng ta chìa khóa chính xác nhất để giải thích. Thật vậy, ở phần cuối của mỗi câu chuyện mà Thánh Giuse là nhân vật chính, Tin Mừng ghi nhận việc ngài mang Hài Nhi và mẹ Người đi theo và thực hiện những gì Thiên Chúa đã ra lệnh cho ngài (x. Mt 1:24; 2:14, 21). Như thế, sự kiện nhiệm vụ của Thánh Giuse là bảo vệ Chúa Giêsu và Đức Mẹ Maria rất nổi bật. Ngài là người bảo vệ chính của các Đấng: “Thật vậy, Chúa Giêsu và Đức Maria, Mẹ của Người, là kho tàng đức tin quý giá nhất của chúng ta” [1] (Tông thư *Patris corde*, 5). Và kho báu này được Thánh Giuse bảo vệ.

Trong kế hoạch cứu độ, Con không thể tách rời khỏi Mẹ, khỏi Đấng “tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin và trung thành gìn giữ sự kết hợp với Con của mình tới tận Thập giá” (*Lumen Gentium*, 58), như Công Đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta.

Theo một nghĩa nào đó, Chúa Giêsu, Mẹ Maria và Thánh Giuse là hạt nhân nguyên thủy của Giáo hội. Chúa Giêsu là người và là Thiên Chúa; Đức Maria, người môn đệ đầu tiên và là Mẹ; và Thánh Giuse, người giám hộ. Và chúng ta cũng vậy "Chúng ta nên luôn xem xét liệu chính bản thân chúng ta, chúng ta có đang bảo vệ Chúa Giêsu và Mẹ Maria hay không, vì các Đấng cũng được giao phó một cách mầu nhiệm cho trách nhiệm, sự chăm sóc và gìn giữ an toàn của chính chúng ta" (*Patris corde*, 5). Và ở đây, có một dấu vết rất đẹp cho thấy ơn gọi của Kitô hữu: bảo vệ. Bảo vệ sự sống, bảo vệ sự phát triển của con người, bảo vệ trí óc con người, bảo vệ trái tim con người, bảo vệ việc làm của con người. Chúng ta có thể nói, Người Kitô hữu giống như Thánh Giuse: họ phải bảo vệ. Làm một Kitô hữu không phải chỉ là tiếp nhận đức tin, tuyên xưng đức tin, mà còn bảo vệ sự sống, sự sống của chính mình, sự sống của người khác, sự sống của Giáo hội. Con Đấng Tối Cao đã đến thế gian trong một tình trạng hết sức yếu đuối: Chúa Giêsu sinh ra như thế đấy, yếu đuối, yếu đuối. Người muốn được che chở, bảo vệ, chăm sóc. Thiên Chúa đã tin cậy Thánh Giuse cũng như Đức Maria, đáng đã tìm thấy nơi ngài một chàng rể yêu thương và kính trọng mình và luôn chăm sóc mình và Hài Nhi. “Theo nghĩa này, Thánh Giuse không thể nào khác hơn là Người Bảo vệ Giáo hội, vì Giáo hội là sự tiếp nối của Thân thể Chúa Kitô trong lịch sử, ngay cả khi tình mẫu tử của Đức Maria được phản ánh trong tình mẫu tử của Giáo hội. Trong việc ngài tiếp tục bảo vệ Giáo hội, thánh Giuse tiếp tục bảo vệ Hài nhi và Mẹ của Người, và cả chúng ta nữa, bằng tình yêu của chúng ta đối với Giáo hội, chúng ta tiếp tục yêu mến Chúa Hài đồng và mẹ của Người” (sđd).

Hài nhi này là Đấng sẽ nói: "Bất cứ điều gì các ngươi làm cho một trong những người anh em nhỏ mọn nhất của Ta, anh em đã làm cho Ta" (Mt 25:40). Vì vậy, mọi người đói và khát, mọi người xa lạ, mọi người di cư, mọi người không quần áo, mọi người bệnh, mọi tù nhân đều là “Hài Nhi” được Thánh Giuse chăm sóc. Và chúng ta được mời gọi bảo vệ những người này, những anh chị em của chúng ta, như Thánh Giuse đã làm. Đó là lý do tại sao ngài được kêu cầu như người bảo vệ mọi người túng thiếu, bị lưu đày, chịu đau khổ và thậm chí cả những người sắp chết - chúng ta đã nói về điều này thứ Tư tuần trước. Và chúng ta cũng phải học nơi Thánh Giuse việc “bảo vệ” các điều tốt lành này: yêu Chúa Hài Đồng và mẹ của Người; yêu mến các bí tích và dân Chúa; yêu thương người nghèo và giáo xứ của chúng ta. Mỗi thực tại này luôn là Hài nhi và mẹ của Người (xem *Patris corde*, 5). Chúng ta phải bảo vệ, vì với điều này, chúng ta bảo vệ Chúa Giêsu, như Thánh Giuse đã làm.

Ngày nay, chuyện thông thường, diễn ra hàng ngày, là chỉ trích Giáo hội, chỉ ra những điểm mâu thuẫn của Giáo Hội - nhiều lắm- là chỉ ra các tội lỗi của Giáo Hội, những tội lỗi trên thực tế là các bất nhất của chúng ta, những tội lỗi của chúng ta, vì Giáo hội luôn là một dân tộc gồm những người tội lỗi gặp được lòng thương xót của Thiên Chúa. Chúng ta hãy tự hỏi mình xem trong thâm tâm, chúng ta có yêu mến Giáo Hội như hiện Giáo Hội là hay không, tức là Dân Thiên Chúa đang trên đường lữ hành còn nhiều hạn chế, nhưng với một ước muốn lớn lao là phục vụ và yêu mến Thiên Chúa. Thực vậy, chỉ có tình yêu thương mới làm chúng ta có khả năng nói sự thật một cách trọn vẹn, một cách không phe phái; có khả năng nói điều sai, nhưng cũng biết nhận ra tất cả sự tốt lành và thánh thiện đang hiện diện trong Giáo hội, bắt đầu chính từ Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Yêu mến Giáo hội, bảo vệ Giáo hội và đồng hành cùng Giáo hội. Nhưng Giáo hội không phải là một nhóm nhỏ gần gũi với linh mục và chỉ huy mọi người, không. Giáo hội là tất cả mọi người, tất cả mọi người. Đang lữ hành. Bảo vệ lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau. Đây là một câu hỏi hay: khi tôi gặp vấn đề với ai đó, tôi có cố gắng chăm sóc họ không, hay ngay lập tức lên án họ, phi báng họ, tiêu diệt họ? Chúng ta phải bảo vệ, luôn luôn bảo vệ!

Anh chị em thân mến, tôi khuyến khích anh chị em cầu xin sự chuyển cầu của Thánh Giuse ngay vào chính các thời điểm khó khăn nhất trong cuộc sống và cộng đồng của anh chị em. Khi lỗi lầm của chúng ta trở thành một tai tiếng, chúng ta hãy cầu xin Thánh Giuse cho chúng ta can đảm để nói lên sự thật, xin sự tha thứ và khiêm tốn bắt đầu lại. Ở những nơi mà sự bách hại ngăn cản việc loan báo Tin Mừng, chúng ta hãy cầu xin Thánh Giuse sức mạnh và sự kiên nhẫn để chịu đựng sự ngược đãi và đau khổ vì lợi ích của Tin Mừng. Ở những nơi khan hiếm tài nguyên vật chất và nhân lực và làm cho chúng ta trải nghiệm nghèo đói, nhất là khi chúng ta được kêu gọi phục vụ những người cuối hết, những người không có khả năng tự vệ, các trẻ mồ côi, người bệnh, bị xã hội ruồng bỏ, chúng ta hãy cầu xin Thánh Giuse trở thành Sự Quan Phòng cho chúng ta. Biết bao vị thánh đã hướng về ngài! Biết bao người trong lịch sử Giáo Hội đã tìm thấy nơi ngài một đấng quan thầy, một người bảo vệ, một người cha!

Chúng ta hãy noi gương các ngài, và vì lý do này, hôm nay, chúng ta cầu nguyện: Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện với Thánh Cả Giuse bằng lời cầu nguyện tôi đã đặt ở phần kết của Tông Thư *Patris corde*, phó thác cho ngài các ý chỉ của chúng ta và, một cách đặc biệt, Giáo hội đang đau khổ và đang bị thử thách. Và bây giờ, anh chị em có trong tay lời cầu nguyện bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau – tôi nghĩ là bốn -; và tôi nghĩ nó cũng sẽ xuất hiện trên màn hình. Vì vậy, cùng nhau, mỗi người bằng ngôn ngữ riêng của mình, chúng ta hãy cầu nguyện với Thánh Giuse.

*Kính chào, đấng giám hộ Chúa cứu thế, phu quân của Trinh nữ Maria.
Thiên Chúa đã giao phó Con Một của Người cho Ngài;
nơi Ngài, Đức Maria đã đặt niềm tin tưởng của Ngài;
với Ngài, Chúa Kitô đã trở thành người phàm.*

*Lạy Thánh Giuse điếm phúc, cả cho chúng con nữa,
xin Ngài tỏ ra là một người cha,
và hướng dẫn chúng con trong con đường sống của chúng con.*

*Xin cầu bầu cho chúng con ân sủng, lòng thương xót và đức can đảm,
và bảo vệ chúng con khỏi mọi sự dữ. Amen.*

Ghi chú:

[1] Sắc lệnh của Bộ Phụng Tự *Quemadmodum Deus* (8 tháng 12 năm 1870): ASS 6 (1870-71), 193; Xem Đức Piô IX, Tông thư *Inclytum Patriarcham* (ngày 7 tháng 7 năm 1871): lo. cit., 324-327.

Tiết Năm: Tuổi Già

Chương Một: Ý nghĩa và giá trị tuổi già (ngày 23/02/2022)

Theo tin Tòa Thánh, Thứ tư ngày 23 tháng 2, 2022, tại Hội trường Thánh Phaolô VI, Đức Giáo Hoàng Phaolô đã bắt đầu loạt bài giáo lý mới của ngài về tuổi già, hôm nay, ngài nhấn mạnh tới khía cạnh ý nghĩa và giá trị của tuổi đời này. Nhân dịp này, Đức Phanxicô tỏ lòng buồn rầu đối với tình hình ở Ukraine và kêu gọi dành Thứ tư Lễ tro sắp tới làm Ngày Ăn Chay cho Hòa Bình. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài dựa vào bản Tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đã hoàn tất loạt bài giáo lý về Thánh Giuse. Hôm nay chúng ta bắt đầu con đường giáo lý nhằm tìm kiếm sự linh hứng trong Lời Chúa về ý nghĩa và giá trị của tuổi già. Chúng ta hãy suy gẫm về tuổi già. Trong một vài thập niên, tuổi đời này liên quan tới một "loại người mới" thực sự, đó là những người cao niên. Chúng ta chưa bao giờ nhiều như vậy trong lịch sử nhân loại. Nguy cơ bị loại bỏ thậm chí còn thường xuyên hơn: chưa bao giờ nhiều như bây giờ, chưa bao giờ có nguy cơ bị loại bỏ như bây giờ. Người lớn tuổi thường bị coi là "một gánh nặng". Trong giai đoạn đầu của bi kịch đại dịch, chính các Người là những người phải trả giá đắt nhất. Các Người là thành phần yếu đuối nhất và bị bỏ quên nhất: chúng ta không thấy các Người nhiều khi các Người còn sống, thậm chí chúng ta không thấy các Người khi các Người qua đời. Tôi cũng tìm thấy bản Hiến chương này nói về các quyền lợi của người cao niên và các bổn phận của cộng đồng: hiến chương này đã được các chính phủ hiệu đính, chứ không được chính Giáo hội hiệu đính, nó là một điều thuộc quyền thế tục. Biết người cao niên có quyền là một điều tốt, một điều đáng lưu ý. Ta nên đọc nó.

Cùng với vấn đề di dân, tuổi già là một trong những vấn đề cấp bách nhất mà gia đình nhân loại phải đối đầu vào thời điểm này. Nó không chỉ là một sự thay đổi về lượng; sự thống nhất của các tuổi đời đang bị đe dọa: nghĩa là, điểm quy chiếu thực sự cho sự hiểu biết và đánh giá toàn bộ cuộc sống của con người. Chúng ta tự hỏi: liệu có tình bạn, có sự liên minh giữa các lứa tuổi đời khác nhau hay không hay sự xa cách và bác bỏ chiếm ưu thế?

Tất cả chúng ta đang sống trong một hiện tại trong đó, trẻ em, người trẻ, người lớn và người cao niên cùng chung sống với nhau. Tuy nhiên, tỷ lệ đã thay đổi: các Người đã trở thành số đông và ở nhiều khu vực rộng lớn trên thế giới, tuổi thơ được phân bổ với số lượng nhỏ hơn. Chúng ta cũng đã nói về mùa đông nhân khẩu. Một sự mất cân bằng kéo theo nhiều hệ quả. Nền văn hóa thịnh hành chỉ coi người trẻ mới là một mẫu hình duy nhất, nghĩa là một cá nhân tự tạo luôn luôn trẻ trung. Nhưng liệu có đúng là tuổi trẻ chứa đựng trọn vẹn ý nghĩa của cuộc sống, trong khi tuổi già chỉ đơn giản tượng trưng cho việc làm nó ra trống rỗng và mất mát? Có đúng như vậy không? Chỉ có tuổi trẻ mới có ý nghĩa trọn vẹn về cuộc đời, còn tuổi già là làm cho sự sống ra trống rỗng, mất mát? Sự tôn vinh tuổi trẻ như là độ tuổi duy nhất xứng đáng với việc hiện thân lý tưởng của con người, đi đôi với sự khinh miệt tuổi già, coi nó mong manh, xuống cấp hoặc khuyết tật, là hình ảnh nổi bật của chủ nghĩa toàn trị thế kỷ XX. Chúng ta có quên điều này không?

Việc kéo dài sự sống có một tác động về cơ cấu đối với lịch sử của cá nhân, gia đình và xã hội. Nhưng chúng ta phải tự hỏi: phẩm chất tâm linh và ý thức cộng đồng của nó có nhất

quán với sự kiện này hay không? Có lẽ người cao niên phải xin lỗi vì sự cố chấp sống sót của các Người gây hại cho người khác? Hay các Người có thể được vinh danh vì những hồng phúc các Người mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của mỗi người? Thực tế, trong việc trình bày ý nghĩa của cuộc sống - và chính trong điều gọi là nền văn hóa "phát triển" - người ta đề cập rất ít tới tuổi già. Tại sao? Vì nó được coi là độ tuổi không có nội dung đặc biệt để cung hiến, cũng như không có ý nghĩa riêng để sống. Hơn nữa, thiếu sự khuyến khích đối với những người tìm hiểu các Người và thiếu sự giáo dục để cộng đồng nhìn nhận các Người. Nói tóm lại, đối với độ tuổi mà hiện nay là một phần quyết định của không gian cộng đồng và kéo dài đến một phần ba cuộc đời mỗi người, thì đôi khi có những kế hoạch, nhưng không phải là những dự án cho cuộc sống của các Người. Kế hoạch chăm sóc, có; nhưng không phải kế hoạch giúp các Người sống cho trọn vẹn. Và đó là việc thiếu suy nghĩ, thiếu trí tưởng tượng, thiếu óc sáng tạo. Theo suy nghĩ này, điều tạo ra khoảng trống là người già là phế liệu: trong văn hóa vứt bỏ này, người cao niên giống như các phế liệu.

Tuổi trẻ thì đẹp, nhưng tuổi trẻ vĩnh viễn là thứ ảo giác vô cùng nguy hiểm. Già cũng quan trọng - và đẹp đẽ- cũng quan trọng như trẻ. Chúng ta hãy nhớ điều đó. Liên minh giữa các thế hệ nhằm khôi phục tính nhân bản cho mọi lứa tuổi của đời sống, là hồng phúc đã mất của chúng ta và chúng ta phải lấy lại nó. Phải tìm lại nó, trong nền văn hóa vứt bỏ này và trong nền văn hóa trọng năng suất này.

Lời Chúa có rất nhiều điều để nói về liên minh này. Ngay vừa rồi, lúc khởi đầu buổi yết kiến, chúng ta đã nghe lời tiên tri của Gioen: "Các trưởng lão của các người sẽ mơ những giấc mơ, các người trẻ của các người sẽ thấy các thị kiến" (3:1). Có thể giải thích như thế này: khi người già chống lại Thánh Thần, chôn vùi ước mơ trong quá khứ thì người trẻ không còn nhìn thấy được những sự việc cần phải làm để mở ra tương lai. Mặt khác, khi người già truyền đạt ước mơ của các Người, người trẻ sẽ thấy rõ họ phải làm gì. Những người trẻ nào không còn tra vấn các giấc mơ của người già, trái lại tiến bước theo các viễn kiến vượt quá tầm mắt của họ, sẽ đấu tranh để thực hiện hiện tại và tương lai của họ. Nếu ông bà rơi trở lại buồn tẻ tiếc nhớ, thì người trẻ sẽ loay hoay nhiều hơn với chiếc điện thoại thông minh của họ. Màn hình có thể vẫn sáng, nhưng đời sống sẽ tàn lụi trước hạn kỳ. Há đó không phải là hậu quả nghiêm trọng nhất của đại dịch chính trong sự mất mát của người trẻ đó sao? Người già có những nguồn lực sống đã sống mà các Người có thể gọi lại bất cứ lúc nào. Liệu các Người sẽ bàng quang nhìn những người trẻ mất viễn kiến hay các Người sẽ đồng hành với họ bằng cách sưởi ấm các giấc mơ của các Người? Đứng trước các giấc mơ của người già, người trẻ sẽ làm gì?

Sự khôn ngoan của cuộc hành trình dài nhằm đồng hành với tuổi già cho đến khi nó chấm dứt phải được trải nghiệm như một cung ứng ý nghĩa cho đời sống, chứ không như một sức trì trệ của sinh tồn. Nếu tuổi già không được phục hồi lại phẩm giá của một đời sống xứng đáng với con người, thì nó buộc phải khép lại trong một sự chán nản cướp mất tình yêu của mọi người. Thách thức của nhân loại và nền văn minh này đòi hỏi sự cam kết của chúng ta và ơn trợ giúp của Thiên Chúa. Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần. Với những bài giáo lý về tuổi già này, tôi muốn khuyến khích mọi người đầu tư suy nghĩ và tình cảm của họ vào những hồng phúc mà tuổi già mang lại và vào những giai đoạn khác của đời sống. Tuổi già là một hồng phúc cho mọi giai đoạn của cuộc sống. Nó là hồng phúc già dặn, khôn ngoan. Lời Chúa sẽ giúp chúng ta biện phân ý nghĩa và giá trị của tuổi già; Xin Chúa Thánh Thần cũng ban cho chúng ta những giấc mơ và thị kiến mà chúng ta cần.

Và tôi muốn nhấn mạnh, như chúng ta đã nghe trong lời tiên tri của Gioen, lúc đầu, rằng điều quan trọng không những chỉ là người già chiếm vị trí khôn ngoan mà các Người vốn có,

chiếm vị trí lịch sử sống trong xã hội, mà còn trong cuộc chuyện trò, trong việc các Người nói với người trẻ. Người trẻ phải nói chuyện với người già, và người già phải nói chuyện với người trẻ. Và cây câu này sẽ là việc chuyển giao khôn ngoan trong nhân loại. Tôi hy vọng rằng những suy gẫm này sẽ hữu ích cho tất cả chúng ta, để thực hiện thực tại được tiên tri Gioen nói tới, rằng trong cuộc đối thoại giữa người trẻ và người già, người già có thể cung cấp các giấc mơ và người trẻ có thể tiếp nhận và thực hiện chúng. Chúng ta đừng quên rằng trong cả gia đình và nền văn hóa xã hội, người cao niên giống như gốc rễ của cây: các Người có tất cả lịch sử ở đó, và người trẻ như hoa và quả. Nếu nước cốt này không lên, nếu “nước giọt” này, - có thể nói như thế - không từ rễ đi lên, hoa quả sẽ không bao giờ có thể triển nở. Chúng ta đừng quên bài thơ mà tôi đã nhiều lần nói: "Mọi điều cây có mà triển nở được đều bắt nguồn từ những gì nó chôn vùi" (“... mọi điều cây có mà triển nở được đều sống nhờ những gì nó chôn vùi”, Francisco Luis Bernárdez). Mọi thứ đẹp đẽ mà một xã hội có đều liên quan đến cội rễ của người già. Vì lý do này, trong những bài giáo lý này, tôi muốn làm nổi bật hình ảnh của người cao niên, để ta hiểu rõ rằng người già không phải là phế liệu: các Người là một phước lành cho xã hội. Cám ơn anh chị em.

Lời kêu gọi đặc biệt

Sau bài Giáo lý trên, Đức Phanxicô đã có lời kêu gọi đặc biệt sau đây:

"Trái tim tôi rất đau đớn trước tình hình đang trở nên tồi tệ hơn tại Ukraine. Bất chấp các cố gắng ngoại giao của mấy tuần qua, viễn ảnh báo động ngày một gia tăng đang mở ra. Giống như tôi, nhiều người khắp thế giới đang cảm thấy xao xuyến âu lo. Một lần nữa, hòa bình của mọi người đang bị đe dọa bởi quyền lợi phe phái. Tôi muốn kêu gọi những ai có trách nhiệm chính trị hãy rà xét lương tâm một cách nghiêm túc trước mặt Thiên Chúa, Đấng vốn là Thiên Chúa của hòa bình, chứ không phải Thiên Chúa của chiến tranh; Đấng là Cha của mọi người, chứ không phải của một số người, Đấng muốn chúng ta là anh chị em, chứ không phải kẻ thù. Tôi cầu xin cho mọi bên liên hệ tự chế bất cứ hành động nào thậm chí có thể gây đau khổ thêm cho dân chúng, làm mất ổn định việc chung sống giữa các dân tộc và đem luật quốc tế tới chỗ tranh chấp.

Và bây giờ, tôi muốn kêu gọi mọi người, có tín ngưỡng hay không. Chúa Giêsu dạy chúng ta rằng sự vô nghĩa ma quái của bạo lực phải được đáp ứng bằng vũ khí của Thiên Chúa, tức lời cầu nguyện và ăn chay. Tôi mời gọi mọi người biến ngày 2 tháng Ba, Thứ Tư Lễ Tro, thành ngày Ăn chay cầu cho Hòa Bình. Tôi khuyến khích các tín hữu sẽ tận tình đặc biệt chuyên chăm cầu nguyện và ăn chay vào ngày đó. Xin Nữ vương Bình an gìn giữ thế giới khỏi cảnh điên khùng của chiến tranh.

Chương Hai: Tuổi thọ, biểu tượng và cơ may (ngày 02/03/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong trình thuật của Kinh thánh về các gia phả, người ta lập tức có ấn tượng mạnh trước tuổi thọ lớn lao nơi chúng: chúng nói tới hàng thế kỷ! Chúng ta tự hỏi khi nào tuổi già bắt đầu ở đây đây? Và đâu là ý nghĩa của sự kiện những vị tổ phụ xa xưa này sống rất lâu sau khi đã sinh ra nhiều con cái? Những người cha và con trai sống với nhau hàng thế kỷ! Khoảng thời gian hàng thế kỷ này, được kể lại theo phong cách nghi lễ, mang lại một ý nghĩa biểu tượng mạnh mẽ, rất mạnh mẽ cho mối quan hệ giữa tuổi thọ và gia phả.

Như thể sự lưu truyền sự sống của con người, rất mới trong vũ trụ tạo dựng, đòi hỏi một *khai tâm* chậm chậm và kéo dài. Mọi sự đều mới mẻ, ở buổi đầu lịch sử của một tạo vật vừa là tinh thần và sự sống, vừa là lương tâm và tự do, vừa nhạy cảm và có trách nhiệm. Cuộc sống mới - cuộc sống con người - chìm đắm trong sự căng thẳng giữa nguồn gốc của nó “giống hình ảnh và họa ảnh” của Thiên Chúa, và sự mong manh của thân phận tử sinh của họ, nói lên một điều mới lạ cần được khám phá. Và nó đòi hỏi một khoảng thời gian khai tâm lâu dài, trong đó sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các thế hệ là điều không thể thiếu để giải đoán các kinh nghiệm và đối đầu với các bí ẩn của cuộc sống. Trong thời gian lâu dài này, phẩm chất thiêng liêng của con người cũng từ từ được trau dồi.

Theo một nghĩa nào đó, mỗi kỷ nguyên trôi qua trong lịch sử loài người đều mang lại cảm giác này: cứ như thể chúng ta phải bắt đầu lại từ đầu một cách bình tĩnh với những câu hỏi về ý nghĩa của cuộc sống, khi viễn ảnh thân phận con người xem ra đầy rẫy các kinh nghiệm mới, và cho đến nay, đều là các câu hỏi chưa được trả lời. Chắc chắn, sự tích lũy ký ức văn hóa làm tăng sự quen thuộc cần thiết để đối đầu với những cuộc vượt qua mới. Thời gian lưu truyền giảm đi, nhưng thời gian thẩm hóa luôn đòi hỏi sự kiên nhẫn. Tốc độ thái quá, một điều hiện đang ám ảnh mọi giai đoạn của cuộc sống chúng ta, làm cho mọi kinh nghiệm trở nên hời hợt hơn và ít "bổ dưỡng" hơn. Những người trẻ tuổi là nạn nhân vô thức của sự phân chia này giữa thời gian trên đồng hồ, cần phải gấp gáp, và thời gian của cuộc sống, đòi hỏi một "việc lên men" thích hợp. Tuổi thọ cho phép trải qua những khoảng thời gian dài này và những thiệt hại của sự vội vàng.

Tuổi già chắc chắn buộc người ta phải có một tốc độ chậm hơn: nhưng đây không đơn giản chỉ là thời điểm của trì trệ. Thật vậy, nhịp điệu này mở ra cho mọi người những khoảng không gian đầy ý nghĩa của cuộc sống mà nỗi ám ảnh về tốc độ không bao giờ biết đến. Việc mất tiếp xúc với nhịp sống chậm hơn của tuổi già đã khép lại những khoảng không gian này đối với mọi người. Chính từ viễn ảnh này, tôi đã muốn thiết lập ngày lễ của ông bà, vào Chúa nhật cuối cùng của tháng Bảy. Sự liên minh giữa hai thế hệ cùng cực - trẻ em và người già - cũng giúp hai thế hệ khác - người trẻ và người lớn - gắn kết với nhau để làm cho sự hiện hữu của mọi người trở nên phong phú hơn trong tình người.

Cần có sự đối thoại giữa các thế hệ: nếu không có đối thoại giữa người trẻ và người già, nếu không có đối thoại thì mỗi thế hệ sẽ mãi bị cô lập và không thể truyền tải thông điệp được. Anh chị em hãy nghĩ xem: người trẻ nào không gắn bó với cội rễ của mình, tức là ông bà, thì không nhận được sức mạnh, giống như cây kia không nhận được sức mạnh của rễ, sẽ lớn lên còi cọc, lớn lên ốm yếu, lớn lên không có điểm qui chiếu. Vì vậy, cần phải tìm kiếm việc đối thoại giữa các thế hệ, như một nhu cầu của con người. Và cuộc đối thoại này là quan trọng giữa ông bà và các cháu, vốn là hai thái cực.

Chúng ta hãy tưởng tượng một thành phố trong đó sự sống chung của các tuổi đời khác nhau tạo nên một phần không thể thiếu trong quy hoạch tổng thể của môi trường sống. Chúng ta hãy nghĩ tới việc hình thành các mối liên hệ âu yếm giữa tuổi già và tuổi trẻ, một liên hệ sẽ tỏa sáng lên toàn diện phong cách của mọi mối liên hệ. Sự chông chéo của các thế hệ sẽ trở thành nguồn năng lực cho một chủ nghĩa nhân bản thực sự hữu hình và đáng sống. Thành phố hiện đại có xu hướng thù địch với người già (và không phải ngẫu nhiên, cả với trẻ em). Xã hội này, một xã hội có tinh thần vứt bỏ này: nó vứt bỏ rất nhiều trẻ em không mong muốn và nó vứt bỏ người già. Nó gạt họ sang một bên – họ không có ích lợi gì - vào nhà dưỡng lão, bệnh viện, ở đó... Tốc độ thái quá đưa chúng ta vào máy ly tâm cuốn chúng ta đi như những hoa giấy. Người ta hoàn toàn mất tầm nhìn về bức tranh lớn hơn. Mỗi người giữ chặt miếng bánh của riêng mình, một miếng bánh trôi giạt theo dòng chảy của thị trường thành phố, mà

đối với nó, tốc độ chậm hơn có nghĩa là thua lỗ vì tốc độ là tiền là bạc. Tốc độ thái quá đập cuộc sống tan tành thành bụi: nó không làm cho cuộc sống trở nên cố kết mạnh mẽ hơn. Và sự khôn ngoan... nó cần có sự lãng phí thời gian. Khi anh chị em trở về nhà và nhìn thấy con trai, con gái của anh chị em và anh chị em “lãng phí thời gian” với chúng, nhưng trong cuộc trò chuyện vốn có tính căn bản đối với xã hội, anh chị em “lãng phí thời gian” với con cái; và khi anh chị em trở về nhà và có ông hoặc bà có lẽ không còn minh mẫn nữa, tôi không biết, đã mất khả năng nói, và anh chị em ở lại với ông hoặc bà, anh chị em "lãng phí thời gian", nhưng sự “lãng phí thời gian” này củng cố gia đình nhân loại. Cần phải dành thời gian, thời gian không sinh lợi, với con cái và người già, vì họ cho chúng ta một khả năng khác để nhìn cuộc sống.

Đại dịch, trong đó chúng ta vẫn buộc phải sống, đã – một cách rất đau đớn, thật không may - đặt để cả một cuộc chặn đứng đối với lòng sùng bái tốc độ trì độn. Và trong thời kỳ này, ông bà đã đóng vai trò như một rào cản đối với việc “mất nước” xúc cảm nơi người trẻ tuổi nhất. Liên minh hữu hình giữa các thế hệ, một liên minh hài hòa tốc độ và nhịp độ, tái lập niềm hy vọng không sống cuộc sống vô ích. Và nó khôi phục nơi mỗi chúng ta tình yêu đối với các cuộc sống dễ bị tổn thương, bằng cách chặn đứng con đường dẫn đến nỗi ám ảnh về tốc độ, một thứ vốn tiêu hao nó. Chữ quan trọng là đây - với mỗi người trong số anh chị em, tôi xin hỏi: anh chị em có biết cách lãng phí thời gian không, hay anh chị em luôn vội vàng? “Không, tôi đang vội, tôi không thể...”. Anh chị em có biết lãng phí thời gian với ông bà, với người già không? Anh chị em có biết dành thời gian chơi với con cái anh chị em, với trẻ em nói chung không? Đây là đá thử vàng. Anh chị em hãy suy nghĩ về điều đó. Và nó khôi phục nơi mỗi người tình yêu đối với cuộc sống dễ bị tổn thương của chúng ta, ngăn chặn con đường dẫn đến nỗi ám ảnh về tốc độ, một điều chỉ làm tiêu hao nó. Nhịp điệu của tuổi già là một nguồn lực không thể thiếu để hiểu được ý nghĩa của cuộc sống được đánh dấu bởi thời gian. Người già có nhịp điệu của họ, nhưng là những nhịp điệu giúp đỡ chúng ta. Nhờ sự trung gian này, đích đến của cuộc sống là cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa trở nên đáng tin cậy hơn: một thiết kế được ẩn giấu trong việc tạo dựng nên con người “giống hình ảnh và họa ảnh của Người” và được đóng ấn trong Con Thiên Chúa trở thành người.

Ngày nay có tuổi thọ cao hơn cho cuộc sống của con người. Điều này cho chúng ta cơ hội để gia tăng giao ước giữa mọi tuổi đời của cuộc sống. Người ta đã nói khá nhiều về tuổi thọ, nhưng chúng ta phải tạo ra nhiều liên minh hơn nữa. Và điều này cũng giúp chúng ta gia tăng cái hiểu về ý nghĩa cuộc sống trong tính toàn diện của nó. Ý nghĩa của cuộc sống không chỉ ở tuổi trưởng thành, chẳng hạn từ 25 đến 60 - không. Ý nghĩa của cuộc sống là tất cả những thứ tuổi đời đó, từ khi sinh ra đến khi chết đi, và anh chị em nên tương tác với mọi người, và cũng nên có những mối liên hệ tình cảm với mọi người, để sự trưởng thành của anh chị em ngày càng phong phú và mạnh mẽ hơn. Và nó cũng cung cấp cho chúng ta ý nghĩa này về cuộc sống, vốn là tất cả mọi sự. Xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta trí hiểu và sức mạnh để thực hiện cuộc cải cách này: một cuộc cải cách đang hết sức cần thiết. Sự cao ngạo của thời gian đồng hồ phải được hoán chuyển trở thành vẻ đẹp của nhịp sống. Đây là cuộc cải cách mà chúng ta phải thực hiện trong tâm hồn, trong gia đình và xã hội. Tôi nhắc lại: chúng ta phải cải cách điều gì? Vẻ cao ngạo của thời gian đồng hồ phải được hoán chuyển thành vẻ đẹp của nhịp sống. Việc liên minh giữa các thế hệ là điều không thể thiếu. Một xã hội trong đó người già không nói với người trẻ, người trẻ không nói với người già, là một xã hội vô sinh, không có tương lai, một xã hội không nhìn chân trời mà chỉ nhìn vào chính mình. Và nó trở nên cô đơn. Xin Thiên Chúa giúp chúng ta tìm ra thứ âm nhạc phù hợp cho sự hòa hợp này của nhiều lứa tuổi: trẻ nhỏ, người già, người lớn, tất cả mọi người với nhau: một bản giao hưởng đối thoại tuyệt hay. Xin cảm ơn anh chị em.

Chương Ba: Tuổi già tiên tri chống sa đọa (ngày 16/03/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Câu chuyện trong kinh thánh - với ngôn ngữ tượng trưng của thời kỳ nó được viết ra - cho chúng ta biết một điều gì đó gây ngỡ ngàng. Thiên Chúa quá chán ghét sự độc ác tràn lan của con người, vốn đã trở thành một phong cách sống bình thường, đến nỗi Người nghĩ rằng mình đã sai lầm khi tạo ra họ và quyết định tận diệt họ. Một giải pháp triệt để. Nó thậm chí còn có thể là sự thay đổi đầy nghịch lý về lòng thương xót. Không còn con người, không còn lịch sử, không còn phán xét, không còn kết án. Và nhiều nạn nhân tiền định của thói nát, bạo lực, bất công sẽ được dung tha mãi mãi.

Há đã không xảy ra với chúng ta đôi khi hay sao trong đó - bị choáng ngợp bởi cảm giác bất lực trước cái ác hoặc bị mất tinh thần bởi "các nhà tiên tri bất hạnh" - chúng ta nghĩ rằng thà chúng ta không sinh ra thì hơn? Chúng ta có nên công nhận một số lý thuyết gần đây, vốn tố cáo loài người như một cản trở về phương diện tiến hóa có hại cho sự sống trên hành tinh của chúng ta không? Tất cả đều tiêu cực? Không.

Thật vậy, chúng ta đang bị áp lực, phải chịu những căng thẳng đối nghịch khiến chúng ta bối rối. Một mặt, chúng ta có niềm lạc quan của một tuổi trẻ vĩnh cửu, được nuôi dưỡng bởi sự tiến bộ phi thường của kỹ thuật, một tiến bộ mô tả một tương lai đầy những máy móc hữu hiệu hơn và thông minh hơn chúng ta, sẽ chữa khỏi bệnh tật của chúng ta và nghĩ cho chúng ta những giải pháp tốt nhất để không chết: thế giới của người máy. Mặt khác, trí tưởng tượng của chúng ta xem ra ngày càng tập trung vào việc diễn tả một thảm họa cuối cùng sẽ tận diệt chúng ta. Điều gì xảy ra với một cuộc chiến tranh hạt nhân thực sự. "Ngày sau" điều này - nếu vẫn còn ngày tháng và con người - sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Phá hủy mọi thứ để bắt đầu lại từ đầu. Lẽ dĩ nhiên, tôi không muốn tầm thường hóa ý niệm tiến bộ. Nhưng dường như biểu tượng hồng thủy ngày càng có chỗ đứng trong tiềm thức của chúng ta. Bên cạnh đó, đại dịch hiện nay đề nghị lên sự suy nghĩ bất cần ai của chúng ta về những điều quan trọng, đối với cuộc sống và số phận của nó.

Trong câu chuyện kinh thánh, khi nói đến việc cứu sự sống trên trái đất khỏi băng hoại và hồng thủy, Thiên Chúa giao nhiệm vụ cho lòng trung thành của người già nhất, Ông Nô-ê "công chính". Liệu tuổi già có cứu được thế giới không, tôi tự hỏi? Theo nghĩa nào? Và tuổi già sẽ giải cứu thế giới ra sao? Và triển vọng là gì? Sự sống sau cái chết hay chỉ sống sót cho đến lúc hồng thủy?

Một lời của Chúa Giê-su, gọi lên "thời Nô-ê", sẽ giúp chúng ta khám phá sâu hơn ý nghĩa của đoạn Kinh thánh mà chúng ta đã nghe. Khi nói về thời kỳ cuối cùng, Chúa Giê-su nói: "Thời Nô-ê thế nào, thì thời của Con Người cũng như thế. Người ta ăn, người ta uống, người ta cưới nhau, người ta hiến thân trong hôn nhân, cho đến ngày khi ông Nô-ê vào tàu, thì trận hồng thủy đến phá hủy tất cả" (Lc 17:26-27). Quả thật, chuyện ăn uống, lấy vợ lấy chồng là những chuyện hết sức bình thường và dường như không phải là điển hình của sa đọa. Sa đọa ở đâu? Sa đọa ở chỗ nào trong đó? Thực ra, Chúa Giê-su nhấn mạnh sự kiện này là con người, khi chỉ biết hưởng thụ cuộc sống, họ đánh mất cả ý thức về sự sa đọa, điều này làm thói hoại phẩm giá của họ và chuốc độc ý nghĩa. Khi ý thức sa đọa mất đi, và sa đọa trở thành một điều bình thường: mọi thứ đều có cái giá của nó, mọi thứ! Ý kiến, hành vi công lý, đều được mua và bán. Điều này là phổ biến trong thế giới kinh doanh, trong thế giới của nhiều ngành nghề.

Và sa đọa thậm chí còn được trải nghiệm một cách bất cần ai, như thể nó là một phần bình thường của hạnh phúc con người. Khi anh chị em đi làm một việc gì đó, và nó chậm tiến triển, diễn trình làm việc đó tiến hơi chậm, anh chị em thường nghe nói: “đúng, nhưng nếu bạn cho tôi một tiền thưởng, tôi sẽ làm nó nhanh hơn”. Rất thường xuyên như thế. “Hãy cho tôi một điều gì đó thì tôi sẽ làm nó tiến hơn”. Tất cả chúng ta đều biết thế. Thế giới sa đọa dường như là một phần bình thường của con người, và điều này thật tội tệ. Sáng nay tôi đã nói chuyện với một người phụ nữ; bà nói với tôi về vấn đề này ở quê hương của bà. Tiện ích của đời sống được tiêu dùng và hưởng thụ mà không quan tâm đến phẩm chất của cuộc sống tinh thần, không quan tâm đến môi trường sống của ngôi nhà chung. Mọi thứ đều bị khai thác, mà không quan tâm đến nỗi khổ và sự thất vọng mà nhiều người phải gánh chịu, cũng không nghĩ đến cái ác đầu độc cộng đồng. Miễn là cuộc sống bình thường có thể được lấp đầy bằng “phúc lợi”, chúng ta không muốn nghĩ về những gì làm cho nó trở nên trống rỗng công lý và tình yêu. “Nhưng tôi vẫn ổn! Tại sao tôi phải nghĩ về các vấn đề, về chiến tranh, về nỗi đau khổ của con người, về tất cả sự nghèo đói, tất cả những điều xấu xa đó? Không, tôi ổn mà. Tôi không quan tâm đến người khác”. Đây là ý nghĩ trong tiềm thức dẫn chúng ta đến việc sống trong tình trạng sa đọa.

Tôi tự hỏi, sa đọa có thể trở thành bình thường hay không? Thừa anh chị em, rất tiếc, có. Chúng ta có thể hít thở bầu không khí sa đọa giống như chúng ta hít thở oxy. “Nhưng nó là chuyện bình thường; nếu bạn muốn tôi làm việc này nhanh hơn, bạn sẽ cho tôi cái gì?” Thật là bình thường! Đó là điều bình thường, nhưng nó là một điều xấu, nó không tốt! Điều gì dọn đường cho điều này? Điều duy nhất là: tính bất cần ai trở thành chỉ biết chăm lo cho bản thân: đây là cửa ngõ dẫn đến sa đọa, nhấn chìm cuộc đời của tất cả chúng ta. Sa đọa được hưởng lợi ích rất nhiều từ sự bất cần ai chẳng hợp với Thiên Chúa chút nào này. Khi mọi thứ đang diễn ra êm xuôi đối với một người nào đó, và những người khác không quan trọng đối với anh ta hoặc cô ta: sự thiếu suy nghĩ này làm suy yếu khả năng phòng thủ của chúng ta, làm thui chột lương tâm của chúng ta và biến chúng ta - thậm chí vô tình - thành đồng phạm. Bởi vì sa đọa không đơn độc: nó luôn có đồng bọn. Và tham nhũng luôn luôn lan rộng, nó lan rộng.

Tuổi già nằm ở vị thế tốt để nắm bắt sự lừa dối của việc bình thường hóa cuộc sống bị ám ảnh bởi sự hưởng thụ và trống rỗng nội tâm tính: cuộc sống không suy nghĩ, không hy sinh, không cái đẹp, không chân lý, không công lý, không tình yêu: tất cả chỉ là sa đọa. Sự nhạy cảm đặc biệt của những người già chúng ta, của tuổi già đối với sự quan tâm, suy nghĩ và tình cảm làm cho chúng ta thành nhân bản, một lần nữa nên trở thành ơn gọi của nhiều người. Và nó sẽ là quyết tâm yêu thương của những người cao niên đối với những thế hệ mới. Chúng ta sẽ là những người giống lên hồi chuông cảnh báo, cảnh tỉnh: “Hãy ý thức, đây là sa đọa, nó sẽ chẳng mang lại gì cho bạn cả”. Ngày nay rất cần sự khôn ngoan của người cao niên để chống lại sa đọa. Những thế hệ mới mong đợi ở chúng ta, những người cao niên, một lời nói tiên tri, mở ra những cánh cửa cho những tầm nhìn mới bên ngoài thế giới sa đọa bất cần ai đó, thế giới của thói quen sa đọa đó. Phước lành của Thiên Chúa chọn tuổi già, vì đặc sủng này rất nhân bản và nhân bản hóa. Đây là ý nghĩa của tuổi già của tôi? Mỗi người trong chúng ta, những người cao niên đều có thể tự hỏi mình điều này. Ý nghĩa là thế này: làm một nhà tiên tri chống sa đọa và nói với những người khác: “Hãy dừng lại, tôi đã đi con đường này và nó không dẫn bạn đến đâu cả! Bây giờ tôi sẽ kể cho bạn nghe kinh nghiệm của tôi”. Chúng ta, những người cao tuổi, nên là nhà tiên tri chống lại sự sa đọa, cũng như Nô-ê là nhà tiên tri chống lại sự sa đọa thời ông, bởi vì ông là người duy nhất được Thiên Chúa tin cậy. Tôi hỏi tất cả anh chị em - và tôi cũng tự hỏi chính bản thân tôi: ngày nay trái tim tôi có rộng mở để trở thành một nhà tiên tri chống lại sự sa đọa hay không? Điều tội tệ, là khi những người cao niên không trưởng thành, và trở thành những người già với những thói hư hỏng

của lớp trẻ. Hãy nghĩ đến câu chuyện kinh thánh về các thẩm phán xử bà Susanna: họ là tấm gương của tuổi già sa đọa. Và chúng ta, với kiểu tuổi già này, sẽ không thể trở thành những nhà tiên tri cho các thế hệ trẻ.

Và Nô-ê là điển hình của tuổi già vẫn còn khả năng sinh sản này: nó không sa đọa, nó có khả năng sinh sản. Nô-ê không rao giảng, không phàn nàn, không buộc tội, mà là lo cho tương lai của thế hệ đang gặp nguy hiểm. Những người cao niên chúng ta phải chăm sóc những người trẻ tuổi, những đứa trẻ đang gặp nguy hiểm. Ông xây dựng con tàu tiếp đón và để người và động vật vào đó. Trong mọi hình thức chăm sóc sự sống, Nô-ê tuân theo lệnh truyền của Thiên Chúa, lặp lại cử chỉ dịu dàng và hào phóng của sáng thế, mà thực tế là ý nghĩ từng linh hứng cho mệnh lệnh của Thiên Chúa: một phước lành mới, một tạo thế mới (x. St. 8: 15-9,17). Ôn gọi của Nô-ê vẫn luôn liên quan tới chúng ta. Một lần nữa, thánh tổ phụ phải cầu bầu cho chúng ta. Và chúng ta, đàn bà và đàn ông ở một độ tuổi nào đó - để không chỉ nói về người già, vì một số người sẽ bị xúc phạm - chúng ta đừng quên rằng chúng ta có khả thể khôn ngoan để nói với người khác: "Hãy xem, con đường sa đọa này không dẫn đến đâu". Chúng ta phải giống như rượu ngon, càng lâu năm, càng có thể đưa ra một thông điệp tốt chứ không phải một thông điệp xấu.

Hôm nay tôi kêu gọi tất cả những người ở bất cứ độ tuổi nào, chứ đừng nói là người già. Hãy cẩn thận: bạn có trách nhiệm tố cáo sự sa đọa của con người nơi chúng ta đang sống và trong đó lối sống của chủ nghĩa duy tương đối này tiếp diễn, hoàn toàn tương đối, như thể mọi thứ đều hợp pháp. Chúng ta tiến lên phía trước. Thế giới cần những người trẻ mạnh mẽ, những người tiến lên và những người lớn tuổi khôn ngoan. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ban cho ơn khôn ngoan.

Chương Bốn: Tuổi già lưu truyền lịch sử, lưu truyền đức tin sống động (ngày 23/03/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong Kinh thánh, trước bài tường thuật về cái chết của ông già Môsê là di chúc tinh thần của ông, được gọi là "Bài ca Môsê". Ca khúc này trước hết là một lời tuyên xưng đức tin đẹp đẽ, và nó được diễn tả như sau: "Này tôi xưng tụng thánh danh Đức Chúa, trời đất hãy suy tôn Thiên Chúa ta thờ ! Người là Núi Đá: sự nghiệp Người hoàn hảo, vì mọi đường lối Người đều thẳng ngay. Chúa tín thành, không mây may gian dối, Người quả là chính trực công minh" (Đnl 32: 3-4). Nhưng đó cũng là ký ức về lịch sử sống với Thiên Chúa, về những cuộc phiêu lưu của dân tộc được hình thành từ niềm tin vào Thiên Chúa của Ápraham, Ysaác và Giacóp. Và sau đó, Môsê cũng nhớ lại sự cay đắng và thất vọng của chính Thiên Chúa, và nói như vậy với điều này: Lòng trung tín của Người liên tục bị thử thách bởi sự bất trung của dân Người. Thiên Chúa trung thành và sự đáp trả của những kẻ không chung thủy: vì Dân muốn thử lòng trung thành của Thiên Chúa. Và Người vẫn luôn trung thành, gần gũi với dân Người. Đây chính là cốt lõi của Bài ca Môsê: Lòng trung thành của Thiên Chúa, một lòng trung thành luôn đồng hành với chúng ta trong suốt cuộc đời.

Khi Môsê nói lên lời tuyên xưng đức tin này, ông đang ở ngưỡng cửa đất hứa, và cũng là lúc ông từ già cõi đời. Theo tường thuật, ông đã một trăm hai mươi tuổi, "nhưng mắt ông không mờ" (Đnl 34: 7). Khả năng nhìn đó, nhìn thấy thực sự, nhưng cũng nhìn thấy một cách tượng trưng, như những người cao niên vẫn nhìn, những người có khả năng nhìn thấy mọi điều, [thấy] ý nghĩa gốc rễ nhất của sự vật. Sức sống của cái nhìn của ông là một hồng ân quý giá:

nó giúp ông có thể *truyền lại di sản* kinh nghiệm sống và đức tin lâu đời của ông, với sự rõ ràng cần thiết. Môsê nhìn thấy lịch sử và truyền lại lịch sử; người già thấy lịch sử và truyền lại lịch sử.

Một tuổi già được ban tặng cho sự rõ ràng này là một hồng ân quý giá cho thế hệ đến sau. Đích thân và trực tiếp lắng nghe câu chuyện về đức tin từng mang ra sống, với tất cả những điểm cao và điểm thấp của nó, là điều không thể thay thế được. Đọc về nó trong sách vở, xem nó trong phim ảnh, tham khảo nó trên liên mạng, dù có thể hữu ích đến đâu, sẽ không bao giờ y hệt như nhau. Việc lưu truyền này – vốn là *truyền thống* đích thực và đúng đắn, sự lưu truyền cụ thể từ người già đến người trẻ! - sự lưu truyền này ngày nay rất thiếu đối với các thế hệ mới, một sự thiếu vắng đang tiếp tục lớn dần. Tại sao? Bởi vì nền văn minh mới này quan niệm rằng cái cũ là phế liệu, cái cũ phải được bỏ đi. Điều này thật là tàn bạo! Không, không, không được như vậy. Có một âm điệu và phong cách truyền thông để kể chuyện trực tiếp, giữa người với người mà không phương tiện nào khác có thể thay thế được. Một người lớn tuổi, người từng sống lâu, và nhận được hồng ân làm chứng một cách sáng suốt và say mê cho lịch sử của mình, là một phúc lành không gì thay thế được. Chúng ta có khả năng nhận ra và tôn vinh hồng ân này của người cao niên không? Liệu việc lưu truyền đức tin - và ý nghĩa cuộc sống - có đi theo con đường này ngày nay, tức lắng nghe người già không? Tôi có thể đưa ra một chứng từ bản thân. Tôi học được lòng căm thù và giận dữ đối với chiến tranh từ ông tôi, người đã chiến đấu tại Piave năm 1914, và ông đã truyền lại cho tôi con thịnh nộ đối với chiến tranh này. Bởi vì ông đã kể cho tôi nghe về sự đau khổ của một cuộc chiến tranh. Và điều này không được học trong sách vở hay theo những cách khác... nó được học theo cách này, được truyền từ ông bà sang con cháu. Và điều này là không thể thay thế được. Ngày nay, thật không may, điều này không xảy ra, và chúng ta nghĩ rằng ông bà là đồ bỏ đi: Không! Đó là ký ức sống của một dân tộc, và những người trẻ tuổi và trẻ em phải nghe lời ông bà của họ.

Trong nền văn hóa của chúng ta, một nền văn hóa hết sức “đúng về mặt chính trị”, con đường này dường như bị cản trở nhiều cách: trong gia đình, ngoài xã hội, trong chính cộng đồng Kitô hữu. Một số người thậm chí còn đề nghị bãi bỏ việc giảng dạy lịch sử, coi như một thứ thông tri thừa thãi về các thế giới không còn liên quan nữa, điều này sẽ lấy đi nguồn tài nguyên cho kiến thức về hiện tại. Như thế chúng ta mới sinh ra ngày hôm qua, phải không?

Mặt khác, việc lưu truyền đức tin thường thiếu niềm đam mê của một “lịch sử sống động”. Lưu truyền đức tin không phải chỉ là nói những điều, “bla, bla, bla”. Không! Nó là việc nói tới kinh nghiệm đức tin. Và như vậy, làm sao nó có thể lôi kéo người ta đến chỗ lựa chọn tình yêu mãi mãi, trung thành với lời đã trao ban, kiên trì cống hiến, lòng cảm thương đối với những khuôn mặt bị thương và ngã lòng? Tất nhiên, những câu chuyện đời sống thường phải được biến đổi thành chứng từ, và chứng từ phải trung thành. Một ý thức hệ luôn bẻ cong lịch sử theo những kế hoạch của chính nó chắc chắn không trung thành; tuyên truyền sửa đổi lịch sử để quảng bá cho nhóm của mình là không trung thành; thật không trung thành khi biến lịch sử thành một tòa án, trong đó quá khứ bị lên án và bất cứ tương lai nào cũng bị đả kích. Không. Trung thành là kể lại lịch sử như nó vốn có; và chỉ những người đã sống nó mới có thể kể nó một cách trung thành được. Vì lý do này, lắng nghe người già, lắng nghe ông bà: để con cháu trò chuyện với các Người là điều rất quan trọng.

Chính các sách Tin Mừng đã trung thực kể lại câu chuyện hồng phúc của Chúa Giêsu mà không che giấu những sai lầm, hiểu lầm, và thậm chí cả các phản bội của các môn đệ. Đây là lịch sử, là sự thật, đây là nhân chứng. Đây là hồng phúc ký ức mà các “vị trưởng lão” của Giáo Hội truyền lại, ngay từ những ngày đầu, truyền lại “từ tay này sang tay khác” cho thế hệ

đến sau. Quả là điều tốt khi ta biết tự hỏi: Chúng ta đánh giá được bao nhiêu cách lưu truyền đức tin này, truyền cây gậy từ những người lớn tuổi trong cộng đồng qua những người trẻ biết mở lòng ra đó nhận tương lai? Và đến đây, tôi bỗng nghĩ đến điều tôi từng nói nhiều lần, nhưng tôi muốn nhắc lại: Niềm tin được lưu truyền như thế nào? “À, đây là một cuốn sách, hãy nghiên cứu nó”. Không. Đức tin không thể được lưu truyền như vậy. Đức tin được truyền lại bằng phương ngữ, nghĩa là, trong cách nói quen thuộc, giữa ông bà và các cháu, giữa cha mẹ và con cái của họ. Đức tin luôn được lưu truyền bằng phương ngữ, phương ngữ và kinh nghiệm của nhiều năm tháng quen thuộc đó. Đây là lý do tại sao cuộc đối thoại trong gia đình là điều rất quan trọng, cuộc đối thoại của con cái với ông bà của chúng, là những người có sự khôn ngoan của đức tin.

Đôi khi tôi ngẫm nghĩ về sự bất thường kỳ lạ này. Ngày nay, sách giáo lý khai tâm Kitô giáo đã dựa nhiều vào Lời Chúa và truyền đạt các thông tri chính xác về các tín điều, luân lý của đức tin, và các bí tích. Tuy nhiên, điều thường thiếu là sự hiểu biết về Giáo Hội, một hiểu biết phát xuất từ việc lắng nghe và làm chứng cho lịch sử đức tin và đời sống thực sự của cộng đồng Giáo Hội, từ những ngày khởi đầu cho đến ngày nay. Khi còn nhỏ, chúng ta học Lời Chúa trong các lớp giáo lý; nhưng Giáo hội - Giáo hội - Các người trẻ “biết” Giáo Hội trong các lớp học và trên các phương tiện thông tin hoàn cầu.

Sự tường thuật về lịch sử đức tin nên giống như Bài ca Môsê, giống như chứng từ của các sách Tin mừng và sách Tông đồ Công vụ. Nói cách khác, một câu chuyện có khả năng nhắc lại các phước lành của Thiên Chúa một cách xúc động và các thất bại của chúng ta một cách thành thực. Quả là một điều tốt nếu ngay từ ban đầu, việc dạy giáo lý đã bao gồm thói quen lắng nghe kinh nghiệm sống của người cao niên; thói quen thẳng thắn tuyên xưng các ân phúc nhận được từ Thiên Chúa, mà chúng ta phải trân trọng; và lắng nghe chứng từ về chính các thất bại của chúng ta về lòng trung thành, mà chúng ta phải sửa chữa và chỉnh sửa. Người già bước vào miền đất hứa, điều mà Thiên Chúa mong muốn cho mọi thế hệ, khi các Người hiến cho người trẻ sự khai tâm tốt đẹp về chứng tá của họ và truyền lại câu chuyện về đức tin, đức tin, bằng phương ngữ, phương ngữ quen thuộc đó, phương ngữ của người xưa gửi giới trẻ. Rồi, được Chúa Giêsu hướng dẫn, người già và người trẻ cùng nhau bước vào Vương quốc sự sống và tình yêu của Người. Nhưng tất cả cùng nhau. Mọi người trong gia đình, với kho tàng lớn lao này là đức tin được truyền lại bằng phương ngữ. Cảm ơn anh chị em.

Chương Năm: Trung thành chờ đợi sự viếng thăm của Thiên Chúa (ngày 30/03/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong lộ trình của các bài giáo lý về chủ đề tuổi già, hôm nay chúng ta sẽ nhìn vào bức tranh dụ dỗ được thánh sử thánh Luca vẽ ra, người mô tả hai nhân vật cao tuổi, Simeon và Anna. Lý do sống của các Người, trước khi rời khỏi thế giới này, là chờ đợi sự viếng thăm của Chúa. Các Người đã chờ đợi Thiên Chúa, tức Chúa Giêsu, đến thăm các Người. Nhờ một linh cảm của Chúa Thánh Thần, Simeon biết rằng ông sẽ không chết trước khi nhìn thấy Đấng Mêxia. Anna đến đền thờ mỗi ngày, hết lòng phục vụ Người. Cả hai người đều nhận ra sự hiện diện của Chúa nơi hài nhi Giêsu, Đấng lấp đầy sự chờ đợi bấy lâu với niềm an ủi và

trần an các Người khi các Người từ biệt cõi đời. Đây là cảnh gặp gỡ Chúa Giêsu và chia tay.

Chúng ta có thể học được gì từ hai nhân vật cao niên tràn đầy sức sống thiêng liêng này?

Đầu tiên, chúng ta biết rằng lòng trung thành chờ đợi sẽ làm *sắc nét các giác quan*. Ngoài ra, như chúng ta biết, Chúa Thánh Thần thực hiện chính điều này: *soi sáng các giác quan*. Trong bài thánh ca cổ xưa, *Veni Creator Spiritus*, mà với nó, chúng ta vẫn tiếp tục cầu khẩn Chúa Thánh Thần cho đến ngày nay, chúng ta nói: “*Accende lumen sensibus*”, “Xin Hướng dẫn tâm trí chúng con bằng ánh sáng đầy phúc của Chúa”, xin soi sáng các giác quan của chúng ta. Chúa Thánh Thần có khả năng làm điều này: làm sắc nét các cảm thức của linh hồn, bất chấp giới hạn và vết thương của các giác quan cơ thể. Tuổi già làm suy yếu, cách này hay cách khác, tính miễn cảm của cơ thể: người thì bị mù, người thì bị điếc. Tuy nhiên, một tuổi già dành để chờ đợi sự viếng thăm của Thiên Chúa sẽ không bỏ lỡ chuyến đến thăm của Người; trái lại, nó càng sẵn sàng để nắm bắt chuyến viếng thăm này, sẽ có sự nhạy cảm hơn để đón Chúa khi Người vắng lai. Hãy nhớ rằng điều điển hình của Kitô hữu là chú ý đến các chuyến viếng thăm của Chúa, bởi vì Chúa đi qua trong cuộc đời chúng ta, với những cảm hứng, với những lời mời gọi để làm chúng ta trở nên tốt hơn. Và Thánh Augustinô đã từng nói: “Tôi sợ rằng Chúa Giêsu sẽ đi ngang qua tôi mà tôi không biết”. Chính Chúa Thánh Thần chuẩn bị các giác quan để ta hiểu khi nào Chúa đến viếng thăm chúng ta, giống như Người đã làm với Simeon và Anna.

Ngày nay chúng ta cần điều này hơn bao giờ hết: chúng ta cần *một tuổi già được ban tặng các giác quan thiêng liêng sống động* có khả năng nhận ra các dấu chỉ của Thiên Chúa, hay đúng hơn là Dấu chỉ của Thiên Chúa, tức Chúa Giêsu. Một dấu chỉ luôn luôn thách thức chúng ta: Chúa Giêsu thách thức chúng ta vì Người là “một dấu chỉ bị nói ngược lại” (Lc 2: 34) - nhưng lại làm chúng ta tràn đầy niềm vui. Bởi vì khủng hoảng không nhất thiết mang lại nỗi buồn, không: khủng hoảng trong việc phụng sự Chúa thường mang lại cho anh chị em sự bình an và vui vẻ. *Trạng thái gây mê các giác quan thiêng liêng* - và điều này thật tệ - Trạng thái gây mê các giác quan thiêng liêng, trong việc phẫn khích và làm mất tác dụng các giác quan của cơ thể, là một hội chứng phổ biến trong một xã hội nuôi dưỡng ảo tưởng về tuổi trẻ vĩnh viễn, và đặc điểm nguy hiểm nhất của nó hệ ở sự kiện hầu như ta không nhận thức được nó. Chúng ta không nhận ra chúng ta đang bị gây mê. Và điều này xảy ra. Nó đang xảy ra. Nó đã luôn xảy ra và nó vẫn đang xảy ra trong thời đại của chúng ta. Các giác quan tê cứng, và chúng ta không hiểu điều gì đang xảy ra: khi chúng tê cứng, các giác quan bên trong, các giác quan của Chúa Thánh Thần vốn có khả năng giúp chúng ta nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa hay sự hiện diện của tên ác, không còn phân biệt được giữa hai điều này nữa.

Khi anh chị em mất xúc giác hoặc vị giác, anh chị em nhận ra ngay lập tức. Tuy nhiên, anh chị em có thể bỏ qua cảm thức của linh hồn, sự nhạy cảm của linh hồn, trong một thời gian dài, sống mà không nhận ra rằng anh chị đã mất đi sự nhạy cảm của linh hồn. Đây không phải chỉ là vấn đề nghĩ về Thiên Chúa hay tôn giáo. Sự vô cảm của các giác quan thiêng liêng liên quan đến lòng trắc ẩn và cảm thương, sự xấu hổ và ăn năn, lòng trung thành và sự tận tâm, sự dịu dàng và danh dự, trách nhiệm đối với bản thân và người khác. Điều lạ là: sự vô cảm ngăn anh chị hiểu lòng trắc ẩn, nó ngăn anh chị em hiểu lòng cảm thương, nó ngăn anh chị em cảm thấy xấu hổ hoặc ăn năn vì đã làm điều gì đó tồi tệ... Nó giống như thế. Các giác quan thiêng liêng tê liệt khiến anh chị em bối rối và anh chị em không còn cảm nhận được những điều đó nữa, về mặt thiêng liêng. Và có thể nói, tuổi già trở thành nạn nhân đầu tiên, nạn nhân đầu tiên của việc mất sự miễn cảm này. Trong một xã hội chủ yếu sử dụng khả năng miễn cảm để hưởng thụ, người ta chắc chắn sẽ thiếu sự quan tâm đối với những người yếu đuối, và sự cạnh tranh của những người thắng cuộc sẽ chiếm ưu thế. Và đó là cách sự miễn cảm đã mất đi.

Chắc chắn, kiểu nói hoa mỹ hòa nhập là công thức có tính nghi thức của mọi ngôn từ đúng đắn về mặt chính trị. Nhưng nó vẫn không mang lại sự điều chỉnh thực sự đối với các thực hành của sự chung sống bình thường: *một nền văn hóa xã hội dục dăng đang đấu tranh để phát triển*. Tinh thần huynh đệ nhân bản - mà tôi cảm thấy cần phải phát động lại một cách mạnh mẽ - giống như tấm áo bị vứt đi, để được ngưỡng mộ, nhưng... trong một viện bảo tàng. Người ta đánh mất sự mẫn cảm nhân bản, những thúc đẩy của Chúa Thánh Thần làm cho chúng ta trở thành nhân bản.

Đúng là, trong đời thực, chúng ta có thể quan sát thấy, một cách đầy biết ơn xúc động, nhiều người trẻ có khả năng tôn vinh tinh huynh đệ này một cách trọn vẹn nhất. Nhưng vấn đề chính xác hệ ở chỗ này: có một phân cách, một khoảng phân cách đáng xấu hổ, giữa chúng từ có tính huyết mạch về sự dục dăng xã hội này và chủ nghĩa tuân thủ vốn buộc tuổi trẻ phải tự hành xử một cách hoàn toàn khác. Chúng ta có thể làm gì để thu hẹp khoảng phân cách này?

Từ câu chuyện của Simeon và Anna, cũng như những câu chuyện khác trong Kinh thánh về những người già nhạy cảm với Chúa Thánh Thần, có một dấu hiệu giấu ẩn đáng được đưa lên hàng đầu. Nói cho đúng, sự nhạy cảm của Simeon và Anna hệ ở điều gì? Nó hệ ở việc nhận ra nơi một em bé, người mà các Người không sinh ra và người mà các Người nhìn thấy lần đầu tiên, dấu hiệu chắc chắn về sự viếng thăm của Thiên Chúa. Họ chấp nhận *không trở thành nhân vật chủ đạo, mà chỉ là nhân chứng*. Và khi người ta chấp nhận không trở thành nhân vật chủ đạo, mà chỉ tham gia như là nhân chứng, thì điều đó thật tốt: người đàn ông đó hoặc người đàn bà đó đang trưởng thành tốt. Nhưng những người luôn muốn trở thành nhân vật chủ đạo chứ không là gì khác, không bao giờ trưởng thành trên hành trình hướng tới sự viên mãn của tuổi già. Sự viếng thăm của Thiên Chúa không hiện thân trong cuộc đời họ, nó không đưa họ vào khung cảnh như những vị cứu tinh: Thiên Chúa không mang thịt xương trong thế hệ của họ, nhưng trong thế hệ sắp đến. Họ mất tinh thần, mất khát vọng sống một cách trưởng thành, và như người ta thường nói, họ sống một cách hời hợt. Đó là thế hệ vĩ đại của những kẻ hời hợt, những người không cho phép mình cảm nhận mọi sự bằng sự nhạy cảm của Chúa Thánh Thần. Nhưng tại sao họ lại không cho phép họ như thế? Một phần vì lười biếng, và một phần vì họ không có khả năng: họ đã đánh mất nó. Thật tệ khi một nền văn minh mất đi sự mẫn cảm Chúa Thánh Thần. Ngược lại, thật tuyệt vời khi chúng ta tìm thấy những người cao niên như Simeon và Anna, những người bảo tồn được sự nhạy cảm Chúa Thánh Thần này, và những người có khả năng hiểu các tình huống khác nhau, giống như hai người này hiểu được hoàn cảnh trước mặt các Người, đó là việc Đấng Mêxia tỏ mình ra. Không có sự oán giận và buộc tội nào đối với điều này, khi các Người ở trong trạng thái tĩnh lặng này, hoàn toàn tĩnh lặng này. Thay vào đó là sự xúc động và an ủi lớn lao khi các giác quan thiêng liêng vẫn còn sống động. Sự xúc động và an ủi khi có thể nhìn thấy và loan báo rằng lịch sử của thế hệ các Người không bị mất đi hoặc lãng phí, nhờ một biến cố nhập thể và tỏ hiện trong thế hệ đang tới. Và đây là điều mà những người cao niên cảm thấy khi các cháu đến nói chuyện với các Người: các Người cảm thấy như được hồi sinh. "A, cuộc sống của tôi vẫn còn đây". Việc đi gặp người cao niên là điều rất quan trọng; điều quan trọng là phải lắng nghe các Người. Nói chuyện với các Người là điều rất quan trọng, bởi vì có sự giao lưu văn minh, giao lưu sự chín chắn giữa người trẻ và người già. Và nhờ cách này, nền văn minh của chúng ta tiến bộ một cách trưởng thành.

Chỉ tuổi già thiêng liêng mới có thể đem lại chứng tá này, chứng tá khiêm tốn và chói sáng, làm cho nó trở nên có thẩm quyền và gương mẫu cho tất cả mọi người. Tuổi già nào biết hun đúc sự nhạy cảm của linh hồn, đều *dập tắt được mọi đổ kỵ giữa các thế hệ*, mọi oán hận, mọi quy tội để đón chào một cuộc xuất hiện của Thiên Chúa trong thế hệ mai sau, một thế hệ cùng đến với sự ra đi của thế hệ mình. Và đây là những gì đang xảy ra với một người già biết

cởi mở đối với một người trẻ biết cởi mở: người đó từ biệt cuộc sống trong khi có thể nói là “chuyển giao” sự sống cho thế hệ mới. Và đây là lời từ biệt của Simeon và Anna: "Hãy để tôi tỏ Chúa ra đi bình an". Sự miễn cảm thiêng liêng của tuổi già có khả năng phá vỡ sự cạnh tranh và xung đột giữa các thế hệ một cách đáng tin cậy và dứt khoát. Điều này chắc chắn là không thể đối với con người, nhưng có thể đối với Thiên Chúa. Và ngày nay chúng ta đang rất cần điều này, tức sự miễn cảm của tinh thần, sự trưởng thành của tinh thần; chúng ta cần những người lớn tuổi khôn ngoan, trưởng thành về tinh thần, những người mang lại hy vọng cho cuộc sống! Cảm ơn anh chị em.

Chương Sáu: Cuộc Tông du Malta (ngày 06/04/2022)

Theo tin Tòa Thánh, tại Hội trường Phaolô VI, Thứ tư, ngày 6 tháng 4 năm 2022, Đức Giáo Hoàng Phanxicô, thay vì dạy về tuổi già, đã nói về chuyến tông du Malta của ngài, đồng thời kêu gọi mọi người cầu nguyện cho việc chấm dứt chiến tranh tại Ukraine. Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ngài, dựa vào bản tiếng Anh của Tòa Thánh:



Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Thứ Bảy và Chúa Nhật tuần trước, tôi đã du hành tới Malta: một cuộc Tông du đã được lên kế hoạch từ khá lâu. Nó đã bị hoãn lại hai năm trước do Covid và những điều này. Ít người biết Malta, cho dù đây là một hòn đảo nằm giữa Địa Trung Hải. Nó đã đón nhận Tin Mừng từ rất sớm. Tại sao? Bởi vì Thánh Tông đồ Phaolô bị đắm tàu gần bờ biển và đã tự cứu mình một cách kỳ diệu cùng với tất cả những người trên tàu với Người - hơn hai trăm bảy mươi người. Sách Tông đồ Công vụ kể lại rằng người Malta đã chào đón tất cả các Người, và sử dụng cụm từ này: “với lòng tốt khác thường” (28: 2). Tôi đã chọn chính cụm từ này - *với lòng tốt khác thường* - làm khẩu hiệu cho cuộc Hành trình của tôi vì chúng chỉ ra con đường phải đi theo, không những để đối diện với hiện tượng di dân, mà nói chung, để thế giới có thể trở nên huynh đệ hơn, đáng sống hơn và có thể được cứu khỏi một "cuộc đắm tàu" đang đe dọa tất cả chúng ta. Vì tất cả chúng ta - như chúng ta đã học – đang trên cùng một con thuyền, tất cả chúng ta. Nhìn từ đường chân trời đó, Malta là một *địa điểm chủ yếu*.

Hơn hết, *về mặt địa lý*, do vị trí của nó ở trung tâm Biển giữa Châu Âu và Châu Phi, nó cũng tầm gọi cho cả Châu Á. Malta là một loại “bông hồng trước gió”, nơi các dân tộc và các nền văn hóa gặp gỡ nhau. Đó là một nơi hoàn hảo để quan sát khu vực Địa Trung Hải từ góc nhìn 360 độ. Ngày nay chúng ta thường nghe nói về "địa chính trị". Nhưng thật không may, luận lý học thông trị lại là chiến lược của các quốc gia hùng mạnh nhất để khẳng định lợi ích của chính họ, mở rộng khu vực ảnh hưởng kinh tế, hoặc ảnh hưởng ý thức hệ, và / hoặc ảnh hưởng quân sự. Chúng ta đang thấy điều này với chiến tranh. Trong sơ đồ này, Malta đại diện cho quyền lợi và sức mạnh của các quốc gia “nhỏ”, nhỏ nhưng giàu lịch sử và văn minh,

những điều sẽ dẫn đến một luận lý học khác - đó là tôn trọng và tự do – luận lý học của sự tôn trọng và cũng là luận lý học của sự tự do, của việc cùng tồn tại các khác biệt, chống lại việc thực dân hóa của những kẻ mạnh nhất. Chúng ta đang thấy điều này ngay lúc này. Và không những chỉ từ một phía: thậm chí từ những phía khác... Sau Thế chiến II, nỗ lực đã được thực hiện để đặt nền móng cho một kỷ nguyên hòa bình mới. Nhưng, thật không may - chúng ta không bao giờ học được gì, phải không? - câu chuyện cũ về sự cạnh tranh giữa các cường quốc lại tiếp tục. Và, trong cuộc chiến hiện nay ở Ukraine, chúng ta đang chứng kiến sự bất lực của các cơ quan Liên hiệp quốc.

Khía cạnh thứ hai: Malta là một địa điểm trọng yếu liên quan đến hiện tượng di dân. Tại trung tâm chào đón Gioan XXIII, tôi đã gặp rất nhiều người di cư đổ bộ lên đảo sau những chuyến đi khủng khiếp. Chúng ta không bao giờ được một mỗi khi lắng nghe những chứng từ của họ bởi vì chỉ có cách này, chúng ta mới có thể thoát khỏi một tầm nhìn méo mó thường được loan truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, và khuôn mặt, câu chuyện, vết thương, ước mơ và hy vọng của những di dân này mới có thể được phát hiện. Mỗi di dân đều độc đáo. Họ không phải là một con số mà là một con người. Mỗi người đều độc đáo y như mỗi người chúng ta. Mỗi di dân có phẩm giá, có cội nguồn, có văn hóa. Mỗi người trong số họ đều là người mang một sự phong phú vô cùng lớn lao hơn những rắc rối họ mang tới. Và chúng ta đừng quên rằng Châu Âu được tạo ra từ những cuộc di dân.

Chắc chắn, việc chào đón họ phải được tổ chức - điều này đúng - và được giám sát; và trước hết, nó phải được lên kế hoạch *với nhau*, ở bình diện quốc tế. Không thể giảm lược hiện tượng di dân thành một cuộc khủng hoảng; nó là một dấu chỉ thời đại của chúng ta. Nó nên được đọc và giải thích như vậy. Nó có thể trở thành một dấu chỉ xung đột, hay đúng hơn một dấu chỉ hòa bình. Nó phụ thuộc vào cách chúng ta tiếp nhận nó; nó phụ thuộc vào chúng ta. Những người đã trao phó sự sống cho Trung tâm Gioan XXIII ở Malta đã thực hiện một cuộc lựa chọn Kitô giáo. Đây là lý do tại sao nó được gọi là “Phòng thí nghiệm hòa bình”: phòng thí nghiệm của hòa bình. Nhưng tôi muốn nói rằng *toàn bộ Malta là một phòng thí nghiệm cho hòa bình!* Toàn bộ quốc gia xuyên qua các thái độ, các thái độ của chính nó, là một phòng thí nghiệm cho hòa bình. Và nó có thể thể hiện điều này, tức sứ mệnh của nó, nếu nó biết rút tía nhựa sống của tinh huỳnh đệ, lòng trắc ẩn và sự liên đới từ cội nguồn của nó. Dân tộc Malta đã tiếp nhận những giá trị này, cùng với Tin Mừng. Và, nhờ Tin Mừng, họ sẽ có thể giữ cho chúng sinh động.

Vì lý do này, với tư cách là Giám mục Rôma, tôi đã đi để cùng cổ dân tộc đó trong đức tin và hiệp thông. Thực vậy - khía cạnh thứ ba - Malta cũng là nơi chủ chốt do khía cạnh *truyền giảng tin mừng*. Từ Malta và từ Gozo, hai giáo phận của đất nước, nhiều linh mục và tu sĩ, nhưng cả giáo dân nữa, đã ra đi mang chứng tá Kitô giáo của họ tới khắp thế giới. Như thể Thánh Phaolô đi qua đó để lại sứ mệnh của mình trong DNA của người Malta! Vì lý do này, chuyến thăm của tôi trên hết là một hành động biết ơn - biết ơn đối với Thiên Chúa và những người thánh thiện, trung thành từ Malta và Gozo.

Tuy nhiên, làn gió của chủ nghĩa thế tục, của một nền văn hóa giả tạo hoàn cầu hóa dựa trên chủ nghĩa tiêu dùng, chủ nghĩa tân tư bản và chủ nghĩa tương đối, cũng thổi đến đó. Do đó, đã đến lúc phải có một cuộc Tin mừng hóa mới ở đó nữa. Giống các vị tiền nhiệm của tôi, chuyến thăm mà tôi thực hiện tại Hang đá Thánh Phaolô giống như rút ra từ suối nguồn để Tin Mừng có thể tràn qua Malta với sự tươi mát từ nguồn gốc của nó và làm sống lại di sản vĩ đại của lòng đạo bình dân. Điều này được tượng trưng ở Đền thờ Đức Mẹ Quốc gia Ta 'Pinu trên đảo Gozo, nơi chúng tôi đã cử hành một khoảnh khắc cầu nguyện mãnh liệt. Ở đó, tôi nghe thấy trái tim của người Malta đập. Họ có một sự tin tưởng bao la vào Mẹ Thánh của họ.

Mẹ Maria luôn đưa chúng ta trở lại những điều cốt yếu, với Chúa Kitô chịu đóng đinh và sống lại. Và điều này cho chúng ta, trở lại với tình yêu thương xót của Người. Mẹ Maria giúp chúng ta làm sống lại ngọn lửa đức tin bằng cách lấy ngọn lửa của Chúa Thánh Thần để lôi cuốn thế hệ này sang thế hệ khác đến với việc vui mừng loan báo Tin Mừng, vì niềm vui của Giáo Hội là được loan báo Tin Mừng! Chúng ta đừng quên điều này, đừng quên câu nói này của Thánh Phaolô VI: ơn gọi của Giáo Hội là truyền giảng tin mừng. Niềm vui của Giáo hội là truyền giảng tin mừng. Chúng ta đừng quên điều này nữa: đó là định nghĩa đẹp nhất về Giáo Hội.

Tôi lấy cơ hội này để nói lại lòng biết ơn của tôi đối với Tổng thống Cộng hòa Malta, rất lịch thiệp và đầy tình anh em: cảm ơn ông và gia đình ông; với Thủ tướng Chính phủ và các Cơ quan dân sự khác, những người đã tiếp đón tôi với sự ân cần xiết bao; cũng như các Giám mục và tất cả các thành viên của cộng đồng giáo hội, các tình nguyện viên và tất cả những người đã đồng hành với tôi trong lời cầu nguyện. Tôi không muốn bỏ qua việc đề cập đến Trung tâm Gioan XXIII chào đón những người di cư: và vị tu sĩ dòng Phanxicô ở đó [Cha Dionisio Mintoff], người đã duy trì để nó sống động ở tuổi 91, và tiếp tục làm việc như vậy với các cộng tác viên của giáo phận. Đó là một mẫu gương về lòng nhiệt thành tông đồ và tình yêu đối với người di cư, điều rất cần ngày nay. Qua chuyến thăm này, chúng ta gieo hạt, nhưng chính Chúa làm nó lớn lên. Cầu mong lòng nhân từ vô hạn của Người ban cho hoa trái dồi dào là hòa bình và mọi điều tốt lành cho những người Malta thân yêu! Cảm ơn dân tộc Malta về cuộc chào đón đầy tình người, đầy tình Kitô giáo như vậy. Cảm ơn anh chị em rất nhiều.

Lời Kêu gọi

Tin tức gần đây về cuộc chiến ở Ukraine, thay vì mang lại sự nhẹ lòng và hy vọng, lại là các hành động tàn bạo mới, như vụ thảm sát ở Bucha: sự tàn ác càng khủng khiếp hơn bao giờ hết được thực hiện ngay cả đối với thường dân, phụ nữ và trẻ em không có khả năng tự vệ. Họ là những nạn nhân mà dòng máu vô tội của họ đang kêu thấu trời và nài xin: hãy chấm dứt cuộc chiến này! Hãy làm im bật tiếng vũ khí! Hãy ngừng gieo rắc cái chết và sự hủy diệt! Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện cho điều này...

Và hôm qua, chính từ Bucha, họ đã mang cho tôi lá cờ này. Lá cờ này xuất phát từ chiến tranh, chính từ thành phố bị chiến tranh tàn phá, Bucha. Cũng có một số trẻ em Ukraine đang ở đây với chúng ta. Chúng ta hãy chào đón các em và cầu nguyện cùng với các em.

Những trẻ em này đã phải trốn thoát và đến một vùng đất xa lạ: đây là một trong những hậu quả của chiến tranh. Chúng ta đừng quên các em, và chúng ta đừng quên những người dân Ukraine. Thật khó khăn khi bị nhổ khỏi mảnh đất của chính anh chị em vì chiến tranh.

Chương Bấy: Bình an của Lễ Phục Sinh

(ngày 14/04/2022)

Theo tin Tòa Thánh, buổi yết kiến chung sáng nay đã diễn ra tại Hội trường Phaolô VI, nơi Đức Thánh Cha Phanxicô đã gặp gỡ các nhóm khách hành hương và tín hữu từ Ý cũng như khắp nơi trên thế giới. Trong diễn từ bằng tiếng Ý, vào trước Tam nhật Phục sinh, Đức Giáo Hoàng đã tập trung vào chủ đề: “Bình an của Lễ Phục sinh” (Bài đọc Kinh thánh: Ga 14:27). Sau khi tóm tắt bài giáo lý của mình bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, Đức Thánh Cha ngỏ lời

chào đặc biệt đến các nhóm tín hữu tham dự.

Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của Đức Giáo Hoàng, dựa vào bản tiếng Anh của Tòa Thánh

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đang ở giữa Tuần Thánh, kéo dài từ Chúa Nhật Lễ Lá đến Chúa Nhật Phục Sinh. Cả hai Chúa nhật này đều được đặc trưng bởi ngày lễ diễn ra xung quanh Chúa Giêsu. Nhưng chúng là hai lễ khác nhau.

Chúa nhật tuần trước, chúng ta thấy Chúa Kitô long trọng tiến vào Giêrusalem, như để dự một ngày lễ, được chào đón như Đấng Mêsia: áo choàng (x. *Lc 19,36*) và cành lá chặt từ cây cối (x. *Mt 21: 8*) được trải trước mặt Người trên mặt đất. Đám đông vui mừng lớn tiếng chúc tụng "Đức Vua đang ngự đến", và tung hô "Hòa bình trên trời và vinh quang ở nơi cao nhất!" (*Lc 19: 38*). Những người ở đó mừng vui vì họ coi việc Chúa Giêsu vào thành như việc xuất hiện của một vị vua mới, người sẽ mang lại hòa bình và vinh quang. Đó là nền hòa bình mà mọi người đang chờ đợi: một nền hòa bình huy hoàng, thành quả của sự can thiệp của vương đế, của một đấng cứu thế đầy quyền năng, người sẽ giải phóng Giêrusalem khỏi sự chiếm đóng của La Mã. Những người khác có lẽ mơ ước về việc tái lập một nền hòa bình xã hội và coi Chúa Giêsu như vị vua lý tưởng, người sẽ cho đám đông ăn bánh mì như Người đã làm, và sẽ làm những phép lạ vĩ đại, nhờ đó mang lại nhiều công lý hơn cho thế giới.

Nhưng Chúa Giêsu không bao giờ nói về điều đó. Người có một Lễ Vượt Qua khác ở phía trước Người, không phải là một Lễ Vượt Qua khả hoàn. Điều duy nhất mà Người quan tâm khi chuẩn bị vào thành Giêrusalem là cưới "một con ngựa con bị trói, trên đó chưa có ai cưỡi" (câu 30). Đây là cách Chúa Kitô mang lại hòa bình cho thế giới: qua sự hiền lành và dịu dàng, được tượng trưng bằng con ngựa con bị cột dây mà chưa ai từng cưỡi trên đó. Không ai cả, vì cách làm việc của Thiên Chúa khác với cách làm việc của thế gian. Thật vậy, ngay trước Lễ Vượt Qua, Chúa Giêsu đã giải thích cho các môn đệ rằng: "Thầy để lại bình an cho các con; bình an của Thầy, Thầy ban cho các con; Thầy ban cho các con không như thế gian ban" (*Ga 14:27*). Đó là hai phương thức khác nhau: cách thế giới mang lại hòa bình cho chúng ta và cách Thiên Chúa ban cho chúng ta hòa bình. Chúng khác nhau.

Hòa bình mà Chúa Giêsu ban cho chúng ta vào ngày Lễ Phục sinh không phải là nền hòa bình theo các chiến lược của thế gian, một chiến lược vốn tin rằng nó có thể có được bằng vũ lực, bằng cách chinh phục và bằng nhiều hình thức áp đặt. Trên thực tế, hòa bình này chỉ là khoảng thời gian giữa các cuộc chiến tranh: tất cả chúng ta đều nhận thức rõ điều này. Sự bình an của Chúa theo đường lối hiền lành và thập giá: đó là gánh vác trách nhiệm cho người khác. Thật vậy, Chúa Kitô đã tự nhận lấy sự xấu xa, tội lỗi và sự chết của chúng ta. Người đã tự mình gánh lấy tất cả những điều này. Bằng cách này, Người đã giải phóng chúng ta. Người đã trả giá cho chúng ta. Sự bình an của Người không phải là kết quả của một sự thỏa hiệp nào đó, mà đúng hơn được phát sinh từ sự tự hiến. Tuy nhiên, hòa bình hiền lành và can đảm này, thật khó chấp nhận. Thực tế, đám đông tôn vinh Chúa Giêsu cũng chính là đám đông, một vài ngày sau đó, sẽ hét lên, "Hãy đóng đinh nó!" và, vì sợ hãi và thất vọng, sẽ không nhắc một ngón tay nào bênh vực Người.

Về mặt này, câu chuyện tuyệt vời của Dostoevsky, gọi là *Truyện thuyết Quan Tòa Ly Giáo Vĩ Đại*, luôn có liên quan. Nó kể về Chúa Giêsu, Đấng, sau vài thế kỷ, trở lại Trái đất. Ngay lập tức, Người được chào đón bởi đám đông vui mừng, họ nhận ra và tung hô Người. "A, Người

đã trở về! Hãy đến, đi với chúng con!”. Nhưng rồi Người bị Quan Tòa Ly Giáo, người đại diện cho luận lý học thế gian bắt giữ. Ông ta tra hỏi Người và chỉ trích Người dữ dội. Lý do cuối cùng của sự khiển trách là Chúa Kitô, mặc dù có thể, nhưng không bao giờ muốn trở thành Caesar, vị vua vĩ đại nhất của thế giới này, thích để nhân loại tự do hơn là khuất phục họ và giải quyết các vấn đề của họ bằng vũ lực. Người có thể đã thiết lập hòa bình trên thế giới, bằng cách bẻ cong trái tim tự do nhưng bấp bênh của con người bằng sức mạnh của một quyền lực cao hơn, nhưng Người đã chọn không làm như thế: Người tôn trọng tự do của chúng ta. “Nếu ông chịu chiêm lấy thế giới và áo màu tím của Caesar, thì ông đã thành lập một nhà nước hoàn cầu và mang lại hòa bình hoàn cầu rồi” (*The Brothers Karamazov*, Milan 2012, 345); và với một câu đả kích, ông kết luận, "Vì thế, nếu có bất cứ ai đáng bị chúng tôi thiêu sống, chính là ông" (348). Đây là sự lừa dối lặp đi lặp lại trong suốt lịch sử, sự căm dỗ của một nền hòa bình giả tạo, dựa trên quyền lực, do đó, dẫn đến hận thù và phản bội Thiên Chúa, và nhiều cay đắng trong tâm hồn.

Cuối cùng, theo câu chuyện, Người bị Quan tòa Dị giáo “rất mong [Chúa Giêsu] nói điều gì đó, bất chấp cay đắng và khủng khiếp đến đâu”. Nhưng Chúa Giêsu đã phản ứng bằng một cử chỉ nhẹ nhàng và cụ thể: “Người bất ngờ tiến lại gần người đàn ông già trong im lặng và khẽ hôn lên đôi môi già nua không chút máu của ông ta” (352). Sự bình an của Chúa Giêsu không chế ngự người khác; nó không phải là một nền hòa bình có vũ trang, không bao giờ! Các vũ khí của Tin Mừng là lời cầu nguyện, sự dịu dàng, sự tha thứ và tình yêu tự do đối với người lân cận của mình, tình yêu thương dành cho mọi người lân cận. Đó là cách nền hòa bình của Thiên Chúa đã được mang vào thế giới. Đó là lý do tại sao cuộc xâm lược vũ trang ngày nay, giống như mọi cuộc chiến tranh, nói lên sự phẫn nộ chống lại Thiên Chúa, sự phản bội phạm thượng đối với Chúa của Lễ Vượt Qua, sự ưa thích khuôn mặt của thần giả trá của thế giới này hơn vị Thiên Chúa hiền lành của họ. Chiến tranh luôn là một hành vi của con người, nhằm tạo ra sự sùng bái ngẫu thần quyền lực.

Trước Lễ Vượt Qua cuối cùng của Người, Chúa Giêsu nói với các môn đệ: “Lòng các con đừng xao xuyến, đừng sợ hãi” (Ga 14:27). Vâng, bởi vì trong khi quyền lực thế gian chỉ để lại sự hủy diệt và chết chóc - chúng ta đã thấy điều này trong những ngày gần đây - sự hòa bình của Người tạo dựng nên lịch sử, bắt đầu từ trái tim của mỗi người chào đón chúng ta. Do đó, lễ Phục sinh là lễ đích thực của Thiên Chúa và nhân loại, bởi vì sự bình an mà Chúa Kitô đã đạt được trên thập giá khi hiến mình được phân phát cho chúng ta. Vì vậy, Chúa Kitô Phục Sinh, trong Ngày Lễ Phục Sinh, hiện ra với các môn đệ, và Người chào đón họ như thế nào? "Bình yên cho các con!" (Ga 20: 19-21). Đây là lời chào của Chúa Kitô chiến thắng, Chúa Kitô Phục sinh.

Anh chị em thân mến, Lễ Phục sinh có nghĩa là “vượt qua”. Năm nay, trước hết, là một dịp may mắn để chuyển từ một thiên chúa của thế gian sang Thiên Chúa của Kitô hữu, từ lòng tham mà chúng ta mang trong mình sang lòng bác ái giải thoát chúng ta, từ kỳ vọng về một nền hòa bình do vũ lực sang cam kết làm chứng thực sự cho nền hòa bình của Chúa Giêsu. Anh chị em thân mến, chúng ta hãy đặt mình trước Đấng bị đóng đinh, là nguồn bình an của chúng ta, và cầu xin Người ban cho sự bình an linh hồn và cho sự bình an trên thế giới.

Chương Tám: Tôn kính tuổi già (ngày 20/04/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, với sự trợ giúp của Lời Chúa mà chúng ta vừa nghe, chúng ta bước qua sự mong

manh của tuổi già, được đánh dấu một cách đặc biệt bởi những kinh nghiệm bối rối và nản lòng, mất mát và bị bỏ rơi, vỡ mộng và nghi ngờ. Tất nhiên, những trải nghiệm về sự mong manh của chúng ta khi đối diện với những tình huống bi hài - đôi khi bi đát - có thể xảy ra ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc đời. Tuy nhiên, ở tuổi già, chúng có thể ít tạo ấn tượng hơn và gây cho người khác một thứ làm ngưng (habituation), thậm chí khó chịu. Đã bao lần chúng ta nghe hoặc nghĩ: 'Người già là một mối phiền toái' '-' Nhưng, những người già này luôn là một mối phiền toái ': đừng phủ nhận điều đó, đời là như vậy... Chúng ta đã nói về nó rồi, chúng ta đã nghĩ về nó rồi... Những vết thương trầm trọng hơn của thời thơ ấu và tuổi trẻ đúng là kích thích cảm giác bất công và nổi loạn, một sức mạnh phản ứng và chiến đấu. Mặt khác, những vết thương, ngay cả những vết thương trầm trọng, của tuổi già chắc chắn đi kèm với cảm giác này là, dù sao, cuộc sống không mâu thuẫn với chính nó, vì nó đã được sống qua. Và do đó, những người cao niên phần nào bị loại bỏ khỏi kinh nghiệm của chúng ta: chúng ta muốn giữ họ ở một khoảng cách.

Theo kinh nghiệm thông thường của con người, tình yêu - như đã nói - đi xuống: nó không quay trở lại cuộc sống đang sau với cùng một sức mạnh như nó đã dành cho cuộc sống ở đang trước chúng ta. Tính nhưng không của tình yêu còn xuất hiện ở điều này: cha mẹ bao đời nay đều biết điều này, người già sớm biết điều đó. Tuy nhiên, mặc khải mở ra một cách để đền đáp tình yêu một cách khác: cách tôn kính những người đã đi trước chúng ta, cách *tôn kính* những người đi trước chúng ta, cách tôn kính những người lớn tuổi.

Tình yêu đặc biệt, tình yêu dọn đường dưới hình thức tôn kính - nghĩa là cùng một lúc dịu dàng và tôn trọng - dành cho người già được đóng dấu bởi lệnh truyền của Thiên Chúa. "Hãy hiếu kính cha mẹ người" là lời cam kết long trọng, lời cam kết đầu tiên trong "Phiến đá thứ hai" của Mười Điều Răn. Nó không chỉ nói tới cha và mẹ của riêng người ta. Nó nói tới thế hệ của họ và những thế hệ đi trước, mà việc ra đi cũng có thể chậm chạp và kéo dài, tạo ra một khoảng thời gian và không gian chung sống lâu dài với các lớp tuổi khác nhau của cuộc sống. Nói cách khác, nó nói tới tuổi già của cuộc sống, tuổi già...

Tôn kính là một hạn từ tốt để đóng khung khía cạnh này của việc đáp trả tình yêu đối với tuổi già. Nghĩa là chúng ta đã nhận được tình yêu thương của cha mẹ, của ông bà, và nay chúng ta trả lại tình yêu thương này cho họ, cho người già, cho ông bà của chúng ta. Ngày nay, chúng ta tái khám phá thuật ngữ 'nhân phẩm', để chỉ giá trị của việc tôn trọng và chăm sóc tuổi [đời] của mọi người. Nhân phẩm, ở đây, xét trong yếu tính, tương đương với danh dự: tôn trọng cha mẹ, tôn vinh người cao niên, và công nhận phẩm giá mà các Người vốn có.

Chúng ta hãy suy nghĩ cẩn thận về biểu thức cao đẹp của tình yêu vốn là việc tôn kính này. Ngay việc chăm sóc người bệnh, việc hỗ trợ những người không tự lo liệu được, việc bảo đảm nuôi dưỡng, cũng có thể thiếu sự tôn kính. Sự tôn kính thiếu khi sự thái quá tự tin, thay vì được phát biểu bằng sự tế nhị và triu mến, sự dịu dàng và tôn trọng, lại biến thành sự thô bạo và lạm dụng. Điều này xảy ra khi sự yếu đuối bị khiến trách, thậm chí bị trừng phạt, như thể đó là một lỗi lầm, và khi sự hoang mang và bối rối trở thành cơ hội cho sự chế nhạo và gây hấn. Nó có thể xảy ra ngay trong nhà, trong viện dưỡng lão, cũng như trong các cơ quan hoặc những nơi công cộng của thành phố. Việc khuyến khích nơi người trẻ, dù là gián tiếp, một thái độ trịch thượng - và thậm chí khinh thường - đối với người già, vì những yếu đuối và sự bấp bênh của các Người, tạo ra những điều khủng khiếp. Nó mở đường dẫn đến những quá lạm ngoài sức tưởng tượng. Những người trẻ tuổi đốt cháy chiếc chăn của "kẻ ăn bám" - chúng ta đã thấy điều này, phải không? - bởi vì họ coi vị này là đồ bỏ đi của con người, và chúng ta thường nghĩ rằng đồ cũ là đồ bỏ đi, hoặc chúng ta bỏ chúng vào thùng rác; những người trẻ đã đốt chiếc chăn của kẻ ăn bám này là phần nổi của tảng băng chìm, tức là tảng

bằng của sự khinh miệt đối với một cuộc sống, không còn hấp dẫn và kích thích tuổi trẻ nữa, xem ra như một cuộc sống đã bị gạt sang một bên rồi. "Bỏ đi" là một hạn từ, phải không? Khinh người già và loại bỏ các Người khỏi cuộc sống, gạt các Người sang một bên, vứt bỏ các Người.

Sự khinh miệt trên, sự khinh miệt bất tôn kính người già, thực sự làm xấu mặt tất cả chúng ta. Nếu tôi làm ô danh người già, tôi làm ô nhục chính mình. Đoạn văn trong Sách Huấn ca, mà chúng ta đã nghe ở phần đầu, đúng là nghiêm khắc đối với sự thiếu tôn kính này, một sự thiếu tôn kính đòi báo thù trước mặt Thiên Chúa. Có một đoạn trong câu chuyện về ông Nôê rất biểu cảm về vấn đề này - Tôi không biết anh chị em có nhớ nó không. Ông già Nôê, người hùng của trận hồng thủy và vẫn còn là một công nhân chăm chỉ, nằm bất tỉnh sau khi uống quá nhiều rượu. Ông cụ đã già rồi, nhưng ông cụ uống quá nhiều. Vì không muốn làm ông thức giấc và làm ông xấu hổ, các con trai của ông nhẹ nhàng che ông lại, nhìn đi chỗ khác, hết sức tôn trọng. Bản văn này rất đẹp và nói lên tất cả mọi sự về việc tôn kính phải có đối với một người lớn tuổi. Để che đậy yếu điểm của người già, để các Người không cảm thấy xấu hổ. Một bản văn giúp chúng ta rất nhiều.

Bất chấp tất cả những cung ứng vật chất mà các xã hội giàu có và có tổ chức hơn dành cho tuổi già - điều mà chắc chắn chúng ta có thể tự hào - cuộc đấu tranh để khôi phục hình thức tình yêu đặc biệt là kính trọng vẫn có vẻ mong manh và non nớt. Chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để hỗ trợ và khuyến khích nó, cung cấp hỗ trợ xã hội và văn hóa tốt hơn cho những người nhạy cảm với hình thức có tính quyết định này của 'nền văn minh tình yêu'.

Và về điểm này, cho phép tôi đưa ra một số lời khuyên cho các bậc cha mẹ: làm ơn, hãy đưa con cái, trẻ nhỏ đến gần người già, hãy luôn đưa chúng đến gần hơn. Và khi người già đau ốm, hơi lãng trí, hãy luôn đến gần các Người: hãy cho các Người biết rằng đây là ruột thịt của chúng ta, đây là điều đã làm cho chúng ta có thể hiện hữu ở đây. Xin đừng đẩy người già ra xa. Và nếu không còn lựa chọn nào khác ngoài việc gửi các Người vào viện dưỡng lão, xin hãy đến thăm các Người và đưa lũ trẻ đến gặp các Người: các Người là niềm vinh dự của nền văn minh chúng ta, những người già đã mở cửa. Và nhiều lần, bọn trẻ quên điều này.

Tôi sẽ nói với anh chị một điều có tính bản thân: Tôi hay thích đến thăm các viện dưỡng lão ở Buenos Aires. Tôi đã đi thường xuyên. Tôi đi thường xuyên, thăm hỏi từng người một... Và tôi nhớ có lần tôi hỏi một bà: "Bà có mấy con?" - "Tôi có bốn đứa con, tất cả đều đã lập gia đình, có cháu...", và bà ấy bắt đầu nói với tôi về gia đình. "Và chúng có đến [thăm] không?" - "có", [bà ấy nói,] "chúng luôn đến!" Khi tôi rời khỏi phòng, cô y tá, người đã nghe thấy, nói với tôi: "Thưa cha, bà ấy nói dối để che đậy cho những đứa con của mình. Sáu tháng không có ai đến!" Đây là phé bở người già, là nghĩ rằng người già là đồ bỏ. Xin làm ơn: đó là một tội trọng. Đây là điều răn lớn đầu tiên, và là điều răn duy nhất nói đến phần thưởng: "Hãy hiếu kính cha mẹ, thì các ngươi được sống lâu trên mặt đất." Xin vui lòng trân trọng những người cao niên. Và [thậm chí] nếu tâm trí của các Người có suy giảm, xin vẫn trân trọng người cao niên. Vì các Người là sự hiện diện của lịch sử, sự hiện diện của gia đình tôi, và nhờ họ mà tôi có mặt ở đây, tất cả chúng ta có thể nói: thừa ông thừa bà, nhờ có ông, có bà mà con còn sống. Xin đừng để các Người một mình. Và điều này, chăm sóc người già, không phải là vấn đề của phẫu thuật thẩm mỹ, không. Đúng hơn, đó là một vấn đề tôn kính, vấn đề phải biến đổi cách chúng ta giáo dục giới trẻ về cuộc sống và các giai đoạn của nó. Tình yêu đối với hữu thể nhân bản vốn là của chung chúng ta, bao gồm việc tôn kính một cuộc đời đã sống, không phải là vấn đề đối với người già. Đúng hơn đó là một tham vọng sẽ mang lại vẻ đẹp rạng rỡ cho tuổi trẻ biết kế thừa các phẩm chất tốt nhất của nó. Cầu xin sự khôn ngoan

của Thánh Thần Thiên Chúa ban ơn để chúng ta mở chân trời cho cuộc cách mạng văn hóa đích thực này với năng lượng cần thiết. Cảm ơn anh chị em.

Chương Chín: Tuổi già liên minh các thế hệ (ngày 27/04/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng và chào mừng anh chị em!

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục suy gẫm về các vị cao niên, về ông bà, về tuổi già – hạn từ có vẻ xấu xí nhưng không, người cao niên rất tuyệt, các Người rất đẹp đẽ! Và hôm nay chúng ta sẽ để mình được gọi hứng từ cuốn sách tuyệt vời là sách Rút, một viên ngọc quý của Kinh thánh. Dụ ngôn Rút làm sáng tỏ vẻ đẹp của các mối dây nối kết gia đình: phát sinh từ mối quan hệ của một cặp vợ chồng, nhưng vượt ra khỏi mối quan hệ này. Các mối dây nối kết yêu thương có khả năng bền chặt như nhau, trong đó sự hoàn hảo của khối đa diện các tình âu yếm nền tảng vốn tạo nên ngữ pháp tình yêu gia đình được tỏa sáng. Ngữ pháp này mang lại nhựa sống và khôn ngoan có tính sinh sản cho toàn bộ các mối quan hệ vốn xây dựng nên cộng đồng. Cùng với Diễm Ca, Sách Rút giống như tấm kia trong tập sách gấp đôi nói về tình yêu phu thê. Cũng quan trọng, cũng thiết yếu như thế, nó thực sự tôn vinh sức mạnh và chất thơ hẳn có trong các mối dây nối kết thế hệ, họ hàng, sự hiến thân và lòng trung thành liên quan đến toàn bộ chòm nhóm gia đình. Và điều đó, trong những tình huống gây ấn tượng sâu sắc của cuộc sống vợ chồng, thậm chí còn trở nên có khả năng mang lại một sức mạnh không thể tưởng tượng được của tình yêu, có thể khơi lại hy vọng và tương lai.

Chúng ta biết rằng những lời sáo rỗng về các mối dây nối kết họ hàng do hôn nhân tạo ra, đặc biệt là mối dây nối kết mẹ chồng nàng dâu, mối quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu, phần bác quan điểm này. Nhưng, chính vì lý do này, lời Thiên Chúa trở nên quý giá. Niềm cảm hứng của đức tin có thể mở ra một chân trời chứng tá chống lại những định kiến thường có nhất, một chân trời quý giá cho toàn thể cộng đồng nhân loại. Tôi mời anh chị em khám phá lại sách Rút! Đặc biệt là trong việc suy niệm về tình yêu và trong việc dạy giáo lý về gia đình.

Cuốn sách ngắn này cũng chứa đựng những lời dạy có giá trị về sự liên minh của các thế hệ: trong đó tuổi trẻ bộc lộ mình có khả năng khôi phục nhiệt huyết cho tuổi trưởng thành - điều này rất chủ yếu: khi tuổi trẻ phục hồi nhiệt huyết cho người cao niên - và trong đó tuổi già khám phá ra mình có khả năng khơi lại tương lai cho tuổi trẻ bị thương tích. Ở phần đầu, bà Naomi lớn tuổi, mặc dù cảm động trước tình âu yếm của các con dâu, góa bụa bởi hai con trai, nhưng lại bị quan về số phận của họ trong một sắc dân không phải sắc dân của mình. Do đó, bà triu mến khuyến khích các phụ nữ trẻ trở về gia đình của họ để làm lại cuộc đời, vì những góa phụ này còn trẻ. Bà nói, "Mẹ không thể làm gì cho các con". Đây rõ ràng là một hành động của tình yêu: người phụ nữ lớn tuổi, không chồng và không có con trai, nhất quyết yêu cầu các con dâu bỏ rơi bà. Tuy nhiên, đó cũng là một kiêu cam chịu: không thể có tương lai cho những góa phụ ngoại quốc, nếu không có sự che chở của người chồng. Rút biết điều này nhưng đã từ chối lời đề nghị đầy đại lượng này - cô không muốn về nhà. Mối quan hệ thiết lập giữa mẹ chồng và con dâu đã được Thiên Chúa chúc phúc: Naomi không thể yêu cầu bị bỏ rơi. Thoạt đầu, Naomi tỏ ra cam chịu hơn là vui vẻ về lời đề nghị này: có lẽ bà nghĩ rằng mối nối kết kỳ lạ này sẽ làm trầm trọng thêm rủi ro cho cả hai người. Trong một số trường hợp, cần phải chống lại xu hướng bị quan của người cao niên bằng áp lực tình cảm của người trẻ.

Thật vậy, Naomi, cảm động trước sự hiến thân của Rút, sẽ vượt qua tính bi quan và thậm chí

chủ động, mở ra một tương lai mới cho Rút. Bà hướng dẫn và khuyến khích Rút, góa phụ của con trai bà, giành lấy một người chồng mới ở Israel. Bôát, ứng viên, chứng tỏ sự cao thượng của mình, bằng cách bảo vệ Rút chống những người làm việc của ông. Thật không may, đây là một rủi ro vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Cuộc hôn nhân mới của Rút được cử hành và thế giới lại được bình yên trở lại. Những người phụ nữ Israel nói với Naomi rằng Rút, một người ngoại quốc, có giá trị “hơn bảy người con trai” và cuộc hôn nhân sẽ là một “chúc phúc của Chúa”. Naomi, người đầy cay đắng và thậm chí chính bà nói rằng tên của bà là cay đắng, ở tuổi già, đã biết đến niềm vui được dự phần vào việc sinh ra thế hệ mới. Anh chị em hãy nhìn xem có biết bao nhiêu “phép lạ” đi kèm với sự hoán cải của người phụ nữ lớn tuổi này! Bà hoán cải bước vào cam kết làm mình sẵn sàng, với tình yêu thương, phục vụ tương lai của một thế hệ bị tổn thương bởi mất mát và có nguy cơ bị bỏ rơi. Các điểm cần tái tạo là những điểm mà, trên cơ sở xác suất do các định kiến thông thường vẽ ra, hẳn tạo nên những gãy đổ không thể cứu chữa. Thay vào đó, đức tin và tình yêu thương giúp họ vượt qua: bà mẹ chồng vượt qua sự ghen tương cho con trai riêng của mình, bằng cách yêu thương mối dây nối kết mới của Rút; các phụ nữ Israel vượt qua sự ngờ vực của họ đối với người nước ngoài (và nếu các phụ nữ này làm được điều đó, thì mọi người cũng làm được); tính dễ bị tổn thương của cô gái đơn độc, đối đầu với quyền lực nam giới, được hòa giải bằng một mối dây nối kết yêu thương và tôn trọng.

Và tất cả những điều này là nhờ người trẻ Rút cương quyết giữ vững lòng trung thành của mình đối với mối dây nối kết lúc đó đang bị phơi bày cho định kiến sắc tộc và tôn giáo. Và tôi xin quay lại những gì tôi đã nói lúc đầu -ngày nay mẹ chồng là một nhân vật thân thiện: Tôi không muốn nói chúng ta nghĩ về bà mẹ chồng như quý dữ nhưng bà luôn bị coi là một nhân vật khó ưa. Nhưng mẹ chồng là mẹ của chồng chị em, bà là mẹ của vợ anh em. Hôm nay chúng ta hãy nghĩ về tâm tư khá phổ biến này rằng mẹ chồng mẹ vợ càng xa càng tốt. Không! Bà là một bà mẹ, bà đã lớn tuổi. Một trong những điều đẹp nhất của những người bà là nhìn thấy những đứa cháu - khi con cái của họ có những đứa con của mình, họ sống lại. Anh chị em hãy xem xét kỹ mối quan hệ của anh chị em với mẹ chồng hoặc mẹ vợ: đôi khi họ hơi đặc biệt, nhưng họ đã là mẹ của vợ chồng anh chị em, họ đã cho anh chị em tất cả. Ít ra chúng ta cũng nên làm cho họ hạnh phúc, để họ vui vẻ bước vào tuổi già. Và nếu họ có một số lỗi lầm, chúng ta nên giúp họ sửa chữa nó. Và với các bà, thừa các bà mẹ chồng mẹ vợ, tôi xin thừa: các bà hãy cẩn thận với miệng lưỡi của mình, vì lạm dụng nó là một trong những tội lỗi nặng nhất của các bà mẹ chồng mẹ vợ. Các bà hãy cẩn thận.

Và Rút, trong cuốn sách này, chấp nhận mẹ chồng của mình và làm cho bà ấy sống lại, và Naomi lớn tuổi đã chủ động mở lại tương lai cho Rút, thay vì hạn chế bản thân để được hưởng sự hỗ trợ của nàng. Nếu người trẻ mở lòng biết ơn đối với những gì họ đã nhận được và người cao niên chủ động bắt đầu lại tương lai cho họ, thì không có gì có thể ngăn cản được sự nở rộ của các phước lành của Thiên Chúa giữa các dân tộc! Anh chị em đừng quên, người trẻ có thể nói chuyện với ông bà của họ, mong sao người trẻ nói chuyện với người già, mong sao người già nói chuyện với người trẻ. Câu chuyện này phải được xây dựng lại một cách vững chắc - ở đó có cả một thủy triều cứu rỗi, hạnh phúc. Cầu xin Chúa giúp chúng ta biết làm điều này, để lớn lên trong sự hòa thuận của các gia đình, sự hòa thuận mang tính xây dựng từ người già nhất đến người trẻ nhất, một cây cầu đẹp đẽ mà chúng ta phải bảo vệ và gìn giữ.

Chương Mười: Tuổi già Chung thủy với Đức tin (ngày 04/05/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trên hành trình các bài giáo lý về tuổi già, hôm nay chúng ta gặp một nhân vật trong Kinh thánh - và là một ông già - tên là Eleazar, sống vào thời kỳ bách hại của Antiochus Epiphanes. Người là một nhân vật tuyệt vời. Nhân cách của Người cho chúng ta một chứng từ về mối quan hệ đặc biệt giữa lòng chung thủy của tuổi già và vinh dự của đức tin. Người là một người đáng tự hào, hì? Tôi muốn nói đến chính vinh dự của đức tin, chứ không chỉ nói đến sự kiên định, sự tuyên xưng và sự phản kháng của đức tin. Vinh dự của đức tin thường xuyên bị áp lực, thậm chí là áp lực bạo lực, từ nền văn hóa của những người cai trị, những người tìm cách làm suy yếu nó bằng cách coi nó như một phát hiện khảo cổ, hoặc một sự mê tín cổ xưa, một sự sùng bái lạc hậu, v.v.

Câu chuyện trong Kinh thánh - chúng ta đã nghe một đoạn ngắn, nhưng đọc hết thì thấy hay - kể về đoạn người Do Thái bị lệnh của vua buộc phải ăn thịt hiến tế cho ngẫu thần. Khi đến lượt Eleazar, một người đàn ông lớn tuổi được mọi người kính trọng, ở độ tuổi 90; rất được mọi người tôn kính - một người có uy tín - các quan chức của nhà vua khuyên Người nên dùng một cách giả vờ, tức là giả vờ ăn thịt mà không thực sự ăn. Đạo đức giả. Đạo đức giả tôn giáo. Ngày nay nhiều lắm! Rất nhiều đạo đức giả tôn giáo, đạo đức giả giáo sĩ, rất nhiều. Những người này nói với Người, “Ông hãy đạo đức giả một chút, không ai nhận ra đâu”. Bằng cách này, Eleazar sẽ được cứu, và - họ nói - nhân danh tình bạn, Người nên chấp nhận cử chỉ từ bi và tình âu yếm của họ. Một lối thoát đạo đức giả. Sau cùng, họ quả quyết, đó chỉ là một cử chỉ nhỏ, giả vờ ăn nhưng không ăn, một cử chỉ tầm thường.

Đó là một điều nhỏ nhặt, nhưng phản ứng bình thản và cương quyết của Eleazar dựa trên một lập luận khiến chúng ta phải ngạc nhiên. Điểm chính là đây: việc làm ô nhục đức tin ở tuổi già, để có thêm một ít ngày sống, không thể so sánh với di sản mà nó sẽ để lại cho lớp trẻ, cho cả thế hệ mai sau. Và Eleazar làm tốt lắm! Một người đàn ông già cả đời sống gắn bó với đức tin của mình, mà nay phải tự thích nghi với việc giả vờ từ bỏ nó, lên án thế hệ sắp tới phải nghĩ rằng toàn bộ đức tin chỉ là một thứ giả tạo, một lớp vỏ bọc bên ngoài có thể bị cởi bỏ, tưởng tượng rằng nó có thể được bảo quản ở bên trong. Nhưng Eleazar nói, sự việc không phải như vậy. Tác phong như thế không tôn vinh đức tin, thậm chí không tôn vinh Thiên Chúa. Và tác động của sự tầm thường hóa bên ngoài này sẽ tàn phá đời sống nội tâm của những người trẻ tuổi. Và sự kiên định của người đàn ông này đã coi trọng giới trẻ! Người coi trọng di sản tương lai của mình, Người nghĩ đến người dân của mình.

Đó mới chính là tuổi già - và điều này thật đẹp đối với tất cả anh chị em già, phải không! - điều đó xuất hiện ở đây như một nơi quyết định, một nơi không thể thay thế cho chúng ta từ nay. Một người cao tuổi, vì tính dễ bị tổn thương, nếu chấp nhận rằng việc thực hành đức tin là không thích hợp, sẽ khiến những người trẻ tin rằng đức tin không có mối quan hệ thực sự nào với cuộc sống. Đối với họ, ngay từ đầu, nó sẽ xuất hiện như một mớ tác phong, nếu cần, có thể thực hành giả hoặc che giấu, bởi vì không có tác phong nào trong số đó là đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống.

Lạc giáo “ngộ đạo” thời cổ xưa, vốn là một cái bẫy rất mạnh và rất quyến rũ đối với Kitô giáo sơ khai, đã lý thuyết chính về điều này, đây là một điều xưa cũ: rằng đức tin là một linh đạo, không phải là một thực hành; một sức mạnh của tâm trí, không phải là một hình thức sống.

Theo lạc giáo này, lòng trung thành và vinh dự của đức tin không liên quan gì đến các tác phong của cuộc sống, các thể chế của cộng đồng, các biểu tượng của cơ thể. Không có gì liên quan với nó. Sự quỳn rũ của quan điểm này rất mạnh mẽ, bởi vì nó giải thích, theo cách riêng của nó, một sự thật không thể chối cãi: rằng niềm tin không bao giờ có thể bị gián lược vào một tập hợp các quy tắc ăn kiêng hoặc thực hành xã hội. Niềm tin là một điều khác hẳn. Rắc rối là thể này sự cực đoan hóa chân lý này của Ngộ đạo đã vô hiệu hóa chủ nghĩa hiện thực của đức tin Kitô giáo, bởi vì đức tin Kitô giáo có tính thực tiễn. Đức tin Kitô giáo không chỉ nói tin điều: nó còn nghĩ tới Kinh Tin Kính, hiểu Kinh Tin Kính và thực hiện Kinh Tin Kính. Làm việc với đôi tay của chúng ta. Thay vào đó, đề xuất theo thuyết ngộ đạo này giả vờ, nhưng [lại tưởng tượng] rằng điều quan trọng là anh chị em có một linh đạo ở bên trong, và sau đó anh chị em có thể làm bất cứ điều gì anh chị em muốn. Và đây không phải là Kitô giáo. Đây là lạc giáo đầu tiên của những người ngộ đạo, rất thịnh hành vào thời điểm lúc đó, ở rất nhiều trung tâm linh đạo, v.v. Nó làm vô hiệu việc làm chứng của dân tộc này, một việc làm chứng vốn cho thấy những dấu chỉ cụ thể của Thiên Chúa trong đời sống cộng đồng và chống lại những biến thái của tâm trí qua các cử chỉ của cơ thể.

Sự căm dỗ của ngộ đạo là một trong những lạc giáo - chúng ta hãy sử dụng từ này -, một trong những lệch lạc tôn giáo thời nay; sự căm dỗ của thuyết ngộ đạo vẫn luôn hiện hữu như bao giờ. Trong nhiều xu hướng trong xã hội và văn hóa của chúng ta, việc thực hành đức tin đang chịu nhiều mô tả tiêu cực, đôi khi dưới hình thức nghịch lý về văn hóa, đôi khi với việc đẩy sang bên lề một cách che đậy. Việc thực hành đức tin đối với những người theo thuyết ngộ đạo này, đã có vào thời Chúa Giêsu, được coi là điều ở bên ngoài, vô dụng và thậm chí có hại, một thứ tàn dư lỗi thời, như một sự mê tín trá hình. Trong ngắn hạn, là một điều dành cho những người già cả. Áp lực mà sự chỉ trích bừa bãi này gây ra cho các thế hệ trẻ là rất mạnh mẽ. Tất nhiên, chúng ta biết rằng thực hành đức tin có thể trở thành một thực hành bên ngoài vô hồn. Đây là mối nguy hiểm khác, ngược lại, phải không? Và nó đúng sự thật, phải không? Nhưng trong chính nó, nó không phải như vậy. Có lẽ đối với chúng ta, những người lớn tuổi hơn - và vẫn còn một số người ở đây - trả lại vinh dự cho đức tin, làm cho nó mạch lạc, đó là chứng tá của Eleazar: sự kiên định đến tận cùng. Việc thực hành đức tin không phải là biểu tượng của sự yếu đuối của chúng ta, không, mà là dấu hiệu của sức mạnh của nó. Chúng ta không còn là những người trẻ tuổi. Chúng ta không đùa cợt khi bắt đầu hành trình trên con đường của Chúa!

Đức tin đáng được tôn trọng và vinh dự cho đến tận cùng: nó đã thay đổi cuộc sống của chúng ta, nó đã thanh tẩy tâm trí của chúng ta, nó đã dạy chúng ta sự thờ phượng Thiên Chúa và tình yêu thương người lân cận. Đó là một phúc lành cho mọi người! Nhưng đức tin như một toàn bộ, chứ không chỉ một phần của nó. Giống như Eleazar, chúng ta sẽ không đánh đổi đức tin của mình lấy một vài ngày yên tĩnh. Chúng ta sẽ chứng tỏ, bằng tất cả sự khiêm tốn và kiên định, chính ở tuổi già của chúng ta, rằng tin tưởng không phải là điều gì đó “dành cho người già”. Không. Đó là một vấn đề của cuộc sống. Tin vào Chúa Thánh Thần, Đáng làm cho mọi sự trở nên mới mẻ, và Người sẽ sẵn lòng giúp đỡ chúng ta.

Anh chị em lớn tuổi thân mến - không nói là già, chúng ta thuộc cùng một nhóm - xin anh chị em nhìn những người trẻ tuổi: họ đang quan sát chúng ta. Họ đang quan sát chúng ta. Anh chị em đừng quên điều đó. Tôi nhớ lại bộ phim tuyệt vời về thời hậu chiến đó: *Các trẻ em đang quan sát chúng ta*. Chúng ta có thể nói điều tương tự với những người trẻ tuổi: những người trẻ đang quan sát chúng ta và sự kiên định của chúng ta có thể mở ra một con đường sống tươi đẹp cho họ. Mặt khác, đạo đức giả sẽ gây hại rất nhiều. Chúng ta hãy cầu nguyện cho nhau. Xin Thiên Chúa chúc lành cho tất cả những người già chúng ta. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Một: Tuổi già theo gương Giuditha (ngày 11/05/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ nói về Giuditha, một nữ anh hùng trong Kinh thánh. Phần kết của cuốn sách mang tên bà - chúng ta đã nghe một đoạn văn - tóm tắt phần cuối cùng trong cuộc đời của người phụ nữ này, người đã bảo vệ Israel khỏi kẻ thù. Giuditha là một góa phụ Do Thái trẻ tuổi và nhân đức, nhờ đức tin, sắc đẹp và sự khôn khéo của mình, đã cứu thành phố Bethulia và người dân Giuđa khỏi sự bao vây của Hôlôphécnê, tướng của Nabucôđônôxô vua của Assyria, một kẻ thù hồng hách và khinh thường Thiên Chúa. Và như vậy, với cách hành động sắc sảo của mình, bà đã có thể chặt đầu kẻ độc tài chống lại đất nước. Người phụ nữ này đứng cảm và bà có đức tin...

Sau cuộc phiêu lưu tuyệt vời của mình, Giuditha trở về sống ở thị trấn Bethulia của bà, nơi bà sống tốt đẹp tuổi già của mình, cho đến khi một trăm lẻ năm tuổi. Như vẫn xảy ra với nhiều người: đôi khi sau một cuộc sống làm việc miệt mài, đôi khi sau một cuộc phiêu lưu mạo hiểm, hoặc một cuộc sống cống hiến lớn lao. Tính anh hùng không chỉ bao gồm những biến cố vĩ đại dưới ánh đèn sân khấu, chẳng hạn như tính anh hùng của Giuditha, người đã giết chết tên độc tài; người ta thường thấy tính anh hùng này trong tình yêu bền bỉ biểu lộ trong một gia đình khó khăn và nhân danh một cộng đồng đang bị đe dọa.

Giuditha đã sống hơn một trăm năm, một phước lành đặc biệt. Nhưng ngày nay việc sống nhiều năm sau khi nghỉ hưu không phải là hiếm. Làm thế nào để chúng ta giải thích, làm thế nào để chúng ta tận dụng tối đa khoảng thời gian mà chúng ta có này? Tôi sẽ nghỉ hưu hôm nay và sẽ còn nhiều năm trước mắt, và tôi có thể làm gì, trong những năm này? Làm thế nào tôi có thể lớn lên – về độ tuổi, điều tự nó chăm sóc nó; nhưng làm thế nào tôi có thể lớn lên về thể giá, về thánh thiện, về khôn ngoan?

Viễn ảnh hưu trí, đối với nhiều người, trùng hợp với viễn ảnh được nghỉ ngơi xứng đáng và chờ đợi từ lâu sau các hoạt động đòi hỏi nhiều sức lực và mệt mỏi. Nhưng điều cũng xảy ra là việc kết thúc công ăn việc làm có thể là nguồn gốc cho sự lo lắng và kèm theo một số bối rối. “Tôi sẽ làm gì, lúc này khi cuộc sống của tôi sẽ trống rỗng bởi những gì từng lấp đầy nó đã quá lâu?": Đây là vấn đề. Công việc hàng ngày cũng có nghĩa là một mối liên hệ, sự hài lòng trong việc kiếm sống, trải nghiệm có được một vai trò, được công nhận xứng đáng, một công việc toàn thời gian vượt ngoài giờ làm việc một mình.

Chắc chắn có nhiệm vụ, vui và mệt mỏi, là trông nom các cháu, và ngày nay ông bà có vai trò rất quan trọng trong gia đình trong việc giúp đỡ nuôi dạy các cháu; nhưng chúng ta biết rằng ngày nay trẻ em được sinh ra ngày càng ít và cha mẹ thường phải ở cách xa, vì phải di dời nhiều hơn, với những điều kiện công việc và nhà ở không thuận lợi. Đôi khi, họ cũng miễn cưỡng hơn phải dành chỗ cho ông bà trong việc giáo dục, chỉ cung cấp những gì liên quan chặt chẽ với nhu cầu hỗ trợ. Nhưng có người đã mỉa mai nói với tôi, “Ngày nay, trong hoàn cảnh kinh tế xã hội này, ông bà càng quan trọng hơn vì họ có lương hưu”. Người ta nghĩ như vậy đó. Có những nhu cầu mới, cũng trong lĩnh vực giáo dục và liên hệ gia đình, đòi hỏi chúng ta phải định hình lại mối liên hệ truyền thống giữa các thế hệ.

Tuy nhiên, chúng ta hãy tự hỏi mình: liệu chúng ta có đang nỗ lực để “định hình lại” hay không? Hay đơn giản là chúng ta phải chịu sức ỳ của các điều kiện vật chất và kinh tế? Trên

thực tế, sự sống chung của các thế hệ đang ngày càng kéo dài. Chúng ta có cùng nhau cố gắng làm cho những điều kiện này trở nên nhân bản hơn, yêu thương hơn, công bằng hơn, theo những điều kiện mới của xã hội hiện đại không? Đối với ông bà, một phần quan trọng trong thiên chức của các Người là hỗ trợ con trai và con gái trong việc nuôi dạy con cái của chúng. Những đứa trẻ nhỏ học được sức mạnh của sự dịu dàng và việc tôn trọng sự yếu đuối: những bài học không thể thay thế được, dễ dàng được truyền đạt và tiếp nhận hơn với ông bà. Về phần mình, ông bà học được điều này: sự dịu dàng và yếu đuối không chỉ là dấu hiệu của sự suy giảm: đối với những người trẻ tuổi, chúng là những điều kiện nhân bản hóa tương lai.

Giuditha đã sớm góa bụa và không có con, nhưng, là một phụ nữ lớn tuổi, bà đã có thể sống *một mùa viên mãn và thanh thản*, vì biết rằng bà đã sống hết mình với sứ mệnh mà Chúa đã giao phó cho bà. Đã đến lúc bà để lại di sản tốt đẹp của khôn ngoan, dịu dàng và những hồng ân cho gia đình và cộng đồng của bà: *di sản của lòng tốt chứ không phải chỉ là di sản của cái*. Khi chúng ta nghĩ về một di sản, đôi khi chúng ta chỉ nghĩ đến *của cái*, chứ không nghĩ đến *lòng tốt* đã được thực hiện trong tuổi già và *lòng tốt* đã được gieo vãi, *lòng tốt* này mới là di sản tốt nhất mà chúng ta có thể để lại.

Chính trong tuổi già, Giuditha đã “ban quyền tự do cho người hầu gái sủng ái của mình.” Đây là một dấu hiệu của một phương thức ân cần và nhân bản đối với những người đã từng thân thiết với bà. Người hầu gái này đã đồng hành cùng bà tại thời điểm của cuộc phiêu lưu trên, để chiến thắng tên độc tài và cắt cổ hắn. Khi chúng ta già, chúng ta mất đi một phần thị giác, nhưng cái nhìn bên trong của chúng ta trở nên xuyên suốt hơn - người ta nhìn bằng trái tim. Chúng ta trở nên có khả năng nhìn thấy những thứ trước đây đã trốn tránh chúng ta. Người già biết nhìn ra sao, và họ biết cách nhìn... Đúng là: Chúa không chỉ giao tài năng của Người cho những người trẻ tuổi và mạnh mẽ. Người có tài năng dành cho mọi người, phù hợp với từng người, cả người già nữa. Cuộc sống của cộng đồng chúng ta phải biết cách hưởng lợi từ tài năng và sức mạnh của rất nhiều người cao niên đã về hưu, họ vốn là một kho báu đáng được trân trọng. Về phía bản thân những người cao niên, điều này đòi hỏi một sự quan tâm sáng tạo, một sự quan tâm mới, một sự sẵn sàng quảng đại. Các kỹ năng trước đây của cuộc sống hoạt động mất đi tính bắt buộc của chúng và trở thành nguồn lực để cho đi: dạy dỗ, tư vấn, xây dựng, quan tâm, lắng nghe... dành ưu tiên cho những người thiệt thòi nhất không có khả năng học tập hoặc bị bỏ rơi trong sự cô đơn của họ.

Giuditha đã giải phóng người giúp việc của mình và quan tâm lưu ý đến mọi người. Khi còn là một phụ nữ trẻ, bà đã giành được sự tôn trọng của cộng đồng bằng lòng dũng cảm của mình. Khi là một người phụ nữ lớn tuổi, bà nhận được sự kính trọng vì bà làm giàu cho sự tự do và tình cảm của họ bằng sự dịu dàng của mình. Giuditha không phải là một người hưu trí sống trong sự trống rỗng mà nó mang lại một cách u uất: bà là một phụ nữ trưởng thành đầy nhiệt huyết và luôn lấp đầy thời gian mà Chúa ban cho bà với nhiều hồng ân. Anh chị em nên nhớ rằng: một trong những ngày này, anh chị em hãy cầm lấy Kinh thánh và hãy đọc Sách Giuditha: nó rất ngắn, anh chị em có thể đọc nó... nó chỉ dài có mười trang, không hơn. Anh chị em hãy đọc câu chuyện về một người phụ nữ can đảm, người đã kết thúc như thế này: với sự dịu dàng, độ lượng, một người phụ nữ xứng đáng. Và đây là cách mà tôi muốn tất cả các bà nội ngoại của chúng ta trở thành: can đảm, khôn ngoan, và là người để lại cho chúng ta không phải tiền bạc, mà là di sản của khôn ngoan, được gieo vào lòng các cháu của họ. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Hai: Tuổi già, các thử thách kiểu ông Gióp (ngày 18/05/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Đoạn Kinh thánh chúng ta vừa nghe kết thúc Sách Gióp, một tác phẩm văn học cổ điển phổ quát. Trong hành trình giáo lý, chúng ta gặp ông Gióp khi ông đã là một ông già. Chúng ta gặp ông như nhân chứng cho một đức tin không chấp nhận một “bức tranh biếm họa” về Thiên Chúa, nhưng phản đối lớn tiếng khi đối diện với sự dữ cho đến khi Thiên Chúa đáp lời và mạc khải khuôn mặt của Người. Và cuối cùng, Thiên Chúa đáp lời một cách đáng ngạc nhiên như mọi khi-Người bày tỏ cho ông Gióp sự vinh quang của Người mà không hề bẹp ông, hoặc đúng hơn, với sự dịu dàng tối cao, một cách dịu dàng, như Thiên Chúa vẫn luôn làm như thế. Các trang của cuốn sách này cần được đọc kỹ, không thành kiến, không khuôn thước định sẵn, để hiểu được sức mạnh của tiếng than của Gióp. Sẽ rất tốt cho chúng ta khi đặt mình vào trường học của ông để vượt qua cơn cám dỗ duy luân lý do sự bức tức và cay đắng của nỗi đau mất tất cả gây ra.

Trong đoạn kết của cuốn sách - chúng ta nhớ câu chuyện, phải không? Ông Gióp mất tất cả mọi sự ở trong đời, mất của cải, mất gia đình, mất con trai và thậm chí mất cả sức khỏe, và thế là ông ở đây, bị dịch hạch, trong cuộc đối thoại với ba người bạn, rồi một người thứ tư, họ đến thăm chào ông: đó là câu chuyện - và hôm nay, trong đoạn này, đoạn kết của cuốn sách, khi Thiên Chúa cuối cùng lên tiếng (và cuộc đối thoại giữa Ông Gióp và các bạn của ông giống như nẻo đường dẫn đến khoảnh khắc trong đó Thiên Chúa cất lên tiếng nói của Người), Ông Gióp được ca ngợi vì ông hiểu màu nhiệm dịu dàng của Thiên Chúa ẩn sau sự im lặng của Người. Thiên Chúa quở trách các người bạn của ông Gióp, những người cho rằng họ biết mọi sự, biết về Thiên Chúa và về sự đau khổ, và khi đến để an ủi ông Gióp, kết cục họ lại phán xét ông bằng những khuôn mẫu định kiến của họ. Thiên Chúa bảo vệ chúng ta khỏi tính đạo đức giả hình và tự phụ này! Thiên Chúa bảo vệ chúng ta khỏi tính đạo đức dạy đời này và tính đạo đức của các giới luật vốn đem lại cho chúng ta một sự cao ngạo nào đó, và dẫn anh chị em đến chủ nghĩa biệt phái và đạo đức giả.

Đây là cách Chúa tự phát biểu chính mình Người với họ. Chúa phán như vậy: “Con thịnh nộ của ta bùng bùng chống lại các ngươi [...] vì các ngươi đã không nói điều đúng về ta, như tôi tớ Gióp của ta đã nói”, Chúa phán với các bạn của Gióp như thế. “Tôi tớ của ta, Gióp sẽ cầu nguyện cho các ngươi, vì ta sẽ nhận lời cầu xin của nó là không giao dịch với các ngươi theo sự điên rồ của các ngươi; vì các ngươi chẳng nói điều gì đúng về ta, như Gióp tôi tớ ta đã nói” (42: 7-8). Lời tuyên bố của Thiên Chúa khiến chúng ta ngạc nhiên bởi vì chúng ta đã đọc những trang rực lửa với sự phản đối của Gióp khiến chúng ta mất tinh thần. Tuy nhiên, Chúa nói Gióp đã nói tốt, ngay cả khi ông tức giận, và thậm chí giận Thiên Chúa, nhưng ông nói tốt vì ông không chấp nhận việc nói rằng Thiên Chúa là “Kẻ bách hại”. Thiên Chúa là một điều khác thế. Và đó là điều gì? Ông Gióp đang tìm kiếm điều đó. Và như một phần thưởng, Thiên Chúa trả lại cho Gióp gấp đôi số tài sản của ông, sau khi yêu cầu ông cầu nguyện cho những người bạn xấu xa này của mình.

Bước ngoặt trong cuộc trò chuyện về đức tin xảy ra ngay ở cao điểm của ông Gióp, khi ông nói, “Tôi biết rằng Đấng bênh vực tôi vẫn sống, và sau cùng, Người sẽ đứng lên trên cõi đất. Sau khi da tôi đây bị tiêu hủy, thì với tâm thân này, tôi sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa. Chính tôi sẽ được ngắm nhìn Người, Đấng mắt tôi nhìn thấy không phải người xa lạ” (19: 25-27). Đoạn văn này thực sự rất đẹp. Nó khiến tôi liên tưởng đến phần cuối của bài thánh nhạc tuyệt vời đó của Handel, Đấng Mêxia, sau bài hát Hallelujah có tính cử hành, giọng nữ cao chậm

rãi hát đoạn này: “Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc của tôi đang sống”, một cách yên bình. Và vì vậy, sau kinh nghiệm đau đớn và vui sướng này của Gióp, tiếng nói của Chúa là một điều hoàn toàn khác. “Tôi biết rằng Đấng Cứu Chuộc của tôi đang sống” - đó thực sự là một điều tuyệt đẹp. Chúng ta có thể giải thích nó như thế này: “Chúa ơi, con biết Chúa không phải là Kẻ bách hại. Thiên Chúa của con sẽ đến và thực thi công lý cho con”. Đó là đức tin đơn sơ vào sự sống lại của Thiên Chúa, đức tin đơn sơ vào Chúa Giêsu Kitô, đức tin đơn sơ rằng Chúa luôn chờ đợi chúng ta và sẽ đến.

Câu chuyện dụ ngôn trong Sách Gióp đại diện một cách mẫu mực điều thực sự xảy ra trong cuộc sống - đó là những thử thách thực sự nặng nề giáng xuống một người, một gia đình, một dân tộc, những thử thách không cân xứng so với sự thấp hèn và yếu đuối của con người. Trong cuộc sống thường xảy ra chuyện “khi trời mưa, nó mưa như thác”, như câu người ta thường nói. Và một số người bị tràn ngập bởi việc tích lũy sự ác dường như thực sự quá đáng và bất công. Nó là như thế với nhiều người.

Chúng ta thấy đều biết những người như thế. Chúng ta có ấn tượng bởi tiếng khóc than của họ, nhưng chúng ta cũng ngưỡng mộ trước sự vững chắc của niềm tin và tình yêu trong im lặng của họ. Tôi nghĩ đến cha mẹ của những đứa trẻ khuyết tật nặng nề, anh chị em có bao giờ nghĩ đến cha mẹ của những đứa trẻ khuyết tật nặng nề chưa? Toàn bộ cuộc đời của họ.... Tôi cũng nghĩ đến những người đang sống với bệnh tật vĩnh viễn, hoặc những người hỗ trợ một thành viên trong gia đình của họ.... Những tình huống này thường trở nên gia trọng hơn do sự khan hiếm các nguồn lực kinh tế. Tại một số thời điểm nhất định trong lịch sử, việc chôn cất các gánh nặng cho ta ấn tượng này: chúng được dành cho từng nhóm. Đây là những gì đã xảy ra trong những năm này với đại dịch Covid-19, và hiện đang xảy ra với cuộc chiến ở Ukraine.

Chúng ta có thể biện minh cho những “thái quá” này bằng trí hiểu cao hơn về tự nhiên và lịch sử không? Liệu chúng ta có thể chúc lành cho chúng về mặt tôn giáo, coi chúng như những giải đáp chính đáng đối với tội lỗi của các nạn nhân, như thế chúng đáng được như vậy không? Không, chúng ta không thể. Các nạn nhân có quyền phản đối mâu nhiệm sự ác, một quyền mà Thiên Chúa ban cho mọi người, mà sau cùng, chính Người đã truyền cảm hứng cho. Đôi khi tôi gặp những người đến gần tôi và nói: “Nhưng thưa Cha, con đã phản đối Thiên Chúa vì con có vấn đề này và vấn đề nọ....” Nhưng bạn biết đấy, bạn à, phản đối là một cách cầu nguyện khi nó được thực hiện như vậy. Khi trẻ em, khi người trẻ phản đối cha mẹ, đó là cách kéo chú ý của họ và yêu cầu họ chăm sóc mình. Nếu anh chị em có một vết thương trong lòng, một vài nỗi đau, và anh chị em muốn phản đối, hãy phản đối ngay cả với Thiên Chúa. Thiên Chúa sẵn sàng lắng nghe anh chị em. Thiên Chúa là Cha. Thiên Chúa không sợ lời cầu nguyện phản kháng của chúng ta, không! Thiên Chúa hiểu. Nhưng hãy tự do, hãy tự do trong lời cầu nguyện của anh chị em. Đừng giam cầm lời cầu nguyện của anh chị em trong những khuôn mẫu đã định trước! Không! Lời cầu nguyện phải như thế này: một cách tự phát, giống như của một đứa trẻ nói với cha mình, em nói ra mọi điều từ miệng em bởi vì em biết cha em hiểu em. Đoạn đầu tiên của bộ phim, “sự im lặng” của Thiên Chúa, đã diễn tả điều này. Thiên Chúa không né tránh cuộc đối đầu, nhưng ngay từ đầu, Người đã cho phép ông Gióp trút hết sự phản đối của mình ra, và Thiên Chúa lắng nghe. Đôi khi, chúng ta cần học hỏi lòng tôn trọng và sự dịu dàng này của Thiên Chúa. Và Thiên Chúa không thích cuốn bách khoa đó - hãy tạm gọi như vậy - của những lời giải thích, những suy nghĩ mà bạn bè của ông Gióp đã đưa ra. Đây là những điều phát ra từ đầu lưỡi của họ và đều không đúng - kiểu lòng đạo giải thích mọi sự, nhưng trái tim thì mãi lạnh lùng. Thiên Chúa không thích điều này. Người thích sự phản đối và sự im lặng của ông Gióp hơn.

Lời tuyên xưng đức tin của ông Gióp - xuất phát chính từ lời kêu cầu không ngừng của ông lên Thiên Chúa, lên công lý tối cao - cuối cùng kết thúc bằng một kinh nghiệm gần như huyền nhiệm khiến ông phải thốt lên: “Trước kia, con chỉ được biết về Người nhờ người ta nói lại, nhưng giờ đây, chính mắt con chứng kiến” (42: 5). Có bao nhiêu người, bao nhiêu người trong chúng ta sau một trải nghiệm hơi tối tăm, hơi đen tối một chút, đã tiến một bước và biết Chúa nhiều hơn trước! Và chúng ta có thể nói như ông Gióp: “Trước kia, con chỉ được biết về Người nhờ người ta nói lại, nhưng giờ đây, chính mắt con chứng kiến Người vì con đã gặp Người”. Chứng từ này đặc biệt đáng tin cậy nếu nó được phát xuất trong tuổi già, trong tình trạng ngày càng yếu ớt và mất mát. Những người già đã chứng kiến rất nhiều trải nghiệm này trong cuộc sống! Và họ cũng đã thấy sự bất nhất trong các lời hứa hẹn của con người. Các luật sư, nhà khoa học, thậm chí cả những người của tôn giáo, những người nhằm lẫn kẻ bách hại với nạn nhân, nói xa nói gần rằng họ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những đau khổ của chính họ. Họ đã làm!

Những người cao niên nào tìm thấy nẻo đường của chứng từ này, những người nào biến sự phần uất vì mất mát của họ thành sự kiên trì chờ đợi các hứa hẹn của Thiên Chúa - có sự thay đổi từ sự phần uất vì mất mát sang sự kiên trì tìm kiếm lời hứa của Thiên Chúa - những người cao niên này là một pháo đài không thể thay thế để cộng đồng chống trả các thái quá của sự ác. Tín hữu nào chịu hưởng mát về phía Cây Thánh Giá đã học hỏi được chính điều đó. Ước gì chúng ta cũng học được điều này từ nhiều ông bà, những người giống như Đức Maria, hiệp lời cầu nguyện đôi khi tan nát cõi lòng của họ, với lời cầu nguyện của Con Thiên Chúa, Đấng đã phó mình cho Chúa Cha trên thập giá. Chúng ta hãy nhìn những người già, chúng ta hãy quan sát những người đàn ông và đàn bà cao niên, những người lớn tuổi. Chúng ta hãy nhìn họ một cách yêu thương. Chúng ta hãy xem các kinh nghiệm bản thân của họ. Họ đã chịu đựng rất nhiều trong cuộc sống, họ đã học được rất nhiều trong cuộc sống, họ đã trải qua rất nhiều, nhưng cuối cùng họ có được sự bình yên này, một sự bình yên, tôi phải nói rằng, gần như huyền nhiệm, tức là sự bình yên từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa đến mức họ có thể nói, " Trước kia, con chỉ được biết về Người nhờ người ta nói lại, nhưng giờ đây, chính mắt con chứng kiến". Những người cao niên này giống như sự bình yên của Con Thiên Chúa trên thập giá hoàn toàn phó mình cho Chúa Cha.

Chương Mười Ba: Tuổi già và sự vỡ mộng theo sách Giảng viên (ngày 25/05/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong suy gẫm của chúng ta về tuổi già - chúng ta tiếp tục suy gẫm về tuổi già - hôm nay chúng ta bàn tới Sách Qoheleth, hay sách Giảng viên, một viên ngọc khác được nạm vào Kinh thánh. Đọc nó lần đầu, cuốn sách ngắn này gây ấn tượng mạnh và khiến người ta ngạc nhiên bởi điệp khúc nổi tiếng của nó: “Mọi sự đều là phù vân”, mọi sự đều là phù vân: điệp khúc cứ thế lặp đi lặp lại, mọi sự đều là phù vân, mọi sự đều là “sương mù”, mọi sự đều là “mây khói”, mọi sự đều là “trống rỗng”. Thật đáng ngạc nhiên khi thấy trong Kinh Thánh những biểu thức nghi vấn ý nghĩa của đời sống. Thực tế, việc Qoheleth liên tục dao động giữa ý nghĩa và vô nghĩa là *trình bày đầy oái oăm một nhận thức về cuộc sống tách rời khỏi niềm đam mê công lý*, mà Sự phán xét của Thiên Chúa về nó là một bảo đảm. Và phần kết luận của Sách chỉ ra con đường thoát khỏi thử thách: “Hãy kính sợ Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Người; vì đây là toàn thể bổn phận của con người” (12:13). Đây là lời khuyên đề giải quyết vấn đề này.

Đối diện với một thực tại mà ở một số thời điểm nào đó, đối với chúng ta, dường như có thể tiếp nhận mọi mâu thuẫn, gán cho chúng cùng một số phận bất chấp mọi điều – một cách sẽ kết cục trong hư vô - con đường thờ ơ cũng có thể xuất hiện với chúng ta như một phương thuốc duy nhất cho sự vỡ mộng đầy đau đớn. Những câu hỏi như thế này nảy sinh trong chúng ta: Các cố gắng của chúng ta có thay đổi được thế giới chưa? Có ai có khả năng xác nhận sự khác biệt giữa người công chính và người bất chính chưa? Có vẻ như tất cả những điều này đều vô ích... Tại sao phải nỗ lực nhiều như vậy?

Có một loại trực giác tiêu cực có thể hiển hiện trong bất cứ mùa nào của cuộc đời, nhưng điều chắc chắn là tuổi già khiến cuộc gặp gỡ với sự thất vọng này gần như không thể tránh khỏi. Sự thất vọng đến với tuổi già. Và do đó, *sự phản kháng của tuổi già đối với những tác động làm sa sút tinh thần của sự thất vọng* này có tính quyết định: nếu những người cao niên, những người, vào thời điểm đó, đã chứng kiến mọi sự, vẫn giữ nguyên vẹn được *niềm đam mê công lý* của họ, thì sẽ có hy vọng cho tình yêu và cả đức tin nữa. Và đối với thế giới đương thời, việc vượt qua cuộc khủng hoảng này, một cuộc khủng hoảng lạnh mạnh, đã trở nên chủ yếu. Tại sao? Vì một nền văn hóa có cao vọng đo lường mọi sự và thao túng mọi sự kết cục cũng sẽ tạo ra một sự hạ giá đối với ý nghĩa, đối với tình yêu, và đối với lòng tốt.

Sự hạ giá này làm mất đi ý chí hành động của chúng ta. Điều tự nhận là “chân lý” nào tự giới hạn vào việc quan sát thế giới, cũng sẽ thờ ơ đối với các điều mâu thuẫn và gán chúng cho dòng chảy của thời gian và số phận của hư vô, không hề có ơn cứu chuộc. Trong hình thức này - bị che đậy trong tính khoa học, nhưng thiếu tính nhạy cảm và thiếu tính đạo đức - hành trình hiện đại tìm kiếm sự thật đã bị cám dỗ bỏ rơi hoàn toàn niềm đam mê công lý. Nó không còn tin vào số phận của nó, lời hứa của nó, ơn cứu chuộc của nó.

Đối với nền văn hóa hiện đại của chúng ta, trong thực hành, muốn qui kết mọi sự vào nhận thức chính xác về sự vật, thì sự xuất hiện của *lý lẽ khuyến nho* mới này – một lý lẽ kết hợp giữa nhận thức và sự vô trách nhiệm - là một hậu quả khắc nghiệt. Thật vậy, nhận thức nào miễn trừ đạo đức cho chúng ta thoát đầu có vẻ là nguồn của tự do, là nguồn của năng lực, nhưng nhanh chóng biến thành sự tê liệt của linh hồn.

Với sự oái oăm của mình, Sách Giảng viên đã vạch trần cơn cám dỗ chết người này về sự toàn năng của nhận thức - một “con mê sáng của trí tuệ toàn tri” – một toàn tri tạo ra sự bất lực cho ý chí. Các đan sĩ của truyền thống Kitô giáo cổ xưa nhất đã nhận diện chính xác căn bệnh của linh hồn này, họ đột nhiên phát hiện ra sự hư vô của một nhận thức không có đức tin và không có đạo đức, ảo tưởng của sự thật không có công lý. Họ gọi nó là “acedia” (vô cảm). Và đây là một cơn cám dỗ cho tất cả mọi người, ngay cả những người cao niên... Nhưng nó là [một cơn cám dỗ] cho tất cả mọi người. Nó không chỉ đơn giản là sự lười biếng; không, nó còn hơn thế nữa. Nó không chỉ đơn giản là trầm cảm. Không. Đúng hơn, *acedia* là sự đầu hàng trước nhận thức về thế giới mà không có bất cứ niềm đam mê nào đối với công lý và dân thân cho nó.

Sự trống rỗng ý nghĩa và việc thiếu sức mạnh được mở ra bởi loại nhận thức này, vốn bác bỏ mọi trách nhiệm đạo đức và bất cứ tình cảm nào dành cho điều thiện thực sự, không phải là vô hại. Nó không chỉ lấy đi sức mạnh để ta ước muốn điều tốt: bằng phản ứng ngược lại, nó còn *mở ra cánh cửa cho sự hung hãn của các sức mạnh xấu xa*. Đây là những sức mạnh của lý trí đã trở nên điên loạn, trở nên khuyến nho bởi một ý thức hệ thái quá. Thực vậy, với tất cả sự tiến bộ của chúng ta, với tất cả sự thịnh vượng của chúng ta, chúng ta đã thực sự trở thành một “xã hội của sự mệt mỏi”. Anh chị em hãy nghĩ về nó: chúng ta là xã hội của sự mệt

mới. Chúng ta được cho là đã tạo ra một nền phúc lợi rộng rãi và chúng ta chấp nhận một thị trường có chọn lọc một cách khoa học liên quan đến sức khỏe. Đáng lẽ chúng ta phải đặt ra một ngưỡng cửa hòa bình không ai có thể vượt qua được, thế mà chúng ta ngày càng chứng kiến nhiều cuộc chiến tàn nhẫn chống lại những người không có khả năng tự vệ. Khoa học tiên bộ, tất nhiên, và điều đó là điều tốt. Nhưng sự khôn ngoan của cuộc sống là một điều gì đó hoàn toàn khác, và nó dường như đang bị đình trệ.

Cuối cùng, lý do vô cảm và không có trách nhiệm này cũng lấy mất ý nghĩa và năng lực khỏi nhận thức sự thật. Không phải ngẫu nhiên mà thời đại của chúng ta là thời đại của *tin tức giả mạo*, mê tín tập thể và sự thật khoa học giả tạo. Quả là kỳ cục: trong nền văn hóa nhận thức này, biết đủ thứ, thậm chí cả độ chính xác của nhận thức, rất nhiều phép thuật phù thủy đã được loan truyền, mà là những trò phù thủy có văn hóa nhè. Đó là phép thuật phù thủy với một chút văn hóa nào đó nhưng lại dẫn anh chị em đến một cuộc sống mê tín dị đoan: một mặt, đến chỗ thúc đẩy trí khôn hiểu biết mọi sự từ tận gốc rễ của chúng; mặt khác, linh hồn cần một điều gì khác và đi theo con đường dị đoan, và kết cục là trò phù thủy. Từ sự khôn ngoan đầy hài hước của Qoheleth, tuổi già có thể học được nghệ thuật đưa ra ánh sáng sự lừa dối ẩn nấp trong con mê sảng về một sự thật của tâm trí không có tình cảm nào với công lý. *Người cao niên giàu khôn ngoan và hài hước giúp đỡ rất nhiều cho người trẻ!* Họ cứu người trẻ khỏi con cám dỗ chỉ muốn một nhận thức về thế giới âm đạm và không có sự khôn ngoan của cuộc sống. Và những người già này cũng đưa những người trẻ trở lại với lời hứa của Chúa Giêsu: “Phúc cho ai đói khát công chính, vì họ sẽ được no nê” (Mt 5, 6). Họ sẽ là những người gieo niềm đói khát công lý nơi những người trẻ tuổi. Hãy can đảm lên, tất cả chúng ta, những người lớn tuổi! Hãy can đảm và tiến lên! Chúng ta có một sứ mệnh rất lớn trong thế giới. Nhưng, xin vui lòng, chúng ta không được tìm nơi ẩn náu trong một thứ chủ nghĩa duy tâm phần nào không cụ thể, không có thực, không gốc rễ này - chúng ta phải nói rõ ràng như thế - trong phép phù thủy của cuộc sống.

Chương Mười Bốn: Tuổi Già, Dừng từ bỏ con khi sức lực của con tiêu tan (ngày 01/06/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Lời cầu nguyện tuyệt vời của người đàn ông cao niên mà chúng ta tìm thấy trong Thánh vịnh 71, và chúng ta vừa nghe, khuyến khích chúng ta suy gẫm về sự căng thẳng mạnh mẽ trong tình trạng tuổi già, khi ký ức về những gian lao vượt qua và các phước lành nhận được được đem ra thử thách đức tin và đức cậy.

Việc thử thách ấy tự thấy rõ trong sự yếu đuối vốn đi song song với việc vượt qua sự mong manh và dễ bị tổn thương của tuổi già. Và tác giả Thánh Vịnh - một người đàn ông lớn tuổi nói chuyện với Chúa - đề cập rõ ràng đến sự kiện diễn trình này trở thành cơ hội cho sự bỏ rơi, lừa dối, và thói quan co và kiêu ngạo, đôi khi rình mò những người già. Đúng thế! Trong xã hội vứt bỏ, trong nền văn hóa vứt bỏ này, những người cao niên bị gạt sang một bên và phải gánh chịu những điều vừa nói. Một hình thức hèn nhát rất phổ biến trong xã hội của chúng ta. Thật vậy, không thiếu những kẻ lợi dụng người già, lừa gạt họ và đe dọa họ bằng vô số cách. Chúng ta thường đọc trên báo hoặc nghe tin tức về những người cao niên bị lừa một cách vô lương tâm, hoặc bị bỏ rơi không được bảo vệ hoặc bị bỏ rơi không được chăm sóc; hoặc bị xúc phạm bằng các hình thức khinh miệt và đe dọa từ bỏ các quyền lợi của họ. Sự tàn ác như vậy cũng xảy ra bên trong các gia đình - và điều này nghiêm trọng, nhưng nó cũng xảy ra trong các gia đình. Những người già bị bác bỏ, bị bỏ rơi trong các nhà an dưỡng, không có con cái đến thăm hoặc chỉ thăm một vài lần trong năm. Người già bị xếp vào góc

của cuộc sống. Và điều này đang xảy ra: nó xảy ra ngày nay, nó xảy ra trong các gia đình, nó xảy ra mọi lúc. Chúng ta phải suy gẫm về điều này.

Toàn xã hội phải khẩn trương chăm sóc người già của mình - họ là kho báu của xã hội! - những người ngày càng đông và cũng thường là những người bị bỏ rơi nhiều nhất. Khi chúng ta nghe đến những người cao niên bị tước quyền tự chủ, an ninh, thậm chí cả ngôi nhà của họ, chúng ta hiểu rằng *sự mâu thuẫn trong tư tưởng của xã hội ngày nay* liên quan đến tuổi già không phải là vấn đề của những trường hợp khẩn cấp thỉnh thoảng mới xảy ra, mà là một nét đặc trưng của nền văn hóa vứt bỏ đang đầu độc thế giới chúng ta đang sống. Vị cao niên trong Thánh vịnh bộc bạch sự chán nản của mình với Thiên Chúa: cụ nói, "Vị thù địch nặng lời chống đối, quân rình hại mạng con đã nhất trí bày mưu, bảo nhau rằng: 'Thiên Chúa bỏ hấn rồi, cứ truy nã, bắt hấn đi, chẳng có ai cứu hấn đâu!'" (câu 10-11).

Hậu quả thật chết người. Tuổi già không những mất phẩm giá của nó mà thậm chí cả các nghi ngờ rằng mình xứng đáng được tiếp tục. Bằng cách này, tất cả chúng ta đều bị cám dỗ muốn che giấu việc dễ bị tổn thương của mình, che giấu bệnh tật, tuổi tác và thâm niên của mình, bởi vì chúng ta sợ chúng loan báo trước việc chúng ta mất phẩm giá. Chúng ta hãy tự hỏi mình: dẫn khởi cảm giác này có hợp với con người không? Làm thế nào nền văn minh hiện đại, tiên tiến và hữu hiệu như thế lại khó chịu với bệnh tật và tuổi già? Làm thế nào nó che giấu bệnh tật, nó che giấu tuổi già? Và làm thế nào nền chính trị, vốn hết sức cam kết trong việc ấn định các giới hạn của một cuộc sống có phẩm giá, lại cùng một lúc vô cảm đối với phẩm giá của một cuộc sống chung đầy yêu thương với người già và người bệnh?

Vị cao niên của Thánh vịnh mà chúng ta vừa nghe, người đàn ông lớn tuổi coi tuổi già của mình như một thất bại này, tái khám phá *sự tin thác nơi Chúa*. Cụ cảm thấy cần được giúp đỡ. Và cụ hướng về Thiên Chúa. Khi bình luận về Thánh vịnh này, Thánh Augustinô đã khuyến khích người già: "Đừng sợ bạn bị bỏ rơi trong sự yếu đuối đó, trong tuổi già đó. ... Tại sao bạn sợ hãi Người sẽ bỏ rơi bạn, Người sẽ đuổi bạn đi vì tuổi già, khi sức lực của bạn đã không còn? Đúng lúc đó trong bạn sẽ có sức mạnh của Người, khi sức mạnh của bạn không còn" (*Diễn giải về Thánh vịnh 36, 881-882*), đó là điều chính thánh Augustinô đã nói. Và tác giả Thánh vịnh lớn tuổi cầu xin: "Vị Người công chính, xin cứu vớt và giải thoát con, ghé tai nghe và thương cứu độ. Xin Người nên như núi đá cho con trú ẩn, như thành trì để cứu độ con, núi đá và thành trì bảo vệ con, chính là Người" (các câu 2-3). Lời cầu khẩn làm chứng cho lòng thành tín của Thiên Chúa và kêu gọi khả năng của Người làm sống lại các lương tâm đã bị phân tán bởi sự vô cảm đối với dòng sông trần gian, một dòng sông phải được bảo vệ toàn vẹn. Cụ lại cầu nguyện như sau: "Lạy Thiên Chúa, xin đừng nở xa con, lạy Thiên Chúa, xin Người mau trợ giúp! Ước chi những người muốn hại mạng sống con đều phải chết nhục nhã ê chề; kẻ tìm cách gây họa cho con phải muôn vàn nhuốc nhơ xấu hổ" (câu 12-13).

Thật vậy, thật đáng xấu hổ thay những ai lợi dụng sức yếu do bệnh tật và tuổi già gây ra. Lời cầu nguyện làm mới lại trong lòng vị cao niên lời hứa về lòng thành tín của Thiên Chúa và phước lành của Người. *Người đàn ông lớn tuổi tái khám phá lời cầu nguyện và làm chứng cho sức mạnh của nó*. Trong các Tin Mừng, Chúa Giêsu không bao giờ bác bỏ lời cầu nguyện của những người đang cần được giúp đỡ. Những người cao niên, do sự yếu đuối của họ, có thể dạy những người đang sống trong các độ tuổi khác của cuộc sống rằng tất cả chúng ta cần phải phó mình cho Chúa, cầu xin sự giúp đỡ của Người. Theo nghĩa này, tất cả chúng ta phải học hỏi từ tuổi già: vâng, có một hồng phúc khi người ta già đi, tức là phó mình cho sự chăm sóc của những người khác, bắt đầu với chính Thiên Chúa.

Rồi còn có "*huấn quyền của sự yếu đuối*", không che giấu các yếu đuối, không. Đúng vậy, đó là một thực tại: có một huấn quyền của sự yếu đuối, mà tuổi già có thể nhắc nhở chúng ta một cách đáng tin cậy trong suốt cuộc đời con người. Anh chị em đừng che giấu tuổi già, anh chị em đừng che giấu sự mong manh của tuổi già. Đây là một giáo huấn cho tất cả chúng ta. Giáo huấn này mở ra một chân trời quyết định cho việc cải cách nền văn minh của chính chúng ta. Một cuộc cải cách hiện nay không thể thiếu vì lợi ích của sự chung sống của tất cả mọi người. Việc người cao niên bị gạt ra ngoài lề - cả trong khái niệm lẫn trong thực tế - đang làm suy đồi tất cả các mùa của cuộc sống, không chỉ của tuổi già mà thôi. Mỗi người chúng ta ngày nay đều có thể nghĩ đến những người cao niên trong gia đình: tôi liên hệ với họ như thế nào, tôi có nhớ đến họ không, để tôi đi thăm họ? Tôi có cố gắng bảo đảm để họ không thiếu thứ gì không? Tôi có tôn trọng họ không? Những người lớn tuổi trong gia đình tôi: hãy nghĩ đến mẹ, cha, ông, bà, cô dì chú bác, bạn bè... Tôi có triệt tiêu họ khỏi cuộc đời mình chưa? Hay tôi đến gặp họ để có được khôn ngoan, sự khôn ngoan của cuộc sống? Anh chị em hãy nhớ rằng anh chị em cũng sẽ già đi. Tuổi già đến với tất cả mọi người. Và anh chị em hãy đối xử với người già ngày nay như anh chị em mong muốn được đối xử với tuổi già của mình. Họ là ký ức của gia đình, ký ức của nhân loại, ký ức của đất nước. Anh chị em hãy bảo vệ người già, những người khôn ngoan. Xin Chúa ban cho những người cao niên thành viên của Giáo hội được rộng lượng trước lời kêu gọi này và lời khuyến khích này. Xin cho niềm tin cậy nơi Chúa này lan tỏa tới chúng ta. Và điều này, vì lợi ích cho mọi người, cho họ.

Chương Mười Lăm: Tuổi Già và thách thức của Nicôđê mô về tái sinh (ngày 08/06/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong số những nhân vật cao niên có liên quan nhất trong các Tin Mừng là Nicôđê mô - một trong những nhà lãnh đạo Do Thái - người, vì muốn biết Chúa Giê-su, đã đến gặp Người vào ban đêm, mặc dù trong vòng bí mật (x. Ga 3: 1-21). Trong cuộc trò chuyện giữa Chúa Giê-su và Nicôđê mô, cốt lõi mạc khải của Chúa Giê-su và sứ mệnh cứu chuộc của Người hiện rõ khi Người nói: “Vì Thiên Chúa yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con Một của Người, hầu cho hễ ai tin Con ấy sẽ không bị hư mất mà được sự sống đời đời” (câu 16).

Chúa Giê-su nói với Nicôđê mô rằng để “nhìn thấy vương quốc của Thiên Chúa”, người ta cần “được sinh lại từ trên cao” (xem câu 3). Điều này không có nghĩa là bắt đầu lại từ việc sinh ra, lặp lại việc chúng ta đến trong thế giới, hy vọng rằng một sự tái nhập thể mới sẽ mở ra cơ hội để có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tái nhập thể như thế không có nghĩa gì cả. Đúng hơn, nó sẽ làm trống rỗng mọi ý nghĩa của cuộc sống mà chúng ta đã sống, xóa bỏ nó như thể đó là một thí nghiệm thất bại, một giá trị đã chấm dứt, một khoảng trống lãng phí. Không, không phải như vậy, không phải là sự tái sinh mà Chúa Giê-su nói đến. Nó là một điều khác thế. Dưới mắt Thiên Chúa, sự sống này rất quý giá - nó lên căn tính chúng ta như những hữu thể được Thiên Chúa yêu thương dịu dàng. Việc “sinh ra từ trên cao” này, một việc giúp chúng ta “vào” vương quốc của Thiên Chúa, là việc sinh ra trong Chúa Thánh Thần, một vượt qua từ nước hướng về miền đất hứa của một sáng thế đã được hòa giải với tình yêu của Thiên Chúa. Đó là sự tái sinh từ trên cao với ơn sủng Thiên Chúa. Nó không phải là được tái sinh về thể lý một lần nữa.

Nicôđê mô hiểu sai việc sinh ra này và hoài nghi nó khi dùng tuổi già làm bằng chứng cho việc bất khả thi của nó: các hữu thể nhân bản chắc chắn sẽ già đi, giấc mơ của tuổi trẻ vĩnh viễn biến mất, cao điểm là số phận của bất cứ sự sinh ra nào trong thời gian. Làm sao có thể

tưởng tượng được một hình thức sinh ra một lần nữa? Đây là cách Nicôđê mô nghĩ và ông không thể tìm ra cách nào để hiểu được lời của Chúa Giêsu. Chính xác thì sự tái sinh này là gì?

Sự phản bác của Nicôđê mô dạy chúng ta nhiều điều. Thực vậy, chúng ta có thể đảo ngược nó, theo lời của Chúa Giêsu, với việc khám phá ra một sứ mệnh phù hợp với tuổi già. Thật vậy, già đi không những không phải là một trở ngại đối với việc sinh ra từ trên cao mà Chúa Giêsu muốn nói đến, mà còn trở thành thời điểm thích hợp để soi sáng nó, khiến nó không bị đánh đồng với niềm hy vọng đã mất. Thời đại của chúng ta và nền văn hóa của chúng ta, vốn chúng tỏ xu hướng đáng lo ngại coi việc sinh ra một đứa trẻ chỉ là vấn đề của diễn trình sản xuất con người và tái sản xuất họ về phương diện sinh học, nuôi dưỡng huyền thoại về tuổi trẻ vĩnh cửu như nỗi ám ảnh tuyệt vọng về một cơ thể không thể bị hủy hoại. Tại sao tuổi già không được đánh giá cao về nhiều mặt? Vì nó mang bằng chứng không thể chối cãi về sự kết liễu huyền thoại này, điều khiến chúng ta luôn muốn trở lại lòng mẹ để trở lại với một cơ thể trẻ trung.

Kỹ thuật, nhiều cách, đang rất hào hứng trước huyền thoại trên. Trong khi chờ đánh bại thần chết, chúng ta có thể giữ cho cơ thể sinh động bằng thuốc và mỹ phẩm có tác dụng làm chậm, giấu, xóa tuổi già. Đương nhiên, phúc lợi là một chuyện, huyền thoại nuôi dưỡng nó lại là một chuyện khác. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng sự nhầm lẫn giữa hai điều này đang tạo ra sự hoang mang tâm thần nào đó trong chúng ta. Nhầm lẫn giữa phúc lợi với việc nuôi dưỡng huyền thoại về tuổi trẻ vĩnh cửu. Phải làm mọi điều để luôn có tuổi trẻ này - trang điểm thật nhiều, can thiệp phẫu thuật thật nhiều để có vẻ ngoài trẻ trung. Những lời của một nữ diễn viên người Ý khôn ngoan, [Anna] Magnani, hiện ra trong tâm trí tôi, khi người ta nói với cô rằng cô phải xóa nếp nhăn, cô nói, “Không, không được chạm đến chúng! Phải mất rất nhiều năm để có được chúng đấy - đừng chạm đến chúng!” Các nếp nhăn ấy chính là: dấu hiệu của kinh nghiệm, dấu hiệu một cuộc sống, dấu hiệu của sự trưởng thành, dấu hiệu của một cuộc hành trình. Đừng chạm đến chúng để trở nên trẻ, để khuôn mặt anh chị em có thể trông trẻ ra. Điều quan trọng là toàn bộ nhân cách; trái tim mới quan trọng, và trái tim vẫn còn với tuổi trẻ của rượu ngon - rượu càng lâu năm càng ngon.

Cuộc sống trong xác phàm của chúng ta là một thực tại đẹp đẽ “chưa hoàn thành”, giống như một số tác phẩm nghệ thuật có sức hấp dẫn độc đáo chính là do tính chưa hoàn thành của chúng. Vì cuộc sống ở đây là một "sự khởi đầu", không phải là sự hoàn thành. Chúng ta bước vào thế giới giống như thế, giống như những người thực, như những người tiến tới tuổi tác nhưng luôn có thật. Nhưng sự sống trong xác phàm của chúng ta là một không gian và thời gian quá nhỏ để có thể giữ nó nguyên vẹn và mang nó tới chỗ trọn vẹn trong thời gian ở đời này, phần quý giá nhất trong cuộc hiện sinh của chúng ta. Chúa Giêsu nói rằng đức tin, điều chào đón việc loan báo Tin Mừng về vương quốc của Thiên Chúa mà chúng ta được định sẵn, chứa đựng một hiệu quả chính yêu phi thường. Nó cho phép chúng ta “nhìn thấy” vương quốc của Thiên Chúa. Chúng ta trở nên có khả năng thực sự nhìn thấy nhiều dấu hiệu cho thấy niềm hy vọng nên trọn của chúng ta đang tới gần, niềm hy vọng vốn mang trong cuộc đời chúng ta dấu hiệu được định sẵn để hưởng cuộc sống vĩnh cửu trong Thiên Chúa.

Các dấu hiệu ấy là các dấu hiệu của tình yêu Tin Mừng được Chúa Giêsu soi sáng bằng nhiều cách. Và nếu chúng ta có thể “nhìn thấy” chúng, chúng ta cũng có thể “vào” vương quốc qua ngả Chúa Thánh Thần, qua nước tái sinh.

Tuổi già là điều kiện ban cho nhiều người trong chúng ta trong đó phép lạ của việc sinh ra từ trên cao này có thể được đồng hóa một cách thân mật và trở nên đáng tin cậy đối với cộng

đồng nhân loại. Nó không thông truyền nỗi tiếc nuối sự ra đời trong thời gian, mà là tình yêu đối với đích đến cuối cùng của chúng ta. Ở góc độ này, tuổi già có một vẻ đẹp độc nhất vô nhị - chúng ta đang hành trình về phía Vĩnh cửu. Không ai có thể vào lại từ cung của mẹ mình, thậm chí không sử dụng chất thay thế nó của kỹ thuật và xã hội tiêu dùng. Đây không phải là khôn ngoan; đây không phải là cuộc hành trình đã được hoàn thành; đây là nhân tạo. Điều đó thật đáng buồn, ngay cả khi nó khả hữu. Người lớn tuổi tiến lên phía trước; người cao niên hành trình hướng về đích cuối cùng, hướng tới thiên đàng của Thiên Chúa; người cao niên hành trình với sự khôn ngoan của kinh nghiệm sống. Do đó, tuổi già là thời điểm đặc biệt để tách rời tương lai khỏi ảo tưởng kỹ trị của thuật sinh tồn sinh học và người máy, đặc biệt vì nó mở đường đưa người ta vào sự dịu dàng của từ cung sáng tạo và sinh sản của Thiên Chúa. Tôi muốn nhấn mạnh từ ngữ này ở đây - sự dịu dàng của người già. Anh chị em hãy quan sát cách một người ông hoặc một người bà nhìn các cháu của họ, cách họ ôm lấy cháu mình - sự dịu dàng, thoát mọi đau khổ của con người, đã chiến thắng những thử thách của cuộc đời và có thể trao tặng tình yêu thương, sự gần gũi yêu thương của một con người cho một con người khác. Sự dịu dàng này mở cửa giúp anh chị em hiểu được sự dịu dàng của Thiên Chúa. Thiên Chúa là như thế, Người biết ôm ấp như thế nào. Và tuổi già giúp chúng ta hiểu khía cạnh này của Thiên Chúa, Đấng là chính sự dịu dàng. Tuổi già là thời điểm đặc biệt để tách rời tương lai khỏi ảo tưởng kỹ trị, đó là thời điểm dịu dàng của Thiên Chúa, sự dịu dàng sẽ tạo ra, tạo ra một nẻo đường cho tất cả chúng ta.

Cầu xin Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta việc mở lại sứ mệnh tinh thần - và văn hóa - của tuổi già biết hòa hợp chúng ta với việc sinh ra từ trên cao. Khi nghĩ về tuổi già như thế, chúng ta có thể nói - tại sao nên văn hóa vứt bỏ này lại quyết định loại bỏ người già, coi họ là kẻ vô dụng? Người già là sứ giả của tương lai, người già là sứ giả của sự dịu dàng, người già là sứ giả của sự khôn ngoan từ kinh nghiệm sống. Chúng ta hãy tiến về phía trước và quan sát những người cao niên.

Chương Mười Sáu: Tuổi Già, Vui vẻ phục vụ đức tin học được trong lòng biết ơn (ngày 15/06/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đã lắng nghe bài tường thuật đơn giản và cảm động về việc chữa lành mẹ vợ của Ông Simong - người chưa được gọi là Phêrô - trong bản Tin Mừng Máccô. Tinh tiết ngắn gọn này, với những biến thể nhỏ nhưng đầy sức gợi cảm, cũng được thuật lại trong hai sách Tin Mừng Nhất lãm khác. Thánh Máccô viết: “Mẹ vợ ông Simong bị ốm vì sốt”. Chúng ta không biết đó có phải là một bệnh nhẹ hay không, nhưng về già, ngay cả một cơn sốt đơn giản cũng có thể nguy hiểm. Khi anh chị em già, anh chị em không còn kiểm soát được cơ thể của mình nữa. Người ta phải học cách lựa chọn những gì nên làm và những gì không nên làm. Sinh lực của cơ thể suy giảm và bỏ rơi ta, dù lòng ta không ngừng khao khát. Lúc đó, người ta phải học cách thanh lọc ham muốn: kiên nhẫn, lựa chọn những gì có thể yêu cầu được của cơ thể và của cuộc sống. Khi chúng ta già, chúng ta không thể làm những điều giống như khi chúng ta còn trẻ: cơ thể có một nhịp độ khác, và chúng ta phải lắng nghe cơ thể và chấp nhận giới hạn của nó. Tất cả chúng ta đều có những giới hạn này. Giờ đây, cả tôi nữa cũng phải dùng đến gậy chống.

Bệnh tật đè nặng lên người cao niên một cách mới lạ và khác biệt so với khi còn trẻ hay người lớn. Nó giống như một đòn giáng mạnh vào thời điểm vốn đã khó khăn. Nơi người già,

bệnh tật dường như đẩy nhanh cái chết và, dù gì, cũng làm giảm thời gian sống của chúng ta, điều mà chúng ta vốn coi là ngắn ngủi. Mỗi nghi ngờ lần khuất nói với chúng ta rằng chúng ta sẽ không hồi phục, “lần này sẽ là lần cuối cùng tôi bị ốm...”, và vân vân: những ý tưởng này xuất hiện. Người ta không thể hy vọng mơ về một tương lai mà bây giờ dường như không còn hiện hữu nữa. Một nhà văn nổi tiếng người Ý, Italo Calvino, đã ghi nhận sự cay đắng của những người già, những người phải chịu đựng việc mất mát những điều của quá khứ, nhiều hơn là tận hưởng sự xuất hiện của cái mới. Nhưng khung cảnh Tin Mừng mà chúng ta vừa nghe giúp chúng ta hy vọng và cung cấp cho chúng ta một bài học đầu tiên: Chúa Giêsu không một mình đến thăm bà già ốm yếu đó: Người đến đó cùng với các môn đệ. Và điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ một chút.

Chính cộng đồng Kitô hữu phải chăm sóc người già: họ hàng và bạn bè đã đành, nhưng cả cộng đồng nữa. Việc thăm hỏi người cao niên phải được thực hiện bởi nhiều người, với nhau và thường xuyên. Chúng ta đừng bao giờ quên ba dòng Tin Mừng này, đặc biệt là hiện nay số lượng người già đã tăng lên đáng kể, cả vấn đề người trẻ nữa, vì chúng ta đang ở trong mùa đông nhân khẩu này, chúng ta có ít con cái hơn, và chúng ta có nhiều người già và ít người trẻ hơn. Chúng ta phải cảm thấy có trách nhiệm thăm viếng những người già, những người thường ở một mình, và dâng họ lên Chúa bằng những lời cầu nguyện của chúng ta. Chính Chúa Giêsu dạy chúng ta cách yêu thương họ. “Một xã hội thực sự chào đón sự sống khi họ nhận ra rằng nó cũng đáng quý lúc tuổi già, lúc tàn tật, bệnh tật nghiêm trọng và ngay cả lúc đang tàn lụi” (*Thông điệp gửi cho Giáo hoàng Hàn lâm viện về Sự sống*, ngày 19 tháng 2 năm 2014). Cuộc sống luôn đáng quý. Khi thầy bà già đau yếu, Chúa Giêsu cầm tay bà và chữa lành cho bà. Cũng một cử chỉ Người đã sử dụng để hồi sinh thiếu nữ đã chết kia: Người nắm lấy tay cô và chữa lành cho cô, đặt cô trở lại trên đôi chân của cô. Với cử chỉ yêu thương dịu dàng này, Chúa Giêsu đã ban bài học đầu tiên cho các môn đệ: đó là, ơn cứu độ được loan báo, hay tốt hơn, được thông truyền qua việc quan tâm đến người bệnh đó; và đức tin của người phụ nữ tỏa sáng trong lòng biết ơn đối với sự âu yếm của Thiên Chúa, Đấng đã cúi xuống bà. Tôi trở lại với chủ đề tôi đã nhắc đi nhắc lại trong các bài giáo lý này: nên văn hóa vứt bỏ dường như đang loại bỏ người già. Đúng, nó không giết họ, nhưng về mặt xã hội, nó loại bỏ họ, như thể họ là một gánh nặng phải mang: tốt hơn là nên che giấu họ. Đây là sự phản bội lại chính nhân tính của chúng ta, đây là điều tồi tệ nhất, đây là sự lựa chọn sự sống tùy theo tiện ích, theo tuổi trẻ chứ không phải với cuộc sống vốn là, với sự khôn ngoan của người già, với giới hạn của người cao niên. Người già có nhiều thứ để cho chúng ta: có sự khôn ngoan của cuộc sống. Có nhiều điều để dạy chúng ta: đây là lý do tại sao chúng ta phải dạy trẻ em rằng ông bà của chúng phải được chăm sóc và thăm nom. Cuộc đối thoại giữa người trẻ và ông bà, con cái và ông bà, là nền tảng cho xã hội, nó là nền tảng cho Giáo hội, nó là nền tảng cho sự lành mạnh của sự sống. Nơi nào không có sự đối thoại giữa người trẻ và người già, sẽ thiếu một điều gì đó và một thế hệ lớn lên mà không có quá khứ, nghĩa là không có cội nguồn.

Nếu bài học đầu tiên là do Chúa Giêsu ban cho, thì bài học thứ hai được ban cho chúng ta bởi một người phụ nữ lớn tuổi, người đã đứng dậy và “phục vụ họ”. Ngay cả khi về già, người ta vẫn có thể, hay đúng hơn phải phục vụ cộng đồng. Điều tốt lành cho người lớn tuổi là trau dồi trách nhiệm phục vụ, thắng vượt con cảm dỗ muốn làm người bàng quan. Chúa không bác bỏ họ; trái lại, Người phục hồi cho họ sức mạnh để phục vụ. Và tôi muốn lưu ý điều này: không có sự nhấn mạnh đặc biệt nào về phía các tác giả Tin Mừng: họ chỉ bình thường đi theo con đường đào tạo mà họ sẽ trải nghiệm trong trường học của Chúa Giêsu, điều mà các môn đệ sẽ học được một cách trọn vẹn. Những người cao niên nào vẫn giữ được thiên hướng hàn gắn, an ủi, cầu thay cho anh chị em mình – bất kể họ là môn đệ, các viên bách quản, những người bị quấy rầy bởi ma quỷ, những người bị hất hủi – đều là chứng từ cao nhất cho

sự trong sạch của lòng biết ơn đi kèm với đức tin này. Nếu những người cao niên, thay vì bị bác bỏ và gạt ra khỏi khung cảnh của những biến cố đánh dấu đời sống cộng đồng, được đặt vào trung tâm chú ý của tập thể, họ sẽ được khuyến khích thực thi thừa tác vụ biết ơn đầy giá trị đối với Thiên Chúa, Đấng không quên ai. Lòng biết ơn của những người cao niên đối với các ơn phúc nhận được từ Thiên Chúa trong suốt cuộc đời của họ, như mẹ vợ của Thánh Phêrô dạy chúng ta, khôi phục cho cộng đồng niềm vui sống chung, và mang đến cho đức tin của các môn đệ đặc điểm thiết yếu của đích điểm nó nhắm tới.

Nhưng chúng ta phải biết rõ rằng tinh thần cầu thay và phục vụ, mà Chúa Giêsu quy định cho tất cả các môn đệ, không chỉ là vấn đề dành cho phụ nữ: không có dấu vết giới hạn này trong lời nói và cử chỉ của Chúa Giêsu. Việc phục vụ theo Tin Mừng lòng biết ơn đối với sự dịu dàng âu yếm của Thiên Chúa không hề được viết theo ngữ pháp trong đó người đàn ông là chủ và người đàn bà là kẻ hầu hạ. Tuy nhiên, điều này không làm ta sao lãng sự kiện này là người đàn bà, với lòng biết ơn và sự dịu dàng của đức tin, có thể dạy cho người đàn ông những điều mà họ cảm thấy khó hiểu hơn. Trước khi các Tông đồ đến, mẹ vợ của Thánh Phêrô, theo gương Chúa Giêsu, cũng đã chỉ đường cho họ rồi. Và sự dịu dàng đặc biệt của Chúa Giêsu, Đấng đã “cầm tay bà” và “nâng bà dậy”, cho thấy rõ ngay từ ban đầu, sự miễn cảm đặc biệt của Người đối với những người yếu đuối và bệnh tật, điều mà Con Thiên Chúa chắc chắn đã học được từ Mẹ Người. Xin cho chúng ta bảo đảm rằng những người già, những ông bà, gần gũi với con cái, với lớp trẻ, để lưu truyền ký ức sống này, truyền lại kinh nghiệm sống này, sự khôn ngoan của cuộc sống này. Bao lâu chúng ta bảo đảm được việc người trẻ và người già nối kết với nhau, thì bấy lâu sẽ có nhiều hy vọng hơn cho tương lai của xã hội chúng ta.

Chương Mười Bảy: Tuổi già, Thánh Phêrô và Thánh Gioan (ngày 22/06/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình giáo lý của chúng ta về tuổi già, hôm nay chúng ta suy niệm về cuộc đối thoại giữa Chúa Giêsu Phục sinh và Thánh Phêrô ở cuối Tin Mừng Gioan (21: 15-23). Đó là một cuộc đối thoại cảm động, từ đó sáng lên trọn tình yêu của Chúa Giêsu dành cho các môn đệ, và cả nhân tính cao cả trong mối liên hệ giữa Người với họ, đặc biệt là với Thánh Phêrô: một mối liên hệ dịu dàng, nhưng không sâu muộn; trực tiếp, mạnh mẽ, tự do và cởi mở. Mối liên hệ giữa những con người và trong sự thật. Vì vậy, Tin Mừng Gioan, rất tâm linh, rất cao cả, kết thúc bằng một lời thỉnh cầu và lời đề nghị sâu sắc về tình yêu giữa Chúa Giêsu và Thánh Phêrô, được kết hợp với nhau, một cách khá tự nhiên, với cuộc thảo luận giữa các vị. Thánh sử cảnh báo chúng ta: Người đang làm chúng cho chân lý của các sự kiện (x. Ga 21:24). Và chính trong các sự kiện, sự thật cần được tìm kiếm.

Chúng ta có thể tự hỏi mình: liệu chúng ta có khả năng duy trì ý nghĩa của mối liên hệ giữa Chúa Giêsu với các môn đệ, theo phong cách của Người là cởi mở, thẳng thắn, trực tiếp, thật nhân bản không? Mối liên hệ của chúng ta với Chúa Giêsu ra sao? Có phải như thế này, giống như mối liên hệ của các Tông đồ với Người không? Há, thay vào đó, chúng ta không thường bị cám dỗ muốn bọc chúng từ Tin Mừng trong cái kén của một mặc khải ‘bọc đường’, thêm vào đó là sự tôn kính tùy hoàn cảnh của chúng ta đó sao? Thái độ xem ra có vẻ tôn trọng này thực sự khiến chúng ta xa rời Chúa Giêsu đích thực, và thậm chí trở thành cơ hội cho một hành trình đức tin rất trừu tượng, rất tự quy chiếu, rất trần tục, không phải là con đường của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu là Lời Thiên Chúa làm người, và Người coi chính Người

như một con người, Người nói với chúng ta như một con người, Thiên Chúa - làm người. Với sự dịu dàng này, với tình bạn này, với sự gần gũi này. Chúa Giêsu không giống như hình ảnh ngọt như đường trong các thiệp hình ảnh, không: Chúa Giêsu đang ở gần tay, Người ở gần chúng ta.

Trong cuộc thảo luận của Chúa Giêsu với Thánh Phêrô, chúng ta thấy hai đoạn văn bản đến chính tuổi già và thời gian trôi qua: thời gian của chúng ta, thời gian sống. Đoạn đầu tiên là lời cảnh báo của Chúa Giêsu nói với Thánh Phêrô: khi còn trẻ, con là người tự lập, khi về già, con sẽ không còn làm chủ được chính mình và cuộc sống của mình nữa. Anh chị em cứ nói với tôi là tôi phải ngồi xe lăn hả? Nhưng sự đời là thế, đó là cuộc sống. Với tuổi già, anh chị em mắc mọi chứng bệnh này và chúng ta phải chấp nhận chúng khi chúng đến, phải không. Chúng ta không có sức mạnh của tuổi trẻ! Và chúng ta của anh chị em cũng sẽ đi kèm với điểm yếu này. Anh chị em phải làm nhân chứng cho Chúa Giêsu ngay cả trong lúc yếu đuối, bệnh tật và cái chết. Có một đoạn văn rất hay của Thánh Inhaxiô thành Loyola, Người nói rằng: “Trong cuộc sống cũng như trong cái chết, chúng ta đều phải làm chứng như các môn đệ của Chúa Giêsu.” Kết thúc cuộc đời phải là kết thúc cuộc đời làm môn đệ: làm môn đệ Chúa Giêsu, vì Chúa luôn nói với chúng ta tùy theo tuổi tác của chúng ta. Thánh sử cho biết thêm lời bình luận của Người; Người giải thích rằng Chúa Giêsu có ý nói đến chúng ta tội cùng, đó là chúng ta tử đạo và cái chết.

Nhưng chúng ta có thể hiểu một cách tổng quát hơn ý nghĩa của lời khuyên này: việc theo chân của anh chị em sẽ phải học cách cho phép bản thân được hướng dẫn và hun đúc bởi sự yếu đuối của anh chị em, sự bất lực của anh chị em, sự phụ thuộc của anh chị em vào người khác, ngay cả trong việc ăn mặc, đi lại. Nhưng anh chị em: “Hãy theo tôi” (câu 19). Theo Chúa Giêsu là luôn luôn tiến về phía trước, trong lúc có sức khoẻ tốt, cũng như trong lúc sức khoẻ không tốt lắm; tự cung tự cấp, dù không tự cung tự cấp được về thể lý. Nhưng điều quan trọng là theo chân Chúa Giêsu: luôn theo Chúa Giêsu, bằng đôi chân của anh chị em, chạy, đi chậm, ngồi trên xe lăn... nhưng luôn luôn bước chân theo Người. Sự khôn ngoan của việc theo chân [Chúa Giêsu] phải tìm cách trung thành với lời tuyên xưng đức tin của mình - do đó Thánh Phêrô đã đáp lại: “Lạy Chúa, Chúa biết rằng con yêu Chúa” (câu 15.16.17) - ngay trong những điều kiện yếu đuối hạn chế và tuổi già. Tôi thích nói chuyện với người già, nhìn vào mắt họ: họ có đôi mắt sáng, đôi mắt đó nói với anh chị em nhiều hơn lời nói, chứng tá một cuộc đời. Và điều này đẹp đẽ, chúng ta phải bảo tồn nó cho đến cùng. Như vậy theo Chúa Giêsu là tràn đầy sức sống.

Cuộc trò chuyện này giữa Chúa Giêsu và Thánh Phêrô chứa đựng một lời dạy có giá trị cho tất cả các môn đệ, cho tất cả chúng ta là những người tin Chúa, và cho tất cả những người lớn tuổi. Từ sự yếu đuối của mình, chúng ta học cách phát biểu tính nhất quán của chúng ta cuộc sống của chúng ta trong những điều kiện của cuộc sống phần lớn được giao phó cho người khác, phần lớn phụ thuộc vào sáng kiến của người khác. Với bệnh tật, với tuổi già, sự lệ thuộc ngày càng lớn hơn và chúng ta không còn tự lập như trước nữa; điều này lớn hơn và ở đó đức tin cũng trưởng thành, ở đây Chúa Giêsu cũng hiện diện với chúng ta, ở đó sự phong phú của đức tin được sống tốt suốt trên đường đời cũng nở rộ.

Nhưng một lần nữa, chúng ta phải tự hỏi: liệu chúng ta có một nền linh đạo thực sự có khả năng giải thích được thời kỳ yếu đuối của chúng ta tuy được giao phó cho người khác, nhưng lại lớn hơn cả sức mạnh lúc chúng ta còn tự chủ không? Làm thế nào để chúng ta trung thành với hành vi sống động bước chân theo [Chúa Giêsu], với tình yêu đã hứa hẹn, với công lý tìm kiếm trong thời gian chúng ta có khả năng chủ động, trong thời gian mong manh, trong thời gian lệ thuộc, chia tay, trong thời gian thay đổi không còn là người chủ động cuộc sống của

chúng ta nữa? Điều này không dễ dàng, phải không? Rời xa vai trò chủ động. Không hề dễ dàng.

Thời điểm mới này chắc chắn cũng là thời gian thử thách - bắt đầu bằng cơn cám dỗ - rất nhân bản, không nghi ngờ gì, nhưng cũng rất quý quýet – muốn bảo vệ tư cách chủ động của chúng ta. Và có lúc người chủ động phải nhỏ đi, phải hạ mình xuống, chấp nhận rằng tuổi già làm giảm thiểu anh chị em như những người chủ động. Nhưng anh chị em sẽ có một cách khác để tự phát biểu mình, một cách khác để tham gia vào gia đình, vào xã hội, vào nhóm bạn bè.

Và đó là sự tò mò đến đến với Thánh Phêrô: "Còn anh ta thì sao?" Thánh Phêrô nói, khi thấy môn đệ yêu dấu đi theo họ (xem câu 20-21). Chĩa mũi vào cuộc sống của người khác. Nhưng không: Chúa Giêsu nói: "Im đi!". Anh ta có phải là thành phần của việc "tôi" theo chân [Chúa Giêsu] đâu? Anh ta có chiếm không gian của "tôi" đâu? Anh ta có là người kế nhiệm tôi đâu? Đây là những câu hỏi không tốt, không hữu ích. Anh ta có phải sống lâu hơn tôi và thế chỗ của tôi đâu? Câu trả lời của Chúa Giêsu rất thẳng thắn và thậm chí nặng nề: "Điều đó liên quan gì đến anh? Anh hãy lo lắng về cuộc sống của chính mình, về hoàn cảnh hiện tại của mình chứ không nên chú tâm vào cuộc sống của người khác. Nó liên quan gì đến anh? Anh theo tôi" (câu 22).

Đây là điều quan trọng: theo Chúa Giêsu, theo Chúa Giêsu khi sống và khi chết, lúc khỏe và lúc bệnh, trong cuộc sống sung túc với nhiều thành công, và trong cuộc sống gặp khó khăn, trong nhiều lúc thất bại tồi tệ. Và khi chúng ta muốn xen vào cuộc sống của người khác, Chúa Giêsu trả lời, "Điều đó liên quan gì đến anh? Anh đi theo tôi." Quả đẹp đẽ.

Người già chúng ta không nên ghen tị với những người trẻ đang đi con đường của họ, những người chiếm vị trí của chúng ta, những người sống lâu hơn chúng ta. Niềm vinh dự của chúng ta vì lòng trung thành với tình yêu đã thề nguyện, trung thành với việc tuân theo đức tin mà chúng ta đã tin tưởng, cả trong những điều kiện đưa chúng ta đến gần cuối đời hơn, là điều khiến chúng ta được sự ngưỡng mộ của các thế hệ mai sau và sự ghi nhận biết ơn của Chúa. Học để biết cách chia tay: đây là sự khôn ngoan của người già. Nhưng nói lời từ biệt một cách tốt đẹp, cẩn trọng, với một nụ cười, để chia tay với xã hội, với những người khác. Đời người cao niên là một cuộc chia tay từ từ, chậm rãi, nhưng đầy niềm vui: Tôi đã sống, tôi đã giữ trọn niềm tin. Điều này thật đẹp đẽ, khi một người lớn tuổi có thể nói, "Tôi đã sống cuộc đời, đây là gia đình của tôi; Tôi đã sống cuộc sống, tôi là một người tội lỗi nhưng tôi cũng đã làm điều tốt". Và sự bình yên đến, đó là lời vĩnh biệt của vị trưởng thượng.

Ngay cả việc bắt buộc thụ động theo chân [Chúa Giêsu], bao gồm việc nhiệt thành suy gẫm và say mê lắng nghe lời của Chúa, như Maria, em gái của Ladarô đã làm, cũng trở thành phần tốt nhất trong cuộc đời của họ, trong cuộc đời của những người già chúng ta. Xin cho phần này không bao giờ bị tước đoạt khỏi chúng ta nữa, không bao giờ nữa (x. *Lc* 10:42). Chúng ta hãy nhìn người già, chúng ta hãy nhìn họ, và chúng ta hãy giúp đỡ họ để họ sống và phát biểu sự khôn ngoan trong cuộc sống, để họ cho chúng ta những gì đẹp đẽ và tốt đẹp nơi họ. Chúng ta hãy nhìn vào họ, chúng ta hãy lắng nghe họ. Và chúng ta, những người lớn tuổi, chúng ta hãy nhìn những người trẻ, và luôn nở nụ cười với những người trẻ: họ sẽ bước chân theo đường, họ sẽ tiếp tục những gì chúng ta đã gieo, ngay cả những gì chúng ta chưa gieo vì chúng ta không đủ can đảm hoặc cơ hội: họ sẽ mang nó về phía trước. Nhưng luôn luôn với mối liên hệ này.

Chương Mười Tám: Tông du Canada

(ngày 03/08/2022)

Buổi yết kiến chung sáng nay diễn ra lúc 09:00 tại Hội trường Paul VI. Trong bài diễn văn bằng tiếng Ý, Đức Thánh Cha tập trung vào Hành trình Tông đồ gần đây của ngài tại Canada (Bài đọc Kinh thánh: Lc 24: 13-15). Sau khi tóm tắt bài giáo lý của mình bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, Đức Thánh Cha đã gửi lời chào đặc biệt đến các tín hữu hiện diện. Sau đó, ngài đã đưa ra lời kêu gọi dành cho Lebanon, nhân kỷ niệm hai năm vụ nổ ở cảng Beirut. Buổi Yết kiến Chung kết thúc bằng việc đọc kinh Lạy Cha và phép lành tông tòa.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ một số suy gẫm với anh chị em về hành trình tông đồ mà tôi đã thực hiện đến Canada trong những ngày gần đây. Nó không giống như những cuộc hành trình khác. Thực vậy, động cơ chính là gặp gỡ những người dân bản địa để bày tỏ với họ sự gần gũi và nỗi buồn của tôi, và cầu xin sự tha thứ - cầu xin sự tha thứ - cho những tổn hại mà các Kitô hữu, bao gồm nhiều người Công Giáo, đã gây ra cho họ vì trong quá khứ đã hợp tác trong các chính sách cưỡng bức đồng hóa và giải phóng của các chính phủ thời đó.

Trong ý hướng trên, Canada đã bắt tay vào quá trình viết một trang mới, một trang mới, trong cuộc hành trình được Giáo hội đồng hành cùng các dân tộc bản địa đã một thời gian nay. Và quả thực, phương châm của cuộc hành trình, “Cùng nhau bước đi”, đã giải thích phần nào điều này. Một con đường hòa giải và hàn gắn, vốn giả định kiến thức lịch sử, lắng nghe những người sống sót, nhận thức và trên hết là sự hoán cải, sự thay đổi não trạng. Nghiên cứu sâu xa này cho thấy rằng, một mặt, một số người nam nữ của Giáo hội ở trong số những người ủng hộ cương quyết và can đảm nhất cho phẩm giá của người bản địa, bảo vệ họ và góp phần nâng cao nhận thức về ngôn ngữ và văn hóa của họ; nhưng mặt khác, rất tiếc là không thiếu các Kitô hữu, nghĩa là các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân, đã tham gia vào các chương trình mà ngày nay chúng ta hiểu là không thể chấp nhận được và cũng trái với Tin Mừng. Và đây là lý do tại sao tôi thay mặt Giáo hội cầu xin sự tha thứ.

Do đó, nó là một cuộc hành hương đền tội. Có rất nhiều khoảnh khắc vui vẻ, nhưng ý nghĩa và giai điệu chung là sự suy gẫm, ăn năn và hòa giải. Bốn tháng trước, tôi đã tiếp các đại diện của các dân tộc bản địa tại Vatican, theo từng nhóm riêng biệt: tổng cộng có sáu cuộc họp, để chuẩn bị một chút cho cuộc gặp gỡ này.

Có ba chặng chính trong cuộc hành hương: chặng đầu tiên ở Edmonton, miền Tây đất nước. Thứ hai, ở Québec, ở phía đông. Và thứ ba ở phía bắc, ở Iqaluit, có lẽ cách vòng bắc cực 300 km. Cuộc họp đầu tiên diễn ra tại Maskwacis - “Đồi Gấu” - nơi tập hợp các thủ lĩnh và thành viên của các nhóm bản địa chính, từ khắp nơi trên đất nước: *Các Quốc gia Đầu tiên, Métis và Inuit*. Chúng tôi cùng nhau *tưởng niệm*: ký ức tốt đẹp về lịch sử hàng nghìn năm của các dân tộc này, trong sự hòa hợp với mảnh đất của họ. Đây là một trong những điều đẹp nhất của các dân tộc bản địa, sự hòa hợp của họ với vùng đất. Họ không bao giờ ngược đãi sáng thế, không bao giờ. Hòa hợp với đất. Và chúng tôi kể lại ký ức đau buồn về sự ngược đãi mà họ phải chịu, cũng tại các trường nội trú, do chính sách đồng hóa văn hóa.

Sau phần tưởng niệm, bước thứ hai trong cuộc hành trình của chúng tôi là *hòa giải*. Không phải là một sự thỏa hiệp giữa chúng tôi - đó sẽ là một ảo tưởng, *một dàn cảnh* - nhưng để chúng tôi được hòa giải với Chúa Kitô, Đấng là hòa bình của chúng ta (x. Ep 2:14). Chúng tôi đã làm điều này bằng cách lưu giữ như một điểm tham chiếu hình ảnh của cây, trung tâm của

cuộc sống và biểu tượng của người dân bản địa.

Tưởng niệm, hòa giải, và do đó *hàn gắn*. Chúng tôi thực hiện bước thứ ba này của cuộc hành trình trên bờ Hồ Sainte-Anne, chính vào ngày lễ các Thánh Gioakim và Anna. Tất cả chúng tôi đã có thể rút ra từ Chúa Kitô, nguồn nước, và ở đó, nơi Chúa Giêsu, chúng tôi thấy sự gần gũi của Chúa Cha, Đấng hàn gắn các vết thương và cũng là Đấng tha thứ tội lỗi.

Từ cuộc hành trình tưởng niệm, hòa giải và hàn gắn này, phát sinh nguồn hy vọng cho Giáo hội, ở Canada và khắp mọi nơi. Và ở đó, hình ảnh các môn đệ Emmau, những người, sau khi bước đi với Chúa Giêsu Phục sinh, với Người và vì Người, đã từ thất bại chuyển sang hy vọng (x. Lc 24:13-35). Đã bao nhiêu lần trong lịch sử, các môn đệ của Chúa Kitô đã đi lại con đường Emmau này!

Như tôi đã nói ở phần đầu, cuộc hành trình cùng với những người dân bản địa đã tạo thành xương sống của cuộc hành trình tông đồ này. Hai cuộc gặp gỡ với Giáo hội địa phương và với các nhà chức trách của đất nước, những người mà tôi muốn nhắc lại lòng biết ơn chân thành về lòng hiếu khách tuyệt vời của họ và sự chào đón nồng nhiệt mà họ đã dành cho tôi và các cộng tác viên của tôi. Và đối với các giám mục cũng vậy. Trước các Thống đốc, các nhà lãnh đạo bản địa và các đoàn ngoại giao, tôi tái khẳng định ý chí tích cực của Tòa thánh và các cộng đồng Công Giáo địa phương trong việc *cổ vũ văn hóa bản địa*, với những con đường tâm linh thích hợp và chú ý đến các phong tục và ngôn ngữ của các dân tộc. Đồng thời, tôi lưu ý *nỗ trạng thực dân hóa* hiện diện ngày nay ra sao dưới nhiều hình thức thực dân hóa ý thức hệ, đe dọa các truyền thống, lịch sử và mối ràng buộc tôn giáo của các dân tộc, xóa bỏ những khác biệt, chỉ tập trung vào hiện tại và thường làm ngơ nhiệm vụ đối với những người yếu ớt và mong manh nhất. Do đó, vấn đề khôi phục *sự cân bằng lành mạnh*, khôi phục sự hài hòa, vốn lớn hơn sự cân bằng, nó là một điều khác thế; khôi phục sự hài hòa giữa văn hóa hiện đại và tổ tiên, giữa thế tục hóa và các giá trị tinh thần. Và điều này đề cập trực tiếp đến sứ mệnh của Giáo Hội, được sai đi khắp nơi trên thế giới để làm chứng và “giao” tình huynh đệ phổ quát biết tôn trọng và cổ vũ chiều kích địa phương với sự phong phú đa dạng của nó (x. Thông điệp *Fratelli tutti*, 142-153). Tôi đã nói rồi, nhưng tôi muốn khẳng định lại lời cảm ơn của tôi đối với các cấp chính quyền dân sự, Toàn quyền, Thủ tướng, chính quyền địa phương của các nơi tôi đến: Tôi rất cảm ơn quý vị đã giúp đỡ rất nhiều để việc này được thực hiện. Và tôi cảm ơn các giám mục, trên hết tôi cảm ơn các Người vì sự hợp nhất của hàng giám mục: việc này có thể diễn ra, về phía chúng ta, là nhờ các giám mục đã hợp nhất, và ở đâu có sự hợp nhất thì người ta có thể tiến hành. Vì vậy, tôi muốn nhấn mạnh điều này và cảm ơn các giám mục Canada về sự hợp nhất này.

Và cuộc gặp gỡ cuối cùng được đánh dấu bằng hy vọng, tại vùng đất của *người Inuit*, với *những người trẻ* và *những người già*. Và tôi bảo đảm với anh chị em rằng trong những cuộc gặp gỡ này, nhất là cuộc gặp gỡ cuối cùng, tôi đã cảm nhận được nỗi đau của những người đó, những gì họ đã mất... những người già cả mất hết con cái của họ và không biết họ sẽ ra sao, do chính sách đồng hóa này. Đó là một khoảnh khắc rất đau đớn, nhưng chúng ta phải đối đầu với nó: chúng ta phải đối đầu với lỗi lầm của mình, tội lỗi của mình. Ở Canada cũng vậy, người trẻ và người già tạo thành một cặp đôi chủ yếu, một dấu hiệu của thời đại: người trẻ và người già đối thoại với nhau để cùng nhau lữ hành trong lịch sử giữa *tưởng niệm* và *lời tiên tri*, vốn căng thẳng với nhau. Cầu mong cho lòng can đảm và hành động hòa bình của các dân tộc bản địa của Canada nên tấm gương cho tất cả các dân tộc nguyên thủy không khép mình lại, nhưng công hiến sự đóng góp không thể thiếu của họ cho một nhân loại huynh đệ hơn, biết cách yêu thương sáng thế và Đấng sáng tạo, hòa hợp với sáng thế, trong sự hài hòa giữa tất cả anh chị em. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Chín: Tuổi già, thời gian qua đi không phải đe dọa mà là hứa hẹn (ngày 10/08/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Giờ đây, chúng ta dự buổi giáo lý cuối cùng dành cho tuổi già. Hôm nay chúng ta đi vào sự thân mật đầy xúc động của cảnh Chúa Giêsu từ biệt các môn đệ của Người, được kể lại đầy đủ trong Tin Mừng Gioan. Diễn từ chia tay bắt đầu bằng những lời an ủi và hứa hẹn: “Lòng các con đừng xao xuyến” (Ga 14: 1). “Nếu Thầy đi dọn chỗ cho các con, thì Thầy lại đến và đem các con về với Thầy, để Thầy ở đâu, các con cũng ở đó” (14: 3). Những lời này của Chúa thật đẹp đẽ.

Ngay trước đó, Chúa Giêsu đã nói với Thánh Phêrô rằng: “Sau này con sẽ đi theo” (13:36), nhắc Người nhớ lại đoạn đường đi qua sự mong manh của đức tin Người. Thời gian sống còn lại của các môn đệ chắc chắn sẽ là một chặng đường phải đi qua sự mong manh của chứng tá và các thách thức của tình huynh đệ. Nhưng nó cũng sẽ là một việc đi qua các phước lành đầy thích thú của đức tin: “ai tin vào Thầy, thì người đó cũng sẽ làm được những việc Thầy làm. Người đó còn làm những việc lớn hơn nữa” (14:12). Nghĩ mà xem đây quả là một lời hứa hẹn lớn lao! Tôi không biết liệu chúng ta có nghĩ về nó một cách đầy đủ hay không, nếu chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào nó! Tôi không biết, đôi khi, tôi nghĩ là không.

Tuổi già là lúc thích hợp để làm chứng một cách xúc động và hân hoan cho sự mong đợi. Người đàn ông và đàn bà lớn tuổi đang chờ đợi, chờ đợi một cuộc gặp gỡ. Nơi tuổi già, những việc làm của đức tin, tức những việc đưa chúng ta và những người khác đến gần hơn với Nước Thiên Chúa, giờ đây đã vượt quá sức mạnh của nghị lực, lời nói và sự thôi thúc của tuổi trẻ và sự trưởng thành. Nhưng chính bằng cách này, chúng làm cho lời hứa về đích đến đích thực của cuộc đời trở nên minh bạch hơn. Và đâu là điểm đến đích thực của cuộc đời? Một chỗ nơi bàn ăn với Thiên Chúa, trong thế giới của Thiên Chúa. Điều đáng lưu ý là xét xem liệu trong các Giáo hội địa phương có tài liệu tham khảo chuyên biệt nào nhằm mục đích làm hồi sinh thừa tác vụ đặc biệt trông đợi Chúa này hay không - đó là một thừa tác vụ, thừa tác vụ trông đợi Chúa - khuyến khích các đặc sủng cá nhân và các phẩm chất cộng đồng của người cao niên.

Tuổi già nào bị tiêu hao trong việc từ chối các cơ hội bỏ lỡ sẽ mang đến sự chán nản cho bản thân và cho những người khác. Trái lại, tuổi già nào sống hòa nhã, sống tôn trọng cuộc sống thực sự, dứt khoát xóa bỏ quan niệm sai lầm về một Giáo hội thích ứng với hoàn cảnh thế gian, nghĩ rằng làm như vậy, Giáo hội có thể dứt khoát cai quản sự hoàn thiện và nên trọn của mình. Khi chúng ta dứt bỏ được giả định này, thì thời gian già đi mà Thiên Chúa ban cho chúng ta tự nó đã là một trong những công việc “lớn hơn nữa” mà Chúa Giêsu nói đến. Thực tế, đó là một nhiệm vụ mà Chúa Giêsu không được ban cho để hoàn thành: cái chết của Người, sự phục sinh và sự lên trời của Người đã làm cho chúng ta có thể thực hiện được điều đó! Chúng ta hãy nhớ rằng “thời gian vượt trội hơn không gian”. Đó là luật khai tâm. Đời sống chúng ta không được tạo ra để gói gọn trong chính nó, trong một sự hoàn hảo trần thế tưởng tượng: nó được định sẵn để đi tới bên kia, thông qua cái chết - bởi vì cái chết là một cuộc vượt qua. Thật vậy, nơi ổn định của chúng ta, điểm đến của chúng ta không phải là ở đây, mà là ở bên cạnh Chúa, nơi Người ngự mãi mãi.

Ở đây, trên trái đất này, diễn trình “nhà tập” của chúng ta bắt đầu: chúng ta là những người

học việc cuộc sống, những người - giữa hàng ngàn khó khăn - học cách trân trọng hồng ân của Thiên Chúa, tôn trọng trách nhiệm chia sẻ nó và làm cho nó sinh hoa kết trái cho mọi người. Thời gian sống trên trái đất là ân sủng của cuộc vượt qua này. Sự cao ngạo muốn dùng thời gian lại - muốn trẻ mãi không già, hạnh phúc không giới hạn, quyền lực tuyệt đối - không những bất khả, mà còn là ảo tưởng.

Sự hiện hữu của chúng ta trên trái đất là thời điểm khai tâm sự sống: nó là sự sống, nhưng là sự sống dẫn anh chị em tới một sự sống đầy đủ hơn, sự khai tâm của một sự sống trọn vẹn hơn; một sự sống chỉ tìm được sự nên trọn trong Thiên Chúa. Chúng ta không hoàn hảo ngay từ đầu, và chúng ta vẫn không hoàn hảo cho đến cuối cùng. Trong việc nên trọn lời hứa của Thiên Chúa, mỗi quan hệ được đảo ngược: không gian của Thiên Chúa, mà Chúa Giêsu chuẩn bị cho chúng ta một cách hết sức quan tâm, vượt trội hơn thời gian của cuộc sống trần thế của chúng ta. Do đó: tuổi già mang hy vọng về sự nên trọn này lại gần hơn. Đến đây, tuổi già biết một cách dứt khoát ý nghĩa của thời gian và các giới hạn của nơi chốn nơi chúng ta sống trong cuộc khai tâm của mình. Đây là lý do tại sao tuổi già là khôn ngoan: người già khôn ngoan vì lý do này. Đây là lý do tại sao nó đáng tin cậy khi nó mời gọi chúng ta hân hoan trong thời gian trôi qua: nó không phải là một mối đe dọa, nó là một lời hứa hẹn. Tuổi già là cao quý, không cần phải làm đẹp cho bản thân mới bày tỏ được sự cao quý. Có lẽ vì thiếu sự cao quý nên mới phải nguy trang. Tuổi già đáng tin cậy khi nó mời gọi ta hân hoan trong thời gian trôi qua: nhưng thời gian vẫn trôi qua mà... Đúng, nhưng đây không phải là một mối đe dọa, đó là một lời hứa hẹn. Tuổi già nào biết tái khám phá chiều sâu của cái nhìn đức tin, từ bản chất không phải là bảo thủ, như người ta nói! Thế giới của Thiên Chúa là một không gian vô tận, trong đó thời gian trôi qua không còn quan trọng chi nữa. Và chính trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu đã dự phóng tới mục tiêu này, khi Người nói với các môn đệ: “Thầy bảo cho các con biết: từ nay, Thầy không còn uống thứ sản phẩm này của cây nho, cho đến ngày Thầy cùng các con uống thứ rượu mới trong Nước của Cha Thầy” (Mt 26:29). Người đã đi quá bên kia. Trong lời rao giảng của chúng ta, Địa Đàng thường tràn đầy hạnh phúc, ánh sáng và tình yêu. Có lẽ nó thiếu sự sống một chút. Trong các dụ ngôn, Chúa Giêsu nói về vương quốc của Thiên Chúa bằng cách đặt thêm sự sống vào đó. Phải chăng chúng ta không còn khả năng này? Sự sống vẫn tiếp tục...

Anh chị em thân mến, tuổi già, sống trong sự trông đợi Chúa, có thể trở thành “lời hộ giáo” đã nên trọn của đức tin, mang lại cơ sở cho mọi người, cho niềm hy vọng của chúng ta đối với tất cả mọi người (x. *1Pr* 3:15). Bởi vì tuổi già làm cho lời hứa của Chúa Giêsu trở nên minh bạch, dự phóng tới Thành Thánh mà Sách Khải Huyền vốn nói tới (chương 21-22). Tuổi già là giai đoạn sống thích hợp nhất để truyền bá tin vui rằng cuộc sống là bước khai tâm dẫn tới sự nên trọn cuối cùng. Người già là một lời hứa, một chứng tá của lời hứa. Điều tốt đẹp nhất vẫn chưa tới. Điều tốt nhất vẫn chưa đến: nó giống như lời nhấn nhủ của những tín hữu cao niên, điều tốt nhất vẫn chưa đến. Xin Thiên Chúa ban cho tất cả chúng ta một tuổi già có khả năng này! Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi: Tương quan giữa thần hiện trong sách Khải huyền và Tuổi già (ngày 17/08/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Những lời chúng ta nghe về giấc mơ của Đanien gợi lên một thị kiến màu nhiệm, và đồng thời, vinh quang về Thiên Chúa. Thị kiến này được lấy ở phần đầu Sách Khải Huyền liên quan đến Chúa Giêsu Phục Sinh, Đấng đã hiện ra với Người thị kiến trong tư cách Mêxia, Linh mục và Vương đế, vĩnh cửu, toàn tri và bất biến (1: 12-15). Người đặt tay lên vai Người Thị kiến và trấn an vị này: ““Đừng sợ! Ta là Đầu và là Cuối. Ta là Đấng Hằng Sống, Ta đã chết, và nay Ta sống đến muôn thuở muôn đời” (câu 17-18). Do đó, làm biến mất rào cản cuối cùng của nỗi sợ hãi và thống khổ mà việc *thần hiện* luôn gây ra. Đấng Hằng Sống trấn an chúng ta, Người ban cho chúng ta sự an toàn. Người cũng đã chết, nhưng bây giờ chiếm được nơi vốn định sẵn cho Người - nơi Đầu tiên và nơi Cuối cùng.

Trong sự đan xen các biểu tượng này - có rất nhiều biểu tượng ở đây - có một khía cạnh có lẽ có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về mối liên hệ của việc *thần hiện* này, của việc Thiên Chúa hiện ra này, với chu kỳ sự sống, thời gian lịch sử, quyền chúa tể của Thiên Chúa đối với thế giới thụ tạo. Và khía cạnh này được nối kết một cách đặc biệt với tuổi già. Nó được nối kết ra sao? Ta hãy xem.

Thị kiến truyền đạt một ấn tượng về sinh lực và sức mạnh, cao quý, đẹp đẽ và quyến rũ. Y phục của Người, đôi mắt Người, giọng nói Người, đôi chân Người - mọi thứ đều vinh hiển trong thị kiến này: tất cả đều là về một thị kiến! Tuy nhiên, tóc của Người trắng - như len, như tuyết - như tóc của một ông già. Thuật ngữ Kinh thánh được sử dụng rộng rãi nhất để chỉ một ông già là "zaqen", bắt nguồn từ "zaqan", và có nghĩa là "râu". Tóc trắng như tuyết là một biểu tượng cổ xưa của trường thọ, của thời gian xa xăm không ai nhớ nổi, của một sự hiện hữu vĩnh cửu. Đối với trẻ em, chúng ta không cần phải phi huyền thoại hóa mọi sự - hình ảnh của một vị Thiên Chúa, Đấng che chở mọi sự với mái tóc trắng như tuyết, không phải là một biểu tượng ngớ ngẩn, nó là một hình ảnh trong Kinh thánh, một hình ảnh cao quý, thậm chí là một hình ảnh dụ dỗ. Hình ảnh trong sách Khải huyền đứng giữa các chân đèn vàng gói đầu lên hình ảnh "Cụ già xưa" trong lời tiên tri của Đanien. Cụ già như nhân loại, và thậm chí còn già hơn. Cụ cổ xưa và mới mẻ như sự vĩnh cửu của Thiên Chúa. Vì sự vĩnh cửu của Thiên Chúa là như thế, cổ xưa và mới mẻ, bởi vì Thiên Chúa làm chúng ta ngạc nhiên với sự mới mẻ của Người, Người luôn đến gặp chúng ta mỗi ngày theo cách đặc biệt dành cho chúng ta, trong thời điểm đó. Người luôn luôn đổi mới chính Người: Thiên Chúa là vĩnh cửu, Người đến từ mọi thời đại, có khi chúng ta nói có một điều gì giống như tuổi già nơi Thiên Chúa, điều đó không đúng, vì Người là vĩnh cửu, Người đổi mới chính Người.

Trong các Giáo hội Đông phương, Lễ Gặp gỡ với Chúa được cử hành vào ngày 2 tháng Hai, là một trong mười hai đại lễ của năm Phụng vụ. Lễ này nhấn mạnh vào cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với ông già Simeon trong Đền thờ, nó nhấn mạnh vào cuộc gặp gỡ giữa nhân loại, được đại diện bởi người trông chờ Simeon, và Anna, với Chúa Kitô hài đồng, Con Thiên Chúa vĩnh cửu, đã làm người. Một bức ảnh cực kỳ đẹp đẽ vẽ cảnh này có thể được chiêm ngưỡng ở đây ở Rôma trong số các bức tranh ghép tại nhà thờ Santa Maria ở Trastevere.

Trong phụng vụ Byzantine, Đức Giám Mục cùng với Simeon cầu nguyện: “Người là con sinh ra bởi Đức Trinh Nữ. Người là Ngôi Lời và là Thiên Chúa của Thiên Chúa, Đấng Duy nhất, vì chúng con, đã nhập thể và cứu rỗi nhân loại”. Và phụng vụ này tiếp tục, “Cánh cửa thiên

đang hôm nay đã mở ra: Ngôi Lời vĩnh cửu của Chúa Cha, sau khi mang bản tính trần gian, nhưng không từ bỏ thần tính của Người, do ý muốn của Người, đã được Đức Trinh Nữ Maria dâng vào đền thờ theo Luật pháp, và người trông chờ ẵm Người trong vòng tay của mình”. Những lời này nói lên lời tuyên xưng đức tin của bốn Công đồng chung đầu tiên, vốn thánh thiêng đối với mọi Giáo hội. Nhưng hành động của Simeon cũng là *ảnh tượng đẹp nhất cho ơn gọi đặc biệt của tuổi già*. Nhìn vào Simeon, chúng ta được chiêm ngưỡng ảnh tượng đẹp nhất của tuổi già – dâng các trẻ em bước vào đời như một của lễ không gián đoạn lên Thiên Chúa, biết rằng một trong số chúng là Chúa Con vốn được sinh ra trong tình thân mật của chính Thiên Chúa, trước mọi thời đại.

Tuổi già, đang trên đường đi tới một thế giới nơi tình yêu do Thiên Chúa phú bẩm vào Sáng thế cuối cùng sẽ tỏa chiếu không gặp trở ngại, phải hoàn thành cử chỉ này của Simeon và Anna, trước khi từ giã. *Tuổi già phải làm chứng* - đối với tôi đây là cốt lõi, là khía cạnh trung tâm nhất của tuổi già - tuổi già phải làm chứng cho con cháu rằng mình là một phước lành. Chứng tá này hệ ở sự khai tâm chúng – một việc đẹp đẽ nhưng khó khăn - vào mầu nhiệm đích đến của chúng ta trong cuộc sống mà không ai có thể tiêu diệt được, ngay cả cái chết. Mang chứng tá đức tin đến trước một đứa trẻ là gieo mầm sống đó. Làm chứng cho nhân loại cũng như cho đức tin, là ơn gọi của người cao niên. Cho trẻ em thấy thực tại mình đã sống như một chứng nhân, để làm chứng. Chúng ta, những người già, được kêu gọi thực hiện điều này, để làm chứng, để chúng có thể đưa nó tiến lên.

Chứng tá của người già *đáng tin đối với trẻ em*. Người trẻ và người lớn không có khả năng làm chứng một cách chân thực, dịu dàng, cảm kích như những người cao niên có thể làm. Quả không thể cưỡng được khi một người già chúc phúc cho cuộc sống lúc nó diễn tiến, gạt bỏ mọi oán hận đối với sự sống lúc nó trôi đi. Không có gì cay đắng vì thời gian trôi qua và vị này vẫn sắp bước tiếp. Không cay đắng. Vẫn có niềm vui được là rượu ngon, rượu lâu năm. Chứng tá của người cao niên kết hợp các thể hệ sống, vẫn là một với mọi chiều kích của thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai, vì chúng không chỉ là ký ức, chúng là hiện tại cũng như lời hứa hẹn. Thật đau đớn - và tai hại - khi thấy rằng các tuổi đời bị coi là những thế giới riêng biệt, trong sự cạnh tranh giữa chúng với nhau, mỗi người tìm cách sống bằng cái giá của người kia: điều này không đúng. Nhân loại là cổ xưa, rất cổ xưa, nếu chúng ta coi thời gian được đo bằng đồng hồ. Nhưng Con Thiên Chúa, Đấng sinh ra bởi một người phụ nữ, là Đầu tiên và Cuối cùng cho mọi thời đại. Điều này có nghĩa là không ai nằm ngoài thế hệ vĩnh cửu của Người, ngoài sức mạnh vinh quang của Người, ngoài sự gần gũi yêu thương của Người.

Liên minh - và tôi đang nói tới việc *liên minh - liên minh giữa người già và người trẻ* sẽ cứu gia đình nhân loại. Có một tương lai, trong đó trẻ em, trong đó người trẻ nói chuyện với người già. Nếu cuộc đối thoại này không diễn ra giữa người già và người trẻ, thì không thể nhìn thấy tương lai rõ ràng. Liên minh giữa người già và người trẻ sẽ cứu gia đình nhân loại. Chúng ta có vui lòng trả lại cho trẻ em, những người cần được học để được sinh ra, chứng tá dịu dàng của những người già sở hữu sự khôn ngoan được chôn đi không? Liệu nhân loại này, với tất cả sự tiến bộ của nó, dường như là một thiếu niên mới sinh ra ngày hôm qua, có thể lấy lại được ân sủng của một thời xưa cũ vốn giữ vững *chân trời đích đến* của chúng ta không? Cái chết chắc chắn là một cuộc vượt qua khó khăn trong cuộc sống đối với tất cả chúng ta, nó là một cuộc vượt qua khó khăn. Tất cả chúng ta phải đến đó, nhưng nó không phải là dễ dàng. Nhưng cái chết cũng là một cuộc vượt qua kết thúc thời gian bất định và ném bỏ đồng hồ. Điều này rất khó vì đây là cuộc vượt qua cái chết. Vì một phần tươi đẹp của cuộc sống, không còn thời hạn, bắt đầu từ lúc đó. Nhưng nó bắt đầu từ sự khôn ngoan của người đàn ông đó và của người đàn bà đó, người già, những người có khả năng làm chứng cho

người trẻ. Chúng ta hãy nghĩ tới đối thoại, tới liên minh giữa người già và trẻ em, người già và người trẻ, và chúng ta hãy làm điều đó sao cho mỗi dây liên kết này không bị phá vỡ. Cầu xin cho người già có được niềm vui được nói, được phát biểu mình với người trẻ, và cầu xin cho người trẻ tìm đến người già để nhận được sự khôn ngoan của cuộc sống từ các Người.

Chương Hai Mươi Một: tuổi già là lúc tiệc vui đang chờ đợi chúng ta (ngày 24/08/2022)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một ngày tốt lành!

Chúng ta vừa mừng việc Triệu mời Mẹ Chúa Giêsu về trời. Mẫu nhiệm này soi sáng sự nên trọn ơn thánh vốn lên khuôn số phận của Đức Maria, và nó cũng soi sáng đích đến của chúng ta, phải không? Đích đến ấy là thiên đàng. Với hình ảnh Đức Trinh Nữ được triệu về trời này, tôi muốn kết thúc chu kỳ các bài giáo lý về tuổi già. Ở phương Tây, chúng ta chiêm ngưỡng Người được nâng lên, được bao phủ bởi ánh sáng huy hoàng; ở phương Đông, Người được mô tả đang nằm, ngủ, được các Tông đồ cầu nguyện xung quanh, trong khi Chúa Phục sinh ôm Người trong tay như một đứa trẻ.

Thần học luôn luôn suy tư về mối tương quan của ‘việc mừng triệu’ độc đáo này với sự chết, điều mà tín điều không xác định. Tôi nghĩ điều còn quan trọng hơn là làm rõ mối tương quan của mẫu nhiệm này với sự phục sinh của Chúa Con, một điều sẽ mở đường phát sinh sự sống cho tất cả chúng ta. Trong hành động thần linh kết hợp Đức Maria với Chúa Kitô Phục Sinh, sự hư hoại thể xác bình thường của cái chết con người không những được vượt qua, mà việc triệu mời cả xác để hưởng sự sống của Thiên Chúa đã được dự ứng. Thực vậy, số phận phục sinh của chúng ta đã được dự ứng: bởi vì, theo đức tin Kitô giáo, Đấng Phục sinh là con đầu lòng của nhiều anh chị em. Chúa Phục Sinh là Đấng đi trước, trước hết, Đấng đã sống lại trước nhất, người đầu tiên; rồi chúng ta sẽ sống lại, nhưng số phận của chúng ta là: sống lại.

Theo lời Chúa Giêsu nói với Nicôđêmo, chúng ta có thể nói rằng nó hơi giống như lần sinh ra thứ hai (x. Ga 3: 3-8). Nếu lần đầu tiên sinh ra ở dưới đất, thì lần thứ hai sinh ra ở trên trời. Không phải ngẫu nhiên mà Thánh Tông đồ Phaolô, trong đoạn văn được đọc ở lúc đầu [buổi yết kiến], nói về những đau đớn khi sinh nở (x. Rm 8:22). Trong khoảnh khắc chúng ta ra khỏi bụng mẹ, chúng ta vẫn là chính chúng ta, cùng một con người khi còn trong bụng mẹ thế nào; thì, sau khi chết, chúng ta được sinh ra ở trên trời, ở nơi Thiên Chúa ngự, và chúng ta vẫn là chính chúng ta như thế, những người từng bước đi trên trái đất này. Nó tương tự với những gì đã xảy ra với Chúa Giêsu: Đấng Phục sinh vẫn là Chúa Giêsu: Người không mất nhân tính, kinh nghiệm, hay thậm chí thể xác của mình, không, bởi vì nếu không có nó, Người sẽ không còn là chính Người nữa, Người sẽ không là Chúa Giêsu: nghĩa là, với nhân tính của Người, với kinh nghiệm sống của Người.

Kinh nghiệm của các môn đệ, những người mà Người đã hiện ra trong bốn mươi ngày sau khi phục sinh, nói với chúng ta điều này. Chúa cho các Người thấy những vết thương đã đóng dấu sự hy sinh của Người; nhưng chúng không còn là sự xấu xí của nỗi nhục nhã đau đớn, giờ đây, chúng là bằng chứng không thể xóa nhòa cho tình yêu chung thủy đến tận cùng của Người. Chúa Giêsu Phục sinh với thân xác của Người sống trong tình thân mật Ba Ngôi Thiên Chúa! Và trong đó Người không mất trí nhớ, Người không từ bỏ lịch sử của Người, Người không làm tan biến các mối liên hệ Người từng sống trên trái đất. Với những người bạn của Người, Người hứa: 'Nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em – Người đi để chuẩn bị một chỗ cho chúng ta, cho tất cả chúng ta - thì Thầy lại đến và đem anh em về với Thầy, để Thầy

ở đâu, anh em cũng ở đó' (Ga 14: 3). Và Người sẽ đến, không những chỉ đến với mọi người vào ngày tận thế, mà Người sẽ đến mỗi lần vì mỗi chúng ta. Người sẽ đến tìm chúng ta để đưa chúng ta đến với Người. Theo nghĩa này, cái chết là một bước tiến tới cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu, Đấng đang chờ đợi tôi để đưa tôi đến với Người.

Đấng Phục sinh sống trong thế giới của Thiên Chúa, nơi có một chỗ dành cho tất cả mọi người, nơi đất mới đang thành hình và thành phố trên trời, nơi ở cuối cùng của con người, đang được xây dựng. Chúng ta không thể tưởng tượng được sự hiển dung của tính thể xác tử sinh này của chúng ta, nhưng chúng ta chắc chắn rằng nó sẽ giữ cho khuôn mặt của chúng ta được nhận ra và cho phép chúng ta vẫn là con người trong thiên đàng của Thiên Chúa. Nó sẽ cho phép chúng ta tham dự, với một cảm xúc tuyệt vời, vào sự chứa chan hạnh phúc vô hạn của hành động sáng tạo của Thiên Chúa, mà các cuộc phiêu lưu bất tận của Người chúng ta sẽ được trải nghiệm đầu tay.

Khi Chúa Giêsu nói về Nước Thiên Chúa, Người mô tả nó như một tiệc cưới; như một bữa tiệc, nghĩa là, giống như một bữa tiệc, một bữa tiệc với những người bạn đang chờ chúng ta; như công việc làm cho ngôi nhà trở nên hoàn hảo, và điều bất ngờ làm cho mùa màng bội thu hơn việc gieo hạt. Coi trọng các lời lẽ của Tin Mừng về Nước Trời sẽ giúp chúng ta nhạy cảm tận hưởng tình yêu lâm bồn và sáng tạo của Thiên Chúa, đồng thời làm chúng ta hòa nhịp với đích đến chưa từng có của cuộc đời mà chúng ta gieo vãi. Ở tuổi già của chúng ta, những người đương thời thân mến của tôi - và tôi nói với những ông già và bà già - ở tuổi già của chúng ta, tầm quan trọng của nhiều 'chi tiết' làm nên cuộc sống của chúng ta - một cái vuốt ve, một nụ cười, một cử chỉ, một nỗ lực được đánh giá cao, một bất ngờ không dự ứng, một sự vui vẻ hiếu khách, một mối dây chung thủy - trở nên sắc nét hơn. Những điều chủ yếu của cuộc sống, những điều mà chúng ta coi là thân thiết nhất khi chúng ta sắp từ già, trở nên rõ ràng đối với chúng ta. Anh chị em hãy xem: sự khôn ngoan của tuổi già này là nơi thai nghén chúng ta, là nơi soi sáng đời sống của trẻ em, của những người trẻ tuổi, của người lớn, của toàn thể cộng đồng. Chúng ta, những người cao niên nên là điều này cho người khác: ánh sáng cho người khác. Cả cuộc đời của chúng ta xuất hiện như một hạt giống sẽ phải chôn vùi để sinh hoa và kết trái. Nó sẽ phát sinh, cùng với mọi sự khác ở trên đời. Không phải không có cơn đau đẻ, không phải không có cơn đau, nhưng nó sẽ được sinh ra (x. Ga 16: 21-23). Và sự sống của thân xác sống lại sẽ sống động gấp trăm ngàn lần sự sống mà chúng ta đã ném trải trên trái đất này (x. Mc 10: 28-31).

Anh chị em thân mến, không phải ngẫu nhiên, Chúa Phục Sinh trong lúc đợi các Tông đồ bên hồ, đã nướng một ít cá (x. Ga 21: 9) rồi ban cho các ông. Cử chỉ quan tâm đầy yêu thương này cho chúng ta một thoáng nhìn về những gì đang chờ đợi chúng ta khi chúng ta qua bờ bên kia. Đúng, anh chị em thân mến, đặc biệt là các anh chị em lớn tuổi, những điều tốt đẹp nhất của cuộc sống vẫn chưa đến. “Nhưng chúng con đã già rồi, còn điều gì chưa đến?” Điều tốt nhất, bởi vì điều tốt nhất của cuộc sống vẫn chưa đến. Chúng ta hãy hy vọng, chúng ta hãy hy vọng vào sự viên mãn của sự sống này đang chờ đợi tất cả chúng ta, khi Chúa gọi chúng ta. Xin Mẹ của Chúa và Mẹ của chúng ta, Đấng đã đi trước chúng ta về trời, phục hồi nơi chúng ta sự dự ứng háo hức mong đợi này, bởi vì nó không phải là một mong đợi vô cảm, nó không phải là một mong đợi chán nản, không, nó là một mong đợi với đầy háo hức dự ứng, đó là một sự mong đợi: 'Khi nào Chúa của tôi sẽ đến? Khi nào tôi mới có thể đến đó?' Một chút sợ hãi, vì tôi không biết đoạn này có ý nói gì, và đi qua cánh cửa đó gây ra một chút sợ hãi - nhưng luôn có bàn tay của Chúa đưa chúng ta về phía trước, và bên kia cánh cửa là bữa tiệc vui.

Chúng ta hãy chú tâm, những người già thân yêu, những người đương thời của tôi, chúng ta

hãy chú tâm. Người đang mong đợi chúng ta. Chỉ một cuộc vượt qua nữa, là vào dự tiệc vui.

Cảm ơn anh chị em.

Lời kêu gọi hòa bình cho Ukraine và thế giới

Sau bài giáo lý, Đức Giáo Hoàng đã đưa ra lời kêu gọi thống thiết sau đây để vẫn hồi hòa bình cho Ukraine và thế giới:

Tôi tiếp tục lời mời gọi của tôi để cầu xin Chúa ban hòa bình cho nhân dân Ukraine thân yêu, những người trong sáu tháng nay đã phải chịu đựng nỗi kinh hoàng của chiến tranh. Tôi hy vọng các bước cụ thể sẽ được thực hiện để chấm dứt chiến tranh và ngăn chặn nguy cơ xảy ra thảm họa hạt nhân ở Zaporizhzhia.

Tôi mang trong trái tim tôi các tù nhân, đặc biệt là những người trong điều kiện mong manh, và tôi yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền làm việc để họ được thả tự do. Tôi nghĩ đến các trẻ em, rất nhiều người chết... rồi rất nhiều người tị nạn - ở đây ở Ý có rất nhiều... rất nhiều người bị thương, rất nhiều trẻ em Ukraine và trẻ em Nga đã trở thành trẻ mồ côi. Và là trẻ mồ côi không có quốc tịch, các em mất cha hoặc mẹ, bất kể là người Nga hay người Ukraine.

Tôi nghĩ đến quá nhiều sự tàn ác, rất nhiều người vô tội đang phải trả giá cho sự điên rồ, sự điên rồ của tất cả các bên, bởi vì chiến tranh là sự điên rồ và không ai trong chiến tranh có thể nói: 'Không, tôi không điên.' Sự điên cuồng của chiến tranh.

Tôi nghĩ tới cô gái tội nghiệp đó bị đánh bom dưới ghế xe hơi của cô ấy ở Moscow.

Người vô tội trả giá cho chiến tranh, người vô tội! Chúng ta hãy nghĩ về thực tại này và nói với nhau: chiến tranh là sự điên rồ.

Và những kẻ kiếm lợi từ chiến tranh và buôn bán vũ khí là tội phạm giết nhân loại.

Và chúng tôi nghĩ đến những quốc gia khác đã bị chiến tranh trong một thời gian dài: hơn 10 năm ở Syria; chúng ta nghĩ về cuộc chiến ở Yemen, nơi có rất nhiều trẻ em phải chịu đói; chúng ta nghĩ về những người Rohingya đi khắp thế giới vì sự bất công khi bị đuổi khỏi vùng đất của họ.

Nhưng hôm nay theo một cách đặc biệt, sáu tháng sau khi bắt đầu chiến tranh, chúng ta nghĩ đến Ukraine và Nga, tôi đã dâng cả hai nước cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ Maria. Xin Mẹ, với tư cách là Mẹ, hãy hướng ánh nhìn về hai đất nước thân yêu này: xin Mẹ nhìn sang Ukraine, nhìn sang Nga, và mang lại hòa bình cho chúng ta! Chúng ta cần hòa bình!

Tiết Sáu: Biện Phân

Chương Một: Biện phân có nghĩa gì?

(ngày 31/08/2022)

Theo tin Tòa Thánh, Thứ tư ngày 31 tháng 8, tại hội trường Phaolô VI, nhân buổi yết kiến chung, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khởi đầu loạt bài giáo lý mới về biện phân. Trong bài đầu tiên hôm nay, ngài nói tới biện phân là gì. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp.

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một ngày tốt đẹp!

Hôm nay chúng ta bắt đầu một chu kỳ giáo lý mới: chúng ta đã hoàn thành loạt bài giáo lý về tuổi già, bây giờ chúng ta bắt đầu một chu kỳ mới về chủ đề biện phân. Biện phân là một hành động quan trọng có liên quan đến mọi người, vì các chọn lựa là một phần thiết yếu của cuộc sống. Người ta chọn thức ăn, quần áo, khóa học, việc làm, mối liên hệ. Trong tất cả những điều này, một dự án cuộc sống được thể hiện, và ngay cả mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa cũng được cụ thể hóa.

Trong Tin Mừng, *Chúa Giêsu nói đến sự biện phân bằng những hình ảnh lấy từ cuộc sống đời thường*; chẳng hạn, Người mô tả người đánh cá chọn những con cá tốt và loại bỏ những con cá xấu; hoặc thương gia biết cách xác định trong số rất nhiều viên ngọc trai, viên ngọc trai nào có giá trị lớn nhất. Hoặc người đang cày ruộng, tình cờ gặp một thứ hóa ra là của báu (x. Mt 13:44-48).

Dưới ánh sáng những thí dụ này, sự biện phân được trình bày như một thao tác của *trí hiểu*, cũng là một thao tác của *kỹ năng* [tiếng Ý: ‘perizia’] và của cả *ý chí* nữa, để nắm bắt thời cơ: đây là những điều kiện để thực hiện một lựa chọn tốt. Cần có trí hiểu, kỹ năng và cả ý chí để thực hiện một lựa chọn tốt. Và cũng có một cái giá cần thiết để sự biện phân trở nên hữu hiệu. Để thực hiện nghề nghiệp của mình hết khả năng tốt nhất của mình, người đánh cá phải tính đến công việc khó khăn, những đêm dài trên biển, sau đó bỏ một số khối mẻ cá, chấp nhận thiệt hại vì lợi ích của những người mà mẻ cá dự định dành cho. Người buôn ngọc trai không ngần ngại chi tiêu mọi sự để mua được viên ngọc trai đó; và người tình cờ tìm được kho báu cũng vậy. [Đây là] những tình huống bất ngờ, không có kế hoạch, trong đó điều quan trọng là phải nhận ra tầm quan trọng và tính cấp bách của một quyết định phải được thực hiện.

Mọi người đều phải đưa ra các quyết định; không ai làm điều này cho chúng ta. Ở một điểm nào đó, người trưởng thành có thể thoải mái hỏi ý kiến; chúng ta có thể suy nghĩ, nhưng quyết định là của chúng ta. Chúng ta không thể nói, 'Tôi mất cái này, bởi vì chồng tôi quyết định, vợ tôi quyết định, anh tôi quyết định.' Không. Anh chị em phải quyết định, mỗi người chúng ta phải quyết định, và vì lý do này, điều quan trọng là phải biết cách biện phân, để quyết định tốt cần phải biết cách biện phân.

Tin Mừng gợi ý một khía cạnh quan trọng khác của sự biện phân: *nó liên quan đến cảm xúc*. Người tìm được kho báu không gặp khó khăn gì khi bán mọi thứ, vì niềm vui của người ấy hết sức lớn lao (x. Mt 13:44). Thuật ngữ được sử dụng bởi thánh sử Mátthêu chỉ một niềm vui rất đặc biệt, mà không một thực tại nào của con người có thể ban tặng được; và thực sự nó được lặp lại trong rất ít các đoạn Tin Mừng khác, tất cả đều đề cập đến cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa. Đó là niềm vui của ba vua khi, sau một chặng đường dài gian khổ, họ được gặp lại ngôi sao (x. Mt 2:10); niềm vui, đó là niềm vui của những người phụ nữ trở về từ ngôi mộ

trống sau khi nghe thiên thần báo tin Chúa sống lại (x. Mt 28:8). Đó là niềm vui của những người đã tìm được Chúa. Đưa ra một quyết định *tốt*, một quyết định đúng đắn, luôn dẫn anh chị em đến niềm vui cuối cùng đó; có lẽ suốt chặng đường đi anh chị em phải chịu một chút bấp bênh, suy nghĩ, tìm kiếm, nhưng cuối cùng quyết định đúng đắn đã chúc lành cho anh chị bằng niềm vui.

Trong sự phán xét sau cùng, Thiên Chúa sẽ thực thi sự biện phân - sự biện phân vĩ đại - đối với chúng ta. Hình ảnh người nông dân, người đánh cá và người buôn bán là những thí dụ về những gì xảy ra trong Vương quốc Thiên đàng, một Vương quốc tự biểu lộ qua những hành động bình thường của cuộc sống, đòi hỏi chúng ta phải có lập trường. Đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải có khả năng biện phân: những lựa chọn lớn lao có thể nảy sinh từ những hoàn cảnh thoạt nhìn có vẻ thứ yếu, nhưng hóa ra lại có ý nghĩa quyết định. Chẳng hạn, chúng ta hãy nghĩ đến cuộc gặp gỡ đầu tiên của Anrê và Gioan với Chúa Giêsu, cuộc gặp gỡ bắt nguồn từ một câu hỏi đơn giản: 'Thưa thầy, thầy sống ở đâu?' - 'Hãy đến mà xem', Chúa Giêsu nói (xem Ga 1: 38-39). Một cuộc trao đổi rất ngắn ngủi nhưng lại là bước khởi đầu cho một sự thay đổi mà từng bước sẽ ghi dấu ấn trong cả cuộc đời của họ. Nhiều năm sau, Thánh sử sẽ tiếp tục ghi nhớ cuộc gặp gỡ đó, một cuộc gặp gỡ đã thay đổi Người mãi mãi, và Người thậm chí nhớ cả thời gian: 'Lúc đó là khoảng bốn giờ đồng hồ vào buổi chiều' (câu 39). Đó là giờ mà thời gian và vĩnh cửu gặp nhau trong cuộc đời Người. Và trong một quyết định tốt, đúng đắn, có một cuộc gặp gỡ giữa ý muốn của Thiên Chúa và ý muốn của chúng ta; có một cuộc gặp gỡ giữa con đường hiện tại và vĩnh cửu. Đưa ra một quyết định đúng đắn, sau một chặng đường biện phân, là thực hiện cuộc gặp gỡ này: thời gian với vĩnh cửu.

Vì vậy: kiến thức, kinh nghiệm, xúc cảm, ý chí: đó là một số yếu tố không thể thiếu của việc biện phân. Trong diễn trình các bài giáo lý này, chúng ta sẽ thấy những yếu tố khác, cũng quan trọng không kém.

Như tôi đã nói, sự biện phân liên quan đến *việc chịu khó*. Theo Kinh Thánh, chúng ta không tìm thấy cuộc sống mà chúng ta sẽ sống làm sẵn trước mắt chúng ta, được đóng gói sẵn. Không! Chúng ta phải quyết định nó mọi lúc, theo thực tại đang diễn ra. Thiên Chúa mời gọi chúng ta đánh giá và lựa chọn: Người dựng nên chúng ta tự do và muốn chúng ta thực thi quyền tự do của mình. Do đó, biện phân *có tính đòi hỏi*.

Chúng ta thường có kinh nghiệm này: chọn thứ gì đó có vẻ tốt với chúng ta nhưng thực ra không tốt. Hoặc biết điều gì thực sự tốt cho chúng ta nhưng ta lại không chọn nó. Không giống như động vật, con người có thể sai, có thể không muốn lựa chọn đúng - tự do, phải không? Và Kinh Thánh cho thấy điều này ngay từ những trang đầu tiên của nó. Thiên Chúa ban cho con người một chỉ thị chính xác: nếu người muốn sống, nếu người muốn tận hưởng cuộc sống, hãy nhớ rằng người là một tạo vật, người không phải là tiêu chuẩn của thiện và ác, và những lựa chọn người đưa ra sẽ có hậu quả, cho người, cho người khác và cho thế giới (x. St 2:16-17); người có thể làm cho trái đất trở thành một khu vườn tráng lệ hoặc người có thể biến nó thành một sa mạc chết chóc. Một lời dạy căn bản: không phải ngẫu nhiên mà đây là cuộc đối thoại đầu tiên giữa Thiên Chúa và con người. Đối thoại là: Chúa trao sứ mệnh, anh chị em phải làm điều này, điều nọ; và mỗi người, bước mà họ thực hiện, phải biện phân xem nên đưa ra quyết định nào. Biện phân là sự suy tư của khối óc, của trái tim, mà chúng ta phải làm trước khi đưa ra quyết định.

Biện phân có tính đòi hỏi nhưng không thể thiếu để sống. Nó đòi hỏi tôi phải biết bản thân mình, tôi phải biết điều gì tốt cho tôi ở đây và bây giờ. Trên hết, nó đòi hỏi một mối liên hệ

hiếu thảo với Thiên Chúa. Thiên Chúa là Cha và Người không để chúng ta một mình, Người luôn sẵn lòng khuyên nhủ chúng ta, khích lệ chúng ta, chào đón chúng ta. Nhưng Người không bao giờ áp đặt ý muốn của Người. Tại sao? Vì Người muốn được yêu thương chứ không bị sợ hãi. Và Thiên Chúa cũng muốn con cái, không phải nô lệ: con cái tự do. Và tình yêu chỉ có thể được sống trong tự do. Để học cách sống, người ta phải học cách yêu thương, và vì điều này, cần phải biện phân: tôi có thể làm gì bây giờ, khi đối diện với phương thức này? Hãy để nó là một dấu hiệu của tình yêu lớn hơn, của sự trưởng thành nhiều hơn trong tình yêu. Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần hướng dẫn chúng ta! Chúng ta hãy cầu khẩn Người mỗi ngày, đặc biệt là khi chúng ta có những lựa chọn để đưa ra.

Chương Hai: Biện phân, trường hợp điển hình, Thánh Inhaxiô Thành Loyola (ngày 07/09/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta sẽ tiếp tục suy niệm về việc biện phân - trong thời gian này, chúng ta sẽ nói, mỗi thứ Tư hàng tuần, về sự biện phân thiêng liêng - và để làm việc này, điều hữu ích cho chúng ta là đề cập đến một nhân chứng chuyên biệt.

Một trong những điển hình có tính giáo huấn nhiều nhất được Thánh Inhaxiô thành Loyola cung cấp cho chúng ta, với một tình tiết có tính quyết định trong cuộc đời của Người. Thánh Inhaxiô đang ở nhà dưỡng bệnh, sau khi bị thương ở chân trong một trận chiến. Để xoa tan cảm giác buồn chán, Người xin một thứ gì đó để đọc. Người thích những câu chuyện về tinh thần hiệp sĩ, nhưng tiếc là ở nhà chỉ có thể tìm thấy hạnh các thánh. Người miễn cưỡng chấp thuận, nhưng trong quá trình đọc, Người bắt đầu khám phá một thế giới khác, một thế giới chinh phục Người và xem ra cạnh tranh với thế giới hiệp sĩ. Người bị cuốn hút bởi các nhân vật Thánh Phanxicô và Thánh Đa Minh, và cảm thấy muốn bắt chước họ. Nhưng thế giới của tinh thần hiệp sĩ cũng tiếp tục phát huy sức hút của nó đối với Người. Và như vậy, trong chính bản thân Người, Người cảm thấy trong mình sự luân phiên của các ý nghĩ - ý nghĩ hiệp sĩ và ý nghĩ các thánh - dường như chúng cân bằng với nhau.

Tuy nhiên, Thánh Inhaxiô cũng bắt đầu nhận ra một số khác biệt. Trong cuốn Tự truyện của mình - ở ngôi thứ ba - Người viết: “Khi nghĩ về những điều trần tục” - và về những điều hào hiệp, người ta hiểu - “điều đó mang lại cho họ niềm vui lớn, nhưng sau đó họ thấy mình khô khan và buồn bã. Nhưng khi nghĩ đến cuộc hành trình tới Giêrusalem, và chỉ sống bằng các loại thảo mộc và thực hành khổ hạnh, họ không những tìm thấy niềm vui khi nghĩ đến chúng, mà cả khi không còn nghĩ đến chúng nữa” (Chương 8); chúng đã để lại cho Người một dấu vết của niềm vui.

Trong kinh nghiệm này, chúng ta lưu ý hai khía cạnh hơn cả. Thứ nhất là thời gian: tức là các ý nghĩ về thế gian hấp dẫn lúc đầu, nhưng sau đó chúng mất đi về hào nhoáng và để lại sự trống rỗng và bất mãn; chúng rời anh chị em cách đó, trống rỗng. Ngược lại, các ý nghĩ về Thiên Chúa, thoát đầu, khơi dậy một sự phản kháng nào đó - “Nhưng tôi sẽ không đọc câu chuyện nhằm chán này về các vị thánh” - nhưng khi chúng được chào đón, chúng mang lại một sự bình an chưa từng thấy, và sự bình an này sẽ kéo dài trong một thời gian lâu.

Rồi, ở đây, là khía cạnh khác: *điểm kết thúc* của những ý nghĩ. Lúc đầu, tình hình có vẻ không rõ ràng lắm. Có một sự phát triển trong việc biện phân: chẳng hạn, chúng ta hiểu điều gì tốt cho chúng ta không phải một cách trừu tượng, chung chung, mà là trong hành trình của

cuộc đời chúng ta. Trong các quy tắc biện phân, kết quả của kinh nghiệm nền tảng này, Thánh Inhaxiô nêu ra một tiền đề quan trọng, giúp hiểu rõ tiến trình này: “Trong những người đi hết từ tội trọng này sang tội trọng nọ, kẻ thù thường được sử dụng để đề xuất với họ các thú vui biểu kiến” - để trấn an họ rằng mọi sự đều tốt đẹp - “khiến họ tưởng tượng ra những thú vui và khoái cảm nhục dục để níu kéo họ nhiều hơn và khiến họ phát triển trong tệ nạn và tội lỗi của mình. Ở những người này, tinh thần tốt sử dụng phương pháp ngược lại, kích thích họ và cắn xé lương tâm họ qua quá trình lý trí” (*Linh thao*, 314). Nhưng điều này không thành công.

Có một lịch sử đi trước người biện phân, một lịch sử mà người ta buộc phải biết, vì biện phân không phải là một loại sâm ngôn [oracle] hay thuyết định mệnh, hoặc một điều gì đó từ phòng thí nghiệm, như đánh cuộc số phận mình trên hai khả thể. Các vấn đề lớn xuất hiện khi chúng ta đã đi được một đoạn đường trong cuộc đời, và chúng ta phải quay trở lại đoạn đường đó, để hiểu những gì chúng ta đang tìm kiếm. Nếu, trong cuộc sống, chúng ta đạt được một chút tiến bộ, thì: “Nhưng tại sao tôi lại đi theo hướng này, tôi đang tìm kiếm điều gì?”, Và đó là chỗ để việc biện phân diễn ra. Khi thấy mình bị thương trong nhà của cha mình, Thánh Inhaxiô hoàn toàn không nghĩ gì tới Thiên Chúa, hay cách cải tạo cuộc sống của mình, không. Người có được trải nghiệm đầu tiên về Thiên Chúa bằng cách lắng nghe trái tim mình, điều này khiến Người có một sự đảo ngược lạ lùng: những thứ hấp dẫn từ cái nhìn đầu tiên đã làm Người vỡ mộng, trong khi ở những thứ khác, bớt sáng chói hơn, Người tìm thấy sự bình an lâu dài. Chúng ta cũng có trải nghiệm đó; rất thường xuyên, chúng ta bắt đầu nghĩ về một điều gì đó, và chúng ta dừng lại ở đó, và sau đó chúng ta thất vọng. Ngược lại, nếu chúng ta thực hiện một công việc bác ái, làm một hành vi tốt và cảm thấy đôi chút hạnh phúc, một ý nghĩ tốt đến với chúng ta và hạnh phúc đến với chúng ta, một điều gì đó vui vẻ và đó là một trải nghiệm hoàn toàn là của chúng ta. Người, Thánh Inhaxiô đã có kinh nghiệm đầu tiên về Thiên Chúa bằng cách lắng nghe trái tim của chính Người, điều đó cho thấy Người đã có một sự đảo ngược kỳ lạ. Đây là những gì chúng ta phải học hỏi: lắng nghe trái tim của chính mình, để biết điều gì đang xảy ra, phải đưa ra quyết định gì, để đưa ra một phán đoán nào đó về một tình huống, người ta phải lắng nghe trái tim của chính mình. Chúng ta nghe truyền hình, truyền thanh, điện thoại di động; chúng ta là chuyên gia lắng nghe, nhưng tôi hỏi anh chị em: anh chị em có biết cách lắng nghe trái tim của mình không? Anh chị em có dừng lại để hỏi: “Nhưng trái tim tôi thì thế nào? Có hài lòng không, có buồn không, có đang tìm kiếm điều gì không?”. Để đưa ra các quyết định đúng đắn, anh chị em cần lắng nghe trái tim mình.

Đây là lý do tại sao Thánh Inhaxiô sẽ tiếp tục đề nghị người ta đọc các sách về cuộc đời các thánh, bởi vì chúng cho thấy phong cách của Thiên Chúa trong cuộc sống của những con người không khác chúng ta lắm, trong một lối tường thuật dễ hiểu, bởi vì các thánh được tạo ra bằng xương bằng thịt như chúng ta. Hành động của các Người nói với các hành động của chúng ta, và các Người giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của chúng.

Trong tình tiết nổi tiếng đó về hai cảm xúc mà Thánh Inhaxiô có được, một là khi đọc về các hiệp sĩ và hai là khi đọc về cuộc đời của các thánh, chúng ta có thể nhận ra một khía cạnh quan trọng khác của sự biện phân mà chúng ta đã đề cập lần trước. Có một sự ngẫu nhiên biểu kiến trong các biến cố của cuộc sống: mọi thứ dường như phát sinh từ một rủi ro tầm thường - không có sách nào về hiệp sĩ, chỉ có hạnh các thánh. Một rủi ro, tuy nhiên, lại giữ một bước ngoặt có thể xảy ra. Chỉ sau một thời gian, Thánh Inhaxiô mới nhận ra điều đó, lúc Người dành hết sự quan tâm của mình cho nó. Anh chị em hãy nghe cho kỹ: Thiên Chúa hoạt động thông qua những biến cố không thể lường trước được, vì chúng xảy ra một cách tình cờ; tình cờ điều này xảy ra với tôi, và tình cờ tôi gặp người này, tình cờ tôi xem bộ phim này. Nó không được lên kế hoạch nhưng Thiên Chúa hoạt động thông qua những biến cố không thể

lên kế hoạch được, và qua cả các rủi ro: “Đáng lẽ tôi phải đi dạo nhưng tôi có vấn đề ở chân, tôi không thể...”. Rủi ro: Thiên Chúa đang nói gì với anh chị em? Cuộc sống đang nói với anh chị em điều gì ở đó? Chúng ta cũng đã thấy điều này trong một đoạn của Tin Mừng Mátthêu: một người đàn ông đang cày ruộng tình cờ bắt gặp kho báu được chôn giấu. Một tình huống hoàn toàn bất ngờ. Nhưng điều quan trọng là họ nhận ra đó là cơ hội may mắn của cuộc đời mình và quyết định một cách tương ứng: họ bán tất cả mọi thứ và mua thửa ruộng đó (xem 13:44). Tôi xin hiến anh chị em một lời khuyên: hãy lưu ý tới điều bất ngờ. Người nói với anh chị em: "Nhưng tôi không mong đợi điều này". Có phải cuộc sống đang nói với anh chị em, có phải Chúa đang nói với anh chị em, hay là ma quỷ? Một ai đó. Nhưng có một điều gì đó cần biện phân, tôi phải phản ứng ra sao khi đối diện với những điều bất ngờ. Nhưng tôi đang yên ổn ở nhà và "Bùm!" - mẹ chồng tôi đến; và chị em phản ứng thế nào với bà mẹ chồng? Bằng tình yêu hay một điều gì khác ở bên trong? Anh chị em phải biện phân. Tôi đang làm việc tốt ở văn phòng, và một người bạn đồng sở đến nói với tôi rằng anh ta cần tiền: bạn phản ứng thế nào? Anh chị em thấy điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta trải qua những điều chúng ta không mong đợi, và ở đó chúng ta có thể học cách hiểu trái tim mình khi nó chuyển động.

Biện phân là trợ cụ giúp nhận ra các tín hiệu mà Chúa tự tỏ mình ra trong những tình huống bất ngờ, thậm chí khó chịu, như vết thương ở chân dành cho Thánh Inhaxiô. Một cuộc gặp gỡ thay đổi cuộc đời có thể nảy sinh từ chúng, mãi mãi, như trường hợp của Thánh Inhaxiô. Một điều gì đó có thể phát sinh khiến anh chị em trở nên tốt hơn dọc đường đi, hoặc tệ hơn, tôi không biết, nhưng anh chị em hãy cẩn thận; sợi chỉ đẹp nhất được trao cho chúng ta bởi điều bất ngờ: "Tôi phải hành động như thế nào khi thấy điều này?" Xin Chúa giúp chúng ta biết lắng nghe tâm hồn mình và biết khi nào thì chính Người là người hành động và khi nào thì không, và đó là một điều gì khác.

Chương Ba: Chuyến Tông du Kazakhstan (ngày 21/09/2022)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung, thứ tư ngày 21 tháng 9, 2022, tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du của ngài tại Kazakhstan từ ngày 13 tới ngày 15 cùng tháng.

Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tuần trước, từ thứ Ba đến thứ Năm, tôi đã đến Kazakhstan, một quốc gia rộng lớn ở Trung Á, dự Đại hội lần thứ bảy các nhà lãnh đạo của các tôn giáo thế giới và truyền thống. Tôi xin nhắc lại lời cảm ơn của tôi tới Tổng thống nước Cộng hòa và các thẩm quyền khác của Kazakhstan về sự chào đón thân tình đã dành cho tôi và vì những nỗ lực hào phóng trong việc tổ chức. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các Giám mục và mọi cộng tác viên vì công việc to lớn mà họ đã làm, và đặc biệt là niềm vui mà họ đã dành cho tôi để tôi có thể gặp gỡ và diện kiến họ tất cả với nhau.

Như tôi đã nói, lý do chính của chuyến đi là để tham gia Đại hội các nhà lãnh đạo của các tôn giáo thế giới và truyền thống. Sáng kiến này đã được thực hiện trong 20 năm qua bởi các thẩm quyền của đất nước, vốn chứng tỏ với thế giới như một nơi gặp gỡ và đối thoại, trong

trường hợp này là ở bình diện tôn giáo, và do đó, như người đi đầu trong việc thúc đẩy hòa bình và tình huynh đệ nhân bản. Đây là phiên bản thứ bảy của đại hội này. Một quốc gia mới độc lập được 30 năm mà đã có tới bảy kỳ đại hội như thế này, cứ ba năm một lần. Điều này có nghĩa là đặt các tôn giáo làm trung tâm của các nỗ lực xây dựng một thế giới nơi chúng ta lắng nghe nhau và tôn trọng lẫn nhau trong sự đa dạng. Và đây không phải là thuyết tương đối, không, đây là việc lắng nghe và tôn trọng. Và công lao cho điều này phải được dành cho chính phủ Kazakhstan, một chính phủ, sau khi đã tự giải phóng khỏi ách thống trị của chế độ vô thần, hiện đang đề xuất một con đường văn minh, rõ ràng lên án chủ nghĩa duy văn tự và chủ nghĩa cực đoan. Đó là một chủ trương cân bằng và liên đới.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Tuyên bố cuối cùng, tiếp nối với Tuyên bố được ký kết tại Abu Dhabi vào tháng 2 năm 2019 về tình huynh đệ nhân bản. Tôi muốn giải thích bước tiến này như thành quả của một cuộc hành trình bắt đầu từ xa: dĩ nhiên, tôi nghĩ đến Cuộc gặp gỡ liên tôn lịch sử vì Hòa bình do Thánh Gioan Phaolô II triệu tập tại Assisi năm 1986, từng bị chỉ trích nhiều bởi những người thiếu viễn kiến; Tôi nghĩ đến tầm nhìn thật xa của Thánh Gioan XXIII và Thánh Phaolô VI; và của cả các linh hồn vĩ đại của các tôn giáo khác - tôi chỉ xin nhắc lại Mahatma Gandhi. Nhưng làm sao chúng ta có thể không nhớ đến rất nhiều vị tử đạo, nam nữ ở mọi lứa tuổi, ngôn ngữ và quốc gia, từng trả giá bằng mạng sống của mình vì lòng trung thành với Thiên Chúa của hòa bình và tình huynh đệ? Chúng ta biết: những giây phút trang trọng là quan trọng, nhưng sau đó chính sự dần thân hàng ngày, chính chứng tá cụ thể đã xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn cho mọi người.

Ngoài Đại hội, chuyến đi này đã cho tôi cơ hội gặp gỡ các Nhà chức trách của Kazakhstan và Giáo hội sống ở đó.

Sau khi viếng thăm Tổng thống Cộng hòa - người mà tôi xin cảm ơn một lần nữa vì lòng tốt của ông - chúng tôi đến Phòng hòa nhạc mới, nơi tôi được nói chuyện với các nhà Lãnh đạo chính trị, đại diện của xã hội dân sự và ngoại giao đoàn. Tôi nhấn mạnh ơn gọi của Kazakhstan là trở thành một quốc gia của gặp gỡ: thực thể, có khoảng một trăm năm mươi dân tộc - một trăm năm mươi dân tộc! - cùng hiện hữu ở đó và hơn 80 ngôn ngữ được sử dụng. Ôn gọi này, vốn do đặc điểm địa lý và lịch sử - ơn gọi trở thành một đất nước của gặp gỡ, của văn hóa, của ngôn ngữ - đã được hoan nghênh và đón nhận như một con đường, đáng được khuyến khích và ủng hộ. Tôi cũng hy vọng rằng việc xây dựng một nền dân chủ ngày càng hoàn thiện, có khả năng đáp ứng hữu hiệu các nhu cầu của toàn xã hội, có thể tiếp tục. Đây là một nhiệm vụ gian khổ, đòi hỏi thời gian, nhưng phải thừa nhận rằng Kazakhstan đã có những lựa chọn rất tích cực, chẳng hạn như nói “không” với vũ khí hạt nhân và đưa ra các chính sách năng lượng và môi trường tốt. Điều này thật can đảm. Vào thời điểm mà cuộc chiến bi thảm này đưa chúng ta đến mức một số người đang nghĩ đến vũ khí hạt nhân, sự điên rồ đó, đất nước này đã nói “không” với vũ khí hạt nhân ngay từ đầu.

Về phần Giáo Hội, tôi rất vui mừng khi gặp được một cộng đoàn gồm những người vui vẻ, tràn đầy nhiệt huyết. Người Công Giáo rất ít trong đất nước rộng lớn đó. Nhưng điều kiện này, nếu được sống với đức tin, có thể mang lại những hoa trái tin mừng: trước hết, là mối phúc bé mọn, làm men, làm muối và ánh sáng, chỉ dựa vào Chúa chứ không dựa vào một số hình thức liên quan của con người. Hơn nữa, sự khan hiếm về số lượng mời gọi sự phát triển các mối tương quan với các Kitô hữu thuộc các giáo phái khác, và cả tình huynh đệ với mọi người. Vì vậy, một đoàn chiên nhỏ, vâng, nhưng cởi mở, không khép kín, không phòng thủ, cởi mở và tin cậy vào hành động của Chúa Thánh Thần, Đấng tự do thổi ở đâu thì thổi theo ý muốn của Người. Chúng tôi cũng nhớ đến phần u ám đó, tức các vị tử đạo, những vị tử đạo của dân Chúa thánh thiện đó, vì họ đã phải chịu nhiều thập niên bị vô thần áp bức, cho đến

khi được giải phóng cách đây ba mươi năm, những người đàn ông và đàn bà đã phải chịu đựng rất nhiều vì đức tin trong thời gian dài bị bách hại. Bị giết, bị tra tấn, bị bỏ tù vì đức tin.

Với đoàn chiên nhỏ bé nhưng vui tươi này, chúng tôi đã cử hành Bí tích Thánh Thể, cũng tại Nur Sultan, trong quảng trường Triễn lãm 2017, được bao quanh bởi kiến trúc cực kỳ hiện đại. Đó là ngày lễ Tôn vinh Thánh giá. Và điều này dẫn chúng ta đến suy tư: trong một thế giới mà tiến bộ và thoái trào đan xen nhau, Thập giá của Chúa Kitô vẫn là mỏ neo của ơn cứu độ: một dấu chỉ của niềm hy vọng không làm thất vọng vì nó được thiết lập trên tình yêu của Thiên Chúa, hay thương xót và trung thành. Chúng ta dâng lên Người lòng biết ơn về cuộc hành trình này, và chúng ta cầu xin nó sẽ mang lại hoa trái phong phú cho tương lai của Kazakhstan và cho đời sống của Giáo hội lữ hành ở vùng đất đó. Cảm ơn anh chị em.

Các Lời Kêu Gọi

Hôm nay là Ngày Thế giới Bệnh Alzheimer, một căn bệnh ảnh hưởng đến rất nhiều người, những người thường bị đẩy ra lề xã hội vì tình trạng này. Chúng ta hãy cầu nguyện cho những người bị bệnh Alzheimer, cho gia đình của họ và cho những người yêu thương chăm sóc họ, để họ có thể ngày càng được hỗ trợ và giúp đỡ. Trong lời cầu nguyện này, tôi cũng liên kết những người đàn ông và đàn bà hiện đối phó với chứng thâm tách máu, lọc máu và cấy ghép, đang được đại diện tại đây.

Và tôi cũng muốn đề cập đến tình hình khủng khiếp ở Ukraine đang bị hành khổ. Đức Hồng Y Krajewski đã đến đó lần thứ tư. Hôm qua Người điện thoại cho tôi, Người đang dành thời gian ở đó, giúp đỡ tại khu vực Odessa và mang lại sự gần gũi. Người kể cho tôi nghe về nỗi đau đớn của dân tộc này, sự man rợ, quái dị, những cái xác bị tra tấn mà họ tìm thấy. Chúng ta hãy liên đới với dân tộc rất cao cả và chịu tử đạo này.

Chương Bốn: Các yếu tố của biện phân, sự thân thuộc với Chúa (ngày 28/09/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tái tục các bài giáo lý về chủ đề biện phân - bởi vì chủ đề biện phân rất quan trọng để biết điều gì đang diễn ra trong chúng ta, biết về các cảm xúc và ý tưởng của chúng ta, chúng ta phải biện phân xem chúng từ đâu đến, chúng dẫn ta đến đâu, đến những quyết định nào - và hôm nay chúng ta tập trung vào yếu tố đầu tiên trong số các yếu tố cấu thành ra nó, đó là việc cầu nguyện. Để biện phân, chúng ta cần ở trong một môi trường, trong trạng thái cầu nguyện.

Cầu nguyện là trợ cụ không thể thiếu cho sự biện phân tâm linh, đặc biệt khi nó liên quan đến chiều kích xúc cảm, giúp chúng ta có thể nói với Thiên Chúa cách đơn giản và thân thuộc, như người ta nói với một người bạn. Đó là việc biết cách vượt quá các suy nghĩ, để đi vào sự thân mật với Chúa, với một sự tự phát xúc cảm. Bí quyết sống của các thánh là sự thân thuộc và tin cậy nơi Thiên Chúa, điều này lớn lên trong các Người và giúp các Người luôn dễ dàng hơn nhận ra điều gì đẹp lòng Người. Cầu nguyện chân chính là sự thân thuộc và tin cậy nơi Thiên Chúa. Nó không phải là đọc những lời cầu nguyện như một con vẹt, bla, bla, bla, không. Lời cầu nguyện đích thực là tình tự phát và tình âu yếm dành cho Chúa. Sự thân thuộc này vượt qua nỗi sợ hãi hoặc nghi ngờ rằng ý muốn của Người không có lợi cho chúng ta,

một sự cảm dỗ đôi khi lướt qua suy nghĩ của chúng ta và làm cho trái tim chúng ta bồn chồn và không chắc chắn, hoặc thậm chí cay đắng.

Việc biện phân không khẳng định sự chắc chắn tuyệt đối, nó không phải là một phương pháp thuần túy như hóa học, nó không khẳng định sự chắc chắn tuyệt đối, bởi vì nó nói về cuộc sống, và cuộc sống không phải lúc nào cũng hợp luận lý, nó có nhiều khía cạnh không thể gói gọn trong một phạm trù tư tưởng. Chúng ta muốn biết chính xác những gì nên làm, nhưng ngay cả khi điều đó xảy ra, chúng ta không luôn hành động theo. Biết bao lần chúng ta cũng có kinh nghiệm như thánh tông đồ Phaolô mô tả: “Vì tôi không làm điều thiện tôi muốn, nhưng làm điều ác tôi không muốn” (Rm 7:19). Chúng ta không chỉ là lý trí, chúng ta không phải là máy móc, nhận được các chỉ dẫn để thi hành chúng không đủ: những trở ngại, giống như những hỗ trợ, đối với việc quyết định theo Chúa chủ yếu có tính xúc cảm, phát xuất từ trái tim.

Điều có ý nghĩa là phép lạ đầu tiên được Chúa Giêsu thực hiện trong Tin Mừng Máccô là phép lạ trừ quỷ (xem 1: 21-28). Trong hội đường ở Caphácnaum, Người giải thoát một người khỏi ma quỷ, giải thoát họ khỏi hình ảnh giả tạo của Thiên Chúa mà ngay từ đầu Satan đã gợi ý: đó là hình ảnh Thiên Chúa không muốn chúng ta hạnh phúc. Người bị quỷ ám trong đoạn Tin Mừng đó biết rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa, nhưng điều này không dẫn anh ta tin vào Người. Thực thể, anh ta nói, "Ông đến để hủy hoại chúng tôi" (câu 24).

Nhiều người, ngay cả các Kitô hữu, cũng nghĩ như vậy: đó là, Chúa Giêsu có thể là Con Thiên Chúa, nhưng họ nghi ngờ việc Người muốn chúng ta được hạnh phúc; thật vậy, một số người lo sợ rằng nếu coi trọng đề nghị của Người, điều Chúa Giêsu đề nghị với chúng ta, có nghĩa là hủy hoại cuộc sống của chúng ta, làm giảm các ước muốn của chúng ta, những khát vọng mạnh mẽ nhất của chúng ta. Những suy nghĩ sau đây đôi khi len lỏi vào trong chúng ta: Thiên Chúa đòi hỏi quá nhiều nơi chúng ta, chúng ta sợ rằng Thiên Chúa đòi hỏi quá nhiều nơi chúng ta, Người không thực sự yêu thương chúng ta. Thay vào đó, trong lần gặp gỡ đầu tiên, chúng ta thấy dấu hiệu của cuộc gặp gỡ Chúa là *niềm vui*. Khi gặp Chúa trong lời cầu nguyện, tôi trở nên vui mừng. Mỗi người trong chúng ta đều trở nên vui tươi, một điều đẹp đẽ. Trái lại, *buồn* hay *sợ* là dấu hiệu xa cách Thiên Chúa: “Nếu anh muốn có sự sống đời đời, hãy tuân giữ các giới răn”, Chúa Giêsu nói với người thanh niên giàu có (Mt 19:17). Thật không may cho chàng trai trẻ đó, một số trở ngại đã không cho phép anh thực hiện mong muốn trong lòng là theo sát "thầy tốt lành" một cách gần gũi hơn. Anh ta là một thanh niên ham học hỏi, dám nghĩ dám làm, anh ta đã chủ động đến gặp Chúa Giêsu, nhưng anh ta cũng rất chia rẽ trong tình cảm của mình, đối với anh ta thì sự giàu có là điều quá quan trọng. Chúa Giêsu không buộc anh ta phải quyết định, nhưng bản văn ghi rằng người thanh niên “buồn”, quay lưng lại với Chúa Giêsu (câu 22). Những người quay lưng lại với Chúa không bao giờ hạnh phúc, mặc dù họ có vô số tài sản và khả thể tùy ý sử dụng. Chúa Giêsu không bao giờ buộc bạn phải theo Người, không bao giờ. Chúa Giêsu cho bạn biết ý muốn của Người, Người hết lòng cho anh chị em biết mọi điều, nhưng Người để anh chị em tự do. Và đây là điều đẹp nhất của việc cầu nguyện với Chúa Giêsu: Người cho phép anh chị em tự do. Mặt khác, khi chúng ta xa cách với Chúa, chúng ta còn lại một điều gì đó buồn bã, một điều gì đó xấu xí trong lòng.

Biện phân những gì đang xảy ra trong chúng ta không phải là điều dễ dàng, vì những vẻ bề ngoài có tính lừa dối, nhưng *sự thân thuộc với Thiên Chúa có thể làm tan biến các mối nghi ngờ và sợ hãi một cách nhẹ nhàng*, khiến cuộc sống của chúng ta ngày càng dễ tiếp nhận “ánh sáng dịu dàng” của Người, theo cách diễn đạt tuyệt vời của Thánh John Henry Newman. Các thánh chiếu sáng bằng ánh sáng phản chiếu và bằng các cử chỉ đơn giản hàng ngày, các

Người chỉ cho ta thấy sự hiện diện yêu thương của Thiên Chúa, Đáng biến điều không thể thành điều có thể. Người ta nói rằng hai vợ chồng sống với nhau một thời gian dài, yêu thương nhau, thì kết cục sẽ ra giống nhau. Một điều tương tự cũng có thể nói về lời cầu nguyện đầy xúc cảm: một cách tiệm tiến nhưng hữu hiệu, nó giúp chúng ta ngày càng có thể nhận ra những gì đáng kể nhờ tính đồng bản nhiên, như một điều gì đó nảy sinh từ sâu thẳm hữu thể chúng ta. Cầu nguyện không có nghĩa là nói lời nói, lời nói, không: cầu nguyện có nghĩa là mở lòng ra với Chúa Giêsu, đến gần Chúa Giêsu, để Chúa Giêsu đi vào lòng tôi và làm cho chúng ta cảm nhận được sự hiện diện của Người. Và ở đó chúng ta có thể biện phân khi nào là Chúa Giêsu và khi nào là chúng ta với những suy nghĩ của mình, một điều rất nhiều lần khác xa với những gì Chúa Giêsu muốn.

Chúng ta hãy cầu xin ân sủng này: để sống mối liên hệ bằng hữu với Chúa, như một người bạn nói với một người bạn (x. Thánh Inhaxiô thành Loyola, *Linh Thao*, 53). Tôi biết một người nam tu sĩ già làm người gác cổng của một trường nội trú, và mỗi khi có thể thầy đều đến gần nhà nguyện, nhìn lên bàn thờ và nói: “Xin chào” vì thầy rất gần gũi với Chúa Giêsu. Thầy không cần phải nói bla bla bla, không: “Xin chào, con gần gũi Chúa và Chúa gần gũi con.” Đây là mối liên hệ mà chúng ta phải có trong lời cầu nguyện: gần gũi, gần gũi đầy xúc cảm, như anh chị em, gần gũi với Chúa Giêsu. Một nụ cười, một cử chỉ đơn giản và không đọc những lời không chạm chi tới trái tim. Như tôi đã nói, anh chị em hãy nói chuyện với Chúa Giêsu như một người bạn nói chuyện với một người bạn khác. Đó là một ân sủng mà chúng ta phải xin cho nhau: xem Chúa Giêsu là bạn của chúng ta, như người bạn lớn nhất, người bạn trung thành của chúng ta, Đáng không tổng tiền, trên hết là Đáng không bao giờ bỏ rơi chúng ta, ngay cả khi chúng ta quay lưng lại với Người. Người vẫn ở cửa trái tim của chúng ta. Chúng ta nói “Không, với Chúa, con không muốn biết bất cứ điều gì”. Và Người vẫn im lặng, Người luôn ở gần trong tâm tay, trong tâm tay của trái tim vì Người luôn thành tín. Chúng ta hãy tiếp tục với lời cầu nguyện này, chúng ta có thể nói lời cầu nguyện “xin chào”, lời cầu nguyện chào Chúa bằng trái tim của chúng ta, lời cầu nguyện âu yếm, lời cầu nguyện gần gũi, ít lời nhưng bằng hành động và việc làm tốt. Cảm ơn anh chị em.

Chương Năm: Biện phân, biết mình qua việc xét mình (ngày 05/10/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục khám phá chủ đề biện phân. Lần trước, chúng ta xem xét việc cầu nguyện, hiểu như sự thân thuộc và tin cậy với Thiên Chúa, coi nó như yếu tố không thể thiếu. Cầu nguyện, không giống như con vẹt. Không: cầu nguyện như sự thân thuộc và tin tưởng với Chúa; lời cầu nguyện của con cái Chúa Cha; cầu nguyện với một trái tim rộng mở. Chúng ta đã thấy điều này trong Bài Giáo lý vừa rồi. Hôm nay, một cách gần như bổ sung, tôi muốn nhấn mạnh điều này: sự biện phân tốt cũng đòi hỏi phải *biết mình*. Phải biết mình. Và điều này không phải dễ dàng đâu nhé! Thật vậy, nó liên quan đến các khả năng của con người chúng ta: trí nhớ, trí hiểu, ý chí, xúc cảm. Thông thường, chúng ta không biết cách biện phân vì chúng ta không hiểu rõ bản thân mình cho đầy đủ, và vì vậy chúng ta không biết mình thực sự muốn gì. Anh chị em đã nhiều lần nghe: “Nhưng người đó, tại sao anh ta không sắp xếp cuộc sống của mình? Anh ta chưa bao giờ biết mình muốn gì...”. Có những người... Và rồi, vâng, cuộc sống của anh ấy vẫn như vậy, bởi vì ngay cả anh ấy cũng không biết mình muốn gì. Không đến nỗi quá đáng như thế, nhưng chúng ta đôi khi cũng không biết rõ ràng chúng ta muốn gì, chúng ta không hiểu rõ bản thân mình.

Nằm bên dưới các nghi ngờ thiêng liêng và những khủng hoảng ơn gọi, thường có cuộc đối thoại không đầy đủ giữa đời sống tôn giáo và chiều kích nhân bản, nhận thức và tình cảm của chúng ta. Một nhà văn về linh đạo đã nhận xét rằng có biết bao nhiêu khó khăn về chủ đề biện phân cho ta thấy nhiều vấn đề thuộc loại khác, cần được nhìn nhận và khám phá. Tác giả này viết: “Tôi tin chắc rằng trở ngại lớn nhất đối với việc biện phân đích thực (và sự trưởng thành thực sự trong cầu nguyện) không phải là bản chất vô hình của Thiên Chúa, mà là sự kiện này: chúng ta không biết mình đầy đủ, và thậm chí không muốn biết bản thân như chúng ta thực sự là. Hầu như tất cả chúng ta đều trốn sau một chiếc mặt nạ, không những trước mặt người khác, mà còn là lúc soi gương”(Th. Green, *Weeds Among the Wheat*, 1992). Tất cả chúng ta đều bị cám dỗ muốn đeo mặt nạ, cả trước mặt chính mình.

Việc quên đi sự hiện diện của Thiên Chúa trong cuộc sống của chúng ta đi đôi với sự thiếu hiểu biết về bản thân - phớt lờ Thiên Chúa và phớt lờ bản thân - không biết các đặc điểm của nhân cách và những ước muốn sâu xa nhất của chúng ta.

Biết bản thân không khó, nhưng cần nhiều công sức: nó ngụ ý sự *kiên nhẫn tự vấn lương tâm*. Nó đòi hỏi khả năng dừng lại, "tắt máy lái tự động", để ý thức được cách hành động của chúng ta, các tâm tư có trong chúng ta, các suy nghĩ lặp đi lặp lại qui định chúng ta, và một cách thường vô thức. Nó cũng đòi hỏi chúng ta phải phân biệt giữa cảm xúc và các khả năng thiêng liêng. “Tôi cảm thấy” không y hệt như “Tôi tin chắc”; “Tôi cảm thấy như” không y hệt như “Tôi muốn”. Do đó, chúng ta nhận ra rằng cái nhìn của chúng ta về bản thân và thực tại đôi khi hơi bị bóp méo. Để nhận ra đây là một ân sủng! Thật vậy, rất thường xảy ra việc các xác tín sai lầm về thực tại, dựa trên kinh nghiệm quá khứ, ảnh hưởng mạnh mẽ đến chúng ta, hạn chế quyền tự do của chúng ta trong việc phân đấu cho những gì thực sự quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.

Sống trong thời đại kỹ thuật thông tin, chúng ta biết mật khẩu quan trọng như thế nào để vào được các chương trình lưu trữ thông tin bản thân và giá trị nhất. Nhưng đời sống thiêng liêng cũng vậy, có những “mật khẩu” của nó: có những chữ đánh động trái tim bởi vì chúng đề cập đến những gì chúng ta nhạy cảm nhất. Kẻ cám dỗ, tức là ma quỷ, biết rất rõ những mật khẩu này, và điều quan trọng là chúng ta cũng biết chúng, để không rơi vào nơi chúng ta không muốn. Cám dỗ không nhất thiết gọi ra những điều tồi tệ, nhưng thường là những điều bừa bãi lung tung, được trình bày với tầm quan trọng quá mức. Bằng cách này, nó thôi miên chúng ta với sự lồi cuốn mà những điều này khuấy động trong chúng ta, những thứ đẹp đẽ nhưng hư ảo, không thể mang lại những gì chúng hứa hẹn, và do đó cuối cùng để lại cho chúng ta cảm giác trống rỗng và buồn bã. Cảm giác trống rỗng và buồn bã đó là dấu hiệu cho thấy chúng ta đã đi vào một con đường không đúng, khiến chúng ta mất phương hướng. Thí dụ, chúng ta có thể là bằng cấp, sự nghiệp, các mối liên hệ, tất cả những thứ mà tự chúng rất đáng khen ngợi, nhưng đối với những điều đó, nếu chúng ta không được tự do, chúng ta có nguy cơ nuôi dưỡng những kỳ vọng không thực tế, chẳng hạn như để xác nhận giá trị của chúng ta. Thí dụ, khi anh chị nghĩ về một nghiên cứu mà anh chị em đang thực hiện, anh chị em chỉ nghĩ đến việc quảng bá bản thân, vì lợi ích của riêng anh chị em hay phục vụ cộng đồng? Ở đó, người ta có thể thấy được ý hướng của mỗi người chúng ta. Từ sự hiểu lầm này thường phát xuất nỗi đau khổ lớn nhất, vì không điều nào trong số này có thể bảo đảm phẩm giá của chúng ta.

Anh chị em thân mến, đó là lý do tại sao, điều quan trọng là phải tự biết mình, biết mật khẩu của trái tim mình, những gì chúng ta nhạy cảm nhất, để bảo vệ mình khỏi những kẻ bày ra những lời lẽ thuyết phục nhằm thao túng chúng ta, nhưng cũng để nhận ra điều gì thực sự quan trọng đối với chúng ta, phân biệt nó với những một nhất thời hiện nay hay những khẩu hiệu hào nhoáng, hời hợt. Nhiều khi, những gì được nói trong một chương trình truyền hình,

trong một số quảng cáo đánh động trái tim của chúng ta và khiến chúng ta đi theo con đường đó mà không có tự do. Anh chị em hãy cẩn thận về điều đó: tôi có tự do không, hay tôi để mình bị lung lay bởi những cảm xúc của thời điểm này, hay sự khiêu khích của thời điểm này?

Một trợ cụ trong việc này là *xét mình*, nhưng tôi không nói về việc xét mình mà tất cả chúng ta đều làm khi đi xưng tội, không. Đây là: “Nhưng tôi đã phạm tội về điều này, điều nọ...”. Không. Một cuộc kiểm tra tổng quát về lương tâm trong ngày: điều gì đã xảy ra trong lòng tôi hôm nay? “Rất nhiều điều đã xảy ra...”. Điều nào? Tại sao? Chúng ta đã để lại dấu vết gì trong trái tim tôi? Thực hiện việc xét mình, nghĩa là, thói quen tốt lành bình tĩnh đọc lại những gì xảy ra trong ngày của chúng ta, học cách ghi nhận trong các đánh giá và lựa chọn của chúng ta điều gì chúng ta cho là quan trọng nhất, chúng ta đang tìm kiếm những gì và tại sao, và cuối cùng chúng ta tìm thấy những gì. Trên hết, học cách nhận ra điều gì làm thỏa mãn trái tim. Điều gì làm thỏa mãn trái tim tôi? Vì chỉ có Chúa mới có thể xác nhận giá trị của chúng ta. Người nói với chúng ta điều này mỗi ngày từ thập giá: Người đã chết vì chúng ta, để chúng ta thấy chúng ta quý giá như thế nào trong mắt Người. Không có trở ngại hay thất bại nào có thể ngăn cản vòng tay âu yếm của Người. Việc xét mình giúp ích rất nhiều, bởi vì nhờ cách này, chúng ta thấy trái tim của chúng ta không phải là một con đường trên đó mọi thứ diễn ra mà chúng ta không biết về nó. Không. Phải thấy: điều gì đã xảy ra ngày hôm nay? Chuyện gì đã xảy ra? Điều gì đã khiến tôi phản ứng? Điều gì đã làm tôi buồn? Điều gì đã làm tôi vui mừng? Điều gì xấu, và tôi có làm hại người khác không? Nhìn thấy lộ trình được cảm xúc của chúng ta lựa chọn, những thu hút trong trái tim tôi trong ngày. Anh chị em đừng quên! Hôm trước chúng ta đã nói về việc cầu nguyện; hôm nay chúng ta nói về việc tự nhận thức chính mình.

Việc cầu nguyện và biết mình cho phép chúng ta phát triển trong tự do. Đây là để phát triển trong tự do! Chúng ta là những yếu tố căn bản của hiện sinh Kitô hữu, những yếu tố quý giá để tìm kiếm vị trí của ta trong cuộc sống. Cảm ơn anh chị em.

Chương Sáu: Các yếu tố của sự biện phân, Lòng ước muốn (ngày 12/10/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong các bài giáo lý về sự biện phân này, chúng ta đang xem xét các yếu tố của sự biện phân. Sau việc cầu nguyện, một yếu tố, và việc biết mình, một yếu tố khác, nghĩa là cầu nguyện và biết mình, hôm nay tôi muốn nói về một điều không thể thiếu khác, có thể nói là “thành tố”: hôm nay tôi muốn nói về *lòng ước muốn*. Thực thể, biện phân là một hình thức tìm kiếm, và việc tìm kiếm luôn bắt nguồn từ một điều chúng ta thiếu nhưng cách nào đó chúng ta biết, chúng ta trực giác thấy.

Đây là loại kiến thức gì? Các bậc thầy tâm linh gọi nó bằng thuật ngữ “lòng ước muốn”, một điều tận gốc rễ của nó vốn là nỗi luyến nhớ sự sung mãn không bao giờ được nên trọn, và đó chính là dấu hiệu Thiên Chúa hiện diện trong chúng ta. Lòng ước muốn không phải là khao khát nhất thời, không phải vậy. Chữ tiếng Ý, *desiderio*, xuất phát từ một thuật ngữ tiếng Latinh rất đẹp, thoạt nghe rất lạ: *de-sidus*, nghĩa đen là “thiếu ngôi sao”. Lòng ước muốn là thiếu sao bắc đẩu, thiếu điểm quy chiếu định hướng đường đời; nó gợi lên sự đau khổ, thiếu thốn, đồng thời là sự căng thẳng để vươn tới những điều tốt đẹp mà chúng ta bỏ lỡ. Như thế, lòng ước muốn là chiếc la bàn để hiểu tôi đang ở đâu và tôi đang đi đâu, hay đúng hơn nó là

chiếc la bàn để hiểu tôi có đứng yên hay tôi đang di chuyển; một người không bao giờ ước muốn là một người tĩnh tụ, có lẽ mắc bệnh, gần như chết. Nó là chiếc la bàn để biết tôi đang di chuyển hay tôi đang đứng yên. Và làm thế nào để có thể nhận ra nó?

Chúng ta hãy nghĩ xem sao, một ước muốn chân thành biết cách đánh đúng những sợi dây đàn sâu thẳm của con người chúng ta, đó là lý do tại sao nó không bị dập tắt khi đối diện với các khó khăn hoặc thất bại. Nó giống như khi chúng ta khát: nếu chúng ta không tìm được thứ gì để uống, chúng ta không bỏ cuộc; trái lại, khao khát ngày càng chiếm trọn suy nghĩ và hành động của chúng ta gần như thể bị ám ảnh, cho đến khi chúng ta sẵn sàng hy sinh bất cứ điều gì để hết khát. Những trở ngại và thất bại không làm thui chột lòng ước muốn, không; trái lại, chúng càng làm cho nó sống động hơn trong chúng ta.

Không giống như ham muốn hay cảm xúc nhất thời, lòng ước muốn tồn tại qua thời gian, thậm chí rất lâu và có xu hướng hiện thực hóa. Thí dụ, nếu một người trẻ muốn trở thành một bác sĩ, họ sẽ phải bắt tay vào một quá trình học tập và làm việc nhiều năm trong cuộc đời của họ, và do đó sẽ phải đặt ra các *giới hạn*, tạm nói là “không” đi, phải nói “không”, trước tiên đối với các khóa học khác, nhưng cũng có thể đối với những chuyển hướng và phân tâm có thể xảy ra, đặc biệt trong những giai đoạn học tập căng thẳng nhất. Tuy nhiên, lòng ước muốn đem lại cho đời sống một định hướng và đạt được mục tiêu đó - trở thành một bác sĩ chẳng hạn - sẽ giúp họ vượt qua các khó khăn này. Lòng ước muốn làm cho anh chị em mạnh mẽ, nó làm cho anh chị em can đảm, nó khiến anh chị em tiếp tục tiến về phía trước, bởi vì anh chị em muốn đạt được điều đó: “Tôi ước muốn điều đó”.

Thực tế, một giá trị trở nên đẹp và dễ đạt được hơn khi nó *hấp dẫn*. Như một ai đó đã nói, "điều quan trọng hơn sống tốt là có lòng ước muốn trở nên tốt". Trở nên tốt là một điều gì đó hấp dẫn, tất cả chúng ta đều muốn sống tốt, nhưng liệu chúng ta có mong muốn trở nên tốt không?

Điều đáng chú ý là trước khi thực hiện một phép lạ, Chúa Giêsu thường hỏi người đó về lòng ước muốn của họ: “Con có muốn được chữa lành không?”. Và có lúc câu hỏi này có vẻ lạc lõng, rõ ràng là người ta đang mắc bệnh mà! Chẳng hạn, khi gặp người bại liệt trong hồ tắm ở Bethesda, người đã ở đó nhiều năm và không bao giờ nắm được thời điểm thích hợp để xuống nước, Chúa Giêsu hỏi anh ta: “Anh có muốn khỏi bệnh không?” (Ga 5: 6). Hỏi chi lạ? Trên thực tế, câu trả lời của người bại liệt cho thấy một loạt các kháng cự kỳ lạ đối với việc chữa bệnh, những đối kháng không chỉ liên quan đến anh ta. Câu hỏi của Chúa Giêsu là một lời mời gọi làm sáng tỏ tâm hồn anh ta, chào đón một bước nhảy vọt có thể có: không còn coi bản thân và mạng sống của mình “như một kẻ bại liệt”, được người khác vận chuyển. Nhưng người đàn ông trên giường dường như không tin vào điều này cho lắm. Bằng cách tham gia đối thoại với Chúa, chúng ta học cách hiểu điều chúng ta thực sự ước muốn từ đời sống. Người bại liệt này là thí dụ điển hình của những người nói "Vâng, vâng, tôi muốn, tôi muốn, tôi muốn", nhưng sau đó "Tôi không muốn, tôi không muốn, tôi không muốn, tôi sẽ không làm bất cứ điều gì". Muốn làm điều gì đó giống như một ảo tưởng và người ta không thực hiện bất cứ biện pháp nào để làm nó. Những người này quả vừa muốn vừa không muốn. Điều này tệ hại, và người đàn ông mắc bệnh đó, đã ở đó ba mươi tám năm, nhưng luôn luôn cầu nhàu; “Không, lạy Chúa, Chúa biết đấy, nhưng Chúa biết đấy khi nước khuấy động - nghĩa là thời điểm của phép lạ - Chúa biết đấy, một ai đó mạnh hơn tôi đã tiến tới, họ nhảy xuống, và tôi đến đó quá muộn”, anh ta cứ thể phàn nàn và than thở. Nhưng anh chị em hãy cẩn thận, bởi vì những lời phàn nàn là một liều thuốc độc, một chất độc cho linh hồn, một chất độc cho đời sống, bởi vì chúng ngăn cản lòng ước muốn tiếp tục lớn mạnh. Anh chị em hãy cẩn thận với những lời phàn nàn. Khi chúng ta phàn nàn trong gia đình, các cặp vợ chồng phàn nàn,

người này phàn nàn về người kia, con cái phàn nàn về cha của chúng, linh mục phàn nàn về giám mục, hoặc giám mục phàn nàn về nhiều điều khác... Không, nếu thấy mình cần nhân, anh chị em hãy coi chừng, đó gần như là một tội lỗi, bởi vì nó ngăn chặn lòng ước muốn lớn mạnh.

Thường thì quả thực chính lòng ước muốn tạo nên sự khác biệt giữa một dự án thành công, mạch lạc và lâu dài, với hàng ngàn mong muốn và ý định tốt, như người ta nói, “địa ngục được lát bằng” những lời như: “Vâng, tôi muốn, tôi muốn, tôi muốn...”, Nhưng anh chị em không làm gì cả. Thời đại mà chúng ta đang sống dường như cổ vũ quyền tự do lựa chọn tối đa, nhưng đồng thời nó cũng làm *hao mòn lòng ước muốn*, anh chị em muốn được thỏa mãn liên tục, điều này hầu hết chỉ còn là lòng ham muốn nhất thời. Và chúng ta phải cẩn thận để không làm hao mòn lòng ước muốn. Chúng ta bị tấn công bởi hàng nghìn đề xuất, dự án, khả thể có nguy cơ khiến chúng ta mất tập trung và không cho phép chúng ta bình tĩnh đánh giá những gì chúng ta thực sự ước muốn. Rất nhiều lần, rất nhiều lần, chúng ta thấy những người, anh chị em hãy nghĩ tới những người trẻ tuổi chẳng hạn, với chiếc điện thoại trên tay, nhìn vào nó... “Nhưng bạn có dừng lại để suy nghĩ không?” - “Không”. Luôn luôn hướng ra bên ngoài, hướng tới những điều khác. Lòng ước muốn không thể phát triển theo cách này, anh chị em sống trong khoảnh khắc, thỏa mãn trong khoảnh khắc, và lòng ước muốn không lớn lên nổi.

Nhiều người đau khổ vì họ không biết họ muốn gì từ cuộc sống của mình, nhiều lắm; có lẽ họ chưa bao giờ tiếp xúc với lòng ước muốn sâu sắc nhất của họ, họ chưa bao giờ biết: "Bạn muốn gì từ cuộc sống của mình?" - "Tôi không biết". Do đó, rủi ro sống qua sự hiện hữu của mình giữa những mưu toan và mưu chước nhiều loại khác nhau, không bao giờ đi đến đâu và lãng phí những cơ hội quý giá. Và do đó, một vài thay đổi, mặc dù được mong muốn trên lý thuyết, nhưng khi cơ hội xuất hiện không bao giờ được thực hiện, thiếu lòng ước muốn mạnh mẽ để theo đuổi một điều gì đó.

Chẳng hạn, nếu hôm nay Chúa hỏi bất cứ ai trong chúng ta, câu hỏi mà Người đã hỏi người mù ở Giêricô: "Anh muốn tôi làm gì cho anh?" (Mc 10:51) - chúng ta hãy nghĩ rằng hôm nay Chúa hỏi mỗi người chúng ta điều này: "Các con muốn Thầy làm gì cho các con?" - chúng ta sẽ trả lời như thế nào? Có lẽ cuối cùng chúng ta cũng có thể cầu xin Người giúp chúng ta biết được ước muốn sâu xa nhất của mình, mà chính Chúa đã đặt trong lòng chúng ta: “Lạy Chúa, xin cho con biết những ước muốn của con, xin cho con trở thành một người phụ nữ, một người đàn ông có nhiều ước muốn”; có lẽ Chúa sẽ ban cho chúng ta sức mạnh để biến điều đó thành sự thật. Đó là một ân sủng bao la, là nền tảng của tất cả những ân sủng khác: như trong Tin Mừng, để Chúa làm phép lạ cho chúng ta: “Lạy Chúa, xin ban cho chúng con lòng ước muốn và làm cho nó lớn lên”.

Bởi vì Người cũng có một lòng ước muốn lớn đối với chúng ta: làm cho chúng ta chia sẻ cuộc sống viên mãn của Người. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bảy: Các yếu tố của sự biện phân, Đọc lại câu chuyện đời mình (ngày 19/10/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong các bài giáo lý của những tuần lễ này, chúng ta đang tập trung vào những điều kiện tiên quyết để có thể biện phân cách tốt đẹp. Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải đưa ra quyết

định, và để đưa ra quyết định, chúng ta phải đi theo một hành trình, một nẻo đường biện phân. Mọi sinh hoạt quan trọng đều có những “hướng dẫn” cần tuân theo, những hướng dẫn này phải được biết trước để chúng ta tạo ra những hiệu quả cần thiết. Hôm nay chúng ta sẽ xem xét một thành phần không thể thiếu khác để biện phân: câu chuyện đời sống của chính người ta. Biết được câu chuyện đời sống của mình là một yếu tố cần thiết để biện phân.

Cuộc sống của chúng ta là “cuốn sách” quý giá nhất được ban tặng cho chúng ta, một cuốn sách mà rất tiếc là nhiều người không đọc, hay nói đúng hơn họ đọc quá muộn, trước khi chết. Tuy nhiên, chính trong cuốn sách đó, người ta tìm thấy những gì họ tìm kiếm một cách vô ích ở nơi khác. Thánh Augustinô, một người vĩ đại tìm kiếm sự thật, đã hiểu điều này chỉ bằng cách đọc lại cuộc đời của mình, ghi nhận trong đó những bước đi âm thầm và kín đáo, nhưng sâu sắc của sự hiện diện của Chúa. Vào cuối cuộc hành trình này, Người ngạc nhiên ghi nhận: “Chúa ở bên trong, còn con thì ở bên ngoài, và con đã tìm kiếm Chúa ở đó; Con, một cách thiếu yêu thương, vội vàng lơ đãng giữa những thứ Chúa đã tạo ra. Chúa ở với con, nhưng con không ở với Chúa” (*Tự Thú X, 27.38*). Do đó, Người mời gọi chúng ta trau dồi đời sống nội tâm để tìm ra điều mà chúng ta tìm kiếm: “Hãy trở về bên trong chính bạn. Sự thật ngự trị trong con người bên trong” (*Về Tôn giáo Chân chính, XXXIX, 72*). Đây là lời mời gọi tôi muốn gửi đến tất cả anh chị em, và ngay cả đến chính tôi: “Hãy trở về bên trong chính anh chị em. Hãy đọc chính cuộc sống của anh chị em. Hãy đọc chính anh chị em từ bên trong, nẻo đường anh chị em đã chọn. Một cách thanh thản. Hãy trở về bên trong chính anh chị em”.

Nhiều lần, chúng ta cũng có kinh nghiệm của Thánh Augustinô, khi thấy mình bị giam cầm bởi những suy nghĩ khiến chúng ta xa rời bản thân, những thông điệp rập khuôn gây hại cho chúng ta: Thí dụ, “Tôi vô dụng” - và nó khiến anh chị em thất vọng; “Mọi thứ đều không ổn đối với tôi” - và nó khiến anh chị em thất vọng; “Tôi sẽ không bao giờ đạt được bất cứ điều gì đáng giá” - và nó khiến anh chị em thất vọng, và nó trở thành cuộc sống của anh chị em. Những cụm từ bi quan khiến anh chị em thất vọng! Đọc lịch sử của chính mình cũng có nghĩa là nhận ra sự hiện diện của những yếu tố “độc hại” này, nhưng sau đó mở rộng câu chuyện của chúng ta, học cách chú ý đến những điều khác, làm cho nó trở nên phong phú hơn, tôn trọng sự phức tạp hơn, cũng thành công trong việc nắm bắt những cách thức kín đáo trong đó Thiên Chúa hành động trong đời sống. Tôi từng biết một người mà người ta nói xứng đáng nhận giải Nobel về sự tiêu cực: mọi thứ đều tồi tệ, mọi thứ, và người này luôn cố gắng làm mình thất vọng. Người này là một người cay đắng, dù có nhiều phẩm chất. Và rồi người này tìm được người khác giúp đỡ mình, và mỗi khi phàn nàn về điều gì đó, người kia thường nói: “Nhưng bây giờ, để bù trừ, hãy nói điều tốt về bản thân bạn”. Và người này nói: “Vâng, vâng... tôi cũng có phẩm chất này”, và từng chút, điều này đã giúp người này tiến lên phía trước, đọc tốt cuộc sống của mình, cả những điều xấu lẫn những điều tốt. Chúng ta phải đọc cuộc đời của mình, và làm như vậy chúng ta sẽ nhìn thấy những điều chưa tốt và cả những điều tốt mà Chúa đã gieo vào chúng ta.

Chúng ta đã thấy rằng sự biện phân có phương thức tường thuật; nó không dựa vào hành động đúng như in, mà đặt nó vào một bối cảnh: suy nghĩ này đến từ đâu? Điều tôi đang cảm thấy bây giờ, nó đến từ đâu? Nó dẫn tôi đến đâu, tôi đang nghĩ gì bây giờ? Trước đây, tôi đã gặp nó bao giờ chưa? Nó có phải là điều mới xuất hiện trong tâm trí tôi bây giờ, hay tôi đã thấy nó ở một lần khác? Tại sao nó dai dẳng hơn những điều khác? Với điều này, cuộc sống đang cố gắng nói gì với tôi?

Kể lại các sự kiện trong cuộc đời cũng giúp chúng ta nắm bắt được các sắc thái và chi tiết quan trọng, những điều tự tỏ ra là những trợ cụ có giá trị, cho đến nay vẫn bị che giấu. Thí

dụ, một bài đọc, một phục vụ, một cuộc gặp gỡ, thoát nhìn bị coi là ít quan trọng, theo thời gian sẽ truyền tải sự bình an nội tâm; chúng truyền tải niềm vui sống và gợi thêm nhiều sáng kiến hơn nữa. Dừng lại và thừa nhận điều này là điều chủ yếu. Dừng lại và thừa nhận: nó quan trọng cho việc biện phân; đó là nhiệm vụ thu thập những viên ngọc quý giá và ẩn giấu mà Chúa đã rải rác trong mảnh đất của chúng ta.

Sự tốt lành luôn luôn bị che giấu, bởi vì sự tốt lành khiêm tốn và hay ản mình: sự tốt lành bị che giấu; nó im lặng, nó đòi hỏi sự khai quật chậm chạp và liên tục. Bởi vì phong cách của Thiên Chúa là kín đáo: Thiên Chúa thích không bị nhìn thấy, kín đáo, Người không áp đặt; Người giống như không khí chúng ta hít thở - chúng ta không nhìn thấy nó nhưng nó giúp chúng ta sống, và chúng ta chỉ nhận ra nó khi thiếu nó.

Làm quen với việc đọc lại cuộc đời mình sẽ giáo dục cách nhìn, làm sắc nét nó, giúp nó ghi nhận những phép lạ nhỏ mà Thiên Chúa nhân lành làm cho chúng ta mỗi ngày. Khi chúng ta nhận ra điều này, chúng ta nhận thấy những hướng khả hữu khác giúp củng cố hương vị bên trong, sự bình yên và sự sáng tạo của chúng ta. Trước hết, nó giúp chúng ta thoát khỏi những định kiến độc hại. Người ta đã nói một cách khôn ngoan rằng người không biết quá khứ của mình bị kết án phải lặp lại nó. Thật kỳ lạ: nếu chúng ta không biết con đường mình đã đi, tức quá khứ, chúng ta luôn lặp lại nó, chúng ta đi vòng vòng. Người đi vòng vòng không bao giờ tiến về phía trước; nó không phải là tiến bộ, nó giống như con chó tự đuổi theo đuôi của mình; họ luôn đi theo cách này, lặp đi lặp lại mọi điều.

Chúng ta có thể tự hỏi: đã có bao giờ tôi kể lại cuộc đời mình cho ai chưa? Đây là một trải nghiệm tuyệt vời của các cặp đính hôn, khi họ trở nên nghiêm túc, kể câu chuyện cuộc đời của họ... Đây là một trong những hình thức giao tiếp đẹp đẽ và thân mật nhất, kể lại cuộc đời của mình. Nó cho phép chúng ta khám phá những điều chưa biết cho đến nay, dù nhỏ bé và đơn giản, nhưng như Tin Mừng nói, chính từ những điều nhỏ bé mà những điều lớn lao mới phát sinh (xem *Lc 16:10*).

Cuộc đời của các thánh cũng tạo nên một trợ cụ quý giá trong việc nhận biết phong cách của Thiên Chúa trong đời sống của ta: cho phép ta làm quen với cách hành động của Người. Hành vi của một số vị thánh thách thức chúng ta, cho chúng ta thấy những ý nghĩa và cơ hội mới. Thí dụ, đây là điều đã xảy ra với Thánh Inhaxiô thành Loyola. Khi mô tả khám phá căn bản của đời mình, Người bổ sung một mình xác quan trọng, và Người nói: “Từ kinh nghiệm, Người suy ra rằng một số suy nghĩ khiến Người buồn bã, những suy nghĩ khác khiến Người vui vẻ; và từng chút một, Người học biết tính đa dạng của các suy nghĩ, tính đa dạng của những tinh thần khuấy động trong Người” (xem *Tự truyện*, số 8). Biết điều xảy ra trong chúng ta, biết, ý thức được.

Biện phân là đọc một cách tường thuật những khoảnh khắc tốt đẹp và những khoảnh khắc đen tối, những niềm an ủi và nỗi buồn mà chúng ta trải qua trong đời mình. Trong biện phân, chính trái tim nói với chúng ta về Thiên Chúa, và chúng ta phải học cách hiểu ngôn ngữ của nó. Thí dụ, chúng ta hãy hỏi vào cuối ngày: điều gì đã xảy ra hôm nay trong lòng tôi? Một số người nghĩ rằng việc xét mình này là để tính toán tính cân bằng của tội lỗi - và chúng ta phạm bao nhiêu tội lỗi - nhưng đó cũng là để tự hỏi bản thân, “Điều gì đã xảy ra trong tôi, tôi đã trải nghiệm niềm vui chưa? Điều gì đã mang lại cho tôi niềm vui? Tôi có buồn không? Điều gì đã mang lại cho tôi nỗi buồn? Và bằng cách này, chúng ta học cách biện phân những gì xảy ra bên trong chúng ta.

Chương Tám: Đối tượng của biện phân, sự phiền muộn (ngày 26/10/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Như chúng ta đã thấy trong các bài giáo lý trước, biện phân chủ yếu không phải là một thủ tục hợp luận lý; nó tập chú vào các hành động, và các hành động cũng có một hàm ý xúc cảm, điều này phải được nhìn nhận, bởi vì Thiên Chúa nói với trái tim. Như vậy, chúng ta đi vào phương thức xúc cảm đầu tiên, đối tượng của sự biện phân, tức là sự phiền muộn. Nó có nghĩa gì?

Sự phiền muộn (desolation) được định nghĩa như sau: "Sự tối tăm của linh hồn, sự xáo trộn bên trong, sự thôi thúc hướng tới những điều thấp kém và trần thế, sự bồn chồn do nhiều kích động và cảm dỗ khác nhau: do đó linh hồn nghiêng về sự ngờ vực, không có hy vọng và không có tình yêu, và linh hồn thấy mình lười biếng, lãnh đạm, buồn bã, như thể bị tách rời khỏi Đấng Tạo Dựng và Chúa của nó" (Thánh Inhaxiô thành Loyola, *Linh Thao*, 317). Tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm về nó. Tôi tin rằng bằng cách này hay cách khác, chúng ta đã trải qua điều này, sự phiền muộn. Vấn đề là làm thế nào để đọc được nó, vì nó cũng có một điều gì đó quan trọng để nói với chúng ta, và nếu chúng ta vội vàng loại bỏ nó, chúng ta có nguy cơ đánh mất nó.

Không ai muốn trở nên phiền muộn, buồn bã: điều này đúng. Tất cả chúng ta đều mong muốn một cuộc sống luôn vui vẻ, hạnh phúc và viên mãn. Tuy nhiên, ngoài việc không thể - bởi vì nó không thể - điều này cũng sẽ không tốt cho chúng ta. Thật vậy, sự thay đổi từ một cuộc sống có xu hướng chiều theo thói xấu có thể bắt đầu từ một tình huống *buồn bã, hối hận* về những điều người ta đã làm. Từ nguyên của chữ này, "hối hận", rất đẹp: sự hối hận của lương tâm, tất cả chúng ta đều biết điều này. Hối hận: theo nghĩa đen, chính là lương tâm cắn rứt [trong tiếng Ý là *mordere*], không cho phép hòa bình. Alessandro Manzoni, trong cuốn *The Betrothed*, đã mô tả tuyệt vời cho chúng ta về sự hối hận như một cơ hội để thay đổi cuộc đời của một con người. Đó là cuộc đối thoại nổi tiếng giữa Đức Hồng Y Federico Borromeo và Người Vô Danh, người, sau một đêm khủng khiếp, đã cho thấy mình bị đánh bại bởi vị Hồng Y, người đã nói với anh ta bằng những lời đáng ngạc nhiên: "Bạn có một số tin tốt cho tôi; tại sao bạn lại ngần ngại nói nó ra?" Người kia nói, "Tin tốt?. Tôi đang có địa ngục trong linh hồn [...]. Hãy nói cho tôi biết, hãy nói cho tôi biết, nếu Người biết, Người có thể mong đợi tin vui nào từ một người như tôi?". "Thiên Chúa đã chạm vào trái tim bạn, và đang kéo bạn đến với chính Người", vị Hồng Y đã trả lời một cách bình thản" (Ch. 23). Thiên Chúa chạm vào trái tim, và một điều gì đó đến với anh chị em trong nội tâm, nỗi buồn, sự hối hận về điều gì đó, và đó là lời mời gọi anh chị em khởi hành trên một nẻo đường mới. Người của Thiên Chúa biết cách nhận ra một cách sâu xa những gì đang chuyển động trong trái tim.

Điều quan trọng là học cách *đọc được nỗi buồn*. Tất cả chúng ta đều biết nỗi buồn là gì: tất cả chúng ta. Nhưng chúng ta có biết làm thế nào để diễn giải nó? Chúng ta có biết nó có ý nghĩa như thế nào đối với tôi không, nỗi buồn hôm nay đó? Trong thời đại của chúng ta, nó - nỗi buồn - thường bị coi là tiêu cực, như một căn bệnh cần tránh bằng mọi giá, nhưng thay vào đó nó có thể là một hồi chuông báo động không thể thiếu cho cuộc sống, mời gọi chúng ta khám phá những cảnh quan phong phú và màu mỡ hơn mà tính nhất thời và chủ trương thoát ly đời không cho phép. Thánh Tôma định nghĩa nỗi buồn như một *nỗi đau của linh hồn*: giống như dây thần kinh đối với cơ thể, nó chuyển hướng sự chú ý của chúng ta đến một mối nguy hiểm có thể xảy ra, hoặc một lợi ích bị coi thường (xem *Summa Theologica* I-II, q. 36, a.1). Vì vậy, nó không thể thiếu đối với sức khỏe của chúng ta; nó bảo vệ chúng ta khỏi làm

hại bản thân và những người khác. Sẽ nghiêm trọng và nguy hiểm hơn nhiều nếu không cảm thấy điều này, và cứ tiếp tục. Đôi khi nổi buồn hoạt động như một đèn giao thông: “Dừng lại, dừng lại! Nó màu đỏ, kia. Dừng lại”.

Mặt khác, đối với những người mong làm điều tốt, nổi buồn là một trở ngại kẻ cám dỗ dùng để mưu toan làm nản lòng chúng ta. Trong trường hợp này, người ta phải hành động theo cách hoàn toàn trái ngược với những gì đã được đề xuất, quyết tâm tiếp tục những gì người ta đã đặt kế hoạch để làm (xem *Linh Thao*, 318). Hãy nghĩ đến công việc, học hành, cầu nguyện, một cam kết đã được dán thân: nếu chúng ta bỏ rơi chúng ngay khi chúng ta cảm thấy chán nản hoặc buồn bã, chúng ta sẽ không bao giờ hoàn thành được bất cứ điều gì. Đây cũng là một kinh nghiệm chung cho đời sống thiêng liêng: Tin Mừng nhắc nhở chúng ta, con đường dẫn đến sự tốt lành hẹp và dốc, nó đòi hỏi phải chiến đấu, tự chinh phục. Tôi bắt đầu cầu nguyện, hoặc hiến thân cho một công việc tốt lành, và kỳ cục thay, ngay lúc đó nhiều điều xuất hiện trong đầu đòi phải được làm gấp - để tôi không còn cầu nguyện hay làm việc thiện nữa. Tất cả chúng ta đều trải qua điều này. Điều quan trọng là đối với những ai muốn phục vụ Chúa, đừng để mình bị phiền muộn dẫn ra sai lạc. Và điều này... “Nhưng không, tôi không muốn, thật là nhàm chán...” - hãy cẩn thận. Thật không may, một số người quyết định từ bỏ đời sống cầu nguyện, hoặc sự lựa chọn họ đã chọn, hôn nhân hoặc đời sống tu trì, bị thúc đẩy bởi sự phiền muộn, mà trước tiên không dừng lại để xem xét trạng thái tâm trí này, và đặc biệt là không có sự giúp đỡ của một người hướng dẫn. Một quy tắc khôn ngoan nói rằng *không nên thay đổi khi bạn đang ở trong tình trạng phiền muộn*. Chính thời gian sau đó, thay vì tâm trạng lúc này, sẽ cho thấy sự tốt đẹp hay cách khác của những lựa chọn của chúng ta.

Điều đáng lưu ý là trong Tin Mừng, Chúa Giêsu đã đẩy lùi các cám dỗ với thái độ cương quyết (x. *Mt* 3:14-15; 4: 1-11; 16: 21-23). Các thử thách tấn công Người từ mọi phía, nhưng luôn luôn tìm thấy nơi Người sự kiên định, quyết tâm làm theo ý muốn của Chúa Cha, chúng đã thất bại và không còn cản trở con đường của Người nữa. Trong đời sống thiêng liêng, thử thách là một thời điểm quan trọng, như Kinh Thánh nhắc nhở một cách minh nhiên khi nói: “Khi bạn đến để phục vụ Chúa, hãy chuẩn bị cho mình để đón thử thách” (*Hc* 2: 1). Nếu anh chị em muốn đi con đường tốt đẹp, hãy chuẩn bị cho mình: sẽ có trở ngại, sẽ có cám dỗ, sẽ có lúc buồn bã. Giống như khi một giáo sư kiểm tra một sinh viên: nếu ông ta thấy rằng sinh viên đó biết những điều cốt yếu của môn học, ông ta không nhấn mạnh: sinh viên đã vượt qua việc kiểm tra. Nhưng anh ta phải vượt qua việc kiểm tra.

Nếu chúng ta biết cách vượt qua nỗi cô đơn và phiền muộn bằng sự cởi mở và ý thức, chúng ta có thể thoát ra trong khi được củng cố về mặt nhân bản và thiêng liêng. Không thử thách nào nằm ngoài tầm với của chúng ta; không thử thách nào lớn hơn những gì chúng ta có thể làm. Nhưng đừng trốn chạy thử thách: hãy xem xét thử nghiệm này có nghĩa gì, tôi buồn, điều này có nghĩa là gì: tại sao tôi buồn? Lúc này tôi đang ở trong trạng thái phiền muộn, điều này có nghĩa gì? Tôi đang ở trong tình trạng phiền muộn và không thể tiếp tục, điều này có nghĩa gì? Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta rằng không ai bị cám dỗ ngoài khả năng của mình, vì Chúa không bao giờ bỏ rơi chúng ta và với Người ở bên cạnh, chúng ta có thể chiến thắng mọi cám dỗ (x. *1Cr* 10,13). Và nếu chúng ta không vượt qua được ngày hôm nay, chúng ta đứng dậy vào lúc khác, chúng ta bước đi và chúng ta sẽ vượt qua nó vào ngày mai. Nhưng chúng ta không được chết đi - có thể nói như vậy - chúng ta không được tiếp tục bị đánh bại bởi một khoảnh khắc buồn bã, phiền muộn: hãy tiến về phía trước. Xin Chúa chúc phúc cho con đường này của đời sống thiêng liêng, vốn luôn là một cuộc hành trình, hãy can đảm lên!

Chương Chín: Cuộc tông du tới Vương quốc Bahrain (ngày 09/11/2022)

Theo tin Tòa Thánh, trong buổi tiếp kiến chung tại quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, Đức Phanxicô đã nói về chuyến tông du của ngài tới Vương quốc Bahrain. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trời hơi lạnh phải không? Nhưng trời đẹp.

Trước khi bắt đầu nói về những gì tôi đã chuẩn bị, tôi muốn mọi người chú ý đến hai trẻ em đã lên đây. Các em đã không xin phép. Các em đã không nói, "con sợ". Các em đã trực tiếp lên đây. Đây là cách chúng ta phải ở với Thiên Chúa: trực tiếp. Các em đã cho chúng ta một thí dụ về cách chúng ta cần phải xử sự với Thiên Chúa, với Chúa: hãy tiến tới! Người luôn chờ đợi chúng ta. Đối với tôi, quả là điều tốt được thấy niềm tin thác của hai em bé này. Đó là một điển hình cho tất cả chúng ta. Đây là cách chúng ta luôn cần tới gần Chúa - một cách tự do. Cảm ơn hai em.

Ba ngày trước, tôi trở về sau chuyến đi đến Vương quốc Bahrain, vương quốc mà trước đó, tôi thực sự không biết gì về nó. Nay tôi thực sự biết vương quốc đó như thế nào. Tôi xin cảm ơn tất cả những người đã đồng hành cùng chuyến thăm này qua việc nâng đỡ bằng những lời cầu nguyện của họ, và để lặp lại lòng biết ơn của tôi đối với Đức vua, các cấp chính quyền khác, Giáo hội địa phương và người dân, vì sự đón tiếp nồng nhiệt của họ. Và tôi cũng muốn cảm ơn những người đã tổ chức những chuyến đi này. Để làm được điều này, cần có sự điều động của nhiều người, Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh làm việc rất nhiều để chuẩn bị các bài diễn văn, chuẩn bị hậu cần, mọi thứ, có rất nhiều việc điều động... sau đó là những người phiên dịch... và sau đó, là đoàn cảnh sát, đoàn Vệ binh Thụy Sĩ, những người tuyệt vời... Mọi điều. Đó là một khối lượng công việc to lớn! Với tất cả mọi người, với tất cả các anh chị em, tôi xin công khai cảm ơn vì tất cả những gì các anh chị em đã làm để cuộc hành trình của Đức Giáo Hoàng diễn ra tốt đẹp. Cảm ơn anh chị em.

Thật tự nhiên khi đặt câu hỏi tại sao Đức Giáo Hoàng lại muốn đến thăm đất nước nhỏ bé với đa số là người Hồi giáo này? Có rất nhiều quốc gia Kitô giáo - tại sao Người lại không đi thăm một hoặc hai quốc gia trong số đó trước? Tôi xin trả lời bằng ba chữ: đối thoại, gặp gỡ và hành trình.

Đối thoại: cơ hội cho cuộc Hành trình đã mong ước từ lâu, nay được ban cho nhờ lời mời của Nhà vua đến dự Diễn đàn về đối thoại giữa phương Đông và phương Tây, một cuộc đối thoại nhằm khám phá sự phong phú của các dân tộc, truyền thống và tín ngưỡng khác. Bahrain, một quần đảo được hình thành bởi nhiều hòn đảo, giúp chúng ta hiểu rằng không nhất thiết phải sống bằng cách tự cô lập nhưng bằng cách đến gần nhau hơn. Ở Bahrain, nơi được tạo thành từ các hòn đảo, người ta đến gần nhau, phải không, người ta chen vai sát cánh nhau. Chính nghĩa hòa bình đòi hỏi điều này, và đối thoại là "dưỡng khí của hòa bình". Đừng quên điều này. Đối thoại là "dưỡng khí của hòa bình". Ngay cả đối với hòa bình tại các mái ấm của chúng ta, phải không? Nếu có chiến tranh giữa vợ và chồng, với cuộc đối thoại, họ có thể tiến lên trong hòa bình. Trong gia đình, đối thoại, vì hòa bình, được duy trì qua đối thoại.

Gần sáu mươi năm trước, Công đồng Vatican II, khi nói về việc xây dựng một tòa nhà hòa

binh, đã tuyên bố rằng “chắc chắn [đàn ông và đàn bà] phải mở rộng suy nghĩ và tinh thần của họ ra ngoài giới hạn quốc gia họ, họ phải gạt bỏ lòng ích kỷ quốc gia sang một bên và tham vọng thống trị các quốc gia khác, và họ phải nuôi dưỡng một lòng tôn kính sâu xa đối với toàn thể nhân loại, vốn đang nỗ lực hướng tới sự thống nhất lớn hơn”(Gaudium et spes, 82). Đó là những gì Công đồng nói. Tôi nhận thấy nhu cầu này ở Bahrain và tôi hy vọng rằng các nhà lãnh đạo tôn giáo và dân sự trên khắp thế giới có thể nhìn quá biên giới của chính họ, cộng đồng của họ, để quan tâm đến toàn thể. Đó là cách duy nhất để đương đầu với một số vấn đề phổ quát nào đó, chẳng hạn như Thiên Chúa đang bị lãng quên, thảm kịch của nạn đói, sự chăm sóc sáng thế, hòa bình. Ta có thể cùng nhau suy nghĩ về những điều này. Theo nghĩa này, Diễn đàn đối thoại mang tên: “Đông và Tây cho sự chung sống của con người” - đó là tiêu đề, “Đông và Tây cho sự chung sống của con người” - đã khuyến khích việc chọn con đường gặp gỡ và từ khước đối đầu. Chúng ta cần điều này xiết bao! Hiện có nhu cầu gặp gỡ nhau như thế. Tôi nghĩ đến sự điên rồ của chiến tranh - điên rồ - trong đó Ukraine là nạn nhân, và của nhiều cuộc xung đột khác, sẽ không bao giờ được giải quyết qua luận lý ngây thơ của pháo binh, mà chỉ với sức mạnh nhẹ nhàng của đối thoại. Nhưng không phải chỉ có Ukraine, mảnh đất này, nơi đang bị dày xé. Nhưng hãy nghĩ tới những cuộc chiến kéo dài nhiều năm và hãy nghĩ tới Syria - hơn 10 năm! - thí dụ, hãy nghĩ tới Syria, hãy nghĩ tới các trẻ em ở Yemen, hãy nghĩ tới Miến Điện: tới khắp nơi! Hiện giờ, Ukraine đang ở gần hơn. Và chiến tranh để làm gì? Nó hủy diệt, nó hủy diệt nhân loại, hủy diệt mọi thứ. Không thể giải quyết Xung đột bằng chiến tranh.

Nhưng không thể có đối thoại nếu không có chữ thứ hai - gặp gỡ. Chữ đầu tiên - đối thoại. Chữ thứ hai - gặp gỡ. Chúng ta đã gặp nhau ở Bahrain. Nhiều lần, tôi nghe thấy người ta ước muốn các cuộc gặp gỡ giữa các Kitô hữu và người Hồi giáo tăng lên, họ nên tạo ra các mối liên hệ bền chặt hơn, điều này nên được các tâm hồn lưu ý. Theo phong tục ở Phương Đông, ở Bahrain, mọi người đặt tay lên trái tim khi họ chào hỏi người nào đó. Tôi cũng đã làm điều này, để dành chỗ trong tôi cho người tôi đang gặp gỡ. Vì nếu không có sự chào đón này, cuộc đối thoại vẫn trống rỗng, dường như, nó vẫn ở bình diện một ý tưởng hơn là thực tại. Trong số rất nhiều cuộc gặp gỡ, tôi nhớ lại cuộc gặp gỡ với hiền đệ thân yêu của tôi, Đại Imam của Al-Azhar – hiền đệ thân yêu của tôi - và cuộc gặp gỡ với những người trẻ ở Trường Thánh Tâm, những học sinh đã cho chúng tôi một tấm gương lớn: các Kitô hữu và người Hồi giáo học chung với nhau. Thanh niên, trai gái, trẻ em cần hiểu biết nhau để cuộc gặp gỡ huynh đệ có cơ ngăn cản chia rẽ ý thức hệ. Và bây giờ tôi xin cảm ơn Trường Thánh Tâm; Tôi cảm ơn Di Rosalyn, người đã phát triển ngôi trường này rất tốt, và các trẻ em đã tham gia với các phát biểu của các em, với lời cầu nguyện, khiêu vũ, bài hát - Tôi nhớ tất cả! Cảm ơn các em rất nhiều! Nhưng ngay cả những người cao niên cũng cung cấp chúng ta đầy khôn ngoan huynh đệ. Tôi nhớ lại cuộc họp với Hội đồng Trường lão Hồi giáo, một tổ chức quốc tế được thành lập cách đây vài năm nhằm cổ vũ mối liên hệ tốt đẹp giữa các cộng đồng Hồi giáo dưới ngọn cờ tôn trọng, ôn hòa và hòa bình, phản đối chủ nghĩa cực đoan và bạo lực.

Như thế, chúng ta chuyển sang chữ thứ ba: hành trình. Hành trình đến Bahrain không nên được coi là một tình tiết riêng biệt. Đó là một phần của diễn trình do Thánh Gioan Phaolô II khởi xướng khi Người tông du Maroc. Vì vậy, chuyến thăm đầu tiên của một Giáo hoàng tới Bahrain nói lên một bước tiến mới trên hành trình giữa các tín đồ Kitô giáo và Hồi giáo - không phải để nhằm lẫn mọi thứ hay làm giảm niềm tin, không. Đối thoại không làm giảm giá trị, nhưng tạo ra các liên minh huynh đệ nhân danh Tổ phụ Ápraham của chúng ta, người đã hành hương trên trái đất dưới cái nhìn nhân từ của Thiên Chúa duy nhất, Thiên Chúa của hòa bình. Đây là lý do tại sao phương châm của cuộc hành trình là: "Hòa bình trên trái đất cho những người thiện chí". Và tại sao tôi thấy cuộc đối thoại không giảm xuống? Bởi vì để đối thoại anh chị em cần phải có bản sắc riêng của mình. Nếu anh chị em không có bản sắc

riêng của mình, anh chị em không thể đối thoại bởi vì anh chị em thậm chí không hiểu mình là ai. Để một cuộc đối thoại trở nên tốt đẹp, nó luôn phải bắt nguồn từ bản sắc riêng của một người, nhận thức được bản sắc của chính anh chị em và từ đó cuộc đối thoại có thể diễn ra.

Đối thoại, gặp gỡ và hành trình ở Bahrain cũng diễn ra giữa các Kitô hữu. Chẳng hạn, cuộc gặp gỡ đầu tiên mang tính đại kết, một lời cầu nguyện cho hòa bình với Đức Thượng Phụ và hiện đệ thân yêu Bartholomew, và với các anh chị em của nhiều tuyên tín và nghi lễ khác nhau. Nó diễn ra trong Nhà thờ dâng kính Đức Mẹ Ả Rập, có cấu trúc giống như một cái lều, nơi, theo Kinh thánh, Thiên Chúa gặp Môsê trong sa mạc dọc theo cuộc hành trình. Các anh chị em trong đức tin, những người mà tôi đã gặp ở Bahrain, thực sự đang sống “trong một cuộc hành trình”. Phần lớn, họ là những người lao động nhập cư xa quê hương, họ khám phá ra cội nguồn của mình trong dân Chúa và gia đình của họ trong đại gia đình Giáo Hội. Thật tuyệt vời khi thấy những người di cư này - từ Phi luật tân, từ Ấn Độ và từ những nơi khác – Các Kitô hữu tụ họp và nâng đỡ nhau trong đức tin. Và họ vui mừng tiến về phía trước, với niềm tin chắc rằng niềm hy vọng vào Thiên Chúa không làm thất vọng (x. Rm 5: 5). Gặp gỡ các Mục tử, những người nam nữ thánh hiến, những người làm công tác mục vụ, và trong thánh lễ xúc động được cử hành tại sân vận động với rất nhiều tín hữu đến từ các quốc gia vùng Vịnh khác, tôi đã mang đến cho họ tình âu yếm của toàn thể Giáo hội. Đó là cuộc hành trình.

Và hôm nay tôi muốn truyền đến anh chị em niềm vui chân chính, giản dị và đẹp đẽ của họ. Gặp nhau và cùng nhau cầu nguyện, chúng tôi cảm thấy chúng tôi là một trái tim và một linh hồn. Nghĩ về hành trình của họ, về kinh nghiệm đối thoại hàng ngày của họ, tất cả chúng ta hãy cảm thấy được kêu gọi mở rộng chân trời của mình – mở rộng trái tim, làm ơn! Chứ không phải các trái tim khép kín, cứng cõi. Hãy mở rộng trái tim vì tất cả chúng ta đều là anh chị em và để tình huynh đệ nhân loại này có thể tiến lên phía trước. Mở rộng chân trời của anh chị em, cởi mở, mở rộng các quan tâm của anh chị em và hãy cống hiến hết mình để hiểu biết người khác. Nếu anh chị em tận tâm muốn hiểu biết người khác, anh chị em sẽ không bao giờ bị đe dọa. Nhưng nếu anh chị em sợ người khác, anh chị em sẽ bị đe dọa. Mỗi người và mọi người đều cần thiết để cuộc hành trình của tình huynh đệ và hòa bình được tiến triển. Tôi có thể đưa tay của mình ra, nhưng nếu không có bàn tay từ phía bên kia, nó sẽ không làm được gì cả. Xin Đức Mẹ giúp chúng ta trong cuộc hành trình này! Cảm ơn anh chị em!

Chương Mười: biện phân, tại sao chúng ta phiền muộn (ngày 16/11/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng và chào mừng anh chị em!

Hôm nay chúng ta hãy tiếp tục các bài giáo lý về chủ đề biện phân. Chúng ta đã thấy tầm quan trọng của việc *đọc* những gì đang xao động bên trong chúng ta, để không đưa ra những quyết định vội vàng, theo triều cảm xúc nhất thời, chỉ để hối tiếc khi đã quá muộn. Nghĩa là, đọc những gì xảy ra và sau đó đưa ra quyết định.

Theo nghĩa này, ngay cả trạng thái tinh thần mà chúng ta gọi là phiền muộn, khi mọi thứ trong lòng đều tối tăm, buồn bã, trạng thái *phiền muộn* này có thể là cơ hội để phát triển. Thật vậy, nếu không có một chút không hài lòng, một chút buồn bã lạnh mạnh, một khả năng lạnh mạnh để sống trong cô tịch và ở với chính mình mà không trốn chạy, thì chúng ta có nguy cơ luôn ở ngoài bề mặt của sự vật và không bao giờ tiếp xúc được với trung tâm của sự hiện hữu của chúng ta. Sự phiền muộn tạo ra sự “lay động linh hồn”: khi người ta buồn thì như thể linh

hồn như bị lay động; nó giúp chúng ta tỉnh táo, khuyến khích sự cảnh giác và lòng khiêm tốn và bảo vệ chúng ta khỏi cơn gió thất thường. Chúng là những điều kiện không thể thiếu để tiến bộ trong cuộc sống, và do đó, cả trong đời sống thiêng liêng. Một sự thanh thản hoàn hảo nhưng “vô trùng”, không cảm xúc, khi trở thành tiêu chuẩn của những lựa chọn và hành vi, nó khiến chúng ta trở nên phi nhân bản. Chúng ta không thể bỏ qua cảm xúc: chúng ta là con người và cảm xúc là một phần của nhân tính chúng ta; không hiểu cảm xúc thì ta là người phi nhân bản, không cảm nghiệm được cảm xúc thì ta cũng đứng đưng trước nỗi khổ của người khác và không thể chấp nhận nỗi khổ của chính mình. Ấy là chưa kể điều này: "sự thanh thản hoàn hảo" như thế không thể đạt được bằng con đường đứng đưng. Khoảng cách vô trùng này: "Tôi không can dự vào sự việc, tôi giữ khoảng cách": đó không phải là cuộc sống, đó giống như chúng ta sống trong phòng thí nghiệm, đóng cửa, để không có vi khuẩn, bệnh tật. Đối với nhiều vị thánh nam nữ, thao thức là một động lực quyết định để tạo ra một sự thay đổi trong cuộc sống của họ. Sự thanh thản giả tạo này không có tác dụng, trong khi sự bồn chồn lành mạnh, trái tim bồn chồn, trái tim cố gắng tìm ra cách, là điều tốt. Chẳng hạn, đây là trường hợp của Thánh Augustinô thành Hippo hoặc của Thánh Edith Stein hoặc Thánh Giuseppe Benedetto Cottolengo hoặc Thánh Charles de Foucauld.

Những lựa chọn quan trọng có một mức giá mà cuộc sống mang lại, một mức giá nằm trong tầm tay của mọi người: nghĩa là, những lựa chọn quan trọng không đến từ xô số, không; chúng có cái giá của nó và anh chị em phải trả cái giá đó. Đó là cái giá mà anh chị em phải trả bằng trái tim mình, đó là cái giá của quyết định, cái giá của việc bỏ ra một chút nỗ lực. Nó không miễn phí, nhưng nó có giá cả phải chăng cho tất cả mọi người. Tất cả chúng ta đều phải trả giá cho quyết định này để thoát khỏi trạng thái thờ ơ, trạng thái luôn làm chúng ta thất vọng.

Sự phiền muộn cũng là một lời mời gọi *cho không* [gratuitousness], không phải lúc nào cũng và chỉ hành động vì sự hài lòng về cảm xúc. Sự phiền muộn mang đến cho chúng ta khả năng lớn lên, bắt đầu một mối liên hệ trưởng thành hơn, đẹp đẽ hơn với Chúa và với những người thân yêu, một mối liên hệ không bị giản lược thành một sự trao đổi cho và nhận đơn thuần. Thí dụ, hãy nghĩ tới thời thơ ấu của chúng ta, hãy nghĩ: khi còn nhỏ, chúng ta thường tìm kiếm cha mẹ để có được một thứ gì đó từ các Người, một món đồ chơi, tiền mua kem, một việc cho phép... Và như thế chúng ta tìm các Người không phải vì các Người, mà vì lợi ích của chúng ta. Tuy nhiên, hồng phúc lớn nhất chính là cha mẹ, và chúng ta hiểu điều này khi lớn lên.

Nhiều lời cầu nguyện của chúng ta cũng phần nào giống như thế: chúng là những lời cầu xin ơn phúc ngõ với Chúa mà không có bất cứ sự quan tâm thực sự nào đối với Người. Chúng ta đi xin, đi xin, đi xin Chúa. Tin Mừng ghi lại rằng Chúa Giêsu thường bị bao vây bởi nhiều người, họ tìm kiếm Người để được điều gì đó, chữa bệnh, giúp đỡ vật chất, chứ không chỉ để được ở bên Người. Một số vị thánh, và ngay cả một số nghệ sĩ, đã suy niệm về tình trạng này của Chúa Giêsu: điều có vẻ lạ lùng, phi thực tế là hỏi Chúa: “Chúa có khỏe không?”. Tuy nhiên, đó lại là cách rất đẹp để đi vào mối liên hệ đích thực, chân thành với nhân tính của Người, với sự đau khổ của Người, ngay cả với sự cô tịch độc đáo của Người. Với Người, với Chúa, Đáng muốn chia sẻ trọn vẹn cuộc sống của Người với chúng ta.

Điều thật tốt cho chúng ta là học ở với Người, ở với Chúa, học ở với Chúa mà *không có động lực ẩn ý*, y như những gì xảy ra với những người chúng ta chăm sóc: chúng ta muốn biết họ ngày càng nhiều hơn, bởi vì điều tốt cho chúng ta là được ở bên họ.

Anh chị em thân mến, đời sống thiêng liêng không phải là một kỹ thuật có sẵn để chúng ta sử

dụng, nó không phải là một chương trình “phúc lợi” nội tâm do chúng ta hoạch định. Không. Đời sống thiêng liêng là *mối liên hệ với Đấng Hằng Sống*, với Thiên Chúa, Đấng hằng Sống, không thể bị giản lược vào phạm trù của chúng ta. Và sự phiền muộn khi đó là câu trả lời rõ ràng nhất cho lời phản bác cho rằng kinh nghiệm về Thiên Chúa là một mơ tưởng, một phóng chiếu đơn giản các ước muốn của chúng ta. Phiền muộn là không cảm thấy gì, tất cả đều tối tăm: nhưng anh chị em tìm kiếm Thiên Chúa trong sự phiền muộn. Trong trường hợp này, nếu chúng ta nghĩ rằng đó là sự phóng chiếu của những ước muốn của chúng ta, chúng ta sẽ luôn luôn là những người lên kế hoạch, và chúng ta sẽ luôn hạnh phúc và mãn nguyện, giống như một đĩa hát lặp đi lặp lại cùng một bản nhạc. Thay vào đó, những người cầu nguyện nhận ra rằng kết quả *không thể đoán trước*: các kinh nghiệm và đoạn Kinh thánh thường làm chúng ta xúc động lâu nay, ngày nay, thật kỳ lạ, chúng không khơi dậy bất cứ sự nhiệt tình nào. Và, cũng thật bất ngờ, những kinh nghiệm, những cuộc gặp gỡ và những bài đọc mà người ta chưa bao giờ để ý hoặc người ta muốn tránh né - chẳng hạn như kinh nghiệm về thập giá - mang lại bình an bao la. Anh chị em đừng sợ sự phiền muộn, hãy kiên trì tiến về phía trước, đừng chạy trốn nó. Và trong phiền muộn cố gắng tìm trái tim của Chúa Kitô, tìm kiếm Chúa. Và câu trả lời luôn luôn xuất hiện.

Vì thế, trước những khó khăn, anh chị em đừng bao giờ nản lòng, nhưng hãy cương quyết đương đầu với thử thách, với sự trợ giúp của ân sủng Thiên Chúa, một ân sủng không bao giờ thiếu. Và nếu chúng ta nghe thấy bên trong mình một tiếng nói khẳng khẳng muốn làm chúng ta sao lãng việc cầu nguyện, chúng ta hãy học cách vạch mặt nó như tiếng nói của tên cám dỗ; và đừng để chúng ta bị ảnh hưởng: một cách đơn giản, chúng ta hãy làm ngược lại những gì tên ấy nói với chúng ta! Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Một: biện phân, Sự An Ủi

(ngày 23/11/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tiếp tục bài giáo lý về việc biện phân thần khí: làm thế nào để biện phân những gì đang xảy ra trong trái tim của chúng ta, trong linh hồn của chúng ta. Sau khi đã xem xét một số khía cạnh của sự buồn phiền – cái bóng tối ấy của linh hồn – hôm nay chúng ta hãy nói về niềm *an ủi*, vốn là ánh sáng của linh hồn, và là một yếu tố quan trọng khác để biện phân, và không nên coi là việc đương nhiên, bởi vì nó có thể tự dẫn đến hiểu lầm. Chúng ta phải hiểu an ủi là gì, cũng như chúng ta đã cố gắng hiểu rõ buồn phiền là gì.

An ủi thiêng liêng nghĩa là gì? Đó là việc trải nghiệm được *niềm vui nội tâm*, hệ ở việc người ta nhìn thấy sự hiện diện của Thiên Chúa trong mọi sự; nó củng cố đức tin và đức cậy, cũng như khả năng làm điều tốt. Người trải nghiệm được sự an ủi không bỏ cuộc trước khó khăn, vì họ cảm nghiệm được một sự bình an mạnh hơn thử thách. Do đó, nó là một hồng ân lớn lao cho đời sống thiêng liêng và cho cuộc sống nói chung... Và trải nghiệm được niềm vui bên trong này.

An ủi là một chuyển động nội tâm chạm đến tận đáy lòng chúng ta. Nó không hào nhoáng nhưng nhẹ nhàng, tinh tế, như một giọt nước trên miếng bọt biển (x. Thánh Inhaxiô Loyola, *Linh Thao*, 335): con người cảm thấy được bao bọc trong sự hiện diện của Thiên Chúa, một cách luôn tôn trọng tự do của chính họ. Nó không bao giờ là một điều lạc điệu, cố gắng ép buộc ý chí của chúng ta, nó thậm chí không phải là một sự phớt phờ sáng khoái thoáng qua:

ngược lại, như chúng ta đã thấy, ngay cả nỗi đau - chẳng hạn vì tội lỗi của người ta - có thể trở thành một lý do để an ủi.

Chúng ta hãy nghĩ đến kinh nghiệm của Thánh Augustinô khi Người nói với mẹ Người là Thánh nữ Monica về vẻ đẹp của sự sống vĩnh cửu; hoặc nghĩ đến niềm vui trọn vẹn của Thánh Phanxicô, vốn liên kết với những hoàn cảnh rất khó chịu đựng; và chúng ta hãy nghĩ đến nhiều vị thánh đã có thể làm được những điều vĩ đại, không phải vì họ cho mình là tuyệt hảo và có khả năng, nhưng vì họ đã bị chinh phục bởi sự ngọt ngào êm đềm của tình yêu Thiên Chúa. Nó là sự bình an mà Thánh Inhaxiô đã ngạc nhiên ghi nhận nơi Người khi đọc hạnh các thánh. Được an ủi là được bình an với Thiên Chúa, cảm thấy mọi sự được giải quyết trong bình an, mọi sự hài hòa trong chúng ta. Đó là sự bình an mà Thánh Edith Stein cảm thấy sau khi trở lại đạo; một năm sau khi lãnh nhận Bí tích Rửa tội, bà viết –chính Edith Stein cho biết điều này: «Khi tôi buông mình theo cảm giác này, từng chút một, một cuộc sống mới bắt đầu tràn ngập tôi và – không có bất cứ căng thẳng nào của ý chí tôi – thúc đẩy tôi hướng tới những thể hiện mới. Dòng sinh lực tuôn trào này dường như bắt nguồn từ một hoạt động và từ một sức mạnh không phải của tôi và sức mạnh đó, không gây ra bất cứ bạo lực nào đối với tôi, trở nên tích cực trong tôi» (*Psychology and Spiritual Sciences* [Tâm lý học và Khoa học Tâm linh], Città Nuova, 1996, 116). Nghĩa là, một nền hòa bình đích thực là một nền hòa bình làm nảy mầm những tâm tình tốt đẹp trong chúng ta.

Niềm an ủi trước nhất liên quan tới *đức cậy*, nó vươn tới tương lai, nó đưa chúng ta lên đường, nó cho phép chúng ta thực hiện những sáng kiến cho đến lúc đó vẫn luôn bị trì hoãn, hoặc thậm chí không tưởng tượng ra, chẳng hạn như Phép Rửa của Thánh Edith Stein.

Sự an ủi là một sự bình an như vậy nhưng không phải ngồi đó để tận hưởng nó, không, nó mang lại cho anh chị em sự bình an và lôi kéo anh chị em đến với Chúa và đưa anh chị em lên đường để làm sự việc, làm những điều tốt đẹp. Trong những lúc được an ủi, khi chúng ta được an ủi, chúng ta luôn cảm thấy muốn làm thật nhiều điều tốt. Thay vào đó, khi có một khoảnh khắc buồn phiền, chúng ta cảm thấy muốn rút lui vào chính mình và không làm gì cả... An ủi thúc đẩy anh chị em tiến tới, phục vụ người khác, xã hội, con người. Sự an ủi thiêng liêng không thể được "lái như lái máy bay" - bây giờ anh chị em không thể nói rằng sự an ủi đến, không, nó không thể được lái như lái máy bay - nó không thể được lập trình theo ý muốn, đó là một hồng ân của Chúa Thánh Thần: nó cho phép *một sự quen thuộc với Thiên Chúa*, một sự quen thuộc dường như hủy bỏ mọi phân cách. Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, khi viếng thăm vương cung thánh đường Santa Croce in Gerusalemme, ở Rôma lúc 14 tuổi, đã chạm vào chiếc đỉnh được tôn kính ở đó, một trong những chiếc đỉnh đã đóng đinh Chúa Giêsu. Thánh Têrêsa cảm thấy sự dạn dĩ này như một phương tiện chuyên chở tình yêu và sự tự tin. Và rồi bà viết: «Tôi đã thực sự quá táo bạo. Nhưng Chúa nhìn thấy tận đáy lòng, Người biết rằng ý định của tôi là trong sáng [...]. Tôi đã hành động với Người như một đứa trẻ tin rằng mọi sự đều được phép và coi kho báu của Cha như của riêng mình" (*Bản thảo tự truyện*, 183). Sự an ủi là tự phát, nó khiến anh chị em làm mọi sự một cách tự nhiên, như thể chúng ta là những đứa trẻ. Trẻ em rất tự nhiên, và sự an ủi dẫn anh chị em trở nên tự phát với sự ngọt ngào, với chính sự bình an lớn lao. Một cô gái mười bốn tuổi cho chúng ta một mô tả tuyệt vời về sự an ủi thiêng liêng: người ta nhận thấy một cảm giác dịu dàng đối với Thiên Chúa, khiến người ta mạnh dạn ước muốn tham gia vào chính sự sống của Người, làm những gì đẹp lòng Người, vì chúng ta cảm thấy quen thuộc với Người, chúng ta cảm thấy nhà của Người là nhà của chúng ta, chúng ta cảm thấy được chào đón, được yêu thương, được phục hồi. Với niềm an ủi này, người ta không bỏ cuộc trước những khó khăn: thực vậy, với cùng một sự táo bạo, Têrêsa đã xin phép Đức Thánh Cha được vào Dòng Cát Minh, mặc dù còn quá trẻ, và ước nguyện của bà đã được lắng nghe. Điều đó có nghĩa gì? Điều đó có nghĩa là

sự an ủi làm cho chúng ta mạnh dạn: khi chúng ta ở trong thời kỳ tăm tối, buồn phiền, chúng ta nghĩ rằng: “Tôi không có khả năng làm điều này”. Sự tuyệt vọng khiến anh chị em xuống tinh thần, khiến anh chị em nhìn mọi sự đều trở nên đen tối: “Không, tôi không làm được, tôi không làm đâu”. Thay vào đó, trong những lúc được an ủi, anh chị em nhìn cùng những sự việc đó theo cách khác và nói: “Không, tôi sẽ tiến tới, tôi sẽ làm điều ấy”. “Nhưng anh chị em có chắc không?” “Tôi cảm nhận được sức mạnh của Chúa và tôi tiến tới”. Và vì vậy, niềm an ủi thúc đẩy anh chị em tiến tới và làm những điều mà trong thời kỳ buồn phiền, anh chị em sẽ không thể làm được; thúc đẩy anh chị em thực hiện bước đầu tiên. Đó là vẻ đẹp của sự an ủi.

Nhưng chúng ta hãy cẩn thận. Chúng ta phải phân biệt rõ ràng niềm an ủi đến từ Thiên Chúa với những niềm an ủi giả tạo. Điều gì đó tương tự xảy ra trong đời sống thiêng liêng với điều xảy ra trong các sản phẩm của con người: có bản gốc và có bản sao. Nếu sự an ủi đích thực giống như một giọt nước trên miếng bọt biển, nó mềm mại và gần gũi, sự bất chước của nó to hơn và sắc sảo hơn, chúng là sự nhiệt tình thuần túy, chúng là những tia chớp nhoáng, không có thực chất, chúng dẫn đến sự thu mình vào chính mình và không quan tâm đến những người khác. Sự an ủi giả dối cuối cùng khiến chúng ta trống rỗng, xa rời trung tâm hiện hữu của chúng ta. Vì lý do này, khi chúng ta cảm thấy hạnh phúc, bình yên, chúng ta có khả năng làm bất cứ điều gì. Nhưng chúng ta đừng nhầm lẫn sự yên bình đó với một sự nhiệt tình thoáng qua, bởi vì sự nhiệt tình này có đó hôm nay, nhưng rồi nó rơi rụng và biến mất dạng.

Đó là lý do tại sao phải có *sự biện phân*, ngay cả khi ta cảm thấy được an ủi. Bởi vì sự an ủi giả tạo có thể trở thành mối nguy hiểm nếu chúng ta tìm kiếm nó như một mục đích trong chính nó, một cách ám ảnh và quên Chúa. Như Thánh Bernard đã nói, người ta tìm kiếm sự an ủi của Thiên Chúa chứ không tìm kiếm Thiên Chúa của sự an ủi. Chúng ta phải tìm kiếm Chúa và Chúa, với sự hiện diện của Người, an ủi chúng ta, giúp chúng ta tiến bước. Và đừng tìm kiếm vị Thiên Chúa chỉ mang lại cho chúng ta sự an ủi ở đời này: không, điều này không đúng, chúng ta không nên quan tâm đến điều này. Đó là sự năng động của đứa trẻ mà chúng ta đã nói đến lần trước, đứa trẻ tìm kiếm cha mẹ mình chỉ để lấy đồ của họ chứ không tìm kiếm chính họ: nó tìm kiếm lợi ích của chính nó. “Thưa bố, thưa mẹ” Và trẻ em biết làm điều này thế nào, biết chơi thế nào..., khi gia đình chia rẽ, chúng có thói quen đến với người này và đến với người nọ, điều này không tốt, điều này không phải là an ủi, nhưng là lợi ích bản thân. Chúng ta cũng có nguy cơ sống mối liên hệ với Thiên Chúa một cách trẻ con, tìm kiếm tư lợi của mình, cố gắng hạ thấp Thiên Chúa thành một đối tượng để chúng ta sử dụng và tiêu thụ, đánh mất hồng ân đẹp nhất là chính Người. Như vậy, chúng ta tiến bước trong cuộc sống của mình, một cuộc sống diễn ra giữa sự an ủi của Thiên Chúa và sự đau buồn của tội lỗi thế gian, nhưng biết cách phân biệt khi nào nó là niềm an ủi phát xuất từ Thiên Chúa, Đấng ban cho anh chị em bình an tận đáy linh hồn, khi nào nó là một sự nhiệt tình thoáng qua, vốn không xấu, nhưng không phải là niềm an ủi của Thiên Chúa.

Chương Mười Hai: Biện phân: Niềm an ủi đích thực (ngày 30/11/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tiếp tục suy tư về sự biện phân, và đặc biệt về kinh nghiệm thiêng liêng được gọi là “sự an ủi”, mà chúng ta đã nói vào Thứ Tư tuần trước, chúng ta tự hỏi: làm thế nào nhận ra sự an ủi đích thực? Đây là một câu hỏi rất quan trọng để có sự biện phân tốt, để không bị nhầm lẫn trong việc tìm kiếm điều thiện đích thực của chúng ta.

Chúng ta có thể tìm thấy một số tiêu chuẩn trong một đoạn của Linh Thao của Thánh Inhaxiô

thành Loyola. Thánh Inhaxiô nói, "Nếu trong các suy nghĩ, mọi sự đều tốt từ phần đầu, phần giữa và phần cuối, và nếu mọi sự đều hướng về điều thiện, thì đó là dấu hiệu của thiên thần tốt lành. Mặt khác, có thể trong dòng suy nghĩ, một điều gì đó xấu xa hoặc làm ta chia trí hoặc ít tốt hơn những gì linh hồn đã định làm trước đó, hoặc điều gì đó làm suy yếu linh hồn, khiến nó bồn chồn, đặt nó vào thế bồn chồn và lấy đi sự bình yên, lấy đi của nó sự thanh tĩnh và yên tĩnh nó vốn có trước đó: thì đó là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy các suy nghĩ này phát xuất từ một tinh thần xấu xa" (n. 333). Vì đó đúng là sự thật: có những niềm an ủi chân thật, nhưng cũng có những niềm an ủi không chân thật. Và vì thế, chúng ta phải hiểu rõ con đường an ủi: nó đi như thế nào và nó dẫn tôi đến đâu? Nếu nó đưa tôi đến một điều gì đó không ổn, không tốt, thì niềm an ủi này không có thật, là "giả mạo" chúng ta hãy nói vậy.

Và đây là những chỉ dẫn có giá trị, đáng được nhận định ngắn gọn. Điều đó có nghĩa gì khi nguyên tắc hướng tới điều tốt, như Thánh Inhaxiô nói về một niềm an ủi tốt? Chẳng hạn, tôi nghĩ đến việc cầu nguyện, và tôi thấy rằng nó đi kèm với tình cảm đối với Chúa và người lân cận, nó mời gọi chúng ta thực hiện những cử chỉ quảng đại, bác ái: đó là một nguyên tắc tốt. Thay vào đó, có thể nảy sinh ý nghĩ trốn tránh một công việc hoặc một nhiệm vụ đã được giao phó cho tôi: mỗi khi tôi phải rửa bát đĩa hoặc dọn dẹp nhà cửa, tôi rất muốn bắt đầu cầu nguyện! Điều này xảy ra trong tu viện. Nhưng cầu nguyện không phải là trốn tránh bổn phận của mình, trái lại, cầu nguyện giúp chúng ta nhận ra điều tốt lành mà chúng ta được mời gọi thực hiện, ở đây và bây giờ. Đó là về nguyên tắc.

Sau đó là các phương tiện: Thánh Inhaxiô nói rằng phần đầu, phần giữa và phần cuối phải tốt. Nguyên tắc như sau: tôi muốn cầu nguyện để khỏi phải rửa bát: hãy đi rửa bát đi đã rồi hãy cầu nguyện. Sau đó là phần giữa, tức là điều đến sau, điều theo sau ý nghĩ này. Tiếp tục với thí dụ trước, nếu tôi bắt đầu cầu nguyện và, như người Biệt phái cầu nguyện trong dụ ngôn (x. Lc 18:9-14), tôi có xu hướng tự mãn và coi thường người khác, có thể với một trái tim hiềm thù và chua chát, thì đây chính là những dấu hiệu cho thấy tinh thần ma quái đã sử dụng suy nghĩ này như một chìa khóa để thâm nhập vào trái tim tôi và truyền cảm xúc của nó cho tôi. Nếu tôi đi cầu nguyện và những lời của người Biệt phái khét tiếng hiện ra trong tâm trí tôi - "Lạy Chúa, tôi tạ ơn Chúa vì tôi cầu nguyện, tôi không giống như những người khác không tìm kiếm Chúa, không cầu nguyện" - ở đây, lời cầu nguyện này quả kết thúc một cách tồi tệ. Sự an ủi của lời cầu nguyện này là cảm thấy mình giống như một con công dương dương tự đắc trước mặt Thiên Chúa, và đó là một phương tiện không đi đến đâu.

Và sau đó là phần cuối: phần đầu, phần giữa và phần cuối. Kết thúc là một khía cạnh mà chúng ta đã gặp, đó là: một ý nghĩ dẫn tôi đến đâu? Thí dụ, ý tưởng cầu nguyện đưa tôi đến đâu. Thí dụ, ở đây có thể xảy ra việc tôi làm việc chăm chỉ vì một công việc cao đẹp và xứng đáng, nhưng nó thúc đẩy tôi không cầu nguyện nữa, vì tôi bận nhiều việc quá, tôi thấy mình ngày càng gầy hân và nhiều thói hư hơn, tôi tin rằng mọi sự đều phụ thuộc vào tôi, đến mức mất niềm tin vào Thiên Chúa, đây rõ ràng là hành động của tinh thần xấu xa. Tôi bắt đầu cầu nguyện, sau đó trong lời cầu nguyện, tôi cảm thấy toàn năng, mọi sự phải nằm trong tay tôi vì tôi là người duy nhất biết cách tiến hành công việc: rõ ràng là không có tinh thần tốt lành ở đó. Chúng ta phải xem xét cẩn thận con đường cảm xúc của chúng ta, con đường cảm xúc tốt, con đường an ủi, khi chúng ta muốn làm điều gì đó. Thế nào là phần đầu, thế nào là phần giữa và thế nào là phần cuối.

Phong cách của kẻ thù – khi chúng ta nói đến kẻ thù, chúng ta nói đến ma quỷ, bởi vì ma quỷ tồn tại, hấn tồn tại! – phong cách của hấn, như chúng ta biết, là trình bày bản thân một cách tinh vi, trá hình: hấn bắt đầu từ những gì thân thiết nhất đối với chúng ta rồi lôi kéo chúng ta đến với hấn, từng chút một: cái ác thâm nhập một cách giấu diếm mà chúng ta không hề hay

biết. Và với thời gian, sự mềm mại trở thành sự cứng rắn: suy nghĩ này tự bộc lộ như nó là trên thực tế.

Do đó, điều quan trọng là phải xem xét một cách kiên nhẫn nhưng không thể thiếu nguồn gốc và sự thật của các suy nghĩ của mình; đây là lời mời gọi học hỏi từ các kinh nghiệm, từ những gì xảy ra với chúng ta, để không lặp lại những sai lầm tương tự. Càng tự biết mình, chúng ta càng hiểu rõ nơi mà quỷ xâm nhập, “mặt khẫu” của nó, cửa vào trái tim chúng ta, đó là những điểm mà ở đó chúng ta nhạy cảm nhất, để chú ý đến chúng cho tương lai. Mỗi người chúng ta đều có những điểm nhạy cảm nhất, những điểm yếu nhất trong nhân cách của chính mình: và từ đó tinh thần xấu xa len lỏi vào dẫn dắt chúng ta đi vào con đường lầm lạc, hoặc đưa chúng ta xa rời con đường chân thiện. Tôi đi cầu nguyện nhưng điều đó làm tôi xa rời việc cầu nguyện.

Các thí dụ có thể được nhân thừa theo ý muốn, phản ánh thời đại của chúng ta. Đây là lý do tại sao việc kiểm điểm lương tâm hàng ngày là điều rất quan trọng: trước khi kết thúc một ngày, anh chị em hãy dừng lại đôi chút. Chuyện gì đã xảy ra? Không phải trên báo, không phải trong cuộc sống: điều gì đã xảy ra trong trái tim tôi? Trái tim tôi có lưu ý không? Nó có lớn ra không? Có phải đó là con đường đã đi qua mọi sự mà tôi không hề hay biết? Điều gì đã xảy ra trong trái tim tôi? Và sự kiểm điểm này rất quan trọng, nó là nỗ lực quý giá để đọc lại trải nghiệm từ một quan điểm đặc thù. Nhận ra những gì đang xảy ra là điều quan trọng, đó là dấu hiệu cho thấy ơn Chúa đang hoạt động trong chúng ta, giúp chúng ta lớn lên trong tự do và ý thức. Chúng ta không đơn độc: chính Chúa Thánh Thần ở cùng chúng ta. Chúng ta hãy xem sự việc diễn ra như thế nào.

Niềm an ủi đích thực là một kiểu xác nhận rằng chúng ta đang làm điều Thiên Chúa muốn nơi chúng ta, rằng chúng ta đang đi trên con đường của Người, nghĩa là trên con đường của sự sống, của niềm vui, của bình an. Trên thực tế, sự biện phân không chỉ tập trung vào điều tốt hay điều tốt nhất có thể, mà còn vào điều tốt cho tôi ở đây và bây giờ: Tôi được kêu gọi lớn lên ở đây, bằng cách đặt giới hạn cho những đề xuất quyến rũ nhưng không thực tế, để không bị lừa dối trong việc tìm kiếm những điều tốt đẹp thực sự.

Anh chị em thân mến, chúng ta phải hiểu, tiến lên trong việc thấu hiểu những gì đang xảy ra trong trái tim chúng ta. Và để làm được điều đó, chúng ta cần kiểm điểm lương tâm, để xem điều gì đã xảy ra hôm nay. “Hôm nay tôi tức giận, tôi không làm việc này việc nọ...”: nhưng tại sao? Vượt trên lý do tại sao là tìm kiếm gốc rễ của những sai lầm này. “Nhưng, hôm nay tôi hài lòng nhưng tôi thấy nhàm chán vì phải giúp đỡ những người này, nhưng cuối cùng tôi cảm thấy hài lòng, hài lòng với việc giúp đỡ này”: và có Chúa Thánh Thần. Anh chị em hãy học cách đọc trong cuốn sách trái tim chúng ta những gì đã xảy ra trong ngày. Anh chị em làm điều đó đi, chỉ hai phút thôi, nhưng nó sẽ rất tốt cho anh chị em, tôi bảo đảm với anh chị em.

Chương Mười Ba: Biện phân, Xác nhận quyết định tốt (ngày 07/12/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong tiến trình biện phân, điều quan trọng là phải luôn chú ý đến giai đoạn ngay sau khi quyết định được đưa ra, để nắm vững *các dấu hiệu xác nhận quyết định đó* hoặc những dấu hiệu bác bỏ quyết định đó. Tôi phải đưa ra quyết định, [vì vậy] tôi thực hiện việc biện phân,

ùng hộ hay phản đối, cảm xúc của tôi ra sao, tôi cầu nguyện... sau đó tiến trình này kết thúc và tôi đưa ra quyết định, rồi đến phần mà chúng ta phải cẩn thận, anh chị em thấy không? Bởi vì trong cuộc sống, một số quyết định không tốt và có những dấu hiệu bác bỏ chúng, trong khi mặt khác, những quyết định tốt được xác nhận.

Thật vậy, chúng ta đã thấy thời gian là tiêu chuẩn căn bản để nhận ra tiếng nói của Thiên Chúa giữa rất nhiều tiếng nói khác. Chỉ một mình Người là Chúa tể của thời gian: đó là dấu hiệu cho thấy sự độc đáo của Người, giúp phân biệt Người với những giả mạo nhân danh Người mà không thực sự như vậy. Một trong những dấu hiệu đặc biệt của tinh thần tốt là nó truyền đạt *một sự bình an kéo dài với thời gian*. Nếu anh chị em cân nhắc sâu sắc hơn, rồi đưa ra quyết định thì điều này mang lại cho anh chị em sự bình an kéo dài theo thời gian, đây là một dấu hiệu tốt và cho thấy con đường của anh chị em tốt đẹp. Một sự bình an mang lại sự hài hòa, hiệp nhất, nhiệt thành, sốt sắng. Anh chị em ra khỏi tiến trình “đào sâu” tốt hơn so với khi anh chị em bước vào.

Thí dụ, nếu tôi quyết định dành thêm nửa giờ để cầu nguyện, và rồi tôi thấy rằng tôi sống những khoảnh khắc khác trong ngày tốt hơn, tôi thanh thản hơn, bớt lo lắng hơn, tôi làm việc cẩn thận và hăng hái hơn, ngay cả mối tương quan với một số người khó tính cũng trở nên suông sẻ hơn... Đây đều là những dấu hiệu quan trọng cho thấy quyết định được đưa ra là tốt lành. Đời sống thiêng liêng là một vòng tuần hoàn: sự tốt lành của một lựa chọn mang lại lợi ích cho mọi lĩnh vực trong cuộc sống của chúng ta. Vì đó là việc tham gia vào óc sáng tạo của Thiên Chúa.

Chúng ta có thể nhận ra *một số khía cạnh quan trọng* giúp chúng ta thấy thời gian sau quyết định như *một xác nhận* khả dĩ về tính tốt lành của nó, bởi vì khoảng thời gian tiếp theo xác nhận tính tốt lành của quyết định. Một cách nào đó, chúng ta đã gặp những khía cạnh quan trọng này trong tiến trình dạy giáo lý nhưng bây giờ chúng ta thấy một áp dụng nữa của chúng.

Khía cạnh đầu tiên là liệu quyết định đó có được coi là một dấu hiệu khả hữu của việc đáp lại tình yêu thương và lòng quảng đại của Thiên Chúa đối với tôi hay không. Nó không phát sinh từ lòng sợ hãi, không phát sinh từ sự tống tiền hay ép buộc về mặt cảm xúc, nhưng phát sinh từ *lòng biết ơn đối với điều tốt lành đã nhận được*, điều này thúc đẩy trái tim sống tự do thoải mái trong mối tương quan với Thiên Chúa.

Một yếu tố quan trọng khác là có cảm thức về *vị trí của mình trong cuộc sống* – sự thanh thản đó, “Tôi đang ở vị trí của tôi” – và cảm thấy anh chị em là một phần của kế hoạch lớn hơn mà anh chị em mong muốn được đóng góp. Tại Quảng trường Thánh Phêrô có hai điểm chính xác – các tiêu điểm của hình bầu dục – từ đó người ta có thể nhìn thấy các cột Bernini thẳng hàng một cách hoàn hảo. Tương tự như vậy, một người có thể nhận ra họ đã tìm thấy điều họ tìm kiếm khi ngày sống của họ trở nên trật tự hơn, khi họ cảm thấy các mối quan tâm của họ hòa nhập với nhau nhiều hơn, khi họ thiết lập được một hệ thống thứ bậc đúng đắn về tầm quan trọng và khi họ có thể trải nghiệm điều này một cách thoải mái, đối diện với những khó khăn mới phát sinh một cách đầy năng lực và dũng cảm mới. Đây là những dấu hiệu cho thấy anh chị em đã có một quyết định tốt đẹp.

Chẳng hạn, một dấu hiệu xác nhận tốt khác là việc *luôn được tự do* đối với những gì đã được quyết định, sẵn sàng đặt câu hỏi về nó, thậm chí từ bỏ nó khi đối diện với những bác bỏ có thể xảy ra, cố gắng tìm thấy ở chúng một bài học có thể có từ Thiên Chúa. Điều này không phải vì Người muốn tước đoạt những gì chúng ta yêu quý, mà là để sống nó một cách tự do,

không bị ràng buộc. Chỉ có Thiên Chúa mới biết điều gì thực sự tốt cho chúng ta. Tính chiếm hữu là kẻ thù của điều tốt và nó giết chết tình âu yếm. Hãy chú ý đến điều này: chiếm hữu là kẻ thù của điều tốt, nó giết chết tình cảm. Nhiều trường hợp bạo lực trong lĩnh vực gia đình, mà chúng ta không may được đưa tin thường xuyên, hầu như luôn luôn phát sinh từ việc đòi quyền sở hữu tình cảm của người khác, từ việc tìm kiếm sự an toàn tuyệt đối, một điều giết chết tự do và bóp nghẹt cuộc sống, biến nó thành địa ngục.

Chúng ta chỉ có thể yêu trong tự do, đó là lý do tại sao Thiên Chúa tạo dựng chúng ta tự do, tự do ngay cả khi nói không với Người. Dâng lên Người những gì chúng ta yêu quý nhất là vì lợi ích tốt nhất của chúng ta, giúp chúng ta sống điều đó theo cách tốt nhất có thể có và trong sự thật, như một hồng phúc mà Người đã ban cho chúng ta, như một dấu chỉ lòng nhân từ nhưng không của Người, vì biết rằng cuộc sống của chúng ta, cũng như toàn bộ lịch sử, đều nằm trong bàn tay nhân từ của Người. Đó là điều Kinh Thánh gọi là *kính sợ Thiên Chúa*, nghĩa là tôn kính Thiên Chúa – không phải Thiên Chúa làm tôi sợ hãi, nhưng là một sự kính trọng, một điều kiện không thể thiếu để đón nhận hồng ân Khôn Ngoan (x. Hc 1:1-18). Nó là sự sợ hãi loại bỏ mọi nỗi sợ hãi khác, bởi vì nó hướng về Đấng là Chúa tể của mọi sự. Trước nhan thánh Người, không gì có thể làm chúng ta lo lắng. Đó là kinh nghiệm kỳ diệu của Thánh Phaolô, được Người diễn tả như sau: “Tôi sống thiếu thốn cũng được, mà sống dư dật cũng được. Trong mọi hoàn cảnh, no hay đói, dư dật hay túng bần, tôi đã tập quen cả. Với Đấng ban sức mạnh cho tôi, tôi chịu được hết” (Pl 4:12-13). Đây là người tự do, người đã chúc tụng Thiên Chúa cả khi điều tốt lành xảy đến lẫn khi điều không tốt lành xảy đến: Xin ngợi khen Người, và chúng ta hãy tiến về phía trước!

Nhận thức được điều này là rất quan trọng để đưa ra quyết định tốt và nó trấn an chúng ta về những điều chúng ta không thể kiểm soát hoặc dự đoán: sức khỏe, tương lai, những người thân yêu, kế hoạch của chúng ta. Điều quan trọng là niềm tin của chúng ta được đặt vào Chúa của vũ trụ, Đấng yêu thương chúng ta vô cùng và biết rằng chúng ta có thể cùng Người xây dựng một điều gì đó tuyệt vời, một điều gì đó vĩnh cửu. Cuộc đời của các thánh cho chúng ta thấy điều này một cách đẹp đẽ nhất. Chúng ta hãy tiến lên, luôn cố gắng đưa ra quyết định theo cách này, trong lời cầu nguyện và cảm nhận những gì đang diễn ra trong lòng mình, và tiến lên một cách từ từ. Anh chị em hãy can đảm lên!

Chương Mười Bốn: Biện phân, Cảnh giác (ngày 14/12/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Nay chúng ta đang bước vào giai đoạn cuối cùng của hành trình giáo lý về biện phân. Chúng ta bắt đầu từ gương sáng của Thánh Inhã thành Loyola; sau đó chúng ta xem xét các yếu tố của sự biện phân, tức cầu nguyện, biết mình, ước muốn và “cuốn sách đời sống”; chúng ta tập trung vào sự phiền muộn và an ủi, những thứ tạo thành “chất thể” của nó; và sau đó chúng ta vươn tới việc xác nhận sự lựa chọn được đưa ra.

Tôi cho rằng đến lúc này, ta cần nhắc đến một một thái độ cần thiết nếu chúng ta không muốn đánh mất mọi công việc đã thực hiện để biện phân điều tốt nhất và đưa ra quyết định đúng đắn, và đó là thái độ *cảnh giác*. Chúng ta đã nói tới việc biện phân, an ủi và phiền muộn; chúng ta đã chọn một điều gì đó... mọi điều đang diễn ra tốt đẹp, nhưng bây giờ, phải *cảnh giác*: phải có thái độ *cảnh giác*. Bởi vì trên thực tế, có một mối nguy, đó là “trò không chịu chơi”, tức là Ma quỷ, nó có thể phá hỏng mọi sự, khiến chúng ta quay lại từ đầu, trong một

tình trạng thậm chí còn tệ hơn trước, thực như vậy. Và điều này có thể xảy ra, vì vậy chúng ta phải chú ý và cảnh giác. Đây là lý do tại sao cảnh giác là điều không thể thiếu được. Vì vậy, hôm nay có vẻ thích hợp để nhấn mạnh thái độ này, điều mà tất cả chúng ta đều cần để diễn trình biện phân được thành công và duy trì như vậy.

Thật thế, trong lời rao giảng của mình, Chúa Giêsu nhấn mạnh rất nhiều đến việc người môn đệ tốt phải tỉnh thức, không ngủ gật, không để mình trở nên quá tự tin khi mọi việc diễn ra tốt đẹp, nhưng luôn *cảnh giác* và sẵn sàng thi hành bổn phận của mình.

Chẳng hạn, trong *Tin Mừng theo thánh Luca*, Chúa Giêsu nói: “Anh em hãy thất lưng cho gọn, thấp đèn cho sẵn. Hãy làm như những người đợi chủ đi ăn cưới về, để khi chủ vừa về tới và gõ cửa, là mở ngay. 37 Khi chủ về mà thấy những đầy tớ ấy đang tỉnh thức, thì thật là phúc cho họ” (12:35-37).

Hãy tỉnh thức để bảo vệ trái tim của chúng ta và để hiểu những gì đang xảy ra bên trong nó.

Đây là tâm trạng của các Kitô hữu đang chờ đợi sự tái lâm cuối cùng của Chúa; nhưng nó cũng có thể được hiểu là thái độ bình thường cần có trong cách cư xử trong cuộc sống, để những lựa chọn tốt của chúng ta, đôi khi được thực hiện sau cuộc biện phân đầy thách thức, có thể tiến hành một cách kiên trì và nhất quán, và đơm hoa kết trái.

Như chúng ta đã nói, nếu thiếu cảnh giác, có nguy cơ rất cao chúng ta sẽ đánh mất tất cả. Đó không phải là mối nguy thuộc trật tự tâm lý, không, mà là thuộc trật tự thiêng liêng, một cạm bẫy thực sự của thần ác. Thật vậy, hắn đang chờ đợi chính thời điểm trong đó chúng ta quá chắc chắn về bản thân, và đây là mối nguy hiểm: “Nhưng tôi chắc chắn về chính tôi, tôi đã thắng, bây giờ tôi rất ổn...” – đây là thời điểm hắn đang chờ đợi, khi mọi thứ đang diễn ra tốt đẹp, khi mọi thứ “đang bơi xuống xê” và chúng ta “có gió trong cánh buồm”. Thật vậy, trong dụ ngôn ngán của Tin Mừng mà chúng ta đã nghe, có thuật lại rằng thần ô uế khi trở về nhà từ nơi nó đã rời đi, “thấy nhà trống không, thì quét dọn và sắp xếp ngăn nắp” (Mt 12:44), nó thấy nhà được chuẩn bị tốt, phải không? Mọi thứ đều ở đúng vị trí của nó, mọi thứ đều theo thứ tự, nhưng chủ nhân của ngôi nhà ở đâu? Ông không ở đây. Không có ai canh chừng và bảo vệ nó. Đây là vấn đề. Chủ nhà không có ở nhà, ông đã bỏ đi, ông đang phân tâm, tôi không biết; hoặc ông đang ở nhà nhưng đang ngủ gật, và do đó, như thể ông không ở đó. Ông không cảnh giác, ông không cảnh giác, bởi vì ông quá tự tin và đã mất đi sự khiêm tốn để bảo vệ trái tim của chính mình. Chúng ta phải luôn bảo vệ ngôi nhà của mình, trái tim của chúng ta và không được phân tâm và đi xa... bởi vì vấn đề là ở đây, như Dụ ngôn đã nói.

Vì vậy, thần ác có thể lợi dụng điều này và quay trở lại ngôi nhà đó. Tuy nhiên, Tin Mừng nói rằng hắn không trở về một mình, mà cùng với “bầy ác thần khác xấu xa hơn hắn” (câu 45). Một đại đội những kẻ làm điều ác, một nhóm tội phạm. Nhưng, chúng ta tự hỏi, làm sao có thể để chúng vào không bị quấy rầy? Sao ông chủ không để ý? Há ông không rất giỏi trong việc phân biệt và xua đuổi chúng đó sao? Há ông đã không nhận được những lời khen ngợi từ bạn bè và hàng xóm về ngôi nhà đó, thật đẹp và trang nhã, thật ngăn nắp và sạch sẽ đó sao? Ngôi nhà của trái tim, phải không? Đúng, nhưng có lẽ chính vì điều này mà ông đã quá yêu ngôi nhà, nghĩa là yêu chính mình, và không còn chờ đợi Chúa nữa, chờ đợi Chàng Rể đến nữa; có lẽ vì sợ phá hỏng trật tự đó mà ông không tiếp đón ai nữa, ông không mời những người nghèo, những người vô gia cư, những kẻ quậy phá... Có một điều chắc chắn: ở đây có cả tính kiêu căng xấu xa, tự cho mình là đúng, là tốt, rất ngăn nắp. Rất thường nghe có người nói: “Dạ, trước đây tôi hư, nhưng tôi đã hoán cải rồi, bây giờ nhà cửa khang trang nhờ ơn Chúa, bạn cứ yên tâm...”. Khi chúng ta tin tưởng quá nhiều vào chính mình mà không tin

tướng vào ân sủng của Thiên Chúa, thì Kẻ Ác sẽ tìm được cánh cửa mở. Vì vậy, nó tổ chức cuộc thám hiểm và chiếm hữu căn nhà. Và Chúa Giêsu kết luận: “Tình trạng cuối cùng của người ấy trở nên tồi tệ hơn lúc đầu” (câu 45).

Nhưng há chủ nhân không lưu ý sao? Không, bởi vì đây là những con quỷ lịch sự: chúng vào mà bạn không để ý, chúng gõ cửa, chúng lịch sự. “Không sao đâu, đi, đi, vào đi...” và rồi cuối cùng chúng nắm quyền kiểm soát linh hồn anh chị em. Anh chị em hãy coi chừng lũ quỷ nhỏ này, lũ quỷ này... ma quỷ lịch sự, khi nó giả vờ là một người phong nhã vĩ đại, phải không? Vì hấn vào với việc chúng ta đi ra. Anh chị em hãy bảo vệ ngôi nhà khỏi sự lừa dối này, của những con quỷ lịch sự. Và tinh thần trần tục luôn đi theo con đường này.

Anh chị em thân mến, điều đó dường như là bất khả nhưng thực tế là như vậy. Nhiều lần chúng ta thua, nhiều lần chúng ta bị đánh bại trong các trận chiến, vì sự thiếu sự *cảnh giác* này. Có lẽ Chúa thường ban cho biết bao ân sủng, rất nhiều ân sủng, nhưng cuối cùng, chúng ta không kiên trì trong ân sủng này và chúng ta đánh mất tất cả, vì chúng ta thiếu *cảnh giác*: chúng ta không canh giữ cửa ra vào. Và rồi chúng ta đã bị lừa bởi một ai đó đi cùng, lịch sự, hấn bước vào và, xin chào... Ma quỷ có những thứ này. Bất cứ ai cũng có thể xác minh điều này bằng cách nghĩ lại lịch sử bản thân của mình. Thực hiện việc biện phân tốt và đưa ra một sự lựa chọn tốt là chưa đủ. Không, như thế vẫn chưa đủ: chúng ta phải *cảnh giác*, bảo vệ ân sủng Thiên Chúa đã ban cho chúng ta, nhưng hãy tỉnh thức, bởi vì anh chị em có thể nói với tôi: “Nhưng khi con thấy một sự lộn xộn nào đó, con nhận ra ngay đó là ma quỷ, đó là con cảm dỗ...”. Phải, nhưng lần này hấn cải trang thành thiên thần: ma quỷ biết cách hóa trang thành thiên thần, hấn bước vào với những lời lẽ nhã nhặn, và hấn thuyết phục anh chị em, và cuối cùng, mọi chuyện còn tồi tệ hơn lúc đầu... Chúng ta cần phải *cảnh giác*, canh giữ trái tim. Nếu hôm nay tôi hỏi từng người trong anh chị em, và cả tôi nữa, “Điều gì đang xảy ra trong lòng anh chị em?”, có lẽ chúng ta sẽ không biết nói sao cho hết; chúng ta sẽ nói một hoặc hai điều, nhưng không phải tất cả. Anh chị em hãy canh thức con tim, vì tỉnh thức là dấu hiệu của sự khôn ngoan, trước hết là dấu hiệu của sự khiêm tốn, vì chúng ta sợ sa ngã, và khiêm nhường là xa lộ của đời sống Kitô hữu. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Lăm: Biện phân, Luôn thưa chuyện với Chúa Thánh Thần (Ngày 21/12/2022)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục – chúng ta đang kết thúc – loạt bài giáo lý về biện phân. Bất cứ ai đã theo dõi những bài giáo lý này cho đến nay đều có thể nghĩ: thực hành biện phân phức tạp làm sao! Trên thực tế, chính cuộc sống mới phức tạp và nếu chúng ta không học cách đọc nó, dù phức tạp như thế nào, chúng ta có nguy cơ lãng phí cuộc đời mình, sử dụng những chiến lược kết cục khiến chúng ta nản lòng.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên, chúng ta đã thấy rằng mỗi ngày, dù muốn hay không, chúng ta luôn thực hiện những hành vi biện phân liên quan đến những gì chúng ta ăn, đọc, tại nơi làm việc, trong các mối liên hệ của chúng ta, mọi điều. Cuộc sống luôn đưa ra cho chúng ta những lựa chọn, và nếu chúng ta không đưa ra những lựa chọn có ý thức thì cuối cùng chính cuộc đời sẽ chọn cho chúng ta, đưa chúng ta đến nơi chúng ta không muốn.

Tuy nhiên, không nên thực hiện sự biện phân một mình. Hôm nay, chúng ta hãy xem xét một cách chuyên biệt hơn *một số phương thế hỗ trợ* về phương diện này có thể tạo điều kiện

thuận lợi cho việc thực hành biện phân không thể thiếu này trong đời sống thiêng liêng, ngay cả khi chúng ta đã gặp chúng theo một cách nào đó trong quá trình học giáo lý này. Nhưng một bản tóm tắt sẽ giúp chúng ta rất nhiều.

Một trong những phương thế hỗ trợ không thể thiếu đầu tiên là dùng *Lời Chúa và giáo lý của Giáo hội* để lượng định. Chúng giúp chúng ta đọc được những gì đang khuấy động trong lòng mình, học cách nhận ra tiếng nói của Chúa và phân biệt tiếng nói đó với những tiếng nói khác dường như tranh giành sự chú ý của chúng ta, nhưng cuối cùng lại khiến chúng ta bối rối. Kinh thánh cảnh cáo chúng ta rằng tiếng nói của Chúa vang lên trong sự thanh tĩnh, trong sự chú ý và trong im lặng. Chúng ta hãy nhớ lại kinh nghiệm của Tiên tri Êlia: Chúa không phán với ông qua gió đập vỡ đá, cũng như trong lửa hay động đất, nhưng Người phán với ông qua làn gió nhẹ nhẹ (xem *1 Các Vua* 19:11-12). Đây là một hình ảnh rất đẹp giúp chúng ta hiểu cách Chúa nói. Tiếng Chúa không tự áp đặt; Tiếng nói của Chúa kín đáo, tôn trọng – cho phép tôi nói, tiếng nói của Chúa thật khiêm tốn – và vì lý do đó, tạo ra hòa bình. Và chỉ trong bình an chúng ta mới có thể đi sâu vào trong chính mình và nhận ra những ước muốn đích thực mà Chúa đã đặt để trong lòng chúng ta. Nhiều khi không dễ đi vào sự bình yên trong tâm hồn bởi vì chúng ta quá bận rộn với việc này, việc kia, cả ngày... Nhưng xin anh chị em hãy tĩnh tâm lại một chút, đi vào chính mình, vào trong chính mình. Dừng lại trong hai phút. Chứng kiến những gì trái tim của anh chị em đang cảm thấy. Anh chị em hãy làm điều này, nó sẽ giúp ích cho chúng ta rất nhiều vì ngay lúc bình tâm đó, tiếng Chúa liền nói: “Này, nhìn đây, nhìn kia, việc con đang làm tốt lắm...”. Khi chúng ta cho phép mình yên tĩnh, tiếng Chúa sẽ đến ngay lập tức. Người đang đợi chúng ta làm điều này.

Đối với người tín hữu, Lời Chúa không chỉ là một bản văn để đọc. Lời Chúa là sự hiện diện sống động, là công trình của Chúa Thánh Thần an ủi, hướng dẫn, ban ánh sáng, sức mạnh, lấy lại sức, và niềm say mê cuộc sống. Đọc Kinh Thánh, đọc một đoạn, một hay hai đoạn Kinh Thánh, giống như một bức điện tín ngắn của Thiên Chúa đi ngay vào trái tim. Lời của Thiên Chúa là một chút - và tôi không phóng đại ở đây - đó là một chút tiên vị thiên đàng thực sự. Một vị thánh và mục tử vĩ đại, thánh Ambrôsiô, giám mục Milan, hiểu rất rõ điều này, khi Người viết: “Khi tôi đọc Sách Thánh, Thiên Chúa trở lại và bước đi trên thiên đàng trần gian” (*Các thư*, 49.3). Với Kinh Thánh, chúng ta mở cửa cho Chúa bước đi. Thật thú vị.

Mối liên hệ cảm giới với Kinh thánh này, với Kinh thánh, với Tin Mừng, dẫn chúng ta cảm nghiệm được *mối liên hệ cảm giới với Chúa Giêsu*. Chúng ta đừng sợ điều này! Trái tim nói với trái tim. Và đây là một trợ cụ không thể thiếu khác không nên coi là đương nhiên. Chúng ta thường có một ý tưởng lệch lạc về Thiên Chúa, nghĩ về Người như một quan tòa ủ rũ, một quan tòa khắc nghiệt, sẵn sàng bắt quả tang chúng ta. Trái lại, Chúa Giêsu mặc khải về một Thiên Chúa đầy lòng cảm thương và dịu dàng đối với chúng ta, sẵn sàng hy sinh bản thân để đến với chúng ta, giống như người cha trong dụ ngôn đưa con hoang đàng (x. *Lc* 15:11-32). Một lần, có người hỏi – tôi không biết đó là một bà mẹ hay một bà bà đã nói với tôi điều này – “Tôi cần phải làm gì trong thời điểm này?” – “thì, hãy lắng nghe Chúa, Người sẽ cho chị biết chị nên làm gì. Hãy mở lòng ra với Chúa”. Đây là lời khuyên tốt. Tôi nhớ có một lần, có một cuộc hành hương của các bạn trẻ được thực hiện mỗi năm một lần đến Đền thờ [Đức Mẹ] Lujan, cách thủ đô Buenos Aires 70 km. Phải mất cả ngày để đi hành hương ở đó. Tôi đã từng ngồi tòa giải tội ban đêm. Một thanh niên khoảng 22 tuổi, xăm trổ đầy mình... “Chúa ơi”, tôi nghĩ, “người này là ai nhỉ?” Và anh ấy nói với tôi, “cha biết đấy, con đến vì con có một vấn đề nghiêm trọng, và con đã nói với mẹ con, và mẹ con nói với con, 'Hãy đến với Đức Mẹ. Hãy hành hương và Đức Mẹ sẽ cho con biết'. Và con đã đến. Con đã tiếp xúc với Kinh thánh ở đây. Con đã lắng nghe Lời Chúa và nó chạm đến trái tim con và con cần phải làm điều này, điều này, điều này, điều này”. Lời Chúa chạm đến trái tim và thay đổi cuộc đời anh

chị em. Và tôi đã chứng kiến điều này nhiều lần. Vì Chúa không muốn tiêu diệt chúng ta. Chúa muốn chúng ta mạnh mẽ hơn, tốt hơn mỗi ngày.

Bất cứ ai đứng trước Tượng Chịu Nạn đều cảm nhận được sự bình an mới tìm thấy, học biết không sợ hãi Thiên Chúa vì trên thập giá, Chúa Giêsu không làm ai sợ hãi. Đó là hình ảnh của sự yêu đuối hoàn toàn, đồng thời cũng là hình ảnh của tình yêu trọn vẹn, có khả năng đối đầu với bất cứ thử thách nào vì chúng ta. Các thánh luôn hướng về Chúa Giêsu Chịu Đóng Đinh. Trình thuật Cuộc Thương Khó của Chúa Giêsu là cách chắc chắn nhất để đối đầu với sự dữ mà không bị nó lấn át. Ở đó không có sự phán xét, thậm chí không có sự cam chịu, bởi vì nó được chiếu rọi bằng ánh sáng vĩ đại nhất, ánh sáng của Lễ Phục sinh, cho phép chúng ta, trong những hành động khủng khiếp đó, nhìn thấy một kế hoạch vĩ đại hơn mà không một ngăn cản, trở ngại hay thất bại nào có thể phá vỡ. Lời Chúa luôn khiến chúng ta nhìn vào một khía cạnh khác – nghĩa là, thập giá ở đây, điều này thật khủng khiếp, nhưng cũng có điều gì khác nữa, đó là hy vọng, là phục sinh. Lời Chúa mở mọi cánh cửa vì Người là cửa, Người là Chúa. Chúng ta hãy cầm lấy Tin Mừng, cầm lấy Kinh Thánh trong tay – 5 phút mỗi ngày, không hơn. Hãy mang theo một cuốn Tin Mừng bỏ túi bên mình, trong ví của anh chị em, và khi anh chị em đi du lịch, hãy đọc nó một chút. Đọc một đoạn văn nhỏ trong ngày. Hãy để Lời Chúa đến gần trái tim anh chị em. Hãy làm điều này và anh chị em sẽ thấy cuộc sống của anh chị em thay đổi như thế nào, với sự gắn gũi của Lời Chúa. “Vâng, thưa cha, nhưng con đã quen đọc cuộc đời của các thánh”. Điều này là tốt. Nhưng đừng bỏ bê Lời Chúa. Hãy mang Tin Mừng theo anh chị em. Một phút mỗi ngày....

Thật đẹp khi nghĩ về cuộc sống của chúng ta với Chúa như một mối liên hệ với một người bạn, một mối liên hệ lớn lên từng ngày. Tình bạn với Chúa. Đã có bao giờ anh chị em nghĩ về điều này chưa? Thế nhưng, đây là cách! Hãy nghĩ về Chúa, Đấng ban cho chúng ta... Chúa không ban cho chúng ta quá nhiều sao? Chúa yêu chúng ta, Người muốn chúng ta là bạn hữu của Người. Tình bạn với Chúa có thể thay đổi trái tim. Lòng đạo đức là một trong những hồng ân cao cả của Chúa Thánh Thần, ban cho chúng ta khả năng nhận ra tình phụ tử của Thiên Chúa. Chúng ta có một người Cha dịu dàng, một người Cha triu mến, một người Cha yêu thương chúng ta, người luôn yêu thương chúng ta. Khi trải nghiệm điều này, trái tim chúng ta tan chảy và những nghi ngờ, sợ hãi, cảm giác không xứng đáng tan biến. Không gì có thể cản trở tình yêu đến từ việc tiếp xúc với Chúa.

Và tình yêu này nhắc nhở chúng ta về một sự trợ giúp lớn lao khác, *ân sủng của Chúa Thánh Thần*, Đấng hiện diện trong chúng ta và hướng dẫn chúng ta, làm cho Lời Chúa mà chúng ta đọc trở nên sống động, gọi lên những ý nghĩa mới, mở ra những cánh cửa đường như đã đóng, chỉ ra những con đường trong cuộc sống nơi dường như chỉ có bóng tối và hoang mang. Tôi hỏi anh chị em – Anh chị em có cầu nguyện với Chúa Thánh Thần chưa? Nhưng Người là ai? Đấng Vô Danh Vĩ Đại. Chắc chắn, chúng ta cầu nguyện với Chúa Cha bằng Kinh Lạy Cha. Chúng ta cầu nguyện với Chúa Giêsu. Nhưng chúng ta quên Chúa Thánh Thần! Một lần nọ, khi đang dạy giáo lý cho các em nhỏ, tôi đã đặt câu hỏi: “Ai trong các con biết Chúa Thánh Thần là ai?” Và một trong số các em nói, "Con biết!" - "Và Người là ai?" – “Người bại liệt”, em đó trả lời tôi! Em đó đã nghe nói, "the Paraclete", nhưng nghĩ rằng đó là "người tê liệt [paralytic]". Biết bao lần – điều này khiến tôi nghĩ – Chúa Thánh Thần ở đây gần gũi như một Người không đáng kể. Chúa Thánh Thần là Đấng ban sự sống cho linh hồn! Anh chị em hãy để Người vào. Anh chị em hãy nói chuyện với Chúa Thánh Thần giống như anh chị em nói chuyện với Chúa Cha, như anh chị em nói chuyện với Chúa Con. Nói chuyện với Chúa Thánh Thần – Đấng không hề bị tê liệt, phải không? Người là sức mạnh của Giáo hội, Người là người sẽ dẫn dắt anh chị em tiến tới. Chúa Thánh Thần là sự biện phân trong hành động, là sự hiện diện của Thiên Chúa trong chúng ta. Người là ơn phúc, ơn phúc lớn nhất mà

Chúa Cha bảo đảm cho những ai cầu xin (x. Lc 11:13). Và Chúa Giêsu đã gọi Người là gì? “hồng ân” – “Hãy ở lại đây tại Giêrusalem và chờ đợi hồng ân Thiên Chúa”, đó là Chúa Thánh Thần. Thật thú vị khi sống cuộc đời của chúng ta trong tình bạn với Chúa Thánh Thần. Người thay đổi anh chị em. Người làm cho anh chị em phát triển.

Các Giờ Kinh Phụng Vụ mở ra những khoảnh khắc chính của việc cầu nguyện hàng ngày với lời khẩn cầu này: “Lạy Thiên Chúa, xin lưu tâm giúp đỡ con. Lạy Chúa, xin mau mau cứu giúp con”. “Lạy Chúa, xin cứu giúp con!” bởi vì một mình con không thể tiến tới, con không thể yêu, con không thể sống... Lời kêu gọi cứu rỗi này là lời thỉnh cầu không thể kìm nén được, nó tuôn chảy từ sâu thẳm con người chúng ta. Mục tiêu của sự biện phân là nhận ra ơn cứu rỗi mà Thiên Chúa đang thực hiện trong cuộc đời tôi. Nó nhắc nhở tôi rằng tôi không bao giờ đơn độc và nếu tôi gặp khó khăn, đó là vì tiền đặt cọc của trò chơi rất cao. Chúa Thánh Thần luôn ở cùng chúng ta. “Ôi, thưa cha, con đã làm một việc thật tồi tệ. Con cần đi xưng tội. Con không thể làm bất cứ điều gì...”. Được rồi, con đã làm một điều gì đó khủng khiếp? Hãy trò chuyện với Chúa Thánh Thần, Đấng đang ở với con và hãy nói với Người rằng: “Xin giúp con, con đã làm điều thật kinh khủng này...” Đừng bao giờ anh chị em từ bỏ cuộc đời thoải mái này với Chúa Thánh Thần. “Lạy Cha, con mắc tội trọng” – điều đó không thành vấn đề. Hãy thưa chuyện với Người để Người giúp đỡ và tha thứ cho anh chị em. Đừng bao giờ anh chị em từ bỏ cuộc đời thoải mái này với Chúa Thánh Thần. Và với những sự trợ giúp mà Chúa ban cho chúng ta, chúng ta không cần phải sợ hãi. Hãy tiếp tục tiến về phía trước, can đảm và hân hoan!

Chương Mười Sáu: Suy niệm Giáng sinh với Thánh Phanxicô Salê (ngày 28/12/2022)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung, thứ tư ngày 28 tháng 12, 2022, tại Hội trường Phaolô VI, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã suy nghĩ về ý nghĩa Lễ Giáng Sinh cùng với Thánh Phanxicô đệ Salê. Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng và một lần nữa, chúc anh chị em Giáng sinh vui vẻ!

Mùa phụng vụ mời gọi chúng ta dừng lại và suy niệm về mầu nhiệm Giáng Sinh. Và kể từ hôm nay – hôm nay – đánh dấu kỷ niệm 400 năm ngày mất của Thánh Phanxicô Salê, Giám mục và Tiến sĩ Hội Thánh, chúng ta có thể rút ra một gợi ý từ một số suy nghĩ của ngài. Ngài đã viết rất nhiều về Giáng sinh. Về vấn đề này, hôm nay tôi vui mừng thông báo rằng Tông Thư kỷ niệm ngày này được công bố hôm nay. Tựa đề là *Mọi điều đều liên quan đến tình yêu*, sử dụng cách diễn đạt đặc trưng của Thánh Phanxicô Salê. Trên thực tế, đây là những gì ngài đã viết trong *Chuyên luận về Tình yêu Thiên Chúa*; ngài viết: “Trong Giáo Hội Thánh thiện, mọi sự đều liên quan đến tình yêu, sống trong tình yêu, được thực hiện vì tình yêu và xuất phát từ tình yêu” (Bản gốc tiếng Ý từ: Ấn bản Paoline, Milan 1989, tr. 80). Và cầu mong tất cả chúng ta cùng đi trên con đường tình yêu đẹp đẽ này.

Như thế, chúng ta hãy cố gắng đào sâu hơn một chút vào mầu nhiệm Chúa Giêsu giáng sinh, “cùng với” Thánh Phanxicô Salê, do đó kết hợp hai lễ kỷ niệm.

Thánh Phanxicô Salê, trong một lá thư gửi cho Thánh Jeanne Frances de Chantal, đã viết như sau: “Tôi hình dung thấy Salomon trên ngai của Người, tất cả đều được chạm khắc và mạ

vàng rất đẹp, như Kinh thánh cho chúng ta biết, không có ngai nào sánh bằng trong tất cả các vương quốc trần gian (*1 Các Vua* 10:18-20) cũng không có vị vua nào có thể so sánh được với vị vua ngồi trên đó về vinh quang và sự nguy nga (*1 Các Vua* 10:23). Thế nhưng, tôi thích thấy Chúa Giêsu yêu dấu trong Máng cỏ trăm lần nhiều hơn tất cả các vua chúa của thế gian trên ngai vàng của họ.” Những gì Người nói thật đẹp đẽ. Chúa Giêsu, Vua của vũ trụ, không bao giờ ngồi trên ngai vàng, không bao giờ: Người sinh ra trong chuồng bò – chúng ta thấy điều đó được thể hiện như vậy [chỉ cho thấy khung cảnh máng cỏ trong Sảnh đường Phaolô VI] – được quán trong tã và đặt nằm trong máng cỏ; và cuối cùng Người chết trên cây thập tự và được bọc trong một tấm khăn liệm, được đặt trong ngôi mộ. Thật vậy, thánh sử Luca, khi thuật lại việc Chúa Giêsu giáng sinh, đã nhấn mạnh rất nhiều đến chi tiết máng cỏ. Điều này có nghĩa là nó rất quan trọng không phải chỉ là một chi tiết hậu cần. Nhưng phải hiểu nó như một yếu tố tượng trưng ra sao? Để hiểu Đấng sinh ra ở Bêlem là *Đấng Mêxia* nào; Người là loại Vua nào, *Chúa Giêsu là ai*. Nhìn máng cỏ, nhìn lên thánh giá, nhìn vào cuộc đời của Người, một cuộc đời đơn sơ, chúng ta mới hiểu Chúa Giêsu là ai. Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta bằng cách trở thành con người giống như chúng ta; tước bỏ vinh quang của Người và hạ mình xuống (xem *Pl* 2:7-8). Chúng ta nhìn thấy mâu thuẫn này một cách cụ thể ở tiêu điểm của máng cỏ, cụ thể là việc Hải Nhi nằm trong máng cỏ. Đây là “dấu chỉ” mà Thiên Chúa ban cho chúng ta vào Lễ Giáng Sinh: đó là thời các mục đồng ở Bêlem (xem *Lc* 2:12), ngày nay và sẽ luôn như vậy. Khi các thiên thần thông báo về sự ra đời của Chúa Giêsu, [các Người nói,] “Hãy đi thì sẽ gặp Người”; và dấu hiệu là: Anh em sẽ gặp một hải nhi nằm trong máng cỏ. Đó là dấu hiệu. Ngai của Chúa Giêsu là máng cỏ hay là đường phố, trong suốt cuộc đời Người rao giảng; hay Thập giá vào cuối cuộc đời của Người. Đây là ngai vàng của Vua chúng ta.

Dấu hiệu này cho chúng ta thấy “phong cách” của Thiên Chúa. Và phong cách của Thiên Chúa là gì? Đừng quên, đừng bao giờ quên: phong cách của Thiên Chúa là gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Thiên Chúa của chúng ta gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Phong cách này của Thiên Chúa được thấy nơi Chúa Giêsu. Với phong cách này của Người, Thiên Chúa kéo chúng ta đến với Người. Người không bắt chúng ta bằng vũ lực, Người không áp đặt chân lý và công lý của Người lên chúng ta. Người không cải đạo cho chúng ta, không! Người muốn lôi kéo chúng ta bằng tình yêu, bằng sự dịu dàng, bằng lòng cảm thương. Trong một lá thư khác, Thánh Phanxicô Salê viết: “Nam châm hút sắt, hồ phách hút rơm. Vì vậy, cho dù chúng ta cứng rắn như sắt hay rơm rạ trong sự nhẹ nhàng và vô giá trị của chúng ta, chúng ta vẫn phải kết hợp với Hải Nhi bé nhỏ này.” Điểm mạnh của chúng ta, điểm yếu của chúng ta, chỉ được giải quyết trước máng cỏ, trước Chúa Giêsu, hoặc trước Thánh giá. Chúa Giêsu ở trần, Chúa Giêsu khó nghèo; nhưng luôn luôn với phong cách gần gũi, cảm thương và dịu dàng của Người. Chúa đã tìm ra phương tiện để thu hút chúng ta dù chúng ta là ai: bằng tình yêu. Không phải là một tình yêu chiếm hữu và ích kỷ, như tình yêu nhân bản. Tình yêu của Người là món quà thuần khiết, ân sủng thuần khiết, tất cả và chỉ dành cho chúng ta, vì lợi ích của chúng ta. Và vì thế Người kéo chúng ta vào, bằng tình yêu không vũ trang và thậm chí tước vũ trang này. Bởi vì khi chúng ta nhìn thấy sự đơn sơ này của Chúa Giêsu, chúng ta cũng dẹp bỏ vũ khí kiêu căng và khiêm tốn đi xin ơn cứu độ, xin ơn tha thứ, xin ánh sáng cho đời mình, để có thể tiến tới. Đừng quên ngai vàng của Chúa Giêsu. Máng cỏ và Thánh giá: đây là ngai vàng của Chúa Giêsu.

Một khía cạnh khác nổi bật trong máng cỏ là sự nghèo khó – thực sự, có sự nghèo khó ở đó – được hiểu là sự từ bỏ mọi phù phiếm trần tục. Khi chúng ta nhìn thấy số tiền được tiêu vào sự phù phiếm... rất nhiều tiền [đã tiêu] vào sự phù phiếm của thế gian; bao nhiêu nỗ lực, bao nhiêu tìm kiếm phù phiếm; trong khi Chúa Giêsu làm cho chúng ta nhìn bằng sự khiêm nhường. Thánh Phanxicô Salê viết: “Lạy Thiên Chúa của con! con gái của cha, biết bao

nhiều tình cảm thánh thiện được sự ra đời này làm nảy sinh trong lòng chúng ta, trên hết là sự từ bỏ hoàn toàn của cái, sự hào nhoáng, ... của thế gian này. Cha không biết liệu cha có tìm thấy mâu nhiệm nào có thể kết hợp một cách ngọt ngào sự dịu dàng với sự khắc khổ, tình yêu với sự khắc khổ, ngọt ngào với sự nghiêm khắc hay không.” Chúng ta thấy tất cả những điều này trong cảnh Chúa giáng sinh. Vâng, chúng ta hãy cẩn thận để không rơi vào bức tranh biếm họa của thế gian về Lễ Giáng Sinh. Và đây là một vấn đề, bởi vì đây là Giáng sinh. Nhưng ngày nay chúng ta thấy rằng, ngay cả khi có “một lễ Giáng sinh khác,” trong ngoặc kép, thì chính bức tranh biếm họa về Lễ Giáng sinh của thế gian đã biến Lễ Giáng sinh thành một lễ kỷ niệm buồn tẻ, theo chủ nghĩa tiêu dùng. Chúng ta muốn ăn mừng, chúng ta muốn, nhưng đây không phải là Giáng sinh, Giáng sinh là một điều khác. Tình yêu của Chúa không phải là đường ngọt ngào; Máng cỏ của Chúa Giêsu cho chúng ta thấy điều đó. Đó không phải là một sự tốt lành giả hình che giấu việc theo đuổi những thú vui và tiện nghi. Những người lớn tuổi của chúng ta, những người biết chiến tranh và cả nạn đói, biết rõ điều này: Giáng sinh là niềm vui và lễ kỷ niệm, chắc chắn, nhưng trong sự đơn giản và khắc khổ.

Và chúng ta hãy kết thúc bằng một suy nghĩ về Thánh Phanxicô đệ Salê mà tôi cũng đã đề cập trong Tông Thư. Ngài đã đọc nó cho các Nữ tu Thăm Viếng chỉ hai ngày trước khi chết thôi nhé! Và ngài viết: “Các con có thấy hài nhi Giêsu trong máng cỏ không? Người chấp nhận tất cả những khó chịu của mùa đó, cái lạnh buốt giá và mọi điều được Chúa Cha cho phép xảy ra với Người. Người không từ chối những lời an ủi nhỏ mà Mẹ Người dành cho Người; chúng ta không được cho biết việc Người từng vươn ra tới vú mẹ, nhưng để mọi sự cho mẹ chăm sóc và lo toan. Cũng vậy, bản thân chúng ta đừng mong muốn hay từ chối bất cứ điều gì, nhưng hãy chấp nhận tất cả những gì Chúa gửi đến cho chúng ta, cái lạnh khắc nghiệt và những điều khó chịu của mùa,” mọi điều. Và đây, anh chị em thân mến, là một giáo huấn tuyệt vời, đến với chúng ta từ Chúa Giêsu Hài Đồng qua sự khôn ngoan của Thánh Phanxicô đệ Salê: đừng ước muốn gì và đừng từ chối điều gì, hãy đón nhận mọi điều Thiên Chúa gửi đến cho chúng ta. Nhưng hãy cẩn thận! Luôn luôn và duy nhất vì tình yêu, luôn luôn và duy nhất vì tình yêu, bởi vì Thiên Chúa yêu thương chúng ta và chỉ muốn điều tốt lành cho chúng ta.

Chúng ta hãy nhìn vào máng cỏ, là ngai vàng của Chúa Giêsu; chúng ta hãy nhìn lên Chúa Giêsu trên các đường phố của Giuđêa, Galilê, rao giảng sứ điệp của Chúa Cha; và chúng ta hãy nhìn lên Chúa Giêsu trên ngai khác, trên Thánh giá. Đây là điều mà Chúa Giêsu công hiến cho chúng ta: con đường, nhưng đây là con đường hạnh phúc.

Tới tất cả anh chị em và gia đình anh chị em, tôi xin chúc một mùa Giáng sinh an lành và một Năm mới hạnh phúc!

Chương Mười Bảy: Biện phân: đồng hành thiêng liêng

(ngày 04/01/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Hội trường Phaolô VI, Thứ tư, ngày 4 tháng 1 năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô kết thúc loạt bài giáo lý nói về biện phân, nhấn mạnh tới việc đồng hành thiêng liêng. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh công bố.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trước khi bắt đầu bài giáo lý này, tôi muốn chúng ta cùng tham gia với những người gần

chúng ta đang bày tỏ lòng kính trọng đối với Đức Bênêdictô XVI và hướng tâm trí của tôi đến ngài, một vị thầy dạy giáo lý vĩ đại. Suy nghĩ nhạy bén và có học thức của ngài không phải là tự hướng vào mình, mà là có tính giáo hội, bởi vì ngài luôn muốn đồng hành với chúng ta trong cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Chúa Giêsu, Đấng Chịu Đóng Đinh Phục Sinh, Đấng Hằng Sống và là Chúa, là mục tiêu mà Đức Bênêdictô XVI đã dẫn dắt chúng ta, nắm tay chúng ta. Xin giúp chúng con tái khám phá nơi Chúa Kitô niềm tin vui và niềm hy vọng sống.

Với bài giáo lý hôm nay, chúng ta kết thúc chu trình dành riêng cho chủ đề biện phân, và chúng ta làm như vậy bằng cách hoàn tất bài giảng về những phương tiện hỗ trợ có thể và phải hỗ trợ nó: hỗ trợ tiến trình biện phân. Một trong số đó là *việc đồng hành thiêng liêng*, điều quan trọng trước hết và trên hết là để hiểu biết về chính mình, điều mà chúng ta đã thấy là điều kiện không thể thiếu để biện phân. Nhìn vào gương một mình không phải lúc nào cũng hữu ích, bởi vì người ta có thể thay đổi hình ảnh. Thay vào đó, hãy nhìn vào gương với sự giúp đỡ của người khác, điều này sẽ giúp ích rất nhiều vì người kia nói cho anh chị em biết sự thật - khi họ trung thực - và do đó sẽ giúp ích cho anh chị em.

Ân sủng của Thiên Chúa trong chúng ta luôn hoạt động dựa trên bản chất của chúng ta. Nghĩ đến một dụ ngôn Tin Mừng, chúng ta có thể so sánh ân sủng với hạt giống tốt và bản chất với đất (x. *Mc 4:3-9*). Trước hết, điều quan trọng là phải làm cho chính mình được biết đến mà không sợ chia sẻ những khía cạnh mỏng dòn mong manh nhất, nơi chúng ta thấy mình nhạy cảm hơn, yếu đuối hơn hoặc sợ bị phán xét. Làm cho bản thân được biết đến, bày tỏ bản thân với một người đồng hành với chúng ta trên hành trình của cuộc sống. Không phải họ quyết định cho chúng ta, không; nhưng họ đồng hành với chúng ta. Bởi vì trên thực tế, sự *mỏng dòn* là của cải thực sự của chúng ta: tất cả chúng ta đều giàu có trong sự mỏng dòn; sự giàu có đích thực, mà chúng ta phải học cách tôn trọng và chào đón, bởi vì, khi nó được dâng lên Thiên Chúa, nó làm cho chúng ta có khả năng dịu dàng, thương xót và yêu thương. Khốn cho những người không cảm thấy sự mỏng dòn: họ hà khắc, độc tài. Thay vào đó, những người biết khiêm tốn thừa nhận điểm yếu của mình sẽ thấu hiểu người khác hơn. Sự mỏng dòn - tôi có thể nói - làm nên con người chúng ta. Không phải ngẫu nhiên mà con cá mổ đầu tiên trong ba con cá mổ của Chúa Giêsu trong sa mạc - con cá mổ liên quan đến cái đói - cố gắng cướp đi sự mỏng dòn của chúng ta, cho chúng ta thấy nó như một sự dữ cần phải loại bỏ, một trở ngại để trở nên giống Thiên Chúa. Tuy nhiên, đó là kho tàng quý giá nhất của chúng ta: thực ra, để làm cho chúng ta nên giống Người, Thiên Chúa đã muốn chia sẻ trọn vẹn sự mỏng dòn của chúng ta. Anh chị em hãy nhìn lên Tượng Chịu Nạn: Thiên Chúa đã xuống thế thật mỏng dòn. Anh chị em hãy nhìn Cảnh Giáng Sinh, nơi Người đến trong sự mỏng dòn vĩ đại của con người. Người chia sẻ sự mỏng dòn mong manh của chúng ta.

Và việc đồng hành thiêng liêng, nếu biết ngoan ngoãn với Chúa Thánh Thần, sẽ giúp *vạch trần những hiểu lầm* thậm chí nghiêm trọng trong việc chúng ta xét mình và trong mối tương quan của chúng ta với Chúa. Tin Mừng trình bày nhiều thí dụ khác nhau về những cuộc trò chuyện làm sáng tỏ và giải phóng do Chúa Giêsu thực hiện. Chẳng hạn, anh chị em hãy nghĩ đến những cuộc trò chuyện với người phụ nữ Samaria, mà chúng ta đọc đi đọc lại, và luôn luôn có sự khôn ngoan và dịu dàng của Chúa Giêsu; anh chị em hãy nghĩ đến cuộc trò chuyện với Giakêu, anh chị em hãy nghĩ đến người phụ nữ tội lỗi, anh chị em hãy nghĩ đến Nicôđêmo và các môn đệ Emmau: cách Chúa đến gần họ. Những người thực sự gặp gỡ Chúa Giêsu thì không sợ mở lòng với Người, trình bày sự yếu đuối, sự kém cỏi, sự mỏng dòn mong manh của mình. Bằng cách này, việc chia sẻ chính mình của họ trở thành một kinh nghiệm về ơn cứu độ, về sự tha thứ được chấp nhận nhưng không.

Thuật lại trước mặt người khác những gì chúng ta đã sống hoặc những gì chúng ta đang tìm kiếm giúp làm sáng tỏ bản thân, *làm sáng tỏ nhiều suy nghĩ đang ẩn tàng trong chúng ta* và thường làm phiền chúng ta bằng những kiềm chế dai dẳng của chúng. Đã bao nhiêu lần, trong những thời khắc đen tối, những suy nghĩ đến với chúng ta như thế này: "Tôi đã làm sai mọi thứ, tôi vô dụng, không ai hiểu tôi, tôi sẽ không bao giờ làm được, tôi cam chịu thất bại", biết bao lần chúng ta đã nghĩ đến những điều này. Những suy nghĩ sai lầm và độc hại, so sánh với những suy nghĩ khác giúp chúng ta *lột mặt nạ*, để chúng ta cảm thấy được Chúa yêu thương và quý trọng vì những điều chúng ta thực sự là, có khả năng làm những điều tốt đẹp cho Người. Chúng ta ngạc nhiên khám phá ra những cách nhìn sự vật khác nhau, những dấu hiệu tốt luôn hiện diện trong chúng ta. Đúng vậy, chúng ta có thể chia sẻ những yếu đuối của mình với nhau, với người đồng hành với chúng ta trong cuộc sống, trong đời sống thiêng liêng, bất kể là bậc thầy của đời sống thiêng liêng, bất kể là giáo dân, linh mục và nói: "Hãy xem điều gì xảy ra cho tôi: Tôi là một kẻ khôn nạn, những điều này đang xảy ra với tôi. Và người đồng hành trả lời: "Vâng, tất cả chúng ta đều có những điều này", việc này giúp chúng ta làm sáng tỏ chúng và xem gốc rễ từ đâu và từ đó vượt qua chúng.

Người đồng hành nam nữ không thay thế Chúa, không làm công việc thay cho người được đồng hành, nhưng đi bên cạnh họ, khuyến khích họ giải thích những gì đánh động trong lòng họ, vốn là nơi chủ yếu để Chúa nói với chúng ta. Người hướng dẫn tâm linh, người mà chúng ta gọi là vị linh hướng – tôi không thích thuật ngữ này, tôi thích người hướng dẫn tâm linh hơn, tốt hơn – là người nói với anh chị em: "Được rồi, nhưng nhìn đây, nhìn đây", thu hút sự chú ý của anh chị em vào những điều anh chị em có thể không lưu ý; họ giúp anh chị em hiểu rõ hơn về những dấu chỉ thời đại, tiếng nói của Chúa, tiếng nói của tên cám dỗ, tiếng nói của những khó khăn mà anh chị em không thể vượt qua. Đây là lý do tại sao điều rất quan trọng là không hành trình một mình. Có một câu nói về sự khôn ngoan của người Châu Phi – bởi vì họ có nên huyền nhiệm bộ lạc – rằng: "Nếu bạn muốn đến đó nhanh chóng, hãy đi một mình; nếu bạn muốn đến nơi an toàn, hãy đi cùng những người khác", đi cùng, đi cùng người của anh chị em. Nó quan trọng. Trong đời sống tinh thần, tốt hơn hết là được đồng hành bởi một người biết về chúng ta và giúp đỡ chúng ta. Và đây là sự đồng hành thiêng liêng.

Việc đồng hành này có thể sinh hoa trái nếu cả hai bên đều cảm nghiệm được *tình nghĩa con cái và tình họ hàng* thiêng liêng. Chúng ta khám phá mình là con Thiên Chúa lúc chúng ta khám phá mình là anh em, con của cùng một Cha. Đó là lý do tại sao, điều chủ yếu là phải trở thành *một phần của cộng đồng hành trình*. Chúng ta không đơn độc, chúng ta là người của một dân tộc, của một quốc gia, của một thành phố đang di chuyển, của một Giáo hội, của một giáo xứ, của nhóm này... một cộng đồng đang di chuyển. Người ta không đến với Chúa một mình: điều này không tốt. Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Như trong trình thuật Tin Mừng về người bại liệt, chúng ta thường được nâng đỡ và chữa lành nhờ đức tin của người khác (xem *Mc 2:1-5*), họ giúp chúng ta tiến bước, bởi vì tất cả chúng ta đôi khi đều bị tê liệt nội tâm và chúng ta cần ai đó giúp đỡ để vượt qua xung đột đó, với sự giúp đỡ. Người ta không đến với Chúa một mình, chúng ta hãy nhớ kỹ điều này; những lúc khác, chúng ta là những người thực hiện cam kết này vì lợi ích của một anh chị em khác, và chúng ta là những người bạn đồng hành để giúp đỡ người đó. Nếu không có cảm nghiệm tình con cái và tình họ hàng, việc đồng hành có thể làm phát sinh những kỳ vọng không thực tế, những hiểu lầm, những hình thức phụ thuộc khiến con người rơi vào tình trạng con nít. Đồng hành, nhưng với tư cách là con cái Chúa và là anh chị em giữa chúng ta.

Đức Trinh Nữ Maria là thầy dạy biện phân: *Mẹ nói ít, nghe nhiều và ghi nhớ trong lòng* (x. *Lc 2:19*). Ba thái độ của Đức Mẹ: nói ít, nghe nhiều và giữ trong lòng. Và một vài lần Người nói, Người để lại dấu ấn. Chẳng hạn, trong Tin Mừng Gioan, có một câu rất ngắn do Đức

Maria nói, là mệnh lệnh cho các Kitô hữu mọi thời: “Người bảo gì, anh em cứ làm” (x. 2:5). Thật lạ lùng: có lần tôi nghe nói về một bà già rất tốt, rất ngoan đạo, bà không học thần học, bà rất đơn sơ. Và bà ấy nói với tôi: “Cha có biết cử chỉ mà Đức Mẹ luôn làm là gì không?”. Tôi không biết: Người âu yếm bà, Người gọi bà... “Không; cử chỉ mà Đức Mẹ làm là thế này” [bà ấy lấy tay chỉ chỉ]. Tôi không hiểu, nên tôi hỏi: “Điều ấy có nghĩa gì?”. Và bà lão trả lời: “Người luôn hướng về Chúa Giêsu”. Điều đó thật đẹp: Đức Mẹ không lấy gì cho mình, Người chỉ về hướng Chúa Giêsu. *Hãy làm những gì Chúa Giêsu nói với anh chị em*: Đức Mẹ là như vậy. Đức Maria biết rằng Chúa nói với trái tim của mọi người, và yêu cầu lời nói này được chuyển thành hành động và lựa chọn. Mẹ biết cách làm điều đó hơn bất cứ ai khác, và thực sự Mẹ hiện diện trong những giây phút căn bản của cuộc đời Chúa Giêsu, đặc biệt là trong giờ cao điểm của cái chết trên thập giá.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy kết thúc loạt bài giáo lý về biện phân này: biện phân là một nghệ thuật, *một nghệ thuật có thể học được* và có những quy tắc riêng. Nếu được học tốt, nó giúp anh chị em sống trải nghiệm tâm linh một cách đẹp đẽ và có trật tự hơn bao giờ hết. Trên hết, sự biện phân là một hồng ân từ Thiên Chúa, một hồng ân phải luôn luôn được yêu cầu, mà không bao giờ cho rằng chúng ta là chuyên gia và tự túc tự cường. Lạy Chúa, xin ban cho con ơn biết biện phân trong những giây phút của đời sống con phải làm gì, con phải hiểu điều gì. Xin ban cho con ơn biết biện phân, và ban cho con người giúp con biết biện phân.

Tiếng nói của Chúa luôn có thể được nhận ra, nó có một phong cách độc đáo, đó là tiếng nói xoa dịu, khuyến khích và trấn an trong các khó khăn. Tin Mừng liên tục nhắc nhở chúng ta điều này: “Đừng sợ” (Lc 1:30), lời thiên thần nói với Đức Maria sau khi Chúa Giêsu sống lại mới đẹp làm sao; “đừng sợ”, “đừng sợ”, chính là phong cách của Chúa: “đừng sợ”. “Đừng sợ!”, hôm nay Chúa cũng lặp lại với chúng ta; “Đừng sợ”: nếu chúng ta tin vào lời Người, chúng ta sẽ diễn tốt trò chơi cuộc đời, và chúng ta sẽ có thể giúp đỡ người khác. Như Thánh Vịnh đã nói, Lời của Người là ngọn đèn cho các bước chân của chúng ta và là ánh sáng trên con đường của chúng ta (xem 119:105).

Tiết Bữa: Niềm Đam mê Rao giảng Tin Mừng

Chương Một: Niềm đam mê Rao giảng Tin mừng

(ngày 11/01/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Hội trường Phaolô VI, Thứ tư, ngày 11 tháng 1 năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khởi đầu loạt bài giáo lý nói về niềm đam mê rao giảng Tin mừng, nhấn mạnh tới ơn gọi làm tông đồ. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh công bố

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta bắt đầu một chu kỳ dạy giáo lý mới, dành riêng cho một chủ đề cấp bách và mang tính quyết định đối với đời sống Kitô hữu: *niềm đam mê truyền giảng Tin mừng* điều, tức là lòng nhiệt thành tông đồ. Đó là một chiều kích sống còn đối với Giáo hội: cộng đồng các môn đệ của Chúa Giêsu thực sự sinh ra làm tông đồ, sinh ra để truyền giáo, chứ không phải cải đạo. Và ngay từ đầu chúng ta phải phân biệt: truyền giáo, làm tông đồ, loan báo Tin Mừng không giống như cải đạo, chúng không liên quan gì đến nhau. Điều này liên quan đến một chiều kích sống còn đối với Giáo hội. Cộng đoàn các môn đệ Chúa Giêsu khai sinh là cộng đoàn tông đồ và truyền giáo. Chúa Thánh Thần nhào nặn nó hướng ra bên ngoài – Giáo hội tiến ra bên ngoài, đi ra bên ngoài – để nó không khép kín trong chính nó, nhưng hướng ra bên ngoài, một chứng nhân dễ lan tỏa của Chúa Giêsu – đức tin cũng có sức lan tỏa – vươn ra để chiếu tỏa ánh sáng của Người cho mọi người đến tận cùng trái đất. Tuy nhiên, điều có thể xảy ra là nhiệt tình tông đồ, ước muốn vươn tới người khác bằng tin vui Tin Mừng đến cho người khác, giảm sút đi, trở nên nguội lạnh. Đôi khi dường như nó bị lu mờ; có những Kitô hữu “khép kín”, họ không nghĩ đến người khác. Nhưng khi đời sống Kitô hữu đánh mất tầm nhìn về chân trời truyền giảng Tin Mừng, chân trời loan báo, nó trở nên ảm đạm: nó tự khép kín, trở nên qui ẩn, nó trở nên teo tóp. Không nhiệt thành tông đồ, đức tin khô héo. Mặt khác, truyền giáo là dưỡng khí của đời sống Kitô hữu: nó tiếp thêm sinh lực và thanh lọc đời sống ấy. Vậy chúng ta hãy bắt tay vào tiến trình khám phá lại niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, bắt đầu từ Kinh thánh và giáo huấn của Giáo hội, để khơi dậy lòng nhiệt thành tông đồ từ các nguồn mạch của nó. Sau đó, chúng ta sẽ tiếp cận một số nguồn sống động, một số nhân chứng từng khơi dậy trong Giáo hội niềm đam mê đối với Tin Mừng, để chúng có thể giúp chúng ta thấp lại ngọn lửa mà Chúa Thánh Thần muốn tiếp tục đốt cháy trong chúng ta.

Và hôm nay tôi muốn bắt đầu với một đoạn Tin Mừng khá tiêu biểu; chúng ta [vừa] nghe ơn gọi của Thánh Tông đồ Mátthêu. Và chính Người kể câu chuyện trong Tin Mừng của Người mà chúng ta đã nghe (x. 9:9-13).

Bản văn viết, tất cả bắt đầu với Chúa Giêsu, Đấng “thấy một người đàn ông”. Ít người nhìn thấy con người thật của Mátthêu: người ta biết Người là người “ngồi ở trạm thu thuế” (c. 9). Thực thể, Người là một người thu thuế: nghĩa là người thu thuế thay cho đế quốc La Mã đang chiếm đóng Palestine. Nói cách khác, Người là một kẻ cộng tác, một kẻ phản bội nhân dân. Chúng ta có thể hình dung sự khinh bỉ mà người ta dành cho Người: Người là một “công chức”, như cách gọi của họ. Nhưng dưới con mắt của Chúa Giêsu, Mátthêu là một con người, với cả những khốn cùng và sự vĩ đại của mình. Hãy lưu ý điều này: Chúa Giêsu không dừng lại ở tỉnh tở – Chúa Giêsu luôn tìm kiếm danh từ. “Người này là một tội nhân, họ là loại người đó...” đây là những tỉnh tở: Chúa Giêsu đi vào con người, vào trái tim, “Đây là một con người, đây là một người đàn ông, đây là một người phụ nữ.” Chúa Giêsu đi đến chủ tở, danh từ, không bao giờ đến tỉnh tở, Người bỏ qua các tỉnh tở. Và trong khi có khoảng cách

giữa Mátthêu và dân của Người – vì họ nhìn thấy tinh từ “người thu thuế” – Chúa Giêsu đến gần Người, vì *mọi người* đều được Thiên Chúa yêu thương. “Ngay cả tên khốn nạn này?” Vâng, ngay cả tên khốn nạn này. Thật vậy, Tin Mừng nói rằng Người đến vì chính kẻ khốn nạn này: “Ta đến vì những kẻ tội lỗi, không phải vì người công chính.” Cái nhìn này của Chúa Giêsu thực sự rất đẹp. Nó nhìn thấy người khác, bất kể họ là ai, với tư cách là người nhận được tình yêu, là khởi đầu của niềm đam mê truyền giáo. Mọi sự bắt đầu từ cái nhìn này, mà chúng ta học được từ Chúa Giêsu.

Chúng ta có thể tự hỏi: chúng ta nhìn người khác như thế nào? Thường xuyên xiết bao chúng ta chỉ nhìn thấy lỗi lầm của họ chứ không phải nhu cầu của họ; biết bao lần chúng ta gán cho mọi người theo những gì họ làm hoặc những gì họ nghĩ! Ngay cả với tư cách là những Kitô hữu, chúng ta cũng tự nhủ: anh ta có phải là một trong số chúng ta hay không? Đây không phải là cái nhìn của Chúa Giêsu: Người luôn nhìn mỗi người với lòng thương xót và thực sự với sự ưu ái. Và các Kitô hữu được kêu gọi làm như Chúa Kitô đã làm, giống như Người, đặc biệt là đối với những người được gọi là “những người ở xa”. Thật vậy, lời tường thuật của Mátthêu về ơn gọi kết thúc với việc Chúa Giêsu nói: “Ta đến không phải để kêu gọi người công bình, mà để kêu gọi người có tội” (c. 13). Và nếu bất cứ ai trong chúng ta tự cho mình là công chính, thì Chúa Giêsu ở rất xa. Người đến gần những giới hạn của chúng ta, những đau khổ của chúng ta, để chữa lành chúng.

Tất cả bắt đầu với cái nhìn của Chúa Giêsu. “Người thấy nơi Mátthêu một người đàn ông”. Điều tiếp theo - bước thứ hai – là *một chuyển động*. Đầu tiên là cái nhìn: Chúa Giêsu thấy. Thứ hai, chuyển động. Mátthêu đang ngồi ở văn phòng thu thuế; Chúa Giêsu nói với Người: “Hãy theo ta”. Và “Người đứng dậy đi theo Người” (c. 9). Chúng ta lưu ý bản văn nhấn mạnh rằng “Người đã đứng dậy”. Tại sao chi tiết này rất quan trọng? Bởi vì thời đó, người ngồi có quyền đối với những người khác, những người đứng trước mặt người ngồi để lắng nghe anh ta hoặc, như trong trường hợp này, để tỏ lòng kính trọng. Nói tóm lại, người ngồi có quyền lực. Việc đầu tiên Chúa Giêsu làm là tách Mátthêu ra khỏi quyền lực: từ chỗ ngồi đón người khác, Người khiến Người chuyển động về phía người khác, không phải để đón, không: Người đi ra ngoài tới người khác. Người khiến Người rời bỏ vị trí có quyền tối cao để đặt Người ngang hàng với các anh chị em của mình và mở ra cho Người *các chân trời phục vụ*. Đây là điều Chúa Kitô làm, và đây là điều căn bản đối với các Kitô hữu: chúng ta, những môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta, Giáo hội, ngồi chờ người ta đến, hay chúng ta biết đứng dậy, lên đường với người khác, tìm kiếm người khác? Nói rằng, “Nhưng hãy để họ đến với tôi, tôi ở đây, hãy để họ đến,” là một lập trường phi Kitô giáo. Không, anh chị em đi tìm họ, anh chị em thực hiện bước đầu tiên.

Một cái nhìn – Chúa Giêsu thấy; một chuyển động - "Người đứng dậy"; và thứ ba, *điểm đến*. Sau khi đứng dậy đi theo Chúa Giêsu, Mátthêu đi đâu? Chúng ta có thể tưởng tượng rằng sau khi đã thay đổi cuộc đời của người đàn ông, Thầy chí thánh sẽ dẫn dắt Người đến những cuộc gặp gỡ mới, những trải nghiệm tâm linh mới. Không, hoặc ít nhất là không ngay lúc ấy. Đầu tiên, Chúa Giêsu về nhà của Người; ở đó Mátthêu chuẩn bị “một bữa tiệc lớn” cho Người, trong đó có “rất đông những người thu thuế” – nghĩa là những người giống như Người – tham dự (Lc 5:29). Mátthêu trở lại môi trường của mình, nhưng Người trở lại đó với sự thay đổi và với Chúa Giêsu. Lòng nhiệt thành tông đồ của Người không bắt đầu ở một nơi mới mẻ, trong lành, một nơi lý tưởng, xa xôi, nhưng Người bắt đầu từ nơi Người sống, với những người Người quen biết. Đây là thông điệp dành cho chúng ta: chúng ta không cần phải đợi cho đến khi chúng ta hoàn hảo và đã đi một chặng đường dài theo Chúa Giêsu để làm chứng cho Người, không. Việc công bố của chúng ta bắt đầu từ hôm nay, tại nơi chúng ta sinh sống. Và nó không bắt đầu bằng cách cố gắng thuyết phục người khác, không, không phải thuyết

phục: bằng cách mang mỗi ngày đến vẻ đẹp của Tình yêu đã nhìn vào chúng ta và nâng đỡ chúng ta.

Và chính vẻ đẹp này, việc thông truyền vẻ đẹp này sẽ thuyết phục mọi người – không phải thông truyền chính chúng ta mà là chính Chúa. Chúng ta là những người tuyên xưng Chúa, chúng ta không tuyên xưng mình, không công bố một đảng phái chính trị, một ý thức hệ nào. Không: chúng ta tuyên xưng Chúa Giêsu. Chúng ta cần để Chúa Giêsu tiếp xúc với dân chúng, không thuyết phục họ nhưng để Chúa thuyết phục. Vì như Đức Giáo Hoàng Bênêđictô đã dạy chúng ta, “Giáo hội không tham gia vào việc cải đạo. Thay vào đó, Giáo hội lớn lên nhờ ‘sự thu hút’” (*Bài giảng trong Thánh lễ Khai mạc Đại hội lần thứ V của các Giám mục Châu Mỹ Latinh và Caribê, Aparecida*, 13 tháng 5 năm 2007). Đừng quên điều này: khi anh chị em thấy các Kitô hữu cải đạo, lập danh sách những người sẽ đến... đây không phải là Kitô hữu, họ là những người ngoại giáo cải trang thành Kitô hữu, nhưng trái tim thì ngoại giáo. Giáo hội phát triển không phải nhờ cải đạo, mà phát triển nhờ thu hút.

Tôi nhớ có lần, tại một bệnh viện ở Buenos Aires, các nữ tu làm việc ở đó đã rời đi vì họ quá ít, và họ không thể điều hành bệnh viện. Và một cộng đồng nữ tu từ Hàn Quốc đã đến. Và họ đã đến, tạm nói là vào hôm thứ Hai (tôi không nhớ ngày). Họ chiếm nhà của các chị em trong bệnh viện và vào thứ Ba, họ xuống thăm người bệnh trong bệnh viện, nhưng họ không nói một chữ tiếng Tây Ban Nha nào. Họ chỉ nói tiếng Hàn và bệnh nhân rất vui, vì họ nhận xét: “Làm tốt lắm! Những nữ tu này, hoan hô, hoan hô! “Nhưng nữ tu đã nói gì với anh chị em?” “Không có gì, nhưng với cái nhìn của di, di đã nói với con, di đã truyền đạt Chúa Giêsu,” không phải chính họ, bằng cái nhìn của họ, bằng những cử chỉ của họ. Truyền đạt Chúa Giêsu, chứ không phải chính chúng ta: Đây là sự thu hút, ngược lại với chủ nghĩa cải đạo.

Chúng ta hấp dẫn này, chúng ta vui tươi này là mục tiêu mà Chúa Giêsu hướng dẫn chúng ta với cái nhìn yêu thương của Người và với sự chuyển động hướng ra bên ngoài mà Thánh Thần của Người khơi dậy trong lòng chúng ta. Và chúng ta có thể xét xem cái nhìn của chúng ta có giống ánh mắt của Chúa Giêsu hay không, để thu hút người ta, để đưa họ đến gần Giáo hội hơn. Hãy nghĩ về điều đó.

Chương Hai: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu, Chúa Giêsu mô hình công bố (Ngày 18/01/2023)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em một buổi sáng tốt đẹp!

Thứ Tư tuần trước, chúng ta đã bắt đầu một chu kỳ giáo lý về niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, nghĩa là về lòng nhiệt thành tông đồ phải làm sinh động Giáo hội và mỗi Kitô hữu. Hôm nay chúng ta nhìn vào mẫu gương công bố khó lòng vượt qua được: *Chúa Giêsu*, Đấng mà Tin Mừng Lễ Giáng Sinh gọi là “Lời Thiên Chúa” (x. *Ga* 1:1). Việc Người là *Ngôi Lời* cho chúng ta thấy một khía cạnh thiết yếu của Chúa Giêsu: Người luôn tương quan, đi ra ngoài, không bao giờ cô lập, luôn ở trong tương quan, đi ra ngoài; trên thực tế, lời nói hiện hữu để được truyền đi, được thông truyền. Chúa Giêsu là như vậy, Ngôi Lời vĩnh cửu của Chúa Cha được ngỏ với chúng ta, được thông truyền cho chúng ta. Đức Kitô không chỉ có lời ban sự sống, nhưng Người biến cuộc đời mình thành Lời, thành sứ điệp: nghĩa là Người sống luôn hướng về Chúa Cha và về chúng ta. Luôn nhìn về Chúa Cha là Đấng đã sai Người và nhìn chúng ta là những người Người được sai đến.

Thật vậy, nếu chúng ta nhìn vào những ngày của Người, được mô tả trong Tin Mừng, chúng

ta thấy rằng sự thân mật với Chúa Cha, việc cầu nguyện, được đặt lên hàng đầu, vì thế Chúa Giêsu dậy sớm, khi trời còn tối, và đi vào những nơi vắng vẻ để cầu nguyện (xem *Mc* 1:35; *Lc* 4:42) để thưa chuyện với Chúa Cha. Mọi quyết định và chọn lựa quan trọng nhất đều được thực hiện sau khi đã cầu nguyện (x. *Lc* 6:12; 9:18). Chính trong mối tương quan này, trong lời cầu nguyện liên kết Người với Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần này, mà Chúa Giêsu khám phá ra ý nghĩa việc Người làm người, việc Người hiện hữu trong thế gian vì Người đang thi hành sứ vụ cho chúng ta, được Chúa Cha sai đến với chúng ta.

Về phương diện này, cử chỉ công khai đầu tiên mà Người thực hiện sau nhiều năm sống ẩn dật ở Nadarét thật đáng lưu ý. Chúa Giêsu không thực hiện một phép lạ vĩ đại, Người không gửi một thông điệp hữu hiệu, nhưng trà trộn với những người đi chịu phép rửa của Gioan. Như thế, Người công hiến cho chúng ta chìa khóa hiểu hành động của Người trong thế giới: ra sức hết mình vì tội nhân, bày tỏ tình liên đới với chúng ta không phân cách, trong việc chia sẻ trọn vẹn sự sống. Thật vậy, khi nói về sứ vụ của Người, Người nói rằng Người không đến “để được phục vụ, nhưng để phục vụ và hiến mạng sống mình” (*Mc* 10:45). Mỗi ngày, sau khi cầu nguyện, Chúa Giêsu dành cả ngày để loan báo Nước Thiên Chúa và dành cả ngày ấy cho người ta, đặc biệt cho những người nghèo nhất và yếu đuối nhất, cho những người tội lỗi và bệnh tật (x. *Mc* 1:32-39). Nghĩa là Chúa Giêsu tiếp xúc với Chúa Cha trong cầu nguyện, rồi tiếp xúc với mọi người để truyền giáo, để dạy giáo lý, để dạy con đường dẫn đến Nước Thiên Chúa.

Bây giờ, nếu chúng ta muốn trình bày lối sống của Người bằng một hình ảnh, chúng ta dễ dàng tìm thấy nó: chính Chúa Giêsu công hiến hình ảnh đó cho chúng ta, chúng ta đã nghe Người nói về Người như *Mục Tử Nhân Lành*, Đấng – Người nói – “hy sinh mạng sống vì đoàn chiên” (*Ga* 10: 11) đó chính là Chúa Giêsu. Thật vậy, mục tử không chỉ là một công việc đòi hỏi thời gian và rất nhiều cam kết; đó là một cách sống thực sự: hai mươi bốn giờ một ngày, sống với đàn chiên, cùng chúng ra đồng cỏ, ngủ giữa đàn chiên, chăm sóc những con yếu nhất. Nói cách khác, Chúa Giêsu không làm gì cho chúng ta, nhưng cho đi tất cả, hiến mạng sống vì chúng ta. Trái tim của Người là *trái tim mục tử* (xem *Edk* 34:15). Người hướng dẫn tất cả chúng ta.

Thật vậy, để tóm tắt hoạt động của Giáo hội trong một chữ, chính thuật ngữ chuyên biệt “mục vụ” thường được sử dụng. Và để đánh giá tính mục vụ của chúng ta, chúng ta phải đối diện với kiểu mẫu, đối diện với Chúa Giêsu, Chúa Giêsu Mục Tử Nhân Lành. Trước hết, chúng ta có thể tự hỏi: chúng ta có bắt chước Người uống từ suối nguồn cầu nguyện, để tâm hồn chúng ta hòa hợp với lòng Người không? Sự gần gũi với Người, như cuốn sách hay của Cha Chautard gợi ý, là “*linh hồn của mọi hoạt động tông đồ*”. Chính Chúa Giêsu đã nói rõ điều đó với các môn đệ: “Không có Thầy, anh em chẳng làm được gì” (*Ga* 15:5). Nếu anh chị em ở với Chúa Giêsu, anh chị em sẽ khám phá ra điều này: trái tim mục tử của Người vẫn đập cho những người bối rối, lạc lối, xa cách. Còn trái tim chúng ta? Biết bao lần thái độ của chúng ta đối với những người hơi khó tính hoặc khó tính một chút được thể hiện bằng những lời này: “Nhưng đó là chuyện của bọn nó, để bọn nó lo...”. Nhưng Chúa Giêsu không bao giờ nói như thế, không bao giờ, nhưng luôn ra đi gặp gỡ tất cả những người tội lỗi bị gạt ra bên lề xã hội. Người bị tố cáo về điều đó, là ở với những người tội lỗi, vì Người đã mang lại cho họ sự cứu rỗi của Thiên Chúa.

Chúng ta đã nghe dụ ngôn con chiên lạc, ở chương 15 của Tin Mừng Luca (x. câu 4-7). Chúa Giêsu cũng nói về đồng bạc bị mất và đưa con hoang đàng. Nếu muốn đào tạo lòng nhiệt thành tông đồ, chúng ta phải luôn ghi nhớ chương 15 Tin Mừng Luca. Anh chị em hãy thường xuyên đọc nó, ở đó chúng ta có thể hiểu thế nào là lòng nhiệt thành tông đồ. Ở đó,

chúng ta khám phá ra rằng Thiên Chúa không đứng đó nhìn chùng chùng vào chuồng chiên hay thậm chí đe dọa chúng để chúng không bỏ đi. Ngược lại, nếu có con đi lạc, Người không bỏ rơi con đó, nhưng đi tìm kiếm nó. Người không nói, "mày bỏ đi, lỗi tại mày, kệ mày!" Con tìm mục vụ của Người phản ứng cách khác: con tìm mục vụ *đau khổ*, con tìm mục vụ *mạo hiểm*. nó *đau khổ*: vâng, Thiên Chúa đau khổ cho những người bỏ đi và trong khi thương tiếc họ, Người càng yêu họ hơn. Chúa đau khổ khi chúng ta rời xa trái tim Người. Người đau khổ cho những ai không biết vẻ đẹp của tình yêu và sự âm áp của vòng tay Người. Nhưng, để đối phó với sự đau khổ này, Người không rút lui, mà *mạo hiểm*: Người bỏ lại chín mươi chín con chiên đang bình an vô sự và mạo hiểm tìm kiếm con chiên lạc, do đó Người làm một việc mạo hiểm và thậm chí phi lý, nhưng phù hợp với trái tim mục tử của Người vốn thương nhớ những người đã bỏ đi, mong gặp lại những người đã ra đi, đây là một điều nhất quán nơi Chúa Giêsu. Và khi chúng ta nghe tin một người nào đó đã rời bỏ Giáo hội, chúng ta muốn nói gì? "Cứ để mặc kệ họ?" Không, Chúa Giêsu dạy chúng ta nhớ thương những người đã ra đi; Chúa Giêsu không giận dữ hay oán giận, nhưng chỉ khôn người khao khát chúng ta. Chúa Giêsu cảm thấy thương nhớ chúng ta và đó là lòng nhiệt thành của Thiên Chúa.

Và tôi tự hỏi: chúng ta có những tâm tình tương tự hay không? Có lẽ chúng ta xem những người đã rời đàn là đối thủ hoặc kẻ thù. "Còn người này? – há anh ta đã không đi qua phía bên kia hay sao? Anh ta đã đánh mất đức tin, thế nào cũng xuống hỏa ngục...", còn chúng ta thì thanh thản. Thay vào đó, khi chúng ta gặp họ ở trường, ở công sở, trên đường phố, tại sao chúng ta không nghĩ chúng ta có cơ hội tốt để chúng kiến họ hưởng niềm vui của một người Cha luôn yêu thương họ và không bao giờ quên họ? Không phải để cải đạo, không! Nhưng để Lời của Cha có thể vang tới họ để chúng ta cùng tiến bước với nhau. Truyền giảng Tin Mừng không phải là cải đạo. Cải đạo là việc của ngoại giáo, nó không có tính tôn giáo hay Tin Mừng. Có một lời tốt đẹp cho những người đã rời bỏ đàn chiên và chúng ta có vinh dự và gánh nặng là những người nói lời này. Bởi vì Lời này, tức Chúa Giêsu, yêu cầu chúng ta điều này: luôn luôn đến gần mọi người, với tấm lòng rộng mở, vì Người là như vậy. Có lẽ chúng ta vốn theo và yêu mến Chúa Giêsu từ lâu mà chưa bao giờ tự hỏi mình có chia sẻ tâm tình của Người hay không, có *đau khổ* và *mạo hiểm* để hòa nhịp với trái tim của Chúa Giêsu, với trái tim mục vụ này, gần với trái tim mục vụ của Chúa Giêsu không! Đây không phải là cải đạo, như tôi đã nói, để người khác trở thành "một trong chúng ta", không, đó không phải là Kitô giáo: mà là yêu thương để họ là con cái hạnh phúc với Thiên Chúa. Trong cầu nguyện, chúng ta hãy xin ơn có tâm hồn mục tử, cởi mở, đặt mình gần gũi với mọi người, để mang sự điệp của Chúa cũng như để cảm nhận nỗi khát mong của Chúa Kitô đối với mọi người. Vì, nếu không có tình yêu đau khổ và mạo hiểm này, thì cuộc sống của chúng ta sẽ không suông sẻ: nếu Kitô hữu chúng ta không có tình yêu đau khổ và mạo hiểm này, thì chúng ta có nguy cơ chỉ nuôi dưỡng bản thân bằng chính bản thân mình. Những người chặn chiên tự chặn dất mình, thay vì chặn dất đàn chiên, đều là những người chải lông cừu "cực kỳ đẹp đẽ". Chúng ta không chặn dất chính mình, nhưng chặn dất mọi người.

Chương Ba: Niềm đam mê truyền giáo, Chúa Giêsu là thầy dạy việc công bố (ngày 25/01/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Thứ Tư tuần trước, chúng ta đã suy tư về Chúa Giêsu như mẫu mực của việc công bố, về trái tim mục tử của Người luôn vươn tới những người khác. Hôm nay chúng ta nhìn Người như thầy dạy việc công bố. Chúng ta hãy để cho chúng ta được hướng dẫn bởi tình tiết Người rao

giảng trong hội đường của làng Người, làng Nadarét. Chúa Giêsu đọc một đoạn sách của ngôn sứ Isaia (x. 61:1-2) rồi làm mọi người ngạc nhiên với một “bài giảng” rất ngắn, gồm một câu, một câu duy nhất. Và Người nói thế này: “Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh mà anh em vừa nghe” (Lc 4:21). Đây là bài giảng của Chúa Giêsu: “Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh thánh mà anh em vừa nghe”. Điều này có nghĩa là đối với Chúa Giêsu, đoạn văn tiên tri đó chứa đựng điều cốt yếu của những gì Người muốn nói về chính Người. Vì thế, mỗi khi nói về Chúa Giêsu, chúng ta nên lặp lại lời loan báo đầu tiên về Người này. Vì vậy, hãy xem lời loan báo đầu tiên này bao gồm những gì. Năm yếu tố thiết yếu có thể được nhận diện.

Yếu tố đầu tiên là *niềm vui*. Chúa Giêsu công bố: «Thần Khí Chúa ngự trên tôi; [...] Người sai tôi đem tin mừng cho người nghèo khó» (c. 18), tức là loan báo một niềm hân hoan, một niềm vui. Tin mừng: chúng ta không thể nói về Chúa Giêsu mà không có niềm vui, vì đức tin là một câu chuyện về tình yêu được chia sẻ. Làm chứng cho Chúa Giêsu, làm điều gì đó cho người khác nhân danh Người, là nói giữa dòng đời rằng anh chị em đã nhận được một món quà tuyệt vời mà không lời nào có thể diễn tả được. Thay vào đó, khi thiếu niềm vui, Tin Mừng không tới, bởi vì nó - chính từ ngữ nói lên điều đó - nó là một tin vui, và Tin Mừng có nghĩa là một tin tốt lành, một tin vui. Một Kitô hữu buồn bã có thể nói về những điều đẹp đẽ, nhưng tất cả đều vô ích nếu tin tức do họ loan đi không vui tươi. Một nhà tư tưởng đã nói: "một Kitô hữu buồn là một Kitô hữu buồn": anh chị em đừng quên điều này.

Chúng ta bàn đến khía cạnh thứ hai: *giải thoát*. Chúa Giêsu nói rằng Người được sai đến “để loan báo việc giải thoát tù nhân” (*ibid.*). Điều này có nghĩa là bất cứ ai công bố Thiên Chúa, thì không thể cải đạo, không, họ không thể gây áp lực cho người khác, nhưng soi sáng họ: không áp đặt gánh nặng, nhưng cất gánh nặng cho họ; mang lại sự bình an, không mang lại mặc cảm tội lỗi. Dĩ nhiên, theo Chúa Giêsu liên quan đến khổ hạnh, nó liên quan đến hy sinh; mặt khác, nếu mọi thứ đẹp đẽ đều đòi hỏi những điều này, thì thực tế cuộc sống càng đòi hỏi biết bao! Nhưng ai làm chứng cho Đức Kitô thì cho thấy vẻ đẹp của đích đến hơn là sự mệt mỏi của cuộc hành trình. Chúng ta có khi kể cho ai đó về một chuyến đi thú vị mà chúng ta vừa thực hiện. Thí dụ, chúng ta nói về vẻ đẹp của các địa điểm, về những gì chúng ta đã thấy và trải nghiệm, chứ không nói về thời gian để đến đó và xếp hàng đợi ở sân bay, không! Vì vậy, mọi loan báo xứng với Đấng Cứu Chuộc phải loan báo sự giải phóng. Giống như của Chúa Giêsu. Hôm nay có niềm vui, vì tôi đến để giải thoát.

Khía cạnh thứ ba: *ánh sáng*. Chúa Giêsu nói rằng Người đến để “làm cho người mù trông thấy” (*ibid.*). Điều đáng chú ý là suốt trong toàn bộ Kinh thánh, trước Chúa Kitô, việc chữa lành một người mù chưa bao giờ xuất hiện. Trên thực tế, đó là một dấu hiệu đã được hứa hẹn sẽ đến với Đấng Mêxia. Nhưng ở đây không những chỉ là cái nhìn thể lý mà còn là ánh sáng cho phép anh chị em nhìn cuộc sống một cách mới mẻ. Có một việc "đến với ánh sáng", một việc tái sinh chỉ xảy ra với Chúa Giêsu. Nếu chúng ta nghĩ về nó, đây là cách cuộc sống Kitô hữu bắt đầu đối với chúng ta: với Bí tích Rửa tội, mà thời xưa được gọi một cách chính xác là "sự soi sáng". Và Chúa Giêsu ban cho chúng ta ánh sáng nào? Người mang đến cho chúng ta ánh sáng của quyền làm con cái: Người là Con yêu dấu của Chúa Cha, hằng sống muôn đời; và cùng với Người, chúng ta cũng là con cái của Thiên Chúa được yêu thương mãi mãi, bất chấp những lỗi lầm và khiếm khuyết của chúng ta. Khi đó cuộc sống không còn là một bước tiến mù quáng về phía hư vô, không: đây không phải là vấn đề của số phận hay may mắn. Đây không phải là thứ phụ thuộc vào cơ hội hay các vì sao, hay thậm chí là sức khỏe hay tài chính, không. Cuộc sống tùy thuộc vào tình yêu, vào tình yêu của Chúa Cha, Đấng chăm sóc chúng ta, những người con yêu dấu của Người. Thật tuyệt vời biết bao khi chia sẻ ánh sáng này với những người khác! Anh chị em có nghĩ rằng cuộc sống của mỗi người chúng ta - cuộc sống của tôi, cuộc sống của anh chị em, cuộc sống của chúng ta - là một hành vi tình

yêu không? Đó có phải là một lời mời yêu thương không? Đây là điều tuyệt vời! Nhưng chúng ta thường quên điều này, khi đối đầu với những khó khăn, trước những tin xấu, thậm chí khi đối đầu - và điều này thật tồi tệ - tính thế gian, lối sống thế gian.

Khía cạnh thứ tư của lời loan báo: *chữa lành*. Chúa Giêsu nói rằng Người đến “để trả tự do cho những người bị áp bức” (*ibid.*). Bị áp bức là người cảm thấy bị đè bẹp trong cuộc sống bởi một điều gì đó xảy ra: bệnh tật, mệt mỏi, gánh nặng trong lòng, mặc cảm tội lỗi, sai lầm, thói hư, tội lỗi... Bị áp bức bởi điều này. Chẳng hạn, chúng ta hãy nghĩ tới mặc cảm tội lỗi. Có bao nhiêu người trong chúng ta đã phải chịu đựng điều này? Chúng ta hãy nghĩ một chút về mặc cảm tội lỗi vì điều này, điều kia... Điều đè nặng chúng ta, trên hết, chính là sự dữ mà không một loại thuốc hay phương thuốc nào của con người có thể chữa lành: tội lỗi. Và nếu một người có mặc cảm tội lỗi về điều gì đó mà họ đã làm, và điều này cảm thấy khó chịu... Nhưng tin mừng là với Chúa Giêsu, sự dữ cổ xưa này, tội lỗi, dường như bất khả chiến bại, không còn tiếng nói cuối cùng của nó nữa.

Tôi có thể phạm tội vì tôi yếu đuối. Mỗi chúng ta đều có thể phạm tội, nhưng đây không phải là lời cuối cùng. Lời cuối cùng là bàn tay dang rộng của Chúa Giêsu nâng anh chị em lên khỏi tội lỗi. “Nhưng thưa cha, Người làm thế khi nào? Một lần?” Không. “hai lần?” Không. “Ba lần?” Không. Luôn luôn. Bất cứ khi nào anh chị em đau ốm, Chúa luôn giang tay giúp đỡ. Anh chị em chỉ cần nắm lấy và để cho Người dẫn anh chị em đi. Tin vui là với Chúa Giêsu, sự dữ cổ xưa này không còn lời cuối cùng nữa: lời cuối cùng là bàn tay dang rộng của Chúa Giêsu đưa anh chị em tiên về phía trước. Chúa Giêsu luôn chữa lành chúng ta khỏi tội lỗi. Và tôi phải trả bao nhiêu tiền để được chữa bệnh này? Không phải trả gì cả. Người chữa lành cho chúng ta luôn luôn và miễn phí. Người mời gọi những ai “mệt mỏi và bị áp bức” - như Người nói trong Tin Mừng - hãy đến với Người (x. Mt 11:28). Và vì vậy, đồng hành với ai đó đến gặp gỡ Chúa Giêsu là đưa họ đến bác sĩ tim, người nâng cao cuộc sống. Người ta nói: “Anh chị ơi, tôi không có câu trả lời cho rất nhiều vấn đề của anh chị, nhưng Chúa Giêsu biết anh chị, Chúa Giêsu yêu anh chị, Người có thể chữa lành anh chị và làm dịu trái tim anh chị. Hãy đi và để họ lại với Chúa Giêsu”.

Những ai mang gánh nặng cần một sự vuốt ve cho quá khứ. Nhiều lần chúng ta nghe nói: “Nhưng tôi cần hàn gắn quá khứ của mình... Tôi cần một cái vuốt ve cho quá khứ đã đè nặng lên tôi...” Họ cần sự tha thứ. Và bất cứ ai tin vào Chúa Giêsu đều có chính điều này để tặng cho người khác: sức mạnh của sự tha thứ, thứ giải thoát linh hồn khỏi mọi nợ nần. Anh chị em đừng quên: Thiên Chúa quên tất cả. Làm thế nào mà như thế cho được? Đúng, Người quên mọi tội lỗi của chúng ta, Người không có ký ức về chúng. Chúa tha thứ mọi sự vì Người quên tội chúng ta. Chúng ta chỉ cần đến gần Chúa và Người sẽ tha thứ cho chúng ta mọi sự. Anh chị em hãy nghĩ về một điều gì đó trong Tin Mừng, về người bắt đầu nói: "Lạy Chúa, con đã phạm tội!" Đứa con trai đó... Và người cha lấy tay bịt miệng anh ta. “Không, không sao đâu, không có gì...” Ông không để anh ta nói hết... Và điều đó thật tuyệt. Chúa Giêsu chờ đợi chúng ta để tha thứ cho chúng ta, để chữa lành chúng ta. Và bao nhiêu lần? Một lần? Hai lần? Không. Luôn luôn. “Nhưng thưa cha, con luôn làm những điều giống nhau...” Và Người cũng sẽ luôn làm những điều tương tự: tha thứ cho anh chị em, ôm anh chị em. Xin vui lòng, chúng ta hãy tin tưởng điều này. Đây là cách anh chị em yêu Chúa. Bất cứ ai mang gánh nặng và cần được vuốt ve quá khứ đều cần được tha thứ, và Chúa Giêsu làm điều này. Và đây là điều Chúa Giêsu ban cho: giải thoát linh hồn khỏi mọi nợ nần. Kinh thánh nói về một năm khi người ta thoát khỏi gánh nặng nợ nần: Năm Thánh, năm ân sủng. Như thế đó là điểm cuối cùng của việc công bố.

Thực vậy, Chúa Giêsu nói rằng Người đến “để công bố một năm hồng ân của Chúa” (Lc

4:19). Đó không phải là một năm thánh được lên kế hoạch, giống như năm thánh chúng ta có bây giờ, trong mọi thứ đã được lên kế hoạch và chúng ta nghĩ về cách thực hiện và không thực hiện... Không. Nhưng với Chúa Kitô, ân sủng làm cho cuộc sống mới đến và luôn luôn gây kinh ngạc. Chúa Kitô là Năm Thánh của từng ngày, từng giờ, Đấng đến gần anh chị em, vượt ve anh chị, tha thứ cho anh chị em. Và lời loan báo của Chúa Giêsu phải luôn mang lại sự kinh ngạc của ân sủng. Sự kinh ngạc này... “Tôi không thể tin được, tôi đã được tha thứ, tôi đã được tha thứ” Nhưng Thiên Chúa của chúng ta vĩ đại biết bao! Vì không phải chúng ta làm nên những việc lớn lao, nhưng chính ơn Chúa, Đấng, qua cả chúng ta, làm nên những việc khôn lường. Và đây là những điều ngạc nhiên của Chúa. Chúa là bậc thầy của những điều bất ngờ. Người luôn làm chúng ta ngạc nhiên, luôn chờ đợi chúng ta. Chúng ta đến, và Người đứng đợi. Luôn luôn. Tin Mừng đi kèm với một cảm giác lạ lùng và mới lạ mang tên: Chúa Giêsu.

Xin Người giúp chúng ta loan báo điều đó như Người mong muốn, thông truyền niềm vui, sự giải thoát, ánh sáng, sự chữa lành và sự kinh ngạc. Đây là cách Chúa Giêsu truyền đạt chính Người.

Điều cuối cùng: tin vui này, mà Tin Mừng nói, được gọi “cho người nghèo” (c. 18). Chúng ta thường quên mất họ, nhưng họ lại là những người tiếp nhận được đề cập rõ ràng, bởi vì họ là những người yêu quý của Chúa. Chúng ta hãy nhớ đến họ và nhắc nhở mình rằng, để đón Chúa, mỗi người chúng ta phải trở nên “nghèo khó bên trong”. Không đủ nếu chỉ như thế này, không: [anh chị em phải trở nên “nghèo khó bên trong”. Với sự nghèo khó này khiến người ta phải thốt lên... “Lạy Chúa, con cần sự tha thứ, con cần sự giúp đỡ, con cần sức mạnh”. Cái nghèo này mà tất cả chúng ta đều có: trở nên nghèo từ bên trong. Đó là vấn đề vượt qua mọi đòi hỏi tự mãn để hiểu mình cần ân sủng, và luôn luôn cần đến Người. Nếu có ai đó nói với tôi: Thưa cha, con đường ngắn nhất để gặp Chúa Giêsu là gì? Hãy làm cho mình thành thiếu thốn. Hãy biến mình thành người cần ân sủng, cần sự tha thứ, cần niềm vui. Và Người sẽ đến với bạn. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn: Chuyến Tông du Cộng Hòa Dân Chủ Congo và Nam Sudan (ngày 08/02/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Hội trường Phaolô VI, Thứ tư, ngày 8 tháng 2 năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du của ngài tại Cộng hòa Dân chủ Congo và Nam Sudan. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tuần trước tôi đã đến thăm hai quốc gia châu Phi: Cộng hòa Dân chủ Congo và Nam Sudan. Tôi cảm ơn Thiên Chúa đã cho phép tôi thực hiện cuộc hành trình mà tôi hằng mong ước. Hai “giấc mơ”: đến thăm người dân Congo, những người trông coi một đất nước bao la, trái tim xanh của Châu Phi: cùng với Amazonia, họ là hai lá phổi của thế giới. Một vùng đất giàu tài nguyên và đẫm máu bởi một cuộc chiến không bao giờ kết thúc, bởi vì luôn có người thổi bùng ngọn lửa. Và đến thăm người dân Nam Sudan, trong một cuộc hành hương vì hòa bình cùng với Tổng Giám mục Canterbury, Justin Welby, và Tổng Điều hành của Giáo hội Scotland, Iain Greenshields: chúng tôi đã cùng nhau làm chứng rằng điều có thể, và là một nghĩa vụ, là cộng tác trong sự đa dạng, đặc biệt nếu người ta chia sẻ niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô.

Ba ngày đầu tiên tôi ở Kinshasa, thủ đô Cộng hòa Dân chủ Congo. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới Tổng thống và các nhà lãnh đạo khác của đất nước vì sự đón tiếp họ đã dành cho tôi. Ngay sau khi tôi đến, tại Dinh Tổng thống, tôi đã có thể gửi một thông điệp tới quốc gia: Congo giống như một viên kim cương, vì bản chất, tài nguyên của nó, và đặc biệt là vì người dân của nó; nhưng viên kim cương này đã trở thành nguồn gốc của tranh chấp, bạo lực và nghịch lý thay là sự bần cùng hóa người dân. Đó là một động lực cũng được tìm thấy ở các khu vực châu Phi khác và áp dụng chung cho lục địa này: một lục địa đã bị xâm chiếm, khai thác, cướp bóc. Đứng trước tất cả những điều này, tôi đã nói hai hạn từ. Hạn từ đầu tiên có tính tiêu cực: *"Đủ rồi!"* Ngừng khai thác châu Phi! Tôi đã nói nhiều lần rằng trong vô thức tập thể có câu, "Châu Phi phải bị bóc lột": *đủ rồi!* Tôi đã nói điều đó. Hạn từ thứ hai có tính tích cực: hãy *cùng nhau*, hãy cùng nhau với phẩm giá, tất cả hãy cùng nhau, và với sự tôn trọng lẫn nhau, nhân danh Chúa Kitô, niềm hy vọng của chúng ta, hãy cùng nhau tiến tới. Đứng bóc lột, hãy cùng nhau tiến lên.

Và nhân danh Chúa Kitô, chúng tôi đã quy tụ để cử hành Thánh Thể trọng đại. Vẫn ở Kinshasa, nhiều cuộc họp khác nhau sau đó đã diễn ra: với các nạn nhân của bạo lực ở phía đông đất nước, khu vực đã nhiều năm bị chia cắt bởi chiến tranh giữa các nhóm vũ trang do lợi ích kinh tế và chính trị điều động. Tôi đã không thể đến Goma. Mọi người sống trong sợ hãi và bất an, hy sinh trên án thờ của những giao dịch bất chính. Tôi đã nghe những lời chứng gây ngỡ ngàng của một số nạn nhân, đặc biệt là phụ nữ, những người đã đặt vũ khí và các dụng cụ giết người khác dưới chân thập giá. Cùng với họ, tôi đã nói "không" với bạo lực, "không" với cam chịu, "có" với hòa giải và hy vọng. Họ đã đau khổ rất nhiều, và tiếp tục đau khổ.

Sau đó tôi đã gặp đại diện của các tổ chức bác ái khác nhau có mặt trong nước để cảm ơn và khuyến khích họ. Công việc của họ với người nghèo và vì người nghèo không gây ồn ào, nhưng ngày qua ngày làm cho công ích lớn lên. Các sáng kiến bác ái phải luôn được đặt lên hàng đầu và trên hết vì sự phát triển, không chỉ vì viện trợ mà vì sự phát triển. Viện trợ được, nhưng phải phát triển.

Đã có một khoảnh khắc đầy phấn khích với các bạn trẻ Congo và các giáo lý viên tại sân vận động. Như thể được đắm chìm trong hiện tại, hướng tới tương lai. Anh chị em hãy nghĩ đến sức mạnh của sự đổi mới có thể dẫn dắt thế hệ Kitô hữu mới, được đào tạo và truyền cảm hứng bởi niềm vui của Tin Mừng! Tôi đã chỉ ra năm con đường cho họ, cho giới trẻ: cầu nguyện, cộng đồng, trung thực, tha thứ và phục vụ. Đối với những người trẻ Congo, tôi đã nói: con đường của các con là thế này: cầu nguyện, đời sống cộng đồng, trung thực, tha thứ và phục vụ. Xin Chúa nghe tiếng kêu cầu công lý của họ.

Sau đó, tại Nhà thờ Chính tòa Kinshasa, tôi đã gặp gỡ các linh mục, phó tế, các tu sĩ nam nữ và các chủng sinh. Có rất nhiều người trong số họ, và họ còn trẻ, bởi vì có rất nhiều ơn gọi: đó là một ân sủng của Thiên Chúa. Tôi kêu gọi họ trở thành những người phục vụ nhân dân như những chứng nhân của tình yêu Chúa Kitô, vượt qua ba cám dỗ: sự tầm thường về thiêng liêng, sự thoải mái của thế gian và sự hời hợt. Tôi muốn nói rằng đó là những cám dỗ phổ biến đối với các chủng sinh và linh mục. Chắc chắn, sự tầm thường về thiêng liêng, khi một linh mục chịu khuất phục trước sự tầm thường, thật đáng buồn: tiện nghi trần tục, tức là tính thế tục, là một trong những tệ nạn tồi tệ nhất có thể giáng xuống Giáo hội; và hời hợt. Cuối cùng, với các giám mục Congo, tôi đã chia sẻ niềm vui và khó khăn trong công việc mục vụ. Tôi mời gọi họ hãy để cho mình được an ủi bởi sự gần gũi của Thiên Chúa, và hãy trở nên những ngôn sứ cho dân chúng, với sức mạnh của Lời Chúa, hãy là những dấu chỉ cho thấy

Chúa là Đấng như thế nào, cho thấy thái độ của Chúa đối với chúng ta: cảm thương, gần gũi, dịu dàng.. Đó là ba cách... cách mà Chúa ở với chúng ta: Người đến gần chúng ta – sự gần gũi – với lòng cảm thương và sự dịu dàng. Tôi đã yêu cầu điều này nơi các linh mục và giám mục.

Sau đó, phần thứ hai của cuộc hành trình diễn ra tại Juba, thủ đô của Nam Sudan, một nhà nước được khai sinh vào năm 2011. Cuộc viếng thăm này có một nét rất đặc biệt, được diễn tả bằng khẩu hiệu vang vọng lời Chúa Giêsu: “Con cầu cho chúng hết thủy hỏa” (x. Ga 17:21). Thật vậy, đó là một cuộc hành hương đại kết vì hòa bình, được thực hiện cùng với các nhà lãnh đạo của hai Giáo hội có mặt trong lịch sử ở vùng đất đó: Hiệp thông Anh giáo và Giáo hội Scotland. Đó là đỉnh cao của một hành trình được thực hiện cách đây vài năm, khi chúng tôi tập trung tại Rome vào năm 2019, cùng với các nhà lãnh đạo Nam Sudan, để thực hiện cam kết vượt qua xung đột và xây dựng hòa bình. Vào năm 2019, đã có một cuộc tĩnh tâm ở đây, trong Giáo triều, với tất cả những chính trị gia này, với tất cả những người này khao khát các chức vụ, một số trong họ là kẻ thù, nhưng tất cả đều tham gia cuộc tĩnh tâm. Và điều này đã đem lại sức mạnh để tiến lên phía trước. Thật không may, quá trình hòa giải đã không tiến triển nhiều, và Nam Sudan non trẻ là nạn nhân của luận lý cũ về quyền lực và sự cạnh tranh, vốn tạo ra chiến tranh, bạo lực, người tị nạn và những người di tản trong nước. Tôi rất biết ơn Tổng thống vì sự chào đón mà ông đã dành cho tôi và về cách ông đang cố gắng quản lý con đường không hề dễ dàng này, nói “không” với tham nhũng và buôn bán vũ khí, và nói “có” với gặp gỡ và đối thoại. Và điều này thật đáng xấu hổ: nhiều quốc gia được gọi là “văn minh” cung cấp viện trợ cho Nam Sudan, và viện trợ này bao gồm vũ khí, vũ khí, vũ khí để kích động chiến tranh. Điều này thật đáng xấu hổ. Và vâng, thúc đẩy nói “không” với tham nhũng và buôn bán vũ khí, và nói “có” với gặp gỡ và đối thoại. Có như vậy mới phát triển, người dân mới yên tâm làm ăn, người bệnh mới được chữa khỏi, trẻ em mới được đến trường.

Bản chất đại kết của chuyến viếng thăm Nam Sudan được thể hiện đặc biệt trong buổi cầu nguyện được tổ chức cùng với anh em Anh giáo của chúng ta và những người thuộc Giáo hội Scotland. Chúng tôi đã cùng nhau lắng nghe Lời Chúa, cùng nhau dâng lên những lời kinh chúc tụng, nài xin và chuyển cầu. Trong một thực tế đầy xung đột như ở Nam Sudan, dấu hiệu này có tính căn bản, và không được coi là đương nhiên, bởi vì thật không may, có những người lạm dụng danh Thiên Chúa để biện minh cho bạo lực và áp bức.

Thưa các anh chị em, Nam Sudan là một quốc gia có khoảng 11 triệu dân – nó thật nhỏ bé! – trong số đó, do hậu quả của các cuộc xung đột vũ trang, hai triệu người phải di tản trong nước cũng như nhiều người đã trốn sang các nước láng giềng. Vì vậy, tôi muốn gặp một nhóm đông đảo những người di tản trong nước, để lắng nghe họ và làm cho họ cảm thấy sự gần gũi của Chúa Kitô. Thật vậy, các Giáo hội và các tổ chức truyền cảm hứng Kitô giáo đang ở tuyến đầu bên cạnh những người nghèo này, những người đã sống nhiều năm trong các trại Di Tản Trong Nước. Tôi đặc biệt nói với phụ nữ – ở đó có những phụ nữ tốt! – họ là lực lượng có thể biến đổi đất nước, và tôi khuyến khích mọi người hãy là hạt giống của một Nam Sudan mới, không có bạo lực, hòa giải và bình định.

Sau đó, trong cuộc gặp gỡ với các mục tử và những người tận hiến của Giáo hội địa phương, chúng tôi đã nhìn Môsê như một mẫu mực về sự vâng phục Thiên Chúa và kiên trì trong việc chuyển cầu.

Và trong buổi cử hành Thánh Thể, hành động cuối cùng của chuyến viếng thăm Nam Sudan và của toàn bộ hành trình, tôi đã lặp lại Tin Mừng, khuyến khích các Kitô hữu trở thành

“muối và ánh sáng” trên vùng đất đầy khó khăn này. Thiên Chúa không đặt niềm hy vọng vào những người vĩ đại và quyền lực, nhưng vào những người nhỏ bé và khiêm nhường. Và đây là con đường của Thiên Chúa.

Tôi cảm ơn chính quyền Nam Sudan, Tổng thống, ban tổ chức chuyên đi và tất cả những người đã đầu tư công sức, công sức của mình để chuyến đi diễn ra tốt đẹp. Tôi cảm ơn những người anh em của tôi, Justin Welby và Iain Greenshields, vì đã đồng hành cùng tôi trong cuộc hành trình đại kết này.

Chúng ta hãy cầu nguyện để tại Cộng hòa Dân chủ Congo, Nam Sudan, và toàn thể Phi châu, những hạt giống của Vương quốc tình yêu, công lý và hòa bình của Người có thể nảy mầm. Cảm ơn anh chị em.

Lời chào đặc biệt

Tôi xin gửi lời chào nồng nhiệt đến những người hành hương nói tiếng Anh tham gia buổi triều yết hôm nay, đặc biệt là những người đến từ Anh và Hoa Kỳ. Tôi gửi lời chào đặc biệt đến nhiều nhóm sinh viên hiện diện. Tôi cầu xin niềm vui và bình an của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, trên tất cả các bạn và trên gia đình của các bạn. Chúa phù hộ bạn!

Lời kêu gọi

Vào lúc này, tôi nghĩ đến các dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ và Syria đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi trận động đất khiến hàng ngàn người chết và bị thương. Với lòng xúc động, tôi cầu nguyện cho họ và bày tỏ sự gần gũi của tôi với những dân tộc này, với gia đình của các nạn nhân và với tất cả những ai đang chịu đựng thảm họa tàn khốc này. Tôi cảm ơn các nhân viên cứu trợ và tôi khuyến khích mọi người thể hiện tình liên đới với những vùng lãnh thổ đó, một số trong đó đã bị tàn phá bởi một cuộc chiến tranh lâu dài. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện để những anh chị em này của chúng ta có thể tiến lên, vượt qua thảm kịch này, và chúng ta hãy xin Đức Mẹ bảo vệ họ: “Ave Maria...”.

Chương Năm: Niềm đam mê truyền giáo, Việc làm tông đồ đầu tiên (ngày 15/02/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tiếp tục bài giáo lý của chúng ta; chủ đề chúng ta đã chọn là “Niềm say mê rao giảng Tin Mừng, nhiệt thành tông đồ”. Bởi vì truyền giáo không phải là nói, 'Hãy nhìn, bla, bla, bla' và không có gì hơn thế. Có một niềm đam mê bao gồm mọi điều: khối óc, trái tim, đôi tay, đi ra ngoài... mọi điều, toàn bộ con người đều tham gia vào việc loan báo Tin Mừng này, và vì lý do này mà chúng ta nói đến niềm đam mê rao giảng Tin Mừng. Sau khi đã thấy nơi Chúa Giêsu mẫu mực và bậc thầy của việc loan báo, hôm nay chúng ta hướng về các môn đệ đầu tiên, về những gì các môn đệ đã làm. Tin Mừng nói rằng Chúa Giêsu “đã chỉ định mười hai người, ở với Người và sai đi rao giảng” (Mc 3:14), hai việc: ở với Người và sai các ông đi rao giảng. Có một khía cạnh dường như mâu thuẫn: Người kêu gọi họ ở với Người và ra đi rao giảng. Người ta sẽ nói: hoặc cái này hoặc cái nọ, ở lại hoặc đi. Nhưng không: đối với

Chúa Giêsu không có chuyện đi mà không ở lại và không có chuyện ở lại mà không đi. Hiểu điều này không dễ, nhưng nó là như vậy. Chúng ta hãy cố gắng hiểu một chút ý nghĩa trong đó Chúa Giêsu nói những điều này.

Trước hết, *không có đi mà không ở lại*: trước khi sai các môn đệ đi truyền giáo, Tin Mừng cho biết, Chúa Kitô “gọi họ lại với Người” (x. Mt 10:1). Việc loan báo được sinh ra từ cuộc gặp gỡ với Chúa; mọi hoạt động của Kitô hữu, nhất là việc truyền giáo, bắt đầu từ đó. Không phải từ những gì được học trong một học viện. Không, không! Nó bắt đầu từ cuộc gặp gỡ với Chúa. Thực thể, làm chứng cho Người – có nghĩa là chiếu tỏa Người; nhưng, nếu chúng ta không nhận được ánh sáng của Người, chúng ta sẽ bị dập tắt; nếu chúng ta không dành thời gian cho Người, thì chúng ta sẽ tự mang lấy mình thay vì Người —tôi đang mang chính mình chứ không phải Người —và tất cả sẽ vô ích. Vì vậy, chỉ những người ở lại với Người mới có thể mang Tin Mừng của Chúa Giêsu. Ai không ở lại với Người thì không thể mang Tin Mừng. Họ sẽ mang đến những ý tưởng, nhưng không phải là Tin Mừng.

Tuy nhiên, cũng thế, *không thể ở lại mà không đi*. Thật vậy, theo Chúa Kitô không phải là một sự kiện hướng nội: không loan báo, không phục vụ, không truyền giáo, thì mối liên hệ với Chúa Giêsu không phát triển. Chúng ta nhận thấy trong Tin Mừng, Chúa sai các môn đệ trước khi họ hoàn tất việc chuẩn bị của họ: không lâu sau khi gọi họ, Người đã sai họ đi rồi! Điều này có nghĩa là kinh nghiệm truyền giáo là một phần của việc đào tạo Kitô hữu. Vậy chúng ta hãy nhắc lại hai thời điểm căn bản này đối với mỗi người môn đệ: ở lại với Chúa Giêsu và ra đi, được Chúa Giêsu sai đi.

Sau khi kêu gọi các môn đệ đến với Người và trước khi sai họ đi, Chúa Kitô ngỏ lời với họ, được gọi là ‘diễn văn truyền giáo’ – đây là cách gọi trong Tin Mừng. Nó được tìm thấy trong chương 10 của Tin Mừng Mátthêu và giống như ‘*hiến pháp*’ của việc công bố. Từ diễn từ mà tôi khuyên anh chị em nên đọc hôm nay đó, chỉ là một trang trong Tin Mừng, tôi rút ra ba khía cạnh: *tại sao phải công bố, công bố điều gì và công bố như thế nào*.

Tại sao phải công bố: Động lực nằm ở một vài lời của Chúa Giêsu, mà chúng ta nên ghi nhớ: “Anh em đã nhận nhưng không, hãy cho nhưng không” (c. 8). Đó chỉ là một vài từ ngữ. Nhưng tại sao phải công bố? Bởi vì tôi đã nhận được một cách nhưng không, thì tôi nên cho đi một cách nhưng không. Việc công bố không bắt đầu từ chúng ta, nhưng từ vẻ đẹp của những gì chúng ta đã nhận được nhưng không, không công trạng: gặp gỡ Chúa Giêsu, biết Người, khám phá ra rằng chúng ta được yêu thương và được cứu độ. Đó là một món quà tuyệt vời đến nỗi chúng ta không thể giữ nó cho riêng mình, chúng ta cảm thấy cần phải truyền bá nó; nhưng trong cùng một phong cách, phải không? Đó là, cách cho đi nhưng không. Nói cách khác: chúng ta có một món quà, vì vậy chúng ta được mời gọi làm một món quà từ chính mình cho những người khác; chúng ta đã nhận được một món quà và ơn gọi của chúng ta là làm một món quà từ chính chúng ta cho những người khác; trong chúng ta có niềm vui được làm con Thiên Chúa, niềm vui ấy phải được chia sẻ với anh chị em của chúng ta, những người chưa biết điều đó! Đây là lý do cho việc công bố. Ra đi và mang theo niềm vui của những gì chúng ta đã nhận được.

Thứ hai: Thế thì công bố *điều gì*? Chúa Giêsu nói: “Khi ra đi, các con hãy rao giảng rằng: Nước thiên đàng đã đến gần” (c. 7). Đây là điều cần phải nói, trước hết và quan trọng nhất: Thiên Chúa đang ở gần. Vì thế, đừng bao giờ quên điều này: Thiên Chúa luôn gần gũi với con người. Người đã nói điều đó với chính dân chúng: Người nói: “Kìa, Thiên Chúa nào gần gũi với các dân tộc như tôi đối với anh em?” Sự gần gũi này là một trong những điều quan trọng nhất về Thiên Chúa. Có ba điều quan trọng: sự gần gũi, lòng thương xót và sự dịu dàng.

Đừng quên điều đó. Thiên Chúa là ai? Là Đấng Gần gũi, Đấng Dịu dàng, Đấng Thương xót. Đó là thực tại của Thiên Chúa. Chúng ta khi rao giảng thường thúc giục người ta làm điều gì đó, điều đó tốt; nhưng đừng quên rằng thông điệp chính là Người đang ở gần: sự gần gũi, lòng thương xót và sự dịu dàng. Chấp nhận tình yêu của Thiên Chúa là điều khó hơn vì chúng ta luôn muốn ở trung tâm, chúng ta muốn là người chủ đạo, chúng ta có khuynh hướng làm hơn là để bản thân được khuôn đúc, để bản thân nói hơn là lắng nghe. Nhưng, nếu những gì chúng ta làm đến trước, chúng ta vẫn là người chủ đạo. Thay vào đó, việc công bố phải dành ưu tiên cho Thiên Chúa: dành ưu tiên cho Thiên Chúa, vị trí đầu tiên dành cho Thiên Chúa, và dành cho người khác cơ hội chào đón Người, nhận ra Người đang ở gần. Và tôi ở hậu trường.

Điểm thứ ba: Công bố *như thế nào*. Đây là khía cạnh được Chúa Giêsu quan tâm nhiều nhất: công bố như thế nào, đâu là phương pháp, ngôn ngữ công bố nên ra sao; nó phải có ý nghĩa: Người nói với chúng ta rằng cách thức, phong cách là điều chủ yếu trong việc làm chứng. Làm chứng không chỉ liên quan đến tâm trí và nói điều gì đó, các khái niệm. Không. Nó liên quan đến mọi điều, trí óc, trái tim, bàn tay, mọi điều, ba ngôn ngữ của con người: ngôn ngữ của suy nghĩ, ngôn ngữ của xúc cảm và ngôn ngữ của làm việc. Ba ngôn ngữ. Người ta không thể rao giảng Tin Mừng chỉ bằng khối óc, bằng trái tim hay chỉ bằng đôi tay. Mọi thứ đều có liên quan. Và, trong phong cách, điều quan trọng là chứng từ, như Chúa Giêsu muốn chúng ta làm. Người nói thế này: “Ta sai các con đi như chiên giữa bầy sói” (c. 16). Người không yêu cầu chúng ta phải có khả năng đối đầu với bầy sói, nghĩa là có thể tranh luận, đưa ra những lập luận phản bác và tự bảo vệ mình. Không, không. Chúng ta rất có thể nghĩ như thế này: chúng ta hãy trở nên có liên quan, đồng đạo, có uy tín và thế giới sẽ lắng nghe chúng ta và tôn trọng chúng ta và chúng ta sẽ đánh bại bầy sói. Không, không phải như thế. Không, Thầy sai các con ra đi như những con cừu, như những con chiên. Điều này quan trọng. Nếu anh chị em không muốn làm chiên, Chúa sẽ không bảo vệ anh chị em khỏi bầy sói. Hãy tự đối phó với chúng tốt nhất có thể. Nhưng nếu anh chị em là chiên, hãy yên tâm Chúa sẽ bảo vệ anh chị em khỏi bầy sói. Hãy khiêm tốn. Người yêu cầu chúng ta phải như vậy, hiền lành và với ý chí ngây thơ, sẵn sàng hy sinh; đó là những gì con chiên đại diện: hiền lành, ngây thơ, tận tụy, dịu dàng. Và Người, Đấng Chấn Chiên, sẽ nhận ra bầy chiên của Người và bảo vệ chúng khỏi bầy sói. Mặt khác, những con chiên cải trang thành sói sẽ bị lột mặt nạ và xé xác thành từng mảnh. Một Giáo phụ đã viết: ‘Chùng nào chúng ta còn là chiên con, chúng ta sẽ chiến thắng, và ngay cả khi chúng ta bị bao vây bởi nhiều con sói, chúng ta sẽ chiến thắng chúng. Nhưng nếu chúng ta trở thành những con sói, ‘Ồ, khôn khéo làm sao, xem này, tôi cảm thấy tốt về bản thân mình’, chúng ta sẽ bị đánh bại, bởi vì chúng ta sẽ bị tước đi sự giúp đỡ của người chăn cừu. Người không chăn bầy sói, mà chăn chiên con’ (Thánh Gioan Kim Khẩu, *Bài giảng 33 về Tin Mừng Mattheu*). Nếu tôi muốn thuộc về Chúa, tôi phải để Người chăn dắt tôi; và Người không phải là người chăn bầy sói, Người là người chăn chiên con, hiền lành, khiêm nhường, nhân từ như Chúa.

Vấn về chủ đề công bố *như thế nào*, điều đáng chú ý là Chúa Giêsu, thay vì quy định những gì phải mang theo khi đi truyền giáo, thì lại nói những gì *không* được mang theo. Đôi khi, người ta thấy một số tông đồ, một số người tái định cư, một số Kitô hữu nói rằng họ là một tông đồ và đã dâng cuộc đời mình cho Chúa, nhưng họ đang mang theo rất nhiều hành lý. Nhưng điều này không thuộc về Chúa. Chúa làm cho bạn nhẹ gánh. “Đừng mang theo vàng, bạc, đồng trong thắt lưng, đừng mang túi đi đường, đừng mang theo hai áo, đừng đi dép, đừng mang theo gậy” (c. 9-10). Đừng mang theo bất cứ thứ gì. Người nói đừng dựa vào những điều chắc chắn về vật chất, mà hãy bước vào thế giới không có tính thế gian. Điều đó có nghĩa là, tôi đang đi vào thế gian, không phải với phong cách của thế gian, không phải với các giá trị của thế gian, không phải với tính thế gian, đối với Giáo hội, rơi vào tính thế gian là

điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Tôi đi ra ngoài với sự đơn giản. Đây là cách người ta nên công bố: bằng cách chỉ ra Chúa Giêsu hơn là nói về Chúa Giêsu. Và làm thế nào để chúng ta chỉ ra Chúa Giêsu? Với chứng tá của chúng ta. Và cuối cùng, bằng cách cùng đi với nhau, trong cộng đồng: Chúa sai tất cả các môn đệ đi, nhưng không ai đi một mình. Giáo hội tông truyền hoàn toàn có tính cách truyền giáo và trong việc truyền giáo, Giáo hội tìm thấy sự hiệp nhất của mình. Vì vậy: hãy tiến lên, hiền lành và tốt lành như những con chiên, không có tính thế gian, và đi cùng với nhau. Đó là chìa khóa của việc công bố, đó là chìa khóa để thành công trong việc loan báo Tin Mừng. Chúng ta hãy đón nhận những lời mời gọi này của Chúa Giêsu: ước gì lời của Người là điểm quy chiếu của chúng ta.

Chương Sáu: Niềm đam mê truyền giáo, Nhân vật chính của lời loan báo: Chúa Thánh Thần (ngày 22/02/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng và chào mừng!

Trong hành trình giáo lý của chúng ta về niềm đam mê truyền giáo, hôm nay chúng ta bắt đầu từ những lời của Chúa Giêsu mà chúng ta đã nghe: "Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần" (Mt 28:19). "Hãy đi", Đấng Phục Sinh nói, không phải để nhồi sọ, không phải để cải đạo, không, nhưng để tạo nên các môn đệ, nghĩa là trao cho mọi người cơ hội tiếp xúc với Chúa Giêsu, để biết và yêu Người một cách tự do. Hãy đi và rửa tội: rửa tội có nghĩa là chìm mình; và do đó, trước khi chỉ một hành động phụng vụ, nó diễn tả một hành động sống động: chìm cuộc sống của một người vào Chúa Cha, vào Chúa Con, vào Chúa Thánh Thần; để trải nghiệm mỗi ngày niềm vui của sự hiện diện của Thiên Chúa, Đấng gần gũi với chúng ta như Cha, như Anh, như Thánh Thần hoạt động trong chúng ta, trong chính tinh thần của chúng ta. Rửa tội là đắm mình vào Ba Ngôi.

Khi Chúa Giêsu nói với các môn đệ của Người — và cũng như với chúng ta — "Hãy đi!", Người không chỉ truyền đạt một lời. Không. Người đồng thời truyền đạt Chúa Thánh Thần, bởi vì chỉ nhờ Người, nhờ Chúa Thánh Thần, mà người ta mới có thể đón nhận sứ mệnh của Chúa Kitô và thực hiện sứ mệnh đó (x. Ga 20:21-22). Trên thực tế, các Tông đồ, vì sợ hãi, vẫn đóng cửa trong Phòng Tiệc Ly cho đến ngày Lễ Ngũ Tuần và Chúa Thánh Thần ngự xuống trên họ (x. Cv 2:1-13). Và vào khoảnh khắc đó, nỗi sợ hãi rời xa họ, và với quyền năng của Người, những người đánh cá đó, phần lớn là những người không biết chữ, sẽ thay đổi thế giới. "Nhưng nếu họ không thể nói...". Nhưng chính lời của Thánh Thần, sức mạnh của Thánh Thần đưa họ tiến lên để thay đổi thế giới. Do đó, việc loan báo Tin Mừng chỉ được thực hiện trong quyền năng của Chúa Thánh Thần, Đấng đi trước các nhà truyền giáo và chuẩn bị tâm hồn: Người là "động cơ của việc truyền giảng Tin Mừng".

Chúng ta khám phá điều này trong Công vụ Tông đồ, nơi mà ở mỗi trang chúng ta thấy nhân vật chính của lời loan báo không phải là Phêrô, Phaolô, Stêphanô hay Philip, mà là Chúa Thánh Thần. Trong Sách Công vụ Tông đồ, một khoảnh khắc quan trọng trong buổi đầu của Giáo hội cũng được kể lại, điều này cũng có thể nói lên nhiều điều với chúng ta. Khi đó, cũng như bây giờ, những đau khổ không thiếu trong số những niềm an ủi — những khoảnh khắc đẹp đẽ và những khoảnh khắc không đẹp đẽ — niềm vui đi kèm với những lo lắng, cả hai điều. Một [nỗi lo] cụ thể: làm thế nào để đối phó với những người ngoại đạo đã đến với đức tin, với những người không thuộc dân Do Thái, ví dụ. Họ có bị ràng buộc phải tuân theo các quy định của Luật Môsê hay không? Đây không phải là vấn đề nhỏ đối với những người đó.

Do đó, hai nhóm đã được hình thành, giữa những người coi việc tuân theo Luật là điều không thể thiếu và những người không coi trọng. Để phân định, các Tông đồ đã họp lại trong điều được gọi là ‘Công đồng Jerusalem’, công đồng đầu tiên trong lịch sử. Làm thế nào để giải quyết tình thế tiến thoái lưỡng nan này? Họ có thể đã tìm kiếm một sự thỏa hiệp tốt giữa truyền thống và đổi mới: một số quy tắc được tuân thủ, và một số khác bị gạt sang một bên. Tuy nhiên, các Tông đồ không tuân theo sự khôn ngoan của con người này để tìm kiếm sự cân bằng ngoại giao giữa điều này và điều kia; họ không tuân theo điều này, nhưng họ thích nghi với công việc của Chúa Thánh Thần, Đấng đã chặn trước họ bằng cách ngự xuống những người ngoại đạo như Người đã ngự xuống họ.

Và vì vậy, loại bỏ hầu hết mọi nghĩa vụ liên quan đến Luật pháp, họ truyền đạt các quyết định cuối cùng, được đưa ra — và đây là những gì họ viết — bởi Chúa Thánh Thần và bởi chúng tôi (x. Công vụ 15:28), lời này đã được đưa ra, “Chúa Thánh Thần cùng với chúng tôi” — các Tông đồ luôn hành động theo cách này. Cùng nhau, không bị chia rẽ, mặc dù có những nhạy cảm và ý kiến khác nhau, họ lắng nghe Chúa Thánh Thần. Và Người dạy một điều, điều này cũng có giá trị ngày nay: mọi truyền thống tôn giáo đều hữu ích nếu nó tạo điều kiện cho cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Mọi truyền thống tôn giáo đều hữu ích nếu nó tạo điều kiện cho cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu. Chúng ta có thể nói rằng quyết định lịch sử của Công đồng đầu tiên, mà chúng ta cũng được hưởng lợi, được thúc đẩy bởi một nguyên tắc, *nguyên tắc công bố*: mọi điều trong Giáo hội phải phù hợp với các đòi hỏi của việc công bố Tin Mừng; không phải theo ý kiến của những người bảo thủ hay cấp tiến, mà là theo sự kiện Chúa Giêsu đã đến với cuộc sống của mọi người. Do đó, mọi lựa chọn, mọi cách sử dụng, mọi cấu trúc và mọi truyền thống đều phải được đánh giá trên cơ sở liệu chúng có ủng hộ việc công bố Chúa Kitô hay không. Khi các quyết định được tìm thấy trong Giáo hội — ví dụ như các chia rẽ về ý thức hệ: "Tôi bảo thủ vì..." "Tôi cấp tiến vì...". Nhưng Chúa Thánh Thần ở đâu? Hãy cẩn thận, vì Tin mừng không phải là một ý tưởng; Tin mừng không phải là một hệ tư tưởng. Tin mừng là một lời công bố chạm đến trái tim và khiến anh chị em thay đổi trái tim mình, nhưng nếu anh chị em ả náu trong một ý tưởng, trong một hệ tư tưởng, dù là cánh hữu hay cánh tả hay trung dung, thì anh chị em đang biến Tin mừng thành một đảng phái chính trị, một hệ tư tưởng, một câu lạc bộ của người ta. Tin mừng luôn mang đến cho anh chị em sự tự do này của Chúa Thánh Thần hoạt động trong anh chị em và đưa anh chị em tiến về phía trước. Và ngày nay, chúng ta cần nắm lấy sự tự do của Tin mừng và để Chúa Thánh Thần đưa chúng ta tiến về phía trước.

Theo cách này, Chúa Thánh Thần luôn soi sáng con đường của Giáo hội. Trên thực tế, Người không chỉ là ánh sáng của trái tim; Người là ánh sáng định hướng cho Giáo hội: Người mang lại sự sáng suốt, giúp phân biệt, giúp biện phân. Đây là lý do tại sao chúng ta cần phải thường xuyên cầu khẩn Người; chúng ta cũng hãy làm như vậy ngay hôm nay, vào đầu Mùa Chay. Bởi vì, với tư cách là Giáo hội, chúng ta có thể có những thời gian và không gian được xác định rõ ràng, những cộng đồng, viện và phong trào được tổ chức tốt, nhưng nếu không có Chúa Thánh Thần, mọi thứ vẫn vô hồn. Tổ chức thôi thì chưa đủ; chính Chúa Thánh Thần mới mang lại sự sống cho Giáo hội. Giáo hội, nếu không cầu nguyện với Người và cầu khẩn Người thì Giáo hội sẽ khép mình lại, trong những cuộc tranh luận vô ích và mệt mỏi, trong những sự phân cực mệt mỏi, trong khi ngọn lửa truyền giáo bị dập tắt. Thật đáng buồn khi thấy Giáo hội như thể chẳng hơn gì một quốc hội. Không. Giáo hội là một điều gì khác. Giáo hội là cộng đồng của những người nam và người nữ tin và rao giảng Chúa Giêsu Kitô, nhưng được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần, chứ không phải bởi lý trí của riêng họ. Đúng vậy, anh chị em sử dụng lý trí của mình, nhưng Chúa Thánh Thần đến để soi sáng và thúc đẩy lý trí. Chúa Thánh Thần khiến chúng ta tiến lên, thúc đẩy chúng ta rao giảng đức tin để khẳng định mình trong đức tin, thúc đẩy chúng ta đi truyền giáo để khám phá lại con người của mình. Đó

là lý do tại sao Thánh Phaolô khuyên: “Đừng dập tắt Thánh Thần” (1 Tx 5:19). Đừng dập tắt Thánh Thần. Chúng ta hãy thường xuyên cầu nguyện với Chúa Thánh Thần, hãy cầu khẩn Người, hãy cầu xin Người mỗi ngày thấp sáng ánh sáng của Người trong chúng ta. Chúng ta hãy làm điều này trước mỗi cuộc gặp gỡ, để trở thành tông đồ của Chúa Giêsu với những người chúng ta gặp. Đừng dập tắt Thánh Thần, trong các cộng đồng Kitô hữu hoặc trong mỗi người chúng ta.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy bắt đầu và bắt đầu lại, như Giáo hội, từ Chúa Thánh Thần. “Điều quan trọng không thể phủ nhận là trong kế hoạch mục vụ của chúng ta, chúng ta bắt đầu từ các cuộc khảo sát, phân tích xã hội học, danh sách các khó khăn, danh sách các kỳ vọng và thậm chí là các khiếu nại. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn nhiều là bắt đầu từ những *trải nghiệm của Chúa Thánh Thần*: đó là sự khởi đầu thực sự. Và do đó, cần phải tìm kiếm chúng, liệt kê chúng, nghiên cứu chúng, giải thích chúng. Đó là một nguyên tắc nền tảng mà trong đời sống tâm linh, được gọi là tính ưu việt của niềm an ủi hơn là sự buồn phiền.

Trước tiên là Chúa Thánh Thần an ủi, hồi sinh, soi sáng, lay động; sau đó cũng sẽ có sự buồn phiền, đau khổ, bóng tối, nhưng nguyên tắc để điều chỉnh trong bóng tối là ánh sáng của Chúa Thánh Thần” (C. M. Martini, Truyền giảng tin mừng trong sự an ủi của Chúa Thánh Thần, ngày 25 tháng 9 năm 1997). Đây là nguyên tắc để hướng dẫn bản thân trong những điều chúng ta không hiểu, trong sự bối rối, ngay cả trong quá nhiều bóng tối — điều này rất quan trọng. Chúng ta hãy cố gắng tự hỏi liệu chúng ta có mở lòng mình ra với ánh sáng này không, liệu chúng ta có dành không gian cho nó không: tôi có cầu khẩn Chúa Thánh Thần không? Mỗi người chúng ta có thể tự trả lời trong chính mình. Có bao nhiêu người trong chúng ta cầu nguyện với Chúa Thánh Thần? “Không, lạy Cha, con cầu nguyện với Đức Mẹ, con cầu nguyện với các Thánh, con cầu nguyện với Chúa Giêsu, nhưng đôi khi con cầu nguyện Kinh Lạy Cha, con cầu nguyện với Chúa Cha...”. “Còn Chúa Thánh Thần? Con không cầu nguyện với Chúa Thánh Thần sao, Đấng lay động trái tim con, Đấng đưa con tiến bước, Đấng mang đến cho con sự an ủi, Đấng mang đến cho con ước muốn truyền giáo, thực hiện sứ mệnh sao?”. Tôi để lại cho anh chị em câu hỏi này: Tôi có cầu nguyện với Chúa Thánh Thần không? Tôi có để cho Người hướng dẫn tôi không, Đấng mời gọi tôi không khép kín mình lại nhưng mang Chúa Giêsu, làm chứng cho sự ưu việt của niềm an ủi của Thiên Chúa thay vì sự buồn phiền của thế giới không? Xin Đức Mẹ, Đấng đã hiểu rõ điều này, giúp chúng ta hiểu điều đó.

Chương Bảy: Nhiệt tình Rao giảng Tin Mừng, Công đồng Vatican II (ngày 08/03/2023)

Anh chị em thân mến, xin chào anh chị em!

Trong bài giáo lý vừa qua, chúng ta đã thấy rằng “công đồng” đầu tiên trong lịch sử Giáo hội - một công đồng, giống như Công đồng Vatican II -, công đồng đầu tiên, được triệu tập tại Giêrusalem để bàn về một vấn đề liên quan đến việc rao giảng Tin Mừng, tức là việc loan báo Tin Mừng cho những người không phải là người Do Thái – người ta tin rằng chỉ có người Do Thái mới được loan báo Tin Mừng. Vào thế kỷ 20, Công đồng chung Vatican II đã trình bày Giáo hội như dân Chúa lữ hành trong thời gian và có bản chất truyền giáo (x. sắc lệnh *Ad Gentes*, 2). Điều đó nghĩa là gì? Có một cây cầu giữa Công đồng đầu tiên và Công đồng cuối cùng, dưới ngọn cờ rao giảng Tin Mừng, một cây cầu mà kiến trúc sư là Chúa Thánh Thần. Hôm nay chúng ta lắng nghe Công đồng Vatican II, để khám phá ra rằng việc rao giảng Tin Mừng luôn là *một công việc phục vụ của Giáo hội*, không bao giờ đơn độc, không bao giờ cô

lập, không bao giờ cá nhân chủ nghĩa. Việc truyền giảng Tin Mừng luôn luôn được thực hiện trong Giáo hội, nghĩa là trong cộng đồng và không có việc cải đạo vì đó không phải là truyền giảng Tin Mừng.

Thật vậy, người rao giảng Tin Mừng luôn thông truyền những gì mình đã nhận được. Thánh Phaolô là người đầu tiên viết rằng: Tin Mừng mà Người loan báo và các cộng đoàn đã đón nhận và họ vững vàng trong đó cũng chính là Tin Mừng mà Tông Đồ đã đón nhận (x. *1 Cr* 15:1-3). Đức tin được đón nhận và đức tin được thông truyền. Tính năng động giáo hội trong việc truyền tải Thông điệp này có tính ràng buộc và bảo đảm tính xác thực của việc loan báo Kitô giáo. Chính Thánh Phaolô viết cho người Galát: “Nhưng nếu có ai, kể cả chúng tôi, hoặc một thiên thần nào từ trời xuống, loan báo cho anh em Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan báo cho anh em, thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi!” (1:8). Đây quả là điều đẹp đẽ và tốt lành cho nhiều quan điểm hợp thời trang...

Do đó, chiều kích giáo hội của việc loan báo Tin Mừng tạo nên một tiêu chuẩn để kiểm chứng lòng nhiệt thành tông đồ. Một xác minh cần thiết, bởi vì sự cám dỗ muốn diễn tiến "một mình" luôn hiện diện, đặc biệt là khi con đường trở nên khó khăn và anh chị em cảm thấy sức nặng của việc cam kết. Nguy hiểm không kém là con cám dỗ muốn đi theo những con đường giả giáo hội dễ dàng hơn, chấp nhận luận lý thế gian, vốn chuộng các số liệu và các cuộc thăm dò, dựa vào sức mạnh của ý tưởng, chương trình, cấu trúc của chúng ta, "các mối liên hệ đáng kể". Điều này sai lầm, nó chỉ giúp ích một chút nhưng sức mạnh mà Chúa Thánh Thần ban cho anh chị em để loan báo sự thật về Chúa Giêsu Kitô, loan báo Tin Mừng, mới là nền tảng. Những thứ khác chỉ là thứ yếu.

Giờ đây, thưa anh chị em, chúng ta hãy đặt mình trực tiếp hơn vào trường học của Công đồng Vatican II, đọc lại một vài số của Sắc lệnh *Ad Gentes*, văn kiện về hoạt động truyền giáo của Giáo hội. Những bản văn này của Vatican II hoàn toàn giữ nguyên giá trị của chúng ngay cả trong bối cảnh phức tạp và đa dạng của chúng ta.

Trước hết, văn kiện *Ad Gentes* này mời gọi chúng ta hãy coi tình yêu của Thiên Chúa Cha như nguồn mạch, vốn “do lòng nhân từ bao la và đầy lòng thương xót của Người mời gọi chúng ta tham dự cùng Người vào sự sống của Người, và tiếng kêu của Người, tức ơn gọi của chúng ta, đã quảng đại tuôn đổ và tiếp tục tuôn đổ lòng tốt thần linh của Người. Như vậy, Đấng tạo thành muôn vật cuối cùng có thể là “tất cả trong tất cả” (*1Cr* 15:28), đồng thời mang lại vinh quang của chính Người và hạnh phúc của chúng ta” (số 2). Đoạn văn này có tính căn bản, bởi vì nó nói rằng tình yêu của Chúa Cha dành cho *mỗi con người*. Tình yêu của Thiên Chúa không chỉ dành cho một nhóm nhỏ, không ... dành cho tất cả mọi người. Anh chị em hãy ghi nhớ lời này trong trí và trong tim: mọi người, mọi người, không ai bị loại trừ: đây là điều Chúa phán. Và tình yêu này dành cho mỗi con người là một tình yêu đến với mọi người nam nữ nhờ sứ mệnh của Chúa Giêsu, Đấng trung gian cứu độ và là Đấng cứu chuộc chúng ta (x. *Ad Gentes*, 3), và nhờ sứ vụ của Chúa Thánh Thần (x. *Ad Gentes*, 4), Đấng – Chúa Thánh Thần – hoạt động trong mọi người, cả ở những người đã được rửa tội và chưa được rửa tội. Chúa Thánh Thần hoạt động!

Hơn nữa, Công đồng nhắc nhở chúng ta rằng nhiệm vụ của Giáo hội là tiếp tục sứ mệnh của Chúa Kitô, Đấng “được sai đi rao giảng Tin Mừng cho người nghèo”; do đó, văn kiện *Ad Gentes* tiếp tục viết, “Giáo hội, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, phải đi trên cùng một con đường mà Chúa Kitô đã đi: con đường khó nghèo và vâng phục, phục vụ và hy sinh cho đến chết, từ cái chết này, Người đã trỗi dậy thành một người chiến thắng nhờ sự phục sinh của Người” (*Ad Gentes*, 5). Nếu mãi trung thành với “con đường” này, thì sứ mệnh của Giáo hội

là “một sự hiển linh, hay một sự biểu lộ sắc lệnh của Thiên Chúa, và sự nên trọn của nó trong thế giới và trong lịch sử thế giới” (*Ad Gentes* , 9).

Thưa anh chị em, những nhận xét ngắn gọn này cũng giúp chúng ta hiểu ý nghĩa giáo hội về lòng nhiệt thành tông đồ của mỗi môn đệ-truyền giáo. Nhiệt tâm tông đồ không phải là lòng hăng hái; đó là một điều khác, nó là một ân sủng của Thiên Chúa, mà chúng ta phải gìn giữ. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của nó, bởi vì nơi dân Chúa lũ hành và loan báo Tin Mừng, không có những cá nhân chủ động hay thụ động. Không có những người rao giảng, những người loan báo Tin Mừng bằng cách này hay cách khác, và những người im lặng. *Evangelii gaudium* nói rằng “Tất cả những người đã được rửa tội, bất kể địa vị của họ trong Giáo hội hay trình độ giáo dục đức tin của họ, đều là những tác nhân của việc rao giảng Tin Mừng” (Tông huấn *Evangelii gaudium*, 120). Anh chị em có là Kitô hữu không? “Có, con đã lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội”. Và anh chị em có truyền giáo không?” “Nhưng điều đó nghĩa là gì?” Nếu anh chị em không loan báo Tin Mừng, nếu anh chị em không làm chứng, nếu anh chị em không làm chứng cho Bí tích Rửa tội mà anh chị em đã lãnh nhận, cho đức tin mà Chúa đã ban cho anh chị em, thì anh chị em không phải là một Kitô hữu tốt. Nhờ phép Rửa tội đã lãnh nhận và do đó được tháp nhập vào Giáo hội, mọi người đã được rửa tội đều tham dự vào sứ mệnh của Giáo hội và, trong đó, vào sứ mệnh của Chúa Kitô Vua, Tư tế và Ngôn sứ. Thưa anh chị em, nhiệm vụ này “là một và giống nhau ở mọi nơi và trong mọi điều kiện, mặc dù nó có thể được thực hiện khác nhau tùy theo hoàn cảnh” (*Ad Gentes* ,, 6). Điều này mời gọi chúng ta đừng trở nên cứng nhắc hoặc hóa đá; nó cứu chúng ta khỏi sự khắc khoải không phải của Thiên Chúa. Lòng nhiệt thành truyền giáo của người tín hữu cũng thể hiện như một cuộc tìm kiếm sáng tạo những cách thức mới để loan báo và làm chứng, những cách thức mới để gặp gỡ nhân loại bị tổn thương mà Chúa Kitô đã đảm nhận. Tóm lại, những cách thức mới để phục vụ Tin Mừng và phục vụ nhân loại. Truyền giảng Tin Mừng là một việc phục vụ. Nếu ai nói rằng mình là người rao giảng Tin Mừng, mà không có thái độ đó, tấm lòng đầy tớ đó, và tự cho mình là ông chủ, thì người đó không phải là người rao giảng Tin Mừng, không... họ thật khốn nạn.

Việc trở về với suối nguồn tình yêu của Chúa Cha và sứ mệnh của Chúa Con và Chúa Thánh Thần không đóng kín chúng ta trong không gian tĩnh lặng bản thân. Ngược lại, nó dẫn chúng ta đến chỗ nhận ra tính nhưng không của hồng phúc sự sống viên mãn mà chúng ta được mời gọi, một hồng phúc mà vì thế chúng ta ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa. Hồng phúc này không chỉ dành cho chúng ta, mà còn được trao cho những người khác. Và nó cũng dẫn chúng ta đến việc sống trọn vẹn hơn bao giờ hết những gì chúng ta đã lãnh nhận, bằng cách chia sẻ nó với người khác, với tinh thần trách nhiệm và cùng nhau đồng hành trên những nẻo đường, thường là những chặng đường quanh co và khó khăn của lịch sử, trong sự chờ đợi tinh táo và siêng năng việc nên trọn của nó. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ơn này, để nắm lấy ơn gọi Kitô hữu này và tạ ơn Chúa vì những gì Người đã ban cho chúng ta, tức kho báu này. Và để cố gắng truyền đạt nó cho người khác.

Chương Tám: Nhiệt tình Rao giảng Tin Mừng, Công đồng Vatican II: Làm Tông đồ trong Giáo Hội Tông truyền (ngày 15/03/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục bài giáo lý về niềm đam mê rao giảng Tin Mừng: không phải chỉ về “việc rao giảng Tin Mừng”, mà còn về *niềm đam mê* rao giảng Tin Mừng và, trong trường

Công đồng Vatican II, chúng ta hãy cố gắng hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc trở thành “tông đồ” ngày nay. Hạn từ “tông đồ” nhắc chúng ta nhớ đến nhóm Mười hai môn đệ được Chúa Giêsu tuyển chọn. Đôi khi chúng ta gọi một vị thánh nào đó, hay nói chung hơn các giám mục, như các “tông đồ”: các Người là tông đồ, vì các Người ra đi nhân danh Chúa Giêsu. Nhưng chúng ta có biết rằng làm tông đồ liên quan đến mọi tín hữu của Chúa Kitô không? Chúng ta có biết rằng nó liên quan đến mỗi người chúng ta không? Thật vậy, chúng ta buộc *phải làm tông đồ* – nghĩa là sứ giả – *trong một Giáo hội* mà trong Kinh Tin kính, chúng ta tuyên xưng là *tông truyền*.

Vậy, làm tông đồ có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là *được cử đi truyền giáo*. Biến cố trong đó Chúa Kitô Phục Sinh sai các tông đồ vào thế gian, truyền cho các ông quyền năng mà chính Người đã lãnh nhận từ Chúa Cha và ban cho các ông Thần Khí của Người, là một biến cố điển hình và nền tảng. Chúng ta đọc trong Tin Mừng theo thánh Gioan: “Chúa Giêsu lại phán với các ông: 'Bình an cho các con. Như Chúa Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai các con'. Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: ‘Các con hãy lãnh nhận Chúa Thánh Thần’” (20:21-22).

Một khía cạnh nền tảng khác của việc làm tông đồ là *ơn gọi*, tức là lời kêu gọi. Điều đó đã xảy ra kể từ thuở ban đầu, khi Chúa Giêsu “gọi những kẻ Người muốn; và họ đến với Người” (Mc 3:13). Người lập các ông thành một nhóm, gán cho các ông tước hiệu “tông đồ”, để các ông đi với Người và sai các ông đi thi hành sứ mạng (x. Mc 3:14; Mt 10:1-42). Thánh Phaolô, trong các thư của Người, tự giới thiệu mình là “Phaolô, được Thiên Chúa gọi làm tông đồ”, nghĩa là một sứ giả (1 Cr 1:1), và một lần nữa, “Phaolô, tôi tớ của Đức Giêsu Kitô, được gọi làm tông đồ” (Rm 1:1). Và Người nhấn mạnh rằng Người là “tông đồ không phải bởi loài người hay qua một con người, nhưng nhờ Đức Giêsu Kitô và Thiên Chúa Cha, Đấng đã cho Người sống lại từ cõi chết” (Gl 1:1); Thiên Chúa đã gọi Người từ trong lòng mẹ để loan báo Tin Mừng giữa muôn dân (x. Gl 1:15-16).

Kinh nghiệm của Mười hai tông đồ và chứng từ của Thánh Phaolô cũng thách thức chúng ta ngày nay. Các Người mời gọi chúng ta xác minh thái độ của chúng ta, xác minh những lựa chọn của chúng ta, những quyết định của chúng ta, dựa trên những điểm cố định này: mọi sự tùy thuộc vào lời kêu gọi nhưng không của Thiên Chúa; Thiên Chúa cũng chọn chúng ta cho những việc phục vụ đôi khi dường như vượt quá khả năng của chúng ta hoặc không đáp ứng được những mong đợi của chúng ta; lời kêu gọi nhận được như một món quà nhưng không phải được đáp trả một cách nhưng không.

Công Đồng nói: “ơn gọi Kitô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm việc tông đồ” (Sắc lệnh *Apostolicam actuositatem* [AA], 2). Đó là một ơn gọi phổ biến, giống như “một phẩm giá chung [được chia sẻ] như các thành viên do sự tái sinh của họ trong Chúa Kitô, có cùng ơn sủng làm con và cùng ơn gọi nên trọn lành; cùng sở hữu một ơn cứu độ, một niềm hy vọng và một đức ái không phân chia” (*Lumen gentium*, 32).

Đó là một lời kêu gọi liên quan đến cả những người đã lãnh nhận bí tích Truyền chức thánh, những người thánh hiến, và tất cả các tín hữu giáo dân, nam hay nữ: đó là một lời kêu gọi cho tất cả mọi người. Anh chị em, kho tàng mà anh chị em đã lãnh nhận với ơn gọi Kitô hữu của mình, buộc phải trao tặng nó: đó là bản chất năng động của ơn gọi, bản chất năng động của cuộc sống. Đó là một lời kêu gọi trao sức mạnh để họ thực hiện nhiệm vụ tông đồ của họ một cách tích cực và sáng tạo, trong một Giáo hội mà ở đó “có nhiều thừa tác vụ nhưng có một sứ mệnh duy nhất. Chúa Kitô đã trao cho các Tông đồ và những người kế vị nhiệm vụ giảng dạy, thánh hóa và cai trị nhân danh và quyền năng của Người. Nhưng cả hàng ngũ giáo dân

nữ: tất cả anh chị em, đa số anh chị em là giáo dân. Hàng ngũ giáo dân cũng được dự phần vào chức vụ linh mục, ngôn sứ và vương giả của Chúa Kitô, và do đó, họ có phần riêng trong sứ mạng của toàn thể dân Chúa trong Giáo hội và trên thế giới” (AA, 2).

Trong khuôn khổ này, Công đồng muốn nói gì khi đề cập tới việc cộng tác của giáo dân với hàng giáo phẩm? Nó có nghĩa như thế nào? Đó có phải là một sự thích nghi chiến lược đơn thuần với các tình huống mới khi chúng xuất hiện không? Không hề, không hề: có một điều gì đó hơn thế nữa, vượt quá những khả thể ngẫu nhiên của thời điểm và cũng duy trì giá trị riêng của nó đối với chúng ta. Giáo hội là như vậy, nó được thành lập và là tông truyền.

Trong khuôn khổ của sự thống nhất sứ mệnh, sự đa dạng của các đặc sủng và thừa tác vụ không được tạo ra, trong cơ thể giáo hội, các loại đặc quyền: ở đây không có sự thăng tiến, và khi anh chị em quan niệm đời sống Kitô hữu như một sự thăng tiến, thì một người ở trên chỉ huy tất cả những người khác vì anh ta đã thành công trong việc lên chức, đây không phải là Kitô giáo. Đây là tà giáo thuần túy. Ông gọi Kitô hữu không phải là một sự thăng tiến, vươn lên, không! Nó là một điều khác. Đó là một điều tuyệt vời bởi vì, mặc dù theo ý muốn của Chúa Kitô, một số người ở một vị trí quan trọng, có lẽ, các tiến sĩ, “mục tử và người phân phát các mầu nhiệm nhân danh những người khác, nhưng tất cả đều chia sẻ một sự bình đẳng thực sự liên quan tới phẩm giá và hoạt động chung cho mọi tín hữu nhằm xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô” (LG, 32). Ai có phẩm giá hơn trong Giáo hội: giám mục, linh mục? Không, tất cả chúng ta đều là Kitô hữu phục vụ người khác. Ai quan trọng hơn trong Giáo Hội: nữ tu hay người thường, đã rửa tội hay chưa rửa tội, trẻ em, giám mục...? Tất cả đều bình đẳng, chúng ta bình đẳng và bên nào tự cho mình là quan trọng hơn bên kia, hếch mũi lên, đó là một sai lầm. Đó không phải là ơn gọi của Chúa Giêsu. Ông gọi mà Chúa Giêsu ban cho mọi người, kể cả những người dường như ở những nơi cao nhất, là phục vụ, phục vụ người khác, hạ mình xuống. Nếu anh chị em tìm thấy một người trong Giáo hội có ơn gọi cao hơn và anh chị em thấy họ vô ích, hãy nói: “Linh hồn tội nghiệp”, hãy cầu nguyện cho anh ta, vì anh ta chưa hiểu ơn gọi của Thiên Chúa là gì. Ông gọi của Thiên Chúa là tôn thờ Chúa Cha, yêu thương cộng đoàn, và phục vụ. Đó là ý nghĩa của việc làm tông đồ, đó là chứng tá của các tông đồ.

Vấn đề bình đẳng về phẩm giá đòi chúng ta phải suy nghĩ lại về các khía cạnh trong các mối liên hệ của chúng ta, vốn có tính quyết định đối với việc truyền giảng Tin Mừng. Thí dụ, chúng ta có ý thức được rằng lời nói của chúng ta có thể làm suy yếu phẩm giá của con người, do đó làm hỏng các mối liên hệ trong Giáo hội không? Trong khi chúng ta cố gắng tham gia đối thoại với thế giới, chúng ta có biết cách đối thoại với nhau như những tín hữu không? Hay trong giáo xứ, người này chống người kia, người này nói xấu người kia để leo lên cao hơn? Chúng ta có biết cách lắng nghe để hiểu lý do của người khác hay chúng ta áp đặt bản thân, thậm chí có thể bằng những lời xoa dịu? Lắng nghe, khiêm tốn, phục vụ người khác: đó là *phục vụ*, đó là Kitô hữu, đó là tông đồ.

Anh chị em thân mến, chúng ta đừng ngại đặt ra những câu hỏi trên. Chúng ta hãy tránh xa sự phù phiếm, sự phù phiếm của địa vị. Những lời này có thể giúp chúng ta xác nhận cách chúng ta sống ơn gọi rửa tội của mình, cách chúng ta sống tư cách làm tông đồ trong một Giáo hội tông truyền để phục vụ người khác. Cảm ơn anh chị em.

Chương Chín: Cách thức đầu tiên của việc rao giảng Tin Mừng: chứng tá (ngày 22/03/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ lắng nghe “Đại hiến chương” của việc rao giảng Tin Mừng trong thế giới đương thời: Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* của Thánh Phaolô VI (EN, 8 tháng Mười hai 1975). Nó mang tính thời sự, viết từ năm 1975 mà cứ như mới viết hôm qua. Truyền giảng Tin Mừng không chỉ là truyền bá tín lý và luân lý đơn thuần. Trước hết và trên hết, đó là *chứng tá* – người ta không thể truyền giảng Tin Mừng nếu không có chứng tá – chứng tá của cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể trong đó ơn cứu độ được nên trọn. Một chứng tá không thể thiếu bởi vì, trước hết, thế giới “đang mời gọi những người truyền giảng Tin Mừng nói với thế giới về một Thiên Chúa mà chính những người truyền giảng Tin Mừng nên biết và quen thuộc” (EN, 76). Không phải để truyền bá một ý thức hệ hay một “tín lý” về Thiên Chúa, không. Đó là thông truyền Thiên Chúa đang sống trong tôi: đây là chứng tá, và hơn thế nữa, bởi vì “con người hiện đại sẵn sàng lắng nghe các chứng nhân hơn là các thầy dạy, và nếu họ lắng nghe các thầy dạy, đó là vì các thầy dạy này cũng là những chứng nhân” (*ibid.*, 41). Như vậy, chứng tá của Đức Kitô đồng thời là phương tiện đầu tiên của việc truyền giảng Tin Mừng (x. *ibid.*, và là điều kiện thiết yếu để nó hữu hiệu (x. *ibid.*, 76), ngõ hầu việc truyền giảng Tin Mừng có thể sinh hoa trái. Trở nên các nhân chứng.

Cần phải nhớ rằng chứng tá cũng bao gồm *đức tin được tuyên xưng*, nghĩa là sự gắn bó đầy xác tín và tỏ tường với Thiên Chúa Cha và Con và Thánh Thần, Đấng đã dựng nên chúng ta vì tình yêu và cứu chuộc chúng ta. Một đức tin biến đổi chúng ta, biến đổi các mối liên hệ của chúng ta, các tiêu chuẩn và giá trị quyết định lựa chọn của chúng ta. Do đó, chứng tá không thể tách rời khỏi sự nhất quán giữa điều người ta tin và điều người ta công bố, và điều người ta sống. Người ta không khả tín chỉ bằng cách phát biểu một học thuyết hay một ý thức hệ, không. Một người khả tín nếu có sự hài hòa giữa những gì người đó tin và sống. Nhiều Kitô hữu chỉ biết nói họ tin, nhưng họ sống theo một cách khác, như thể họ không tin. Và đây là đạo đức giả. Ngược với chứng tá là đạo đức giả. Đã bao nhiêu lần chúng ta nghe nói: “À, người này đi lễ Chúa nhật hàng tuần và sau đó anh ta sống như thế này, thế kia”: đó là sự thật, đó là phản chứng.

Mỗi người trong chúng ta đều phải trả lời ba câu hỏi căn bản, được Đức Phaolô VI đặt ra theo cách này: “anh chị em có tin điều anh chị em đang rao giảng không? Anh chị em có sống theo những gì anh chị em tin không? Anh chị em có rao giảng những gì anh chị em sống không? (x. *sđđ.*). Có sự hài hòa: anh chị em có tin những gì anh chị em rao giảng không? Anh chị em có sống theo những gì anh chị em tin không? Anh chị em có công bố những gì anh chị em sống không? Chúng ta không thể hài lòng với câu trả lời dễ dàng, đóng gói sẵn. Chúng ta được kêu gọi chấp nhận rủi ro, mặc dù không ổn định, của việc tìm kiếm, hoàn toàn tin tưởng vào hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động trong mỗi người chúng ta, thúc đẩy chúng ta ngày càng đi xa hơn: vượt ra ngoài các ranh giới của chúng ta, vượt qua các rào cản của chúng ta, vượt qua các giới hạn của chúng ta, thuộc bất cứ loại nào.

Theo nghĩa này, chứng tá của đời sống Kitô hữu bao hàm một hành trình *nên thánh*, dựa trên Bí Tích Rửa Tội, làm cho chúng ta “được thông phần vào bản tính Thiên Chúa; như thế họ thực sự được nên thánh” (Hiến Chế Tín Lý *Lumen gentium*, 40). Một sự thánh thiện không dành riêng cho một số ít; đó là quà tặng của Thiên Chúa và đòi phải được đón nhận và làm cho sinh hoa trái cho mình và cho người khác. Được Thiên Chúa tuyển chọn và yêu thương, phải đem tình yêu này đến cho tha nhân. Đức Phaolô VI dạy rằng lòng nhiệt thành truyền

giảng Tin Mừng bắt nguồn từ sự thánh thiện, nó phát xuất từ trái tim tràn ngập Thiên Chúa. Được nuôi dưỡng bằng lời cầu nguyện và nhất là bằng tình yêu đối với Thánh Thể, việc truyền giảng Tin Mừng, ngược lại, gia tăng sự thánh thiện nơi những người thực thi nó (x. EN, 76). Đồng thời, nếu không thánh thiện, lời của người truyền giảng Tin Mừng “sẽ khó chạm đến trái tim của con người hiện đại”, và “có nguy cơ trở nên phù phiếm và cằn cỗi” (*ibid.*).

Do đó, chúng ta phải ý thức rằng việc truyền giảng Tin Mừng nhắm đến những người không phải chỉ là những người khác, những người tuyên xưng các đức tin khác hoặc không tuyên xưng đức tin nào, mà còn là *chính chúng ta*, những người tin vào Chúa Kitô và là những thành viên tích cực của dân Chúa. Và chúng ta phải hoán cải mỗi ngày, đón nhận lời Chúa và thay đổi cuộc sống của chúng ta: mỗi ngày. Và đây là cách trái tim được truyền giảng Tin Mừng. Để làm chứng như thế, Giáo hội nói chung cũng phải bắt đầu bằng việc truyền giảng Tin Mừng cho chính mình. Nếu Giáo hội không truyền giảng Tin Mừng cho chính mình, thì Giáo hội vẫn là một bảo tàng. Thay vào đó, chính bằng cách truyền giảng Tin Mừng cho chính bản thân mình mà Giáo Hội liên tục được cập nhật. Giáo Hội cần phải không ngừng lắng nghe những gì Giáo Hội phải tin, những lý do để Giáo Hội hy vọng, điều răn mới của tình yêu. Giáo Hội, một dân Chúa đắm chìm trong thế gian, và thường bị cám dỗ bởi các ngẫu thần – nhiều ngẫu thần – và Giáo Hội luôn cần được nghe loan báo về các công trình của Thiên Chúa. Tóm lại, điều này có nghĩa là Giáo Hội luôn có nhu cầu được truyền giảng Tin Mừng, Giáo Hội cần đọc Tin Mừng, cầu nguyện và cảm nhận sức mạnh của Chúa Thánh Thần biến đổi tâm hồn mình (x. EN, 15). Một Giáo hội tự truyền giảng Tin Mừng để rao giảng Tin Mừng là một Giáo hội được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, buộc phải bước đi trên con đường nhiều đòi hỏi, con đường hoán cải và canh tân. Điều này cũng đòi hỏi khả năng thay đổi những cách hiểu và sống sự hiện diện truyền giảng Tin Mừng của mình trong lịch sử, tránh nương náu trong những khu vực được bảo vệ của luận lý “mọi việc luôn được thực hiện theo cách này”. Đó là những nơi trú ẩn làm cho Giáo hội sinh bệnh. Giáo hội phải tiến lên, phải liên tục phát triển; nhờ cách này, Giáo Hội sẽ mãi trẻ trung. Giáo hội này hoàn toàn hướng về Thiên Chúa, do đó là một Giáo Hội tham gia vào kế hoạch cứu độ nhân loại của Người, đồng thời, hoàn toàn hướng về nhân loại. Giáo hội phải là một Giáo hội gặp gỡ đối thoại với thế giới đương thời, dệt nên những mối liên hệ huynh đệ, tạo ra những không gian gặp gỡ, thực hiện những thực hành tốt về lòng hiếu khách, chào đón, công nhận và hội nhập người khác và điều khác, và quan tâm đến ngôi nhà chung vốn là sáng thể. Đó là, một Giáo hội gặp gỡ đối thoại với thế giới đương thời, đối thoại với thế giới đương thời, nhưng gặp gỡ Chúa mỗi ngày, đối thoại với Chúa, và để cho Chúa Thánh Thần, tác nhân của việc truyền giảng Tin Mừng, bước vào. Không có Chúa Thánh Thần chúng ta chỉ có thể quảng cáo Giáo hội chứ không truyền giảng Tin Mừng. Chính Thần Khí trong chúng ta thúc đẩy chúng ta hướng tới việc truyền giảng Tin Mừng, và đây là sự tự do đích thực của con cái Thiên Chúa.

Anh chị em thân mến, tôi xin mời anh chị em đọc đi đọc lại tông huấn *Evangelii nuntiandi*: Tôi xin nói thật với anh chị em, tôi thường xuyên đọc nó, bởi vì đó là kiệt tác của Thánh Phaolô VI, nó là di sản Người để lại cho chúng ta, để truyền giảng Tin Mừng.

Chương Mười: Niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, chứng tá Thánh Phaolô (ngày 29/03/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong lộ trình dạy giáo lý về lòng nhiệt thành tông đồ, hôm nay chúng ta hãy bắt đầu nhìn vào một số nhân vật, theo những cách thức và thời điểm khác nhau, đã làm chúng mẫn mịch cho việc niềm đam mê Tin Mừng có nghĩa gì. Và nhân chứng đầu tiên đương nhiên là Thánh Tông đồ Phaolô. Tôi muốn dành hai bài giáo lý này cho Người.

Và tiêu sử của Thánh Phaolô thành Tácxô là tiêu biểu về phương diện này. Trong chương đầu tiên của Thư gửi tín hữu Galát, cũng như trong phần tường thuật của Sách Tông đồ Công vụ, chúng ta có thể thấy lòng nhiệt thành của Người đối với Tin Mừng xuất hiện sau khi Người trở lại, và thay thế cho lòng nhiệt thành trước đó của Người đối với đạo Do Thái. Người là một người nhiệt thành đối với luật Môsê của Do Thái giáo, và sau khi trở lại, lòng nhiệt thành này vẫn tiếp tục, nhưng để công bố, rao giảng Chúa Giêsu Kitô. Thánh Phaolô yêu mến Chúa Giêsu. Saolô – tên đầu tiên của Thánh Phaolô – vốn đã rất sốt sắng, nhưng Chúa Kitô đã hoán cải lòng sốt sắng của Người: từ Lễ Luật đến Tin Mừng. Lòng nhiệt thành của Người trước tiên muốn phá hủy Giáo hội, sau đó lại xây dựng Giáo hội. Chúng ta có thể tự hỏi: điều gì đã xảy ra, chuyển từ hủy diệt sang xây dựng? Điều gì đã thay đổi ở Thánh Phaolô? Lòng nhiệt thành của Người, sự phấn đấu của Người cho sự vinh hiển của Thiên Chúa, đã được biến đổi như thế nào? Điều gì đã xảy ra ở đó?

Thánh Tôma Aquinô dạy rằng đam mê, theo quan điểm luân lý, không tốt cũng không xấu: việc sử dụng đức hạnh làm cho nó tốt về mặt luân lý, còn tội lỗi làm cho nó xấu.[1] Trong trường hợp của thánh Phaolô, điều đã thay đổi Người không phải là một ý tưởng hay một xác tín đơn giản: đó là cuộc gặp gỡ, đó là cuộc gặp gỡ với Chúa phục sinh – đừng quên điều này, chính cuộc gặp gỡ với Chúa đã thay đổi một cuộc đời – chính cuộc gặp gỡ với Chúa Phục sinh đã biến đổi toàn bộ con người Người. Nhân tính của Thánh Phaolô, niềm đam mê của Người đối với Thiên Chúa và vinh quang của Người không bị tiêu diệt, nhưng được Chúa Thánh Thần biến đổi, “hoán cải”. Đáng duy nhất có thể thay đổi tâm hồn chúng ta, thay đổi, đó là Chúa Thánh Thần. Và nó là như vậy cho mọi khía cạnh của cuộc sống Người. Cũng như trong Bí tích Thánh Thể: bánh và rượu không biến mất, nhưng trở thành Mình và Máu Chúa Kitô. Lòng nhiệt thành của Thánh Phaolô vẫn còn đó, nhưng nó trở thành lòng nhiệt thành của Chúa Kitô. Nó thay đổi hướng đi nhưng lòng nhiệt tình vẫn là một. Chúa được phục vụ với nhân tính của chúng ta, với những đặc quyền và đặc điểm của chúng ta, nhưng điều thay đổi mọi thứ không phải là một ý tưởng, mà là chính cuộc sống, như chính thánh Phaolô đã nói: “Ai ở trong Đức Kitô, thì người ấy là tạo vật mới” – nó thay đổi anh chị em từ bên trong, cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô thay đổi anh chị em từ bên trong, nó biến anh chị em thành một con người khác – “cái cũ đã qua đi, này cái mới đã đến” (2 Cr 5:17). Nếu một người ở trong Chúa Kitô, người ấy là tạo vật mới, đây là ý nghĩa của tạo vật mới. Trở thành Kitô hữu không phải là một vũ hội hóa trang làm thay đổi khuôn mặt của anh chị em, không! Nếu anh chị em là Kitô hữu, tâm lòng của anh chị em sẽ thay đổi, nhưng nếu anh chị em là một Kitô hữu ở bề ngoài, thì điều này sẽ không xảy ra: những Kitô hữu giả dạng, không, họ sẽ không làm được sự thay đổi này. Sự thay đổi thực sự là sự thay đổi của trái tim. Và điều này đã xảy ra với Thánh Phaolô.

Niềm đam mê Tin Mừng không phải là vấn đề hiểu biết hay nghiên cứu – anh chị em có thể học tất cả thần học anh chị em muốn, anh chị em có thể nghiên cứu Kinh thánh và tất cả những thứ đó, và trở thành người vô thần hay thế tục, đó không phải là vấn đề học tập; trong lịch sử đã có nhiều nhà thần học vô thần, không! Học hành hữu ích nhưng không sản sinh đời sống mới của ân sủng; đúng hơn, hoán cải nghĩa là trải qua cùng kinh nghiệm “sa ngã và phục sinh” mà Saolô/Phaolô đã sống và là nguồn gốc của sự biến đổi lòng nhiệt thành tông đồ của Người. Thật vậy, như Thánh Inhaxiô nói: “Không phải vì biết nhiều, mà là nhận ra và trân quý mọi sự trong nội tâm, điều ấy mới làm hài lòng và thỏa mãn”. [2] Mỗi người chúng

ta, hãy suy nghĩ. “Tôi là một người mộ đạo” – “Tốt thôi” – “Tôi cầu nguyện” – “Vâng” – “Tôi cố gắng tuân theo các điều răn” – “Vâng” – “Nhưng Chúa Giêsu ở đâu trong cuộc sống của anh chị em?” – “À, không, tôi làm những điều Giáo hội ra lệnh”. Nhưng Chúa ơi, Người ở đâu? Anh chị em đã gặp Chúa Giêsu chưa, anh chị em đã nói chuyện với Chúa Giêsu chưa? Nếu anh chị em đọc Tin Mừng hoặc nói chuyện với Chúa Giêsu, anh chị em có nhớ Chúa Giêsu là ai không? Và đây là điều mà chúng ta thường thiếu; một Kitô giáo, tôi muốn nói, không phải không có Chúa Giêsu, nhưng với một Chúa Giêsu trừ tượng... Không! Chúa Giêsu đã bước vào cuộc đời anh chị em như thế nào, Người đã bước vào cuộc đời của Thánh Phaolô như thế nào, và khi Chúa Giêsu bước vào, mọi thứ đều thay đổi. Đã nhiều lần chúng ta nghe những lời bình luận về người ta: “Nhưng hãy xem ông này, ông ta vốn là người xấu xa, bây giờ ông là người tốt lành, bà ta là người tốt lành... ai đã thay đổi họ? Chúa Giêsu, họ đã tìm thấy Chúa Giêsu. Đời sống Kitô hữu của anh chị em có thay đổi không? “Không, ít hay nhiều thì có...”. Nếu Chúa Giêsu không bước vào cuộc đời anh chị em, thì nó không thay đổi. Anh chị em chỉ có thể là Kitô hữu ở bên ngoài. Không, Chúa Giêsu phải bước vào và điều này thay đổi anh chị em, và điều này đã xảy ra với thánh Phaolô. Đó là tìm thấy Chúa Giêsu, và đây là lý do tại sao Thánh Phaolô nói rằng tình yêu của Chúa Kitô thúc đẩy chúng ta, đó là điều đưa anh chị em tiến tới. Điều tương tự cũng xảy ra, sự thay đổi này, đối với tất cả các thánh, những người đã tiến bước khi họ tìm thấy Chúa Giêsu.

Chúng ta có thể suy nghĩ thêm về sự thay đổi diễn ra nơi Thánh Phaolô, người từ một kẻ bất bớ đã trở thành tông đồ của Chúa Kitô. Chúng ta lưu ý rằng có một loại nghịch lý trong Người: quả thực, bao lâu còn cảm thấy mình là người công chính trước mặt Thiên Chúa, Người cảm thấy mình được phép bất bớ, bất bớ, thậm chí giết chết, như trường hợp Thánh Stêphanô; nhưng khi được Chúa Phục Sinh soi sáng, Người khám phá ra mình là “kẻ phạm thượng và bất bớ” (x. *ITm* 1:13) – đây là điều Người nói về mình, “trước đây tôi đã phạm thượng và bách hại” – lúc ấy Người bắt đầu trở thành thực sự có khả năng yêu thương. Và đó là cách thế. Nếu một người trong chúng ta nói: “À, cảm ơn Thiên Chúa, vì con là người tốt, con làm điều tốt, con không phạm tội trọng...”, thì đây không phải là con đường tốt, đây là con đường tự mãn, đó là con đường không công chính hóa anh chị em, nó khiến anh chị em hếch mũi lên... Đó là một người Công Giáo thanh lịch, nhưng một người Công Giáo thanh lịch không phải là một người Công Giáo thánh thiện, họ chỉ thanh lịch thôi. Người Công Giáo chân chính, người Kitô hữu đích thực là người tiếp nhận Chúa Giêsu bên trong, một điều thay đổi trái tim anh chị em. Đây là câu hỏi tôi hỏi tất cả anh chị em hôm nay: Chúa Giêsu có ý nghĩa gì đối với tôi? Tôi đã để Người bước vào trái tim tôi, hay tôi giữ Người trong tâm với nhưng để Người không thực sự bước vào bên trong? Tôi có để mình được Người thay đổi không? Hay Chúa Giêsu chỉ là một ý tưởng, một thần học đang đi trước... Và lòng nhiệt thành là khi một người tìm thấy Chúa Giêsu và cảm thấy ngọn lửa, giống như Thánh Phaolô, phải rao giảng Chúa Giêsu, phải nói về Chúa Giêsu, phải giúp đỡ mọi người, phải làm những điều tốt đẹp. Khi một người tìm thấy ý tưởng về Chúa Giêsu, người đó vẫn là một người có ý thức hệ của Kitô giáo, và điều này không công chính hóa được, chỉ có Chúa Giêsu mới công chính hóa chúng ta. Xin Chúa giúp chúng ta tìm thấy Chúa Giêsu, gặp gỡ Chúa Giêsu, và xin Chúa Giêsu này thay đổi cuộc đời chúng ta từ bên trong và giúp chúng ta giúp đỡ người khác. Cảm ơn anh chị em.

[1] Cfr Quaestio “De veritate” 24, 7.

[2] Linh Thao, Chú Giải, 2, 4.

Chương Mười Một: Thánh giá, nguồn suối hy vọng (ngày 05/04/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, thứ Tư, ngày 5 tháng 4 năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã trình bày bài giáo lý của ngài về Thánh giá, nguồn suối hy vọng của chúng ta. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh công bố:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúa nhật vừa qua, Phụng vụ cho chúng ta nghe bài Thương khó của Chúa. Nó kết thúc bằng những lời này: “Họ niêm phong tảng đá” (x. Mt 27:66). Mọi sự dường như đã kết thúc. Đối với các môn đệ, tảng đá đó tượng trưng cho *niềm hy vọng cuối cùng của họ*. Thầy bị đóng đinh, bị giết một cách dã man và nhục nhã nhất, bị treo lên giá treo cổ khét tiếng ngoài thành - một thất bại trước công chúng, một kết cục tồi tệ nhất có thể xảy ra, đó là điều tồi tệ nhất vào thời điểm đó. Đối với chúng ta ngày nay, không có gì hoàn toàn xa lạ về sự ngã lòng đã đè nặng lên các môn đệ. Những suy nghĩ u ám và cảm giác thất vọng cũng tích tụ trong chúng ta. Tại sao có quá nhiều sự thờ ơ đối với Thiên Chúa? Điều này đáng lưu ý: Tại sao có quá nhiều điều ác trên thế giới? Đúng, hãy nhìn xem, quả có cái ác trên thế giới! Tại sao bất bình đẳng tiếp tục gia tăng và tại sao nền hòa bình được chờ đợi từ lâu không đến? Tại sao chúng ta quá gắn bó với chiến tranh, đối xử tệ bạc với nhau? Trong lòng mỗi người, bao kỳ vọng đã phai mờ; biết bao nhiêu ảo tưởng! Và một lần nữa, người ta có cảm giác rằng thời đã qua tốt hơn và rằng trên thế giới, có lẽ ngay cả trong Giáo hội, mọi sự không diễn ra như chúng ta từng nghĩ ra... Nói tóm lại, ngay cả ngày nay, đôi khi hy vọng dường như bị phong tỏa đằng sau tảng đá ngò vực. Và tôi mời mỗi người trong anh chị em suy nghĩ: Hy vọng của anh chị em ở đâu? Hy vọng của anh chị em còn sống không, hay anh chị em đã niêm phong nó ở đó, hay anh chị em cất nó vào ngăn kéo, như một ký ức? Hy vọng của anh chị em có đẩy anh chị em bước đi hay nó chỉ là một ký ức lãng mạn, như thể nó là thứ không hiện hữu. Hy vọng của anh chị em hôm nay ở đâu?

Một hình ảnh vẫn khắc sâu trong tâm trí các môn đệ: *thập giá*. Đó là nơi mà mọi sự đã kết thúc, đó là nơi sự kết thúc mọi sự được chú tâm. Nhưng trong một thời gian ngắn, họ sẽ khám phá ra một khởi đầu mới ngay tại đó, trên thập giá. Anh chị em thân mến, đây là cách niềm hy vọng của Thiên Chúa nảy mầm. Nó được sinh ra và tái sinh trong hồ đen của những kỳ vọng không thành của chúng ta - và thay vào đó, hy vọng, hy vọng thực sự, không bao giờ gây thất vọng. Chúng ta hãy nghĩ tới chính thập giá: từ công cụ tra tấn khủng khiếp nhất, Thiên Chúa đã thực hiện dấu chỉ tình yêu vĩ đại nhất của Người. Trở thành cây sự sống, cây sự chết đó nhắc nhở chúng ta rằng sự khởi đầu của Thiên Chúa thường bắt đầu từ sự kết thúc của chúng ta. Như thế, Người thích làm điều kỳ diệu. Vì vậy, hôm nay *chúng ta hãy nhìn lên cây thánh giá để đức cậy có thể nảy mầm trong chúng ta* – nhân đức hàng ngày đó, nhân đức thầm lặng, khiêm tốn, nhưng cũng là nhân đức giúp chúng ta đứng vững, giúp chúng ta tiến bước. Không thể sống mà không có hy vọng. Chúng ta hãy suy nghĩ: Hy vọng của tôi ở đâu? Hôm nay *chúng ta hãy nhìn lên cây thánh giá để niềm hy vọng được nảy mầm trong chúng ta*... để chúng ta được chữa lành những u buồn. Và có bao nhiêu người buồn. Trước đây tôi có thể ra đường, bây giờ tôi không thể làm điều đó vì họ không cho phép tôi, nhưng khi tôi có thể ra đường ở giáo phận khác, tôi hay thích nhìn vào khuôn mặt của người ta. Bao nhiêu khuôn mặt buồn! Người buồn, người nói chuyện một mình, người đi một mình với chiếc điện thoại di động, nhưng không có bình yên, không có hy vọng. Và đâu là hy vọng của anh chị em hôm nay? Phải có một chút hy vọng, phải không? được chữa lành khỏi nỗi buồn làm chúng ta phát bệnh - có quá nhiều nỗi buồn - được chữa lành khỏi sự cay đắng mà với chúng

chúng ta làm ô nhiễm Giáo hội và thế giới. Anh chị em thân mến, chúng ta hãy nhìn lên cây thánh giá. Và chúng ta thấy gì? Chúng ta thấy *Chúa Giêsu trần truồng, Chúa Giêsu bị lột trần, Chúa Giêsu bị thương tích, Chúa Giêsu bị hành hạ*. Có phải nó là kết thúc của tất cả mọi sự không? Đó là nơi chúng ta hy vọng.

Trong hai khía cạnh này, chúng ta hãy hiểu rõ hy vọng, dường như đã chết, được tái sinh ra sao. Trước hết, chúng ta hãy xem Chúa Giêsu bị lột áo. Thật vậy, “Sau khi đóng đinh Người vào thập giá, họ bắt thăm chia áo của Người cho nhau” (c. 35). Thiên Chúa bị lột áo – Đấng có mọi sự đã để cho chính Người bị tước bỏ mọi thứ. Nhưng sự si nhục đó là con đường cứu chuộc của chúng ta. Đây là cách Thiên Chúa vượt qua về bề ngoài của chúng ta. Thật vậy, chúng ta thấy khó để trần mình, để thành thật. Chúng ta luôn cố gắng che đậy sự thật vì chúng ta không thích nó. Chúng ta khoác lên mình về bề ngoài mà chúng ta tìm kiếm và chăm sóc cẩn thận, đeo mặt nạ để nguy trang và tỏ ra tốt hơn chúng ta. Điều này hơi giống với thái độ “trang điểm”: trang điểm bên trong, để có vẻ tốt hơn những người khác.... Chúng ta nghĩ điều quan trọng là phải tỏ ra ta đây, xuất hiện như thế này để người khác nói tốt về chúng ta. Và chúng ta tô điểm cho mình bằng vẻ bề ngoài, chúng ta tô điểm cho mình bằng vẻ bề ngoài, bằng những thứ không cần thiết. Nhưng chúng ta không tìm thấy hòa bình theo cách này. Sau đó, lớp trang điểm biến mất và bạn nhìn mình trong gương với khuôn mặt xấu xí, nhưng chân thật, mà bạn có - khuôn mặt mà Thiên Chúa yêu thương - không phải khuôn mặt trang điểm. Và khi bị tước bỏ mọi sự, Chúa Giêsu nhắc nhở chúng ta rằng niềm hy vọng được tái sinh bằng cách trung thực với chính mình - nói với chính mình sự thật - bằng cách từ bỏ tính hai mặt, bằng cách giải thoát chúng ta khỏi việc chung sống hòa bình với sự giả dối của chúng ta. Đôi khi, chúng ta quen nói dối với chính mình đến nỗi chúng ta sống với những lời nói dối như thể chúng là sự thật, và cuối cùng chúng ta bị đầu độc bởi sự giả dối của chính mình. Đây là điều cần thiết: trở về với trái tim, với những điều thiết yếu, với một cuộc sống đơn giản, tước bỏ quá nhiều những thứ vô dụng thay thế cho hy vọng. Ngày nay, khi mọi sự đều phức tạp và chúng ta có nguy cơ đánh mất ý nghĩa, chúng ta cần sự đơn giản, chúng ta cần khám phá lại giá trị của sự điều độ, giá trị của sự từ bỏ, để gột rửa những gì đang làm ô nhiễm các tâm hồn chúng ta và làm chúng buồn phiền. Mỗi người chúng ta có thể nghĩ ra một điều gì đó vô ích mà chúng ta có thể giải thoát khỏi để tìm lại chính mình. Hãy nghĩ xem có biết bao chuyện vô ích. Ở đây, mười lăm ngày trước tại Santa Marta, nơi tôi sống - đó là một khách sạn dành cho rất nhiều người - có ý kiến lan truyền rằng trong Tuần Thánh này, thật tốt lành nếu chúng ta lục tủ quần áo của mình và vứt bỏ để cho đi những thứ chúng tôi có nhưng không sử dụng. Anh chị em không thể tưởng tượng được số lượng của những thứ ấy! Thật tốt lành khi loại bỏ những thứ vô dụng. Và những thứ này cho người nghèo, những người thiếu thốn. Chúng ta cũng vậy, trong lòng chúng ta có biết bao nhiêu thứ vô dụng - và cả bên ngoài nữa. Nhìn vào tủ quần áo của anh chị em đi: nhìn vào chúng. Cái này hữu ích, cái này vô dụng... và làm sạch chỗ đó đi. Nhìn vào tủ tâm hồn của anh chị em - anh chị em cười, phải không? Đó là sự thật, đó là sự thật. Hãy nhìn vào ngăn tủ của tâm hồn anh chị em — anh chị em có biết bao nhiêu thứ vô dụng, bao nhiêu ảo tưởng ngu xuẩn. Chúng ta hãy trở về với sự đơn giản, với những điều chân thật, không cần bịa đặt. Thật là một thao tác tốt!

Chúng ta hãy hướng cái nhìn thứ hai lên Thánh Giá, và chúng ta thấy *Chúa Giêsu bị thương*. Cây thánh giá cho thấy những chiếc đinh đâm vào tay và chân, cạnh sườn Người. Nhưng những vết thương trong cơ thể Người được thêm vào những vết thương trong tâm hồn Người. Đau khổ biết bao, Chúa Giêsu cô đơn, bị phản bội, bị trao nộp và bị chính bạn hữu và ngay cả các môn đệ của Người chối bỏ, bị thâm quyền tôn giáo và dân sự kết án, tuyệt thông, Chúa Giêsu còn cảm thấy bị Thiên Chúa bỏ rơi (x. c. 46). Ngoài ra, lý do kết án Người xuất hiện trên thập giá: “Đây là Giêsu, Vua dân Do Thái” (c. 37). Đây là một sự nhạo báng: Người đã chạy trốn khi họ muốn phong Người làm vua (x. Ga 6:15), giờ đây bị kết án vì đã tự phong

mình làm vua. Mặc dù Người không phạm tội gì, nhưng Người bị đặt giữa hai tên tội phạm, và họ thích tên Baraba hung bạo hơn Người (x. Mt 27:15-21). Cuối cùng, Chúa Giêsu bị thương tích trong thể xác và trong linh hồn. Tôi tự hỏi: Điều này giúp gì cho niềm hy vọng của chúng ta? Bằng cách này, Chúa Giêsu, trần trụi, bị tước bỏ mọi sự, đúng là mọi sự, nói gì với niềm hy vọng của tôi, điều này có thể giúp ích gì cho tôi?

Chúng ta cũng bị thương – ai mà không bị thương ở trong đời? Và chúng thường là những vết thương thâm kín mà chúng ta che giấu vì xấu hổ. Ai mà không mang vết sẹo của những lựa chọn trong quá khứ, của những hiểu lầm, của những nỗi buồn chất chứa trong lòng và khó vượt qua? Nhưng còn phải gánh chịu những oan trái, những lời lẽ đanh thép, những bản án không khoan nhượng? Thiên Chúa không che giấu những vết thương xuyên thấu thân xác và tâm hồn Người, khỏi mắt chúng ta. Người cho thấy chúng để chúng ta có thể thấy rằng một lối đi mới có thể được mở ra với lễ Phục sinh: tạo ra những *lỗ ánh sáng* từ những vết thương của chính chúng ta. “Nhưng, thưa Đức Thánh Cha, Người đang phóng đại,” ai đó có thể nói với tôi như thế. Không, đó là sự thật. Thử đi, thử đi. Thử làm đi. Hãy nghĩ tới những vết thương của anh chị em, những vết thương mà chỉ một mình anh chị em biết, mà mọi người đều giấu kín trong tim. Và hãy nhìn vào Chúa và anh chị em sẽ thấy, anh chị em sẽ thấy những lỗ ánh sáng thoát ra từ những vết thương đó ra sao. Chúa Giêsu không kết tội trên thập giá, nhưng yêu thương. Người yêu thương và tha thứ cho những ai làm tổn thương Người (x. Lc 23:34). Vì vậy, Người chuyển đổi điều ác thành điều tốt; do đó, Người chuyển đổi và biến đổi nỗi buồn thành tình yêu.

Anh chị em thân mến, vấn đề không phải là chúng ta bị thương ít hay nhiều trong đời, mà là phải làm gì với những vết thương của tôi – vết thương nhỏ, vết thương lớn, vết thương để lại dấu vết vĩnh viễn trên cơ thể tôi, trên Linh hồn tôi. Tôi có thể làm gì với vết thương của mình? Anh chị em, Anh chị em, Anh chị em, Anh chị em có thể làm gì với vết thương của mình? “Không, thưa cha, con không có vết thương nào cả” - “Hãy cẩn thận, suy nghĩ kỹ trước khi nói điều này”. Và tôi hỏi anh chị em: anh chị em sẽ làm gì với những vết thương của mình, với những vết thương mà chỉ anh chị em biết? Anh chị em có thể cho phép chúng lây nhiễm cho anh chị em sự oán giận và buồn bã, hoặc thay vào đó, tôi có thể kết hợp chúng với những vết thương của Chúa Giêsu, để vết thương của tôi có thể trở nên sáng láng. Hãy nghĩ tới việc biết bao nhiêu người trẻ, biết bao nhiêu người trẻ không khoan thứ cho các vết thương của họ và tìm kiếm một con đường cứu rỗi trong tự sát. Ngày nay, ở các thành phố của chúng ta, rất nhiều người trẻ không còn lối thoát, họ không có hy vọng, và thích sử dụng ma túy để đạt được khoái cảm, quên đi...những người ội nghiệp. Hãy nghĩ tới điều đó. Còn anh chị em, loại thuốc anh chị em dùng để che giấu vết thương của mình là gì? Vết thương của chúng ta có thể trở thành suối nguồn hy vọng khi, thay vì cảm thấy tiếc cho bản thân hoặc che giấu chúng, chúng ta lau khô những giọt nước mắt của người khác; khi, thay vì nuôi dưỡng oán hận vì những gì đã bị cướp mất của chúng ta, chúng ta quan tâm đến những gì người khác đang thiếu; khi thay vì nương tựa vào chính mình, chúng ta cúi xuống trước những người đau khổ; khi, thay vì khát tình yêu, chúng ta làm dịu cơn khát của những người đang cần chúng ta. Vì chỉ khi nào chúng ta thôi nghĩ về chính mình, chúng ta mới tìm lại được chính mình. Nhưng nếu chúng ta tiếp tục nghĩ về mình, chúng ta sẽ không tìm thấy chính mình nữa. Và Kinh thánh nói rằng chính nhờ làm điều này mà vết thương của chúng ta được chữa lành nhanh chóng (x. Is 58:8), và niềm hy vọng lại nảy nở. Hãy nghĩ về điều này: Tôi có thể làm gì cho người khác? Tôi bị thương. Tôi bị tổn thương bởi tội lỗi, tôi bị tổn thương bởi quá khứ của mình, ai cũng có vết thương của riêng mình. Tôi có thể làm gì? Liếm vết thương của tôi cho đến hết đời? Hay tôi có thể nhìn vào những vết thương của người khác và dùng kinh nghiệm thương tích của đời mình để chữa lành, để giúp đỡ người khác? Đây là

thách thức ngày hôm nay cho tất cả anh chị em, cho mỗi anh chị em, cho mỗi người chúng ta. Xin Chúa giúp chúng ta tiến bước.

Chương Mười Hai: Niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, chứng tá Thánh Phaolô 2 (ngày 12/04/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hai tuần trước, sau khi đã thấy lòng nhiệt thành bản thân của Thánh Phaolô đối với Tin Mừng, giờ đây chúng ta có thể suy tư sâu sắc hơn về lòng nhiệt thành Tin Mừng như chính Người nói về nó và mô tả nó trong một số bức thư của Người.

Nhờ kinh nghiệm bản thân, Thánh Phaolô không phải là không ý thức được mỗi nguy hiểm của lòng sốt sắng méo mó, đi sai hướng. Chính Người đã rơi vào mỗi nguy hiểm này trước cuộc ngã ngựa đầy tính quan phòng trên đường đi Đamascô. Đôi khi chúng ta phải đối phó với lòng nhiệt thành sai hướng, ngoan cố chỉ trí tuân giữ những chuẩn mực hoàn toàn của con người và lỗi thời đối với cộng đoàn Kitô hữu. Thánh Tông đồ viết: “Họ nhiệt thành với anh em không phải vì mục đích tốt” (Gl 4:17). Chúng ta không thể bỏ qua mỗi quan tâm lo lắng mà với nó, một số người cống hiến hết mình cho những mục tiêu sai trái ngay cả trong chính cộng đồng Kitô giáo; người ta có thể khoe khoang về lòng nhiệt thành truyền giáo giả tạo trong khi thực sự theo đuổi hư vinh hoặc các xác tín của chính mình hoặc một chút tự ái.

Vì lý do này, chúng ta tự hỏi, theo Thánh Phaolô, những đặc điểm của lòng nhiệt thành truyền giáo thực sự là gì? Bản văn mà chúng ta đã nghe ở lúc đầu có vẻ hữu ích cho việc này, một danh sách các “vũ khí” mà Vị Tông Đồ chỉ ra cho trận chiến thiêng liêng. Trong số này có *sự sẵn sàng truyền bá Tin Mừng*, được một số người dịch là “sốt sắng” – người này nhiệt tình trong việc thực hiện những ý tưởng này, những điều này – và được nhắc đến như một “chiếc giày”. Tại sao? Lòng nhiệt thành đối với Tin Mừng liên quan thế nào đến những gì bạn mang ở chân? Ấn dụ này lấy từ một đoạn văn của tiên tri Isaia, người đã nói như sau: “Đẹp thay, trên đồi núi, bước chân người loan báo tin mừng, công bố bình an, người loan tin hạnh phúc, công bố ơn cứu độ, và nói với Xion rằng: ‘Thiên Chúa người là Vua hiển trị’” (52:7).

Ở đây cũng vậy, chúng ta thấy nói đến bàn chân của người loan báo Tin mừng. Tại sao? Bởi vì người đi rao giảng phải di chuyển, phải bước đi! Nhưng chúng ta cũng lưu ý rằng trong bản văn này, Thánh Phaolô nói về giày dép như một phần của bộ áo giáp, giống như trang bị của một người lính khi ra trận: trong chiến đấu, điều cần thiết là phải có chỗ đứng vững chắc để tránh các cạm bẫy của địa hình – bởi vì kẻ thù thường rải đầy cạm bẫy trên chiến trường – và để có sức mạnh chạy và di chuyển đúng hướng. Vì vậy, giày là để chạy và để tránh tất cả những thứ này của kẻ thù.

Lòng nhiệt thành truyền giáo là chỗ dựa trên đó việc loan báo đặt cơ sở, và những người loan báo phần nào giống như đôi chân của thân thể Chúa Kitô là Giáo hội. Không có lời tuyên bố nếu không có chuyển động, không có sự “đi ra ngoài”, không có sáng kiến. Điều này có nghĩa là sẽ không có Kitô hữu nào nếu không di chuyển; không có Kitô hữu nào nếu Kitô hữu không ra khỏi chính mình để lên đường và mang theo lời công bố. Không có công bố nào nếu

không có chuyển động, không có bước đi. Người ta không đứng yên loan báo Tin Mừng, nhốt mình trong một văn phòng, tại bàn làm việc hay máy tính của mình, tranh luận như những “anh hùng bàn phím” [keyboard warriors] và thay thế tính sáng tạo của việc công bố bằng những ý tưởng sao và dán lấy từ chỗ này chỗ kia. Tin Mừng được loan báo bằng cách đi chuyển, bằng cách bước đi, bằng cách đi.

Thuật ngữ được Thánh Phaolô sử dụng để chỉ giày dép của những người mang Tin Mừng là một từ Hy Lạp có nghĩa là sẵn sàng, chuẩn bị, sốt sắng. Nó trái ngược với sự cầu thả, không tương ứng với tình yêu. Thật vậy, ở chỗ khác, thánh Phaolô nói: “nhiệt thành, không trễ nải; lấy tinh thần sốt sắng mà phục vụ Chúa” (Rm 12:11). Thái độ này là thái độ bắt buộc trong Sách Xuất Hành để cử hành hy tế giải thoát trong Lễ Vượt Qua: “Các ngươi sẽ ăn lễ này theo cách này: lưng thắt lưng, chân mang dép, tay cầm gậy; và các ngươi sẽ ăn nó trong vội vàng. Đó là Lễ Vượt Qua của Chúa. Vì Ta sẽ đi ngang qua xứ Ai Cập đêm đó” (12:11-12a).

Sứ giả sẵn sàng ra đi, và biết rằng Chúa đi ngang qua cách lạ lùng. Do đó, họ phải thoát khỏi những đồ án và chuẩn bị cho một hành động mới và bất ngờ: chuẩn bị cho những điều bất ngờ. Người loan báo Tin Mừng không thể bị hóa đá trong những cái cũ của sự hợp lý hay ý tưởng cho rằng “mọi việc vẫn luôn được thực hiện theo cách này,” nhưng sẵn sàng đi theo một sự khôn ngoan không thuộc về thế gian này, như Thánh Phaolô đã nói khi nói về chính mình: “Lời nói và sứ điệp của tôi không phải hệ ở những lời lẽ khôn ngoan hợp lý, nhưng ở việc biểu dương Thần Khí và quyền năng, để đức tin của anh em không hệ tại ở sự khôn ngoan của loài người, nhưng ở ở quyền năng của Thiên Chúa” (1 Cr 2:4-5).

Đây là lý do tại sao, thưa anh chị em, điều quan trọng là phải có sự sẵn sàng cho sự mới mẻ của Tin Mừng, thái độ này bao gồm cả đầy, có sáng kiến, đi trước. Nó có nghĩa là không bỏ qua những cơ hội loan báo Tin Mừng hòa bình, thứ hòa bình mà Chúa Kitô biết trao ban nhiều hơn và tốt hơn thế gian ban tặng.

Và vì lý do này, tôi khuyên anh chị em trở thành những người loan báo Tin Mừng biết tiến bước, không chút sợ hãi, tiên bước để mang vẻ đẹp của Chúa Giêsu, mang sự mới mẻ của Chúa Giêsu, Đấng thay đổi mọi sự. “Vâng, thưa Cha, Người thay đổi lịch, bởi vì nay chúng ta tính các năm bắt đầu từ Chúa Giêsu...” Nhưng có phải Người cũng thay đổi tâm lòng không? Và anh chị em có sẵn sàng để Chúa Giêsu thay đổi tâm lòng của anh chị em không? Hay anh chị em là một Kitô hữu hậm hạp, người không di chuyển? Hãy suy nghĩ về điều đó: anh chị em có phải là người nhiệt thành với Chúa Giêsu không, anh chị em có đang tiến tới không? Hãy suy nghĩ về điều đó một chút.

Chương Mười Ba: Niềm đam mê truyền giáo: Nhân chứng, các vị tử đạo (ngày 19/04/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau khi... nói về việc loan báo Tin Mừng và nói về lòng nhiệt thành tông đồ, sau khi xem xét chứng tá của Thánh Phaolô, “nhà quán quân” đích thực của lòng nhiệt thành tông đồ, hôm nay chúng ta sẽ hướng sự chú ý của chúng ta không phải đến một nhân vật đơn nhất, mà là hàng loạt *các vị tử đạo*, nam nữ, thuộc mọi thời đại, ngôn ngữ và quốc gia, những người đã hy sinh mạng sống vì Chúa Kitô, những người đã đổ máu để tuyên xưng Chúa Kitô. Sau thế

hệ của các Tông đồ, các vị là những “nhân chứng” tinh túy của Tin Mừng. Các vị tử đạo: đầu tiên là phó tế Stêphanô, bị ném đá chết bên ngoài tường thành Giêrusalem. Chữ “tử vì đạo” có nguồn gốc từ chữ Hy Lạp “*martyria*”, thực ra có nghĩa là *chứng nhân*. Nghĩa là, tử đạo là chứng nhân, người làm chứng đến chỗ đổ máu. Tuy nhiên, rất nhanh trong Giáo hội, chữ tử đạo bắt đầu được dùng để chỉ những người làm chứng đến chỗ đổ máu [1]. Nghĩa là, một vị tử đạo có thể là một người làm chứng hàng ngày. Nhưng sau đó nó được sử dụng để chỉ người hiến máu mình, người hiến cuộc sống mình.

Tuy nhiên, các vị tử đạo không được coi như những “anh hùng” hành động cá nhân, như những bông hoa nở trong sa mạc, nhưng như hoa trái chín mọng và tuyệt vời trong vườn nho của Chúa, nghĩa là Giáo hội. Đặc biệt, các Kitô hữu, nhờ sốt sắng tham dự việc cử hành Thánh Thể, đã được Chúa Thánh Thần hướng dẫn đặt cuộc sống của họ trên cơ sở mẫu nhiệm tình yêu đó: nghĩa là, trên sự kiện Chúa Giêsu *đã hiến mạng sống mình vì họ*, và do đó cả họ nữa cũng có thể và nên *hiến mạng sống của họ cho Người và cho anh chị em của họ*. Một sự quảng đại tuyệt vời, cuộc hành trình chứng nhân Kitô giáo. Thánh Augustinô thường nhấn mạnh động lực này của lòng biết ơn và sự đền đáp cho đi nhưng không. Chẳng hạn, đây là những gì Người đã giảng vào ngày lễ Thánh Lôrensô: Thánh Augustinô nói, trong Giáo Hội Rôma đó, “Người đã thi hành chức vụ phó tế; chính tại đó, Người đã ban chén thánh chứa máu Chúa Kitô; ở đó, Người đã đổ máu của mình ra vì danh Chúa Kitô. Tông đồ diễm phúc Gioan đã giải thích rõ ràng về mẫu nhiệm bữa tiệc ly của Chúa khi Người nói: 'Nhu Đức Kitô đã hiến mạng sống Người cho chúng ta, thì chúng ta cũng phải hiến mạng sống cho anh em mình' (1 Ga 3:16). Thừa anh em, Thánh Lôrensô hiểu điều này, và Người đã làm điều này; và chắc chắn Người đã chuẩn bị những thứ tương tự như những thứ Người đã nhận được tại chiếc bàn đó. Người yêu Chúa Kitô trong cuộc sống của mình, Người bắt chước Người trong cái chết của Người” (*Các Bài Giảng* 304, 14; PL 38, 1395-1397). Bằng cách này, Thánh Augustinô đã giải thích động lực thiêng liêng đã truyền cảm hứng cho các vị tử đạo. Với những lời này: các vị tử đạo yêu mến Chúa Kitô trong cuộc sống của mình và bắt chước Người trong cái chết của mình.

Anh chị em thân mến, hôm nay, chúng ta hãy nhớ đến tất cả các vị tử đạo đã đồng hành với đời sống của Giáo hội. Như tôi đã nói nhiều lần trước đây, *các Người nhiều hơn trong thời đại của chúng ta so với những thế kỷ đầu tiên*. Ngày nay có nhiều vị tử đạo trong Giáo hội, nhiều người trong số họ, vì tuyên xưng đức tin Kitô giáo mà bị trục xuất khỏi xã hội hoặc kết cục phải ngồi tù... có rất nhiều. Công đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta rằng “Giáo hội coi việc tử đạo”, người môn đệ này, “như một hồng phúc phi thường và như bằng chứng đầy đủ nhất của tình yêu. Nhờ tử đạo, người môn đệ được biến đổi nên hình ảnh của Thầy mình bằng cách tự nguyện chấp nhận cái chết để cứu độ thế giới – cũng như việc trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô trong việc đổ máu của Người” (*Hiến Chế Tín Lý Lumen Gentium*, 42). Các vị tử đạo, noi gương Chúa Kitô và với ân sủng của Người, biến bạo lực của những người bác bỏ lời loan báo thành một cơ hội tuyệt vời của tình yêu, cao cả, đi xa đến mức tha thứ cho những kẻ hành hạ chính mình. Điều này thật đáng lưu ý: các vị tử đạo luôn tha thứ cho những kẻ hành hạ các Người. Stêphanô, vị tử đạo đầu tiên, đã chết khi cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin tha cho họ, họ không biết việc họ làm”. Các vị tử đạo cầu nguyện cho những kẻ hành hạ mình.

Mặc dù chỉ một số ít người được yêu cầu tử đạo, “tuy nhiên, tất cả phải sẵn sàng để tuyên xưng Chúa Kitô trước mặt người ta. Họ phải sẵn sàng để tuyên xưng đức tin ngay cả giữa những cuộc bách hại, là điều không bao giờ thiếu đối với Giáo hội, khi đi theo con đường thập giá” (*ibid.*, 42). Nhưng, những cuộc bách hại này có phải là một điều chỉ thuộc thời đó mà thôi không? Không, không: hôm nay. Ngày nay, có rất nhiều cuộc bách hại các Kitô hữu

trên khắp thế giới. Ngày nay có nhiều người tử vì đạo hơn những thời đầu tiên. Nhiều. Các vị tử đạo cho chúng ta thấy rằng mọi Kitô hữu đều được kêu gọi làm chứng nhân bằng đời sống, ngay cả khi điều này không đi đến mức đổ máu, hiến thân cho Thiên Chúa và cho anh em mình, noi gương Chúa Giêsu.

Và tôi muốn kết thúc bằng cách nhắc lại chứng tá Kitô giáo hiện diện ở mọi nơi trên thế giới. Chẳng hạn, tôi nghĩ đến Yemen, một vùng đất đã nhiều năm bị ảnh hưởng bởi một cuộc chiến khủng khiếp, bị lãng quên, gây ra nhiều cái chết. và vẫn còn khiến nhiều người, đặc biệt là trẻ em, đau khổ cho đến tận ngày nay. Trên chính mảnh đất này đã có những chứng nhân đức tin sáng chói, chẳng hạn như các Nữ tu Thừa sai Bác ái, những người đã hy sinh mạng sống của mình ở đó. Ngày nay họ vẫn còn hiện diện ở Yemen, nơi họ giúp đỡ người già ốm yếu và người khuyết tật. Một số người trong số họ đã chịu tử vì đạo, nhưng những người khác vẫn tiếp tục, mạo hiểm mạng sống của họ, nhưng họ vẫn tiếp tục. Các nữ tu này chào đón tất cả mọi người, thuộc bất cứ tôn giáo nào, vì bác ái và tình huynh đệ không có ranh giới. Tháng 7 năm 1998, Sơ Aletta, Sơ Zelia và Sơ Michael, trong khi trở về nhà sau Thánh Lễ, đã bị giết bởi một kẻ cuồng tín, vì các sơ là Kitô hữu. Gần đây hơn, ngay sau khi bắt đầu cuộc xung đột vẫn đang tiếp diễn, vào tháng 3 năm 2016, Sơ Anselm, Sơ Marguerite, Sơ Reginette và Sơ Judith đã bị giết cùng với một số giáo dân, những người đã giúp đỡ các sơ trong công việc bác ái giữa những người bé nhỏ nhất. Các sơ là những vị tử đạo của thời đại chúng ta. Giữa những giáo dân bị giết này, cũng như các Kitô hữu, có một số tín hữu Hội giáo làm việc với các nữ tu. Điều này thúc đẩy chúng ta thấy việc làm chứng bằng máu có thể liên đới những người thuộc các tôn giáo khác nhau ra sao. Người ta không bao giờ được giết người nhân danh Thiên Chúa, vì đối với Người, tất cả chúng ta đều là anh chị em. Nhưng cùng với nhau, người ta có thể hiến mạng sống của mình cho người khác.

Vậy chúng ta hãy cầu nguyện để chúng ta không bao giờ mệt mỏi trong việc làm chứng cho Tin Mừng, ngay cả trong những lúc gian truân. Xin cho tất cả các thánh tử đạo trở thành hạt giống hòa bình và hòa giải giữa các dân tộc, cho một thế giới nhân bản và huynh đệ hơn, khi chúng ta chờ đợi Nước Trời biểu hiện trọn vẹn, khi Thiên Chúa là tất cả trong mọi người (x. *1Cr* 15:28). Cảm ơn anh chị em.

[1] Origen, *In Johannem*, II, 210: “Giờ đây, tất cả những ai làm chứng cho sự thật, dù ủng hộ nó bằng lời nói hay việc làm, hoặc bằng bất cứ cách nào, đều có thể được gọi một cách thích đáng là chứng nhân (*tử vì đạo*); nhưng nó đã trở thành thông lệ của tình anh em, vì họ được sự ngưỡng mộ như những người đã chiến đấu đến chết vì chân lý và lòng dũng cảm, để giữ danh hiệu tử đạo đúng đắn hơn cho những người đã làm chứng cho màu nhiệm Thiên Chúa bằng cách đổ máu vì nó.”

Chương Mười Bốn: Niềm đam mê truyền giáo, chứng tá của đời sống đơn tu (ngày 26/04/2023)

Anh chị em thân mến, xin chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tiếp tục các bài giáo lý về các chứng nhân của lòng nhiệt thành tông đồ. Chúng ta bắt đầu với Thánh Phaolô và lần vừa rồi chúng ta xem xét các vị tử đạo, những người loan báo Chúa Giêsu bằng chính cuộc sống của họ, thậm chí hiến mạng sống của họ cho Người và cho Tin Mừng. Nhưng còn có một chứng tử vĩ đại khác xuyên suốt lịch sử đức tin: đó là

chúng từ của *các nữ đan sĩ và nam đan sĩ*, của các anh chị em từ bỏ chính mình, từ bỏ thế gian để noi gương Chúa Giêsu trên con đường khó nghèo, khiết tịnh, vâng lời và chuyển cầu cho mọi người. Cuộc sống của họ tự nói lên tất cả, nhưng chúng ta có thể tự hỏi làm thế nào những người sống trong các đan viện có thể đóng góp vào việc loan báo Tin Mừng? Há họ chẳng sẽ làm tốt hơn khi dồn năng lực của mình vào việc phục vụ việc truyền giáo hay sao? Bằng cách rời khỏi đan viện và rao giảng Tin Mừng bên ngoài đan viện? Trên thực tế, các nam đan sĩ là trái tim đang đập của lời loan báo: lời cầu nguyện của họ là dưỡng khí cho tất cả các chi thể của Nhiệm Thể Chúa Kitô, lời cầu nguyện của họ là sức mạnh vô hình nâng đỡ việc truyền giáo. Không phải ngẫu nhiên mà bốn mạng của các xứ truyền giáo là một nữ đan sĩ, Thánh Têrêsa Hải Đông Giêsu. Hãy cùng nghe bà khám phá ơn gọi của mình như thế nào, bà đã viết như sau: “Tôi hiểu rằng Giáo hội có một trái tim, một trái tim bùng cháy tình yêu. Tôi hiểu rằng chỉ có tình yêu mới thúc đẩy các phần tử của Giáo hội hành động và nếu tình yêu này bị dập tắt, các tông đồ sẽ không còn loan báo Tin Mừng, các vị tử đạo sẽ không còn đổ máu. Tôi hiểu và biết rằng tình yêu bao trùm trong nó mọi ơn gọi [...]. Rồi, với niềm hân hoan vô bờ bến và tâm hồn ngây ngất, tôi kêu lên: Lạy Chúa Giêsu, tình yêu của con, cuối cùng con đã tìm được ơn gọi của mình. Ơn gọi của con là tình yêu. [...] Giữa lòng Giáo hội, mẹ con, con sẽ là tình yêu” (*Bản thảo tự thuật "B"*, ngày 8 tháng 9 năm 1896). Những người chiêm niệm, các nam đan sĩ, các nữ đan sĩ: những người cầu nguyện, làm việc, cầu nguyện trong yên lặng cho toàn thể Giáo hội, và đó là tình yêu: đó là tình yêu tự phát biểu trong cầu nguyện cho Giáo hội, bằng cách làm việc cho Giáo hội, trong các đan viện.

Tình yêu dành cho tất cả mọi người này làm sống động đời sống của các đan sĩ và tự diễn dịch thành lời cầu bầu của họ. Về phương diện này, tôi muốn kể cho anh chị em một gương mẫu là Thánh Grêgôriô thành Naréc, Tiên Sĩ Hội Thánh. Người là một đan sĩ người Ácmênia, sống vào khoảng năm 1000, và là người đã để lại cho chúng ta một cuốn sách cầu nguyện trong đó phát biểu đức tin của dân tộc Ácmênia, những người đầu tiên đón nhận Kitô giáo, một dân tộc, trong khi trung thành với thập giá Chúa Kitô, đã phải chịu đau khổ rất nhiều trong suốt lịch sử. Và Thánh Grêgôriô đã dành gần như cả cuộc đời của mình trong đan viện Naréc. Chính tại đó, Người đã học cách nhìn vào sâu thẳm tâm hồn con người và bằng cách kết hợp thi ca và cầu nguyện với nhau, Người đã đánh dấu đỉnh cao của văn học và tâm linh của Ácmênia. Điều nổi bật nhất về Người là *tính liên đới phổ quát* mà Người là người giải thích. Và giữa các đan sĩ có một tính liên đới phổ quát: mọi thứ xảy ra trên thế giới đều tìm thấy một vị trí trong trái tim của họ và họ cầu nguyện. Trái tim của các đan sĩ nam nữ là một trái tim thu nhận, giống như một chiếc ăngten, những gì đang xảy ra trên thế giới và cầu nguyện và can thiệp cho nó. Nhờ đó họ sống kết hiệp với Chúa và với mọi người. Và Thánh Grêgôriô thành Naréc viết: “Tôi đã tự nguyện gánh lấy mọi lỗi lầm, từ lỗi lầm của người cha đầu tiên cho đến lỗi lầm của những hậu duệ cuối cùng của Người”. (*Sách Ai Ca*, 72). Và giống như Chúa Giêsu đã làm, các đan sĩ đón nhận những vấn đề của thế giới, những khó khăn, bệnh tật, rất nhiều thứ, và cầu nguyện cho người khác. Và họ là những nhà truyền giảng Tin Mừng vĩ đại. Làm thế nào có việc các đan viện sống khép kín mà lại truyền giáo? Bởi vì qua lời nói, gương sáng, lời chuyển cầu và công việc hàng ngày, các các nam đan sĩ là nhịp cầu chuyển cầu cho mọi người và cho tội lỗi. Họ cũng khóc hết nước mắt, họ khóc cho tội lỗi của chính họ - tất cả chúng ta đều là người có tội - và họ cũng khóc cho tội lỗi của thế giới, và họ cầu nguyện và chuyển cầu bằng đôi tay và trái tim của họ hướng về thiên đàng. Chúng ta hãy nghĩ một chút về “kho dự trữ” này - nếu tôi có thể nói như vậy - mà chúng ta vốn có trong Giáo hội: họ là sức mạnh thực sự, sức mạnh thực sự làm cho dân Chúa tiến lên, và đó là nguồn gốc của thói quen nói mà người ta - dân Chúa - có khi gặp một người thánh hiến: “Xin cầu cho tôi, xin cầu cho tôi”, vì anh chị em biết có lời cầu nguyện cầu bầu. Điều tốt lành cho chúng ta là đến thăm một đan viện - nếu có thể -, bởi vì người ta cầu nguyện và làm việc ở đó. Mỗi người đều có quy tắc riêng của mình, nhưng đôi tay luôn bận rộn ở đó: bận rộn với

công việc, bận rộn với việc cầu nguyện. Xin Chúa ban cho chúng con những đan viện mới, xin Chúa ban cho chúng con các nam đan sĩ và các nữ đan sĩ biết thăng tiến Giáo hội nhờ sự can thiệp của họ. Xin cảm ơn anh chị em

Chương Mười Lăm: chuyến tông du Hung Gia Lợi (ngày 03/05/2023)

Theo tin Tòa Thánh, thứ tư, 3 tháng 5 năm 2023, nhân buổi tiếp kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, Đức Phanxicô đã nói về chuyến tông du Hung Gia Lợi của ngài. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh phổ biến:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Ba ngày trước, tôi đã trở về từ chuyến đi Hung Gia Lợi. Tôi muốn cảm ơn tất cả những người đã chuẩn bị và đồng hành với chuyến viếng thăm này bằng lời cầu nguyện, và tôi xin lặp lại lòng biết ơn của tôi đối với Chính quyền, Giáo hội địa phương và nhân dân Hung Gia Lợi, một dân tộc can đảm, giàu trí nhớ. Trong thời gian ở Budapest, tôi có thể cảm nhận được tình cảm của tất cả người dân Hung Gia Lợi. Hôm nay tôi xin kể về cuộc viếng thăm này qua hai hình ảnh: *gốc rễ* và *cây cầu*.

Gốc rễ. Tôi đã đi như một người hành hương đến một dân tộc mà lịch sử của họ - như Thánh Gioan Phaolô II nói - đã được đánh dấu bởi “nhiều vị thánh và anh hùng, xung quanh là những người khiêm tốn và chăm chỉ” (*Diễn văn tại buổi lễ đón tiếp*, Budapest, ngày 6 tháng 9 1996). Đó là sự thật: Tôi đã thấy rất nhiều người khiêm tốn và chăm chỉ trân trọng mối nối kết với cội nguồn của họ một cách tự hào. Và trong số những gốc rễ này, như những chứng từ trong các cuộc gặp gỡ với Giáo hội địa phương và với những người trẻ đã cho thấy rõ, trước hết và trên hết là các thánh: các thánh đã hiến mạng sống mình vì người ta, các thánh làm chứng cho Tin Mừng tình yêu và là ánh sáng trong thời kỳ tăm tối; biết bao vị thánh trong quá khứ khuyến khích chúng ta ngày nay vượt qua nguy cơ của chủ nghĩa thất bại và nỗi sợ hãi về ngày mai, vì nhớ rằng *Chúa Kitô là tương lai của chúng ta*. Các thánh nhắc nhở chúng ta điều này: *Chúa Kitô là tương lai của chúng ta*.

Tuy nhiên, cội nguồn Kitô giáo vững chắc của người dân Hung Gia Lợi đã bị thử thách. Đức tin của họ đã bị thử thách bằng lửa. Thật vậy, trong cuộc đàn áp vô thần của thế kỷ 20, các Kitô hữu đã bị tấn công dữ dội, với các giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân bị giết hoặc bị tước quyền tự do. Và trong khi người ta cố gắng đốn hạ cây đức tin, thì gốc rễ vẫn còn nguyên vẹn: vẫn còn một Giáo hội ẩn mình, nhưng sống động, mạnh mẽ, với sức mạnh của Tin Mừng. Và ở Hung Gia Lợi, cuộc đàn áp cuối cùng này, sự áp bức cộng sản này đã xảy ra sau cuộc đàn áp Đức quốc xã, với sự trục xuất bị thảm của một lượng lớn người Do Thái. Nhưng trong cuộc diệt chủng tàn khốc đó, nhiều người nổi bật nhờ sự phản kháng và khả năng bảo vệ các nạn nhân; và điều này là có thể bởi vì gốc rễ của việc chung sống đã vững chắc. Chúng ta ở Rome có một nhà thơ vĩ đại người Hung Gia Lợi, người đã trải qua tất cả những thử thách này và nói với những người trẻ tuổi về sự cần thiết phải đấu tranh cho một lý tưởng, không để bị khuất phục bởi sự bách hại, bởi sự nản lòng. Hôm nay nhà thơ này 92 tuổi: Chúc mừng sinh nhật, Edith Bruck!

Nhưng ngay cả ngày nay, như đã xuất hiện trong các cuộc gặp gỡ với giới trẻ và thế giới văn hóa, tự do đang bị đe dọa. Cách nào? Trên hết một cách nhẹ nhàng, bởi chủ nghĩa tiêu dùng gây mê, nơi người ta hài lòng với một chút phúc lợi vật chất và quên đi quá khứ, người ta “trôi nổi” trong hiện tại được đo lường theo từng cá nhân. Đây là cuộc đàn áp nguy hiểm của

tính thể tục, do chủ nghĩa tiêu thụ gây ra. Nhưng khi điều duy nhất quan trọng là nghĩ về bản thân và làm những gì mình thích, thì rễ cây sẽ chết ngạt. Đây là một vấn đề ở khắp châu Âu, nơi việc cống hiến hết mình cho người khác, việc cảm nhận cảm thức cộng đồng, việc cảm nhận về đẹp cùng mơ ước với nhau và tạo dựng những gia đình đông con đang gặp khủng hoảng. Cả châu Âu đang chìm trong khủng hoảng. Vì vậy, chúng ta hãy suy nghĩ về tầm quan trọng của việc bảo tồn gốc rễ, bởi vì chỉ bằng cách bám sâu, cành cây mới có thể vươn cao và đơm hoa kết trái. Mỗi người chúng ta có thể tự hỏi mình, ngay cả trong tư cách một dân tộc, mỗi người chúng ta hãy tự hỏi: đâu là gốc rễ quan trọng nhất trong cuộc đời tôi? Tôi bắt nguồn từ đâu? Tôi có nhớ những gốc rễ này không, tôi có quan tâm đến chúng không?

Sau gốc rễ là hình ảnh thứ hai: *những cây cầu*. Budapest, ra đời cách đây 150 năm từ sự kết hợp của ba thành phố, nổi tiếng với những cây cầu bắc qua và hợp nhất các bộ phận của nó. Điều này nhắc nhở, đặc biệt trong các cuộc gặp gỡ chính quyền, tầm quan trọng của việc xây dựng những cây cầu hòa bình giữa các dân tộc khác nhau. Đặc biệt, đây là ơn gọi của Châu Âu, được kêu gọi, trong tư cách “chiếc cầu hòa bình”, bao gồm những khác biệt và chào đón những ai gõ cửa. Theo nghĩa này, cây cầu nhân đạo thật là đẹp, được tạo ra cho rất nhiều người tị nạn từ nước láng giềng Ukraine, những người mà tôi đã có thể gặp trong khi cũng ngưỡng mộ mạng lưới bác ái vĩ đại của Giáo hội Hung Gia Lợi.

Đất nước này cũng rất cam kết xây dựng “những cây cầu cho ngày mai”: có mối quan tâm lớn đối với việc chăm sóc sinh thái—và đây là một điều rất, rất đẹp về Hung Gia Lợi—chăm sóc sinh thái và một tương lai bền vững, và công việc đang được thực hiện để xây dựng những cây cầu giữa các thế hệ, giữa già và trẻ, một thách thức không thể bị từ bỏ bởi bất cứ ai hôm nay. Cũng có những nhịp cầu mà Giáo hội, như đã xuất hiện trong cuộc gặp gỡ các Giám Mục, được mời gọi trải dài hướng tới con người hôm nay, bởi vì việc loan báo Chúa Kitô không thể chỉ hệ tại việc lặp lại quá khứ, nhưng luôn cần được cập nhật, để giúp đỡ những người nam nữ của thời đại chúng ta tái khám phá Chúa Giêsu. Và cuối cùng, nhớ lại với lòng biết ơn những khoảnh khắc phụng vụ đẹp đẽ, buổi cầu nguyện với cộng đồng Công Giáo-Hy Lạp và việc cử hành Thánh Thể long trọng được đồng đạo người tham dự, tôi nghĩ đến vẻ đẹp của việc xây dựng những nhịp cầu giữa các tín hữu: trong Thánh lễ Chúa nhật, có các Kitô hữu thuộc nhiều nghi thức và quốc gia khác nhau, và thuộc các hệ phái khác nhau, những người làm việc tốt với nhau ở Hung Gia Lợi. Xây dựng các nhịp cầu, nhịp cầu hòa hợp, nhịp cầu hợp nhất.

Trong chuyến thăm này, tôi đã rất có ấn tượng bởi tầm quan trọng của âm nhạc, một nét đặc trưng của văn hóa Hung Gia Lợi.

Cuối cùng, tôi muốn nhắc đến, vào đầu tháng 5, người Hung Gia Lợi đã hết sức sùng kính Mẹ Thánh Thiện của Thiên Chúa. Được vị vua đầu tiên, Thánh Stêphanô, thánh hiến cho Người, họ thường ngó lời với Người mà không phát âm tên của Người, vì sự tôn trọng, chỉ gọi Người bằng tước hiệu Nữ vương. Do đó, chúng ta giao phó đất nước thân yêu đó cho Nữ vương Hung Gia Lợi; chúng ta giao phó việc xây dựng những cây cầu trên thế giới cho Nữ vương Hòa bình; chúng ta giao phó tâm hồn chúng ta cho Nữ Vương Thiên Đàng, Đấng mà chúng ta tung hô trong dịp Phục Sinh này, để chúng được bén rễ trong tình yêu của Thiên Chúa.

Chương Mười Sáu: Chào đón Thượng phụ Chính thống giáo Ai Cập (ngày 10/05/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung sáng ngày 10 tháng 5, 2023, tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, Đức Phanxicô đã không dạy giáo lý như thường lệ, thay vào đó, ngài đã chính thức chào đón Thượng phụ Chính thống giáo Ai Cập Tawdros II, được ngài xưng là “pope” [Giáo Hoàng] hoặc “his Holiness” [Đức thánh], đến thăm ngài nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày gặp mặt giữa Thánh Giáo Hoàng Phaolô VI và Thượng phụ chính thống giáo Ai Cập Shenouda III. Sau đây là lời chào đón của Đức Phanxicô:



“Thưa anh chị em!

Hôm nay tôi vô cùng vui mừng chào đón Đức Tawadros II, Giáo hoàng của Alexandria và Thượng phụ của Tòa Thánh Máccô, và phái đoàn ưu tú đang tháp tùng ngài.

Đức Tawadros đã nhận lời mời của tôi đến Rôma để cùng tôi cử hành lễ kỷ niệm 50 năm cuộc gặp gỡ lịch sử của Thánh Phaolô VI và Giáo hoàng Shenouda III vào năm 1973. Đó là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa một Giám mục Rôma và một Thượng phụ của Giáo hội Chính thống Ai Cập, cao điểm là việc ký kết một tuyên bố chung đáng nhớ về Kitô học, chính xác vào ngày 10 tháng Năm. Để tưởng nhớ sự kiện này, Đức Tawadros đã đến thăm tôi lần đầu tiên vào ngày 10 tháng 5 mười năm trước, một vài tháng sau cuộc bầu cử của ngài và của tôi, và đề xuất cử hành “Ngày của tình bạn Công Giáo-Coptic” vào mỗi ngày 10 tháng 5, mà từ đó chúng tôi đã cử hành hàng năm. Chúng tôi gọi điện cho nhau, chúng tôi gửi lời chào, và chúng tôi vẫn là anh em tốt, chúng tôi không cãi nhau!

Bằng hữu và hiền đệ Tawadros thân mến, cảm ơn hiền đệ đã nhận lời mời của tôi trong dịp kỷ niệm kếp này, và tôi cầu nguyện để ánh sáng của Chúa Thánh Thần có thể soi sáng chuyến viếng thăm Rôma của hiền đệ, những cuộc gặp gỡ quan trọng mà hiền đệ sẽ có ở đây, và đặc biệt là những cuộc trò chuyện cá nhân của chúng ta. Tôi chân thành cảm ơn hiền đệ vì sự cam kết của hiền đệ đối với tình bạn ngày càng tăng giữa Giáo hội Chính thống Ai cập và Giáo Hội Công Giáo.

Thưa Đức Thánh, các giám mục thân mến, tất cả quý vị, cùng với quý vị, tôi nài xin Thiên Chúa Toàn Năng, nhờ lời chuyển cầu của Các Thánh Tử đạo của Giáo hội Ai Cập, xin Người giúp chúng ta lớn lên trong hiệp thông, trong một mối dây duy nhất và thánh thiện của đức tin, đức cậy và đức mến Kitô giáo. Và nói về các vị tử đạo của Giáo hội Ai Cập, cũng là của chúng tôi, tôi muốn nhắc lại các vị tử đạo trên bãi biển Libya, đã tử đạo cách đây vài năm.

Tôi yêu cầu tất cả anh chị em có mặt hãy cầu nguyện với Thiên Chúa để Người ban phước lành cho chuyến thăm của Giáo hoàng Tawadros tới Rôma và bảo vệ toàn bộ Giáo hội Chính thống Ai Cập. Ước gì chuyến viếng thăm này đưa chúng ta đến ngày hồng phúc khi chúng ta sẽ nên một trong Chúa Kitô! Cảm ơn quý vị”.

Sau đó, Đức Phanxicô đã chào thăm các người đến yết kiến ngài bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ả Rập, tiếng Ba Lan và dĩ nhiên tiếng Ý. Cuối cùng, ngài nói: “như thường lệ, tôi ngỏ lời với các bạn trẻ, bệnh nhân, người già và các cặp vợ chồng mới cưới: Tôi cầu chúc mỗi người giữ trong Chúa Kitô niềm hy vọng soi sáng ý nghĩa của cuộc sống hàng ngày. Tôi kêu gọi mọi người hãy cầu nguyện với Đức Trinh Nữ Maria trong tháng dành riêng cho Mẹ.

Tôi giao phó đất nước Ukraine đau khổ cho Mẹ, Đấng an ủi những người đau khổ và là Nữ hoàng của hòa bình.

Tôi chúc lành cho tất cả anh chị em, và bây giờ cùng với Thượng phụ Tawadros và tất cả chúng ta sẽ cùng nhau đọc Kinh Lạy Cha và sau đó là Thượng phụ Tawadros và tôi sẽ ban phép lành”.

Chương Mười Bảy: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu. Nhân chứng: Thánh Phanxicô Xaviê (ngày 17/05/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, thứ Tư, ngày 17 tháng 5 năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý nói về niềm đam mê rao giảng Tin mừng của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tiếp tục hành trình Giáo Lý của chúng ta với một số gương mẫu về lòng nhiệt thành tông đồ, hôm nay chúng ta nhớ lại, chúng ta đang nói về việc loan báo Tin Mừng, về lòng nhiệt thành tông đồ, về việc mang danh Chúa Giêsu. Và có rất nhiều ngài đàn bà và đàn ông trong lịch sử đã làm điều này một cách gương mẫu. Chẳng hạn, hôm nay chúng ta chọn Thánh Phanxicô Xaviê làm gương mẫu, vị thánh mà một số ngài nói được coi như nhà truyền giáo vĩ đại nhất của thời hiện đại. Nhưng ta không thể nói ai vĩ đại nhất, ai nhỏ nhoi nhất. Có rất nhiều nhà truyền giáo ân mình, mà thậm chí ngày nay, còn làm nhiều hơn Thánh Phanxicô Xaviê. Và Thánh Phanxicô Xaviê là bản mạng của các xứ truyền giáo, như Thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu. Và một nhà truyền giáo là vĩ đại khi họ ra đi. Và có rất nhiều, rất nhiều linh mục, giáo dân, nữ tu đi đến các xứ truyền giáo... thậm chí từ Ý, và nhiều ngài trong số anh chị em nữa. Chẳng hạn, tôi thấy có câu chuyện về một linh mục là ứng viên để trở thành giám mục, ngài đã dành mười năm làm nhà truyền giáo ở nơi đó. Điều này thật lạ thường – rời khỏi đất nước của mình để rao giảng Tin Mừng. Đây là lòng nhiệt thành tông đồ. Đây là điều mà chúng ta thực sự cần trau dồi. Và chúng ta học hỏi được nhiều khi nhìn vào những ngài đàn ông và đàn bà này.

Còn Thánh Phanxicô Xaviê, ngài sinh ra trong một gia đình quý tộc nhưng trở nên nghèo khó ở Navarre, miền bắc Tây Ban Nha, vào năm 1506. Ngài đi du học ở Paris – Ngài là một thanh niên trần tục, thông minh, tuyệt vời, trần tục. Ở đó, Ngài gặp thánh Inhaxiô thành Loyola. Ngài đã thực hành Linh Thao và thay đổi cuộc đời mình. Rồi Ngài đã bỏ mọi sự, sự nghiệp thế gian để trở thành một nhà truyền giáo. Ngài trở thành một tu sĩ Dòng Tên, đã tuyên khấn. Rồi, Ngài trở thành một linh mục, và đi truyền giáo, được gửi đến Phương Đông. Vào thời điểm đó, hành trình của các nhà truyền giáo đến Phương Đông có nghĩa là họ được gửi đến những thế giới chưa ai biết. Và ngài ra đi, vì lòng tràn đầy nhiệt huyết tông đồ.

Ngài là người đầu tiên trong số rất nhiều nhà truyền giáo đam mê khởi hành, những nhà truyền giáo nhiệt thành của thời cận đại, sẵn sàng chịu đựng những khó khăn và nguy hiểm to lớn, để đến những vùng đất và gặp gỡ những ngài từ những nền văn hóa và ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ, chỉ được thúc đẩy bởi mong ước mạnh mẽ muốn làm cho Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Ngài được biết đến.

Chỉ trong vòng chưa đầy mười một năm, Ngài đã hoàn thành một nhiệm vụ phi thường. Ngài đã là một nhà truyền giáo trong hơn mười một năm. Những chuyến đi vào thời điểm đó rất khác nghiệt và nguy hiểm. Nhiều người đã chết trên đường đi, do đắm tàu hoặc bệnh tật. Ngày nay không may, họ chết vì bị ngài ta để họ chết ở Địa Trung Hải. Thánh Phanxicô Xaviê đã trải qua hơn ba năm rưỡi trên các con tàu, chiếm một phần ba toàn bộ thời gian truyền giáo của Ngài. Để đến Ấn Độ, Ngài đã dành ba năm rưỡi trên tàu; rồi từ Ấn Độ sang Nhật Bản. Thật cảm động.

Ngài đến Goa, Ấn Độ, thủ đô của Đông Bồ Đào Nha, thủ đô văn hóa và thương mại. Và Thánh Phanxicô Xaviê đã thiết lập cơ sở của mình, nhưng không dừng lại ở đó. Ngài tiếp tục truyền giáo cho những ngư dân nghèo ở bờ biển phía nam Ấn Độ, dạy giáo lý và cầu nguyện cho trẻ em, rửa tội và chăm sóc ngài bệnh. Sau đó, khi đang cầu nguyện vào một đêm tại ngôi mộ của thánh tông đồ Barthôlômêô, Ngài cảm thấy cần phải đi quá Ấn Độ. Ngài đã để lại công việc mà Ngài đã khởi xướng cho những người giỏi giang - điều này thật tốt, có tổ chức - và dùng cảm lên đường đến Moluccas, hòn đảo xa xôi nhất của quần đảo Indonesia. Không có chân trời nào cho những người đó, họ đã đi xa hơn... Những nhà truyền giáo thánh thiện này đã can đảm biết bao! Và những người truyền giáo ngày nay cũng vậy. Tất nhiên, họ không ở ba tháng trên tàu thủy, mà đi máy bay trong hai mươi bốn giờ. Nhưng vẫn là điều tương tự ở đó. Họ cần định cư ở đó, di chuyển nhiều cây số và đi sâu vào trong rừng. Đây là những gì giống như thế... Và vì vậy, ở Moluccas, Ngài đã dịch sách giáo lý sang ngôn ngữ địa phương của họ và dạy họ cách hát giáo lý, Ngài đã nhập cuộc qua bài hát. Chúng ta hiểu cảm xúc của Ngài từ những lá thư của Ngài. Ngài viết: “Những nguy hiểm và đau khổ, được chấp nhận một cách tự nguyện và duy nhất vì tình yêu và việc phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, là kho tàng chứa đựng nhiều niềm an ủi thiêng liêng. Ở đây, trong một vài năm, ai đó có thể mất đi đôi mắt vì quá nhiều nước mắt của niềm vui” (20 tháng 1 năm 1548). Ngài đã khóc vì sung sướng khi nhìn thấy công việc của Thiên Chúa.

Một ngày nọ, ở Ấn Độ, Ngài gặp một người đến từ Nhật Bản, người này đã kể cho Ngài nghe về đất nước xa xôi của anh, nơi mà chưa một nhà truyền giáo châu Âu nào từng đặt chân đến. Thánh Phanxicô Xaviê cảm thấy thao thức muốn làm việc tông đồ, muốn đi nơi khác, xa hơn, và Ngài quyết định khởi hành càng sớm càng tốt, và đến đó sau một cuộc hành trình phiêu lưu trên một chiếc thuyền chở rác của một người Trung Quốc. Ba năm của Ngài ở Nhật Bản khá khó khăn do khí hậu, sự đối lập và sự thiếu hiểu biết về ngôn ngữ của Ngài. Tuy nhiên, ở đây cũng vậy, những hạt giống được gieo trồng sẽ đơm hoa kết trái.

Là một người mơ mộng lớn, ở Nhật Bản, Ngài hiểu rằng quốc gia quyết định cho sứ mệnh của mình ở châu Á là một quốc gia khác: Trung Quốc. Với nền văn hóa, lịch sử, quy mô của nó, nó đã thực hiện sự thống trị trên thực tế đối với phần đó của thế giới. Thậm chí ngày nay, Trung Quốc là một trung tâm văn hóa với bề dày lịch sử, một lịch sử đẹp đẽ... Vì vậy, Ngài quay trở lại Goa, và ngay sau đó lại lên đường với hy vọng vào được Trung Quốc. Nhưng kế hoạch của Ngài đã thất bại – Ngài chết ở cửa ngõ của Trung Quốc, trên một hòn đảo, đảo nhỏ Sancian, trước bờ biển Trung Quốc, chờ đợi trong vô vọng để đổ bộ vào đất liền gần Quảng đông. Vào ngày 3 tháng 12 năm 1552, Ngài qua đời trong tình trạng hoàn toàn bị bỏ rơi, chỉ có một người đàn ông Trung Quốc đứng bên cạnh trông chừng Ngài. Như vậy là đã kết thúc

cuộc hành trình trần thế của Thánh Phanxicô Xaviê. Ngài đã dành cả cuộc đời của mình một cách nhiệt thành tại các xứ truyền giáo. Ngài rời Tây Ban Nha, một quốc gia phát triển cao, đến quốc gia phát triển nhất lúc bấy giờ – Trung Quốc – và qua đời trước ngưỡng cửa của Trung Quốc vĩ đại, cùng với một người đàn ông Trung Quốc. Nó mang tính biểu tượng, tính biểu tượng cao.

Hoạt động mãnh liệt của Ngài luôn được kết hợp với cầu nguyện, kết hợp với Thiên Chúa, huyền nhiệm và chiêm niệm. Ngài không bao giờ bỏ cầu nguyện vì Ngài biết đó là nơi Ngài hút được sức mạnh cho mình. Đi đến đâu Ngài cũng tận tình chăm sóc người bệnh, người nghèo và trẻ em. Ngài không phải là một nhà truyền giáo “quý tộc”. Ngài luôn đồng hành với những người thiếu thốn nhất, những trẻ em cần được dạy dỗ, dạy giáo lý nhất. Người nghèo, người bệnh... Ngài đặc biệt tìm đến “các biên cương” khi chúng cần sự quan tâm. Và ở đó, Ngài đã lớn lên trong sự vĩ đại. Và tình yêu của Chúa Kitô là sức mạnh đưa Ngài đến những biên cương xa nhất, với sự gian khổ và nguy hiểm liên tục, vượt qua những thất bại, thất vọng và ngã lòng; thực vậy, việc đi theo và phục vụ Người cho đến cùng đem lại cho Ngài niềm an ủi và niềm vui.

Chính Thánh Phanxicô Xaviê, người đã làm tất cả những điều vĩ đại này, trong sự nghèo khó như vậy, với lòng can đảm như thế, có thể ban cho chúng ta một chút lòng nhiệt thành này, lòng nhiệt thành này để sống cho Tin Mừng, loan báo Tin Mừng. Rất nhiều người trẻ, rất nhiều người trẻ ngày nay có một điều gì đó...bồn chồn... và họ không biết phải làm gì với sự bồn chồn đó. Hãy nhìn Thánh Phanxicô Xaviê, hãy nhìn những chân trời của thế giới, hãy nhìn những người đang túng thiếu như thế, hãy nhìn biết bao nhiêu người đang đau khổ, biết bao nhiêu người cần đến Chúa Giêsu. Và hãy có can đảm để ra đi. Ngày nay cũng vậy, có những người trẻ can đảm. Tôi đang nghĩ đến nhiều nhà truyền giáo, chẳng hạn như ở Papua New Guinea, đến những người bạn trẻ của tôi ở giáo phận Vanimo, và nhiều người khác đã ra đi – những người trẻ – để truyền giáo theo bước chân của thánh Phanxicô Xaviê. Xin Chúa ban cho chúng ta niềm vui loan báo Tin Mừng, niềm vui mang sứ điệp này, một sứ điệp thật đẹp đẽ, làm cho chúng ta và mọi ngài hạnh phúc. Cảm ơn anh chị em!

Chương Mười Tám: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu. Nhân chứng: Thánh Anrê Kim Tae-gon (ngày 24/05/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong loạt bài giáo lý mà chúng ta đang đảm nhiệm, chúng ta đặt mình vào trường học của một số vị thánh, là những chứng nhân gương mẫu, dạy chúng ta lòng nhiệt thành tông đồ. Chúng ta hãy nhớ chúng ta đang nói về lòng nhiệt thành tông đồ, đó là điều chúng ta phải có để loan báo Tin Mừng.

Hôm nay chúng ta sẽ tìm được một tấm gương tuyệt vời của một vị thánh đam mê truyền giáo ở một vùng đất xa xôi, đó là Giáo hội Hàn Quốc. Chúng ta hãy nhìn vào vị tử đạo Đại Hàn và là linh mục đầu tiên, Thánh Anrê Kim Tae-gon.

Nhưng, linh mục đầu tiên của Hàn Quốc: anh chị em có biết điều gì không? Việc truyền giáo của Hàn Quốc được thực hiện bởi giáo dân! Chính giáo dân đã được rửa tội đã truyền bá đức tin, không có linh mục, vì không có các ngài. Rồi, sau đó... nhưng việc truyền giáo đầu tiên được thực hiện bởi giáo dân. Liệu chúng ta có khả năng làm một điều gì đó như thế chăng? Hãy nghĩ về nó: thật đáng lưu ý. Và đây là một trong những linh mục đầu tiên, Thánh Anrê.

Cuộc đời của ngài đã và vẫn là một bằng chứng hùng hồn về việc loan báo Tin Mừng, về lòng nhiệt thành đối với việc này.

Khoảng 200 năm trước, đất nước Đại Hàn là nơi xảy ra một cuộc bách hại rất khốc liệt: các Kitô hữu bị bách hại và tiêu diệt. Vào thời điểm đó, tin vào Chúa Giêsu Kitô ở Hàn Quốc có nghĩa là sẵn sàng làm chứng cho đến chết. Một cách chuyên biệt từ gương của Thánh Anrê Kim, chúng ta có thể rút ra hai khía cạnh cụ thể trong cuộc đời của ngài.

Đầu tiên là cách ngài quen gặp các tín hữu. Trước bối cảnh rất đáng sợ, thánh nhân buộc phải tiếp cận các Kitô hữu một cách kín đáo, vì luôn có sự hiện diện của nhiều người khác, như thể họ đã nói chuyện với nhau từ lâu. Rồi, để xác nhận danh tính Kitô hữu của người đối thoại với mình, Thánh Anrê sẽ thực hiện các phương thế sau đây: thứ nhất, có một dấu hiệu nhận biết đã được thống nhất trước đó: “Cha sẽ gặp Kitô hữu này và họ sẽ có dấu hiệu này trên trang phục hoặc trên tay của họ.” “Và sau đó, ngài sẽ bí mật đặt câu hỏi—nhưng tất cả những câu hỏi này đều là những câu hỏi thăm thỉ thôi, hi?—“Ông có phải là môn đệ của Chúa Giêsu không?” Vì những người khác đang theo dõi cuộc nói chuyện, nên thánh nhân phải nói nhỏ giọng, chỉ nói một vài chữ, những chữ thiết yếu nhất. Vì vậy, đối với Thánh Anrê Kim, cụm từ tóm tắt toàn bộ danh tính của Kitô hữu là “môn đệ của Chúa Kitô”. “Ông có phải là môn đệ của Chúa Kitô không?”—nhưng bằng một giọng nhẹ nhàng vì điều đó rất nguy hiểm. Người theo Kitô giáo bị cấm ở đó.

Thật vậy, làm môn đệ của Chúa có nghĩa là đi theo Người, đi theo con đường của Người. Và Kitô hữu tự bản chất là người rao giảng và làm chứng cho Chúa Giêsu. Mọi cộng đồng Kitô hữu đều nhận được căn tính này từ Chúa Thánh Thần, và toàn thể Giáo hội cũng vậy, kể từ ngày Lễ Hiện Xuống (x. Công đồng Vat. II, Sắc lệnh *Ad gentes*, 2). Chính từ Chúa Thánh Thần này mà chúng ta nhận được niềm đam mê, niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, lòng nhiệt thành tông đồ lớn lao này; đó là quà tặng của Chúa Thánh Thần, Đấng ban tặng. Và ngay cả khi bối cảnh xung quanh không thuận lợi—như bối cảnh Hàn Quốc của Thánh Anrê Kim—thì quà tặng này cũng không thay đổi; ngược lại, nó càng trở nên có giá trị hơn. Thánh Anrê Kim và các tín hữu Đại Hàn khác đã chứng tỏ rằng việc làm chứng cho Tin Mừng trong thời gian bị bách hại có thể mang lại nhiều hoa trái cho đức tin.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét thí dụ cụ thể thứ hai. Khi còn là chủng sinh, thánh Anrê đã phải tìm cách lén lút đón các linh mục truyền giáo từ nước ngoài. Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, vì chế độ thời đó nghiêm cấm tất cả người nước ngoài vào lãnh thổ. Đó là lý do tại sao, trước đây, rất khó tìm được một linh mục có thể đến làm công việc truyền giáo: giáo dân đảm nhận việc truyền giáo.

Anh chị em hãy nghĩ về những gì Thánh Anrê đã làm - một lần, ngài đi bộ trong tuyết, không ăn đã quá lâu đến nỗi ngài kiệt sức ngã xuống đất, có nguy cơ bất tỉnh và chết cứng. Lúc ấy, ngài bỗng nghe có tiếng nói: “Hãy đứng dậy, bước đi!” Nghe thấy giọng nói đó, Thánh Anrê sức tinh, thoáng thấy có gì đó giống như bóng ai đang hướng dẫn mình.

Kinh nghiệm này của vị chứng nhân vĩ đại Hàn Quốc làm cho chúng ta hiểu một khía cạnh rất quan trọng của lòng nhiệt thành tông đồ; cụ thể là can đảm đứng dậy khi ngã xuống.

Nhưng các thánh có sa ngã không? Có! Thật vậy, từ thời xa xưa nhất. Anh chị em hãy nghĩ tới Thánh Phêrô: ngài đã phạm một tội lỗi lớn phải không? Nhưng ngài đã tìm được sức mạnh trong lòng thương xót của Chúa và đứng dậy trở lại. Và nơi Thánh Anrê, chúng ta thấy sức mạnh này: ngài đã ngã quy về thể xác nhưng ngài có sức mạnh để đi, đi, đi để mang

thông điệp tiến về phía trước.

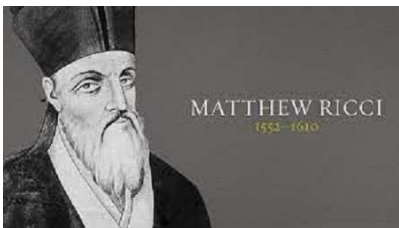
Bất kể hoàn cảnh có thể khó khăn đến đâu – và thực sự, đôi khi dường như không còn chỗ cho sứ điệp Tin Mừng – chúng ta không được bỏ cuộc và không được từ bỏ việc theo đuổi điều thiết yếu trong đời sống Kitô hữu của chúng ta: đó là rao giảng Tin Mừng.

Đây là con đường. Và mỗi người chúng ta có thể tự nghĩ: “Còn tôi thì sao, tôi có thể rao giảng Tin Mừng bằng cách nào?” Nhưng anh chị em nhìn vào những người vĩ đại này và xem xét sự nhỏ bé của mình, chúng ta xem xét sự nhỏ bé của chúng ta: truyền giáo trong gia đình, truyền giáo cho bạn bè, nói về Chúa Giêsu – nhưng nói về Chúa Giêsu và truyền giáo với một trái tim tràn đầy niềm vui, tràn đầy sức mạnh. Và điều này được ban cho bởi Chúa Thánh Thần. Chúng ta hãy chuẩn bị đón nhận Chúa Thánh Thần trong Lễ Hiện Xuống sắp tới, và xin Người ban ơn đó, ơn can đảm tông đồ, ơn rao giảng Tin Mừng, luôn mang sứ điệp của Chúa Giêsu tiến bước. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Chín: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu.

Nhân chứng: Đáng Đáng Kính Matteo Ricci

(ngày 31/05/2023)



Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đang tiếp tục những bài giáo lý nói về lòng nhiệt thành tông đồ, nghĩa là, điều mà người Kitô hữu cảm thấy để thi hành việc loan báo Chúa Giêsu Kitô. Và hôm nay tôi muốn trình bày một mẫu gương tuyệt vời khác về lòng nhiệt thành tông đồ: chúng ta đã nói về Thánh Phanxicô Xaviê, Thánh Phaolô, lòng nhiệt thành tông đồ của những người nhiệt thành vĩ đại; hôm nay chúng ta sẽ nói về một người – người Ý, nhưng đã đến Trung Quốc: Matteo Ricci.

Xuất thân từ Macerata, thuộc vùng Marches, sau khi học tại các trường Dòng Tên và gia nhập Dòng Tên ở Rôma, ngài đã bị thu hút bởi những báo cáo của những nhà truyền giáo mà ngài đã lắng nghe và ngài trở nên nhiệt tình, giống như rất nhiều người trẻ khác cũng cảm thấy như vậy, và ngài xin được cử đi truyền giáo ở Viễn Đông. Sau nỗ lực của Thánh Phanxicô Xaviê, 25 tu sĩ Dòng Tên khác đã cố gắng vào Trung Quốc mà không thành công. Nhưng Ricci và một trong những người bạn của ngài đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, nghiên cứu kỹ về ngôn ngữ và phong tục của Trung Quốc, và cuối cùng, họ đã định cư được ở miền nam đất nước. Phải mất mười tám năm, với bốn giai đoạn qua bốn thành phố khác nhau, để đến Bắc Kinh, vốn là trung tâm. Với sự kiên trì và nhẫn nại, được truyền cảm hứng từ niềm tin không thể lay chuyển, Matteo Ricci đã có thể vượt qua khó khăn và nguy hiểm, ngờ vực và chống đối. Anh chị em hãy nghĩ xem, trong thời gian đó, đi bộ hay cưỡi ngựa, những khoảng cách như vậy... và ngài cứ thế tiếp tục. Nhưng đâu là bí quyết của Matteo Ricci? Lòng nhiệt thành

của ngài đã thúc đẩy ngài bằng con đường nào?

Ngài luôn đi theo con đường đối thoại và tình bạn với tất cả những người mà ngài gặp gỡ, và điều này đã mở ra cho ngài nhiều cánh cửa để loan báo đức tin Kitô giáo. Tác phẩm đầu tiên của ngài bằng tiếng Trung hoa thực sự là một chuyên luận *Về Tình Bạn*, đã gây được tiếng vang lớn. Để hòa nhập vào cuộc sống và văn hóa Trung Quốc, đầu tiên ngài ăn mặc như các nhà sư Phật giáo, theo phong tục của đất nước, nhưng sau đó ngài hiểu rằng cách tốt nhất là đảm nhận lối sống và y phục của *giới sĩ phu*. Giới sĩ phu ăn mặc như giáo sư đại học, và ngài ăn mặc như vậy. Ngài đã nghiên cứu sâu sắc các bản văn cổ điển của họ, để có thể trình bày Kitô giáo trong cuộc đối thoại tích cực với óc khôn ngoan Nho giáo của họ và phong tục của xã hội Trung Quốc. Và điều này được gọi là thái độ hội nhập văn hóa. Nhà truyền giáo này đã có thể “hội nhập văn hóa” đức tin Kitô giáo, như các giáo phụ xưa đã làm khi đối thoại với văn hóa Hy Lạp, [trong những thế kỷ đầu tiên của Giáo hội].

Kiến thức khoa học tuyệt vời của ngài đã thu hút sự quan tâm và ngưỡng mộ của những người có văn hóa, bắt đầu từ bản đồ nổi tiếng của ngài về toàn thế giới như nó được biết đến vào thời điểm đó, với các lục địa khác nhau, lần đầu tiên tiết lộ cho người Trung Quốc thấy một thực tại ở bên ngoài Trung Quốc, rộng lớn hơn nhiều so với những gì họ nghĩ. Ngài cho họ thấy rằng thế giới thậm chí còn rộng lớn hơn cả Trung Quốc, và họ hiểu, vì họ thông minh. Nhưng kiến thức toán học và thiên văn học của Ricci và những người theo truyền giáo của ngài cũng góp phần tạo nên cuộc gặp gỡ hữu hiệu giữa văn hóa và khoa học của phương Tây và phương Đông, vốn đã trải qua một trong những thời kỳ hạnh phúc nhất, được đặc trưng bởi đối thoại và tình bạn. Thật vậy, công việc của Matteo Ricci sẽ không bao giờ có thể thực hiện được nếu không có sự cộng tác của những người bạn Trung Quốc tuyệt vời của ngài, chẳng hạn như “Bác sĩ Paul” (Xu Guangqi) nổi tiếng và “Bác sĩ Leon” (Li Zhizao).

Tuy nhiên, danh tiếng của Ricci như một nhà khoa học không nên che khuất động cơ sâu xa nhất trong mọi nỗ lực của ngài: tức là công bố Tin Mừng. Bằng đối thoại khoa học, với các nhà khoa học, ngài đi trước nhưng Người làm chứng cho đức tin của mình, cho Tin Mừng. Tính khả tín có được nhờ đối thoại khoa học đã cho ngài quyền đề xuất chân lý đức tin và luân lý Kitô giáo, được ngài nói tới một cách rất sâu sắc trong các tác phẩm chính bằng tiếng Trung hoa của ngài, chẳng hạn như *Ý nghĩa thực sự của Chúa Trời* – như tên gọi của cuốn sách. Bên cạnh giáo lý, ngài còn làm chứng bằng đời tu, nhân đức và cầu nguyện: các thừa sai này cầu nguyện. Họ đi rao giảng, họ hoạt động tích cực, họ thực hiện các động thái chính trị, tất cả những điều đó; nhưng họ đã cầu nguyện. Đó là những gì đã nuôi dưỡng đời sống thừa sai, một đời sống bác ái; họ giúp đỡ người khác một cách khiêm tốn, hoàn toàn không quan tâm đến danh dự và giàu sang, điều này đã khiến nhiều môn đệ và bạn bè của ngài tiếp nhận đức tin Công Giáo. Bởi vì họ nhìn thấy một con người quá thông minh, quá khôn ngoan, quá sắc sảo – theo nghĩa tốt của từ này – trong việc hoàn thành công việc, và rất sùng đạo, nên họ nói, “Nhưng những gì ông ấy rao giảng đều đúng, bởi vì đó là một phần của một nhân cách biết làm chứng, ông ấy làm chứng cho những gì ông ấy rao giảng bằng chính cuộc sống của mình”. Đây là sự nhất quán của những người loan báo Tin Mừng. Và điều này áp dụng cho tất cả chúng ta, những Kitô hữu truyền giảng Tin Mừng. Chúng ta có thể đọc thuộc lòng Kinh Tin Kính, chúng ta có thể nói tất cả những gì chúng ta tin, nhưng nếu cuộc sống của chúng ta không nhất quán với điều này, thì cũng chẳng ích gì. Điều thu hút người ta là chứng tá của sự nhất quán: Kitô hữu chúng ta phải sống như chúng ta nói, và không giả vờ sống như Kitô hữu nhưng thực ra sống theo cách thế tục. Anh chị em hãy cẩn thận về điều này, hãy nhìn vào nhà truyền giáo vĩ đại này – và ngài là người Ý đấy nhé, phải không – nhìn vào những nhà truyền giáo vĩ đại này, hãy thấy rằng sức mạnh lớn nhất là sự nhất quán: họ đã nhất quán.

Trong những ngày cuối đời, với những người thân thiết nhất và hỏi xem ngài cảm thấy thế nào, “ngài trả lời rằng lúc đó ngài đang nghĩ đến việc điều nào lớn hơn: niềm vui và hân hoan ngài cảm thấy trong lòng khi nghĩ rằng mình đã gần đến ngày ra đi và được hưởng nhan Thiên Chúa, hay nỗi buồn khi phải rời xa những người bạn đồng hành của ngài trong toàn bộ sứ mệnh mà ngài vô cùng yêu thích, và sự phục vụ mà ngài vẫn có thể làm cho Thiên Chúa, Chúa chúng ta trong sứ mệnh này,” (S. De Ursis, *Báo cáo về M. Ricci, Văn khố Lịch sử Dòng Tên Rôma*.) Đây cũng là thái độ của Thánh Tông đồ Phaolô (x. Pl 1:22-24), người muốn đến với Chúa, tìm gặp Chúa, nhưng ở lại “để phục vụ anh em”.

Matteo Ricci qua đời ở Bắc Kinh năm 1610, ở tuổi 57, một người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sứ mệnh. Tinh thần truyền giáo của Matteo Ricci tạo thành một mô hình sống động có liên quan. Tình yêu của ngài đối với người Trung Quốc là một mô hình; nhưng con đường thực sự hợp thời là sự nhất quán của đời sống, của việc làm chứng cho niềm tin Kitô giáo của mình. Ngài đã đưa Kitô giáo đến Trung Quốc; ngài vĩ đại, vâng, bởi vì ngài là một nhà khoa học vĩ đại, ngài vĩ đại vì ngài can đảm, ngài vĩ đại vì ngài đã viết nhiều sách – nhưng trên hết, ngài vĩ đại vì ngài kiên định với ơn gọi của mình, kiên định với mong muốn theo Chúa Giêsu Kitô của mình. Thưa anh chị em, hôm nay chúng ta, mỗi người chúng ta, hãy tự hỏi nội tâm mình: “Tôi có nhất quán không, hay tôi hơi ‘đại khái’?”. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi: Niềm đam mê truyền giáo, Nhân chứng: Thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu, (ngày 07/06/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trước mặt chúng ta đây là thánh tích của Thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu, bản mạng các xứ truyền giáo. Thật tốt khi điều này xảy ra trong khi chúng ta đang suy tư về niềm đam mê rao giảng Tin Mừng, về lòng nhiệt thành tông đồ. Vậy thì hôm nay, chúng ta hãy để chứng tá của Thánh Têrêsa giúp chúng ta. Ngài đã sinh ra cách đây 150 năm, và tôi dự định sẽ dành một Tông thư cho ngài vào ngày kỷ niệm này.

Ngài là thánh quan thầy của các xứ truyền giáo, nhưng ngài chưa bao giờ được cử đi truyền giáo. Ngài là một nữ tu dòng Cát Minh, sống cuộc đời bé nhỏ và yếu đuối: ngài tự nhận mình là “một hạt cát nhỏ”. Sức khỏe yếu, ngài qua đời ở tuổi 24. Nhưng dù thân xác ốm yếu, nhưng trái tim ngài vẫn sôi nổi, truyền giáo. Ngài kể lại trong “nhật ký” của ngài rằng ước muốn của ngài là trở thành một nhà truyền giáo, và ngài muốn trở thành một nhà truyền giáo không chỉ trong vài năm mà trong suốt phần đời còn lại của ngài, thậm chí cho đến tận thế. Thánh Têrêsa là một “chị em thiêng liêng” của một số nhà truyền giáo: ngài đã đồng hành cùng họ từ tu viện của ngài qua những lá thư, qua lời cầu nguyện của ngài và bằng cách liên tục dâng những hy sinh cho họ. Không hiển hiện, ngài đã cầu bầu cho các xứ truyền giáo, giống như một động cơ, mặc dù bị che khuất, nhưng mang lại sức mạnh cho một chiếc xe tiến về phía trước. Tuy nhiên, ngài thường không được các nữ đồng tu hiểu: ngài nhận được “nhiều gai hơn hoa hồng” từ họ, nhưng ngài chấp nhận mọi điều một cách yêu thương, kiên nhẫn, kể cả những lời phán xét và hiểu lầm cùng với bệnh tật của ngài. Và ngài đã làm điều này một cách vui vẻ, vì nhu cầu của Giáo hội, để như ngài nói, “hoa hồng có thể rơi trên tất cả mọi người,” đặc biệt là những người ở xa nhất.

Bây giờ, tôi xin hỏi, tất cả lòng nhiệt thành này, sức mạnh truyền giáo này, và niềm vui cầu bầu này phát xuất từ đâu? Hai tình tiết xảy ra trước khi Têrêsa vào tu viện giúp chúng ta hiểu

điều này.

Điều đầu tiên liên quan đến ngày đã thay đổi cuộc đời ngài, Giáng sinh năm 1886, khi Thiên Chúa làm phép lạ trong trái tim ngài. Năm đó, Têrêsa sẽ tròn 14 tuổi. Là con út nên ngài được mọi người trong nhà cưng chiều. Tuy nhiên, trở về từ Thánh lễ nửa đêm, người cha rất mệt mỏi của ngài không cảm thấy muốn ở đó khi con gái ông mở những món quà của cô, và nói: “May là năm ngoài rồi!” Têrêsa, người rất nhạy cảm và dễ rơi nước mắt, đã bị tổn thương và đi lên phòng và khóc. Nhưng ngài đã nhanh chóng kìm nén nước mắt, đi xuống nhà và tràn ngập niềm vui, chính ngài là người đã làm cho cha mình vui. Chuyện gì đã xảy ra? Trong đêm ấy, khi Chúa Giêsu tự làm cho ngài ra yếu đuối vì tình yêu, tâm hồn Thánh Têrêsa trở nên mạnh mẽ: chỉ trong giây lát, ngài đã ra khỏi ngục tù ích kỷ và tội thân; ngài bắt đầu cảm thấy “đức ái đi vào trái tim ngài, với nhu cầu quên mình” (xem *Thủ bản A*, 133-134). Kể từ đó, ngài hướng lòng nhiệt thành của mình đến những người khác, để họ có thể tìm thấy Thiên Chúa, và thay vì tìm kiếm sự an ủi cho bản thân, ngài bắt đầu “an ủi Chúa Giêsu, [để] làm cho Người được các linh hồn yêu mến,” bởi vì, như Têrêsa, Tiến sĩ của Giáo hội, đã nhận định, “Chúa Giêsu mắc bệnh yêu và [...] căn bệnh yêu không thể chữa khỏi ngoại trừ bằng tình yêu” (*Thư gửi Marie Guérin*, tháng 7 năm 1890). Sau đó, đây là quyết tâm hàng ngày của ngài: “làm cho Chúa Giêsu được yêu mến” (*Thư gửi Céline*, ngày 15 tháng 10 năm 1889), cầu thay cho người khác. Ngài viết, “Con muốn cứu các linh hồn và quên mình vì họ: Con muốn cứu họ ngay cả sau khi con chết” (*Thư gửi Cha Roullan*, 19 tháng 3 năm 1897). Nhiều lần ngài nói, “Tôi sẽ dành cả thiên đường của mình để làm điều tốt trên trái đất.”

Theo gương Chúa Giêsu Mục Tử Nhân Lành, lòng nhiệt thành của ngài đặc biệt hướng đến những người tội lỗi, đến “những người ở xa”. Điều này được tiết lộ trong tình tiết thứ hai. Têrêsa được biết về một tên tội phạm, Enrico Pranzini, bị kết án tử hình vì những tội ác khủng khiếp: anh bị kết tội giết ba người một cách dã man, và bị đưa lên máy chém; nhưng anh không muốn nhận những an ủi của đức tin. Têrêsa đã đưa anh vào tâm hồn mình và làm tất cả những gì ngài có thể làm: ngài cầu nguyện bằng mọi cách cho anh được hoán cải, để anh, người mà ngài gọi với lòng cảm thương anh em là “Pranzini khôn khổ tội nghiệp”, có thể bày tỏ một dấu hiệu nhỏ của sự ăn năn và dành chỗ cho lòng thương xót của Thiên Chúa mà Têrêsa đã tin tưởng một cách mù quáng. Cuộc hành quyết diễn ra. Ngày hôm sau, Têrêsa đọc trên báo thấy Pranzini, ngay trước khi đặt đầu vào máy chém, “đột nhiên, được một nguồn cảm hứng chiếm lấy, quay lại, chộp lấy Cây Thánh giá mà vị linh mục đưa cho anh và hôn ba lần lên những vết thương thánh thiêng” của Chúa Giêsu. Thánh nhân nhận xét: “Bấy giờ linh hồn anh đi lãnh bản án nhân từ của Đấng đã tuyên bố rằng trên Thiên Đàng sẽ vui mừng cho một tội nhân ăn năn hơn là cho chín mươi chín người công chính không cần ăn năn!” (*Thủ bản A*, 135).

Đó là sức mạnh của việc cầu thay do lòng bác ái thúc đẩy; đó là động cơ của sứ mệnh! Trên thực tế, những nhà truyền giáo - mà Têrêsa là thánh quan thầy - không chỉ là những người đi đường dài, học ngôn ngữ mới, làm việc tốt và rao giảng tốt; không, một nhà truyền giáo là bất cứ ai sống như một công cụ của tình yêu Thiên Chúa nơi họ đang ở. Các nhà truyền giáo là những người làm mọi việc để Chúa Giêsu có thể đi ngang qua chứng tá của họ, lời cầu nguyện của họ, sự chuyển cầu của họ.

Đây là lòng nhiệt thành tông đồ, chúng ta hãy luôn nhớ rằng, không bao giờ hoạt động bằng cách cải đạo hay ép buộc, nhưng bằng sự *lôi cuốn*: một người trở thành Kitô hữu không phải vì bị ai đó ép buộc, nhưng vì họ đã được đánh động bởi tình yêu. Với rất nhiều phương tiện, phương pháp và cơ cấu sẵn có, đôi khi làm xao nhãng những gì thiết yếu, Giáo hội cần những trái tim như trái tim của Têrêsa, những trái tim lôi cuốn mọi người tới tình yêu và đưa mọi

người đến gần Thiên Chúa hơn. Chúng ta hãy cầu xin vị thánh này ân sủng để vượt qua lòng ích kỷ của chúng ta và niềm say mê chuyển cầu để Chúa Giêsu có thể được biết đến và yêu mến.

Chương Hai Mươi Một: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu. Nhân Chứng: Thánh Mary MacKillop (ngày 28/06/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta phải kiên nhẫn một chút, với sức nóng này – và cảm ơn anh chị em đã đến, với sức nóng này, với mặt trời này: cảm ơn anh chị em rất nhiều vì đã ghé thăm.

Trong loạt bài giáo lý về lòng nhiệt thành tông đồ này – chúng ta đang nói về điều này – chúng ta bắt gặp một số gương mẫu của những người nam nữ ở mọi thời và mọi nơi, những người đã hiến mạng sống mình cho Tin Mừng. Hôm nay chúng ta sẽ đến Châu Đại Dương – rất xa phải không? - một lục địa được tạo thành từ nhiều hòn đảo lớn nhỏ. Đức tin vào Chúa Kitô, mà rất nhiều người di cư châu Âu đã mang đến những vùng đất này, đã sớm bén rễ và sinh nhiều hoa trái (x. Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Ecclesia in Oceania*[Giáo hội tại Châu Đại Dương], 6). Trong số đó có một nữ tu phi thường, Mary MacKillop (1842-1909), người sáng lập Dòng Nữ tu Thánh Giuse Thánh Tâm, người đã cống hiến cuộc đời mình cho việc đào tạo trí thức và tôn giáo cho người nghèo ở vùng nông thôn Úc.

Mary MacKillop sinh ra gần Melbourne với cha mẹ di cư đến Úc từ Scotland. Khi còn là một thiếu nữ, ngài cảm thấy được Thiên Chúa kêu gọi để phục vụ Người và làm chứng cho Người không chỉ bằng lời nói, nhưng trên hết bằng một cuộc sống được biến đổi bởi sự hiện diện của Thiên Chúa (x. *Evangelii gaudium*[Niềm vui Tin Mừng], 259). Giống như Maria Mađalêna, người đầu tiên gặp gỡ Chúa Giêsu phục sinh và được Người sai đi loan báo Tin Mừng cho các môn đệ, Mary xác tín rằng mình cũng được sai đi để loan báo Tin Mừng và thu hút người khác đến gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống.

Khi khôn ngoan đọc các dấu hiệu của thời đại, ngài hiểu rằng đối với ngài, cách tốt nhất để làm điều đó là thông qua việc giáo dục giới trẻ, với sự hiểu biết rằng giáo dục Công Giáo là một hình thức truyền giáo. Đó là một hình thức truyền giáo tuyệt vời. Theo cách này, nếu chúng ta có thể nói rằng “Mỗi vị thánh là một sứ mệnh, được Chúa Cha hoạch định để phản ánh và hiện thân, vào một thời điểm cụ thể trong lịch sử, một khía cạnh nào đó của Tin Mừng” (Tông huấn *Gaudete et Exsultate*[Hân hoan Nhảy mừng], 19) thì Mary MacKillop đặc biệt như vậy thông qua việc thành lập các trường học.

Một đặc điểm thiết yếu trong lòng nhiệt thành của ngài đối với Tin Mừng là quan tâm đến người nghèo và những người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Và điều này rất quan trọng: trên con đường nên thánh, tức là con đường Kitô giáo, người nghèo và bị gạt ra bên lề là những nhân vật chính, và một người không thể tiến tới sự thánh thiện nếu người ấy cũng không tận hiến cho họ, bằng cách này hay cách khác. Nhưng họ là sự hiện diện của Chúa, những người đang cần sự giúp đỡ của Chúa. Có lần tôi đọc được một cụm từ khiến tôi kinh ngạc; nó nói: “Nhân vật chính của Lịch sử là người ăn xin. Họ là những người thu hút sự chú ý đến sự bất công lớn này, đó là sự nghèo đói lớn trên thế giới”. Tiền được dùng để sản xuất vũ khí, không cung cấp bữa ăn. Và đừng quên: không có sự thánh thiện nếu bằng cách này hay cách khác không

quan tâm đến người nghèo, người túng thiếu, những người phần nào ở bên lề xã hội. Sự quan tâm dành cho người nghèo và những người bị gạt ra bên lề xã hội này đã thúc đẩy Mary đi đến những nơi mà những người khác không muốn hoặc không thể đến. Vào ngày 19 tháng 3 năm 1866, lễ Thánh Giuse, ngài mở trường học đầu tiên ở một vùng ngoại ô nhỏ của Nam Úc. Tiếp theo là nhiều trường khác được ngài và các nữ tu của ngài thành lập tại các cộng đồng nông thôn trên khắp nước Úc và Tân Tây Lan. Nhưng chúng được nhân thừa lên, lòng nhiệt thành tông đồ là như thế: nó nhân thừa công việc.

Mary MacKillop tin chắc rằng mục đích của giáo dục là sự phát triển toàn diện con người với tư cách là một cá nhân và là một thành viên của cộng đồng; và điều này đòi hỏi sự khôn ngoan, kiên nhẫn và bác ái từ phía mỗi giáo viên.

Thật vậy, giáo dục không bao gồm việc lấp đầy đầu bằng những ý tưởng: không, không chỉ có thế, nhưng: giáo dục cấu thành cái gì? Đồng hành và khích lệ các em trên con đường trưởng thành nhân bản và thiêng liêng, cho các em thấy tình bạn với Chúa Giêsu Phục Sinh mở rộng tâm hồn và làm cho cuộc sống nhân bản hơn ra sao. Giáo dục và giúp đỡ suy nghĩ tốt, cảm nhận tốt (ngôn ngữ của trái tim) và làm điều tốt (ngôn ngữ của đôi tay). Viễn kiến này hoàn toàn phù hợp với ngày nay, khi chúng ta cảm thấy cần có một “hiệp ước giáo dục” có khả năng liên đới gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

Lòng nhiệt thành rao truyền Tin Mừng cho người nghèo của Mary MacKillop cũng khiến ngài đảm nhận một số công việc từ thiện khác, bắt đầu với “Ngôi nhà Quan phòng” được mở ở Adelaide để tiếp nhận người già và trẻ em bị bỏ rơi. Mary rất tin tưởng vào sự quan phòng của Chúa: ngài luôn tin tưởng rằng trong mọi tình huống, Thiên Chúa đều chu cấp. Nhưng điều này không ngăn cản ngài khỏi những lo lắng và khó khăn phát sinh trong công việc tông đồ của mình, và Mary có lý do chính đáng cho việc này: ngài phải trả các hóa đơn, thương lượng với các giám mục và linh mục địa phương, quản lý trường học và chăm sóc sự đào tạo nghề nghiệp và tinh thần của các nữ tu của ngài; và sau đó, ngài gặp vấn đề về sức khỏe. Tuy nhiên, qua tất cả, ngài vẫn bình thản, kiên nhẫn vác thập giá vốn là thành phần cấu tạo ra sứ mệnh.

Vào một dịp kia, tức lễ Suy tôn Thánh Giá, Mary đã nói với một nữ tu của mình: “Hỡi con gái, trong nhiều năm mẹ đã học biết yêu mến Thánh Giá”. Trong nhiều năm, mẹ đã học biết yêu mến Thánh Giá. Ngài đã không bỏ cuộc trong những lúc thử thách và tăm tối, khi niềm vui của ngài bị dập tắt bởi sự chống đối hoặc khước từ. Anh chị em hãy nhìn điều này: tất cả các thánh đều gặp phải sự chống đối, ngay cả trong Giáo hội. Điều này khá kỳ lạ. Và ngài cũng phải đối đầu với nó. Ngài vẫn tin chắc rằng ngay cả khi Chúa ban cho ngài “bánh của nghịch cảnh và nước của hoạn nạn” (Is 30:20), thì chính Chúa sẽ sớm đáp lại tiếng kêu cầu của ngài và bao phủ ngài bằng ân sủng của Người. Đây là bí mật của lòng nhiệt thành tông đồ: mối quan hệ liên tục với Chúa.

Anh chị em thân mến, chớ gì tư cách môn đệ truyền giáo của Thánh Mary MacKillop, sự đáp ứng sáng tạo của ngài đối với những nhu cầu của Giáo hội vào thời của ngài, và sự dấn thân của ngài vào việc đào tạo toàn diện giới trẻ, truyền cảm hứng cho tất cả chúng ta ngày nay, những người được kêu gọi trở thành men Tin Mừng trong các xã hội đang thay đổi nhanh chóng của chúng ta. Xin cho gương sáng và lời chuyển cầu của ngài nâng đỡ công việc hàng ngày của cha mẹ, thầy cô, giáo lý viên và tất cả những nhà giáo dục, vì lợi ích của giới trẻ và vì một tương lai nhân bản và đầy hy vọng hơn. Cảm ơn anh chị em rất nhiều.

Chương Hai Mươi Hai: Chuyến tông du Bồ Đào Nha nhân Ngày Giới trẻ Thế giới (ngày 09/08/2023)

Theo tin Tòa Thánh, sau 1 tháng nghỉ, ngày 9 tháng 8, năm 2023, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du tại Lisbon, Bồ Đào Nha, để chủ trì Ngày Giới Trẻ Thế Giới. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong vài ngày qua, tôi đã đến Bồ Đào Nha để tham dự Ngày Giới trẻ Thế giới lần thứ 37.

Ngày Giới trẻ Thế giới tại Lisbon, sau đại dịch, được mọi người coi là một hồng ân của Thiên Chúa, Đấng đã một lần nữa khởi động những trái tim và những bước chân của giới trẻ thế giới trên con đường Tin Mừng: nhiều người trẻ từ khắp mọi nơi trên thế giới, rất nhiều người! Gặp gỡ nhau và gặp gỡ Chúa Giêsu.

Như chúng ta đã biết, đại dịch đã có tác động nghiêm trọng đến tác phong xã hội: sự cô lập thường thoái hóa thành khép kín và những người trẻ tuổi đặc biệt bị ảnh hưởng. Với Ngày Giới trẻ Thế giới này, Thiên Chúa đã đưa ra một “cú đẩy” theo hướng khác. Nó đánh dấu một khởi đầu mới của cuộc hành hương vĩ đại của những người trẻ tuổi trên khắp các châu lục, nhân danh Chúa Giêsu Kitô.

Và không phải ngẫu nhiên điều này đã xảy ra ở Lisbon, một thành phố nhìn ra biển, một thành phố vốn là biểu tượng của những cuộc thám hiểm vĩ đại bằng đường biển.

Và vì thế, tại Ngày Giới trẻ Thế giới, Tin Mừng đã đề xuất cho những người trẻ gương mẫu của Đức Trinh Nữ Maria. Vào lúc nguy kịch nhất, Mẹ đi thăm người chị họ là Isave, và Tin Mừng thuật lại rằng Mẹ Maria “trỗi dậy và vội vã ra đi” (Lc 1:39). Tôi thích kêu cầu Đức Mẹ theo cách này, Đức Mẹ “vội vã”. Người luôn làm mọi việc vội vã, Người không bao giờ bắt chúng ta phải chờ đợi; Người là mẹ của tất cả mọi người. Bằng cách này, Mẹ Maria hướng dẫn cuộc lữ hành của những người trẻ theo Chúa Giêsu hôm nay, trong thiên niên kỷ thứ ba. Như Mẹ đã làm cách đây một thế kỷ ở Bồ Đào Nha, tại Fatima, khi Mẹ nói chuyện với ba trẻ em, trao cho chúng sứ điệp đức tin và đức cậy cho Giáo hội và thế giới. Đó là lý do tại sao, vào Ngày Giới trẻ Thế giới, tôi đã trở lại Fatima, nơi Đức Mẹ hiện ra, và cùng với một số bạn trẻ đau yếu, tôi đã cầu xin Chúa chữa lành thế giới khỏi những căn bệnh tâm hồn: kiêu ngạo, dối trá, thù hận, bạo lực là những căn bệnh của tâm hồn, và thế giới đang ốm yếu vì những căn bệnh này. Và chúng ta lặp lại việc dâng hiến chúng ta, việc dâng hiến Châu Âu, thế giới, cho Mẹ Maria, cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria. Tôi đã cầu nguyện cho hòa bình vì có rất nhiều cuộc chiến tranh trên khắp thế giới, rất nhiều.

Những người trẻ tuổi trên thế giới đã đến Lisbon với số lượng lớn và rất nhiệt tình. Tôi gặp họ trong những nhóm nhỏ và một số có rất nhiều vấn đề; nhóm thanh niên Ukraine đã mang đến những câu chuyện đau lòng. Đó không phải là một kỳ nghỉ, một chuyến du lịch, thậm chí không phải là một biến cố tâm linh vì lợi ích của chính nó. Ngày Giới trẻ Thế giới là cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô hằng sống qua Giáo hội, những người trẻ đi gặp gỡ Chúa Kitô; đúng là ở đâu có tuổi trẻ là ở đó có niềm vui, ở đó có tất cả những điều này!

Chuyến viếng thăm Bồ Đào Nha của tôi, nhân dịp Ngày Giới trẻ Thế giới, đã được hưởng nhờ bầu không khí lễ hội của nó, làn sóng giới trẻ này. Tôi tạ ơn Thiên Chúa vì điều này, đặc

biệt nghĩ đến Giáo hội Lisbon, một Giáo hội, để đổi lấy nỗ lực to lớn trong việc tổ chức và chủ trì nó, sẽ nhận được những năng lực mới để tiếp tục hành trình mới, để, một lần nữa, thả lưới với lòng nhiệt thành tông đồ. Giới trẻ Bồ Đào Nha ngày nay đã là một sự hiện diện quan trọng, và giờ đây, sau sự “truyền máu” này nhận được từ các Giáo hội trên khắp thế giới, họ sẽ càng trở nên như vậy hơn nữa.

Và nhiều người trẻ đã trở về qua ngã Rôma: Tôi cũng thấy họ ở đây, có một số người đã tham gia Ngày này. Kia họ kia kia! Ở đâu có người trẻ ở đó có tiếng ồn, họ giỏi làm điều đó!

Trong khi ở Ukraine và những nơi khác trên thế giới đang có giao tranh, và trong khi ở một số phòng họp giấu ẩn, chiến tranh đang được lên kế hoạch - điều này thật tệ, chiến tranh được lên kế hoạch! – Ngày Giới trẻ Thế giới đã cho mọi người thấy rằng có thể có một con đường khác, một thế giới của anh chị em, nơi lá cờ của tất cả các dân tộc tung bay cùng nhau, bên cạnh nhau, không hận thù, không sợ hãi, không khép kín, không vũ khí! Thông điệp của những người trẻ tuổi rất rõ ràng: liệu “quyền năng của trái đất” có lắng nghe nó không, tôi tự hỏi? Nhiệt huyết tuổi trẻ vốn muốn bình an này? Đây là một dụ ngôn cho thời đại chúng ta, và ngay cả ngày nay Chúa Giêsu cũng nói: “Ai có tai thì hãy nghe! Ai có mắt, hãy để họ xem!” Chúng ta hãy hy vọng toàn thế giới lắng nghe Ngày Giới trẻ Thế giới này và ngắm nhìn vẻ đẹp này của những người trẻ đang bước tới.

Một lần nữa, tôi bày tỏ lòng biết ơn tới Bồ Đào Nha, Lisbon, Tổng thống Cộng hòa, người đã có mặt tại tất cả các cử hành, và các thẩm quyền dân sự khác; tới Thượng phụ Lisbon, một người tốt lành; Chủ tịch Hội đồng Giám mục, và vị Giám mục tổ chức Ngày Giới trẻ Thế giới, cùng tất cả các cộng tác viên và tình nguyện viên. Hãy nghĩ tới các tình nguyện viên – tôi đã đến gặp họ vào ngày cuối cùng, trước khi trở về – lên tới con số 25 nghìn: Ngày Giới trẻ Thế giới này có 25 nghìn tình nguyện viên! Cảm ơn tất cả! Nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, xin Chúa chúc lành cho giới trẻ thế giới và chúc lành cho dân tộc Bồ Đào Nha. Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện xin Đức Mẹ, cùng nhau tất cả, để Người chúc lành cho nhân dân Bồ Đào Nha.

[Đọc kinh Kính Mừng]

Chương Hai Mươi Ba: Công bố [Tin Mừng] bằng tiếng mẹ đẻ: Thánh Juan Diego, sứ giả của Đức Trinh Nữ Maria (ngày 23/08/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình tìm lại niềm đam mê loan báo Tin Mừng, lòng nhiệt thành tông đồ đó; nhìn thấy niềm đam mê loan báo Tin Mừng này đã phát triển như thế nào trong lịch sử của Giáo hội; ngày nay, trên con đường này, chúng ta nhìn về Châu Mỹ, nơi mà việc rao giảng Tin Mừng có một nguồn luôn luôn sống động: Guadalupe – người Mexico đang hạnh phúc. Tất nhiên, Tin Mừng đã đến đó trước những lần hiện ra này, nhưng thật không may, nó cũng đi kèm với những lợi ích trần tục. Thay vì con đường hội nhập văn hóa, người ta thường áp dụng cách tiếp cận vội vàng là cây ghép và áp đặt các mô hình đã được xây dựng sẵn - chẳng hạn như mô hình châu Âu -, thiếu tôn trọng các dân tộc bản địa.

Mặt khác, Đức Trinh Nữ Guadalupe hiện ra trong trang phục của người dân bản địa, Người nói ngôn ngữ của họ, Người chào đón và yêu mến nền văn hóa địa phương: Đức Maria là Mẹ, và dưới áo choàng của Người, mọi đứa con đều tìm được một chỗ đứng. Nơi Mẹ Maria,

Thiên Chúa đã nhập thể làm người và qua Mẹ Maria, Người tiếp tục nhập thể vào cuộc sống của các dân tộc.

Thật vậy, Đức Mẹ công bố Thiên Chúa bằng ngôn ngữ phù hợp nhất; tức tiếng mẹ đẻ. Và Đức Mẹ cũng nói với chúng ta bằng tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ mà chúng ta hiểu rõ. Tin Mừng được truyền qua tiếng mẹ đẻ. Và tôi muốn nói lời cảm ơn đến nhiều bà mẹ và rất nhiều người bà đã truyền lại Tin Mừng cho con cháu của họ: đức tin được truyền lại trong cuộc sống; đây là lý do tại sao các bà mẹ và các bà nội ngoại là những người rao giảng tin mừng đầu tiên. [Hãy cho] một tràng pháo tay dành cho những người mẹ và người bà! Và nó được truyền đạt, như Đức Maria cho thấy, một cách đơn giản: Đức Mẹ luôn chọn những người đơn sơ, trên ngọn đồi Tepeyac ở Mexico, cũng như ở Lộ Đức và Fatima: khi nói với họ, Mẹ nói với mọi người, bằng một ngôn ngữ thích hợp cho mọi người, bằng ngôn ngữ dễ hiểu, giống như ngôn ngữ của Chúa Giêsu.

Vậy thì chúng ta hãy tập trung vào lời chứng của Thánh Juan Diego, vị sứ giả; ngài là chàng thanh niên, ngài là người bản địa đã nhận được sự mặc khải của Đức Maria: sứ giả của Đức Mẹ Guadalupe. Ngài là một người đơn giản, một người bình thường: Thiên Chúa, Đấng thích thực hiện những điều kỳ diệu thông qua những người bé nhỏ, đã dừng lại nhìn ngài.

Juan Diego là một người trưởng thành đã có gia đình khi ngài ôm ấp đức tin. Vào tháng 12 năm 1531, ngài khoảng 55 tuổi. Khi đang đi bộ, ngài nhìn thấy Mẹ Thiên Chúa trên đồi, Mẹ dịu dàng gọi ngài. Và Đức Mẹ gọi ngài là gì? “Juanito, đứa con bé bỏng yêu quý nhất của Mẹ” (*Nican Mopohua*, 23), lấy từ cái tên Juan. Sau đó, Mẹ sai ngài đến Đức Giám Mục để yêu cầu Đức Giám Mục xây dựng một nhà thờ ở nơi Mẹ hiện ra.

Juan Diego, giản dị và sẵn lòng, đã ra đi với tâm lòng quảng đại trong sáng của mình, nhưng phải đợi rất lâu. Cuối cùng ngài đã nói chuyện với Đức Giám Mục, người không tin ngài. Và rất thường xuyên, chúng tôi các giám mục [là như thế đấy], rất thường xuyên... Ngài đã gặp lại Đức Mẹ, Đức Mẹ đã an ủi ngài và yêu cầu ngài thử một lần nữa. Người *Indio* [người bản địa] này quay lại gặp Đức Giám Mục và gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Đức Giám Mục sau khi nghe lời ngài đã đuổi ngài đi và cử người đi theo ngài. Đây là khó khăn, thử thách của việc loan báo: mặc dù có lòng nhiệt thành, nhưng điều bất ngờ vẫn đến, đôi khi từ chính Giáo hội. Thật vậy, chỉ loan báo điều tốt thôi chưa đủ, cần phải biết chịu đựng sự dữ. Chúng ta đừng quên điều này: việc loan báo Tin Mừng là điều rất quan trọng, không chỉ bằng cách làm chứng cho điều thiện mà còn bằng cách chịu đựng sự ác. Một Kitô hữu làm điều tốt, nhưng cũng chịu đựng điều ác. Cả hai đi cùng với nhau; cuộc sống là như vậy.

Ngay cả ngày nay, ở rất nhiều nơi, việc hội nhập Tin Mừng và các nền văn hóa truyền giáo đòi hỏi sự kiên trì và kiên nhẫn, không sợ xung đột, không ngã lòng. Tôi đang nghĩ đến một đất nước nơi các Kitô hữu bị bách hại, bởi vì họ là Kitô hữu, và họ không thể thực hành đức tin của mình một cách dễ dàng và hòa bình. Juan Diego, chán nản vì bị giám mục đuổi đi, đã xin Đức Mẹ bãi chức vị này và bổ nhiệm một vị khác được kính trọng hơn và có năng lực hơn, nhưng được mời gọi kiên trì. Luôn có nguy cơ của một kiểu đầu hàng trong việc rao giảng: có điều gì đó không ổn và người ta lùi bước, trở nên chán nản và có lẽ ẩn náu trong những điều chắc chắn của chính mình, trong các nhóm nhỏ, và trong một số việc tôn sùng cá nhân. Mặt khác, Đức Mẹ an ủi chúng ta, làm cho chúng ta tiến về phía trước và nhờ đó cho phép chúng ta lớn lên, giống như một người mẹ nhân lành, vừa theo bước con trai mình, vừa đưa nó vào những thử thách của thế giới.

Được khích lệ như vậy, Juan Diego quay lại gặp Đức Giám Mục, người đã xin ngài một dấu

hiệu. Đức Mẹ hứa với Juan một điều và an ủi ngài bằng những lời này: “Đừng để điều gì làm con sợ hãi, đừng để điều gì làm phiền lòng con: [...] Ta không ở đây sao, Ta là mẹ của con mà?” Điều này thật đẹp. Nhiều khi chúng ta cô đơn, buồn bã, gặp khó khăn, Đức Mẹ cũng nói với chúng ta điều này trong tâm hồn chúng ta: Mẹ, mẹ của các con, không có ở đây sao? [Mẹ] luôn ở bên cạnh chúng ta để an ủi chúng ta và ban cho chúng ta sức mạnh để bước tiếp.

Rồi Đức Mẹ bảo ngài lên đỉnh đồi khô cằn để hái hoa. Tuy lúc đó đang là mùa đông, Juan Diego đã tìm thấy một số bông hoa đẹp, cài chúng vào áo choàng của mình và dâng chúng cho Mẹ Thiên Chúa, người đã bảo ngài mang chúng đến Đức Giám Mục để làm bằng chứng. Ngài đi, kiên nhẫn chờ đến lượt mình và cuối cùng, trước sự chứng kiến của Đức Giám Mục, mở chiếc *tilma* của mình - thứ áo mà người bản địa dùng để che thân - Ngài mở chiếc *tilma* của mình để cho thấy những bông hoa - và kìa! Hình ảnh Đức Mẹ xuất hiện trên tấm vải áo choàng, một hình ảnh phi thường và sống động mà chúng ta quen thuộc, vẫn như in trong mắt những nhân vật chính của thời đó. Đây là điều ngạc nhiên của Thiên Chúa: khi có sự sẵn lòng và khi có sự vâng phục, Người có thể hoàn thành một điều bất ngờ, trong thời gian và trong những cách chúng ta không thể đoán trước được. Và như vậy, ngôi đền theo yêu cầu của Đức Trinh Nữ đã được xây dựng và thậm chí ngày nay người ta vẫn có thể viếng thăm nó.

Juan Diego đã bỏ lại mọi sự và, với sự cho phép của Đức Giám Mục, đã dâng hiến cuộc đời mình cho đền thánh. Ngài chào đón những người hành hương và truyền giáo cho họ. Đây là những gì xảy ra tại các đền thánh Đức Mẹ, các địa điểm hành hương và những nơi rao giảng, nơi mà mọi người đều cảm thấy như ở nhà – bởi vì đó là nhà của Mẹ họ, nhà của Mẹ họ – và cảm thấy nỗi nhớ quê hương, nghĩa là nỗi khao khát về nơi mà bạn tìm thấy Mẹ, tức Thiên đàng. Đức tin được chào đón ở những nơi này một cách đơn giản, đức tin được chào đón một cách chân thực, một cách bình dân. Và như Mẹ đã nói với Juan Diego, Đức Mẹ lắng nghe tiếng kêu than của chúng ta và chữa lành những nỗi buồn của chúng ta (x. *SDD.*, 32). Chúng ta nên học điều này: khi gặp khó khăn trong cuộc sống, chúng ta hãy đến với Mẹ; và khi cuộc sống vui vẻ, chúng ta cũng về với Mẹ để chia sẻ những điều này. Chúng ta cần đến những ốc đảo an ủi và thương xót này, nơi đức tin được diễn tả bằng ngôn ngữ mẫu tử; nơi chúng ta phó thác lao công của cuộc sống trong vòng tay của Đức Mẹ và trở về cuộc sống với sự bình an trong tâm hồn, có lẽ với sự bình an của trẻ thơ

Chương Hai Mươi Bốn: lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu.

Cầu nguyện và phục vụ với niềm vui:

Kateri Tekakwitha, vị thánh bản địa đầu tiên của Bắc Mỹ

(ngày 30/08/2023)

Anh chị em thân mến! Chào anh chị em buổi sáng!

Bây giờ, tiếp tục bài giáo lý về chủ đề lòng nhiệt thành tông đồ và niềm đam mê loan báo Tin Mừng, hôm nay chúng ta nhìn vào Thánh Kateri Tekakwitha, người phụ nữ bản địa Bắc Mỹ đầu tiên được phong thánh. Sinh vào khoảng năm 1656 tại một ngôi làng ở ngoại ô New York, cô là con gái của một tù trưởng Mohawk chưa được rửa tội và một bà mẹ Kitô hữu người Algonquin, người đã dạy Kateri cầu nguyện và hát thánh ca tôn vinh Thiên Chúa. Nhiều người trong chúng ta cũng được dẫn nhập về Chúa lần đầu tiên trong môi trường gia đình, đặc biệt là từ mẹ và bà của chúng ta. Đây là cách việc truyền giáo bắt đầu và quả thực, chúng ta không nên quên rằng đức tin luôn được các bà mẹ, các bà nội ngoại truyền đạt bằng phương ngữ này. Đức tin nên luôn được truyền tải bằng phương ngữ, và chúng ta đã nhận được nó bằng phương ngữ từ các người mẹ và người bà. Việc truyền giảng Tin Mừng thường

bắt đầu như thế này: bằng những cử chỉ đơn giản, nhỏ nhen, chẳng hạn như cha mẹ giúp con cái học cách nói chuyện với Thiên Chúa trong lời cầu nguyện và kể cho chúng nghe về tình yêu vĩ đại và thương xót của Người. Và nên tăng đức tin đối với Kateri, và thường đối với cả chúng ta nữa, đã được đặt theo cách này. Cô đã nhận được nó từ mẹ cô bằng phương ngữ, phương ngữ của đức tin.

Khi Kateri lên bốn tuổi, một trận dịch đậu mùa nghiêm trọng ập đến với người dân của cô. Cả cha mẹ và em trai cô đều qua đời, còn bản thân Kateri thì để lại những vết sẹo trên mặt và các vấn đề về thị lực. Từ đó trở đi, Kateri phải đối mặt với nhiều khó khăn: chắc chắn là những khó khăn về thể chất do ảnh hưởng của bệnh đậu mùa, nhưng cũng có cả những hiểu lầm, bất bớ và thậm chí cả những lời đe dọa tử vong mà cô phải chịu sau khi chịu Phép rửa vào Chúa nhật Phục sinh năm 1676. Tất cả những điều này đã mang lại cho Kateri một tình yêu lớn lao đối với Thập Giá, dấu chỉ dứt khoát tình yêu của Chúa Kitô, Đấng đã hiến mình cho đến cùng vì chúng ta. Thật vậy, việc làm chứng cho Tin Mừng không chỉ là những gì làm hài lòng; chúng ta cũng phải biết cách vác thập giá hàng ngày của mình với lòng kiên nhẫn, tin tưởng và hy vọng. Kiên nhẫn trước những khó khăn, trước thập giá: kiên nhẫn là một nhân đức lớn lao của Kitô giáo. Ai không kiên nhẫn thì không phải là một Kitô hữu tốt. Kiên nhẫn để bao dung: bao dung với người khác, những người đôi khi gây khó chịu hoặc gây khó khăn. Cuộc đời của Kateri Tekakwitha cho chúng ta thấy rằng mọi thử thách đều có thể vượt qua nếu chúng ta mở lòng ra với Chúa Giêsu, Đấng ban cho chúng ta ân sủng mà chúng ta cần. Sự kiên nhẫn và tấm lòng rộng mở với Chúa Giêsu – đây là công thức để sống tốt.

Sau khi được rửa tội, Kateri buộc phải ẩn náu giữa những người Mohawks trong cơ sở truyền giáo Dòng Tên gần thành phố Montreal. Ở đó, cô tham dự Thánh lễ mỗi sáng, dành thời gian để cầu Thánh Thể, lần hạt Mân cô và sống một cuộc đời sám hối. Những thực hành tâm linh này của cô đã gây ấn tượng với mọi người ở Khu Truyền Giáo; họ nhận ra nơi Kateri một sự thánh thiện hấp dẫn vì nó xuất phát từ tình yêu sâu sắc của cô dành cho Thiên Chúa. Điều này phù hợp với sự thánh thiện: thu hút. Thiên Chúa kêu gọi chúng ta qua sự thu hút; Người kêu gọi chúng ta với ước muốn được gần gũi với chúng ta và người ta cảm nhận được sự thu hút thiêng liêng này. Đồng thời, cô dạy các em trong Khu Truyền Giáo cầu nguyện; và qua việc thường xuyên chu toàn các trách nhiệm của mình, bao gồm cả việc chăm sóc người bệnh và người già, cô đã nêu gương về sự phục vụ khiêm tốn và yêu thương đối với Thiên Chúa và người lân cận. Đức tin luôn được phát biểu bằng phục vụ. Đức tin không phải là tô điểm, tô điểm linh hồn; không, đức tin là để phục vụ.

Mặc dù được khuyến khích kết hôn nhưng Kateri vẫn thích hiến dâng cuộc đời mình cho Chúa Kitô hơn. Không thể bước vào đời sống thánh hiến, cô đã khẩn nguyện đồng trinh vào ngày 25 tháng 3 năm 1679. Sự lựa chọn này của cô cho thấy một khía cạnh khác của lòng nhiệt thành tông đồ mà cô có: đó là sự phó thác hoàn toàn cho Chúa. Tất nhiên, không phải tất cả mọi người đều được mời gọi tuyên khấn như Kateri, nhưng mọi Kitô hữu đều được mời gọi cống hiến hết mình hàng ngày cho ơn gọi và sứ mạng được Thiên Chúa giao phó, phục vụ Thiên Chúa và tha nhân trong tinh thần bác ái.

Anh chị em thân mến, cuộc đời của Kateri là một bằng chứng nữa cho thấy lòng nhiệt thành tông đồ bao hàm cả sự kết hợp với Chúa Giêsu, được nuôi dưỡng bằng lời cầu nguyện và các bí tích, lẫn ước muốn truyền bá vẻ đẹp của sứ điệp Kitô giáo qua việc trung thành với ơn gọi đặc biệt của mình. Những lời cuối cùng của Kateri rất hay. Trước khi chết, cô nói: “Lạy Chúa Giêsu, con yêu Chúa”.

Cầu mong chúng ta cũng như Thánh Kateri Tekakwitha, nhận được sức mạnh từ Chúa và học

cách làm những việc bình thường theo những cách phi thường, lớn lên hàng ngày trong đức tin, bác ái và lòng nhiệt thành làm chứng cho Chúa Kitô.

Chúng ta đừng quên: Mỗi người chúng ta được mời gọi nên thánh, nên thánh mỗi ngày, nên thánh trong đời sống bình thường của Kitô hữu. Mỗi người chúng ta đều có ơn gọi này: chúng ta tiến bước trên con đường này. Chúa sẽ không làm chúng ta thất vọng.

Chương Hai Mươi Lăm: chuyến tông du Mông Cổ (ngày 06/09/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, sáng thứ tư, ngày 6 tháng 9, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du mới đây của ngài tại Mông Cổ. Sau đây là nội dung bài nói chuyện của ngài:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tôi từ Mông Cổ trở về hôm thứ Hai. Tôi muốn bày tỏ việc đánh giá cao của tôi đối với những người đồng hành với tôi trong chuyến viếng thăm của tôi bằng lời cầu nguyện, và nhắc lại lòng biết ơn của tôi đối với chính quyền, những người đã long trọng chào đón tôi: đặc biệt là Người Tổng thống Khürelsükh, và cả cựu Tổng thống Enkhbayer, người đã trao cho tôi lời mời chính thức đến thăm đất nước. Tôi nghĩ lại với niềm vui về Giáo hội địa phương và người dân Mông Cổ: một dân tộc cao quý và khôn ngoan, đã cho tôi thấy sự ấm áp và tình cảm sâu sắc. Hôm nay tôi muốn đưa anh chị em đến tâm điểm của cuộc hành trình này.

Người ta có thể hỏi: tại sao Đức Giáo Hoàng lại đi xa đến thăm một đàn chiên nhỏ tin hữu? Bởi vì chính ở đó, cách xa ánh đèn sân khấu, chúng ta thường tìm thấy những dấu hiệu về sự hiện diện của Thiên Chúa, Đấng không nhìn vào vẻ bề ngoài mà nhìn vào trái tim, như chúng ta đã nghe trong đoạn văn của tiên tri Samuen (x. *ISm* 16:7). Chúa không tìm kiếm sân khấu chính, nhưng tìm kiếm trái tim đơn sơ của những ai khao khát Người và yêu mến Người mà không phô trương, không muốn vượt lên trên những người khác. Và tôi đã có cuộc gặp gỡ ở Mông Cổ, một Giáo hội khiêm tốn và một Giáo hội vui tươi, ở trong trái tim của Thiên Chúa, và tôi có thể làm chứng cho niềm vui của họ khi thấy mình cũng ở trung tâm của Giáo hội trong ít ngày.

Cộng đồng đó có một lịch sử cảm động. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, nó phát sinh từ lòng nhiệt thành tông đồ – điều mà chúng ta đang suy gẫm lúc này – của một số nhà truyền giáo, say mê bởi Tin Mừng, đã đến đất nước mà họ không hề biết cách đây khoảng ba mươi năm. Họ đã học ngôn ngữ này – một điều không hề dễ dàng – và, mặc dù đến từ các quốc gia khác nhau, đã mang lại sức sống cho một cộng đồng liên đới và thực sự Công Giáo. Thật vậy, đây chính là ý nghĩa của chữ “Công Giáo”, có nghĩa là “phổ quát”. Nhưng không phải tính phổ quát đồng nhất hóa, mà là tính phổ quát hội nhập văn hóa, đó là tính phổ quát được hội nhập văn hóa. Đó là tính Công Giáo: một tính phổ quát được nhập thân, “hội nhập văn hóa”, đón nhận những điều tốt đẹp ở nơi nó hiện hữu và phục vụ những người mà nó cùng chung sống. Đây là cách Giáo hội sống: làm chứng cho tình yêu của Chúa Giêsu một cách hiền lành, bằng cuộc sống trước lời nói, hạnh phúc với sự phong phú đích thực của nó: phục vụ Chúa và anh em.

Đây là cách mà Giáo hội non trẻ đó đã được sinh ra: trong tinh thần bác ái, là chứng tá đức

tin tốt nhất. Vào cuối chuyến viếng thăm, tôi đã vui mừng làm phép lành và khai trương “Nhà Lòng Thương Xót”, công trình từ thiện đầu tiên được thành lập ở Mông Cổ như một biểu thức nói lên tất cả các thành phần của Giáo hội địa phương. Một ngôi nhà vốn là danh thiếp của những Kitô hữu đó, nhưng lại yêu cầu một trong các cộng đồng của chúng ta trở thành ngôi nhà của lòng thương xót: nghĩa là một nơi rộng mở, một nơi chào đón, nơi mà những đau khổ của mỗi người có thể bước vào mà không xấu hổ khi tiếp xúc với lòng thương xót của Chúa, vốn nâng cao và chữa lành. Đây là chứng tá của Giáo hội Mông Cổ, với các nhà truyền giáo từ nhiều quốc gia khác nhau, những người cảm thấy hòa hợp với người dân, vui vẻ phục vụ họ và khám phá vẻ đẹp vốn có ở đó. Bởi vì những nhà truyền giáo này không đi cải đạo; đây không phải là ngũ tuần. Họ đến sống ở đó giống như người Mông Cổ, nói ngôn ngữ của họ, ngôn ngữ của dân tộc đó, mang những giá trị của dân tộc đó và rao giảng Tin Mừng theo phong cách Mông Cổ, bằng những lời nói của Mông Cổ. Họ ra đi và được “hội nhập văn hóa”: họ tiếp nhận nền văn hóa Mông Cổ để loan báo Tin Mừng trong nền văn hóa đó.

Tôi đã có thể khám phá ra một chút vẻ đẹp này, cũng nhờ gặp gỡ một số người, nghe những câu chuyện của họ, đánh giá cao việc nghiên cứu tôn giáo của họ. Theo nghĩa này, tôi biết ơn cuộc gặp gỡ liên tôn và đại kết vào Chúa Nhật tuần trước. Mông Cổ có một truyền thống Phật giáo vĩ đại, với nhiều người sống theo tôn giáo của họ trong im lặng một cách chân thành và triệt để, thông qua lòng vị tha và đấu tranh chống lại những đam mê của mình. Chúng ta hãy nghĩ xem biết bao hạt giống tốt lành làm cho khu vườn thế giới này nở trong bóng tối, trong khi chúng ta thường chỉ nghe thấy tiếng cây đổ! Và mọi người, cả chúng ta nữa, cũng thích tai tiếng: “Nhưng hãy nhìn xem, một cái cây đổ đã gây ra tiếng động thật đã man làm sao!” – “Nhưng bạn không thấy khu rừng đang phát triển mỗi ngày sao?”, bởi vì sự phát triển luôn âm thầm. Điều có tính quyết định là phải biết cách nhìn và nhận ra điều tốt. Tuy nhiên, thông thường, chúng ta chỉ đánh giá cao người khác ở mức độ họ phù hợp với ý tưởng của chúng ta, thay vào đó chúng ta phải thấy điều tốt đó. Và vì lý do này, điều quan trọng, như người dân Mông Cổ nghĩ, là hướng cái nhìn của chúng ta lên trên, hướng tới ánh sáng của sự thiện. Chỉ bằng cách này, bắt đầu từ việc thừa nhận điều tốt đẹp, thì tương lai chung mới được xây dựng; chỉ bằng cách coi trọng người khác, chúng ta mới có thể giúp họ tiến bộ.

Tôi đang ở ngay trung tâm châu Á và điều này đã giúp tôi rất nhiều. Thật tốt khi bước vào cuộc đối thoại với lục địa rộng lớn này, thu thập những thông điệp của nó, biết sự khôn ngoan của nó, cách nhìn sự vật của nó, nắm lấy thời gian và không gian. Thật tốt cho tôi khi được gặp người dân Mông Cổ, những người trân trọng cội nguồn và truyền thống của mình, tôn trọng người già và sống hòa hợp với môi trường: họ là một dân tộc chiêm ngưỡng bầu trời và cảm nhận hơi thở của tạo hóa. Nghĩ về những khoảng không gian vô tận và im lặng của người Mông Cổ, chúng ta hãy để mình được khuấy động bởi nhu cầu mở rộng tầm nhìn của mình: mở rộng tầm nhìn, nhìn cao và thấp, nhìn và đừng trở thành tù nhân của những điều tầm thường. Chúng ta hãy mở rộng ranh giới của cái nhìn của mình, để chúng ta có thể nhìn thấy những điều tốt đẹp nơi người khác và có khả năng mở rộng các chân trời của mình, và chúng ta cũng hãy mở rộng trái tim mình; chúng ta cần làm cho trái tim mình lớn lên và mở rộng để hiểu biết, gần gũi với mọi người và mọi nền văn minh. Cảm ơn anh chị em.

**Chương Hai Mươi Sáu: Niềm đam mê truyền giảng Tin Mừng:
Chân phước José Gregorio Hernández Cisneros,
bác sĩ người nghèo và tông đồ hòa bình
(ngày 13/09/2023)**

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, sáng

thứ tư, ngày 13 tháng 9, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý của Người về Niềm đam mê truyền giảng Tin Mừng qua gương sáng của Chân phước José Gregorio Hernández Cisneros, bác sĩ người nghèo và tông đồ hòa bình. Sau đây là nội dung bài giáo lý của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong các bài giáo lý của chúng ta, chúng ta tiếp tục gỡ gỡ các chứng nhân nhiệt thành đối với việc loan báo Tin Mừng. Chúng ta hãy nhớ rằng đây là một loạt bài giáo lý về lòng nhiệt thành tông đồ, về ý chí và thậm chí cả lòng nhiệt thành nội tâm để truyền bá Tin Mừng. Hôm nay chúng ta đến Châu Mỹ Latinh, đặc biệt là Venezuela, để làm quen với gương mặt của một giáo dân, Chân phước José Gregorio Hernández Cisneros. Ngài sinh năm 1864 và học đức tin trước hết từ mẹ ngài, như ngài kể lại: “Mẹ tôi đã dạy tôi nhân đức từ khi còn trong nôi, giúp tôi lớn lên trong sự hiểu biết về Thiên Chúa và ban cho tôi lòng bác ái làm nhân đức hướng dẫn tôi”. Chúng ta hãy chú ý: chính các bà mẹ là những người truyền lại đức tin. Đức tin được truyền lại bằng phương ngữ, tức là ngôn ngữ của các bà mẹ, phương ngữ mà các bà mẹ biết để nói với con cái mình. Và với các bà mẹ: các bà hãy siêng năng truyền đạt đức tin bằng phương ngữ mẫu thân đó.

Quả thật, lòng bác ái là ngôi sao bắc đẩu định hướng cho sự hiện hữu của Chân phước José Gregorio: một người tốt bụng và tươi cười, tính tình vui vẻ, có trí thông minh đáng lưu ý; ngài trở thành bác sĩ, giáo sư đại học và nhà khoa học. Nhưng trước hết, ngài là một bác sĩ gắn gũi với những người yếu đuối nhất, đến nỗi ở quê hương ngài, ngài được mệnh danh là “bác sĩ của người nghèo”. ngài luôn quan tâm đến người nghèo. Ngài thích sự giàu có của Tin Mừng hơn sự giàu có của tiền bạc, dành cuộc sống mình để giúp đỡ những người nghèo khó. Nơi người nghèo, người bệnh, người di cư, người đau khổ, José Gregorio nhìn thấy Chúa Giêsu. Sự thành công mà ngài chưa bao giờ tìm kiếm trong thế giới, nhưng ngài đã nhận được và tiếp tục nhận được từ người dân, những người gọi ngài là “vị thánh của người dân”, “tông đồ đức bác ái”, “nhà truyền giáo của niềm hy vọng”. Đều là những cái tên đẹp đẽ: “vị thánh của người dân”, “tông đồ của người dân”, “nhà truyền giáo của niềm hy vọng”.

José Gregorio là một người khiêm tốn, tốt bụng và hay giúp đỡ. Đồng thời, ngài được thúc đẩy bởi ngọn lửa nội tâm, ước muốn sống phục vụ Thiên Chúa và người lân cận. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành này, ngài đã nhiều lần cố gắng trở thành một tu sĩ và linh mục, nhưng nhiều vấn đề sức khỏe đã ngăn cản ngài thực hiện điều đó. Tuy nhiên, sự yếu đuối về thể chất không khiến ngài khép mình lại mà trở thành một bác sĩ thậm chí còn nhạy cảm hơn với nhu cầu của người khác; Người bám chặt vào Chúa Quan Phòng và rèn luyện trong tâm hồn mình ngày càng hướng tới những gì thiết yếu. Đây là lòng nhiệt thành tông đồ: nó không theo đuổi những khát vọng riêng của mình, mà là cởi mở đón nhận những kế sách của Thiên Chúa. Và vì vậy, Chân phước hiểu rằng, qua việc chăm sóc người bệnh, ngài thực hành thánh ý Thiên Chúa, an ủi những người đau khổ, mang lại niềm hy vọng cho người nghèo, làm chứng cho đức tin không phải bằng lời nói mà bằng gương sáng. Vì vậy, bằng con đường nội tâm này, ngài tiến tới chỗ chấp nhận y học như một chức linh mục: “chức linh mục của nỗi đau con người” (M. YABER, *José Gregorio Hernández: Médico de los Pobres, Apóstol de la Justicia Social, Misionero de las Esperanzas* [José Gregorio Hernández: Bác sĩ người nghèo, Tông đồ Công bằng Xã hội, Nhà Truyền giáo Hy vọng, 2004, 107). Điều quan trọng biết bao là không chịu đựng mọi việc một cách thụ động, nhưng, như Kinh thánh nói, làm mọi việc với tinh thần tốt lành, để phục vụ Chúa (x. Cl. 3:23).

Nhưng chúng ta hãy tự hỏi: José Gregorio lấy đâu ra tất cả sự nhiệt tình, nhiệt huyết này? Nó

đến từ sự chắc chắn và sức mạnh. Điều chắc chắn là ân sủng của Thiên Chúa: ngài viết rằng “nếu có người tốt và người xấu trên thế giới, thì kẻ xấu là như vậy vì chính họ đã trở nên xấu: nhưng người tốt là như vậy nhờ sự giúp đỡ của Thiên Chúa” (27 tháng 5 năm 1914). Và ngài tự coi mình trước hết là người cần ân sủng, ăn xin trên đường phố và rất cần tình yêu thương. Và đây chính là sức mạnh mà ngài đã có được: sự thân mật với Thiên Chúa. Ngài là một người cầu nguyện – đây là ân sủng của Thiên Chúa và là sự thân mật với Chúa. Ngài là một người cầu nguyện và tham dự Thánh lễ.

Và khi tiếp xúc với Chúa Giêsu, Đấng hiển mình trên bàn thờ cho mọi người, José Gregorio cảm thấy được kêu gọi hiến mạng sống mình cho hòa bình. Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra. Vì vậy, chúng ta gặp ngày 29 tháng 6 năm 1919: một người bạn đến thăm ngài và thấy ngài rất vui. Quả thực, José Gregorio biết rằng hiệp ước chấm dứt chiến tranh đã được ký kết. Việc dâng hiến của ngài đã được chấp nhận, và dường như ngài thấy trước rằng công việc của ngài trên trái đất đã hoàn thành. Sáng hôm đó, như thường lệ, ngài đi lễ, rồi ngài xuống phố mang thuốc cho người bệnh. Nhưng khi ngài băng qua đường thì bị một chiếc xe tông phải; được đưa đến bệnh viện, ngài chết khi kêu tên Đức Mẹ. Thế là, cuộc hành trình trần thế của ngài kết thúc, trên con đường đang làm công việc bác ái, và tại một bệnh viện, nơi ngài đã biến công việc của mình thành một kiệt tác, như một bác sĩ.

Anh chị em thân mến, trước chúng ta này, chúng ta hãy tự hỏi: đối diện với Thiên Chúa hiện diện nơi những người nghèo gần tôi, đối diện với những người đau khổ nhất trên thế giới, tôi sẽ phản ứng thế nào? Và gương sáng của José Gregorio: nó ảnh hưởng đến tôi như thế nào? Ngài thúc đẩy chúng ta tham gia khi đối diện với các vấn đề xã hội kinh tế, chính trị lớn lao ngày nay. Rất nhiều người nói về nó, rất nhiều người phàn nàn về nó, rất nhiều người chỉ trích và nói rằng mọi thứ đang đi sai hướng. Nhưng đó không phải là điều mà người Kitô hữu được mời gọi làm; thay vào đó, họ được mời gọi giải quyết nó, chịu bản tay: trước hết, như Thánh Phaolô đã dạy chúng ta, hãy cầu nguyện (x. *1 Tm 2:1-4*), và sau đó đừng ngần ngại nói huyền thuyên – nói chuyện phiếm là một bệnh dịch – nhưng để cổ vũ điều tốt và xây dựng hòa bình và công lý trong sự thật. Đây cũng là lòng nhiệt thành tông đồ; đây là việc loan báo Tin Mừng; và đây là mối phúc Kitô giáo: “Phúc thay ai xây dựng hòa bình” (*Mt 5:9*).

Chúng ta hãy tiến bước trên con đường của Chân phước [José] Gregorio: một giáo dân, một bác sĩ, một người làm công việc hàng ngày mà lòng nhiệt thành tông đồ đã thúc đẩy ngài sống thực hiện bác ái suốt cuộc đời.

**Chương Hai Mươi Bảy: Niềm đam mê truyền giáo:
Thánh Daniel Comboni, tông đồ Châu Phi
và là nhà tiên tri truyền giáo
(ngày 20/09/2023)**

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong tiến trình dạy giáo lý về niềm đam mê truyền giáo, tức là lòng nhiệt thành tông đồ, hôm nay chúng ta hãy dành chút thời gian để chứng kiến Thánh Daniel Comboni. Ngài là một tông đồ đầy lòng nhiệt thành đối với Châu Phi. Ngài viết về những dân tộc này: “Họ đã chiếm hữu trái tim tôi vốn chỉ sống vì họ” (*Writings*, 941). “Tôi sẽ chết với Châu Phi trên môi tôi” (*Writings*, 1441). Điều đó thật đẹp phải không? Và ngài đã viết cho họ điều này: “Điều hạnh phúc nhất trong những ngày của tôi sẽ là khi tôi có thể cống hiến cuộc đời mình cho anh chị em” (*Writings*, 3159). Đây là cách diễn tả của một người yêu mến Thiên Chúa và yêu thương anh chị em mà ngài đang phục vụ trong sứ mạng, những người mà ngài không bao

giờ mệt mỏi nhắc nhở rằng “Chúa Giêsu Kitô đã chịu đau khổ và chết vì họ nữa” (*Writings*, 2499; 4801).

Ngài khẳng định điều này trong bối cảnh đặc trưng bởi sự khủng khiếp của chế độ nô lệ mà ngài là nhân chứng. Chế độ nô lệ “vật hóa” con người, giá trị của con người bị giảm xuống mức hữu ích cho ai đó hoặc điều gì đó. Nhưng Chúa Giêsu, Thiên Chúa làm người, đã nâng cao phẩm giá của mỗi con người và vạch trần sự giả dối của mọi chế độ nô lệ. Dưới ánh sáng của Chúa Kitô, Comboni nhận thức được sự ác của chế độ nô lệ. Hơn nữa, ngài hiểu rằng tình trạng nô lệ xã hội bắt nguồn từ một tình trạng nô lệ thậm chí còn sâu xa hơn, tình trạng nô lệ của trái tim, tình trạng nô lệ của tội lỗi, mà Chúa giải thoát chúng ta. Vì vậy, là Kitô hữu, chúng ta được mời gọi đấu tranh chống lại mọi hình thức nô lệ. Tuy nhiên, thật không may, chế độ nô lệ, giống như chủ nghĩa thực dân, không phải là một điều thuộc quá khứ. Ở Châu Phi mà Comboni vô cùng yêu quý, nơi ngày nay bị xâu xé bởi quá nhiều xung đột, “sự bóc lột chính trị đã nhường chỗ cho một ‘chủ nghĩa thực dân kinh tế’ cũng có chế độ nô lệ không kém. (...) Đây là một thảm kịch mà thế giới kinh tế tiên tiến hơn thường bịt mắt, bịt tai và bịt miệng”. Do đó, tôi nhắc lại lời kêu gọi của mình: “Hãy ngừng việc bóc lột Châu Phi: đây không phải là một mỏ để bị tước đoạt hay một địa hình để bị cướp bóc” (*Cuộc gặp gỡ các nhà chức trách, Kin-shasa*, ngày 31 tháng 1 năm 2023).

Và quay trở lại với cuộc đời của Thánh Daniel. Sau thời gian đầu tiên ở Châu Phi, ngài phải rời nhiệm sở vì lý do sức khỏe. Quá nhiều nhà truyền giáo đã chết sau khi mắc bệnh sốt rét, phức tạp hơn do nhận thức chưa đầy đủ về tình hình địa phương. Mặc dù những người khác đã bỏ rơi Châu Phi nhưng Thánh Comboni không làm như vậy. Sau một thời gian phân định, ngài cảm thấy Chúa đang truyền cảm hứng cho ngài theo một con đường truyền giáo mới, mà ngài tóm tắt bằng những lời này: “Hãy cứu Châu Phi bằng Châu Phi” (*Writings*, 2741s). Đây là một cái nhìn sâu sắc mạnh mẽ, không có chủ nghĩa thực dân. Đó là một cái nhìn sâu sắc mạnh mẽ đã giúp đổi mới cách tiếp cận truyền giáo của ngài : những người được truyền giáo không chỉ là “đôi tượng” mà còn là “chủ thể” của sứ mệnh truyền giáo. Và Thánh Daniel Comboni muốn mọi Kitô hữu tham gia vào công cuộc truyền giáo. Với tinh thần này, ngài đã tích hợp những suy nghĩ và hành động của mình, thu hút sự tham gia của các giáo sĩ địa phương và thúc đẩy việc phục vụ giáo lý viên giáo dân. Các giáo lý viên là kho báu của Giáo hội. Các giáo lý viên là những người thúc đẩy việc truyền giáo. Ngài cũng quan niệm về sự phát triển con người theo cách này, trau dồi nghệ thuật và nghề nghiệp, đề cao vai trò của gia đình và phụ nữ trong việc biên giới văn hóa và xã hội. Và điều quan trọng xiết bao, ngay cả ngày nay, là làm cho đức tin và sự phát triển con người tiến bộ trong bối cảnh truyền giáo, thay vì cây ghép các mô hình bên ngoài hoặc giới hạn chúng vào chủ nghĩa phúc lợi vô dụng! Không phải mô hình bên ngoài cũng như chủ nghĩa phúc lợi. Đi con đường truyền giáo từ văn hóa, từ văn hóa của người dân. Tin mừng hóa văn hóa và hội nhập Tin Mừng đi đôi với nhau.

Tuy nhiên, niềm đam mê truyền giáo vĩ đại của Thánh Comboni không phải chủ yếu là kết quả của nỗ lực con người. Ngài không được thúc đẩy bởi lòng dũng cảm của chính mình hay được thúc đẩy chỉ bởi những giá trị quan trọng như tự do, công lý và hòa bình. Lòng nhiệt thành của ngài xuất phát từ niềm vui của Tin Mừng, được rút ra từ tình yêu của Chúa Kitô, từ đó dẫn đến tình yêu dành cho Chúa Kitô! Thánh Daniel đã viết: “một sứ mệnh gian khổ và vất vả như của chúng ta không thể bị che đậy, sống bởi những con người gian xảo đầy ích kỷ và chỉ sống với chính mình, những người không quan tâm đến sự lành mạnh của mình và sự hoán cải của các linh hồn như lẽ ra họ phải làm”. Đây là thảm kịch của chủ nghĩa giáo sĩ trị, vốn làm cho các Kitô hữu, kể cả giáo dân, tự biến mình thành những con người với cái cổ vẹo vọ đầy ích kỷ. Đây là tai họa của chủ nghĩa giáo sĩ trị. Và ngài nói thêm: “Cần phải truyền

lừa cho họ lòng bác ái bắt nguồn từ Thiên Chúa và tình yêu của Chúa Kitô; khi một người thực sự yêu mến Chúa Kitô thì những thiếu thốn, đau khổ và tử đạo sẽ trở nên ngọt ngào” (*Writings*, 6656). Ngài mong muốn được nhìn thấy những nhà truyền giáo nhiệt thành, vui tươi, tận tụy, những nhà truyền giáo “thánh thiện và có khả năng”, ngài viết, “trước hết là các vị thánh, nghĩa là hoàn toàn thoát khỏi tội lỗi, không xúc phạm đến Thiên Chúa và khiêm nhường. Nhưng chỉ thế thôi vẫn chưa đủ: chúng ta cần đức ái giúp ích cho các người dân của chúng ta” (*Writings*, 6655). Vì vậy, đối với Thánh Comboni, nguồn gốc của khả năng truyền giáo là lòng bác ái, đặc biệt là lòng nhiệt thành biến nỗi đau của người khác thành nỗi đau của mình.

Ngoài ra, niềm đam mê truyền giáo của ngài không bao giờ khiến ngài hoạt động như một nghệ sĩ độc tấu, mà luôn trong hiệp thông, trong Giáo hội. “Tôi chỉ có một mạng sống để cống hiến sự cứu rỗi cho những linh hồn đó: Tôi ước gì tôi có cả ngàn mạng sống cho mục đích này” (*Writings*, 2271).

Anh chị em, thân mến, Thánh Daniel làm chứng cho tình yêu của Mục Tử Nhân Lành, Đấng đi tìm người lạc lối và hiến mạng sống vì đoàn chiên. Lòng nhiệt thành của ngài rất mạnh mẽ và mang tính tiên tri khi chống lại sự thờ ơ và loại trừ. Trong những bức thư của ngài, ngài tha thiết kêu gọi Giáo hội thân yêu của mình, một Giáo Hội đã quên mất Châu Phi quá lâu. Giác mơ của Thánh Comboni là giác mơ về một Giáo hội có mục đích chung với những người bị đóng đinh trong lịch sử, để cùng họ trải nghiệm sự phục sinh. Vào lúc này, tôi muốn đưa ra cho tất cả anh chị em một gợi ý. Hãy nghĩ đến những người bị đóng đinh trong lịch sử ngày nay: đàn ông, đàn bà, trẻ em, người già, tất cả những người bị đóng đinh bởi lịch sử bất công và thống trị. Chúng ta hãy nghĩ đến họ và cầu nguyện cho họ. Chứng tá của ngài dường như muốn lặp lại với tất cả chúng ta, những người nam nữ của Giáo hội: “Đừng quên người nghèo – hãy yêu thương họ – vì Chúa Giêsu chịu đóng đinh đang hiện diện trong họ, chờ đợi họ sống lại”. Chúng ta đừng quên người nghèo. Trước khi đến đây, tôi đã có cuộc gặp gỡ các nhà lập pháp Batây đang làm việc vì người nghèo, những người cố gắng thúc đẩy người nghèo thông qua hỗ trợ và công bằng xã hội. Và họ không quên người nghèo – họ làm việc vì người nghèo. Với tất cả anh chị em, tôi xin nói: đừng quên người nghèo, bởi vì họ sẽ là những người mở cửa Thiên đàng cho anh chị em. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi Tám: chuyến tông du Marseille (ngày 27/09/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, sáng thứ tư, ngày 27 tháng 9, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du mới đây của ngài tại Marseille. Sau đây là nội dung bài nói chuyện của ngài.

Anh chị em thân mến!

Tôi đã đến Marseille vào cuối tuần trước để tham dự lễ *bé mაც* Cuộc gặp gỡ Địa Trung Hải, có sự tham gia của các Giám mục và thị trưởng từ khu vực Địa Trung Hải, cùng với nhiều bạn trẻ, để tầm nhìn của họ rộng mở hơn cho tương lai. Thực tế, biến cố diễn ra ở Marseille được gọi là “Bức tranh ghép của hy vọng”. Đây là giác mơ, đây là thách thức: Địa Trung Hải có thể phục hồi ơn gọi của nó, ơn gọi trở thành *một phòng thí nghiệm của nền văn minh và hòa bình*.

Như chúng ta đã biết, Địa Trung Hải là cái nôi của nền văn minh và là cái nôi của sự sống!

Thật không thể chấp nhận được nếu nó trở thành nấm mồ và cũng không thể là nơi xung đột. Biển Địa Trung Hải hoàn toàn trái ngược với sự đung độ giữa các nền văn minh, chiến tranh, nạn buôn người. Hoàn toàn ngược lại vì Địa Trung Hải là phương tiện truyền thông giữa Châu Phi, Châu Á và Châu Âu; giữa miền bắc và miền nam, miền đông và miền tây, con người và văn hóa, dân tộc và ngôn ngữ, triết học và tôn giáo. Tất nhiên, biển luôn là vực thẳm cần phải vượt qua bằng cách nào đó, thậm chí nó có thể trở nên nguy hiểm. Nhưng nước của nó bảo vệ kho báu sự sống; sóng và gió của nó mang đủ loại tàu thuyền.

Từ bờ biển phía đông của nó, hai ngàn năm trước, Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô đã khởi hành. Tất nhiên, điều này [việc loan báo Tin Mừng] không xảy ra một cách ma thuật, cũng không phải được thực hiện một lần và mãi mãi. Đó là thành quả của một cuộc hành trình trong đó mỗi thế hệ được mời gọi đi một đoạn đường, đọc những dấu chỉ của thời đại mình đang sống.

Cuộc gặp gỡ ở Marseille diễn ra sau các cuộc gặp gỡ tương tự diễn ra ở Bari vào năm 2020 và ở Florence năm ngoái. Đó không phải là một biến cố biệt lập mà là một bước tiến trong hành trình bắt đầu từ “Hội thảo Địa Trung Hải” do Giorgio La Pira, Thị trưởng Florence tổ chức vào cuối những năm 1950. Hôm nay là một bước tiến để đáp lại lời kêu gọi do Thánh Phaolô VI đưa ra trong Thông điệp *Populorum Progressio* của Người, nhằm thúc đẩy “một cộng đồng thế giới nhân đạo hơn, nơi tất cả mọi người đều có thể cho và nhận, và ở đó sự tiến bộ của một số người không bị đánh đổi bằng phí tổn của người khác.” (số 44).

Điều gì phát sinh từ biến cố Marseille? Điều phát sinh là một quan điểm về Địa Trung Hải mà tôi đơn giản gọi là *nhân bản*, không phải ý thức hệ, không phải chiến lược, không đúng về mặt chính trị cũng không mang tính công cụ; không, nhân bản, nghĩa là có khả năng quy mọi sự về giá trị hàng đầu của con người và phẩm giá bất khả xâm phạm của họ. Như thế, cùng lúc đó, một quan điểm đầy *hy vọng* xuất hiện. Ngày nay, điều này thật đáng ngạc nhiên – khi anh chị em nghe các chứng từ của những người đã sống qua những hoàn cảnh vô nhân đạo, hoặc những người đã chia sẻ chúng, và chính họ mang đến cho anh chị em một “lời tuyên xưng niềm hy vọng”. Và cũng là một quan điểm *huynh đệ*.

Anh chị em thân mến, niềm hy vọng này, tình huynh đệ này không được “bốc hơi”; không, đúng hơn, nó cần được tổ chức, cụ thể hóa bằng những hành động dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để người dân, với phẩm giá trọn vẹn, có thể lựa chọn di cư hoặc không di cư. Địa Trung Hải phải là một thông điệp hy vọng.

Nhưng còn có một khía cạnh bổ sung khác: *niềm hy vọng* cần được *khôi phục trong các xã hội châu Âu của chúng ta*, đặc biệt là các thế hệ mới. Thực vậy, làm sao chúng ta có thể chào đón người khác nếu bản thân chúng ta trước hết không có một chân trời rộng mở hướng tới tương lai? Làm thế nào những người trẻ, những người nghèo về niềm hy vọng, khép kín trong đời sống riêng tư, lo lắng về việc quản lý tình trạng bấp bênh của mình, có thể cởi mở để gặp gỡ người khác và chia sẻ? Xã hội của chúng ta, nhiều lần bị bệnh tật bởi chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tiêu dùng và chủ nghĩa thoát ly trông rỗng, cần phải cởi mở, linh hồn và tinh thần của họ cần được cung cấp dưỡng khí, và khi đó họ sẽ có thể đọc được cuộc khủng hoảng như một cơ hội và giải quyết nó một cách tích cực.

Châu Âu cần lấy lại *niềm đam mê và nhiệt huyết*. Và tôi có thể nói rằng tôi đã tìm thấy niềm đam mê và nhiệt huyết ở Marseille: nơi Mực tử của thành phố, Đức Hồng Y Aveline; nơi các linh mục và những người thánh hiến; nơi giáo dân trung thành tận tâm làm bác ái, giáo dục; nơi dân Chúa đã tỏ ra hết sức nồng nhiệt trong Thánh lễ tại Sân vận động Vélodrome, tôi xin

cảm ơn tất cả anh chị em đó và Tổng thống nước Cộng hòa, sự hiện diện của ông đã làm chứng rằng toàn thể nước Pháp đang chú ý tới biển cố ở Marseille. Xin Đức Mẹ, Đấng mà người dân Marseille tôn kính là Đức Bà Canh Chừng (Notre Dame de la Garde), đồng hành cùng cuộc hành trình của các dân tộc Địa Trung Hải để khu vực này có thể trở thành điều mà nó luôn được gọi là – một bức tranh ghép của nền văn minh và niềm hy vọng.

**Chương Hai Mươi Chín: Niềm đam mê truyền giáo,
Thánh Josephine Bakhita:
chứng nhân sức mạnh biến đổi của ơn tha thứ của Chúa Kitô
(ngày 11/10/2023)**

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình dạy giáo lý về lòng nhiệt thành tông đồ - chúng ta đang suy gẫm về lòng nhiệt thành tông đồ -, hôm nay chúng ta muốn được linh hứng bởi chứng tá của Thánh Josephine Bakhita, một vị thánh người Sudan. Thật không may, trong nhiều tháng Sudan đã bị xâu xé bởi một cuộc xung đột vũ trang khủng khiếp mà ngày nay người ta ít nói đến; Chúng ta hãy cầu nguyện cho người dân Sudan để họ được sống trong hòa bình! Nhưng danh tiếng của Thánh nữ Bakhita đã vượt qua mọi ranh giới và đến được với tất cả những người bị chối bỏ danh tính và phẩm giá.

Sinh ra ở Darfur – Darfur bị hành khố! – năm 1869, ngài bị bắt cóc khỏi gia đình khi mới 7 tuổi và phải làm nô lệ. Những kẻ bắt giữ ngài gọi ngài là “*Bakhita*”, có nghĩa là “may mắn”. Ngài đã trải qua tám người chủ - người này bán cho người khác... Những đau khổ về thể xác và tinh thần mà ngài phải chịu khi còn nhỏ đã khiến ngài không còn danh tính. Ngài phải chịu đựng sự tàn ác và bạo lực: trên cơ thể ngài có hơn một trăm vết sẹo. Nhưng chính ngài đã làm chứng: "Là một nô lệ, tôi không bao giờ tuyệt vọng, bởi vì tôi cảm nhận được một sức mạnh mâu nhiệm đã nâng đỡ tôi".

Đối diện với điều này, tôi tự hỏi: bí quyết của Thánh Nữ Bakhita là gì? Chúng ta biết rằng người bị thương, đến lượt mình, thường gây thương tổn; người bị áp bức dễ dàng trở thành kẻ áp bức. Thay vào đó, ơn gọi của những người bị áp bức là giải phóng bản thân và những kẻ áp bức họ bằng cách trở thành những người phục hồi nhân tính. Chỉ nơi sự yếu đuối của những người bị áp bức, sức mạnh tình yêu của Thiên Chúa vốn giải phóng cả hai mới được mạc khải. Thánh Bakhita diễn đạt sự thật này rất hay. Một ngày nọ, người diu dắt ngài đưa cho ngài một tượng chịu nạn nhỏ, và ngài, vì chưa bao giờ sở hữu bất cứ thứ gì, nên đã khư khư giữ nó như một báu vật. Nhìn tượng, ngài trải nghiệm một sự giải phóng nội tâm bởi vì ngài *cảm thấy được hiểu và được yêu và do đó có khả năng hiểu và yêu*: đây là sự khởi đầu. ngài cảm thấy được thấu hiểu, ngài cảm thấy được yêu thương và do đó ngài có khả năng hiểu và yêu thương người khác. Thực vậy, ngài nói: "Tình yêu của Thiên Chúa luôn đồng hành với tôi một cách huyền nhiệm... Chúa đã yêu thương tôi rất nhiều: chúng ta phải yêu thương mọi người... Chúng ta phải có lòng cảm thương!". Đó là linh hồn của Bakhita. Quả thật, thương xót vừa có nghĩa là *đau khổ* với những nạn nhân của biết bao sự vô nhân đạo đang hiện diện trên thế giới, vừa *thương xót* những người phạm sai lầm, bất công, không phải biện minh mà là nhân bản hóa. Đây là sự âu yếm mà ngài dạy chúng ta: nhân bản hóa. Khi chúng ta đi vào luận lý đấu tranh, chia rẽ giữa chúng ta, những cảm giác tội tộ, người này chống lại người kia, chúng ta đánh mất nhân tính. Và nhiều khi chúng ta nghĩ mình cần có nhân tính, cần nhân bản hơn. Và đây là công việc mà Thánh Bakhita dạy chúng ta: nhân bản hóa, nhân bản hóa chính mình và nhân bản hóa người khác.

Thánh Bakhita, người đã trở thành Kitô hữu, đã được biến đổi bởi lời lẽ của Chúa Kitô mà ngài vốn suy niệm hàng ngày: “Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23,34). Đó là lý do tại sao ngài nói: “Nếu Giuđa xin Chúa Giêsu tha thứ thì ông ấy đã được thương xót rồi”. Chúng ta có thể nói rằng cuộc đời của Thánh Bakhita đã trở thành một *dụ ngôn hiện sinh về sự tha thứ*. Thật đẹp biết bao khi nói về một người “bà ấy có khả năng, bà ấy có khả năng luôn tha thứ”. Và quả thực, ngài luôn có thể làm được điều đó: cuộc đời ngài là một dụ ngôn hiện sinh về sự tha thứ. Hãy tha thứ vì khi đó chúng ta sẽ được tha thứ. Đừng quên điều này: sự tha thứ, đó là sự âu yếm của Thiên Chúa dành cho mọi người chúng ta.

Sự tha thứ đã giải phóng ngài. Sự tha thứ trước tiên được nhận bởi tình yêu thương xót của Thiên Chúa, và sau đó sự tha thứ được ban đã làm cho ngài trở thành một người phụ nữ tự do, vui tươi, có khả năng yêu thương.

Bakhita đã có thể trải nghiệm sự phục vụ không phải như ách nô lệ mà như một biểu thức nói lên việc tự hiến tự do. Và điều này rất quan trọng: ngài tự nguyện làm người hầu - ngài bị bán làm nô lệ - rồi ngài tự do lựa chọn trở thành người hầu, mang lên vai gánh nặng của người khác.

Thánh Josephine Bakhita, với tấm gương của mình, chỉ cho chúng ta con đường để cuối cùng thoát khỏi cảnh nô lệ và sợ hãi. Nó giúp chúng ta vạch trần những thói đạo đức giả và tính ích kỷ của mình, vượt qua những oán giận và xung đột. Và ngài luôn khuyến khích chúng ta.

Anh chị em thân mến, sự tha thứ không lấy đi điều gì mà chỉ thêm vào - sự tha thứ thêm gì? – phẩm giá: sự tha thứ không lấy đi của anh chị em bất cứ điều gì nhưng thêm phẩm giá cho con người, nó khiến chúng ta không nhìn chính mình nhưng hướng tới người khác, để thấy họ cũng mong manh như chúng ta, nhưng luôn là anh chị em trong Chúa. Thừa anh chị em, sự tha thứ là nguồn suối của *lòng nhiệt thành trở thành lòng thương xót và kêu gọi chúng ta tới sự thánh thiện khiêm nhường và vui tươi*, giống như thánh Bakhita

Chương Ba Mười: Niềm đam mê truyền giáo: Thánh Charles de Foucauld, trái tim bác ái trong cuộc sống ẩn dật (ngày 18/10/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta hãy tiếp tục cuộc gặp gỡ với một số chứng nhân Kitô giáo giàu lòng nhiệt thành trong việc công bố Tin Mừng. Lòng nhiệt thành tông đồ, lòng nhiệt thành loan báo: và chúng ta đang nhìn vào một số Kitô hữu đã là gương mẫu cho lòng nhiệt thành tông đồ này. Hôm nay tôi muốn nói chuyện với anh chị em về một người đã coi Chúa Giêsu và những người anh em nghèo nhất của ngài là niềm đam mê của cuộc đời mình. Tôi muốn nói đến Thánh Charles de Foucauld, người “dựa trên kinh nghiệm mãnh liệt của mình về Thiên Chúa, đã thực hiện một hành trình biến đổi để cảm thấy mình là anh em của tất cả mọi người” (Thông điệp *Fratelli tutti*, 286).

Và đâu là “bí quyết” của Charles de Foucauld trong cuộc đời ngài? Sau khi sống một tuổi trẻ xa cách Chúa, không tin vào bất cứ điều gì khác ngoài việc theo đuổi thú vui một cách vô trật tự, ngài tâm sự điều này với một người bạn không tin; với người này ngài tiết lộ lý do cho cuộc đời của ngài, sau khi hoán cải bằng cách chấp nhận ơn tha thứ của Chúa trong Bí tích xưng tội. Ngài viết: “Tôi đã hết lòng vì Chúa Giêsu Nadarét”. [1] Như thế, Thầy Charles nhắc nhở chúng ta rằng bước đầu tiên trong việc truyền giảng Tin Mừng là có Chúa Giêsu trong

tâm hồn mình; đó là “tiếng xét ái tình” vì Người. Nếu điều này không xảy ra thì chúng ta khó có thể biểu lộ nó bằng cuộc sống của mình. Thay vào đó, chúng ta có nguy cơ nói về chính mình, về nhóm mà chúng ta thuộc về, về đạo đức hay tệ hơn nữa là về một bộ quy tắc, nhưng không phải về Chúa Giêsu, tình yêu, lòng thương xót của Người. Tôi thấy điều này trong một số phong trào mới đang nổi lên: họ nói về tầm nhìn của họ về nhân loại, họ nói về linh đạo của họ và họ cảm thấy con đường của họ là một con đường mới... Nhưng tại sao bạn không nói về Chúa Giêsu? Họ nói về nhiều điều, về tổ chức, về những hành trình tâm linh, nhưng họ không biết nói về Chúa Giêsu như thế nào. Tôi nghĩ rằng hôm nay thật tốt cho mỗi người chúng ta hãy tự hỏi mình: “Tôi có đặt Chúa Giêsu vào trung tâm lòng mình không? Tôi có ‘mất đầu óc’ một chút vì Chúa Giêsu không?”.

Thánh Charles đã làm như vậy, đến mức ngài đi từ chỗ bị thu hút bởi Chúa Giêsu đến việc bắt chước Chúa Giêsu. Được cha giải tội khuyên bảo, ngài đến Thánh Địa để viếng thăm những nơi Chúa đã sống và bước đi nơi Thầy đã đi. Đặc biệt, chính tại Nadarét, ngài nhận ra mình phải được đào tạo trong trường học của Chúa Kitô. Ngài trải nghiệm một mối quan hệ mãnh liệt với Chúa, dành nhiều giờ để đọc Tin Mừng và cảm thấy mình như em trai của Người. Và khi ngài biết Chúa Giêsu, ước muốn làm cho Chúa Giêsu được biết đến nảy sinh trong ngài; nó luôn luôn xảy ra như thế. Khi một người trong chúng ta biết Chúa Giêsu nhiều hơn, ước muốn làm cho Người được biết đến, việc chia sẻ kho tàng này sẽ nảy sinh. Khi bình luận về chuyến viếng thăm của Đức Mẹ với Thánh Elisabét, ngài đã nói với Đức Mẹ rằng: “Con đã từng hiến thân cho thế giới... xin đưa con đến với thế giới”. Đúng, nhưng việc này được thực hiện như thế nào? Như Đức Maria trong mầu nhiệm Thăm Viếng: “trong thinh lặng, bằng gương sáng, bằng cuộc sống”. [2] Bằng cuộc sống, bởi vì “toàn bộ cuộc sống của chúng ta”, Thánh Charles viết, “phải rao truyền Tin Mừng”. [3] Và cuộc sống của chúng ta rất thường kêu gọi tính trần tục, nó kêu gọi nhiều điều ngu xuẩn, những điều kỳ lạ, và ngài nói: “Không, tất cả cuộc sống của chúng ta phải vang lên Tin Mừng”.

Rồi, ngài quyết định định cư ở những vùng xa xôi để rao giảng Tin Mừng trong thinh lặng, sống theo tinh thần Nadarét, trong cảnh nghèo khó và ẩn dật. Ngài đến sa mạc Sahara, giữa những người không phải là Kitô hữu, và ngài đến đó như một người bạn và một người anh em, mang theo sự hiền lành của Chúa Giêsu Thánh Thể. Thánh Charles để Chúa Giêsu hành động trong im lặng, tin chắc rằng “đời sống Thánh Thể” có tác dụng truyền giáo. Thật vậy, ngài tin rằng Chúa Kitô là nhà truyền giáo đầu tiên. Vì vậy, ngài cầu nguyện dưới chân Chúa Giêsu, trước Nhà Tạm, hàng chục giờ mỗi ngày, tin chắc rằng sức mạnh truyền giáo đang cư trú ở đó và cảm thấy rằng chính Chúa Giêsu sẽ đưa ngài đến gần với biết bao anh em xa xôi. Và tôi tự hỏi liệu chúng ta có tin vào sức mạnh của Bí tích Thánh Thể không? Việc chúng ta đi đến với người khác, việc phục vụ của chúng ta có tìm thấy sự khởi đầu và sự viên mãn ở đó, trong việc tôn thờ không? Tôi tin chắc rằng chúng ta đã đánh mất cảm thức tôn thờ: chúng ta phải lấy lại nó, bắt đầu từ chúng ta là những người thánh hiến, các giám mục, linh mục, nữ tu và tất cả những người thánh hiến. “Lãng phí” thời gian trước nhà tạm, lấy lại cảm giác tôn thờ.

Thánh Charles de Foucauld từng viết: “Mỗi Kitô hữu là một tông đồ”, [4] và nhắc nhở một người bạn giáo dân rằng “cần có những giáo dân gần gũi với các linh mục, để nhìn thấy những gì linh mục không nhìn thấy, rao giảng Tin Mừng với sự gần gũi của đức ái, với lòng tốt dành cho mọi người, với tình âu yếm luôn sẵn sàng tự hiến”. [5] Những giáo dân thánh thiện, không phải những người leo núi, mà là những giáo dân, giáo dân, nữ giáo dân yêu mến Chúa Giêsu, làm cho linh mục hiểu rằng ngài không phải là một viên chức, ngài là một người trung gian, một linh mục. Biết bao chúng ta, các linh mục, cần có bên cạnh mình những giáo dân thực sự tin tưởng và dạy dỗ chúng ta bằng chứng tá của họ.

Thánh Charles de Foucauld, với kinh nghiệm giáo dân này báo trước thời kỳ của Công đồng Vatican II; ngài trực giác được tầm quan trọng của giáo dân và hiểu rằng việc rao giảng Tin Mừng là việc của toàn thể dân Chúa. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể tăng cường sự tham gia này? Cách mà Thánh Charles de Foucauld đã làm: bằng cách quý gởi và chào đón hành động của Chúa Thánh Thần, Đấng luôn gọi hứng cho những cách thức mới để dẫn thân, gặp gỡ, lắng nghe và đối thoại, luôn hợp tác và tin tưởng, luôn hiệp thông với Giáo hội và các mục tử.

Thánh Charles de Foucauld, một nhân vật vốn là một lời tiên tri cho thời đại chúng ta, đã làm chứng cho vẻ đẹp của việc truyền đạt Tin Mừng qua việc làm tông đồ của sự hiền lành: coi mình là “người anh em phổ quát” và chào đón mọi người, ngài cho chúng ta thấy sức mạnh truyền giáo của lòng hiền lành, của sự dịu dàng. Chúng ta đừng quên rằng phong cách của Thiên Chúa được tóm tắt trong ba chữ: gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Thiên Chúa luôn ở gần, Người luôn cảm thương, Người luôn dịu dàng. Và chúng ta Kitô giáo phải đi theo con đường này: gần gũi, cảm thương và dịu dàng. Và Người là như thế, hiền lành và dịu dàng. Ngài muốn mọi người ngài gặp đều nhìn thấy, qua lòng tốt của ngài, lòng tốt của Chúa Giêsu. Quả thực, ngài từng nói rằng ngài là “đầy tớ của người giỏi hơn tôi nhiều”. [6] Việc sống lòng nhân lành của Chúa Giêsu đã giúp ngài xây dựng tình bạn huynh đệ bằng những mối dây tình bạn với người nghèo, với người Tuareg, với những người xa cách nhất với tâm trí của ngài. Dần dần những mối ràng buộc này tạo ra tình huynh đệ, sự hòa nhập và đánh giá cao nền văn hóa của nhau. Lòng tốt rất đơn giản và yêu cầu chúng ta trở thành những người đơn giản, không ngại nở nụ cười. Và với nụ cười, với sự đơn sơ của mình, Thánh Charles đã làm chứng cho Tin Mừng. Không bao giờ bằng việc cải đạo, không bao giờ: nhưng bằng chứng tá. Người ta không rao giảng Tin Mừng bằng chủ nghĩa cải đạo nhưng bằng chứng tá, bằng sự thu hút.

Vì vậy, cuối cùng, chúng ta hãy tự hỏi liệu chúng ta có mang lại niềm vui Kitô giáo, sự hiền lành Kitô giáo, sự dịu dàng Kitô giáo, lòng cảm thương Kitô giáo, sự gần gũi Kitô giáo hay không. Cảm ơn anh chị em.

[1] *Lettres à un ami de lycée. Correspondance avec Gabriel Tourdes* [Thư gửi một người bạn trung học. Thư từ của Gabriel Tourdes (1874-1915), Paris 2010, 161.

[2] *Crier l'Évangile* [Hô vang Tin Mừng], Montrouge 2004, 49.

[3] *M/314 in C. de Foucauld, La bonté de Dieu. Médi-tations sur les Saints Évangiles* (1) [M/314 trong C. de Foucauld, Sự Tốt lành của Thiên Chúa. Suy gẫm về các Tin Mừng Thánh (1)], Montrouge 2002, 285.

[4] *Letter to Joseph Hours*, in *Correspondances lyon-naises* [Thư gửi Joseph Hours, trong Thư từ Lyon] (1904-1916), Paris 2005, 92.

[5] *Ivi*, 90.

[6] *Carnets de Tamanrasset* [nhật ký Tamanrasset] (1905-1916), Paris 1986, 188.

Lời kêu gọi của Đức Thánh Cha

Anh chị em thân mến, hôm nay cũng vậy, tư tưởng của chúng ta hướng về Palestine và Israel. Số nạn nhân ngày càng tăng và tình hình ở Gaza ngày càng tuyệt vọng. Xin hãy làm mọi điều có thể để tránh một thảm họa nhân đạo. Khả năng mở rộng xung đột là điều đáng lo ngại, trong khi rất nhiều mặt trận chiến tranh đã được mở ra trên thế giới. Xin cho vũ khí im lặng, và chúng ta hãy chú ý đến tiếng kêu hòa bình của người nghèo, người dân, trẻ em... Anh chị em thân mến, chiến tranh không giải quyết được bất cứ vấn đề nào: nó chỉ gieo rắc cái chết và sự hủy diệt, kích động hận thù, thúc đẩy sự trả thù. Chiến tranh hủy bỏ tương lai, nó hủy bỏ tương lai. Tôi kêu gọi các tín hữu chỉ đứng về một phía trong cuộc xung đột này: đó là hòa bình. Nhưng không phải bằng lời nói – bằng lời cầu nguyện, bằng sự cống hiến trọn vẹn. Với suy nghĩ này, tôi đã quyết định kêu gọi một ngày ăn chay và cầu nguyện vào thứ Sáu ngày 27 tháng 10, một ngày sám hối mà tôi mời gọi các anh chị em thuộc các giáo phái Kitô giáo khác nhau, những người thuộc các tôn giáo khác và tất cả những ai thực sự quan tâm đến hòa bình trên thế giới, hãy tham gia khi họ thấy phù hợp. Tối hôm đó, lúc 18 giờ tại Đền Thờ Thánh Phêrô, chúng ta sẽ dành một giờ cầu nguyện trong tinh thần sám hối để cầu xin hòa bình cho thời đại chúng ta, hòa bình trên thế giới này. Tôi yêu cầu tất cả các Giáo hội cụ thể tham gia bằng cách sắp xếp các hoạt động tương tự có sự tham gia của dân Chúa.

Chương Ba Mươi Một: Niềm đam mê truyền giáo, Thánh Cyril và Methodius, tông đồ của người Slav (ngày 25/10/2023)

Anh chị em thân mến, Chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi sẽ nói với anh chị em về hai anh em, rất nổi tiếng ở phương đông, đến mức được gọi là “các tông đồ của người Slav”: Thánh Cyril và Methodius. Sinh ra ở Hy Lạp vào thế kỷ thứ chín trong một gia đình quý tộc, các ngài từ bỏ sự nghiệp chính trị để cống hiến hết mình cho đời sống đan tu. Nhưng giấc mơ về một cuộc sống ẩn dật của các ngài chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn. Các ngài được cử đi truyền giáo tại Great Moravia, nơi vào thời điểm đó bao gồm nhiều dân tộc khác nhau, đã được truyền giáo một phần, nhưng trong đó có nhiều phong tục và truyền thống ngoại giáo vẫn tồn tại. Hoàng tử của họ yêu cầu một giáo viên giải thích đức tin Kitô giáo bằng ngôn ngữ của họ.

Do đó, nhiệm vụ đầu tiên của hai thánh Cyril và Methodius là nghiên cứu sâu xa về văn hóa của những dân tộc đó. Luôn luôn có cùng một điệp khúc: đức tin phải được hội nhập văn hóa và văn hóa phải được Tin mừng hóa. Luôn luôn hội nhập văn hóa đức tin, Tin mừng hóa văn hóa. Thánh Cyril hỏi họ có bảng chữ cái không; họ nói với ngài rằng họ không có. Ngài trả lời: “Ai có thể viết diễn văn trên nước?”. Thật vậy, để loan báo Tin Mừng và cầu nguyện, người ta cần một công cụ thích hợp, cụ thể và chuyên biệt. Vì vậy, ngài đã phát minh ra bảng chữ cái Glagolitic. Ngài dịch Kinh thánh và các bản văn phụng vụ. Người ta cảm thấy đức tin Kitô giáo không còn ‘xa lạ’ nữa, mà đúng hơn nó đã trở thành đức tin của họ, được nói bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Hãy thử nghĩ xem: hai tu sĩ Hy Lạp tặng cho người Slav một bảng chữ cái. Chính sự cởi mở của trái tim này đã bén rễ Tin Mừng nơi họ. Hai vị này không hề sợ hãi, các ngài rất can đảm.

Tuy nhiên, rất nhanh chóng, một số người Latinh đã phản đối, những người này cho rằng mình bị tước đoạt quyền rao giảng cho người Slav; cuộc đấu tranh trong Giáo hội luôn là như

vậy. Sự phản đối của họ mang tính tôn giáo, nhưng chỉ ở bề ngoài: họ nói rằng Thiên Chúa chỉ có thể được ca ngợi bằng ba ngôn ngữ được viết trên thập tự giá: tiếng Do Thái, tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh. Họ có tư duy khép kín, muốn bảo vệ quyền tự chủ của mình. Nhưng Thánh Cyril trả lời một cách mạnh mẽ: Thiên Chúa muốn mọi người ca ngợi Người bằng ngôn ngữ của họ. Cùng với anh trai Methodius, ngài đã thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng và Đức Giáo Hoàng đã chấp thuận các bản văn phụng vụ của các ngài bằng ngôn ngữ Slav. Ngài đã đặt chúng trên bàn thờ của Nhà thờ Đức Bà Cả, và dùng chúng hát những lời ca ngợi Chúa. Thánh Cyril qua đời vài ngày sau đó, và thánh tích của ngài vẫn được tôn kính ở Rôma, trong Vương cung thánh đường Thánh Clémentê. Thay vào đó, Thánh Methodius được tấn phong giám mục và được gửi trở lại vùng lãnh thổ Slav. Ở đây ngài sẽ phải chịu đau khổ rất nhiều: ngài thậm chí sẽ bị cầm tù, nhưng, thưa anh chị em, chúng ta biết rằng Lời Chúa không bị xiềng xích và lan truyền khắp các dân tộc đó.

Nhìn vào chứng từ của hai nhà truyền giáo này, những vị được Thánh Gioan Phaolô II chọn làm đồng bảo trợ của Châu Âu và là người đã viết Thông điệp Slavorum Apostoli [các tông đồ của Người Slav], chúng ta hãy nhìn vào ba khía cạnh quan trọng.

Trước hết là *hiệp nhất*. Người Hy Lạp, Đức Giáo Hoàng, người Slav: vào thời điểm đó, ở châu Âu có một Kitô giáo thống nhất, cộng tác để truyền giáo.

Khía cạnh quan trọng thứ hai là *hội nhập văn hóa*, điều mà tôi đã nói trước đó: Tin mừng hóa văn hóa và hội nhập văn hóa cho thấy rằng Tin mừng hóa và văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Người ta không thể rao giảng Tin Mừng một cách trừu tượng, gạn lọc, không: Tin Mừng phải được hội nhập văn hóa và nó cũng là một biểu hiện của văn hóa.

Khía cạnh cuối cùng là *tự do*. Việc rao giảng đòi hỏi tự do, nhưng tự do luôn cần lòng can đảm; con người được tự do ở mức độ dừng cảm và không để mình bị xiềng xích bởi nhiều thứ cướp đi tự do của mình.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cầu xin các Thánh Cyril và Methodius, các tông đồ của người Slav, để chúng ta có thể trở thành những khí cụ “tự do trong bác ái” cho người khác. Hãy sáng tạo, kiên trì và khiêm tốn, cầu nguyện và phục vụ.

Lời kêu gọi

Tôi luôn nghĩ đến tình hình nghiêm trọng ở Palestine và Israel: Tôi khuyến khích việc thả các con tin và đưa viện trợ nhân đạo vào Gaza. Tôi tiếp tục cầu nguyện cho những người đang đau khổ và hy vọng vào những con đường hòa bình ở Trung Đông, ở Ukraine đang bị bao vây và ở những khu vực khác bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Tôi nhắc nhở tất cả anh chị em rằng ngày mốt, thứ Sáu, 27 tháng 10, sẽ là ngày ăn chay, cầu nguyện và sám hối: vào lúc 18 giờ, tại Quảng trường Thánh Phêrô, chúng ta sẽ tụ họp lại để cầu xin hòa bình cho thế giới.

Chương Ba Mươi Hai: Niềm đam mê truyền giáo: Madeleine Delbrêl Niềm vui đức tin giữa những người không có niềm tin.

(ngày 08/11/2023)

Anh chị em thân mến, Chào anh chị em buổi sáng!

Trong số rất nhiều chứng nhân của niềm đam mê loan báo Tin Mừng, những nhà truyền giáo nhiệt thành, hôm nay tôi xin trình bày hình ảnh một phụ nữ Pháp thế kỷ XX, tôi tởm đáng kính của Thiên Chúa Madeleine Delbrêl. Sinh năm 1904 và mất năm 1964, bà là một nhân viên xã

hội, nhà văn và nhà huyền nhiệm, sống hơn ba mươi năm ở vùng ngoại ô nghèo và tầng lớp lao động của Paris. Choáng ngợp trước cuộc gặp gỡ với Chúa, bà viết: «Một khi chúng ta đã biết lời Chúa, chúng ta không có quyền không tiếp nhận nó; một khi đã tiếp nhận nó, chúng ta không có quyền không để nó nhập thể vào mình, một khi đã nhập thể vào trong chúng ta, chúng ta không có quyền giữ nó cho riêng mình: từ lúc đó chúng ta thuộc về những người chờ đợi nó" (*Sự thánh thiện của người bình thường*, Milan 2020, 71). Tuyệt diệu: những gì bà viết thật tuyệt...

Sau một thời niên thiếu sống trong thuyết bất khả tri - bà không tin vào điều gì -, vào khoảng hai mươi tuổi, Madeleine đã gặp gỡ Chúa, bị ấn tượng bởi lời chứng của một số người bạn có đức tin. Sau đó, bà bắt đầu tìm tòi về Thiên Chúa, cho thấy nỗi khao khát sâu sắc mà bà cảm thấy trong mình, và hiểu rằng "sự trống rỗng đang kêu lên nỗi thống khổ trong cô" chính là Thiên Chúa đang tìm kiếm bà (*Choáng ngợp bởi Thiên Chúa. Thư từ 1910-1941*, Milan 2007, 96). Niềm vui đức tin dẫn bà tiến đến một sự lựa chọn cuộc sống hoàn toàn dâng hiến cho Thiên Chúa, trong lòng Giáo hội và trong lòng thế giới, chỉ đơn giản là chia sẻ trong tình huynh đệ cuộc sống của "người dân đường phố". Do đó, bà đã nói với Chúa Giêsu một cách đầy thi vị như thế này: «Để được ở với Chúa trên con đường của Chúa, chúng con cần phải đi tới đó, ngay cả khi sự lười biếng đòi chúng con ở dừng lại. Chúa đã chọn chúng con để ở trong một trạng thái cân bằng kỳ lạ, một sự cân bằng chỉ có thể được thiết lập và duy trì trong chuyển động, chỉ trong đà đẩy tới. Hơi giống một chiếc xe đạp, không thể giữ cho thẳng đứng mà các bánh của nó không quay [...] Chúng ta chỉ có thể đứng thẳng bằng cách tiến lên, di chuyển, trong sự bộc phát của đức ái." Đó là điều mà bà gọi là "linh đạo của chiếc xe đạp" (*Hài hước trong tình yêu. Suy niệm và thi ca*, Milan 2011, 56). Chỉ khi đi, khi chạy, chúng ta mới sống trong sự cân bằng của đức tin, đó là một sự mất cân bằng, nhưng nó là như vậy: giống như một chiếc xe đạp. Nếu bạn dừng lại, nó sẽ không thể đứng thẳng được.

Trái tim của Madeleine không ngừng tuôn trào và bà đã để mình bị thử thách trước tiếng kêu than của người nghèo. Bà cảm thấy rằng Vị Thiên Chúa Hằng Sống của Tin Mừng phải cháy bỏng trong chúng ta cho đến khi chúng ta mang danh Người đến với những người chưa tìm thấy Người. Trong tinh thần này, hướng về những biến động của thế giới và tiếng kêu than của người nghèo, Madeleine cảm thấy được kêu gọi "sống tình yêu của Chúa Giêsu một cách trọn vẹn và đúng từng chữ, từ dầu của người Samaritanô nhân hậu đến dấm của Calvariô, nhờ đó dâng hiến cho Người tình yêu đáp lại tình yêu [...] để, bằng cách yêu Người một cách không dè dặt và cho phép mình được yêu trọn vẹn, hai giới răn lớn của đức ái nhập thể vào chúng ta và không trở thành chỉ còn là một" (*On gọi đức ái, 1, Các Tác Phẩm Trọn Bộ XIII*, Bruyères-le-Châtel, 138-139).

Cuối cùng, Madeleine dạy chúng ta một điều nữa: qua việc Tin mừng hóa chúng ta được Tin mừng hóa: qua việc Tin mừng hóa chúng ta được Tin mừng hóa. Vì thế bà quen nói, vang vọng lời Thánh Phaolô: "Khôn chọ tôi nếu khi truyền giảng Tin Mừng, tôi không truyền giảng Tin Mừng cho chính tôi". Bằng cách truyền giảng Tin Mừng, anh chị em đang truyền giảng Tin Mừng cho chính mình. Và đây là một học thuyết hay.

Khi nhìn vào chúng ta Tin Mừng này, chúng ta cũng học được rằng trong mọi tình huống và hoàn cảnh bản thân hay xã hội của cuộc đời chúng ta, Chúa hiện diện và mời gọi chúng ta sống trong thời đại của mình, chia sẻ cuộc sống của người khác, hòa nhập vào niềm vui và nỗi buồn của thế giới. Đặc biệt, bà dạy chúng ta: ngay cả những môi trường tục hóa cũng giúp chúng ta hoán cải, bởi vì việc tiếp xúc với những người không có đức tin thúc đẩy người có đức tin liên tục xem xét lại cách tin của mình và khám phá lại đức tin trong tính thiết yếu của nó (xem *Chúng tôi của đường phố*, Milan 1988, 268s).

Xin tôi tớ Chúa Madeleine Delbr el dạy chúng ta sống đức tin này “trong chuyển động”, c  thể n i như h , đức tin sinh hoa trái này làm cho mọi hành vi đức tin trở thành một hành vi đức  i trong việc loan b o Tin Mừng. Cảm ơn anh chị em.

**Chương Ba Mười Ba: Niềm đam mê truyền giáo:
Lòng nhiệt thành t ng đồ của người t n hữu. Công b o là niềm vui**
(ngày 15/11/2023)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau khi gặp gỡ một số nhân chứng của việc công b o Tin Mừng, tôi đề nghị tóm tắt chu kỳ giáo lý về lòng nhiệt thành t ng đồ này vào bốn điểm, lấy cảm hứng từ Tông Huấn *Niềm Vui Tin Mừng*, mà tháng này tròn mười năm. Điểm đầu tiên chúng ta thấy hôm nay, điểm đầu tiên trong bốn điểm, chỉ c  thể liên quan đến thái độ mà trên đó, bản thể của cử chỉ truyền giáo phụ thuộc vào: đó là *niềm vui*. Sứ điệp Kitô giáo, như chúng ta nghe từ những lời thiên thần n i với các mục đồng, là lời công b o “niềm vui lớn lao” (Lc 2:10). Còn lý do thì sao? Tin tốt, một bất ngờ, một sự kiện tốt? Còn nhiều hơn nữa, một con người: Chúa Giêsu! Chúa Giêsu là niềm vui. Người là Thiên Chúa làm người đến với chúng ta! Do đó, anh chị em thân mến, vấn đề không phải là *liệu* c  nên công b o nó hay không, mà là công b o nó *c ch n o*, và “c ch n o” này chính là niềm vui. Ho c chúng ta vui mừng loan b o Chúa Giêsu, ho c chúng ta không rao giảng về Người, bởi vì c ch công b o khác không thể mang lại thực tại đích thực về Chúa Giêsu.

Đó là lý do tại sao một Kitô hữu bất mãn, một Kitô hữu buồn bã, một Kitô hữu không hài lòng, ho c thậm chí tệ hơn, phẫn uất và hung h n đều không đáng tin cậy. Người này sẽ n i về Chúa Giêsu, nhưng sẽ không c  ai tin họ! C  lần một người n i với tôi, khi n i về những Kitô hữu này: “Nhưng họ là những Kitô hữu c  bộ mặt cá thu!”, nghĩa là họ không diễn đạt điều gì cả, họ là như vậy, và niềm vui là điều thiết yếu. Điều thiết yếu là phải quan tâm đến các cảm xúc của chúng ta. Việc rao giảng Tin Mừng thực hiện một c ch nhưng không, bởi vì nó xuất phát từ sự viên mãn chứ không phải từ  p lực. Và khi anh chị em thực hiện việc truyền giáo trên cơ sở các ý thức hệ, thì điều này là sai vì đó không phải là truyền giảng Tin Mừng, đó không phải là Tin Mừng. Tin Mừng không phải là một ý thức hệ: Tin Mừng là một lời loan b o, một lời loan b o niềm vui. Các ý thức hệ đều lạnh l ng, mọi ý thức hệ đều lạnh l ng. Tin Mừng mang hơi  m của niềm vui. Các ý thức hệ không biết mỉm cười, Tin Mừng là một nụ cười, nó khiến anh chị em mỉm cười vì Tin Mừng chạm đến tâm hồn anh chị em.

Sự giảng sinh của Chúa Giêsu, trong lịch sử cũng như trong cuộc sống, là nguyên tắc của niềm vui: hãy nghĩ đến những gì đã xảy ra với các môn đệ trên đường Emmau, những người đã tin do *niềm vui*, và những người khác, rồi các môn đệ cùng với nhau, khi Chúa Giêsu xuất hiện tại Nhà Tiệc Ly, họ tin do *niềm vui* (x. Lc 24:13-35). Niềm vui khi Chúa Giêsu sống lại. Cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu luôn mang lại cho anh chị em niềm vui và nếu điều này không xảy ra với anh chị em thì đó không phải là cuộc gặp gỡ thực sự với Chúa Giêsu.

Và điều Chúa Giêsu làm với các môn đệ cho chúng ta biết rằng *những người đầu tiên được Tin mừng hóa là các môn đệ*, những người đầu tiên được Tin mừng hóa là chúng ta, những Kitô hữu: chính là chúng ta. Và điều đó rất quan trọng. Thật vậy, khi đắm chìm trong bầu không khí ngọt ngào và bồi r i ngày nay, chúng ta cũng c  thể thấy mình đang sống đức tin với một cảm thức tinh tế bị chối bỏ, xác tín rằng đối với Tin Mừng thì không c n c  nhiều người lắng nghe chúng ta nữa và dần dần công b o nó không c n đáng làm nữa. Chúng ta

thậm chí có thể bị cám dỗ để cho “những người khác” đi theo con đường riêng của họ. Thay vào đó, đây là lúc quay trở lại với Tin Mừng để khám phá ra rằng Chúa Kitô “luôn trẻ trung và là nguồn mạch mới mẻ liên tục” (*Evangelii Gaudium*, 11).

Vì vậy, giống như hai người đi Emmau, chúng ta trở lại cuộc sống thường nhật với sự thúc đẩy của những người tìm thấy kho báu: hai người này vui mừng vì họ đã tìm thấy Chúa Giêsu và đã thay đổi cuộc đời của họ. Và hóa ra nhân loại có biết bao anh chị em đang chờ đợi một lời hy vọng. Tin Mừng ngày nay cũng được chờ đợi: con người ngày nay giống như con người của mọi thời đại: họ cũng cần nó, nền văn minh của sự vô tín được lập trình và tính thế tục được định chế hóa; quả thực, trên hết, xã hội đang để cho các không gian của ý nghĩa tôn giáo thành hoang địa, cần đến Chúa Giêsu. Đây là thời điểm thuận lợi cho lời loan báo Chúa Giêsu. Vì vậy, tôi muốn nói lại với tất cả mọi người rằng: “Niềm vui Tin Mừng tràn ngập trái tim và toàn bộ cuộc sống của những ai gặp gỡ Chúa Giêsu. Những ai để mình được Người cứu rỗi thì được giải thoát khỏi tội lỗi, nỗi buồn bã, sự trống rỗng nội tâm, cô lập. Với Chúa Giêsu Kitô, niềm vui luôn được sinh ra và tái sinh (*ibid.*, 1). Chúng ta đừng quên điều này. Và nếu ai trong chúng ta không cảm nhận được niềm vui này, hãy hỏi xem người đó có tìm thấy Chúa Giêsu không. Một niềm vui nội tâm. Tin Mừng luôn đi trên con đường của niềm vui, đó là lời loan báo vĩ đại. Tôi mời gọi mọi Kitô hữu, bất cứ ở đâu, ở bất cứ nơi đâu và hoàn cảnh nào, hãy canh tân cuộc gặp gỡ của mình với Chúa Giêsu Kitô ngay hôm nay. Mỗi người chúng ta hôm nay hãy dành một chút thời gian và suy nghĩ: “Lạy Chúa Giêsu, Chúa ở trong con: Con muốn gặp Chúa mỗi ngày. Chúa là một Con người, Chúa không phải là một ý tưởng; Chúa là người bạn đồng hành, Chúa không phải là một chương trình. Chúa là tình yêu giải quyết được rất nhiều vấn đề. Chúa là người khởi đầu việc truyền giáo. Lạy Chúa Giêsu, Chúa là nguồn vui.” Amen.

Chương Ba Mười Bốn: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu, Công bố dành cho tất cả mọi người (ngày 22/11/2023)

Anh chị em thân mến!

Lần trước, sau khi thấy việc công bố Kitô giáo là niềm vui, hôm nay chúng ta hãy tập trung vào khía cạnh thứ hai: nó dành cho tất cả *mọi người*, việc công bố Kitô giáo là một niềm vui cho tất cả mọi người. Khi chúng ta thực sự gặp Chúa Giêsu, điều kỳ diệu của cuộc gặp gỡ này sẽ thâm nhập vào cuộc sống của chúng ta và đòi hỏi chúng ta phải vượt xa chính mình. Người muốn Tin Mừng của Người dành cho tất cả mọi người. Thực vậy, trong đó có một “sức mạnh nhân bản hóa”, một sự nên trọn cuộc sống vốn được định sẵn cho mọi người nam nữ, bởi vì Chúa Kitô đã sinh ra, đã chết, đã sống lại cho tất cả mọi người. Cho tất cả mọi người: không loại trừ ai.

Trong *Niềm Vui Tin Mừng* chúng ta đọc thấy: “Mọi người đều có quyền đón nhận Tin Mừng. Các Kitô hữu có nhiệm vụ công bố nó mà không loại trừ bất cứ ai, không phải như những người áp đặt một nghĩa vụ mới, nhưng như những người chia sẻ niềm vui, báo hiệu một chân trời tươi đẹp, dâng lên một bữa tiệc đáng mơ ước. Giáo hội không phát triển nhờ việc cải đạo nhưng “nhờ sự thu hút” (số 14). Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cảm nhận mình đang phục vụ *mục đích phổ quát của Tin Mừng*, dành cho mọi người; và chúng ta hãy tự phân biệt mình bằng khả năng thoát ra khỏi chính mình - một lời loan báo là một lời loan báo đích thực phải xuất phát từ lòng vị tha - và cũng phải có khả năng vượt qua mọi biên giới. Các Kitô hữu thấy mình ở trên nhà thờ nhiều hơn là ở trong phòng áo lễ, và đi “ra các đường phố trong thị

thành” (Lc 14:21). Họ phải cởi mở và chan hòa, các Kitô hữu phải là những người “hướng ngoại”, và tính cách này của họ phát xuất từ Chúa Giêsu, Đấng đã biến sự hiện diện của Người trên thế giới thành một hành trình liên tục, nhằm đến với mọi người, thậm chí học hỏi từ một số cuộc gặp gỡ nào đó.

Theo nghĩa này, Tin Mừng gọi lại cuộc gặp gỡ đầy ngạc nhiên của Chúa Giêsu với một phụ nữ ngoại quốc, một người Canaan, người cầu xin Người chữa lành cho đứa con gái bị bệnh của mình (x. Mt 15:21-28). Chúa Giêsu từ chối, nói rằng Người chỉ được sai đến “với những con chiên lạc của nhà Israel” và “không nên lấy bánh dành cho con cái mà ném cho chó con” (c. 24,26). Nhưng người phụ nữ, với sự khẳng khái đặc trưng của những người đơn giản, đã trả lời rằng “ngay cả chó cũng ăn những mảnh vụn trên bàn của chủ rơi xuống” (c. 27). Chúa Giêsu ngạc nhiên và nói với bà: “Này bà, đức tin của bà mạnh lắm! Bà muốn thế nào thì được như vậy” (c. 28). Cuộc gặp gỡ với người phụ nữ này có điều gì đó độc đáo. Không phải một ai đó đã thay đổi tâm trí Người, mà đó là một phụ nữ, người ngoại quốc và ngoại giáo; nhưng chính Chúa đã xác nhận rằng việc rao giảng của Người không nên bị giới hạn vào những người mà Người thuộc về, nhưng phải cởi mở với tất cả mọi người.

Kinh Thánh cho chúng ta thấy rằng khi Thiên Chúa kêu gọi một người và lập giao ước với một số người, thì tiêu chuẩn luôn là thế này: *Người chọn một ai đó để đến với người khác*, đây là tiêu chuẩn của Thiên Chúa, của ơn gọi của Thiên Chúa. Tất cả bạn bè của Chúa đều cảm nghiệm được vẻ đẹp nhưng cũng trải nghiệm trách nhiệm và gánh nặng khi được Người “chọn”. Và họ hết thấy đều cảm thấy chán nản trước những điểm yếu hoặc sự mất an toàn của mình. Nhưng có lẽ cảm dỗ lớn nhất là coi ơn gọi nhận được như một đặc ân, làm ơn, anh chị em đừng coi như vậy, ơn gọi đó không bao giờ là một đặc ân cả. Chúng ta không thể nói rằng chúng ta có đặc quyền so với những người khác, không. Ơn gọi là để phục vụ. Và Chúa chọn một người để yêu thương mọi người, để đến với mọi người.

Cũng để ngăn chặn cảm dỗ muốn đồng nhất hóa Kitô giáo với một nền văn hóa, với một sắc tộc, với một hệ thống. Tuy nhiên, do đó, họ đánh mất bản chất *Công Giáo* thực sự của mình, tức là bản chất phổ quát đối với tất cả *mọi người*: họ không phải là một nhóm nhỏ những người được chọn hạng nhất. Chúng ta đừng quên: Thiên Chúa chọn một người để yêu thương mọi người. Chân trời phổ quát này. Tin Mừng không chỉ dành cho tôi mà còn dành cho tất cả mọi người, chúng ta đừng quên điều đó. Cảm ơn anh chị em.

Lời kêu gọi hòa bình

Trong buổi yết kiến hôm nay, Đức Phanxicô cũng đã tha thiết xin mọi người cầu nguyện cho hòa bình, nhất là cho những người Israel và Palestine đang đau khổ vì khủng bố, chiến tranh:

"Chúng ta đừng quên kiên trì cầu nguyện cho những người đang phải chịu đau khổ vì chiến tranh ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là dân tộc Ukraine thân yêu, dân tộc Ukraine đang bị đau khổ, dân tộc Israel và Palestine. Sáng nay tôi đã tiếp đón hai phái đoàn, một phái đoàn người Israel có người thân bị làm con tin ở Gaza và một phái đoàn khác là người Palestine có người thân đang đau khổ ở Gaza. Họ đau khổ rất nhiều và tôi nghe thấy cả hai đều đau khổ như thế nào: chiến tranh gây ra điều này, nhưng ở đây chúng ta đã vượt ra ngoài chiến tranh, đây không phải là tiến hành chiến tranh, đây là khủng bố. Làm ơn, chúng ta hãy tiến tới hòa bình, cầu nguyện cho hòa bình, cầu nguyện thật nhiều cho hòa bình. Xin Chúa nhúng tay vào đó, xin Chúa giúp chúng ta giải quyết các vấn đề và không tiến về phía trước với những đam mê mà cuối cùng sẽ giết chết mọi người. Chúng ta cầu nguyện cho người dân Palestine, chúng ta cầu nguyện cho người dân Israel, cho hòa bình được đến".

**Chương Ba Mươi Lăm: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu.
Lời công bố dành cho ngày hôm nay
(ngày 29/11/2023)**

Anh chị em thân mến,

Một vài lần gần đây chúng ta đã thấy việc công bố Kitô giáo là một niềm vui và nó dành cho tất cả mọi người; hôm nay chúng ta sẽ thấy khía cạnh thứ ba: nó dành cho ngày hôm nay.

Hầu như người ta luôn nghe thấy những điều tồi tệ được nói về ngày hôm nay. Chắc chắn, với chiến tranh, biến đổi khí hậu, bất công và di cư trên toàn thế giới, khủng hoảng gia đình và hy vọng, không thiếu lý do để lo lắng. Nói chung, ngày nay dường như là nơi cư ngụ của một nền văn hóa đặt cá nhân lên trên hết và kỹ thuật là trung tâm của mọi sự, với khả năng giải quyết nhiều vấn đề và những tiến bộ to lớn của nó trong rất nhiều lĩnh vực. Nhưng đồng thời, nền văn hóa tiến bộ kỹ thuật-cá nhân này dẫn đến việc khẳng định một thứ tự do không muốn đặt ra cho mình những giới hạn và thờ ơ với những người bị tụt lại phía sau. Và vì vậy, nó đặt những khát vọng to lớn của con người vào một nền luận lý học thường háu ăn của nền kinh tế, với tầm nhìn về cuộc sống loại bỏ những người không sản xuất và khó khăn trong việc nhìn xa hơn cái nội tại. Thậm chí chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở trong nền văn minh đầu tiên trong lịch sử đang tìm cách tổ chức một xã hội loài người mà không có sự hiện diện của Thiên Chúa khắp hoàn cầu, tập trung ở những thành phố lớn vẫn là là mặt đất bất chấp những tòa nhà chọc trời cao ngất ngưởng.

Câu chuyện về thành Babel và ngọn tháp của nó hiện lên trong tâm trí (x. St 11:1-9). Nó kể lại một dự án xã hội liên quan đến việc hy sinh mọi cá tính để đạt được hiệu năng của tập thể. Nhân loại chỉ nói một ngôn ngữ - chúng ta có thể nói rằng nó có một "cách suy nghĩ đơn nhất" - như thể được bao bọc trong một loại bùa chú chung có khả năng hấp thu tính độc đáo của mỗi ngôn ngữ vào một bong bóng độc dạng. Khi đó, Chúa làm xáo trộn các ngôn ngữ, nghĩa là Người thiết lập lại những khác biệt, tạo lại các điều kiện để tính độc đáo phát triển, phục hồi tính đa dạng mà ý thức hệ muốn áp đặt cái đơn nhất. Chúa cũng đánh lạc hướng nhân loại khỏi cơn mê sảng muốn toàn năng của nó: "Chúng ta hãy tạo một danh tiếng cho chính chúng ta", những cư dân cao quý của Babel nói như thế (c. 4), họ muốn vươn lên trời, đặt mình vào địa vị của Thiên Chúa. Nhưng đây là những tham vọng nguy hiểm, tha hóa, mang tính hủy diệt, và Chúa, bằng cách làm tiêu tan những tham vọng này, đã bảo vệ nhân loại, ngăn chặn một thảm họa sắp xảy ra. Câu chuyện này thực sự xem ra mang tính thời sự: ngay cả ngày nay, sự gắn kết, thay vì tình huynh đệ và hòa bình, thường dựa trên tham vọng, chủ nghĩa dân tộc, nói như nhau và các cơ cấu kinh tế-kỹ thuật tin rằng Thiên Chúa là tầm thường và vô dụng: không hẳn vì người ta tìm kiếm *nhiều kiến thức hơn*, nhưng trên hết họ tìm kiếm *thêm quyền lực*. Đó là một cơn cám dỗ tràn ngập những thách đố lớn lao của nền văn hóa ngày nay.

Trong *Niềm Vui Tin Mừng*, tôi đã cố gắng mô tả những cơn cám dỗ khác (x. các số 52-75), nhưng trên hết tôi kêu gọi "một công cuộc truyền giảng Tin Mừng có khả năng soi sáng những cách thức mới này để liên hệ với Thiên Chúa, với người khác và với thế giới xung quanh chúng ta, và truyền cảm hứng cho những giá trị thiết yếu. Nó phải đến được những nơi đang hình thành những câu chuyện và mô hình mới, đưa lời Chúa Giêsu đến tận tâm hồn các thành phố của chúng ta" (số 74). Nói cách khác, Chúa Giêsu chỉ có thể được rao giảng bằng cách sống trong nền văn hóa của thời đại mình; và luôn ghi nhớ những lời của Thánh Phaolô

về hiện tại: “đây là thời Thiên Chúa thi ân, đây là ngày Thiên Chúa cứu độ” (2 Cr 6:2). Do đó, ngày nay không cần phải đối chiếu với những tầm nhìn khác trong quá khứ. Cũng không đủ nêu chỉ nhắc lại những niềm tin tôn giáo đã có, dù đúng đến đâu, cũng trở nên trù tượng theo thời gian. Một sự thật không trở nên đáng tin cậy hơn bởi vì người ta lên tiếng khi nói ra nó, mà bởi vì nó được làm chứng bằng cuộc sống của mình.

Lòng nhiệt thành tông đồ không bao giờ là sự lặp lại đơn giản một phong cách đã học được, nhưng là làm chứng rằng Tin Mừng vẫn còn sống động ở đây cho chúng ta hôm nay. Do đó, vì ý thức được điều này, chúng ta hãy nhìn thời đại và nền văn hóa của mình như một món quà. Chúng là của chúng ta, và rao giảng Tin Mừng cho chúng không có nghĩa là phán xét chúng từ xa, cũng không phải đứng trên ban công và kêu tên Chúa Giêsu, nhưng đúng hơn là đi xuống đường, đi đến những nơi người ta sống, thường xuyên lui tới những nơi người ta đau khổ, làm việc, nghiên cứu và suy tư, sống ở ngã tư nơi con người chia sẻ những gì có ý nghĩa đối với cuộc sống của họ. Nó có nghĩa là, với tư cách là một Giáo hội, là men cho “đối thoại, gặp gỡ, hiệp nhất. Suy cho cùng, những công thức đức tin của chúng ta là kết quả của cuộc đối thoại và gặp gỡ giữa các nền văn hóa, cộng đồng và các hoàn cảnh khác nhau. Chúng ta không được sợ đối thoại: trái lại, chính sự đối đầu và phê phán mới giúp chúng ta bảo vệ thần học khỏi bị biến thành ý thức hệ” (*Diễn văn tại Đại hội toàn quốc lần thứ năm của Giáo hội Ý, Florence, ngày 10 tháng 11 năm 2015*).

Cần phải đứng ở các ngã ba đường của ngày hôm nay. Việc rời bỏ chúng sẽ làm nghèo Tin Mừng và biến Giáo hội thành một giáo phái. Mặt khác, lui tới với chúng sẽ giúp các Kitô hữu chúng ta hiểu một cách mới mẻ những lý do cho niềm hy vọng của chúng ta, rút ra và chia sẻ từ kho tàng đức tin “điều mới và điều cũ” (Mt 13:52). Tóm lại, ngoài mong muốn hoán cải thế giới ngày nay, chúng ta cần *hoán cải việc chăm sóc mục vụ* để nó hiện thân tốt hơn Tin Mừng ngày nay (x. *Evangelii gaudium*, 25). Chúng ta hãy biến ước muốn của Chúa Giêsu thành của riêng mình: giúp những bạn đồng hành không đánh mất lòng khao khát Thiên Chúa, mở lòng họ ra với Người và tìm thấy Đấng duy nhất, vốn ban bình an và niềm vui cho nhân loại hôm nay và mãi mãi.

Chương Ba Mười Sáu: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu, Việc công bố diễn ra trong Chúa Thánh Thần (ngày 06/12/2023)

Anh chị em thân mến,

Trong các bài giáo lý trước, chúng ta thấy rằng việc công bố Tin Mừng là *niềm vui*, dành *cho mọi người* và được *ngỏ với ngày hôm nay*. Bây giờ chúng ta hãy khám phá một đặc điểm thiết yếu cuối cùng: việc loan báo cần phải diễn ra *trong Chúa Thánh Thần*. Thật vậy, để “truyền đạt Thiên Chúa”, tính đáng tin cậy đầy hân hoan của chúng ta, tính phổ quát của lời công bố và tính kịp thời của thông điệp vẫn chưa đủ. Nếu không có Chúa Thánh Thần, mọi lòng nhiệt thành đều vô ích và mang tính tông đồ giả tạo: nó sẽ chỉ là của riêng chúng ta và sẽ không sinh hoa kết trái.

Trong *Evangelii gaudium* tôi đã nhắc lại rằng “Chúa Giêsu là nhà truyền giáo đầu tiên và vĩ đại nhất”; “trong mọi hoạt động truyền giảng Tin Mừng, quyền tối thượng luôn thuộc về Thiên Chúa”, Đấng “đã kêu gọi chúng ta hợp tác với Người và là Đấng dẫn dắt chúng ta bằng quyền năng của Thánh Thần Người” (số 12). Đây là quyền tối thượng của Chúa Thánh Thần! Vì thế, Chúa so sánh tính năng động của Nước Thiên Chúa với “một người [rãi] hạt giống xuống đất, người ấy ngủ hay thức, đêm hay ngày, và hạt giống cứ nảy mầm và lớn lên, người

ấy không biết thế nào” (Mc 4: 26-27). Chúa Thánh Thần là người chủ đạo; Người luôn đi trước các nhà truyền giáo và làm cho hoa trái lớn lên. Sự hiểu biết này an ủi chúng ta rất nhiều! Và nó giúp chúng ta xác định một điều khác, cũng có tính quyết định không kém: đó là, trong lòng nhiệt thành tông đồ của mình, Giáo hội không loan báo chính mình, nhưng loan báo ân sủng, một ân phúc và Chúa Thánh Thần chính là Ân Phúc của Thiên Chúa, như Chúa Giêsu đã nói với người phụ nữ Samaria (x. Ga 4:10).

Tuy nhiên, tính tối thượng của Chúa Thánh Thần không nên khiến chúng ta lười biếng. Sự tự tin không biện minh cho việc rút lui. Sức sống của hạt giống tự mọc lên không cho phép người nông dân bỏ bê ruộng đồng. Chúa Giêsu, khi đưa ra lời khuyên như cuối cùng trước khi về trời, đã nói: “Các con sẽ nhận được sức mạnh khi Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các con, và các con sẽ là chứng nhân của Thầy... cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1:8).

Chúa không để lại cho chúng ta những bài giảng thần học hay một cảm nang mục vụ để áp dụng, nhưng là Chúa Thánh Thần, Đấng linh hứng cho sứ mệnh. Và sáng kiến can đảm mà Chúa Thánh Thần thấm nhuần trong chúng ta khiến chúng ta bắt chước phong cách của Người, một phong cách luôn có hai đặc điểm: *sáng tạo* và *đơn giản*.

Sự sáng tạo, để loan báo Chúa Giêsu với niềm vui, cho mọi người và cho ngày hôm nay. Trong thời đại này của chúng ta, một thời đại không giúp chúng ta có một quan điểm tôn giáo về cuộc sống, và trong đó việc loan báo ở nhiều nơi đã trở nên khó khăn hơn, gian khổ hơn, dường như không có kết quả, thì cảm dỗ ngừng phục vụ mục vụ có thể nảy sinh. Có lẽ người ta ẩn náu trong những vùng an toàn, như thói quen lặp đi lặp lại những việc mình luôn làm, hoặc trong những lời mời gọi lôi cuốn của một nền linh đạo duy tâm tình [intimist], hoặc thậm chí trong một cảm thức bị hiểu lầm về tính trung tâm của phụng vụ. Chúng là những con cảm dỗ đội lốt lòng trung thành với truyền thống, nhưng thường, thay vì đáp lại Chúa Thánh Thần, chúng là những phản ứng trước những bất mãn cá nhân. Thay vào đó, sự sáng tạo mục vụ, táo bạo trong Chúa Thánh Thần, nhiệt thành trong ngọn lửa truyền giáo của mình, là bằng chứng về lòng trung thành với Người. Vì vậy, tôi đã viết rằng “Chúa Giêsu cũng có thể vượt qua những phạm trù buồn tẻ mà chúng ta gán cho Người, và Người không ngừng làm chúng ta ngạc nhiên bởi sự sáng tạo thần linh của Người. Bất cứ khi nào chúng ta cố gắng trở về cội nguồn và tìm lại sự tươi mới nguyên thủy của Tin Mừng, thì những con đường mới sẽ xuất hiện, những con đường sáng tạo mới mở ra, với những hình thức diễn đạt khác nhau, những dấu hiệu hùng hồn hơn và những lời nói có ý nghĩa mới cho thế giới ngày nay” (*Niềm vui Tin Mừng*, 11).

Do đó, tính sáng tạo; và sau đó là *sự đơn giản*, chính vì Chúa Thánh Thần đưa chúng ta đến nguồn cội, đến “lời công bố đầu tiên”. Thật vậy, chính “ngọn lửa của Chúa Thánh Thần... [điều đó] khiến chúng ta tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng, qua cái chết và sự phục sinh của Người, mạc khải và thông truyền cho chúng ta lòng thương xót vô biên của Chúa Cha” (*Đã dân*, số 164). Đây là *lời công bố đầu tiên*, lời công bố hấn phải “là trung tâm của mọi hoạt động truyền giáo và mọi nỗ lực canh tân Giáo hội”; nói đi nói lại: “Chúa Giêsu Kitô yêu thương anh chị em; Người đã hy sinh mạng sống của mình để cứu anh chị em; và bây giờ Người đang sống bên cạnh anh chị em mỗi ngày để soi sáng, củng cố và giải phóng anh chị em” (*Đã dân*).

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy để cho Chúa Thánh Thần lôi kéo và cầu khẩn Người mỗi ngày; xin Người là nguồn hữu thể và công việc của chúng ta; nguyện xin Người là nguồn gốc của mọi hoạt động, mọi cuộc gặp gỡ, tụ tập và công bố. Người làm sinh động và trẻ trung hóa Giáo hội: với Người, chúng ta không được sợ hãi, bởi vì Người, Đấng *hòa hợp*, luôn giữ sự

sáng tạo và sự đơn giản cùng nhau, truyền cảm hứng cho sự hiệp thông và sai đi truyền giáo, cởi mở đối với sự đa dạng và dẫn trở lại sự hiệp nhất. Người là sức mạnh của chúng ta, là hơi thở của lời công bố của chúng ta, là nguồn nhiệt huyết tông đồ. Xin ngự đến, Lạy Chúa Thánh Thần!

Chương Ba Mười Bảy: Lòng nhiệt thành tông đồ của người tín hữu, Effata, Giáo Hội, hãy mở cửa! (ngày 13/12/2023)

Anh chị em thân mến,

Hôm nay chúng ta sẽ kết thúc chu kỳ dành riêng cho lòng nhiệt thành tông đồ, trong đó chúng ta để cho Lời Chúa linh hứng chúng ta, giúp nuôi dưỡng niềm đam mê công bố Tin Mừng. Và điều này liên quan đến mọi Kitô hữu. Chúng ta hãy nghĩ đến sự kiện trong Bí tích Rửa tội, vị chủ tế nói khi chạm vào tai và môi của người được rửa tội: “Xin Chúa Giêsu, Đấng đã làm cho người điếc được nghe và người câm được nói, ban cho con nhanh chóng lắng nghe lời Người và tuyên xưng đức tin của con”. (Xem *Mc 7:31-35*)

Và chúng ta đã nghe phép lạ của Chúa Giêsu. Thánh sử Máccô tiếp tục mô tả chi tiết nơi phép lạ xảy ra: “Hướng tới biên hồ Galilê...” (*Mc 7:31*). Những vùng này có điểm gì chung? Là sự kiện chúng chủ yếu là nơi sinh sống của người ngoại giáo. Đó không phải là vùng lãnh thổ có người Do Thái sinh sống mà chủ yếu là người ngoại giáo. Các môn đệ cùng ra đi với Chúa Giêsu, Đấng có khả năng mở tai và mở miệng, tức là hiện tượng câm điếc, mà trong Kinh Thánh cũng mang tính ẩn dụ và chỉ việc khép lại những lời kêu gọi của Thiên Chúa. Có cái điếc thể lý, nhưng trong Kinh thánh, người điếc trước lời Chúa là người câm, người không truyền đạt Lời Chúa.

Một dấu chỉ khác cũng mang tính chỉ dẫn: Tin Mừng tường thuật lời có tính quyết định của Chúa Giêsu trong tiếng Aramaic, *effata*, có nghĩa là “hãy mở ra”, tai hãy mở ra, lưỡi hãy mở ra. Và đó là một lời mời gọi ít được ngó với người câm điếc, những người vốn không thể nghe, cho bằng với chính các môn đệ thời đó và mọi thời đại. Cả chúng ta nữa, những người đã nhận được *effata* của Chúa Thánh Thần trong Bí tích Rửa tội, cũng được mời gọi cởi mở chính mình. “Hãy mở ra”, Chúa Giêsu nói với mọi tín hữu và với Giáo hội của Người: hãy mở ra vì thông điệp Tin Mừng cần anh chị em làm chứng và công bố! Và điều này cũng khiến chúng ta suy nghĩ về thái độ của người Kitô hữu: người Kitô hữu phải cởi mở với Lời Chúa và phục vụ người khác. Những Kitô hữu khép kín luôn có kết cục tồi tệ, bởi vì họ không phải là Kitô hữu, họ là những nhà ý thức hệ khép kín. Người Kitô hữu phải cởi mở trong việc công bố Lời Chúa, và chào đón anh chị em. Và đây là lý do tại sao *effata*, việc “mở ra” này, là một lời mời gọi tất cả chúng ta hãy mở ra.

Ngay cả ở cuối các Tin Mừng, Chúa Giêsu cũng ngó với chúng ta ước muốn truyền giáo của Người: hãy đi xa hơn, đi làm mục tử, đi rao giảng Tin Mừng.

Anh chị em thân mến, tất cả chúng ta hãy cảm thấy mình được mời gọi, như những người đã được rửa tội, để làm chứng và loan báo Chúa Giêsu, và chúng ta cầu xin ân sủng, trong tư cách một Giáo hội, để có thể thực hiện một cuộc hoán cải mục vụ và truyền giáo. Chúa trên bờ biển Galilê hỏi Thánh Phêrô có yêu mến Người không rồi bảo ông chăn các con chiên của Người (xem câu 15-17). Chúng ta cũng hãy tự hỏi mình, mỗi người chúng ta hãy tự hỏi câu hỏi này, chúng ta hãy tự hỏi: tôi có thực sự yêu mến Chúa đến mức muốn loan báo Người

không? Tôi muốn trở thành nhân chứng của Người hay tôi bằng lòng làm môn đệ của Người? Tôi có ghi nhớ trong lòng những người tôi gặp không, tôi có đưa họ đến với Chúa Giêsu trong lời cầu nguyện không? Tôi có muốn làm điều gì đó để niềm vui Tin Mừng, niềm vui đã biến đổi cuộc đời tôi, làm cho cuộc sống của họ trở nên tươi đẹp hơn không? Chúng ta hãy suy nghĩ điều đó, suy nghĩ những câu hỏi này và theo đuổi lời chứng của chúng ta.

Kêu gọi

Tôi tiếp tục theo dõi cuộc chiến ở Israel và Palestine với sự quan tâm sâu sắc.

Tôi xin nhắc lại lời kêu gọi ngừng bắn nhân đạo ngay lập tức. Ở đó có rất nhiều đau khổ. Tôi khuyến khích tất cả các bên liên quan nối lại đàm phán và tôi yêu cầu mọi người thực hiện cam kết khẩn cấp để đảm bảo rằng viện trợ nhân đạo sẽ đến tay người dân Gaza, những người đang kiệt sức và rất cần nó.

Cầu mong tất cả con tin được giải thoát. Họ đã nhìn thấy một số hy vọng trong thỏa thuận ngừng bắn gần đây. Cầu mong nỗi đau khổ to lớn của người Israel và người Palestine chấm dứt.

Xin vui lòng: nói không với vũ khí, nói có với hòa bình!

Tiết Tám: Thói hư và Nhân đức

Chương Một: Thói hư và nhân đức (ngày 27/12/2023)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại thánh Đường Phaolô VI, Thứ tư, 27 tháng 12 năm 2023, Đức Phanxicô đã khởi đầu một loạt bài giáo lý mới về các thói hư và nhân đức. Hôm nay, ngài trình bày phần dẫn nhập: bảo vệ trái tim. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài:

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi muốn giới thiệu một chu kỳ giáo lý – một chu kỳ mới – về chủ đề các thói hư và nhân đức. Và chúng ta có thể bắt đầu ngay từ đầu Kinh thánh, nơi Sách Sáng thế, qua lời tường thuật của các tổ phụ trình bày động lực của sự ác và cám dỗ. Chúng ta hãy xem xét Địa Đàng trên đất. Trong bức tranh bình dị được tượng trưng bởi khu vườn Địa Đàng, xuất hiện một nhân vật sẽ là biểu tượng của sự cám dỗ: con rắn, nhân vật quyến rũ này. Rắn là một loài động vật quý quý: nó di chuyển chậm rãi, trườn trên mặt đất và đôi khi bạn thậm chí không nhận thấy sự hiện diện của nó - nó im lặng - bởi vì nó nguy trang rất tốt trong môi trường xung quanh, và trên hết, điều này rất nguy hiểm.

Khi nó bắt đầu trò chuyện với Adam và Eva, nó cho thấy nó cũng là một nhà biện chứng tinh tế. Nó bắt đầu như người ta làm với những lời ngòi lê đôi mách xấu xa, với một câu hỏi ác ý. Nó nói: “Có phải Thiên Chúa đã phán: ‘Các ngươi không được ăn bất cứ cây nào trong vườn không?’” (St 3 :1). Cụm từ này sai: trên thực tế, Thiên Chúa đã ban tặng cho người nam và người nữ tất cả hoa quả trong vườn, ngoại trừ hoa quả của một loại cây cụ thể: cây biết điều

thiện và điều ác. Sự cảm đoán này không nhằm mục đích cảm con người sử dụng lý trí, như đôi khi bị hiểu sai, mà là thước đo của sự khôn ngoan. Như muốn nói: hãy nhận ra giới hạn của bạn, đừng cảm thấy mình là người làm chủ mọi sự, bởi vì kiêu ngạo là khởi đầu của mọi tội lỗi. Và vì thế, câu chuyện cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa đặt tổ tiên làm chúa tể và người bảo vệ công trình sáng tạo, nhưng muốn bảo vệ họ khỏi sự tự phụ toàn năng, biến mình thành chủ nhân của thiện và ác, đó là một cám dỗ – một cám dỗ tồi tệ, ngay cả bây giờ. Đây là cám dỗ nguy hiểm nhất đối với trái tim con người.

Như chúng ta biết, Adam và Evà không thể cưỡng lại sự cám dỗ của con rắn. Ý tưởng về một vị Chúa không tốt lành lắm, muốn bắt họ phải phục tùng, muốn bắt họ phải suy phục, đã len sâu vào tâm trí họ: từ đó mọi sự đều sụp đổ.

Với những câu chuyện này, Kinh Thánh giải thích cho chúng ta rằng cái ác không bắt đầu ở con người một cách ồn ào, khi một hành vi đã được biểu hiện rõ ràng, mà cái ác bắt đầu sớm hơn nhiều, khi người ta bắt đầu mơ mộng về nó, nuôi dưỡng nó trong trí tưởng tượng, trong suy nghĩ, và cuối cùng bị mắc bẫy bởi những cám dỗ của nó. Vụ sát hại Aben không bắt đầu bằng một hòn đá ném mà bằng mối hận thù mà Cain đã ôm giữ một cách độc ác, biến nó thành một con quái vật trong anh. Trong trường hợp này cũng vậy, những lời khuyên của Thiên Chúa đều vô giá trị.

Thưa anh chị em, người ta không bao giờ được đối thoại với ma quỷ. Không bao giờ! Anh chị em không bao giờ nên tranh luận. Chúa Giêsu không bao giờ đối thoại với ma quỷ; Người đuổi hắn đi. Và khi ở trong hoang địa, với những cơn cám dỗ, Người đã không đáp lại bằng đối thoại; Người chỉ đáp lại bằng những lời của Thánh Kinh, bằng Lời Chúa. Hãy cẩn thận: ma quỷ là kẻ quyến rũ. Đừng bao giờ đối thoại với hắn, bởi vì hắn thông minh hơn tất cả chúng ta và hắn sẽ bắt chúng ta phải trả giá vì điều đó. Khi cám dỗ đến, đừng bao giờ đối thoại. Đóng cửa lại, đóng cửa sổ lại, đóng trái tim lại. Và nhờ vậy, chúng ta tự bảo vệ mình trước sự quyến rũ này, bởi vì ma quỷ rất tinh ranh và thông minh. Hắn cố gắng cám dỗ Chúa Giêsu bằng những câu trích dẫn trong Kinh thánh! Hắn là một nhà thần học vĩ đại ở đó. Với ma quỷ anh chị em không đối thoại. Anh chị em có hiểu điều này không? Hãy cẩn thận. Chúng ta không được trò chuyện với ma quỷ và không được tự chuốc lấy cám dỗ. Không có đối thoại. Cám dỗ đến, chúng ta đóng cửa lại. Chúng ta bảo vệ trái tim của chúng ta.

Và đó là lý do tại sao chúng ta không trò chuyện với ma quỷ. Đây là lời khuyên – hãy canh giữ trái tim – mà chúng ta tìm thấy nơi nhiều giáo phụ, các vị thánh: hãy canh giữ trái tim. Bảo vệ trái tim. Và chúng ta phải cầu xin ơn học hỏi để bảo vệ trái tim. Đó là một dạng khôn ngoan, việc bảo vệ trái tim ra sao. Xin Chúa giúp đỡ chúng ta [trong] công việc này. Nhưng ai canh giữ tấm lòng mình là bảo vệ một kho báu. Thưa anh chị em, chúng ta hãy học cách bảo vệ tâm lòng. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai: Thói hư và nhân đức, Sự phấn đấu thiêng liêng (ngày 05/01/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tuần trước chúng ta đã dẫn nập chủ đề về các thói hư và nhân đức. Nó đề cập đến cuộc đấu tranh thiêng liêng của các Kitô hữu. Thật vậy, đời sống thiêng liêng của người Kitô hữu không hề bình yên, thẳng đường và không có thử thách; trái lại, đời sống Kitô hữu đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng: người Kitô hữu phấn đấu để bảo tồn đức tin, làm phong phú thêm các hồng

ân đức tin nơi chúng ta. Không phải ngẫu nhiên mà việc xúc dầu đầu tiên mà mọi Kitô hữu lãnh nhận trong bí tích Rửa tội - xúc dầu dự tòng - không có mùi thơm và tuyên bố một cách tượng trưng rằng cuộc sống là một cuộc đấu tranh. Thực tế, vào thời xa xưa, các tay thợ vật được xúc dầu đầy đủ trước khi thi đấu, vừa để làm săn chắc cơ bắp vừa khiến cho cơ thể họ khó bị đối thủ nắm bắt. Việc xúc dầu cho các dự tòng ngay lập tức làm sáng tỏ điều này: người Kitô hữu không tránh khỏi cuộc đấu tranh, họ phải phấn đấu: cuộc hiện hữu của họ, giống như của mọi người khác, sẽ phải lao vào đấu trường, bởi vì cuộc sống là một chuỗi những thử thách và cám dỗ.

Một câu nói nổi tiếng của Abba Antôn cả, người cha vĩ đại đầu tiên của lối sống đơn tu, như sau: “loại bỏ các cám dỗ thì sẽ không ai được cứu vớt”. Các vị thánh không phải là những người thoát khỏi cám dỗ, nhưng đúng hơn là những người ý thức rõ ràng rằng trong cuộc sống, những cám dỗ của sự dữ xuất hiện nhiều lần, cần phải bị vạch trần và bị bác bỏ. Tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm về điều này, tất cả chúng ta: rằng một ý nghĩ xấu đến với anh chị em, anh chị em cảm thấy muốn làm điều này, hoặc nói xấu người khác... Tất cả chúng ta, tất cả chúng ta đều bị cám dỗ, và chúng ta phải cố gắng không đầu hàng trước những cám dỗ này. Nếu ai trong anh chị em không bị cám dỗ thì hãy nói như vậy, vì đó sẽ là một điều phi thường! Tất cả chúng ta đều có những cám dỗ và tất cả chúng ta đều phải học cách cư xử trong những tình huống này.

Có nhiều người tự bào chữa cho mình, tuyên bố rằng họ “ôn thôi” – “Không, tôi ôn, tôi không gặp phải những vấn đề này”. Nhưng không ai trong chúng tôi “ôn” cả; nếu ai đó cảm thấy họ ôn hòa thì họ đang mơ mộng; mỗi người chúng ta đều có nhiều điều phải điều chỉnh và cũng phải cảnh giác. Và đôi khi chúng ta đi lãnh bí tích Hòa Giải và thành tâm nói: “Lạy Cha, con không nhớ, con không biết con có tội nào không...”. Nhưng đó là vì thiếu nhận thức những gì đang xảy ra trong trái tim mình. Tất cả chúng ta đều là tội nhân, tất cả chúng ta. Và một chút xét mình, một chút nhận xét sáng suốt sẽ tốt cho chúng ta. Nếu không, chúng ta có nguy cơ sống trong bóng tối, vì chúng ta đã quen với bóng tối và không còn biết phân biệt thiện ác. Isaac thành Ninivê đã nói rằng, trong Giáo hội, người biết tội lỗi của mình và than khóc chúng thì cao trọng hơn người làm cho một người chết sống lại. Tất cả chúng ta phải cầu xin Thiên Chúa ban ơn nhận ra mình là những tội nhân đáng thương, cần hoán cải, giữ trong lòng niềm tin tưởng rằng không có tội lỗi nào quá lớn đối với lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa Cha. Đây là bài học đầu tiên Chúa Giêsu dạy chúng ta.

Chúng ta thấy điều đó trong những trang đầu tiên của Tin Mừng, trước tiên là trong câu chuyện Chúa Giêsu chịu phép rửa trong nước sông Giođan. Đoạn này hàm chứa một điều gì đó đáng bối rối: tại sao Chúa Giêsu lại chấp nhận nghi thức thanh tẩy như vậy? Người là Thiên Chúa, Người thật hoàn hảo! Chúa Giêsu phải ăn năn về tội lỗi nào? Không có! Ngay cả vị Gioan Tẩy Giả cũng bị sốc, đến nỗi đoạn văn viết rằng: “Ông Gioan ngăn cản Người mà nói: ‘Tôi cần Người làm phép rửa cho tôi, thế mà Người lại đến với tôi sao?’” (Mt 3:15). Nhưng Chúa Giêsu là một Đấng Mêxia rất khác với cách Thánh Gioan đã trình bày về Người và cách người ta tưởng tượng về Người: Người không là hiện thân của một Thiên Chúa thịnh nộ và không triệu tập để phán xét, trái lại, đứng cùng hàng với những kẻ tội lỗi. Làm thế nào như thế cho được? Vâng, Chúa Giêsu đồng hành với chúng ta, tất cả chúng ta là những kẻ tội lỗi. Người không phải là tội nhân, nhưng Người ở giữa chúng ta. Và đây là một điều đẹp đẽ. “Cha ơi, con có nhiều tội lỗi!” – “Nhưng Chúa Giêsu ở với anh chị em: hãy nói về chúng, Người sẽ giúp anh chị thoát khỏi điều đó”. Chúa Giêsu không bao giờ để chúng ta cô đơn, không bao giờ! Anh chị em hãy nghĩ về điều đó. “Cha ơi, con đã phạm tội trọng!” – “Nhưng Chúa Giêsu hiểu anh chị em và Người đồng hành với anh chị em: Người hiểu tội lỗi của anh chị em và Người tha thứ cho anh chị em”. Đừng bao giờ quên điều này! Trong những lúc tội

tệ nhất, trong những lúc chúng ta sa vào tội lỗi, Chúa Giêsu ở bên cạnh để nâng đỡ chúng ta. Điều này mang lại sự an ủi. Chúng ta không được đánh mất sự chắc chắn này: Chúa Giêsu ở bên cạnh chúng ta để giúp đỡ chúng ta, bảo vệ chúng ta, thậm chí nâng chúng ta lên sau khi phạm tội. “Nhưng thưa Cha, có phải Chúa Giêsu tha thứ mọi sự không?” - “Mọi sự. Người đến để tha thứ, để cứu rỗi. Đơn giản thôi, Chúa Giêsu muốn trái tim anh chị em rộng mở. Người không bao giờ quên tha thứ: chính chúng ta nhiều lần mất khả năng cầu xin sự tha thứ. Chúng ta hãy lấy lại khả năng này để cầu xin sự tha thứ. Mỗi người trong chúng ta có nhiều điều cần xin tha thứ: mỗi người trong chúng ta hãy suy nghĩ về điều đó trong nội tâm và nói về nó với Chúa Giêsu hôm nay. Hãy nói với Chúa Giêsu về điều này: “Lạy Chúa, con không biết điều này có đúng hay không, nhưng con tin chắc rằng Chúa sẽ không rời xa con. Con chắc chắn rằng Chúa tha thứ cho con. Lạy Chúa, con là kẻ có tội, nhưng xin đừng lìa xa con”. Đây sẽ là một lời cầu nguyện tuyệt vời dâng lên Chúa Giêsu hôm nay: “Lạy Chúa, xin đừng xa lánh con”.

Và ngay sau biến cố chịu phép rửa, các Tin Mừng cho chúng ta biết rằng Chúa Giêsu đã rút vào sa mạc, nơi Người bị Satan cám dỗ. Trong trường hợp này cũng vậy, chúng ta tự hỏi: Con Thiên Chúa phải trải qua cám dỗ như thế nào? Ở đây cũng vậy, Chúa Giêsu tỏ ra liên đới với bản chất con người yếu đuối của chúng ta và trở thành gương mẫu vĩ đại của chúng ta: những con cám dỗ mà Người phải đối đầu và vượt qua giữa những viên đá khô cằn của sa mạc là lời dạy đầu tiên mà Người ban cho đời sống làm môn đệ của chúng ta. Người đã trải nghiệm điều mà chúng ta cũng phải chuẩn bị để đương đầu: cuộc sống được tạo thành từ những thách thức, thử thách, những ngã rẽ, những quan điểm đối lập, những cám dỗ thầm kín, những tiếng nói trái ngược nhau. Một số tiếng nói thậm chí còn có sức thuyết phục cao đến nỗi Satan cám dỗ Chúa Giêsu bằng cách dùng đến những lời trong Kinh thánh. Chúng ta phải giữ gìn sự trong sáng bên trong của mình để chọn con đường thực sự dẫn đến hạnh phúc và cố gắng không dừng lại trên đường đi.

Chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta luôn bị giằng xé giữa những thái cực trái ngược nhau: sự kiêu ngạo thách thức sự khiêm nhường; hận thù chống lại lòng bác ái; nỗi buồn cản trở niềm vui đích thực của Chúa Thánh Thần; sự cứng lòng từ chối lòng thương xót. Kitô hữu liên tục bước đi dọc theo những ranh giới phân chia này. Vì vậy, điều quan trọng là phải suy gẫm về những thói hư và nhân đức: nó giúp chúng ta đánh bại nền văn hóa hư vô chủ nghĩa trong đó ranh giới giữa thiện và ác trở nên mờ nhạt, đồng thời, nó nhắc nhở chúng ta rằng con người, không giống bất cứ tạo vật nào khác, luôn có thể vượt lên trên chính mình, mở lòng ra với Thiên Chúa và tiến tới sự thánh thiện.

Do đó, cuộc đấu tranh thiêng liêng khiến chúng ta nhìn kỹ vào những thói xấu đang xiềng xích chúng ta và bước đi, với ân sủng của Thiên Chúa, hướng tới những nhân đức có thể phát triển trong chúng ta, mang mùa xuân của Chúa Thánh Thần vào cuộc sống của chúng ta.

Chương Ba: Thói hư và nhân đức, Tham ăn (ngày 11/01/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình dạy giáo lý của chúng ta, trên con đường dạy giáo lý mà chúng ta đang thực hiện, về các thói hư và nhân đức, hôm nay chúng ta sẽ xem xét thói xấu tham ăn. Tham ăn.

Tin Mừng nói gì với chúng ta về điều đó? Chúng ta hãy nhìn vào Chúa Giêsu. Phép lạ đầu tiên của Người, tại tiệc cưới Cana, tỏ lộ sự cảm thông của Người đối với niềm vui của con

người: Người lo cho bữa tiệc được kết thúc tốt đẹp và ban cho cô dâu chú rể một lượng lớn rượu ngon. Trong tất cả sứ vụ của Người, Chúa Giêsu xuất hiện như một vị tiên tri rất khác biệt với Gioan Tẩy Giả: trong khi Gioan được nhớ đến vì lối sống khổ hạnh – Người đã ăn những gì Người tìm thấy trong sa mạc – thì ngược lại, Chúa Giêsu là Đấng Mêxia mà chúng ta thường thấy ở bàn ăn. Hành vi của Người gây ra tai tiếng ở một số nơi, bởi vì Người không chỉ nhân từ với những người tội lỗi, mà Người còn ăn uống với họ; và cử chỉ này chứng tỏ Người sẵn sàng hiệp thông và gần gũi với mọi người.

Nhưng thậm chí còn nhiều hơn thế nữa. Mặc dù thái độ của Chúa Giêsu đối với giới luật Do Thái cho thấy Người hoàn toàn tuân theo Lê Luật, nhưng Người vẫn tỏ ra thông cảm với các môn đệ của Người: khi họ thấy thiếu thốn, vì họ bứt lúa vì đói, Người biện minh cho họ bằng cách nhắc lại rằng ngay cả Vua Đavít và những người bạn đồng hành của ông cũng đã lấy bánh thánh (x. Mc 2:23-26). Và Chúa Giêsu khẳng định một nguyên tắc mới: khách dự tiệc cưới không được ăn chay khi có chàng rể ở với họ. Chúa Giêsu muốn chúng ta vui mừng trong sự đồng hành của Người. – Người giống như chàng rể của Giáo hội; nhưng Người cũng muốn chúng ta tham gia vào những đau khổ của Người, đó cũng là những đau khổ của những người nhỏ bé và nghèo khổ. Chúa Giêsu có tính phổ quát.

Một khía cạnh quan trọng khác. Chúa Giêsu loại bỏ sự phân biệt giữa thực phẩm trong sạch và thực phẩm không trong sạch, vốn là sự phân biệt do luật Do Thái đưa ra. Đây là lý do tại sao Kitô giáo không coi thực phẩm là ô uế. Và về điều này, Chúa Giêsu nói rõ ràng rằng điều làm cho một điều gì đó tốt hay xấu, thí dụ, điều xấu về thức ăn, không phải là chính thức ăn mà là mối quan hệ chúng ta có với nó. Và chúng ta thấy điều này khi một người có mối quan hệ không ổn định với thức ăn; chúng ta thấy cách họ ăn, họ ăn vội vã, như thể muốn no nhưng không bao giờ thấy no. Họ không có mối quan hệ tốt với thức ăn, họ là nô lệ của thức ăn. Và Chúa Giêsu coi trọng lương thực và việc ăn uống, ngay cả trong xã hội, nơi có nhiều sự mất cân bằng và nhiều bệnh lý hiển hiện. Một người ăn quá nhiều hoặc quá ít. Thường người ta ăn trong cô độc. Các rối loạn ăn uống – biếng ăn, háu ăn, béo phì – đang lan rộng. Và y học và tâm lý học đang cố gắng giải quyết mối quan hệ không tốt của chúng ta với thực phẩm. Một mối quan hệ không tốt với thực phẩm sẽ tạo ra tất cả những căn bệnh này, tất cả.

Đó là những căn bệnh, thường vô cùng đau đớn, chủ yếu liên quan đến những đau khổ về tinh thần và linh hồn. Có mối liên hệ giữa sự mất cân bằng tâm lý và cách tiêu thụ thực phẩm. Cách chúng ta ăn uống là biểu hiện của một điều gì đó ở bên trong: thiên hướng cân bằng hoặc không điều độ; khả năng tạ ơn hoặc cao ngạo về quyền tự chủ; sự tương cảm của những người chia sẻ miếng ăn cho người túng thiếu, hay sự ích kỷ của những người tích trữ mọi thứ cho riêng mình. Vấn đề này rất quan trọng. Hãy cho tôi biết anh chị em ăn uống như thế nào, tôi sẽ cho anh chị em biết anh chị em sở hữu loại tâm hồn nào. Trong cách ăn uống, chúng ta bộc lộ nội tâm, thói quen, thái độ tâm lý của mình.

Các Giáo phụ xưa đã đặt cho thói tham ăn cái tên là “gastrimargia” – gastromargy, một thuật ngữ có thể dịch là “sự điên rồ của cái bụng”. Sự tham ăn là “sự điên rồ của cái bụng”. Ngoài ra còn có câu tục ngữ ăn để sống chứ không phải sống để ăn – “sự điên rồ của cái bụng”. Đó là một thói hư bám vào một trong những nhu cầu thiết yếu của chúng ta, chẳng hạn như ăn uống. Chúng ta hãy cẩn thận về điều này.

Nếu chúng ta giải thích nó từ góc độ xã hội, thì thói tham ăn có lẽ là thói xấu nguy hiểm nhất đang giết chết hành tinh. Bởi vì tội lỗi của những người khuất phục trước một miếng bánh ngọt, xét về mọi mặt, không gây ra thiệt hại lớn, nhưng tính háu ăn mà với nó, chúng ta đã cướp bóc hàng hóa của hành tinh trong vài thế kỷ nay đang làm tổn hại đến tương lai của tất

cả mọi người. Chúng ta đã giành lấy mọi thứ, để trở thành chủ nhân của vạn vật, trong khi mọi thứ đều được giao cho chúng ta quản lý chứ không phải để chúng ta khai thác. Thế thì đây là tội lớn, sự điên rồ của cái bụng là tội lớn: chúng ta đã từ bỏ danh hiệu con người, để nhận một danh xưng khác, “những người tiêu dùng”. Ngày nay chúng ta nói như vậy trong đời sống xã hội, những người tiêu dùng. Chúng ta thậm chí còn không hề lưu ý khi có người bắt đầu đặt cho chúng ta cái tên này. Chúng ta được tạo dựng để trở thành những người nam nữ “của Thánh Thể”, có khả năng tạ ơn, khôn khéo trong việc sử dụng đất đai, nhưng thay vào đó, mối nguy hiểm là chúng ta trở thành những kẻ săn mồi; và bây giờ chúng ta nhận ra rằng hình thức “hầu ăn” này đã gây ra rất nhiều tai hại cho thế giới. Chúng ta hãy cầu xin Chúa giúp chúng ta trên con đường sống điều độ, để nhiều hình thức tham ăn không chiếm lấy cuộc sống của chúng ta. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bốn: Thói hư và nhân đức, Dục vọng (ngày 17/01/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Và hôm nay chúng ta hãy lắng nghe kỹ bài giáo lý, vì sau đó sẽ có một đoàn xiếc biểu diễn cho chúng ta xem. Chúng ta hãy tiếp tục cuộc hành trình liên quan đến các thói hư và nhân đức; và các Giáo phụ xưa dạy chúng ta rằng, sau thói tham ăn, con quỷ thứ hai - tức là thói hư - luôn rình rập trước cửa trái tim là lòng tham dục, là *dục vọng*, tiếng Hy Lạp gọi là *porneia*. Trong khi tham ăn là phạm ăn đối với đồ ăn, thì tật xấu thứ hai này là một loại ‘ham ăn’ đối với người khác, tức là mối liên kết độc hại giữa con người với nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực tình dục.

Anh chị em hãy cẩn thận: trong Kitô giáo không có sự lên án bản năng tình dục. Không có sự lên án. Một cuốn sách trong Kinh thánh, sách Diễm ca, là một bài thơ tuyệt vời về tình yêu giữa hai người yêu nhau. Tuy nhiên, chiều kích tốt đẹp này, chiều kích tính dục, chiều kích tình yêu, của nhân tính chúng ta không phải là không có những nguy hiểm, đến nỗi Thánh Phaolô đã phải đề cập đến vấn đề này trong Thư Thứ Nhất gửi tín hữu Côrintô. Thánh Phaolô viết: “Có tin đồn rằng trong anh em có sự vô luân, và thuộc loại không thấy có nơi dân ngoại” (5:1). Lời khiển trách của Thánh Tông Đồ liên quan chính đến cách xử lý tình dục không lành mạnh của một số Kitô hữu.

Nhưng chúng ta hãy nhìn vào trải nghiệm của con người, trải nghiệm khi yêu. Có rất nhiều cặp mới cưới ở đây: anh chị em có thể nói về điều này. Tại sao mâu thuẫn này lại xảy ra và tại sao nó lại là một trải nghiệm choáng váng như vậy trong cuộc đời con người, không ai trong chúng ta biết. Một người yêu một người khác, việc yêu nhau chỉ là chuyện bình thường. Đó là một trong những thực tế đáng kinh ngạc nhất của hiện hữu. Hầu hết các bài hát anh chị em nghe trên radio đều nói về điều này: những tình yêu tỏa sáng, những tình yêu luôn được tìm kiếm nhưng không bao giờ đạt được, những tình yêu tràn đầy niềm vui, hay những tình yêu hành hạ chúng ta đến mức rơi nước mắt.

Nếu không bị ô nhiễm bởi thói hư thì yêu là một trong những cảm xúc thuần khiết nhất. Người đang yêu trở nên hào phóng, thích tặng quà, viết thư và làm thơ. Họ ngừng suy nghĩ về bản thân để hoàn toàn tập trung vào người khác. Điều này thật đẹp. Và nếu anh chị em hỏi một người đang yêu, "Tại sao bạn lại yêu?" họ sẽ không có câu trả lời: Theo nhiều cách, tình yêu của họ là vô điều kiện, không cần lý do. Anh chị em phải kiên nhẫn nếu tình yêu mạnh mẽ ấy lại có chút ngây thơ: những người yêu nhau không thực sự biết rõ bộ mặt của người khác, họ có xu hướng lý tưởng hóa họ, họ sẵn sàng đưa ra những lời hứa mà họ không thể

nắm bắt được ngay lập tức. Tuy nhiên, 'khu vườn' nơi những điều kỳ diệu được nhân lên không phải là nơi an toàn khỏi cái ác. Nó bị con quỷ đục vọng làm ô uế, và thói hư này đặc biệt đáng ghê tởm, vì ít nhất hai lý do. Ít nhất là hai.

Thứ nhất, vì nó *phá hủy các mối quan hệ giữa người ta*. Thật không may, để chứng minh thực tế như vậy, tin tức hàng ngày đã quá đủ. Có bao nhiêu mối quan hệ bắt đầu theo cách tốt đẹp nhất sau đó đã biến thành những mối quan hệ độc hại, chiếm hữu người khác, thiếu tôn trọng và ý thức về giới hạn? Đây là những tình yêu trong đó đức khiết tịnh đã không có: một nhân đức không nên nhầm lẫn với việc kiêng khem tình dục – khiết tịnh là một điều gì đó khác với việc kiêng khem tình dục – nhưng đúng hơn gắn liền với ý chí không bao giờ chiếm hữu người khác. Yêu là tôn trọng người khác, tìm kiếm hạnh phúc cho người khác, trau dồi sự tương cảm với cảm xúc của người đó, đặt mình vào sự hiểu biết một thể xác, một tâm lý và một linh hồn không phải của mình, và các thực tại này phải được chiêm ngưỡng vì vẻ đẹp được chúng mang lại. Đó là tình yêu, và tình yêu thật đẹp. Mặt khác, đục vọng chèn giễu tất cả những điều này: đục vọng cưỡng đoạt, nó cướp bóc, nó tiêu thụ một cách vội vàng, nó không muốn lắng nghe người khác mà chỉ muốn nghe theo nhu cầu và khoái cảm của riêng mình; đục vọng đánh giá mọi cuộc tán tỉnh đều nhằm chán, nó không tìm kiếm sự tổng hợp giữa lý trí, động lực và cảm xúc để giúp chúng ta sống cuộc sống một cách khôn ngoan. Kẻ dâm đang chỉ tìm những lối tắt: họ không hiểu rằng con đường dẫn đến tình yêu phải đi chậm rãi, và sự kiên nhẫn này, không đồng nghĩa với sự nhầm chán, cho phép chúng ta làm cho mối quan hệ yêu đương của mình được hạnh phúc.

Nhưng có lý do thứ hai khiến đục vọng là một thói hư nguy hiểm. Trong số mọi lạc thú của con người, tình dục có tiếng nói mạnh mẽ. Nó liên quan đến tất cả các giác quan; nó cư trú cả trong cơ thể lẫn trong tâm hồn, và điều này rất đẹp; nhưng nếu nó không được kỷ luật một cách kiên nhẫn, nếu nó không được khắc ghi vào một mối quan hệ và trong một câu chuyện mà hai cá nhân biến nó thành một điệu khiêu vũ yêu thương, thì nó sẽ biến thành một sợi dây xiềng xích tước đoạt tự do của con người. Lạc thú tình dục là một món quà từ Thiên Chúa bị phá hoại bởi nội dung khiêu dâm: sự thỏa mãn mà không có mối quan hệ có thể tạo ra các hình thức nghiện ngập. Chúng ta phải bảo vệ tình yêu, tình yêu của con tim, của khối óc, của thể xác, tình yêu thuần khiết trong việc trao hiến chính mình cho người khác. Và đây là vẻ đẹp của giao hợp tình dục.

Chiến thắng trong cuộc chiến chống lại đục vọng, chống lại việc “vật hóa” người khác, có thể là một nỗ lực suốt đời. Nhưng phần thưởng của cuộc chiến này là quan trọng nhất, bởi vì nó bảo tồn được vẻ đẹp mà Thiên Chúa đã khắc ghi vào tạo vật của Người khi Người tưởng nghĩ ra tình yêu giữa người nam và người nữ, nhằm mục đích không sử dụng lẫn nhau, nhưng là yêu thương nhau. Vẻ đẹp đó khiến chúng ta tin rằng việc cùng nhau xây dựng một câu chuyện sẽ tốt hơn là đi tìm kiếm những cuộc phiêu lưu – ngoài kia có rất nhiều Don Juan; cùng nhau xây dựng một câu chuyện sẽ tốt hơn là đi tìm những cuộc phiêu lưu; vun trồng sự dịu dàng âu yếm tốt hơn là cúi đầu trước con quỷ chiếm hữu – tình yêu đích thực không chiếm hữu, nó tự trao ban; phục vụ tốt hơn là chinh phục. Bởi nếu không có tình yêu thì cuộc đời buồn bã, nó là nỗi cô đơn buồn bã

Chương Năm: Thói hư và nhân đức, Lòng tham

(Ngày 24/01/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta tiếp tục bài giáo lý về các thói hư và nhân đức, và hôm nay chúng ta sẽ nói về lòng tham, một hình thức quyến luyến tiền bạc khiến con người không thể rộng lượng.

Nó không phải là tội chỉ liên quan đến những người có tài sản lớn, mà là một tội liên quan đến mọi người, thường không liên quan gì đến số dư ngân hàng. Đó là bệnh của trái tim, không phải của ví tiền.

Phân tích của các giáo phụ sa mạc về thói hư này cho thấy lòng tham thậm chí có thể còn bám vào các đan sĩ ra sao, những người sau khi từ bỏ những tài sản thừa kế khổng lồ, trong cảnh cô độc của phòng tu vẫn đã bám vào những đồ vật ít giá trị: họ không cho mượn, họ không chia sẻ chúng và thậm chí ít sẵn sàng cho chúng đi hơn. Sự gắn bó với những điều nhỏ nhặt, làm mất đi sự tự do. Đối với họ, những đồ vật đó trở thành một thứ vật thần mà họ không thể tách rời khỏi. Một kiểu trở về trạng thái những đứa trẻ ôm chặt đồ chơi của mình và lặp đi lặp lại: “Nó là của tao! Nó là của tao!”. Trong câu này ẩn chứa một mối quan hệ rối loạn với thực tại, điều có thể dẫn đến các hình thức tích trữ có tính ép buộc và tích lũy bệnh lý.

Để chữa lành căn bệnh này, các đan sĩ đã đề xuất một phương pháp quyết liệt nhưng rất hiệu quả: suy niệm về cái chết. Dù một người tích lũy của cải trên thế giới này đến mức nào, chúng ta có thể tuyệt đối chắc chắn một điều: chúng sẽ không vào quan tài cùng với chúng ta. Chúng ta không thể mang theo tài sản với mình! Ở đây sự vô nghĩa của thói hư này được bộc lộ. Mỗi ràng buộc sở hữu mà chúng ta tạo ra với các đồ vật chỉ là biểu kiến, bởi vì chúng ta không phải là chủ nhân của thế giới: trái đất mà chúng ta yêu quý này thực ra không phải của chúng ta, và chúng ta di chuyển ở đó như những người xa lạ và những người hành hương (x. Lv 25:23).

Những xem xét đơn giản này cho phép chúng ta nhận ra sự điên rồ của lòng tham nhưng cũng là lý do sâu xa nhất của nó. Đó là một nỗ lực để xua tan nỗi sợ chết: nó tìm kiếm sự an toàn mà trên thực tế sẽ sụp đổ ngay khi chúng ta cầm chúng trong tay. Hãy nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn về người đàn ông ngu ngốc, mảnh đất của anh ta đã mang lại cho anh ta một mùa màng bội thu, và anh ta tự ru mình với những suy nghĩ làm thế nào để mở rộng kho của mình để chứa tất cả mùa màng. Người đàn ông đã tính toán mọi thứ, lên kế hoạch cho tương lai. Tuy nhiên, anh ta vẫn chưa xem xét yếu tố chắc chắn nhất trong cuộc sống: cái chết. "Ngu xuẩn!" Tin Mừng nói. “Đêm nay người ta đòi linh hồn của người; còn những gì người đã chuẩn bị thì sẽ về tay ai?”

Trong các trường hợp khác, chính kẻ trộm cung cấp dịch vụ này cho chúng ta. Ngay cả trong Tin Mừng, chúng cũng xuất hiện rất nhiều lần và mặc dù công việc của chúng có thể đáng chê trách nhưng nó có thể trở thành một lời khuyên răn bổ ích. Vì thế, Chúa Giêsu đã rao giảng trong Bài Giảng Trên Núi: “Các con đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mối mọt, rỉ sét ăn mòn và kẻ trộm đột nhập lấy trộm, nhưng hãy tích lũy cho mình những kho tàng trên trời, nơi không có mối mọt, rỉ sét làm hư nát và là nơi kẻ trộm không lên vào lấy trộm” (Mt 6:19-20). Một lần nữa, theo lời kể của các giáo phụ sa mạc, câu chuyện kể về một tên trộm đã làm bất ngờ vị đan sĩ đang ngủ và đánh cắp một số tài sản mà Người cất giữ trong phòng tu. Khi tỉnh dậy, không hề băn khoăn về những gì đã xảy ra, vị đan sĩ bắt đầu lần theo dấu vết của tên trộm và khi tìm thấy hắn, thay vì đòi đồ đã đánh cắp, Người giao lại vại thứ còn sót lại và nói: “Người quên lấy những thứ này!”

Anh chị em thân mến, chúng ta có thể là chủ của cái mình sở hữu, nhưng điều ngược lại thường xảy ra: cuối cùng chúng chiếm hữu chúng ta. Một số người giàu có không còn tự do,

thậm chí không còn thời gian để nghỉ ngơi, phải trông chừng vì việc tích lũy của cải cũng đòi hỏi phải giữ gìn chúng cho an toàn. Họ luôn trăn trở, bởi một gia sản được xây dựng bằng bao nhiêu mồ hôi nhưng có thể tan biến chỉ trong chốc lát. Họ quên mất giáo huấn Tin Mừng, vốn cho rằng sự giàu có tuy tự nó không là một tội lỗi, nhưng chắc chắn nó là một gánh nặng. Thiên Chúa không nghèo: Người là Chúa của mọi sự, nhưng, như Thánh Phaolô viết, “Người vốn giàu, nhưng vì anh em mà trở nên nghèo, để bởi sự nghèo của Người, anh em có thể trở nên giàu có” (2 Cr 8:9).

Đây là điều mà kẻ keo kiệt không hiểu được. Lẽ ra anh ta có thể là nguồn phước lành cho nhiều người, nhưng thay vào đó anh ta lại rơi vào ngõ cụt của sự khốn khổ. Và cuộc sống của kẻ keo kiệt thật xấu xí. Tôi nhớ trường hợp của một người đàn ông tôi gặp ở giáo phận kia, một người đàn ông rất giàu có và mẹ anh ta bị bệnh. Anh ấy đã kết hôn. Anh em thay phiên nhau chăm sóc mẹ, buổi sáng mẹ ăn sữa chua. Người đàn ông này đưa cho bà một nửa vào buổi sáng để có thể cho bà nửa còn lại vào buổi chiều và nhờ thế để dành một nửa sữa chua. Đây là lòng tham, đây là sự dính bén vào đồ vật. Sau đó, người đàn ông này qua đời, và những lời bình luận của những người đến dự buổi cầu nguyện là: “Nhưng, các bạn có thể thấy người đàn ông này chẳng có gì trên người cả, anh để lại mọi sự”. Rồi họ giễu cợt một chút: “Không, không, họ không thể đóng quan tài vì anh ấy muốn mang theo mọi thứ bên mình”. Lòng tham này khiến người khác cười nhạo: cuối cùng chúng ta phải dâng thân xác và linh hồn cho Chúa và chúng ta phải bỏ lại tất cả. Chúng ta hãy cẩn thận! Và chúng ta hãy quảng đại, quảng đại với mọi người và quảng đại với những người cần chúng ta nhất. Cảm ơn anh chị em.

Chương Sáu: Thái hư và nhân đức, Giận dữ (ngày 31/01/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ tạm dừng để suy gẫm về thái hư là *con giận dữ*. Bây giờ chúng ta đang nói về những thái hư và nhân đức: hôm nay là lúc suy gẫm về thái hư giận dữ. Đó là một thái hư đặc biệt đen tối và có lẽ dễ dàng phát hiện nhất từ quan điểm thể lý. Người bị con giận dữ thống trị cảm thấy khó che giấu sự thôi thúc này: anh chị em có thể nhận ra nó qua những chuyển động của cơ thể, sự hung hãn, hơi thở khó khăn, vẻ mặt cau có và dữ tợn của họ.

Trong biểu hiện gay gắt nhất của nó, con giận dữ là một thái hư không có thời gian nghỉ ngơi. Nếu nó sinh ra từ một sự bất công phải gánh chịu (hoặc được cho là phải gánh chịu), thì nó thường được nổ ra không phải để chống lại người phạm tội mà chống lại nạn nhân bất hạnh đầu tiên. Có những người đàn ông kim nén con giận dữ ở nơi làm việc, tỏ ra thanh thản, điềm tĩnh nhưng ở nhà lại trở nên không thể chịu đựng nổi đối với vợ con. Giận dữ là một thái hư lan tràn: nó có khả năng làm chúng ta mất ngủ, cản trở lý trí và suy nghĩ.

Giận dữ là một thái hư *phá hủy mối quan hệ giữa con người với nhau*. Nó thể hiện sự bất lực trong việc chấp nhận sự đa dạng của người khác, đặc biệt khi những lựa chọn trong cuộc sống của họ khác với các lựa chọn của chúng ta. Nó không dừng lại ở hành vi sai trái của một người, mà ném mọi thứ vào vạc sôi: chính người kia, người khác như họ, như người khác là, là người kích thích sự tức giận và oán giận. Người ta bắt đầu ghét giọng điệu, cử chỉ tầm thường hàng ngày của họ, cách suy luận và cảm nhận của họ.

Khi mối quan hệ liên quan đến mức độ thoái hóa này, sự sáng suốt sẽ mất đi. Con giận dữ

làm chúng ta mất đi sự sáng suốt, không đúng sao? Bởi vì một trong những đặc điểm của cơn giận dữ đôi khi là nó không thể giảm khinh theo thời gian. Trong những trường hợp này, ngay cả khoảng cách và sự im lặng, thay vì giảm bớt gánh nặng của sai lầm, lại càng phóng đại chúng lên. Vì lý do này, Thánh Tông Đồ Phaolô – như chúng ta đã nghe – khuyên các Kitô hữu nên đối mặt ngay với vấn đề và cố gắng hòa giải: “*Chớ để mặt trời lặn mà vẫn giận dữ*” (Eph 4:26). Điều quan trọng là mọi thứ phải tan biến ngay lập tức, trước khi mặt trời lặn. Nếu ban ngày xảy ra hiểu lầm, hai người không còn hiểu nhau, cảm thấy mình xa nhau, thì đêm hôm không thể giao cho ma quỷ. Thói hư sẽ khiến chúng ta thức trắng đêm, nghiền ngẫm những lý do của mình và những sai lầm không thể giải thích được, những lỗi lầm không bao giờ là của chúng ta mà luôn là của người khác. Nó giống như vậy: khi một người tức giận, họ luôn nói rằng người khác mới là vấn đề. Họ không bao giờ có khả năng nhận ra những khuyết điểm, khuyết điểm của chính mình.

Trong kinh Lạy Cha, Chúa Giêsu khiến chúng ta cầu nguyện cho các mối quan hệ nhân bản của chúng ta, vốn là một bãi mìn: một mặt phẳng không bao giờ ở trạng thái cân bằng hoàn hảo. Trong cuộc sống, chúng ta phải đối diện với những kẻ xâm phạm có lỗi với mình, cũng như chúng ta chưa bao giờ yêu thương mọi người đúng mức. Đối với một số người, chúng ta đã không đáp lại tình yêu mà họ đáng được. Tất cả chúng ta đều là tội nhân, tất cả chúng ta, và tất cả chúng ta đều có những tài khoản phải thanh toán: đừng quên điều này. Chúng ta mắc nợ, tất cả chúng ta đều có những tài khoản phải thanh toán, và do đó tất cả chúng ta cần học cách tha thứ để được tha thứ. Con người sẽ không ở bên nhau nếu họ không thực hành nghệ thuật tha thứ, trong chùng mực họ có thể làm được. Sự giận dữ được chống lại bằng lòng nhân từ, tâm lòng rộng mở, hiền lành và kiên nhẫn.

Tuy nhiên, về chủ đề cơn giận dữ, có một điều cuối cùng cần nói. Người ta nói rằng đó là một thói hư khủng khiếp, là nguồn gốc của chiến tranh và bạo lực. Bài thơ *the Iliad* mô tả cơn thịnh nộ của Achilles, đó sẽ là nguyên nhân của “những tai ương vô tận”. Nhưng không phải mọi thứ xuất phát từ cơn giận dữ đều sai lầm. Người xưa hiểu rõ rằng trong chúng ta tồn tại một phần nóng nảy không thể và không thể phủ nhận. Ở một mức độ nào đó, những đam mê là vô thức: chúng xảy ra, chúng là những trải nghiệm sống. Chúng ta không chịu trách nhiệm về sự khởi đầu của cơn giận dữ, nhưng luôn chịu trách nhiệm về sự phát triển của nó. Và đôi khi, việc trút cơn giận đúng cách lại là điều tốt. Nếu một người không bao giờ tức giận, nếu một người không phản nộ trước một sự bất công, nếu họ không cảm thấy có gì đó run rẩy trong lòng trước sự áp bức của kẻ yếu, thì điều đó có nghĩa là người đó không phải là con người, càng không phải là một Kitô hữu.

Sự phản nộ thánh thiện quả có hiện hữu, không phải là cơn giận dữ mà là một chuyển động bên trong, một sự phản nộ thánh thiện. Chúa Giêsu đã biết điều đó nhiều lần trong đời Người (x. Mc 3:5): Người không bao giờ lấy ác trả ác, nhưng trong tâm hồn Người, Người cảm nhận được tâm tình này, và trong trường hợp những người buôn bán trong Đền Thờ, Người đã thực hiện một hành động mạnh mẽ và có tính tiên tri, không phải do cơn giận dữ, nhưng do lòng nhiệt thành đối với nhà Chúa (x. Mt 21:12-13). Chúng ta phải phân biệt rõ: lòng nhiệt thành, sự phản nộ thánh thiện là một chuyện; Con thịnh nộ xấu, lại là một chuyện khác.

Với sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần, tùy ở chúng ta tìm ra mức độ phù hợp cho những đam mê. Giáo dục chúng cho tốt để chúng hướng thiện chứ không hướng ác. Cảm ơn anh chị em.

Chương Bảy: Thái hư và nhân đức, Buồn phiền

(ngày 07/02/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình giáo lý về các thái hư và nhân đức, hôm nay chúng ta sẽ nhìn vào một thái hư khá xấu xí, *nỗi buồn phiền*, được hiểu như một sự chán nản của tâm hồn, một nỗi đau khổ thường xuyên ngăn cản con người cảm thấy vui mừng trước sự hiện hữu của chính mình.

Đầu tiên và quan trọng nhất, cần phải lưu ý rằng, liên quan đến nỗi buồn phiền, các Giáo phụ đã đưa ra một sự phân biệt quan trọng: đó là điều này. Thực vậy, có một nỗi buồn thích hợp với đời sống Kitô hữu, và với ân sủng của Thiên Chúa, nó có thể biến thành niềm vui: rõ ràng, điều này không thể bị bác bỏ và nó là một phần của con đường hoán cải. Nhưng có một loại buồn phiền thứ hai *len lỏi vào tâm hồn và bắt nó phủ phục trong trạng thái chán nản*: chính loại đau buồn thứ hai này cần phải chiến đấu, một cách kiên quyết và bằng mọi sức lực, vì nó phát xuất từ ma quỷ. Sự khác biệt này cũng được tìm thấy nơi Thánh Phaolô, người đã viết cho giáo đoàn Côrintô: “Sự đau buồn của Thiên Chúa tạo ra sự sám hối dẫn đến sự cứu rỗi và không mang lại sự hối tiếc, nhưng nỗi buồn trần thế dẫn đến cái chết” (2 Cr 7:10).

Vì vậy, có một nỗi buồn thân thiện dẫn chúng ta đến sự cứu rỗi. Anh chị em hãy nghĩ đến người con hoang đàng trong dụ ngôn: khi rơi xuống vực sâu của sự suy đồi, anh ta cảm thấy vô cùng cay đắng, và điều này thúc đẩy anh ta tỉnh táo lại và quyết định trở về nhà với cha mình (x. Lc 15:11-20). Thật là một ân sủng để than tiếc về tội lỗi của mình, nhớ lại tình trạng ân sủng mà chúng ta đã sa ngã, khóc lóc vì chúng ta đã đánh mất sự trong sạch mà Thiên Chúa mơ ước về chúng ta.

Nhưng còn có nỗi buồn thứ hai, thay vào đó là một căn bệnh của tâm hồn. Nó nảy sinh trong trái tim con người khi một ước muốn hay hy vọng tan biến. Ở đây chúng ta có thể đề cập đến trình thuật về các môn đệ đi Emmau trong Tin Mừng Thánh Luca. Hai môn đệ này rời Giêrusalem với tấm lòng thất vọng, và họ tâm sự với người khách lạ từng đi cùng họ: “Chúng tôi đã hy vọng rằng Người – Chúa Giêsu – là Đấng sẽ cứu chuộc dân Israel” (Lc 24:21). Động lực của nỗi buồn gắn liền với *trải nghiệm mất mát*, trải nghiệm mất mát. Trong trái tim con người nảy sinh những hy vọng nhưng đôi khi bị tiêu tan. Đó có thể là mong muốn sở hữu một thứ gì đó mà chúng ta không thể có được; nhưng nó cũng có thể là một điều gì đó quan trọng, chẳng hạn như sự mất mát về mặt cảm xúc. Khi điều này xảy ra, dường như trái tim con người rơi xuống vực thẳm, và những cảm xúc mà họ cảm thấy chỉ là chán nản, yếu đuối về tinh thần, chán nản và thống khổ. Tất cả chúng ta đều trải qua những thử thách tạo nên nỗi buồn trong lòng, bởi cuộc sống khiến chúng ta áp ủ những giấc mơ rồi tan vỡ. Trong hoàn cảnh này, một số người sau một thời gian hỗn loạn đã trông cậy vào lòng hy vọng; nhưng những người khác lại chìm đắm trong nỗi u sầu, để nó mưng mủ trong lòng. Người ta có vui thú trong việc này không? Anh chị em hãy xem: nỗi buồn phiền giống như *niềm vui không vui vẻ*; giống như ăn một viên kẹo đắng, đắng ngắt, không đường, khó chịu, mà phải mút viên kẹo đó. Nỗi buồn phiền là niềm vui trong sự không vui.

Đan sĩ Evagrius kể lại rằng mọi thái hư đều nhằm mục đích đạt được khoái cảm, dù nó có thể phù du đến đâu, trong khi nỗi buồn lại có tác dụng ngược lại: *ru mình vào nỗi buồn phiền vô tận*. Một số nỗi đau buồn kéo dài, khi người ta tiếp tục mở rộng khoảng trống của một nỗi buồn không còn ở đó, không phù hợp với cuộc sống trong Thánh Thần. Một số nỗi cay đắng phần nộ nào đó, nơi người ta luôn có một yêu sách trong đầu khiến họ đội lốt nạn nhân, không tạo ra một cuộc sống lành mạnh trong chúng ta, chứ đừng nói đến một cuộc sống Kitô

hữu. Có điều gì đó trong quá khứ của mỗi người cần được chữa lành. Nỗi buồn phiền, từ một cảm xúc tự nhiên, có thể biến thành một trạng thái tâm trí xấu xa.

Đó là một con quỷ quỷ quyết, con quỷ của nỗi buồn phiền. Các giáo phụ sa mạc mô tả nó giống như một con sâu trong trái tim, ăn mòn và làm rỗng chủ nhà của nó. Đây là một hình ảnh tốt: nó cho phép chúng ta hiểu được. Một con sâu trong trái tim tiêu hao và làm rỗng chủ nhà của nó. Chúng ta phải đề phòng nỗi buồn phiền này và nghĩ rằng Chúa Giêsu mang đến cho chúng ta niềm vui phục sinh. Nhưng tôi phải làm gì khi tôi buồn? Anh chị em hãy dừng lại và nhìn xem: đây có phải là một nỗi buồn tốt đẹp không? Có phải nỗi buồn không tốt lắm không? Và phản ứng tùy theo bản chất của nỗi buồn. Anh chị em đừng quên rằng nỗi buồn có thể là một điều rất xấu, khiến chúng ta bị quan, dẫn chúng ta đến sự ích kỷ khó chữa.

Anh chị em thân mến, chúng ta phải đề phòng nỗi buồn phiền này và nghĩ rằng Chúa Giêsu mang đến cho chúng ta niềm vui phục sinh. Dù cuộc sống trọn vẹn có thể có những mâu thuẫn, những ham muốn bị đánh bại, những ước mơ không thành hiện thực, những tình bạn đã mất, nhưng nhờ sự phục sinh của Chúa Giêsu, chúng ta có thể tin rằng *tất cả sẽ được cứu vớt*. Chúa Giêsu đã sống lại không những cho chính Người mà còn cho chúng ta, để chuộc lại mọi hạnh phúc còn dang dở trong cuộc đời chúng ta. Đức tin xua tan sợ hãi, và sự phục sinh của Chúa Kitô cất đi nỗi buồn như tảng đá khỏi mồ. Mỗi ngày của Kitô hữu là một ngày thực tập về sự phục sinh. Georges Bernanos, trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng Nhật ký của một Linh mục đồng quê, đã để cha xứ Torcy nói thế này: “Giáo hội có niềm vui, tất cả niềm vui đó chỉ dành cho thế giới buồn bã này. Những gì bạn đã làm chống lại Giáo Hội, bạn đã làm chống lại niềm vui”. Và một nhà văn người Pháp khác, León Bloy, đã để lại cho chúng ta câu nói tuyệt vời đó: “Chỉ có một nỗi buồn, [...] đó là không nên thánh”. Xin Thánh Thần của Chúa Giêsu phục sinh giúp chúng ta đánh bại nỗi buồn phiền bằng sự thánh thiện.

Chương Tám: Thói hư và nhân đức, Tẻ lạnh, biếng nhác (ngày 14/02/2024)

Anh chị em thân mến,

Trong số tất cả các tội chính, có một tội thường bị bỏ qua, có lẽ vì tên gọi của nó, thường khiến nhiều người khó hiểu: Tôi đang nói về sự *tẻ lạnh*, (*acedia*). Vì vậy, trong danh sách những thói hư, thuật ngữ *acedia* thường được thay thế bằng một thuật ngữ khác, được sử dụng phổ biến hơn nhiều: lười biếng hoặc biếng nhác. Trên thực tế, lười biếng là hậu quả nhiều hơn là nguyên nhân. Khi một người ở nhưng, biếng nhác, thờ ơ, chúng ta nói người đó lười biếng. Nhưng như sự khôn ngoan của các giáo phụ sa mạc xa xưa đã dạy chúng ta, gốc rễ của sự lười biếng này thường là *acedia*, mà từ nguồn gốc Hy Lạp có nghĩa đen là “thiếu quan tâm”.

Đó là một sự cám dỗ rất nguy hiểm mà người ta không được phép đùa giỡn. Như thế những người trở thành nạn nhân của nó bị lòng ham muốn chết chóc đè bẹp: họ cảm thấy ghê tởm mọi thứ; mối quan hệ với Chúa trở nên nhàm chán đối với họ; và ngay cả những hành động thiêng liêng nhất, những hành động trước đây sưởi ấm trái tim họ, giờ đây dường như hoàn toàn vô dụng đối với họ. Họ bắt đầu hối tiếc thời gian trôi qua và tuổi trẻ lùi về phía sau họ không thể cứu vãn được.

Tẻ lạnh được định nghĩa là “con quỷ buổi trưa”: nó bám lấy chúng ta vào giữa ban ngày, khi sự mệt mỏi lên đến tuyệt đỉnh và những giờ phút phía trước dường như đơn điệu, không thể

sống được. Trong một mô tả nổi tiếng, đan sĩ Evagrius diễn tả cơn cám dỗ này như sau: “Mắt của người tẻ lạnh liên tục dán chặt vào cửa sổ, và trong tâm trí họ, họ tưởng tượng về những vị khách [...] Khi đọc, người tẻ lạnh thường ngáp và dễ bị cơn buồn ngủ khuấy phục, nhăn mặt, xoa tay và rời mắt khỏi cuốn sách, nhìn chăm chăm vào tường; rồi quay lại với cuốn sách, đọc thêm một chút [...]; cuối cùng, cúi đầu, họ đặt cuốn sách bên dưới và chìm vào giấc ngủ chập chờn, cho đến khi cơn đói đánh thức họ và thôi thúc họ đáp ứng nhu cầu của mình”; tóm lại, “kẻ tẻ lạnh không quan tâm làm việc của Chúa” [1].

Độc giả đương thời nhận thấy trong những mô tả này một điều gì đó gợi nhớ đến tai họa của trầm cảm, cả từ quan điểm tâm lý lẫn triết học. Thật vậy, đối với những người bị kìm kẹp bởi sự tẻ lạnh, cuộc sống mất đi ý nghĩa, lời cầu nguyện trở nên nhàm chán và mọi trận chiến dường như vô nghĩa. Nếu thời trẻ chúng ta nuôi dưỡng những đam mê thì giờ đây chúng dường như phi lý, những ước mơ không hề khiến chúng ta hạnh phúc. Vì vậy, chúng ta buông thả mình, và xao lãng, thiếu suy nghĩ, dường như là lối thoát duy nhất: người ta muốn tẻ liệt, muốn có một tâm trí hoàn toàn trống rỗng... Nó hơi giống như chết trước, và nó thật xấu xí.

Đối đầu với thói hư này, điều mà chúng ta nhận thấy rất nguy hiểm, các bậc thầy linh đạo đã nghĩ ra nhiều biện pháp chữa trị khác nhau. Tôi muốn lưu ý một điều mà đối với tôi có vẻ quan trọng nhất và tôi gọi đó là *sự kiên nhẫn của đức tin*. Mặc dù trong nanh vuốt của sự tẻ lạnh, ước muốn của con người là được “đi đến một nơi khác”, thoát khỏi thực tại, nhưng thay vào đó, người ta phải có can đảm ở lại và chào đón sự hiện diện của Thiên Chúa ở “ở đây và bây giờ”, trong hoàn cảnh như hiện tại. Các đan sĩ nói rằng đối với họ, phòng tu là người thầy tốt nhất của cuộc sống, bởi vì đó là nơi nói với bạn một cách cụ thể và hàng ngày về câu chuyện tình yêu của bạn với Chúa. Con quỷ *acedia* muốn phá hủy chính niềm vui đơn giản ở đây và bây giờ, điều kỳ diệu biết ơn này của thực tại; nó muốn làm cho anh chị em tin rằng tất cả đều vô ích, rằng không có ý nghĩa gì, rằng không đáng để quan tâm đến bất cứ điều gì hoặc bất cứ ai. Trong cuộc sống, chúng ta gặp những người tẻ lạnh, những người mà chúng ta nói: “Anh ta thật nhàm chán!”, và chúng ta không thích ở bên họ; những người thậm chí còn có thái độ buồn chán dễ lây lan. Đó là *acedia*.

Biết bao người, trong vòng kìm kẹp của sự tẻ lạnh, bị khuấy động bởi nỗi bất an không mặt mũi, đã ngu ngốc từ bỏ cuộc sống tốt đẹp mà họ đã dần thân! Trận tẻ lạnh là trận quyết định, phải thắng bằng mọi giá. Và đó là một trận chiến không tha ngay cả với các vị thánh, bởi vì trong nhật ký của nhiều vị có một số trang kể lại những khoảnh khắc khủng khiếp, về những đêm đen đức tin thực sự, khi mọi thứ dường như tối tăm. Các vị thánh này dạy chúng ta kiên nhẫn vượt qua đêm tối, chấp nhận *sự nghèo khó đức tin*. Họ khuyên nghị, dưới sự áp bức của sự tẻ lạnh, nên duy trì mức độ cam kết nhỏ hơn, đặt ra các mục tiêu trong tầm tay hơn, nhưng đồng thời phải chịu đựng và kiên trì bằng cách nương tựa vào Chúa Giêsu, Đấng không bao giờ bỏ rơi chúng ta trong cơn cám dỗ.

Đức tin, bị dày vò bởi thử thách tẻ lạnh, không mất đi giá trị của nó. Ngược lại, đó là đức tin đích thực, đức tin rất nhân bản, bất chấp mọi sự, bất chấp bóng tối mù quáng, vẫn khiêm tốn tin tưởng. Niềm tin đó vẫn còn trong trái tim, như than hồng dưới đống tro tàn. Nó luôn luôn còn lại. Và nếu một người trong chúng ta rơi vào tình trạng xấu xa này, hoặc trước sự cám dỗ của sự tẻ lạnh, hãy cố gắng nhìn vào bên trong và thổi bùng lên ngọn lửa đức tin; đó là cách chúng ta tiếp tục tiến bước.

[1] Evagrius Ponticus, *Tám Tinh thần của Ác quỷ*, 14.

Chương Chín: Thái hư và nhân đức, Ghen tị và hư danh (ngày 28/02/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta xem xét hai thái hư chết người mà chúng ta tìm thấy trong danh sách lớn mà truyền thống tâm linh đã để lại cho chúng ta: ghen tị và kiêu ngạo.

Chúng ta hãy bắt đầu với sự ghen tị. Nếu chúng ta đọc Thánh Kinh (x. *St.* 4), chúng ta thấy nó như một trong những tật xấu lâu đời nhất: Cain căm ghét Abel khi hắn nhận ra rằng những hy lễ của em mình đều đẹp lòng Thiên Chúa. Cain là con đầu lòng của A-đam và E-và, hắn được hưởng phần thừa kế lớn nhất của cha mình; Tuy nhiên, chỉ cần em trai Abel thành công trong một việc nhỏ là đủ khiến Cain nổi cơn thịnh nộ. Khuôn mặt của kẻ ghen tị luôn buồn bã: hắn luôn nhìn xuống, dường như hắn không ngừng thăm dò mặt đất; nhưng thực tế thì hắn chẳng thấy gì cả, bởi vì tâm trí hắn đang bị bao bọc bởi những ý nghĩ đầy ác độc. Sự ghen tị, nếu không được kiểm soát, sẽ dẫn đến sự căm ghét người khác. Abel sẽ bị giết dưới tay Cain, người không thể chịu nổi hạnh phúc của em trai mình.

Ghen tị là một tội ác không những chỉ được nghiên cứu trong phạm vi Kitô giáo: nó còn thu hút sự chú ý của các triết gia và nhà thông thái thuộc mọi nền văn hóa. Cơ bản của nó là mối quan hệ giữa ghét và yêu: người ta mong muốn điều ác cho người khác, nhưng lại thầm mong muốn được như anh ta. Người khác kia là sự hiển linh về những gì chúng ta muốn trở thành và những gì chúng ta thực sự không trở thành. Vận may của họ đối với chúng ta dường như là một sự bất công: chắc chắn, chúng ta tự nghĩ, chúng ta xứng đáng với những thành công hoặc vận may của họ hơn nhiều!

Gốc rễ của thái xấu này là một quan niệm sai lầm về Thiên Chúa: chúng ta không chấp nhận rằng Thiên Chúa có “toán học” của riêng Người khác với chúng ta. Chẳng hạn, trong dụ ngôn của Chúa Giêsu về những người thợ được ông chủ gọi vào vườn nho vào những thời điểm khác nhau trong ngày, những người vào giờ đầu tiên tin rằng họ được trả lương cao hơn những người đến sau cùng; nhưng người chủ trả công cho mọi người như nhau và nói: “Há tôi không được phép làm những gì tôi chọn với những gì thuộc về tôi sao? Hay bạn ghen tị với sự rộng lượng của tôi?” (*Mt* 20:15). Chúng ta muốn áp đặt luận lý ích kỷ của mình lên Thiên Chúa; thay vào đó, luận lý của Thiên Chúa là tình yêu. Những điều tốt đẹp Người ban cho chúng ta đều có ý nghĩa để chia sẻ. Đây là lý do tại sao Thánh Phaolô khuyên các Kitô hữu: “Hãy yêu thương nhau bằng tình huynh đệ; hãy hơn nhau trong việc tỏ lòng tôn kính” (*Rm.* 12:10). Đây là phương thuốc cho sự ghen tị!

Và bây giờ chúng ta đến với thái hư thứ hai mà chúng ta xem xét ngày hôm nay: thái kiêu ngạo. Nó song hành với con quỷ ghen tị, và hai tật xấu này cùng nhau là đặc điểm của một người khao khát trở thành trung tâm của thế giới, tự do bóc lột mọi thứ và mọi người, đối tượng của mọi lời khen ngợi và yêu mến. Hư vinh, hư danh là lòng tự trọng bị thổi phồng và vô căn cứ. Kẻ hư danh sở hữu một cái “tôi” vụng về: họ không có sự tương cảm và không để ý đến sự thật rằng trên thế giới này còn có những người khác ngoài họ. Các mối quan hệ của họ luôn mang tính công cụ, được đánh dấu bằng sự thống trị người khác. Con người của họ, những thành tựu của họ, những thành quả của họ phải được mọi người thấy: họ là kẻ luôn ăn xin sự chú ý. Và nếu đôi khi những phẩm chất của họ không được thừa nhận, họ sẽ trở nên giận dữ dữ dội. Những người khác thì không công bằng, họ không hiểu, họ không làm được điều đó. Trong các bài viết của mình, *Evagrius Ponticus* mô tả sự cay đắng của một tu sĩ nào

đó bị trúng hư danh. Chuyện xảy ra là sau những thành công đầu tiên trong đời sống tâm linh, vị này cảm thấy mình đã đến đích nên lao vào thế giới để nhận được lời khen ngợi của nó. Nhưng Người không nhận ra rằng mình chỉ mới bắt đầu con đường tâm linh và một sự cảm dỗ đang rình rập sẽ sớm hạ gục Người.

Muốn chữa lành kẻ hư danh, các bậc thầy tâm linh không đề xuất nhiều phương thuốc. Vì cuối cùng, cái ác của hư danh tự nó đã có phương thuốc: lời khen ngợi mà kẻ kiêu ngạo hy vọng nhận được từ thế gian sẽ sớm quay lưng lại với họ. Và biết bao nhiêu người bị lừa bởi một hình ảnh sai lầm về bản thân, sau đó đã rơi vào những tội lỗi mà họ sẽ sớm phải xấu hổ!

Lời hướng dẫn tốt nhất để vượt qua thói hư danh có thể được tìm thấy trong lời chứng của Thánh Phaolô. Thánh Tông đồ luôn nhắc đến một khuyết điểm mà Người không bao giờ có thể khắc phục được. Ba lần Người cầu xin Chúa giải thoát Người khỏi cực hình đó, nhưng cuối cùng Chúa Giêsu đã trả lời: “Ôn Ta đủ cho con; vì sức mạnh được thể hiện trọn vẹn trong sự yếu đuối.” Từ ngày đó Thánh Phaolô được thư thả. Và kết luận của Người cũng sẽ là của chúng ta: “Tôi vui mừng tự hào về sự yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Chúa Ki-tô ở trong tôi” (2Cr.12:9).

Chương Mười: Thói hư và nhân đức, Kiêu ngạo (ngày 06/03/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong cuộc hành trình giáo lý về các thói hư và nhân đức, hôm nay chúng ta đến với thói hư cuối cùng: tính *kiêu ngạo*. Người Hy Lạp cổ đại định nghĩa nó bằng một từ có thể dịch là “sự huy hoàng quá mức”. Quả thực, kiêu ngạo là tự đề cao mình, tự phụ, ta đây. Thuật ngữ này cũng xuất hiện trong hàng loạt thói hư mà Chúa Giêsu liệt kê để giải thích rằng sự ác luôn xuất phát từ trái tim con người (x. Mc 7:22). Người kiêu ngạo là người nghĩ rằng mình cao thượng hơn nhiều so với con người thực của họ; người lo mình được coi trọng hơn người, luôn muốn thấy công lao của mình được công nhận, coi thường người khác, coi họ thấp kém hơn mình.

Từ mô tả đầu tiên này, chúng ta thấy thói hư kiêu ngạo rất gần với thói hư vinh mà chúng ta đã trình bày lần trước. Tuy nhiên, nếu kiêu ngạo là một căn bệnh của bản thân con người, thì nó vẫn là một căn bệnh trẻ con khi so sánh với khả năng tàn phá mà lòng kiêu hãnh có thể gây ra. Khi phân tích sự điên rồ của con người, các tu sĩ cổ thời đã nhận ra một trật tự nhất định trong chuỗi các tệ nạn: bắt đầu với những tội lỗi ghê tởm nhất, chẳng hạn như thói háu ăn, và đến những con quái vật đáng lo ngại hơn. *Trong mọi thói hư, kiêu ngạo là nữ hoàng vĩ đại*. Không phải ngẫu nhiên mà trong Thần khúc, Dante xếp nó vào tầng luyện ngục đầu tiên: những ai nung nấu bộ thói hư này đều ở xa Chúa, và việc sửa chữa tội ác này đòi hỏi thời gian và công sức, hơn bất cứ cuộc chiến nào khác mà người Kitô hữu được mời gọi bước vào.

Thực ra, bên trong sự ác này ẩn chứa tội lỗi triệt để, sự tuyên bố vô lý rằng mình giống như Thiên Chúa. Tội lỗi của tổ tiên chúng ta, được kể lại trong sách Sáng thế, xét về mọi mặt đều là tội kiêu ngạo. Kẻ cảm dỗ nói với họ: “Khi các ngươi ăn nó, mắt các ngươi sẽ mở ra và sẽ giống như Thiên Chúa” (Sáng Thế 3:5). Các tác giả về linh đạo đặc biệt chú ý đến việc mô tả những hậu quả của tính kiêu ngạo trong cuộc sống hằng ngày, để minh họa việc nó hủy hoại các mối quan hệ giữa con người với nhau như thế nào, để chỉ ra sự ác này đầu độc tình huynh đệ vốn lẽ ra phải liên đới con người như thế nào.

Sau đây là danh sách dài các triệu chứng cho thấy một người đang sa vào thói kiêu ngạo. Đó là một tội ác có hình tướng rõ ràng: kẻ kiêu ngạo thì kiêu căng, “cứng cổ”, tức là cổ cứng không cúi xuống. Họ là một người dễ dàng bị dẫn đến việc phán xét khinh miệt: không có lý do gì, họ đưa ra những phán xét không thể thay đổi đối với người khác, những người mà đối với họ dường như là những người kém cỏi và không có khả năng. Trong sự kiêu ngạo của mình, họ quên rằng Chúa Giêsu trong Tin Mừng đã chỉ định cho chúng ta rất ít giới luật đạo đức, nhưng về một trong số đó, Người không khoan nhượng: không bao giờ nên phán xét. Anh chị em nhận ra anh chị em đang đối diện với một người kiêu ngạo khi đưa ra cho họ một lời chỉ trích mang tính xây dựng hoặc đưa ra một nhận xét hoàn toàn vô hại, họ phản ứng một cách cường điệu, như thể ai đó đã xúc phạm đến sự uy nghi cao cả của họ: họ nổi cơn thịnh nộ, hét lên, làm gián đoạn mối quan hệ với người khác một cách bực bội.

Có rất ít điều người ta có thể làm với một người mắc chứng kiêu ngạo. Không thể nói chuyện với họ, càng không thể sửa sai họ, bởi vì cuối cùng họ không còn hiện diện với chính mình nữa. Người ta chỉ cần kiên nhẫn với họ, vì một ngày nào đó dinh thự của họ sẽ sụp đổ. Tục ngữ Ý có câu: “Người kiêu hãnh cưỡi ngựa ra đi và lúc trở về cuộc bộ”. Trong Tin Mừng, Chúa Giêsu đối xử với rất nhiều người kiêu ngạo, và Người thường vạch trần thói hư này ngay cả với những người giấu kín rất giỏi. Phêrô phô trương lòng trung thành trọn vẹn của mình: “Dầu mọi người có bỏ Thầy, con cũng sẽ không!” (x. Mt 26:33). Thay vào đó, Người cũng sẽ sớm giống như những người khác, sợ hãi trước cái chết mà Người không thể tưởng tượng được lại có thể đến gần đến vậy. Và thế là Phêrô thứ hai, người không còn hếch cằm nhưng khóc những giọt nước mắt mặn chát, sẽ được Chúa Giêsu chữa lành và cuối cùng sẽ đỡ sức gánh vác gánh nặng của Giáo hội. Trước đây Người phô trương một cao ngạo mà tốt hơn không nên phô trương; bây giờ Người là một môn đệ trung thành mà, như dụ ngôn nói, người chủ có thể giao “quản lý tất cả tài sản của mình” (Lc 12:44).

Sự cứu rỗi đến nhờ sự khiêm nhường, phương thuốc thực sự cho mọi hành vi kiêu ngạo. Trong bài Magnificat, Đức Maria hát về Thiên Chúa, Đấng bằng quyền năng của Người xua tan những kẻ kiêu ngạo có tư tưởng bệnh hoạn trong lòng họ. Thật là vô ích khi cướp đoạt bất cứ điều gì của Thiên Chúa, như người kiêu hãnh làm, bởi vì xét cho cùng, Người muốn ban cho chúng ta mọi sự. Đây là lý do tại sao tông đồ Gia-cô-bê, trước cộng đồng của Người bị tổn thương vì đấu tranh nội bộ bắt nguồn từ tính kiêu ngạo, đã viết: “Thiên Chúa chống cự kẻ kiêu ngạo nhưng ban ơn cho người khiêm nhường” (Gia-cô-bê 4:6).

Vì vậy, anh chị em thân mến, chúng ta hãy tận dụng Mùa Chay này để chiến đấu chống lại tính kiêu ngạo của mình.

Chương Mười Một: Thói hư và nhân đức, Hành động nhân đức (ngày 13/03/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau khi kết thúc phần tổng quan của chúng ta về những thói hư, bây giờ là lúc chúng ta nhìn vào hình ảnh phản chiếu, đối lập với trải nghiệm về cái ác. Trái tim con người có thể chiều theo những đam mê xấu xa, nó có thể chú ý đến những cám dỗ có hại được ngụy trang dưới lớp vỏ thuyết phục, nhưng nó cũng có thể chống lại tất cả những điều này. Dù điều này có khó khăn đến đâu, con người được tạo ra vì sự tốt lành, điều này thực sự làm họ thỏa mãn, và cũng có thể thực hành nghệ thuật này, khiến một số khuynh hướng trở nên thường trực trong

họ. Suy gẫm về khả năng kỳ diệu này của chúng ta tạo thành một chương cổ điển trong triết học đạo đức: chương về *nhân đức*.

Các triết gia La Mã gọi nó là *virtus*, người Hy Lạp gọi là *aretè*. Thuật ngữ Latinh trước hết nhấn mạnh rằng người nhân đức là người mạnh mẽ, can đảm, có khả năng kỷ luật và khổ hạnh: do đó, việc thực thi các nhân đức là kết quả của quá trình này mầm lâu dài, đòi hỏi nỗ lực và thậm chí cả đau khổ. Thay vào đó, từ Hy Lạp, *aretè*, chỉ điều gì đó vượt trội, điều gì đó nổi bật, khơi gợi sự ngưỡng mộ. Do đó, người nhân đức không bị biến dạng bởi sự xuyên tạc mà vẫn trung thành với ơn gọi của mình, nhận thức đầy đủ về chính mình.

Chúng ta sẽ lạc lối nếu nghĩ rằng các vị thánh là ngoại lệ của loài người: một loại nhóm hạn chế gồm những nhà vô địch sống vượt quá giới hạn của loài người chúng ta. Từ góc nhìn chúng ta vừa giới thiệu về các nhân đức, các vị thánh đúng hơn là những người trở thành chính mình một cách trọn vẹn, hoàn thành ơn gọi riêng của mỗi người nam hay nữ. Thật là một thế giới hạnh phúc nếu công lý, sự tôn trọng, lòng nhân từ lẫn nhau, tinh thần cởi mở và hy vọng là những điều bình thường được chia sẻ chứ không phải là một điều bất thường hiếm gặp! Đây là lý do tại sao chương về hành động nhân đức, trong thời kỳ đầy bi kịch này của chúng ta, nơi chúng ta thường phải đối diện với những điều tồi tệ nhất của nhân loại, cần được mọi người khám phá lại và thực hành. Trong một thế giới méo mó, chúng ta phải nhớ đến hình dáng mà chúng ta đã được tạo dựng, hình ảnh của Chúa mãi mãi in sâu vào chúng ta.

Nhưng chúng ta có thể *định nghĩa* khái niệm nhân đức ra sao? Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo công hiến cho chúng ta một định nghĩa chính xác và súc tích: “Nhân đức là một khuynh hướng thường xuyên và vững chắc để làm điều tốt” (số 1803). Vì vậy, nó không phải là một món hàng ngẫu hứng hay có phần ngẫu nhiên từ trên trời rơi xuống một cách rời rạc. Lịch sử cho chúng ta thấy ngay cả những kẻ tội phạm, trong những lúc tỉnh táo cũng đã làm được việc tốt; chắc chắn những việc làm này đã được ghi vào “sách của Chúa”, nhưng đức hạnh lại là một điều khác. Đó là sự tốt đẹp bắt nguồn từ sự trưởng thành chậm rãi của con người, đến mức trở thành một đặc tính bên trong. Đức hạnh là *thói quen* của tự do. Nếu chúng ta được tự do trong mọi hành động và mỗi khi phải lựa chọn giữa thiện và ác thì đức hạnh chính là điều giúp chúng ta có xu hướng lựa chọn đúng đắn.

Nếu nhân đức là một món quà đẹp đẽ như vậy thì ngay lập tức nảy sinh một câu hỏi: *làm sao có thể có được nó?* Câu trả lời cho câu hỏi này không đơn giản, nó phức tạp.

Đối với người Kitô hữu, sự trợ giúp đầu tiên là *ân sủng* của Thiên Chúa. Thật vậy, Chúa Thánh Thần tác động trong chúng ta là những người đã chịu phép rửa, tác động trong tâm hồn chúng ta để dẫn nó đến một đời sống nhân đức. Biết bao Kitô hữu đã đạt đến sự thánh thiện qua nước mắt, nhận ra rằng họ không thể vượt qua được một số điểm yếu của mình! Nhưng họ trải nghiệm rằng Chúa đã hoàn thành công việc tốt lành đó mà đối với họ chỉ là một bản phác thảo. Ân sủng luôn đi trước cam kết luân lý của chúng ta.

Hơn nữa, chúng ta không bao giờ được quên bài học rất phong phú từ túi khôn của người xưa, dạy rằng *nhân đức sẽ phát triển và có thể trau dồi*. Và để điều này xảy ra, ơn đầu tiên cầu xin Chúa Thánh Thần chính là sự *khôn ngoan*. Con người không phải là một lãnh thổ tự do để chinh phục những thú vui, cảm xúc, bản năng, đam mê mà không thể làm bất cứ điều gì để chống lại những thế lực này, đôi khi hỗn loạn, ngự trị bên trong. Hồng phúc vô giá mà chúng ta sở hữu là một tâm trí cởi mở, đó là sự khôn ngoan có thể học hỏi từ những sai lầm để điều hướng cuộc sống cách tốt đẹp. Sau đó, cần có thiện chí: khả năng lựa chọn điều tốt,

rèn luyện bản thân bằng cách thực hành khổ hạnh, tránh xa những điều thái quá.

Anh chị em thân mến, đây là cách chúng ta bắt đầu hành trình nhân đức, trong vũ trụ thanh bình đầy thử thách nhưng có tính quyết định đối với hạnh phúc của chúng ta

Chương Mười Hai: Thói hư và nhân đức, Nhân đức thận trọng khôn ngoan (ngày 21/03/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta dành bài giáo lý hôm nay cho nhân đức *thận trọng khôn ngoan* (prudence). Cùng với công lý, dũng cảm và tiết độ, đó là một trong những nhân đức được gọi là nhân đức chính, không phải là đặc quyền riêng của người Kitô hữu, mà thuộc về di sản của túi khôn cổ xưa, đặc biệt là của các triết gia Hy Lạp. Vì vậy, một trong những chủ đề đáng lưu ý nhất trong công cuộc gặp gỡ và hội nhập văn hóa chính là chủ đề về các nhân đức.

Trong các tác phẩm thời Trung cổ, việc trình bày các nhân đức không chỉ đơn giản là danh sách những phẩm tính tích cực của linh hồn. Trờ lại với các tác giả cổ điển dưới ánh sáng mạc khải Kitô giáo, các nhà thần học hình dung bộ bảy nhân đức – ba nhân đức đối thần và bốn nhân đức chính – như một loại cơ thể sống, trong đó mỗi nhân đức có một không gian hài hòa để chiếm giữ. Có những nhân đức thiết yếu và những nhân đức phụ tùng như trụ, cột, và đầu cột. Quả thực, có lẽ không gì làm cho ý tưởng về sự hòa hợp giữa con người và khát vọng không ngừng hướng tới điều thiện một cách tốt đẹp hơn một nhà thờ chính tòa thời Trung cổ.

Vì vậy, chúng ta hãy bắt đầu với đức thận trọng khôn ngoan. Đó không phải là nhân đức của người sợ sệt, luôn do dự về việc phải làm gì. Không, đây là một cách giải thích sai lầm. Nó thậm chí không chỉ đơn thuần là sự thận trọng (caution). Dành tính ưu thế cho đức thận trọng khôn ngoan có nghĩa là hành động của con người nằm trong *trí hiểu và tự do* của họ. Người thận trọng khôn ngoan là người sáng tạo: họ lý luận, đánh giá, cố gắng hiểu sự phức tạp của thực tại và không để mình bị choáng ngợp bởi cảm xúc, sự lười biếng, áp lực và ảo tưởng.

Trong một thế giới bị thống trị bởi vẻ bề ngoài, bởi những suy nghĩ vội vã, bởi sự coi thường cả điều tốt lẫn điều xấu, bài học cổ xưa về sự thận trọng khôn ngoan xứng đáng được làm sống lại.

Thánh Tôma, sau Aristôt, gọi nó là “lý lẽ chính đáng của những điều có thể được làm [*recta ratio agibilium*]”. Đó là khả năng điều khiển các hành động nhằm hướng chúng tới điều tốt lành; vì lý do này, nó được mệnh danh là “người đánh xe của các nhân đức”. Người thận trọng khôn ngoan là những người có khả năng lựa chọn: chỉ cần nó còn trong sách vở thì cuộc sống luôn dễ dàng, nhưng giữa sóng gió của cuộc sống đời thường lại là chuyện khác; chúng ta thường không chắc chắn và không biết phải đi đường nào. Người thận trọng khôn ngoan không lựa chọn ngẫu nhiên: trước hết, họ biết mình muốn gì, sau đó họ cân nhắc các tình huống, tìm kiếm lời khuyên, và với tầm nhìn rộng rãi và sự tự do nội tâm, họ chọn con đường nào để dẫn thân. Điều đó không có nghĩa là họ không mắc sai lầm: suy cho cùng, tất cả chúng ta đều là con người; nhưng ít nhất họ tránh được những thất bại lớn. Thật không may, trong mọi môi trường đều có người có xu hướng gạt bỏ vấn đề bằng những trò đùa hời hợt hoặc kích động tranh cãi. Thay vào đó, thận trọng khôn ngoan là phẩm chất của những người được kêu gọi cai trị: họ biết rằng quản trị là điều khó khăn, có nhiều quan điểm và người ta phải cố gắng hòa hợp chúng, người ta không được làm lợi ích cho một số người mà

là cho tất cả mọi người.

Sự thận trọng khôn ngoan cũng dạy rằng, như người ta thường nói, “kẻ hoàn hảo là kẻ thù của điều tốt”. Thật vậy, quá nhiệt tình trong một số tình huống có thể gây ra thảm họa: nó có thể phá hỏng một công trình vốn cần phải được thực hiện dần dần; nó có thể gây ra xung đột và hiểu lầm; nó thậm chí có thể gây ra bạo lực.

Người khôn ngoan biết cách bảo vệ *ký ức của quá khứ*, không phải vì sợ hãi tương lai, mà vì họ biết rằng truyền thống là di sản của sự khôn ngoan. Cuộc sống được tạo thành từ sự chông chéo liên tục của những điều cũ và mới, và không phải lúc nào cũng nghĩ rằng thế giới bắt đầu từ chúng ta, rằng chúng ta phải giải quyết những vấn đề bắt đầu từ đầu. Và người khôn ngoan cũng là người *biết trước*. Khi đã xác định được mục tiêu phấn đấu thì cần phải tìm mọi cách để đạt được mục tiêu đó.

Nhiều đoạn Tin Mừng giúp giáo dục chúng ta về sự khôn ngoan. Ví dụ: người khôn ngoan xây nhà trên đá, còn kẻ khờ dại xây nhà trên cát (x. Mt 7:24.27). Những cô gái mang dầu thấp đèn là khôn ngoan và những cô không mang dầu theo đèn là những kẻ ngu ngốc (x. Mt 25:1-13). Đời sống Kitô hữu là sự kết hợp giữa sự đơn giản và sự khôn lanh. Khi chuẩn bị cho các môn đệ của mình thi hành sứ mạng, Chúa Giêsu khuyên nhủ: “Này đây Thầy sai anh em như chiên đi vào giữa bầy sói; vậy hãy khôn ngoan như rắn và đơn sơ như bồ câu” (Mt 10:16). Như muốn nói rằng Thiên Chúa không chỉ muốn chúng ta nên thánh, Người còn muốn chúng ta nên những vị thánh thông minh, vì nếu không thận trọng khôn ngoan thì đi sai đường là sai lầm lúc ấy!

Chương Mười Ba: Thái hư và nhân đức, Đức kiên nhẫn (ngày 27/03/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúa nhật tuần trước chúng ta đã nghe trình thuật Cuộc Khổ nạn của Chúa. Chúa Giêsu đáp lại những đau khổ Người phải chịu bằng một nhân đức mà mặc dù không được coi là một trong những nhân đức truyền thống nhưng lại rất quan trọng: *đức kiên nhẫn*. Nó liên quan đến việc tự chủ kiên trì chịu đựng điều làm người ta đau khổ: không phải ngẫu nhiên mà sự *kiên nhẫn* có cùng gốc với *thống khổ*. Và chính trong Cuộc Khổ Nạn mà lòng kiên nhẫn của Chúa Kitô xuất hiện, như với sự hiền lành và dịu dàng, Người chấp nhận bị bắt, bị đánh đập và bị kết án oan uổng; Người không tố cáo trả lại trước Philatô; Người chịu đựng bị xúc phạm, bị khạc nhổ và bị đánh đập bởi các binh lính; Người mang sức nặng của thập giá; Người tha thứ cho những kẻ đóng đinh Người vào cây gỗ; và trên thập giá, Người không đáp lại những khiêu khích, nhưng ban lòng thương xót. Tất cả những điều này cho chúng ta biết rằng sự kiên nhẫn của Chúa Giêsu không hệ ở việc đề kháng đau khổ kiểu phải khắc kỷ, nhưng là *hoa trái của một tình yêu lớn lao hơn*.

Thánh Tông Đồ Phaolô, trong điều gọi là “bài thánh ca đức ái” (x. 1Cr 13:4-7), đã liên kết chặt chẽ *tình yêu* và sự *kiên nhẫn*. Thật vậy, khi mô tả phẩm chất đầu tiên của đức ái, Người dùng một từ được dịch là “hào hiệp” hay “kiên nhẫn”. Nó diễn tả một khái niệm đáng ngạc nhiên, thường xuất hiện trong Kinh thánh: Thiên Chúa, trước sự bất trung của chúng ta, tỏ ra là Đấng “chậm giận” (x. Xh 34:6; x. Ds 14:18): thay vì bộc lộ sự ghê tởm của Người trước sự ác và tội lỗi của con người, Người tỏ mình ra cao cả hơn, luôn sẵn sàng bắt đầu lại từ đầu với lòng kiên nhẫn vô hạn. Đối với Thánh Phaolô, đây là đặc điểm đầu tiên của tình yêu Thiên

Chúa, tình yêu đề nghị sự tha thứ khi đối diện với tội lỗi. Nhưng không chỉ vậy: đó là đặc điểm đầu tiên của mọi tình yêu cao cả, biết lấy thiện đáp lại ác, không rút lui trong giận dữ và chán nản, nhưng kiên trì và thứ lần nữa. Vì vậy, gốc rễ của sự kiên nhẫn là tình yêu, như Thánh Augustinô đã nói: “Mỗi người công chính ở mức độ nào đó có thể chịu đựng mọi bệnh tật một cách dũng cảm hơn, theo mức độ tình yêu của Thiên Chúa mạnh mẽ hơn ở trong họ” (*De Patientia*, XVII).

Do đó, người ta có thể nói rằng không có chứng tá nào tốt hơn đối với tình yêu của Chúa Kitô bằng việc gặp gỡ một *Kitô hữu kiên nhẫn*. Nhưng hãy nghĩ đến bao nhiêu người cha, người mẹ, người công nhân, bác sĩ và y tá, người bệnh, những người hàng ngày, trong bóng tối, làm ơn cho thế giới bằng sự kiên nhẫn thánh thiện! Như Kinh thánh đã khẳng định: “Người chậm nóng giận thắng kẻ mạnh” (*Cn* 16:32). Tuy nhiên, chúng ta phải thành thật thú nhận rằng: chúng ta thường thiếu kiên nhẫn. Chúng ta cần nó như một “vitamin thiết yếu” để tồn tại, nhưng theo bản năng, chúng ta trở nên thiếu kiên nhẫn và đáp trả cái ác bằng cái ác; thật khó để giữ bình tĩnh, kiểm soát bản năng, kiềm chế những phản ứng xấu, xoa dịu những cãi vã và xung đột trong gia đình, nơi làm việc, trong cộng đồng Kitô hữu.

Nhưng chúng ta hãy nhớ rằng kiên nhẫn không chỉ là một điều cần làm mà còn là *một lời kêu gọi*: nếu Chúa Kitô kiên nhẫn thì người Kitô hữu cũng được mời gọi kiên nhẫn. Và điều này đòi hỏi chúng ta phải đi ngược lại với tâm lý phổ biến ngày nay, bị chi phối bởi sự vội vàng và mong muốn “mọi thứ ngay lập tức”; trong đó, thay vì chờ đợi tình huống chín muồi, con người lại bị thúc ép với kỳ vọng rằng chúng sẽ thay đổi ngay lập tức. Chúng ta đừng quên rằng sự vội vàng và thiếu kiên nhẫn là kẻ thù của đời sống thiêng liêng: Thiên Chúa là tình yêu, và ai yêu thương thì không mệt mỏi, không nóng nảy, không đưa ra tội hậu thư, nhưng biết chờ đợi. Hãy nghĩ đến câu chuyện của Người Cha nhân hậu, người đang chờ đợi đứa con trai của mình đã bỏ nhà ra đi: Người kiên nhẫn chịu đựng, nóng lòng chỉ ôm lấy cậu bé ngay khi thấy cậu trở về (x. *Lc* 15:21); hay dụ ngôn về lúa mì và cỏ lùng, với Chúa là Đấng không vội nhốt tận gốc sự ác trước thời điểm của nó, để không bị mất mát gì (x. *Mt* 13:29-30).

Nhưng làm thế nào một người có thể *lớn lên về đức kiên nhẫn*? Vì, như Thánh Phaolô dạy chúng ta, nó là hoa trái của Chúa Thánh Thần (x. *Gl* 5:22), người ta phải cầu xin điều đó từ Thánh Thần của Chúa Kitô. Người ban cho chúng ta sức mạnh hiền lành của sự kiên nhẫn, bởi vì “nhân đức Kitô giáo không chỉ là việc làm điều tốt mà còn là dung túng cả điều ác nữa” (Thánh Augustinô, *Các Bài Giảng*, 46,13). Đặc biệt trong những ngày này, thật tốt cho chúng ta được chiêm ngưỡng Đấng Chịu Đóng Đinh để thâm thấu sự kiên nhẫn của Người. Một cách làm tốt khác là đưa đến với Người những người khó chịu nhất, xin ơn thực hành đối với họ công việc của lòng thương xót rất nổi tiếng nhưng lại bị coi thường: kiên nhẫn chịu đựng những người gây phiền toái. Bắt đầu bằng việc cầu xin biết nhìn họ với lòng cảm thương, với cái nhìn của Thiên Chúa, biết cách phân biệt khuôn mặt với lỗi lầm của họ.

Cuối cùng, để trau dồi đức kiên nhẫn, một nhân đức mang lại hơi thở cho cuộc sống, điều tốt là *mở rộng tâm nhìn của mình*. Chẳng hạn, bằng cách không giới hạn phạm vi thế giới vào những rắc rối của riêng chúng ta, như sách *Guong Chúa Kitô* mời gọi chúng ta làm: “Xin các bạn hãy nhớ đến những nỗi thống khổ rất đau đớn của người khác, để bạn có thể bồng bế những đau khổ nhỏ của mình một cách dễ dàng hơn”, khi nhắc lại rằng “vì đối với Thiên Chúa, không có đau khổ nào vì Người, dù nhỏ đến đâu, có thể trôi qua mà không được đền đáp” (III, 19). Và một lần nữa, khi chúng ta cảm thấy mình đang ở trong nghịch cảnh, như Gióp dạy chúng ta, thật tốt khi biết mở lòng mình ra với niềm hy vọng vào sự mới mẻ của Thiên Chúa, với niềm tin tưởng vững chắc rằng Người không để những mong đợi của chúng ta bị thất vọng.

Chương Mười Bốn: Thói hư và nhân đức, Đức công bình (ngày 03/04/2024)

Anh chị em thân mến, chúc anh chị em Lễ Phục sinh vui vẻ, chào anh chị em buổi sáng!

Thế là chúng ta tới nhân đức chính thứ hai: hôm nay chúng ta sẽ nói về đức *công bình*. Đó là đức tính xã hội tuyệt hảo. *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo* định nghĩa nó như sau: “Nhân đức luân lý hệ ở ý chí kiên trì và cương quyết dành cho Thiên Chúa và tha nhân những gì thuộc về họ” (số 1807). Đó là đức công bình. Thông thường, khi đề cập đến đức công bình, phương châm đại diện cho nó cũng được trích dẫn: “*unicuique suum*”, nghĩa là “cho mỗi người điều của họ”. Đó là nhân đức của pháp luật, tìm cách điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người với nhau một cách công bằng.

Nó được mô tả một cách phúng dụ bằng cái cân, bởi vì nó nhằm "điểm số đồng đều" giữa người ta, đặc biệt là khi họ có nguy cơ bị bóp méo bởi sự mất cân bằng nào đó. Mục đích của nó là trong một xã hội, mọi người đều được đối xử theo phẩm giá của mình. Nhưng các bậc thầy cổ xưa đã dạy rằng để đạt được điều này, những thái độ đạo đức khác cũng cần thiết, chẳng hạn như lòng nhân từ, sự tôn trọng, lòng biết ơn, sự nhã nhặn, trung thực: những nhân đức góp phần vào sự chung sống tốt đẹp giữa người ta. Công bình là một nhân đức cho sự chung sống tốt đẹp giữa người ta.

Tất cả chúng ta đều hiểu công bình là nền tảng cho sự chung sống hòa bình trong xã hội: một thế giới không có luật pháp tôn trọng quyền lợi sẽ là một thế giới không thể sống được, nó sẽ giống như một khu rừng rậm. Không có công bình thì không có hòa bình. Không có công bình thì không có hòa bình. Trên thực tế, nếu công bình không được tôn trọng thì xung đột sẽ nảy sinh. Không có công bình, luật lợi dụng kẻ mạnh đối với kẻ yếu được thiết lập, và điều này là không đúng.

Nhưng công bình là một nhân đức hành động cả theo mức lớn lẫn mức nhỏ: nó không chỉ liên quan đến phòng xử án mà còn liên quan đến đạo đức vốn phân biệt cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nó thiết lập những mối quan hệ thành thật với người khác: nó thực tại hóa giới luật của Tin Mừng, theo đó ngôn từ của người Kitô hữu phải là: “Có, có”, “Không, không”; Thêm thắt điều gì là do ác quỷ” (Mt 5:37). Sự thật nửa vời, lời nói xảo quyệt muốn lừa dối người khác, sự dè dặt che giấu ý định thực sự không phải là thái độ phù hợp với công bình. Người chính trực là người ngay thẳng, giản dị và thẳng thắn, không đeo mặt nạ, thể hiện đúng bản chất của mình và nói sự thật. Chữ “cám ơn” thường được tìm thấy trên môi họ: họ biết rằng, dù chúng ta có cố gắng rộng lượng đến đâu, chúng ta vẫn luôn mắc nợ người khác. Chúng ta yêu cũng là vì chúng ta đã được yêu trước.

Vô số mô tả về người chính trực có thể tìm thấy trong truyền thống. Chúng ta hãy xem một số trong số này. Người chính trực tôn trọng luật pháp và biết rằng luật pháp là rào cản bảo vệ những người không có khả năng tự vệ trước sự bạo ngược của kẻ mạnh. Người chính trực không chỉ chăm sóc hạnh phúc cá nhân của mình mà còn mong muốn lợi ích của toàn xã hội. Vì vậy, họ không nhượng bộ trước sự cám dỗ chỉ nghĩ đến bản thân mình và quan tâm đến công việc của riêng mình, dù hợp pháp đến đâu, như thể chúng là điều duy nhất hiện hữu trên thế giới. Nhân đức công bình nói rõ ràng rằng không thể có điều tốt thực sự cho mình nếu không có điều tốt cho mọi người, và đặt nhu cầu này vào tâm hồn.

Vì vậy, người chính trực sẽ trông chừng hành vi của mình để không gây tổn hại cho người

khác: nếu phạm sai lầm thì xin lỗi. Người chính trực luôn xin lỗi. Trong một số trường hợp, thậm chí họ còn hy sinh lợi ích cá nhân để mang nó đến cho cộng đồng. Họ mong muốn một xã hội trật tự, trong đó người ta dành quang vinh cho chức vụ chứ không phải chức vụ dành vinh quang cho người ta. Họ ghê tởm các tiền cử và không trao đổi ân huệ. Họ yêu trách nhiệm và gương mẫu trong việc cố vũ tính hợp pháp.

Thực ra, đó là con đường đi đến công bình, là liều thuốc giải độc cho nạn tham nhũng: việc giáo dục con người, đặc biệt là giới trẻ, về nền văn hóa hợp pháp thật quan trọng biết bao! Đó là con đường ngăn chặn căn bệnh ung thư tham nhũng và tiêu diệt tội phạm, loại bỏ mặt đất dưới chân nó.

Hơn nữa, người chính trực tránh xa những hành vi có hại như vu khống, làm chứng gian, lừa đảo, cho vay nặng lãi, nhạo báng và bắt lương. Người chính trực giữ lời mình nói, trả lại những gì mình đã mượn, công nhận mức lương chính xác cho tất cả người lao động - người không trả mức lương chính xác cho người lao động thì không công bằng mà là bất công - người đó cần thận không đưa ra những phán xét liều lĩnh đối với người khác, bảo vệ danh tiếng tốt đẹp của người khác.

Không ai trong chúng ta biết trên đời này người chính trực nhiều hay hiếm như những viên ngọc. Nhưng họ là những người thu hút được ân sủng và phúc lành cho bản thân họ và thế giới nơi họ đang sống. Họ không phải là kẻ thua cuộc so với những người “xảo quyết và xảo quyệt”, bởi vì, như Kinh thánh đã nói, “ai tìm kiếm công bình và tình yêu sẽ tìm thấy sự sống và vinh quang” (Cn 21:21). Người chính trực không phải là những nhà luân lý đóng vai trò kiểm duyệt, mà là những người ngay thẳng “đói khát đức chính trực” (Mt 5:6), những người mơ mộng khao khát trong lòng tình huynh đệ phổ quát. Và tất cả chúng ta đều rất cần giấc mơ này, đặc biệt là ngày nay. Chúng ta cần những người đàn ông và đàn bà chính trực, và điều này sẽ khiến chúng ta hạnh phúc.

Chương Mười Lăm: Thói hư và nhân đức, Đức dũng cảm (ngày 10/04/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Bài giáo lý hôm nay nói về nhân đức thứ ba, đó là *đức dũng cảm*. Chúng ta hãy bắt đầu với lời mô tả trong *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*: “Lòng dũng cảm là nhân đức luân lý bảo đảm sự vững chắc trong khó khăn và kiên trì theo đuổi điều thiện. Nó củng cố quyết tâm chống lại những cám dỗ và vượt qua những trở ngại trong đời sống đạo đức. Nhân đức dũng cảm giúp người ta chiến thắng nỗi sợ hãi, thậm chí cả sợ chết, và đối đầu với những thử thách và bách hại” (1808). Đó là những gì *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo* nói về nhân đức dũng cảm.

Vậy thì đây chính là đức tính “chiến đấu” nhất. Nếu nhân đức đầu tiên, tức là sự khôn ngoan, chủ yếu gắn liền với lý trí của con người; và trong khi công lý tìm thấy nơi cư trú của nó trong ý chí, thì đức tính thứ ba này, lòng dũng cảm, thường được các tác giả kinh viện liên kết với điều mà người xưa gọi là “Thèm muốn nộ tính” [irascible appetite]. Tư tưởng cổ xưa không tưởng tượng được một người không có đam mê: họ sẽ là một hòn đá. Và những đam mê không nhất thiết là căn bã của tội lỗi; nhưng chúng phải được giáo dục, phải được hướng dẫn, chúng phải được thanh tẩy bằng nước Rửa Tội, hay tốt hơn là bằng lửa Chúa Thánh Thần. Một Kitô hữu không có lòng can đảm, không biến sức lực của mình thành điều tốt,

không làm phiền ai, là một Kitô hữu vô dụng. Chúng ta hãy suy nghĩ về điều đó! Chúa Giêsu không phải là một Thiên Chúa vô cảm, khổ hạnh, không biết đến cảm xúc của con người. Hoàn toàn ngược lại. Đối diện với cái chết của bạn Người là La-da-rô, Người bật khóc, và tinh thần bị xúc động mạnh của Người được thể hiện rõ ràng trong một số cách diễn đạt của Người, chẳng hạn như khi Người nói: “Ta đến để ném lửa xuống đất, ước gì nó cháy lên!” (Lc 12:49); và đối diện với việc buôn bán trong đền thờ, Người đã phản ứng bằng vũ lực (x. Mt. 21:12-13). Chúa Giêsu có niềm đam mê.

Nhưng bây giờ chúng ta hãy tìm một mô tả hiện sinh về đức tính quan trọng này giúp chúng ta thành công trong cuộc sống. Người xưa – cả các triết gia Hy Lạp lẫn các nhà thần học Kitô giáo – đã nhìn nhận sự phát triển hai mặt trong nhân đức dũng cảm: một mặt *thụ động*, một mặt *tích cực*.

Đầu tiên là hướng vào *bên trong chúng ta*. Có những kẻ thù nội tâm mà chúng ta phải đánh bại, chúng mang tên lo lắng, thông khô, sợ hãi, tội lỗi: tất cả những sức mạnh khuấy động sâu thẳm nội tâm chúng ta và trong một số tình huống làm chúng ta tê liệt. Có bao nhiêu chiến binh không chịu nổi ngay trước khi bắt đầu cuộc thách thức! Bởi vì họ không nhận thức được những kẻ thù này. Dũng cảm trước hết là chiến thắng chính mình. Hầu hết những nỗi sợ hãi nảy sinh trong chúng ta đều không có thực và hoàn toàn không trở thành hiện thực. Vậy thì tốt hơn là hãy cầu xin Chúa Thánh Thần và đối đầu với mọi sự với lòng kiên nhẫn: giải quyết từng vấn đề một, tùy theo khả năng của chúng ta, nhưng không đơn độc! Chúa ở cùng chúng ta nếu chúng ta tin tưởng vào Người và chân thành tìm kiếm điều tốt lành. Khi đó, trong mọi tình huống, chúng ta có thể trông cậy vào sự quan phòng của Chúa để che chở và trang bị cho chúng ta.

Và sau đó là chuyển động thứ hai của nhân đức dũng cảm, lần này có tính chất tích cực hơn. Ngoài những thử thách bên trong còn có *những kẻ thù bên ngoài*, đó là *những thử thách của cuộc sống*, những bất bớ, những khó khăn mà chúng ta không ngờ tới và làm chúng ta ngạc nhiên. Thật vậy, chúng ta có thể cố gắng dự đoán điều gì sẽ xảy ra với mình, nhưng ở một mức độ lớn hơn, thực tại được tạo thành từ những sự kiện không thể lường trước được, và ở vùng biển này đôi khi con thuyền của chúng ta bị sóng đánh trôi. Sự dũng cảm khi đó làm cho chúng ta trở thành những thủy thủ kiên cường, không sợ hãi hay nản lòng.

Dũng cảm là một đức tính cơ bản vì nó *dám tiếp nhận sự thách thức của cái ác trên thế giới*. Một số người coi như nó không hiện hữu, mọi thứ đều ổn, ý chí con người đôi khi không mù quáng, những thế lực đen tối mang đến cái chết không ẩn nấp trong lịch sử. Nhưng chỉ cần lướt qua một cuốn sách lịch sử, hoặc không may là cả báo chí, cũng đủ để khám phá những hành động bất chính mà chúng ta một phần là nạn nhân và một phần là thủ phạm: chiến tranh, bạo lực, chế độ nô lệ, áp bức người nghèo, những vết thương chưa bao giờ lành và vẫn tiếp tục chảy máu. Nhân đức dũng cảm khiến chúng ta phản ứng và hét to “không”, một tiếng “không” nhấn mạnh đối với tất cả những điều này. Trong thế giới phương Tây thoải mái của chúng ta, nơi đã phần nào làm loãng đi mọi thứ, đã biến việc theo đuổi sự hoàn hảo thành một sự phát triển hữu cơ đơn giản, không cần phải đấu tranh vì mọi thứ đều giống nhau, đôi khi chúng ta cảm thấy một niềm hoài niệm lạnh mạnh về các nhà tiên tri. Nhưng những người có tầm nhìn xa trông rộng và phá cách thì rất hiếm. Cần có một ai đó có thể đánh thức chúng ta khỏi chỗ mềm yếu trong đó, chúng ta đã nằm lì và khiến chúng ta kiên quyết lặp lại lời nói “không” với sự dữ và mọi thứ dẫn đến sự thờ ơ. “Không” với cái ác và “không” với sự thờ ơ; “có” với tiền bộ, với con đường đưa chúng ta tiến về phía trước, và vì điều này chúng ta phải chiến đấu.

Vì thế, chúng ta hãy tái khám phá trong Tin Mừng sức mạnh của Chúa Giêsu và học điều đó từ chứng tá của các thánh. Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Sáu: Thói hư và nhân đức, Đức Tiết độ

Ngày 17/04/2024

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi sẽ nói về đức tính cốt yếu thứ tư và cuối cùng: *tiết độ*. Với ba nhân đức kia, nhân đức này có chung một lịch sử xa xưa và không chỉ thuộc về các Kitô hữu. Đối với người Hy Lạp, việc thực hành các nhân đức lấy hạnh phúc làm mục tiêu. Nhà triết học Aristot đã viết chuyên luận quan trọng nhất của ông về đạo đức, gửi nó cho con trai ông là Nicomachus, để hướng dẫn con ông nghệ thuật sống. Tại sao mọi người đều tìm kiếm hạnh phúc dù rất ít người đạt được nó? Đây là câu hỏi. Để trả lời câu hỏi này, Aristot đương đầu với chủ đề về các nhân đức, trong đó *enkráteia*, tức là sự tiết độ, chiếm một vị trí nổi bật. Thuật ngữ Hy Lạp có nghĩa đen là "quyền lực đối với chính mình". Vì vậy, tiết độ là một sức mạnh đối với chính mình. Do đó, đức tính này là khả năng làm chủ bản thân, nghệ thuật không để bản thân bị khuất phục bởi những đam mê nổi loạn, thiết lập trật tự trong điều mà Manzoni gọi là "mớ hỗn độn của trái tim con người".

Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo dạy chúng ta rằng "sự tiết độ là nhân đức luân lý làm giảm bớt sự hấp dẫn của thú vui và mang lại sự cân bằng trong việc sử dụng của cải được tạo ra". *Sách Giáo lý* tiếp tục: "Nó bảo đảm cho ý chí làm chủ được bản năng và giữ cho ham muốn trong giới hạn của những gì đáng trân trọng. Người tiết độ hướng những ham muốn cảm giới về những gì tốt đẹp và duy trì sự thận trọng lành mạnh, không chạy theo những thèm muốn hèn hạ mà kiềm chế những ham muốn" (1809).

Vì vậy, tiết độ, như người Ý nói, là đức tính đúng đắn. Trong mọi tình huống, người ta cư xử khôn ngoan, bởi vì những người hành động luôn bị thúc đẩy bởi sự xung động hoặc hoa mã cuối cùng đều không đáng tin cậy. Những người không có sự tiết độ luôn không đáng tin cậy. Trong một thế giới mà nhiều người huênh hoang về việc nói những gì họ nghĩ, thì thay vào đó, người tiết độ lại thích nghĩ về những gì mình nói. Anh chị em có hiểu được sự khác biệt này không? Không nói ra bất cứ điều gì nảy ra trong đầu tôi, như thế... không; nghĩ về những gì tôi phải nói. Họ không đưa ra những lời hứa suông mà đưa ra những cam kết trong phạm vi mà họ có thể thực hiện được.

Với cả thú vui, người tiết độ cũng hành động sáng suốt. Quá trình tự do của những xung động và sự phóng túng hoàn toàn dành cho những thú vui cuối cùng lại phản tác dụng, đẩy chúng ta vào trạng thái buồn chán. Biết bao người từng muốn thử ngấu nghiến mọi thứ nhưng lại thấy mình mất đi cảm giác thích thú với mọi thứ! Vì vậy, tốt hơn hết là anh chị em nên tìm kiếm biện pháp phù hợp: chẳng hạn như thưởng thức một loại rượu ngon, nếm thử từng ngụm nhỏ thì tốt hơn là nuốt hết trong một lần. Tất cả chúng ta đều hiểu điều này.

Người tiết độ biết cân nhắc lời nói và liều lượng. Họ nghĩ về những gì họ nói. Họ không để cho một phút tức giận nào hủy hoại những mối quan hệ và tình bạn mà sau đó khó có thể xây dựng lại được. Đặc biệt là trong cuộc sống gia đình, nơi mà sự ức chế thấp hơn, tất cả chúng ta đều có nguy cơ không kiểm soát được căng thẳng, cấu kính và tức giận. Có lúc nói và có lúc im lặng, nhưng cả hai đều cần có biện pháp đúng đắn. Và điều này áp dụng cho nhiều việc, chẳng hạn như ở với người khác và ở một mình.

Nếu người tiết độ biết kiềm chế tính nóng nảy của mình, điều này không có nghĩa là chúng ta luôn thấy người đó có khuôn mặt bình yên và tươi cười. Thật vậy, đôi khi cần phải phần nộ, nhưng luôn phải theo cách đúng đắn. Đây là những hạn từ: *thước đo chính xác, con đường đúng đắn*. Một lời quở trách đôi khi có lợi hơn một sự im lặng chua chát, cay đắng. Người tiết độ biết rằng không có gì khó chịu hơn việc sửa lỗi người khác, nhưng họ cũng biết điều đó là cần thiết; nếu không, người ta cung cấp sự thống trị tự do cho cái ác. Trong một số trường hợp, người tiết độ thành công trong việc kiềm chế những thái cực: họ khẳng định những nguyên tắc tuyệt đối, khẳng định những giá trị không thể thương lượng, nhưng cũng biết cách hiểu mọi người và biểu lộ sự tương cảm với họ. Biểu lộ sự tương cảm.

Do đó, món quà của người tiết độ là sự cân bằng, một phẩm chất quý giá nhưng hiếm có. Thật vậy, mọi thứ trong thế giới của chúng ta đều đẩy đến mức quá mức. Thay vào đó, sự tiết độ kết hợp tốt với các giá trị Tin Mừng như nhỏ bé, kín đáo, khiêm tốn, hiền lành. Người tiết độ đánh giá cao việc tôn trọng người khác nhưng không coi đó là tiêu chuẩn duy nhất cho mọi hành động, mọi lời nói. Họ nhạy cảm, họ có thể khóc và không xấu hổ, nhưng họ không khóc vì chính mình. Trong thất bại, họ đứng lên; trong chiến thắng, họ có khả năng quay trở lại cuộc sống dè dặt trước đây. Họ không tìm kiếm những tràng pháo tay nhưng biết rằng mình cần người khác.

Thưa anh chị em, không phải sự tiết độ làm cho người ta u ám và buồn nản. Ngược lại, nó cho phép người ta tận hưởng những điều tốt đẹp hơn trong cuộc sống: ngồi cùng bàn ăn, sự dịu dàng của tình bạn, sự tin tưởng với những người khôn ngoan, ngạc nhiên trước vẻ đẹp của tạo hóa. Hạnh phúc có chừng mực là niềm vui nảy nở trong lòng những người nhận ra và trân trọng những gì quan trọng nhất trong cuộc sống. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ban cho chúng ta ơn phúc này: ơn phúc trưởng thành, tuổi tác, trưởng thành về cảm xúc, trưởng thành về mặt xã hội. Ơn phúc tiết độ.

Tôi gửi lời chào nồng nhiệt đến những người hành hương và du khách nói tiếng Anh tham gia buổi tiếp kiến hôm nay, đặc biệt là các nhóm đến từ Anh, Ireland, Phần Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Trong niềm vui của Chúa Kitô Phục Sinh, tôi cầu xin lòng thương xót yêu thương của Thiên Chúa là Cha chúng ta trên anh chị em và gia đình anh chị em. Xin Chúa ban phúc lành cho anh chị em!

Và suy nghĩ của chúng tôi, vào lúc này, [suy nghĩ] của tất cả chúng ta, hướng về các dân tộc đang có chiến tranh. Chúng ta nghĩ đến Đất Thánh, Palestine, Israel. Chúng ta nghĩ đến Ukraine, đất nước Ukraine bị dày vò. Chúng ta nghĩ đến các tù nhân chiến tranh... Xin Chúa chuyển di ý chí để họ được giải thoát. Và nói đến tù nhân, người ta nghĩ ngay đến những người bị tra tấn. Việc tra tấn tù nhân là một điều khủng khiếp, không phải của con người. Chúng ta nghĩ đến rất nhiều kiểu tra tấn làm tổn thương phẩm giá con người, và rất nhiều người bị tra tấn... Xin Chúa giúp đỡ mọi người và ban phúc lành cho mọi người.

Chương Mười Bảy: Thói hư và nhân đức, Đời sống ơn thánh trong Chúa Thánh Thần (ngày 24/04/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong những tuần gần đây, chúng ta đã suy tư về các nhân đức căn bản: *khôn ngoan, công bằng, dũng cảm và tiết độ*. Đó là bốn đức tính cốt yếu. Như chúng ta đã nhấn mạnh nhiều lần,

bốn đức tính này thuộc về một túi khôn rất cổ xưa có trước cả Ki-tô giáo. Ngay cả trước Chúa Ki-tô, lòng trung thực đã được rao giảng như một nghĩa vụ công dân, sự khôn ngoan là quy tắc hành động, lòng can đảm là thành phần cơ bản cho một cuộc sống hướng tới điều tốt đẹp và sự điều độ là biện pháp cần thiết để không bị lấn át bởi những thái quá. Gia sản quá cổ xưa này, gia sản của nhân loại đã không bị Ki-tô giáo thay thế, nhưng được tập trung vào, nâng cao, thanh lọc và hội nhập vào đức tin.

Vì thế, trong trái tim mỗi người nam nữ đều có khả năng tìm kiếm điều thiện. Chúa Thánh Thần được ban để những ai nhận lãnh có thể phân biệt rõ ràng điều thiện và điều ác, có sức mạnh để gắn bó với điều thiện bằng cách tránh xa điều ác, và khi làm như vậy, họ đạt được sự tự thể hiện mình trọn vẹn.

Nhưng trong cuộc hành trình mà tất cả chúng ta đang thực hiện hướng tới sự sống viên mãn, vốn thuộc về định mệnh của mỗi người – định mệnh của mỗi người là sự viên mãn, là sự sống tràn đầy – người Kitô hữu được hưởng sự trợ giúp đặc biệt từ Chúa Thánh Thần, Thánh Thần của Chúa Giêsu. Nó được thực hiện thông qua việc ban tặng *ba nhân đức khác, đặc trưng của Kitô giáo*, thường được đề cập *cùng với nhau* trong các trước tác Tân Ước. Những thuộc tính cơ bản này, đặc trưng cho đời sống của người Kitô hữu, là ba nhân đức mà chúng ta thường nói đến với nhau: *đức tin, đức cậy và đức mến*.

Chúng ta hãy nói với nhau: [cùng nhau] đức tin, đức cậy... Tôi không nghe thấy gì cả! To hơn nữa! [cùng nhau] Đức tin, đức cậy và đức mến! Làm tốt lắm!

Các tác giả Kitô giáo đã sớm gọi chúng là những nhân đức “đổi thần”, trong chừng mực chúng được tiếp nhận và sống trong mối tương quan với Thiên Chúa, để phân biệt chúng với bốn nhân đức còn lại, được gọi là “nhân đức chính” theo nghĩa chúng tạo thành “bản lề” [Tiếng Ý, “cardine”] của một cuộc sống tốt đẹp. Ba điều này được lãnh nhận trong Bí tích Rửa tội và phát xuất từ Chúa Thánh Thần. Các nhân đức này và các nhân đức kia, cả đổi thần lẫn nhân đức chính, tập hợp lại với nhau trong rất nhiều suy tư có hệ thống, do đó đã tạo thành một nhóm bảy nhân đức tuyệt vời, thường tương phản với danh sách bảy tội lỗi chết người. Đây là cách *Sách Giáo lý Giáo Hội Công Giáo* định nghĩa hoạt động của các nhân đức đổi thần: “các nhân đức đổi thần là nền tảng của hoạt động luân lý Kitô giáo; chúng làm sinh động nó và tạo cho nó nét đặc biệt. Chúng thông tin và ban sức sống cho mọi nhân đức luân lý. Chúng được Thiên Chúa truyền vào linh hồn các tín hữu để làm cho họ có khả năng hành động như con cái của Người và xứng đáng được sống đời đời. Chúng là bảo chứng cho sự hiện diện và hoạt động của Chúa Thánh Thần nơi các khả năng của con người” (số 1813).

Trong khi nguy cơ của các nhân đức chính là tạo ra những người nam nữ anh hùng trong việc làm điều tốt, nhưng hoàn toàn đơn độc, cô lập, thì hồng ân lớn lao của các nhân đức đổi thần là cuộc sống *được sống trong Chúa Thánh Thần*. Người Kitô hữu không bao giờ cô đơn. Họ làm điều tốt không phải vì nỗ lực to lớn của sự cam kết bản thân, mà bởi vì, trong tư cách một môn đệ khiêm nhường, họ bước theo bước chân của Chúa Giêsu, vị Thầy. Họ đi về phía trước trên con đường. Người Kitô hữu có những nhân đức đổi thần, là liều thuốc giải độc tuyệt vời cho sự tự mãn. Biết bao lần những người đàn ông và đàn bà không chê trách vào đầu được rơi vào nguy cơ trở nên tự phụ và kiêu ngạo trong mắt những người quen biết họ! Đó là một mối nguy hiểm mà Tin Mừng cảnh cáo chúng ta một cách đúng đắn, khi Chúa Giêsu khuyên các môn đệ: “Các con cũng vậy, khi đã làm tất cả những gì theo lệnh phải làm, thì hãy nói: ‘Chúng tôi là những đầy tớ vô dụng’. Chúng tôi đã làm điều chúng tôi phải làm” (Lc 17:10). Kiêu ngạo là một chất độc, một chất độc cực mạnh: một giọt của nó cũng đủ làm hỏng cả cuộc đời được đánh dấu bằng sự tốt lành. Một người có thể đã làm cả núi việc tốt, có

thể được nhiều lời khen ngợi, nhưng nếu họ làm tất cả những điều đó chỉ vì bản thân mình, để đề cao bản thân, thì liệu họ có còn gọi mình là người có đức hạnh không? KHÔNG!

Điều tốt không chỉ là mục đích mà còn là phương tiện. Lòng tốt cần rất nhiều sự thận trọng, rất nhiều lòng tốt. Trên hết, lòng tốt cần phải được loại bỏ khỏi sự hiện diện đôi khi quá công kênh đó là cái tôi của chúng ta. Khi cái “tôi” của chúng ta là trung tâm của mọi thứ thì mọi thứ đều bị hủy hoại. Nếu chúng ta thực hiện mọi hành động trong cuộc sống chỉ vì bản thân mình thì động lực này có thực sự quan trọng đến thế không? Cái “tôi” tội nghiệp nắm giữ mọi thứ và từ đó sinh ra niềm kiêu hãnh.

Để sửa chữa tất cả những tình huống này, đôi khi trở nên đau đớn, các nhân đức đối thần sẽ giúp ích rất nhiều. Đặc biệt là những lúc sa ngã, bởi vì ngay cả những người có ý hướng đạo đức tốt cũng đôi khi sa ngã. Tất cả chúng ta đều sa ngã trong cuộc sống, bởi vì tất cả chúng ta đều là những kẻ có tội. Cũng như những người thực hành đức hạnh hàng ngày đôi khi mắc sai lầm; tất cả chúng ta đều mắc sai lầm trong cuộc sống: trí hiểu không phải lúc nào cũng sáng suốt, ý chí không phải lúc nào cũng vững vàng, đam mê không phải lúc nào cũng bị không chế, lòng dũng cảm không phải lúc nào cũng vượt qua được nỗi sợ hãi. Nhưng nếu chúng ta mở rộng tâm hồn cho Chúa Thánh Thần – Thầy của đời sống nội tâm – Người phục hồi các nhân đức đối thần trong chúng ta: lúc đó, nếu chúng ta mất niềm tin tưởng, Thiên Chúa sẽ mở lại đức tin cho chúng ta; với sức mạnh của Chúa Thánh Thần, nếu chúng ta mất niềm tin tưởng, Thiên Chúa sẽ mở lại đức tin cho chúng ta; nếu chúng ta nản lòng, Thiên Chúa đánh thức niềm hy vọng trong chúng ta; và nếu tâm lòng chúng ta cứng cõi, Thiên Chúa sẽ làm nó mềm mại bằng tình yêu của Người. Cảm ơn anh chị em.

Lời chào đặc biệt

Tôi chào tất cả những người hành hương và du khách nói tiếng Anh tham gia buổi triều kiến hôm nay, đặc biệt là những người đến từ Anh, Phần Lan, Ấn Độ, Indonesia, Tanzania và Hoa Kỳ. Trong niềm vui của Chúa Kitô Phục Sinh, tôi cầu xin lòng thương xót yêu thương của Thiên Chúa là Cha chúng ta trên anh chị em và gia đình anh chị em. Xin Chúa ban phước lành cho tất cả anh chị em!

Và sau đó, người ta nghĩ đến Ukraine, Palestine, Israel, Myanmar, những nước đang trong chiến tranh, và rất nhiều quốc gia khác đang bị dày vò. Chiến tranh luôn là sự thất bại và người được lợi nhiều nhất là các nhà sản xuất vũ khí. Xin chúng ta hãy cầu nguyện cho hòa bình; chúng ta hãy cầu nguyện cho Ukraine đang bị dày vò: nó đang đau khổ rất nhiều. Những người lính trẻ sắp chết... Chúng ta hãy cầu nguyện. Và chúng ta cũng hãy cầu nguyện cho Trung Đông, cho Gaza: nơi đây đang phải chịu đựng quá nhiều đau khổ trong chiến tranh. Vì hòa bình giữa Palestine và Israel, để họ có thể trở thành hai quốc gia, tự do và có quan hệ tốt đẹp. Chúng ta hãy cầu nguyện cho hòa bình

Chương Mười Tám: Thái hư và nhân đức, Đức tin (ngày 01/05/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi muốn nói về nhân đức *đức tin*. Cùng với đức mến và đức cậy, nhân đức này

được mô tả là nhân đức *đổi thân*. Có ba nhân đức đổi thân: đức tin, đức cậy và đức mến. Tại sao chúng là đổi thân? Bởi vì chúng chỉ có thể được sống – nhân đức này, ba nhân đức đổi thân –nhờ ân sủng của Thiên Chúa. Ba nhân đức đổi thân là những hồng ân lớn lao mà Thiên Chúa ban cho khả năng luân lý của chúng ta. Không có chúng, chúng ta có thể khôn ngoan, công bằng, mạnh mẽ và tiết độ, nhưng chúng ta sẽ không có đôi mắt nhìn được ngay cả trong bóng tối, chúng ta sẽ không có trái tim biết yêu ngay cả khi nó không được yêu, chúng ta sẽ không có niềm hy vọng dám chống lại mọi hy vọng.

Đức tin là gì? Câu hỏi này: đức tin là gì? *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo* giải thích rằng đức tin là hành vi qua đó con người tự do dâng thân cho Thiên Chúa (1814). Trong đức tin này, Áp-ra-ham là người cha vĩ đại. Khi ông đồng ý rời bỏ vùng đất của tổ tiên để đi đến vùng đất mà Chúa sẽ chỉ cho ông, có lẽ ông bị người ta đánh giá là điên rồ: tại sao lại bỏ điều đã biết cho điều chưa biết, điều chắc chắn cho điều không chắc chắn? Nhưng tại sao lại làm điều này? Thật điên rồ phải không? Nhưng Áp-ra-ham khởi hành, như thể ông có thể nhìn thấy điều vô hình: đây là những gì Kinh thánh nói về Áp-ra-ham. “Ông đi mà không biết mình phải đi đâu”. Điều này thật đẹp. Và một lần nữa chính điều vô hình sẽ khiến ông lên núi cùng với con trai mình là Isaac, đưa con trai duy nhất của lời hứa, người chỉ đến giây phút cuối cùng mới được thoát khỏi hy lễ. Với đức tin này, Áp-ra-ham trở thành cha của một dòng dõi lâu đời. Đức tin đã làm cho ông sinh hoa trái.

Môsê là một người có đức tin khi đón nhận tiếng Thiên Chúa thậm chí nhiều hơn một nghi ngờ có thể khiến ông lung lay, ông tiếp tục đứng vững và tin tưởng vào Chúa, và thậm chí bảo vệ những người thường xuyên thiếu đức tin.

Đức Trinh Nữ Maria là một người phụ nữ có đức tin khi nhận được lời truyền tin của Thiên thần, điều mà nhiều người có thể coi là quá đòi hỏi và mạo hiểm, đã trả lời: “Này tôi là nữ tỳ của Chúa. Xin cho tôi được như lời Người truyền” (Lc 1:38). Và, với trái tim tràn đầy đức tin, với trái tim tràn đầy niềm tin tưởng vào Thiên Chúa, Đức Maria đã dâng thân vào con đường mà Người không biết đường đi cũng như các nguy hiểm.

Đức tin là nhân đức làm nên người Kitô hữu. Bởi vì làm Kitô hữu trước hết không phải là chấp nhận một nền văn hóa, với những giá trị đi kèm với nó, nhưng làm Kitô hữu là đón nhận và trân trọng một mối dây, một mối dây liên kết với Thiên Chúa: Thiên Chúa và tôi, chính tôi và khuôn mặt khả ái của Chúa Giêsu. Mối liên kết này là điều làm chúng ta nên những Kitô hữu.

Liên quan đến đức tin, chúng ta nhớ đến một đoạn Tin Mừng. Các môn đệ của Chúa Giêsu đang băng qua hồ thì bất ngờ gặp cơn bão. Họ nghĩ rằng họ có thể vượt qua bằng sức mạnh của đôi tay, bằng kinh nghiệm của mình, nhưng con thuyền bắt đầu đầy nước và họ hoảng sợ (x. Mc 4: 35-41). Họ không nhận ra rằng họ đã có giải pháp ngay trước mắt mình: Chúa Giêsu ở đó với họ trên thuyền, giữa cơn bão, và Chúa Giêsu “đang ngủ”, Tin Mừng nói thế. Cuối cùng, khi họ, vì sợ hãi và thậm chí tức giận vì Người để họ chết, đánh thức Người, Chúa Giêsu đã trách họ: “Sao các con sợ? *Các con không có đức tin sao?*” (Mc 4:40).

Vậy thì đây chính là kẻ thù lớn nhất của đức tin: nó không phải là trí thông minh, cũng không phải là lý trí, như, than ôi, một số người tiếp tục lặp đi lặp lại một cách ám ảnh; nhưng là kẻ thù lớn của sự sợ hãi. Vì lý do này, đức tin là món quà đầu tiên cần được đón nhận trong đời sống Kitô hữu: một món quà phải được đón nhận và cầu xin hàng ngày, để nó có thể được đổi mới trong chúng ta. Món quà tuy nhỏ nhưng lại vô cùng cần thiết. Khi chúng ta được đưa đến giếng rửa tội, cha mẹ chúng ta, sau khi đọc tên họ đã chọn cho chúng ta, đã được linh mục

hỏi – điều này đã xảy ra trong lễ rửa tội của chúng ta: “Các con xin gì nơi Giáo hội của Thiên Chúa?” Và cha mẹ đã trả lời: “Đức tin, phép rửa tội!”

Đối với các bậc cha mẹ Kitô giáo, ý thức được ân sủng đã được ban cho họ, đó cũng là món quà họ cũng xin cho con mình: đức tin. Với nó, cha mẹ biết rằng, ngay cả giữa những thử thách của cuộc sống, con họ sẽ không chìm đắm trong sợ hãi. Hãy xem, kẻ thù là sự sợ hãi. Họ cũng biết rằng, khi đứa con không còn cha mẹ trên trần gian này thì sẽ tiếp tục có Thiên Chúa là Cha trên trời, Đấng không bao giờ bỏ rơi nó. Tình yêu của chúng ta thật mong manh và chỉ có tình yêu của Thiên Chúa mới chiến thắng được cái chết.

Chắc chắn, như Thánh Tông Đồ nói, đức tin không dành cho tất cả mọi người (x. 2Tx 3:2), và cả chúng ta, những người có đức tin, cũng thường nhận ra rằng chúng ta chỉ có một nguồn cung cấp ngắn ngủi. Thường thì Chúa Giêsu có thể quở trách chúng ta, như Người đã làm với các môn đệ của Người, vì là “những người ít đức tin”. Nhưng đó là món quà hạnh phúc nhất, nhân đức duy nhất mà chúng ta được phép thêm muốn. Bởi vì những người có đức tin đều được sinh sống bởi một thể lực không chỉ của con người; quả thực, đức tin “kích hoạt” ân sủng trong chúng ta và mở tâm trí ta đón nhận sự mầu nhiệm của Thiên Chúa. Như Chúa Giêsu đã từng nói: “Nếu các con có đức tin bằng hạt cải, các con có bảo cây sung này rằng: ‘Hãy nhỏ rễ mà đi trồng dưới biển’, nó sẽ vâng lời các con” (Lc 17:6). Vì vậy, chúng ta cũng hãy như các môn đệ, lặp lại với Người: Lạy Chúa, xin gia tăng đức tin cho chúng con! (Lc 17:5). Thật là một lời cầu nguyện đẹp đẽ! Chúng ta tất cả sẽ cùng nhau nói chứ? “Lạy Chúa, xin gia tăng đức tin cho chúng con”. Chúng ta hãy cùng nhau nói điều đó [mọi người] “Lạy Chúa, xin gia tăng đức tin cho chúng con”. Im lặng quá... to hơn một chút: [mọi người] “Lạy Chúa, xin gia tăng đức tin cho chúng con”! Cảm ơn anh chị em.

Chương Mười Chín: Thái hư và nhân đức, Đức cậy

Ngày 08/05/2024

Anh chị em thân mến!

Trong bài giáo lý vừa qua, chúng ta bắt đầu suy gẫm về các nhân đức đối thần. Có ba điều đó: đức tin, đức cậy và đức mến. Lần trước chúng ta đã suy gẫm về đức tin. Bây giờ đến lượt đức cậy. “Đức cậy là nhân đức đối thần qua đó chúng ta mong muốn Nước Trời và sự sống đời đời làm hạnh phúc của mình, đặt niềm tin vào những lời hứa của Chúa Kitô và không cậy vào sức riêng của mình, nhưng vào sự trợ giúp của ân sủng Chúa Thánh Thần” (*Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 1817). Những lời này xác nhận với chúng ta rằng đức cậy là câu trả lời được cung ứng cho tâm hồn chúng ta, khi câu hỏi tuyệt đối nảy sinh trong chúng ta: “Tôi sẽ ra sao? Mục đích của cuộc hành trình là gì? Vận mệnh của thế giới là gì?”.

Tất cả chúng ta đều nhận ra rằng câu trả lời tiêu cực cho những câu hỏi này sẽ tạo ra nỗi buồn. Nếu cuộc hành trình của cuộc đời không có ý nghĩa, nếu không có gì ở đầu và cuối, thì chúng ta tự hỏi tại sao chúng ta phải bước đi: từ đó sinh ra sự tuyệt vọng của con người, cảm giác về sự vô nghĩa của mọi sự. Và nhiều người có thể nổi loạn: “Tôi đã cố gắng để trở thành người đạo đức, khôn ngoan, công bằng, mạnh mẽ, tiết độ. Tôi cũng từng là một người đàn ông hay đàn bà có đức tin... Cuộc chiến của tôi có ích gì nếu mọi chuyện kết thúc ở đây?”. Nếu mất đức cậy, mọi nhân đức khác có nguy cơ sụp đổ và trở thành tro bụi. Nếu không có ngày mai đáng tin cậy, không có chân trời tươi sáng, người ta sẽ chỉ phải kết luận rằng nhân đức là một nỗ lực vô ích. “Chỉ khi tương lai chắc chắn là một thực tại tích cực thì người ta mới có thể sống hiện tại” Đức Bênêđictô XVI nói như thế (*Thông điệp Spe salvi*, 2).

Người Kitô hữu có đức cậy không phải nhờ công đức riêng của họ. Nếu họ tin vào tương lai thì đó là vì Chúa Ki-tô đã chết và sống lại và ban Thánh Thần của Người cho chúng ta. “Sự cứu chuộc được ban cho chúng ta theo nghĩa là chúng ta đã được ban cho niềm hy vọng, niềm hy vọng đáng tin cậy, nhờ đó chúng ta có thể đối đầu với hiện tại của mình” (*ibid.*, 1). Theo nghĩa này, một lần nữa, chúng ta nói rằng đức cậy là một nhân đức đối thần: nó không xuất phát từ chúng ta, nó không phải là một sự ngoan cố mà chúng ta muốn thuyết phục mình, nhưng nó là một món quà trực tiếp đến từ Thiên Chúa.

Đối với nhiều Kitô hữu nghi ngờ, những người chưa được tái sinh hoàn toàn để hy vọng, Thánh Phaolô đặt trước mặt họ luận lý học mới của kinh nghiệm Kitô giáo, và Người nói: “Nếu Chúa Kitô đã không sống lại thì đức tin của anh em là vô ích và anh em vẫn còn ở trong tội lỗi của anh em. Sau đó, những người đã ngủ trong Chúa Kitô cũng đã chết. Nếu chúng ta chỉ hy vọng vào Chúa Kitô ở đời này thì chúng ta là những kẻ đáng thương nhất trong mọi người” (*1 Cr 15:17-19*). Như thể Người đã nói: nếu anh chị em tin vào sự phục sinh của Chúa Kitô, thì anh chị em biết chắc chắn rằng không có thất bại và không có cái chết nào là mãi mãi. Nhưng nếu anh chị em không tin vào sự phục sinh của Chúa Kitô, thì mọi thứ sẽ trở nên trống rỗng, kể cả lời rao giảng của các Tông đồ.

Đức cậy là một nhân đức mà chúng ta thường vi phạm: trong nỗi hoài niệm tồi tệ, trong nỗi u sầu, khi chúng ta nghĩ rằng hạnh phúc của quá khứ đã bị chôn vùi mãi mãi. Chúng ta phạm tội chống lại đức cậy khi chúng ta chán nản về tội lỗi của mình mà quên rằng Thiên Chúa là Đấng nhân từ và cao cả hơn tâm lòng chúng ta. Và thưa anh chị em, chúng ta đừng quên điều này: Thiên Chúa tha thứ mọi sự, Thiên Chúa luôn tha thứ. Chúng ta là những người mệt mỏi trong việc cầu xin sự tha thứ. Nhưng chúng ta đừng quên sự thật này: Thiên Chúa tha thứ mọi sự, Thiên Chúa luôn tha thứ. Chúng ta phạm tội chống lại đức cậy khi chúng ta chán nản về tội lỗi của mình; chúng ta phạm tội chống lại đức cậy khi mùa thu trong chúng ta làm mất đi mùa xuân; khi tình yêu Thiên Chúa không còn là ngọn lửa vĩnh cửu và chúng ta không đủ can đảm để đưa ra những quyết định dẫn thân suốt đời.

Thế giới ngày nay đang rất cần nhân đức Kitô giáo này! Thế giới cần đức cậy, cũng như nó cần sự kiên nhẫn, một nhân đức bước đi trong mối liên hệ chặt chẽ với đức cậy. Những người kiên nhẫn là những người dệt nên điều tốt lành. Họ khẳng khái mong muốn hòa bình, và ngay cả khi một số người trong số họ vội vàng và muốn mọi sự, thì ngay lập tức, sự kiên nhẫn có khả năng chờ đợi. Ngay cả khi xung quanh chúng ta có nhiều người không chịu nổi sự vỡ mộng, những người được truyền cảm hứng từ đức cậy và kiên nhẫn vẫn có thể vượt qua được những đêm đen tối nhất. Đức cậy và kiên nhẫn đi cùng với nhau.

Đức cậy là nhân đức của những người có tâm hồn trẻ trung; và ở đây tuổi không đáng kể. Bởi vì cũng có những người già với đôi mắt sáng ngời, không ngừng phấn đấu hướng tới tương lai. Hãy nghĩ đến hai vị cao niên trong Tin Mừng, Simeon và Anna: họ không bao giờ mệt mỏi chờ đợi và họ đã nhìn thấy chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình trần thế của họ được chúc phúc nhờ cuộc gặp gỡ với Đấng Mê-xi-a, Đấng mà họ đã nhận ra nơi Chúa Giêsu, được cha mẹ Người đưa vào Đền Thờ. Thật là ân sủng nếu tất cả chúng ta đều được như vậy! Nếu sau một cuộc hành hương dài, đặt túi yên ngựa và gậy xuống, lòng chúng ta tràn ngập một niềm vui chưa từng có, và chúng ta cũng có thể kêu lên: “Lạy Chúa, bây giờ xin cho tôi tớ Chúa ra đi bình yên/ theo lời Chúa; / vì chính mắt con đã thấy ơn cứu độ của Chúa / mà Chúa đã chuẩn bị trước mặt muôn dân, / là ánh sáng soi đường cho dân ngoại, / và là vinh quang của dân Israel của Chúa” (*Lc 2:29-32*).

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy tiến lên và cầu xin ơn có đức cậy, đức cậy với lòng kiên

nhân. Hãy luôn hướng tới cuộc gặp gỡ dứt khoát đó; hãy luôn nhìn để thấy rằng Chúa luôn ở gần chúng ta, rằng cái chết sẽ không bao giờ chiến thắng. Chúng ta hãy tiến lên và cầu xin Chúa ban cho chúng ta nhân đức hy vọng cao cả này, kèm theo sự kiên nhẫn. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi: Thái hư và nhân đức, Đức ái

(ngày 15/05/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ nói về nhân đức đối thần thứ ba, *đức ái*. Hai nhân đức kia, chúng ta hãy nhớ, là đức tin và đức cậy: hôm nay chúng ta sẽ nói về nhân đức thứ ba, đức ái. Đó là đỉnh cao của toàn bộ hành trình mà chúng ta đã thực hiện với các bài giáo lý về nhân đức. Nghĩ đến đức ái sẽ ngay lập tức mở rộng trái tim và mở rộng tâm trí, nó gọi lên những lời được linh hứng của Thánh Phaolô trong Thư Thứ Nhất gửi tín hữu Côrintô. Kết thúc bài thánh ca tuyệt vời đó, Thánh Phaolô trích dẫn bộ ba nhân đức đối thần và thốt lên: “Vậy nên đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại; nhưng cao cả nhất là tình yêu” (1 Cr 13:13).

Thánh Phaolô ngỏ những lời này với một cộng đoàn không hề hoàn hảo trong tình yêu huynh đệ: các Kitô hữu ở Côrintô khá hay kiêu tự, có sự chia rẽ nội bộ, và có những người luôn cho mình là đúng và không lắng nghe người khác, coi họ như những kẻ thấp kém. Thánh Phaolô nhắc nhở họ rằng hiểu biết sinh lòng kiêu ngạo, còn lòng bác ái thì xây dựng. (x. 1 Cr 8:1). Sau đó, Thánh Tông Đồ ghi lại một vụ tai tiếng chạm đến cả thời điểm hiệp nhất tối đa của một cộng đoàn Kitô hữu, “Bữa Tiệc Ly”, việc cử hành Thánh Thể: ngay cả ở đó cũng có sự chia rẽ, và có những người lợi dụng điều này để ăn uống, loại trừ những người không có gì (x. 1 Cr 11:18-22). Trước vấn đề này, Thánh Phaolô đưa ra một nhận định rõ ràng: “Khi anh em nhóm họp nhau, anh em không ăn bữa tối của Chúa” (c. 20), anh em có một nghi lễ khác, đó là nghi lễ ngoại giáo, đó không phải là bữa tối của Chúa.

Biết đâu, có lẽ trong cộng đoàn Côrintô, không ai nghĩ họ đã phạm tội, và những lời gay gắt đó của Thánh Tông Đồ nghe có vẻ hơi khó hiểu đối với họ. Có lẽ họ đều tin rằng mình là người tốt, và nếu được hỏi về tình yêu, họ sẽ trả lời rằng tình yêu chắc chắn có giá trị rất quan trọng đối với họ, giống như tình bạn hay gia đình. Ngày nay cũng vậy, tình yêu ở trên môi của nhiều “người gây ảnh hưởng” và trong điệp khúc của nhiều bài hát. Chúng ta nói rất nhiều về tình yêu, nhưng tình yêu là gì?

“Còn tình yêu *kia* thì sao?”, dường như Thánh Phaolô hỏi các Kitô hữu ở Côrintô. Không phải tình yêu dâng trào mà là tình yêu đi xuống; không phải người nhận mà là người cho; không phải cái xuất hiện mà là cái ẩn giấu. Thánh Phaolô lo ngại rằng ở Côrintô - cũng như giữa chúng ta ngày nay - có sự nhầm lẫn và thực sự không có dấu vết nào của nhân đức đối thần tình yêu cả, một nhân đức chỉ đến với chúng ta từ Thiên Chúa. Và nếu ngay cả bằng lời nói mọi người đều khẳng định rằng họ là người tốt, yêu thương gia đình và bạn bè, thì thực tế họ biết rất ít về tình yêu của Thiên Chúa.

Các Kitô hữu cổ thời có sẵn một số hạn từ tiếng Hy Lạp để định nghĩa tình yêu. Cuối cùng, từ “*agape*” xuất hiện mà chúng ta thường dịch là “bác ái”. Bởi vì thực sự, các Kitô hữu có khả năng yêu thương mọi hình thức tình yêu trên thế giới: họ cũng yêu, ít nhiều như điều đó xảy ra với mọi người. Họ cũng trải nghiệm lòng nhân từ được cảm nhận trong tình bạn. Họ cũng cảm nhận được tình yêu đất nước và tình yêu phổ quát dành cho toàn thể nhân loại. Nhưng có một tình yêu lớn lao hơn, một tình yêu đến từ Thiên Chúa và hướng về Thiên

Chúa, làm cho chúng ta có thể yêu mến Thiên Chúa, trở thành bạn hữu của Người và làm cho chúng ta có thể yêu thương người lân cận như Thiên Chúa yêu họ, với ước muốn chia sẻ tình bạn với Thiên Chúa. Tình yêu này, nhờ Chúa Kitô, đưa chúng ta đến những nơi mà chúng ta không thể đến: đó là tình yêu dành cho người nghèo, những người không đáng yêu, những người không quan tâm đến chúng ta và không biết ơn chúng ta. Đó là tình yêu dành cho những gì không ai yêu, kể cả kẻ thù của mình. Kể cả đối với kẻ thù. Đây là “đối thân”: nó phát xuất từ Thiên Chúa, nó là công việc của Chúa Thánh Thần trong chúng ta.

Chúa Giêsu giảng trong Bài giảng trên núi: “Nếu các con yêu những người yêu mình thì nào có công lênh gì? Vì ngay cả những người tội lỗi cũng yêu mến những người yêu thương họ” (Lc 6:32-33). Và Người kết luận: “Nhưng hãy yêu kẻ thù của mình” – chúng ta quen nói xấu kẻ thù của mình – “hãy yêu kẻ thù và làm điều tốt, và cho vay mà không mong được trả lại; và phần thưởng của anh em sẽ rất lớn, và anh em sẽ là con trai của Đấng Tối Cao; vì Người nhân từ với kẻ vô ơn và ích kỷ” (c. 35). Chúng ta hãy nhớ điều này: “Hãy yêu kẻ thù và làm điều tốt, và cho vay mà không mong được trả lại”. Chúng ta đừng quên điều này!

Bằng những lời này, tình yêu tự bộc lộ như một nhân đức đối thân và mang danh nghĩa bác ái. Tình yêu là lòng bác ái. Chúng ta nhận ra ngay rằng đó là một tình yêu khó thực hiện, thậm chí không thể thực hiện được nếu người ta không sống trong Thiên Chúa. Bản chất con người khiến chúng ta yêu thích một cách tự phát những gì tốt đẹp. Nhân danh một lý tưởng hay một tình cảm lớn lao, chúng ta thậm chí có thể hào phóng và thực hiện những hành động anh hùng. Nhưng tình yêu của Thiên Chúa vượt xa những tiêu chuẩn này. Tình yêu Kitô giáo bao trùm những gì không đáng yêu, nó mang lại sự tha thứ – tha thứ thật khó biết bao! Cần bao nhiêu tình yêu để tha thứ! – Tình yêu Kitô giáo chúc phúc cho những ai chửi rủa, trong khi đó, khi phải đối diện với một lời xúc phạm hay một lời nguyền rủa, chúng ta có thói quen đáp trả bằng một lời xúc phạm khác, bằng một lời nguyền rủa khác. Đó là một tình yêu mãnh liệt đến mức dường như không thể có được, nhưng đó là điều duy nhất còn lại của chúng ta. Tình yêu là “cửa hẹp” mà chúng ta phải vượt qua để vào Nước Thiên Chúa. Bởi vào lúc chạng vạng của cuộc đời, chúng ta sẽ không bị phán xét về tình yêu chung chung; chúng ta sẽ được phán xét chính xác dựa trên lòng bác ái, dựa trên tình yêu đích thực mà chúng ta đã có. Và Chúa Giêsu nói với chúng ta điều này, một điều thật tuyệt vời: “Quả thật, tôi nói với anh em, như anh em đã làm điều đó với một trong những người anh em hèn mọn nhất của tôi đây, là anh em đã làm điều đó với chính tôi” (Mt 25:40). Đây là điều đẹp đẽ, điều tuyệt vời nhất của tình yêu. Anh chị em hãy tiến lên đi và hướng lên trên đi!

Chương Hai Mươi Mốt: Thái hư và nhân đức, Đức khiêm nhường (ngày 22/05/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta sẽ kết thúc chu kỳ giáo lý này bằng cách xem xét một nhân đức không nằm trong bảy nhân đức chính và đối thân, nhưng lại là nền tảng của đời sống Kitô hữu: nhân đức này là nhân đức *khiêm nhường*. Nó là kẻ thù lớn nhất của tội lỗi nguy hiểm nhất, đó là tính cao ngạo. Trong khi sự kiêu ngạo và tính cao ngạo làm căng thẳng trái tim con người, khiến chúng ta tỏ ra hơn hẳn chính con người thực của mình, thì sự khiêm tốn khôi phục mọi thứ về chiều kích đúng đắn của nó: chúng ta là những tạo vật tuyệt vời, nhưng chúng ta bị giới hạn, có những phẩm chất và khuyết điểm. Ngay từ đầu, Kinh Thánh nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta là cát bụi và sẽ trở về cát bụi (x. St 3:19); quả thực, “khiêm tốn” bắt nguồn từ *humus* [mùn], tức là đất. Tuy nhiên, con mê sảng của toàn năng, vốn rất nguy hiểm, lại thường nảy sinh trong tâm hồn con người, và điều này gây cho chúng ta rất nhiều tổn hại.

Chúng ta chỉ cần làm rất ít để thoát khỏi tính cao ngạo; chỉ cần chiêm ngưỡng bầu trời đầy sao để lấy lại thước đo chính xác, như Thánh Vịnh nói: “Khi con nhìn các tầng trời của Chúa, công trình của ngón tay Chúa, mặt trăng và các vì sao Chúa đã tạo dựng; Con người là gì mà Người phải bận tâm tới, con người là gì mà Người phải quan tâm?” (8:3-4). Khoa học hiện đại cho phép chúng ta mở rộng chân trời hơn rất nhiều và cảm nhận được mầu nhiệm vây quanh chúng ta và là nơi chúng ta sống nhiều hơn nữa.

Phúc thay ai giữ trong lòng ý thức này về sự nhỏ bé của mình! Những người này được bảo vệ khỏi một thói hư xấu xí: cao ngạo. Trong Các Mối Phúc Thật, Chúa Giêsu bắt đầu chính từ họ: “Phúc cho những ai có tinh thần nghèo khó, vì Nước Trời là của họ” (Mt 5:3). Đó là Mối Phúc thứ nhất, bởi vì nó là nền tảng của những mối phúc tiếp theo: quả thực, sự hiền lành, lòng thương xót và sự trong sạch của tâm hồn xuất phát từ cảm giác nhỏ bé bên trong. Khiêm nhường là cửa ngõ dẫn tới mọi nhân đức.

Trong những trang đầu tiên của Tin Mừng, sự khiêm nhường và tinh thần nghèo khó dường như là nguồn gốc của mọi sự. Việc thiên thần loan báo không xảy ra ở cửa thành Giêrusalem, mà tại một ngôi làng hẻo lánh ở Galilê, tầm thường đến mức người ta thường nói: “Có điều gì hay ho xuất phát từ Nazareth sao?” (Ga 1:46). Nhưng chính từ đó thế giới được tái sinh. Nhân vật nữ chính được chọn không phải là một nữ hoàng nhỏ lớn lên trong sự cung chiêu mà là một cô gái vô danh: Maria. Chính cô là người đầu tiên ngạc nhiên khi thiên thần mang đến lời thông báo của Thiên Chúa. Và trong bài thánh ca cầu nguyện của Người, điều kỳ diệu này thực sự nổi bật: “Linh hồn tôi tôn vinh Chúa, thần trí tôi hân hoan trong Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ tôi, vì *Người đã đoái nhìn đến phận hèn* nữ tỳ của Người” (Lc 1:46-48). Có thể nói, Thiên Chúa bị thu hút bởi sự nhỏ bé của Đức Maria, trên hết là sự nhỏ bé nội tâm. Và Người cũng bị thu hút bởi sự nhỏ bé của chúng ta khi chúng ta chấp nhận nó.

Từ đây trở đi, Đức Maria sẽ cẩn thận để không chiếm vị trí trung tâm. Quyết định đầu tiên của Người sau khi được thiên thần truyền tin là đi giúp đỡ, đi phục vụ người chị em họ của mình. Đức Maria tiến về vùng núi Giu-đê-a để thăm Ê-li-da-bét: Người hỗ trợ bà trong những tháng cuối của thai kỳ. Nhưng ai nhìn thấy cử chỉ này? Không ai khác ngoài Thiên Chúa. Đức Trinh Nữ dường như không muốn thoát ra khỏi sự che giấu này. Giống như khi có tiếng của một người phụ nữ trong đám đông tuyên bố hạnh phúc của Người: “Phúc thay dạ đã cưu mang Thầy và vú đã cho Thầy bú!” (Lc 11:27). Nhưng Chúa Giêsu trả lời ngay: “Phúc thay ai lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa” (Lc 11:28). Ngay cả chân lý thánh thiêng nhất của đời Người – là Mẹ Thiên Chúa – cũng không trở thành lý do để Người khoe khoang trước loài người. Trong một thế giới được đánh dấu bằng việc theo đuổi vẻ bề ngoài, tỏ ra mình cao hơn người khác, Đức Maria dứt khoát bước đi, bằng sức mạnh duy nhất của ân sủng Thiên Chúa, theo hướng ngược lại.

Chúng ta có thể tưởng tượng rằng Người cũng đã trải qua những thời điểm khó khăn, những ngày mà đức tin của Người tiến triển trong bóng tối. Nhưng điều này không bao giờ làm cho lòng khiêm nhường của Người dao động, một nhân đức, nơi Đức Maria, vốn là một nhân đức vững chắc. Tôi muốn nhấn mạnh điều này: khiêm nhường là một nhân đức vững chắc. Chúng ta hãy nghĩ đến Đức Maria: Mẹ luôn nhỏ bé, luôn không tự cho mình là quan trọng, luôn không có tham vọng. Sự nhỏ bé này của Mẹ là sức mạnh vô địch của Mẹ: chính Mẹ vẫn ở dưới chân thập giá, trong khi ảo tưởng về một Đấng Thiên Sai khái hoàn đã tan vỡ. Chính Đức Maria, trong những ngày dẫn đến Lễ Hiện Xuống, sẽ quy tụ đoàn chiên các môn đệ, những người đã không thể thức canh chỉ một giờ với Chúa Giêsu, và đã bỏ rơi Người khi con bão ập đến.

Thưa anh chị em, sự khiêm nhường là tất cả. Đó là điều cứu chúng ta khỏi Ác Thần và khỏi nguy cơ trở thành đồng phạm của hắn. Và sự khiêm nhường là nguồn gốc của hòa bình trên thế giới và trong Giáo hội. Ở đâu không có sự khiêm nhường, ở đó có chiến tranh, ở đó có bất hòa, ở đó có chia rẽ. Thiên Chúa đã nêu gương cho chúng ta về điều này nơi Chúa Giêsu và Mẹ Maria, vì ơn cứu rỗi và niềm hạnh phúc của chúng ta. Và khiêm nhường chính là con đường, con đường dẫn đến ơn cứu độ. Cảm ơn anh chị em!

Tiết Chín: Chúa Thánh Thần và Hiền Thê

Chương Một: Chúa Thánh Thần hướng dẫn dân Chúa hướng về Chúa Giêsu là niềm hy vọng của chúng ta.

Thánh Thần Chúa bay lượn trên mặt nước

(ngày 29/05/2024)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phê-rô, Thứ tư, 22 tháng 5 năm 2024, Đức Phanxicô đã khởi đầu một loạt bài giáo lý mới về Chúa Thánh Thần và Hiền Thê với bài 1 nói về Chúa Thánh Thần bay là trên nước ở buổi khởi nguyên tạo dựng. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, với bài giáo lý này, chúng ta bắt đầu một chuỗi suy tư với chủ đề ‘Chúa Thánh Thần và Hiền Thê’ – hiền thê là Giáo Hội – ‘Chúa Thánh Thần hướng dẫn dân Chúa hướng tới Chúa Giêsu là niềm hy vọng của chúng ta’. Chúng ta sẽ thực hiện cuộc hành trình này qua ba giai đoạn vĩ đại của lịch sử cứu độ: Cựu Ước, Tân Ước và thời Giáo Hội. Luôn hướng ánh mắt về Chúa Giêsu, Đấng là niềm hy vọng của chúng ta.

Trong những bài giáo lý đầu tiên về Chúa Thánh Thần trong Cựu Ước, chúng ta sẽ không học ‘khảo cổ học Kinh Thánh’. Thay vào đó, chúng ta sẽ khám phá ra rằng những gì được đưa ra như một lời hứa trong Cựu Ước đã được thực hiện trọn vẹn nơi Chúa Ki-tô. Nó sẽ giống như đi theo con đường của mặt trời từ bình minh đến giữa trưa.

Chúng ta hãy bắt đầu với hai câu đầu tiên của toàn bộ Kinh Thánh. Hai câu đầu tiên của Kinh Thánh có nội dung: ‘Ban đầu Thiên Chúa dựng nên trời và đất. Trái đất không có hình dạng và trống rỗng, bóng tối bao trùm mặt vực thẳm. Và *Thần Khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước*’ (St 1:1-2). Thần Khí Thiên Chúa xuất hiện với chúng ta ở đây như một sức mạnh huyền bí chuyển thể giới từ trạng thái vô hình, hoang vắng và u ám ban đầu sang trạng thái trật tự và hài hòa. Bởi vì Thánh Thần tạo nên sự hòa hợp, hòa hợp trong cuộc sống, hòa hợp trong thế giới. Nói cách khác, chính Người là Đấng làm cho thế giới chuyển từ hỗn mang sang vũ trụ, nghĩa là từ hỗn loạn đến một điều gì đó đẹp đẽ và có trật tự. Thực ra, đây là ý nghĩa của hạn từ *kosmos* [vũ trụ] trong tiếng Hy Lạp, cũng như từ *mundus* [thế giới] trong tiếng Latinh, nghĩa là một điều gì đó đẹp đẽ, một điều gì đó có trật tự, trong sạch, hài hòa, bởi vì Thánh Thần là sự hài hòa.

Lời ám chỉ còn mơ hồ này về hoạt động của Chúa Thánh Thần trong công cuộc sáng tạo sẽ trở nên chính xác hơn trong mạc khải sau đây. Trong một thánh vịnh, chúng ta đọc thấy: ‘Nhờ lời Chúa mà các tầng trời được tạo thành, và nhờ hơi thở từ miệng Người mà cả cơ binh [được tạo thành]’ (Tv 33:6); và một lần nữa: ‘Chúa sai thần khí của Chúa đi, chúng được tạo dựng, và Chúa đôi mới bộ mặt trái đất’ (Tv 104:30).

Đường hướng phát triển này trở nên rất rõ ràng trong Tân Ước, trong đó mô tả sự can thiệp của Chúa Thánh Thần vào công cuộc sáng tạo mới, sử dụng chính những hình ảnh mà người ta đọc thấy liên quan đến nguồn gốc của thế giới: con chim bồ câu bay trên mặt nước của sông Giođan lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa (x. Mt 3:16); Chúa Giêsu, Đấng ở Phòng Tiệc Ly, thổi hơi vào các môn đệ và nói: ‘Hãy nhận lấy Thánh Thần’ (Ga 20:22), giống như ngay từ đầu Thiên Chúa đã thổi hơi thở của Người trên Adam (x. St 2:7).

Thánh Phaolô giới thiệu một yếu tố mới vào mối quan hệ giữa *Chúa Thánh Thần và công trình sáng tạo*. Người nói về một vũ trụ ‘rên rỉ và đau khổ như con thuyền da’ (x. Rm 8:22). Nó đau khổ vì con người đã đặt nó vào ‘sự nô lệ của sự hư nát’ (x. câu 20-21). Đó là một thực tại liên quan tới chúng ta một cách thân thiết và liên quan tới chúng ta một cách gây ấn tượng sâu sắc. Thánh Tông đồ nhìn thấy nguyên nhân đau khổ của tạo vật là sự hư hoại và tội lỗi của con người đã kéo họ vào tình trạng xa cách Thiên Chúa. Điều này vẫn đúng cho đến ngày nay cũng như thời đó. Chúng ta thấy sự tàn phá đã được thực hiện và điều đó tiếp tục được tạo ra bởi loài người, đặc biệt là phân nhân loại có khả năng khai thác tài nguyên của mình lớn hơn.

Thánh Phanxicô Assisi chỉ cho chúng ta một lối thoát, một con đường tốt đẹp, một lối thoát để trở về với sự hòa hợp của Chúa Thánh Thần: con đường chiêm niệm và ca ngợi. Người muốn một bài ca ngợi Đấng Tạo Dựng vang lên từ các tạo vật. Chúng ta nhớ lại bài ca ‘*Laudato sí, mi Signore...*’ [lạy Chúa, xin ca ngợi Chúa] bài ca của Thánh Phanxicô Assisi.

Một trong các Thánh vịnh (18:2 [19:1]) nói: ‘*Các tầng trời rao truyền vinh quang của Thiên Chúa*’, nhưng những người nam cũng như nữ đều cần phải lên tiếng cho tiếng kêu thầm lặng này của chúng. Và trong bài ‘Thánh Thánh Thánh’ của Thánh lễ, chúng ta lặp lại mỗi lần: ‘Trời đất đầy vinh quang Chúa’. Có thể nói, chúng đang ‘mang thai’ nó, nhưng chúng cần bàn tay của một bà đỡ giỏi để sinh ra lời khen ngợi này của chúng. Ôn gọi của chúng ta trong thế giới, Thánh Phaolô một lần nữa nhắc nhở chúng ta, là ‘*ca ngợi vinh quang của Người*’ (Eph 1:12). Đó là đặt niềm vui chiêm ngưỡng lên trên niềm vui sở hữu. Và không ai vui mừng với các tạo vật hơn Thánh Phanxicô Assisi, người không muốn sở hữu bất cứ tạo vật nào.

Thưa anh chị em, Chúa Thánh Thần, Đấng ban đầu đã biến đổi sự hỗn mang thành vũ trụ, đang hoạt động để thực hiện sự biến đổi này nơi mỗi người. Qua tiên tri Êdêkien, Thiên Chúa hứa: ‘Ta sẽ ban cho các ngươi một trái tim mới, và một Thần Khí mới, Ta sẽ đặt trong các ngươi... Ta sẽ đặt Thần Khí của Ta trong các ngươi’ (Edk 36:26-27). Vì trái tim của chúng ta giống như vực thẳm tối tăm, hoang vắng trong những câu đầu tiên của Sáng thế ký. Những cảm xúc và ham muốn trái ngược khuấy động trong đó: của xác thịt và của tinh thần. Theo một nghĩa nào đó, tất cả chúng ta đều là ‘vương quốc tự chia rẽ’ mà Chúa Giêsu nói đến trong Tin Mừng (x. Mc 3:24). Bên trong chúng ta, chúng ta có thể nói rằng có sự hỗn mang bên ngoài – những hỗn mang xã hội, những hỗn mang chính trị. Chúng ta nghĩ về chiến tranh, chúng ta nghĩ về biết bao chàng trai cô gái không đủ ấm, biết bao bất công xã hội. Đây là sự hỗn mang bên ngoài. Nhưng cũng có sự hỗn mang bên trong: nội tâm của mỗi chúng ta. Điều trước không thể được chữa lành trừ khi chúng ta bắt đầu chữa lành điều sau! Thưa anh chị em, chúng ta hãy làm tốt công việc biến sự bối rối nội tâm của chúng ta thành sự sáng tỏ của Chúa Thánh Thần. Chính quyền năng của Thiên Chúa thực hiện điều này, và chúng ta mở lòng mình để Người có thể làm được điều đó.

Chớ gì suy tư này khơi dậy trong chúng ta ước muốn cảm nghiệm được Thần Khí Tạo Dựng. Trong hơn một thiên niên kỷ, Giáo hội đã đặt trên môi chúng ta lời kêu cầu: ‘*Veni creator Spiritus!*’ ‘Hãy đến, hỡi Thánh Thần Tạo Dựng! Hãy ghé thăm tâm trí chúng con. Xin đổ đầy ân sủng thiên đàng vào những trái tim mà Chúa đã tạo dựng.’ Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần đến với chúng ta và biến chúng ta thành những con người mới, với sự mới mẻ của Chúa Thánh Thần. Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai: “Gió muốn thổi đâu thì thổi”. **Nơi nào có Thánh Thần của Chúa, nơi đó có tự do** (Ngày 5 tháng 6 năm 2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong bài giáo lý hôm nay, tôi muốn cùng anh chị em suy gẫm về tên qua đó Chúa Thánh Thần được gọi trong Kinh thánh.

Điều đầu tiên chúng ta biết về một người là tên của họ. Chính qua tên của họ mà chúng ta gọi họ, mà chúng ta phân biệt và nhớ đến họ. Ngôi thứ ba của Chúa Ba Ngôi cũng có một cái tên: Người được gọi là Chúa Thánh Thần. Nhưng “Thánh Thần” là phiên bản tiếng Latinh. Tên của Thánh Thần, tên mà những người đầu tiên nhận được sự mặc khải biết đến Người, mà các tiên tri, các thánh vịnh gia, Đức Maria, Chúa Giêsu và các Tông đồ đã cầu khẩn Người, là *Ruach*, có nghĩa là hơi thở, gió, không khí.

Trong Kinh thánh, một cái tên quan trọng đến mức nó gần như được xác định với chính con người đó. Việc thánh hóa danh Chúa là thánh hóa và tôn vinh chính Chúa. Nó không bao giờ chỉ là một danh xưng thông thường: nó luôn nói lên điều gì đó về con người, nguồn gốc hoặc sứ mệnh của họ. Điều này cũng đúng với tên *Ruach*. Nó chứa đựng sự mặc khải cơ bản đầu tiên về Ngôi vị và chức năng của Chúa Thánh Thần.

Chính bằng cách quan sát gió và các biểu hiện của nó mà các tác giả Kinh thánh đã được Chúa dẫn dắt để khám phá ra một "con gió" có bản chất khác. Không phải ngẫu nhiên mà vào Lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần đã ngự xuống các Tông đồ cùng với "tiếng gió mạnh" (x. Công vụ 2:2). Dường như Chúa Thánh Thần muốn đặt dấu ấn của mình vào những gì đang xảy ra.

Vậy thì, tên của Người, *Ruach*, cho chúng ta biết điều gì về Chúa Thánh Thần? Hình ảnh của con gió trước hết dùng để diễn tả quyền năng của Chúa Thánh Thần. "Thánh Thần và quyền năng", hay "quyền năng của Chúa Thánh Thần" là sự kết hợp lặp đi lặp lại trong suốt Kinh thánh. Vì gió là một sức mạnh áp đảo, một sức mạnh bất khuất, thậm chí có khả năng di chuyển cả đại dương.

Tuy nhiên, một lần nữa, để khám phá ý nghĩa đầy đủ của các thực tại trong Kinh thánh, chúng ta không được dừng lại ở Cựu Ước, mà hãy đến với Chúa Giêsu. Bên cạnh sức mạnh, Chúa Giêsu sẽ làm nổi bật một đặc điểm khác của gió: sự tự do của nó. Đối với Ni-cô-đê-mô, người đến thăm Người vào ban đêm, Chúa Giêsu long trọng nói: "Gió thổi đâu thì thổi, và bạn nghe tiếng gió, nhưng bạn không biết nó từ đâu đến và đi đâu; cũng vậy với mọi người được sinh ra bởi Thần Khí" (Ga 3:8).

Gió là thứ duy nhất hoàn toàn không thể bị kiềm chế, không thể bị "đóng chai" hoặc bị nhốt vào một cái hộp. Chúng ta tìm cách "đóng chai" gió hoặc nhốt nó vào một cái hộp: điều đó là không thể. Nó tự do. Việc cho rằng có thể bao bọc Chúa Thánh Thần trong các khái niệm, định nghĩa, luận đề hoặc chuyên luận, như chủ nghĩa duy lý hiện đại đôi khi đã cố gắng làm, là đánh mất Chúa Thánh Thần, vô hiệu hóa Chúa Thánh Thần hoặc giảm lược Chúa Thánh Thần vào tinh thần thuần túy của con người, vào một tinh thần đơn giản. Tuy nhiên, cũng có một cảm dỗ tương tự trong lĩnh vực tôn giáo, đó là muốn bao bọc Chúa Thánh Thần trong các giáo luật, thể chế, định nghĩa. Chúa Thánh Thần tạo ra và linh hứng các định chế, nhưng bản thân Người không thể bị "định chế hóa", "khách thể hóa". Gió thổi "nơi nào nó muốn"; cũng vậy, Chúa Thánh Thần phân phát các ân huệ của Người "theo ý Người muốn" (1 Cr 12:11).

Thánh Phaolô đã biến tất cả những điều này thành luật cơ bản của hành động Kitô giáo: “Nơi nào có Thánh Thần của Chúa, nơi đó có tự do” (2 Cr 3:17), ngài nói. Một người tự do, một Kitô hữu tự do, là người có Thánh Thần của Chúa. Đây là một sự tự do rất đặc biệt, hoàn toàn khác với những gì người ta thường hiểu. Đó không phải là sự tự do để làm những gì mình muốn, mà là sự tự do để tự do làm những gì Chúa muốn! Không phải tự do làm điều thiện hay điều ác, mà là tự do làm điều thiện và làm điều đó một cách tự do, nghĩa là do sự hấp dẫn chứ không phải do sự ép buộc. Nói cách khác, đó là tự do của con cái chứ không phải của nô lệ.

Thánh Phaolô rất hiểu rõ về sự lạm dụng hoặc hiểu lầm có thể phát sinh từ sự tự do này. Trên thực tế, ngài đã viết cho người Ga-lát: “Vì anh em đã được gọi đến sự tự do, hồi anh em; nhưng đừng lợi dụng sự tự do của mình để sống theo xác thịt, nhưng hãy lấy lòng yêu thương mà phục vụ lẫn nhau” (Gl 5:13). Đây là sự tự do tự phát biểu ở những gì có vẻ trái ngược với nó; nó được phát biểu trong sự phục vụ, và trong sự phục vụ là sự tự do đích thực.

Chúng ta biết khi nào sự tự do này trở thành “cái cớ cho xác thịt”. Thánh Phaolô đưa ra một danh sách luôn có liên quan: “gian dâm, ô uế, phóng dăng, thờ ngẫu tượng, phù phép, thù hằn, bất hòa, ghen tuông, tức giận, ích kỷ, bất hòa, đảng phái, ganh tị, say sưa, chè chén, và những điều tương tự như vậy” (Gl 5:19-21). Nhưng cũng như vậy là sự tự do cho phép người giàu bóc lột người nghèo, một sự tự do xấu xí cho phép kẻ mạnh bóc lột người yếu, và mọi người khai thác môi trường mà không bị trừng phạt. Và đây là một sự tự do xấu xí, nó không phải là sự tự do của Chúa Thánh Thần.

Thưa anh chị em, chúng ta có được sự tự do của Chúa Thánh Thần này ở đâu, trái ngược với sự tự do của sự ích kỷ? Câu trả lời nằm trong những lời Chúa Giêsu đã nói với những người nghe Người một ngày nọ: “Nếu Chúa Con giải thoát anh em, anh em sẽ thực sự được tự do” (Ga 8:36). Sự tự do mà Chúa Giêsu ban cho chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin Chúa Giêsu biến chúng ta, qua Chúa Thánh Thần của Người, thành những người nam và người nữ thực sự tự do. Tự do để phục vụ, trong tình yêu và niềm vui. Cảm ơn anh chị em!

Chương Ba: “Toàn bộ Kinh thánh đều do Thiên Chúa linh hứng”. Nhận biết tình yêu của Thiên Chúa qua lời của Thiên Chúa. (Ngày 12 tháng 6 năm 2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng, chào mừng!

Chúng ta hãy tiếp tục bài giáo lý về Chúa Thánh Thần, Đấng hướng dẫn Giáo hội đến với Chúa Kitô, niềm hy vọng của chúng ta. Người là người hướng dẫn. Lần trước chúng ta đã suy gẫm về công trình của Chúa Thánh Thần trong công trình sáng tạo; hôm nay chúng ta sẽ thấy điều đó trong *sự mặc khải*, trong đó Kinh thánh là lời chứng được Thiên Chúa linh hứng và có thẩm quyền. Thư thứ hai của Thánh Phaolô gửi cho Timôtê có câu này: “Tất cả Kinh Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng” (3:16). Và một đoạn khác trong Tân Ước nói rằng: “*Những con người được Chúa Thánh Thần thúc đẩy đã nói từ Thiên Chúa*” (2 Pr 1:21). Đây là giáo lý về sự linh hứng Kinh Thánh của Thiên Chúa, điều mà chúng ta tuyên bố như một điều khoản của đức tin trong Kinh Tin Kính, khi chúng ta nói rằng Chúa Thánh Thần “*đã phán qua các tiên tri*”. Sự linh hứng của Thiên Chúa đối với Kinh Thánh.

Chúa Thánh Thần, Đấng đã linh hứng Kinh Thánh, cũng là Đấng giải thích và làm cho Kinh Thánh luôn sống động và hoạt động. Từ *được linh hứng*, Người làm cho Kinh Thánh trở nên

linh hứng. Công đồng Vatican II nói rằng Kinh Thánh “được Thiên Chúa linh hứng và được viết ra một lần vĩnh viễn... truyền đạt lời của chính Thiên Chúa không thay đổi, và làm cho tiếng nói của Chúa Thánh Thần vang lên trong lời của các tiên tri và các Tông đồ” (21). Theo cách này, Chúa Thánh Thần tiếp tục, trong Giáo hội, hành động của Chúa Giêsu Phục sinh, Đấng, sau lễ Phục sinh, “mở trí cho các môn đệ hiểu Kinh thánh” (x. Lc 24:45).

Thật vậy, điều có thể xảy ra là trong một đoạn Kinh thánh nào đó, mà chúng ta đã đọc nhiều lần mà không có cảm xúc đặc biệt, một ngày nào đó chúng ta đọc nó trong bầu không khí đức tin và cầu nguyện, và rồi bản văn đó bất ngờ được soi sáng, nó nói với chúng ta, nó chiếu sáng một vấn đề mà chúng ta đang sống, nó làm sáng tỏ ý muốn của Chúa dành cho chúng ta trong một tình huống nhất định. Sự thay đổi này là do điều gì, nếu không phải là sự soi sáng của Chúa Thánh Thần? Những lời trong Kinh thánh, dưới tác động của Chúa Thánh Thần, trở nên sáng tỏ; và trong những trường hợp đó, chúng ta tự tay chạm vào câu nói trong Thư gửi tín hữu Do Thái: “*Lời Thiên Chúa là lời sống động và hữu hiệu, sắc bén hơn bất cứ thanh kiếm hai lưỡi nào*” (4:12).

Anh chị em thân mến, Giáo hội được nuôi dưỡng bằng việc đọc Kinh Thánh theo tinh thần, nghĩa là đọc dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Đấng đã linh hứng nó. Ở trung tâm của nó, giống như ngọn hải đăng soi sáng mọi sự, có biến cố về cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô, hoàn thành kế hoạch cứu độ, hiện thực hóa mọi hình ảnh và lời tiên tri, vén mở mọi mâu nhiệm ẩn giấu và cung cấp chìa khóa đích thực để đọc toàn bộ Kinh thánh. Cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô là ngọn hải đăng soi sáng toàn bộ Kinh thánh, và cũng soi sáng cuộc sống của chúng ta. Sách Khải huyền mô tả tất cả những điều này bằng hình ảnh Con Chiên mở các ấn tín của cuốn sách “được viết bên trong và ở mặt sau, được niêm phong bằng bảy ấn tín” (x. 5:1-9), nghĩa là Kinh thánh Cựu ước. Giáo hội, Hiền thê của Chúa Kitô, là người giải thích được ủy quyền của bản văn được linh hứng của Kinh thánh; Giáo hội là trung gian của lời công bố đích thực của nó. Vì Giáo hội được ban tặng Chúa Thánh Thần — đây là lý do tại sao Giáo hội là người giải thích — Giáo hội là “trụ cột và thành trì của chân lý” (1 Tm 3:15). Tại sao? Bởi vì Giáo hội được Chúa Thánh Thần soi sáng, giữ vững. Và nhiệm vụ của Giáo hội là giúp các tín hữu và những người tìm kiếm chân lý giải thích đúng các bản văn Kinh thánh.

Một cách để đọc thiêng liêng Lời Chúa là cách gọi là *lectio divina*, một từ mà có lẽ chúng ta không hiểu nghĩa. Nó bao gồm việc dành một khoảng thời gian trong ngày để đọc một đoạn Kinh thánh một cách bản thân và suy gẫm. Và điều này rất quan trọng: mỗi ngày, hãy dành thời gian để lắng nghe, suy gẫm, đọc một đoạn Kinh thánh. Và do đó, tôi khuyên anh chị em nên luôn có một phiên bản bỏ túi của sách Tin Mừng và giữ nó trong túi của anh chị em, trong túi của anh chị em... Vì vậy, khi anh chị em đang đi du lịch, hoặc có một chút thời gian rảnh rỗi, anh chị em có thể mang theo và đọc nó. Điều này rất quan trọng cho cuộc sống. Hãy lấy một quyển Tin Mừng bỏ túi và đọc nó một lần, hai lần hoặc bất cứ khi nào anh chị em có cơ hội trong suốt cả ngày. Nhưng cách đọc thiêng liêng cốt lõi Kinh thánh là đọc cộng đồng trong Phụng vụ Thánh lễ. Ở đó, chúng ta thấy cách một biến cố hoặc một lời dạy, được đưa ra bởi Cựu Ước, tìm thấy cách diễn đạt đầy đủ của nó trong Tin mừng của Chúa Kitô. Và bài giảng, lời bình luận của chủ tế, phải giúp chuyển Lời Chúa từ sách sang cuộc sống. Nhưng để làm được điều này, bài giảng phải ngắn gọn: một hình ảnh, một suy nghĩ và một cảm xúc. Bài giảng không được kéo dài quá tám phút, vì sau thời gian đó, sự chú ý sẽ mất đi và mọi người sẽ ngủ quên, và họ đúng. Một bài giảng nên như vậy. Và tôi muốn nói điều này với các linh mục, những người nói rất nhiều, rất thường xuyên, và người ta không hiểu họ đang nói gì. Một bài giảng ngắn gọn: một suy nghĩ, một tình cảm và một gợi ý hành động, về việc phải làm gì. Không quá tám phút. Bởi vì bài giảng phải giúp chuyển tải Lời Chúa từ sách vở vào

cuộc sống. Và trong số nhiều lời của Chúa mà chúng ta lắng nghe hàng ngày trong Thánh lễ hoặc trong Phụng vụ Giờ kinh, luôn có một lời dành riêng cho chúng ta. Một điều gì đó chạm đến trái tim. Được chào đón vào trái tim, nó có thể soi sáng ngày của chúng ta và truyền cảm hứng cho lời cầu nguyện của chúng ta. Vấn đề là không để nó rơi vào tai điếc!

Chúng ta hãy kết thúc bằng một suy nghĩ có thể giúp chúng ta yêu Lời Chúa. Giống như một số bản nhạc, Kinh Thánh cũng có một nốt cơ bản đi kèm từ đầu đến cuối, và nốt này là tình yêu của Thiên Chúa. Thánh Augustinô nhận xét rằng “Toàn bộ Kinh Thánh không làm gì khác ngoài việc kể về tình yêu của Thiên Chúa”. [1] Và Thánh Grê-gô-ri-ô Cả định nghĩa Kinh Thánh là “một lá thư từ Thiên Chúa toàn năng gửi đến tạo vật của Người”, giống như một lá thư từ chú rề gửi đến cô dâu, và khuyên chúng ta “học hỏi và biết được trái tim của Thiên Chúa trong lời của Người”. [2] “Thông qua sự mặc khải này”, Công đồng Vatican II lại nói, “Thiên Chúa vô hình, từ tình yêu dồi dào của Người, nói với con người như những người bạn và sống giữa họ, để Người có thể mời gọi và đưa họ vào mối tương giao với Người” (Dei Verbum, 2).

Anh chị em thân mến, hãy tiếp tục đọc Kinh Thánh! Nhưng đừng quên Tin mừng bỏ túi: hãy mang nó trong túi của anh chị em, trong túi của anh chị em, và vào một lúc nào đó trong ngày, hãy đọc một đoạn văn. Và điều này sẽ đưa anh chị em đến rất gần với Chúa Thánh Thần, Đấng hiện diện trong Lời Chúa. Xin Chúa Thánh Thần, Đấng đã soi sáng Kinh Thánh và giờ đây thổi hơi từ Kinh Thánh, giúp chúng ta nắm bắt được tình yêu của Thiên Chúa trong những tình huống cụ thể của cuộc sống. Cảm ơn anh chị em.

[1] De catechizandis rudibus, I, 8, 4: PL 40, 319.

[2] Registrum Epistolarum, V, 46 (biên tập bởi Ewald-Hartmann, trang 345-346).

Chương Bốn: Chúa Thánh Thần dạy Cô dâu cầu nguyện. Các Thánh Vịnh, bản giao hưởng cầu nguyện trong Kinh Thánh (Ngày 19 tháng 6 năm 2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Để chuẩn bị cho Năm Thánh tiếp theo, tôi đã mời gọi [các tín hữu] dành năm 2024 “cho một ‘bản giao hưởng’ cầu nguyện vĩ đại”. [1] Với bài giáo lý hôm nay, tôi muốn nhắc lại rằng Giáo hội đã sở hữu một bản giao hưởng cầu nguyện, mà người soạn nhạc là Chúa Thánh Thần, và đó là Sách Thánh Vịnh.

Giống như tất cả các bản giao hưởng, nó có nhiều “chuyển động” khác nhau, nghĩa là nhiều thể loại cầu nguyện khác nhau: ngợi khen, tạ ơn, cầu xin, than thở, tường thuật, suy tư khôn ngoan và những thể loại khác, cả dưới hình thức bản thân và dưới hình thức hợp xướng của toàn thể dân chúng. Đây là những bài hát mà chính Chúa Thánh Thần đã đặt trên môi của Cô dâu, tức là Giáo hội của Người. Như tôi đã đề cập lần trước, tất cả các Sách trong Kinh thánh đều được Chúa Thánh Thần linh hứng, nhưng Sách Thánh Vịnh cũng vậy theo nghĩa là nó chứa đầy cảm hứng thi ca.

Các Thánh Vịnh có một vị trí đặc biệt trong Tân Ước. Thật vậy, đã và vẫn còn những phiên bản kết hợp Tân Ước và các Thánh Vịnh lại với nhau. Trên bàn làm việc của tôi, tôi có một bản Tân Ước bằng tiếng Ukraine với các Thánh vịnh được gửi cho tôi. Nó thuộc về một người lính đã hy sinh trong chiến tranh. Anh ấy đã cầu nguyện với cuốn sách này ở mặt trận.

Không phải tất cả các Thánh vịnh — và không phải mọi phần của mọi Thánh vịnh — đều có thể được lặp lại và tiếp thu bởi các Ki-tô hữu, và thậm chí còn ít hơn đối với con người hiện đại. Đôi khi, chúng phản ánh một bối cảnh lịch sử và một tâm lý tôn giáo không còn là của chúng ta nữa. Điều này không có nghĩa là chúng không được linh hứng, nhưng theo một số cách, chúng liên quan đến một thời điểm [cụ thể] và một giai đoạn mặc khải tạm thời, cũng giống như trường hợp của một phần lớn luật pháp cổ thời.

Điều khiến các Thánh vịnh đáng để chúng ta chú ý là chúng là lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, của Đức Mẹ Maria, của các Tông đồ và của tất cả các thế hệ Kitô hữu đã đến trước chúng ta. Khi chúng ta đọc chúng, Chúa lắng nghe chúng bằng "bản soạn lại cho dàn nhạc [orchestration]" hùng vĩ đó là sự hiệp thông của các Thánh. Theo Thư gửi tín hữu Do Thái, Chúa Giêsu đã bước vào thế gian với một câu trích từ Thánh Vịnh trong lòng: "Này con đến để thực thi ý Chúa" (x. Hr 10:7; Tv 40:9). Và theo Tin mừng Luca, Người rời khỏi thế gian với một câu khác trên môi: "Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha" (Lc 23:46; x. Tv 31:6).

Việc sử dụng Thánh Vịnh trong Tân Ước được tiếp nối bởi việc sử dụng của các Giáo phụ và toàn thể Giáo hội, khiến chúng trở thành một yếu tố cố định trong việc cử hành Thánh lễ và Phụng vụ Giờ kinh. Thánh Ambrose nói rằng "Toàn bộ Kinh Thánh đều thổi bùng lòng nhân từ của Thiên Chúa", "nhưng đặc biệt là tiếng kêu ngọt ngào của Thánh vịnh" [2] — cuốn sách ngọt ngào của Thánh vịnh. Tôi tự hỏi, anh chị em có thỉnh thoảng cầu nguyện với Thánh vịnh không? Anh chị em có cầm Kinh Thánh lên và cầu nguyện bằng một Thánh vịnh không? Ví dụ, khi anh chị em hơi buồn vì đã phạm tội, anh chị em có cầu nguyện bằng Thánh vịnh 50 không? Có nhiều Thánh vịnh giúp chúng ta tiếp tục. Hãy hình thành thói quen cầu nguyện với Thánh vịnh. Tôi đảm bảo với anh chị em rằng cuối cùng anh chị em sẽ hạnh phúc.

Nhưng chúng ta không thể chỉ sống dựa vào di sản của quá khứ: cần phải biến Thánh vịnh thành lời cầu nguyện của chúng ta. Người ta đã viết rằng, theo một nghĩa nào đó, chúng ta phải tự mình trở thành "người chép" Thánh vịnh, biến chúng thành của chúng ta và cầu nguyện với chúng. [3] Nếu có Thánh vịnh, hoặc chỉ là những câu thơ, nói lên trái tim chúng ta, thì tốt nhất là lặp lại chúng và cầu nguyện bằng chúng suốt cả ngày. Thánh vịnh là những lời cầu nguyện "cho mọi mùa": không có trạng thái tinh thần hay nhu cầu nào mà không tìm thấy trong chúng những lời hay nhất để biến thành lời cầu nguyện. Không giống như những lời cầu nguyện khác, Thánh vịnh không mất đi hiệu quả của chúng bằng cách được lặp lại; ngược lại, chúng làm tăng hiệu quả. Tại sao? Bởi vì chúng được Chúa linh hứng và "hít thở" Thiên Chúa, mỗi lần chúng được đọc với đức tin.

Nếu chúng ta cảm thấy bị áp bức bởi sự hối hận hoặc tội lỗi, vì chúng ta là tội nhân, chúng ta có thể lặp lại với Đa-vít: "Xin thương xót con, lạy Chúa, theo lòng nhân hậu của Chúa" (Tv 51:1). Nếu chúng ta muốn bày tỏ mối liên kết cá nhân mạnh mẽ với tình yêu, chúng ta hãy nói: "Lạy Chúa, Chúa là Thiên Chúa của con / Con tìm kiếm Chúa, / linh hồn con khao khát Chúa; / xác thịt con mòn mỏi vì Chúa, / như trong vùng đất khô cằn và mệt mỏi không có nước" (Tv 63:1). Không phải vô cớ mà Phụng vụ đã đưa Thánh vịnh này vào Kinh Sáng Chúa Nhật và các lễ trọng. Và nếu nỗi sợ hãi và đau khổ tấn công chúng ta, những lời tuyệt vời của Thánh vịnh 23 sẽ cứu rỗi chúng ta: "Chúa là mục tử chăn dắt tôi ... Dù tôi bước qua thung lũng tối tăm của sự chết, / tôi không sợ tai ương nào" (Tv 23:4).

Thánh Vịnh cho phép chúng ta không làm nghèo nàn lời cầu nguyện của mình bằng cách giảm lược nó chỉ còn là những lời cầu xin, thành một lời liên tục "cho con, cho chúng con...". Chúng ta hãy học từ Kinh Lạy Cha, trước khi cầu xin "lương thực hằng ngày", chúng ta nói

rằng: “Danh Cha cả sáng; Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện”. Thánh Vịnh giúp chúng ta mở lòng mình ra với một lời cầu nguyện ít tập trung vào bản thân hơn: một lời cầu nguyện ngợi khen, chúc tụng, tạ ơn; và chúng cũng giúp chúng ta lên tiếng cho toàn thể tạo vật, đưa tạo vật vào lời ngợi khen của chúng ta.

Anh chị em thân mến, xin Chúa Thánh Thần, Đấng đã ban cho Cô Dâu Giáo hội những lời cầu nguyện với Chú Rể thiêng liêng của mình, giúp chúng ta làm cho những lời đó vang vọng trong Giáo hội ngày hôm nay, và biến năm chuẩn bị cho Năm Thánh này thành một bản giao hưởng cầu nguyện thực sự. Cảm ơn anh chị em!

[1] Thư gửi Đức Tổng Giám mục Fisichella nhân dịp Năm Thánh 2025 (ngày 11 tháng 2 năm 2022).

[2] Xem Chú giải các Thánh vịnh I, 4, 7: CSEL 64,4-7.

[3] Giovanni Cassiano, Conlationes, X,11: SC 54, 92-93.

Chương Năm: Ngày Quốc tế Chống lạm dụng và buôn bán ma túy (ngày 26/06/2024)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phê-rô, Thứ tư, 26 tháng 6 năm 2024, nhân dịp ngày Quốc tế, Đức Phanxicô đã nói đến việc chống lạm dụng và buôn bán trái phép ma túy. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng! Tôi không thể nghe thấy anh chị em!

Hôm nay đánh dấu Ngày Quốc tế chống lạm dụng ma túy và buôn bán bất hợp pháp do Đại hội đồng Liên hợp quốc thành lập năm 1987. Chủ đề năm nay là *Bằng chứng đã rõ ràng: Đầu tư vào việc phòng ngừa*.

Thánh Gioan Phaolô II đã khẳng định: “Việc lạm dụng ma túy làm nghèo đi mọi cộng đồng nơi nó hiện hữu. Nó làm suy giảm sức mạnh con người và cơ cấu đạo đức. Nó làm xói mòn những giá trị quý giá. Nó phá hủy ý chí sống và đóng góp cho một xã hội tốt đẹp hơn.”[1] Điều này thúc đẩy việc lạm dụng ma túy và sử dụng ma túy. Tuy nhiên, đồng thời, chúng ta hãy nhớ rằng mỗi người nghiện “có một câu chuyện cá nhân độc đáo và phải được lắng nghe, thấu hiểu, yêu thương, và, trong chừng mực có thể, được chữa lành và thanh tẩy... Họ tiếp tục sở hữu, hơn bao giờ hết, một phẩm giá như là con Thiên Chúa.”[2] Mọi người đều có phẩm giá.

Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua những ý đồ và hành động xấu xa của những kẻ buôn bán ma túy. Họ là những kẻ giết người. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã dùng những lời lẽ nghiêm khắc trong chuyến viếng thăm một cộng đồng trị liệu. Đây là điều mà Đức Thánh Cha Bênêđictô đã nói: “Do đó, tôi kêu gọi những kẻ buôn bán ma túy hãy suy gẫm về tác hại nghiêm trọng mà chúng đang gây ra cho vô số người trẻ và người lớn thuộc mọi tầng lớp trong xã hội: Thiên Chúa sẽ yêu cầu các bạn giải trình về những việc làm của mình. Nhân phẩm không thể bị chà đạp theo cách này.”[3] Và ma túy chà đạp lên phẩm giá con người.

Việc giảm nghiện ma túy không thể đạt được bằng cách tự do hóa việc sử dụng ma túy - đây chỉ là một điều viển vông! – như đã được một số nước đề xuất hoặc đã được triển khai ở một số nước. Nó giống như thế này: bạn tự do hóa và ma túy thậm chí còn được tiêu thụ nhiều hơn. Biết rất nhiều câu chuyện bi thảm của những người nghiện ma túy và gia đình họ, tôi tin

chắc rằng việc chấm dứt việc sản xuất và buôn bán những chất nguy hiểm này là một nghĩa vụ đạo đức. Có bao nhiêu kẻ buôn bán cái chết - bởi vì những kẻ buôn bán ma túy là những kẻ buôn bán cái chết! – có bao nhiêu kẻ buôn bán cái chết, bị thúc đẩy bởi luận lý học quyền lực và tiền bạc bằng bất cứ giá nào! Và tai họa này, vốn tạo ra bạo lực, gieo rắc đau khổ và chết chóc, đòi hỏi một hành động can đảm từ toàn thể xã hội chúng ta.

Sản xuất và buôn bán ma túy cũng có tác động tàn phá đến ngôi nhà chung của chúng ta. Điều này ngày càng trở nên rõ ràng, chẳng hạn như ở lưu vực sông Amazon.

Một cách quan trọng khác để chống lại việc lạm dụng và buôn bán ma túy là thông qua phòng ngừa, được thực hiện bằng cách thúc đẩy công lý hơn, giáo dục giới trẻ về các giá trị xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng, đồng hành với những người gặp khó khăn và mang lại niềm hy vọng cho tương lai.

Trong cuộc hành trình của tôi đến các giáo phận và quốc gia khác nhau, tôi đã có thể đến thăm một số cộng đồng phục hồi được Tin Mừng truyền cảm hứng. Họ là những chứng nhân mạnh mẽ và đầy hy vọng cho sự dần thân của các linh mục, những người nam nữ thánh hiến và giáo dân trong việc thực hành dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu. Vì vậy, tôi cũng được an ủi trước những nỗ lực được thực hiện bởi các hội đồng giám mục khác nhau nhằm cổ vũ luật pháp và chính sách công bằng liên quan đến việc điều trị những người nghiện sử dụng ma túy và việc ngăn chặn tai họa này.

Để làm ví dụ, tôi đơn cử mạng lưới *La Pastoral Latinoamericana de Acompañamiento y Prevención de Adicciones* (PLAPA=Mục vụ Châu Mỹ Latinh Đồng hành và Ngăn chặn Các Chứng Nghiện). Điều lệ của mạng lưới này công nhận rằng “nghiện rượu, chất kích thích thần kinh và các hình thức nghiện khác (nội dung khiêu dâm, công nghệ mới, v.v.)... là một vấn đề ảnh hưởng đến chúng ta một cách bừa bãi, vượt ra ngoài các khác biệt địa lý, xã hội, văn hóa, tôn giáo và tuổi tác. Bất chấp những khác biệt... chúng tôi muốn tổ chức như một cộng đồng: để chia sẻ các kinh nghiệm, nhiệt huyết, khó khăn.”[4]

Tôi cũng xin nhắc đến các Giám mục Nam Phi, vào tháng 11 năm 2023 đã triệu tập một cuộc họp về “Trao quyền cho giới trẻ như những tác nhân của hòa bình và hy vọng”. Các đại diện thanh niên có mặt tại cuộc họp đã ghi nhận hội nghị đó là “một cột mốc quan trọng hướng tới THANH NIÊN khỏe mạnh và năng động trên toàn khu vực”. Họ cũng đã đưa ra một lời hứa. Lời hứa của họ như sau: “Chúng tôi chấp nhận vai trò là Đại sứ và Cổ vũ những người sẽ đấu tranh chống lại việc sử dụng chất gây nghiện. Chúng tôi nài xin tất cả các bạn trẻ hãy luôn tương cảm với nhau trong mọi lúc.”[5]

Anh chị em thân mến, khi phải đối mặt với bi kịch – thật bi thảm phải không? – tình trạng bi thảm của nạn nghiện ma túy của hàng triệu người trên thế giới, trước vụ tai tiếng sản xuất và buôn bán trái phép các loại ma túy đó, “chúng ta không thể thờ ơ. Chúa Giêsu dừng lại, đến gần, chữa lành vết thương. Theo phong cách gần gũi của Người, chúng ta cũng được mời gọi hành động, dừng lại trước những tình huống mong manh và đau đớn, biết lắng nghe tiếng kêu cô đơn và thống khổ, cúi xuống để nâng đỡ và làm sống lại những ai rơi vào chế độ nô lệ ma túy đó.”[6] Và chúng ta cũng cầu nguyện cho những tội phạm chỉ xài và đưa ma túy cho giới trẻ: họ là tội phạm, họ là những kẻ giết người. Chúng ta hãy cầu nguyện cho sự hoán cải của họ.

Trong Ngày Ma túy Thế giới này, với tư cách là các Kitô hữu và cộng đồng giáo hội, chúng ta hãy cầu nguyện cho ý hướng này và đổi mới cam kết cầu nguyện cũng như nỗ lực chống

lại ma túy. Cảm ơn anh chị em!

[1] *Thông điệp gửi các đại diện của Hội nghị quốc tế về “Lạm dụng ma túy và buôn bán bất hợp pháp”* (4 tháng 6 năm 1987).

[2] Diễn văn với những người tham gia cuộc họp do Giáo hoàng Hàn lâm viện Khoa học tài trợ về “Ma túy: Các vấn đề và giải pháp cho vấn đề hoàn cầu này (24 tháng 11 năm 2016).

[3] *Diễn văn với cộng đồng sống ở “Fazenda da Esperança”*, Brazil, ngày 12 tháng 5 năm 2007.

[4] <https://adn.celam.org/wp-content/uploads/2023/09/Carta-a-la-Iglesia-de-ALC-PLAPA-14sept2023-CL.pdf>

[5] <https://imbisa.africa/2023/11/21/statement-following-the-imbisa-youth-meeting/>

[6] *Thông điệp gửi tới những người tham gia Đại hội quốc tế các nhà độc chất pháp y lần thứ 60* (26 tháng 8 năm 2023).

Chương Sáu: Nhập thể bởi công trình của Chúa Thánh Thần, từ Đức Trinh Nữ Maria. Làm thế nào để thụ thai và sinh hạ Chúa Giêsu (ngày 07/08/2024)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung tại Hội trường Yết kiến Phaolô VI, Thứ tư, 7 tháng 10 năm 2024, Đức Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý về Chúa Thánh Thần.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Với bài giáo lý hôm nay, chúng ta bước vào giai đoạn thứ hai của lịch sử cứu độ. Sau khi chiêm ngưỡng Chúa Thánh Thần trong công trình Sáng tạo, chúng ta sẽ chiêm ngưỡng Người trong vài tuần trong công trình Cứu chuộc, cụ thể là của Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy, chúng ta hãy chuyển sang Tân Ước và xem Chúa Thánh Thần trong Tân Ước.

Chủ đề hôm nay là Chúa Thánh Thần trong Sự Nhập thể của Ngôi Lời. Trong Tin Mừng Luca, chúng ta đọc: “*Chúa Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà*” – với Đức Maria – “*và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ bà*” (1:35). Thánh sử Má-thêu xác nhận sự thật cơ bản này liên quan đến Đức Maria và Chúa Thánh Thần, khi nói rằng Đức Maria “*được phát hiện đang mang thai bởi Chúa Thánh Thần*” (1:18).

Giáo hội đã tiếp nhận sự thật được mặc khải này và rất nhanh chóng đưa nó vào trọng tâm của Kinh Tin Kính của mình. Trong Công đồng Chung Constantinople, năm 381 – định nghĩa về thiên tính của Chúa Thánh Thần – điều khoản này đi vào công thức của “*Kinh Tin Kính*”. Do đó, đây là một sự thật đức tin *đại kết*, bởi vì tất cả các Kitô hữu đều cùng nhau tuyên xưng Kinh Tin Kính đó. Lòng đạo đức Công Giáo, từ thời xa xưa, đã rút ra từ đó một trong những lời cầu nguyện hàng ngày của mình, Kinh Truyền Tin.

Điều khoản đức tin này là nền tảng cho phép chúng ta nói về Đức Maria như là *Cô dâu* tinh túy, là *hình ảnh của Giáo hội*. Thật vậy, Chúa Giêsu, như Thánh Lêô Cả đã viết, “*cũng như*

Người được sinh ra bởi Chúa Thánh Thần từ một người mẹ đồng trinh, thì Người cũng làm cho Giáo hội, Hiền thê vô tì tích của Người, sinh hoa trái với hơi thở ban sự sống của cùng một Chúa Thánh Thần”. [1] Tính song hành này được nêu trong Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, trong đó có đoạn: “Nhờ đức tin và sự vâng phục của mình, [Đức Maria] đã sinh hạ trên trái đất chính Người Con của Chúa Cha, thể hiện một đức tin không tì vết, không phải vào lời của con rắn xưa, mà là vào lời của sứ giả Thiên Chúa... Thật vậy, khi chiêm ngưỡng sự thánh thiện ẩn giấu của mình, noi theo đức ái của mình và trung thành thực hiện ý muốn của Chúa Cha, bằng cách đón nhận Ngôi Lời trong đức tin, Giáo hội trở thành một người mẹ. Nhờ lời rao giảng của mình, Giáo hội sinh ra những người con được sinh ra cho mình trong phép rửa, được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần và được sinh ra bởi Thiên Chúa” (số 63-64).

Chúng ta hãy kết thúc bằng một suy tư thực tế cho cuộc sống của chúng ta, được gợi ý bởi sự nhấn mạnh của Kinh thánh về các động từ “thụ thai” và “mang thai”. Trong lời tiên tri của Isaia, chúng ta nghe: “*Này đây, một thiếu nữ sẽ thụ thai và sinh một con trai*” (7:14), và Thiên thần nói với Đức Maria, “*Và này, bà sẽ thụ thai trong lòng và sinh một con trai*” (Lc 1:31). Đức Maria trước tiên đã thụ thai, sau đó sinh ra Chúa Giêsu: trước tiên Người đã đón nhận Người vào trong chính mình, trong trái tim và xác thịt của mình, sau đó Người đã sinh ra Người.

Điều này xảy ra với Giáo hội: trước tiên, Giáo Hội chào đón Lời Chúa, để Lời Chúa “*nói dịu dàng với Người*” (x. Hôsê 2:14), và “*làm đầy bụng [Người]*” (x. Edk 3:3), theo hai cách diễn đạt trong Kinh thánh, và sau đó Giáo Hội sinh ra Lời Chúa bằng cuộc sống và lời rao giảng của mình. Hoạt động thứ hai sẽ vô ích nếu không có hoạt động thứ nhất.

Giáo hội cũng vậy, khi phải đối mặt với những nhiệm vụ vượt quá sức lực của mình, tự nhiên đặt ra cùng một câu hỏi: “*Điều này có thể xảy ra như thế nào?*”. Làm sao có thể công bố Chúa Giêsu Kitô và ơn cứu độ của Người cho một thế giới dường như chỉ tìm kiếm hạnh phúc? Câu trả lời cũng giống như lúc đó: “*Các con sẽ nhận được sức mạnh khi Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các con*” (Công vụ 1:8). Nếu không có Chúa Thánh Thần, Giáo hội không thể tiến lên, Giáo hội không phát triển, Giáo hội không thể rao giảng.

Những gì được nói về Giáo hội nói chung cũng áp dụng cho chúng ta, cho mọi người đã chịu phép rửa. Tất cả chúng ta đôi khi thấy mình, trong cuộc sống, trong những tình huống vượt quá sức mình và tự hỏi: “*Làm sao tôi có thể đối phó với tình huống này?*”. Trong những trường hợp như vậy, việc lặp lại với chính mình những gì thiên thần đã nói với Đức Trinh Nữ: “*Với Thiên Chúa, không có gì là không thể*” (Lc 1:37) sẽ giúp ích.

Anh chị em thân mến, chúng ta cũng vậy, mỗi lần, hãy tiếp tục cuộc hành trình của mình với sự chắc chắn an ủi này trong lòng: “*Với Thiên Chúa, không có gì là không thể*”. Và nếu chúng ta tin điều này, chúng ta sẽ làm nên phép lạ. Với Thiên Chúa, không có gì là không thể. Cảm ơn anh chị em.

[1] Bài giảng thứ 12 về Cuộc Khổ nạn, 3, 6: PL 54, 356.

Tôi tiếp tục theo dõi tình hình ở Trung Đông với sự quan tâm lớn, và tôi nhắc lại lời kêu gọi của mình tới tất cả các bên liên quan rằng cuộc xung đột không lan rộng, và có thể có lệnh ngừng bắn ngay lập tức trên mọi mặt trận, bắt đầu từ Gaza, nơi tình hình nhân đạo rất nghiêm trọng và không thể duy trì. Tôi cầu nguyện để việc tìm kiếm hòa bình chân thành sẽ dập tắt xung đột, tình yêu sẽ vượt qua hận thù và trả thù sẽ được giải trừ bằng sự tha thứ.

Tôi yêu cầu anh chị em tham gia vào lời cầu nguyện của tôi cho Ukraine, Myanmar, Sudan đang bị giày vò: cầu mong những người dân bị chiến tranh tàn phá này sớm tìm thấy hòa bình mà họ khao khát.

Chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực và cầu nguyện để xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc ở các khu vực của Pakistan và Afghanistan, đặc biệt là sự phân biệt đối xử với phụ nữ.

Chương Bảy: Thánh Thần của Chúa ngự trên tôi. Chúa Thánh Thần trong Phép Rửa của Chúa Giêsu (ngày 21/08/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ suy gẫm về Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Chúa Giêsu trong phép rửa ở sông Gióc-đăng, và lan tỏa từ Người vào thân thể Người, tức là Giáo hội. Trong Tin Mừng Mác-cô, cảnh Chúa Giêsu chịu phép rửa được mô tả như sau: “Vào những ngày ấy, Chúa Giêsu từ Nadarét miền Galilê lên và được Gioan làm phép rửa dưới sông Gióc-đăng. Khi Người lên khỏi nước, Người thấy trời mở ra và Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Người như chim bồ câu; và có tiếng từ trời phán rằng: ‘Con là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Con’” (Mc 1:9-11). Đây là Tin Mừng Mác-cô.

Toàn thể Ba Ngôi đã gặp nhau vào khoảnh khắc đó, trên bờ sông Gióc-đăng! Có Chúa Cha, Đấng hiện diện với tiếng nói của Người; có Chúa Thánh Thần, Đấng ngự xuống trên Chúa Giêsu dưới hình dạng chim bồ câu, và có Đấng mà Chúa Cha tuyên bố là Con yêu dấu của Người, Chúa Giêsu. Đây là một khoảnh khắc rất quan trọng của Mạc Khải, là một khoảnh khắc quan trọng của lịch sử cứu độ. Sẽ rất tốt cho chúng ta khi đọc lại đoạn Tin Mừng này.

Điều gì đã xảy ra mà lại quan trọng đến vậy trong phép rửa của Chúa Giêsu khiến tất cả các Thánh sử đều kể lại? Chúng ta tìm thấy câu trả lời trong những lời Chúa Giêsu thốt ra, ngay sau đó, trong hội đường Nadarét, rõ ràng ám chỉ đến sự kiện ở sông Gióc-đăng: “*Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Người đã xức dầu cho tôi*” (Lc 4:18).

Ở sông Gióc-đăng, Chúa Cha “đã xức dầu bằng Chúa Thánh Thần”; nghĩa là, Người đã thánh hiến Chúa Giêsu làm Vua, Tiên tri và Linh mục. Thật vậy, trong Cựu Ước, các vua, tiên tri và linh mục được xức dầu thơm. Trong trường hợp của Chúa Kitô, thay vì dầu vật chất, có dầu thiêng liêng là Chúa Thánh Thần; thay vì biểu tượng thì có thực tại: có chính Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu được đầy đầy Chúa Thánh Thần ngay từ khoảnh khắc đầu tiên nhập thể. Tuy nhiên, đây là một “ân sủng bản thân”, không thể truyền đạt; giờ đây, thay vào đó, với sự xức dầu này, Người nhận được sự trọn vẹn của ân ban Chúa Thánh Thần, nhưng vì sứ mệnh của Người, với tư cách là đầu, Người sẽ truyền đạt cho thân thể Người, tức là Giáo hội, và cho mỗi người chúng ta. Đây là lý do tại sao Giáo hội là “dân vương giả, dân tiên tri và dân tu tế” mới. Thuật ngữ tiếng Do Thái “Mê-xi-a” và từ ngữ tiếng Hy Lạp tương ứng “Christ” -

Christós, cả hai đều ám chỉ Chúa Giê-su, có nghĩa là “Đấng được xúc dầu”. Người được xúc dầu bằng dầu vui mừng, được xúc dầu bằng Chúa Thánh Thần. Chính danh xưng “Kitô hữu” của chúng ta đã được các Giáo phụ giải thích theo nghĩa đen: “Kitô hữu” có nghĩa là “được xúc dầu noi gương Chúa Kitô”. [1] Kitô hữu, được xúc dầu noi gương Chúa Kitô.

Có một Thánh vịnh trong Kinh Thánh nói về một loại dầu thơm, được đổ lên đầu vị thượng tế Aaron, và chảy xuống gấu áo choàng của ông (xem Tv 133:2). Hình ảnh thơ mộng về loại dầu đang chảy xuống này, được sử dụng để mô tả hạnh phúc khi sống chung với nhau như những người anh em, đã trở thành một thực tại tâm linh và một thực tại huyền bí trong Chúa Kitô và trong Giáo hội. Chúa Kitô là đầu, là Thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, Chúa Thánh Thần là loại dầu thơm, và Giáo hội là thân thể của Chúa Kitô mà nó lan tỏa.

Chúng ta đã thấy lý do tại sao Chúa Thánh Thần, trong Kinh Thánh, được tượng trưng bằng gió và thực sự lấy tên của nó, *Ruah*, từ đó. Chúng ta cũng nên tự hỏi tại sao nó được tượng trưng bằng dầu và chúng ta có thể rút ra bài học thực tế nào từ biểu tượng này. Trong Thánh lễ Thứ Năm Tuần Thánh, khi thánh hiến dầu được gọi là “Chrism”, giám mục, ám chỉ những người sẽ nhận được xúc dầu trong Bí tích Rửa tội và Thêm sức, nói rằng: “Xin cho những người được hình thành nên đền thờ của uy quyền của Chúa nhờ sự thánh thiện được truyền qua việc xúc dầu này và nhờ việc tẩy sạch vết nhơ của lần sinh đầu tiên của họ được trở nên thơm tho với sự trong trắng của một cuộc sống đẹp lòng Chúa”. Đây là một cách sử dụng có từ thời Thánh Phaolô, người đã viết cho người Côrintô: “Vì chúng ta là hương thơm của Chúa Kitô dâng lên Thiên Chúa” (2 Cr 2:15). Xúc dầu làm thơm chúng ta, và một người sống sự xúc dầu của mình với niềm vui làm cho Giáo hội thơm tho, làm cho cộng đồng thơm tho, làm cho gia đình thơm tho với hương thơm tâm linh này.

Thật không may, chúng ta biết rằng đôi khi các Ki-tô hữu không lan tỏa hương thơm của Chúa Kitô, mà là mùi hôi thối của tội lỗi của chính họ. Và chúng ta đừng bao giờ quên: tội lỗi khiến chúng ta xa cách Chúa Giê-su, tội lỗi khiến chúng ta trở thành dầu xấu. Và ma quỷ - chúng ta đừng quên điều này - ma quỷ thường xâm nhập qua túi. Hãy cẩn thận, hãy cẩn thận. Tuy nhiên, điều này không được làm chúng ta sao nhãng khỏi cam kết thực hiện, trong khả năng của chúng ta và mỗi người trong môi trường của mình, ơn gọi cao cả này là trở thành hương thơm của Chúa Kitô trên thế giới. Hương thơm của Chúa Kitô tỏa ra từ “hoa trái của Chúa Thánh Thần”, đó là “tình yêu, niềm vui, sự bình an, sự kiên nhẫn, lòng nhân từ, lòng tốt, lòng trung thành, sự dịu dàng, sự tự chủ” (Gl 5:22). Thánh Phao-lô đã nói điều này, và thật tốt biết bao khi tìm thấy một người có những đức tính này: yêu thương, một người yêu thương, một người vui vẻ, một người tạo ra hòa bình, một người rộng lượng, không hẹp hòi, rộng lượng, một người nhân từ chào đón mọi người, một người tốt, một người trung thành, một người hiền lành, không kiêu ngạo, nhưng hiền lành... Và ai đó sẽ cảm thấy một chút hương thơm của Thánh Thần Chúa Kitô xung quanh chúng ta, khi chúng ta tìm thấy những người này. Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần giúp chúng ta nhận thức rõ hơn rằng chúng ta được xúc dầu, được Người xúc dầu. Cảm ơn anh chị em.

[1] X. Thánh Cyril thành Jerusalem, *Giáo lý Khai nhiệm*, III,1.

Chương Tám: Biển và sa mạc. (ngày 28/08/2024)

Theo tin Tòa Thánh, trong buổi yết kiến chung tại Quảng Trường Nhà Thờ Thánh Phê-rô ngày 28 tháng tám năm 2024, Đức Phanxicô đã tạm hoãn loạt bài Giáo Lý thường lệ của ngài về Chúa Thánh Thần, để nói về thảm họa di dân qua đường biển và sa mạc. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay, tôi sẽ hoãn bài giáo lý thường lệ và tôi muốn dừng lại cùng anh chị em để suy nghĩ về những người - ngay cả tại thời điểm này - đang vượt biển và sa mạc để đến một vùng đất nơi họ có thể sống trong hòa bình và an toàn.

Biển và sa mạc: hai hạn từ này xuất hiện trong nhiều chứng ngôn mà tôi nhận được, cả từ phía những người di cư và những người tham gia giúp đỡ họ. Và khi tôi nói "biển", trong bối cảnh di cư, tôi cũng muốn nói đến đại dương, hồ, sông, tất cả các vùng nước nguy hiểm mà rất nhiều anh chị em trên khắp thế giới buộc phải vượt qua để đến đích. Và "sa mạc" không chỉ là cát và cồn cát, hoặc đá, mà còn là những vùng đất không thể tiếp cận và nguy hiểm, chẳng hạn như rừng, rừng rậm, thảo nguyên nơi những người di cư đi một mình, bị bỏ mặc. Người di cư, biển và sa mạc. Các tuyến đường di cư ngày nay thường được đánh dấu bằng việc vượt biển và sa mạc, đối với nhiều người, quá nhiều người - quá nhiều! - là những con đường chết chóc. Do đó, hôm nay tôi muốn nói về bi kịch này, nỗi đau này. Một số tuyến đường này chúng ta biết rõ, vì chúng thường được chú ý; những tuyến đường khác, phần lớn, ít được biết đến, nhưng được sử dụng không kém.

Tôi đã nói về Địa Trung Hải nhiều lần, vì tôi là Giám mục của Rome và vì nó mang tính biểu tượng: *mare nostrum* [biển của chúng ta], nơi giao tiếp giữa các dân tộc và nền văn minh, nó - *mare nostrum* - đã trở thành một nghĩa trang. Và bi kịch là nhiều, phần lớn những cái chết này, đáng lẽ đã có thể được ngăn chặn.

Cần phải nói một cách rõ ràng: có những người làm việc có hệ thống và bằng mọi cách có thể để đẩy lùi người di cư - để đẩy lùi người di cư. Và điều này, khi thực hiện với sự nhận thức và trách nhiệm, là một tội lỗi nghiêm trọng. Chúng ta đừng quên những gì Kinh thánh nói với chúng ta: "Người không được đối xử tệ bạc với người lạ hoặc áp bức họ" (*Xuất hành* 22:21). Trẻ mồ côi, góa phụ và người lạ là những người nghèo khổ thực sự mà Chúa luôn bảo vệ và yêu cầu được bảo vệ.

Thật không may, một số sa mạc cũng đang trở thành nghĩa trang của những người di cư. Và ngay cả ở đây, không phải lúc nào cũng là vấn đề về cái chết "tự nhiên". Không. Đôi khi, họ đã bị đưa đến sa mạc và bị bỏ rơi. Chúng ta đều biết bức ảnh chụp người vợ và con gái của Pato, những người đã chết vì đói và khát trong sa mạc. Vào thời đại vệ tinh và máy bay không người lái, có những người đàn ông, đàn bà và trẻ em di cư mà không ai được phép nhìn thấy: họ bị giấu kín. Chỉ có Thiên Chúa mới nhìn thấy và nghe thấy tiếng kêu của họ. Và đây là sự tàn ác của nền văn minh của chúng ta.

Thật vậy, biển và sa mạc cũng là những địa điểm trong Kinh thánh, mang nhiều giá trị biểu tượng. Chúng là những cảnh rất quan trọng trong lịch sử di cư, cuộc di cư vĩ đại của những người được Chúa dẫn dắt thông qua Môsê từ Ai Cập đến Đất Hứa. Những nơi này chứng kiến bi kịch của những người chạy trốn khỏi sự áp bức và chế độ nô lệ. Chúng là những nơi đau

khổ, sợ hãi và tuyệt vọng, nhưng đồng thời chúng cũng là những nơi đi qua để giải thoát – và có bao nhiêu người vượt biển và sa mạc để tự giải thoát, ngày nay – chúng là những nơi đi qua để cứu chuộc, để đạt được tự do và hoàn thành lời hứa của Thiên Chúa (xem *Sứ điệp Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn* 2024).

Có một Thánh vịnh nói với Chúa: “Đường lối Chúa trải dài qua biển cả / Đường lối Chúa băng qua những vùng nước mênh mông” (77:19). Và một Thánh vịnh khác nói rằng Người “dẫn dân Người qua sa mạc / Vì tình thương của Người tồn tại đến muôn đời” (136:16). Những lời này, những lời chúc phúc cho chúng ta biết rằng, để đồng hành cùng dân tộc trên hành trình đến với tự do, chính Thiên Chúa đã vượt biển và sa mạc; Thiên Chúa không đứng ở xa, không; Người chia sẻ bi kịch của những người di cư, Thiên Chúa ở đó với họ, với những người di cư, Người đau khổ với họ, với những người di cư, Người khóc lóc và hy vọng với họ, với những người di cư. Hôm nay, điều đó sẽ tốt cho chúng ta: Chúa ở cùng những người di cư của chúng ta trong biển cả mênh mông, Chúa ở cùng họ, chứ không phải những kẻ xua đuổi họ.

Anh chị em thân mến, tất cả chúng ta đều có thể đồng ý về một điều: những người di cư không nên ở những vùng biển đỏ và những sa mạc chết chóc đó. Nhưng chúng ta sẽ đạt được kết quả này không phải thông qua các luật lệ hạn chế hơn, không phải thông qua việc quân sự hóa biên giới, không phải thông qua việc từ chối. Thay vào đó, chúng ta sẽ đạt được nó bằng cách mở rộng các tuyến đường tiếp cận an toàn và hợp pháp cho những người di cư, cung cấp nơi trú ẩn cho những người thoát khỏi chiến tranh, bạo lực, đàn áp và nhiều thảm họa khác; chúng ta sẽ đạt được nó bằng cách thúc đẩy bằng mọi cách một nền quản trị di cư hoàn cầu dựa trên công lý, tình anh em và tình liên đới. Và bằng cách hợp tác để chống lại nạn buôn người, để ngăn chặn những kẻ buôn người tội phạm khai thác sự đau khổ của người khác một cách tàn nhẫn.

Tôi muốn kết thúc bằng cách ghi nhận và ca ngợi sự cam kết của nhiều người Samaritanô nhân hậu đã làm hết sức mình để giải cứu và cứu những người di cư bị thương và bị bỏ rơi trên các tuyến đường hy vọng một cách tuyệt vọng, trên năm châu lục. Những người đàn ông và đàn bà can đảm này là dấu hiệu của một nhân loại không cho phép mình bị ô nhiễm bởi nền văn hóa độc hại của sự thờ ơ và chối bỏ – chính sự thờ ơ và thái độ chối bỏ đó của chúng ta giết chết những người di cư. Và những người không thể ở lại với họ “trên tuyến đầu” – Tôi nghĩ đến nhiều người tốt đang ở tuyến đầu, với *Mediterranea Saving Humans* [Địa Trung Hải cứu Người] và rất nhiều hiệp hội khác – do đó không bị loại khỏi cuộc chiến vì nền văn minh này. Chúng ta không thể ở tuyến đầu nhưng chúng ta không bị loại trừ; có nhiều cách để đóng góp, trước hết và quan trọng nhất là cầu nguyện. Và tôi hỏi anh chị em: anh chị em có cầu nguyện cho những người di cư, cho những người đến vùng đất của chúng ta để cứu mạng họ không? Và sau đó họ muốn đuổi họ đi...

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cùng chung tay và sức mạnh, để biển cả và sa mạc không phải là nghĩa trang, mà là không gian nơi Thiên Chúa có thể mở ra những con đường đến với tự do và tình anh em.

Chương Chín: Chuyến tông du đến Indonesia, Papua New Guinea, Timor-Leste và Singapore (ngày 18/09/2024)

Theo tin Tòa Thánh, nhân buổi yết kiến chung ngày 18 tháng 9 tại quảng trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói về chuyến tông du Á Châu và Châu Đại Dương vừa qua của ngài. Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ngài, dựa vào bản tiếng Anh do Tòa Thánh cung cấp.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay tôi muốn bắt đầu bằng một số tin tốt lành: Tôi muốn giới thiệu với anh chị em hai người có ý định tự tử: hai người này sẽ kết hôn vào thứ Bảy tuần tới! Một tràng pháo tay cho họ!

Thật tuyệt vời khi thấy tình yêu dẫn chúng ta đến với một gia đình mới: đây là lý do tại sao tôi muốn giới thiệu hai người này với anh chị em, để tạ ơn Chúa.

Và hôm nay tôi sẽ nói về Chuyến tông du mà tôi đã thực hiện ở Châu Á và Châu Đại Dương: nó được gọi là Chuyến tông du vì nó không phải là một chuyến đi du lịch, mà là một chuyến đi mang Lời Chúa, để làm cho Chúa được biết đến, và cũng để tìm hiểu tâm hồn của các dân tộc. Và điều này rất tốt.

Năm 1970, Đức Phaolô VI là vị Giáo hoàng đầu tiên bay về phía mặt trời mọc, với các chuyến thăm dài đến Philippines và Úc, nhưng cũng dừng chân ở nhiều quốc gia Châu Á và Quần đảo Samoa. Và đó là một hành trình đáng nhớ, phải không? Bởi vì người đầu tiên rời Vatican là Thánh Gioan XXIII, người đã đi tàu hỏa đến Assisi; sau đó, Thánh Phaolô VI đã làm như vậy: một hành trình đáng nhớ! Trong hành trình này, tôi cũng cố gắng noi gương ngài nhưng vì lớn hơn ngài vài tuổi nên tôi chỉ giới hạn ở bốn quốc gia: Indonesia, Papua New Guinea, Timor-Leste và Singapore. Tôi cảm tạ Chúa đã cho phép tôi làm với tư cách là một Giáo hoàng cao tuổi những gì tôi muốn làm khi còn là một tu sĩ Dòng Tên trẻ tuổi, vì tôi muốn đến đó với tư cách là một nhà truyền giáo!

Một suy gẫm đầu tiên đến một cách tự nhiên sau hành trình này là khi nghĩ về Giáo hội, chúng ta vẫn còn quá qui Âu châu, hay như họ nói, "phương Tây". Nhưng trên thực tế, *Giáo hội lớn hơn nhiều*, lớn hơn nhiều so với Rome và Châu Âu, lớn hơn nhiều! Và cũng có thể nói như vậy, *sống động hơn nhiều*, ở những quốc gia đó. Tôi đã trải nghiệm điều này theo một cách đầy phần khích khi gặp gỡ những cộng đồng đó, lắng nghe lời chứng của các linh mục, nữ tu, giáo dân và đặc biệt là các giáo lý viên - các giáo lý viên là những người thúc đẩy công cuộc truyền giáo. Các giáo hội không cải đạo, nhưng phát triển "bằng sự hấp dẫn", như đức Bê-nê-đíc-tô XVI đã từng nói một cách khôn ngoan.

Ở *Indonesia*, khoảng mười phần trăm dân số là Kitô hữu và ba phần trăm là Công Giáo - một nhóm thiểu số. Nhưng những gì tôi gặp là một Giáo hội sống động, năng động, có khả năng sống và truyền bá Tin Mừng ở một quốc gia có nền văn hóa rất cao quý, có xu hướng hòa hợp sự đa dạng và đồng thời có sự hiện diện lớn nhất của người Hồi giáo trên thế giới. Trong bối cảnh đó, tôi đã nhận được sự xác nhận rằng *lòng cảm thương* là con đường mà các Kitô hữu có thể và phải bước đi để làm chứng cho Chúa Kitô Cứu Thế, đồng thời gặp gỡ các truyền thống tôn giáo và văn hóa lớn. Về chủ đề lòng cảm thương, chúng ta đừng quên ba đặc điểm của Chúa: sự gần gũi, lòng thương xót và lòng cảm thương. Thiên Chúa gần gũi, Thiên Chúa thương xót và Thiên Chúa cảm thương. Nếu một Kitô hữu không có lòng cảm thương, anh ta vô dụng. "Đức tin, tình huynh đệ, lòng cảm thương" là phương châm của chuyến viếng thăm Indonesia: trên cơ sở những lời này, Tin Mừng đi vào cuộc sống của mọi người một cách cụ thể mỗi ngày, chào đón họ và ban cho họ ân sủng của Chúa Giêsu đã chết và sống lại. Những lời này giống như một cây cầu, giống như đường hầm nối Nhà thờ lớn Jakarta với Nhà thờ Hồi giáo lớn nhất Châu Á. Ở đó, tôi thấy rằng tình huynh đệ là tương lai, là câu trả lời cho chủ nghĩa phân văn minh, cho những âm mưu độc ác của hận thù và chiến tranh - cũng như chủ nghĩa giáo phái. Có tình anh em, tình huynh đệ.

Tôi đã khám phá lại vẻ đẹp của một Giáo hội truyền giáo hướng ngoại ở Papua New Guinea, một quần đảo trải dài về phía Thái Bình Dương bao la. Ở đó, các nhóm dân tộc đa dạng nói hơn tám trăm ngôn ngữ – tám trăm ngôn ngữ được nói ở đó – một môi trường lý tưởng cho Chúa Thánh Thần, người thích làm cho thông điệp tình yêu vang vọng trong bản giao hưởng của các ngôn ngữ. Điều Chúa Thánh Thần tạo ra không phải là sự đồng nhất, mà là bản giao hưởng, sự hòa hợp; Người là đấng bảo trợ, Người là bậc thầy của sự hòa hợp. Ở đó, theo một cách đặc biệt, những người đóng vai chính đã và vẫn là các nhà truyền giáo và giáo lý viên. Tôi rất vui khi có thể ở lại một thời gian với các nhà truyền giáo và giáo lý viên ngày nay; và tôi đã xúc động khi lắng nghe những bài hát và âm nhạc của những người trẻ: trong đó, tôi thấy một tương lai mới, không có bạo lực bộ lạc, không có sự phụ thuộc, không có chủ nghĩa thực dân ý thức hệ và kinh tế; một tương lai của tình anh em và sự chăm sóc cho môi trường thiên nhiên kỳ diệu. Papua New Guinea có thể là một “phòng thí nghiệm” cho mô hình phát triển toàn diện này, được truyền cảm hứng từ “men” của Tin Mừng. Bởi vì không có nhân loại mới nếu không có những người đàn ông và đàn bà mới, và chỉ có Chúa mới tạo ra những điều này. Và tôi cũng muốn đề cập đến chuyến thăm Vanimo, nơi các nhà truyền giáo ở giữa rừng và biển. Họ vào rừng để tìm kiếm những bộ lạc ẩn dật nhất, ở đó... đó là một kỳ niệm đẹp.

Sức mạnh của thông điệp Kitô giáo về sự thăng tiến con người và xã hội đặc biệt rõ ràng trong lịch sử của Timor-Leste. Ở đó, Giáo hội đã chia sẻ tiến trình giành độc lập với toàn thể người dân, luôn hướng dẫn nó hướng tới hòa bình và hòa giải. Không phải là vấn đề ý thức hệ hóa đức tin, không; đức tin trở thành văn hóa và đồng thời soi sáng đức tin, thanh lọc đức tin, nâng cao đức tin. Đây là lý do tại sao tôi tái khởi động mối quan hệ hiệu quả giữa đức tin và văn hóa, mà Thánh Gioan Phaolô II đã chỉ ra trong chuyến thăm của mình. Đức tin phải được hội nhập văn hóa và các nền văn hóa phải được truyền bá gìn giữ. Đức tin và văn hóa. Nhưng trên hết, tôi có ấn tượng bởi vẻ đẹp của con người: một dân tộc đã chịu đựng nhiều nhưng vẫn vui tươi, một dân tộc khôn ngoan trong đau khổ. Một dân tộc không chỉ sinh nhiều con - có cả một biển trẻ con, rất nhiều, phải không? - mà còn dạy chúng cách mỉm cười. Tôi sẽ không bao giờ quên nụ cười của những đứa trẻ ở vùng đất đó, ở khu vực đó. Những đứa trẻ ở đó luôn mỉm cười, và có rất nhiều trẻ em. Đức tin đó dạy chúng cách mỉm cười, và đây là sự đảm bảo cho tương lai. Tóm lại, ở Timor-Leste, tôi đã thấy sự trẻ trung của Giáo hội: các gia đình, trẻ em, người trẻ, nhiều chủng sinh và những người khao khát đời sống thánh hiến. Tôi muốn nói, không ngoa chút nào, rằng tôi đã hít thở "không khí mùa xuân" ở đó!

Điểm dừng chân cuối cùng trong chuyến đi này là *Singapore*. Một đất nước rất khác so với ba đất nước kia: một thị quốc, siêu hiện đại, một trung tâm kinh tế và tài chính của Châu Á và hơn thế nữa. Ở đó, các Ki-tô hữu là thiểu số, nhưng họ vẫn tạo nên một Giáo hội sống động, tham gia vào việc thúc đẩy sự hòa hợp và tình anh em giữa các dân tộc, nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Ngay cả ở Singapore giàu có cũng có những "người nhỏ bé", những người theo Tin Mừng và trở thành muối và ánh sáng, những người làm chứng cho một hy vọng lớn hơn những gì lợi nhuận kinh tế có thể đảm bảo.

Tôi muốn cảm ơn những người dân đã lắng nghe tôi với sự nồng nhiệt, với tình yêu thương như vậy, và cảm ơn các thống đốc của họ đã giúp đỡ rất nhiều cho chuyến thăm này, để chuyến thăm có thể được tiến hành một cách có trật tự, không có vấn đề gì. Tôi cảm ơn tất cả những người cũng đã hợp tác trong chuyến đi này, và tôi cảm ơn Chúa vì hồng phúc chuyến đi này! Và tôi xin nhắc lại lòng biết ơn của tôi đối với tất cả mọi người, đối với tất cả họ. Xin Chúa ban phước cho những người dân mà tôi đã gặp và hướng dẫn họ trên con đường đến với hòa bình và tình anh em! Xin chào tất cả mọi người!

**Chương Mười: Chúa Giêsu được Chúa Thánh Thần dẫn vào hoang địa.
Chúa Thánh Thần,
đồng minh của chúng ta trong cuộc chiến chống lại thần dữ**
(ngày 25/09/2024)

Theo tin Tòa Thánh, trong buổi yết kiến chung tại Quảng Trường Nhà Thờ Thánh Phê-rô ngày 25 tháng chín năm 2024, Đức Phanxicô đã tiếp tục loạt bài Giáo Lý thường lệ của Người về Chúa Thánh Thần và Hiền thê.

Anh chị em thân mến, chào chào anh chị em buổi sáng!

Ngay sau khi chịu phép rửa tại sông Gióc-đan, Chúa Giêsu “*được Chúa Thánh Thần dẫn vào hoang địa để chịu ma quỷ cám dỗ*” (Mt4:1) – đây là những gì Tin mừng Mát-thêu nói. Sáng kiến này không phải của Satan, mà là của Thiên Chúa. Khi vào hoang địa, Chúa Giêsu vâng theo sự soi sáng của Chúa Thánh Thần; Người không rơi vào cạm bẫy của kẻ thù, không, không! Sau khi chịu đựng được thử thách, có lời chép rằng Người trở về Galilê “trong quyền năng của Chúa Thánh Thần” (Lc 4:14).

Trong hoang địa, Chúa Giê-su đã tự giải thoát Người khỏi Satan, và giờ đây Người có thể giải thoát (chúng ta) khỏi Satan. Người đã giải thoát mình, Người sẽ giải thoát chúng ta khỏi Satan. Đó là điều mà các Tin mừng gia nhấn mạnh với nhiều nghiên cứu về sự giải thoát khỏi bị trăn hữu. Chúa Giê-su nói với những người chống đối Người: “Nếu nhờ Chúa Thánh Thần của Thiên Chúa mà Ta trừ quỷ, thì vương quốc Thiên Chúa đã đến với các ngươi” (Mt 12:28). Và Chúa Giê-su đã xua đuổi quỷ, với khát vọng về vương quốc của Thiên Chúa.

Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng kỳ lạ liên quan đến ma quỷ. Ở một bình diện văn hóa nào đó, người ta cho rằng ma quỷ đơn giản là không hiện hữu. Ma quỷ sẽ là biểu tượng của tiềm thức tập thể, hoặc sự xa lánh; nói tóm lại, là một ẩn dụ. Nhưng “muru kế khéo léo nhất của ma quỷ là thuyết phục các bạn rằng nó không hiện hữu!”, như ai đó đã viết (Charles Baudelaire). Hẳn rất tinh ranh: hẳn khiến chúng ta tin rằng hẳn không hiện hữu, và bằng cách này hẳn thống trị mọi thứ. Hẳn rất xảo quyệt. Tuy nhiên, thế giới kỹ thuật và thế tục của chúng ta lại đầy rẫy những nhà ảo thuật, huyền bí, duy linh, chiêm tinh gia, người bán bùa chú và bùa hộ mệnh, và thật không may là có cả những giáo phái Satan thực sự. Bị đuổi ra khỏi cửa, ma quỷ đã quay trở lại, người ta có thể nói, qua cửa sổ. Bị đuổi khỏi đức tin, hẳn quay trở lại với sự mê tín. Và nếu bạn mê tín, bạn đang vô thức trò chuyện với ma quỷ. Người ta không trò chuyện với ma quỷ.

Bằng chứng mạnh mẽ nhất về sự hiện hữu của Satan không phải ở những tội nhân hay người bị quỷ ám, mà ở nơi các thánh! “Và làm sao điều này có thể xảy ra, thưa Cha?”. Đúng vậy, ma quỷ hiện diện và hoạt động dưới một số hình thức cực đoan và “vô nhân đạo” của sự xấu xa và gian ác mà chúng ta thấy xung quanh mình. Nhưng theo cách này, trong những trường hợp riêng lẻ, chúng ta hầu như không thể chắc chắn rằng đó thực sự là hẳn, vì chúng ta không thể biết chính xác hành động của hẳn kết thúc ở đâu và tội ác của chúng ta bắt đầu ở đâu. Đây là lý do tại sao Giáo hội lại thận trọng và nghiêm ngặt như vậy khi thực hiện nghi lễ trừ tà, không giống như những gì xảy ra, thật không may, trong một số bộ phim!

Chính trong cuộc sống của các vị thánh, chính xác là ở đó, ma quỷ buộc phải xuất hiện công khai, để tự đặt mình “chống lại ánh sáng”. Tất cả các vị thánh, tất cả những người tin tưởng vĩ đại, một số nhiều hơn, một số ít hơn, đều chứng minh cuộc đấu tranh của họ với thực tại đen

tôi này, và người ta không thể thành thật cho rằng tất cả họ đều bị lừa dối hoặc chỉ là nạn nhân của những định kiến của thời đại họ.

Cuộc chiến chống lại tinh thần ác được chiến thắng như Chúa Giêsu đã chiến thắng trong sa mạc: bằng cách tấn công bằng lời Chúa. Anh chị em thấy đấy, Chúa Giêsu không trò chuyện với ma quỷ, Người không bao giờ trò chuyện với ma quỷ. Hoặc Người xua đuổi ma quỷ, hoặc lên án ma quỷ, nhưng Người không bao giờ trò chuyện. Và trong sa mạc, Người trả lời không phải bằng lời của Người, mà bằng Lời Chúa. Anh chị em thân mến, đừng bao giờ trò chuyện với ma quỷ; khi những cảm dỗ xuất hiện: “Nhưng, điều này có lẽ tốt, điều kia có lẽ tốt” – hãy dừng lại. Hãy hướng lòng mình lên Chúa, cầu nguyện với Đức Mẹ và xua đuổi ma quỷ, giống như Chúa Giêsu đã dạy chúng ta cách xua đuổi ma quỷ. Thánh Phêrô cũng gợi ý một phương tiện khác, mà Chúa Giêsu không cần, nhưng chúng ta thì cần – sự cảnh giác. “Hãy tỉnh táo, hãy tỉnh thức. Ma quỷ thù địch của anh em như sư tử gầm thét rảo quanh tìm mồi cắn xé” (1 Pr 5:8). Và Thánh Phaolô nói với chúng ta: “Đừng cho ma quỷ cơ hội” (Ep 4:27).

Sau khi, trên thập giá, Chúa Kitô đánh bại mãi mãi quyền lực của “thủ lĩnh thế gian này” (Ga 12:31), một Giáo phụ đã nói, “ma quỷ bị trói, như một con chó bị xích; nó không thể cắn bắt cứ ai ngoại trừ những ai bất chấp nguy hiểm, đến gần nó... Nó có thể sủa, nó có thể thúc giục, nhưng nó chỉ có thể cắn những ai muốn” [1]. Nếu anh chị em là một kẻ ngốc và anh chị em đến gặp quỷ dữ và nói, “Ồ, bạn khờ khổng?”, và mọi thứ, nó sẽ hủy hoại bạn. Ma quỷ – giữ khoảng cách. Người ta không trò chuyện với quỷ dữ. Người ta trục xuất nó. Giữ khoảng cách. Và tất cả chúng ta, mọi người, chúng ta đều có kinh nghiệm về cách quỷ dữ tiếp cận với một số cảm dỗ. Sự cảm dỗ của mười điều răn: khi chúng ta cảm thấy điều này, hãy dừng lại, giữ khoảng cách: không đến gần con chó bị xích.

Ví dụ, kỹ thuật hiện đại, bên cạnh nhiều nguồn lực tích cực cần được đánh giá cao, cũng cung cấp vô số phương tiện để “dành một “Cơ hội cho ma quỷ”, và nhiều người đã rơi vào bẫy. Hãy nghĩ đến phim khiêu dâm trực tuyến, đằng sau đó là một thị trường phát triển mạnh: chúng ta đều biết điều này. Đó là ma quỷ đang hoạt động, ở đó. Và đây là một hiện tượng rất phổ biến, mà các Kitô hữu nên cảnh giác và kiên quyết từ chối. Bởi vì bất cứ điện thoại thông minh nào cũng có thể truy cập vào sự tàn bạo này, vào ngôn ngữ của ma quỷ: phim khiêu dâm trực tuyến.

Nhận thức về hành động của ma quỷ trong lịch sử không nên làm chúng ta nản lòng. Suy nghĩ cuối cùng cũng phải là, trong trường hợp này, về sự tin tưởng và an toàn: “Ta ở cùng Chúa, hãy biến đi”. Chúa Kitô đã chiến thắng ma quỷ và ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần để biến chiến thắng của Người thành của chúng ta. Chính hành động của kẻ thù có thể biến thành lợi thế của chúng ta, nếu với sự giúp đỡ của Chúa, chúng ta biến nó thành sự thanh tẩy chúng ta. Do đó, chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần, theo lời thánh ca *Veni Creator* [Lạy Chúa Tạo Dựng, xin hãy đến]:

*Hãy xua đuổi kẻ thù gian xảo của chúng con đi,
Và ban cho sự bình an vĩnh cửu của Người;
Nếu Người là Người hướng dẫn bảo vệ chúng con,
Không điều ác nào có thể xảy ra với bước chân chúng con”.*

Hãy cẩn thận, ma quỷ rất tinh ranh – nhưng các Ki-tô hữu chúng ta, với ân sủng của Chúa, còn tinh ranh hơn hẳn. Cảm ơn anh chị em.

[1] Thánh Caesarius thành Arles, *Bài giảng* 121, 6: CC 103, tr. 507.

Lời kêu gọi của Đức Thánh Cha

Tôi rất buồn trước tin tức từ Lebanon, nơi mà trong những ngày gần đây, các cuộc ném bom dữ dội đã cướp đi sinh mạng của nhiều nạn nhân và gây ra sự tàn phá. Tôi hy vọng rằng cộng đồng quốc tế sẽ nỗ lực hết sức để ngăn chặn sự leo thang khủng khiếp này. Điều đó là không thể chấp nhận được.

Chương Mười Một: Chúa Thánh Thần trong Công vụ Tông đồ (ngày 09/10/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong lộ trình giáo lý về Chúa Thánh Thần và Giáo hội, hôm nay chúng ta sẽ tham khảo Sách Công vụ Tông đồ.

Câu chuyện về sự hiện xuống của Chúa Thánh Thần vào Lễ Ngũ Tuần bắt đầu bằng mô tả một số dấu hiệu chuẩn bị - gió thổi ào ào và lưỡi lửa - nhưng kết thúc bằng lời khẳng định rằng "*họ đều được đầy tràn Chúa Thánh Thần*" (Công vụ 2:4). Thánh Luca – người đã viết Công vụ Tông đồ – nhấn mạnh rằng Chúa Thánh Thần là Đấng đảm bảo *tính phổ quát và hiệp nhất* của Giáo hội. Hiệu quả tức thời của việc “được tràn đầy Chúa Thánh Thần” là các Tông đồ “bắt đầu nói các thứ tiếng khác nhau”, và ra khỏi Phòng Tiệc ly để loan báo Chúa Giêsu Kitô cho đám đông (x. Công vụ 2:4 và tiếp theo.).

Khi làm như vậy, Thánh Luca muốn nhấn mạnh sứ mệnh phổ quát của Giáo hội, như một dấu hiệu của sự hiệp nhất mới giữa mọi dân tộc. Chúng ta thấy Chúa Thánh Thần hoạt động cho sự hiệp nhất theo hai cách. Một mặt, Người thúc đẩy Giáo hội ra bên ngoài, để Giáo hội có thể chào đón ngày càng nhiều người và dân tộc; mặt khác, Giáo hội tập hợp họ bên trong để củng cố sự hiệp nhất đã đạt được. Người dạy Giáo hội mở rộng trong tính phổ quát và củng cố trong sự hiệp nhất. Phổ quát và là một: đây là mầu nhiệm của Giáo hội.

Chúng ta thấy phong trào đầu tiên trong hai phong trào – tính phổ quát – đang diễn ra trong Chương 10 của *Công vụ Tông đồ*, trong tình tiết trở lại đạo của Corneliô. Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, các Tông Đồ đã công bố Chúa Kitô cho tất cả người Do Thái và những người tuân thủ luật Môsê, bất kể họ thuộc dân tộc nào. Phải cần đến một "Lễ Ngũ Tuần" khác, rất giống với lễ đầu tiên, tại nhà của viên đại đội trưởng Corneliô, để thúc đẩy các Tông Đồ mở rộng tầm nhìn và phá vỡ rào cản cuối cùng, rào cản giữa người Do Thái và dân ngoại (x. Công vụ 10-11).

Sự mở rộng về mặt dân tộc này đi kèm với sự mở rộng về mặt địa lý. Thánh Phaolô - chúng ta đọc lại trong *Công vụ Tông Đồ* (x. 16:6-10) - muốn công bố Tin Mừng tại một vùng mới của Tiểu Á; nhưng có chếp rằng họ đã bị "Chúa Thánh Thần cấm"; Người đã cố gắng vào Bithyn'ia, "nhưng Thánh Thần của Chúa Giêsu không cho phép họ". Chúng ta ngay lập tức khám phá ra lý do cho những lệnh cấm đáng ngạc nhiên này của Chúa Thánh Thần: đêm hôm sau, Tông Đồ nhận được trong giấc mơ lệnh phải đi vào Macedonia. Do đó, Tin Mừng đã rời khỏi quê hương Châu Á của mình và đi vào Châu Âu.

Phong trào thứ hai của Chúa Thánh Thần – Đấng tạo ra sự hiệp nhất – được thấy trong hành động ở Chương 15 của Công vụ, trong biên bản của điều gọi là Công đồng Giêrusalem. Vấn đề là làm thế nào để đảm bảo rằng tính phổ quát đạt được không làm tổn hại đến sự hiệp nhất của Giáo hội. Chúa Thánh Thần không phải lúc nào cũng tạo ra sự hiệp nhất một cách đột ngột, bằng những hành động kỳ diệu và quyết định, như Lễ Ngũ tuần. Người cũng làm như vậy – và trong phần lớn các trường hợp – bằng công việc kín đáo, tôn trọng thời gian và sự khác biệt của con người, đi qua con người và các định chế, cầu nguyện và đối đầu. Theo cách mà chúng ta có thể nói ngày nay, theo cách thức đồng nghị. Thật vậy, đây là những gì xảy ra tại Công đồng Giêrusalem, liên quan đến vấn đề các nghĩa vụ của Lê Luật Mô-sê được áp dụng cho những người trở lại đạo từ ngoại giáo. Giải pháp đã được công bố cho toàn thể Giáo hội, với những lời nổi tiếng: “Vì Chúa Thánh Thần và chúng tôi thấy điều đó là tốt...” (Công vụ 15:28).

Thánh Augustinô giải thích sự hiệp nhất đạt được bởi Chúa Thánh Thần bằng một hình ảnh đã trở thành cổ điển: “Linh hồn của thân xác con người như thế nào thì Thánh Thần của thân thể Chúa Kitô, tức là Giáo hội, cũng giống như vậy” [1]. Hình ảnh này giúp chúng ta hiểu được điều gì đó quan trọng. Chúa Thánh Thần không tạo ra sự hiệp nhất của Giáo hội từ bên ngoài; Người không giới hạn Người trong việc ra lệnh cho chúng ta phải hiệp nhất. Chính Người là “mối dây hiệp nhất”. Chính Người là Đấng tạo ra sự hiệp nhất của Giáo hội.

Như thường lệ, chúng ta sẽ kết thúc bằng một suy nghĩ giúp chúng ta chuyển từ Giáo hội nói chung sang từng người chúng ta. Sự hiệp nhất của Giáo hội là sự hiệp nhất giữa mọi người và không đạt được trên bản vẽ, mà trong cuộc sống. Nó được thực hiện trong cuộc sống. Tất cả chúng ta đều muốn có sự hiệp nhất, tất cả chúng ta đều mong muốn điều đó từ sâu thẳm trái tim mình; nhưng thật khó để đạt được điều đó, ngay cả trong hôn nhân và gia đình, sự hiệp nhất và hòa hợp là một trong những điều khó đạt được nhất và thậm chí còn khó duy trì nhất.

Lý do tại sao sự hiệp nhất giữa chúng ta lại khó khăn là, đúng vậy, mọi người đều muốn hiệp nhất, nhưng dựa trên quan điểm riêng của mình, mà không xem xét đến việc người khác trước mặt mình cũng nghĩ chính như thế về quan điểm “riêng” của họ. Theo cách này, sự hiệp nhất trở nên khó nắm bắt hơn nữa. Cuộc sống hiệp nhất, sự hiệp nhất của Lễ Hiện Xuống, theo Chúa Thánh Thần, đạt được khi một người nỗ lực đặt Thiên Chúa, chứ không phải bản thân mình, vào trung tâm. Sự hiệp nhất của Kitô hữu cũng được xây dựng theo cách này: không chờ đợi người khác đến với chúng ta ở nơi chúng ta đang ở, mà cùng nhau tiến về phía Chúa Kitô.

Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần giúp chúng ta trở thành công cụ của sự hiệp nhất và hòa bình.

[1] *Bài giảng*, 267, 4.

Chương Mười Hai: Chúa Thánh Thần trong đức tin của Giáo hội (ngày 16/10/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Với bài giáo lý hôm nay, chúng ta sẽ chuyển từ những gì Chúa Thánh Thần đã mặc khải cho chúng ta trong Kinh thánh sang cách Người hiện diện và hoạt động trong đời sống của Giáo hội, trong đời sống Kitô hữu của chúng ta.

Trong ba thế kỷ đầu tiên, Giáo hội không cảm thấy cần phải đưa ra một công thức rõ ràng về đức tin của mình vào Chúa Thánh Thần. Ví dụ, trong Kinh Tin Kính cổ xưa nhất của Giáo hội, kinh gọi là Bản Tuyên tín của các Tông đồ, sau khi tuyên bố: "Tôi tin kính Đức Chúa Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, và tin kính Đức Chúa Giêsu Ki-tô, Con một của Người, Chúa chúng tôi, Đấng đã sinh ra, chịu chết, xuống ngục tởm, sống lại từ cõi chết và lên trời", đã thêm: "Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần" và không có gì hơn nữa, không có bất cứ sự chỉ định nào.

Nhưng chính tà giáo đã thúc đẩy Giáo hội định nghĩa đức tin này. Khi diễn trình này bắt đầu - với Thánh Athanasiô vào thế kỷ thứ tư - chính kinh nghiệm mà Giáo hội có được về hành động thánh hóa và thần hóa của Đức Chúa Thánh Thần đã dẫn Giáo hội đến sự chắc chắn về thiên tính trọn vẹn của Chúa Thánh Thần. Điều này xảy ra trong Công đồng Chung Constantinôp năm 381, định nghĩa về thiên tính của Chúa Thánh Thần bằng những lời nổi tiếng mà chúng ta vẫn lặp lại ngày nay trong Kinh Tin Kính: "Tôi tin kính Chúa Thánh Thần, là Chúa, là Đấng ban sự sống, Người phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con, Người được tôn thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con, Người đã phán qua các tiên tri".

Nói rằng Chúa Thánh Thần "là Chúa" cũng giống như nói rằng Người chia sẻ "Quyền làm Chúa" của Thiên Chúa, rằng Người thuộc về thế giới của Đấng Tạo Hóa, chứ không phải thế giới của các tạo vật. Lời khẳng định mạnh mẽ nhất là Người đáng được hưởng cùng vinh quang và sự tôn thờ như Chúa Cha và Chúa Con. Đó là lập luận về sự bình đẳng trong danh dự, được Thánh Basiliô Cả yêu thích, người là kiến trúc sư chính của công thức đó: Chúa Thánh Thần là Chúa, Người là Thiên Chúa.

Định nghĩa của Công đồng không phải là điểm đến, mà là điểm khởi hành. Và thực vậy, một khi những lý do lịch sử đã cản trở một sự khẳng định rõ ràng hơn về thiên tính của Chúa Thánh Thần đã được khắc phục, thì điều này đã được tuyên bố một cách tự tin trong việc thờ phượng của Giáo hội và trong thần học của Giáo hội. Thánh Grêgori thành Nazianzus, sau Công đồng, đã tiếp tục tuyên bố không do dự: "Vậy thì Chúa Thánh Thần có phải là Thiên Chúa không? Chắc chắn rồi! Người có đồng bản thể không? Có, nếu Người là Thiên Chúa thật" (*Oratio* 31, 5.10).

Tín điều mà chúng ta tuyên bố vào mỗi Chúa Nhật trong Thánh lễ nói gì với chúng ta, những tín đồ ngày nay: "Tôi tin kính Chúa Thánh Thần"? Trước đây, nó chủ yếu liên quan đến tuyên bố rằng Chúa Thánh Thần "phát xuất từ Chúa Cha". Giáo hội Rôma đã sớm bổ sung tuyên bố này bằng cách thêm vào, trong Kinh Tin Kính của Thánh lễ, rằng Chúa Thánh Thần "cũng phát xuất từ Chúa Con". Vì trong tiếng Latinh, cụm từ "và từ Chúa Con" được gọi là 'Filioque', điều này đã làm nảy sinh cuộc tranh chấp được gọi bằng cái tên này, vốn là lý do (hoặc cái cớ) cho rất nhiều cuộc tranh chấp và chia rẽ giữa Giáo hội phương Đông và Giáo hội phương Tây. Chắc chắn không phải là trường hợp dễ giải quyết vấn đề ở đây, một vấn đề, hơn nữa, trong bầu không khí đối thoại được thiết lập giữa hai Giáo hội, đã mất đi sự cay đắng của quá khứ và ngày nay cho phép chúng ta hy vọng vào sự chấp nhận lẫn nhau hoàn toàn, như một trong những "sự khác biệt được hòa giải" chính. Tôi muốn nói điều này: "sự khác biệt được hòa giải". Trong số các Ki-tô hữu, có nhiều sự khác biệt: người này thuộc trường phái này, người kia thuộc trường phái kia; người này là người Tin lành, người kia... Điều quan trọng là những sự khác biệt này được hòa giải, trong tình yêu thương cùng nhau

bước đi.

Sau khi vượt qua được trở ngại này, ngày nay chúng ta có thể coi trọng đặc quyền quan trọng nhất đối với chúng ta được tuyên bố trong điều khoản của Kinh Tin Kính, cụ thể là Chúa Thánh Thần là “người ban sự sống”, “đấng ban sự sống”. Chúng ta hãy tự hỏi: Chúa Thánh Thần ban sự sống nào? Vào lúc khởi đầu, trong sự sáng tạo, hơi thở của Chúa ban cho Adam sự sống tự nhiên; bức tượng bùn được tạo thành “một sinh vật sống” (xem sách *Sáng thế* 2:7). Bây giờ, trong sự sáng tạo mới, Chúa Thánh Thần là Đấng ban cho các tín hữu sự sống mới, sự sống của Chúa Kitô, sự sống siêu nhiên, như con cái của Chúa. Thánh Phao-lô có thể thốt lên: “Luật của Thần Khí sự sống trong Chúa Giêsu Kitô đã giải thoát tôi khỏi luật của tội lỗi và sự chết” (*Rô-ma* 8:2).

Trong tất cả những điều này, đâu là tin tức tuyệt vời và an ủi cho chúng ta? Đó là sự sống mà Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta là sự sống vĩnh cửu! Đức tin giải thoát chúng ta khỏi nỗi kinh hoàng khi phải thừa nhận rằng mọi thứ đều kết thúc ở đây, rằng không có sự cứu chuộc nào cho sự đau khổ và bất công đang thống trị trên trái đất. Một lời khác của Thánh Tông đồ đảm bảo với chúng ta về điều này: “Nếu Thánh Thần của Đấng đã khiến Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết ngự trong anh em, Đấng đã khiến Chúa Giêsu Ki-tô sống lại từ cõi chết cũng sẽ ban sự sống cho thân thể hay chết của anh em qua Thánh Thần của Người ngự trong anh em” (*Rô-ma* 8:11). Thánh Thần ngự trong chúng ta, Người ở trong chúng ta.

Chúng ta hãy vun trồng đức tin này cho cả những người, thường không phải do lỗi của họ, bị tước mất đức tin và không thể mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Và chúng ta đừng quên cảm tạ Người, Đấng đã dùng cái chết của Người để có được hồng ân vô giá này cho chúng ta!

Chương Mười Ba: Chúa Thánh Thần và bí tích hôn nhân. (ngày 23/10/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Lần trước, chúng ta đã giải thích những gì chúng ta tuyên bố về Chúa Thánh Thần trong Kinh Tin Kính. Tuy nhiên, sự suy gẫm của Giáo hội không dừng lại ở lời tuyên xưng đức tin ngắn ngủi đó. Nó tiếp tục, cả ở phương Đông và phương Tây, thông qua công trình của các Giáo phụ và Tiến sĩ vĩ đại. Hôm nay, nói riêng, chúng ta muốn thu thập một vài mẫu nhỏ của giáo lý về Chúa Thánh Thần được khai triển trong truyền thống Rôma, để xem cách nó soi sáng toàn bộ đời sống Kitô hữu và đặc biệt là bí tích hôn nhân ra sao.

Người khởi xướng chính của học thuyết này là Thánh Augustinô, người đã khai triển học thuyết về Chúa Thánh Thần. Người bắt đầu từ sự mặc khải này “Thiên Chúa là tình yêu” (*1 Ga* 4:8). Bây giờ tình yêu giả định một người yêu, một người được yêu và chính tình yêu kết hợp họ. Chúa Cha, trong Ba Ngôi, là Đấng yêu thương, là nguồn gốc và khởi nguyên của mọi sự; Chúa Con là Đấng được yêu thương, và Chúa Thánh Thần là tình yêu kết hợp các vị. [1] Do đó, Thiên Chúa của các Kitô hữu là một Thiên Chúa “duy nhất”, nhưng không đơn độc; Người là sự hiệp nhất của sự hiệp thông và tình yêu. Theo hướng này, một số người đã đề nghị gọi Chúa Thánh Thần không phải là “ngôi thứ ba số ít” của Ba Ngôi, mà là “ngôi thứ nhất số nhiều”. Nói cách khác, Người là Chúng ta, là Chúng ta thiêng liêng của Chúa Cha và Chúa Con, là mối dây hiệp nhất giữa những ngôi vị khác nhau, [2] chính là nguyên tắc hiệp nhất của Giáo hội, thực sự là một “thân thể duy nhất” xuất phát từ nhiều ngôi vị.

Như tôi đã nói, hôm nay tôi muốn cùng anh chị em suy gẫm đặc biệt về những gì Chúa Thánh Thần phải nói về gia đình. Ví dụ, Chúa Thánh Thần có thể liên quan gì đến hôn nhân? Rất nhiều, có lẽ là điều cốt yếu, và tôi sẽ cố gắng giải thích lý do tại sao! Hôn nhân Kitô giáo là bí tích tự hiến, một cho một, của người nam và người nữ. Đây là cách Đấng Tạo Hóa muốn khi Người nói “Vì vậy, Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh của Người ... Người đã dựng nên nam và nữ” (St 1:27). Do đó, cặp đôi con người là việc hiện thực hóa đầu tiên và cơ bản nhất của sự hiệp thông tình yêu vốn là Ba Ngôi.

Các cặp đôi đã kết hôn cũng nên tạo thành một ngôi thứ nhất số nhiều, một “chúng ta”. Đứng trước nhau như một “anh” và một “em”, và đứng trước phần còn lại của thế giới, bao gồm cả trẻ em, như một “chúng ta”. Thật đẹp biết bao khi nghe một người mẹ nói với con mình: “Cha các con và mẹ...”, như Đức Maria đã nói với Chúa Giêsu khi họ tìm thấy Người ở tuổi mười hai trong đền thờ, đang giảng dạy cho các Luật sĩ (x. Lc 2:48), và nghe một người cha nói: “Mẹ các con và cha”, như thể họ là một. Trẻ em cần sự hiệp nhất này biết bao - mẹ và cha với nhau - sự hiệp nhất của cha mẹ, và chúng đau khổ biết bao khi thiếu sự hiệp nhất này! Những đứa con của những bậc cha mẹ ly thân đau khổ biết bao, chúng đau khổ biết bao.

Tuy nhiên, để tương xứng với ơn gọi này, hôn nhân cần sự hỗ trợ của Đấng vốn là Hồng ân, thực sự là Đấng ban tặng tình tụy. Nơi nào Chúa Thánh Thần ngự vào, khả năng tự hiến được tái sinh. Một số Giáo phụ của Giáo hội La tinh khẳng định rằng, với tư cách là hồng ân hỗ tương của Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Ba Ngôi, Chúa Thánh Thần cũng là lý do cho niềm vui ngự trị giữa các vị, và khi nói về điều đó, các Người không ngại sử dụng hình ảnh những cử chỉ phù hợp với đời sống hôn nhân, chẳng hạn như nụ hôn và cái ôm. [3]

Không ai nói rằng sự hiệp nhất như vậy là một nhiệm vụ dễ dàng, nhất là trong thế giới ngày nay; nhưng đây là sự thật của mọi sự như Đấng Tạo Hóa đã thiết kế, và do đó, nó nằm trong bản chất của chúng. Chắc chắn, có vẻ dễ dàng và nhanh chóng hơn khi xây dựng trên cát hơn là trên đá; nhưng Chúa Giêsu cho chúng ta biết kết quả là gì (x. Mt 7:24-27). Trong trường hợp này, chúng ta thậm chí không cần dụ ngôn, vì hậu quả của những cuộc hôn nhân được xây dựng trên cát, thật không may, là ở đó để mọi người nhìn thấy, và chủ yếu là những đứa trẻ phải trả giá. Trẻ em đau khổ vì sự chia ly hoặc thiếu tình yêu của cha mẹ! Đối với rất nhiều cặp vợ chồng, người ta phải nhắc lại những gì Đức Maria đã nói với Chúa Giêsu, tại Cana ở Galilê: "Họ hết rượu rồi" (Ga 2:3). Chúa Thánh Thần là Đấng tiếp tục thực hiện, ở bình diện tâm linh, phép lạ mà Chúa Giêsu đã làm vào dịp đó; cụ thể là, biến nước của thói quen thành niềm vui mới khi được ở bên nhau. Đây không phải là một ảo tưởng ngoan đạo: đó là những gì Chúa Thánh Thần đã làm trong rất nhiều cuộc hôn nhân, khi những người phối ngẫu quyết định cầu khẩn Người.

Do đó, sẽ không phải là điều tồi tệ nếu bên cạnh thông tin về bản chất pháp lý, tâm lý và đạo đức được đưa ra trong quá trình chuẩn bị cho các cặp đôi sắp kết hôn, chúng ta đào sâu sự chuẩn bị “tâm linh” này, Chúa Thánh Thần tạo nên sự hiệp nhất. Một câu tục ngữ Ý nói rằng, “Đừng bao giờ đặt ngón tay, đừng bao giờ can thiệp, giữa chồng và vợ”. Trên thực tế, có một “ngón tay” được đặt giữa chồng và vợ, “ngón tay của Chúa”: nghĩa là Chúa Thánh Thần!

[1] Cfr St. Augustine, *De Trinitate*, VIII,10,14

[2] Cfr H. Mühlen, *Una mystica persona. La Chiesa come il mistero dello Spirito Santo*, Città Nuova, 1968.

[3] Cfr S. Ilario di Poitiers, *De Trinitate*, II,1; St. Augustine, *De Trinitate*, VI, 10,11.

Lời kêu gọi

Thưa anh chị em, chúng ta hãy cầu nguyện cho hòa bình! Hôm nay, sáng sớm nay, tôi đã nhận được số liệu thống kê về số người chết ở Ukraine: thật khủng khiếp! Chiến tranh không tha thứ; chiến tranh là một thất bại ngay từ đầu. Chúng ta hãy cầu nguyện với Chúa cho hòa bình, xin Người ban hòa bình cho tất cả mọi người, cho tất cả chúng ta. Và chúng ta đừng quên Myanmar; chúng ta đừng quên Palestine, nơi đang phải chịu những cuộc tấn công vô nhân đạo; chúng ta đừng quên Israel, và chúng ta đừng quên tất cả các quốc gia đang trong chiến tranh.

Có một con số, thưa anh chị em, khiến chúng ta phải sợ hãi: các khoản đầu tư mang lại lợi nhuận cao nhất hiện nay là vào các nhà máy vũ khí. Kiếm lợi từ cái chết! Chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện cho hòa bình.

Chương Mười Bốn: Chúa Thánh Thần đã xúc dầu cho chúng ta và đóng ấn trên chúng ta. Thêm sức, Bí tích Thánh Thần (ngày 30/10/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục suy gẫm về sự hiện diện và hoạt động của Chúa Thánh Thần trong đời sống của Giáo hội qua các Bí tích.

Hoạt động thánh hóa của Chúa Thánh Thần đến với chúng ta chủ yếu thông qua hai kênh: *Lời Chúa* và *các Bí tích*. Và trong tất cả các Bí tích, có một Bí tích về bản chất là Bí tích Thánh Thần, và đó là điều tôi muốn tập trung vào hôm nay. Đó là Bí tích Thêm sức.

Trong Tân Ước, ngoài phép rửa tội bằng nước, còn có một nghi thức khác được đề cập đến, đó là *nghi thức đặt tay*, có mục đích truyền đạt Chúa Thánh Thần một cách hữu hình và theo cách đầy ân sủng, với những hiệu quả tương tự như những hiệu quả mà các Tông đồ đã tạo ra trong Lễ Ngũ tuần. Sách Công vụ Tông đồ có nhắc đến một tình tiết quan trọng liên quan đến vấn đề này. Khi nghe tin một số người ở Samaria đã nhận được lời Chúa, họ đã cử Phêrô và Gioan từ Giêrusalem đến đó. Các vị “đi xuống cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Chúa Thánh Thần, vì Chúa Thánh Thần chưa ngự xuống trên bất cứ ai trong số họ; họ chỉ mới chịu phép rửa nhân danh Chúa Giêsu. Sau đó, các vị đặt tay trên họ và họ nhận được Chúa Thánh Thần” (8:14-17).

Thêm vào đó là những gì Thánh Phaolô viết trong Thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô: “Đấng củng cố chúng tôi cùng với anh em trong Đức Ki-tô và đã xúc dầu cho chúng ta, Đấng ấy là Thiên Chúa. Chính Người cũng đã đóng ấn tín trên chúng ta và đổ Thần Khí vào lòng chúng ta làm bảo chứng” (1:21-22). Sự bảo đảm của Chúa Thánh Thần. Chủ đề về Chúa Thánh Thần như một “ấn tín hoàng gia” mà Chúa Kitô dùng để đánh dấu chiên của Người là cơ sở cho giáo lý về “ấn tín không thể xóa nhòa” được ban cho qua nghi lễ này.

Theo thời gian, nghi thức xức dầu đã hình thành như một Bí tích trong chính nó, mang nhiều hình thức và nội dung khác nhau trong nhiều thời đại và nghi lễ khác nhau của Giáo hội. Đây không phải là nơi để lần lại lịch sử rất phức tạp này. Đối với tôi, Bí tích Thêm sức là gì trong sự hiểu biết của Giáo hội dường như được mô tả theo cách rất đơn giản và rõ ràng trong Sách Giáo lý dành cho người lớn của Hội đồng Giám mục Ý. Sách này viết: “Bí tích Thêm sức đối với tất cả các tín hữu giống như Lễ Hiện xuống đối với toàn thể Giáo hội. ... Bí tích này củng cố sự kết hợp của phép rửa tội vào Chúa Kitô và Giáo hội và sự thánh hiến cho sứ mệnh ngôn sứ, vương giả và tư tế. Bí tích này truyền đạt sự phong phú của các ân huệ của Chúa Thánh Thần. ... Do đó, nếu Bí tích Rửa tội là Bí tích sinh ra, thì Bí tích Thêm sức là Bí tích tăng trưởng. Chính vì lý do này, bí tích này cũng là Bí tích chứng tá, vì điều này gắn liền chặt chẽ với sự trưởng thành của đời sống Kitô hữu”. [1] Sách Giáo lý đã đạt tới điểm này.

Vấn đề là làm sao để đảm bảo rằng Bí tích Thêm sức không bị giản lược, trong thực tế, thành “nghi lễ cuối cùng”, tức là Bí tích “rời” khỏi Giáo hội. Người ta nói rằng đó là *Bí tích chia tay*, vì một khi những người trẻ đã làm điều đó, họ sẽ đi khỏi và chỉ trở lại khi kết hôn. Đó là điều người ta thường nói... nhưng chúng ta phải đảm bảo rằng đó là Bí tích của sự tham gia, của sự tham gia tích cực vào đời sống của Giáo hội. Đây là một cột mốc có vẻ như bất khả, xét đến tình hình hiện tại trên toàn Giáo hội, nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta nên ngừng theo đuổi nó. Nó sẽ không như vậy đối với tất cả những người được Thêm sức, trẻ em hay người lớn, nhưng điều quan trọng là ít nhất nó cũng như vậy đối với một số người sau đó sẽ trở thành những người sinh động hóa của cộng đồng.

Vì mục đích này, điều có thể hữu ích là được giúp đỡ để chuẩn bị cho Bí tích này bởi những tín hữu giáo dân đã có cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa Kitô và đã có trải nghiệm thực sự về Chúa Thánh Thần. Một số người nói rằng họ đã trải nghiệm nó như một sự nở rộ của Bí tích Thêm sức nhận được khi còn nhỏ.

Nhưng điều này không chỉ liên quan đến những người được Thêm Sức trong tương lai; mà còn liên quan đến tất cả chúng ta và bất cứ lúc nào. Như Thánh Tông đồ đảm bảo với chúng ta, cùng với *Thêm Sức và xức dầu*, chúng ta cũng nhận được một *công phiếu* [bond] của Chúa Thánh Thần, mà ở nơi khác Người gọi là “hoa trái đầu mùa của Chúa Thánh Thần” (*Rm* 8:23). Chúng ta phải “chi tiêu” công phiếu này, thưởng thức những hoa trái đầu mùa này, không chôn vùi các đặc sủng và tài năng đã nhận được.

Thánh Phaolô đã khuyên nhủ môn đệ Timôtê “hãy khơi dậy ân huệ của Thiên Chúa mà con đã nhận được qua việc đặt tay của ta” (*2 Tm* 1:6), và động từ được sử dụng gợi lên hình ảnh của một người thổi vào lửa để làm sống lại ngọn lửa. Đây là một mục tiêu tốt cho năm Thánh! Đê loại bỏ tro tàn của thói quen và sự tách rời, để trở thành, giống như những người cầm đuốc tại Thế vận hội, những người mang ngọn lửa của Chúa Thánh Thần. Xin Chúa Thánh Thần giúp chúng ta thực hiện một vài bước theo hướng này!

Chương Mười Lăm: Chúa Thánh Thần chuyển cầu cho chúng ta. Chúa Thánh Thần và lời cầu nguyện của người Kitô hữu (ngày 06/11/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hành động thánh hóa của Chúa Thánh Thần, ngoài Lời Chúa và các Bí tích, được phát biểu

trong lời cầu nguyện, và đó là điều mà chúng ta muốn dành cho bài suy niệm hôm nay: cầu nguyện. Chúa Thánh Thần vừa là chủ thể vừa là đối tượng của lời cầu nguyện của người Kitô hữu. Nghĩa là, Người là Đấng ban lời cầu nguyện và Người là Đấng được ban qua lời cầu nguyện. Chúng ta cầu nguyện để nhận được Chúa Thánh Thần, và chúng ta nhận được Chúa Thánh Thần để thực sự cầu nguyện, nghĩa là, như con cái của Thiên Chúa, chứ không phải như nô lệ. Chúng ta hãy suy nghĩ một chút về điều này: cầu nguyện như con cái của Thiên Chúa, chứ không phải như nô lệ. Người ta phải luôn cầu nguyện với sự tự do. “Hôm nay tôi phải cầu nguyện cho điều này, điều này và điều này, vì tôi đã hứa điều này, điều này và điều này. Nếu không, tôi sẽ xuống địa ngục”. Không, đó không phải là cầu nguyện! Cầu nguyện là tự do. Anh chị em cầu nguyện khi Chúa Thánh Thần giúp anh chị em cầu nguyện. Anh chị em cầu nguyện khi anh chị em cảm thấy cần cầu nguyện trong lòng, và khi anh chị em không cảm thấy gì cả, anh chị em dừng lại và tự hỏi: “Tại sao tôi không cảm thấy muốn cầu nguyện? Điều gì đang xảy ra trong cuộc sống của tôi?”. Nhưng luôn luôn, sự tự phát trong lời cầu nguyện là điều giúp chúng ta nhiều nhất. Đây chính là ý nghĩa của việc cầu nguyện như trẻ con, chứ không phải như nô lệ.

Trước hết, chúng ta phải cầu nguyện để nhận được Chúa Thánh Thần. Về vấn đề này, Chúa Giêsu có một lời rất chính xác trong Tin Mừng: “Vậy nếu các ngươi là những kẻ gian ác, còn biết cho con cái mình những của tốt, thì huống hồ Cha trên trời lại không ban Chúa Thánh Thần* cho những kẻ xin Người sao?” (Lc 11:13). Mọi người, mỗi người chúng ta, đều biết cách cho những điều tốt đẹp cho những người bé nhỏ, dù đó là con cái, ông bà hay bạn bè của chúng ta. Những người bé nhỏ luôn nhận được những điều tốt đẹp từ chúng ta. Nhưng Chúa Cha lại không ban Chúa Thánh Thần cho chúng ta sao? Và điều này sẽ cho chúng ta lòng can đảm để tiến lên với điều này. Trong Tân Ước, chúng ta thấy Chúa Thánh Thần luôn ngự xuống trong khi cầu nguyện. Người ngự xuống trên Chúa Giêsu trong phép rửa ở sông Giócđăng, trong khi Chúa “đang cầu nguyện” (Lc 3:21), và Người ngự xuống trên các tông đồ vào Lễ Ngũ Tuần, trong khi họ “đồng tâm nhất trí cầu nguyện” (Cv 1:14).

Đó là “quyền năng” duy nhất chúng ta có đối với Thánh Thần của Thiên Chúa. Quyền năng của lời cầu nguyện: Người không chống lại lời cầu nguyện. Chúng ta cầu nguyện, và Người đến. Trên Núi Carmel, các tiên tri giả của Ba-an – hãy nhớ đoạn Kinh thánh đó – đã kích động để cầu xin lửa từ trời xuống trên lễ vật của họ, nhưng không có gì xảy ra, vì họ là những kẻ thờ ngẫu tượng, họ thờ một vị Chúa không hề hiện hữu. Tiên tri Ê-li-a bắt đầu cầu nguyện, và lửa đã giáng xuống và thiêu rụi lễ vật (x. IVua 18:20-38). Giáo hội trung thành noi theo tấm gương này: Giáo hội luôn cầu xin Chúa Thánh Thần “Hãy đến! Hãy đến!”, “Hãy đến”, bất cứ khi nào Giáo hội cầu nguyện với Chúa Thánh Thần. Và Giáo hội làm điều này đặc biệt trong Thánh lễ, để Người có thể ngự xuống như sương và thánh hóa bánh và rượu cho hy lễ Thánh Thể.

Nhưng còn một khía cạnh khác, quan trọng và khích lệ nhất đối với chúng ta: Chúa Thánh Thần là Đấng ban cho chúng ta lời cầu nguyện đích thực. Thánh Phaolô khẳng định điều này: “Cũng vậy, Chúa Thánh Thần cũng đến giúp đỡ sự yếu đuối của chúng ta; vì nhiều khi chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải, nhưng chính Chúa Thánh Thần cầu thay nguyện giúp bằng những tiếng rên xiết khôn tả. Và Đấng thấu suốt tâm hồn biết được ý định của Chúa Thánh Thần, vì Chúa Thánh Thần cầu thay nguyện giúp cho các thánh theo ý Thiên Chúa” (x. Rm 8: 26-27).

Đúng vậy, chúng ta không biết cách cầu nguyện, chúng ta không biết. Chúng ta phải học mỗi ngày. Lý do cho sự yếu đuối này trong lời cầu nguyện của chúng ta đã được diễn đạt trong quá khứ chỉ bằng một hạn từ, được sử dụng theo ba cách khác nhau: như một tỉnh từ, như một

danh từ và như một trạng từ. Điều này dễ nhớ, ngay cả đối với những người không biết tiếng Latinh, và điều đáng ghi nhớ là, vì nó chứa đựng trong chính nó một chuyên luận toàn bộ về cả ba điều này. Những hữu thể nhân bản chúng ta, theo câu nói đó, “mali, mala, male petimus”, nghĩa là, là những người xấu (mali), chúng ta cầu xin những điều xấu (mala) và theo cách xấu (male). Chúa Giêsu nói, “Trước hết hãy tìm kiếm vương quốc [của Thiên Chúa] ... và tất cả những thứ kia, Người sẽ ban cho các con” (Mt 6:33); thay vào đó, chúng ta tìm kiếm điều khác, tức là lợi ích của chúng ta – nhiều lần – và chúng ta hoàn toàn quên cầu xin nước Thiên Chúa. Chúng ta hãy cầu xin Chúa ban cho vương quốc, và mọi thứ sẽ đến cùng với Người.

Đúng vậy, Chúa Thánh Thần đến để giúp chúng ta trong sự yếu đuối của chúng ta, nhưng Người còn làm một điều quan trọng hơn nữa: Người làm chúng với chúng ta rằng chúng ta là con cái của Thiên Chúa và đặt trên môi chúng ta tiếng kêu: “Abba! Cha ơi!” (Rm 8:15; Gl 4:6). Chúng ta không thể nói “Cha ơi, Abba”. Chúng ta không thể nói “Cha ơi” nếu không có sức mạnh của Chúa Thánh Thần. Lời cầu nguyện của Ki-tô hữu không phải là con người ở một đầu dây điện thoại, nói chuyện với Chúa ở đầu dây bên kia; không, chính Thiên Chúa là người cầu nguyện trong chúng ta! Chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa qua Thiên Chúa. Cầu nguyện có nghĩa là đặt mình vào trong Thiên Chúa, để Thiên Chúa đi vào trong chúng ta.

Chính trong lời cầu nguyện mà Chúa Thánh Thần được mặc khải là “Đấng Bảo Trợ”, tức là Đấng biện hộ và bảo vệ. Người không cáo buộc chúng ta trước Chúa Cha, nhưng bảo vệ chúng ta. Vâng, Người bảo vệ chúng ta, Người thuyết phục chúng ta về sự thật rằng chúng ta là tội nhân (x. Ga 16:8), nhưng Người làm như vậy để chúng ta có thể ném trái niêm vui của lòng thương xót của Chúa Cha, chứ không phải để hủy diệt chúng ta bằng những cảm giác tội lỗi vô ích. Ngay cả khi trái tim chúng ta trách móc chúng ta về điều gì đó, Người vẫn nhắc nhở chúng ta rằng “Thiên Chúa cao cả hơn trái tim chúng ta” (1 Ga 3:20). Thiên Chúa cao cả hơn tội lỗi của chúng ta. Tất cả chúng ta đều là tội nhân, nhưng hãy nghĩ xem: có lẽ một số người trong anh chị em – tôi không biết – rất sợ hãi vì những điều họ đã làm, sợ bị Thiên Chúa trách móc, sợ nhiều thứ và không thể tìm thấy sự bình an. Hãy cầu nguyện, kêu cầu Chúa Thánh Thần, và Người sẽ dạy anh chị em cách cầu xin sự tha thứ. Và anh chị em có biết điều gì không? Thiên Chúa không biết nhiều về ngữ pháp, và khi chúng ta cầu xin sự tha thứ, Người không để chúng ta nói hết! “Vi...” và ở đó, Người không để chúng ta nói hết chữ tha thứ. Người tha thứ cho chúng ta trước, Người luôn tha thứ, và Người luôn ở bên chúng ta để tha thứ cho chúng ta, trước khi chúng ta nói hết chữ tha thứ. Chúng ta mới nói đến chữ “Vi...” thì Chúa Cha đã tha thứ cho chúng ta rồi.

Chúa Thánh Thần cầu bầu và Người cũng dạy chúng ta cách cầu bầu, đến lượt mình, cho anh chị em của chúng ta – Người cầu bầu cho chúng ta và dạy chúng ta cách cầu bầu cho người khác. Người dạy chúng ta lời cầu bầu: cầu nguyện cho người này, cầu nguyện cho người bệnh kia, cho người đang ở trong tù, cầu nguyện... thậm chí cầu nguyện cho mẹ chồng của mình! Và hãy cầu nguyện, luôn luôn. Luôn luôn. Lời cầu nguyện này đặc biệt đẹp lòng Thiên Chúa, vì nó là lời cầu nguyện vô điều kiện và vị tha nhất. Như Thánh Ambrosiô thường nói, khi một ai đó cầu nguyện cho mọi người, thì mọi người đều cầu nguyện cho một ai đó; lời cầu nguyện được nhân lên. [1] Đây là cách cầu nguyện. Đây là một nhiệm vụ rất quý giá và cần thiết trong Giáo hội, đặc biệt là trong thời gian chuẩn bị cho Năm Thánh này: để kết hợp chúng ta với Đấng Bảo Trợ, Đấng “cầu bầu cho tất cả chúng ta theo kế hoạch của Thiên Chúa”. Nhưng đừng cầu nguyện như vẹt, làm ơn! Đừng nói, “Blah, blah, blah...”. Không. Hãy nói “Lạy Chúa”, nhưng hãy nói bằng trái tim của anh chị em. “Xin giúp con, lạy Chúa”, “Con yêu Chúa, lạy Chúa”. Và khi anh chị em đọc Kinh Lạy Cha, hãy cầu nguyện “Lạy Cha, Ngài là Cha của con”. Hãy cầu nguyện bằng trái tim, không phải bằng môi; đừng như vẹt.

Xin Chúa Thánh Thần giúp chúng ta trong lời cầu nguyện, điều mà chúng ta rất cần. Cảm ơn anh chị em.

[1] De Cain et Abel, I, 39.

Chương Mười Sáu: Đức Maria và Chúa Thánh Thần (ngày 13/11/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong số nhiều phương tiện khác nhau mà Chúa Thánh Thần thực hiện công cuộc thánh hóa của Người trong Giáo hội – Lời Chúa, các Bí tích, lời cầu nguyện – có một phương tiện hoàn toàn đặc biệt, đó là lòng sùng kính Đức Mẹ Maria. Trong truyền thống Công Giáo có câu châm ngôn này, câu nói này: “Ad Iesum per Mariam”, nghĩa là “đến với Chúa Giêsu qua Đức Maria”. Đức Mẹ cho chúng ta thấy Chúa Giêsu. Mẹ luôn mở cửa cho chúng ta! Đức Mẹ là người mẹ cầm tay dẫn dắt chúng ta đến với Chúa Giêsu. Đức Mẹ không bao giờ chỉ vào chính mình, Đức Mẹ chỉ vào Chúa Giêsu. Và đây là lòng sùng kính Đức Mẹ Maria: hướng về Chúa Giêsu qua bàn tay của Đức Mẹ. Đấng trung gian đích thực và duy nhất giữa chúng ta và Chúa Kitô, được chính Chúa Giêsu chỉ ra, là Chúa Thánh Thần. Đức Maria là một trong những phương tiện mà Chúa Thánh Thần sử dụng để đưa chúng ta đến với Chúa Giêsu [1].

Thánh Phaolô định nghĩa cộng đồng Kitô hữu là “một bức thư của Chúa Kitô được chúng ta quản lý, không phải viết bằng mực nhưng bằng Thánh Thần của Thiên Chúa hằng sống, không phải trên những tấm bia đá nhưng trên những tấm bia bằng thịt” (2 Cr 3:3). Là môn đệ đầu tiên và là hình ảnh của Giáo hội, Đức Maria cũng là một bức thư được viết bằng Thánh Thần của Thiên Chúa hằng sống. Chính vì lý do này, Đức Maria có thể “được mọi người biết đến và đọc được” (2 Cr 3:2), ngay cả những người không biết đọc sách thần học, những “người bé nhỏ”, những người mà Chúa Giêsu nói rằng những mâu nhiệm của Vương quốc, vốn ẩn giấu đối với những người khôn ngoan, đã được tiết lộ cho họ (x. Mt 11:25).

Khi nói “Xin vâng” – khi Đức Maria chấp nhận và nói với Thiên thần, “Vâng, xin ý Chúa được thực hiện” và chấp nhận làm mẹ của Chúa Giêsu – thì cũng giống như Đức Maria đã nói với Thiên Chúa: “Này con đây, con là tấm bia để Chúa viết: xin Chúa viết những gì Chúa muốn, xin Chúa làm cho con những gì Chúa Tể muôn loài mong muốn” [2]. Vào thời đó, người ta viết trên những tấm bia bằng sáp; ngày nay chúng ta có thể nói rằng Đức Maria hiện mình như một trang giấy trắng mà Chúa có thể viết bất cứ điều gì Người muốn. Lời “Xin Vâng” của Đức Maria với Thiên Thần – như một nhà chú giải nổi tiếng đã viết – tượng trưng cho “đỉnh cao của mọi hành vi tôn giáo trước mặt Chúa, vì Mẹ thể hiện, theo cách cao nhất, sự sẵn sàng thụ động kết hợp với sự sẵn sàng chủ động, sự trống rỗng sâu sắc nhất đi kèm với sự viên mãn lớn nhất” [3].

Vậy thì, đây chính là cách Mẹ Thiên Chúa trở thành công cụ của Chúa Thánh Thần trong công trình thánh hóa của Người. Giữa vô vàn lời nói và văn bản về Chúa, Giáo hội và sự thánh thiện (mà rất ít người hoặc không ai có thể đọc và hiểu đầy đủ), Mẹ gợi ý một vài lời

mà mọi người, ngay cả những người đơn giản nhất, đều có thể nói trong bất cứ dịp nào: “này đây” và “xin hãy thực hiện”. Đức Maria là người đã nói “Xin Vâng” với Chúa, và với tấm gương và lời chuyển cầu của Mẹ, Mẹ thúc giục chúng ta cũng hãy nói “Xin Vâng” với Người, bất cứ khi nào chúng ta phải đối diện với một hành động vâng phục cần thực hiện hoặc một thử thách cần vượt qua.

Trong mọi thời đại của lịch sử chúng ta, nhưng đặc biệt là vào thời điểm này, Giáo hội thấy mình trong cùng một tình huống như cộng đồng Kitô giáo sau khi Chúa Giêsu lên trời. Giáo hội phải rao giảng Tin Mừng cho mọi dân tộc, nhưng đang chờ đợi "quyền năng từ trên cao" để có thể làm được điều đó. Và chúng ta đừng quên rằng, vào thời điểm đó, như chúng ta đọc trong Công vụ Tông đồ, các môn đệ đã tụ họp xung quanh "Maria, mẹ của Chúa Giêsu" (Công vụ 1:14).

Đúng là cũng có những người phụ nữ khác cùng với Đức Mẹ trong Phòng Tiệc Ly, nhưng sự hiện diện của Người khác biệt và độc đáo giữa tất cả họ. Giữa Người và Chúa Thánh Thần có một mối liên kết độc đáo và vĩnh cửu không thể phá hủy, đó chính là con người của Chúa Kitô, "người đã được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần và sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria", như chúng ta đọc trong Kinh Tin Kính. Tác giả sách Tin Mừng Luca cố tình nhấn mạnh mối tương quan giữa sự hiện xuống của Chúa Thánh Thần trên Đức Maria trong Biến cố Truyền tin và sự hiện xuống của Người với các môn đệ vào Lễ Ngũ tuần, sử dụng một số cách diễn đạt giống hệt nhau trong cả hai trường hợp.

Thánh Phanxicô thành Assisi, trong một trong những lời cầu nguyện của Người, đã chào Đức Mẹ là “con gái và nữ tỳ của Chúa Cha trên trời, Vua toàn năng, Mẹ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa tối cao chúng ta, và là Hiền thê của Chúa Thánh Thần” [4]. Con gái của Chúa Cha, Hiền thê của Chúa Thánh Thần! Mối quan hệ độc nhất giữa Đức Maria và Chúa Ba Ngôi không thể được minh họa bằng những từ ngữ đơn giản hơn.

Giống như mọi hình ảnh, hình ảnh này về “Hiền thê của Chúa Thánh Thần” không được coi là tuyệt đối, nhưng phải được hiểu theo lượng chân lý mà nó chứa đựng, và đó là một chân lý rất đẹp. Mẹ là cô dâu, nhưng trước đó, Mẹ là môn đệ của Chúa Thánh Thần. Hiền thê và môn đệ. Chúng ta hãy học từ Mẹ cách ngoan ngoãn với những linh hứng của Chúa Thánh Thần, đặc biệt là khi Người gợi ý cho chúng ta “hãy đứng dậy vội vã” và đi giúp đỡ những ai cần chúng ta, như Mẹ đã làm ngay sau khi thiên thần rời khỏi Mẹ (x. Lc 1:39). Cảm ơn anh chị em!

[1] Cfr H. Mühlen, *Una mystica persona*, Paderborn 1967: Bản dịch tiếng Ý Rome 1968, 575ss.

[2] *Bình luận về Tin mừng Luca*, đoạn trích. 18 (GCS 49, tr. 227).

[3] H. Schürmann, *Das Lukasevangelium*, Friburgo ở Br. 1968: Bản dịch tiếng Ý Brescia 1983, 154. [4] Fonti Francescane, Assisi 1986, no. 281.

Chương Mười Bảy: Các đặc sủng, những ân huệ của Chúa Thánh Thần để sử dụng chung (ngày 20/11/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong ba bài giáo lý trước, chúng ta đã nói về công trình thánh hóa của Chúa Thánh Thần được thực hiện trong các bí tích, trong lời cầu nguyện và bằng cách noi gương Mẹ Thiên Chúa. Nhưng chúng ta hãy lắng nghe một bản văn nổi tiếng của Công đồng Vatican II nói rằng: “Không những qua các bí tích và các thừa tác vụ của Giáo hội, Chúa Thánh Thần thánh hóa và dẫn dắt dân Chúa và làm cho họ giàu có bằng các nhân đức, nhưng ‘phân phát các ân huệ của Người cho mọi người tùy theo ý Người’” (x. *1 Cr 12:11*) (*Lumen gentium*, 12). Chúng ta cũng có những ân phúc bản thân mà Chúa Thánh Thần ban cho mỗi người chúng ta.

Do đó, đã đến lúc nói về cách thứ hai mà Chúa Thánh Thần hoạt động, đó là hành động đặc sủng. Có hai yếu tố góp phần định nghĩa nên đặc sủng là gì. Tôi sẽ giải thích một hạn từ hơi khó hiểu. Đầu tiên, đặc sủng là món quà được ban tặng “vì lợi ích chung” (*1 Cr 12:7*), để hữu ích cho mọi người. Nói cách khác, đặc sủng không phải chủ yếu và thông thường được dành cho việc thánh hóa bản thân người ta, mà là để “phục vụ” cộng đồng (x. *1 Pr 4:10*). Đây là khía cạnh đầu tiên. Thứ hai, đặc sủng là món quà được ban tặng “cho một người”, hoặc “cho một số người” nói riêng, không phải cho tất cả mọi người theo cùng một cách, và đây là điều phân biệt đặc sủng với ân sủng thánh hóa, với các nhân đức đối thần và với các bí tích, vốn như nhau và chung cho tất cả mọi người. Đặc sủng được ban cho một người hoặc cộng đồng chuyên biệt. Đó là hồng phúc mà Chúa ban cho anh chị em.

Công đồng cũng giải thích điều này. Công đồng nói rằng Chúa Thánh Thần “phân phối các ân sủng đặc biệt cho các tín hữu ở mọi cấp bậc. Nhờ những ân sủng này, Người làm cho họ trở nên phù hợp và sẵn sàng đảm nhận những nhiệm vụ và chức vụ khác nhau góp phần vào việc đổi mới và xây dựng Giáo hội, theo lời của Thánh Tông đồ: “Sự biểu lộ của Chúa Thánh Thần được ban cho mọi người để sinh lợi” (*1 Cr 12:7*).

Các đặc sủng là “những viên ngọc” hoặc đồ trang trí mà Chúa Thánh Thần ban phát để làm cho Cô dâu của Chúa Kitô trở nên xinh đẹp hơn. Do đó, người ta có thể hiểu tại sao bản văn Công đồng kết thúc bằng lời khuyên sau: “Những đặc sủng này, dù là đặc sủng nổi bật nhất hay đơn giản và phổ biến rộng rãi hơn, đều phải được đón nhận với lòng biết ơn và an ủi vì chúng hoàn toàn phù hợp và hữu ích cho nhu cầu của Giáo hội” (*LG 12*).

Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI khẳng định: “Bất cứ ai xem xét lịch sử của thời kỳ hậu công đồng đều có thể nhận ra quá trình đổi mới thực sự, thường có những hình thức bất ngờ trong các phong trào sống động và làm cho sức sống vô tận của Giáo hội thánh thiện trở nên gần như hữu hình”. Và đây là đặc sủng được ban cho một nhóm, thông qua một người.

Chúng ta phải khám phá lại các đặc sủng, vì điều này đảm bảo rằng việc thăng tiến giáo dân, và đặc biệt là phụ nữ, không những được hiểu là một thực tại mang tính định chế và xã hội học, mà còn theo chiều kích Kinh thánh và tâm linh. Thật vậy, giáo dân không phải là những người nhỏ bé nhất, không, giáo dân không phải là một hình thức cộng tác viên bên ngoài hay đội quân hỗ trợ của giáo sĩ, không! Họ có các đặc sủng và ân huệ riêng để đóng góp vào sứ mệnh của Giáo hội.

Chúng ta hãy nói thêm một điều nữa: khi chúng ta nói về các đặc sủng, chúng ta phải ngay lập tức xóa tan một sự hiểu lầm: đó là đồng nhất chúng với những ân sủng và khả năng phi thường hoặc ngoạn mục; thay vào đó, chúng là những ân sủng bình thường - mỗi người chúng ta đều có đặc sủng riêng - có giá trị phi thường nếu được Chúa Thánh Thần soi sáng và thể hiện bằng tình yêu trong các tình huống của cuộc sống. Một cách giải thích như vậy về đặc sủng là quan trọng, bởi vì nhiều Kitô hữu, khi nghe nói về các đặc sủng, cảm thấy buồn bã hoặc thất vọng, vì họ tin rằng họ không có bất cứ đặc sủng nào và cảm thấy mình bị loại trừ hoặc là Kitô hữu hạng hai. Không, họ không phải là những Kitô hữu hạng hai, không, mỗi người đều có đặc sủng bản thân và cộng đồng riêng. Thánh Augustinô đã trả lời những điều này vào thời của Người bằng một so sánh rất hùng hồn: 'Nếu anh chị em yêu thương,' Người nói với giáo dân của Người, "Nếu anh chị em yêu thương, thì không phải là anh chị em không có gì: nếu anh chị em yêu thương sự hiệp nhất, thì bất cứ ai có bất cứ điều gì trong sự hiệp nhất đó cũng có nó cho anh chị em. Trong thân thể, chỉ có mắt nhìn thấy; nhưng có phải chỉ có mắt nhìn thấy không? Nó nhìn thấy cho cả tay và chân, và cho tất cả các chi thể khác". [1]

Điều này tiết lộ bí mật tại sao đức ái được Thánh Tông đồ định nghĩa là "một cách tuyệt vời hơn nữa" (1 Cr 12: 31): nó khiến tôi yêu Giáo hội, hoặc cộng đồng nơi tôi sống và, trong sự hiệp nhất, tất cả các đặc sủng, không chỉ một số, là "của tôi", giống như các đặc sủng "của tôi", mặc dù chúng có vẻ nhỏ bé, đều thuộc về tất cả mọi người và vì lợi ích của tất cả mọi người. Đức ái nhân lên các đặc sủng; nó làm cho đặc sủng của một người, của một cá nhân, trở thành đặc sủng của tất cả mọi người. Cảm ơn anh chị em!

[1] Thánh Augustinô, *Luận về Tin mừng Gioa-an*, 32,8.

Chương Mười Tám: Các hoa trái của Chúa Thánh Thần: Niềm Vui (ngày 27/11/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau khi nói về ơn thánh hóa và sau đó là các đặc sủng, hôm nay tôi muốn xem xét thực tại thứ ba. Thứ nhất, ơn thánh hóa; thứ hai, các đặc sủng; và thực tại thứ ba là gì? Một thực tại liên quan đến hoạt động của Chúa Thánh Thần: đó là các "hoa trái của Chúa Thánh Thần". Có điều gì đó kỳ lạ. Hoa trái của Chúa Thánh Thần là gì? Thánh Phaolô đưa ra một danh sách về chúng trong Thư gửi tín hữu Ga-lát; Người viết như sau, hãy lắng nghe cẩn thận: "Hoa trái của Chúa Thánh Thần là tình yêu, niềm vui, sự bình an, sự kiên nhẫn, lòng nhân từ, sự quảng đại, lòng trung thành, sự hiền lành, sự tự chủ" (5:22). Tất cả là chín: đây là "hoa trái của Chúa Thánh Thần". Nhưng "các hoa trái của Chúa Thánh Thần" này là gì?

Không giống như các đặc sủng mà Chúa Thánh Thần ban cho bất cứ ai Người muốn và khi Người muốn vì lợi ích của Giáo hội, hoa trái của Chúa Thánh Thần, tôi xin nhắc lại - tình yêu, niềm vui, sự bình an, lòng kiên nhẫn, lòng nhân từ, sự quảng đại, lòng trung thành, sự dịu dàng, sự tự chủ - là kết quả của sự hợp tác giữa ân sủng và sự tự do của chúng ta. Những hoa trái này luôn thể hiện sự sáng tạo của con người, trong đó "đức tin hoạt động thông qua tình yêu" (x. Gl 5:6), đôi khi theo cách đáng ngạc nhiên và vui mừng. Không phải mọi người trong Giáo hội đều có thể là tông đồ, không phải mọi người đều có thể là tiên tri, không phải mọi người đều có thể là nhà truyền giáo, không phải mọi người; nhưng tất cả chúng ta, không

phân biệt, đều có thể và phải là những người bác ái, kiên nhẫn, những người làm việc khiêm nhường cho hòa bình, v.v. Nhưng tất cả chúng ta, vâng, phải bác ái, phải kiên nhẫn, phải khiêm nhường, những người làm việc cho hòa bình chứ không phải chiến tranh.

Trong số những hoa trái của Chúa Thánh Thần được Thánh Tông đồ liệt kê, tôi muốn nhấn mạnh một trong số đó, nhắc lại những lời mở đầu của Tông huấn *Evangelii Gaudium*: "Niềm vui của tin mừng lấp đầy trái tim và cuộc sống của tất cả những ai gặp gỡ Chúa Giêsu. Những ai chấp nhận lời đề nghị cứu rỗi của Người sẽ được giải thoát khỏi tội lỗi, nỗi buồn, sự trống rỗng bên trong và sự cô đơn. Với Chúa Giêsu, niềm vui liên tục được tái sinh" (số 1). Đôi khi sẽ có những khoảnh khắc buồn, nhưng luôn có sự bình an. Với Chúa Giêsu, có niềm vui và sự bình an.

Niềm vui, hoa trái của Chúa Thánh Thần, có chung với bất cứ niềm vui nào khác của con người, một cảm giác trọn vẹn và viên mãn nhất định, khiến người ta mong muốn nó sẽ kéo dài mãi mãi. Tuy nhiên, chúng ta biết từ kinh nghiệm rằng điều này không đúng, bởi vì mọi thứ ở đây đều trôi qua nhanh chóng. Mọi thứ đều trôi qua nhanh chóng. Chúng ta hãy cùng nhau suy nghĩ: tuổi trẻ, sự trẻ trung - nó trôi qua nhanh chóng; sức khỏe, sức mạnh, sự khỏe mạnh, tình bạn, tình yêu... Chúng tồn tại hàng trăm năm, nhưng rồi... không còn nữa. Chúng sẽ sớm trôi qua. Bên cạnh đó, ngay cả khi những điều này không trôi qua nhanh chóng, sau một thời gian, chúng không còn đủ nữa, hoặc thậm chí trở nên nhàm chán, bởi vì, như Thánh Augustinô đã nói với Chúa: "Chúa đã tạo ra chúng con cho chính Chúa, và trái tim chúng con bồn chồn cho đến khi chúng được nghỉ ngơi trong Chúa" [1]. Có sự bồn chồn của trái tim để tìm kiếm vẻ đẹp, sự bình an, tình yêu, niềm vui.

Niềm vui Tin mừng, niềm vui Tin mừng, không giống bất cứ niềm vui nào khác, có thể được đổi mới mỗi ngày và trở nên dễ lấy lan. "Chỉ nhờ cuộc gặp gỡ này – hay cuộc gặp gỡ mới mẻ – với tình yêu của Thiên Chúa, nở rộ thành một tình bạn phong phú, chúng ta được giải thoát khỏi sự hẹp hòi và tự phụ của mình.... Ở đây, chúng ta tìm thấy nguồn gốc và cảm hứng cho mọi nỗ lực truyền giảng tin mừng của mình. Vì nếu chúng ta đã nhận được tình yêu khôi phục ý nghĩa cho cuộc sống của mình, làm sao chúng ta có thể không chia sẻ tình yêu đó với người khác?" (*Evangelii Gaudium*, 8). Đó là đặc điểm kép của niềm vui như hoa trái của Chúa Thánh Thần: nó không những không bị hao mòn theo thời gian mà còn nhân lên khi được chia sẻ với người khác! Niềm vui đích thực được chia sẻ với người khác; nó thậm chí còn lan tỏa.

Năm thế kỷ trước, một vị thánh tên là Philip Neri đã sống ở Rome – tại đây ở Rome. Người đã đi vào lịch sử như vị thánh của niềm vui. Hãy lắng nghe điều này một cách cẩn thận: vị thánh của niềm vui. Người thường nói với những đứa trẻ nghèo và bị bỏ rơi trong Nhà nguyện của mình: "Các con của ta, hãy vui lên; Tôi không muốn sự lo lắng hay u sầu; đối với tôi, chỉ cần bạn không phạm tội là đủ rồi". Và một lần nữa: "Hãy tốt, nếu bạn có thể!". Tuy nhiên, ít người biết đến nguồn gốc niềm vui của Người. Thánh Philip Neri có tình yêu dành cho Chúa đến nỗi đôi khi dường như trái tim Người có thể vỡ tung trong lồng ngực. Niềm vui của Người, theo nghĩa trọn vẹn nhất, là hoa trái của Chúa Thánh Thần. Vị thánh đã tham gia Năm Thánh 1575, mà Người đã làm phong phú thêm bằng việc thực hành, sau đó duy trì, chuyến viếng thăm Bảy Nhà thờ. Vào thời của Người, Người là một nhà truyền giáo thực sự thông qua niềm vui. Và Người đã có điều này, giống như Chúa Giêsu, người luôn tha thứ, người đã tha thứ mọi điều. Có lẽ một số người trong chúng ta có thể nghĩ: "Nhưng tôi đã phạm tội này, và tội này sẽ không được tha thứ...". Hãy lắng nghe điều này một cách cẩn thận. Thiên Chúa tha thứ mọi điều, Thiên Chúa luôn tha thứ. Và đây là niềm vui: được Thiên Chúa tha thứ. Và tôi luôn nói với các linh mục và cha giải tội: "Hãy tha thứ mọi điều, đừng

hỏi quá nhiều câu hỏi; nhưng hãy tha thứ mọi điều, mọi thứ, và luôn luôn”.

Chữ “Tin mừng” có nghĩa là tin mừng. Do đó, nó không thể được truyền đạt bằng khuôn mặt dài và vẻ mặt buồn bã, nhưng bằng niềm vui của những người đã tìm thấy kho báu và viên ngọc quý bị che giấu. Hãy nhớ lời khuyên của Thánh Phaolô gửi đến các tín hữu của Giáo hội Philippi, lời mà Người hiện đang gửi đến tất cả chúng ta, và chúng ta đã nghe lúc đầu: “Hãy vui mừng trong Chúa luôn mãi. Tôi sẽ nói lại lần nữa: hãy vui mừng! Lòng nhân từ của anh chị em phải được mọi người biết đến. Chúa đã gần kề” (Phl 4:4-5).

Anh chị em thân mến, hãy vui mừng, với niềm vui của Chúa Giêsu trong lòng chúng ta. Cảm ơn anh chị em.

[1] *Confessions*, I, 1.

Chương Mười Chín: Chúa Thánh Thần và công cuộc truyền giảng tin mừng. (ngày 04/12/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Sau khi suy gẫm về hành động thánh hóa và đặc sủng của Chúa Thánh Thần, chúng ta sẽ dành bài giáo lý này cho một khía cạnh khác: *công cuộc truyền giáo của Chúa Thánh Thần*, tức là về vai trò của việc rao giảng trong Giáo hội.

Thứ nhất của Thánh Phêrô định nghĩa các tông đồ là “những người đã rao giảng Tin Mừng cho anh em [qua] Chúa Thánh Thần” (x. 1:12). Trong cách diễn đạt này, chúng ta tìm thấy hai yếu tố cấu thành nên công cuộc rao giảng của Kitô giáo: *nội dung* của nó, tức là Tin Mừng, và *phương tiện* của nó, tức là Chúa Thánh Thần. Chúng ta hãy nói đôi điều về một trong hai yếu tố này.

Trong Tân Ước, từ “Tin mừng” có hai nghĩa chính. Nó có thể chỉ bất cứ một trong bốn Tin Mừng quy điển nào: Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca và Gio-an, và theo định nghĩa này, Tin Mừng có nghĩa là tin mừng *được Chúa Giêsu công bố* trong cuộc sống trần thế của Người. Sau Lễ Vượt Qua, từ “Tin Mừng” mang ý nghĩa mới của nó là tin mừng *về Chúa Giêsu*, tức là mầu nhiệm Vượt Qua về cái chết và sự phục sinh của Chúa. Đây là điều mà Thánh Tông đồ gọi là “Tin Mừng” khi Người viết: “Tôi không hổ thẹn về Tin Mừng. Đó là quyền năng của Thiên Chúa để cứu độ mọi kẻ tin” (Rm 1:16).

Lời rao giảng của Chúa Giêsu và sau đó là của các Tông đồ cũng bao gồm tất cả các bản phân đạo đức bắt nguồn từ Tin Mừng, bắt đầu từ mười điều răn cho đến điều răn “mới” về tình yêu. Nhưng nếu chúng ta không muốn tái phạm vào sai lầm mà Thánh Tông đồ Phaolô đã tố cáo là đặt luật pháp lên trên ân sủng và việc làm lên trên đức tin, thì chúng ta luôn cần phải bắt đầu lại từ việc công bố những gì Chúa Kitô đã làm cho chúng ta.

Do đó, Tông huấn *Evangelii Gaudium* [niềm vui Tin mừng] nhấn mạnh nhiều đến điều đầu tiên trong hai điều này, tức là *kerygma* hay “lời loan báo”, mà mọi ứng dụng đạo đức đều phụ thuộc vào.

Thật vậy, “trong giáo lý, chúng ta cũng đã khám phá lại vai trò cơ bản của lời loan báo đầu tiên hay *kerygma*, cần phải là trung tâm của mọi hoạt động truyền giáo và mọi nỗ lực đổi mới Giáo hội. ... Lời loan báo đầu tiên được gọi là ‘đầu tiên’ không phải vì nó tồn tại ngay từ đầu và sau đó có thể bị lãng quên hoặc thay thế bằng những điều quan trọng hơn. Nó đứng đầu theo nghĩa định tính, vì nó là lời loan báo chính, lời mà chúng ta phải nghe đi nghe lại theo nhiều cách khác nhau, lời mà chúng ta phải loan báo theo cách này hay cách khác qua diễn trình giáo lý, ở mọi bình diện và thời điểm. ...

Chúng ta không được nghĩ rằng trong giáo lý, *kerygma* nhường chỗ cho một sự đào tạo được cho là ‘vững chắc’ hơn. Không có gì vững chắc, sâu sắc, an toàn, có ý nghĩa và đầy khôn ngoan hơn lời loan báo ban đầu đó” (số 164-165), tức là *kerygma*.

Cho đến nay, chúng ta đã thấy nội dung của việc rao giảng của Kitô giáo. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải ghi nhớ *phương tiện* nhờ đó nó được công bố. Tin Mừng phải được rao giảng “nhờ Chúa Thánh Thần” (1 Pr 1:12). Giáo hội phải làm chính xác những gì Chúa Giêsu nói khi bắt đầu sứ vụ công khai của Người: “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Người đã xức dầu cho tôi để tôi loan báo Tin Mừng cho người nghèo khó” (Lc 4:18). *Rao giảng với sự xức dầu của Chúa Thánh Thần* có nghĩa là truyền đạt, cùng với các ý tưởng và giáo lý, cuộc sống và niềm tin của đức tin của chúng ta. Điều đó có nghĩa là làm như vậy “không phải bằng lời lẽ khôn ngoan thuyết phục, nhưng bằng sự chứng minh của tinh thần và quyền năng” (1 Cr 2:4), như Thánh Phaolô đã viết.

Nói thì dễ, người ta có thể phản đối, nhưng làm sao có thể đưa nó vào thực hành nếu nó không phụ thuộc vào chúng ta, mà phụ thuộc vào việc Chúa Thánh Thần đến? Trên thực tế, có một điều phụ thuộc vào chúng ta, hay đúng hơn là hai điều, và tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến chúng. Đầu tiên là *cầu nguyện*. Chúa Thánh Thần đến với những ai cầu nguyện, vì— có lời chép rằng— Cha trên trời “ban Thánh Thần cho những ai cầu xin Người” (Lc 11:13), nhất là nếu chúng ta cầu xin Người để công bố Tin Mừng của Con Người! Khôn cho những ai rao giảng mà không cầu nguyện! Họ trở thành những người mà Thánh Tông đồ định nghĩa là “một thanh la vang dội hay một chũm chọe chói tai” (x. 1 Cr 13:1).

Vì vậy, điều đầu tiên phụ thuộc vào chúng ta là cầu nguyện, để Chúa Thánh Thần có thể đến. Điều thứ hai là *không muốn rao giảng về chính mình, mà là về Chúa Giêsu* (x. 2 Cr 4:5). Điều này liên quan đến việc giảng thuyết. Đôi khi có những bài giảng dài, hai mươi phút, ba mươi phút... Nhưng, xin làm ơn, những người giảng thuyết phải giảng một ý tưởng, một cảm xúc và một lời kêu gọi hành động. Sau tám phút, bài giảng bắt đầu mờ dần, không ai hiểu được. Và tôi nói điều này với những người giảng thuyết [vỗ tay]— Tôi thấy anh chị em thích nghe điều này! Đôi khi chúng ta thấy những người đàn ông, khi bài giảng bắt đầu, đi ra ngoài hút thuốc rồi quay lại. Xin làm ơn, bài giảng phải là một ý tưởng, một cảm giác và một lời kêu gọi hành động. Và nó không bao giờ được vượt quá mười phút. Điều này rất quan trọng.

Điều thứ hai, tôi muốn nói, là không muốn rao giảng về chính mình, mà là về Chúa. Không cần phải bận tâm về điều này, bởi vì bất cứ ai tham gia vào việc truyền giảng Tin mừng đều biết ý nghĩa thực tế của việc không rao giảng về bản thân. Tôi sẽ giới hạn bản thân mình vào một ứng dụng cụ thể của yêu cầu này. Không muốn rao giảng về bản thân cũng ngụ ý không phải lúc nào cũng ưu tiên các sáng kiến mục vụ do chúng ta thúc đẩy và gắn liền với tên tuổi của chúng ta, nhưng sẵn sàng hợp tác, nếu được yêu cầu, vào các sáng kiến cộng đồng hoặc được giao phó cho chúng ta bằng sự vắng lời.

Xin Chúa Thánh Thần giúp chúng ta, đồng hành với chúng ta và dạy Giáo hội cách rao giảng Tin Mừng theo cách này cho những người nam và người nữ của thời đại này! Cảm ơn anh chị em.

Chương Hai Mươi: Chúa Thánh Thần và niềm hy vọng của Kitô hữu (ngày 11/12/2024)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Chúng ta đã đến phần cuối của các bài giáo lý về Chúa Thánh Thần và Giáo hội. Chúng ta sẽ dành phần suy tư cuối cùng này cho tiêu đề mà chúng ta đã đặt cho toàn bộ chu kỳ, cụ thể là: “Chúa Thánh Thần và Cô Dâu. Chúa Thánh Thần hướng dẫn dân Chúa đến với Chúa Giêsu, niềm hy vọng của chúng ta”. Tiêu đề này ám chỉ một trong những câu cuối cùng của Kinh thánh, trong Sách Khải Huyền, có đoạn: “Thánh Thần và cô dâu nói: ‘Hãy đến!’” (Khải Huyền 22:17). Lời cầu khẩn này được gửi đến ai? Lời cầu khẩn này được gửi đến Chúa Kitô phục sinh. Thật vậy, cả Thánh Phaolô (x. 1 Cr 16:22) và Didaché, một văn bản từ thời các tông đồ, đều chứng thực rằng trong các buổi họp phụng vụ của những Kitô hữu đầu tiên, tiếng kêu vang lên bằng tiếng Aram, “Maràna tha!”, thực sự có nghĩa là “Lạy Chúa, xin hãy đến!”. Một lời cầu nguyện với Chúa Kitô, để Người đến.

Vào thời kỳ đầu tiên đó, lời cầu nguyện có bối cảnh mà ngày nay chúng ta sẽ mô tả là cánh chung. Thật vậy, nó diễn tả sự mong đợi nồng nhiệt về sự trở lại vinh quang của Chúa. Và tiếng kêu này, cùng sự mong đợi mà nó thể hiện, chưa bao giờ bị dập tắt trong Giáo hội. Cho đến ngày nay, trong Thánh lễ, ngay sau khi truyền phép, Giáo hội vẫn tuyên bố cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô “khi chúng ta chờ đợi niềm hy vọng được chúc phúc và sự đến của [Người]”. Giáo hội đang chờ đợi Chúa đến.

Nhưng sự mong đợi về việc đến cuối cùng của Chúa Kitô không phải là duy nhất và chỉ là thế. Nó cũng được kết hợp với sự mong đợi về việc đến liên tục của Người trong tình hình hiện tại và hành hương của Giáo hội. Và chính sự đến này mà Giáo hội nghĩ đến trước hết, khi, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, Giáo hội kêu lên Chúa Giêsu: “Hãy đến!”.

Một sự thay đổi, hay nói đúng hơn, chúng ta hãy nói, một sự phát triển đầy đủ ý nghĩa, đã xảy ra liên quan đến tiếng kêu “Hãy đến”, “Lạy Chúa, xin hãy đến!”. Nó không chỉ thường được hướng đến Chúa Kitô, mà còn hướng đến chính Chúa Thánh Thần! Đáng kêu lên giờ đây chính là Đấng mà chúng ta kêu tới. “Hãy đến!” là lời cầu khẩn mà chúng ta bắt đầu hầu hết các thánh ca và lời cầu nguyện của Giáo hội hướng đến Chúa Thánh Thần: “Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến”, chúng ta nói trong kinh Veni Creator, và “Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến”, “Veni Sancte Spiritus”, trong chuỗi kinh mừng lễ Ngũ Tuần; và cứ thế, trong nhiều lời cầu nguyện khác. Thật đúng khi phải như vậy, bởi vì, sau khi Phục sinh, Chúa Thánh Thần là “bản ngã khác” thực sự của Chúa Kitô, Đấng thay thế Người, Đấng làm cho Người hiện diện và hoạt động trong Giáo hội. Chính Người là Đấng “tuyên bố... những điều sẽ đến” (x. Ga 16:13) và làm cho chúng trở nên đáng mong ước và trông đợi. Đây là lý do tại sao Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần không thể tách rời, ngay cả trong nhiệm vụ cứu độ.

Chúa Thánh Thần là nguồn hy vọng luôn tuôn trào của Kitô giáo. Thánh Phaolô đã để lại cho chúng ta những lời quý giá này, đây là những gì Thánh Phaolô nói: “Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng đổ tràn niềm vui và bình an cho anh em trong đức tin, để anh em được tràn đầy hy vọng nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần” (Rm 15:13). Nếu Giáo hội là một con

thuyền, thì Chúa Thánh Thần là cánh buồm đẩy thuyền và để thuyền tiến lên trên biển lịch sử, hôm nay cũng như trong quá khứ!

Hy vọng không phải là một từ ngữ sáo rỗng, hay một mong muốn mơ hồ của chúng ta rằng mọi thứ có thể trở nên tốt đẹp nhất; hy vọng là một điều chắc chắn, bởi vì nó được xây dựng trên lòng trung thành của Thiên Chúa đối với những lời hứa của Người. Và đây là lý do tại sao nó được gọi là một nhân đức đối thần: bởi vì nó được Thiên Chúa ban cho và có Thiên Chúa là người bảo lãnh. Đó không phải là một nhân đức thụ động, chỉ chờ đợi mọi thứ xảy ra. Đó là một nhân đức cực kỳ chủ động giúp chúng xảy ra. Một người đấu tranh cho sự giải phóng của người nghèo đã viết những lời này: “Chúa Thánh Thần là nguồn gốc của tiếng kêu của người nghèo. Người là sức mạnh được ban cho những người không có sức mạnh. Người lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng và thực hiện đầy đủ cho những người bị áp bức”.

Người Kitô hữu không thể hài lòng với việc có hy vọng; họ cũng phải tỏa sáng hy vọng, trở thành người gieo hy vọng. Đó là món quà đẹp nhất mà Giáo hội có thể trao tặng cho toàn thể nhân loại, đặc biệt là vào những thời điểm mà mọi thứ dường như đang kéo buồm xuống.

Thánh tông đồ Phê-rô đã khuyên nhủ những người Kitô hữu đầu tiên bằng những lời này: “Hãy tôn Chúa Kitô là Chúa trong lòng anh em. Hãy luôn sẵn sàng giải thích cho bất cứ ai hỏi anh em về lý do hy vọng của anh em”. Nhưng ngài đã thêm một lời khuyên: “Nhưng hãy làm điều đó với sự dịu dàng và kính trọng” (1 Pr 3:15-16). Và điều này là bởi vì không phải sức mạnh của các lập luận sẽ thuyết phục mọi người, mà là tình yêu mà chúng ta biết cách đặt vào đó. Đây là hình thức truyền giáo đầu tiên và hiệu quả nhất. Và nó mở ra cho tất cả mọi người!

Anh chị em thân mến, xin Chúa Thánh Thần luôn luôn, luôn luôn giúp chúng ta “tràn đầy hy vọng nhờ Chúa Thánh Thần! Cảm ơn anh chị em.

LỜI KÊU GỌI

Mỗi ngày, tôi đều theo dõi những gì đang diễn ra ở Syria, trong thời điểm rất mong manh này trong lịch sử của đất nước. Tôi hy vọng rằng một giải pháp chính trị có thể đạt được, mà không có thêm xung đột hoặc chia rẽ, có thể thúc đẩy một cách có trách nhiệm sự ổn định và thống nhất của đất nước. Tôi cầu xin, nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria, cho người dân Syria được sống trong hòa bình và an ninh trên đất nước yêu dấu của họ, và các tôn giáo khác nhau có thể cùng nhau bước đi trong tình bạn và sự tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích của quốc gia, vốn đang phải chịu nhiều năm chiến tranh.

Tiết Mười: Năm Thánh

Chương Một: Chúa Giêsu Kitô là niềm hy vọng của chúng ta.

Con Thiên Chúa đi vào lịch sử

(Ngày 18/12/2024)

Theo tin Tòa Thánh, sáng nay, 18 tháng Mười Hai, 2024, trong buổi tiếp kiến chung tại Hội trường Phaolô VI, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khởi đầu loạt bài giáo lý mới của ngài về Năm Thánh; và hôm nay, ngài dựa vào gia phả của Chúa Giêsu để nói về Việc Con Thiên Chúa đi vào lịch sử. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý tuần này của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta bắt đầu chu trình dạy giáo lý sẽ diễn ra trong suốt Năm Thánh. Chủ đề là “Chúa Giêsu Kitô là niềm hy vọng của chúng ta”: thực vậy, Người là đích điểm cuộc hành hương của chúng ta, và chính Người là đường, là con đường để chúng ta đi theo.

Phần đầu tiên sẽ đề cập đến thời thơ ấu của Chúa Giêsu, được các Thánh sử Mátthêu và Luca thuật lại cho chúng ta (xem Mt 1–2; Lc 1–2). Các Tin Mừng Thời Thơ ấu kể về việc Chúa Giêsu được thụ thai trinh nguyên và việc Người sinh ra từ lòng Đức Maria; họ nhắc lại những lời tiên tri về đấng mê-xi-a đã được ứng nghiệm nơi Người và nói về tư cách làm cha hợp pháp của Thánh Giuse, người đã ghép Con Thiên Chúa vào “thân cây” của triều đại Đavít. Chúng ta được thấy Chúa Giêsu như một trẻ sơ sinh, một trẻ em và một thiếu niên, vâng phục cha mẹ, đồng thời ý thức được việc hoàn toàn tận hiến cho Chúa Cha và Vương quốc của Người. Sự khác biệt giữa hai Thánh sử là trong khi Luca kể lại các sự kiện qua con mắt của Đức Maria, thì Mátthêu lại kể lại qua con mắt của Thánh Giuse, nhấn mạnh vào quan hệ cha con chưa từng có như vậy.

Thánh Mátthêu mở đầu Tin Mừng của mình và toàn bộ bộ kinh Tân Ước bằng “gia phả Đức Giêsu Kitô, con vua Đavít, con ông Áp-ra-ham” (Mt 1.1). Đây là danh sách những cái tên đã có trong Kinh thánh tiếng Do Thái, để chỉ ra sự thật về lịch sử và sự thật về đời sống con người. Thực ra, “gia phả của Chúa được tạo thành từ lịch sử đích thực, trong đó có một số cái tên gây vấn nạn ít nhất phải nói như thế và tội lỗi của Vua Đavít được nhấn mạnh (xem Mt 1:6). Tuy nhiên, mọi sự đều kết thúc và phát triển trong Đức Maria và trong Chúa Kitô (xem Mt 1:16)” (Thư về việc đổi mới việc nghiên cứu lịch sử Giáo hội, ngày 21 tháng 11 năm 2024). Rồi, sự thật về cuộc sống con người xuất hiện, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, mang lại ba điều: một cái tên chứa đựng căn tính và sứ mệnh duy nhất; thuộc về một gia đình và một dân tộc; và cuối cùng là sự gắn bó đức tin với Thiên Chúa của Israel.

Gia phả là một thể loại văn học, tức là một hình thức thích hợp để truyền tải một thông điệp vô cùng quan trọng: không ai tự mình hiến mạng sống mình mà nhận nó như một hồng phúc từ người khác; trong trường hợp này, chúng ta đang nói về những người được chọn và bắt cứ ai thừa hưởng kho tàng đức tin từ người cha, trong việc truyền lại sự sống cho con cái, cũng mang lại cho họ niềm tin vào Thiên Chúa.

Tuy nhiên, không giống như các gia phả trong Cựu Ước chỉ xuất hiện tên nam giới, vì ở Israel người cha đặt tên cho con trai, phụ nữ cũng xuất hiện trong danh sách của Thánh Mátthêu trong số tổ tiên của Chúa Giê-su. Chúng ta tìm thấy năm người trong số họ: Tamar, con dâu của Giu-đa, người từng góa bụa, giả làm gái điếm để đảm bảo có con nối dõi cho chồng

(xem Sáng thế 38); Ra-háp, gái điếm thành Giê-ri-cô, người đã cho phép các nhà thám hiểm Do Thái vào đất hứa và chinh phục nó (xem Gio-suê 2); Rút, người Mô-áp, trong cuốn sách cùng tên, luôn chung thủy với mẹ chồng, chăm sóc bà và sẽ trở thành bà cố của Vua Đa-vít; Bát-sê-va, người mà Đa-vít phạm tội ngoại tình và sau khi chồng bà bị giết, đã sinh ra Sa-lô-môn (xem 2 Sa-mu-en 11); và cuối cùng là Đức Maria người Na-da-rét, vợ Thánh Giuse, thuộc nhà Đavít: từ ngài mà Đấng Mê-xi-a, tức Chúa Giêsu, đã được sinh ra.

Bốn người phụ nữ đầu tiên được liên kết với nhau không phải vì họ là tội nhân như người ta thường nói, mà vì họ là người ngoại quốc so với dân tộc Israel. Điều mà Thánh Mát-thêu đưa ra là, như Đức Bênêđictô XVI đã viết, “qua họ, thế giới của dân ngoại bước vào... gia phả của Chúa Giêsu – sứ mạng của Người đối với người Do Thái và người ngoại đạo trở nên hữu hình” (*Thời thơ ấu của Chúa Giêsu*, Milan- Thành phố Vatican 2012, 15).

Trong khi bốn người phụ nữ trước đó được nhắc đến cùng với người đàn ông được sinh ra từ họ hoặc người đã sinh ra ông ta, thì mặt khác, Đức Maria lại nổi bật một cách đặc biệt: ngài đánh dấu một khởi đầu mới, bản thân ngài là một khởi đầu mới, bởi vì trong câu chuyện của ngài, không còn việc tạo vật nhân bản trong tư cách nhân vật chính của việc sinh sản, mà là chính Thiên Chúa. Có thể thấy rõ điều này qua động từ “được sinh ra”: “Giacóp sinh Giuse, chồng của bà Maria, bà là người sinh ra Chúa Giêsu cũng gọi là Chúa Kitô” (Mt 1:16). Chúa Giêsu là con vua Đavít, được Thánh Giuse đưa vào triều đại đó và được định sẵn là Đấng Mê-xi-a của dân Israel, nhưng Người cũng là con của Áp-ra-ham và của các phụ nữ ngoại quốc, do đó được tiên định làm “Ánh sáng dân ngoại” (xem Lc 2. :32) và là “Đấng Cứu Thế” (Ga 4:42).

Con Thiên Chúa, đã thánh hiến cho Chúa Cha với sứ mệnh mạc khải dung nhan của Người (x. Ga 1:18; Ga 14:9), đã đi vào thế gian như tất cả con cái loài người, đến nỗi ở Na-da-rét Người sẽ được gọi là “con ông Giuse » (Ga 6:42) hay “con trai bác thợ mộc” (Mt 13:55). Thiên Chúa thật và con người thật.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy khơi dậy trong mình những ký ức biết ơn về tổ tiên. Và trên hết chúng ta tạ ơn Thiên Chúa, Đấng, qua mẹ Giáo Hội, đã sinh ra chúng ta cho sự sống đời đời, sự sống vĩnh cửu, sự sống của Chúa Giêsu, niềm hy vọng của chúng ta.

Chương Hai: Tệ nạn lao động trẻ em (ngày 08/01/2025)

Theo tin Tòa Thánh, sáng nay, 8 tháng giêng, 2025, trong buổi tiếp kiến chung tại hội trường Phao-lô VI, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã trình bày bài giáo lý của Người về trẻ em với việc nhấn mạnh tới thảm trạng bóc lột các em qua lao động. Sau đây là nguyên văn bài giáo lý tuần này của ngài.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Tôi muốn dành bài giáo lý này và bài giáo lý tiếp theo cho trẻ em, và đặc biệt suy gẫm về tệ nạn lao động trẻ em.

Ngày nay, chúng ta muốn hướng sự chú ý của mình về sao Hỏa hoặc thế giới ảo, nhưng chúng ta phải vật lộn mới nhìn vào mắt một đứa trẻ bị bỏ lại bên lề và bị bóc lột hoặc lạm dụng. Thế kỷ này để ra trí khôn nhân tạo và lập kế hoạch cho sự tồn tại đa hành tinh nhưng

vẫn chưa tính số tẻ nạn tuổi thơ bị sỉ nhục, bóc lột, bị tử thương. Chúng ta hãy suy nghĩ về điều này.

Trước hết, chúng ta hãy tự hỏi: Thánh Kinh đã truyền cho chúng ta thông điệp gì về trẻ em? Điều kỳ lạ là nhận ra rằng chữ xuất hiện thường xuyên nhất trong Cựu Ước, sau tên thánh *Gia-vê*, là chữ *ben*, nghĩa là "con trai": gần năm ngàn lần. "Chắc chắn, con trai (*ben*) là một món quà từ Chúa, hoa trái của lòng mẹ, một phần thưởng" (Tv 127: 3). Con cái là một món quà từ Thiên Chúa. Thật không may, món quà này không phải lúc nào cũng được đối xử một cách tôn trọng. Bản thân Kinh thánh dẫn chúng ta qua những con đường của lịch sử, nơi những bài ca vui mừng vang lên, nhưng cũng có tiếng kêu của những nạn nhân được gióng lên. Ví dụ, trong sách Ai Ca, chúng ta đọc: "Lưỡi trẻ thơ dính chặt vào vòm miệng vì khát; trẻ con xin bánh, nhưng không ai cho chúng một miếng" (4: 4); và tiên tri Na-khum, nhớ lại những gì đã xảy ra ở các thành phố cổ Thebes và Nineveh, đã viết: "Ngay cả những đứa con nhỏ của bà cũng bị đập tan thành từng mảnh ở góc mỗi đường phố" (3:10). Hãy nghĩ đến bao nhiêu trẻ em ngày nay đang chết vì đói và túng thiếu, hoặc bị bom đạn xé xác.

Con bão bạo lực của Hê-rôt, kẻ đã tàn sát những đứa trẻ sơ sinh ở Bêlem, đã bùng nổ lập tức cả đối với Chúa Giêsu mới sinh. Một thảm kịch ám đạm lặp lại dưới nhiều hình thức khác trong suốt chiều dài lịch sử. Và ở đây, đối với Chúa Giêsu và cha mẹ Người, là cơn ác mộng trở thành người tị nạn ở một đất nước xa lạ, như vẫn xảy ra ngày nay với nhiều người, nhiều trẻ em (x. Mt 2:13-18). Sau khi cơn bão qua đi, Chúa Giêsu lớn lên trong một ngôi làng không bao giờ được nhắc đến trong Cựu Ước, Na-da-rét; Người học nghề thợ mộc từ người cha hợp pháp của mình, Thánh Giu-se (x. Mc 6:3; Mt 13:55). Theo cách này, "Đứa trẻ lớn lên và trở nên mạnh mẽ, đầy khôn ngoan; và ân sủng của Thiên Chúa ở trên Người" (Lc 2:40).

Trong cuộc sống công khai của mình, Chúa Giêsu đã đi rao giảng từ làng này sang làng khác cùng với các môn đệ của Người. Một ngày nọ, một số bà mẹ đến gần Người và dâng con cái của họ cho Người để chúc phúc; nhưng các môn đệ đã khiển trách Người. Vì vậy, Chúa Giêsu, phá vỡ truyền thống trong đó trẻ em chỉ được coi là những đối tượng thụ động, đã gọi các môn đệ đến với Người và nói: "Hãy để trẻ em đến với Ta và đừng ngăn cản chúng; vì Nước Thiên Chúa thuộc về những ai giống như chúng". Và do đó, Người chỉ ra những đứa trẻ như một hình mẫu cho người lớn. Và Người long trọng nói thêm: "Amen, Ta bảo các ngươi, bất cứ ai không đón nhận Nước Thiên Chúa như một đứa trẻ thì sẽ không được vào đó" (Lc 18:16-17).

Trong một đoạn tương tự, Chúa Giêsu gọi một đứa trẻ, đặt nó vào giữa các môn đệ và nói: "Nếu các ngươi không trở lại và trở nên như trẻ nhỏ, các ngươi sẽ không được vào Nước Thiên Chúa" (Mt 18:3). Và sau đó, Người cảnh cáo: "Bất cứ ai làm cho một trong những kẻ bé mọn này tin vào Ta phạm tội, thì thả buộc cối đá lớn vào cổ nó và quăng xuống đáy biển còn hơn" (Mt 18:6).

Anh chị em thân mến, các môn đệ của Chúa Giêsu Kitô không bao giờ được phép để trẻ em bị bỏ bê hoặc ngược đãi, bị tước đoạt quyền lợi, không được yêu thương hoặc bảo vệ. Người Kitô hữu có bổn phận phải ngăn chặn và lên án mạnh mẽ tình trạng bạo lực hoặc lạm dụng trẻ em.

Ngày nay, đặc biệt, có quá nhiều trẻ em bị ép buộc phải làm việc. Nhưng một đứa trẻ không biết cười, một đứa trẻ không có ước mơ thì không thể biết hoặc nuôi dưỡng tài năng của mình. Ở mọi nơi trên thế giới, có những đứa trẻ bị bóc lột bởi một nền kinh tế không tôn trọng sự sống; một nền kinh tế khi làm như vậy, sẽ tiêu thụ hết kho hy vọng và tình yêu lớn

nhất của chúng ta. Nhưng trẻ em chiếm một vị trí đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa, và bất cứ ai làm hại trẻ em sẽ phải chịu trách nhiệm trước Người.

Anh chị em thân mến, những người nhận ra mình là con cái Thiên Chúa, và đặc biệt là những người được sai đi để mang tin mừng của Tin mừng đến với người khác, không thể thờ ơ; họ không thể chấp nhận rằng những người chị em và anh em bé nhỏ của chúng ta, thay vì được yêu thương và bảo vệ, lại bị cướp mất tuổi thơ, giấc mơ, trở thành nạn nhân của sự bóc lột và gạt ra ngoài lề.

Chúng ta hãy cầu xin Chúa mở rộng trí khôn và trái tim chúng ta để biết quan tâm và dịu dàng, và để mọi bé trai và bé gái có thể lớn lên về tuổi tác, sự khôn ngoan và ân sủng (x. Lc 2:52), đón nhận và trao ban tình yêu. Cảm ơn anh chị em

Chương Ba: Trẻ em, những người được Chúa Cha yêu quý nhất (ngày 15/01/2025)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong buổi tiếp kiến tuần trước, chúng ta đã nói về trẻ em, và hôm nay chúng ta cũng sẽ nói về trẻ em. Tuần trước, chúng ta đã tập trung vào cách Chúa Giêsu nhiều lần nói về tầm quan trọng của việc bảo vệ, chào đón và yêu thương các trẻ em trong công việc của mình.

Tuy nhiên, ngay cả ngày nay trên thế giới, hàng trăm triệu trẻ vị thành niên, mặc dù chưa đến độ tuổi tối thiểu để thực hiện các nghĩa vụ của người trưởng thành, vẫn bị buộc phải làm việc và nhiều em trong số đó phải làm những công việc đặc biệt nguy hiểm; chưa kể đến những bé trai và bé gái bị buôn bán để hành nghề mại dâm hoặc khiêu dâm, và kết hôn cưỡng bức. Và điều này khá cay đắng. Thật không may, trong xã hội của chúng ta, trẻ em bị lạm dụng và ngược đãi theo nhiều cách. Lạm dụng trẻ em, bất kể bản chất là gì, đều là hành vi đáng khinh bỉ, là hành vi tàn ác. Không chỉ là tai họa cho xã hội, không, đó là tội ác! Và đó là sự vi phạm trắng trợn các điều răn của Thiên Chúa. Không trẻ em nào được phép bị lạm dụng. Ngay cả một trường hợp cũng đã là quá nhiều. Do đó, chúng ta cần phải đánh thức lương tâm, thực hành sự gần gũi và liên đới thực sự với trẻ em và thanh thiếu niên bị lạm dụng, đồng thời xây dựng lòng tin và sự hợp tác giữa những người cam kết cung cấp cho các em cơ hội và nơi an toàn để các em lớn lên một cách thanh thản. Tôi biết một quốc gia ở Mỹ Latinh, nơi có một loại trái cây đặc biệt, rất đặc biệt, được gọi là *arándano* [một loại quả nam việt quất]. Việc thu hoạch *arándano* đòi hỏi đôi bàn tay dịu dàng, và họ bắt trẻ em làm việc đó, họ biến chúng thành nô lệ để thu hoạch nó.

Tình trạng nghèo đói lan rộng, tình trạng thiếu các công cụ hỗ trợ xã hội cho các gia đình, tình trạng bị đẩy ra bên lề gia tăng trong những năm gần đây cùng với tình trạng thất nghiệp và mất an ninh việc làm là những yếu tố khiến những người trẻ tuổi phải trả giá đắt nhất. Ở các thành phố lớn, nơi mà sự chia rẽ xã hội và sự suy đồi đạo đức “cẩn xé”, có những trẻ em tham gia vào việc buôn bán ma túy và các hoạt động bất hợp pháp đa dạng nhất. Chúng ta đã thấy bao nhiêu trẻ em trong số này trở thành nạn nhân hy sinh! Đôi khi thật bi thảm khi chúng bị dụ dỗ trở thành “đao phủ” của bạn bè đồng trang lứa, cũng như làm tổn hại đến bản thân, phẩm giá và nhân tính của chúng. Tuy nhiên, khi ở trên phố, trong khu vực giáo xứ, và những sinh mạng bị mất này hiện ra trước mắt chúng ta, chúng ta thường ngoảnh mặt làm ngơ.

Cũng có một trường hợp ở đất nước tôi: một cậu bé tên Loan đã bị bắt cóc và không rõ tung tích. Và một trong những giả thuyết là cậu bé đã bị đưa đi lấy nội tạng để cấy ghép. Và điều này đã xảy ra, như anh chị em đã biết. Điều này đã xảy ra! Một số trở về với vết sẹo, những em khác chết. Đây là lý do tại sao hôm nay tôi muốn tưởng nhớ cậu bé Loan này.

Chúng ta đau lòng khi nhận ra sự bất công xã hội đã thúc đẩy hai em bé, có thể sống cùng một khu phố hoặc chung cư, đi theo những con đường và số phận trái ngược nhau chỉ vì một trong hai đứa sinh ra trong một gia đình khó khăn. Một sự chia rẽ không thể chấp nhận được giữa con người và xã hội: giữa những người có thể mơ ước và những người phải khuất phục. Nhưng Chúa Giêsu muốn tất cả chúng ta được tự do và hạnh phúc; và nếu Người yêu thương mọi người đàn ông và đàn bà như con trai và con gái của Người, Người yêu thương các trẻ em bằng tất cả sự dịu dàng của trái tim Người. Đó là lý do tại sao Người yêu cầu chúng ta dừng lại và lắng nghe nỗi đau khổ của những người không có tiếng nói, những người không được giáo dục. Chống lại nạn bóc lột, đặc biệt là nạn bóc lột trẻ em, là cách xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho toàn thể xã hội. Một số quốc gia đã có sự khôn ngoan khi đưa quyền trẻ em vào văn bản. Trẻ em có quyền. Hãy tự tìm hiểu trên internet để biết quyền trẻ em là gì.

Và vì vậy, chúng ta có thể tự hỏi: Tôi có thể làm gì? Trước hết, chúng ta phải nhận ra rằng, nếu chúng ta muốn xóa bỏ tình trạng lao động trẻ em, chúng ta không thể tiếp tay cho nó. Và khi nào thì như vậy? Ví dụ, khi chúng ta mua những sản phẩm liên quan đến lao động trẻ em. Làm sao chúng ta có thể ăn và mặc quần áo, khi biết rằng đằng sau những thực phẩm và quần áo đó là những trẻ em bị bóc lột, những trẻ em phải làm việc thay vì được đến trường? Hãy tìm hiểu xem những sản phẩm đó đến từ đâu. Nhận thức được những gì chúng ta mua là hành động đầu tiên để không tiếp tay cho tình trạng này. Một số người sẽ nói rằng, với tư cách là cá nhân, chúng ta không thể làm được nhiều. Đúng vậy, nhưng mỗi giọt có thể là một giọt nước, cùng với nhiều giọt nước khác, có thể trở thành biển cả. Tuy nhiên, các tổ chức, bao gồm các tổ chức giáo hội và các công ty cũng phải được nhắc nhở về trách nhiệm của họ: họ có thể tạo ra sự khác biệt bằng cách chuyển các khoản đầu tư của mình sang các công ty không sử dụng hoặc cho phép lao động trẻ em. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã ban hành luật và chỉ thị chống lại lao động trẻ em, nhưng vẫn có thể làm được nhiều hơn nữa. Tôi cũng kêu gọi các nhà báo - có một số nhà báo ở đây - hãy làm phần việc của mình: họ có thể giúp nâng cao nhận thức về vấn đề này và giúp tìm ra giải pháp. Đừng sợ hãi, hãy lên án, hãy lên án những điều này.

Và tôi cảm ơn tất cả những ai không quay lưng khi họ thấy trẻ em bị ép phải trở thành người lớn quá sớm. Chúng ta hãy luôn nhớ lời Chúa Giêsu: “Bất cứ điều gì các ngươi làm cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các ngươi đã làm cho chính Ta” (Mt 25:40). Thánh Teresa thành Calcutta, một người làm việc vui vẻ trong vườn nho của Chúa, là một người mẹ của những cô gái và chàng trai thiệt thòi và bị lãng quên nhất. Với ánh mắt dịu dàng và sự chú ý của mình, bà có thể đồng hành cùng chúng ta để nhìn thấy những trẻ em vô hình, quá nhiều nô lệ của một thế giới mà chúng ta không thể bỏ mặc cho sự bất công của nó. Bởi vì hạnh phúc của những người yếu đuối nhất xây dựng nên hòa bình cho tất cả mọi người. Và cùng với Mẹ Teresa, chúng ta hãy lên tiếng cho trẻ em:

*“Con xin một nơi an toàn
để con có thể chơi đùa.
Con xin một nụ cười
Từ một người biết yêu thương.*

*Con xin quyền được làm trẻ con,
để trở thành hy vọng
của một thế giới tốt đẹp hơn.*

*Con xin được phát triển
như một con người.*

Con có thể tin tưởng vào mẹ không?’ (Thánh Teresa thành Calcutta)

Cảm ơn anh chị em.

**Chương Bốn: Năm Thánh 2025. Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy vọng của chúng ta. I. Thời thơ ấu của Chúa Giêsu.
Truyền tin. Maria lắng nghe và sẵn lòng
(ngày 22/01/2025)**

Theo tin Tòa Thánh, sáng nay, 22 tháng Giêng, 2025, trong buổi tiếp kiến chung, tại Phòng Yết kiến Phaolô VI, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý của Người về Năm Thánh 2025.

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục các bài giáo lý của chu kỳ Năm Thánh về *Chúa Giêsu Kitô, niềm hy vọng của chúng ta.*

Ở phần đầu Tin mừng của mình, Luca cho thấy những hiệu quả nơi sức mạnh biến đổi của Lời Chúa, không những vươn tới các hành lang của Đền thờ, mà còn tới tận các căn nhà nghèo nàn của một phụ nữ trẻ, Maria, người đã đính hôn với Giuse, vẫn sống với gia đình mình.

Sau Jerusalem, sứ giả của những lời truyền tin thiêng liêng vĩ đại, Gabriel, được gửi đến một ngôi làng không bao giờ được nhắc đến trong Kinh thánh Do Thái: Na-da-rét. Vào thời điểm đó, đó là một ngôi làng nhỏ ở Galilê, ở một vùng xa xôi của Israel, một khu vực biên giới với những người ngoại đạo và sự ô nhiễm của họ.

Tại đó, thiên thần mang đến một thông điệp có hình thức và nội dung hoàn toàn chưa từng nghe đến, đến nỗi trái tim của Maria bị rung động, bối rối. Thay vì lời chào kính điển, "Bình an cho bà", Gabriel nói với Đức Trinh Nữ bằng lời mời "*Chào mừng!*", "*hãy vui mừng!*", một lời chào thân thương trong lịch sử thánh thiêng, bởi vì các tiên tri sử dụng nó khi họ thông báo về sự xuất hiện của Đấng Mê-xi-a (xem *Xp 3:14; Ge 2:21-23, Dcr 9:9*). Đó là lời mời gọi vui mừng mà Chúa gửi đến dân của Người khi cuộc lưu đày kết thúc và Chúa làm cho sự hiện diện sống động và tích cực của Người được cảm nhận.

Ngoài ra, Chúa gọi Maria bằng một cái tên yêu thương chưa từng thấy trong lịch sử Kinh thánh: *kecharitoméne*, có nghĩa là "đầy ân sủng của Chúa". Maria đầy ân sủng của Thiên Chúa. Tên này nói rằng tình yêu của Thiên Chúa đã ngự trị trong một thời gian, và vẫn tiếp tục ngự trị trong trái tim của Maria. Người nói rằng bà "ân sủng" biết bao, và trên hết là ân sủng của Thiên Chúa đã hoàn thành trong bà một bản khắc nội tâm, biến bà thành kiệt tác của Người: đầy ân sủng.

Biệt danh yêu thương này, mà Thiên Chúa chỉ ban cho Maria, ngay lập tức đi kèm với lời trấn an: “Đừng sợ!”, “Đừng sợ!”: sự hiện diện của Chúa luôn ban cho chúng ta ân sủng không sợ hãi này, và vì vậy Người nói với Maria: “Đừng sợ!”. Thiên Chúa nói “Đừng sợ” với Áp-ra-ham, I-sa-ác và Mô-sê trong lịch sử: “Đừng sợ!” (x. *St* 15:1; 26:24; *Dnl* 31:8; *Gs* 8:1). Và Người cũng nói với chúng ta: “Đừng sợ, hãy tiếp tục; đừng sợ!”. “Cha ơi, con sợ điều này”; “Và con sẽ làm gì khi...”. “Con xin lỗi, thưa Cha, con sẽ nói sự thật với Cha: Con đi xem bói”. “Con đi xem bói!”. “Ồ vâng, con đã xem chỉ tay rồi...”. Xin đừng sợ! Đừng sợ! Đừng sợ! Điều này tốt. “Ta là bạn đồng hành của con”: và Người nói điều này với Maria. “Đấng Toàn Năng”, Thiên Chúa của “điều không thể” (*Lc* 1:37) ở cùng Maria, cùng với và bên cạnh bà; Người là bạn đồng hành của bà, là đồng minh chính của bà, là “Ta-ở-cùng-con” vĩnh cửu (x. *St* 28:15; *Xh* 3:12; *Tl* 6:12).

Sau đó, Gabriel thông báo cho Trinh nữ về sứ mệnh của bà, làm vang vọng trong lòng bà nhiều đoạn Kinh thánh đề cập đến vương quyền và bản chất cứu thế của đứa trẻ phải được bà sinh ra, và đứa trẻ sẽ được trình bày như sự ứng nghiệm của những lời tiên tri cổ xưa. Lời đến từ trên cao gọi Maria làm mẹ của Đấng Mê-xi-a, Đấng Mê-xi-a dòng Đavít được mong đợi từ lâu. Mẹ là mẹ của Đấng Mê-xi-a. Người sẽ là vua, nhưng không phải theo cách của con người và xác thịt, mà theo cách thần linh, thiêng liêng. Tên của Người sẽ là “Giêsu”, có nghĩa là “Thiên Chúa cứu độ” (x. *Lc* 1:31; *Mt* 1:21), nhắc nhở mọi người mãi mãi rằng không phải con người cứu độ, mà chỉ có Thiên Chúa. Chúa Giê-su là Đấng sẽ hoàn thành những lời này của tiên tri Isaia: “Không phải một phái viên hay một sứ giả, nhưng chính sự hiện diện của Người đã cứu họ [bằng] tình yêu và lòng thương xót của Người” (*Is* 63:9).

Chức làm mẹ này làm rung động tận đáy lòng Maria. Và là một người phụ nữ thông minh, có khả năng đọc được các sự kiện (x. *Lc* 2:19,51), bà cố gắng hiểu, để phân định những gì đang xảy ra với mình. Maria không nhìn ra bên ngoài, mà nhìn vào bên trong. Và ở đó, trong sâu thẳm trái tim rộng mở và nhạy cảm của mình, Mẹ nghe thấy lời mời gọi tin tưởng vào Thiên Chúa, Đấng đã chuẩn bị cho Mẹ một “Lễ Hiện Xuống” đặc biệt. Cũng như lúc khởi đầu công trình sáng tạo (x. *St* 1:2), Thiên Chúa muốn nuôi dưỡng Đức Maria bằng Thánh Thần của Người, một sức mạnh có khả năng mở ra những gì đã khép lại mà không vi phạm nó, không xâm phạm đến quyền tự do của con người; Người muốn bao bọc Mẹ trong “những đám mây” hiện diện của Người (x. *I Cr* 10:1-2) vì Chúa Con sống trong Mẹ, và Mẹ sống trong Người.

Và Đức Maria được soi sáng bằng lòng tin tưởng: Mẹ là “ngọn đèn với nhiều ánh sáng”. Đức Maria chào đón Ngôi Lời trong chính xác thịt của mình và do đó khởi đầu sứ mệnh vĩ đại nhất từng được giao phó cho một người phụ nữ, cho một tạo vật nhân bản. Mẹ đặt mình vào việc phục vụ: Mẹ đầy đủ mọi thứ, không giống như một nô lệ nhưng là một cộng sự của Thiên Chúa Cha, đầy phẩm giá và thẩm quyền để quản lý, như Mẹ sẽ làm tại Cana, những món quà của kho tàng thần linh, để nhiều người có thể rút tia từ đó bằng cả hai tay.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy học từ Đức Maria, Mẹ của Đấng Cứu Thế và Mẹ của chúng ta, để chúng ta mở tai ra với Lời Chúa và chào đón và trân trọng Lời Chúa, để Lời Chúa biến đổi trái tim chúng ta thành nhà tạm của sự hiện diện của Người, trong những ngôi nhà hiếu khách nơi hy vọng lớn lên. Cảm ơn anh chị em!

**Chương Năm: Năm Thánh 2025. Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy vọng của chúng ta. I. Thời thơ ấu của Chúa Giêsu.
Truyền tin cho Giuse.**
(ngày 29/01/2025)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục chiêm ngưỡng Chúa Giêsu, niềm hy vọng của chúng ta trong màu nhiệm nguồn gốc của Người, như được thuật lại trong các Tin mừng thời thơ ấu.

Trong khi Thánh Luca cho chúng ta làm như vậy từ góc nhìn của người mẹ, Đức Trinh Nữ Maria, thì Thánh Mát-thêu lại lấy góc nhìn của Thánh Giuse, người đảm nhận quyền làm cha hợp pháp của Chúa Giêsu, ghép Người vào thân cây Gies-sê và liên kết Người với lời hứa đã hứa với Đavít.

Thật vậy, Chúa Giêsu là niềm hy vọng của Israel đã được ứng nghiệm: Người là hậu duệ được hứa với Đavít (x. 2 Sm 7:12; 1 Cr 17:11), người làm cho nhà Người “được chúc phúc đến muôn đời” (2 Sm 7:29); Người là chồi nảy mầm từ thân cây Gies-sê (x. Is 11:1), “Chồi công chính, [Người] sẽ trị vì như một vị vua và hành động khôn ngoan, và sẽ thực thi công lý và sự công chính trong đất nước” (x. Gr 23:5; 33:15).

Giuse bước vào bối cảnh trong Tin mừng Mát-thêu với tư cách là vị hôn phu của Đức Ma-ri-a. Đối với người Do Thái, lễ đính hôn là một ràng buộc pháp lý đầy đủ, chuẩn bị cho những gì sẽ xảy ra khoảng một năm sau đó, cử hành hôn nhân. Vào thời điểm đó, người phụ nữ đã chuyển từ quyền giám hộ của người cha sang quyền giám hộ của chồng mình, chuyển đến nhà của ông và tự nguyện đón nhận món quà làm mẹ.

Chính trong thời gian này, Thánh Giuse phát hiện ra Đức Ma-ri-a có thai và tình yêu của ngài đã bị thử thách một cách khắc nghiệt. Đối mặt với một tình huống tương tự, có thể dẫn đến việc chấm dứt việc đính hôn, Luật pháp đã gợi ý hai giải pháp khả thi: hoặc là một hành động pháp lý mang tính chất công khai, chẳng hạn như điệu người phụ nữ ra tòa, hoặc một hành động riêng tư như đưa cho người phụ nữ một lá thư bác bỏ.

Thánh Mát-thêu định nghĩa Thánh Giuse như một người “công chính” (*zaddiq*), một người sống theo Luật Chúa, và lấy cảm hứng từ điều này trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời mình. Vì vậy, theo Lời Chúa, Thánh Giuse hành động một cách chu đáo: ngài không để bản thân bị chế ngự bởi những cảm xúc bản năng và nỗi sợ hãi khi chấp nhận Đức Maria đi cùng ngài, nhưng thích được hướng dẫn bởi sự khôn ngoan của Chúa. Ngài chọn cách chia tay Đức Maria một cách lặng lẽ, riêng tư (x. Mt 1:19). Và đây là sự khôn ngoan của Thánh Giuse, giúp ngài không mắc sai lầm và khiến mình cởi mở và ngoan ngoãn với tiếng nói của Chúa.

Theo cách này, Thánh Giuse thành Na-da-rét gợi nhớ đến một Giuse khác, con trai của Giacóp, được mệnh danh là “chúa tể của những giấc mơ” (x. St 37:19), được cha ông vô cùng yêu quý và bị các anh em của ông rất ghét, người mà Chúa đã nâng lên bằng cách để ông ngồi trong triều đình của Pha-ra-ô.

Vậy, Thánh Giuse thành Na-da-rét mơ thấy điều gì? Người mơ về phép lạ mà Thiên Chúa

thực hiện trong cuộc đời của Đức Maria, và cả phép lạ mà Người thực hiện trong cuộc đời của chính ngài: đảm nhận thiên chức làm cha có khả năng bảo vệ, che chở và truyền lại di sản vật chất và tinh thần. Cung lòng của cô dâu của ngài đang mang thai lời hứa của Thiên Chúa, một lời hứa mang một cái tên trong đó sự chắc chắn về ơn cứu độ được ban cho tất cả mọi người (x. *Công vụ* 4:12).

Khi đang ngủ, Thánh Giuse nghe những lời này: “Giuse, con vua Đavít, đừng ngại đón Maria, vợ anh, về nhà. Vì chính bởi Chúa Thánh Thần mà đứa trẻ này đã được thụ thai trong bà. Bà sẽ sinh một con trai và anh phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (*Mt* 1:20-21). Đối diện với sự mặc khải này, Thánh Giuse không yêu cầu thêm bằng chứng; ngài tin tưởng. Thánh Giuse tin tưởng vào Thiên Chúa, ngài chấp nhận giấc mơ của Thiên Chúa về cuộc đời ngài và của người đính hôn của ngài. Do đó, ngài bước vào ân sủng của một người biết cách sống lời hứa của Thiên Chúa với đức tin, hy vọng và tình yêu.

Trong tất cả những điều này, Thánh Giuse không thốt ra một lời nào, nhưng ngài tin tưởng, hy vọng và yêu thương. Ngài không diễn tả mình bằng “những lời nói suông”, mà bằng những hành động cụ thể. Ngài thuộc dòng dõi những người, theo tông đồ Giacôbê, “thực hành Lời Chúa” (x. *Giacôbê* 1:22), biến Lời Chúa thành hành động, xác thịt, cuộc sống. Thánh Giuse tin tưởng vào Thiên Chúa và vâng phục: “Sự tỉnh thức bên trong của ngài đối với Thiên Chúa... dẫn đến sự vâng phục một cách khá tự nhiên” (Benedict XVI, *The Infancy Narratives*, Milan-Vatican City 2012, 57).

Thưa anh chị em, chúng ta cũng hãy cầu xin Chúa ban cho chúng ta ơn biết lắng nghe nhiều hơn là nói, ơn biết mơ những giấc mơ của Thiên Chúa và chào đón Chúa Kitô một cách có trách nhiệm, Đấng, ngay từ lúc chúng ta chịu phép rửa, đã sống và lớn lên trong cuộc sống của chúng ta. Cảm ơn anh chị em!

Chương Sáu: Bài Giáo Lý dành cho các khách hành hương năm thánh (ngày 01/02/2025)

Theo tin Tòa thánh, thứ bảy vừa qua, ngày 1 tháng Hai, năm 2025, trong buổi yết kiến thứ hai dành cho khách hành hương năm thánh tại phòng yết kiến Phaolô VII, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã mời gọi mọi người lấy hoán cải làm cuộc hành trình suốt đời, theo gương Thánh nữ Maria Ma-đa-lê-na, “Tông đồ của các Tông đồ”. Sau đây là nguyên văn Bài giáo lý của ngài.

Anh chị em thân mến!

Thánh lễ là một khởi đầu mới cho con người và Trái đất; đây là thời điểm mọi sự phải được suy nghĩ lại trong giấc mơ của Thiên Chúa. Và chúng ta biết rằng từ “hoán cải” chỉ *sự thay đổi hướng đi*. Cuối cùng, mọi sự đều có thể được nhìn từ một góc nhìn khác, và vì vậy, các bước chân của chúng ta cũng hướng tới những mục tiêu mới. Đây là cách hy vọng, không bao giờ làm chúng ta thất vọng, nản sinh. Kinh thánh kể về điều này theo nhiều cách. Và đối với chúng ta, kinh nghiệm về đức tin cũng được thúc đẩy bởi những cuộc gặp gỡ với những người đã có thể thay đổi cuộc sống và có thể nói là đã bước vào giấc mơ của Thiên Chúa. Bởi vì mặc dù có nhiều điều xấu xa trên thế giới, chúng ta có thể phân biệt được ai là người khác

biệt: sự vĩ đại của họ, thường trùng hợp với sự nhỏ bé, đã chinh phục chúng ta.

Trong các sách Tin mừng, hình ảnh Maria Mađalêna nổi bật hơn tất cả những hình ảnh khác về điều này. Chúa Giêsu đã chữa lành cho bà bằng lòng thương xót (x. Lc 8:2), và bà đã thay đổi: thừa anh chị em, lòng thương xót thay đổi, lòng thương xót thay đổi trái tim, và đối với Maria Mađalêna, lòng thương xót đã đưa bà vào giấc mơ của Thiên Chúa và mang lại mục đích mới cho cuộc hành trình của bà.

Tin mừng Gioan kể về cuộc gặp gỡ của bà với Chúa Giêsu Phục sinh theo cách khiến chúng ta phải suy nghĩ. Có nhiều lần nhắc lại rằng Maria đã *quay lại*. Người viết Tin mừng đã chọn từ ngữ rất hay! Trong nước mắt, Maria nhìn vào bên trong ngôi mộ trước, rồi bà quay lại: Đấng Phục sinh không ở bên phía cái chết, mà ở bên phía sự sống. Người ta có thể nhầm lẫn Người với một trong những người mà chúng ta gặp hằng ngày. Sau đó, khi bà nghe thấy tên mình được gọi, Tin mừng nói rằng Maria lại quay lại. Và đây là cách hy vọng của bà lớn lên: giờ đây bà nhìn thấy ngôi mộ, nhưng không giống như trước. Bà có thể lau khô nước mắt, vì bà đã nghe thấy tên của chính mình: chỉ có Chúa mới gọi tên theo cách này. Thế giới cũ dường như vẫn còn đó, nhưng nó không còn nữa. Khi chúng ta cảm thấy Chúa Thánh Thần đang hoạt động trong lòng mình, và chúng ta cảm thấy Chúa đang gọi tên mình, chúng ta có biết cách phân biệt tiếng nói của Thầy không?

Anh chị em thân mến, từ Maria Mađalêna, người mà truyền thống gọi là “tông đồ của các tông đồ”, chúng ta học được hy vọng. Người ta bước vào thế giới mới bằng cách *hoán cải nhiều hơn một lần*. Hành trình của chúng ta là lời mời gọi liên tục để thay đổi quan điểm. Đấng Phục sinh đưa chúng ta vào thế giới của Người, từng bước một, với điều kiện là chúng ta không tuyên bố mình đã biết mọi sự.

Hôm nay, chúng ta hãy tự hỏi mình: tôi có biết cách *quay lại* để nhìn mọi sự khác đi, với một góc nhìn khác không? Tôi có mong muốn hoán cải không?

Một cái tôi quá tự tin và quá kiêu ngạo ngăn cản chúng ta nhận ra Chúa Giêsu Phục sinh. Ngay cả khi chúng ta khóc lóc và tuyệt vọng, chúng ta vẫn quay lưng lại với Người. Thay vì nhìn vào bóng tối của quá khứ, vào sự trống rỗng của một ngôi mộ, từ Maria Mađalêna, chúng ta học cách hướng về cuộc sống. Ở đó, Chúa chúng ta đang chờ đợi chúng ta. Ở đó, tên của chúng ta được nói đến. Vì trong cuộc sống thực, luôn có một nơi dành cho chúng ta, mọi lúc và mọi nơi. Có một nơi dành cho anh chị em, cho tôi, cho tất cả mọi người. Không ai có thể chiếm mất, vì nó luôn dành cho chúng ta. Thật tệ, như người ta vẫn nói trong cách nói thông thường, thật tệ khi để lại một chỗ trống: “Nơi này dành cho tôi; nếu tôi không đi...”. Mọi người đều có thể nói: Tôi có một nơi, tôi là một sứ mệnh! Hãy nghĩ về điều này: nơi của tôi là gì? Sứ mệnh mà Chúa trao cho chúng ta là gì? Mong rằng suy nghĩ này giúp chúng ta có một thái độ can đảm trong cuộc sống. Cảm ơn anh chị em.

**Chương Bảy: Năm Thánh 2025. Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy vọng của chúng ta. I. Thời thơ ấu của Chúa Giêsu.
« Phúc cho những ai đã tin » .
(ngày 05/02/2025)**

Theo tin Tòa Thánh, sáng nay, 5 tháng hai, 2025, trong buổi tiếp kiến chung, tại Phòng Yết kiến Phaolô VI, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tiếp tục loạt bài giáo lý của Người về Năm Thánh 2025

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Hôm nay chúng ta sẽ chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Chúa Giêsu Kitô, niềm hy vọng của chúng ta trong mầu nhiệm Thăm viếng. Đức Trinh Nữ Maria đến thăm Thánh Êlisabét; nhưng trên hết, chính Chúa Giêsu, trong lòng mẹ, đã đến thăm dân Người (x. *Lc* 1:68), như Dacaria đã nói trong bài thánh ca ngợi khen của mình.

Sau sự kinh ngạc và ngạc nhiên trước những gì Thiên thần đã báo tin cho bà, Đức Maria đứng dậy và lên đường, giống như tất cả những người được kêu gọi trong Kinh thánh, bởi vì “hành động duy nhất mà con người có thể đáp lại Thiên Chúa được mặc khải cho mình là hành động sẵn sàng vô hạn” (H.U. von Balthasar, *Vocation*, Rome 2002, 29). Người con gái trẻ của Israel này không chọn cách tự bảo vệ mình khỏi thế gian; bà không sợ nguy hiểm và sự phán xét của người khác, nhưng hướng về những người khác.

Khi chúng ta cảm thấy được yêu thương, chúng ta trải nghiệm một sức mạnh khiến tình yêu chuyển động; như tông đồ Phaolô đã nói, “tình yêu của Chúa Kitô thúc đẩy chúng ta” (*2Cr* 5:14), nó thúc đẩy chúng ta, nó làm chúng ta xúc động. Maria cảm thấy sự thúc đẩy của tình yêu này, và đi giúp một người phụ nữ là họ hàng của mình, nhưng cũng là một người phụ nữ lớn tuổi, sau một thời gian dài chờ đợi, đang chào đón một thai kỳ ngoài mong đợi, khó đối phó ở độ tuổi của bà. Nhưng Đức Trinh Nữ cũng đến với Êlisabét để chia sẻ đức tin của Người vào Thiên Chúa của những điều không thể và niềm hy vọng của Người vào sự hoàn thành những lời hứa của Người.

Cuộc gặp gỡ giữa hai người phụ nữ tạo ra một tác động đáng ngạc nhiên: giọng nói của Maria, “đầy ân sủng”, người chào Êlisabét, đã kích động ơn nói tiên tri trong đứa trẻ mà người phụ nữ lớn tuổi đang mang trong bụng, và linh hứng cho lời chúc phúc kép của bà: “Em được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc!” (*Lc* 1:42). Và cả một môi phúc: “Phúc cho em là người đã tin rằng những gì Chúa đã nói với em sẽ được thực hiện” (c. 45).

Đối diện với việc công nhận bản sắc mê-xi-a của Con mình và sứ mệnh làm mẹ của mình, Maria không nói về bản thân mình mà nói về Thiên Chúa, và dâng lên một lời ngợi khen đầy đức tin, hy vọng và niềm vui, một bài hát vang lên mỗi ngày trong Giáo hội trong lời cầu nguyện của Kinh Chiều: Magnificat (*Lc* 1:46-55).

Lời ngợi khen Thiên Chúa cứu độ này, tuôn trào từ trái tim của người tôi tớ khiêm nhường của Người, là một lời tưởng niệm long trọng tổng hợp và hoàn thành lời cầu nguyện của Israel. Nó đan xen với những âm hưởng trong Kinh thánh, một dấu hiệu cho thấy Maria không muốn hát "ra khỏi dân hợp xướng" mà muốn hòa hợp với tổ tiên, tôn vinh lòng cảm thương của Người đối với những người khiêm nhường, những người nhỏ bé mà Chúa Giêsu trong bài giảng của mình sẽ tuyên bố là "có phúc" (x. *Mt* 5:1-12).

Sự hiện diện nổi bật của chủ đề vượt qua cũng làm cho Magnificat trở thành một bài thánh ca cứu chuộc, có bối cảnh là ký ức về cuộc giải phóng Israel khỏi Ai Cập. Các động từ đều ở trong quá khứ, thấm đẫm ký ức về tình yêu thấp sáng hiện tại bằng đức tin và soi sáng tương lai bằng hy vọng: Maria hát về ân sủng của quá khứ, nhưng Người là người phụ nữ của hiện tại, người mang tương lai trong lòng mình.

Phần đầu của bài thánh ca này ca ngợi hành động của Thiên Chúa nơi Đức Maria, một thể giới thu nhỏ của dân Chúa, những người hoàn toàn tuân thủ giao ước (các câu 46-50); phần

thứ hai bắt đầu từ công trình của Chúa Cha trong thế giới vĩ mô của lịch sử con Người (các câu 51-55), thông qua ba từ khóa: ký ức, lòng thương xót, lời hứa.

Chúa, Đấng đã cúi mình xuống Maria khiêm nhường để thực hiện “những điều vĩ đại” nơi ngài và biến ngài thành mẹ của Chúa, đã cứu dân Người bắt đầu từ cuộc xuất hành, nhớ lại phước lành phổ quát đã hứa với Áp-ra-ham (x. St 12:1-3). Chúa là Thiên Chúa là Đấng trung tín đến muôn đời, đã tuôn đổ một dòng suối tình yêu thương xót không ngừng “từ đời này sang đời khác” (câu 50) xuống dân trung thành với giao ước, và giờ đây biểu lộ sự cứu rỗi trọn vẹn nơi Con của Người, được sai đến để cứu dân khỏi tội lỗi của họ. Từ Áp-ra-ham đến Chúa Giêsu Kitô và cộng đồng tín hữu, Lễ Vượt Qua xuất hiện như một phạm trù chú giải để hiểu mọi cuộc giải phóng tiếp theo, cho đến cuộc giải phóng được Đấng Mê-xi-a thực hiện vào thời viên mãn.

Anh chị em thân mến, hôm nay chúng ta hãy cầu xin Chúa ban ơn để có thể chờ đợi sự ứng nghiệm của từng lời hứa của Người; và giúp chúng ta chào đón sự hiện diện của Đức Maria trong cuộc sống của chúng ta. Bằng cách noi gương Mẹ, xin cho tất cả chúng ta khám phá ra rằng mọi tâm hồn tin tưởng và hy vọng đều “thụ thai và sinh ra Ngôi Lời của Thiên Chúa” (Thánh Ambrose, *Giải thích Tin mừng theo Luca 2, 26*).

**Chương Tám: Năm Thánh 2025. Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy vọng của chúng ta. I. Thời thơ ấu của Chúa Giêsu.
Sự ra đời của Chúa Giêsu và cuộc viếng thăm của các mục đồng
(ngày 12/02/2025)**

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong hành trình giáo lý Năm Thánh về Chúa Giêsu, là niềm hy vọng của chúng ta, hôm nay chúng ta sẽ suy gẫm về sự kiện Người sinh ra tại Bêlem.

Con Thiên Chúa bước vào lịch sử như người bạn đồng hành của chúng ta, và bắt đầu hành trình khi vẫn còn trong lòng mẹ. Thánh sử Luca kể cho chúng ta rằng ngay khi được thụ thai, Người đã đi từ Nazareth đến nhà của Zacaria và Elizabeth; và sau đó, vào cuối thai kỳ, từ Nazareth đến Bêlem để điều tra dân số. Maria và Giuse buộc phải đến thành phố của Vua Đavít, nơi Giuse cũng đã được sinh ra. Đấng Mê-xi-a được mong đợi từ lâu, Con của Thiên Chúa Tối Cao, cho phép mình được đếm số, nghĩa là được tính đến và được đăng ký, giống như bất cứ công dân nào khác. Người tuân theo sắc lệnh của một hoàng đế, Caesar Augustus, người nghĩ rằng mình là chủ nhân của toàn bộ trái đất.

Luca đặt sự ra đời của Chúa Giêsu vào "một thời điểm có thể xác định chính xác" và trong "một bối cảnh địa lý được chỉ định chính xác", để "điều phổ quát và điều cụ thể chạm vào nhau" (BENEDICT XVI, *Trình thuật Tuổi thơ*, 2012, 77). Thiên Chúa, Đấng đến trong lịch sử, không phá hủy các cấu trúc của thế giới, nhưng muốn soi sáng chúng và tái tạo chúng từ bên trong.

Bêlem có nghĩa là "nhà bánh". Ở đó, những ngày sinh nở đã được hoàn thành đối với Đức Maria và Chúa Giêsu đã được sinh ra ở đó, bánh từ trời xuống để thỏa mãn cơn đói của thế giới (x. Ga 6:51). Thiên thần Gabriel đã báo tin về sự ra đời của Vua Mê-xi-a trong dấu hiệu của sự vĩ đại: "Này, bà sẽ thụ thai trong lòng bà và sinh một con trai, và bà sẽ đặt tên cho con là Giêsu. Người sẽ nên cao cả và được gọi là Con Đấng Tối Cao. Chúa là Thiên Chúa sẽ ban

cho Người ngai vàng của Đavít, tổ phụ Người. Người sẽ cai trị nhà Giacóp đến muôn đời, và vương quốc của Người sẽ vô cùng vô tận” (Lc 1:32-33).

Tuy nhiên, Chúa Giêsu đã sinh ra theo cách hoàn toàn chưa từng có đối với một vị vua. Thật vậy, “khi họ đang ở đó, thì đến ngày bà sinh con, và bà đã sinh con trai đầu lòng. Bà lấy tã bọc con và đặt nằm trong máng cỏ, vì không có chỗ cho họ trong nhà trọ” (Lc 2:6-7). Con Thiên Chúa không sinh ra trong cung điện hoàng gia, mà ở phía sau một ngôi nhà, trong không gian nơi nhốt các loài động vật.

Do đó, Luca cho chúng ta thấy rằng Thiên Chúa không đến thế gian bằng những lời tuyên bố vang dội; Người không tỏ mình ra bằng tiếng ồn ào, nhưng bắt đầu cuộc hành trình của mình trong sự khiêm nhường. Và những nhân chứng đầu tiên của sự kiện này là ai? Họ là những người chần chừ: những người ít học, hơi hám vì liên tục tiếp xúc với các loài động vật, họ sống bên lề xã hội. Nhưng họ vẫn thực hiện nghề mà chính Thiên Chúa tự tỏ mình ra cho dân Người (x. St 48:15; 49:24; Tv 23:1; 80:2; Is 40:11). Thiên Chúa chọn họ làm người tiếp nhận tin mừng đẹp đẽ nhất từng vang vọng trong lịch sử: “Đừng sợ; vì này, tôi loan báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân. Hôm nay, tại thành Đavít, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em, Người là Đấng Mê-xi-a và là Chúa. Và đây sẽ là dấu hiệu cho anh em: anh em sẽ thấy một hài nhi bọc tã và nằm trong máng cỏ”.

Nơi để gặp Đấng Mê-xi-a là máng cỏ. Thật vậy, sau sự mong đợi như vậy, “không còn chỗ cho Đấng Cứu Độ thế gian, Đấng mà vì Người mà muôn vật được tạo thành (x. Cl 1:16)” (Benedict XVI, *Trình thuật Tuổi thơ*, 2012, 80). Do đó, các mục đồng học được rằng ở một nơi rất khiêm nhường, dành riêng cho các loài vật, Đấng Mê-xi-a được mong đợi từ lâu đã chào đời, và Người sinh ra vì họ, để trở thành Đấng Cứu Độ, người chần chừ của họ. Tin tức này mở lòng họ ra để ngạc nhiên, ngợi khen và loan báo vui mừng. ‘Không giống như nhiều người khác, bận rộn với nhiều thứ, các mục đồng trở thành những người đầu tiên nhìn thấy điều thiết yếu nhất trong tất cả: hồng phúc cứu rỗi. Chính những người khiêm nhường và nghèo khó chào đón sự kiện Nhập thể’ (Tông thư *Admirabile signum*, 5).

Anh chị em thân mến, chúng ta cũng hãy cầu xin ơn được giống như những người chần chừ, có khả năng ngạc nhiên và ngợi khen trước mặt Thiên Chúa, và có khả năng trân trọng những gì Người đã giao phó cho chúng ta: tài năng, đặc sủng, ơn gọi của chúng ta và những người Người đặt bên cạnh chúng ta. Chúng ta hãy cầu xin Chúa để có thể nhận ra trong sự yếu đuối sức mạnh phi thường của Chúa Hải Đồng, Đấng đến để đổi mới thế giới và biến đổi cuộc sống của chúng ta bằng kế hoạch tràn đầy hy vọng cho toàn thể nhân loại.

LỜI KÊU GỌI

Tôi nghĩ đến nhiều quốc gia đang có chiến tranh. Anh chị em thân mến, chúng ta hãy cầu nguyện cho hòa bình. Chúng ta hãy làm hết sức mình vì hòa bình. Đừng quên rằng chiến tranh là một thất bại. Luôn luôn như vậy. Chúng ta không sinh ra để giết chóc, mà để làm cho con người phát triển. Mong rằng con đường hòa bình sẽ được tìm thấy. Xin hãy cầu xin hòa bình trong lời cầu nguyện hằng ngày của anh chị em. Đất nước Ukraine đau khổ... thật đau khổ. Sau đó, hãy nghĩ đến Palestine, Israel, Myanmar, Bắc Kivu, Nam Sudan. Rất nhiều quốc gia đang có chiến tranh. Xin hãy cầu nguyện cho hòa bình. Chúng ta hãy sám hối vì hòa bình.

**Chương Chín: Chúa Giêsu Kitô, Niềm Hy vọng của chúng ta.
Cuộc viếng thăm của các nhà thông thái đến thăm Vua mới sinh**
(ngày 19 tháng 2 năm 2025)

Anh chị em thân mến,

Trong Tin Mừng về thời thơ ấu của Chúa Giêsu có một tình tiết chỉ có trong tường thuật của Mát-thêu: cuộc viếng thăm của các nhà thông thái. Bị thu hút bởi sự xuất hiện của một ngôi sao, trong nhiều nền văn hóa, ngôi sao này là điềm báo về sự ra đời của một người đặc biệt, một số nhà thông thái đã lên đường từ phương đông, mà không biết chính xác họ sẽ đi đâu. Họ là các nhà thông thái, những người không thuộc về dân giao ước. Lần trước chúng ta đã nói về những người chăn chiên ở Bê-lem, bị xã hội Do Thái gạt ra ngoài lề vì họ bị coi là “ô uế”; hôm nay chúng ta gặp một hạng người khác, những người ngoại quốc, những người ngay lập tức đến để tỏ lòng tôn kính Con Thiên Chúa, Đấng đã bước vào lịch sử với một vương quyền hoàn toàn chưa từng có. Do đó, các sách Tin Mừng cho chúng ta biết rõ ràng rằng người nghèo và người ngoại quốc được mời là những người đầu tiên gặp Chúa Hải Đồng, Đấng Cứu Thế của thế giới.

Các nhà thông thái được coi là đại diện cho cả hai chủng tộc nguyên thủy, được tạo ra bởi ba người con trai của Nô-ê, và của ba lục địa được biết đến trong cổ thời, Châu Á, Châu Phi và Châu Âu, cũng như ba giai đoạn của cuộc sống con người: tuổi trẻ, tuổi trưởng thành và tuổi già. Bên cạnh tất cả các cách giải thích có thể, họ là những con người không đứng yên, nhưng giống như những người được chọn vĩ đại trong lịch sử Kinh thánh, cảm thấy cần phải chuyển động, phải tiến lên. Họ là những con người có thể nhìn xa hơn bản thân mình, những người biết cách nhìn lên cao.

Sự hấp dẫn đối với ngôi sao xuất hiện trên bầu trời khiến họ di chuyển đến vùng đất Giu-đê-a, đến Giêrusalem, nơi họ gặp Vua Herod. Sự ngây thơ và tin tưởng của họ khi yêu cầu thông tin về vị vua mới sinh của người Do Thái xung đột với sự tinh ranh của Herod, người, lo lắng vì sợ mất ngai vàng, ngay lập tức cố gắng có được cái nhìn tốt hơn, liên lạc với các kinh sư và yêu cầu họ điều tra.

Quyền lực của người cai trị trần gian do đó cho thấy tất cả sự yếu đuối của ông ta. Các chuyên gia biết Kinh thánh và cho nhà vua biết nơi mà, theo lời tiên tri Micah, người lãnh đạo và người chăn dắt dân Israel sẽ được sinh ra (Mi 5:1): Bêlem nhỏ bé, chứ không phải Giêrusalem vĩ đại! Thật vậy, như Thánh Phao-lô nhắc nhở người Cô-rinh-tô, "Thiên Chúa đã chọn những kẻ yếu đuối trong thế gian để làm hổ thẹn những kẻ mạnh mẽ" (1 Cô-rinh-tô 1:27).

Tuy nhiên, các kinh sư, những người có thể xác định chính xác nơi sinh của Đấng Mê-xi-a, chỉ đường cho những người khác, nhưng bản thân họ không lên đường! Thật vậy, biết các bản văn tiên tri để điều chỉnh tâm số thiêng liêng là chưa đủ; người ta phải để chúng đi vào bên trong và để Lời Chúa khơi dậy khát vọng tìm kiếm, nhóm lửa mong muốn được nhìn thấy Thiên Chúa.

Vào thời điểm này, Herod, hành động trong bí mật, giống như những kẻ gian dối và hung bạo, đã hỏi các nhà thông thái thời điểm chính xác ngôi sao xuất hiện và xúi giục họ tiếp tục cuộc hành trình và sau đó quay lại mang tin tức cho ông, để ông cũng có thể đến và tôn thờ trẻ sơ sinh. Đối với những người gắn bó với quyền lực, Chúa Giêsu không phải là hy vọng được chào đón, mà là mối đe dọa cần phải loại bỏ!

Khi các nhà thông thái lên đường lần nữa, ngôi sao xuất hiện trở lại và dẫn họ đến với Chúa Giêsu, dấu hiệu cho thấy sáng thế và lời tiên tri tượng trưng cho bảng mẫu tự mà với nó Thiên Chúa dùng để nói và để Người được tìm thấy. Việc nhìn thấy ngôi sao truyền cảm hứng cho niềm vui không thể kìm nén trong những con người đó, bởi vì Chúa Thánh Thần, Đấng khơi dậy trái tim của bất cứ ai chân thành tìm kiếm Thiên Chúa, cũng lấp đầy nó bằng niềm vui. Sau khi vào nhà, các nhà thông thái phủ phục, tôn thờ Chúa Giêsu và dâng cho Người những món quà quý giá, xứng đáng với một vị vua, xứng đáng với Chúa. Tại sao? Họ nhìn thấy điều gì? Một tác giả cổ thời viết: họ thấy “một thân xác nhỏ bé khiêm nhường mà Ngôi Lời đã mặc lấy; nhưng vinh quang của thần tính không hề ẩn giấu khỏi họ. Họ thấy một hài nhi; nhưng họ tôn thờ Thiên Chúa” (Cromazio Di Aquileia, *Bình luận về Tin Mừng Matthew*, 5:1). Do đó, các nhà thông thái trở thành những tín hữu đầu tiên trong số những người ngoại đạo, hình ảnh của Giáo hội được tập hợp lại từ mọi ngôn ngữ và quốc gia.

Anh chị em thân mến, chúng ta cũng hãy bước theo bước chân của các nhà thông thái, những “người hành hương của hy vọng” này, những người, với lòng dũng cảm lớn lao, đã hướng bước chân, trái tim và của cải của họ về phía Đấng là hy vọng không chỉ của Israel mà còn của tất cả mọi dân tộc. Chúng ta hãy học cách tôn thờ Thiên Chúa trong sự nhỏ bé của Người, trong vương quyền của Người không hề bẹp mà còn giải thoát chúng ta và cho phép chúng ta phục vụ một cách đàng hoàng. Và chúng ta hãy dâng lên Người những món quà đẹp nhất, để bày tỏ đức tin và tình yêu của chúng ta.

Chương Mười: Chúa Giêsu Kitô, Niềm Hy vọng của chúng ta.

II. Cuộc đời Chúa Giêsu. Cuộc gặp gỡ người phụ nữ Samaritanô.

ngày 26 tháng 2 năm 2025

Anh chị em thân mến,

Sau khi chiêm niệm cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và Nicôđêmô, người đã đi tìm Chúa Giêsu, hôm nay chúng ta sẽ suy ngẫm về những khoảnh khắc mà dường như Người thực sự đang chờ đợi ngay tại đó, tại ngã ba đường trong cuộc sống của chúng ta. Đó là những cuộc gặp gỡ khiến chúng ta ngạc nhiên, và lúc đầu chúng ta thậm chí có thể hơi do dự; chúng ta cố gắng thận trọng và hiểu những gì đang xảy ra.

Đây có lẽ cũng là trải nghiệm của người phụ nữ Samaria, được đề cập trong chương bốn của Tin Mừng Gioan (so sánh 4:5-26). Cô không mong đợi tìm thấy một người đàn ông ở giếng vào buổi trưa; thực ra cô hy vọng sẽ không tìm thấy ai cả. Trên thực tế, cô đi lấy nước từ giếng vào một giờ bất thường, khi trời rất nóng. Có lẽ người phụ nữ này xấu hổ về cuộc sống của mình, có lẽ cô cảm thấy bị xét đoán, lên án, không được hiểu, và vì lý do này, cô đã tự cô lập mình, cô đã cắt đứt quan hệ với mọi người.

Để đi đến Galilê từ Giu-đê-a, Chúa Giêsu sẽ phải chọn một con đường khác và không đi qua Samaria. Con đường đó cũng sẽ an toàn hơn, xét đến mối quan hệ căng thẳng giữa người Do Thái và người Samaria. Thay vào đó, Người muốn đi qua đó, và dừng lại ở giếng đó, ngay tại thời điểm đó! Chúa Giêsu chờ đợi chúng ta và để Người được tìm thấy chính khi chúng ta nghĩ rằng không còn hy vọng nào cho mình nữa. Giếng nước, ở Trung Đông cổ thời, là nơi gặp gỡ, nơi đôi khi các cuộc hôn nhân được sắp đặt; đó là nơi đính hôn. Chúa Giêsu muốn giúp người phụ nữ này hiểu được nơi tìm thấy câu trả lời thực sự cho mong muốn được yêu của cô.

Chủ đề về mong muốn là nền tảng để hiểu cuộc gặp gỡ này. Chúa Giêsu là người đầu tiên bày tỏ mong muốn của Người: "Cho tôi uống!" (câu 10). Để mở đầu cho cuộc đối thoại, Chúa Giêsu tỏ ra yếu đuối, để người kia cảm thấy thoải mái, đảm bảo rằng cô không sợ hãi. Khát nước thường là hình ảnh của mong muốn, ngay cả trong Kinh thánh. Nhưng ở đây, Chúa Giêsu khao khát trước hết sự cứu rỗi của người phụ nữ. Thánh Augustinô nói rằng "Người đang xin nước, đang khao khát đức tin của chính người phụ nữ". [1]

Trong khi Nicôđê mô đã đến với Chúa Giêsu vào ban đêm, thì ở đây, Chúa Giêsu gặp người phụ nữ Samaria vào giữa trưa, thời điểm có nhiều ánh sáng nhất. Đây thực sự là khoảnh khắc mặc khải. Chúa Giêsu cho cô biết Người là Đấng Mê-xi-a và cũng cho biết rõ cuộc đời Người. Người giúp cô đọc lại lịch sử của mình, vốn phức tạp và đau đớn: cô đã có năm đời chồng và giờ đang sống với người thứ sáu không phải là chồng. Con số sáu không phải là ngẫu nhiên, nhưng thường chỉ ra sự bất toàn. Có lẽ đó là ám chỉ đến chú rết thứ bảy, người cuối cùng sẽ thỏa mãn mong muốn được yêu thương thực sự của người phụ nữ này. Và chú rết đó chỉ có thể là Chúa Giêsu.

Khi cô nhận ra rằng Chúa Giêsu biết cuộc đời mình, cô chuyển cuộc đàm đạo sang vấn đề tôn giáo đã chia rẽ người Do Thái và người Samaria. Điều này đôi khi cũng xảy ra với chúng ta khi chúng ta cầu nguyện: tại thời điểm Chúa chạm đến cuộc sống của chúng ta, với những vấn đề của nó, đôi khi chúng ta lạc vào những suy tư khiến chúng ta có ảo tưởng về một lời cầu nguyện thành công. Trên thực tế, chúng ta đã dựng lên những rào cản bảo vệ. Tuy nhiên, Chúa luôn vĩ đại hơn, và đối với người phụ nữ Samaria đó, người mà theo các giới luật văn hóa, Người thậm chí không nên nói chuyện, Người đã ban sự mặc khải cao nhất: Người nói với cô về Chúa Cha, Đấng phải được tôn thờ trong tinh thần và chân lý. Và khi cô, một lần nữa ngạc nhiên, nhận xét rằng về những điều này tốt hơn nên chờ đợi Đấng Mê-xi-a, Người nói với cô: "Chính Ta, là Đấng đang nói với ngươi" (câu 26). Nó giống như một lời tuyên bố về tình yêu: Đấng mà ngươi đang chờ đợi là Ta; Đấng cuối cùng có thể đáp lại mong muốn được yêu của ngươi.

Vào thời điểm đó, người phụ nữ chạy đi gọi những người trong làng, bởi vì sứ mệnh xuất phát chính từ trải nghiệm cảm thấy được yêu thương. Và lời tuyên bố nào cô có thể mang lại, nếu không phải là trải nghiệm được hiểu, được chào đón, được tha thứ? Đó là một hình ảnh khiến chúng ta phải suy gẫm về việc tìm kiếm những cách thức mới để truyền giảng tin mừng.

Giống như một người đang yêu, người Samaria quên mất bình nước của mình, để nó dưới chân Chúa Giêsu. Sức nặng của bình nước trên đầu cô, mỗi lần cô trở về nhà, nhắc nhở cô về tình trạng của cô, cuộc sống đầy rắc rối của cô. Nhưng giờ đây, bình nước được để dưới chân Chúa Giêsu. Quá khứ không còn là gánh nặng nữa; cô đã được hòa giải. Và đối với chúng ta cũng vậy: để ra đi và loan báo Tin Mừng, trước tiên chúng ta cần đặt gánh nặng lịch sử của mình dưới chân Chúa, giao phó cho Người gánh nặng quá khứ của mình. Chỉ những người đã hòa giải mới có thể mang Tin Mừng.

Anh chị em thân mến, chúng ta đừng mất hy vọng! Ngay cả khi lịch sử của chúng ta có vẻ nặng nề, phức tạp, thậm chí có thể bị hủy hoại đối với chúng ta, chúng ta vẫn luôn có khả năng giao phó nó cho Chúa và bắt đầu lại cuộc hành trình của mình. Thiên Chúa là Đấng nhân từ và luôn chờ đợi chúng ta!

[1] Bài giảng 15,11.

**Chương Mười Một: Chúa Giêsu Kitô, Niềm Hy vọng của chúng ta.
Thời thơ ấu của Chúa Giêsu. Tìm thấy Chúa Giêsu trong Đền thờ**
(ngày 5 tháng 3 năm 2025)

Anh chị em thân mến, chào anh chị em buổi sáng!

Trong bài giáo lý cuối cùng này dành riêng cho thời thơ ấu của Chúa Giêsu, chúng ta sẽ bắt đầu từ đoạn mà lúc mười hai tuổi, Người ở trong Đền thờ mà không nói gì. Cha mẹ Người, những người đang lo lắng tìm kiếm Người và đã tìm thấy Người sau ba ngày. Câu chuyện này cho chúng ta thấy một cuộc đối thoại rất đáng lưu ý giữa Đức Maria và Chúa Giêsu, giúp chúng ta suy gẫm về con đường của mẹ Chúa Giêsu, một hành trình chắc chắn không hề dễ dàng. Thật vậy, Đức Maria đã bắt đầu một hành trình tâm linh trong đó ngài đã tiến triển trong sự hiểu biết của mình về mầu nhiệm của Con mình.

Chúng ta hãy cùng nhìn lại các giai đoạn khác nhau của hành trình này. Vào đầu thai kỳ, Đức Maria đã đến thăm bà Êlisabet và ở lại với bà trong ba tháng, cho đến khi sinh ra cậu bé Gioan. Sau đó, khi ngài đã ở tháng thứ chín, do cuộc điều tra dân số, ngài đã cùng Thánh Giuse đến Bêlem, nơi ngài sinh ra Chúa Giêsu. Sau bốn mươi ngày, các vị đến Giêrusalem để dâng con trẻ; và các vị trở lại hành hương Đền thờ mỗi năm sau đó. Nhưng khi Chúa Giêsu vẫn còn là một hài nhi, họ đã lánh nạn ở Ai Cập trong một thời gian dài để bảo vệ Người khỏi Herod, và chỉ sau khi nhà vua qua đời, các vị mới định cư ở Nadaret. Khi Chúa Giêsu, đã trưởng thành, bắt đầu sứ vụ của mình, Đức Maria có mặt và là nhân vật chính trong tiệc cưới ở Cana; rồi ngài theo Người “từ xa”, cho đến cuộc hành trình cuối cùng của Người đến Giêrusalem, và cho đến cuộc khổ nạn và cái chết của Người. Sau khi Phục sinh, Đức Maria vẫn ở lại Giêrusalem, với tư cách là Mẹ của các tông đồ, duy trì đức tin của các vị trong khi chờ đợi sự tuôn đổ ơn Chúa Thánh Thần.

Trong suốt cuộc hành trình này, Đức Trinh Nữ là một người hành hương của hy vọng, theo nghĩa mạnh mẽ ngài trở thành “con gái của Con mình”, là tông đồ đầu tiên của Người. Đức Maria đã mang Chúa Giêsu vào thế gian, Niềm hy vọng của nhân loại; ngài nuôi dưỡng Người, làm cho Người lớn lên, theo Người, để mình trở thành người đầu tiên được Lời Chúa uốn nắn. Như Đức Benedict XVI đã nói, “Chúng ta thấy Đức Maria hoàn toàn thân quen với Lời Chúa... chúng ta thấy suy nghĩ của ngài hòa hợp với suy nghĩ của Chúa như thế nào, ý muốn của ngài là một với ý muốn của Chúa như thế nào. Vì Đức Maria hoàn toàn thấm nhuần Lời Chúa, nên ngài có thể trở thành Mẹ của Ngôi Lời Nhập Thể” (Thông điệp *Deus caritas est*, 41). Tuy nhiên, sự hiệp thông độc đáo này với Lời Chúa không giúp ngài thoát khỏi nỗ lực “học nghề” đầy khó khăn.

Kinh nghiệm về việc Chúa Giêsu mười hai tuổi mất tích trong cuộc hành hương thường niên đến Giêrusalem khiến Đức Maria sợ hãi đến mức ngài nói thay cho Thánh Giuse khi các vị đón con trai mình trở về: “Con ơi, sao con lại làm thế với chúng ta? Cha con và mẹ đã phải lo lắng tìm con” (Lc 2:48). Đức Maria và Thánh Giuse cảm thấy nỗi đau của những bậc cha mẹ có con mất tích: cả hai đều nghĩ rằng Chúa Giêsu đang ở trong đoàn lũ hành với người thân của họ, nhưng sau khi không thấy Người cả một ngày, các vị bắt đầu cuộc tìm kiếm sẽ dẫn các vị lần giờ lại dấu chân của mình. Khi trở lại Đền thờ, các vị phát hiện ra rằng Người, người mà trước đây trong mắt họ, vẫn là một đứa trẻ cần được bảo vệ, đột nhiên có vẻ đã

trưởng thành, giờ đây có thể tham gia vào các cuộc thảo luận về Kinh thánh, có thể tự mình tranh luận với các thầy dạy Lễ Luật.

Đối diện với lời khiển trách của mẹ Người, Chúa Giêsu trả lời với sự đơn giản đến mức vô cùng bình tĩnh: "Sao cha mẹ lại tìm con? Cha mẹ không biết rằng con phải ở nhà của Cha con sao?" (Lc 2:49). Đức Maria và Thánh Giuse không hiểu: mầu nhiệm Thiên Chúa tạo nên người con vượt quá hiểu của họ. Cha mẹ muốn bảo vệ người con quý giá đó dưới đôi cánh tình yêu của họ; thay vào đó, Chúa Giêsu muốn sống ơn gọi của Người là Con của Chúa Cha, người phục vụ Người và sống đắm chìm trong Lời Người.

Những câu chuyện về thời thơ ấu của Luca kết thúc bằng những lời cuối cùng của Đức Maria, vốn nhắc lại tình phụ tử của Thánh Giuse đối với Chúa Giêsu, và với những lời đầu tiên của Chúa Giêsu, thừa nhận rằng tình phụ tử này bắt nguồn từ tình phụ tử của Chúa Cha trên trời, Đấng mà Người thừa nhận quyền tối thượng không thể tranh cãi.

Anh chị em thân mến, giống như Đức Maria và Thánh Giuse, tràn đầy hy vọng, chúng ta cũng hãy bước theo bước chân của Chúa, Đấng không để mình bị giới hạn bởi các giới luật của chúng ta, và để mình được tìm thấy không phải ở một nơi nào đó, mà là trong lời đáp lại tình yêu dành cho tình phụ tử thần thiêng dịu dàng, một lời đáp lại tình yêu là chính cuộc sống con thảo.

Chương Mười Hai: Ni-cô-đi-mô gặp gỡ Chúa Giêsu (Ngày 19/03/2025)

Từ bệnh viện, Đức Giáo Hoàng bắt đầu loạt bài giáo lý về cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu trong Tin Mừng

Kathleen N. Hattrup của Aleteia, ngày 19/03/25, loan tin: trong khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô vẫn đang nằm viện, Vatican đã công bố văn bản mà ngài đã chuẩn bị cho buổi tiếp kiến chung vào thứ Tư của lễ Thánh Giuse này, ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Hôm nay, Đức Thánh Cha bắt đầu một chủ đề mới cho các khán giả: "một số cuộc gặp gỡ được kể lại trong các sách Tin Mừng, để hiểu cách Chúa Giêsu trao ban hy vọng".

Năm Thánh đang diễn ra được dành riêng cho hy vọng, với chủ đề "Những người hành hương của hy vọng".

Cuộc gặp gỡ đầu tiên mà ngài chọn để suy gẫm là Chúa Giêsu với Ni-cô-đi-mô. "Cuộc sống nằm ở khả năng thay đổi để tìm ra một cách mới để yêu thương", Đức Giáo Hoàng nói, và nói thêm, "Tôi chọn bắt đầu với Ni-cô-đi-mô cũng vì ông là một người, bằng chính cuộc sống của mình, cho thấy rằng sự thay đổi này là có thể".

Sau đây là toàn văn bài phát biểu ngắn gọn của ngài.

Với bài giáo lý này, chúng ta sẽ bắt đầu suy gẫm về một số cuộc gặp gỡ được kể lại trong các sách Tin Mừng, để hiểu cách Chúa Giêsu trao ban hy vọng. Thật vậy, đó là những cuộc gặp gỡ soi sáng cuộc sống và mang lại hy vọng. Ví dụ, có thể có người giúp chúng ta nhìn nhận một khó khăn hoặc vấn đề mà chúng ta đang gặp phải theo một góc nhìn khác; hoặc có thể có người chỉ đơn giản nói với chúng ta một lời khiến chúng ta cảm thấy mình không đơn độc trong nỗi đau mà chúng ta đang trải qua. Đôi khi thậm chí có thể có những cuộc gặp gỡ im

lặng, trong đó người ta không nói gì cả, nhưng những khoảnh khắc đó giúp chúng ta quay lại đúng hướng.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên mà tôi muốn xem xét là cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và Ni-cô-đi-mô, được kể lại trong chương 3 của Tin Mừng Gioan. Tôi sẽ bắt đầu với tình tiết này vì Ni-cô-đi-mô là một người đàn ông, với lịch sử của mình, cho thấy rằng có thể thoát khỏi bóng tối và tìm thấy lòng can đảm để theo Chúa Kitô.

Ni-cô-đi-mô đến gặp Chúa Giêsu vào ban đêm: đó là thời điểm bất thường để gặp gỡ. Trong ngôn ngữ của Gioan, các tham chiếu tạm thời thường có giá trị tượng trưng: ở đây, đêm có lẽ ám chỉ những gì trong trái tim của Ni-cô-đi-mô. Ông là một người đàn ông thấy mình trong bóng tối của sự nghi ngờ, trong bóng tối mà chúng ta trải qua khi chúng ta không còn hiểu những gì đang xảy ra trong cuộc sống của mình và không thấy rõ con đường phía trước.

Nếu anh chị em đang ở trong bóng tối, tất nhiên anh chị em sẽ tìm kiếm ánh sáng. Và Gioan, ở phần đầu Tin mừng của mình, đã viết: "Ánh sáng thật, soi sáng mọi người, đã đến thế gian" (1:9). Do đó, Ni-cô-đi-mô tìm kiếm Chúa Giêsu vì ông cảm thấy rằng Người có thể soi sáng bóng tối trong trái tim ông.

Và vì vậy, chúng ta thấy rằng có nhiều sự hiểu lầm trong cuộc đối thoại này, và cũng có rất nhiều sự mĩa mai, đó là đặc điểm của tác giả tin mừng Gioan.

Tuy nhiên, Tin mừng cho chúng ta biết rằng Ni-cô-đi-mô không hiểu ngay những gì Chúa Giêsu nói với ông. Và vì vậy, chúng ta thấy rằng có nhiều sự hiểu lầm trong cuộc đối thoại này, và cũng có rất nhiều sự mĩa mai, đó là đặc điểm của tác giả tin mừng Gioan. Ni-cô-đi-mô không hiểu những gì Chúa Giêsu nói với ông vì ông vẫn tiếp tục suy nghĩ theo luận lý học và phạm trù của riêng mình. Ông là một người có tính cách được xác định rõ ràng; ông có vai trò công khai, ông là một trong những nhà lãnh đạo của người Do Thái. Nhưng có lẽ điều gì đó không còn phù hợp với ông nữa. Ni-cô-đi-mô cảm thấy rằng có điều gì đó không còn hiệu quả trong cuộc sống của ông nữa. Ông cảm thấy cần phải thay đổi, nhưng ông không biết bắt đầu từ đâu.

Điều này xảy ra với tất cả chúng ta trong một số giai đoạn của cuộc sống. Nếu chúng ta không chấp nhận thay đổi, nếu chúng ta khép mình trong sự cứng nhắc, trong thói quen hoặc cách suy nghĩ của mình, chúng ta có nguy cơ chết. Sự sống nằm ở khả năng thay đổi để tìm ra một cách mới để yêu. Thật vậy, Chúa Giêsu nói với Ni-cô-đi-mô về một sự tái sinh, điều này không chỉ có thể, mà thậm chí còn cần thiết tại một số thời điểm trong hành trình của chúng ta. Nói thật, cách diễn đạt được sử dụng trong văn bản đã có tính chất mơ hồ trong chính nó, bởi vì *anōthen* (ἀνωθεν) có thể được dịch là "từ trên cao" hoặc "một lần nữa". Dần dần, Ni-cô-đi-mô sẽ hiểu rằng hai ý nghĩa này đi đôi với nhau: nếu chúng ta để Chúa Thánh Thần tạo ra sự sống mới trong chúng ta, chúng ta sẽ được tái sinh. Chúng ta sẽ khám phá lại sự sống đó, có lẽ đã phai nhạt trong chúng ta.

Tôi chọn bắt đầu với Ni-cô-đi-mô cũng bởi vì ông là một người, bằng chính cuộc sống của mình, cho thấy rằng sự thay đổi này là có thể. Ni-cô-đi-mô có thể làm được điều đó: cuối cùng ông sẽ là một trong những người đến gặp Philatô để xin xác Chúa Giêsu (x. Ga 19:39)! Cuối cùng, Ni-cô-đi-mô đã đến được với ánh sáng, ông được tái sinh và không còn phải thức đêm nữa.

Đôi khi, những thay đổi làm chúng ta sợ hãi. Một mặt, chúng thu hút chúng ta, đôi khi chúng ta mong muốn chúng, nhưng mặt khác, chúng ta lại muốn ở trong sự thoải mái.

Đôi khi, những thay đổi làm chúng ta sợ hãi. Một mặt chúng thu hút chúng ta, đôi khi chúng ta mong muốn chúng, nhưng mặt khác chúng ta muốn ở trong sự thoải mái. Do đó, Chúa Thánh Thần khuyến khích chúng ta đối mặt với những nỗi sợ hãi này. Chúa Giêsu nhắc nhở Ni-cô-đi-mô – một thầy dạy ở Israel – rằng ngay cả Dân Israel cũng sợ hãi khi họ đi trong sa mạc. Và họ tập trung quá nhiều vào những lo lắng của mình đến nỗi tại một thời điểm nào đó, những nỗi sợ hãi đó đã biến thành những con rắn độc (x. Ds 21:4-9). Để được giải thoát, họ phải nhìn vào con rắn đồng mà Mô-sê đã đặt trên một cây sào, nghĩa là họ phải nhìn lên và đứng trước vật thể tượng trưng cho nỗi sợ hãi của họ. Chỉ bằng cách nhìn vào khuôn mặt của thứ khiến chúng ta sợ hãi, chúng ta mới có thể bắt đầu được giải thoát.

Ni-cô-đi-mô, giống như tất cả chúng ta, có thể nhìn vào Đấng bị đóng đinh: Đấng đã đánh bại sự chết, gốc rễ của mọi nỗi sợ hãi của chúng ta. Chúng ta cũng hãy hướng mắt lên Đấng mà họ đã đâm, chúng ta cũng hãy được Chúa Giêsu gặp gỡ. Trong Người, chúng ta tìm thấy hy vọng để đối mặt với những thay đổi trong cuộc sống của mình và được tái sinh.

**Chương Mười Ba: Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy vọng của chúng ta.
Gặp gỡ Người phụ nữ Samari.
(ngày 26/03/2025)**

Mặc dù đang dưỡng bệnh tại Casa Santa Marta, Đức Phanxicô vẫn đã có bài giáo lý soạn sẵn cho buổi tiếp kiến chung ngày 26 tháng 3, với đề tài: Gặp gỡ người phụ nữ Samaria.

Anh chị em thân mến,

Sau khi chiêm niệm về cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giêsu và Nicôđê-mô, người đã đi tìm Chúa Giêsu, hôm nay chúng ta sẽ suy gẫm về những khoảnh khắc mà dường như Người thực sự đang chờ đợi ngay tại đó, tại ngã ba đường trong cuộc sống của chúng ta. Đó là những cuộc gặp gỡ khiến chúng ta ngạc nhiên, và lúc đầu có lẽ chúng ta thậm chí còn hơi do dự; chúng ta cố gắng thận trọng và hiểu những gì đang xảy ra.

Đây có lẽ cũng là kinh nghiệm của người phụ nữ Samaria, được đề cập trong chương bốn của Tin mừng Gioan (so sánh 4:5-26). Cô ấy không mong đợi tìm thấy một người đàn ông ở giếng vào buổi trưa; thực ra cô ấy hy vọng không tìm thấy ai cả. Trên thực tế, cô ấy đi lấy nước từ giếng vào một giờ bất thường, khi trời rất nóng. Có lẽ người phụ nữ này xấu hổ về cuộc sống của mình, có lẽ cô ấy cảm thấy bị phán xét, lên án, không được hiểu, và vì lý do này, cô ấy đã tự cô lập mình, cô ấy đã cắt đứt quan hệ với mọi người.

Để đi đến Galilê từ Giuđêa, Chúa Giêsu sẽ phải chọn một con đường khác và không đi qua Samaria. Con đường đó cũng sẽ an toàn hơn, xét đến mối quan hệ căng thẳng giữa người Do Thái và người Samaria. Thay vào đó, Người muốn đi qua đó, và dừng lại ở giếng đó, đứng vào thời điểm đó! Chúa Giêsu chờ đợi chúng ta và tự để Người được tìm thấy chính khi

chúng ta nghĩ rằng không còn hy vọng nào cho chúng ta nữa. Giếng, ở Trung Đông cổ thời, là nơi gặp gỡ, nơi đôi khi các cuộc hôn nhân được sắp đặt; đó là nơi đính hôn. Chúa Giêsu muốn giúp người phụ nữ này hiểu được nơi tìm thấy câu trả lời thực sự cho mong muốn được yêu của cô.

Chủ đề về mong muốn là nền tảng để hiểu cuộc gặp gỡ này. Chúa Giêsu là người đầu tiên bày tỏ mong muốn của Người: "Hãy cho Ta uống!" (câu 10). Để mở đầu cho một cuộc đối thoại, Chúa Giêsu tỏ ra yếu đuối, để người kia cảm thấy thoải mái, đảm bảo rằng cô ấy không sợ hãi. Khát nước thường là hình ảnh của mong muốn, ngay cả trong Kinh thánh. Nhưng ở đây, Chúa Giêsu trước hết khát khao ơn cứu rỗi cho người phụ nữ. Thánh Augustinô nói rằng "Người đang xin nước uống" "khát khao đức tin của chính người phụ nữ". [1]

Trong khi Nicôđê mô đã đến với Chúa Giêsu vào ban đêm, thì ở đây Chúa Giêsu gặp người phụ nữ Samari vào giữa trưa, thời điểm có nhiều ánh sáng nhất. Đây thực sự là khoảnh khắc mặc khải. Chúa Giêsu cho cô ấy biết Người là Đấng Mê-xi-a và cũng rời sáng lên cuộc đời của Người. Người giúp cô ấy đọc lại lịch sử của cô, một lịch sử phức tạp và đau đớn: cô ấy đã có năm người chồng và hiện đang sống với người thứ sáu không phải là chồng. Con số sáu không phải là ngẫu nhiên, nhưng thường chỉ ra sự không hoàn hảo. Có lẽ đó là ám chỉ đến chú rể thứ bảy, người cuối cùng sẽ thỏa mãn mong muốn được yêu thương thực sự của người phụ nữ này. Và chú rể đó chỉ có thể là Chúa Giêsu.

Khi nhận ra rằng Chúa Giêsu biết cuộc sống của mình, người phụ nữ chuyển câu chuyện sang vấn đề tôn giáo đã chia rẽ người Do Thái và người Samaria. Điều này đôi khi cũng xảy ra với chúng ta khi chúng ta cầu nguyện: tại thời điểm Chúa chạm đến cuộc sống của chúng ta, với những vấn đề của nó, đôi khi chúng ta lạc vào những suy tư khiến chúng ta có ảo tưởng về một lời cầu nguyện thành công. Trên thực tế, chúng ta đã dựng lên những rào cản bảo vệ. Tuy nhiên, Chúa luôn vĩ đại hơn, và đối với người phụ nữ Samaria, người mà theo các giới luật văn hóa, Người thậm chí không nên nói chuyện, Người đã ban cho sự mặc khải cao nhất: Người nói với cô về Chúa Cha, người phải được tôn thờ trong tinh thần và sự thật. Và khi cô, một lần nữa ngạc nhiên, nhận thấy rằng về những điều này tốt hơn là chờ đợi Đấng Mê-xi-a, Người nói với cô: "Ta chính là Đấng đang nói chuyện với chị" (câu 26). Giống như một lời tuyên bố tình yêu: Đấng mà chị đang chờ đợi chính là Ta; Đấng cuối cùng có thể đáp lại mong muốn được yêu của chị.

Vào thời điểm đó, người phụ nữ chạy đi gọi mọi người trong làng, vì sứ mệnh xuất phát chính xác từ trải nghiệm cảm thấy được yêu. Và lời tuyên bố nào mà cô ấy có thể mang lại, nếu không phải là trải nghiệm được hiểu, được chào đón, được tha thứ? Đây là một hình ảnh khiến chúng ta phải suy gẫm về việc tìm kiếm những cách thức mới để truyền giáo.

Giống như một người đang yêu, người Samaria này quên mất chiếc bình đựng nước của mình, để nó dưới chân Chúa Giê-su. Sức nặng của chiếc bình trên đầu cô, mỗi lần cô trở về nhà, nhắc nhở cô về tình trạng của mình, cuộc sống đầy rắc rối của cô. Nhưng giờ đây chiếc bình được để dưới chân Chúa Giê-su. Quá khứ không còn là gánh nặng nữa; cô đã được hòa giải. Và đối với chúng ta cũng vậy: để đi và công bố Tin Mừng, trước tiên chúng ta cần đặt gánh nặng lịch sử của mình dưới chân Chúa, để giao phó cho Người gánh nặng của quá khứ. Chỉ những người đã hòa giải mới có thể mang Tin Mừng.

Anh chị em thân mến, chúng ta đừng mất hy vọng! Ngay cả khi lịch sử của chúng ta có vẻ nặng nề, phức tạp, thậm chí có thể bị hủy hoại đối với chúng ta, chúng ta vẫn luôn có khả năng giao phó nó cho Chúa và bắt đầu lại cuộc hành trình của mình. Thiên Chúa là Đấng nhân từ, và luôn chờ đợi chúng ta!

[1] Bài giảng 15,11.

**Chương Mười Bốn: Năm Thánh 2025. Chúa Giêsu Kitô,
Niềm Hy Vọng của chúng ta. Cuộc gặp gỡ Giakêu.**
(ngày 02/04/2025)

Tòa thánh vừa cho công bố Bài giáo lý soạn sẵn của Đức Phanxicô cho buổi tiếp kiến ngày 2 tháng 4, 2025.

Anh chị em thân mến,

Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục suy gẫm về những cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với một số nhân vật trong Tin mừng. Lần này, tôi muốn tập trung vào Giakêu: một cảnh tượng đặc biệt gần gũi với trái tim tôi, vì nó có một vị trí đặc biệt trong hành trình tâm linh của tôi.

Tin mừng Luca trình bày Giakêu cho chúng ta và một người dường như đã lạc lối không thể cứu vãn. Có lẽ đôi khi chúng ta cũng cảm thấy như vậy: không có hy vọng. Thay vào đó, Giakêu sẽ khám phá ra rằng Chúa đã tìm kiếm ông.

Thực vậy, Chúa Giêsu đã đến Giêricô, một thành phố nằm dưới mực nước biển, được coi là hình ảnh của thế giới ngầm, nơi Chúa Giêsu muốn đi tìm những người cảm thấy mình bị lạc. Và thực tế, Chúa Phục sinh vẫn tiếp tục xuống thế giới ngầm ngày nay, ở những nơi có chiến tranh, trong nỗi đau khổ của những người vô tội, trong trái tim của những người mẹ chứng kiến con mình chết, trong cơn đói của người nghèo.

Theo một nghĩa nào đó, Giakêu đã bị lạc; có lẽ ông đã đưa ra những quyết định sai lầm hoặc có lẽ cuộc sống đã đưa ông vào những tình huống mà ông phải đấu tranh để thoát ra. Thật vậy, Luca nhấn mạnh vào việc mô tả đặc điểm của người đàn ông này: ông không chỉ là một người thu thuế, một người thu thuế từ những người đồng hương của mình cho những kẻ xâm lược La Mã, mà ông còn là thủ lĩnh của những người thu thuế, không hơn không kém, như thể muốn nói rằng tội lỗi của ông đã nhân lên.

Sau đó, Luca nói thêm rằng Giakêu giàu có, ám chỉ rằng ông đã trở nên giàu có trên lưng người khác, lợi dụng địa vị của mình. Nhưng tất cả những điều này đều có hậu quả: Giakêu có lẽ cảm thấy bị mọi người xa lánh, khinh thường.

Khi biết rằng Chúa Giêsu đang đi qua thành phố, Giakêu cảm thấy khao khát được gặp Người. Ông không dám tưởng tượng đến một cuộc gặp gỡ; chỉ cần đứng nhìn Người từ xa là

đủ. Tuy nhiên, mong muốn của chúng ta gặp phải trở ngại và không tự động được thỏa mãn: Giakêu thấp bé! Đó là thực tế của chúng ta: chúng ta có những hạn chế mà chúng ta phải giải quyết. Và rồi có những người khác, đôi khi không giúp chúng ta: đám đông ngăn cản Giakêu gặp Chúa Giêsu. Có lẽ đó là một sự trả thù của họ.

Nhưng khi anh chị em có một mong muốn mạnh mẽ, anh chị em không nản lòng. Anh chị em tìm ra giải pháp. Tuy nhiên, anh chị em cần phải can đảm và không xấu hổ; anh chị em cần một chút gián dị của trẻ con và không lo lắng về hình ảnh của chính mình. Giakêu, giống như một đứa trẻ, trèo lên cây. Đó phải là một điểm quan sát tốt, đặc biệt là để quan sát mà không bị phát hiện, ẩn sau những cành cây.

Nhưng với Chúa, điều bất ngờ luôn xảy ra. Khi đến gần, Chúa Giêsu ngược mắt lên. Giakêu cảm thấy mình đã bị phát hiện và có lẽ đang mong đợi một lời khiển trách công khai. Mọi người có thể đã hy vọng điều đó, nhưng họ đã thất vọng: Chúa Giêsu yêu cầu Giakêu xuống ngay lập tức, gần như ngạc nhiên khi thấy ông trên cây, và nói với ông, "Hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!" (Lc 19:5). Thiên Chúa không đi qua mà không tìm kiếm những người bị lạc.

Luca nhân mạnh niềm vui trong lòng Giakêu. Đó là niềm vui của một người cảm thấy mình đã được nhìn thấy, thừa nhận và trên hết là được tha thứ. Ánh mắt của Chúa Giêsu không phải là ánh mắt khiển trách, mà là lòng thương xót. Đôi khi chúng ta đấu tranh để chấp nhận lòng thương xót đó, đặc biệt là khi Chúa tha thứ cho những người mà theo chúng ta, không xứng đáng. Chúng ta phàn nàn vì chúng ta muốn áp đặt giới hạn cho tình yêu của Chúa.

Trong cảnh ở nhà, Giakêu, sau khi nghe lời tha thứ của Chúa Giêsu, đứng dậy, như thể ông đang sống lại từ cõi chết. Và ông đứng dậy để cam kết: trả lại gấp bốn lần những gì ông đã đánh cắp. Đó không phải là cái giá phải trả, vì sự tha thứ của Chúa là miễn phí, mà đúng hơn là mong muốn noi gương Đấng mà ông cảm thấy được yêu thương. Giakêu cam kết điều mà ông không bị ràng buộc, nhưng ông làm như vậy vì ông hiểu rằng đây là cách ông yêu thương. Và ông làm như vậy bằng cách kết hợp luật pháp La Mã về trộm cắp và luật Do Thái về sám hối. Do đó, Giakêu không chỉ là người ham muốn; ông còn là người biết cách thực hiện các bước thiết thực. Mục đích của ông không phải là chung chung hay trừu tượng, mà bắt nguồn chính xác từ lịch sử của ông: ông nhìn vào cuộc đời mình và xác định điểm bắt đầu sự biến đổi của mình.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy học từ Giakêu để không mất hy vọng, ngay cả khi chúng ta cảm thấy mình bị bỏ rơi hoặc không có khả năng thay đổi. Chúng ta hãy nuôi dưỡng mong muốn được nhìn thấy Chúa Giêsu, và trên hết hãy để lòng thương xót của Chúa tìm thấy chúng ta, Đấng luôn tìm kiếm chúng ta, trong bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta có thể bị lạc vào.

Chương Mười Lăm: Cách để được hạnh phúc (ngày 09/04/2025)

Dựa trên lời kể trong Tin mừng về "Người thanh niên giàu có", Đức Giáo Hoàng Phanxicô xem xét điều gì đang ngăn cản chúng ta đến với hạnh phúc.

Mặc dù sức khỏe của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã cải thiện ổn định, nhưng ngài vẫn chưa tỏ

chức các buổi tiếp kiến công khai vào thứ Tư với các tín hữu. Tuy nhiên, giống như những tuần trước, bài suy gẫm của Người đã được Vatican công bố.

Ngày 9 tháng 4 này, Người tiếp tục chủ đề hiện tại của các bài nói chuyện: Những câu chuyện Tin mừng về các cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu và hy vọng nảy sinh từ đó.

Hôm nay, bài suy gẫm của ngài là về "người thanh niên giàu có", điều này đã dẫn Đức Giáo Hoàng đến một bài suy gẫm về hạnh phúc, hiểu tình yêu là thứ được ban tặng một cách tự do và đại dịch cô đơn hiện nay.

Sau đây là bản dịch sang Việt ngữ dựa vào bản tiếng Anh của Vatican:

Chu kỳ Giáo lý: Năm Thánh 2025-Chúa Giêsu Ki-tô Niềm Hy vọng của chúng ta. Đời sống của Chúa Giêsu. Các cuộc gặp gỡ. Người Thanh niên Giàu có. Chúa Giêsu nhìn anh ta (Mc 10:21).

Anh chị em thân mến,

Hôm nay chúng ta sẽ xem xét một cuộc gặp gỡ khác của Chúa Giêsu, được thuật lại trong các sách Tin mừng. Tuy nhiên, lần này, người được gặp không có tên. Thánh sử Máccô mô tả anh đơn giản là "*một người đàn ông*" (10:17). Anh là một người đàn ông đã tuân giữ các điều răn từ khi còn trẻ nhưng mặc dù vậy, anh vẫn chưa tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời mình. Anh đang tìm kiếm nó. Có lẽ anh là người vẫn chưa thực sự quyết định, mặc dù anh có vẻ là một người tận tụy. Thật vậy, ngoài những việc chúng ta làm, những hy sinh và thành công của chúng ta, điều thực sự quan trọng để được hạnh phúc là những gì chúng ta mang trong trái tim. Nếu một con tàu phải giương buồm và rời cảng để ra khơi, thì đó có thể là một con tàu tuyệt vời, với một thủy thủ đoàn đặc biệt, nhưng nếu nó không kéo vật nặng và các mỏ neo lên, thì nó sẽ không bao giờ có thể rời đi. Người đàn ông này đã tự biến mình thành một con tàu xa hoa, nhưng anh vẫn ở lại bên cảng!

Khi Chúa Giêsu đi qua phố, anh này chạy đến, quỳ xuống trước mặt Người và hỏi: "Thưa Thầy nhân lành, *tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời?*" (câu 17). Hãy lưu ý các động từ: "tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời". Vì việc tuân giữ Luật pháp không mang lại cho anh hạnh phúc và sự an toàn khi được cứu rỗi, nên anh quay sang Chúa Giêsu là Thầy. Điều đáng chú ý là người đàn ông này không biết từ vựng của tính cho không! Mọi thứ dường như đều phải được nợ. Mọi thứ đều là bổn phận. Đối với anh, sự sống đời đời là một gia tài, một thứ có được bằng quyền, thông qua việc tuân thủ chặt chẽ các cam kết. Nhưng trong một cuộc sống được sống theo cách này, mặc dù chắc chắn là vì mục đích tốt, thì tình yêu có thể có chỗ nào?

Như thường lệ, Chúa Giêsu vượt ra ngoài vẻ bề ngoài. Trong khi một mặt, người đàn ông này trình bày trước Chúa Giêsu lý lịch đẹp đẽ của mình, Chúa Giêsu vượt ra ngoài và nhìn vào bên trong. Động từ mà Máccô sử dụng rất có ý nghĩa: "*nhìn vào anh*" (câu 21). Chính xác là vì Chúa Giêsu nhìn vào bên trong mỗi người chúng ta, Người yêu chúng ta như chúng ta thực sự là. Thật vậy, Người sẽ nhìn thấy điều gì bên trong người này? Chúa Giêsu nhìn thấy điều gì khi Người nhìn vào bên trong mỗi người chúng ta và yêu thương chúng ta, bất chấp những

xao lãng và tội lỗi của chúng ta? Người nhìn thấy sự mong manh của chúng ta, nhưng cũng nhìn thấy mong muốn được yêu thương như chúng ta là.

Động từ mà Mác-cô sử dụng rất có ý nghĩa: “nhìn vào anh ta” (câu 21). Chính vì Chúa Giêsu nhìn vào bên trong mỗi người chúng ta, nên Người yêu thương chúng ta như chúng ta thực sự là.

Tin mừng nói rằng khi nhìn vào anh, Người “*yêu thương anh*” (câu 21). Chúa Giêsu yêu thương người đàn ông này trước khi Người thậm chí đưa ra lời mời gọi đi theo Người. Người yêu thương anh như anh là. Tình yêu của Chúa Giêsu là vô điều kiện: hoàn toàn trái ngược với luận lý công trạng đã bao trùm người này. Chúng ta thực sự hạnh phúc khi nhận ra mình được yêu thương theo cách này, một cách tự do, bởi ân sủng. Và điều này cũng áp dụng cho các mối quan hệ giữa chúng ta: chừng nào chúng ta cố gắng mua tình yêu hoặc cầu xin tình cảm, thì những mối quan hệ đó sẽ không bao giờ khiến chúng ta cảm thấy hạnh phúc.

Đề xuất mà Chúa Giêsu đưa ra cho người đàn ông này là thay đổi cách sống và mối quan hệ của anh với Chúa. Thật vậy, Chúa Giêsu nhận ra rằng bên trong anh, cũng như trong tất cả chúng ta, có điều gì đó đang thiếu. Đó là khát khao được yêu thương mà chúng ta mang trong lòng. Có một vết thương thuộc về chúng ta với tư cách là con người, vết thương mà qua đó tình yêu đi qua. Để vượt qua sự thiếu hụt này, chúng ta không cần phải “mua” sự công nhận, tình cảm, sự quan tâm: thay vào đó, chúng ta cần phải “bán đi” mọi thứ đang đè nặng lên chúng ta, để làm cho trái tim chúng ta được tự do hơn. Không cần phải tiếp tục lấy cho riêng mình, mà thay vào đó là cho người nghèo, cung cấp, chia sẻ.

Cuối cùng, Chúa Giêsu mời gọi người đàn ông này đừng ở lại một mình. Người mời gọi anh theo Người, ở trong một môi trường buộc, sống một mối quan hệ. Thật vậy, chỉ bằng cách này, chúng ta mới có thể thoát khỏi sự vô danh của mình. Chúng ta chỉ có thể nghe thấy tên mình trong một mối quan hệ, trong đó có ai đó gọi chúng ta. Nếu chúng ta ở lại một mình, chúng ta sẽ không bao giờ nghe thấy tên mình được gọi, và sẽ tiếp tục là “*người đàn ông*” đó, vô danh. Có lẽ ngày nay, chính vì chúng ta sống trong một nền văn hóa tự cung tự cấp và chủ nghĩa cá nhân, chúng ta thấy mình bất hạnh hơn vì chúng ta không còn nghe thấy tên mình được gọi bởi một người yêu thương chúng ta một cách tự do nữa.

Người đàn ông này không chấp nhận lời mời của Chúa Giêsu và ở lại một mình, vì gánh nặng của cuộc đời giữ anh ở lại bên cạnh. Nỗi buồn của anh là dấu hiệu cho thấy anh vẫn chưa thể rời đi. Đôi khi, những gì chúng ta nghĩ là sự giàu có thực ra chỉ là gánh nặng đang kìm hãm chúng ta. Hy vọng là người này, giống như mỗi người chúng ta, sớm muộn gì cũng sẽ thay đổi và quyết định ra khơi.

Anh chị em thân mến, chúng ta hãy trao phó cho Trái tim Chúa Giêsu tất cả những người đang buồn bã và do dự, để họ có thể cảm nhận được ánh mắt yêu thương của Chúa, Đấng cảm động khi nhìn vào chúng ta một cách dịu dàng.

Chương Mười Sáu: Dụ ngôn Người con hoang đàng

Ngày 16/04/2025

Theo Kathleen N. Hattrup của tạp chí Aleteia, xuất bản ngày 16/04/25, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thay đổi một chút chủ đề của các bản văn vào buổi yết kiến thứ Tư, không tập trung vào các tường thuật trong Tin mừng về những cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu của những tuần trước.

Trong khi sức khỏe của Đức Giáo Hoàng đang có tiến triển tốt và ngài đã xuất hiện trước công chúng nhiều lần (mặc dù ngắn ngủi), ngài vẫn chưa có buổi tiếp kiến công khai vào thứ Tư với các tín hữu. Tuy nhiên, giống như những tuần trước, bài phát biểu của ngài đã được Vatican công bố.

Thay đổi một chút so với trọng tâm của những tuần trước về các tường thuật trong Tin mừng về những cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu và cách hy vọng nảy sinh từ đó, ngày 16 tháng 4 năm nay, ngài bắt đầu xem xét các dụ ngôn của Chúa Giêsu và cách chúng mang lại hy vọng.

Ngài bắt đầu bằng cách xem xét Dụ ngôn Người con hoang đàng (hay như Đức Gioan Phaolô II đã gọi là Dụ ngôn Người cha thương xót). Ngài lưu ý rằng người con "vàng lòi" là người có nguy cơ bị loại khỏi bữa tiệc.

Anh chị em thân mến,

Sau khi suy gẫm về những cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với một số nhân vật trong Tin mừng, tôi muốn dừng lại, bắt đầu bằng bài giáo lý này, về một số dụ ngôn. Như chúng ta đã biết, đây là những câu chuyện lấy cảm hứng từ hình ảnh và tình huống trong thực tế hàng ngày. Đó là lý do tại sao chúng cũng tác động đến cuộc sống của chúng ta. Chúng khiêu khích chúng ta. Và chúng yêu cầu chúng ta đưa ra quan điểm: tôi đang ở đâu trong câu chuyện này?

Chúng ta hãy bắt đầu với dụ ngôn nổi tiếng nhất, dụ ngôn mà có lẽ tất cả chúng ta đều nhớ từ khi còn nhỏ: dụ ngôn về người cha và hai người con (Lc 15:1-3, 11-32). Trong đó chúng ta tìm thấy trọng tâm của Tin mừng Chúa Giêsu, cụ thể là lòng thương xót của Thiên Chúa.

Thánh sử Luca kể rằng Chúa Giêsu kể dụ ngôn này cho những người Pharisiêu và kinh sư, những người than thở việc Người ăn uống với những người tội lỗi. Đây là lý do tại sao có thể nói rằng đây là câu chuyện ngụ ngôn dành cho những người lạc lối nhưng không biết điều đó và phán xét người khác.

Tin mừng có mục đích mang đến cho chúng ta sứ điệp hy vọng, vì nó cho chúng ta biết rằng bất cứ nơi nào chúng ta bị lạc lối, và bất kể chúng ta bị lạc lối như thế nào, thì Thiên Chúa luôn luôn tìm kiếm chúng ta! Có lẽ chúng ta đã đi lạc như một con chiên, lạc khỏi đường đi ăn cỏ, hoặc bị tụt lại phía sau vì mệt mỏi (x. Lc 15:4-7). Hoặc có thể chúng ta đã bị lạc như một đồng xu, có lẽ đã rơi xuống đất và không còn tìm thấy nữa, hoặc ai đó đã để nó ở đâu đó và không thể nhớ ra. Hoặc có thể chúng ta cũng lạc lối như hai người con trai của người cha này: người con út vì cảm thấy mệt mỏi khi phải ở trong một mối quan hệ mà anh cảm thấy quá khắt khe; nhưng người con cả cũng bị lạc lối, vì ở nhà thôi thì chưa đủ nếu trong lòng còn lòng kiêu hãnh và oán giận.

Tình yêu luôn là một sự cam kết, luôn có điều gì đó chúng ta phải mất đi để có thể đến với nhau. Nhưng người con thứ trong câu chuyện ngụ ngôn chỉ nghĩ đến bản thân mình, điều

thường xảy ra trong một số giai đoạn của thời thơ ấu và tuổi thiếu niên. Trên thực tế, chúng ta cũng thấy xung quanh mình rất nhiều người lớn cũng giống như vậy, những người không thể duy trì mối quan hệ vì họ ích kỷ. Họ tự lừa dối mình rằng họ sẽ tìm thấy chính mình nhưng thay vào đó họ lại đánh mất chính mình, bởi vì chỉ khi chúng ta sống vì ai đó thì chúng ta mới thực sự sống.

Cậu con trai út này, giống như tất cả chúng ta, khao khát tình cảm, cậu muốn được yêu thương. Nhưng tình yêu là một món quà quý giá; cần phải xử lý cẩn thận. Ngược lại, anh ta phung phí nó, coi thường nó, không tôn trọng chính mình. Ông nhận ra điều này vào thời kỳ đôi kém, khi không ai quan tâm đến ông. Nguy cơ là trong những khoảnh khắc đó, chúng ta sẽ cầu xin tình âu yếm và gắn bó với ông chủ đầu tiên mà chúng ta tình cờ gặp.

Chính những trải nghiệm này khiến chúng ta có niềm tin sai lệch rằng chúng ta chỉ có thể ở trong một mối quan hệ như những người đầy tớ, như thể chúng ta phải chuộc lại tội lỗi hoặc như thể tình yêu đích thực không thể tồn tại. Thật vậy, người con trai út, khi chạm đến đáy vực, nghĩ rằng mình sẽ quay về nhà cha để lượm một chút tình cảm vụn vặt từ mặt đất.

Chỉ có những người thực sự yêu thương chúng ta mới có thể giải thoát chúng ta khỏi quan điểm sai lầm này về tình yêu. Trong mối quan hệ với

Chúa ơi, chúng ta có chính xác trải nghiệm này. Họa sĩ vĩ đại Rembrandt, trong một bức tranh nổi tiếng, đã mô tả một cách tuyệt đẹp cảnh đứa con hoang đang trở về. Có hai chi tiết đặc biệt khiến tôi chú ý: đầu của chàng trai trẻ được cạo trọc, giống như đầu của một người ăn năn, nhưng cũng giống như đầu của một đứa trẻ, bởi vì đứa con này đang được tái sinh. Và sau đó là đôi bàn tay của người cha: một bàn tay nam và một bàn tay nữ, để mô tả sức mạnh và sự dịu dàng trong vòng tay tha thứ.

Nhưng chính người con cả mới là người đại diện cho những người mà câu chuyện ngụ ngôn này được kể: anh ta là người con luôn ở nhà với cha mình, nhưng lại xa cách cha mình, xa cách trong trái tim. Người con trai này có thể cũng muốn rời đi, nhưng vì sợ hãi hoặc bồn phận, anh ta vẫn ở lại đó, trong mối quan hệ đó. Tuy nhiên, khi bạn không muốn thích nghi, bạn bắt đầu nuôi dưỡng sự tức giận bên trong mình, và sớm muộn gì cơn tức giận này cũng bùng nổ. Nghịch lý thay, chính người con cả cuối cùng lại có nguy cơ bị bỏ rơi, bởi vì anh ta không chia sẻ niềm vui với cha mình.

Người cha cũng tiến về phía anh ta. Ngài không trách móc hay gọi ông đến làm bồn phận. Ngài chỉ muốn ông cảm nhận được tình yêu của Ngài. Ngài mời ông bước vào và để cánh cửa mở. Cửa sổ vẫn mở cho chúng ta nữa. Thật vậy, đây chính là lý do để hy vọng: chúng ta có thể hy vọng vì chúng ta biết rằng Chúa Cha đang chờ đợi chúng ta, Ngài nhìn thấy chúng ta từ xa, và Ngài luôn để cánh cửa mở.

Anh chị em thân mến, vậy thì chúng ta hãy tự hỏi mình đang ở đâu trong câu chuyện tuyệt vời này. Và chúng ta hãy cầu xin Chúa Cha ban ơn để chúng ta cũng có thể tìm được đường trở về nhà.